TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS. PTS. Trần Ngọc Hiên	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ủy viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, ủy viên
GS. PTS. Phạm Xuân Nam	Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, ủy viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản chính trị quốc gia, ủy viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, ủy viên

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP
TẬP 22
(THÁNG GIÊNG 1890 - THÁNG TÁM 1895)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2002

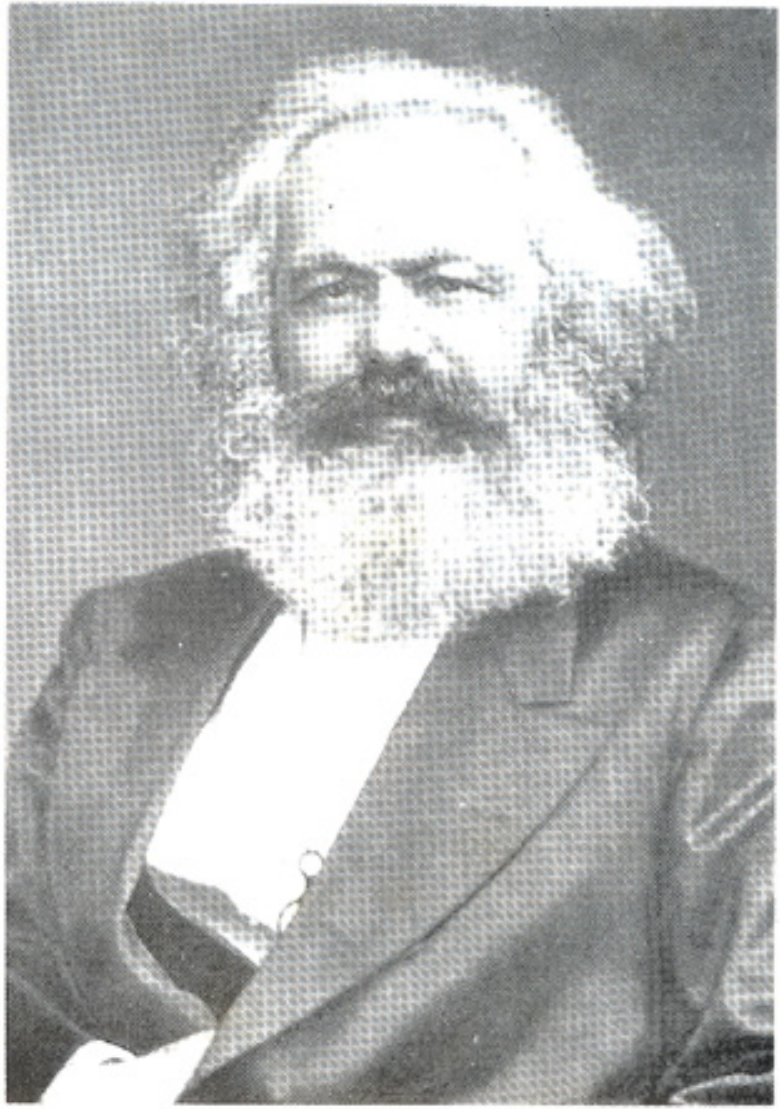

Karl Marx

F. Engels

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 22 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen gồm các bài viết của Ph.Ăng-ghen trong những năm 1890-1895, những năm cuối cùng của đời ông.

Qua các bài viết in trong tập này, Ph.Ăng ghen chỉ rõ đặc trưng của những năm cuối thế kỷ XIX là: chủ nghĩa tư bản đang chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; các cường quốc tư bản chủ nghĩa tăng cường xâm chiếm thuộc địa, bóc lột và bần cùng hoá quần chúng nhân dân lao động; giai cấp vô sản thế giới đang trong quá trình tập hợp lực lượng để bước vào trận chiến đấu mới; nội bộ phong trào công nhân quốc tế có những biểu hiện của sự phân liệt... Trong bối cảnh đó, Ph.Ăng-ghen không những tuyên truyền mà còn bảo vệ học thuyết khoa học của C.Mác chống lại sự xuyên tạc và tấn thường hoá của các thế lực thù địch.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, tập 22 do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1962. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 6-1995

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NHỮNG CUỘC BẦU CỬ NĂM 1890 Ở ĐỨC[1]

Những ai đã theo dõi sự phát triển chính trị ở nước Đức trong thời gian mười năm gần đây thì không thể nghi ngờ rằng trong cuộc tổng tuyển cử năm 1890, Đảng Dân chủ – xã hội Đức sẽ giành được thắng lợi lớn. Năm 1878 những người xã hội chủ nghĩa Đức đã phải chịu sự ộp ép của đạo luật đặc biệt[2] rất khắt khe. Trên cơ sở đạo luật ấy, tất cả các tờ báo của họ đã phải đóng cửa, các cuộc hội họp bị cấm hoặc bị giải tán, các tổ chức của họ bị phá hoại, bất cứ một ý đồ nhỏ nào định khôi phục các tổ chức ấy cũng đều bị truy nã với lý do tựa hồ các tổ chức ấy là những "tổ chức bí mật". Kết quả các phiên tòa là các đảng viên đã bị kết án tổng cộng hơn một nghìn năm tù. Mặc dầu vậy, những người xã hội chủ nghĩa bằng con đường bất hợp pháp, vẫn hàng tuần đều đặn phát hành được gần mười nghìn bản tờ báo "Sozialdemokrat"[3], cơ quan ngôn luận của mình, in ở nước ngoài, và hàng nghìn cuốn sách mỏng. Họ đã đưa được các đại biểu của mình vào nghị viện Đức (chín đại biểu) và vào nhiều cơ quan chính quyền thành phố, kể cả Béc-lin. Lực lượng của Đảng mạnh lên là một điều hiển nhiên ngay cả đối với những kẻ thù hung ác nhất của Đảng.

Tuy thế, kết quả mà những người xã hội chủ nghĩa đã đạt được hôm 20 tháng Hai là bất ngờ đối với ngay cả những người lạc quan nhất trong số họ. Họ đã giành được hai mươi mốt ghế, tức là trong hai mươi khu vực bầu cử thì những người xã hội

chủ nghĩa đã tỏ ra mạnh hơn tất cả các đảng phái khác hợp lại, 58 nơi sẽ bầu lại, điều đó có nghĩa là trong năm mươi tám khu vực bầu cử những người xã hội chủ nghĩa hoặc trở thành đảng mạnh nhất, hoặc là mạnh thứ hai trong số các đảng đã đưa người ra ứng cử, và những cuộc bầu mới chắc chắn sẽ giải quyết dứt khoát sự tranh chấp giữa hai ứng cử viên thu được nhiều phiếu nhất nhưng không thu được đa số tuyệt đối. Còn nói về tổng số những người dồn phiếu cho những người xã hội chủ nghĩa thì chúng ta chỉ có thể thống kê một cách gần đúng thôi. Năm 1871 những người xã hội chủ nghĩa thu được không quá 102000 phiếu, năm 1877 – 493000 phiếu, năm 1884 – 550000 phiếu; năm 1887 – 763000 phiếu, năm 1890 họ có thể thu được không dưới 1250000 phiếu và có thể hơn thế rất nhiều. Lực lượng của Đảng trong khoảng ba năm trời đã tăng thêm ít nhất là 60 – 70 phần trăm.

Năm 1887 chỉ có ba đảng là thu được phiếu của trên một triệu cử tri: những người thuộc Đảng tự do – dân tộc – 1678000 phiếu, Đảng Trung tâm hay là Đảng Thiên chúa giáo–1516000 phiếu và những người thuộc Đảng bảo thủ– 1147000 phiếu[4]. Lần này Đảng Trung tâm giữ được vị trí của mình, Đảng Bảo thủ mất khá nhiều phiếu, còn Đảng tự do – dân tộc thì bị mất một số lớn cử tri. Như vậy là những người xã hội chủ nghĩa, tính theo số cử tri, vẫn còn bị Đảng Trung tâm vượt, nhưng đến lượt mình thì họ đã hoặc là hoàn toàn ngang với những người thuộc Đảng tự do – dân tộc và Đảng Bảo thủ, hoặc thậm chí còn vượt cả những người thuộc đảng này cũng như những người thuộc đảng kia nữa.

Cuộc tuyển cử lần này đã tạo ra một cuộc cách mạng thật sự trong tình hình các đảng phái ở Đức. Nó đã thực sự mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử của nước Đức. Nó đánh dấu sự bắt

đầu cáo chung của thời kỳ Bi-xmác. Tình hình hiện nay là như vậy.

Bằng những sắc lệnh về luật thợ thuyền và về hội nghị quốc tế bàn về những vấn đề lao động, Vin-hem trẻ tuổi đã thoát khỏi sự giám hộ của người thầy của ông ta là Bi-xmác[5]. Bi-xmác cho rằng khôn ngoan hơn cả là để cho ông chủ trẻ tuổi của mình có đầy đủ quyền tự do hành động và yên tâm chờ đợi, cho đến khi Vin-hem II với cái lá bài thích thú của mình – làm ra vẻ là bạn của thợ thuyền – lâm vào tình trạng khó xử; thì lúc đó đối với Bi-xmác chính là thời cơ thuận lợi nhất để nhúng tay vào như là deus ex machina[1*]. Lần này Bi-xmác không tỏ ra quá lo lắng về chuyện cuộc bầu cử đã diễn ra như thế nào. Cái nghị viện ương bướng, cái nghị viện đáng phải giải tán một khi vị hoàng đế trẻ tuổi vừa mới để lộ ra sự sai lầm của mình, hẳn là có ích cho ngay cả Bi-xmác nữa, còn thắng lợi quan trọng của những người xã hội chủ nghĩa thì có thể giúp cho ông ta đề ra một khẩu hiệu thích hợp và dâng cái khẩu hiệu đó cho đất nước khi thời cơ giải tán nghị viện đã đến. Và bây giờ thì vị thủ tướng quỷ quyệt đã thực sự nắm được các nghị viện mà không một ai có thể thắng được. Vin-hem II sẽ rất nhanh chóng thấy rõ ràng trong cương vị của ông ta và với tâm trạng hiện nay trong các giới quý tộc địa chủ và tư sản, thì ông ta không có khả năng thực hiện, dù chỉ là một phần rất nhỏ, những ý định mà ông ta đã đưa ra trong các bản sắc lệnh; trong lúc đó thì cuộc tuyển cử đã khiến cho ông ta phải thấy rằng giai cấp công nhân Đức sẽ tiếp nhận tất cả những gì mà ông ta có thể đưa ra cho họ, chỉ như là một sự trả nợ dần, chứ họ không chịu nhượng bộ một

1* – nghĩa đen: "vị thần từ chiếc máy hiện ra" (trong nhà hát cổ đại, các nghệ sĩ đóng vai thần thánh, khi xuất hiện trên sân khấu phải nhờ đến những cỗ máy đặc biệt); nghĩa bóng – một nhân vật xuất hiện bất thần để giải nguy

tí nào về những nguyên tắc và những yêu cầu của họ, và họ không hề giảm bớt sự đối lập của họ đối với chính phủ, cái chính phủ chỉ có thể tồn tại nhờ vào sự nô dịch đại đa số nhân dân lao động.

Như vậy là chẳng bao lâu nữa sẽ xảy ra cuộc xung đột giữa hoàng đế với nghị viện; các đảng phái cạnh tranh với nhau sẽ đổ lên đầu những người xã hội chủ nghĩa tất cả tội lỗi về tình hình đã xảy ra, một khẩu hiệu bầu cử mới đã có sẵn sẽ xuất hiện và lúc đó Bi-xmác, đọc xong những lời răn bảo ông chủ và ông thầy của mình một cách thích đáng, sẽ can thiệp và giải tán nghị viện.

Nhưng sau đó Bi-xmác sẽ thấy rằng tình thế đã thay đổi. Công nhân xã hội chủ nghĩa đã trở nên hùng mạnh hơn, kiên quyết hơn bất cứ lúc nào trước đó. Bi-xmác đã không bao giờ có thể trông cậy vào giới quý tộc. Giới quý tộc luôn luôn cho ông ta là một con người phản bội chủ nghĩa bảo thủ chân chính và sẵn sàng tống khứ ông ta một khi hoàng đế đã muốn từ bỏ ông ta. Chỗ dựa chính của Bi-xmác là giai cấp tư sản, nhưng giai cấp tư sản cũng không còn tin tưởng ông ta nữa. Cuộc cãi vã nhỏ có tính chất gia đình giữa Bi-xmác với hoàng đế đã trở thành công khai. Cuộc cãi vã ấy nói lên rằng Bi-xmác đã không còn là kẻ nắm được mọi quyền lực nữa và hoàng đế thì không được bảo đảm tránh khỏi những hành động lố lăng nguy hiểm. Ai trong hai người sẽ có được lòng tin của người phi-li-xtanh tư sản Đức? Con người khôn ngoan trở thành bất lực còn kẻ có sức mạnh thì lại hóa ra khờ dại. Và, trên thực tế, lòng tin vào sự bền vững của trật tự được lập ra năm 1871, cái lòng tin ấy của giai cấp tư sản Đức là rất vững chắc, khi ông Vin-hem già còn trị vì, Bi-xmác còn cầm quyền, Môn-tơ-kê còn cầm đầu quân đội,– lòng tin ấy nay đã mất đi và sẽ mãi mãi mất đi. Gánh nặng thuế khóa tăng, giá sinh hoạt đắt đỏ do việc đánh thuế quan một cách vô lý vào tất cả các thứ hàng nhập khẩu, vào thực

phẩm cũng như sản phẩm công nghiệp, chế độ quân dịch nặng nề không sao chịu nổi, sự lo âu, sợ hãi thường xuyên đối với chiến tranh, một cuộc chiến tranh trên phạm vi toàn châu Âu, lúc mà từ bốn đến năm triệu người Đức đang được đặt trong tình trạng sẵn sàng chiến tranh – tất cả những cái đó đã phát huy tác dụng của chúng làm cho người nông dân, người buôn bán nhỏ và thợ thuyền, thực tế là toàn dân tộc, mỗi lúc một xa lìa chính phủ, chỉ trừ có một bộ phận nhỏ, những người thu được lợi nhuận của các tổ chức độc quyền do nhà nước lập ra. Người ta đã phải chịu đựng tất cả những cái đó như Môn-tơ-kê một cái gì không thể tránh khỏi, lúc mà Vin-hem già, Môn-tơ-kê và Bi-xmác thành lập nên một chính phủ tay ba có vẻ như là không ai đánh thắng nổi. Nhưng bây giờ Vin-hem già đã chết, Môn-tơ-kê về hưu, còn Bi-xmác thì phải làm việc với một vị hoàng đế trẻ. Bi-xmác đã phát triển tính hiếu danh vô hạn độ của vị hoàng đế này và vì vậy, hoàng đế tự cho mình là một Phri-đrích Đại đế thứ hai, nhưng thực ra ông ta chỉ là một con người tự mãn và rỗng tuếch, khao khát muốn vứt bỏ cái ách của viên thủ tướng của mình và do đó mà trở thành một thứ đồ chơi trong tay những kẻ âm mưu ở chốn cung đình. Trong tình thế như vậy nhân dân sẽ không thể chịu đựng nhẫn nhục dưới cái ách quá sức nặng nề ấy được nữa. Lòng tin trước kia vào sự vững chắc của tình thế đã biến mất. Sự phản kháng mà trước đây hầu như vô hy vọng thì bây giờ đã trở thành tất yếu. Bởi vậy, nếu như cái nghị viện ấy tỏ ra là ương bướng thì cái nghị viện tiếp theo sau nó sẽ vượt hẳn nó về phương diện ấy.

Như vậy rõ ràng là Bi-xmác đã tính sai cái nước cờ của ông ta. Nếu như ông ta giải tán nghị viện thì ngay cả cái spectre rouge[1*] – cái khẩu hiệu chống những người xã hội chủ nghĩa – cũng sẽ không giúp gì cho ông ta. Tuy nhiên ông ta có được một cái

1* – bóng ma đỏ

phẩm chất không thể nghi ngờ – đó là nghị lực không gì kìm lại được. Nếu ông ta dốc nó ra thì ông ta có thể khiêu khích một cuộc khởi nghĩa và có thể thí nghiệm một hành động "đổ máu" không lớn. Nhưng ông ta cũng đừng vì vậy mà quên rằng ít nhất thì một nửa số những người xã hội chủ nghĩa Đức đã từng tham gia quân đội. Ở đó họ đã học được cái kỷ luật cho đến nay đã giúp họ chống trả lại bất kỳ mưu toan nào nhằm khiêu khích họ bạo động. Ngoài ra họ còn học được đôi điều khác nữa trong quân đội.

Viết vào khoảng giữa 21 tháng Hai đến 1 tháng Ba 1890
Đã đăng trên báo "Newcastle Daily Chronicle" ngày 3 tháng Ba 1890 và đăng có sửa đổi chút ít trên báo "Berliner Volksblatt" số 81, ngày 6 tháng Tư 1890

Theo đúng bản đăng trên báo "Newcastle Daily Chronicle"
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu trên tạp chí "Những vấn đề lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô", số 6, năm 1960

TIẾP THEO SẼ LÀ GÌ?[6]

Hai mươi tháng Hai 1890 là bắt đầu sự cáo chung của thời đại Bi-xmác. Liên minh của những đại địa chủ và bọn đầu sỏ tài chính để bóc lột quần chúng nhân dân Đức – bởi vì cái các-ten[7] đó chính là một liên minh như vậy chứ không phải là một cái gì khác – đã thu được kết quả của nó. Thuế rượu, tiền lãi xuất khẩu đường, thuế lúa mỳ và thịt đã chuyển hàng triệu bạc từ trong túi nhân dân sang túi bọn đại địa chủ, các thứ thuế bảo hộ đánh vào các sản phẩm công nghiệp được đưa ra chính vào lúc mà nền công nghiệp Đức, bằng sức lực của bản thân mình và trong những điều kiện buôn bán tự do, đã giành được cho mình một địa vị trên thị trường thế giới, các thứ thuế đưa ra rõ ràng chỉ nhằm làm cho người chủ xưởng có thể bán hàng hóa của mình trong nước với giá độc quyền, còn bán ra nước ngoài thì với giá rẻ mạt; toàn bộ cái hệ thống thuế gian thu dồn cả lên đầu các tầng lớp nhân dân nghèo khổ nhất và hầu như không động chạm gì đến bọn nhà giàu, gánh nặng thuế khoá tăng vọt để thanh toán các món chi phí vũ trang không ngừng lớn lên; cùng với việc tăng cường vũ trang là nguy cơ ngày càng tăng của một cuộc chiến tranh thế giới đang đe dọa "làm ngã xuống" từ bốn đến năm triệu người Đức, bởi vì việc xâm chiếm An-da-xơ-Lo-ren-nơ, đẩy nước Pháp vào vòng tay nước Nga và do đó biến nước Nga thành trọng tài phân xử công việc châu Âu; tệ hối lộ mục nát chưa từng thấy đang ngự trị trong ngành báo chí, và dựa vào đó, cứ mỗi lần đến kỳ bầu cử mới vào nghị viện,

chính phủ lại tung ra trước công chúng hàng tràng những tin đồn kinh hoàng thất thiệt; sở cảnh sát thối nát thì dùng hối lộ hoặc bạo lực để buộc vợ phải phản bội chồng, con phản bội cha, hệ thống khiêu khích hầu như chưa từng có ở Đức; sự chuyên quyền của cảnh sát đã vượt xa sự chuyên quyền ở các thời kỳ trước năm 1848, các tòa án Đức trước hết là tòa án đế chế tôn quí trắng trợn chà đạp lên bất cứ luật pháp nào, dựa vào đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, người ta đã biến toàn bộ giai cấp công nhân thành một giai cấp không có quyền – tất cả những cái đó trước đây đã xảy ra và thời kỳ đó đã kéo dài khá lâu do sự hèn nhát của những kẻ phi-li-xtanh ở Đức, nhưng giờ đây cái đó phải kết thúc. Đa số những kẻ tổ chức nên cái các-ten kia đã bị đập tan, hơn nữa đã bị đập tan một cách dứt khoát, không sao cứu vãn được, thành thử chỉ có một phương sách để tổ chức nó lại, hơn nữa chỉ có một thời điểm nhất định nào đó thôi – ấy là làm đảo chính.

Tiếp theo sẽ là gì? Tổ chức lại một khối đa số mới để ủng hộ chế độ cũ ư? Ồ, điều đó thì người ta hẳn rất muốn và không chỉ trong các giới thuộc chính phủ mà thôi đâu. Trong số những kẻ thuộc phái tự do tư tưởng[8] còn có không ít những tên hèn nhát sẵn sàng gia nhập vào cái các-ten đó còn hơn là để cho những người xã hội – dân chủ đầy ác tâm vượt lên. Những ước mơ về sự hoạt động của chính phủ đã từng bị chôn vùi cùng với Phri-đrích III nay lại từ trong quan tài trồi dậy. Nhưng chính phủ không thể sử dụng những kẻ theo phái tự do được, – những người này *hiện thời đang còn* chưa trưởng thành để liên minh với những tên đại địa chủ miền đông En-bơ, mà đó lại chính là giai cấp quan trọng nhất trong đế chế!

Còn phái Trung tâm thì sao? Và trong đó lại cũng có không ít bọn đại địa chủ, bọn ở Ve-xtơ-pha-li, bọn ở Ba-vi-e v.v., những bọn này nóng lòng muốn bắt tay thân thiện với những anh em của mình

ở miền Đông En-bơ và rất hào hứng tán thành những khoản thuế có lợi cho bọn đại địa chủ. Trong hàng ngũ phái Trung tâm cũng có khá nhiều bọn tư sản phản động có tham vọng đi lùi lại còn xa hơn là chính phủ muốn. Bọn này tưởng rằng chúng có thể một lần nữa ràng buộc chúng ta trong khuôn phép của thời trung cổ. Số là phái Thiên chúa giáo đặc thù, cũng như bất cứ phái Cơ Đốc giáo đặc thù nào, không thể không phải là phản động được. Thế thì vì sao trong trường hợp này với phái Trung tâm lại không thể có các-ten mới?

Vì một điều đơn giản là, trên thực tế, sự thống nhất của phái Trung tâm không phải dựa trên đạo Thiên chúa, mà là dựa trên *sự thù ghét đối với người Phổ*. Phái Trung tâm gồm toàn là những phần tử thù địch với nước Phổ. Các phần tử này tất nhiên là đặc biệt mạnh trong các vùng theo đạo Thiên chúa: nông dân, tư sản nhỏ và các thợ thuyền ven sông Ranh, những người Đức ở miền Nam, những người theo đạo Thiên chúa vùng Ha-nô-vơ-rơ và Ve-xtơ-pha-li. Xung quanh phái Trung tâm tụ họp tất cả những phần tử tư sản và nông dân khác bài Phổ: những đảng viên Ven-phơ và những phần tử theo chủ nghĩa phân lập khác, những người Ba Lan, những người An-đa-xơ[9]. Cái ngày mà phái Trung tâm trở thành đảng nắm chính quyền thì nó sẽ bị phân ra làm hai cánh: cánh đại địa chủ – phường hội phản động và cánh nông dân – dân chủ. Và các vị thuộc cánh thứ nhất hiểu rằng bây giờ họ không còn phải ra mắt các cử tri của mình nữa. Dẫu sao thì mưu toan như vậy cũng được tiến hành, và đa số phái Trung tâm sẽ sẵn sàng thực hiện mưu toan ấy. Mà điều đó sẽ chỉ có lợi cho chúng ta. Đảng Thiên chúa giáo chuyên bài Phổ chính bản thân nó là sản phẩm của thời đại Bi-xmác, là con đẻ của sự thống trị đặc biệt Phổ. Nền thống trị Phổ sụp đổ thì cái sản phẩm do chính nó đẻ ra cũng không tránh khỏi sụp đổ.

Như vậy, sự liên minh tạm thời giữa phái Trung tâm và chính

phủ là có khả năng. Nhưng phái Trung tâm không phải là các phần tử quốc gia tự do, ngược lại, đó là đảng đầu tiên trở thành kẻ chiến thắng qua cuộc đấu tranh với Bi-xmác, dẫn Bi-xmác đến lâu đài Ca-nốt-xa[10]. Do đó, ở đây các-ten hoàn toàn bị loại trừ, mà như vậy thì Bi-xmác hầu chỉ có thể sử dụng một các-ten mới.

Tiếp theo nữa sẽ là gì? Giải tán nghị viện, tuyển cử mới, một trò chơi khiếp sợ trước phong trào xã hội – dân chủ ư ? Cơ hội để làm việc đó đã lỡ mất rồi. Nếu Bi-xmác muốn làm việc đó thì ông ta, không nên dù trong chốc lát cãi vã với vị hoàng đế mới của mình, lại càng không nên rêu rao khắp nơi về cái xích mích đó.

Khi ông Vin-hem già còn sống, thì trước con mắt người phi-li-xtanh Đức cái chính quyền tay ba – Bi-xmác, Môn-tơ-ke, Vin-hem – là vững vàng không gì lay chuyển nổi. Nhưng bây giờ Vin-hem đã đi vào cõi hư không, Môn-tơ-kê thì bị người ta tống khứ đi, còn Bi-xmác thì đang lung lay, đang chờ đợi lúc người ta yêu cầu ra đi, hoặc là tự mình ra đi. Còn ngài Vin-hem trẻ lên kế vị ông vua già thì qua thời gian cầm quyền ngắn ngủi của ông, mà đặc biệt là qua những sắc lệnh nổi tiếng của mình, ông ta đã chứng tỏ rằng người phi-li-xtanh có cỡ trong giai cấp tư sản không thể mảy may tin cậy vào ông ta và ông ta không muốn để bất cứ một người nào điều khiển mình. Người được kẻ phi-li-xtanh tin tưởng đã không còn nắm chính quyền, còn người đang nắm chính quyền trong tay thì kẻ phi-li-xtanh không thể tin tưởng được. Lòng tin cũ vào tính vĩnh hằng của cơ cấu bên trong đế chế được tạo nên vào năm 1871 đã mất đi và không một sức mạnh nào trên thế giới còn có thể phục hồi lại nó được nữa. Cái chỗ dựa cuối cùng của nền chính trị trước đây là người phi-li-xtanh đã bị lung lay. Liệu trong những điều kiện ấy việc giải tán nghị viện có thể giúp được gì không?

Đảo chính ư? Nhưng đảo chính không chỉ cởi trói cho nhân dân, mà còn giải phóng các vương công bị lệ thuộc vào đế chế khỏi nghĩa vụ phải tuân thủ cái hiến pháp đế chế mà cuộc đảo chính này lật đổ; đảo chính sẽ có nghĩa là sự sụp đổ của đế chế.

Chiến tranh ư? Khởi sự nó thì dễ. Nhưng chấm dứt như thế nào một khi cuộc chiến tranh đã bắt đầu, thì không thể lường trước được. Nếu Crê-đút-xơ vượt qua Ca-lít hoặc Vin-hem vượt sông Ranh thì nó sẽ hủy hoại cả một vương quốc bao la. Nhưng là vương quốc của ai? Của chính mình hay là của kẻ thù? Chính hòa bình còn được giữ gìn chỉ là nhờ vào cuộc cách mạng không ngừng trong lĩnh vực kỹ thuật chiến tranh, – một cuộc cách mạng không cho phép ai coi mình là sẵn sàng cho chiến tranh, và hòa bình được giữ gìn cũng là do sự khiếp sợ phổ biến trước những khả năng hoàn toàn không thể tính trước được của một cuộc chiến tranh thế giới – một cuộc chiến tranh duy nhất mà chỉ giờ đây mới có thể xảy ra.

Chỉ có một điều có thể giúp được: một cuộc khởi nghĩa do những phương sách tàn bạo của chính phủ gây nên và bị đàn áp một cách tàn bạo gấp đôi gấp ba, tình trạng giới nghiêm khắp nơi và những cuộc tuyển cử mới trong hoàn cảnh khiếp sợ bao trùm. Nhưng điều đó cũng chỉ có thể trì hoãn sự diệt vong được vài năm thôi. Tuy nhiên đó là thủ đoạn duy nhất, và chúng ta biết rằng Bi-xmác là thuộc loại người xem tất cả mọi thủ đoạn đều tốt cả. Hơn nữa há chẳng phải Vin-hem đã tuyên bố: chỉ hơi chút chống đối là ta sẽ hạ lệnh bắn ngay tại chỗ tất cả đó sao? Và vì thế mà thủ đoạn ấy chắc sẽ được áp dụng.

Những người công nhân – dân chủ xã hội Đức vừa giành được một thắng lợi rực rỡ, thắng lợi mà họ giành được chính là nhờ tính kiên định và tinh thần tự chủ của mình, nhờ kỷ luật sắt của mình, nhờ tính chấm biếm sáng khoái và dẻo tính chiến đấu của mình, nhờ tính bền bỉ dẻo dai của mình. Nhưng chiến thắng ấy rõ ràng là bất ngờ đối với chính bản thân họ, nó cũng làm cho cả thế giới ngạc nhiên. Với tính tất yếu của một quá trình

tự nhiên, số phiếu bầu của những người dân chủ – xã hội tăng lên qua mỗi lần tuyển cử mới; bạo lực, sự chuyên quyền của cảnh sát, sự đê tiện của tòa án – tất cả đều chỉ là uổng công, vô ích. Tiến về phía trước, đội ngũ tấn công không ngừng lớn mạnh ngày một tiến nhanh về phía trước – và đấy, đội ngũ ấy giờ đây đang đứng trước chúng ta, đó là cái đáng mạnh vào hàng thứ hai trong dế chế. Như vậy phải chăng những người công nhân Đức tự mình sẽ làm hỏng công việc, nếu họ dấn mình vào cuộc đào chính vô vọng chỉ để cứu vãn Bi-xmác ra khỏi nơi hiểm họa ? Chính vào lúc mà sự kết hợp thuận lợi của những hoàn cảnh bên ngoài tạo điều kiện cho sự phát huy lòng dũng cảm vốn có của họ – mà lòng dũng cảm đó là cao hơn mọi lời động viên -, lúc mà tất cả những điều kiện xã hội và chính trị tất yếu là có lợi cho những người dân chủ xã hội, lúc mà ngay tất cả những kẻ thù của họ cũng buộc phải hành động có lợi cho đảng dân chủ – xã hội, tựa hồ lấy cái đó để trả công cho họ, – phải chăng chính ngay lúc ấy chúng ta lại lìa bỏ kỷ luật và tinh thần tự chủ, và chúng ta lại tự mình chộp lấy cái thanh gươm mà chúng ta đã đặt xuống hay sao? Không, điều đó không thể có được. Đạo luật chống lại những người xã hội chủ nghĩa đã là những bài học rất tốt đối với công nhân chúng ta, trong đội ngũ của chúng ta có rất nhiều những người cựu binh, mà trong họ thì lại có rất nhiều những người đã thấu hiểu rằng phải đặt súng lên chân mà chờ đợi dưới làn đạn trái phá khi giờ phút tấn công chưa đến.

Viết vào khoảng giữa 21 tháng Hai đến 1 tháng Ba 1890
Đã đăng trên báo "Der Sozialdemokrat" số 10, ngày 8 tháng Ba 1890 và đăng trên báo "Arbeiter – Zeitung", số 11, ngày 14 tháng Ba – 1890
Ký tên: Phri-đích Ăng-ghen

In theo bản đăng trên báo "Der Sozialdemokrat", có đối chiếu với bản in trên báo "Arbeiter-Zeitung"
Nguyên văn là tiếng Đức

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHẾ ĐỘ NGA HOÀNG[11]

Viết vào khoảng tháng Chạp 1889 đến tháng Hai 1890 (bản tiếng Anh hoàn thành vào tháng Ba 1890)
Bản dịch tiếng Nga đã đăng trong tạp chí "Người dân chủ – xã hội", quyển 1 và 2, tháng Hai và tháng Tám 1890. Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" số 5, tháng Năm 1890 và bản dịch tiếng Anh của tác giả đã đăng trong tạp chí "Time", tháng Tư và tháng Năm 1890
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" có đối chiếu với bản dịch tiếng Anh
Nguyên văn là tiếng Đức

I

Chúng tôi, Đảng công nhân Tây Âu[1*], rất quan tâm đến chiến thắng của Đảng cách mạng Nga.

Trước tiên, là vì đế quốc Nga Sa hoàng là thành trì chính, là trận địa dự bị và đồng thời là đội quân hậu bị của lực lượng phản động châu Âu; bởi vì chỉ riêng sự tồn tại thụ động của nó, đối với chúng tôi, cũng đã là một sự đe dọa và một hiểm họa.

Thứ hai, là vì – chính thời điểm này, chúng tôi, về phía mình, cũng còn chưa nhấn mạnh được đầy đủ – với sự can thiệp thường xuyên của nó vào công việc của phương Tây, đế chế ấy kìm hãm và ngăn trở tiến trình phát triển bình thường của chúng ta và làm việc đó với mục đích giành lấy cho mình, những vị trí địa dư đảm bảo cho đế chế ấy thống trị châu Âu và bằng cách đó làm cho giai cấp vô sản châu Âu không thể chiến thắng[2*].

Công lao của Các Mác là ở chỗ, ông là người đầu tiên, vào

1* Trong bản tiếng Anh đăng trên tạp chí "Time" thay cho những chữ "Chúng tôi. Đảng công nhân Tây Âu" là những chữ "Không chỉ những người xã hội chủ nghĩa, mà mỗi đảng tiến bộ trong bất cứ một quốc gia nào ở Tây Âu".

2* Trong bản tiếng Anh, thay cho những chữ "làm cho giai cấp vô sản châu Âu không thể chiến thắng" là những chữ: "dưới gót sắt của *quốc vương* thì bất kỳ một khả năng tiến bộ nào cũng đều bị tiêu diệt".

năm 1848 đã chỉ ra và từ bấy đến nay đã nhiều lần nhấn mạnh rằng chính vì nguyên nhân đó mà Đảng công nhân Tây Âu buộc phải đấu tranh quyết tử với chế độ Sa hoàng. Với cùng tinh thần ấy, giờ đây, tôi chỉ tiếp tục công việc của người bạn đã quá số của tôi, hoàn thành những gì mà ông chưa thực hiện được[1*].

1* Trong bản tiếng Anh, thay cho đoạn này là cả một đoạn dài sau đây: "Ở Anh không thể viết về chính sách đối ngoại của nước Nga mà không đồng thời nhắc đến tên tuổi của Da-vít Uốc-các-tơ. Trong suốt năm mươi năm trời ông đã làm việc không mệt mỏi để làm sao giới thiệu cho đồng bào của mình những mục đích và những phương pháp ngoại giao của Nga — đối tượng mà ông đã nghiên cứu rất sâu sắc, và cái phần thưởng duy nhất dành cho toàn bộ sự cố gắng của ông là ở chỗ ông đã trở thành người bị chế diễu và mang tiếng là con người gàn rồ. Thật vậy, những kẻ phi-li-xtanh bình thường vẫn gọi như vậy những ai cứ nói đi nói lại mãi những điều khó chịu, dù cho những điều ấy là rất quan trọng. Tuy nhiên Uốc-các-tơ đã căm ghét những kẻ phi-li-xtanh mà không hiểu thấu bản chất của họ, cũng không hiểu thấu tính tất yếu lịch sử của sự tồn tại của họ trong thời đại hiện nay, nên ông đã thất bại. Bản thân ông-người mà về sau đã là đảng viên Đảng bảo thủ thuộc phái già, ông đã thấy được rằng cho đến bây giờ ở Anh chỉ có những đảng viên Đảng bảo thủ là chống lại nước Nga một cách có hiệu quả, và rằng hành động của những người theo chủ nghĩa tự do ở Anh và ở nước ngoài, cũng như toàn bộ phong trào cách mạng trên lục địa thường là chỉ nhằm làm lợi cho cường quốc ấy,-đã cho rằng để chống lại có hiệu quả những sự can thiệp của nước Nga thì nhất thiết cần phải là những người theo Đảng bảo thủ (hoặc là người Thổ Nhĩ Kỳ) và rằng mỗi một người theo chủ nghĩa tự do, mỗi người cách mạng đều là hữu ý hay vô tình, trở thành công cụ của nước Nga. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống khoa ngoại giao của nước Nga đã khiến Uốc-các-tơ tin chắc rằng nền ngoại giao của nước Nga là vạn năng, rằng thật ra thì nó là nhân tố chủ động duy nhất của lịch sử hiện đại, còn tất cả các chính phủ khác đều chỉ là những công cụ thụ động nằm trong tay nó, thành thử — nếu như không có sự đánh giá quá cao của ông ta về sức mạnh của Thổ Nhĩ Kỳ thì không thể nào hiểu được tại sao nền ngoại giao vạn năng của nước Nga ấy đã từ lâu không chinh phục Công-xtăng-ti-nô-plơ. Như vậy là trong khi tìm cách quy toàn bộ lịch sử hiện đại, kể từ cách mạng Pháp, thành vấn đề ngoại giao giữa Nga và

Và cả trong số những nhà cách mạng Nga đôi khi cũng bộc lộ ra là tương đối ít hiểu về mặt ấy của lịch sử của nước Nga. Điều đó, trước tiên, là do ở chính nước Nga vấn đề nói trên chỉ được coi như là một huyền thoại quan phương mà thôi, và thứ hai là rất nhiều người coi thường chính phủ Nga hoàng đến nỗi họ xem chính phủ ấy không có năng lực làm bất cứ hành động hợp lý nào; không có năng lực một phần do tính hạn chế của nó, một phần do nạn tham nhũng. Điều đó chắc là đúng trong lĩnh vực đối nội. Ở đây sự bất lực của chế độ Nga hoàng là hoàn toàn rõ ràng. Nhưng cần phải biết không chỉ những mặt yếu, mà còn phải biết cả những mặt mạnh của kẻ thù nữa. Mà chính sách đối ngoại thì chắc chắn là một lĩnh vực trong đó chế độ Nga hoàng mạnh, rất mạnh. Nền ngoại giao Nga tạo nên một loại hội dòng Tên hiện đại của nó, một tổ chức đủ hùng mạnh để, nếu cần thiết, thì có thể khắc phục ngay cả những thói đòng đành của Nga hoàng và tệ tham nhũng trong giới quan lại của chính nó để rồi càng phổ biến tệ ấy rộng thêm ra xung quanh. Thoạt tiên cái hội dòng Tên ấy tập hợp phần lớn là những người ngoại

Thổ Nhĩ Kỳ, trong đó các quốc gia châu Âu khác đóng vai quân tốt đen của nước Nga, Uốc-các-tơ đã phải tự mạo nhận là một nhà tiên tri của phương Đông tuyên bố một cách trịnh trọng không phải là về những sự kiện lịch sử bình thường mà là về một học thuyết bí mật thần bí bằng lời lẽ huyền bí và bóng bẩy của khoa ngoại giao, cái học thuyết đầy những lời ám chỉ về những sự kiện không những không mấy ai biết đến mà còn chưa chắc đã hoàn toàn xác thực nữa; còn với tính cách là thủ đoạn có ích và đúng đắn để chống lại ưu thế của nền ngoại giao Nga đối với nền ngoại giao Anh thì ông đề nghị khôi phục lại cách làm trước đây là đưa các vị bộ trưởng ra tòa về tội phản bội quốc gia và thay nội các bằng viện cơ mật. Uốc-các-tơ là một con người có nhiều công lao to lớn và, thêm vào đó, là một người Anh rất tế nhị; nhưng các nhà ngoại giao Nga thì hoàn toàn có thể nói rằng: "Si M. Urquhart n'existait pas, il faudrait l'inventer [Nếu như ngài Uốc-các-tơ không có thực thì cần phải nặn ra ông ta]"

quốc: những người đảo Coóc-xơ, ví dụ như Pốt-xô-đi-Boóc-gô, những người Đức như Nê-xen-rô-đe, những người Đức ven biển Ban-tích như là Li-ven và ngay cả người sáng lập ra cái hội đó là Ê-ca-tê-ri-na II cũng là một người ngoại quốc nốt.

Bọn quý tộc Nga lớp trên cũ còn có rất nhiều lợi ích trăn tục, lợi ích riêng và lợi ích gia đình. Bọn đó chẳng khác người ở lòng tin cậy tất nhiên cần phải có để phục vụ trong hội mới ấy. Mà vì không thể buộc bọn quý tộc phải từ chối quyền sở hữu cá nhân và từ chối việc lấy vợ, lấy chồng như các linh mục dòng Tên của các công giáo, nếu lúc đầu người ta chỉ giao cho chúng những chức vụ thứ yếu cũng như những chức vụ có liên quan đến các cơ quan đại diện, liên quan đến việc phục vụ ở các đại sứ quán v.v., rồi bằng cách đó mà đào tạo dần một trường phái các nhà ngoại giao của đất nước. Cho đến nay chỉ có *một* người Nga chính cống là Goóc-tra-cốp là giữ được một chức vụ cao trong cái hội ấy, còn người kế tục ông ta là Phôn Ghi-xơ lại là người mang tên họ nước ngoài.

Chính cái hội bí mật ấy, cái hội thoạt tiên tập hợp từ những kẻ phiêu lưu nước ngoài, cũng đã nâng đế chế Nga lên đến sự hùng mạnh ngày nay của nó. Với tính kiên định sắt đá, không ngừng theo đuổi mục đích đã định, không dừng lại trước bất cứ sự phản trắc, sự phản bội, sự giết chóc bí mật, sự quỵ luỵ nào, không lung lay trước bất cứ sự mua chuộc nào, không say sưa trước những thắng lợi, không nản chí trước những thất bại, đạp phăng qua hàng triệu xác lính và ít nhất đạp phăng qua xác chết của một vị sa hoàng, – bọn này, một bọn người bất lương bao nhiêu thì tài giỏi bấy nhiêu, đã góp phần, nhiều hơn tất cả các đạo quân của nước Nga, vào việc mở rộng biên giới nước Nga từ sông Đni-e-prơ và sông Đvi-na qua bên kia sông Vi-xla, đến sông Prút, sông Da-nuýp và Hắc Hải; từ sông Đông và sông Vôn-ga qua Cáp-ca-đơ đến tận nguồn Ốc-xu-xơ và Giắc-xác-tơ.

Bìa của tờ "Người dân chủ - xã hội" trong đó có đăng chương I bài của Ph.Ăng-ghen "Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng"

Bọn này góp phần làm thế nào để cho nước Nga trở nên vĩ đại, hùng cường, đáng sợ và mở ra cho nước Nga con đường thống trị thế giới. Nhưng bằng cách đó chúng cũng có chính quyền sa hoàng cả ở trong nước. Dưới con mắt của công chúng yêu nước bình thường thì vinh quang của những chiến thắng liên tiếp giành được, sự hùng mạnh và sự lộng lẫy bề ngoài của chế độ sa hoàng vượt trội tất cả những tội lỗi của nó, tất cả sự chuyên quyền, sự bất công và độc đoán của nó; tính khoác lác kiêu căng sô-vanh chủ nghĩa đền bù quá mức cho những trận đòn. Và điều đó xảy ra trên mức độ càng lớn khi những nguyên nhân thực tế và những chi tiết của những thành công ấy càng ít được biết đến ở nước Nga khi chúng được thay thế bằng câu chuyện huyền thoại quan phương, như điều đó cũng đã xảy ra ở khắp mọi nơi (ví dụ như ở Pháp và ở Phổ), do các chính phủ có thiện ý tiến hành vì lợi ích của thần dân nước mình, vì để động viên cổ vũ chủ nghĩa yêu nước của họ. Vì vậy mà người Nga, nếu như anh ta là người sô-vanh, thì chống hay chầy rồi cũng sẽ qùy xuống trước chế độ sa hoàng như chúng ta đã thấy trong thí dụ của Ti-khô-mi-rốp.

Thế nhưng, bằng cách nào mà một bọn người phiêu lưu như vậy lại có thể có ảnh hưởng to lớn đến thế đối với tiến trình lịch sử châu Âu? Rất đơn giản. Họ không sáng tạo ra được một cái gì mới mẻ cả, họ đã lợi dụng một cách đúng đắn tình thế sẵn có mà thôi. Tất cả những thành công của nền ngoại giao Nga đều dựa trên một cơ sở vật chất rất cụ thể.

Chúng ta thử nhìn lại nước Nga hồi giữa thế kỷ trước. Ngay từ hồi đó nó đã chiếm một lãnh thổ bao la với một dân cư hoàn toàn thuần nhất về mặt chủng tộc. Dân cư thưa thớt, nhưng đã phát triển nhanh, do đó, chỉ một quãng thời gian ngắn đã đảm bảo phát triển sự hùng cường của đất nước. Dân cư ấy đã ở trong tình trạng trì trệ về tinh thần, bị mất hết mọi sáng kiến, nhưng trong khuôn khổ lối sống cổ truyền của mình thì rất thích

hợp để làm mọi việc, dân cư ấy có sức chịu đựng dẻo dai, dũng cảm, biết lắng nghe, có khả năng vượt qua mọi gian lao khổ ải và thiếu thốn, nó đã cung cấp những đội quân ưu tú cho những cuộc chiến tranh thời ấy, khi mà khối quần chúng dày đặc quyết định kết cục của trận đánh. Bản thân đất nước giáp với Châu Âu chỉ bằng mối một biên giới phía Tây và vì vậy mà chỉ dễ bị xâm phạm về phía đó. Nước ấy không có một cái trung tâm nào mà nếu chiếm được thì có thể buộc nó phải ký kết hòa bình, nước ấy hầu như tuyệt đối khó bị xâm chiếm do thiếu đường sá, lãnh thổ kéo dài và nghèo. Một nước như vậy là một trận địa hùng mạnh vững chắc đối với ai biết sử dụng nó, từ đó thực hiện ở châu Âu, mà không bị trừng phạt, những điều có thể lôi kéo bất kỳ một chính phủ nào khác vào những cuộc chiến tranh vô cùng tận.

Nước Nga mạnh mẽ và hầu như kiên cố trong phòng ngự lại đồng thời yếu kém trong tiến công. Tập hợp, tổ chức, vũ trang và điều quân trong nước gặp phải những trở ngại lớn, và thêm vào tất cả những khó khăn về vật chất còn có cái tệ ăn hối lộ vô hạn độ của các công chức và các sĩ quan. Tất cả những mưu toan nhằm làm cho nước Nga có được khả năng tiến công trên một quy mô lớn, cho đến nay, đều bị thất bại, và có lẽ là ngay cả cái mưu toan gần đây nhất nhằm thi hành nghĩa vụ quân sự phổ biến[12] cũng bị hoàntoàn thất bại. Có thể nói rằng ở đây những trở ngại lớn lên hầu như tỷ lệ bình phương với số quần chúng cần phải được tổ chức lại, đó là chưa kể đến một điều là với số thị dân ít ỏi như thế, thì không thể kiếm được một số lượng rất lớn sĩ quan cần thiết lúc này. Chỗ yếu đó không bao giờ là một điều bí mật đối với giới ngoại giao Nga, vì vậy nó luôn luôn cố hết sức tránh các cuộc chiến tranh và chỉ dùng đến chiến tranh như là thủ đoạn cuối cùng, hơn nữa chỉ trong những điều kiện đặc biệt thuận lợi. Nước Nga chỉ tổ chức những cuộc chiến tranh khi nào các đồng minh của mình phải chịu lấy những gánh nặng cơ bản, đưa toàn bộ lãnh thổ đã trở thành chiến trường của họ

tới chỗ bị tàn phá và đẩy đa số quần chúng ra lính, trong lúc đó thì các đội quân Nga đóng vai trò hậu bị quân, ít bị tổn thương trong số lớn các trận chiến đấu, nhưng trong tất cả các trận đánh lớn thì giành được cái vinh dự quyết định kết cục cuối cùng của cuộc chiến, mà tương đối ít phải hy sinh ví dụ như trong cuộc chiến tranh 1813 -1815[13]. Nhưng chiến tranh không phải luôn luôn diễn ra trong những điều kiện có lợi như vậy, và vì thế mà giới ngoại giao Nga lợi dụng những quyền lợi mâu thuẫn và lòng tham của các cường quốc khác vào những mục đích của mình, xúi giục các cường quốc ấy đánh nhau và khai thác trong những mối quan hệ thù địch giữa các cường quốc ấy những gì có lợi cho chính sách mà nước Nga theo đuổi. Dù khiếp sợ và dù nguy hiểm, chế độ Nga hoàng cũng đã phải tiến hành chiến tranh nhưng chỉ để chống các đối thủ đã thừa biết là yếu như người Thụy Điển, người Thổ Nhĩ Kỳ, người I-ran và trong trường hợp ấy thì Nga hoàng không phải chia chiến lợi phẩm của mình cho bất cứ ai cả.

Song, chúng ta trở lại với nước Nga năm 1760. Láng giềng của cái nước thuần nhất và kiên cố ấy chủ yếu là các nước mà về bề ngoài hoặc trên thực tế đang lâm vào tình trạng suy yếu, đang tiến đến chỗ suy tàn và, vì vậy mà các nước đó trở thành một cái matière à conquêtes[1*] thực sự. Ở phía Bắc là Thụy Điển, sự hùng mạnh và uy tín của nước đó thực ra đã bị tổn thất do việc Sác-lơ XII mưu toan can thiệp vào nước Nga, với mưu toan đó Sác-lơ XII đã làm hại Thụy Điển và càng khẳng định nước Nga là một thành trì vững chắc. Ở phía Nam là người Thổ Nhĩ Kỳ và những người triều cống họ, những người Tác-ta ở vùng biển Crưm thì chỉ còn như là những tàn tích của một sự vĩ đại trong quá khứ; sức mạnh tấn công của người Thổ Nhĩ Kỳ đã bị bẻ gẫy

1* — đối tượng để xâm chiếm

từ 100 năm về trước, sức mạnh phòng ngự của họ tuy còn đáng kể nhưng cũng đã bị giảm sút; bằng chứng rõ nhất của sự hèn yếu đó là những nỗi lo sợ bắt đầu nổi lên trong những người theo đạo Cơ Đốc mà họ chinh phục được: người Xla-vơ, người Ru-ma-ni, người Hy Lạp, đó là những người chiếm đa số dân cư trên bán đảo Ban-căng. Những người theo đạo Cơ Đốc đó hầu như chỉ theo tôn giáo chính thống Hy Lạp và như vậy họ là những người đồng đạo với người Nga, mà trong số họ thì người Xla-vơ -người Xéc-bi và người Bun-ga-ri - lại cũng là những người đồng chủng tộc với người Nga. Vì vậy mà nước Nga chỉ cần tuyên bố mục đích của mình là bảo vệ giáo hội chính thống đang bị áp bức và bảo vệ người Xla-vơ đang bị nô dịch, mà thực chất là sự chinh phục được che đậy bằng ngôn từ giải phóng thì như vậy là về cơ bản ở đây sự chinh phục đã chuẩn bị xong xuôi. Cũng giống y như thế ở miền Nam, từ Cáp-ca-dơ dưới sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ là những quốc gia nhỏ theo đạo Cơ Đốc và những người Ác-mê-ni-a theo đạo Cơ Đốc mà đối với họ thì Nga hoàng có thể tự tuyên bố mình là "người đi giải phóng". Chính ở đây, ở miền Nam, kẻ đi chinh phục tham lam còn bị quyến rũ bởi một thứ chiến lợi phẩm không tìm đâu thấy trên đất Châu Âu, đó là: thủ đô cổ kính của đế quốc La Mã phương Đông, một chính quốc của nhà thờ chính thống toàn thế giới, một cái thành phố mà chỉ cần cái tên gọi bằng tiếng Nga của nó Công-xtăng-ti-nô-plơ – Xa-rơ-grát cũng đã đủ biểu thị cho sự thống trị phương Đông và cho quyền lực của người nắm chính quyền ở đó trong con mắt của những người Cơ Đốc giáo phương Đông.

Xa-rơ-grát với tư cách là thủ đô thứ ba của nước Nga, đứng ngang hàng với Mát-xcơ-va và Pê-téc-bua – điều đó không chỉ có nghĩa là sự thống trị về tinh thần đối với thế giới Cơ Đốc giáo phương Đông, mà còn là giai đoạn quyết định đối với việc thiết

lập sự thống trị ở Châu Âu. Điều đó cũng có nghĩa là sự thống trị hoàn toàn ở các miền Hắc Hải, Tiểu Á, bán đảo Ban-căng. Điều đó có nghĩa là chỉ cần Sa hoàng muốn thì Hắc Hải có thể bị đóng cửa ngay lập tức đối với tất cả các thương thuyền và các hạm đội quân sự, trừ các hạm đội của Nga; có nghĩa là vùng biển đó trở thành bến cảng quân sự của Nga, và là nơi tham diễn quân sự riêng của hạm đội Nga, cái hạm đội mà ở bất cứ lúc nào cũng có thể từ vị trí hậu bị vững chắc ấy tiến hành những cuộc đột kích qua vịnh Bô-xpho đã được bố phòng cẩn mật và lại trở về ẩn nấp vào trong các bến cảng này. Lúc bấy giờ nước Nga chỉ còn lại có một việc là, trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập một nền thống trị như vậy ở vịnh Dun-đơ và hai vịnh Ben-tơ – và thế là về phía biển nước Nga đã trở thành bất khả xâm phạm.

Thống trị được bán đảo Ban-căng tức là chuyển biên giới nước Nga đến tận biển A-đri-a-tích. Nhưng cái biên giới ấy ở phía Tây – Nam sẽ không vững chắc nếu không có sự di chuyển tương ứng toàn bộ biên giới phía Tây của nước Nga, nếu không có sự bành trướng lớn lao cái phạm vi thống trị của nó. Mà điều kiện ở đây thì cơ hồ là còn thuận tiện hơn nhiều.

Trước hết là Ba Lan. Nước cộng hòa quý tộc dựa trên sự cướp bóc và đàn áp nông dân ấy đang lâm vào hoàn cảnh rối loạn hoàn toàn. Hiến pháp của nước này làm cho nó không thực hiện được bất cứ một hành động nào chung cho toàn dân tộc và do đó mà nó đã dễ dàng biến quốc gia mình thành con mồi cho các nước lắng giềng. Từ đầu thế kỷ XVIII, theo như cách diễn đạt của chính người Ba Lan, nước Ba Lan đã lâm vào tình trạng rối loạn (Polska nierzadem stoi); các đội quân nước ngoài liên tiếp xâm chiếm khắp nước hoặc tràn qua Ba Lan. Ba Lan bị chúng biến thành một cái quán trọ, một nơi tạm trú (karczma zajezdna, như người Ba Lan đã nói) mà theo thường lệ thì chúng quên mất cái chuyện trả tiền thuê. Chính Pi-ốt Đại đế đã thường xuyên

cướp phá Ba Lan. Những người kế vị ông ta chỉ có việc đến đó mà khai thác chiến lợi phẩm. Và để làm việc đó chúng thường lấy cớ, ví dụ, như "nguyên tắc dân tộc"[14]. Ba Lan không phải là một quốc gia đồng nhất. Trong thời kỳ, lúc mà nước Đại Nga bị lâm vào ách thống trị của Mông Cổ, thì Bê-lô-ru-xi-a và Tiểu Nga đã tự bảo vệ được mình khỏi nạn xâm lược từ châu Á nhờ liên kết với cái gọi là công quốc Li-tốp-xcơ. Công quốc ấy về sau đã tự nguyện sáp nhập với Ba Lan [15]. Từ lúc ấy, do trình độ văn minh của Ba Lan cao hơn, giai cấp quý tộc Bê-lô-ru-xi-a và Tiểu Nga bị Ba Lan đồng hóa rất mạnh, nhưng đến thế kỷ XVI, khi mà ở Ba Lan bị thống trị bởi bọn theo hội dòng Tên thì những người Nga là thần dân Ba Lan theo chính giáo buộc phải liên kết với nhà thờ công giáo La Mã. Điều đó tạo cho các vua chúa Bê-lô-ru-xi-a cái cớ đang mong đợi để thực hiện ý đồ xâm chiếm lãnh thổ của cựu vương quốc Li-tốp-xcơ xem như là chiếm lại một khu vực của dân tộc Nga đang bị Ba Lan áp bức, tuy nhiên, theo như ý kiến của Mi-clô-sích, một nhà nghiên cứu về dân tộc Xla-vơ nổi tiếng thì mặc dầu ít nhất những người Tiểu Nga cũng không phải giản đơn là nói bằng một trong các thổ ngữ của Nga, mà nói bằng một ngôn ngữ hoàn toàn độc lập; một cái cớ khác để can thiệp là, họ lấy tư cách những người đi bảo vệ chính đạo, đứng ra giành quyền lợi cho các tín đồ chính thống trong giáo hội hợp nhất [16], mặc dầu đã từ lâu các tín đồ này đã chấp nhận vị thế của mình trong giáo hội công giáo La Mã.

Tiếp theo Ba Lan là một nước khác, có lẽ cũng dứt khoát sẽ đi đến tình trạng hoàn toàn suy tàn – đó là nước Đức. Kể từ thời chiến tranh Ba mươi năm, đế quốc Đức La Mã chỉ là một quốc gia hữu danh vô thực. Chính quyền của các lãnh chúa càng ngày càng tiến tới chỗ giành chủ quyền tuyệt đối. Họ có quyền không tuân theo ý muốn của hoàng đế. Ở Đức quyền này đã thay thế cho cái liberum veto của Ba Lan, và điều đó, theo những

điều kiện của hiệp ước hòa bình Ve-xtơ-pha-li, thì đã được Pháp và Thụy Điển công khai bảo đảm [17]; như vậy là việc củng cố chính quyền trung ương ở Đức lại phải tùy thuộc vào sự đồng ý của ngoại bang, mà bọn ngoại bang thì lại rất muốn làm thế nào để cho việc củng cố ấy không thực hiện được. Hơn thế nữa, do những thắng lợi giành được ở Đức, Thụy Điển đã trở thành thành viên của đế chế Đức, nó có vị trí và có tiếng nói trong Quốc hội đế chế. Trong mỗi cuộc chiến tranh, hoàng đế lại phát hiện ra các lãnh chúa của đế chế Đức đứng trong hàng ngũ đồng minh với bọn giặc ngoại xâm. Như vậy là mỗi cuộc chiến tranh đồng thời là một cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn. Hầu như tất cả các lãnh chúa loại lớn và loại vừa của đế chế Đức đều được Lu-i XIV mua chuộc, và về mặt kinh tế thì quốc gia đã kiệt quệ đến nỗi nếu như không có khoản tiền mà nước Pháp đổ vào để mua chuộc thì nước Đức không thể nào giữ được đồng tiền với tư cách là phương tiện lưu thông[1]. Vì vậy mà hoàng đế đã từ lâu tìm chỗ dựa cho quyền lực của mình không phải ngay trong cái đế quốc chỉ dẫn dắt ông ta đến chỗ phải chi phí, mà không đem lại cho ông một chút gì ngoài những sự suy nghĩ và lo âu, mà tìm chỗ dựa ở những lãnh địa mà ông được thừa kế ở nước Áo – thuộc Đức và không thuộc Đức. Và bên cạnh triều đại Áo là triều đại Phổ đã dần dần bắt đầu nổi lên với tư cách là kẻ bị cạnh tranh với Áo.

Tình hình ở Đức trước thời Pi-ốt đại đế là như vậy. Con người thật sự vĩ đại này – không thể đứng ngang hàng với Phri-đrích "Đại đế", một tên đầy tớ ngoan ngoãn của người kế tục Pi-ốt là Ê-ca-tê-ri-na II – con người vĩ đại ấy là người đầu tiên đã đánh

1) Xem. Gülich. Geschichtliche Darstellung des Handels u. Jena 1830, 2 Band, S.201 -206 [18]

giá được một cách đầy đủ nhất các hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi của nước Nga ở Châu Âu. Pi-ốt đã nhìn nhận một cách rõ ràng – rõ ràng hơn nhiều so với điều mà ông đã làm trong cái gọi là di chúc [19] mà có lẽ là do một kẻ hậu sinh nào đó đã soạn ra – nhưng ông đã nhìn nhận, đã bắt đầu thực hiện nguyên tắc cơ bản đường lối chính trị của Nga đối với Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Ba Lan, cũng như đối với Đức. Đức đã làm cho Pi-ốt lưu tâm nhiều hơn bất cứ một quốc gia nào, trừ Thụy Điển. Ông cần phải đánh bại Thụy Điển. Ông chỉ cần với tay ra là có thể chiếm được Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ thì còn rất xa; nhưng đứng cho vững ở Đức, chiếm cho được một địa vị ở đó như Pháp đã làm một cách rộng rãi; còn làm điều đó ở Thụy Điển thì chưa đủ sức – đó là nhiệm vụ chính đối với ông. Ông đã làm tất cả để chiếm cho được một vùng lãnh thổ Đức và bằng cách đó trở thành một lãnh chúa Đức, nhưng chỉ uổng công. Ông chỉ thực hiện được một hệ thống những quan hệ về mặt hôn nhân với các thành viên hoàng tộc ở Đức và sử dụng những xích mích nội bộ của Đức cho công cuộc ngoại giao của mình.

Sau khi Pi-ốt mất, do sự toàn thịnh của nước Phổ, mà tình hình ấy còn thay đổi có lợi cho nước Nga nhiều hơn nữa. Đối với hoàng đế Đức, ngay bên trong đế chế, nước Phổ đã trở thành một đối thủ gần ngang sức với hoàng đế. Đối thủ này đã gây ra và đẩy lên đến cực điểm sự chia rẽ ở Đức. Nhưng đồng thời đối thủ ấy còn khá yếu nếu như muốn hành động không cần sự hỗ trợ của Pháp hay của Nga, – đặc biệt là của Nga. Vì vậy, càng giải thoát ra khỏi sự ràng buộc có tính chất chư hầu đối với đế chế Đức được bao nhiêu thì nó càng rơi vào sự lệ thuộc có tính chất chư hầu đối với nước Nga bấy nhiêu.

Như vậy là ở Châu Âu chỉ còn lại có ba cường quốc đáng kể là: Áo, Pháp, Anh. Mà muốn làm thế nào để cho các cường quốc đó bất hòa với nhau hoặc là mua chuộc các cường quốc đó bằng cách sử dụng những lời hứa hẹn về việc chiếm cứ đất đai làm mồi, thì việc đó chẳng cần gì đến một thứ nghệ thuật cao cường. Anh và Pháp trước đây vốn là đối thủ cạnh tranh nhau trên mặt biển; Pháp có thể bị hấp dẫn bởi cái triển vọng chiếm cứ đất đai ở Bỉ và ở Đức; Áo có thể bị cám dỗ bởi những lời hứa hẹn về đủ các thứ quyền lợi do Pháp và Phổ đem lại, còn từ thời Giô-dép II thì do Ba-vi-e đem lại. Như vậy là do khéo léo lợi dụng những xung đột về quyền lợi mà nước Nga đã có thể đảm bảo có được sự ủng hộ cho những hành động ngoại giao bất kỳ nào của mình từ phía những đồng minh trội hơn hẳn về mặt sức mạnh. Và thế là mặt đối mặt với các nước láng giềng đang suy yếu ấy, mặt đối mặt với ba cường quốc vĩ đại ấy, ba cường quốc thường xuyên bất hòa, cấu xé nhau do tập quán của họ; do những điều kiện kinh tế, những quyền lợi chính trị hoặc triều đại của họ, hoặc là do những mục đích xâm lược lẫn nhau đang thường xuyên có ở trong các nước vẫn đang ngày đêm tìm cách lừa gạt nhau ấy, là một nước Nga thống nhất, thuần nhất, trẻ trung, nổi lên rất nhanh hầu như là một nước bất khả trị và bất khả đoạt, thêm vào đó nó đã từng là một khối cực kỳ dẻo dai chưa ai đụng đến cả. Điều đó thật là mới mẻ đối với những người có tài và những người hiếu danh, đối với những người tham quyền cố vị, họ bất chấp dù là ở đâu và dù bằng cách nào, chỉ cần làm sao để có được quyền lực thật sự, có được vũ đài thật sự để họ thi thố tài năng và lòng tham danh vọng! Mà những con người như vậy thì đã được thế kỷ thứ mười tám, "thế kỷ khai sáng" sản sinh ra với một số lượng to lớn. Dưới danh nghĩa phục vụ "nhân loại" những con người như vậy đã đi du ngoạn khắp châu Âu, thăm viếng các vương triều của tất cả các vị đại đế

vương khai sáng mà thời đó thì có vị đế vương nào lại chẳng muốn được là khai sáng kia chứ! – và sinh cơ lập nghiệp ở những nơi nào mà họ tìm thấy được những mối lợi, tạo ra một thứ quốc tế khai sáng "vô tổ quốc" của giai cấp tư sản – quý tộc. Cái quốc tế ấy đã quỳ rạp xuống dưới chân của nữ hoàng Xê-mi-ra-mít phương Bắc, và dưới chân của nhân vật vô tổ quốc, Xô-phi-a – Áp -gu-xtơ An-gan-tơ – Xéc-bơ-xcai-a mà ở nước Nga được gọi là Ê-ca-tê-ri-na II. Và chính từ cái quốc tế ấy, đích thân Ê-ca-tê-ri-a II đã tuyển mộ được các phần tử cần thiết cho bà ta để tổ chức nên cái Hội dòng Tên của ngành ngoại giao Nga.

Trong công trình của mình viết về Tô-mát Mo-rơ. Các Cau-xki[20] đã trình bày bằng cách nào mà hình thức đầu tiên của hoạt động khai sáng tư sản, "chủ nghĩa nhân đạo" các thế kỷ XV và XVI, trong sự phát triển sau này của nó, nó đã biến thành lý thuyết dòng Tên của công giáo. Điều mà chúng ta thấy giờ đây cũng hoàn toàn giống hệt như thế, khi mà cái hình thức thứ ba hoàn toàn chín muồi của nền khai sáng tư sản thế kỷ XVIII đang trở thành lý thuyết dòng Tên hiện đại, trở thành đường lối ngoại giao Nga. Sự biến đổi theo hướng đối lập, cái thành quả mà cuối cùng đi đến chỗ trái ngược hẳn với điểm xuất phát ấy đang dẫn đến cái số phận tự nhiên không cưỡng lại được của tất cả các phong trào lịch sử, khi mà những người tham gia các phong trào ấy hình dung một cách mù mờ về những nguyên nhân và những điều kiện tồn tại của các phong trào ấy và vì vậy mà đặt ra cho mình những mục đích hoàn toàn hư ảo. "Sự trớ trêu của lịch sử" ở đây thật khó lòng sửa chữa [1*].

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét cái Hội dòng Tên ấy hành động

1* Trong bản tiếng Anh đoạn này bị bỏ đi.

như thế nào, xem nó đã lợi dụng như thế nào những mục đích không ngừng thay đổi của các cường quốc luôn luôn cạnh tranh nhau, để lấy đó làm phương tiện nhằm đạt đến cái mục đích không bao giờ thay đổi và không bao giờ bị lãng quên – đó là mục đích thống trị thế giới của nước Nga.

II

Chưa bao giờ tình hình thế giới thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch xâm lược của Nga hoàng như là 1762, lúc mà người đàn bà vĩ đại và phóng đãng Ê-ca-tê-ri-na II chiếm đoạt được ngai vàng sau khi chồng bà bị giết. Cuộc chiến tranh bảy năm đã chia rẽ châu Âu ra làm hai phe [21]. Nước Anh đã đập tan sự hùng mạnh của người Pháp trên mặt bể, ở Mỹ, ở Ấn Độ, và sau đó đã để mặc cho số phận định đoạt người bạn đồng minh trên lục địa của mình là vua Phổ Phri-đrích II. Khi mà Pi-ốt III chiếm được ngai vàng của toàn Nga chấm dứt cuộc chiến tranh chống Phổ, tức là vào năm 1762, thì Phri-đrích II ở vào tình trạng gần như hoàn toàn suy thoái. Phri-đrích đã bị người bạn đồng minh cuối cùng và duy nhất của mình là nước Anh bỏ rơi, lại gây ra mối bất hòa lâu dài với nước Áo và nước Pháp, và đang bị kiệt sức vì cuộc đấu tranh suốt bảy năm để giành lấy sự tồn tại, bây giờ không còn được một sự lựa chọn nào khác ngoài sự quỳ gối trước nữ hoàng vừa mới bước lên ngai vàng. Điều đó không chỉ đảm bảo cho ông ta có một sự bảo hộ vững mạnh mà còn đem lại một niềm hy vọng đối với việc sáp nhập cái phần đất của Ba Lan đã tách rời miền Đông nước Phổ khỏi cái phần chính của vương quốc ông, và việc giành lấy miếng đất đó, lúc này đã trở thành mục đích chính yếu của đời ông. Ngày 31 tháng Ba (tức 11 tháng Tư) 1764 Ê-ca-tê-ri-na và Phri-đrích đã ký hiệp ước liên minh[22] Pê-téc-bua, mà theo một điều khoản bí mật trong

đó thì hai bên cam kết dùng sức mạnh quân sự để bảo vệ bản hiến pháp hiện hành ở Ba Lan khỏi mọi mưu toan cải cách. Đó là một phương sách tốt nhất để phá hoại nước Ba Lan. Đó là một dự kiến nhằm chia cắt Ba Lan sau này. Cái miếng mồi Ba Lan là một cục xương mà nữ hoàng vứt ra cho Phổ để buộc nó phải ngồi yên suốt cả một trăm năm trong xiềng xích của nước Nga.

Tôi sẽ không đi vào các chi tiết của việc chia cắt nước Ba Lan lần thứ nhất[23]. Nhưng nét đặc biệt cần nói là sự chia cắt đó được thực hiện – trái với ý muốn của Ma-ri Te-rê-di-a lỗi thời – về cơ bản là do bàn tay của 3 trụ cột chính của "nền khai sáng" châu Âu, đó là Ê-ca-tê-ri-na, Phri-đrích và Giô-dép. Phri-đrích và Giô-dép, trong lúc tự hào với sự khôn ngoan của quốc gia khai sáng mà họ đã dùng để chà đạp lên những quy tắc truyền thống của công pháp quốc tế, coi đó như là một sự thành kiến, thì ở đây họ đã tỏ ra khá ngu xuẩn vì không nhận ra được rằng; với sự tham gia của họ vào việc cướp bóc Ba Lan, họ đã tình nguyện dâng mình cho nữ hoàng Nga định đoạt.

Vị tất đã có một ai đó có thể giúp đỡ cho Ê-ca-tê-ri-na nhiều hơn là các vị láng giềng hoàng gia khai sáng ấy. "Khai sáng"[1*] là phương châm của Nga hoàng ở châu Âu hồi thế kỷ mười tám như thế nào thì ở thế kỷ mười chín phương châm "giải phóng các dân tộc" cũng như thế ấy. Bất kỳ một cuộc xâm chiếm lãnh thổ nào, bất kỳ một hành động bạo lực nào, bất kỳ một sự áp bức nào của Nga hoàng cũng không cách nào khác hơn là mượn chiêu bài khai sáng, mượn chiêu bài của chủ nghĩa tự do, giải phóng các dân tộc. Và những người theo chủ nghĩa tự do hồn nhiên như trẻ thơ ở Tây Âu, kể cả Glát-xtơn cũng đã tin tưởng

1* Trong bản tiếng Anh thay cho hai chữ "Khai sáng" là những chữ "Tiến bộ" và "Khai sáng".

điều đó[1*], tương tự như thế, các đảng viên không kém phần hồn nhiên của đảng Bảo thủ cũng đang tin tưởng một cách vững chắc vào những câu nói rỗng tuếch về sự bảo vệ chủ nghĩa chính thống[24], về sự ủng hộ trật tự, tôn giáo, ủng hộ sự cân bằng ở châu Âu, về tính chất thiêng liêng của các bản hiệp ước – những câu nói mà cùng một lúc đã được nước Nga chính thức nhắc đi, nhắc lại. Giới ngoại giao Nga đã thành công trong việc xu nịnh một cách khéo léo cả hai đảng tư sản lớn của châu Âu. Nó và chỉ có nó, mới có thể một lúc mà được phép trở thành vừa có tính chất chính thống chủ nghĩa vừa có tính chất cách mạng, vừa có tính chất bảo thủ vừa có tính chất tự do, vừa có tính chất phái chính thống vừa có tính chất khai sáng. Do đó, ta thấy dễ hiểu sự khinh bỉ của nhà ngoại giao Nga loại ấy khi ông ta nhìn vào cái phương Tây "cơ học vấn".

Sau Ba Lan là Đức. Vào năm 1778 Áo và Phổ đã bắt đầu ẩu đả với nhau do việc chia cái mồn gia tài Ba-vi-e[25], và điều đó lại cũng chỉ có lợi cho một mình Ê-ca-tê-ri-na. Nước Nga đã trở nên đủ hùng mạnh để, cũng giống như Pi-ốt nghĩ đến chuyện nhận lấy những quyền hành của một thành viên trong đế quốc Đức[2*], giờ đây nước Nga đang cố giành lấy ở bên đó một địa vị như là cái địa vị mà nó đã giành được ở Ba Lan và như là cái địa vị ở đế quốc Đức mà nước Pháp đã giành được – đó là địa vị của một kẻ bảo đảm cho sự rối loạn ở Đức chống lại bất cứ một mưu toan cải cách nào. Và nước Nga đã giành được cái địa

1* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ: "người ta đã tin tưởng điều đó" là những chữ "cho đến nay người ta vẫn tin tưởng điều đó".

2* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ: "đến chuyện nhận lấy những quyền hành của một thành viên trong đế quốc Đức" là những chữ "đến chuyện tham gia vào đế quốc Đức bằng cách chiếm lấy một công quốc nhỏ bé nào đó của Đức".

vị đó. Theo hiệp ước hòa bình Tê-sen năm 1779 Nga cùng với Pháp nhận trách nhiệm bảo đảm cho bản hiệp định hòa bình đó cũng như bảo đảm cho tất cả các hiệp định hòa bình trước đó do hiệp định này xác nhận, đặc biệt là hiệp ước Ve-xtơ-pha-li ký vào năm 1648. Điều đó càng củng cố thêm sự bất lực của Đức, và bản thân nó đã trở thành đối tượng cho việc chia cắt sau này giữa Pháp và Nga.

Thổ Nhĩ Kỳ cũng không bị lãng quên. Các cuộc chiến tranh của Nga chống lại người Thổ Nhĩ Kỳ luôn luôn trùng hợp vào những thời kỳ khi mà ở biên giới phía Tây của nước Nga được yên tĩnh, còn châu Âu thì ở mức độ này hay mức độ khác, đang bị xâm chiếm ở một nơi nào khác. Ê-ca-tê-ri-na đã gây ra hai cuộc chiến tranh như vậy[26]. Cuộc chiến tranh thứ nhất dẫn đến chỗ giành được biển A-đốp và việc tuyên bố độc lập cho vùng Crưm, vùng đất mà bốn năm sau đó đã trở thành một tỉnh của nước Nga. Kết quả của cuộc chiến tranh thứ hai làm cho biên giới nước Nga từ sông Búc chuyển mãi đến tận sông Đni-e-xtơ-rơ. Trong thời gian xảy ra các cuộc chiến tranh ấy bọn gián điệp Nga đã xúi giục người Hy Lạp khởi nghĩa chống lại người Thổ Nhĩ Kỳ. Tất nhiên là cuối cùng rồi những người tham gia khởi nghĩa cũng bị chính phủ Nga vứt ra ngoài lề xã hội.

Trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập ở Mỹ, Ê-ca-tê-ri-na lần đầu tiên nhân danh cá nhân và thay mặt cho các bạn đồng minh của mình đề ra nguyên tắc "trung lập về mặt quân sự" (năm 1780) – đòi hạn chế những quyền hành mà nước Anh yêu sách đối với các chiến hạm của họ trên mặt biển. Từ đó sự đòi hỏi ấy trở thành một mục đích thường xuyên của đường lối chính trị của Nga và về cơ bản đã được châu Âu và cả Anh nữa công nhận theo những điều khoản của hiệp ước hòa bình ở Pa-ri năm 1856[27]. Chỉ có Hợp chúng quốc Hoa kỳ là cho đến bây giờ vẫn không muốn tính đến những điều khoản đó.

Cách mạng Pháp bùng nổ và điều đó là một thành công mới đối với Ê-ca-tê-ri-na. Không chút lo lắng về sự thâm nhập các tư tưởng cách mạng vào nước Nga, bà ta nhìn thấy trong sự kiện ấy một nguyên cớ thuận tiện mới để khích cho các quốc gia ở châu Âu gây sự cãi cọ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho nước Nga tự do hành động. Sau khi cả hai người láng giềng và là hai người bạn "khai sáng" của bà chết thì Phri-đrích Vin-hem II ở Phổ, Lê-ô-pôn ở Áo toan thực hiện một đường lối chính trị độc lập. Cách mạng đã tạo cho Ê-ca-tê-ri-na một dịp tốt để lấy cớ đấu tranh với nước Pháp cộng hòa để một lần nữa buộc chặt họ vào nước Nga và đồng thời nhân lúc họ bị giam chân trên biên giới Pháp thì kiếm chác những món lợi mới ở Ba Lan. Và thế là cả Phổ, cả Áo đều mắc câu. Và mặc dầu Phổ – từ năm 1787 đến năm 1791 đóng vai trò đồng minh của Ba Lan chống lại Ê-ca-tê-ri-na – đã tỉnh ngộ lại rất đúng lúc và lần này đòi chia một phần đáng kể hơn trong cuộc cướp bóc nước Ba Lan, mặc dù Áo đã phải chia xẻ miếng mồi Ba Lan, nhưng cuối cùng rồi cái phần to hơn cả lại vẫn lọt vào tay Ê-ca-tê-ri-na[28]. Hầu như toàn bộ Bê-lô-ru-xi-a và Tiểu Nga bấy giờ bị sáp nhập vào Đại Nga.

Nhưng lần này thì tấm huy chương lại có cái mặt trái của nó. Trong khi việc chia cắt Ba Lan đã đánh lạc hướng sự chú ý của các lực lượng thuộc khối liên minh 1792-1794[29], làm suy nhược sức mạnh tấn công của nó chống lại Pháp, thì nước Pháp trong thời gian này đã bình phục lại rất nhanh, đến nỗi có thể hoàn toàn tự mình giành lấy chiến thắng. Ba Lan thất bại nhưng sức kháng cự của nó cứu cho cách mạng Pháp và cùng với cách mạng Pháp dấy lên cả một phong trào mà ngay cả chính thể Nga hoàng cũng không đủ sức chống lại. Chúng ta ở phương Tây sẽ không bao giờ quên cái vai trò ấy của người Ba Lan. Tuy vậy,

rồi chúng ta sẽ thấy, đó không phải là trường hợp duy nhất mà người Ba Lan cứu nguy cho cách mạng châu Âu.

Trong chính sách của Ê-ca-tê-ri-na đã thể hiện rất rõ tất cả những nét căn bản của chính sách nước Nga ngày nay: sáp nhập nước Ba Lan, mặc dầu trong việc này lúc đầu phải nhượng bộ các nước láng giềng một phần chiến lợi phẩm; biến nước Đức thành đối tượng chia cắt về sau, xem Công-xtăng-ti-nô-plơ như là một mục tiêu cơ bản vĩ đại, một mục tiêu không bao giờ có thể quên, một mục tiêu phải tiến dần cho đến; chiếm Phần Lan để yểm trợ cho Pê-téc-bua và sáp nhập, theo chế độ bồi thường, nước Na Uy với Thụy Điển theo như lời đề nghị của Ê-ca-tê-ri-na đối với vua Gu-xtáp III[30] tại Phri-đrích-xơ-ham; làm suy yếu ưu thế của Anh trên mặt biển bằng những nguyên tắc hạn chế của công pháp quốc tế, kích động các cuộc nổi dậy của các giáo phái cơ đốc ở Thổ Nhĩ Kỳ; và cuối cùng là khéo léo phối hợp lời lẽ của phái tự do với phái chính thống, lấy đó làm phương tiện cần thiết để nước Nga đánh lừa những kẻ "trí thức" phi-li-xtanh Tây Âu và cái gọi là dư luận của họ.

Trước lúc Ê-ca-tê-ri-na chết, cơ đồ của nước Nga đã vững vàng lắm, đến nỗi có thể vượt qua được tất cả những gì mà chủ nghĩa sô vanh dân tộc hung hãn nhất có thể đòi hỏi. Tất cả những vùng mang tên Nga – trừ một số rất ít người Tiểu Nga thuộc Áo -đều nằm dưới cái gậy chỉ huy của người kế tục bà ta, người mà giờ đây có thể có đầy đủ quyền hành để tự xưng là kẻ chuyên chế của toàn nước Nga. Nước Nga không chỉ giành được con đường ra biển, mà còn xâm chiếm cả một vùng duyên hải bao la và rất nhiều bến cảng trên biển Ban-tích cũng như Hắc Hải. Dưới quyền thống trị của nước Nga không chỉ có người Phần Lan, người Tác-ta và người Mông Cổ mà còn có cả người Lít-va, người Thụy Điển, người Ba Lan và người Đức. Còn muốn gì nữa?

Đối với bất kỳ một dân tộc nào khác thì thế cũng là đủ lắm rồi. Còn đối với giới ngoại giao Nga - người ta không hỏi dân tộc nào – thì điều đó lại chỉ là cái căn cứ, để bây giờ đây, từ cái căn cứ ấy có thể bắt đầu những cuộc chinh phạt thực sự.

Cách mạng Pháp đã lắng xuống, tự nó đã sản sinh ra kẻ chế ngự lại nó – đó là Na-pô-lê-ông. Có lẽ nó đã biện hộ cho sự sáng suốt vô cùng của giới ngoại giao Nga, giới ngoại giao đã không cho phép ai dọa dẫm được mình bằng sự nổi dậy dữ dội của nhân dân. Sự toàn thịnh của Na-pô-lê-ông giờ đây đã mở ra trước giới ngoại giao Nga khả năng để thu lượm những kết quả mới; Nước Đức thì đã xích gần đến chỗ cùng chia sẻ số phận với Ba Lan. Nhưng người kế tục Ê-ca-tê-ri-na, là Pa-ven, một con người trái tính trái nết và ngang bướng. Không thể tin cậy vào ông ta được. Ông ta luôn luôn từng phút một làm hư hỏng kế hoạch của các nhà ngoại giao. Ông đã trở thành một con người không ai chịu nổi. Cần phải trừ khử ông ta đi. Trong số các sĩ quan cận vệ dễ dàng tìm thấy những người thực hiện thích hợp điều đó. Người thừa hưởng ngai vàng là A-lếch-xan-đrơ, âm mưu hãm hại ông ta và che chở cho âm mưu đó, Pa-ven bị bóp cổ, và ngay lập tức, bắt đầu có một cuộc vận động mới gây uy tín lớn lao cho vị hoàng đế mới, người mà do chính cái phương thức lên ngôi đã trở thành một người đầy tớ suốt đời của bè lũ dòng Tên của giới ngoại giao. Chính cái bè lũ dòng Tên ấy đã cho phép Na-pô-lê-ông hủy diệt hoàn toàn đế quốc Đức và đẩy tình trạng rối loạn vốn đã sẵn có ở đó đến chỗ cực điểm. Tuy nhiên khi mà sự việc đã đi đến chỗ phải báo thù một cách triệt để thì lúc đó nước Nga đã đứng ra. Theo hiệp ước hòa bình Luy-nê-vin (năm 1801)[31] thì nước Pháp được chiếm toàn bộ tả ngạn sông Ranh của Đức, thêm vào đó đã thỏa thuận rằng các vị vương hầu nào, do hiệp ước này mà bị mất cơ nghiệp của mình thì được nhận bồi thường ở hữu ngạn sông Ranh từ những

đất đai của giới tu hành của vương quốc: của các vị giám mục, linh mục v.v.. Và bây giờ nước Nga đã tuyên bố là căn cứ vào những quyền hạn mà hiệp ước hòa bình Tê-sen năm 1779 đã bảo đảm cho nó thì trong việc phân phối các khoản bồi thường, ý kiến quyết định là thuộc Nga và Pháp là hai nước chịu trách nhiệm về sự lộn xộn ở Đức. Mà sự trừng phạt nhau của các vương hầu Đức, lòng tham và sự phản bội đã trở thành thói quen của họ đối với đế chế thì đã quá đảm bảo để cho những lời tuyên bố ấy của Nga và Pháp trở thành những lời có tính chất quyết định thực sự. Sự việc dẫn đến chỗ nước Nga và nước Pháp đã vạch ra kế hoạch phân chia các đất đai của nhà thờ cho các vương hầu bị mất quyền sở hữu và toàn bộ những điều lệ cơ bản của kế hoạch do nước ngoài đặt ra và vì quyền lợi của nước ngoài ấy lại được đưa vào luật của đế quốc Đức (quyết định của đoàn đại biểu đế quốc Đức năm 1803)[32].

Đế quốc Đức với tư cách là một quốc gia liên hợp, trên thực tế, đã tan rã; Áo và Phổ đã hành động như là những cường quốc độc lập ở châu Âu; và, cũng tương tự như Nga và Pháp, họ xem việc các quốc gia nhỏ sáp nhập vào đế quốc chỉ như là lãnh thổ để chinh phục. Mà điều gì chờ đợi các quốc gia nhỏ ấy? Nước Phổ thì còn đang quá nhỏ và quá non trẻ để có thể thực hiện cái hy vọng đứng đầu các quốc gia ấy, còn Áo thì vừa mới mất hết những dấu vết cuối cùng của sự đứng đầu. Nhưng cái gia sản của đế quốc Đức thì Nga và Pháp rất thèm. Nước Pháp đã hủy diệt các đế quốc cũ bằng sức mạnh của vũ khí; chỉ riêng cái việc nước Pháp nằm kề suốt dọc sông Ranh đã đủ cho nó làm áp lực trực tiếp đối với các nước nhỏ, còn những chiến thắng tạo nên vinh quang của Na-pô-lê-ông và quân đội Pháp thì đã hoàn thành nốt những việc còn lại – đó là những tiểu vương quốc ở Đức phải quỳ phục dưới chân nó. Còn nước Nga thì sao ? Giờ

đây, khi cái mục đích mà nó hướng đến hàng thế kỷ nay đã gần như đạt được, khi mà nước Đức lâm vào tình trạng hoàn toàn tan rã, đã hoàn toàn kiệt sức bất lực và hèn yếu, – thì chính trong lúc này liệu nước Nga có chịu để cho cái anh chàng chơi trội người đảo Coóc kia giật mất cái miếng mồi đã nằm ngay trước mũi của mình rồi hay không?

Giới ngoại giao Nga tức khắc bắt đầu vào cuộc vận động giành ưu thế đối với các quốc gia nhỏ ở Đức. Muốn đạt được điều đó, thì rõ ràng, là không thể không đánh thắng cho được Na-pô-lê-ông. Do đó mà cần phải lôi kéo các vị hoàng thân của Đức về phía mình, lôi kéo cả cái gọi là dư luận ở Đức mà lúc bấy giờ nói chung người ta cũng có nhắc nhở đến. Các hoàng thân thì được vận động bằng biện pháp ngoại giao, còn những kẻ tầm thường thì bằng văn học. Trong thời gian ấy trong các cung đình người ta tung ra vô số những lời nịnh hót nước Nga, những sự đe dọa, những lời dối trá và tung tiền ra để mua chuộc; người ta tung dầy ra giữa công chúng những tập sách huyền bí, trong đó nước Nga được tâng bốc lên như là một cường quốc duy nhất có khả năng cứu thoát cho nước Đức và bảo vệ thực sự cho nước Đức, rằng theo hiệp ước Tê-sen năm 1779 thì việc đó là quyền hạn và là nghĩa vụ của nước Nga. Và khi cuộc chiến tranh 1805 bùng nổ thì mọi người, những ai có thể nhìn thấy dù là một cái gì đó, cũng đều rõ ràng vấn đề chỉ là ở chỗ các quốc gia nhỏ lập nên liên bang sông Ranh thuộc Pháp hay là thuộc Nga mà thôi.

Số phận đã bảo vệ cho nước Đức. Quân Nga và quân Áo bị đánh bại ở Ô-xtéc-lít và liên bang sông Ranh mới vì vậy mà không trở thành tiền đồn của Sa-hoàng[33]. Cái ách của Pháp ít ra thì cũng là cái ách hiện đại, bó buộc các quân vương Đức phải chấm dứt cái chế độ quá sức lỗi thời và không thể nào chịu đựng nổi tồn tại cho đến bấy giờ.

Sau trận Ô-xtéc-lít nẩy sinh ra cái liên minh Nga – Phổ rồi các trận I-ê-na, Ây-lan, Phrít-lan-đơ và hòa ước Tin-dít năm 1807[34]. Ở đây, một lần nữa, lại thấy cái lợi thế của nước Nga về mặt vị trí rất an toàn về mặt chiến lược mới thật là lớn lao. Bị đánh bại trong hai chiến dịch nhưng nước Nga lại thu được một vùng đất mới của những cựu đồng minh của nó và nó đã liên kết với Na-pô-lê-ông để chia thế giới: phương Tây là của Na-pô-lê-ông, còn miền Đông là của A-lếch-xan-đrơ!

Kết quả đầu tiên của cái liên minh ấy là việc chinh phục Phần Lan. Không có bất cứ một lời tuyên chiến nào, nhưng với sự đồng ý của Na-pô-lê-ông, quân Nga bắt đầu tấn công, sự bất tài và tính chất dễ bị mua chuộc của các tướng lĩnh Thụy Điển cũng như sự mâu thuẫn ý kiến giữa chúng đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân Nga chiến thắng một cách dễ dàng. Sự tiến quân một cách dũng cảm của đơn vị Nga ngang qua biển Ban-tích băng giá đã gây ra hậu quả là cuộc đảo chính cung đình ở Xtốc-khôm và sự nhượng bộ của Phần Lan đối với Nga [35]. Tuy nhiên, sau đó ba năm, khi đã dự định tuyệt giao với Na-pô-lê-ông thì Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ gọi thống chế Béc-na-đốt-tơ, người được chọn làm kế vị ngôi vua Thụy Điển đến thành phố Á-bô và hứa là sẽ để Na Uy cho ông ta nếu như ông ta chịu tham gia liên minh Anh và Nga để chống lại Na-pô-lê-ông [36]. Thế là cái kế hoạch Ê-ca-tê-ri-na đã được thực hiện vào năm 1814: Phần Lan – của tao, Na Uy – cho mày.

Nhưng Phần Lan chỉ là màn giáo đầu mà thôi. Mục tiêu của A-lếch-xan-đrơ bao giờ cũng vẫn phải là Xa-rơ-grát kia. Tại Tin-dít và Éc-phuốc [37] Na-pô-lê-ông đã hứa chắc là để cho A-lếch-xan-đrơ xứ Môn-đa-vi-a và vùng Va-la-ki và bầy tỏ hy vọng phân chia Thổ Nhĩ Kỳ, tuy nhiên, thành phố Công-xtăng-ti-nô-plơ thì trừ ra. Từ năm 1806 Nga tiến hành chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ.

Lần này thì không chỉ có người Hy Lạp mà cả người Xéc-bi cũng đã nổi dậy khởi nghĩa[38]. Tuy nhiên những gì mà đối với Ba Lan chỉ là có tính chất mỉa mai thì đối với Thổ Nhĩ Kỳ lại phù hợp với thực tế: nó lâm vào tình trạng rối loạn. Người lính bình thường có được tính kiên nhẫn sắt đá, người con của nông dân Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã được tôi luyện bởi cái đức tính kiên nhẫn ấy, do chính cái sự rối loạn ấy mà có được cái cơ hội để chỉnh đốn lại những gì mà các vị quan chức tham nhũng đã hủy hoại đi. Người Thổ Nhĩ Kỳ có thể bị đánh thua chứ không bị đánh tan và quân đội Nga tiến về phía Xa-rơ-grát rất là chậm chạp.

Nhưng cái giá phải trả cho sự "rảnh tay" ở phía Đông là sự tham gia vào hệ thống lục địa của Na-pô-lê-ông, sự tuyệt giao mọi quan hệ buôn bán với nước Anh[39]. Mà điều đó, đối với nước Nga lúc bấy giờ, có nghĩa là sự rối loạn hoàn toàn về thương nghiệp. Đó là thời kỳ, khi mà Ép-ghê-ni Ô-nê-gin (của Pu-skin) đã hiểu ra được từ A-đam-Xmít.

Quốc gia trở nên giầu có như thế nào
... và vì sao
Nó không cần đến vàng,
Khi có được thực phẩm thường dùng, –

trong lúc đó, ở mặt khác thì:

Cha không thể hiểu được con
Và đất đai bị đem đi cầm cố[1*]

Nước Nga chỉ có thể có được tiền bằng cách buôn bán đường biển và xuất khẩu nguyên liệu của mình ra các thị trường chính

1* Pu-skin: "Ép-ghê-ni Ô-nê-gin", phần thứ nhất, đoạn VII. (Nguyên bản bản dịch tiếng Đức bằng văn xuôi của Ăng-ghen là như sau: "Wie ein Staat reich wird und wie er kein Geld braucht, wenn er nur Ueberfluß an Produkten hat .. sein Vater das nicht begreifen konnte und ein Landgut nach dem andern vorhypothekiren muste").

lúc bấy giờ là nước Anh; mà nước Nga thì đã là một nước có tính chất rất là châu Âu, nên không thể không cần đến tiền bạc. Sự phong tỏa về mặt thương nghiệp đã trở thành không sao chịu nổi. Quả là kinh tế còn mạnh hơn cả giới ngoại giao và Nga hoàng gộp lại; những quan hệ buôn bán với Anh đã âm thầm được khôi phục; những điều ước của hiệp định Tin-dít đã bị phá vỡ và cuộc chiến tranh 1812 nổ ra.

Na-pô-lê-ông cầm đầu liên đoàn quân toàn miền Tây vượt biên giới nước Nga. Người Ba Lan, với tư cách là người thông thạo trong công việc đó đã góp ý cho Na-pô-lê-ông là nên dừng lại ở sông Đvi-na và sông Đni-e-prơ tổ chức lại nước Ba Lan và đợi sự tấn công của người Nga ở đó. Một vị thống soái của một chiến dịch quy mô như là Na-pô-lê-ông không thể không thừa nhận rằng đó là một kế hoạch đúng đắn. Nhưng vì đang ở trong tình trạng choáng váng trước sự tăng bốc cao độ và vì cơ sở mà ông dựa vào là không vững chắc, Na-pô-lê-ông đã không dám kéo dài chiến dịch ra. Ông ta cần có những kết quả tức thời, những chiến thắng huy hoàng, những cuộc đàm phán hòa bình giành được nhờ tấn công chớp nhoáng, ông ta đã bỏ ngoài tai lời khuyên của người Ba Lan, cứ tiến đến Mát-xcơ-va và cũng do đó mà dẫn người Nga đến Pa-ri.

Sự tiêu diệt đại quân của Na-pô-lê-ông trong cuộc rút lui khỏi Mát-xcơ-va là dấu hiệu báo trước cho cuộc nổi dậy đồng loạt chống lại sự thống trị của Pháp ở phương Tây. Ở Phổ toàn dân đã đứng dậy buộc cái ông vua hèn nhát Phri-đrích Vin-hem III phải tiến hành chiến tranh chống lại Na-pô-lê-ông. Áo liên kết với Nga và Phổ, khi nó vừa hoàn tất việc chuẩn bị chiến tranh. Sau trận Lai-pxích[40], liên bang sông Ranh đã rời bỏ Na-pô-lê-ông và mười tám tháng sau trận tấn công của Na-pô-lê-ông vào

Mát-xcơ-va, A-lếch-xan-đrơ đã vào Pa-ri với tư cách là người cầm quyền và người thống lĩnh cả châu Âu.

Thổ Nhĩ Kỳ bị Pháp phản bội đã ký kết hòa ước Bu-ca-rét năm 1812, nhượng cho người Nga vùng Bét-xa-ra-bi-a. Đại hội Viên đã mang đến cho nước Nga Vương quốc Ba Lan[41] cho nên giờ đây gần chín phần mười lãnh thổ Ba Lan trước kia đã bị sáp nhập vào nước Nga. Tuy nhiên cái địa vị mà Sa hoàng giờ đây đã giành được ở châu Âu còn có một ý nghĩa quan trọng hơn. Trên lục địa châu Âu ông ta không còn có những đối thủ nữa. Áo và Phổ đã bị ông ta dắt mũi. Nhờ ông ta mà giòng họ Buốc-bông ở Pháp đã khôi phục lại được triều đại của họ trên ngai vàng và vì vậy, nó trở nên ngoan ngoãn đối với ông ta. Thụy Điển thì đã nhờ ông ta mà lấy được nước Na Uy với tư cách là vật bảo đảm cho đường lối chính trị hữu nghị với Nga hoàng. Ngay cả triều đại Tây Ban Nha khôi phục được triều đại của mình thì cũng là nhờ những chiến thắng của người Nga, người Phổ và người Áo nhiều hơn gấp bội so với những chiến thắng của Oen-lin-tơn, vì những chiến thắng của Oen-lin-tơn chưa bao giờ có thể tiêu diệt được đế quốc Pháp.

Chưa bao giờ nước Nga có được một địa vị hùng mạnh như vậy. Nhưng nó đã vượt quá phạm vi biên giới tự nhiên của nó thêm một bước nữa. Nếu như đối với những cuộc chinh phục của Ê-ca-tê-ri-na mà chủ nghĩa sô-vanh Nga còn có một vài lý do để có thể xin tha thứ – tôi không muốn nói là có thể biện hộ – thì đối với những sự xâm chiếm của A-lếch-xan-đrơ không có thể nói như vậy được. Nước Phần Lan thì có người Phần Lan và người Thụy Điển ở, đất Bét-xa-ra-bi-a thì có người Ru-ma-ni ở, đất Ba Lan Côn-grét-xô-vai-a[42] thì có người Ba Lan ở. Ở đây không cần phải nói đến chuyện hợp nhất các bộ lạc mang họ

Nga cùng máu mủ ở tản mạn lại, ở đây chúng ta đề cập đến sự xâm chiếm lãnh thổ nước khác một cách công khai bằng bạo lực, đề cập đến một sự cướp bóc thực sự.

III

Chiến thắng Na-pô-lê-ông là chiến thắng của chế độ quân chủ châu Âu đối với cách mạng Pháp mà giai đoạn cuối cùng của cuộc cách mạng ấy là đế chế Na-pô-lê-ông. Chiến thắng ấy được ăn mừng bằng cách phục hồi lại "chủ nghĩa chính thống". Nhưng, trong khi Ta-lây-răng nghĩ ra được những lời lẽ để lừa bịp Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ, thì giới ngoại giao Nga, ở một trình độ cao hơn rất nhiều, đã sử dụng chính những lời lẽ đó để dắt mũi cả châu Âu. Dưới chiêu bài bảo vệ chủ nghĩa chính thống, nó đã thành lập nên "Liên minh thần thánh", cái liên minh Nga-Áo-Phổ mở rộng ấy đã được phát triển lên đến mức trở thành ra âm mưu của tất cả các vua chúa châu Âu chống lại nhân dân nước họ dưới cái gậy chỉ huy của Nga hoàng[43]. Những vua chúa khác tin vào cái danh nghĩa ấy, nhưng Nga hoàng và giới ngoại giao của ông ta nhận định việc đó ra sao thì giờ đây chúng ta sẽ thấy.

Đối với giới ngoại giao Nga, người ta chỉ nói đến việc làm thế nào để sử dụng cái bá quyền lãnh đạo đã đạt được ở châu Âu vào mục đích tiến xa thêm về phía Xa-rơ-grát. Để đạt được mục đích ấy, nó có thể sử dụng ba cái đòn bẩy: người Ru-ma-ni, người Xéc-bi, người Hy Lạp. Nhân tố thích hợp nhất là người Hy Lạp. Đó là một dân tộc chuyên buôn bán, mà nhà buôn lại bị thiệt thòi hơn ai hết trong sự ngược đãi của các vị vương tước Thổ

Nhĩ Kỳ. Những người làm ruộng theo đạo Cơ Đốc dưới sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ đã có được những điều kiện thuận lợi về mặt vật chất hơn bất cứ ở một nơi nào. Họ giữ được những thể chế của họ vốn tồn tại từ trước cuộc chinh phục của Thổ Nhĩ Kỳ và giữ được quyền tự trị hoàn toàn; chừng nào mà họ còn đóng thuế thì thường là người Thổ Nhĩ Kỳ chưa để ý đến họ; chỉ đôi khi họ mới lâm vào cảnh bị đàn áp bằng bạo lực tương tự như hồi Trung thế kỷ người nông dân Tây Âu phải chịu đựng đối với bọn quý tộc. Đó là một đời sống nhục nhã, và khó có thể chịu đựng được; tuy nhiên về mặt vật chất thì nó không đến nỗi vất vả và không đến nỗi không tương ứng với trình độ văn minh lúc bấy giờ của các dân tộc ấy, vì vậy mà nó đã trải qua được một thời gian dài trước khi người Xla-vơ phát hiện ra rằng cuộc sống như vậy là không thể chịu nổi. Ngược lại, việc buôn bán của Hy Lạp thì từ lúc sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ khiến cho nó thoát khỏi sự cạnh tranh tai hại của người Vê-nê-xi-a và người Ghê-nu-ê-dét, nó đã phát triển một cách nhanh chóng và đạt đến những quy mô rộng lớn đến nỗi không thể chịu được ách thống trị của chính Thổ Nhĩ Kỳ thêm được nữa. Thực ra sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ cũng như của bất cứ một nước phương Đông nào khác đều không thích hợp với xã hội tư bản chủ nghĩa; giá trị thặng dư kiếm được không có gì bảo đảm khỏi lọt vào những bàn tay hung ác của bọn bạo chúa và bọn đế vương; không có điều kiện cơ bản đầu tiên cho hoạt động kinh doanh tư sản[1*] – tức là sự an ninh đối với tính mạng và tài sản của người buôn bán. Lẽ tất nhiên là bởi vì thế mà người Hy Lạp, những người

1* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ "hoạt động kinh doanh tư sản" là những chữ "thương nghiệp có lãi"

từ năm 1774 đã từng quyết định làm khởi nghĩa hai lần, giờ đây lại nổi lên một lần nữa[44].

Như vậy là cuộc khởi nghĩa của Hy Lạp đã tạo ra được những cơ hội thuận lợi, nhưng để cho giới ngoại giao Nga có thể hành động một cách cương quyết ở đây thì cần phải ngăn ngừa sự can thiệp từ phương Tây, do đó cần phải làm thế nào để cho phương Tây bận tay vào những công việc nội bộ của nó. Và cơ sở để làm việc đó đã được chuẩn bị chu đáo bằng những lời suông sáo về chủ nghĩa chính thống. Các vị quốc vương theo phái chính thống đã gây ra sự thù ghét sâu sắc đối với chính họ ở khắp nơi. Những mưu toan phục hồi những trật tự trước cách mạng đã kích động giai cấp tư sản toàn phương Tây; ở Pháp và ở Đức bắt đầu có sự bất mãn, ở Tây Ban Nha và ở I-ta-li-a nổ ra khởi nghĩa công khai[45]. Trong tất cả những âm mưu và những cuộc nổi dậy đó đều có bàn tay của giới ngoại giao của Sa hoàng nhúng vào. Không phải là họ tổ chức những việc ấy hoặc chí ít là góp phần cơ bản làm cho những việc đó giành được những kết quả tạm thời. Nhưng, thông qua những nhân viên bán chính thức của nó, giới ngoại giao Nga đã làm tất cả những điều có thể làm để gieo rắc hiềm khích trong xứ sở của các đồng minh theo chủ nghĩa chính thống của họ[1*]. Và họ đã hoàn toàn công khai che chở cho các phần tử dấy loạn ở phương Tây đứng ra dưới cái mặt nạ thông cảm với người Hy Lạp; còn đối với những kẻ hào hiệp, quyên góp tiền bạc, gửi sang Hy Lạp những đội quân tình nguyện và hàng loạt những toán quân trợ lực vũ trang,

1* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ "gieo rắc hiềm khích trong xứ sở của các đồng minh theo chủ nghĩa chính thống của họ" là những chữ: "khêu gợi sự bất bình và hiềm khích trong thần dân các đồng minh theo chủ nghĩa chính thống của họ".

thì là ai nếu không phải chính những người thuộc phái các-bô-na-ri và những người theo chủ nghĩa tự do khác của phương Tây?

Tất cả những cái đó không trở ngại gì cho vị Sa hoàng minh mẫn A-lếch-xan-đrơ tại các đại hội ở A-khen, Tơ-rốp-pau, Lai-bắc, Vê-rô-na trong việc kêu gọi các bạn đồng nghiệp theo chủ nghĩa chính thống của mình hãy hành động mạnh mẽ nhất để chống lại những thần dân dấy loạn của họ và để trấn áp cách mạng. Sa hoàng gửi những người Áo sang I-ta-li-a vào năm 1821, còn người Pháp thì gửi sang Tây Ban Nha vào năm 1823 [46], điều đó không ngăn trở ông ta ngay cả việc lên án một cách hình thức sự nổi dậy của người Hy Lạp, mặc dầu cũng chính trong thời gian đó ông ta châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa ấy và xúi giục những người hào hiệp ở Tây Âu hãy tăng cường gấp bội sự cố gắng của mình lên. Một lần nữa cái châu Âu ngu xuẩn lại bị lừa bịp bằng cái cách giả dối như vậy, chế độ Nga hoàng đã tuyên truyền chủ nghĩa chính thống [1*] cho các vị quốc vương và bọn phản động, còn đối với những người phi-li-xtanh tự do thì Sa hoàng đem sự giải phóng nhân dân và sự khai sáng[2*] ra để mê hoặc họ, cả bọn này, cả bọn kia đều tin vào ông ta.

Tại Vê-rô-na, bộ trưởng của Pháp, một người theo chủ nghĩa lãng mạn, là ông Sa-tô-bri-ăng đã tỏ ra say mê Nga hoàng, người đã đem lại cho người Pháp cái niềm hy vọng sẽ chiếm được vùng tả ngạn sông Ranh nếu như họ ngoan ngoãn làm theo ý nước Nga. Về sau, dưới triều đại Sác-lơ hy vọng ấy còn được củng cố bởi lời hứa chắc chắn. Giới ngoại giao Nga đã dùng cái hy vọng ấy để dắt mũi nước Pháp và hướng dẫn chính sách phương Đông

1* Trong bản tiếng Anh sau chữ "chủ nghĩa chính thống" có thêm mấy chữ: "và việc giữ status quo".

2* Trong bản tiếng Anh những chữ "và sự khai sáng" bị xóa đi.

của Pháp với đôi lúc gián đoạn không đáng kể cho tới tận năm 1830.

Mặc dù vậy, chính sách "nhân ái" của Nga hoàng,– cái chính sách mượn cớ giải phóng cho những người Cơ Đốc giáo Hy Lạp khỏi ách áp bức của đạo Hồi, để cố tự chiếm lấy vị trí của những người theo đạo Hồi, – vẫn không đạt được kết quả mong muốn[1*]. Bởi vì như một vị đại sứ Nga ở Luân Đôn, hoàng thân Li-ven đã viết (trong thông báo ngoại giao ngày 18 (30) tháng Mười 1825):

"Toàn châu Âu kinh hãi nhìn vào người khổng lồ – nước Nga *ấy* một cách khủng khiếp, những lực lượng khổng lồ của nó chỉ chờ đợi một tín hiệu là xông ra chống lại châu Âu. Do đó mà vì quyền lợi của nó, châu Âu ủng hộ cường quốc Thổ Nhĩ Kỳ, kẻ thù tự nhiên của đế quốc chúng ta"[47].

Chiến tranh ở Hy Lạp vẫn tiếp diễn khi thắng khi bại, trong khi đó tất cả những mưu toan của nước Nga nhằm đạt được sự nhất trí cao độ của châu Âu trong việc chiếm lấy các công quốc dọc sông Đa-nuýp đồng thời cưỡng bức Thổ Nhĩ Kỳ phải đầu hàng, đều không đạt được kết quả. Trong lúc ấy thì, vào năm 1825, Thổ Nhĩ Kỳ nhận được sự giúp đỡ của Ai Cập; người Hy Lạp bị thua trận khắp nơi, cuộc khởi nghĩa hầu như bị dập tắt. Chính sách của Nga đã đứng trước một sự lựa chọn: hoặc là chịu thua, hoặc là đưa ra những quyết định dũng cảm.

Thủ tướng Nê-xen-rô-đe tham khảo ý kiến các đại sứ của mình. Đại sứ Pốt-xô-đi-Boóc-gô ở Pa-ri (trong thông báo ngày 4 (16) tháng Mười 1825) và đại sứ Li-ven ở Luân Đôn (trong thông

1* Ở bản tiếng Anh, trong câu này thay cho những chữ "chính sách "nhân ái" của Nga hoàng" là những chữ: "thế giới nhìn vào chính sách "nhân ái" của Nga hoàng với thái độ hoài nghi hoặc khá hơn thì với thái độ thờ ơ", còn những chữ "không đạt được kết quả mong muốn" thì bị xóa đi.

báo ngày 18 (30) tháng Mười 1825) đã hoàn toàn tán thành phải hành động kiên quyết: cần phải tức khắc chiếm lấy các công quốc ở vùng sông Đa-nuýp không cần để ý gì đến châu Âu và ngay cả nguy cơ một cuộc chiến tranh châu Âu nữa. Rõ ràng, đó cũng là ý kiến của tất cả giới ngoại giao Nga. Nhưng A-lếch-xan-đrơ là một con người hèn yếu và tính nết thất thường, đã tỏ ra hết sức tự phụ, và hơn thế nữa, lại là một người theo chủ nghĩa thần bí và lãng mạn, ông ta giống "grec du Bas – Empire"[1*] (như Na-pô-lê-ông đã gọi ông ta như vậy) không chỉ ở chỗ mưu mẹo và tính giả nhân giả nghĩa của ông ta mà còn ở tính do dự và thiếu nghị lực nữa. Ông ta tiếp thu chủ nghĩa chính thống một cách nghiêm túc, còn nghĩa quân Hy Lạp thì ông ta đã chán ngấy. Chẳng muốn dụng đến một công việc gì và lúc bấy giờ tuy chưa có đường sắt, nhưng vì muốn hầu như chẳng để cho ai gặp mình, ông ta đã đi du lịch miền Nam, gần Ta-gan-rốc – một cách không có mục đích và hầu như không ai chế ngự được. Bất thình lình có tin ông ta chết. Người ta bàn tán về một cuộc đầu độc. Phải chăng là giới ngoại giao đã khử bỏ cái anh con trai này cũng như là nó đã trừ khử cha anh ta ngày xưa? Dù sao thì ông ta chết đi, đối với giới ngoại giao, cũng thật là đúng lúc.

Người thừa kế ngai vàng là Ni-cô-lai, một vị vua thật là ưng ý đối với giới ngoại giao: một con người tầm thường, có cái tầm hiểu biết của một người chỉ huy trung đội[2*], đối với ông ta *một*

1* – "một người Hy Lạp thời kỳ đế quốc La Mã phương Đông", một người Bi-dăng-tanh.

2* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ "một con người tầm thường, có cái tầm hiểu biết của một người chỉ huy trung đội" là những từ "một con người tầm thường, tự mãn, mà tầm hiểu biết của anh ta không bao giờ vượt quá cái tầm hiểu biết của một người chỉ huy cấp đại đội, một con người lầm tưởng rằng tàn ác là biểu hiện của tính kiên quyết, còn tính đóng đánh và ngoan cố là biểu hiện của sức mạnh".

bên ngoài của chính quyền là trên hết và vì cái đó ông ta sẵn sàng làm tất cả. Bây giờ thì người ta hành động kiên quyết hơn đấy cơ sự đi đến chỗ gây chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ nhưng tránh sự can thiệp của châu Âu. Với Anh thì dùng những lời lẽ cởi mở, còn với Pháp thì bằng những sự hứa hẹn như đã nói ở trên, người ta dụ dỗ thế nào đó mà cả hai nước này chịu liên kết hải quân của mình với hải quân Nga và ngày 20 tháng Mười 1827, bất chấp tình hình đang rất thanh bình, họ tấn công vào hải quân liên hiệp Thổ Nhĩ Kỳ – Ai Cập tại Na-va-rin và tiêu diệt luôn nó[48]. Mặc dù chẳng bao lâu sau, Anh đã rút ra khỏi cái liên minh ấy, nhưng nước Pháp của dòng họ Buốc-bông thì vẫn trung thành với Nga. Trong thời gian Nga hoàng tuyên chiến với người Thổ Nhĩ Kỳ và quân đội của ông ta ngày 6 tháng Năm 1828 vượt qua sông Prút, thì 15 000 quân Pháp chuẩn bị xuất phát đi Hy Lạp, đến tháng Tám – tháng Chín năm đó thì chúng đổ bộ lên mảnh đất ấy. Đối với Áo thì đó là một sự cảnh cáo cần thiết để đừng tấn công chọc sườn quân Nga, lúc quân Nga đánh vào Công-xtăng-ti-nô-phơ, hậu quả của những hành động như vậy sẽ là một cuộc chiến tranh với Pháp và lúc đó thì cái liên minh Nga – Pháp sẽ tỏ rõ hiệu lực, cái liên minh ấy đang định chiếm lấy Công-xtăng-ti-nô-plơ cho một bên trong liên minh và tản ngạn sông Ranh cho một bên khác.

Như vậy là thống tướng Đi-bích đã thúc quân đến tận A-đri-a-nô-pôn, nhưng ở đây ông ta lâm vào tình thế: nếu như người Thổ Nhĩ Kỳ cố thủ thêm được, chỉ độ vài tuần lễ gì đó, thì ông ta lại phải cấp tốc rút quân ngược trở lại về phía sau Ban-căng. Ông ta chỉ có 20 000 quân, mà một phần tư thì đã bị mắc dịch hạch. Lúc bấy giờ, với tư cách là người trung gian, đại sứ quán Phổ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ đứng ra dàn xếp, và đã khuyến dụ người Thổ Nhĩ Kỳ đi đến hòa bình bằng sự tuyên bố dối trá về một cuộc tiến công của quân Nga, mà trên thực tế thì hoàn toàn

không có. Việc đó đã giúp cho vị thống soái Nga có được lối thoát, như là Môn-tơ-kê đã nói:

"Tử tình thế như vậy, cái tình thế mà chỉ cần kéo dài thêm độ vài ngày nữa thôi là đủ để cho ông ta bị rơi tõm từ đỉnh cao của chiến thắng xuống vực thẳm của chết chóc". (Môn-tơ-kê "Chiến dịch Nga – Thổ Nhĩ Kỳ", 390)[49].

Dù sao thì hòa ước cũng đã đem lại cho đế quốc Nga cái cửa sông Đa-nuýp, một phần của lãnh thổ ở châu Á và những lý do mới để thường xuyên can thiệp vào công việc của các công quốc vùng Đa-nuýp[50]. Những công quốc này từ lúc đó cho đến tận cuộc chiến tranh Crưm vẫn cứ là cái "karczma zajezdna"[1*] cho các đơn vị quân Nga; trong cả quá trình đó chỉ thỉnh thoảng các công quốc này mới được giải phóng khỏi các đội quân ấy.

Trước khi sử dụng được những ưu thế ấy cho các mục đích tương lai thì cuộc cách mạng tháng Bảy[51] bùng nổ. Giờ đây thì bọn gián điệp Nga phải tạm thời che giấu những lời lẽ tự do của họ; họ chỉ còn nói đến việc bảo vệ "chủ nghĩa chính thống". Cuộc hành quân của Liên minh thần thánh chống Pháp đã chuẩn bị sẵn sàng thì bỗng nhiên cuộc khởi nghĩa tháng Bảy nổ ra đặt nước Nga vào tình trạng bị đe dọa trong suốt cả một năm; như vậy là nước Ba Lan lại một lần nữa tự hy sinh mình để cứu cách mạng châu Âu[52].

Tôi sẽ không nói về những mối quan hệ Nga–Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 1830-1848. Điều quan trọng trong các mối quan hệ ấy là ở chỗ nước Nga có khả năng lần đầu tiên đứng ra bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ khỏi sự dấy loạn của Mô-ha-mét A-li chư hầu Ai Cập của Thổ Nhĩ Kỳ, Nga đã có thể gửi đến Bô-xpho 30 000 quân để bảo vệ Công-xtăng-ti-nô-plơ và với hiệp ước Un-ki-ác –

1* Trong bản tiếng Anh sau những chữ "karczma zajerdna" có thêm mấy chữ "(quán trọ)".

I-xkê-lê-xi, trên thực tế Nga đã đạt được ách thống trị của nó lên nước Thổ Nhĩ Kỳ[53] trong nhiều năm; tiếp theo đó, vào năm 1840, nhân sự phản bội của Pan-mốc-xtơn, chỉ trong khoảnh khắc, nước Nga đã thành đạt được việc biến đổi cái khối Liên minh châu Âu đang là mối đe dọa đối với nó thành ra khối liên minh chống Pháp[54], và cuối cùng nó đã có thể chuẩn bị xâm chiếm các công quốc ở vùng Da-nuýp bằng cách không ngừng chiếm cứ, bóc lột nông dân[1*], cũng như lôi kéo bọn quý tộc về phía mình nhờ sự giúp đỡ của "Règlement organique"[55] (xem: Mác, "Tư bản", t.I, chương III)[2*]. Về cơ bản thì giai đoạn ấy là giai đoạn chinh phục và Nga hóa vùng Cáp-ca-dơ, một việc mà rốt cuộc chỉ sau hai mươi năm đấu tranh người ta mới thực hiện được.

Trong thời gian này, giới ngoại giao Nga đã bị một thất bại nặng nề: ngày 29 tháng Mười một, khi đại công tước Công-xtăng-tin buộc phải chạy khỏi Vác-sa-va để tránh quân khởi nghĩa Ba Lan, thì tất cả những hồ sơ lưu trữ về ngoại giao của ông ta, các thông điệp chính thức của bộ trưởng Bộ ngoại giao[3*] và các bản sao chính thức những thông báo quan trọng của các đại sứ đã lọt vào tay nghĩa quân. Toàn bộ guồng máy của ngành ngoại giao Nga từ 1825 đến 1830 bị lộ[4*]. Chính phủ Ba Lan,

1* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ "bóc lột nông dân" là những chữ: "bố trí quân đội của mình vào đóng trong nhà nông dân".

2* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ in trong ngoặc đơn là chú thích ở cuối trang như sau: "Bộ luật về cư dân nông thôn giao cho các quý tộc — tức là tầng lớp quý tộc địa chủ ở địa phương — được quyền sử dụng phần lớn thời gian lao động của người nông dân, hơn nữa lại không phải trả công gì hết. Chi tiết hơn xin xem: Các Mác, "Tư bản", chương X, tr. 218 — 222 bản tiếng Anh"[56].

3* — Nê-xen-rô-đe

4* Trong bản tiếng Anh câu này được viết như sau: "Toàn bộ guồng máy của ngành ngoại giao Nga và tất cả những gian kế mà nó đã bày đặt ra trong thời gian 1825-1830 đã bị lộ".

thông qua bá tước Da-môi-xki lại gửi những thông điệp ấy sang Anh và Pháp và theo lệnh của Vin-hem IV, vua Anh, các tài liệu ấy, vào năm 1834, được Da-vít Uốc-các-tơ công bố trong tuyển tập "Portfolio"[57]. Cho đến bây giờ tập "Portfolio" ấy vẫn còn là một trong những nguồn chính, và nói chung, đáng tin cậy nhất để tìm hiểu lịch sử của những gian kế mà Sa hoàng đã dùng để gây mâu thuẫn giữa các nước Tây Âu nhằm lợi dụng kết quả của các mối bất hòa ấy mà bắt tất cả các nước đó phải chịu sự thống trị của mình.

Giới ngoại giao Nga đã không những không bị thiệt hại gì mà còn trực tiếp được lợi khi họ trải qua nhiều cuộc cách mạng ở Tây Âu. Cho nên khi cuộc cách mạng tháng Hai năm 1848 nổ ra thì nó đã có thể chào mừng cuộc cách mạng ấy như là một sự kiện vô cùng hữu ích đối với nó. Cuộc cách mạng đã lan đến Viên, không những đã khử bỏ đi được một đối thủ chính của nước Nga là Mét-téc-ních mà còn thức tỉnh những người Xla-vơ ở Áo — mà đó có thể là những người liên minh của Nga hoàng; cách mạng bao trùm cả Béc-lin và do đó nó đã làm cho Phri-đrích Vin-hem IV — một con người khao khát hành động nhưng hoàn toàn bất lực — bị mất đi hoàn toàn cái ước vọng khát khao được độc lập tách khỏi nước Nga. Có gì thuận lợi hơn nữa? Nước Nga được bảo đảm khỏi mọi thứ truyền nhiễm, còn ở Ba Lan thì đang làm ra những lực lượng mạnh mẽ đến nỗi nó không thể nào cựa quậy được nữa. Và khi mà cách mạng vừa mới lan đến các công quốc ở vùng sông Da-nuýp [58], thì giới ngoại giao Nga đã nhận được cái mà nó hằng mong muốn — đó là cái cớ để cho một cuộc can thiệp mới vào Môn-đa-vi-a và Va-la-ki để thiết lập trật tự và củng cố hơn nữa nền thống trị của Nga ở đó.

Nhưng, thế chưa đủ. Áo, một đối thủ kiên quyết nhất, cứng rắn nhất của Nga ở trên biên giới của bán đảo Ban-căng, do cuộc khởi nghĩa ở Hung-ga-ri và ở Viên mà lâm vào tình trạng hết

sức nguy khốn. Tuy nhiên, chiến thắng của người Hung-ga-ri có nghĩa là một đợt bùng nổ mới của cách mạng châu Âu, còn sự có mặt của một số lớn người Ba Lan trong quân đội Hung-ga-ri là sự bảo đảm rằng lần này cách mạng sẽ không dừng lại ở biên giới Ba Lan. Vì vậy mà Ni-cô-lai đã đóng vai một kẻ độ lượng. Ông ta hạ lệnh cho quân đội của mình tràn vào Hung-ga-ri, dùng những lực lượng áp đảo để đàn áp quân đội Hung-ga-ri và qua đó làm cho thất bại của cách mạng châu Âu thêm chắc chắn. Còn khi mà nước Phổ còn đang cố sức toan lợi dụng cách mạng để xé nát cái liên bang Đức và ít nhất thì cũng bắt các tiểu quốc gia ở miền Bắc nước Đức phải phục tùng bá quyền của Phổ, thì Ni-cô-lai lại triệu Phổ và Áo ra trước tòa của ông ta ở Vác-sa-va và ra một phán quyết có lợi cho Áo [59]. Để cảm ơn về sự ngoan ngoãn phục tùng của Phổ đối với Nga từ nhiều năm nay, người ta đã làm nhục Phổ khi nó chỉ hơi tỏ ra trong giây lát là có ý định chống lại. Vấn đề Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ, Ni-cô-lai cũng đã giải quyết không phải có lợi cho nước Đức và đã chỉ định người kế thừa cái ngai vàng Đan Mạch là Cri-xti-an Glúc-xbuốc-xki, điều mà Ni-cô-lai thấy trước là sẽ có lợi cho những mục đích của chế độ Nga hoàng [60]. Không chỉ một Hung-ga-ri mà cả châu Âu đã nằm rạp xuống dưới chân Nga hoàng, và đó là hậu quả trực tiếp của cách mạng. Và chẳng lẽ giới ngoại giao Nga lại không có quyền ngấm ngầm khoái trá trước các cuộc cách mạng ở phương Tây hay sao?

Nhưng cuộc cách mạng tháng Hai dẫu sao vẫn là tiếng chuông cảnh tỉnh đầu tiên đối với chính thế Nga hoàng. Cái tâm hồn bé nhỏ của con người thiển cận Ni-cô-lai không thể hoàn hồn được trước một sự xúc cảm từ cái thành đạt bé nhỏ ấy; ông ta quá vội vã tiến về phía Công-xtăng-ti-nô-plơ, cuộc chiến tranh Crưm bùng nổ; Anh và Pháp giúp đỡ cho Thổ Nhĩ Kỳ, còn Áo

thì nóng lòng muốn d'étonner le monde par la grandeur de son ingratitude[1*]. Bởi vì Áo đã hiểu rằng để tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ quân sự ở Hung-ga-ri và về quyết định được đưa ra tại Vác-sa-va, người ta đang đợi ở Áo một sự trung lập hay, hơn thế nữa, một sự ủng hộ những cuộc xâm lăng của Nga ở Đa-nuýp mà điều đó cũng giống như là sự bao vây nước Áo bởi nước Nga từ Cra-cốp đến Oóc-sô-va và Dem-lin. Và lần này thì nước Áo – làm một điều mà hầu như nó chưa từng làm bao giờ – đã mạnh dạn có ý kiến của riêng mình.

Cuộc chiến tranh Crưm, xét về một phương diện nào đó, là một hài kịch duy nhất khổng lồ của những sai lầm, khi ta thường xuyên tự hỏi: ở đây ai là kẻ bị lừa bịp? Nhưng cái giá phải trả cho tấn hài kịch ấy là một khoản chi phí không sao quyết toán được và hơn một triệu mạng người. Những toán đầu tiên của quân đồng minh vừa mới đổ bộ lên Bun-ga-ri thì người Áo liền tiến vào các công quốc vùng sông Đa-nuýp, còn người Nga thì rút lui khỏi sông Prút. Như vậy là ở vùng sông Đa-nuýp Áo đã xen vào giữa hai phía đang giao chiến; người ta chỉ có thể tiến hành tiếp cuộc chiến tranh trong vùng ấy nếu được Áo đồng ý. Nhưng Áo cần thiết cho cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây của nước Nga. Áo hiểu rằng nước Nga sẽ không bao giờ tha thứ cho nó về sự vong ơn bội tệ ấy của nó; vì vậy nó sẵn sàng liên kết với các nước đồng minh, nhưng chỉ để tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự nhằm mục đích khôi phục Ba Lan và đẩy biên giới phía Tây của nước Nga lùi lại thật nhiều. Một cuộc

1*. làm cho thế giới kinh ngạc bằng cái cao cả của sự bội ơn của mình (câu nói mà người ta cho là của người đứng đầu Chính phủ Áo là Svác-xen bác nhân sự thay đổi có tính chất thù địch với Nga trong chính sách của Áo).

chiến tranh như thế có lẽ sẽ không thể tránh khỏi lôi cuốn vào khối đồng minh cả nước Phổ[1*], cái quốc gia mà qua lãnh thổ của nó nước Nga đã nhận được tất cả những quân trang, quân dụng nhập khẩu; khối đồng minh châu Âu có lẽ sẽ bao vây được nước Nga cả từ mặt đất liền, cả từ mặt biển và kịch liệt công kích nó bằng những lực lượng trội hơn hẳn, đến nỗi chiến thắng như là đã cầm chắc trong tay vậy.

Nhưng điều đó hoàn toàn không ở trong sự tính toán của Anh và Pháp. Ngược lại, cả hai nước này lấy làm hài lòng rằng cách hành động của Áo đã giải thoát hai nước này ra khỏi nguy cơ của một cuộc chiến tranh thực sự. Điều mà chính nước Nga mong muốn – tức là làm thế nào để cho các đồng minh tiến vào Crưm và sa lầy chặt vào đấy – thì đã được Pan-mốc-xtơn đề nghị và đề nghị ấy được Lu-i–Na-pô-lê-ông sung sướng mà giơ cả hai tay vồ lấy! Tiến từ Crưm vào sâu trong nước Nga chỉ là một sự rồ dại có tính chất chiến lược. Như vậy là cuộc chiến tranh đã lặng lẽ biến thành một cuộc chiến tranh thị uy, điều mà tất cả các bên tham chiến chủ yếu đều lấy làm thỏa mãn. Tuy vậy Nga hoàng Ni-cô-lai thì không thể chịu đựng được trước việc quân địch đóng chặt ở ngoại vi đế quốc của ông ta trên đất Nga; đối với ông ta thì cuộc chiến tranh thị uy chẳng bao lâu sau lại trở thành cuộc chiến tranh thực sự. Nhưng nếu như cái thế ấy là cái thế thuận lợi nhất đối với một cuộc chiến tranh thị uy, thì đối với một cuộc chiến tranh thực sự nó lại là cái thế nguy hiểm nhất. Những gì làm nên sức mạnh của nước Nga trong thế phòng ngự, – tính chất dàn trải bao la của một lãnh thổ hết sức thưa dân, không có đường sá và dự trữ nghèo nàn – sẽ chuyển thành

1* Trong bản tiếng Anh câu này được viết như sau: "Một cuộc chiến tranh như thế có lẽ sẽ làm cho nước Phổ không thể nào trung lập được".

sức mạnh chống lại chính nước Nga, một khi Ni-cô-lai tập trung toàn bộ lực lượng quân sự của mình vào mỗi một địa điểm của một vùng xa trung tâm như là Xê-va-xtô-pôn. Các vùng thảo nguyên miền Nam nước Nga mà đáng lẽ phải trở thành mồ chôn kẻ thù xâm lược thì lại trở thành mồ chôn quân đội Nga – những đội quân bị Ni-cô-lai lần lượt xua vào Crưm với một sự hết sức ngu xuẩn và tàn nhẫn vốn có của ông ta, cho đến tận giữa mùa đông.Và cho đến khi mà cái đội quân cuối cùng, tập hợp lại một cách vội vã, được trang bị một cách đại khái, do thiếu lương ăn đã bị tổn thất dọc đường gần hai phần ba quân số – bị chết trong bão tuyết cả hàng tiểu đoàn, – số còn lại của đội quân ấy hầu như không còn có khả năng để tiến hành bất cứ một cuộc tấn công nào vào kẻ địch nữa thì cái ông Ni-cô-lai tự cao tự đại và rồng tuếch ấy mới đâm ra mất tinh thần một cách thảm hại và ông ta đã uống thuốc độc để chạy trốn cái hậu quả của sự rồ dại trong trách nhiệm làm vua của mình.

Những điều kiện hòa bình mà người kế tục[1*] ông ta ký kết một cách vội vã là những điều kiện hết sức mềm yếu[61]. Nhưng chính vì thế mà những hậu quả chiến tranh đối với tình hình trong nước lại càng có ý nghĩa hơn. Để thống trị một cách chuyên chế trong nước, Nga hoàng cần phải là một kẻ vô địch ở bên ngoài biên giới của ông ta; ông ta cần phải không ngừng giành lấy chiến thắng, ông ta cần phải có khả năng ban thưởng cho sự phục tùng vô điều kiện của thần dân của mình bằng cuồng vọng chiến thắng, có tính chất sô-vanh và bằng những cuộc xâm chiếm mới ngày một nhiều. Còn giờ đây chế độ Nga hoàng đã bị thất bại thảm hại, mà hơn nữa thất bại ấy lại biểu hiện ở người đại biểu oai phong lẫm liệt của nó; nó làm xúc phạm nước Nga trước mặt thế giới, và đồng thời nó tự làm xúc phạm mình trước

1*- A-lếch-xan-đrơ II

mặt nước Nga. Một sự bừng tỉnh chưa từng thấy bắt đầu. Những hy sinh to lớn do chiến tranh đem lại đã làm cho nhân dân Nga vô cùng xúc động, nhà vua phải thường xuyên kêu gọi lòng trung thành của họ để có thể tức khắc đưa dân chúng quay trở lại với tính thụ động và tính ngoan ngoãn một cách máy móc trước kia. Nhờ vậy, nước Nga đã dần dần phát triển cả về mặt kinh tế cũng như về mặt tinh thần; bên cạnh giai cấp quý tộc đã nẩy sinh ra một giai cấp khai sáng khác – đó là giai cấp tư sản. Tóm lại, vị hoàng đế mới lại phải làm ra vẻ như là một người theo chủ nghĩa tự do, nhưng lần này thì chỉ ở *trong nước*. Chính điều đó đã mở đầu lịch sử nội bộ nước Nga cho một phong trào trí tuệ ngay trong bản thân dân tộc và sự phản ánh phong trào đó – tức là dư luận xã hội, dù cho là còn rất yếu, nhưng ngày càng có một ý nghĩa lớn lao và ngày càng ít để cho người ta xem thường mình. Như vậy là ở giới ngoại giao của Nga hoàng xuất hiện một kẻ thù có nhiệm vụ tiêu diệt giới ngoại giao đó. Bởi vì giới ngoại giao như vậy chỉ có thể tồn tại trong chừng mực mà nhân dân còn ở cái trình độ hoàn toàn thụ động, không có một ý chí nào khác ngoài ý chí của chính phủ, và chỉ có nhiệm vụ vào lính và nộp thuế để thực hiện những mục đích mà các nhà ngoại giao theo đuổi. Nhưng vì ở Nga đã bắt đầu một sự phát triển bên trong, đồng thời cũng bắt đầu cuộc đấu tranh nội bộ của các phe phái, nên chiến thắng của hình thức lập hiến, hình thức mà trong đó cuộc đấu tranh của các đảng phái có thể tiến hành, không gây ra những chấn động bạo lực, chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi. Nhưng lúc đó thì cả cái chính sách xâm chiếm của Nga trước đó cũng sẽ trở thành công việc của quá khứ: trong quá trình đấu tranh của các đảng phái để giành chính quyền, giới ngoại giao sẽ bị mất đi các mục đích thường xuyên và không thay đổi của nó, quyền sử dụng không điều kiện các sức lực dân tộc sẽ không thực hiện được. Nước Nga vẫn sẽ là một nước khó có ai đạt tới được và cũng là một nước khá yếu

ớt trong tấn công nhưng trong tất cả các quan hệ khác thì nó đã trở thành một quốc gia mang tính châu Âu như là mọi quốc gia châu Âu khác và cái sức mạnh đặc thù của ngành ngoại giao trước đây của nó thì sẽ bị triệt tiêu vĩnh viễn.

La Russie ne boude pas, elle se recueille [1*] – thủ tướng Goóc-tra-cốp[62] đã nói như vậy sau chiến tranh. Chính ông cũng không thể hiểu được những lời nói của ông là đúng đắn như thế nào. Ông ta chỉ nói đến nước Nga về mặt ngoại giao. Nhưng cái nước Nga không chính thức cũng đã tập trung sức mạnh. Và sự tập trung (recueillement) đó đã được sự ủng hộ của chính phủ. Cuộc chiến tranh đã chứng minh rằng chỉ vì những mục đích của riêng chiến tranh thôi thì nước Nga cũng đã cần phải có những con đường sắt và một nền công nghiệp lớn. Và chính phủ đã bắt tay vào việc vun đắp giai cấp những nhà tư bản Nga. Nhưng một giai cấp như thế không thể tồn tại nếu không có giai cấp vô sản, mà để tạo nên các phần tử của giai cấp đó tức là giai cấp vô sản, thì cần phải thực hiện cái gọi là giải phóng nông dân; để được tự do cho cá nhân, người nông dân phải trả cho giai cấp quý tộc cái phần tốt nhất trong số đất đai của riêng mình. Cái phần đất còn lại của người nông dân sẽ là quá nhiều nếu như dùng để chôn khi chết, nhưng lại quá ít nếu như để cày cấy mà sinh sống. Vì vậy trong khi công xã[2*] nông dân Nga tan rã về cơ bản thì sự phát triển của giai cấp đại tư sản mới, đủ các loại, được khuyến khích bằng cách ban cho những đặc quyền lập các công ty đường sắt, các loại thuế đặc ân và nhiều

1*. Nước Nga không nổi giận, nó đang tập trung lại

2* Trong nguyên bản, từ này là tiếng Nga và được viết bằng chữ Gô-tích; trong bản tiếng Anh từ này được viết bằng chữ La-tinh kèm theo chú thích ở cuối trang: "Công xã tự quản của nông dân Nga".

quyền ưu đãi khác, nhờ vậy mà ở thành thị cũng như ở nông thôn bắt đầu một cuộc cách mạng xã hội thực sự, mà cuộc cách mạng đó đã không để yên cho những trí tuệ năng động. Sự xuất hiện một giai cấp tư sản non trẻ được phản ánh trong phong trào tự do lập hiến, còn sự nẩy nở giai cấp vô sản thì tìm thấy sự phản ánh của nó trong các phong trào mà thường được gọi là chủ nghĩa hư vô. Kết quả thực tế của cái "recueillement" ở Nga là như vậy.

Trong khi đó rõ ràng là giới ngoại giao còn chưa nhận thấy rằng đối thủ đã nẩy sinh ra ngay trong nước mình là ai. Ngược lại ở ngoại quốc dường như là nó vẫn thu được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tại Đại hội Pa-ri năm 1856 Oóc-lốp đã đóng vai trò chủ chốt mà nhiều người đã cố tranh đoạt[1*]; những chỗ đáng lẽ phải chịu sự mất mát, hy sinh thì ông ta lại đã thu những kết quả mới; những quyền hành về quân sự trên mặt biển mà nước Anh đã đòi hỏi và từ thời Ê-ca-tê-ri-na đã bị nước Nga bác bỏ, thì nay đã hoàn toàn bị thủ tiêu và khối liên minh Nga-Pháp để chống Áo[63] được thành lập. Khối liên minh này bước vào hoạt động từ năm 1859, khi Lu-i – Na-pô-lê-ông quyết định vì nước Nga mà trả thù Áo. Hậu quả của sự giao ước Nga – Pháp, sự giao ước mà lúc bấy giờ đã bị Mát-di-ni vạch mặt và là sự giao ước mà theo đó, trong trường hợp có cuộc kháng cự kéo dài của Áo, thì người ta đề nghị sẽ đưa một trong những đại công tước Nga lên ngai vàng của nước Hung-ga-ri độc lập,– những hậu quả ấy nước Áo đã tránh được nhờ việc ký kết hòa ước một cách nhanh chóng. Nhưng từ năm 1848 các dân tộc đã thường xuyên làm thất bại những âm mưu của giới ngoại

1* Trong bản tiếng Anh, đoạn cuối câu này được viết như sau: "Oóc-lốp là nhân vật trung tâm và đóng vai trò lãnh đạo".

giao. Nước I-ta-li-a đã trở thành quốc gia độc lập và thống nhất, trái với ý muốn của Nga hoàng và của Lu-i– Na-pô-lê-ông[64].

Cuộc chiến tranh 1859 làm cho cả nước Phổ cũng phải lo ngại. Phổ đã tăng cường gần gấp đôi số quân của mình, đã tìm được người đứng đầu nhà nước, đó là một con người có thể đọ sức với giới ngoại giao Nga ít nhất là trong một phương diện: đó là sự liều lĩnh hết chỗ nói trong việc lựa chọn các thủ đoạn. Người đó là Bi-xmác. Trong thời kỳ khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1863 ông ta, với một điệu bộ của diễn viên sân khấu, đã đứng về phía Nga để chống lại Áo, Pháp và Anh và đã làm tất cả những gì có thể làm được để đảm bảo cho sự chiến thắng của nước Nga[65]. Bằng việc đó ông ta đã đạt được kết quả là Nga hoàng từ bỏ chính sách muôn thuở của ông ta trong vấn đề Slê-đơ-vích–Hôn-stai-nơ; năm 1864 Đan Mạch đã bị cướp mất hai công quốc này[66] với sự đồng ý của Nga hoàng. Tiếp theo sau đó là cuộc chiến tranh Áo – Phổ vào năm 1866, và lần này Nga hoàng lại có dịp hân hoan trước hình phạt mới đối với nước Áo cũng như đối với sự lớn mạnh của nước Phổ – cái nước chư hầu duy nhất này vẫn giữ được lòng trung thành ngay cả sau những cú đá trong những năm 1849 – 1850. Cuộc chiến tranh năm 1866 đã kéo theo cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870 và Sa hoàng, một lần nữa, đứng về phía cái "ông bạn cừ khôi"[1*] người Phổ của mình, ông ta đặt nước Áo dưới tình trạng bị đe dọa trực tiếp và như vậy là đã tước đoạt mất của Pháp người bạn đồng minh duy nhất có thể giải thoát nó ra khỏi sự tiêu diệt hoàn

1* Trong nguyên bản, mấy từ này là tiếng Nga và được viết bằng chữ Gô-tích; trong bản tiếng Anh chúng được viết bằng chữ La-tinh kèm theo chú thích ở cuối trang như sau: "ông bạn cừ khôi: "Uncle's a brick" là lời mà A-lếch-xan-đrơ II thường thốt lên mỗi lúc ông ta nhận được điện văn của Vin-hem báo tin chiến thắng".

toàn. Nhưng cũng giống như Lu-i Bô-na-pác-tơ hồi năm 1866, A-lếch-xan-đrơ, vào năm 1870, đã làm vì những kết quả nhanh chóng của quân đội Đức. Không phải là một cuộc chiến tranh kéo dài cho đến lúc hai bên tham chiến kiệt lực mà là những trận tấn công thần tốc, mà kết quả là chỉ trong năm tuần lễ đế quốc Bô-na-pác-tơ bị lật đổ, còn quân đội của nó thì được chuyển về Đức với tư cách là những tù binh chiến tranh.

Trong lúc đó thì ở châu Âu chỉ có một nơi là hiểu đúng cái tình thế đã được tạo nên: đó là Tổng hội đồng Hội Liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế I). Ngày 9 tháng Chín 1870 Tổng hội đồng đã đưa ra một lời kêu gọi[67], trong đó có sự so sánh giữa cuộc chiến tranh năm 1866 và cuộc chiến tranh năm 1870[1*]. Cuộc chiến tranh năm 1866, trong lời kêu gọi nói, được tiến hành với sự đồng ý của Lu-i– Na-pô-lê-ông, nhưng chỉ cần có những chiến thắng của nước Phổ và sự tăng cường sức mạnh của nó đã đủ làm cho nước Pháp, ngay lập tức, phải giữ lập trường thù địch đối với nước Phổ. Cũng hoàn toàn giống như vậy, những chiến thắng mới vào năm 1870 và cùng với những chiến thắng đó, sự tăng cường sức mạnh của Đức – Phổ buộc vua Nga phải giữ quan hệ thù địch với nước Đức, mặc dù trong thời gian chiến tranh ông ta đã ủng hộ Đức về mặt ngoại giao. Tiền đề thiết yếu để gây ảnh hưởng tốt của nước Nga đối với châu Âu là địa vị ưu thế cổ truyền của nó đối với nước Đức, cái

1* Trong bản tiếng Anh thay cho việc trình bày nội dung của lời kêu gọi; từ đây trở đi cho đến hết đoạn này là đoạn tương ứng trích trong lời kêu gọi đó, bắt đầu từ chữ: "Hoàn toàn giống như năm 1865 Lu-i Bô-na-pác-tơ và Bi-xmác trao đổi những lời hứa hẹn với nhau" cho đến chữ: "một cuộc chiến tranh chống lại các chủng tộc liên minh Xla-vơ và Rô-manh" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập. tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội. 1994. t.17. tr. 368-369)

địa vị mà giờ đây đã bị sụp đổ. Trong cái giờ phút mà ở chính nước Nga phong trào cách mạng bắt đầu trở thành một lực lượng đe dọa thì Nga hoàng không thể để xảy ra một sự mất mát như vậy đối với uy tín của mình ở nước ngoài được. Và nếu như giờ đây nước Đức còn lấy sự chiếm cứ An-da-xơ -Lo-ren-nơ để cưỡng bách nước Pháp phải nhảy vào vòng tay nước Nga, thì nó sẽ, hoặc là cần phải trở thành một công cụ công khai của những kế hoạch xâm lược của Nga, hoặc là sau một thời gian ngắn nghỉ ngơi, nó lại bắt đầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh chống cả Nga lẫn Pháp cùng một lúc – một cuộc chiến tranh dễ dàng phát triển lên thành một cuộc chiến tranh có tính chất chủng tộc chống lại giống người Xla-vơ và Rô-manh liên hợp lại.

Đế quốc Đức mới đã giúp đỡ cho nước Nga bằng cách xâm chiếm vùng An-da-xơ – Lo-ren-nơ của Pháp [68] và, bằng sự việc đó, thực tế nó đã đẩy nước Pháp vào vòng tay nước Nga. Giờ đây, giới ngoại giao Nga hoàng đã ở vào cái địa vị mà ai cũng phải thèm muốn, nó có thể làm cho cả hai nước, cả Pháp lẫn Đức - hai nước này đã trở thành kẻ thù không đội trời chung sau cuộc xâm chiếm ấy – đều phải lệ thuộc vào Nga. Và một lần nữa, Nga lại lợi dụng cái hoàn cảnh thuận lợi đó để tiến công vào Xa-rơ-grát, để tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1877. Sau một cuộc đấu tranh lâu dài, tháng Giêng 1878 quân đội Nga tiến đến tận cửa ngõ thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ, thì bốn chiếc thiết giáp hạm Anh bỗng xuất hiện tại Bô-xpho và buộc quân Nga, lúc bấy giờ đã đứng ngay trước cái nóc tròn của nhà thờ Xô-phi, phải dừng lại và chuyển giao bản hiệp ước Xan-Xtê-phan-nô do họ dự thảo để đại hội Châu Âu xem xét lại [69].

Tuy nhiên, xem ra có vẻ như người ta đã đạt được thành công lớn. Ru-ma-ni, Xéc-bi, Trác-nô-gô-ri đã nhờ nước Nga mà mở rộng được lãnh thổ của mình và giành được độc lập, nên đã đội ơn nước Nga, cái hình tứ giác của những pháo đài nằm giữa sông Đa-nuýp và rặng núi Ban-căng, cái thành lũy vững chãi ấy

của nước Thổ Nhĩ Kỳ [70] đã tạm thời bị phá hủy, các nước vùng Ban-căng, cái lá chắn sau cùng che chở cho Công-xtăng-ti-nô-plơ đã bị giật khỏi tay người Thổ Nhĩ Kỳ và bị tước vũ khí; Bun-ga-ri, Đông Ru-mê-li, về mặt chính thức là những chư hầu của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng trên thực tế đã trở thành các chư hầu của nước Nga; những lãnh thổ của Bét-xa-ra-bi-a bị mất đi hồi năm 1865 đã được trả lại; những vị trí quan trọng mới ở Ác-mê-ni-a đã bị chiếm; nước Áo sau khi chiếm được Bô-xni-a, đã trở thành kẻ tham dự vào việc chia cắt Thổ Nhĩ Kỳ và không tránh khỏi trở thành kẻ chống lại mọi khát vọng của Xéc-bi về độc lập và thống nhất; cuối cùng, Thổ Nhĩ Kỳ, do việc bị mất lãnh thổ, bị kiệt lực và do những lời cam kết quá sức trong việc bồi thường những chi phí chiến tranh nên đã bị lệ thuộc hoàn toàn vào nước Nga, và lâm vào một tình thế, mà theo ý kiến của người Nga, và cũng là ý kiến hoàn toàn đúng [1*], thì Thổ Nhĩ Kỳ chỉ còn là kẻ tạm thời giữ hộ Bô-xpho và Đác-đa-nen cho nước Nga mà thôi. Như vậy là hình như nước Nga chỉ còn có mỗi một việc là chọn sao cho được một dịp thuận lợi để đạt cái mục đích lớn cuối cùng của nó – là chiếm lấy Công-xtăng-ti-nô-plơ, đó là cái "la clef de notre maison" [2*].

Tuy nhiên, trên thực tế vấn đề diễn ra lại không hoàn toàn như vậy. Nếu như việc xâm chiếm An-da-xơ - Lo-ren-nơ buộc nước Pháp phải rơi vào vòng tay nước Nga, thì việc tấn công vào Công-xtăng-ti-nô-plơ và Hòa ước Béc-lin lại buộc Áo phải rơi vào

1* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ: "theo ý kiến của người Nga và cũng là ý kiến hoàn toàn đúng" là những chữ: "và giới ngoại giao Nga biết rất rõ điều đó".

2* – "chìa khóa của ngôi nhà của chúng ta" (lời của A-lếch-xan-đrơ I trong cuộc nói chuyện với đại sứ Pháp Cô-len-cua năm 1808).

vòng tay Bi-xmác. Và kết quả của điều đó làm cho toàn bộ tình hình một lần nữa bị thay đổi. Các cường quốc mạnh về mặt quân sự trên lục địa chia ra thành hai phe lớn và đe dọa nhau: một bên là Nga và Pháp, một bên là Đức và Áo. Tập hợp xung quanh phe này cũng như phe kia là các quốc gia nhỏ. Nhưng điều đó có ý nghĩa là chế độ Sa hoàng không thể thực hiện cái bước quyết định cuối cùng, không thể thực sự chiếm lấy Công-xtăng-ti-nô-plơ mà không xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới với những cơ may gần như bằng nhau, một cuộc chiến tranh mà cơ thể là kết quả của nó sẽ phụ thuộc không phải vào hai phía gây ra nó mà lại là phụ thuộc vào nước Anh. Bởi vì cuộc chiến tranh của Áo và Đức chống lại nước Nga và Pháp nếu xảy ra sẽ tước mất của toàn bộ phương Tây việc chuyên chở lúa mỳ của Nga trên đường bộ. Trong khi đó, tất cả các nước Tây Âu chỉ sống nhờ vào việc chuyên chở lúa mỳ từ nước ngoài vào. Mà nếu chiến tranh xảy ra thì điều đó chỉ có thể thực hiện được qua đường biển, mà ưu thế của Anh trên mặt biển cho phép nó cắt đứt các con đường vận chuyển ấy của Pháp, hoặc là của Đức. Bằng cách đó, nó có thể làm yếu sức của nước này hay nước kia tùy thuộc vào chỗ đứng của nó là ở phía nào [1*].

1* Trong bản tiếng Anh, chỗ này còn có chú thích ở cuối trang như sau: "Trong một cuộc chiến tranh thông thường với một hoặc hai cường quốc ở lục địa nước Anh có thể sẽ không cảm nhận được tình trạng không có những quyền quân sự trên biển, mà nước Anh đã ao ước từ lâu, và cuối cùng, theo tinh thần bản Tuyên ngôn Pa-ri năm 1856, nó đã phải khước từ. Trong thế kỷ đường sắt này, các cường quốc này có ngay dù có bị phong tỏa cả mặt biển đi nữa thì họ vẫn có thể chuyên chở trên bộ một số lượng bất kỳ nào đó những hàng hóa cần thiết cho mình từ các nước trung lập giáp giới với nó; đó là công lao chính mà Phổ đã đóng góp cho Nga trong thời gian chiến tranh Crưm. Nhưng trong cuộc Âu chiến này, cuộc chiến tranh mà bây giờ đây đang đe dọa chúng ta, thì toàn thể lục địa châu Âu có thể bị chia ra thành những nhóm thù địch nhau; cuối cùng rồi người ta cũng sẽ có thể không giữ được trung lập nữa; thương mại quốc tế bằng đường bộ hầu như bị chấm dứt, không nói là hoàn toàn bị chấm dứt. Trong hoàn cảnh như vậy nước Anh có thể sẽ hối tiếc về sự từ bỏ những quyền quân sự của mình trên mặt biển. Nhưng, mặt khác, trong một cuộc chiến tranh như vậy thì ưu thế của nước Anh trên mặt biển sẽ thể hiện đầy đủ, và nói cho đúng ra cũng chẳng cần gì hơn thế nữa".

Nhưng cuộc đấu tranh giành Công-xtăng-ti-nô-plơ bằng một cuộc chiến tranh thế giới, mà trong đó nước Anh sẽ quyết định kết quả của vấn đề – đó chính là cái tình thế mà trong suốt một năm rưỡi giới ngoại giao Nga đã cố gắng tránh. Đó chính là sự thất bại của giới ngoại giao Nga [1*].

1* Trong bản tiếng Anh, tiếp đó là đoạn bổ sung như sau: "Những nhà ngoại giao ở Xanh – Pê-téc-bua hiểu rõ rằng việc làm tê liệt sức kháng cự có thể có của nước Anh đối với việc xác nhận một cách dứt khoát vị trí của nước Nga ở Bô-xpho là hết sức quan trọng. Sau cuộc chiến tranh Crum, và đặc biệt là sau cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ năm 1857 [71], việc chiếm Tuốc-kê-xtan, bắt đầu từ năm 1840 [72], đã trở thành một nhiệm vụ không thể trì hoãn. Năm 1865 người Nga chiếm Ta-sken và như vậy là xây dựng được một vị trí bàn đạp ở Giắc-xác-tơ; năm 1868 Xa-mác-căng bị sáp nhập, năm 1875 Cô-can cũng bị sáp nhập, còn công quốc Bu-ca-ra và hãn quốc Khi-va thì bị lệ thuộc vào nước Nga như là chư hầu. Tiếp theo đó, cuộc tấn công chậm rãi từ vùng Đông-Nam của biển Ca-xpiên vào Méc-vơ bắt đầu; vào năm 1881 Hê-oóc – Tê-pơ, tiền đồn quan trọng đầu tiên trên sa mạc bị chiếm, năm 1884 Méc-vơ đầu hàng, và giờ đây con đường sắt ngoại Ca-xpiên đã hoàn thành nốt chỗ bị đứt đoạn trong hệ thống đường giao thông của Nga nối liền Mi-khai-lốp-xki trên biển Ca-xpiên với Trác-giui trên sông Ốc-xu-xơ. Vị trí hiện nay của người Nga ở Tuốc-kê-xtan còn xa mới bảo đảm được cho họ có căn cứ vững chắc và đủ để tấn công vào Ấn Độ. Nhưng dẫu sao thì cái vị trí ấy cũng tạo ra được một sự đe dọa rất nghiêm trọng đối với việc xâm nhập trong tương lai và gợi lên những nỗi lo lắng thường xuyên trong dân chúng địa phương. Chừng nào mà quyền thống trị của Anh ở Ấn Độ không có những người cạnh tranh như vậy thì chúng đó ngay cả cuộc nổi dậy năm 1857 và sự đàn áp nó một cách khốc liệt vẫn có thể xem như là những sự kiện mà cuối cùng rồi cũng nhằm củng cố thêm quyền thống trị của người Anh mà thôi. Nhưng khi mà ở Tuốc-kê-xtan đã có mặt một cường quốc mạnh vào bậc nhất châu Âu về mặt quân sự, một cường quốc hoặc là bằng sức mạnh, hoặc là bằng con đường thuyết phục đã biến Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan thành các chư hầu của chúng và tiến dần, tuy chậm chạp nhưng đều đặn đến các rặng núi Hin-đu-cu-sơ và Xô-li-man-nộ-vơ, – thì ở đây vấn đề đã hoàn toàn khác. Sự thống trị của Anh đối với Ấn Độ không còn là một cái gì đó tựa như một số phận khắc nghiệt; trước mắt dân chúng địa phương đã mở ra một viễn cảnh khác; cái được dựng lên bằng sức mạnh thì cũng có thể bị phá hủy bằng sức mạnh; và nếu như giờ đây nước Anh dám chặn cái con đường của Nga đi vào Hắc Hải, thì nước Nga có thể gây ra cho nước Anh không ít những sự rắc rối ở Ấn Độ. Nhưng, mặc dù vậy sự hùng mạnh của Anh trên mặt biển còn quá to lớn đến nỗi trong một cuộc chiến tranh toàn diện hình như giờ đây sắp diễn ra, Anh vẫn có thể gây cho Nga nhiều thiệt hại hơn so với thiệt hại mà Nga có thể gây ra cho Anh".

Trên thực tế thì sự liên minh với nước Pháp cộng hòa,– nơi thường xuyên xảy ra những sự thay đổi những người nắm chính quyền– là hoàn toàn không đáng tin cậy đối với Nga hoàng và càng ít phù hợp với những mong muốn thầm kín của ông ta. Chỉ dưới chế độ quân chủ của nước Pháp được phục hưng thì Nga hoàng mới có thể tin tưởng được vào người bạn đồng minh của mình trong cái cuộc chiến tranh khủng khiếp mà chỉ giờ đây mới có thể xảy ra. Đó là lý do tại sao mà trong năm năm lại đây Nga hoàng đã đặt dòng họ Oóc-lê-ăng dưới quyền bảo hộ hoàn toàn đặc biệt của mình, dòng họ này thậm chí đã phải làm thân với Nga hoàng bằng cuộc hôn nhân với người đại biểu của hoàng gia Đan Mạch, tiền đồn của người Nga trên vịnh Dun-đơ. Mà để chuẩn bị cho sự phục hồi dòng họ Oóc-lê-ăng ở Pháp, những người bây giờ cũng đã trở thành một tiền đồn của Nga, thì phải sử dụng đến tướng Bu-lan-giơ, những vây cánh của ông này ở Pháp khoe khoang ầm lên rằng cái nguồn bí mật để họ phung phí bạc tiền chẳng phải ai khác mà là Chính phủ Nga đã trao cho họ *mười lăm triệu phrăng* để Bu-lan-giơ thực hiện cuộc vận động của ông ta[73]. Như vậy là nước Nga đã lại can thiệp vào công việc nội bộ của các nước phương Tây, mà lần này lại công khai với danh nghĩa là người bảo vệ lực lượng phản động, sử dụng chủ nghĩa sô-vanh cực đoan của giai cấp tư sản Pháp để chống lại tinh thần cách mạng của thợ thuyền Pháp.

Nói chung thì phải đến sau năm 1878 mới lại phát hiện ra sự sa sút rõ ràng của giới ngoại giao Nga kể từ khi mà nhân dân các nước ngày một hăng hái tham gia vào công việc của nước mình và tham gia một cách có kết quả. Ngay cả ở bán đảo Ban-căng, trong vùng mà nước Nga đã ex professo[1*] đứng ra

1* – một cách đặc biệt

với vai trò những người đi giải phóng cho nhân dân thì giới ngoại giao Nga cũng chẳng thu được thành công gì. Để cảm ơn về việc chính họ đã tạo điều kiện cho người Nga chiến thắng trận Plép-na[74], người Ru-ma-ni đã một lần nữa, buộc phải nhường cái phần đất Bét-xa-ra-bi-a – vốn thuộc quyền của họ và bây giờ chưa chắc họ đã chịu để cho mình bị quyến rũ bởi những lời hứa thống nhất Xé-mi-grát-đi và Ba-nát trong tương lai. Người Bun-ga-ri thì đã quá ngấy vì cái phương pháp giải phóng của Nga hoàng thông qua những hoạt động của những tên gián điệp mà Nga hoàng đã gửi đến nước họ; chỉ có người Xéc-bi và có lẽ là cả người Hy Lạp nữa, là vẫn còn chưa biết sợ – sở dĩ như vậy là vì cả hai dân tộc này không trực tiếp ở ngay trên con đường đi đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Người Xla-vơ ở Áo, những người được Nga tự coi là có trách nhiệm giải phóng ra khỏi ách thống trị của Đức thì từ lúc đó cũng đã ở vào địa vị kẻ thống trị ít nhất là tại miền Xi-xlây-tan của đế quốc[75]. Lời nói về sự giải phóng nhân dân[1*] của Sa hoàng đầy quyền thế đã hết thời rồi, lời nói đó phải chăng chỉ còn có thể áp dụng đối với Cre-tơ hoặc là đối với Ác-mê-ni-a, chứ nó không còn có một ý nghĩa gì nữa ở châu Âu, ngay cả đối với những người Cơ Đốc tự do ngoan đạo ở Anh; từ khi một người Mỹ tên là Ken-nan, đã vạch trần ra[76] trước toàn thế giới tất cả những thủ đoạn đê tiện mà chế độ Nga hoàng đã sử dụng trong đế quốc mình để đàn áp mọi mưu toan chống đối[2*] thì ngay cả người hâm mộ Nga hoàng như Glát-xtơn

1* Trong bản tiếng Anh, thay cho những chữ: "về sự giải phóng nhân dân" là những chữ: "về sự giải phóng các dân tộc theo đạo Cơ Đốc bị áp bức".

2* Trong bản tiếng Anh, sau những chữ: "mưu toan chống đối" còn có thêm mấy chữ: "từ khi người ta biết vụ sử dụng nhục hình đối với bà Xi-ghi-đa và những "hành vi tàn bạo" khác của Nga".

cũng không thể liều mạng gây ra cuộc chiến tranh châu Âu chỉ vì Cre-tơ hoặc Ác-mê-ni-a.

Và ở đây chúng ta đã đi đến một vấn đề cơ bản. Sự phát triển trong nội bộ của nước Nga từ thời kỳ 1856, một sự phát triển đã được chính sách của chính phủ ủng hộ, đã có hiệu lực: cuộc cách mạng xã hội đã thu được những kết quả khổng lồ; nước Nga ngày một trở thành một quốc gia có tính chất Tây Âu hơn; sự phát triển của đại công nghiệp đường sắt, sự thay đổi tất cả những nghĩa vụ hiện vật bằng tiền mặt và do đó mà có sự tan rã những tập tục của xã hội cũ – tất cả những cái đó đã xảy ra trong nước Nga với một tốc độ ngày càng tăng. Nhưng, ngày một thấy rõ sự trái ngược cùng với tốc độ ấy, giữa chế độ chuyên chế của Nga hoàng với xã hội mới, cái xã hội đang ở trong giai đoạn hình thành. Các đảng đối lập được hình thành. Đó là các đảng cách mạng và lập hiến mà chính phủ chỉ có thể bắt phục tùng nhờ vào sự giúp đỡ của bạo lực ngày một thô lỗ. Và giới ngoại giao Nga với sự hãi hùng nhìn thấy sự dịch gần đến cái ngày, khi mà nhân dân Nga sẽ nói lên tiếng nói của mình và khi, do việc cần phải điều chỉnh những công việc của chính nội bộ mình, mà nó không có đủ thời gian, không muốn thực hiện những dự định vớ vẩn có tính chất trẻ con như là việc xâm chiếm Công-xtăng-ti-nô-plơ, xâm chiếm Ấn Độ và việc giành quyền thống trị toàn thế giới. Cuộc cách mạng mà hồi năm 1848 đã dừng lại trên biên giới Ba Lan, thì giờ đây đang gõ vào cánh cửa của nước Nga, và ở trong nước, cuộc cách mạng đó đã có đủ những bạn đồng minh đang đợi cơ hội để mở cho nó những cánh cửa ấy.

Mặc dù, khi đọc báo chí Nga người ta có thể nghĩ rằng toàn nước Nga đang say sưa với chính sách xâm lược của nước Nga; khắp nơi – toàn là chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa đại Xla-vơ, toàn là những lời kêu gọi giải phóng cho người theo đạo Cơ Đốc

là đem lại cho cư dân An-da-xơ-Lô-ren-nơ khả năng định đoạt tương lai chính trị của mình theo sự suy xét của mình. Do đó, vấn đề sẽ được giải quyết hoàn toàn không có sự tham gia của lính Pháp.

Trái lại, chiến tranh giữa Đức và Pháp sẽ là phương tiện duy nhất ngăn cản những người xã hội chủ nghĩa lên nắm chính quyền. Còn nếu Pháp liên minh với Nga tấn công Đức thì Đức sẽ chiến đấu một mất một còn, bảo vệ sự tồn tại dân tộc của mình mà những người xã hội chủ nghĩa Đức tha thiết hơn rất nhiều so với những người tư sản. Vì vậy những người xã hội chủ nghĩa sẽ chiến đấu đến người cuối cùng và không do dự sẽ dùng những biện pháp cách mạng mà Pháp đã áp dụng vào năm 1793.

Đã đăng trên báo "L' Éclair", ngày 6 tháng tư 1892 và đăng có lược bớt trên báo "Le Socialiste" số 82, ngày 16 tháng Tư 1892

In theo bản đăng trên báo "L' Éclair", có đối chiếu với bản đăng trên báo "Le Socialiste".
Nguyên văn là tiếng Pháp, in bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA PHÓNG VIÊN BÁO PHÁP "LE FIGARO" NGÀY 11 THÁNG NĂM 1893[530]

... Biết được mục đích đến thăm của tôi, Ăng-ghen đã tuyên bố với tôi như sau:

- Nước Đức đang bước vào một trong những thời kỳ nghiêm trọng nhất trong lịch sử của mình, nhưng tôi phải nói thêm ngay rằng những người xã hội chủ nghĩa chúng tôi chẳng có gì phải sợ tình hình đã hình thành. Trái lại, chúng tôi sử dụng thành công tình hình đó có lợi cho chúng tôi. Kinh phí chiến tranh không được chuẩn y chủ yếu nhờ sự cổ động của chúng tôi [531]. Cả những đảng nghị trường khác nhau, đặc biệt là cả chính phủ biết rõ ràng chúng tôi là kẻ thù nguy hiểm nhất đối với nó, đều không thể coi thường chúng tôi. Khi ở Đức biết được rằng chính phủ quyết định giành cho được những khoản kinh phí chiến tranh mới thì dân chúng nổi giận, và lập trường của phái giữa và phái cấp tiến trong việc biểu quyết [532], chắc chắn đã chịu sức ép của dư luận.

Ông thấy không, – Ăng-ghen nói thêm, cố ý nhấn mạnh lời tuyên bố của mình,- ở Đức nhân dân nói: *"Chúng tôi cung cấp lính đủ rồi ! Cần chấm dứt điều này !"*

- Còn quốc hội mới, thưa ông Ăng-ghen ?

-Giờ đây, khi chúng tôi nói chuyện với ông, tôi cảm thấy quốc hội Đức khóa này ít có ý muốn biến quyết tâm dành kinh phí

mình chống Pháp, những người bạn mà sự đe dọa của nước Nga đã đẩy họ đến chỗ phải nhảy xổ vào bắt tay Bi-xmác. Tham gia vào cuộc chiến tranh khốn lỗ của châu Âu để phục vụ không công cho Bi-xmác, Áo và I-ta-li-a chẳng thu được một mảy may quyền lợi gì. Đế quốc Đức lại lâm vào tình thế bị cô lập, các tình thế mà trong đó, theo lời của Môn-tơ-kê, ai cũng sợ nó, nhưng không ai yêu nó cả[78], đó là kết quả không thể tránh được của đường lối chính trị của nó. Và lúc bấy giờ sự xích gần lại với nhau giữa nước Nga đang đấu tranh cho tự do của mình với nước Pháp cộng hòa sẽ là hết sức tự nhiên đối với hoàn cảnh của cả hai nước và cũng là hết sức an toàn cho tình hình chung của châu Âu. Trong trường hợp này thì chính ngay Bi-xmác, hoặc là người kế tục ông ta, phải cân nhắc kỹ càng, trước khi dám gây ra một cuộc chiến tranh chống Pháp, trong đó Nga không đứng ra che cho ông ta khỏi bị Áo đánh thọc sườn, mà Áo cũng không che cho ông ta khỏi bị Nga đánh thọc sườn và cả Áo lẫn Nga sẽ vui mừng trước mỗi thất bại của Bi-xmác và những người kế tục ông ta, thành thử rất không chắc chắn là liệu Bi-xmác có thể chiến thắng được, dù chỉ là với mỗi một mình những người Pháp, hay không. Mọi thiện cảm đã dồn cả về phía Pháp, và ngay cả trong trường hợp xấu nhất thì nó cũng sẽ được bảo đảm là trong tương lai nó sẽ không bị mất mát thêm gì về mặt lãnh thổ. Vì vậy đế quốc Đức không đi theo hướng chiến tranh, mà ngược lại có lẽ chẳng bao lâu nó thấy ra rằng tình thế cô lập của nó là không thể chịu đựng nổi đến nỗi nó phải thành thật cố đạt đến một sự thỏa thuận với Pháp; và như vậy là nguy cơ chiến tranh sẽ có thể loại trừ được, *châu Âu có thể giải trừ quân bị* mà điều đó thì bản thân nước Đức là có lợi hơn ai hết.

Ngày ấy nước Áo sẽ mất cái lý do duy nhất có tính chất lịch sử biện minh cho sự tồn tại của nó – đó là làm hàng rào chắn

ngang con đường tấn công của quân Nga vào Công-xtăng-ti-nô-plơ. Nga không còn đe dọa Bô-xpho, thì châu Âu sẽ lập tức chẳng bận tâm gì đến cái tổ hợp đa tạp các dân tộc ấy nữa. Toàn bộ cái gọi là vấn đề phương Đông – vấn đề về số phận tương lai của sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ trong các vùng dân cư Xla-vơ, Hy Lạp và An-ba-ni, và cả sự tranh chấp lối vào Hắc Hải, cái cửa khẩu mà lúc bấy giờ không ai có thể độc quyền chiếm và sử dụng để chống lại châu Âu, cũng không còn có ý nghĩa gì nữa. Người Ma-gi-a, người Ru-ma-ni, người Xéc-bi, người Bun-ga-ri, người Ác-nau-ta[1*], người Hy Lạp [2*] và người Thổ Nhĩ Kỳ cuối cùng rồi cũng có thể dàn xếp những sự bất đồng với nhau mà không cần có sự can thiệp của nước ngoài, phân chia lại giới hạn lãnh thổ quốc gia của mình, củng cố lại các công việc nội bộ của mình theo những sự suy xét của riêng mình. Lúc bấy giờ mới thấy ngay rằng trở ngại chính đối với việc tự trị và đối với sự thống nhất thật sự của các dân tộc và các tàn tích có tính chất dân tộc khác nhau trên lãnh thổ nằm giữa Các-pát và biển Ê-giê, tất cả là do ở chế độ Nga hoàng mà ra. Chính chế độ Sa hoàng đã lợi dụng việc giải phóng giả tạo đối với nhân dân các nước ấy để ngụy trang cho những kế hoạch thống trị thế giới của mình.

Lúc bấy giờ nước Pháp tự giải thoát cho mình khỏi cái tình trạng bắt buộc trái với lẽ tự nhiên mà liên minh với nước Nga Sa hoàng đã đẩy nó vào đó. Nếu như Nga hoàng đã chán ngấy đối với việc liên minh với nước Cộng hòa thì nhân dân cách mạng Pháp còn quá chán hơn trong việc liên minh với một tên độc tài,

1* = tên gọi người An-ba-ni bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ

2* Trong bản tiếng Anh sau những chữ "người Hy Lạp" còn có thêm mấy chữ "người Ác-mê-ni-a".

một tên đao phủ của nước Ba Lan và nước Nga. Trong chiến tranh, nếu đứng về phía Nga hoàng, nước Pháp, trong trường hợp thất bại, sẽ bị mất khả năng để sử dụng con đường cứu thoát vĩ đại và công hiệu duy nhất của nó, sử dụng cái biện pháp hiệu nghiệm hồi năm 1793 – tức là cách mạng, động viên toàn bộ lực lượng của nhân dân bằng cách khủng bố và tuyên truyền cách mạng trong nước của địch thủ. Trong trường hợp này thì Nga hoàng tức khắc liên hiệp với những kẻ thù của nước Pháp, bởi vì từ năm 1848 thời gian đã thay đổi quá nhiều và từ lúc đó Nga hoàng đã có điều kiện để biết được qua chính kinh nghiệm của bản thân mình ở chính ngay trong nước Nga rằng thế nào là khủng bố. Như vậy là việc liên minh với Nga hoàng nói chung không tăng sức mạnh cho nước Pháp; ngược lại, trong giờ phút nguy kịch nhất sự liên minh ấy còn ngăn trở nước Pháp tuốt kiếm chiến đấu. Nhưng nếu như ở Nga thay vào địa vị của quốc vương hùng mạnh là một quốc hội Nga thì lúc đó sự liên minh của nước Nga mới giải phóng với nước Pháp cộng hòa sẽ hoàn toàn là một lẽ tự nhiên và là điều dễ hiểu, lúc đó sự liên minh sẽ tạo điều kiện thuận lợi chứ không ngăn trở phong trào cách mạng ở Pháp, lúc bấy giờ sự liên minh ấy sẽ có lợi cho giai cấp vô sản châu Âu đang đấu tranh để tự giải phóng. Như vậy là chính nước Pháp đã thắng cuộc nhờ vào sự thất bại của quyền năng Nga hoàng.

Đồng thời cũng sẽ biến mất tất cả những lý do để chạy đua vũ trang một cách điên rồ, biến cả châu Âu thành một trại lính và buộc phải xem chiến tranh như là con đường thoát. Chính lúc đó ngay cả Quốc hội Đức cũng phải cấp tốc từ chối những yêu cầu thường xuyên tăng trong việc bỏ tiền ra cho các mục đích quân sự.

Và, cũng bằng cách đó, phương Tây, không còn phải lo âu và không bị làm lạc hướng bởi sự can thiệp của nước ngoài, và có

điều kiện để thực hiện cái nhiệm vụ lịch sử ngày nay của nó là giải quyết sự xung đột giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản và tổ chức lại xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa[1*].

Nhưng sự sụp đổ của chế độ chuyên chế Nga hoàng ở Nga sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc đẩy nhanh quá trình ấy. Ngày nào mà chính quyền Nga hoàng, cái thành trì cuối cùng ấy của lực lượng phản động toàn châu Âu bị đổ thì ngày ấy trên toàn châu Âu sẽ nổi lên một luồng gió hoàn toàn khác. Bởi lẽ các chính phủ phản động của châu Âu[2*] hiểu rất rõ ràng bất chấp mọi sự tranh chấp giữa họ với Nga hoàng về vấn đề Công-xtăng-ti-nô-plơ v.v., nhưng vẫn có thể có lúc họ sẵn sàng quẳng ngay cho Nga hoàng Công-xtăng-ti-nô-plơ, Bô-xpho, Dác-đa-nen và tất cả những gì mà Nga hoàng cần, để chỉ yêu cầu ông ta có một việc là bảo vệ cho các chính phủ ấy khỏi bị cách mạng lật đổ. Vì vậy ngày nào cái thành trì chính ấy[3*] chuyển qua tay cách mạng thì các chính phủ phản động châu Âu bị mất đi cái chỗ dựa cuối cùng của lòng tự tin và sự an tâm; lúc bấy giờ các chính phủ ấy chỉ có thể trông đợi vào cái sức mạnh của chính bản thân họ và họ tức khắc cảm thấy tình thế đổi thay quá nhiều. Có thể là họ sẽ dám làm cả việc gửi các

1* Trong bản tiếng Anh, thay cho những chữ "tổ chức lại xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa" là những chữ: "và đồng thời giải quyết những vấn đề kinh tế".

2* Trong bản tiếng Anh thay cho những chữ: "Bởi lẽ các chính phủ phản động của châu Âu" là những chữ: "Bởi lẽ các lãnh chúa ở Béc-lin và ở Viên".

3* Trong bản tiếng Anh sau những chữ "ngày nào cái thành trì chính ấy" còn có thêm những chữ: "ngày nào mà nước Nga".

đội quân của họ đến để phục hồi lại chế độ Nga hoàng,– trở trêu thay cho lịch sử toàn thế giới![1*]

Chính những hoàn cảnh ấy, các hoàn cảnh mà nhờ đó cả Tây Âu và Đảng công nhân Tây Âu nói riêng, nói chung đang quan

1* Trong bản tiếng Anh thay cho câu này là đoạn sau đây: " Có thể là Hoàng đế Đức bị cám dỗ mà gửi các đội quân của mình đến để phục hồi chính quyền của Nga hoàng, nhưng đó chỉ là việc dẫn thêm một bước chắc chắn nữa đến chỗ làm cho bản thân chính quyền của mình bị tiêu diệt mà thôi". Tiếp đó còn có thêm đoạn sau đây: "Thực ra, không thể nghi ngờ gì nữa rằng nước Đức đang nhanh chóng xích tiến gần đến chỗ trạm chân với cách mạng, hoàn toàn không kể là phía Nga hoặc Pháp có hành động gì đi nữa hay không. Những cuộc tổng tuyển cử gần đây nhất nói lên rằng lực lượng của những người xã hội chủ nghĩa ở Đức cứ ba năm lại tăng gấp đôi, rằng hiện nay trong tất cả các đảng phái tại đế quốc Đức thì những người xã hội chủ nghĩa là đảng mạnh nhất, nó thu được 1 437 000 phiếu trong tổng số bảy triệu phiếu bầu, và rằng toàn bộ những luật lệ để trừng phạt và những luật lệ đặc biệt đều đã hoàn toàn bất lực trong việc ngăn cản những kết quả của họ. Nhưng những người xã hội chủ nghĩa Đức sẵn sàng có thái độ thích đáng đối với bất kỳ những nhượng bộ nào về mặt kinh tế mà vị hoàng đế trẻ tuổi muốn làm đối với giai cấp công nhân, đồng thời cũng hết sức cương quyết — và sự cương quyết đó là vững chắc hơn bao giờ hết sau mười năm phải chịu đựng hiệu lực của đạo luật đặc biệt — giành cho được việc khôi phục tự do chính trị, sự tự do đã giành được hồi năm 1848 trên chiến lũy của thành phố Béc-lin, nhưng đã bị mất đi một cách nghiêm trọng dưới chính thể của Man tơi-phen và của Bi-xmác. Họ hiểu rằng chỉ sự tự do chính trị ấy mới đem lại cho họ những phương tiện cần thiết để đạt đến sự giải phóng về mặt kinh tế cho giai cấp công nhân. Mặc dù có vài triệu chứng, dường như, chứng tỏ điều ngược lại song chúng ta đang ở vào đêm trước của cuộc đấu tranh giữa những người xã hội chủ nghĩa Đức với hoàng đế là người đại diện cho quyền lực cá nhân và gia trưởng. Trong cuộc đấu tranh này, cuối cùng hoàng đế nhất định sẽ thất bại. Những kết quả của các cuộc bầu cử nói lên rằng những người xã hội chủ nghĩa đã thu được những kết quả nhanh chóng ngay cả trong các vùng nông thôn, còn các thành phố lớn thì thực tế họ đã chinh phục được trong một nước mà mỗi người nam giới đủ tuổi trưởng thành và đủ điều kiện về thể lực đều là một người lính thì điều đó có nghĩa là quân đội đang dần dần chuyển sang ngả về phía chủ nghĩa xã hội. Giả dụ chế độ chính trị ở Nga đột ngột thay đổi thì sự kiện đó sẽ tác động lớn lao đến nước Đức; và điều đó nhất định sẽ đẩy nhanh sự khủng hoảng và làm tăng gấp đôi khả năng thành công của những người xã hội chủ nghĩa".

tâm một cách đặc biệt đến chiến thắng của đảng cách mạng Nga và quan tâm đến việc lật đổ chế độ chuyên chế của Nga hoàng. Với tốc độ ngày một lớn, châu Âu đang trượt xuống dốc để đổ vào cái vực thẳm của một cuộc chiến tranh thế giới với những quy mô và lực lượng chưa từng thấy. Tuy nhiên chỉ có một cách có thể chặn đứng nó lại đó là: làm thay đổi chế độ chính trị ở Nga. Điều đó cần phải được diễn ra trong những năm sắp tới đây – đó là điều không còn phải nghi ngờ nữa. Cứ để cho sự thay đổi ấy diễn ra đúng lúc, trước khi diễn ra cái mà không thể nào tránh khỏi được.

BÀN VỀ CHỦ NGHĨA BÀI DO THÁI
(TRÍCH THƯ GỬI MỘT CÁ NHÂN [1*] Ở VIÊN) [79]

... Nhưng chẳng phải là với chủ nghĩa bài Do Thái anh đã gây ra nhiều cái hại hơn là cái lợi đó sao – đấy chính là điều mà tôi mong anh hãy suy nghĩ. Chủ nghĩa bài Do Thái là dấu hiệu của một nền văn hóa lạc hậu, và vì vậy mà nó chỉ xuất hiện ở Phổ và ở Áo, và cả ở Nga nữa. Nếu như ở đây, tại nước Anh này, hoặc là ở Mỹ có một người nào đó bỗng nhiên muốn tuyên truyền chủ nghĩa bài Do Thái thì hẳn anh ta sẽ bị chê cười, và ngay ở cả Pa-ri ngài Druy-mông với những tác phẩm của mình – các tác phẩm này thông minh hơn nhiều so với các bài viết của những người theo chủ nghĩa bài Do Thái ở Đức – cũng chỉ gây ra một ít sự giật gân nhất thời vô hiệu. Hơn thế nữa, giờ đây khi ông ta là ứng cử viên tranh ghế cố vấn tòa thị chính thì ông ta lại phải tuyên bố rằng ông cũng chống lại giới tư bản Cơ Đốc giáo giống như chống lại giới tư bản Do Thái vậy! Thế

1*. Ông I.Ê-ren-phrây

thì người ta ắt phải đọc ông Druy-mông đấy, cho dù ông ta có phát biểu ngay cả ý kiến ngược lại đi nữa.

Ở Phổ kẻ đi truyền bá chủ nghĩa bài Do Thái là tầng lớp tiểu quý tộc, bọn sĩ quan có thu nhập 10 000 mác mà chi phí 20 000 mác và vì vậy mà lâm vào cảnh lệ thuộc vào những tên cho vay nặng lãi; cả ở Phổ và cả ở Áo những người tiểu tư sản: những thợ thủ công phường hội và các tiểu chủ, đang chết dở vì sự cạnh tranh của tư bản lớn, phụ họa theo những tên bài Do Thái như một bản hợp ca. Và nếu như tư bản tiêu diệt được những giai cấp hoàn toàn phản động ấy của xã hội thì nó làm cái mà nó cần phải làm và nó làm một việc tốt – bất kể nó là tư bản Do Thái hay là tư bản A-ry-en theo Do Thái giáo, hay theo Cơ Đốc giáo; nó giúp cho những người Phổ và những người Áo lạc hậu tiến lên, tạo điều kiện để cuối cùng họ đạt được trình độ phát triển ngày nay, trình độ phát triển mà ở đó tất cả những sự phân biệt trước đây về mặt xã hội bị hòa tan vào trong một sự đối lập lớn duy nhất giữa nhà tư bản và công nhân làm thuê. Chỉ ở nơi nào còn chưa có cái đó, còn chưa có một giai cấp các nhà tư bản mạnh mẽ, và do đó cũng chưa có một giai cấp công nhân làm thuê mạnh mẽ; ở nơi nào tư bản còn quá yếu không nắm lấy được toàn bộ nền sản xuất quốc dân, và vì thế vũ đài hoạt động chính của nó là sở giao dịch chứng khoán, do đó ở nơi nào, nền sản xuất vẫn còn nằm trong tay nông dân, địa chủ, thợ thủ công và các giai cấp tương tự đã từng tồn tại từ thời Trung cổ, – chỉ có ở những nơi đó tư bản mới chủ yếu là có tính chất Do Thái, và chỉ có ở đó mới có chủ nghĩa bài Do Thái.

Trên toàn bộ Bắc Mỹ, nơi có những nhà triệu phú, mà sự giàu có của chúng khó có thể thể hiện được bằng những đồng mác, đồng gun-den hay đồng phrăng thảm hại của chúng ta, trong số các nhà triệu phú ấy *tuyệt nhiên không có một ai là người Do Thái* và so với những người Mỹ ấy thì những người như Rốt-sin

chỉ là những kẻ ăn mày thật sự. Ngay ở đây, tại nước Anh này, thì Rốt-sin cũng chỉ là một con người nghèo khổ so với ví dụ như bá tước Ven-xtơ-min-xtơ. Ngay như ở vùng Ranh của nước ta, nơi mà 95 năm về trước, với sự giúp đỡ của người Pháp chúng ta đã tống cổ được bọn quý tộc đi và đã dựng nên một nền công nghiệp hiện đại – thì ở đó làm gì có người Do Thái?

Như vậy chủ nghĩa bài Do Thái chẳng qua chỉ là một sự phản ứng của các tầng lớp xã hội đã suy đồi thời Trung cổ chống lại xã hội hiện đại, cái xã hội chủ yếu bao gồm những nhà tư bản và công nhân làm thuê. Vì vậy nó chỉ phục vụ cho những mục đích phản động núp dưới chiêu bài chủ nghĩa xã hội giả hiệu: nó là một biến tướng quái gở của chủ nghĩa xã hội phong kiến, và chúng ta không thể có cái gì chung với nó cả. Nếu như nó có thể xuất hiện ở một nước nào đó thì điều ấy chỉ chứng tỏ rằng ở đấy tư bản chưa phát triển đầy đủ mà thôi. Ngày nay tư bản và lao động làm thuê gắn liền với nhau. Tư bản càng mạnh bao nhiêu thì giai cấp công nhân làm thuê càng mạnh bấy nhiêu, do đó sự cáo chung của nền thống trị của các nhà tư bản càng tới gần bấy nhiêu. Vì vậy tôi mong ước cho người Đức chúng ta, trong đó tôi kể cả người Viên, phát triển thật mạnh nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và tôi hoàn toàn không mong muốn nền kinh tế ấy dẫm chân trong tình trạng đình trệ.

Hơn nữa, chủ nghĩa bài Do Thái còn xuyên tạc tình hình thực tế. Nó thậm chí không hề biết những người Do Thái mà nó đang bài trừ. Nếu không thì nó ắt đã biết rằng ở đây, ở Anh và ở Mỹ nhờ những người bài Do Thái Đông Âu, còn ở Thổ Nhĩ Kỳ thì nhờ tòa án giáo hội Tây Ban Nha mà có hàng nghìn và hàng nhiều nghìn người *vô sản Do Thái*, và chính những công nhân Do Thái ấy đã bị bóc lột thậm tệ nhất và sống cùng khổ hơn tất cả. Ở đây, tại nước Anh của chúng ta, trong năm vừa qua đã xảy ra ba cuộc bãi công của công nhân Do Thái[80], - vậy thì làm

sao lại có thể nói đến chủ nghĩa bài Do Thái với tính cách là một thủ đoạn đấu tranh chống lại tư bản?

Ngoài ra, chúng ta mang ơn người Do Thái rất nhiều. Không kể Hai-nơ và Bớc-nơ, Mác là một người Do Thái chính cống. Lát-xan cũng là một người Do Thái. Nhiều người trong số những người ưu tú của chúng ta là người Do Thái. Ông bạn Vích-to Át-le của tôi, người mà giờ đây đang bị giam trong nhà tù Viên vì lòng trung thành của ông đối với sự nghiệp của giai cấp vô sản, Ê-đu-ác Béc-stanh, tổng biên tập báo "Sozialdemokrat" ở Luân Đôn, Pa-un Din-ghe, một trong những đại biểu xuất sắc của chúng ta trong nghị viện Đức – tất cả những người ấy là những người mà tôi lấy làm tự hào về tình bạn của họ, và tất cả họ đều là người Do Thái! Ngay bản thân tôi cũng được tạp chí "Gartenlaube"[81] làm cho trở thành người Do Thái, và dù sao đi nữa nếu phải lựa chọn, thì tôi chọn làm người Do Thái hơn là làm một "ngài *Phôn*"!

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 19 tháng Tư 1890
Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung"
số 19, ngày 9 tháng Năm 1890

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ĐỨC "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" NĂM 1890[82]

Từ khi viết những dòng trên đây[83] tới hay thì việc tái bản một lần nữa bản tiếng Đức của "Tuyên ngôn" đã trở thành cần thiết. Và lại, cũng cần phải nói ở đây rằng chung quanh "Tuyên ngôn", đã xảy ra rất nhiều chuyện.

Bản dịch tiếng Nga lần thứ hai, do Vê-ra Da-xu-lích thực hiện, đã xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1882; Mác và tôi đã đề tựa cho bản in đó. Đáng tiếc là tôi đã để thất lạc mất nguyên bản lời tựa đó bằng tiếng Đức[84] nên tôi buộc phải dịch ngược trở lại từ tiếng Nga, làm như thế không lợi cho nguyên bản chút nào cả. Đây là lời tựa đó:

Bản tiếng Nga đầu tiên của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", do Ba-cu-nin dịch, đã xuất bản vào đầu những năm 60, do nhà in "Cái chuông"[85] in. Lúc bấy giờ, đối với phương Tây, một bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Nga, giỏi lắm chỉ là một của lạ về văn chương mà thôi. Ngày nay, tình hình không phải như thế nữa. Trong thời kỳ đó, địa bàn truyền bá của phong trào vô sản còn hẹp biết bao, điều ấy biểu lộ rất rõ ở chương cuối của "Tuyên

ngôn" (tháng Giêng 1848[1*]) "Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập khác nhau"[2*]. Trong chương ấy, nước Nga và Hợp chúng quốc chẳng hạn, không được nói tới. Đó là thời kỳ mà nước Nga là đội quân hậu bị lớn cuối cùng của phe phản động châu Âu, và là thời kỳ mà việc di dân sang Mỹ đã thu hút những lực lượng còn thừa lại của giai cấp vô sản châu Âu. Hai nước ấy cung cấp nguyên liệu cho châu Âu và đồng thời là một thị trường tiêu thụ những sản phẩm công nghiệp của châu Âu. Cho nên lúc đó, cả hai nước ấy, bằng cách này hay cách khác, đều được dùng làm thành trì cho chế độ xã hội ở châu Âu.

Ngày nay, tất cả tình hình ấy đã thay đổi biết bao! Chính sự di dân của châu Âu đã tạo khả năng cho sự phát triển phi thường của nông nghiệp ở Bắc Mỹ, sự phát triển này đang cạnh tranh và làm lay chuyển đến tận nền móng chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn và nhỏ ở châu Âu. Chính sự di dân ấy đồng thời cũng đem lại cho Mỹ khả năng khai thác những tài nguyên công nghiệp hết sức to lớn của nó, và khai thác một cách mãnh liệt và trên quy mô hết sức to lớn đến nỗi độc quyền công nghiệp của Tây Âu, và nhất là của nước Anh, bị phá tan trong một thời gian ngắn. Hai tình huống ấy lại tác động trở lại một cách cách mạng vào chính ngay nước Mỹ. Chế độ chiếm hữu ruộng đất nhỏ và trung bình của những phéc-mi-ê sử dụng lao động của bản thân[3*], cái

1* Trong bản thảo Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Nga năm 1882, thay cho những chữ "tháng Giêng 1848" là những chữ "tháng Chạp 1847".

2* Trong bản thảo Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Nga năm 1882 tiếp sau đó là những chữ sau đây: "ở những nước khác nhau".

3* Những chữ "sử dụng lao động của bản thân" do Ăng-ghen bổ sung trong lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890.

cơ sở ấy của toàn bộ chế độ chính trị của nước Mỹ đã quy dần dưới sự cạnh tranh của những điền trang khổng lồ, trong khi ấy thì ở các thị trấn công nghiệp, lần đầu tiên một giai cấp vô sản đông đảo đang hình thành bên cạnh một sự tích tụ phi thường của tư bản.

Bây giờ chúng ta nói đến nước Nga! Trong cuộc Cách mạng 1848-1849, bọn vua chúa ở châu Âu, cũng hệt như giai cấp tư sản châu Âu, đều coi sự can thiệp của nước Nga là phương tiện duy nhất để cứu chúng thoát khỏi tay giai cấp vô sản vừa mới bắt đầu giác ngộ về lực lượng của mình. Chúng tôn Nga hoàng làm trùm phe phản động châu Âu. Hiện nay, Nga hoàng, ở Gat-si-na[86], đã là tù binh của cách mạng, và nước Nga đang đi tiên phong trong phong trào cách mạng châu Âu.

"Tuyên ngôn cộng sản", có nhiệm vụ tuyên bố sự diệt vong sắp xảy ra không tránh khỏi của chế độ sở hữu tư sản hiện đại. Nhưng ở Nga, bên cạnh sự hoạt động ráo riết của chủ nghĩa tư bản đang phát triển nhanh chóng và chế độ sở hữu ruộng đất tư sản đang hình thành, chúng ta thấy quá nửa số ruộng đất là sở hữu công xã của nông dân.

Bây giờ, thử hỏi công xã nông thôn Nga [1*], cái hình thức đã bị phân giải ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy, có thể chuyển sang hình thức cao, cộng sản chủ nghĩa về sở hữu ruộng đất không? Hay là trước hết, nó cũng phải trải qua quá trình tan rã như nó đã trải qua trong tiến trình phát triển lịch sử của phương Tây?

Ngày nay, lời giải đáp duy nhất cho câu hỏi ấy là thế này:

1* Trong bản thảo Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Nga năm 1882, thay cho những chữ "công xã nông dân" (Bauerngemeinde) là từ Nga "công xã" được viết bằng chữ cái La-tinh (Obschtschina).

Sozialdemokratische Bibliothek.

XXXIII.

Das Kommunistische Manifest.

Vierte autorisirte deutsche Ausgabe.

Mit einem neuen Vorwort von Friedrich Engels.

London.
German Cooperative Publishing Co.
114 Kentish Town Road NW.
1890.

Bìa phụ của bản in bằng tiếng Đức
"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1890

nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì chế độ ruộng đất công xã ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa.

Luân Đôn, ngày 21 tháng Giêng 1882

Các Mác, Phri-đrích Ăng-ghen

Cũng vào khoảng thời kỳ đó, một bản dịch mới ra tiếng Ba Lan đã được xuất bản ở Giơ-ne-vơ: "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" [87].

Sau đó, một bản dịch mới ra tiếng Đan Mạch đã được xuất bản "Socialdemokratisk Bibliothek", tại Cô-pen-ha-ghen, 1885 [88]. Khốn một nỗi là bản dịch đó chưa được hoàn toàn đầy đủ, một vài đoạn chủ yếu dường như đã gây khó khăn cho người dịch, nên đã bị bỏ qua và ở đôi chỗ, có thể thấy một số biểu hiện của sự cẩu thả, điều đó thật càng đáng tiếc, nhất là khi đọc những chỗ khác thì người ta thấy rằng nếu thận trọng hơn một chút, bản dịch có thể là xuất sắc.

Năm 1886, một bản dịch mới ra tiếng Pháp đã được xuất bản trên tờ "Le Socialiste" ở Pa-ri, cho đến nay, đó là bản dịch tốt nhất [89].

Cũng năm đó, đã xuất hiện một bản dịch từ bản tiếng Pháp đó ra tiếng Tây Ban Nha, trước hết được đăng trên "El Socialista" ở Ma-đrít và sau đó in thành sách mỏng: "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của Các Mác và Ph.Ăng-ghen. Ma-đrít. Nhà xuất bản "El Socialista", phố Éc-nâng Coóc-tê-xa [90].

Còn một chuyện lý thú là hồi năm 1887, một nhà xuất bản ở Công-xtăng-ti-nô-plơ nhận được một bản thảo dịch "Tuyên ngôn" ra tiếng Ác-mê-ni-a, nhưng cái con người kỳ dị ấy không có can

đảm in một cuốn sách mang tên Mác, ông ta yêu cầu người dịch nhận là tác giả, nhưng người dịch từ chối.

Ở Anh, đã nhiều lần in đi in lại một số bản dịch của người Mỹ không được chính xác mấy; cuối cùng, đến năm 1888, đã có một bản dịch chính xác ra đời. Bản đó do người bạn của tôi là Xa-muy-en Mo-rơ dịch, và chúng tôi đã cùng nhau duyệt lại trước khi đưa in. Nhan đề của nó là: ""Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghen. Bản dịch tiếng Anh của tác giả, có bổ sung phần chú thích của Phri-đrích Ăng-ghen, 1888, Luân Đôn, Uy-li-am Rip-xơ, 185 phố Phlít, I-xtéc-nơ Trung tâm"[91]. Trong lần xuất bản này, tôi đã sao lại một vài chú thích trong bản tiếng Anh đó.

"Tuyên ngôn" có vận mệnh riêng của nó. Khi ra đời, nó được đội tiên phong còn ít ỏi của chủ nghĩa xã hội khoa học nhiệt liệt chào mừng (những bản dịch [92] nêu ra trong bài tựa thứ nhất đã chứng tỏ điều đó); chẳng bao lâu, nó bị thế lực phản động, nổi lên sau thất bại của công nhân Pa-ri hồi tháng Sáu 1848, đẩy lùi về phía sau và cuối cùng, "chiếu theo luật pháp", nó bị cấm cùng với việc kết án những người cộng sản ở Khuên hồi tháng Mười một 1852[93]. Phong trào công nhân gắn liền với Cách mạng tháng Hai đã biến khỏi vũ đài xã hội, và cùng với nó, "Tuyên ngôn" cũng lùi về phía sau.

Khi giai cấp công nhân châu Âu đã lại sức đủ để mở một cuộc tấn công mới vào thế lực của các giai cấp thống trị thì Hội liên hiệp công nhân quốc tế ra đời. Hội có mục đích đoàn kết toàn thể giai cấp công nhân có tinh thần chiến đấu ở châu Âu và châu Mỹ thành một đạo quân to lớn duy nhất. Cho nên Hội không thể *xuất phát trực tiếp* từ những nguyên lý đề ra trong "Tuyên ngôn" được. Hội cần phải có một cương lĩnh không đóng cửa đối với những hội công liên ở Anh, đối với phái Pru-đông ở

Pháp, Bỉ, I-ta-li-a, và Tây Ban Nha và đối với cả phái Lát-xan ở Đức nữa [1]. Cương lĩnh ấy – tức là lời nói đầu trong Điều lệ của Quốc tế [94] – là do Mác thảo ra với một biệt tài mà ngay cả Ba-cu-nin và những người vô chính phủ cũng phải khâm phục. Để đạt tới thắng lợi cuối cùng của những nguyên lý đề ra trong "Tuyên ngôn", Mác chỉ tin tưởng vào sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân, sự phát triển mà hành động chung và tranh luận chung nhất định sẽ mang lại. Do các sự biến và những thành bại của cuộc đấu tranh chống tư bản – do những thất bại nhiều hơn là do những thành công, – mà những người đang chiến đấu không thể không cảm thấy rằng tất cả mọi môn thuốc vạn ứng của họ đều vô dụng, họ không thể không đi đến chỗ nhận thấy tường tận những điều kiện thực sự của công cuộc tự giải phóng của họ. Và Mác đã đúng. Giai cấp công nhân năm 1874, sau khi Quốc tế giải tán, đã khác hẳn giai cấp công nhân năm 1864, lúc thành lập Quốc tế. Chủ nghĩa Pru-đông ở các nước thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh và chủ nghĩa Lát-xan đặc thù ở Đức đều đã hấp hối, và ngay cả những hội công liên ở Anh, lúc ấy cực kỳ bảo thủ, dần dần cũng đã tiến gần tới lúc mà năm 1887, chủ tịch đại hội của họ ở Xu-ôn-xi[1*] đã có thể nhân danh họ mà nói rằng: "Chủ nghĩa xã hội ở lục địa không còn làm cho chúng ta sợ nữa".[95] Nhưng từ năm 1887, chủ nghĩa xã hội lục địa đã

1) Bản thân Lát-xan luôn luôn cam đoan với chúng tôi rằng ông ta là "học trò" của Mác, và với tư cách ấy, tất nhiên là ông ta đứng trên lập trường của "Tuyên ngôn". Một số người trong phái ông ta thì lại không như vậy; họ không đi quá yêu sách của ông ta về những hội sản xuất do nhà nước trợ cấp và vẫn chia toàn bộ giai cấp công nhân ra thành một hạng trông mong vào trợ cấp của nhà nước và một hạng chỉ trông vào bản thân mình.

1*- U. Bê-van

gần như hoàn toàn giống hệt lý luận trình bày trong "Tuyên ngôn". Và như vậy thì lịch sử của "Tuyên ngôn" đã phản ánh được đến một mức độ nào đó lịch sử phong trào công nhân hiện đại từ năm 1848 đến nay. Hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước từ Xi-bia đến Ca-li-phoóc-ni-a.

Thế nhưng khi nó ra đời, chúng tôi lại không thể đề tên nó là Tuyên ngôn *xã hội chủ nghĩa* được. Năm 1847, người ta thường dùng từ xã hội chủ nghĩa để chỉ hai loại người. Trước hết là những môn đồ của các hệ thống không tưởng, nhất là những người thuộc phái Ô-oen ở Anh và những người thuộc phái Phu-ri-ê ở Pháp, là những phát hiện còn đang sống ngắc ngoải. Mặt khác là bọn lang băm đủ cỡ, chúng định dùng một lô thuốc vạn ứng và đủ mọi thứ biện pháp chắp vá để xóa bỏ những nỗi khốn cùng của xã hội, mà không đụng chạm chút nào đến tư bản và lợi nhuận. Trong cả hai trường hợp, họ đều là những kẻ sống ngoài phong trào công nhân và thật ra họ chỉ đi tìm chỗ dựa ở phía các giai cấp "có văn hóa". Trái lại, cái bộ phận công nhân do nhận thấy rằng chỉ làm những cuộc đảo lộn chính trị thôi thì không đủ nên đòi phải có một cuộc cải tạo xã hội về căn bản, thì tự mệnh danh là *cộng sản*. Đó là một chủ nghĩa cộng sản vừa mới phác họa ra, hoàn toàn theo bản năng, đôi khi còn hơi thô kệch; nhưng chủ nghĩa ấy cũng đã khá mạnh nên mới sinh ra được hai hệ thống chủ nghĩa cộng sản không tưởng: ở Pháp là "thuyết I-ca-ri" của Ca-bê và ở Đức là hệ thống của Vai-tlinh. Năm 1847, chủ nghĩa xã hội có nghĩa là một phong trào tư sản, còn chủ nghĩa cộng sản là một phong trào công nhân. Chủ nghĩa xã hội đã "ra mắt thiên hạ" rồi, ít ra cũng là ở trên lục địa, còn chủ nghĩa cộng sản thì trái hẳn lại. Và bởi vì ngay từ lúc đó, chúng tôi đã nhận định rất rõ ràng "việc giải phóng những người lao động phải là sự nghiệp của bản thân những người lao động"[96], nên chúng tôi không thể do dự một chút nào trong việc

chọn tên gọi. Từ đấy, không bao giờ chúng tôi có ý bỏ cái tên cộng sản.

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!" Chỉ có một vài tiếng đáp lại chúng tôi, khi chúng tôi tung lời kêu gọi ấy ra với thế giới, cách đây bốn mươi năm, ngay trước cuộc cách mạng đầu tiên nổ ra ở Pa-ri, trong đó giai cấp vô sản đã xuất hiện với những yêu sách của chính mình. Nhưng ngày 28 tháng Chín 1864, những người vô sản trong phần lớn các nước Tây Âu đã liên hợp lại để lập ra Hội liên hiệp công nhân quốc tế, một hội mà tên tuổi vẻ vang được ghi nhớ mãi mãi. Thật ra, bản thân Quốc tế chỉ sống có chín năm. Nhưng sự đoàn kết bất diệt do Quốc tế đã xây dựng được giữa những người vô sản tất cả các nước vẫn tồn tại và càng mạnh hơn bao giờ hết, không có bằng chứng nào chứng tỏ được rõ rệt hơn ngày hôm nay. Bởi vì, ngày hôm nay, khi tôi viết những dòng này, giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ đang điểm lại lực lượng chiến đấu của mình, lực lượng lần đầu tiên được huy động thành một đạo quân *duy nhất*, dưới cùng một ngọn cờ và nhằm cùng một mục đích trước mắt là đòi pháp luật quy định ngày làm việc bình thường là tám giờ, yêu sách đã được tuyên bố từ năm 1866 tại Đại hội của Quốc tế ở Giơ-ne-vơ và sau này lại được tuyên bố lần nữa tại Đại hội công nhân ở Pa-ri năm 1889[97]. Cảnh tượng ngày hôm nay sẽ chỉ cho bọn tư sản và bọn địa chủ tất cả các nước thấy rằng những người vô sản tất cả các nước đã thực sự đoàn kết với nhau.

Tiếc rằng Mác không còn ở bên tôi để chính mắt trông thấy cảnh tượng ấy!

Luân Đôn, ngày 1 tháng Năm 1890

Ph.Ăng-ghen

Đã in trong cuốn sách "Das Kommunistische Manifest". London 1890

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

Arbeiter-Zeitung.

Organ

der

Oesterreichischen Sozialdemokratie

Erscheint jeden Freitag.

Nr. 21. Wien, den 23. Mai 1890. II. Jahrgang.

NGÀY 4 THÁNG NĂM Ở LUÂN ĐÔN [98]

Ngày lễ mồng một tháng Năm của giai cấp vô sản mở ra một thời đại không chỉ nhờ tính chất rộng khắp của nó đã làm nó trở thành một *hành động* quốc tế đầu tiên của giai cấp thợ thuyền tranh đấu. Nó còn tạo ra khả năng để xác nhận rằng đã có những kết quả rất đáng mừng trong phong trào ở từng nước riêng biệt. Kẻ thù cũng như bè bạn đều đồng ý rằng *trong số tất cả các nước trên lục địa châu Âu, ngày lễ của những người vô sản được tiến hành một cách tốt nhất và xứng đáng nhất là ở Áo, mà trong số các thành phố của Áo thì tốt nhất là ở Viên* do đó công nhân Áo, – đặc biệt là công nhân Viên đã giành được cho mình một vị trí hoàn toàn khác trong phong trào. Trước đây một vài năm, phong trào ở Áo hầu như chẳng còn gì cả, thợ thuyền của những tiểu vương quốc Đức và Xla-vơ bị chia ra thành các phe phái thù địch nhau và phung phí sức lực của mình trong cuộc đấu tranh nội bộ; chỉ ba năm trước đây giá như có ai đó cho rằng thành phố Viên và toàn bộ nước Áo vào ngày 1 tháng Năm 1890 sẽ nêu cho mọi người một mẫu mực là nên kỷ niệm ngày lễ của giai cấp vô sản như thế nào thì chắc là người

đó sẽ làm cho người ta tức cười. Không nên quên sự thực đó khi chúng ta buộc phải nói lên ý kiến của chúng ta về những mối bất hòa nội bộ đang làm tiêu ma sức lực của thợ thuyền ở các nước khác, như ở Pháp chẳng hạn. Ai dám khẳng định rằng Pa-ri không thể làm được những gì mà Viên đã làm?

Nhưng ngày 4 tháng Năm Luân Đôn đã làm cho Viên bị lu mờ. Tôi cho rằng cái quan trọng nhất và cái vĩ đại nhất trong toàn bộ ngày lễ tháng Năm là việc ngày 4 tháng Năm 1890 *giai cấp vô sản Anh* đã thức dậy sau bốn chục năm nằm im, *nay lại tham gia vào phong trào của giai cấp mình*. Để hiểu được điều đó cần phải tìm hiểu tiên sử của ngày 4 tháng Năm.

Đầu năm ngoái, một xóm thợ đông nhất và nghèo nhất thế giới -- khu I-xtơ-En-đơ ở Luân Đôn – đã dần dần chuyển động. Ngày 1 tháng Tư 1889 Công đoàn công nhân các xí nghiệp hơi đốt và các thợ phụ (Gas Workers and General Labourers Union) được thành lập; giờ đây trong tổ chức đó đã có đến 100 000 hội viên. Nhờ sự hỗ trợ tích cực, chủ yếu là của công đoàn hữu quan ấy (nhiều thợ thuyền mùa đông làm việc tại các xí nghiệp đóng thuyền) đã nảy sinh cuộc đình công khổng lồ của công nhân bốc vác bến tàu, cuộc đình công đã đưa ra khỏi tình trạng thụ động ngay cả những tầng lớp thợ thuyền lớp dưới ở mạn phía đông thành phố Luân Đôn [99]. Hiện nay trong những công nhân phần lớn chưa được đào tạo ấy đã lần lượt ra đời những công đoàn mới và những công đoàn cũ của họ trước đây tồn tại lay lắt thì bây giờ đã phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên giữa những công liên mới này với các công liên cũ có một sự khác biệt rất lớn. Các công liên cũ, bao gồm những công nhân "đã qua huấn luyện", mang tính cách đóng kín. Họ hoàn toàn không kết nạp những người thợ chưa trải qua sự rèn luyện ở phường hội, và bằng cách đó tự mình tạo nên một sự cạnh tranh của những công nhân ngoài phường hội. Chúng giàu có, nhưng càng giàu thì chúng

càng thoái hóa thành những qũy giúp đỡ người ốm và nhà có tang; chúng bảo thủ và ra sức khước từ chủ nghĩa xã hội "đáng ghét" trong chừng mực và chừng nào có thể làm được thế. Ngược lại, những công liên mới của những người thợ "chưa được huấn luyện" này thu nhận *từng* người đồng nghiệp. Những công đoàn đó về cơ bản – còn những công đoàn của công nhân hơi đốt thì hoàn toàn – là những công đoàn nhằm tiến hành bãi công và là những qũy bãi công; và nếu trong các hàng ngũ chúng còn chưa hoàn toàn là những người xã hội chủ nghĩa, thì dẫu sao họ cũng muốn có những người lãnh đạo của họ chỉ là những người theo chủ nghĩa xã hội chứ không phải ai khác. Còn sự tuyên truyền xã hội chủ nghĩa thì được tiến hành tích cực ở I-xtơ-En-đơ đã nhiều năm nay. Làm việc này đặc biệt tích cực là Ê-lê-ô no-ra Mác -Ê-vơ-linh và chồng của bà là ông Ét-uốt Ê-vơ-linh, những người mà trong bốn năm gần đây đã tìm thấy trong cái "câu lạc bộ cấp tiến" [100] gồm toàn thợ thuyền, một cơ sở tốt nhất để tuyên truyền – cái công việc tuyên truyền mà họ đã tiến hành một cách kiên trì và giờ đây rõ ràng là đã thu được kết quả to lớn. Trong thời gian bãi công của công nhân bốc vác bến tầu, bà Ê-vơ-linh là một trong ba phụ nữ nhận trách nhiệm phân phát các khoản trợ cấp, và do đó mà ông Hai-nơ-man – kẻ đào ngũ trong cuộc mít-tinh ở công viên Tơ-ra-phan-ga [101] – đã vu khống họ, cho rằng vì việc đó mà bà đã bắt phải rút từ qũy bãi công ra để trả cho họ hàng tuần mỗi người ba p.x t., Cuộc bãi công ở Xin-véc-tao đã diễn ra cả ở I-xtơ-En-đơ mùa đông năm ngoái, hầu như chỉ do một mình bà Ê-vơ-linh lãnh đạo [102]. Trong ban chấp hành của công nhân các xí nghiệp hơi đốt, bà đại diện cho một tổ phụ nữ do bà tổ chức ra.

Mùa thu năm ngoái, công nhân các xí nghiệp hơi đốt tại Luân Đôn đã giành được ngày làm việc tám giờ. Nhưng ở khu nam của thành phố, do cuộc bãi công không thu được kết quả mà họ

lại bị mất đi cái quyền đó [103] và họ đã có đủ bằng cứ chứng minh rằng ở khu bắc thành phố Luân Đôn, thành quả đó cũng không phải là giành được một cách vĩnh viễn. Có nên lấy làm lạ rằng những công nhân ấy sẵn sàng hưởng ứng lời đề nghị của bà Ê-vơ-linh tổ chức tại Luân Đôn ngày lễ tháng Năm theo quyết định của Đại hội Pa-ri để đòi thiết lập bằng pháp luật chế độ ngày làm việc tám giờ hay không? Phối hợp với một số nhóm những người theo chủ nghĩa xã hội, với những câu lạc bộ cấp tiến và với những công liên khác ở I-xtơ – En-đơ, công nhân đã lập ra một ban chấp hành trung ương có nhiệm vụ tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại quảng trường Công viên Hây-đơ với mục đích ấy Sau khi đã rõ ra rằng mọi ý định tiến hành cuộc biểu tình ấy vào ngày thứ năm, mồng 1 tháng Năm năm đó sẽ không sao tránh khỏi thất bại, đã quyết định chuyển sang ngày chủ nhật, mồng 4 tháng Năm.

Để *tất cả* thợ thuyền Luân Đôn đều có thể tham gia cuộc biểu tình, Ban chấp hành Trung ương đã chân thành mời luôn cả Ban chấp hành các công liên Luân Đôn. Tổ chức này bao gồm đại biểu của các công liên Luân Đôn, và lại chủ yếu là của các công đoàn cũ của công nhân "lành nghề", và trong đó, không lấy gì làm lạ, chiếm đa số là những phần tử chống chủ nghĩa xã hội. Hội đồng các công liên nhận thấy rằng phong trào đòi ngày làm việc tám giờ có cơ vượt qua đầu họ. Các công liên cũ cũng đấu tranh cho tám giờ nhưng không đồng ý thể chế hóa chế độ đó. Ngày làm việc tám giờ được họ hiểu là trong tám giờ làm việc thì được trả tiền công nhật bình thường – và mỗi giờ được trả bao nhiêu đó – nhưng đồng thời mỗi người được phép làm thêm một số giờ nào đó trong ngày với điều kiện tiền công mỗi giờ làm thêm được tăng gấp rưỡi hoặc gấp đôi chẳng hạn, so với mỗi giờ làm việc bình thường. Do đó, vấn đề là hướng cuộc biểu tình nhằm đấu tranh cho ngày làm việc tám giờ theo quy định

của thỏa ước "tự do", chứ không phải là cho ngày làm việc được một văn bản của nghị viện biến thành quy tắc bắt buộc. Với mục đích ấy Hội đồng các công liên đã liên minh với Liên đoàn dân chủ – xã hội của ngài Hai-nơ-man đã nhắc đến ở trên, một hội hành động như thể nó là một nhà thờ cứu thế duy nhất của chủ nghĩa xã hội Anh, và hội này hành động rất nhất quán, đã liên kết chặt chẽ với phái Khả năng ở Pháp [104], bằng cách cử một đoàn đại biểu đến dự đại hội của phái này, và do đó mà ngay từ đầu đã coi ngày lễ tháng Năm do đại hội mác-xít đề ra là một trọng tội chống lại thần linh. Phong trào cũng đã phát triển vượt quá sự kiểm soát của hội này; tuy nhiên tham gia vào Ban chấp hành Trung ương có nghĩa là lệ thuộc vào sự lãnh đạo của "những người mác-xít"; ngược lại, nếu như Hội đồng các công liên tự đảm nhiệm lấy công việc và nếu như lễ được cử hành không phải vào ngày mồng 1 mà là vào ngày 4 tháng Năm thì đó không còn là ngày lễ tháng Năm nguy hiểm của "những người mác-xít" nữa và tham gia vào cuộc lễ đó là điều có thể làm được. Và mặc dù điều khoản về việc thể chế hóa ngày lao động tám giờ được ghi trong cương lĩnh của Liên đoàn dân chủ – xã hội, Liên đoàn vẫn hồ hởi giao dịch với Hội đồng các công liên.

Và thế là những người bạn đồng minh mới từng tham gia cái tập thể kỳ lạ ấy, đã tạo ra cho Ban chấp hành trung ương một điều khó xử mà trong thực tiễn chính trị của giai cấp tư sản Anh có lẽ sẽ được công nhận không chỉ là hoàn toàn có thể được mà còn rất hay; nhưng công nhân châu Âu và châu Mỹ thì chắc hẳn sẽ cho là hết sức đểu giả. Vấn đề là ở chỗ khi tổ chức ra cuộc họp mặt nhân dân tại quảng trường công viên Hây-đơ, những người đứng ra tổ chức thông báo trước về ý định của mình cho Bộ công chính (Board of Works) và thỏa thuận với bộ ấy về các chi tiết, đặc biệt là xin phép chuyển những xe chở đồ làm khán đài đi qua bãi cỏ. Ở đây có một quy tắc là nếu đã thông báo về một cuộc họp rồi thì trong ngày đó cuộc họp thứ hai tại quảng

trường không được phép tiến hành nữa. Ban chấp hành trung ương chưa làm thông báo như vậy. Các tổ chức liên kết chống lại Ban chấp hành vừa biết được điều đó là tức tốc báo tin về việc dự định tổ chức một cuộc họp mặt vào ngày 4 tháng Năm tại quảng trường và được phép dựng lên ở đó bảy khán đài. Tất cả những cái đó họ đều làm giấu Ban chấp hành trung ương.

Hội đồng các công liên và Liên đoàn cho rằng như thế là đã thuê quảng trường cho ngày 4 tháng Năm và phần thắng đã cầm chắc trong tay. Sau đó Hội đồng triệu tập cuộc họp đại biểu các công liên, tại cuộc họp này hai đại biểu của Ban chấp hành trung ương cũng được mời đến dự. Ban chấp hành Trung ương cử đến hội nghị ba đại biểu trong đó có bà Ê-vơ-linh. Hội đồng các công liên xem mình như là một người chủ đối với họ. Hội đồng tuyên bố rằng *chỉ* có những liên hiệp công đoàn mới có thể tham gia cuộc biểu tình và mới có thể giương ngọn cờ của họ, do đó mà không một liên đoàn xã hội chủ nghĩa cũng như một câu lạc bộ chính trị nào được phép làm thế. Trên cơ sở nào Liên đoàn dân chủ – xã hội trong trường hợp này có thể tham gia cuộc biểu tình – đây còn là một điều chưa được giải đáp. Hội đồng đưa ra trước hội nghị bản dự thảo nghị quyết trong đó chính yêu sách về *hợp pháp hóa* ngày lao động tám giờ đã *bị gạch bỏ*. Đề nghị đưa ra yêu sách đó không được đặt ra để thảo luận và cũng chẳng được đưa ra để biểu quyết. Cuối cùng Hội đồng khước từ để bà Ê-vơ-linh tham dự với tư cách là đại biểu, bởi vì họ nói bà không phải là người lao động chân tay (điều đó không đúng), mặc dầu chính vị chủ tịch của Hội đồng là ngài Síp-tơn thì suốt mười lăm năm chẳng sờ mó gì đến cái nghề thủ công của ông ta cả.

Những ủy viên là công nhân trong Ban chấp hành Trung ương rất công phẫn trước thủ đoạn thâm độc do Ban chấp hành sắp đặt đó. Như vậy dường như cuộc biểu tình hoàn toàn rơi vào tay của hai tổ chức chỉ đại diện cho một số rất ít công nhân Luân Đôn. Và dường như không còn cách nào khác chống lại cái đó ngoài việc tấn công chiếm khán đài của Hội đồng các công

liên, điều mà công nhân hơi đốt dọa sẽ làm. Tức thì Ét-uốt Ê-vơ-linh đến ngay bộ công chính, bất chấp những quy tắc hiện hành, bộ này đã cho phép Ban chấp hành Trung ương cùng được dựng lên tại quảng trường bày khán đài. Mưu toan dùng cách lừa dối để lợi dụng cuộc biểu tình phục vụ cho lợi ích của một số ít người đã bị đập tan; Hội đồng công liên đã lặng im và vui vẻ sẵn sàng bàn bạc với Ban chấp hành Trung ương về việc tổ chức cuộc biểu tình trên nguyên tắc bình đẳng.

Cần phải biết cái quá trình lịch sử đó mới hiểu được tính chất của cuộc biểu tình và đánh giá được ý nghĩa của nó. Cuộc biểu tình do công nhân I-xtơ - Ên-đơ mới tham gia phong trào đề xuất đã được sự đồng tình chung khiến hai tổ chức từng đối xử với nhau thù địch chẳng kém thái độ của cả hai tổ chức đó đối với chủ đề cơ bản của cuộc biểu tình, đã buộc phải liên kết với nhau để giành lấy quyền lãnh đạo vào tay mình và sử dụng cuộc mít- tinh đó phục vụ cho lợi ích của mình. Một bên là Hội đồng công liên bảo thủ, tuyên truyền cho sự bình đẳng giữa tư bản và lao động, một bên là Liên đoàn dân chủ xã hội nhấn mạnh tính chất cấp tiến của mình, luôn luôn nói huyên thuyên về cách mạng xã hội khi mà điều đó không nguy hiểm, – cả hai tổ chức liên hợp lại để thực hiện một mưu gian đê hèn để có được cho mình một số vốn liếng cho việc tổ chức một cuộc biểu tình mà hai bên đều vô cùng căm ghét. Do những sự kiện đó cuộc họp mặt ngày 4 tháng Năm đã bị chia rẽ ra làm hai phần. Một đảng là những công nhân bảo thủ mà tầm hiểu biết của họ không vượt quá khuôn khổ chế độ lao động làm thuê và bên cạnh họ là cả một bè phái xã hội chủ nghĩa tuy yếu ớt nhưng hám quyền lực; một đảng khác là quần chúng rộng rãi những công nhân mới tham gia phong trào, họ không muốn theo khuynh hướng Man-se-xtơ [105] của các công liên cũ nữa và rất muốn sử dụng sức lực của mình để giành lấy một sự giải phóng hoàn toàn và giành lấy nó cùng với những người bạn đồng minh do chính mình lựa chọn chứ không phải là cùng với những người bạn đồng minh mà một phe

phái xã hội chủ nghĩa bé nhỏ áp đặt cho họ. Một đảng là tình trạng bế trệ mà kẻ gây ra là những công liên tự mình chưa hoàn toàn thoát khỏi tính chất phường hội và là một phe phái hẹp hòi dựa vào những người bạn đồng minh thâm hại; một đảng khác là một phong trào tự do sinh động của giai cấp vô sản Anh mới thức tỉnh. Chỉ cần nhìn lướt qua cũng đủ để ngay cả kẻ mù quáng nhất cũng nhận thấy rõ cuộc sống sinh động ở phía nào của cuộc họp có tính chất hai mặt ấy, còn sự đình trệ ở phía nào. Xung quanh bảy khán đài của Ban chấp hành Trung ương là những đám người đông đúc, tụ tập lại với tiếng nhạc và băng cờ, hơn một trăm nghìn con người xếp thành đội ngũ, theo họ còn có ngót bằng chừng ấy người nữa đến riêng lẻ; khắp nơi đều nhất trí, đầy phấn khởi và đồng thời hết sức trật tự và có tổ chức. Ngược lại ở khán đài của bọn phản động liên kết thì tất cả trông có vẻ uể oải; đội ngũ của chúng ít hơn rất nhiều, tổ chức kém, họ đi một cách lộn xộn và phần lớn lại đến muộn, thành thử ở đó một vài nơi chỉ mới bắt đầu khi mà bên phía Ban chấp hành Trung ương đã bế mạc. Trong khi các lãnh tụ theo chủ nghĩa tự do của các câu lạc bộ cấp tiến riêng lẻ và các nhân vật quan trọng của một vài tổ chức công liên hùa theo Hội đồng công liên, thì các hội viên của chính các công đoàn ấy và ngay cả bốn phân hội của Liên đoàn dân chủ – xã hội cũng đã bước đều trong các đội ngũ của Ban chấp hành Trung ương. Mặc dầu Hội đồng công liên vẫn đạt được đôi chút thành công, nhưng thành công có tính chất quyết định thuộc về phía Ban chấp hành Trung ương.

Rất nhiều những nhà chính trị tư sản quan sát cuộc biểu tình đã tản về nhà với niềm tin chắc rằng giai cấp vô sản Anh đã bốn mươi năm là cái đuôi và đàn bò phiếu của đảng tự do vĩ đại, cuối cùng đã thức tỉnh để tham gia đời sống và hoạt động độc lập mới. Hoàn toàn không thể ngờ gì nữa rằng ngày 4 tháng Năm 1890 giai cấp công nhân Anh đã gia nhập đội quân quốc tế vĩ đại. Và đó là một sự kiện có ý nghĩa thời đại. Giai cấp vô sản Anh dựa trên sự phát triển công nghiệp tiên tiến nhất và

thêm vào đó nó có tự do lớn nhất để tham gia phong trào chính trị. Giấc ngủ đông dài dặc của nó – một mặt là kết quả của sự thất bại của phong trào Hiến chương năm 1836 – 1850, mặt khác là hệ quả của đại cao trào công nghiệp 1848 – 1880 – cuối cùng đã bị phá vỡ. Những đứa cháu của những người kỳ cựu tham gia phong trào Hiến chương đang bước vào hàng ngũ chiến đấu. Và đã tám năm nay trong quảng đại quần chúng phong trào sôi động lên ở chỗ này chỗ kia. Những nhóm người theo chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện, nhưng không một nhóm nào trong số đó vươn cao hơn mức một phe phái; những người cổ đông và những người gọi là lãnh tụ của đảng, trong đó có một số chỉ là những kẻ hám việc mưu lợi ích riêng và những kẻ mưu cầu danh vọng, vẫn chỉ là những sĩ quan không có lính. Điều đó hầu như luôn luôn làm người ta nhớ lại cái đội quân trừ danh mang tên Rô-bớc Bli-um trong chiến dịch Ba-đen hồi năm 1849:[106]

một đại tá, mười một sĩ quan, một người thổi kèn và một lính trơn. Và cuộc cãi vã giữa những "đội ngũ" khác nhau ấy của Rô-bớc Bli-um để giành sự lãnh đạo đạo quân vô sản tương lai là một cảnh tượng chẳng mấy đáng yên lòng. Giờ đây tất cả những cái đó sẽ nhanh chóng chấm dứt, như là nó đã chấm dứt ở Đức và ở Áo. Phong trào hùng hậu của quần chúng sẽ xóa tan đi tất cả những bè phái đó, sẽ thu nhận những người lính và đặt những sĩ quan vào cái vị trí thích đáng. Kẻ nào không thích điều đó thì có thể cút đi nơi khác. Không có sự va chạm, thì công việc sẽ không xong, nhưng mọi việc sẽ chạy đều; sau đây một thời gian ngắn hơn nhiều người mong đợi, đội quân vô sản của nước Anh sẽ trở thành một đội quân thống nhất, được tổ chức tốt và kiên quyết như bất cứ một đội quân nào khác, và tất cả những đồng chí trên lục địa và ở Mỹ sẽ hân hoan chào đón nó.

Viết vào khoảng giữa ngày 5 đến 21 tháng Năm 1890
Đã đăng trên báo "Arbeiter – Zeitung" số 21, ngày 23 tháng Năm 1890

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PHÁC THẢO THƯ TRẢ LỜI BAN BIÊN TẬP BÁO "SÄCHSISCHE ARBEITER-ZEITUNG"[107]

Tòa soạn báo "Sächsische Arbeiter – Zeitung" vừa trút bỏ quyền hạn, trong lời từ biệt đăng trên số 105 (ngày 31 tháng Tám 1890) đã tuyên bố rằng chủ nghĩa xã hội nghị viện tiểu tư sản giờ đây dường như có ở đằng sau mình một đa số ở Đức. Nhưng rất nhiều khi đa số chuyển thành thiểu số,

"và vì vậy tòa soạn báo "Sächsische Arbeiter – Zeitung" đã trút bỏ quyền hạn hy vọng *cùng với Phri-đrích Ăng-ghen* rằng giống hệt như chủ nghĩa xã hội nhà nước ngày thơ của Lát-xan đã từng khắc phục, nhờ lương tri của công nhân Đức mà, khuynh hướng nghị viện đang khát khao thành công trong phong trào dân chủ – xã hội ngày nay cũng sẽ được khắc phục nhanh chóng".

Nếu tôi còn có thể nghi ngờ trên một mức độ không đáng kể nào đó về tính chất của vụ náo loạn của sinh viên trong đảng Đức của chúng ta, thì sự vô sỉ tầy đình của nguyên tòa soạn, một trong những cơ quan ngôn luận chủ chốt, ắt phải mở mắt cho tôi. Tòa soạn cũ "hy vọng cùng với" tôi – thì ra, dường như cả tôi cũng hy vọng cùng với tòa soạn ấy – rằng khuynh hướng do những người như Au-ơ, Bê-ben, Líp-nếch, Din-ghe đại diện, chẳng bao lâu sẽ có thiểu số công nhân hậu thuẫn, còn "khuynh hướng cơ tính nguyên tắc" do tòa soạn cũ đại diện thì sẽ có đa số. Điều đó có nghĩa là tôi thực sự *bị gán một cách vu khống* những hy vọng của tòa soạn cũ, và tôi sẽ kiện truy cứu trách nhiệm của tòa soạn đó.

Tôi không hề có ý muốn xen vào vụ cãi cọ do các ngài sinh viên và nhà văn đầu têu. Song tôi đã thẳng thắn phát biểu ý kiến của mình với từng người những ai muốn biết ý kiến của tôi. Và nếu các ngài gây xích mích cũng muốn nghe công khai thì có ngay.

Khi những ngài ấy bắt đầu hiểu dư luận xôn xao chống Ban chấp hành của đảng và chống đảng đoàn thì tôi ngạc nhiên tự hỏi: đúng ra, họ muốn gì, tất cả những chuyện đó để làm gì? Theo như tôi biết, hoàn toàn không có cơ sở cho toàn bộ chuyện rùm beng to lớn ấy. Trong vấn đề tranh cãi về ngày lễ tháng Năm, có thể Ban chấp hành đảng hơi chậm trình bày quan điểm của mình. Nhưng Ban chấp hành gồm năm người sống ở bốn nơi cách xa nhau, cần phải có thời gian để họ thỏa thuận với nhau. Song khi Ban chấp hành phát biểu ý kiến của mình thì ý kiến đó đã tỏ ra đúng đắn, duy nhất phù hợp với tình hình. Các sự kiện ở Hăm-buốc đã hoàn toàn chứng thực đúng đắn của nó[108].

Một số thành viên của đảng đoàn hoặc của Ban chấp hành đảng chắc chắn đã mắc sai sót trong thời gian tranh luận. Điều này lúc nào và đâu đâu cũng xảy ra, và lỗi tại từng người, chứ không phải tại toàn bộ cơ quan nói chung. Trong dự thảo điều lệ của mình, đảng đoàn đã phạm phải một số điều quá trớn về mặt các quy tắc lễ tiết dân chủ. Nhưng vì đó chỉ mới là dự thảo mà đại hội đảng có quyền chấp nhận, bác bỏ hoặc sửa chữa. Hội nghị đại biểu của Quốc tế ở Luân Đôn năm 1871[109] cũng đã có những vi phạm như vậy đối với một số thủ tục, và các ngài thuộc phái Ba-cu-nin đã lập tức lợi dụng điều đó nhằm tạo ra một cái cớ chính thức để công kích Tổng hội đồng. Mặc dù vậy, giờ đây ai ai cũng biết rằng dân chủ thực sự đã có trong Tổng hội đồng, chứ không phải trong ủy ban của phái Ba-cu-nin,

phái đã lập hẳn một bộ máy âm mưu bí mật nhằm mục đích lũng đoạn Quốc tế.

Vào thời trợ cấp cho tầu thủy, đảng đoàn lúc bấy giờ một thời gian tự nó không biết nó muốn gì và đã cố làm cho tòa soạn báo "Sozialdemokrat" trở thành kẻ gió đầu chịu báng về sự bất lực của chính mình, – lúc đó tôi đã hết sức cương quyết đứng về phía tòa soạn chống đảng đoàn[110]. Cả bây giờ tôi cũng sẽ làm y như vậy nếu đảng đoàn hoặc Ban chấp hành đảng thực sự làm điều gì đó nguy hiểm nghiêm trọng đối với đảng. Nhưng bây giờ thì không có chuyện như vậy...[1*]

Viết vào khoảng ngày 6 tháng Chín 1890
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XVI, ph.II, 1936

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Bản thảo bị ngắt quãng ở đây.

TRẢ LỜI BAN BIÊN TẬP TỜ "SÄCHSISCHE ARBEITER - ZEITUNG"

GỬI BAN BIÊN TẬP TỜ "SOZIALDEMOKRAT"

Người ký tên dưới đây yêu cầu khẩn thiết đăng lại bức thư sau đây, bức thư đã được gửi từ ngày hôm qua đến ban biên tập hiện nay của tờ "Sächsische Arbeiter – Zeitung" ở Đre- xden.

* * *

Trong lời cáo biệt của mình (số 105 ngày 31 tháng Tám 1890), ban biên tập đã từ chức của tờ "Sächsische Arbeiter – Zeitung" nói rằng ở nước Đức, chủ nghĩa xã hội nghị trường – tiểu tư sản đang chiếm đa số, nhưng đa số thường rất nhanh chóng bị biến thành thiểu số:

"... và như vậy ban biên tập đã từ chức của tờ "Sächsische Arbeiter – Zeitung" cùng với Phri-đrich Ăng-ghen hy vọng rằng nhờ lý trí lành mạnh của công nhân Đức, khuynh hướng nghị trường thêm khát thắng lợi trong Đảng dân chủ – xã hội hiện nay sẽ được khắc phục nhanh chóng, giống như người ta đã khắc phục được chủ nghĩa xã hội nhà nước ngây thơ của Lát-xan trước đây".

Lời tuyên bố trên đây của ban biên tập đã từ chức làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Mà cũng có thể là điều bất ngờ đối với chính bản thân họ. Tôi hoàn toàn không hay biết gì về cái đa số của chủ nghĩa xã hội nghị trường tiểu tư sản trong Đảng Đức.

Họ cứ mặc sức mà "hy vọng" cái mà họ thích và chừng nào họ còn thích, nhưng tôi thì không "cùng" hy vọng đâu.

Nếu như tôi còn có thể nghi ngờ về tính chất của cuộc bạo loạn gần đây nhất của các nhà văn và các sinh viên, thì mối nghi ngờ ấy cũng phải biến đi trước sự trơ trên ghê gớm của cái mưu toan muốn tuyên bố rằng tôi ủng hộ những âm mưu của các ngài ấy.

Toàn bộ mối quan hệ của tôi với ban biên tập đã từ chức là ở chỗ mấy tuần nay, họ gửi báo của họ cho tôi mà không cần tôi yêu cầu, song tôi thấy không cần thiết phải nói cho họ biết tôi thấy những gì trong đó. Giờ đây, tôi phải nói cho họ rõ điều đó và nói công khai.

Về mặt lý luận, tôi thấy đây là một thứ "chủ nghĩa Mác" bị xuyên tạc méo mó – và điều này nhìn chung cũng đúng với tất cả các báo chí khác của phe "đối lập", – được biểu hiện: trước hết bởi sự hiểu nhầm kinh khủng cái thế giới quan mà họ đại biểu; thứ đến bởi thiếu hiểu biết một cách thô thiển những sự kiện lịch sử có tính chất quyết định, và thứ ba, bởi cái ý thức – vốn là bản tính của các tác giả Đức – về tính hơn hẳn không gì so sánh được của bản thân họ. Mác đã thấy trước được những món đồ này khi ông nói về cái "chủ nghĩa xã hội" truyền bá trong một số người Pháp vào cuối những năm bảy mươi: "tout ce que je sais, c'est que moi, je ne suis pas marxiste" – "tôi chỉ biết một điều rằng tôi không phải là "người mác-xít"".

Về mặt thực tiễn, tôi thấy đây là một sự coi thường hết sức tất cả những điều kiện thực tế của cuộc đấu tranh của đảng, một sự "loại bỏ" một cách hết sức khinh suất "những trở ngại" trong trí tưởng tượng; điều mà có lẽ đã đem lại niềm vinh dự cho lòng hăng hái trẻ trung không gì lay chuyển được của các tác giả, nhưng khi chuyển từ lĩnh vực tưởng tượng sang hiện thực thì điều đó có thể chôn vùi cả một đảng mạnh nhất kế đến hàng triệu người trong trận cười hoàn toàn xứng đáng của cả

cái thế giới thù địch với nó. Và các ngài ấy, kể từ đó trở đi, qua kinh nghiệm bản thân cũng đã thấy được rằng ngay cả một phái nhỏ cũng không thể cho phép mình thực hiện một chính sách của các học sinh trung học như thế.

Tất cả những lời than phiền chứa chất từ bao nhiêu tháng nay của họ về phe phái hay sự lãnh đạo của đảng nhiều lắm cũng chỉ là những điều vụn vặt vô nghĩa. Nhưng nếu như các ngài ấy cứ thích chọn lọc từng con muỗi, thì điều đó hoàn toàn không có nghĩa là để cám ơn việc làm đó, công nhân Đức phải nuốt chửng con lạc đà[111].

Giờ đây, họ đã thu hoạch cái họ gieo trồng. Trừ tất cả những vấn đề về nội dung ra thì toàn bộ chiến dịch đã được tiến hành một cách trẻ con như vậy, với những điều tưởng tượng ngây thơ như vậy về tầm quan trọng của bản thân mình và về tình thế cũng như tình hình những quan niệm trong nội bộ đảng, thành thử kết cục của nó ngay từ đầu đã được định rõ. Mong rằng các ngài ấy sẽ quán triệt thật sâu sắc bài học đó. Một số trong bọn họ đã viết những bài giúp cho người ta có thể có những hy vọng nào đó. Đa số trong bọn họ có thể đạt được một chút kết quả nếu như họ ít hy vọng hơn vào tính hoàn thiện của mức độ phát triển mà họ đã đạt được hiện nay. Mong rằng họ hãy hiểu rõ rằng cái "học vấn hàn lâm" của họ – dù cho có cần đến một sự kiểm nghiệm căn bản và có tính chất phê phán – không đem lại cho họ hàm sĩ quan để chiếm một cương vị tương ứng trong đảng; rằng mỗi người trong đảng của chúng ta phải phục vụ đảng từ những cấp bậc thấp; rằng giành được những cương vị có tín nhiệm trong đảng không phải chỉ bằng tài năng về văn học và những kiến thức về lý luận, dù rằng rõ ràng cần có cả hai cái đó, mà bên cạnh đó phải có sự hiểu biết những điều kiện của cuộc đấu tranh của đảng và nắm vững được những hình thức của cuộc đấu tranh đó, phải có lòng trung thực và tính kiên quyết, và cuối cùng, phải tự nguyện đứng vào hàng ngũ các chiến

sĩ – nói tóm lại, họ, những người "có học vấn hàn lâm", tất cả bọn họ phải học tập ở công nhân nhiều hơn là công nhân phải học tập ở họ.

Luân Đôn, ngày 7 tháng Chín 1890

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên tờ "Der Sozialdemokrat" số 37, ngày 13 tháng Chín 1890 và trong phụ trương của báo "Berliner Volksblatt" số 214, ngày 15 tháng Chín 1890

In theo bản đăng trên báo "Der Sozialdemokrat", có đối chiếu với bản đăng trên báo "Berliner Volksblatt"
Nguyên văn là tiếng Đức

ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN QUỐC TẾ NĂM 1891[112]

Tại đại hội của các hội công liên Anh ở Li-vớc-pun (tháng Chín 1890)[113], Hội đồng toàn quốc của Đảng công nhân Bỉ đã mời các hội công liên đến dự đại hội quốc tế sang năm sẽ họp ở Bỉ.

Người Bỉ được quyền triệu tập đại hội quốc tế ở Bỉ do đại hội của phái khả năng trao. Đại hội mác-xít (tôi dùng tên gọi này cho gọn) chỉ trao *cho họ* quyền triệu tập đại hội, và lại *cùng với người Thụy Sĩ*; còn nơi họp đại hội thì không được ấn định.

Nếu đây không phải là sự mập mờ cố ý, thì do vậy, người Bỉ đã mời người Anh đến dự đại hội của phái khả năng – đại hội duy nhất mà họ có quyền mời độc lập. Và người Anh đã nhiệt tình tiếp nhận lời mời ấy.

Sẽ không thể giải thích cho những hội công liên mới tập hợp công nhân không lành nghề rằng sự tin cậy của họ đã bị lừa; rằng trong năm 1891 sẽ họp hai đại hội, một đại hội tốt và một đại hội xấu, rằng họ đã hứa đến dự đại hội xấu. Đó không chỉ là ý kiến của cá nhân tôi, đó cũng là ý kiến của những người lao động nhiều hơn ai hết để cuốn hút các hội công liên vào phong trào quốc tế. Chiến dịch mà năm 1885 báo "Sozialdemokrat" đã tiến hành chống những người bạn Anh của phái khả năng[114], thì lần này sẽ không thể lặp lại với thành công như trước. Nếu

triệu tập hai đại hội thì tại sao không mời chúng ta đến cả đại hội kia để chúng ta có khả năng lựa chọn? Còn giờ đây thì quá muộn, – đó là điều mà những người có óc thực tiễn ấy sẽ nói. Họ đã chấp nhận lời mời của người Bỉ và sắp tới đại hội sẽ họp ở Bỉ. Và đó là điều hoàn toàn chắc chắn nếu người Bỉ và phái khả năng không đẩy họ ngãng ra khỏi mình bằng những điều ngu ngốc không thể tưởng được nào đó; nhưng những điều ngu ngốc như vậy họ sẽ không làm đâu.

Tình hình đã diễn ra là kết quả không tránh khỏi của những sai lầm mà đại hội mác-xít đã phạm phải. Đại hội đã bỏ dở vấn đề quan trọng nhất – vấn đề đại hội sau này. Tệ hơn nữa, người ta đã làm cho mọi quyết định của đại hội trở nên hầu như không thể thực hiện được, do chỗ giao việc triệu tập đại hội cho *hai* ủy ban của hai nước, ủy ban của Bỉ và ủy ban của Thụy Sĩ, và chẳng do không có sự bàn bạc nhất trí từ trước để phối hợp hành động của hai ủy ban ấy nên đã không thể tiến hành bất cứ một bước đi cực nhỏ nào – biện pháp đầu tiên để chẳng có gì được tiến hành cả. Dã thế, người Bỉ, cũng như sau hội nghị ở La Hay[115], lẽ ra phải giữ trong khuôn khổ quyền hạn đã giao cho họ thì lại hành động vì lợi ích của chính mình. Họ muốn đảm bảo cho mình được triệu tập đại hội ở Bỉ, thế là họ triệu tập đại hội đó mà không đếm xỉa đến người Thụy Sĩ chia sẻ quyền hạn với họ. Tôi tuyệt nhiên không có ý muốn nghi ngờ sự thành thực và ý định tốt của Hội đồng dân tộc Bỉ; nhưng trên thực tế thì bằng cách ứng xử của mình, hội đồng này tiếp tay cho phái khả năng, làm thiệt hại cho chúng ta. Lẽ ra phải lên án những người khác thì chúng ta lại thú nhận rằng chúng ta chỉ gặt hái những kết quả sai lầm của chính chúng ta. (Chúng ta sẽ không lên án người Bỉ một cách quá khắt khe; những quyền hạn mà chúng ta đã giao cho họ, hầu như buộc họ đừng hiểu đúng những quyền hạn ấy.)

Tự chúng ta đã đưa chúng ta vào một loại ngõ cụt, đã tự đặt mình vào một tình thế trong đó chúng ta không thể tiến một bước nào, trong khi đó những người cạnh tranh với chúng ta lại hành động. Vậy làm thế nào để ra khỏi tình thế đó?

Trước hết, điều chắc chắn là sẽ lại cố gắng một lần nữa ngăn ngừa "vụ bê bối" triệu tập hai đại hội công nhân cạnh tranh với nhau. Và chúng ta sẽ không thể bác bỏ những cố gắng ấy được; trái lại, đối với chúng ta, điều cực kỳ quan trọng là trách nhiệm về "vụ bê bối" đó, nếu nó lập lại, phải rơi vào phái khả năng và những đồng minh của họ. Người nào có đôi chút kinh nghiệm trong phong trào quốc tế cũng đều biết rằng trong trường hợp phân liệt thì người gây ra sự phân liệt ấy hoặc bị coi là đã gây ra nó, bao giờ cũng có lỗi trong con mắt của công nhân. Vì vậy, nếu trong năm 1891 có hai đại hội sẽ họp, thì chúng ta sẽ làm thế nào để người ta không thể đổ lỗi cho chúng ta về sự phân liệt đó.

Nếu những cố gắng thống nhất như vậy sẽ được tiến hành, mà đó là điều chắc chắn, thì chúng ta có thụ động chờ đợi chúng hay không? Lúc đó chúng ta có nguy cơ là trong thời điểm gần đây nhất phái khả năng và các đồng minh của họ sẽ đưa cho chúng ta tối hậu thư đầy dẫy cạm bẫy hiển nhiên (chúng ta biết rõ chúng), những cạm bẫy ẩn giấu đằng sau những câu chữ đường mật thuộc loại mà công chúng đông đảo sẽ không thấy điều gì xấu ở đây, trong khi đó điều này sẽ hoàn toàn không thể chấp nhận đối với chúng ta; và khi đó tốt ra chúng ta sẽ ở vào tình thế: hoặc là chấp nhận tối hậu thư và mở mắt đi vào bẫy, hoặc bác tối hậu thư và gánh lấy trách nhiệm trước công nhân về việc chúng ta đã phá vỡ sự thống nhất xã hội chủ nghĩa do cố chấp quá đáng.

Tóm lại, tình thế đối với chúng ta là không thể chịu được. Cần phải tìm ra lối thoát. Nhưng bằng cách nào? Bằng hành

động. Chúng ta sẽ không hy vọng vào quyền hạn giao cho người Bỉ và người Thụy Sĩ nữa; chúng ta sẽ tự mình nắm lấy công việc[1*].

Chúng ta có nên tiếc hay không, nếu hai đại hội được thống nhất lại? Chúng ta sẽ xét vấn đề này.

Chúng ta có thể vững tin hy vọng vào 1) phái tập thể chủ nghĩa Pháp[116] và phái Blăng-ki Pháp (hơn nữa số người thuộc phái Blăng-ki đã giảm xuống do người theo phái này ồ ạt chuyển sang phe Bu-lan-giơ), 2) người Đức, 3) người Áo, 4) những người xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, 5) "phái cách mạng" Đan Mạch[117], chiếm một phần năm số những người xã hội chủ nghĩa Đan Mạch, 6) người Thụy Điển và, có thể, một số người Na Uy, 7) người Thụy Sĩ, 8) những người Nga và Ba Lan lưu vong.

Đại hội cạnh tranh của chúng ta sẽ gồm 1) phái khả năng Pháp; 2) các hội công liên Anh sẽ có đại biểu với số lượng lớn hơn và Liên đoàn dân chủ – xã hội Anh sẽ lợi dụng cao trào chung ở Anh vào lợi ích của mình; 3) người Bỉ; 4) người Hà Lan; 5) đại diện các công đoàn Tây Ban Nha Bác-xê-lô-na v.v..; 6) có thể, đại diện của các công đoàn Bồ Đào Nha; 8) người I-ta-li-a; 9) "phái cải lương chủ nghĩa" Đan Mạch chiếm bốn phần năm tổng số người xã hội chủ nghĩa Đan Mạch có lẽ sẽ kéo thêm một số người Na Uy nữa.

Tùy theo tình huống mà người Bỉ và người Hà Lan cũng sẽ có thể cử đại biểu đến dự cả đại hội của chúng ta; trái lại, người Thụy Sĩ sẽ có thể cử một số đại biểu đến dự đại hội của phái khả năng.

1* Trong bản thảo, sáu đoạn tiếp theo cho đến những chữ "Những điều kiện cần thiết, theo quan điểm của chúng tôi là gì" bị xóa bỏ bằng một gạch dọc.

Từ đó thấy rằng lần này phái khả năng sẽ có đạo quân lớn hơn hồi năm 1889. Nếu người Đức nhập cuộc với chúng ta, thì phái khả năng sẽ bù lại điều đó bằng người Anh mà đối với chúng ta họ bị mất đi do chúng ta không hành động và chúng ta vụng về, chậm chạp; về những điều còn lại, chúng ta sẽ có bao nhiêu dân tộc thì họ có bấy nhiêu, nếu không phải là nhiều hơn. Mà với khả năng của họ có thể tạo ra những ủy nhiệm thư giả và đại biểu giả, họ sẽ vượt xa chúng ta. Hãy thêm vào đó là nếu chúng ta vẫn giữ cái chế độ không hành động như chúng ta đã theo từ trước thì lối về sự phân liệt nhất định sẽ rơi vào chúng ta, điều này sẽ kéo theo những tổn thất mới về thành phần số lượng của đại hội chúng ta.

Bây giờ chúng ta giả sử là có sự hợp nhất. Lúc đó lực lượng của chúng ta sẽ tăng lên nhờ có tất cả những người mà "vụ bê bối" phân liệt bắt buộc từ trước đến nay đứng trung lập – nhờ có thêm người Bỉ, người Hà Lan, người I-ta-li-a; những hội công liên Anh mới tập hợp những phần tử ưu tú, chưa thật vững chắc lắm, nhưng trung thực và ham hiểu biết, nhất định sẽ theo chúng ta. Chúng ta đã bắt rễ trong họ; việc tiếp xúc với phái tập thể chủ nghĩa Pháp và với người Đức sẽ đủ để kiên quyết làm cho họ đến gần chúng ta, hơn nữa, Liên đoàn dân chủ – xã hội đang làm cho họ ngán ra do cung cách độc tài của nó, là tổ chức đồng minh sốt sắng của phái khả năng. Người Bỉ chỉ cần những đại hội trong đó họ có thể đóng vai trò rõ rệt, chính điều này phái khả năng đã đem lại cho họ, và trước hết là đại hội lớn ở Bruy-xen. Nếu chúng ta giúp họ đạt được sự hợp nhất diễn ra *trên đất họ*, thì người Phla-măng là yếu tố ưu tú trong hàng ngũ họ, sẽ đứng bên phía chúng ta và làm cân bằng các xu hướng khả năng chủ nghĩa của người Bruy-xen. Người Hà Lan là những người cuồng nhiệt ủng hộ hợp nhất, nhưng họ hoàn toàn không phải là người thuộc phái khả năng.

Những điều kiện cần thiết, theo quan điểm của chúng tôi, là gì?

1) Đại hội chung phải do những người được quyền mà cả hai đại hội năm 1889 trao triệu tập. Người Bỉ sẽ triệu tập đại hội ấy do quyền hạn nhận được từ phái khả năng, còn người Bỉ cùng với người Thụy Sĩ do quyền hạn nhận được từ chúng ta; dưới hình thức nào – điều này phải được xác định.

2) Đại hội phải hoàn toàn có chủ quyền. Quy chế, chương trình nghị sự, các nghị quyết của những đại hội trước đây không có hiệu lực đối với đại hội này. Đại hội không gắn với bất cứ tiền lệ nào, tự nó sẽ xác định quy chế, phương thức thẩm tra tư cách đại biểu và chương trình nghị sự của mình. Không một ủy ban nào do một trong những đại hội trước cử ra hoặc được thành lập trong thời gian thương lượng về hợp nhất có quyền bó buộc đại hội bằng bất cứ cách nào.

3) Điều kiện và số đại biểu của các tổ chức công nhân được quy định trước (nên có những đề nghị rõ ràng, nhưng đưa ra những đề nghị ấy không phải là việc của tôi).

4) Một ủy ban với thành phần phải được ấn định, có nhiệm vụ đề xuất và trình đại hội duyệt y những đề nghị về quy chế, phương thức thẩm tra tư cách đại biểu và chương trình nghị sự.

Viết khoảng giữa ngày 9 và 15 tháng Chín 1890
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong "Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghen," xuất bản lần thứ nhất, t. XVI, ph.II,1936

In theo bản nháp
Nguyên văn là tiếng Pháp

Der Sozialdemokrat

Organ der Sozialdemokratie deutscher Zunge.

THƯ TỪ BIỆT CÁC ĐỘC GIẢ CỦA TỜ "SOZIALDEMOKRAT"[118]

Tôi cũng được phép từ biệt các độc giả.

Tờ "Sozialdemokrat" phải rút lui khỏi vũ đài. Không phải chỉ vì điều đó đã được tuyên bố nhiều lần trước các tờ báo khác. Cái chủ yếu là vì, trong những điều kiện đã thay đổi, bản thân tờ "Sozialdemokrat" cần phải trở thành một tờ báo khác, với một sứ mệnh khác, và với một giới độc giả khác. Và một tờ báo đóng một vai trò lịch sử nhất định như vậy, một tờ báo mà nét độc đáo của nó là trên các cột của nó, và chỉ có ở đó, đã phản ánh mười hai năm quyết định nhất trong cuộc đời của Đảng công nhân Đức – một tờ báo như vậy không thể thay đổi tính chất của nó được. Nó sẽ vẫn như trước đây, hoặc là nó sẽ không tồn tại nữa. Và điều này thì tất cả chúng ta đều nhất trí.

Tất cả chúng ta cũng đều nhất trí rằng tờ báo này mất đi sẽ để lại một lỗ hổng. Không một tờ báo nào xuất bản ở nước Đức, dù là chính thức hay không, có thể thay thế được nó. Đối với đảng thì đó chỉ là một tổn thất tương đối: đảng bước vào những điều kiện chiến đấu khác và do đó đòi hỏi vũ khí khác, chiến lược và sách lược khác. Nhưng đối với các cộng tác viên và bản thân tôi thì đó là một tổn thất tuyệt đối.

Trong cuộc đời tôi, đã hai lần tôi có vinh dự và niềm sung sướng được cộng tác với một tờ báo, ở đó, tôi hoàn toàn được

hưởng cả hai điều kiện thuận lợi mà người ta có thể sử dụng trên báo chí: thứ nhất là quyền tự do báo chí tuyệt đối, và thứ hai là chắc chắn được nói với chính giới độc giả mà họ muốn nghe mình.

Lần thứ nhất vào năm 1848 – 1849, với tờ "Neue Rheinische Zeitung"[119]. Lúc bấy giờ là thời kỳ cách mạng, và làm việc với một tờ báo hàng ngày trong một thời kỳ như thế là một điều vui thú. Người ta thấy rõ hiệu quả của mỗi một lời nói, người ta thấy rõ các bài báo gây tác động dữ dội như thế nào, tựa hồ như chúng là những quả tạc đạn, và thấy rõ những quả tạc đạn ấy nổ tung như thế nào.

Lần thứ hai với tờ "Sozialdemokrat". Lúc bấy giờ cũng là một thời kỳ cách mạng ngắn, kể từ đó trở đi, tại Đại hội Vi-đen, Đảng lại trở lại hoạt động, sử dụng "tất cả mọi phương tiện" – hợp pháp hay không hợp pháp – để tiếp tục đấu tranh[120]. Tờ "Sozialdemokrat" là hiện thân của sự bất hợp pháp đó. Đối với nó không có hiến pháp để chế cường bức, không có bộ luật hình để chế, không có bộ luật Phổ. Trái với luật pháp, bất chấp bộ luật đế chế và luật pháp toàn quốc, tuần này qua tuần khác, nó vượt qua biên giới của đế chế Đức thần thánh: mật vụ, thám báo, kẻ khiêu khích, người thu thuế, việc tăng cường canh phòng biên giới gấp hai, ba lần, tất cả đều vô hiệu lực; nó được cung cấp cho những người đặt mua theo kỳ hạn, với mức độ đảm bảo gần như của một kỳ phiếu; không một Xtê-phan nào có thể ngăn cản được việc bưu điện đế chế Đức phân phát và lưu hành tờ báo đó. Và ở nước Đức có đến trên mười nghìn người đặt mua báo; nếu độc giả tư sản trước năm 1848 – trả tiền cho sách báo bị cấm của mình chỉ trong những trường hợp rất hiếm hoi, thì công nhân trả tiền gần như đều đặn suốt mười hai năm cho tờ "Sozialdemokrat" của họ. Tôi, nhà cách mạng già, đã sung sướng

biết bao khi thấy mối tác động lẫn nhau – đang trên đà phát triển tốt đẹp – giữa ban biên tập, ban phát hành và người đặt mua báo, – công tác cách mạng có tổ chức và hoạt động businesslike ấy, – đang tuần này qua tuần khác, năm này qua năm khác, ngày càng phát triển vững chắc.

Và tờ báo xứng đáng với công sức và những nỗi nguy hiểm phải vượt qua để truyền bá nó. Đó nhất định là tờ báo khá nhất mà đảng đã có được. Mà không phải chỉ vì riêng mình nó được hưởng hoàn toàn quyền tự do báo chí. Những nguyên lý của đảng được trình bày và bảo vệ một cách kiên quyết và rõ rệt lạ thường, và sách lược của ban biên tập, hầu như hoàn toàn đúng. Bên cạnh đó lại còn có tình hình là trong khi sự buồn chán đến cực độ đang ngự trị trên các báo chí tư sản của chúng ta thì trên tờ "Sozialdemokrat" lại phản ánh một sự khôi hài sinh động, sự khôi hài mà công nhân của chúng ta thường vận dụng để tiến hành cuộc đấu tranh chống những cuộc gây gổ phiền nhiễu của cảnh sát.

Tờ "Sozialdemokrat" là tất cả, chứ không phải là cái loa đơn giản của một nhóm người. Năm 1885, khi đa số trong nhóm đó tán thành khoản trợ cấp cho tàu biển thì tờ báo kiên quyết bảo vệ quan điểm ngược lại và khẳng định quyền của nó ngay cả khi đa số này cấm đường lối của tờ báo bằng một nhật lệnh mà ngày nay chính bản thân đa số ấy hình như cũng không thể hiểu được. Cuộc chiến đấu kéo dài đúng bốn tuần, trong thời gian đó, ban biên tập được sự ủng hộ mạnh mẽ của các đảng viên ở nước Đức và ở nước ngoài. Ngày 2 tháng Tư có lệnh cấm; ngày 30, tờ "Sozialdemokrat" đưa ra một bản tuyên bố thỏa thuận giữa ban biên tập và nhóm, nói rằng nhóm rút lui nhật lệnh của mình[121].

Một vài thời kỳ sau, tờ "Sozialdemokrat" được dịp thử thách quyền cư trú đang được tán dương ở Thụy Sĩ[122]. Bởi vì, như trong tất cả những trường hợp tương tự từ năm 1830, cứ mỗi

lần quyền cư trú này được đưa ra thực hiện là nó liền bị cấm. Việc đó chẳng có gì mới. Từ năm 1830 từ khi thực hiện dân chủ hóa Thụy Sĩ, các cường quốc láng giềng cho phép nước cộng hòa nhỏ này thực hiện những thí nghiệm dân chủ trong nước và chỉ dưới điều kiện là việc cho các kiều dân cư trú phải được tiến hành dưới sự kiểm tra của cường quốc nào cần quan tâm đến trong từng trường hợp một. Thụy Sĩ quá yếu ớt nên không thể không nhượng bộ. Không thể trách cứ nó được. Viện dẫn cụ thể vào Hà Lan, Thụy Sĩ và Đan Mạch, Mác thường nói rằng ngày nay không có gì xấu hơn là tình thế của một đất nước nhỏ mà lại có một lịch sử lớn. Nhưng rồi cuối cùng, người ta cũng chấm dứt những câu chuyện ba hoa về quyền cư trú bất khả xâm phạm ở "nước Thụy Sĩ tự do".

Tờ "Sozialdemokrat" là ngọn cờ của đảng Đức; sau mười hai năm chiến đấu, đảng đã thắng lợi vẻ vang. Đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa phá sản, Bi-xmác bị lật đổ. Đế chế Đức hùng mạnh đã dùng đến tất cả mọi phương tiện mạnh mẽ nhất để chống lại chúng ta; đảng đã coi khinh những điều ấy, cho đến cuối cùng, đế chế Đức đã phải hạ lá cờ của nó xuống trước lá cờ của chúng ta. Chính phủ đế chế lại mưu toan dùng công pháp để chống chúng ta, và chúng ta một lần nữa lại thử sử dụng những phương tiện hợp pháp mà chúng ta đã giành lại được nhờ sử dụng một cách kiên quyết những phương tiện bất hợp pháp. Về việc có lại đưa điều khoản những phương tiện "hợp pháp" vào cương lĩnh hay không thì không quan trọng lắm. Lúc này cần phải thử nghiệm, dùng những phương tiện hợp pháp để đấu tranh đã. Và không phải chỉ có chúng ta mới làm việc đó, mà tất cả các đảng công nhân các nước – nơi mà đến một chừng mực nào đó, công nhân có được quyền tự do tổ chức phong trào – đều làm việc đó, với lý do đơn giản là bằng cách đó họ thu được nhiều kết

quả nhất. Nhưng trong tình hình này cũng phải giả định là đối phương cũng hành động trong khuôn khổ hợp pháp. Người ta mưu toan đặt đảng của chúng ta trên thực tế ra ngoài vòng công pháp bằng đạo luật đặc biệt mới, bằng sự phán xử và những thực tiễn trái luật pháp của tòa án đế chế, bằng sự chuyên quyền của cảnh sát hay bằng những phản kích trái với luật pháp của quyền hành pháp, như vậy, người ta đã đẩy Đảng dân chủ – xã hội Đức trở lại vào con đường bất hợp pháp, con đường duy nhất còn lại đối với nó. Ngay cả đối với người Anh, là dân tộc tôn trọng luật pháp nhất, thì điều kiện đầu tiên để nhân dân tuân thủ luật pháp là các cơ quan chính quyền khác cũng phải nằm trong khuôn khổ luật pháp; trong trường hợp ngược lại, thì theo khái niệm về luật pháp của người Anh, khởi nghĩa là nghĩa vụ đầu tiên của người công dân.

Nhưng nếu xảy ra trường hợp đó thì sẽ ra sao? Phải chăng đảng sẽ xây dựng các chiến lũy, sẽ kêu gọi cầm vũ khí chiến đấu? Chắc chắn đảng sẽ không đem niềm vui thú ấy lại cho kẻ địch rồi. Trước tình hình đó, đảng nhận thức được vị trí ảnh hưởng của mình, vị trí mà mọi cuộc bầu cử phổ thông trong nghị viện đế chế dành cho họ. Hai mươi phần trăm số phiếu bầu là một con số rất đáng kể, nhưng điều đó cũng có nghĩa là kẻ thù liên minh vẫn luôn luôn có tám mươi phần trăm. Và nếu như trong việc này đảng thấy được rằng trong ba năm vừa qua, đảng đã tăng được gấp đôi số phiếu bầu và cho tới kỳ bầu cử tới, đảng có thể sẽ có được một con số lớn hơn nữa, thì hẳn là đảng sẽ thấy mình thật là điên rồ khi, giờ đây lấy con số hai mươi chống lại tám mươi, lại mưu toan bạo loạn để chống lại quân đội, một cuộc bạo loạn mà kết quả tất yếu sẽ là mất hết tất cả những vị trí quyết định đã giành được trong suốt hai mươi lăm năm qua.

Đảng còn có một phương tiện tốt hơn nhiều và đã được thử thách kỹ lưỡng. Vào ngày mà người ta sẽ tranh cãi nhau về việc

có thể áp dụng công pháp đối với chúng ta thì tờ "Sozialdemokrat" lại xuất hiện. Bộ máy cũ được dự trữ sẵn cho trường hợp này lại trở lại hoạt động, lại được cải tiến, tăng cường và đẩy nhanh hơn nữa. Và một điều chắc chắn là: đế chế Đức không thể chịu đựng được một lần nữa cái sự kiện mười hai năm.

Phri-đrích Ăng-ghen

Viết khoảng giữa ngày 12 và 18 tháng Chín 1890
Đã đăng trên báo "Der Sozialdemokrat" số 39, ngày 27 tháng Chín 1890

Theo đúng bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

TRẢ LỜI NGÀI PA-UN ÉC-NƠ-XTƠ

Một người bạn tôi gửi đến cho tôi tờ báo Mác-đơ-buốc "Volksstimme"[123] số ra ngày 16 tháng Chín. Trên báo này, trong bài công bố ký tên Pa-un Ec-nơ-xtơ, tôi thấy có đoạn sau đây:

"Và nếu giờ đây Ăng-ghen gọi phe đối lập chúng tôi là "vụ náo loạn của sinh viên", thì tôi xin ông dù sao cũng chỉ ra xem chúng tôi đã bảo vệ những quan điểm khác với các quan điểm của bản thân ông và các quan điểm của chính Mác ở chỗ nào; và nếu tôi nhận định đảng dân chủ — xã hội nghị viện của chúng tôi là một phần rất tiểu tư sản, thì mong sao Ăng-ghen xem xem chính ông đã viết gì vào năm 1887 trong lời tựa viết cho tác phẩm "Vấn đề nhà ở của ông"".

Sự giao tiếp của tôi với các nhà văn Đức đã nhiều năm bồi bổ cho tôi những kinh nghiệm hết sức kỳ lạ. Nhưng, rõ ràng là sự giao tiếp ấy nhất định phải trở nên lý thú hơn nữa. Các bạn có thấy không, tôi có nhiệm vụ phải chỉ cho ngài Pa-un Ec-ne-xtơ thấy ở chỗ nào "chúng tôi" đã bảo vệ những quan điểm khác v.v.. Còn về "chúng tôi", nghĩa là "phe đối lập" cách đây chưa lâu đã hoạt động quá tự tin và rút lui một cách hèn nhát mà tôi gọi là cuộc náo loạn của những người cầm bút và sinh viên, thì có thể trả lời ngắn ngọn: hầu như trong mỗi bài mà phe ấy đã trút xuống.

Còn về bản thân ngài Ec-nơ-xtơ, thì tôi không thấy cần phải nói với ông ta điều gì nữa về vấn đề này. Tôi đã nói với ông ta điều đó cách đây bốn tháng, còn bây giờ thì dù muốn hay không

cũng đành phải làm cho công chúng phát ngấy lên bằng việc trao đổi thư từ "Ec-ne-xtơ"[1*] ấy của tôi.

Ngài Ec-ne-xtơ viết cho tôi ngày 31 tháng Năm năm nay từ Huê-rơ-béc-xđoóc rằng ngài Héc-man Ba-rơ trách ông ta trong "Freie Bühne" là vận dụng không đúng phương pháp của Mác về nghiên cứu lịch sử vào phong trào phụ nữ "Xcăng-đi-na-vơ"[124], vì vậy liệu tôi có thể báo cho ông ta

"đôi lời xem quan điểm của tôi có phù hợp với quan điểm của Mác hay không và, ngoài ra, cho phép tôi sử dụng bức thư của ngài trong cuộc bút chiến với Ba-rơ".

Về điểm này, tôi đã trả lời ông ta ngày 5 tháng Sáu rằng tôi không thể dây vào cuộc tranh cãi của ông ta với ngài Ba-rơ và "phong trào phụ nữ Xcăng-đi-na-vơ" thì tôi hoàn toàn không hay biết gì. Rồi tôi viết tiếp:

"Về ý định của ông muốn giải quyết vấn đề một cách duy vật thì trước hết tôi phải nói rằng phương pháp duy vật trở thành mặt đối lập với nó nếu dùng nó không phải làm sợi chỉ dẫn đường trong nghiên cứu lịch sử, mà làm khuôn mẫu có sẵn để cắt đi xén lại các sự kiện lịch sử. Và nếu ông Ba-rơ cho là đã chộp được ông trong sai lầm này thì tôi thiết nghĩ rằng ở đây ông ta phần nào có lý.

Toàn bộ Na Uy và tất cả những gì diễn ra ở đó được ông đặt vào một phạm trù — tiểu thị dân, rồi cái tiểu thị dân Na Uy ông lại rất thản nhiên gò vào quan niệm của ông về tiểu thị dân *Đức*. Nhưng ở đây có hai sự thực đứng ngang đường.

Thứ nhất, khi ở toàn bộ châu Âu, việc đánh thắng Na-pô-lê-ông hóa ra là thắng lợi của thế lực phản động đối với cách mạng và khi cuộc cách mạng trên quê hương mình, ở Pháp, còn gây nên

1* Chơi chữ: Éc-nơ-xtơ là họ, "éc-nơ-xtơ" là "nghiêm túc".

sự sợ hãi đến nỗi nền quân chủ chính thống mới được khôi phục đã buộc phải đưa ra hiến pháp tự do tư sản – lúc đó Na Uy đã ban hành được ở nước mình một hiến pháp dân chủ hơn rất nhiều so với tất cả các hiến pháp có lúc bấy giờ ở châu Âu.

Và, thứ hai, trong hai mươi năm vừa qua, Na Uy đã trải qua một cao trào trong lĩnh vực văn chương, một sự phát triển mạnh mẽ mà trong thời kỳ ấy không một nước nào có thể tự biểu dương mình được, trừ nước Nga. Họ là người tiểu thị dân hay không phải là người tiểu thị dân, nhưng những con người ấy tạo ra hơn những người khác rất nhiều và cũng đặt dấu ấn của mình lên nền văn học của những dân tộc khác, và – không phải sau rốt – lên nền văn học Đức.

Theo nhìn nhận của tôi, những sự thật ấy bắt buộc chúng ta phải nghiên cứu trên một mức độ nào đó các đặc điểm của "tầng lớp tiểu thị dân" Na Uy.

Và ở đây, chắc ông sẽ phát hiện một sự khác biệt rất lớn. Ở Đức, tầng lớp tiểu thị dân là kết quả của cuộc cách mạng đã bị thất bại, là kết quả của sự phát triển bị đứt quãng và bị quay trở lại: nhờ cuộc Chiến tranh ba mươi năm và nhờ thời kỳ tiếp theo đó, tầng lớp ấy có những nét đặc biệt, biểu hiện rõ rệt: hèn nhát, hạn chế, bất lực và không thể có bất cứ sáng kiến nào, trong khi đó hầu hết những dân tộc lớn khác chính lúc ấy đang trải qua một bước phát triển nhanh mạnh. Những nét tiêu biểu ấy tầng lớp tiểu thị dân Đức cũng duy trì cả về sau nữa, khi nước Đức lại được dòng thác phát triển lịch sử cuốn hút; những nét tiêu biểu ấy tỏ ra vững chắc đủ để, với mức độ này hay mức độ khác, đặt dấu ấn lên tất thảy những giai cấp xã hội khác của Đức, sinh ra một loại hình toàn Đức độc đáo, chừng nào giai cấp công nhân của chúng ta chưa phá vỡ xong những khuôn khổ chật hẹp ấy. Công nhân Đức chính là những con người cực kỳ

có ác ý, "không có tổ quốc" với ý nghĩa là họ hoàn toàn rũ bỏ sự hạn chế tiểu thị dân Đức.

Như vậy, tầng lớp tiểu thị dân Đức tuyệt nhiên không phải là một chặng trong sự phát triển lịch sử bình thường, mà là một biếm họa được đẩy tới cùng cực, là một loại ví dụ về sự thoái hóa hoàn toàn cũng như người Do Thái Ba Lan là một biếm họa người Do Thái. Người tiểu tư sản Anh, Pháp v.v. hoàn toàn không đứng ngang tầm với người tiểu tư sản Đức.

Trái lại, ở Na Uy giai cấp tiểu nông và giai cấp tiểu tư sản, pha trộn một ít giai cấp trung sản – về đại thể cũng như ở Anh và ở Pháp vào thế kỷ XVII – là trạng thái bình thường của xã hội trong nhiều thế kỷ. Ở đây không có chuyện bị vứt lại phía sau bằng bạo lực về những trật tự đã lỗi thời vì sự thất bại của một phong trào lớn hoặc vì cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm nào đó. Đất nước tụt hậu do bị cô lập hoặc do điều kiện thiên nhiên, song trạng thái chung của nó hoàn toàn phù hợp với điều kiện sản xuất của nó và vì thế là bình thường. Chỉ có vào thời gian gần đây nhất trong nước bắt đầu thỉnh thoảng xuất hiện một số mầm mống của công nghiệp lớn, nhưng ở đây chưa có chỗ cho một đòn bẩy cực mạnh để tích tụ tư bản, cho thị trường chứng khoán. Hơn thế nữa, quy mô to lớn của thương mại trên biển có ảnh hưởng đúng là bảo thủ. Vì nếu ở tất cả những nước khác, tầu thủy chạy bằng hơi nước lấn át tầu buồm, thì Na Uy tăng với quy mô rất lớn ngành hàng hải tàu buồm của mình và có đội tầu buồm nếu không lớn nhất thế giới thì cũng là thứ hai về tầm cỡ, về cơ bản thuộc sở hữu của những chủ tầu hạng nhỏ và hạng vừa, như ở Anh vào khoảng năm 1720 chẳng hạn. Thế nhưng nhờ điều đó và với trạng thái trì trệ như vậy phong trào đã bắt đầu, và phong trào này cũng đã được biểu hiện ở sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực văn chương.

Nông dân Na Uy chưa bao giờ là nông nô, và điều đó làm

cho toàn bộ sự phát triển – giống như ở Ca-xti-li-a – có một bối cảnh hoàn toàn khác. Người tiểu tư sản là con của nông dân tự do và vì thế họ là *con người dích thực* so với người tiểu thị dân Đức đang biến chất. Và những khuyết điểm của các vở kịch của Íp-xen chẳng hạn như thế nào đi nữa thì những vở kịch ấy mô tả cho chúng ta thấy dù chỉ là giới trung sản hạn hẹp, một giới hoàn toàn khác với giới trung sản Đức,- một giới mà trong đó con người còn có tính cách cùng sáng kiến và hành động độc lập, tuy đôi khi, theo khái niệm của người nước ngoài, khá lạ lùng. Những điều như vậy tôi thích nghiên cứu kỹ trước khi phát biểu xét đoán của mình về chúng".

Như vậy, ở đây tôi đã chỉ cho ngài Éc-nơ-xtơ, tuy dưới một hình thức lịch sử, nhưng khá rõ ràng và dứt khoát – "ở đâu", cụ thể là trong bài viết trong báo "Freie Bühne" mà chính ông ta gửi cho tôi. Nếu tôi giải thích cho ông ta rằng ông ta sử dụng thế giới quan của Mác đơn thuần làm khuôn mẫu để cắt xén và cắt đi xén lại các sự thực lịch sử, thì đó chính là một ví dụ nói lên "việc rõ ràng là không hiểu" thế giới quan ấy trong đó tôi đã trách cứ các ngài viết văn[1*]. Bằng cách cho ông ta thấy tiếp qua ví dụ do chính ông ta dẫn ra, qua ví dụ về Na Uy, rằng việc ông ta vận dụng cách hiểu cứng nhắc về tầng lớp tiểu thị dân theo kiểu mẫu Đức vào đất nước Na Uy là mâu thuẫn với các sự thực lịch sử, qua đó tôi cũng luận chứng trước, cả trong việc vận dụng vào chính con người ông ta, lời tôi chỉ trích những ngài ấy là "hoàn toàn không biết những sự thực lịch sử có tính chất quyết định trong mỗi thời điểm cụ thể"[2*].

Bây giờ các bạn hãy xem xem với sự trình bạch kiểu cách nào ngài Éc-nơ-xtơ làm ra vẻ mình là một nữ nông dân trinh

1* Xem tập này, tr.113-114.

2* Xem như trên.

trắng mà tên đều càng có tước vị nào đó tình cờ gặp được trên đường phố Béc-lin đối đãi như thế chị ta "thuộc số chịu chơi". Với cái vẻ đức hạnh bị xúc phạm, ông ta xuất hiện trước mắt tôi bốn tháng sau khi nhận được bức thư dẫn ra trên đây: như các bạn thấy, tôi phải chỉ cho ông ta "ở đâu?". Có lẽ, ngài Éc-ne-xtơ trải qua hai giai đoạn ham thích văn chương. Lúc đầu ông ta nhảy vào với một sự gan dạ và tự tin như thể đằng sau cái đó thực sự ẩn giấu một cái gì khác hơn là sự ầm ỹ rỗng tuếch; còn khi người ta bắt đầu tự vệ, thì lúc đó ông ta bèn vội vã tuyên bố rằng ông ta chẳng nói gì cả và phàn nàn về thái độ coi thường và xúc phạm đối với những tình cảm tốt đẹp của ông ta. Đức hạnh đã bị xúc phạm – trong thư ông ta gửi cho tôi trong đó ông ta kêu ca rằng ông Ba-rơ "đối xử với ông ta một cách láo xược không thể tưởng tượng được!" Sự trinh bạch bị xúc phạm là ở trong thư ông ta trả lời tôi, trong đó ông ta hỏi một cách hết sức ngây thơ "ở đâu?" trong khi đó ông ta phải biết điều này cách đây bốn tháng rồi. Tâm hồn cao thượng khó hiểu là ở báo "Volksstimme" Mác-đơ-buốc, nơi ông ta cũng hỏi "nơi đâu?" ở ông Brê-me cổ hủ đã trừng phạt ông ta một cách đích đáng.

"Thờ dài tôi hỏi: nơi đâu?

Tôi luôn luôn hỏi: chốn nào?

Có thể, ông Éc-nơ-xtơ còn muốn biết "ở đâu?". – Dù chỉ là trong bài về "Những mối nguy hiểm của chủ nghĩa Mác"[125] của ông ta đăng trên báo "Volks-Tribüne", trong đó ông ta thẳng thừng lặp lại lời khẳng định vô lý mà ông ta đã lĩnh hội của nhà siêu hình học Duy-rinh rằng ở Mác, lịch sử diễn ra hoàn toàn tự động, không hề có sự tham gia của con người (song họ làm ra lịch sử) và các quan hệ kinh tế (song chính con người tạo ra chúng!) điều khiển những con người ấy như những con cờ đơn giản. Cứ để một người nào khác giúp cái con người có thể lẫn lộn việc một đối thủ như Duy-rinh xuyên tạc lý luận của

Mác với chính lý luận ấy mong được ai khác giúp đỡ, – tôi khước từ làm việc ấy.

Và tôi sẽ được phép không trả lời những câu hỏi tiếp "ở đâu?" nữa. Ông Ec-nơ-xtơ có một sức sinh sản lớn, các bài viết ra khỏi ngòi bút của ông nhanh đến mức đâu đâu ta cũng vấp phải. Còn khi ta đã cho rằng cuối cùng những bài viết đã hết, ông ta tuyên bố mình là tác giả một bài không ký tên này hay một bài không ký tên khác.

Ở đây người anh em của chúng ta trở nên không chịu được nữa, và ta bắt đầu cảm thấy muốn ông Ec-nơ-xtơ hết hơi dù chỉ là tạm thời.

Tiếp đến ông Ec-nơ-xtơ viết:

"Nếu tôi có nhận xét đảng đoàn dân chủ – xã hội của chúng ta trong nghị viện một phần rất tiểu tư sản, thì cứ để Ăng-ghen" v.v.

Một phần rất tiểu tư sản? Trong bài đăng trên báo "Sächsische Arbeiter – Zeitung", bài báo đã buộc tôi phải phản đối[1*], có nói rằng chủ nghĩa xã hội nghị viện tiểu tư sản giờ đây dường như có *đa số* ở Đức hậu thuẫn. Nhưng về điều này, tôi đã nói, tôi không hay biết gì cả. Bây giờ ông Ec-ne-xtơ chỉ muốn khẳng định rằng đảng đoàn chỉ "một phần" rất tiểu tư sản. Một lần nữa- một tâm hồn cao thượng khó hiểu mà những con người độc ác gán cho nó đủ thứ hành vi nhục nhã. Nhưng đã có ai lúc nào đó bác bỏ sự thực là không chỉ trong đảng đoàn, mà nói chung cả trong đảng cũng có cả khuynh hướng tiểu tư sản? Cánh hữu và cánh tả thì đảng nào cũng có, mà việc cánh hữu trong đảng xã hội – dân chủ có tính chất tiểu tư sản thì đó là lẽ thường tình. Nếu toàn bộ vấn đề chỉ có thế thì dấy lên toàn bộ sự rùm beng ấy

1* Xem tập này, tr.112-115.

để làm gì? Chuyện cũ ấy chúng ta phải đếm xỉa nhiều năm, nhưng từ cái đó còn rất xa mới có đa số tiểu tư sản trong đảng đoàn và nhất là trong đảng. Khi nguy cơ như vậy sẽ thực sự uy hiếp thì không ai ngồi chờ những lời kêu gọi ngăn ngừa từ phía những Éc-các-tơ trung thành độc đáo ấy. Nhưng cho đến nay, cuộc đấu tranh sinh động, vui vẻ[126] của giai cấp vô sản chống đạo luật đặc biệt và sự phát triển kinh tế nhanh chóng ngày càng làm cho yếu tố tiểu tư sản ấy mất cơ sở và mất môi trường dinh dưỡng, trong khi đó yếu tố vô sản trở nên ngày càng hùng mạnh.

Cuối cùng tôi cũng có thể báo cho ông Ec-nơ-xtơ biết điều sau đây. Đối với đảng, điểm nguy hiểm hơn rất nhiều so với đảng đoàn tiểu tư sản mà trong cuộc bầu cử tiếp theo có thể vứt bỏ như thứ đồ cũ bỏ đi, là bè lũ nhà văn và sinh viên kiêu căng, đặc biệt là khi họ không thể nhìn thấy những sự vật đơn giản nhất và khi xem xét tình hình kinh tế hoặc tình hình chính trị họ không biết cân nhắc một cách vô tư mối tương quan giữa các sự kiện hiện thực lẫn ảnh hưởng thực tế của những lực lượng đang đấu tranh với nhau; vì vậy họ muốn áp đặt cho đảng một sách lược hoàn toàn thiếu chín chắn, như các ông Bru-nô Vin-le và Tây-xtơ-le nói công khai và ông Ec-nơ-xtơ cũng nói dưới một hình thức ôn hòa hơn. Và bè lũ đó càng trở nên nguy hiểm hơn, khi nó tập hợp thành một cái giống như hội bảo hiểm tương hỗ và sử dụng tất cả mọi phương tiện quảng cáo có tổ chức để kéo những thành viên của mình vào ghế biên tập các báo đảng và thông qua báo chí của đảng mà chỉ huy đảng. Cách đây mười hai năm, đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa đã làm cho chúng ta thoát khỏi nguy cơ đã áp đến lúc bấy giờ. Ngày nay, khi đạo luật ấy đã đổ thì nguy cơ đó lại xuất hiện. Mong điều đó sẽ là sự kiện giúp ông Pa-un Ec-nơ-xtơ cắt nghĩa vì sao

tôi kiên quyết phủ nhận bằng cả hai tay hai chân, khi người ta đánh đồng tôi với những phần tử thuộc bè lũ ấy.

Luân Đôn, ngày 1 tháng Mười 1890

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Berliner Volksblatt" số 232, ngày 5 ngày Mười 1890

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "BERLINER VOLKSBLATT"

Nhân dịp tôi bảy mươi tuổi, tôi được nhận biết bao nhiêu biểu hiện thiện cảm hết sức chân tình, biết bao nhiêu nghi thức bất ngờ mà tiếc rằng, tôi không thể đích thân trả lời cho mỗi lời chào mừng ấy. Đó đích thực là một trận mưa điện tín, thư, tặng phẩm, những bài chuyên đề viết về tôi trên báo chí của đảng – gửi từ rất nhiều nước, đặc biệt là từ mọi miền của nước Đức. Vì vậy tôi xin phép bày tỏ trên những dòng này lòng biết ơn chân thành nhất của tôi đối với bầu bạn cũ và mới đã nhớ đến tôi với một thiện ý như vậy trong ngày 28 tháng Mười một.

Không ai biết rõ hơn tôi rằng phần lớn những lời tôn trọng ấy tôi có được không phải vì tôi và công lao của tôi. Quả là số phận của tôi khiến tôi được gặt hái tiếng thơm và niềm vinh dự mà hạt giống do một con người lớn lao hơn tôi – Các Mác – đã gieo. Còn tôi thì chỉ có thể trịnh trọng hứa sử dụng phần còn lại của đời mình trong việc tích cực phụng sự giai cấp vô sản thế nào để dù là sau này thật xứng đáng với sự kính trọng đã dành cho tôi.

Luân Đôn, ngày 2 tháng Chạp 1890 ***Phri-đrích Ăng-ghen***

Đã đăng trên báo "Berliner Volksblatt" số 284, ngày 5 tháng Chạp 1890

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PARAISSANT LE MERCREDI

LE SOCIALISTE

ORGANE CENTRAL DU PARTI OUVRIER

ABONNEMENTS

TOUT CE QUI CONCERNE LA RÉDACTION DOIT ÊTRE ADRESSÉ AU SECRÉTARIAT du CONSEIL NATIONAL PARIS — 54, Avenue de Montsouris, 54 — PARIS

ADMINISTRATION

PARIS

GỬI HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC ĐẢNG CÔNG NHÂN PHÁP[127]

Thưa các ông!

Tôi xin chân thành cảm ơn các ông về những lời mừng dành cho tôi nhân dịp sinh nhật lần thứ bảy mươi của tôi.

Xin các ông tin rằng phần đời và sức lực còn lại của tôi sẽ được cống hiến cho cuộc đấu tranh vì sự nghiệp của giai cấp vô sản. Lúc nào tôi không đủ sức tiến hành đấu tranh thì xin cho tôi được chết.

Nhưng những cuộc chiến đấu mà các ông, những người anh em của các ông ở Đức, Anh, Áo – Hung, Nga, – tóm lại, ở khắp mọi nơi đã thắng, tạo nên một chuỗi những thắng lợi sáng chói, có thể làm cho cả người lụ khụ và sức cùng lực tận hơn tôi trẻ ra. Đồng thời điều làm tôi mừng hơn cả là tình anh em chân thành đã được thiết lập, tôi hy vọng là vĩnh viễn, giữa vô sản Pháp và vô sản Đức bất chấp những lời gào thét sô vanh chủ nghĩa của những người tư sản đã hư hỏng của hai nước chúng ta.

Người đồng bào Xanh - Xi-mông vĩ đại của các ông là người đầu tiên dự kiến rằng sự liên minh của ba dân tộc phương Tây

vĩ đại – Pháp, Anh, Đức – là điều kiện quốc tế số một cho sự giải phóng về chính trị và xã hội của toàn bộ châu Âu[128]. Tôi hy vọng còn thấy sự liên minh ấy – hạt nhân của khối liên minh châu Âu sau này sẽ vĩnh viễn chấm dứt chiến tranh giữa các chính phủ và các dân tộc – sẽ được vô sản ba nước thực hiện.

Các mạng xã hội quốc tế muôn năm!

Luân Đôn, ngày 2 tháng Chạp 1890

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Le Socialiste" số 14, ngày 25 tháng Chạp 1890

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp

XVII. évfolyam. Budapest: 1890. december 14. 50. szám.

NÉPSZAVA.

TÁRSADALMI ÉS KÖZGAZDASÁGI NÉPLAP.

A MAGYARORSZÁGI ÁLTALÁNOS MUNKÁSPÁRT KÖZPONTI KÖZLÖNYE.

Megjelen minden vasárnap.

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "ARBEITER - WOCHEN - CHRONIK" VÀ BÁO "NÉPSZAVA" [129]

BU-DA-PÉT

Luân Đôn, ngày 3 tháng Chạp 1890

Tôi xin bày tỏ với các ông lời cảm ơn chân thành nhất của tôi về những lời mừng mà các ông đã dành cho tôi trong thư của các ông đề ngày 26 tháng Mười một nhân dịp bảy mươi năm ngày sinh của tôi.

Tôi biết rõ rằng phần đáng kể nhất những niềm tôn kính mà các ông và nhiều người khác bày tỏ với tôi trong ngày này, tôi chỉ được hưởng với tư cách là đại diện của *Mác*, sống lâu hơn Người, và tôi xin phép đặt những lời tôn kính đó làm vòng hoa danh dự lên mộ Người. Tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm để tiếp tục xứng đáng với Người, – và các ông có thể tin điều đó.

Tôi xin thành tâm cảm ơn về việc các ông có nhã ý mời tôi đến dự đại hội đảng Hung-ga-ri [130]. Tôi không có khả năng đích thân đến dự, nhưng trong tâm tưởng ngày 7 và 8 tháng Chạp tôi sẽ cùng với các ông.

Sự tồn tại của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Hung-ga-ri

một lần nữa chứng minh rằng công nghiệp lớn hiện đại không thể xác lập ở bất cứ một nước nào mà không cách mạng hóa xã hội tiền tư bản chủ nghĩa cũ và không sinh ra bên cạnh giai cấp tư bản một giai cấp vô sản, không sinh ra cùng với điều đó một cuộc đấu tranh giai cấp giữa hai giai cấp ấy và một đảng công nhân mong muốn lật đổ trật tự thế giới tư sản – tư bản chủ nghĩa. Chính cả ở Hung-ga-ri, như tôi thấy qua báo "Arbeiter-Wochen – Chronik" mà các ông có nhã ý gửi tới cho tôi, đảng công nhân này đang phát triển và ngày càng mạnh; đồng thời nó có ưu điểm là ngay từ đầu đã có tính chất quốc tế, tập hợp trong hàng ngũ mình người Ma-đi-a, người Đức, người Ru-ma-ni, người Xéc-bi và người Xlô-va-ki. Và tôi xin đề nghị các ông chuyển tới đảng trẻ tuổi ấy những lời chúc tốt đẹp nhất của tôi nhân đảng ấy họp đại hội.

Phong trào dân chủ – xã hội quốc tế muôn năm!

Đại hội đảng Hung-ga-ri muôn năm!

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Arbeiter – Wochen – Chronik" số 50, ngày 14 tháng Chạp 1890 và (bằng tiếng Hung-ga-ri) trên báo "Népszava" số 50, ngày 14 tháng Chạp 1890

In theo bản đăng trên báo "Arbeiter – Wochen – Chronik"
Nguyên văn là tiếng Đức

Nr. 18. IX. Jahrgang, I. Band 1890-91.

LỜI TỰA VIẾT CHO TÁC PHẨM CỦA C.MÁC "PHÊ PHÁN CƯƠNG LĨNH GÔ-TA" [131]

Bản thảo in ở đây – bức thư gửi cho Brắc-cơ cùng với bản phê phán dự thảo cương lĩnh – đã được gửi cho Brắc-cơ năm 1875, trước Đại hội hợp nhất ở Gô-ta[132] một ít lâu, với lời yêu cầu chuyển cho Gây-bơ, Au-ơ, Bê-ben và Líp-nếch xem, rồi sau đó gửi trả lại cho Mác. Vì Đại hội đảng ở Ha-lơ[133] có đề ra trong chương trình nghị sự việc thảo luận Cương lĩnh Gô-ta, cho nên tôi e sẽ phạm tội giấu giếm nếu tôi còn để lâu hơn nữa, không đem công bố văn kiện rất quan trọng này – có lẽ là văn kiện quan trọng nhất – trong số những văn kiện liên quan đến cuộc thảo luận nói trên.

Song bản thảo này còn có một ý nghĩa khác nữa, rộng lớn hơn nhiều. Trong bản thảo này, lần đầu tiên Mác đã trình bày rõ ràng và rành mạch thái độ của mình đối với đường lối mà Lát-xan đã đi theo ngay từ khi ông ta mới tham gia công tác cổ động và hơn nữa, đối với cả những nguyên lý kinh tế lẫn sách lược của Lát-xan.

Tính chất gay gắt không kiêng nể trong việc phân tích bản dự thảo cương lĩnh, tính cứng rắn trong việc nêu lên những kết luận đã rút ra, những chỗ yếu trong bản dự thảo bị bóc trần, – tất cả những cái đó, ngày nay, sau mười lăm năm, không có thể làm ai phật lòng nữa. Những môn đồ đặc biệt theo Lát-xan chỉ còn tồn tại với tư cách là những đám tàn dư cá biệt ở nước ngoài, còn ở Ha-lơ thì Cương lĩnh Gô-ta cũng đã bị ngay cả những người thảo ra bỏ rơi, coi là hoàn toàn thiếu sót.

Tuy vậy, ở những chỗ nào xét thấy không hại đến nội dung của vấn đề thì tôi đã bỏ bớt đi một vài từ ngữ hoặc một vài nhận xét quá nghiêm khắc về một vài cá nhân và thay bằng mấy dấu chấm. Ngày nay, nếu chính Mác cho in bản thảo đó, có lẽ ông cũng làm như vậy. Lối nói gay gắt ở một đôi chỗ trong bản thảo là do hai tình huống. Một là, Mác và tôi gắn bó với phong trào ở Đức mật thiết hơn với bất cứ phong trào nào khác, nên sự thụt lùi rõ rệt biểu lộ trong bản dự thảo cương lĩnh tất nhiên phải làm cho chúng tôi đặc biệt công phẫn. Hai là, hồi ấy, tức là không đầy hai năm sau Đại hội Quốc tế[134] ở La Hay, chúng tôi đang kịch liệt đấu tranh chống Ba-cu-nin và phái vô chính phủ của ông ta là những kẻ cho rằng chúng tôi phải chịu trách nhiệm về mọi việc xảy ra trong phong trào công nhân ở Đức; vì vậy, chúng tôi cũng phải đề phòng người ta sẽ đổ cho chúng tôi là cha đẻ bí mật của bản cương lĩnh đó. Những lý do ấy ngày nay không còn nữa, nên những đoạn ấy cũng không cần phải giữ lại nữa.

Ngoài ra, vì những lý do về kiểm duyệt nên có đôi câu phải thay bằng mấy dấu chấm. Chỗ nào cần phải chọn một lời văn ôn tồn hơn thì tôi đặt đoạn đó vào giữa hai dấu móc nhọn. Trừ

những chỗ ấy ra, còn thì bản thảo hoàn toàn được in theo đúng nguyên văn.

Luân Đôn, ngày 6 tháng Giêng 1891

Ph. Ăng-ghen

Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd.I, số 18, 1890-1891

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

BREN-TA-NÔ CONTRA MÁC

VỀ CÁI GỌI LÀ XUYÊN TẠC ĐOẠN TRÍCH DẪN. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ VÀ TƯ LIỆU[135]

Viết vào tháng Chạp 1890 - tháng Hai 1891
Đã in trong cuốn: F. Engels. "In Sachen Brentano contra Marx wegen angeblicher Citatsfälschung. Geschichtser- zählung und Dokumente. Hamburg, 1891

In theo bản in của lần xuất bản năm 1891
Nguyên văn là tiếng Đức

Trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ tư tập thứ nhất bộ "Tư bản" của Mác[136], tôi cho rằng cần quay trở lại cuộc luận chiến chống Mác mà một tác giả khuyết danh bắt đầu trong tờ "Concordia"[137] xuất bản ở Béc-lin năm 1872 và được ông Xét-li Tay-lo ở Cam-brít-giơ khôi phục lại năm 1883 trên báo "Times". Tác giả khuyết danh mà ông Tay-lo vạch rõ chính là ông Luy-ô Bren-ta-nô, đã bu[illegible]ội Mác xuyên tạc đoạn trích. Thông báo vắn tắt của tôi trong lời tựa ấy (nó được in trong số những tư liệu số 12[1*] kèm theo) về vấn đề này tuyệt nhiên không đạt mục đích sẽ là dễ chịu đối với ông Bren-ta-nô; hoàn toàn tự nhiên là ông ta phải trả lời tôi. Và ông ta đã làm việc đó trong cuốn sách: *Lui-ô Bren-ta-nô. "Luận chiến của tôi với Các Mác. Đồng thời là khảo luận về vấn đề sự tiến bộ của giai cấp công nhân và những nguyên nhân của nó"*. Béc-lin, Van-te và A-pô-lan, 1890[138].

Cuốn sách này đem lại cho chúng ta vừa quá nhiều vừa quá ít. Quá nhiều vì nó "đồng thời" nói lên một cách tỉ mỉ các quan điểm của ông Bren-ta-nô về "sự tiến bộ của giai cấp công nhân và những nguyên nhân của nó". Những quan điểm đó hoàn toàn không dính dáng với đối tượng tranh cãi. Tôi phải nêu lên chỉ một điều thôi: việc ông Bren-ta-nô luôn luôn lặp đi lặp lại rằng

1* Xem tập này tr. 252-260.

luật bảo hộ lao động của công nhân, cũng như các tổ chức công đoàn có tác dụng giúp cải thiện tình cảnh của giai cấp công nhân, tuyệt nhiên không phải là phát hiện của chính ông ta, Mác và tôi, trong các tác phẩm của mình, từ "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" và "Sự khốn cùng của triết học" đến bộ "Tư bản" và những công trình gần đây nhất của tôi, hàng trăm lần nói điều này, nhưng rào trước đón sau rất nhiều[139]. Thứ nhất, sự chống đối của các công đoàn chỉ có ảnh hưởng thuận lợi ở những thời kỳ tình hình kinh tế trung bình và cao; trong những thời kỳ trì trệ và khủng hoảng, sự chống đối luôn luôn bị thất bại; lời khẳng định của ông Bren-ta-nô rằng "họ có thể làm tê liệt hành động vô cùng nguy hại của đạo quân dự bị", là một sự khoác lác đáng nực cười. Và, thứ hai, – không nói đến những hạn chế khác kém quan trọng, – cả luật bảo hộ lao động lẫn sự chống đối của công đoàn đều không trừ bỏ được cái căn bản nhất phải trừ bỏ: các quan hệ tư bản chủ nghĩa, luôn luôn tái sinh sự đối lập giữa giai cấp các nhà tư bản và giai cấp công nhân làm thuê. Khối công nhân làm thuê suốt đời phải làm thuê, vực thẳm giữa họ và các nhà tư bản ngày càng sâu rộng theo chừng mực đại công nghiệp hiện đại chiếm lĩnh tất thảy mọi ngành sản xuất. Nhưng vì ông Bren-ta-nô muốn làm cho người nô lệ làm thuê trở thành người nô lệ làm thuê *hài lòng*, nên ông ta phải thổi phồng tột độ ảnh hưởng tốt đẹp của việc bảo hộ lao động, của sự chống đối của các công đoàn, của luật xã hội bủn xỉn v.v.; nhưng mà vì chúng ta có khả năng đối phó với những sự thổi phồng ấy bằng những sự thực đơn giản, nên ông ta nổi giận.

Cuốn sách ấy đem lại quá ít vì trong số các tư liệu của cuộc bút chiến này nó chỉ cho biết những tư liệu xuất phát từ ông

Bren-ta-nô và Mác, và hoàn toàn không nói gì về những tư liệu xuất hiện sau này về vấn đề đó. Để bạn đọc có thể xét đoán tổng quát về tất cả những điều này, tôi xin dẫn ra trong phụ lục: 1) Những chỗ bị buộc tội trong Tuyên ngôn thành lập của Tổng hội đồng của Quốc tế và trong bộ "Tư bản"; 2) Cuộc bút chiến giữa ông Bren-ta-nô và Mác; 3) Cuộc luận chiến giữa ông Xét-lí Tay-lo và Ê-lê-ô-no-ra Mác; 4) Lời tựa của tôi viết cho lần xuất bản thứ tư bộ "Tư bản" và những lời bất bẻ nó của ông Bren-ta-nô; 5) Những cái có liên quan đến các bức thư của Glát-xtôn gửi cho ông Bren-ta-nô. Lẽ dĩ nhiên, tôi không đưa vào đây những chỗ trong suy luận của Bren-ta-nô chẳng liên quan đến vấn đề xuyên tạc câu trích dẫn mà chỉ là "khảo luận về vấn đề tiến bộ" v.v. của ông ta mà thôi.

I

Trên báo "Concordia" số 10 xuất bản ở Béc-lin ngày 7 tháng Ba 1872 xuất hiện những lời đả kích nặc danh gay gắt chống Mác với tư cách tác giả viết Tuyên ngôn thành lập của Tổng hội đồng của Quốc tế năm 1864 [140]. Người ta bảo trong bản Tuyên ngôn này Mác tuồng như đã xuyên tạc câu trích bài nói ngày 16 tháng Tư 1863 về ngân sách của Glát-xtơn bộ trưởng tài chính Anh lúc bấy giờ.

Đoạn tương ứng trong Tuyên ngôn thành lập được in trong phần phụ lục, tư liệu số 1[1*]. Bài của tạp chí "Concordia" cũng được in ở đây, tư liệu số 3[2*]. Trong tư liệu số 3 này, lời buộc tội được diễn đạt như sau:

"Vậy quan hệ giữa nội dung bài nói này và đoạn trích của Mác như thế nào? Glát-xtơn lúc đầu xác nhận rằng thu nhập của đất nước chắc chắn tăng lên rất nhiều. Theo ý kiến của ông ta, điều này được thuế thu nhập chứng minh. Nhưng thuế thu nhập chỉ đánh vào thu nhập từ 150 p.st. trở lên. Ở Anh, những người có thu nhập ít hơn không phải đóng thuế thu nhập. Lợi dụng việc Glát-xtơn viện dẫn điều này đơn giản để đánh giá đúng đắn tầm cỡ của mình, Mác gán cho ông ta những lời sau đây: *"Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt đó hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"*. *Những câu ấy không có ở bất cứ đâu trong bài nói của Glát-xtơn.*

1* Xem tập này, tr.203-205.

2* Xem tập này, tr.209-211.

Trong bài nói ấy có nói một điều ngược hẳn lại. Về hình thức và về thực chất, Mác đã bịa ra câu này!"

Lời buộc tội đó là như vậy, và, nhân tiện chúng tôi xin nhận xét, đó là lời buộc tội duy nhất mà tác giả giấu tên đưa ra để chống Mác; giờ đây đã biết tác giả đó mang tên là Luy-ô Bren-ta-nô.

Số 10 tạp chí "Concordia" gửi tới Mác vào tháng Năm 1872 từ Đức. Trên bản tôi còn giữ đây có lời ghi: "Cơ quan của liên minh chủ xưởng Đức". Mác vì chưa bao giờ nghe nói gì về tạp chí này, như vậy, ông coi tác giả là chủ xưởng làm văn chương và có thái độ tương ứng đối với ông ta.

Trong thư trả lời của mình trong báo "Volksstaat"[141] (tư liệu số 4[1*]), Mác đã chỉ ra rằng câu đó không chỉ được giáo sư Bi-đơ-li trích dẫn năm 1870 trong "Fortnightly Review" [142], mà còn được dẫn ra, ngay khi Tuyên ngôn thành lập chưa xuất hiện, trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", Luân Đôn, 1864 [143] và, cuối cùng, rằng bài tường thuật của báo "Times" ngày 17 tháng Tư 1863 về hình thức và về thực chất cũng có câu này dưới dạng bài ấy trích dẫn nó: "Sự tăng lên mà tôi vừa mô tả" (cụ thể là "sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt đó"), "hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"[144]. Nếu trong "Han-xác-đơ" không có đoạn ấy [145], đoạn mà qua miệng bộ trưởng tài chính Anh chắc chắn có tác dụng làm mất thanh danh, thì sở dĩ như vậy vì ông Glát-xtơn khôn đến mức, theo tục lệ truyền thống của nghị viện Anh, ông ta đã vứt nó đi rồi.

Ở đây dù sao cũng có một bằng cứ chứng minh rằng câu ấy, mà người ta bảo là bịa ra, *đã có đúng từng chữ* trên báo "Times" ngày 17 tháng Tư 1863, trong bài tường thuật về bài của Glát-xtơn

1* Xem tập này, tr.210-217.

I

Trên báo "Concordia" số 10 xuất bản ở Béc-lin ngày 7 tháng Ba 1872 xuất hiện những lời đả kích nặc danh gay gắt chống Mác với tư cách tác giả viết Tuyên ngôn thành lập của Tổng hội đồng của Quốc tế năm 1864 [140]. Người ta bảo trong bản Tuyên ngôn này Mác tuồng như đã xuyên tạc câu trích bài nói ngày 16 tháng Tư 1863 về ngân sách của Glát-xtơn bộ trưởng tài chính Anh lúc bấy giờ.

Đoạn tương ứng trong Tuyên ngôn thành lập được in trong phần phụ lục, tư liệu số 1[1*]. Bài của tạp chí "Concordia" cũng được in ở đây, tư liệu số 3[2*]. Trong tư liệu số 3 này, lời buộc tội được diễn đạt như sau:

"Vậy quan hệ giữa nội dung bài nói này và đoạn trích của Mác như thế nào? Glát-xtơn lúc đầu xác nhận rằng thu nhập của đất nước chắc chắn tăng lên rất nhiều. Theo ý kiến của ông ta, điều này được thuế thu nhập chứng minh. Nhưng thuế thu nhập chỉ đánh vào thu nhập từ 150 p.xt. trở lên. Ở Anh, những người có thu nhập ít hơn không phải đóng thuế thu nhập. Lợi dụng việc Glát-xtơn viện dẫn điều này đơn giản để đánh giá đúng đắn tầm cỡ của mình, Mác gán cho ông ta những lời sau đây: *"Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt đó hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản". Nhưng câu ấy không có ở bất cứ đâu trong bài nói của Glát-xtơn.*

1* Xem tập này, tr.203-205.

2* Xem tập này, tr.209-211.

*Trong bài nói ấy có nói một điều ngược hẳn lại. **Về hình thức và về thực chất, Mác đã bịa ra câu này!"***

Lời buộc tội đó là như vậy, và, nhân tiện chúng tôi xin nhận xét, đó là lời buộc tội duy nhất mà tác giả giấu tên đưa ra để chống Mác; giờ đây đã biết tác giả đó mang tên là Luy-ô Bren-ta-nô.

Số 10 tạp chí "Concordia" gửi tới Mác vào tháng Năm 1872 từ Đức. Trên bản tôi còn giữ đây có lời ghi: "Cơ quan của liên minh chủ xưởng Đức". Mác vì chưa bao giờ nghe nói gì về tạp chí này, như vậy, ông coi tác giả là chủ xưởng làm văn chương và có thái độ tương ứng đối với ông ta.

Trong thư trả lời của mình trong báo "Volksstaat"[141] (tư liệu số 4[1*]), Mác đã chỉ ra rằng câu đó không chỉ được giáo sư Bi-đơ-li trích dẫn năm 1870 trong "Fortnightly Review" [142], mà còn được dẫn ra, ngay khi Tuyên ngôn thành lập chưa xuất hiện, trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", Luân Đôn, 1864 [143] và, cuối cùng, rằng bài tường thuật của báo "Times" ngày 17 tháng Tư 1863 về hình thức và về thực chất cũng có câu này dưới dạng bài ấy trích dẫn nó: "Sự tăng lên mà tôi vừa mô tả" (cụ thể là "sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt đó"), "hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"[144]. Nếu trong "Han-xác-đơ" không có đoạn ấy [145], đoạn mà qua miệng bộ trưởng tài chính Anh chắc chắn có tác dụng làm mất thanh danh, thì sở dĩ như vậy vì ông Glát-xtơn khôn đến mức, theo tục lệ truyền thống của nghị viện Anh, ông ta đã vứt nó đi rồi.

Ở đây dù sao cũng có một bằng cứ chứng minh rằng câu ấy, mà người ta bảo là bịa ra, *đã có đúng từng chữ* trên báo "Times" ngày 17 tháng Tư 1863, trong bài tường thuật về bài của Glát-xtơn

1* Xem tập này, tr.210-217.

danh, từ trước đến giờ không bác bỏ rằng đây là nói về intoxicating augmentation of wealth and power [1*]) đã chỉ ra trước đây) "and which is founded, I think, upon accurate returns, is an augmentation entirely confined to classes of property"[2*].

Thế rồi, sau khi ông Bren-ta-nô tự mình dùng ngón tay chỉ câu nói trong bài tường thuật của báo "Times" dường như do Mác bịa ra, vì câu ấy không có trong "Han-xác-đơ" và bằng cách đó tự ông ta chứng minh sự gian dối láo xược của mình mà ông ta gán cho Mác, – ông trịnh trọng tuyên bố, rằng:

"Cả hai bài tường thuật" (của báo "Times" và của "Han-xác-đơ") "về thực chất hoàn toàn trùng khớp nhau. Bài tường thuật của báo "Times" chỉ cung cấp, dưới dạng cô đọng hơn, những điều mà bài tường thuật tốc ký của "Han-xác-đơ" dẫn ra nguyên văn. Nhưng mặc dù cả trong bài tường thuật của báo "Times" có cái quả là ngược với *đoạn trừ danh nào* lấy từ Tuyên ngôn thành lập, mặc dù cả theo bài tường thuật của báo "Times", Glát-xtơn nói rằng, theo ý ông ta, sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt *ấy không đóng* khung ở *các giai cấp hữu sản*. Mác vẫn còn láo xược viết trong báo "Volksstaat" số ra ngày 1 tháng Sáu. "Vậy, theo tường thuật của cơ quan ngôn luận của chính ông ta, báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863, ông Glát-xtơn về hình thức và về thực chất đã tuyên bố ngày 16 tháng Tư 1863 tại hạ nghị viện rằng sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt *ấy* hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản".

Si duo faciunt idem, non est idem. Nếu cả hai người làm cùng một điều, thì đó không phải là một.

Khi Mác dẫn lời Glát-xtơn: sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản, thì đó là "sự bịa ra", đó là "chỗ trừ danh", "hoàn toàn bị xuyên tạc". Còn khi bài tường thuật của báo "Times" dẫn lời Glát-xtơn: sự tăng lên mà tôi vừa mô tả ấy, là sự tăng giàu có và sức mạnh

1* – Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt.

2* – "dựa trên những số liệu mà theo tôi là hoàn toàn chính xác, là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp có của.

đáng sửng sốt, hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản, – thì đó chỉ là "cô đọng hơn về hình thức" so với bài tường thuật của "Han-xác-đơ" trong đó câu này không có, và "quả là trái ngược với chỗ trừ danh đó" (cụ thể là – cùng chỗ đó) "lấy từ Tuyên ngôn thành lập". Còn khi Mác viện dẫn chỗ đó lấy từ bài tường thuật của báo "Times" để chứng thực, thì ông Bren-ta-nô nói:

"Cuối cùng, ông ta còn đủ láo xược viện dẫn những bài tường thuật trên báo *trái ngược hẳn với nó*".

Muốn thế cần thực sự có một sự "láo xược" hoàn toàn đặc biệt. Ở Mác, dù sao thì trán ở trên mặt, chứ không phải ở nơi khác [1*].

Với một "sự láo xược" thực tế rất khác với sự "láo xược" của Mác, tác giả nặc danh, tức là Lui-ô Bren-ta-nô, bắt Glát-xtơn phải nói rằng "theo *ý kiến* của ông ta", sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy *không* đóng khung ở các giai cấp hữu sản". Còn trong thực tế thì theo cả "Times" lẫn "Han-xác-đơ" thì Glát-xtôn đều nói rằng ông ta sẽ lấy làm đau đớn và lo lắng nhìn "sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy, nếu ông tin chắc rằng nó chỉ đóng khung ở các giai cấp có của", tiếp đến ông nói, theo bài tường thuật của báo "Times" rằng trong thực tế nó "đóng khung chỉ ở các giai cấp hữu sản".

"Trên thực tế", – cuối cùng, tác giả nặc danh có đức hạnh phẫn nộ nhận xét, – "để nhận định cách xử sự như vậy, chỉ có thể dùng một từ mà chính Mác biết rất rõ (xem "Tư bản", tr. 257); cách xử sự đó quả là "không trung thực".

Cách xử sự của ai, thưa ông Lui-ô Bren-ta-nô?

1* Chơi chữ "Stirne" là "trán", nghĩa bóng là "sự láo xược".

II

Trong bài trả lời ("Volksstaat", ngày 7 tháng Tám 1872, tư liệu số 6[1*]), Mác rộng lượng đến mức ông ta phân tích về thực chất tất cả mọi chuyện vớ vẩn mà ông Bren-ta-nô chồng chất lên về vấn đề giáo sư Bi-đơ-li, "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" v.v.; chúng tôi tạm gác điều này, coi đó là những vấn đề thứ yếu. Nhưng ở phần cuối, Mác dẫn thêm hai sự thực có ý nghĩa quyết định đối với vấn đề chủ yếu. Ngoài bài tường thuật của báo "Times" ra, đoạn "bịa đặt" còn có trong các bài tường thuật của hai tờ báo buổi sáng khác xuất bản ở Luân Đôn số ra ngày 17 tháng Tư 1863. Theo "Morning Star"[146] thì Glát-xtơn nói:

"Sự tăng lên đó" ,— vừa được mô tả là sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt, — "là sự tăng lên hoàn toàn chỉ đóng khung ở những giai cấp nắm tài sản".

Theo "Morning Advertiser"[147]:

"Sự tăng lên vừa được nhắc tới" — một sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt — "là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp có tài sản".

Đối với bất kỳ đối thủ nào khác, bằng chứng đó "quả là chí

1* Xem tập này tr. 222-233.

tử". Nhưng không phải đối với Bren-ta-nô nặc danh. Mác chưa bao giờ thấy bài trả lời của Bren-ta-nô ("Concordia" số ra ngày 22 tháng Tám 1872, tư liệu số 7[1*]) chứng tỏ sự láo xược không giảm đi, vì sau ngày 11 tháng Bảy, ông không được người ta gửi tới các số báo "Concordia" nữa. Bản thân tôi chỉ đọc bài trả lời ấy trong bản in lại của Bren-ta-nô ("Cuộc bút chiến của tôi v.v.", 1890"[148] và vì thế đến ở đây dù muốn hay không tôi cũng phải đề cập đến bài trả lời này.

"*Sự đổi trá ngoan cố của ông*" (Mác) trong việc "bám lấy đoạn trích dẫn đã bị bóp méo... đáng ngạc nhiên ngay cả đối với người không từ bất cứ thủ đoạn nào để thực hiện ý đồ của mình là lật đổ chế độ đang tồn tại".

Đoạn trích vẫn tiếp tục là "giả mạo", ấy thế mà bài tường thuật của báo "Times" "chứng minh điều ngược hẳn, vì các bài tường thuật của báo "Times" và "Han-xác-đơ" hoàn toàn trùng khớp nhau". Nhưng sự quá tự tin của ông Bren-ta-nô khi ông ta khẳng định điều ấy lại càng là những điều vớ vẩn thực sự so với "sự láo xược" khi ông ta bỗng nhiên thông báo cho chúng ta điều sau đây:

"Thủ đoạn thứ hai là làm lu mờ bài tường thuật của báo "Times" là ở chỗ trong bản dịch sang tiếng Đức của mình, Mác đã đơn giản vứt bỏ mệnh đề phụ, mệnh đề này toát lên rằng Glát-xtôn chỉ nói là sự tăng giàu có mà ta có thể xét đoán qua số liệu về thuế thu nhập,*đóng khung ở các giai cấp hữu sản*, vì giai cấp công nhân không bị đánh thuế thu nhập, và vì vậy qua số liệu về thuế thu nhập không thể rút ra điều gì về sự nâng cao phúc lợi của giai cấp công nhân; nhưng ông ta không nói rằng giai cấp công nhân trong thực tế bị loại trừ khỏi sự tăng lên phi thường của tài sản quốc dân".

Như vậy, nếu trên báo "Times" có nói rằng sự tăng lên được nhắc tới thường xuyên như vậy đóng khung ở các giai cấp hữu sản, thì ở đấy nói lên điều trái ngược với câu được "bịa ra" trong

1* Xem tập này tr. 234-238.

đó đã nói điều y như vậy. Còn về "mệnh đề phụ bị vứt bỏ một cách đơn giản", thì nó tuyệt nhiên không qua đi một cách vô ích đối với ông Bren-ta-nô, miễn là nếu ông ta hạ cố tỏ ra kiên nhẫn một chút. Sau khi cú nhảy mạnh dạn đầu tiên của ông ta đã hạ cánh yên ổn, ông ta đã dễ dàng khẳng định rằng đen là trắng và trắng là đen. Sau khi ông ta đã trị báo "Times", thì "Morning Star" và "Morning Advertiser" chẳng mấy làm ông ta lo lắng.

"Vì những báo này ngay cả qua lời truyền đạt của ông ta" (của Mác) "cũng nói có lợi cho chúng tôi. Sau khi nói, theo cả hai báo, là ông ta *không nghĩ*" (như chúng ta biết, Bren-ta-nô khẳng định điều này) "rằng sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy đóng khung ở những giai cấp ở trong những điều kiện thuận lợi. Glát-xtôn nối tiếp: "Sự gia tăng giàu có lớn lao *ấy hoàn toàn không chú ý đến tình cảnh của* dân cư lao động. *Sự tăng lên đã được nhắc tới là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp có tài sản*". Ý nghĩa và việc dùng các từ "chú ý đến" chỉ rõ rằng sự gia tăng ấy và sự tăng lên đã được nhắc tới hàm ý sự gia tăng và sự nhắc tới" (sic![1*]) "có thể xét đoán trên cơ sở những số liệu về thuế thu nhập".

Vị tu sĩ dòng Tên đã nghĩ ra quy tắc si duo faciunt idem, non est idem, là học trò so với Bren-ta-nô nặc danh, khi các báo "Times", "Morning Star" và "Morning Advertiser" đồng thanh tuyên bố ràng câu mà, theo lời khẳng định của Bren-ta-nô, do Mác "bịa ra" thực sự là do Glát-xtôn nói ra, thì ba tờ báo đó đồng thanh nói "có lợi" cho ông Bren-ta-nô, còn khi Mác sau đó dẫn nguyên văn chính câu nói ấy, thì câu đó là "câu trích giả", là "sự dối trá láo xược", là "hoàn toàn làm giả", là "bịa đặt" v.v.. Còn khi Mác không thể đồng ý với điều đó thì các tác giả nặc danh của chúng ta, mà tên ông ta là Bren-ta-nô không thể hiểu điều này và coi đó là "thật không trung thực".

Nhưng chúng tôi sẽ kết thúc vĩnh viễn "sự bịa đặt" bằng cách

1* như vậy đấy!

dẫn ra những bài tường thuật của tất cả các báo buổi sáng xuất bản ở Luân Đôn, số ra ngày 17 tháng Tư 1863 về đoạn này.

Báo "Times", "Morning Star", "Morning Advertiser" thì chúng tôi đã trích dẫn.

"Daily Telegraph"[149]:

"Về phần mình, tôi có thể nói rằng tôi sẽ lo lắng và sợ hãi nhìn *sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy*, nếu tin chắc rằng nó đóng khung ở các giai cấp giàu có. Mặt này của vấn đề sự giàu có hoàn toàn không chú ý đến tình cảnh của dân cư lao động. *Sự tăng lên đó là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản*".

"Morning Herald"[150]:

"Tôi có thể nói rằng về phía tôi, tôi sợ hãi và lo lắng nhìn *sự tăng giàu có đáng sửng sốt ấy*, nếu tôi nghĩ rằng nó đóng khung ở những giai cấp giàu có. *Sự tăng giàu có lớn lao đó* mà tôi đã mô tả và dựa trên những số liệu chính xác, *hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản* và tuyệt nhiên không tính đến các giai cấp nghèo nhất".

"Morning Post"[151]:

"Tôi có thể nói, về phía tôi, tôi sợ hãi và lo lắng nhìn sự tăng giàu có lớn lao ấy, nếu tôi nghĩ rằng những cái lợi của nó chỉ có đối với các giai cấp giàu có. *Sự tăng giàu có* đó mà tôi đã mô tả và dựa trên những số liệu chính xác, *hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản* và hoàn toàn không tính đến sự tăng phúc lợi của những giai cấp nghèo nhất".

"Daily News"[152]:

"Tôi có thể nói rằng về phía tôi, tôi sẽ sợ hãi và lo lắng nhìn *sự tăng giàu có lớn lao ấy*, nếu tôi nghĩ rằng nó đóng khung ở các giai cấp giàu có. *Sự tăng giàu có ấy mà tôi đã mô tả và dựa trên những số liệu chính xác, hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản* và không tính đến sự tăng phúc lợi của giai cấp nghèo nhất".

"Standard"[153]:

"Tôi có thể nói rằng về phía tôi, tôi sẽ sợ hãi và lo lắng nhìn *sự tăng giàu có lớn lao ấy*, nếu tôi nghĩ rằng nó đóng khung ở các giai cấp giàu có. *Sự tăng giàu có to lớn ấy* mà tôi đã mô tả và dựa trên những số liệu chính xác, *hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản* và không tính đến các giai cấp nghèo nhất".

Tám tờ báo dẫn ra đây, theo như tôi biết, là những tờ báo buổi sáng duy nhất xuất bản ở Luân Đôn lúc bấy giờ. Lời chứng

của những báo ấy là "không thể bác bỏ được". Trong số đó, bốn tờ báo– "Times", "Morning Star", "Morning Advertiser", "Daily Telegraph" – truyền đạt câu đó dưới dạng y như Mác "bịa ra". Sự tăng lên đó, vừa mới được mô tả, là sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt, *"hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản".)* Bốn tờ báo kia– "Morning Herald", "Morning Post", "Daily News", "Standard" – truyền đạt câu ấy "chỉ có dưới hình thức cô đọng hơn", điều này càng tăng mạnh câu đó lên; cụ thể là sự gia tăng đó *"hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản"*.

Tất thảy tám tờ báo nói trên tờ nào cũng có đầy đủ đội ngũ phóng viên riêng tại nghị viện. Như vậy, họ là những nhân chứng cũng hoàn toàn độc lập với nhau. Tiếp nữa, tất cả họ gộp chung lại đều không đại biểu cho ý kiến của một đảng nào đó, vì họ thuộc những khuynh hướng đảng phái hết sức khác nhau. Và cả đảng To-ri lẫn đảng Vích và phái cấp tiến đều bảo đảm về cả hai cách viết của câu nói mà không thể nào dấu giếm được. Theo bốn tờ báo thì Glát-xtơn nói: hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản. Theo bốn tờ báo kia thì ông ta nói: hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản. Như vậy, tám nhân chứng không chê vào đâu được cho thấy rằng Glát-xtơn thực sự có nói câu ấy. Vấn đề quy lại chỉ là ông ta nói theo cách mềm mỏng hơn mà Mác đã dẫn hay là theo cách nói tăng mạnh mà bốn bài tường thuật đưa ra.

"Han-xác-đơ" đối lập với tất thảy tám tờ báo ấy trong tầm cỡ đơn độc của mình. Nhưng "Han-xác-đơ"không phải là không có chỗ yếu như những báo buổi sáng. Các bài tường thuật của "Han-xác-đơ" bị kiểm duyệt, chính các diễn giả kiểm duyệt. Và chính vì vậy mà người ta có thói quen trích dẫn theo "Han-xác-đơ".

Tám nhân chứng gây nên sự tin cậy so với một nhân chứng gây nên sự hoài nghi! Nhưng điều đó có liên quan gì với tác giả nặc danh của chúng ta, vì tác giả vững tin vào thắng lợi? Chính

vì các bài tường thuật của tất cả tám tờ báo buổi sáng gán "đoạn trứ danh ấy" cho Glát-xtơn, chính *vì vậy* mà họ nói *"có lợi"* cho tác giả nặc danh, chính *bằng cách ấy* họ chứng minh rằng Mác đã "bịa ra" đoạn ấy.

Thực ra, chẳng có gì vượt được "sự láo xược" của Bren-ta-nô nặc danh.

III

Song thực ra, sự láo xược nổi bật mà ông Bren-ta-nô làm chúng ta ngạc nhiên, chỉ là mẹo sách lược. Ông ta phát hiện ra rằng việc tấn công câu nói "bịa đặt" đã bị thất bại và ông ta đành phải tìm kiếm cho mình một vị trí phòng ngự. Ông ta đã tìm được; giờ đây chỉ cần rút lui về về vị trí mới ấy.

Ngay trong bài thứ nhất trả lời Mác (tư liệu số 5[1*]), ông Bren-ta-nô, tuy có xấu hổ, đã ám chỉ ý định ấy của mình. Bài tường thuật vô cùng nguy hại của báo "Times" bắt ông ta làm việc đó. Tuy bài tường thuật ấy chứa đựng một đoạn "trừ danh", "bịa ra", nhưng về thực chất đó là vấn đề thứ yếu. Vì do chỗ bài tường thuật ấy "về thực chất hoàn toàn trùng khớp" với "Han-xác-đơ", trong bài đó có "điều ngược hẳn với đoạn trừ danh ấy", trong đoạn ấy chứa đựng trong bài tường thuật đó đúng từng chữ. Như vậy, cái quan trọng không còn là mặt chữ chính xác của "đoạn trừ danh nữa", mà là ý tứ của nó. Bây giờ vấn đề không phải là phủ nhận chính đoạn ấy nữa, mà là khẳng định rằng ý tứ của nó trái ngược hẳn với điều đã nói trong đó.

1* Xem tập này, tr. 217-222.

Và sau khi trong bài trả lời thứ hai của mình, Mác tuyên bố rằng do thiếu thì giờ nên ông buộc phải vĩnh viễn chấm dứt việc giao tiếp dễ chịu với đối thủ nặc danh của mình [1*], thì kẻ này càng quá tự tin bắt tay vào đề tài không hoàn toàn sạch sẽ này. Và ông ta làm việc đó trong bài phản bác thứ hai của mình, được in lại ở đây làm tư liệu số 7[2*].

Ông ta khẳng định rằng Mác cố gắng *làm lu mờ* bài tường thuật của báo "Times", về thực chất hoàn toàn ăn khớp với báo "Han-xác-đơ", bằng ba cách. Thứ nhất, bằng cách dịch sai cụm từ classes who are in easy circumstances [3*]. Điểm này, coi là điểm hoàn toàn thứ yếu, tôi tạm gác lại, – tất cả mọi người đều biết rằng Mác nắm tiếng Anh hoàn toàn khác ông Bren-ta-nô. Nhưng ông Glát-xtơn nghĩ gì lúc ấy thì dùng cụm từ này, – và nói chung có nghĩ điều nào đó hay không, – bây giờ, 27 năm sau, ngay cả bản thân ông ta cũng không thể nói điều này.

Điểm *thứ hai* là Mác đã "đơn giản vứt" khỏi bài tường thuật của báo "Times" một "mệnh đề phụ" nào đó. Đoạn tương ứng đã được dẫn ra toàn bộ ở chương II trước, tr. 7[4*]. Bằng cách vứt một mệnh đề phụ, Mác dường như muốn dấu bạn đọc của mình một sự thực là sự tăng giầu có thấy rõ qua số liệu về thuế thu nhập, đóng khung ở các giai cấp hữu sản, vì giai cấp công nhân không đóng thuế thu nhập, và từ những số liệu ấy không thể rút ra điều gì về sự nâng cao phúc lợi của công nhân; nhưng từ

2* Xem tập này, tr. 234-238.

3* — Các giai cấp giầu có (nhận xét của Mác về cách dịch thuật ngữ này, xem tập này, tr.215 và tr. 228).

4* Xem tập này, tr.157.

đó không thể kết luận rằng giai cấp công nhân đã thực sự bị loại trừ ra khỏi sự tăng lên phi thường của tài sản quốc dân.

Câu nói từ bài tường thuật của báo "Times" do ông Bren-ta-nô dịch là:

"Sự tăng lên mà tôi đã mô tả dựa trên những số liệu, theo tôi là hoàn toàn chính xác, hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp có tài sản".

Mệnh đề phụ mà Mác đã "vứt đi" một cách có ác ý như vậy gồm những từ: "dựa trên những số liệu, theo tôi là hoàn toàn chính xác.

Mác hai lần – và do đó, kiên trì – vứt bỏ những từ cực kỳ quan trọng đó, dường như muốn dẫn bạn đọc của mình rằng sự tăng lên ấy là sự tăng lên *chỉ riêng của những thu nhập bị đánh thuế thu nhập*, – nói cách khác, thu nhập của "những giai cấp có tài sản".

Ông Bren-ta-nô có mù quáng do phẫn nộ về đạo đức liên quan tới việc ông ta to mồm với lời chỉ trích là "giả dối" hay không? Hay là ông ta nghĩ rằng ông ta có thể trâng tráo tha hồ quả quyết bất cứ điều gì, vì Mác sẽ không trả lời nữa? Sự thực là đoạn trích buộc tội ở Mác trong Tuyên ngôn thành lập, cũng như trong "Tư bản" bắt đầu bằng những từ sau đây: "Từ năm 1842 đến năm 1852 *thu nhập bị đánh thuế* (the taxable income) của nước này đã nâng lên 6% .. Trong 8 năm, từ năm 1853 đến 1861, nó đã được nâng lên, nếu lấy"[1*] v.v..

Ông Bren-ta-nô có biết ở Anh có "thu nhập bị đánh thuế" nào khác ngoài thu nhập bị đánh thuế thu nhập hay không? Và một "mệnh đề phụ" hết sức quan trọng có thêm gì vào sự giải thích rạch ròi ấy rằng đây chỉ là nói thu nhập bị đánh thuế thu nhập hay không? Hoặc giả, hình như đúng là Bren-ta-nô giữ ý kiến

1* Xem tập này, tr.204-206.

rằng những bài nói của Glát-xtơn về ngân sách "bị làm giả", rằng người ta đã "bịa thêm" vào đó hoặc "vứt đi" điều gì đó nếu người trích dẫn không độc à la Bren-ta-nô trọn bài giảng về thuế thu nhập của nước Anh, hơn nữa lại "làm giả" thuế thu nhập như Mác đã chỉ ra (tư liệu số 6[1*]), và như chính ông Bren-ta-nô đã buộc phải thừa nhận? (tư liệu số 7[2*]). Và nếu trong câu "bịa thêm" chỉ nói rằng sự tăng lên ấy, mà Glát-xtôn vừa mới nói, đóng khung ở những giai cấp hữu sản, thì chẳng lẽ ở đấy chẳng nói về thực chất cùng một điều như vậy, vì chỉ có các giai cấp hữu sản mới nộp thuế thu nhập? Nhưng tất nhiên, ông Bren-ta-nô dấy lên từ phía trước, từ chính diện một sự ồn ào dữ dội inh tai nhức óc về câu nói này, coi đó là sự giả mạo của Mác và là một sự giả dối trắng trợn, trong khi đó chính ông ta lén lút đưa nó vào qua cửa sau.

Bren-ta-nô biết rõ rằng Mác dẫn lời Glát-xtơn về "thu nhập chịu thuế", chứ không phải về thu nhập nào khác. Vì trong lời buộc tội thứ nhất của mình (tư liệu số 3) ông ta trích dẫn đoạn này từ Tuyên ngôn thành lập và thậm chí dịch từ taxable là "chịu thuế"[3*]. Nếu Bren-ta-nô giờ đây trong bài bát bẻ thứ hai của mình "vứt đi" điều này và nếu ông ta, từ ngày ấy cho đến khi xuất bản cuốn sách của mình năm 1890, vẫn tiếp tục khẳng định đi khẳng định lại rằng Mác cố ý và độc ác dấu một sự thực là ở đây Glát-xtơn chỉ nói về thu nhập chịu thuế thu nhập, thì chúng ta có nên ném vào mặt ông ta những cách nói của bản thân ông ta: "giả dối", "làm giả", "giả dối trắng trợn", "quả là giả dối" v.v. hay không?

1* Xem tập này, tr.226-227.

2* Xem tập này, tr.237-238.

3* Xem tập này, tr.209-210.

Nhưng chúng ta hãy trở lại chính văn.

"*Thứ ba*, cuối cùng Mác cố gắng dấu sự trùng khớp của bài tường thuật trên báo "Times" với bài tường thuật của báo "Han-xác-đơ" bằng cách không trích dẫn những câu trong đó Glát-xtôn ngay cả theo bài tường thuật của báo "Times" xác nhận trực tiếp và dứt khoát tình cảnh của giai cấp công nhân Anh có được cải thiện".

Trong bài trả lời thứ hai của mình cho Bren-ta-nô nặc danh[1*], Mác đã phải chứng minh rằng ông không "*bịa thêm*" câu "trứ danh", rồi sau đó đã phải bác lời khẳng định hèn mạt của tác giả nặc danh rằng trong vấn đề về điểm *này*, điểm duy nhất là đối tượng tranh cãi, bài tường thuật của báo "Times" và bài tường thuật của báo "Han-xác-đơ", "về thực chất hoàn toàn trùng khớp nhau", tuy bài của báo "Times" chứa đựng nguyên văn câu là đối tượng tranh cãi, còn bài của báo "Han-xác-đơ" thì hoàn toàn bỏ qua câu ấy. Glát-xtơn còn nói gì nữa về vấn đề cải thiện tình cảnh của giai cấp công nhân Anh, điều đó tuyệt đối không quan trọng đối với điểm tranh cãi độc nhất này.

Trái lại, trong Tuyên ngôn thành lập – mà đó chính là văn kiện mà Bren-ta-nô căn cứ để buộc tội là giả mạo đoạn trích – ở trang 4[2*], vẻn vẹn có mấy dòng trước câu "trứ danh" có nói thẳng ra rằng bộ trưởng tài chính (Glát-xtơn) trong thời kỳ ngự trị ngàn năm của thương mại tự do đã tuyên bố tại hạ nghị viện:

"tình hình của người công nhân trung bình ở Đại Bri-ten đã có sự cải thiện mà cần phải thừa nhận là đặc biệt và không có nước nào và thời đại nào có thể sánh được".

Và đó chính là lời mà, theo Bren-ta-nô, đã bị Mác dấu một cách cố ác ý.

1* Xem tập này, tr. 211-217.

2* Xem tập này, tr.205.

Trong toàn bộ cuộc bút chiến, bắt đầu từ bài thứ nhất trả lời Mác vào năm 1872 (tư liệu số 5[1*]), đến lời mở đầu và phụ lục cho cuốn sách "Cuộc bút chiến của tôi v.v." vào năm 1890, ông Bren-ta-nô – với sự khéo léo của đôi tay mà tất nhiên chúng tôi tuyệt nhiên không dám gọi là "sự giả dối láo xược" – lờ tịt một sự thực là trong Tuyên ngôn thành lập Mác trích dẫn chính xác lời cam đoan trịnh trọng của Glát-xtơn về sự cải thiện chưa từng có tình cảnh của công nhân. Và trong bài phản bác thứ hai của mình – mà như đã nói trên, Mác vẫn không biết đến cho tới lúc ông qua đời, và tôi vẫn không biết đến cho tới khi xuất hiện vào năm 1890 cuốn sách "Cuộc bút chiến của tôi v.v." – bài phản bác, trong đó việc buộc tội bịa thêm câu nói được để lại cốt làm ra vẻ, thực ra thì đã được vứt đi, trong đó không chỉ ngượng ngùng cho rằng câu phịa thêm đích thực là của Glát-xtơn, mà còn khẳng định rằng câu ấy "nói có lợi cho chúng tôi", nghĩa là có lợi cho Bren-ta-nô, – trong bài phản bác thứ hai này, Bren-ta-nô rút lui xuống một tuyến phòng ngự mới: theo ông ta, Mác đã cắt xén và xuyên tạc bài nói của Glát-xtơn; Mác bắt Glát-xtơn nói rằng của cải của người giàu đã tăng lên rất nhiều, còn người nghèo, dân cư lao động may lắm trở nên ít nghèo hơn, trong khi đó Glát-xtơn nói toạc ra rằng tình cảnh của công nhân đã được cải thiện chưa từng có.

Phòng tuyến thứ hai này bị chọc thủng nhờ một sự thực không thể bác bỏ rằng chính trong văn kiện bị buộc tội, trong Tuyên ngôn thành lập, những lời này của Glát-xtơn được dẫn nguyên văn, và điều này Bren-ta-nô *đã biết*. "Nhưng tai vạ cái gì cơ chứ? Bạn đọc" (của "Concordia") "không thể kiểm soát ông ta cơ mà!"

1* Xem tập này, tr. 216-222.

Và lại, còn về việc trong thực tế Glát-xtơn đã nói những gì thì sau đây chúng tôi sẽ còn nói mấy lời.

Cuối cùng Bren-ta-nô, cảm thấy an toàn, thứ nhất, vì mình dấu tên và, thứ hai, vì Mác tuyên bố rằng Mác không muốn bận bịu với ông ta nữa, đem lại cho mình một sự thích thú nho nhỏ sau đây:

"Nếu cuối cùng ông Mác còn chửi ầm lên thì chúng tôi có thể cam đoan với ông ta rằng đối thủ của ông ta thấy không gì có thể thích thú hơn là thừa nhận sự yếu kém của mình, sự thừa nhận thể hiện ở điều đó. Chửi rủa là vũ khí của người mà những biện pháp bảo vệ khác đã tận dụng hết cả rồi".

Mong bạn đọc tự mình xét đoán xem trong bài trả lời thứ hai của mình, Mác "đã chửi ầm lên" đến mức nào. Còn về ông Bren-ta-nô, thì chúng tôi đã trình bày một bó những từ ngữ lịch sự của ông ta. Những từ ngữ ném tới tấp vào mặt Mác như "đối trá", "giả dối láo xược", "những câu trích dẫn rởm", "quả là bất lương" v.v. dù sao cũng là "việc thừa nhận sự yếu kém" có tính chất giáo huấn và là dấu hiệu cho thấy không sai rằng ở ông Bren-ta-nô "các biện pháp bảo vệ khác đã dùng hết cả rồi".

IV

Hồi thứ nhất vở kịch chủ yếu của chúng ta thế là sắp kết thúc. Thầy dùi bí ẩn (nếu chưa phải là bí mật), Bren-ta-nô, đã đạt được cái mà ông ta chưa chắc dám hy vọng. Đành rằng ông ta không may với câu nói "bịa thêm", lời buộc tội ban đầu ấy thực tế ông ta đã vứt đi rồi. Nhưng ông ta đã tìm được cho mình một vị trí phòng ngự mới, và ở vị trí này ông ta đã giữ cho mình quyền quyết định cuối cùng, mà ở những trường hợp như vậy trong giới giáo sư Đức thường nói rằng chiến trường vẫn ở phía ông ta. Như vậy, ông ta lẽ ra có thể khoe – ít ra là trước những người như ông ta – rằng đã đánh lùi một cách thắng lợi sự công kích của Mác, còn bản thân Mác thì ông ta đã giết chết bằng văn chương. Nhưng Mác bất hạnh không hay biết một chữ nào về việc ông bị kết liễu trên báo "Concordia"; trái lại, ông đã "láo xược" sống thêm mười một năm, mười một năm thành tích ngày càng lớn, mười một năm không ngừng tăng số người theo ông ở tất cả các nước, mười một năm thừa nhận ngày càng rộng khắp công lao của ông.

Bren-ta-nô và đồng bọn đã sáng suốt kiêng mở mắt cho Mác đã bị mù thấy được sự tự lừa dối ấy, hoặc nhận giải thích cho ông rằng ông đã chết từ lâu. Nhưng khi ông qua đời thực sự vào năm 1883 họ không thể chịu đựng hơn được nữa, họ quá

ngửa tay. Và khi đó Xét-li Tay-lo lên sân khấu với bức thư gửi báo "Times" (tư liệu số 8[1*]).

Tay-lo đăng đàn không phải vì cái nọ lẫn cái kia nếu ông ta hoặc bạn Bren-ta-nô của ông ta không thỏa thuận trước với Ê-min Đơ La-ve-lê, mà hình như đúng như thế. Bằng một lối văn cầu kỳ chứng tỏ ông ta ý thức được rõ ràng tính chất vô hy vọng của công việc mình làm, ông ta nói rằng ông ta cảm thấy "đặc biệt kinh ngạc trước việc giáo sư Bren-ta-nô tám năm sau đã vạch trần được sự mala fides [2*] này (của Mác)". Thế là ở đây bắt đầu sự khoác lác về những đòn tài nghệ của Bren-ta-nô như thần, về những cơn giẫy giụa lúc hấp hối chẳng bao lâu sau đó của Mác nghịch đạo v.v.. Tình hình thực tế ra sao, bạn đọc chúng tôi đã thấy rồi. Trong cơn giẫy chết chỉ có được lời khẳng định của Bren-ta-nô về câu phịa thêm.

Cuối cùng, để kết thúc, chúng tôi xin dẫn thêm những lời sau đây:

"Khi Bren-ta-nô đã chứng minh bằng cách đối chiếu tỉ mỉ các văn bản rằng các bài tường thuật của báo "Times" và báo "Han-xác-đơ" trùng khớp nhau, hoàn toàn loại trừ cái ý tứ mà những đoạn trích riêng lẻ rút ra một cách khéo léo đem lại cho lời nói của Glát-xtơn, trong khi đó Mác không chịu tiếp tục bút chiến lấy cớ là thiếu thời gian!"

Việc "đối chiếu tỉ mỉ các văn bản" thật buồn cười. Bren-ta-nô nặc danh *chỉ* trích dẫn báo "Han-xác-đơ". Mác đem lại cho ông ta bài tường thuật của báo "Times", có nguyên văn câu tranh cãi không có trong báo "Han-xác-đơ". Sau đó ông Bren-ta-nô cũng đã trích dẫn bài tường thuật của báo "Times", hơn nữa trích bên dưới sách chỗ Mác trích ba dòng. Ba dòng đó phải chứng minh rằng các bài tường thuật của báo "Times" và báo "Han-xác-đơ"

1* Xem tập này, tr. 239.

2* — thiếu lương tâm

hoàn toàn trùng khớp nhau, rằng câu gọi là do Mác "bịa thêm" *không* được đăng trong bài tường thuật của báo "Times", tuy ở đấy nó được đăng đúng từng chữ, hoặc ít ra là nếu nó được đăng ở đây chăng nữa thì ý tứ của nó trái ngược với điều được nói trực tiếp trong câu ấy. Ông Tay-lo gọi thủ thuật khó giải đó là việc "đối chiếu tỉ mỉ các văn bản".

Tiếp nữa, hoàn toàn không đúng nếu cho rằng sau đó Mác lẩn tránh tiếp tục tranh luận với cái cớ là thiếu thì giờ. Và ông Xét-li-Tay-lo đã biết hoặc phải biết điều này. Chúng tôi thấy rằng Mác còn trình ông Bren-ta-nô như thánh nặc danh một bằng cứ chứng minh rằng các bài tường thuật của báo "Morning Star" và báo "Morning Advertiser" cũng có câu "bịa thêm" y như vậy. Và chỉ sau đó ông mới tuyên bố rằng ông không thể dành thời gian cho tác giả nặc danh nữa.

Cuộc bút chiến tiếp tục giữa ông Tay-lo và bà Ê-lê-ô-no-ra Mác (tư liệu số 9, 10 và 11[1*]) trước hết chứng minh rằng ông Xét-li Tay-lo không giây phút nào khăng khăng giữ lời buộc tội ban đầu về việc bịa thêm câu nói. Ông cho phép mình nói rằng điều ấy "đóng vai trò hoàn toàn thứ yếu". Lại trực tiếp phủ nhận một sự thực mà ông ta đã biết hoặc ắt phải biết rồi.

Dù sao, chúng tôi ghi nhận sự thừa nhận của ông ta rằng không thể ủng hộ lời buộc tội đó nữa và chúng tôi mừng ông bạn Bren-ta-nô của ông ta về điều ấy.

Vậy bây giờ buộc tội cái gì? Lời buộc tội ấy do ông Bren-ta-nô đưa xuống phòng tuyến thứ hai — ông ta đã quả quyết rằng Mác muốn xuyên tạc ý tứ của bài phát biểu của Glát-xtơn — là một lời buộc tội mới, mà như chúng tôi đã chỉ ra, Mác không hề biết gì cả. Dù sao nó cũng chuyển chúng ta sang một lĩnh vực hoàn

1* Xem tập này, tr. 240-250.

toàn khác. Lúc đầu nói đến một sự thực xác định; Mác có bịa thêm câu ấy hay không? Lời buộc tội ấy đã bị Mác bác bỏ một cách thắng lợi, điều này giờ đây không ai phủ nhận. Nhưng lời buộc tội mới trích dẫn bóp méo ý tứ chuyển chúng ta sang lĩnh vực những ý kiến chủ quan, mà tất nhiên không khỏi có sự khác nhau. De gustibus non est disputandum[1*]. Điều mà người này cho là không quan trọng – tự nó hoặc mục đích mà đoạn trích được dẫn ra nhằm vào đó – thì người khác có thể cho là quan trọng và có tính chất quyết định. Bằng sự trích dẫn của mình, người báo thù không bao giờ vừa ý người tự do chủ nghĩa, người tự do chủ nghĩa không bao giờ làm vừa lòng người báo thù, còn người xã hội chủ nghĩa thì bao giờ làm vừa lòng một người nào trong hai người, cũng không bao giờ làm vừa lòng cả hai người. Một người đảng viên một đảng nào đó mà đối thủ của anh ta trích dẫn lời của các đồng chí cùng đảng của chính anh ta để chống anh ta, thường thấy rằng trong đoạn trích dẫn đã bỏ đi chỗ quan trọng nhất quyết định ý tứ đích thực của những điều đã nói. Điều đó rất thông thường và cho phép có biết bao nhiêu cách nhìn nhận cá nhân khiến không ai mảy may coi trọng những lời buộc tội như vậy. Nếu ông Bren-ta-nô lợi dụng tính chất nặc danh của mình để đưa vén vẹn lời buộc tội ấy để chống Mác, thì Mác hà tất cho rằng cần phải trả lời dù chỉ một chữ.

Để xoay chuyển sự tình với sự kiêu diễm vốn có của ông ta, ông Xét-li Tay-lo buộc phải ba lần từ bỏ người bạn và người đồng chí Bren-ta-nô của mình. Ông ta từ bỏ Bren-ta-nô, thứ nhất, bằng cách vứt lời buộc tội duy nhất lúc đầu về việc "bịa thêm" và thậm chí không thừa nhận có sự buộc tội đó là sự buộc tội ban đầu và duy nhất. Sau đó ông ta từ bỏ Bren-ta-nô bằng cách

1* Mỗi người một khẩu vị. Nguyên văn: Người ta không tranh cãi về khẩu vị, sở thích

không mảy may khách khí gác sang một bên tờ "Han-xác-đơ" hoàn toàn đúng đắn mà việc trích dẫn nó làm nguồn tư liệu đặc biệt, là "tập quán" của Bren-ta-nô đạo đức cao cả và sử dụng nó – theo lời của chính Bren-ta-nô ấy – "bài tường thuật không khỏi tồi tệ" của báo "Times". Ông ta từ bỏ Bren-ta-nô lần thứ ba – và thêm vào đó còn từ bỏ cả bức thư của chính mình gửi báo "Times" – bằng cách tìm "đoạn trích đã nhắc đến" không phải trong Tuyên ngôn thành lập, mà là trong "Tư bản". Và làm như vậy chỉ vì ông ta chưa bao giờ thấy tận mắt bản Tuyên ngôn thành lập mà ông ta có "can đảm" viện dẫn trong thư của ông ta gửi báo "Times"! Ít lâu sau cuộc tranh luận của mình với Ê-lê-ô-no-ra Mác, ông ta hoài công tìm kiếm bản Tuyên ngôn ấy trong Viện bảo tàng Anh [1*] và ở đó ông ta được giới thiệu đến nữ đối thủ của ông ta, hỏi *bà này* có thể kiếm cho ông ta một bản hay không? Lúc ấy tôi lấy từ trong giấy tờ của tôi một bản mà Ê-lê-ô-no-ra gửi cho ông ta. Việc "đối chiếu tỉ mỉ các văn bản" nhờ thế mà ông ta có thể tiến hành, hình như đã làm cho ông ta tin rằng làm thinh là cách trả lời tốt nhất.

Và trong thực tế, sẽ hoàn toàn thừa nếu thêm dù chỉ một từ vào bài trả lời thứ hai của Ê-lê-ô-na-ra Mác (tư liệu số 11 [2*]).

1* — Thư viện của Viện bảo tàng Anh.

2* Xem tập này, tr. 246-251.

V

Hồi thứ ba. Đoạn trích cần thiết in ở tư liệu số 12 [1*] rút ra từ lời tựa tôi viết cho lần xuất bản thứ tư tập thứ nhất bộ "Tư bản" của Mác giải thích vì sao ở đấy tôi phải trở lại cuộc bút chiến từ lâu của ông Bren-ta-nô và Xét-li Tay-lo. Lời tựa đó đã bắt Bren-ta-nô phải trả lời. Bài trả lời xuất hiện trong cuốn sách "Cuộc bút chiến của tôi với Các Mác v.v.", Lui-ô Bren-ta-nô, Béc-lin, 1890. Trong cuốn sách này, ông ta in lại những bài nặc danh lấy từ tạp chí "Concordia", cuối cùng đã công khai gọi những bài ấy là của mình, và những bài trả lời của Mác gửi báo "Volksstaat", kèm theo tất cả những cái đó là lời tựa và hai phụ lục mà muốn hay không chúng tôi buộc phải đề cập đến.

Trước hết chúng tôi xác nhận rằng cả ở đây cũng không còn chuyện câu nói "bịa thêm" nữa. Ở ngay trang đầu có trích dẫn câu trong Tuyên ngôn thành lập, tiếp theo là lời tuyên bố rằng Glát-xtơn "đã nói, trái ngược hẳn với lời khẳng định của Các Mác", rằng những con số đó chỉ liên quan đến những người đóng thuế thu nhập (những từ này của Glát-xtơn cũng được Mác nêu, vì ông ta dứt khoát đóng khung những con số này ở *thu nhập chịu thuế*), nhưng tình cảnh của giai cấp công nhân cũng vào lúc ấy đã được cải thiện chưa từng thấy (lời này cũng được Mác

1* Xem tập này, tr. 252-260.

dẫn, chỉ cách chín dòng phía trên câu tranh cãi). Tôi đề nghị bạn đọc tự mình so sánh Tuyên ngôn thành lập (tư liệu số 1) với lời khẳng định của ông Bren-ta-nô) (tư liệu số 13)[1*] để thấy ông Bren-ta-nô hoặc "phịa ra" mâu thuẫn như thế nào, hoặc bằng cách khác nào đó tạo ra mâu thuẫn ở nơi hoàn toàn không có mâu thuẫn nào cả. Nhưng vì lời buộc tội câu nói bịa thêm đã đổ vỡ một cách nhục nhã, nên ông Bren-ta-nô buộc phải, bất chấp chân lý, cố gắng làm cho bạn đọc của mình tin rằng Mác muốn dấu một sự thực là ở đây Glát-xtơn chỉ nói đến "thu nhập chịu thuế" hoặc về thu nhập của những giai cấp nắm tài sản. Đồng thời ông Bren-ta-nô thậm chí không nhận thấy rằng bằng cách ấy lời buộc tội thứ nhất của ông trở thành mặt đối lập của nó, vì lời buộc tội thứ hai ấy trực tiếp bác bỏ lời buộc tội thứ nhất.

Sau khi *ông ta* xử lý yên ổn "sự làm giả" này, ông ta thấy cần lưu ý tạp chí "Concordia" về "sự làm giả" mà ông ta cho là Mác đã tiến hành; trong khi đó "Concordia" đề nghị ông ta viết một bài chống Mác. Điều tiếp theo thật đáng khâm phục đến mức phải đưa lại nguyên văn:

"Bài báo không do tôi ký tên; một mặt, điều này đã làm theo ý muốn của tòa soạn *để đảm bảo danh giá tờ báo của họ*, mặt khác, tôi càng ít có khả năng phản đối việc này, là sau cuộc bút chiến mà Mác đã tiến hành trước đây, ta có thể mong đợi ông sẽ tới tấp trút lên đối thủ của mình những lời sỉ nhục cá nhân và vì thế sẽ *chỉ buồn cười* nếu để ông không biết về nhân cách đối thủ của ông".

Như vậy, tòa soạn tạp chí "Concordia" muốn "để đảm bảo danh giá tờ báo của họ", ông Bren-ta-nô đã dấu tên của mình! Vậy ông hưởng thanh danh dường nào ở những người bạn cùng đảng của chính mình! Chúng tôi vui lòng tin ông ta rằng đã xảy ra điều tương tự như vậy với ông ta, nhưng chính ông ta đâu

1* Xem tập này, tr. 203-2-5 và 260-263.

đâu cũng rêu rao điều này, đây quả là điều có một không hai từ phía ông này. Và chẳng đó là việc của ông ta và việc của tòa soạn "Concordia".

Vì "có thể mong đợi Mác sẽ trút lên đối thủ của mình những lời sỉ nhục cá nhân", nên tất nhiên, "chỉ buồn cười nếu để ông không biết về nhân cách đối thủ của ông". Làm sao có thể tới tấp trút những lời sỉ nhục *cá nhân* lên một người mà lại không biết người ấy là ai, điều ấy đến nay vẫn còn là bí mật. Việc đả kích cá nhân chỉ có thể làm trong trường hợp nếu đã biết gì đó về nhân vật ấy. Nhưng trở nên nặc danh để đảm bảo danh giá của tờ báo, ông Bren-ta-nô đã làm cho đối thủ của mình thoát khỏi sự phiền toái ấy. Chính ông ta tự mình bắt tay "sỉ nhục" một cách cần rõ, trước hết bằng bài in đậm nét buộc tội "bịa thêm", rồi "giả dối láo xược", "quả là bất lương" v.v.. Nhưng ở đây ông Bren-ta-nô- không phải là nặc danh – rõ ràng đã mắc phải lỗi viết sai. Không phải để Mác nổi tiếng có thể "trút những lời sỉ nhục cá nhân" lên ông Bren-ta-nô vô danh tiểu tốt, mà để Bren-ta-nô dấu mình có thể "tới tấp trút lời sỉ nhục cá nhân Mác nổi tiếng, – chính vì lẽ đó mà ông Bren-ta-nô này, "mặt khác, càng ít có thể phản đối" tính chất nặc danh đã gán cho ông ta.

Và điều đó ắt phải "buồn cười"! Thực ra, chính là đã xảy ra như vậy, nhưng không phải theo ý muốn của ông Bren-ta-nô. Mác, cũng như sau này cả con gái ông nữa, còn bây giờ cả tôi, – tất cả chúng tôi đều cố gắng làm cho cuộc bút chiến này có cả mặt hài hước. Nhưng thành công mà chúng tôi đạt được trong việc này – dù lớn hay nhỏ – đều nhờ ông Bren-ta-nô. Các bài viết của ông ta là gì gì cũng được, nhưng có điều không phải là cái "hài hước". Nếu trong những bài ấy có điều gì đó buồn cười, thì chỉ nhờ những đòn mà Mác giáng vào mặt xấu "của nhân cách vẫn còn chưa biết đến" của Bren-ta-nô, và con người bị đánh

này giờ đây muốn lẩn tránh những trận đòn đó, coi đó là "những lời thô bạo của một cuộc luận chiến hài hước của ông Mác". Cuộc luận chiến sắc bén của Vôn-te, Bô-mác-sê, Pôn Lu-i Cua-ri-ê bị những đối thủ của các ông – địa chủ quý tộc, cố đạo, quan tòa và đại biểu của những đẳng cấp khác – gọi là "những lời thô bạo của một cuộc luận chiến hài hước", – điều này không ngăn cản "những lời thô bạo" ấy được thừa nhận là những tác phẩm văn học kiệt xuất và kiểu mẫu ngày nay. Và chúng tôi đã nhận được nhiều thích thú từ những kiểu mẫu ấy và những kiểu mẫu khác của cuộc "Luận chiến hài hước" khiến cả trăm Bren-ta-nô cũng không kéo được chúng tôi vào lĩnh vực luận chiến kiểu đại học Đức, nơi ngự trị cơ độc một nỗi cay cú bất lực của sự đố kỵ ốm yếu và một nỗi buồn chán tuyệt vọng.

Trong khi đó ông Bren-ta-nô cho rằng ông ta một lần nữa lại tác động đến bạn đọc của mình đến mức giờ đây ông ta có thể với vẻ mặt xấc xược mang lại cho họ một dúm thuốc lá khá lớn để ngửi.

"Con khỉ đã chứng minh được rằng cả báo "Times"... cũng đăng bài tường thuật bài nói này" (của Glát-xtơn). "Về ý tứ, bài tường thuật này trùng khớp với bản tường thuật tốc ký, thì ông ta" (Mác) hành động, như tòa soạn "Concordia" viết, giống như con mực phun dịch đen vào nước để làm cho nước đục và gây khó khăn cho việc truy đuổi của đối phương, nghĩa là ông ta cố gắng làm tối tăm đối tượng tranh cãi, bằng cách moi móc những điều vô vẫn chẳng có ý nghĩa gì cả".

Nếu bài tường thuật của báo "Times" chứa đựng nguyên văn câu "bịa thêm", về ý nghĩa trùng hợp với bài tường thuật "tốc ký", nghĩa là với "Han-xác-đơ", tờ báo này thật sự không đáng câu đố, và nếu ông Bren-ta-nô lại khoe rằng ông ta đã chứng minh điều đó, thế thì cái đó nghĩa là gì nếu không phải là lời buộc tội "bịa thêm" câu nói hoàn toàn bị vứt đi – tuy ngượng ngùng và lặng lẽ – và ông Bren-ta-nô buộc phải chuyển từ tấn công sang phòng ngự, rút về phòng tuyến thứ hai của mình. Chúng tôi chỉ xác nhận điều này: chúng tôi nghĩ rằng ở chương III và

chương IV chúng tôi cũng đã chọc thủng trận địa này ở trung lộ và giáng đòn vào nó từ cả hai sườn.

Nhưng ở đây nổi lên nhà luận chiến đại học đích thực. Khi Bren-ta-nô kiêu hãnh về thắng lợi của mình dùng cách đó ép đối thủ của mình vào tường, thì lúc đó đối thủ hành động như một con cá mực, khuấy đục nước và làm tối tăm đối tượng tranh cãi, đưa lên hàng đầu những điều vô vấn chẳng có ý nghĩa gì cả.

Tín đồ dòng Tên nói: Si fecisti, nega. Nếu anh làm điều gì đó thì hãy nhận điều đó. Nhà bút chiến đại học Đức đi xa hơn và nói: nếu anh tổ chức một độc kế đê hèn kiểu thầy cãi, thì anh hãy trút độc kế đó lên đối thủ của anh. Một khi Mác trích dẫn "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" và trích dẫn của giáo sư Bi-đơ-li – và chỉ vì họ trích dẫn câu tranh cãi y như Mác trích – thì con cá mực Bren-ta-nô dùng tất cả mọi giác hút của mười chân của nó "hút vào" họ và phun ra xung quanh mình một lượng "dịch đen" nhiều đến mức cần xem xét kỹ và thi hành những biện pháp kiên quyết để không mất hút "đối tượng tranh cãi" thực sự, cụ thể là câu nói tuồng như được phịa ra. Trong bài trả lời thứ hai, ông ta cũng theo chính phương pháp đó. Trước tiên bày ra một cuộc tranh cãi mới với Mác về ý nghĩa của cụm từ "classes in easy circumtances" cuộc tranh cãi mà may lắm không thể kết thúc bằng cái gì khác ngoài việc "làm tối mờ", điều rất đáng mong muốn đối với ông Bren-ta-nô. Rồi ông ta lại phun dịch đen về mệnh đề phụ nổi tiếng nói là Mác cố ý vứt đi và, như chúng tôi đã trình bày, đã bỏ đi một cách tuyệt vời vì nó nói đến một sự thực mà nó gián tiếp chỉ ra, đã được trực tiếp nói lên một cách rõ ràng và xác định trong câu lấy từ bài nói của Glát-xtơn mà trước đây Mác đã trích dẫn. Thứ ba, con cá mực của chúng ta còn dự trữ đủ dịch đen để một lần nữa làm tối mù đối tượng tranh cãi bằng cách khẳng định rằng Mác lại vứt một số mệnh đề trong đoạn trích dẫn báo "Times" – những

mệnh đề hoàn toàn chẳng có quan hệ gì đến điểm tranh cãi duy nhất *lúc bấy giờ*, đến câu nói được gọi là phịa thêm.

Cùng một lối phun dòng dịch đen như vậy chúng tôi còn thấy trong lời tự khen đang nằm trước mặt chúng tôi. Trước hết, tất nhiên là "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu". Rồi bỗng nhiên chúng tôi được người ta đem đến "quy luật sắt của tiền lương" của Lát-xan, tuy rằng chúng ta biết, đối với quy luật này Mác có một thái độ y như thái độ của ông Bren-ta-nô đối với việc phát minh ra thuốc súng, và tuy ông Bren-ta-nô ắt phải biết rằng trong tập I bộ "Tư bản" Mác kiên quyết không chịu bất cứ trách nhiệm nào về bất kỳ kết luận nào của Lát-xan[154], rằng quy luật của tiền lương được Mác mô tả cũng trong tập ấy là hàm số của nhiều biểu số, là một quy luật cực kỳ co giãn và vì thế hoàn toàn không phải là quy luật sắt. Mà khi đã tung ra những lời thổ lộ bằng mực như vậy thì ở đây không còn chừng mực nữa, tất cả mọi thứ đều được đưa ra một cách tùy tiện: đại hội ở Ha-lơ[155], Líp-nếch và Bê-ben, bài nói về ngân sách của Glát-xtơn năm 1843, công đoàn Anh – tất cả những cái đó được đưa ra để tự vệ trước đối thủ đã chuyển sang tấn công, bằng sự tự tán tụng của ông Bren-ta-nô và bằng các nguyên tắc cao thượng, nhân đạo của ông ta mà những người xã hội chủ nghĩa tàn ác đối xử mỉa mai như thế. Có thể nghĩ rằng có cả một tá con cá mực góp phần "làm tối" vấn đề.

Và tất cả đều vì chính ông Bren-ta-nô biết rằng ông ta khẳng định láo bị hớ về câu "bịa thêm", và ông ta không đủ dũng khí để thật thà và công khai từ bỏ lời quả quyết ấy. "Nếu giờ đây" Bren-ta-nô – dùng lời của chính ông ta – "đơn giản thừa nhận rằng ông ta bị quyến sách ấy", cụ thể là "Han-xác-đơ" "làm cho nhầm lẫn, thì đúng là sẽ có thể ngạc nhiên trước việc ông ta dựa vào những nguồn tư liệu như vậy", coi là những nguồn tư liệu tuyệt đối xác thực, "nhưng sai lầm thì ít ra sẽ được sửa

chữa. Song về điều này ông ta chẳng nói lời nào". Thay vào đó ông ta phun ra một khối mực để làm tối vấn đề, và nếu ở đây tôi phải nói dài dòng như vậy, thì sở dĩ như vậy là vì tôi buộc phải trước tiên gạt bỏ tất cả những điều vớ vẩn đưa ra vô căn cứ ấy và xua tan toàn bộ lối làm tối bằng mực, để làm rõ đối tượng tranh cãi thực sự.

Trong khi đó ông Bren-ta-nô còn cho chúng tôi in petto[1*] một thông báo thực sự có thể "chỉ buồn cười". Thực ra, người ta đã chơi với ông ta một trò đùa đáng buồn đến nỗi ngay cả giờ đây ông ta không phút nào được yên chừng nào chưa làm cho lòng mình vợi bớt tất cả mọi đau xót của mình. Trước hết "Concordia" cắt bỏ tên ông ta để đảm bảo danh giá của báo. Ông Bren-ta-nô đủ cao thượng để vì lợi ích của công việc mà chịu hy sinh như vậy. Rồi Mác trút lên đầu ông ta những lời thô bạo của cuộc bút chiến hài hước của mình. Thế là ông ta nuốt hết điều đó. Đáp lại tất cả những điều ấy, ông ta chỉ muốn "trả lời bằng cách in lại nguyên văn toàn bộ tư liệu cuộc bút chiến". Nhưng than ôi!

"Tòa soạn thường có ý kiến riêng của mình; một tạp chí chuyên biệt mà tôi cho là thích hợp nhất cho việc này so với những tạp chí khác, đã từ chối in lại, tuyên bố rằng cuộc tranh cãi này không được mọi người quan tâm".

Số phận của những con người cao thượng trong thế giới tội lỗi này là như vậy: những ý định tốt nhất của họ bị thất bại vì người ta hư hỏng và thờ ơ. Và để thưởng công cho người hảo hán có đức hạnh không được thừa nhận về những thất bại không đáng có của anh ta, ở đây chúng tôi xin đem lại cho anh ta "bản in lại nguyên văn toàn bộ tư liệu bút chiến", vì sẽ cần phải có thêm khá nhiều thời gian nữa cho đến khi anh ta tìm được một tòa soạn không "thường có ý kiến của chính mình".

1*— dự trữ

VI

Cuốn sách của ông Bren-ta-nô, ngoài sự tự tâng bốc làm phần mở đầu ra, còn có hai phụ lục. Trong phụ lục thứ nhất có những đoạn trích từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" để chứng minh rằng quyển sách đó là một trong những nguồn tư liệu chủ yếu mà dựa vào đó Mác biên soạn bộ "Tư bản" của mình. Tôi sẽ không dừng lại ở lối phun mực mới này. Tôi chỉ đề cập đến lời buộc tội cũ đáng trong "Concordia". Suốt đời mình, Mác không thể làm vừa lòng ông Bren-ta-nô, và lại không có ý muốn làm vừa lòng ông ta. Vì vậy ông Bren-ta-nô chắc là có một kho vô tận những lời ta thán Mác, và tôi sẽ là thằng ngốc nếu tôi dừng lại trình bày những lời kêu ca ấy. Đối với ông ta, làm như vậy là chiều ông ta làm cái việc đổ bùn sang ao.

Chỉ là ngây thơ nếu ở đây, cuối đoạn trích, đòi hỏi Mác phải "thuật lại bài nói thực tế về ngân sách". Ông Bren-ta-nô hiểu trích dẫn đúng chính là như vậy. Tất nhiên, nếu lúc nào cũng cần thuật lại toàn bộ bài nói đích thực, thì chưa bao giờ một bài nói nào được trích dẫn mà không có sự "xuyên tạc".

Trong phụ lục thứ hai, ông Bren-ta-nô sinh sự với tôi. Ông ta nói trong lần xuất bản thứ tư tập I bộ "Tư bản", tôi đã thêm vào đoạn trích dẫn nói là không đúng, lại viện dẫn "Morning Star". Và ông Bren-ta-nô lợi dụng điều đó để lại nhờ lối phun một luồng sơn đen hoàn toàn làm tối đối tượng tranh cãi lúc đầu, cụ thể là một câu trong Tuyên ngôn thành lập; thay cho

câu ấy ông ta nhằm vào một chỗ trong bộ "Tư bản" đã được ông X.Tay-lo trích dẫn. Để chứng minh rằng tôi chỉ không đúng nguồn và Mác có thể vay mượn một "đoạn trích dẫn rỏm" lấy từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", ông Bren-ta-nô in bên cạnh, ở các cột song hành của bài tường thuật trong báo "Times", "Morning Star", cả một đoạn trích dẫn theo bộ "Tư bản". Phụ lục thứ hai này được in lại ở đây trong tư liệu số 14[1*].

Ông Bren-ta-nô bắt đầu bài tường thuật của "Morning Star" bằng những từ: "Về phía tôi, tôi phải nói" v.v.. (I must say for one etc.). Như vậy, bằng cách đó ông ta quả quyết rằng những câu trước đấy về tình hình tăng thu nhập chịu thuế từ năm 1842 đến năm 1852 và từ năm 1853 đến năm 1861 không có trong "Morning Star", từ đó tất nhiên toát lên rằng Mác không phải sử dụng "Morning Star", mà sử dụng "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu".

"Vì rằng người đọc" cuốn sách mỏng của ông ta "mà ông ta có quan hệ, không thể kiểm soát ông ta cơ mà"! Nhưng những người khác có thể làm điều đó, và lúc ấy họ sẽ thấy rõ ràng đoạn đó vẫn có trong "Morning Star". Chúng tôi in lại đoạn đó ở đây, bên cạnh nó chúng tôi in lại đoạn trong bộ "Tư bản" vừa bằng tiếng Anh, vừa bằng bản dịch để dạy bảo Bren-ta-nô và người đọc của ông ta:

"Morning Star" số ra ngày 17 tháng Tư 1863.

"Tư bản", t.I, xuất bản lần thứ nhất, tr. 639; xuất bản lần thứ 2, tr. 678, xuất bản lần thứ 3, tr. 671; xuất bản lần thứ tư, tr. 617, chú thích 103[156].

1* Xem tập này, tr. 265-268.

In ten years, from 1842 to 1852 the taxable income of the country increased by 6 per cent, as nearly as I can make out — a very considerable increase in ten years. But in eight years from 1853 to 1861 the income of the country again increased from the basis taken in 1853 by 20 per cent. The fact is so astonishing as to be almost incredible.

From 1842 to 1852 the taxable income of the country, increased by 6 per cent...

in the 8 years from 1853 to 1861... it had increased from the basis taken in 1853, 20 per cent! The fact is so astonishing as to be almost incredible.

Dịch ra điều đó đều có nghĩa là:

Trong mười năm, từ 1842 đến 1852 thu nhập chịu thuế của nước này tăng 6%, theo như tôi có thể xác định. — một sự gia tăng đáng kể đối với mười năm. Nhưng trong tám năm, từ 1853 đến 1861, thu nhập của đất nước lại tăng 20% nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc. Sự thực này đáng ngạc nhiên đến mức nó hầu như không thể tưởng tượng được.

Từ 1842 đến 1852 thu nhập chịu thuế của nước này tăng 6%...

... Trong 8 năm, từ 1853 đến 1861 nó tăng 20%, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc. Sự thực này đáng ngạc nhiên đến mức nó hầu như không thể tưởng tượng được.

Việc thiếu câu này trong đoạn ông ta trích từ tờ "Morning Star" là con chủ bài của ông Bren-ta-nô để chứng minh cho lời khẳng định của ông ta rằng Mác trích dẫn theo "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", chứ không phải theo "Morning Star". Ông ta đặt lỗ hổng làm chứng cứ này trong hai cột cạnh nhau đối lập với giả thiết rằng đoạn trích được dẫn theo "Morning Star". Nhưng kỳ thực câu đó có trong "Morning Star", cũng chính với cách viết như ở Mác, và ở chỗ trống có tác dụng vạch mặt là sự đạt điều của chính ông Bren-ta-nô. Nếu đó không phải là "sự vứt bỏ", hơn thế nữa không phải là "sự xuyên tạc", thì trong trường hợp như vậy những lời đó nói chung không có ý nghĩa nào cả.

Nhưng nếu *ở đầu* đoạn trích, ông Bren-ta-nô "xuyên tạc" và bây giờ ta kiêng khẳng định rằng *ở giữa* cũng đoạn trích ấy Mác đã "bịa thêm" một câu, thì điều đó không hề ngăn cản ông ta

quả quyết như trước rằng *ở cuối* đoạn trích Mác đã dẫn một phần của nó.

Trong "Tư bản", Mác ngắt đoạn trích ở chỗ sau đây:

"Song tôi không dám khẳng định rằng các thái cực của sự nghèo khổ đã giảm xuống".

Nhưng câu trong bài tường thuật của báo "Times" và báo "Morning Star" không kết thúc ở đây. Tiếp sau dấu phẩy là:

"những tình cảnh của người công nhân Anh trung bình — chúng tôi có may mắn biết điều đó — là phi thường" (trên báo "Times": "trong 20 năm gần đây theo chúng tôi biết đã được cải thiện, với mức độ phi thường như vậy"), "thành thử chúng tôi có thể tuyên bố nó là hầu như chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại".

Như vậy, ở đây Mác ngắt câu ở giữa, "bất Glát-xtơn phải kết thúc ở giữa câu", "do đó câu ấy mất hết mọi ý nghĩa". Và trong bài trả lời thứ hai (tư liệu số 7[1*]), ông Bren-ta-nô gọi đó là "sự trình bày tuyệt đối vô nghĩa".

Câu của Glát-xtơn: "Song tôi không dám khẳng định rằng các thái cực của sự nghèo khổ đã giảm xuống" là một lối nói hoàn chỉnh, hoàn toàn xác định. Nếu nó có ý nghĩa, thì tự nó có ý nghĩa, khi lấy riêng ra. Còn nếu nó không có ý nghĩa thì dù chúng ta có thêm vào nó phần cuối dài thế nào đi nữa bằng mọi chữ "nhưng", phần cuối ấy sẽ không đem lại ý nghĩa cho nó. Nếu câu ấy không có "bất cứ ý nghĩa nào" trong đoạn trích của Mác, thì lỗi không phải tại Mác, người trích dẫn nó, mà là tại Glát-xtôn, người phát biểu nó.

Để thẩm xét sâu hơn nữa trường hợp quan trọng này, bây giờ chúng ta xem nguồn tư liệu độc nhất mà, theo "tục lệ" của ông Bren-ta-nô, người ta thường trích dẫn – xem xét báo

1* Xem tập này, tr. 234-238.

"Han-xác-đơ" không thể sai lầm. Ở đây, theo cách dịch của chính ông Bren-ta-nô, có nói:

"Tôi không cả gan xác định xem cái vực thẳm lớn giữa hai cực giầu và nghèo đã tăng lên hay giảm xuống so với thời trước".

Dấu chấm. Và chỉ *sau* dấu chấm này mới bắt đầu một câu mới: "Nhưng nếu chúng ta sẽ xét trung bình tình cảnh của công nhân Anh" v.v.. Nếu như vậy, Mác cũng đặt dấu chấm ở đây, thì ông làm y như "Han-xác-đơ" trong trắng, và nếu ông Bren-ta-nô tạo nên một tội mới của Mác từ dấu chấm ấy và khẳng định rằng Mác ngắt lời Glát-xtơn ở giữa câu, thì đúng là ông tin "những bài tường thuật không khỏi xấu xa trên báo" và tự mình phải chịu trách nhiệm về hậu quả. Điều này cũng đập tan lời quả quyết rằng bằng dấu chấm, đó tuồng như Mác đã làm cho câu nói hoàn toàn vô nghĩa; dấu chấm không phải là của Mác, mà là của Glát-xtơn, và cứ để Bren-ta-nô nói với Glát-xtơn về ý nghĩa hay sự vô nghĩa của câu nói ấy, điều này không liên quan với chúng tôi nữa.

Ông Bren-ta-nô vốn thư đi từ lại với ông Glát-xtơn cơ mà. Quả thật, chúng tôi không biết ông ta đã viết cho Glát-xtơn và biết rất ít những điều ông Glát-xtơn đã viết cho ông ta. Dù sao, ông Bren-ta-nô chỉ in vẻn vẹn hai mệnh đề còn con ấy từ các thư của Glát-xtơn (tư liệu số 16 [1*])mà về chúng, tôi đã chỉ ra trong bài trả lời của tôi (tư liệu số 17 [2*]) rằng "cách chắp ghép tùy tiện những câu rút ra khỏi mối liên hệ chung ấy" chẳng nói lên điều gì *có lợi* cho ông Bren-ta-nô, trong khi đó việc ông ta sử dụng cách thức công bố từng đoạn thay vì in toàn bài, điều đó đã hoàn toàn *chống lại* ông ta.

1* Xem tập này, tr. 268-269.

2* Xem tập này, tr. 268-270.

Nhưng chúng ta tạm giả sử rằng cả hai mệnh đề còn con ấy chỉ cho phép có một cách hiểu có lợi nhất cho ông Bren-ta-nô. Thế thì điều đó toát lên cái gì?

"Các ngài hoàn toàn đúng, còn Mác thì tuyệt đối sai". "Tôi không đưa ra những thay đổi nào cả". Dường như lời của vị cựu bộ trưởng là như vậy – vì, theo như tôi biết – ông Glát-xtơn không có thói quen nói tiếng Đức.

Điều đó có nghĩa: tôi không phát biểu câu "trứ danh" và Mác đã "bịa thêm" nó hay không? Tất nhiên, không. Tám tờ báo buổi sáng ra ở Luân Đôn ngày 17 tháng Tư 1863 sẽ đồng thanh vạch trần sự đối trá của lời khẳng định như vậy. Họ không chút hoài nghi chứng minh rằng câu ấy đã được nói ra. Như vậy, nếu ông Glát-xtơn không hề thay đổi gì trong bài tường thuật của "Han-xác-đơ" – mà tôi tuy trẻ hơn ông ta mười hai tuổi, nhưng tôi sẽ không tin chắc trí nhớ của mình về những điều lặt vặt như vậy xảy ra cách đây 27 năm, – thì việc không có một câu trong "Han-xác-đơ" chẳng nói lên điều gì có lợi cho ông Bren-ta-nô cả và nói rất nhiều chống lại "Han-xác-đơ".

Nếu tạm gác điểm duy nhất đó về câu nói "bịa thêm", thì ý kiến của ông Glát-xtơn ở đây chẳng chứng minh gì sất. Vì, một khi chúng ta tạm gác điểm này, chúng ta rơi vào lĩnh vực những ý kiến không ép buộc ai cả, trong đó sau một cuộc tranh cãi nhiều năm , mỗi người đều khăng khăng cho mình là đúng. Hoàn toàn dễ hiểu rằng một khi đã được người ta trích dẫn, ông Glát-xtơn thích phương pháp trích dẫn của ông Bren-ta-nô, người khoái trá đứng về phía ông ta hơn là phương pháp trích dẫn của Mác, đối thủ phê phán kịch liệt ông ta – và đó là quyền không thể chối cãi của ông ta. Còn đối với chúng ta và để giải quyết vấn đề, Mác có trích dẫn không có ác ý hay với ý xấu, thì ý kiến của ông Glát-xtơn thậm chí không có ý nghĩa như ý kiến

của một người thứ ba không liên quan tình cờ gặp được, vì trong vấn đề này ông Glát-xtơn không còn là nhân chứng nữa, mà là một bên hữu quan.

VII

Cuối cùng chúng tôi còn xin đề cập ngắn gọn những điều mà ông Glat-xtơn đã nói ở chỗ đã trở thành thực sự "trứ danh" nhờ ông Bren-ta-nô trong bài nói của mình về ngân sách vào năm 1863 và những điều Mác đã trích dẫn trong số những lời ông Glat-xtơn đã nói và cả những điều Mác đã "bịa thêm" hoặc đã "vứt đi". Để tận dụng khả năng đáp ứng ông Bren-ta-nô, chúng tôi sẽ lấy "Han-xác-đơ" trong trắng làm cơ sở, hơn nữa trong bản dịch của chính nó.

"Trong mười năm, từ năm 1842 đến hết năm 1852, thu nhập chịu thuế của đất nước, trong chừng mực chúng tôi có thể xác định chính xác, đã tăng 6%; nhưng trong tám năm, từ năm 1853 đến năm 1861, thu nhập của đất nước lại tăng 20% so với con số khởi điểm. Đó là một sự thực phi thường và đáng kinh ngạc đến mức nó hầu như khó tin"

Bản thân ông Bren-ta-nô chẳng có gì để phản bác việc Mác trích dẫn câu này, ngoài việc là câu trích dẫn dường như lấy từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu". Nhưng về câu trích dẫn của ông Bren-ta-nô, ở đây cần phải thấy rằng ngay cả ông ta cũng hoàn toàn không trích dẫn "bài nói thực tế về ngân sách". Ông ta bỏ đi đoạn tiếp theo ông Glat-xtơn điểm qua nguyên nhân

của sự gia tăng đáng kinh ngạc đó, nhưng thậm chí không đánh dấu chỗ bỏ qua bằng ba chấm. – Tiếp đến:

"Thưa ông chủ tọa, tình hình là như vậy nếu nói đến sự gia tăng phổ biến của tích lũy. Còn về phần tôi, thì tôi phải nói rằng tôi sẽ đau đớn và rất lo lắng nhìn sự tăng trưởng phi thường và hầu như đáng sửng sốt ấy nếu tôi nghĩ rằng nó đóng khung ở giai cấp những người có thể nhận định là ở trong những điều kiện thuận lợi. Những con số mà tôi đã dẫn ra ít chú ý hoặc hoàn toàn không chú ý tình cảnh của những người không đóng thuế thu nhập, hoặc nói cách khác, những con số đó đủ chính xác để xác định sự thật nói chung, nhưng hoàn toàn không chú ý đến tài sản của dân cư lao động và sự gia tăng thu nhập của họ".

Ở đây, theo ông Bren-ta-nô, tiếp theo là câu Mác "bịa thêm", nhưng chắc chắn đã được ông Glát-xtơn nói, theo xác nhận của tất cả tám báo buổi sáng ra ngày 17 tháng Tư.

"Sự tăng lên mà tôi đã mô tả dựa trên những số liệu theo tôi là hoàn toàn chính xác là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản" ("Times", "Morning Star", "Morning Advertiser", "Daily Telegraph"). "Nó hoàn toàn đóng khung ở sự tăng tư bản" ("Morning Herald", "Standard", "Daily News", "Morning Post").

Sau từ "thu nhập", "Han-xác-đơ" viết tiếp ngay:

"Còn xét gián tiếp thì *sự tăng lên đơn thuần của tư bản* thực ra cực kỳ có lợi cho giai cấp công nhân, vì sự tăng lên đó có tác dụng giảm giá hàng hóa, mà trong toàn bộ quá trình sản xuất nó trực tiếp cạnh tranh với lao động".

Mặc dù "Han-xác-đơ" đưa ra một câu "trứ danh", nhưng trong vấn đề này nó nói hoàn toàn y như những báo khác: sẽ rất khó chịu đối với diễn giả, nếu sự tăng lên đáng sửng sốt ấy đóng khung ở classes in easy circumstances. Song tuy ông ta rất lấy làm tiếc về việc đó, thế nhưng sự tăng lên mà ông ta đã mô tả *đóng khung* ở những người không thuộc giai cấp công nhân và đủ giàu để đóng thuế thu nhập, *vâng*, đó thực ra là "sự tăng lên đơn thuần của tư bản"!

Và ở đây, cuối cùng, bộc lộ bí mật sự phẫn nộ của ông Bren-ta-nô. Ông ta đọc một câu trong Tuyên ngôn thành lập, tìm thấy ở đó một sự thừa nhận vô cùng nguy hại, lấy kiến giải

của "Han-xác-đơ" không tìm thấy ở đó câu bất hạnh và vội tuyên bố với thiên hạ: về hình thức và về thực chất, Mác đã bịa thêm câu này! – Mác đã cho ông ta thấy câu này trên báo "Times", "Morning Star", "Morning Advertiser". Bây giờ, cuối cùng, ông Bren-ta-nô phải làm cái việc "đối chiếu tỉ mỉ các văn bản" dù chỉ là để lấy lệ. Và ông ta tìm thấy gì vậy? Tìm thấy rằng báo "Times", "Morning Star", "Morning Advertiser" "về thực chất hoàn toàn trùng khớp" với "Han-xác-đơ". Tiếc thay, ông ta bỏ sót rằng trong trường hợp như vậy, câu "bịa thêm" về thực chất phải hoàn toàn trùng khớp với "Han-xác-đơ" và, cuối cùng "điều đó ắt phải toát lên rằng về thực chất "Han-xác-đơ" trùng khớp với Tuyên ngôn thành lập.

Và toàn bộ sự rùm beng ấy được dấy lên chỉ vì ông Bren-ta-nô đã coi thường việc đối chiếu tỉ mỉ các văn bản, tuy Xét-li Tay-lo đã gán điều này cho ông ta, và về thực chất thậm chí ông ta không hiểu theo "Han-xác-đơ", ông Glát-xtơn đã nói gì. Quả thật, làm thế không hoàn toàn dễ, vì mặc dù ông Bren-ta-nô có quả quyết rằng bài nói ấy "đã gây nên sự chú ý và sự thán phục của toàn bộ giới có học thức, đặc biệt là do... nó rõ ràng", nhưng bạn đọc có thể tin rằng, xét theo "Han-xác-đơ", bài nói đó được phát biểu bằng ngôn ngữ cực kỳ bay bướm và rối rắm, kèm theo nhiều lời rào trước đón sau và diễn giải lúng túng trong những điều lặp đi lặp lại của mình. Đặc biệt, điều hết sức vô lý là câu nói rằng sự tăng tư bản cực kỳ có lợi cho công nhân, vì nó có tác dụng hạ giá hàng hóa mà trong quá trình sản xuất nó trực tiếp cạnh tranh với lao động. Nếu một hàng hóa nào đó cạnh tranh với lao động và hàng hóa đó (như máy móc chẳng hạn) trở nên rẻ hơn, thì kết quả đầu tiên và gần gũi nhất của điều đó là tiền lương sụt xuống. Và theo ông Glát-xtơn, điều này sẽ "cực kỳ có lợi cho giai cấp công nhân" ! Một số tờ báo Luân Đôn, báo "Morning Star" chẳng hạn, đã hành động nhân đạo biết bao khi trong "những bài tường thuật không khỏi xấu xa" của mình, họ

đã thay câu nói khó hiểu đã nhắc tới ở trên bằng điều mà ông Glát-xtơn chắc hẳn muốn nói, cụ thể là sự tăng tư bản có ích cho công nhân nhờ hạ giá thành những vật phẩm tiêu dùng chủ yếu!

Khi ông Glát-xtơn nói rằng ông sẽ đau đớn và rất lo lắng nhìn sự tăng trưởng đáng sửng sốt ấy, nếu ông thấy rõ rằng sự tăng trưởng đó đóng khung ở các giai cấp giàu có thì ông ta có ý nói một sự tăng giàu có khác hay không ngoài cái ông vừa mới nói, cụ thể là tình hình của toàn dân tộc đã được cải thiện đáng kể, theo ý ông ta; ông ta có quên ngay hay không rằng ông ta đã nói về sự tăng thu nhập của những giai cấp đóng thuế thu nhập, chứ không phải về một sự tăng lên nào khác – điều này chúng tôi không thể biết. Mác đã bị buộc tội là làm giả, do đó, nổi lên vấn đề về văn bản và về ý nghĩa ngữ pháp của nó, về những điều ông Glát-xtơn đã nói, chứ không phải về những điều, có thể, ông ta muốn nói. Điều nói sau cùng này ông Bren-ta-nô cũng không biết, và lại bản thân ông Glát-xtơn 27 năm sau cũng không thông thạo điều này. Còn đối với chúng tôi thì dù sao điều này không mảy may làm chúng tôi quan tâm.

Như vậy, ý tứ hoàn toàn rõ ràng của những lời đó là như sau: thu nhập chịu thuế thu nhập đã tăng lên một cách đáng sửng sốt. Tôi rất lấy làm tiếc, nếu sự tăng lên vừa được mô tả đó đóng khung ở những giai cấp giàu có, nhưng nó đóng khung ở những giai cấp đó vì công nhân không có thu nhập thuộc diện chịu thuế; do vậy, đó là sự tăng lên đơn thuần của tư bản! Nhưng cả sự tăng lên này cũng có lợi cho công nhân, vì nó v.v..

Bây giờ chúng tôi xin dẫn Mác:

"Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy ... hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản".

Câu trong Tuyên ngôn thành lập – văn kiện này đã đem lại cái có cho toàn bộ cuộc tranh cãi dữ dội ấy – đã được truyền

đạt như vậy. Nhưng chừng nào ông Bren-ta-nô chưa dám khẳng định nữa rằng Mác đã bịa thêm câu ấy thì không còn chuyện bản Tuyên ngôn thành lập, và tất cả mọi lời công kích đều nhằm chống việc trích dẫn chỗ này trong bộ "Tư bản". Ở đấy Mác thêm câu sau đây:

"nhưng... nhưng nó phải mang lại mối lợi gián tiếp cả cho dân cư lao động, vì nó có tác dụng hạ giá thành vật phẩm tiêu dùng thông dụng".

Như vậy, ở Mác "sự lắp ghép tùy tiện những câu tách ra khỏi mối liên hệ chung" truyền đạt "về thực chất", có điều dưới một hình thức cô đọng hơn" chính các điều mà theo "Han-xác-đơ" trong trắng", ông Glát-xtơn đã nói: Lời duy nhất có thể trách cứ Mác là ông sử dụng "Morning Star", chứ không phải "Han-xác-đơ", đem lại ý nghĩa cho câu kết của ông Glát-xtơn, trong khi đó ông này nói điều vô nghĩa.

Tiếp đến, theo "Han-xác-đơ" là:

"Nhưng, ngoài ra, có thể khẳng định chắc chắn rằng quần chúng nhân dân được hưởng những mối lợi trực tiếp hơn và lớn hơn. Việc ý thức được rằng trong khi người giầu trở nên giầu hơn, người nghèo trở nên ít nghèo hơn đem lại một sự an ủi sâu sắc và vô giá. Tôi không dám xác định xem vực thẳm to lớn chia tách hai cực giầu và nghèo đã tăng lên hay giảm đi".

Ở Mác thì nói:

"trong khi người giầu trở nên giầu hơn, người nghèo dù sao cũng trở nên ít nghèo hơn. Song tôi không dám khẳng định các thái cực của sự nghèo khổ đã giảm đi".

Mác truyền đạt có điều là cô đọng hai mệnh đề khẳng định gầy guộc mà ở "Han-xác-đơ" chúng bị cả một khối những câu ngọt ngào không nói lên gì cả pha loãng đi. Có thể nói chắc chắn rằng hai câu ấy không vì thế mà mất đi tí gì, trái lại, chúng càng tốt hơn.

Cuối cùng, ở phần cuối trong "Han-xác-đơ" có nói:

"Nhưng nếu chúng ta xét trung bình tình cảnh của người lao động Anh, dù đó là nông dân hay công nhân khai khoáng, công nhân được huấn luyện hay không được huấn luyện, thì chúng ta sẽ thấy qua vô vàn bằng chứng không thể nghi ngờ, rằng trong hai mươi năm qua, phương tiện sinh sống của họ đã tăng lên khiến chúng ta có cơ sở coi sự tăng lên đó hầu như chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và tất cả các thời đại".

Câu đó được dẫn trong Tuyên ngôn thành lập bên trên câu "trứ danh" đã dẫn ra trên đây có mấy dòng. Ở đấy đã nói: "Đó là những số liệu chính thức được công bố theo chỉ thị của nghị viện vào năm 1864, vào thế kỷ vàng son của mậu dịch tự do, chính vào lúc bộ trưởng tài chính thông báo cho hạ nghị viện rằng

"tình hình của công nhân trung bình ở Anh đã có sự cải thiện cần phải thừa nhận là đặc biệt và có một không hai ở bất cứ nước nào và thời đại nào".

Như vậy, tất cả những điều cốt yếu đã được dẫn ra. Nhưng ông Bren-ta-nô thì ngoan cố giấu bạn đọc của mình – tất nhiên họ không thể kiểm soát được ông ta – rằng đoạn này có trong Tuyên ngôn thành lập, ở tr. 4 lần xuất bản thứ nhất. Còn chúng tôi thì không thể đem lại cho bạn đọc của ông ta mỗi người một bản, như cho Xét-li Tay-lo.

Nota bene[1*]: trong bài trả lời thứ hai của mình (tư liệu số 6[2*]) Mác chỉ phải bảo vệ Tuyên ngôn thành lập, vì cho đến lúc

1* — Chú ý

2* Xem tập này, tr. 222-233.

ấy ông Bren-ta-nô chưa đưa chỗ này trong bộ "Tư bản" vào phạm vi những điều moi móc của ông ta. Và trong bài phản bác thứ hai tiếp theo đó (tư liệu số 7[14]), sự đả kích của ông Bren-ta-nô vẫn chĩa vào Tuyên ngôn thành lập và vào việc Mác bảo vệ Tuyên ngôn.

Mãi sau khi Mác từ trần thì sự thế xoay chuyển sang hướng mới, và lại làm việc này không phải là ông Bren-ta-nô, mà là người mang vũ khí cho ông ta ở Cam-brít-giơ. Chỉ bây giờ mới phát hiện ra rằng trong bộ "Tư bản" Mác đã giấu những lời khẳng định rất kêu của ông Glát-xtơn về sự cải thiện chưa từng có của tình cảnh công nhân Anh và bằng cách đó Mác làm cho lời của ông Glát-xtơn có một ý nghĩa trái ngược.

Ở đây chúng tôi phải xác nhận rằng Mác đã bỏ lỡ cơ hội sử dụng lời nói tu từ xuất sắc. Toàn bộ phần mà ở lời mở đầu có trích dẫn bài nói của Glát-xtơn, có mục đích dẫn ra những bằng cứ chứng minh rằng chính vào lúc sự giàu có tăng lên đáng sửng sốt ấy, tình cảnh của đại đa số trong giai cấp công nhân Anh rất nặng nề và nhục nhã. Những lời bóng bẩy ấy của Glát-xtơn về tình hình may mắn chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại của giai cấp công nhân Anh tạo nên một sự đối nghịch đáng kinh ngạc dường nào với những số liệu về cảnh nghèo khổ của quần chúng rút ra từ những tài liệu công bố chính thức của chính nghị viện!

Nhưng nếu Mác không muốn sử dụng hiệu quả tu từ ấy, thì ông không có căn cứ nào để trích dẫn lời này của Glát-xtơn. Thứ nhất, lời đó chỉ là một câu thông dụng mà mỗi vị bộ trưởng tài chính Anh coi bổn phận của mình là để đảm bảo thể diện cần phải nói đi nói lại trong những thời buổi tốt hoặc thậm chí

14* Xem tập này, tr. 234-240.

bình thường; vì vậy lời nói ấy không có ý nghĩa. Thứ hai, một năm sau Glát-xtơn không thừa nhận lời nói ấy, khi trong bài nói tiếp theo về ngân sách ngày 7 tháng Tư 1864, trong thời kỳ phát triển công nghiệp rực rỡ hơn nữa, ông ta nói về quần chúng đang đứng "trên bờ cảnh khốn cùng" và về những ngành sản xuất "trong đó tiền lương không được nâng cao" và khi – theo "Han-xác-đơ" ông ta tuyên bố:

"Và hơn nữa, – vậy trong đa số trường hợp, đời sống con người là gì nếu không phải là đấu tranh vì sự sống còn?"[1]).

Nhưng Mác trích dẫn bài nói ấy của ông Glát-xtơn về ngân sách ngay sau bài nói năm 1863, và nếu chính ông Glát-xtơn ngày 7 tháng Tư 1864 tuyên bố là không có phúc lợi vô song mà trong bài nói của ông ta ngày 16 tháng Tư 1863 lại có" vô vàn bằng cứ không thể nghi ngờ được" chứng tỏ là có, thì đối với Mác cũng không còn lý do cuối cùng để trích dẫn những lời khẳng định khoái trá, nhưng tiếc thay, ngay cả đối với ông

1) Chúng tôi xin dẫn thêm ở đây đôi điều lấy từ bài nói này theo "Han-xác-đơ". – Số người nghèo khổ đã sụt xuống còn 840 000 người. "Số này không bao gồm những người nhận sự cứu tế của các tổ chức từ thiện hoặc nhận sự giúp đỡ từ lòng từ thiện của tư nhân... Ngoài tất cả những điều ấy ra, hãy nghĩ đến những người đang ở bên bờ lĩnh vực này, cũng như nghĩ xem nhiều công nhân đấu tranh dũng cảm nhưng rất chật vật như thế nào để trụ được ở mức cao hơn tình cảnh của những người bần cùng". Ở giáo khu của một vị linh mục tại phía đông Luân Đôn, trong số 13 000 dân thì có 12 000 người luôn luôn ở bên bờ nghèo khổ thực sự; một nhà từ thiện rất nổi tiếng tuyên bố rằng ở phía đông Luân Đôn có hàng loạt khu phố không bao giờ có thể thấy xe ngựa công cộng lẫn xe ngựa đơn, không bao giờ có thể nghe nhạc trên đường phố hoặc thậm chí gặp người xin của bố thí... Tất nhiên, phương tiện để đấu tranh cho sự sống còn tốt hơn trước đôi chút (!)... Ở nhiều nơi, tiền lương được nâng lên, nhưng ở nhiều nơi khác nó không tăng v.v.. – Và lời than vãn đó được đăng một năm sau những lời tuyên bố khoa trương về việc tình hình được cải thiện "chưa từng thấy".

Glát-xtơn cũng chống tàn ấy. Ông có thể hài lòng với những lời thừa nhận của diễn giả rằng trong khi thu nhập 150 p.xt. trở lên tăng một cách sửng sốt thì người nghèo dù sao cũng trở nên ít nghèo hơn, còn vực thẳm giữa cực giầu và cực nghèo chưa chắc đã bé hơn.

Chúng tôi sẽ không nói đến cung cách các nhà kinh tế học Đức chính thức trích dẫn Mác những câu riêng lẻ tách khỏi văn cảnh. Nếu cứ sau mỗi lần người ta trích dẫn như vậy, Mác lại làm ầm lên như cung cách của ông Bren-ta-nô, thì lời phản bác của Mác sẽ vô cùng tận.

Song chúng ta hãy xét tỉ mỉ hơn chút ít sự gia tăng chưa từng có của tư liệu sinh hoạt mà công nhân, nông dân hoặc thợ mỏ, công nhân lành nghề hoặc công nhân không lành nghề Anh thời ấy được hưởng.

"Người nông dân" ở Anh và ở phần lớn Xcốt-len chỉ là công nhân nông nghiệp làm công nhật. Năm 1861 có cả thảy 1 098 261 nông dân, trong số họ có 204 962 người sống ở các nông trại với tư cách là đầy tớ[1]). Từ năm 1849 đến năm 1859, tiền lương của họ tăng một si-linh, trong một số trường hợp tăng hai si-linh một tuần, song rốt cuộc sự tăng lên ấy phần lớn vẫn chỉ là trên danh nghĩa mà thôi. Tình hình của họ năm 1863 ra sao, họ sống trong điều kiện nhà ở thật chó má như thế nào, điều này được bác sĩ Hơn-tơ mô tả ("Báo cáo thứ bảy về sức khỏe của dân cư" 1864[158]).

"Chỉ tiêu để sống của công nhân nông nghiệp được cố định ở mức thấp nhất miễn là họ có thể sống được".

Cũng theo báo cáo ấy, việc cung cấp thực phẩm cho một bộ

1) Con số lấy một phần từ bản thống kê dân số năm 1861, còn một phần lấy từ các báo cáo của Ủy ban điều tra điều kiện của lao động trẻ em[157].

phận các gia đình công nhân công nhật (đặc biệt là ở tám tỉnh đã nêu trên) thấp hơn mức tối thiểu "tuyệt đối cần thiết để phòng ngừa bệnh tật do đói gây ra. Còn giáo sư Tô-rơn Rô-giơ-xơ, người ủng hộ ông Glát-xtơn về mặt chính trị, tuyên bố vào năm 1866 ("Lịch sử nông nghiệp và giá cả"[159]) rằng công nhân công nhật nông nghiệp lại trở thành nông nô và – như ông chứng minh một cách tường tận – là nông nô ăn ở kém, sống tồi tệ hơn rất nhiều so với cha ông họ vào thời Ác-tua Y-ăng (1770 – 1780) và tồi tệ hơn nhiều so với người làm công nhật thế kỷ XIV – XV. – Do đó, với "nông dân", Glát-xtơn hoàn toàn không may.

Vậy tình hình "công nhân mỏ" như thế nào? Về vấn đề này, chúng tôi có báo cáo của nghị viện năm 1866[160]. Năm 1861, ở Vương quốc liên hiệp có 565 875 công nhân mỏ làm việc, trong đó có 246 613 người làm ở các mỏ than đá. Ở những mỏ này, tiền lương của đàn ông tăng lên một ít, hơn nữa họ phần lớn làm cả tám giờ, trong khi thiếu niên phải làm việc từ 14 đến 15 giờ. Thanh tra mỏ là một trò hề trăm phần trăm. 3217 mỏ mà vẻn vẹn có 12 viên thanh tra. Do đó công nhân mỏ chết hàng loạt vì các vụ nổ, mà phần lớn lẽ ra có thể tránh được.Chủ mỏ thường thường cho mình về việc tăng chút ít tiền lương bằng những khoản khấu từ tiền lương bằng cách đo sai và cân điêu. Ở các mỏ quặng, theo báo cáo của ủy ban hoàng gia năm 1864, tình hình càng tồi tệ hơn.

Còn tình hình công nhân "đã qua đào tạo thì ra sao? Chúng ta hãy lấy công nhân kim khí, họ có tổng cộng 396 998 người. Trong đó từ 70 000 đến 80 000 thợ nguội kiêm thợ máy thực tế ở vào tình hình tốt nhờ sức chống đối của công đoàn lâu năm, mạnh và giầu của họ. Cũng như ở những công nhân kim khí khác, vì họ phải có thể lực và, lành nghề, có sự cải thiện tình hình trên một mức độ nhất định, đó là điều tự nhiên trong thời

kỳ khởi sắc của công nghiệp lại bắt đầu từ năm 1859 và năm 1860. Trái lại, tình hình của phụ nữ và trẻ em làm việc cũng trong ngành sản xuất này (riêng ở Bớc-minh-hêm và vùng ngoại vi có 10 000 phụ nữ và 30 000 thiếu niên dưới 18 tuổi làm việc) khá nghèo khổ, còn tình cảnh của thợ rèn sản xuất đinh (26 130) và dây xích cực kỳ nghèo khổ.

Trong công nghiệp dệt có 456 646 công nhân kéo sợi bông và dệt, còn phải thêm vào đó 12 556 công nhân in hoa chiếm đa số công nhân. Và chắc là họ sẽ rất ngạc nhiên khi nghe nói rằng họ sung sướng chưa từng thấy – vào tháng Tư 1863, trong lúc hết sức thiếu bông và khi cuộc nội chiến ở Mỹ ác liệt nhất, trong thời kỳ (tháng Mười 1862) khi 60% cọc sợi và 58% máy dệt không hoạt động, số còn lại chỉ làm việc 2 – 3 ngày một tuần; khi hơn 50 000 công nhân công nghiệp vải bông, độc thân và có gia đình, đã nhận được sự cứu trợ của các tổ chức từ thiện hoặc của ủy ban cứu tế, còn (tháng Ba 1863) 135 625 người đã nhận được cũng từ ủy ban ấy việc làm ở các công trình công cộng hoặc ở các trường dạy may lấy đồng lương chết đói! (Oát-xơ. "Sự thực về nạn khan hiếm bông", 1866, tr.211[161]). Số công nhân dệt còn lại, đặc biệt là trong ngành len và lanh, sống tương đối không tồi, – đo thiếu bông mà công việc của họ nhiều hơn.

Các báo cáo của Ủy ban điều tra điều kiện lao động của trẻ em cung cấp cho chúng ta những tư liệu tốt nhất về tình hình ở một loạt ngành kinh tế nhỏ hơn. Ngành sản xuất bít tất – 120 000 công nhân, trong đó chỉ có 4 000 được hưởng sự bảo vệ của luật công xưởng, còn những người khác, trong đó có nhiều trẻ em ít tuổi – làm việc quá mức; việc thêu ren và làm đồ trang sức, chủ yếu là sản xuất thủ công nghiệp – trong số 150 000 công nhân, chỉ có 10 000 hưởng sự bảo vệ của luật công xưởng, lao động quá mức cật lực của trẻ em và thanh nữ; việc bện rơm và làm mũ rơm – 40 000, hầu như toàn là trẻ em bị

người ta làm kiệt quệ một cách đáng xấu hổ bằng công việc; cuối cùng, việc sản xuất quần áo và giầy dép trong đó có 370 218 công nhân may áo khoác ngoài và người tạo mốt, 380716 nữ công nhân may áo lót và – riêng ở Anh và xứ Oen-xơ – 573 380 công nhân đàn ông, trong đó có 273 223 công nhân đóng giầy và 146 042 công nhân may, một phần năm hoặc một phần tư số đó dưới 20 tuổi, trong 1¼ triệu đó, nhiều nhất là 30% đàn ông làm việc cho những người đặt hàng tư nhân, ở vào những điều kiện ít nhiều tàm tạm. Số còn lại, – cũng như ở tất cả những ngành sản xuất kể ra ở đây – chịu sự bóc lột của những người môi giới, đại lý, tiểu chủ, những sweaters[1*] này, như người ta gọi họ ở Anh, và riêng một điều ấy đã nói lên tình cảnh của họ: lao động cật lực, quá mức với đồng lương ăn mày.

Sự may mắn "chưa từng có" của công nhân trong công nghiệp giấy (100 000 công nhân, trong đó một nửa là phụ nữ), trong ngành gốm (29 000 công nhân), trong ngành mũ (15 000 công nhân riêng ở Anh), trong công nghiệp thủy tinh (15 000 công nhân), trong ngành in (35 000 công nhân), trong ngành sản xuất hoa giả (11 000 công nhân) v.v. và v.v. cũng chẳng tốt hơn.

Tóm lại, Ủy ban điều tra điều kiện lao động của trẻ em đòi hỏi ít nhất là 1 400 000 phụ nữ, thiếu niên và trẻ em làm việc trong công nghiệp phải được Luật công xưởng bảo vệ, để ngăn họ khỏi tác động nguy hại – đối với đa số họ – của lao động quá mức.

Cuối cùng, số người nghèo khổ sống bằng việc từ thiện của xã hội trong năm 1863 là 1 079 3872.

Trên cơ sở những điều đó, chúng tôi có thể tính suýt soát số công nhân mà trong năm 1863 chắc chắn sống rất tồi: công nhân

1* – kẻ bóp nặn mồ hôi

công nhật nông nghiệp lấy số tròn là 1 100 000, công nhân công nghiệp vải bông 469 000, nữ công nhân may và người tạo mốt 751 000, thợ may và thợ giầy – trừ đi 30% – 401 000, công nhân công nghiệp thêu ren 150 000, sản xuất giấy – 100 000, sản xuất bít tất – 120 000, những ngành tiểu công nghiệp được Ủy ban điều tra điều kiện lao động của trẻ em điều tra – 189 000, cuối cùng, người cùng khổ – 1 079 000. Tổng cộng 4 549 000 công nhân, trong một loạt trường hợp còn phải thêm các thành viên gia đình họ nữa.

Mà năm 1863 là năm *thuận lợi* đối với công nghiệp cơ đấy. Từ cuộc khủng hoảng năm 1857, công nghiệp đã hoàn toàn bình phục, cầu tăng nhanh, hầu hết các ngành công nghiệp, trừ công nghiệp vải bông, đã hoạt động hết tốc lực. Thế thì sự cải thiện tình hình chưa từng có ở đây là ở chỗ nào?

Luật công xưởng những năm bốn mươi đã cải thiện đáng kể tình hình của những công nhân trong diện bao quát của nó. Nhưng vào năm 1863, điều đó chỉ đúng với những công nhân làm việc trong công nghiệp len, lanh và lụa, tổng cộng tính tròn là 270 000, còn công nhân công nghiệp vải bông thì thiếu ăn. Trong ngành tẩy trắng và nhuộm, việc bảo vệ lao động bằng pháp luật chỉ tồn tại trên giấy. Tiếp đến: ở những ngành công nghiệp phải có sức nam giới đầy đủ, và thường cả tài nghệ nữa, sự chống đối của công nhân được tổ chức thành công đoàn đã dẫn đến chỗ công nhân đã nhận được phần của mình trong các mối lợi của thời kỳ thuận lợi cho công nghiệp dưới hình thức tiền lương cao hơn, và có thể nói rằng trung bình trong những ngành công nghiệp này đòi hỏi phải dùng lao động nặng của đàn ông, mức sống của công nhân đã được nâng cao rõ rệt, tuy trong trường hợp này sẽ là buồn cười nếu mô tả sự nâng cao ấy là "chưa từng có". Nhưng trong khi một khối lớn lao động có năng suất được chuyển sang cho máy móc do những đàn ông, đàn bà và thiếu niên yếu ớt phục vụ, các nhà chính trị vẫn muốn chỉ coi những đàn ông khỏe mạnh, làm lao động nặng mới là công nhân và căn cứ vào tình hình của họ mà xét đoán tình hình của toàn bộ giai cấp công nhân.

Đối diện với 4 ½ triệu công nhân và người cùng khổ ở trong tình cảnh nặng nề đã nhắc đến ở trên ấy là 270 000 công nhân dệt được trả lương cao trong công nghiệp len, lanh và lụa. Chúng tôi có thể chấp nhận tiếp rằng trong số 376 000 công nhân kim khí thì một phần ba ở trong những điều kiện tốt, một phần ba thứ hai ở trong những điều kiện tàm tạm và chỉ có một phần ba còn lại gồm công nhân dưới 18 tuổi, công nhân sản xuất đinh, thợ rèn, chế tạo dây xích, và phụ nữ là ở trong những điều kiện tồi tệ. Tình hình của 566 000 công nhân mỏ, chúng ta có thể coi là tương đối tàm tạm. Có thể coi tình hình của công nhân xây dựng là tốt, trừ những vùng vải bông. Trong số công nhân mộc làm đồ gỗ, nhiều lắm là 1/3 ở vào điều kiện tốt, số còn lại làm việc cho các tiểu chủ bóc lột (sweaters). Trong nhân viên đường sắt, lúc đó đã ngự trị lao động quá mức cật lực mà mãi vào 20 năm vừa qua mới gây nên sự phản kháng có tổ chức. Tóm lại, tổng hợp tất cả mọi số liệu, chưa chắc chúng ta tính được vẹn vẹn một triệu công nhân mà có thể nói tình hình của họ đã được cải thiện theo sự phát triển của công nghiệp và sự gia tăng lợi nhuận của các nhà tư bản; số còn lại ở vào tình hình trung bình, nhìn chung họ kiếm lợi không đáng kể từ sự cải thiện phổ biến của tình hình công nghiệp, hoặc thành phần của họ không thuần nhất về giới tính và về tuổi tác đến mức là sự cải thiện tình hình của lao động nam giới chỉ bù chỉ cho lao động quá mức của phụ nữ và thiếu niên mà thôi.

Nếu những điều đã nói là chưa đủ, thì có thể so sánh nó với "Báo cáo về sức khỏe của dân cư". Những báo cáo đó cần thiết chính vì sự cải thiện "chưa từng có" của tình hình giai cấp công

nhân trong hai mươi năm qua cho đến năm 1863 biểu hiện ở sự lan tràn bệnh thương hàn, bệnh dịch tả và những bệnh dịch khác cũng dễ chịu như vậy, cuối cùng đã thâm nhập từ các khu phố lao động vào cả các khu phố quý tộc của các thành phố. Trong những báo cáo đó đã tiến hành điều tra "sự gia tăng phương tiện sinh sống" chưa từng có của công nhân Anh về mặt ăn, ở và đã phát hiện ràng trong số vô tận các trường hợp, nhà ở của họ là những cái ổ thực sự lây lan các bệnh dịch, còn thức ăn thì hơi đạt, hoặc thậm chí không đạt mức mà dưới mức ấy thì nhất định phát triển những bệnh do đói gây ra.

Do đó, tình hình thực tế của giai cấp công nhân Anh đầu năm 1863 là như vậy. Sự cải thiện "chưa từng có" tình hình của giai cấp công nhân mà ông Glát-xtơn khoác lác là như vậy. Và nếu có thể trách cứ Mác điều gì đó thì đấy là việc ông đã bỏ lời khoác lác nói trên của ông Glát-xtơn, đã đem đến cho ông ta sự giúp đỡ không đáng có.

Kết luận. Thứ nhất, Mác không "bịa thêm" gì cả.

Thứ hai, ông không "vứt" điều gì mà ông Glát-xtơn có quyền kêu ca.

Và thứ ba, việc Bren-ta-nô và đồng bọn bám hút như đỉa chỉ một câu trích duy nhất đó trong số hàng nghìn câu trích trong các tác phẩm của Mác, chứng minh ràng họ biết rất rõ "Các Mác trích dẫn như thế nào"; – cụ thể là Mác trích dẫn đúng.

TƯ LIỆU

I
NHỮNG CÂU TRÍCH DẪN BỊ BUỘC TỘI

SỐ 1. TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP[162]

Lần xuất bản thứ nhất lấy nhan đề: Tuyên ngôn thành lập và Điều lệ tạm thời của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, thành lập ngày 28 tháng Chín 1864 tại hội nghị công khai họp tại Hội trường Xanh-mác-tin, Lông - Ai-len, ở Luân Đôn. Giá một pen-ni. In tại nhà xuất bản báo "Bee-Hive", 10, Bôn-tơ-co, Phlít-stơ-rít, 1864. Tuyên ngôn bắt đầu bằng những lời sau đây:

"Sự khốn cùng của quần chúng công nhân từ năm 1848 đến năm 1864 không giảm, – đó là một sự thực không thể chối cãi, trong khi đó, xét về sự phát triển của công nghiệp và về sự tăng trưởng của thương nghiệp, đây là thời kỳ chưa từng có trong lịch sử". Để chứng minh, Tuyên ngôn đã dẫn các sự thực lấy từ "Báo cáo về sức khỏe của dân cư" về tình trạng ăn không đầy đủ của các tầng lớp công nhân thành thị và nông thôn. Rồi Tuyên ngôn viết tiếp:

"Such are the official statements published by order of

Parliament in 1864, during the millennium of free trade, at a time when the Chancellor of the Exchequer told the House of Commons that

"the average condition of the British labourer has impoved in a degree we know to be extraordinary and unexampled in the history of any country or any age".

Upon these official congratulations jars the dry remark of the official Public Health Report:

"The public health of a contry means the heath of its masses and the masses will searcely by healthly unless, to their very base, they be at least moderately prosperous".

"Dazzled by the "Progress of the Nation" statistics dancing before his eyes, the Chancellor of the Exchequer exclaims in Wild ecstasy:

"From 1842 to 1852 the taxable income of the country increased by 6 per cent. in the eight years from 1853 to 1861, it has increased from the basis taken in 1853 20 per cent ! The fact is so astonishing as to be almost incredible ! ... This intoxicating augmentation of wealth and power, adds Mr Gladstone, is entirely confined to classes of property"".

Dịch ra, điều đó có nghĩa:

"Đó là những số liệu chính thức được công bố theo lệnh của nghị viện vào năm 1864, trong thời đại vàng son của mậu dịch tự do, vào lúc bộ trưởng tài chính thông báo cho hạ nghị viện rằng

"trong tình hình của người công nhân trung bình ở Anh đã có sự cải thiện cần phải thừa nhận là phi thường và chưa từng có trong bất kỳ nước nào và thời đại nào ".

Mâu thuẫn gay gắt với lời tâng bốc chính thức ấy là nhận xét khô khan của một báo cáo chính thức về sức khỏe của dân cư:

"Sức khỏe công cộng của một nước được hiểu là sức khỏe của quần chúng nhân dân nước đó, mà quần chúng đó chưa chắc khỏe mạnh nếu các tầng lớp thấp nhất không được đảm bảo dù chỉ là một số phúc lợi nào đó".

Bị lóa mắt trước sự nhảy múa của những con số thống kê

trong các báo cáo về "sự tiến bộ của dân tộc", ông bộ trưởng tài chính thốt lên trong sự hân hoan man rợ:

"Từ năm 1842 đến năm 1852, thu nhập chịu thuế của đất nước tăng 6%, trong tám năm, từ năm 1853 đến năm 1861, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc, nó tăng 20% ! Sự thực đáng ngạc nhiên đến mức hầu như khó tin! ... Sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy", — ông Glát-xtơn nói thêm, — "hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản!"".

SỐ 2."TƯ BẢN"

Mác, "Tư bản", tập thứ nhất, xuất bản lần thứ ba, tr.670-672[163]

Sau ít số liệu ấy sẽ dễ hiểu tiếng kêu đắc thắng của viên tổng đăng lục [164] của nhân dân Anh

"Dù dân số tăng nhanh thế nào đi nữa, nó vẫn không theo kịp sự tiến bộ của công nghiệp và của sự giầu có"[101].

Bây giờ chúng ta hãy xem đại biểu trực tiếp của nền công nghiệp này, hay là người tạo ra sự giầu có đó, giai cấp công nhân.

"Một trong những nét đáng buồn nhất của tình hình xã hội của đất nước", — Glát-xtơn nói, — "là hiện nay đang diễn ra tình trạng giảm sút hoàn toàn chắc chắn của sức tiêu dùng của dân chúng và tăng sự thiếu thốn và nghèo khổ của giai cấp

101) "Census etc.", v.III, p.II[165].

công nhân. Và đồng thời sự giàu có thường xuyên tích lũy ở các giai cấp bên trên và tư bản không ngừng tăng thêm"[102].

Ông bộ trưởng ngọt ngào ấy đã nói như vậy tại hạ nghị viện ngày 13 tháng Hai 1843. Hai mươi năm sau, ngày 16 tháng Tư 1863, khi đưa ngân sách của mình ra thảo luận, ông nói:

"Từ năm 1842 đến năm 1852, thu nhập chịu thuế của nước này tăng 6% ...Trong 8 năm, từ năm 1853 đến năm 1861, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc, nó tăng 20%. Sự thực đáng kinh ngạc đến mức hầu như khó tin ... Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy ... hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản, nhưng ... nhưng nó ắt có lợi gián tiếp cả cho dân cư lao động, vì nó có tác dụng hạ giá vật phẩm tiêu dùng phổ biến. — trong khi người giàu trở nên giàu hơn, thì người nghèo dù sao cũng đỡ nghèo đi. Song tôi không giám khẳng định rằng các thái cực của sự nghèo khổ đã giảm"[103].

---

102) Glát-xtơn ở hạ nghị viện ngày 13 tháng Hai 1843: "It is one of the most melancholy features in the social state of the country, that while there was a decrease in the consuming power of the people, and an increase in the privations and distrees of the labouring class and operatives, there was at the same time a constant accumulation of wealth in the upper classes and a constant increase of capital".

103) "From 1842 to 1852 the taxable income of the country increased by 6 per cent... in the 8 years from 1853 to 1861, it has increased from the basis taken in 1853, 20 per cent ! The fact is so astonishing as to be almost incredible ...this intoxicating augmentation of wealth and power ... entirely confined bo classes of property ... must be of indirect benefit to the labouring population, because it cheapens the commodities of general consumption — while the rich have been growing richer, the poor have been growing less poor ! at any rate, whether the extremes of poverty are less, I do not presume to say". Glát-xtơn ở hạ nghị viện ngày 16 tháng Tư 1863.

Những lời nói lấp lửng thâm hại làm sao ! Nếu giai cấp công nhân vẫn "nghèo", chỉ "đỡ nghèo"trong chừng mực nó tạo nên "sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt" cho giai cấp những chủ sở hữu, thì điều đó có nghĩa là xét về mặt tương đối nó vẫn nghèo như trước. Nếu các cực nghèo không giảm thì chúng đã tăng lên, vì các cực giàu đã tăng. Còn về việc làm cho giá tư liệu sinh hoạt giảm, thì thống kê chính thức, số liệu của cô nhi viện Luân Đôn chẳng hạn, cho thấy trong ba năm 1860-1862 giá tư liệu sinh hoạt đắt lên 20% so với ba năm 1851-1853. Trong ba năm tiếp theo, 1863-1865, giá thịt, bơ, sữa, đường, muối, than và nhiều tư liệu sinh hoạt thiết yếu khác đã tăng liên tục [104]. Bài nói về ngân sách tiếp theo của Glát-xtơn ngày 7 tháng Tư 1864 là lời ca tụng quá đáng kiểu Pin-đa-rơ đối với sự tiến bộ trong việc làm giàu và đối với niềm hạnh phúc của dân chúng đang được "sự nghèo nàn" hạn chế bớt. Ông ta nói về quần chúng đang ở "bên bờ sự cùng khổ", về những ngành sản xuất "trong đó tiền lương không tăng" và cuối cùng ông tóm tắt hạnh phúc của giai cấp công nhân bằng câu nói sau đây: "Cứ mười trường hợp thì có chín trường hợp cuộc sống con người đơn thuần là một cuộc đấu tranh cho sự sống còn [105]. Giáo sư Phao-xét không

---

104) Xem những số liệu chính thức trong Sách xanh: "Miscellaneous Statistics of the Un. Kingdom", Part. VI, London, 1866, p. 260-273, passim [166].

Bổ sung vào lần xuất bản thứ 2. Để làm bằng cứ chứng minh, thay cho tài liệu thống kê của các cô nhi viện v.v. cũng có thể dùng những bài cầu kỳ hoa mỹ của các báo chính phủ, khi chúng bàn luận về của hồi môn cho con cái của hoàng gia. Đồng thời chúng không bao giờ quên về giá cả đắt đỏ của tư liệu sinh hoạt.

105) "Think of those, who are on the border of that region (pauperism)", "wages ... in others not increased ... human life is but, in nine cases out of ten, a struggle for existence" (Glát-xtơn tại hạ nghị viện ngày 7 tháng Tư 1864). Những mâu thuẫn quá quắt thường xuyên trong các bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtơn trong những năm 1863 và 1864 được một nhà văn Anh nhận xét bằng đoạn trích thơ Mô-li-e sau đây [167]:

"Voilà l' homme en effet. Il va du blanc au noir.

bị những kiến giải chính thức gò bó như Glát-xtơn, tuyên bố không hề quanh co rằng:

"Dĩ nhiên, tôi không phủ nhận rằng tiền lương đã tăng lên cùng với sự tăng tư bản ấy" (trong mấy chục năm gần đây), "nhưng cái lợi bề ngoài ấy đang mất đi đáng kể, vì nhiều vật phẩm thiết yếu đối với đời sống ngày càng đắt lên"(theo ý ông, do giá trị kim loại quý sụt xuống). "...Người giàu nhanh chóng trở nên càng giàu hơn (the rich grow rapidly richer) trong khi đời sống của các giai cấp lao động chẳng thấy có sự cải thiện nào ... Công nhân hầu như trở thành người nô lệ của các chủ tiệm, là con nợ của họ" [106].

Il condamne au matin ses sentiments du soir.

Importun à tout autre, à soi meme incommode,

Il change à tous moments d' esprit comme de mode".

("The Theory of the Exchanges etc", London, 1864, p.135[168]).

106) H. Fawcett, l. c., p.67, 82 [169]. Còn về sự phụ thuộc ngày càng tăng của công nhân vào chủ tiệm thì nó là kết quả của những biến động và gián đoạn xảy ra thường xuyên trong công ăn việc làm của công nhân.

II
BREN-TA-NÔ VÀ MÁC

SỐ 3. LỜI BUỘC TỘI

"Concordia", số 10, ngày 7 tháng Ba 1872

C.Mác trích dẫn như thế nào

Trong tuyên ngôn thành lập [1*] của Hội liên hiệp công nhân quốc tế do Các Mác biên soạn có đoạn sau đây:

"Bị lóa mắt trước sự nhảy múa của những con số thống kê trong các báo cáo về "sự tiến bộ của dân tộc", bộ trưởng tài chính thốt lên trong sự hân hoan man rợ:

"Từ năm 1842 đến năm 1852, thu nhập chịu thuế của đất nước tăng 6%, trong tám năm, từ năm 1853 đến năm 1861, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc, nó tăng 20% ! Sự thực đáng kinh ngạc đến mức hầu như khó tin! *...Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy", - ông Glát-xtơn nói thêm, — "hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản !"*.

Đoạn trích dẫn này của Mác được nhiều người biết đến. Chúng tôi đã gặp nó

1* Được in lại trên báo "Volksstaat" số 5, ngày 17 tháng Giêng 1872 *(Chú thích của Bren-ta-nô)*.

trong cả một loạt bài. Lẽ dĩ nhiên, các tác giả ít khi chỉ ra bản Tuyên ngôn thành lập của Hội liên hiệp công nhân quốc tế là nguồn mà họ trích nó ra. Họ cho biết rằng họ tự mình đọc bài nói về ngân sách của Glát-xtơn. Điều đó phù hợp với thực tế đến mức nào, có thể xét đoán qua sự đối chiếu sau đây đối với bài nói của Glát-xtơn (so sánh "Những cuộc tranh luận tại nghị viện của Han-xác-đơ", loạt 3, t. 170, tr. 243 và tiếp theo):

"Thuế thu nhập cứ mỗi pao đóng 7 pen-ni trong những năm 1842-1843 chỉ áp dụng đối với Anh và ở nước này chỉ đánh vào thu nhập 150 p.xt. trở lên, trong sự diễn giải mà tôi đã nêu được phân ra thành tổng số thu nhập lên tới 156 000 000 p.xt. Thu nhập trong những năm 1860-1861 được tính cũng trên cơ sở đó và cũng với những hạn chế ấy là 221 000 000 p.xt.. Và tôi không biết đã có thay đổi nào đó trong ngành thuế hay có sự cải tiến nào đó trong cách thức thu thuế có thể dùng để giải thích như thế nào đó sự khác nhau ấy. Trái lại, thỉnh thoảng pháp luật đã có những nhân nhượng hoặc nương nhẹ mà, vì chúng đã có ảnh hưởng, đúng ra sẽ có tác dụng ngược lại. Song mức chênh lệch không dưới 65 000 000 p.xt. thu nhập hàng năm,tức là hai phần bảy thu nhập của cả nước chịu thuế trên cơ sở đó. Đấy là kết quả hết sức tuyệt vời; hơn nữa một đặc điểm của kết quả đó khi xét một cách nghiêm túc còn đáng chú ý hơn, cụ thể là tăng nhanh hơn bình thường trong phần cuối của thời kỳ này. Một lần nữa tôi đề nghị ủy ban dành mấy phút chú ý cho vấn đề đó. Tôi so sánh hai thời kỳ — một thời kỳ trước năm 1853 và thời kỳ thứ hai từ năm 1853, khi mức khởi điểm đã thay đổi. Trong mười năm, từ năm 1842 đến hết năm 1852, thu nhập chịu thuế của cả nước, trong chừng mực chúng tôi có thể xác định chính xác điều đó, đã tăng 6%; nhưng trong tám năm, từ năm 1853 đến hết năm 1861, thu nhập của đất nước lại tăng 20% so với mức khởi điểm. Đó là một sự thực phi thường và đáng kinh ngạc đến mức hầu như khó tin.

Thưa ông chủ tịch, nếu nói về sự tăng phổ biến của tích lũy thì tình hình là như vậy. Còn về phần tôi, *thì tôi phải nói rằng tôi sẽ đau đớn và rất lo lắng nhìn sự tăng lên phi thường và hầu như đáng sửng sốt ấy nếu tôi nghĩ rằng nó đóng khung ở giai cấp những người, có thể nhận xét là, ở vào những điều kiện thuận lợi*. Những con số mà tôi đã dẫn ra ít chú ý hoặc hoàn toàn không chú ý tình hình của những người không đóng thuế thu nhập, hoặc nói cách khác, chúng đủ chính xác để xác định chân lý nói chung, nhưng hoàn toàn không chú ý tài sản của dân cư lao động và sự tăng thu nhập của họ. Còn gián tiếp thì sự tăng đơn thuần của tư bản trên thực tế cực kỳ có lợi cho giai cấp công nhân, vì sự tăng lên ấy có tác dụng hạ giá hàng hóa nằm trong toàn bộ quá trình sản xuất nó trực tiếp cạnh tranh với lao động. *Nhưng, ngoài ra, có thể khẳng định chắc chắn rằng quần chúng nhân dân được hưởng những mối lợi trực tiếp hơn và lớn hơn. Việc ý thức rằng trong khi người giàu trở nên giàu hơn, người nghèo trở nên đỡ nghèo hơn đem lại một sự an ủi sâu sắc và vô giá.* Tôi không dám xác định vực thẳm to lớn giữa hai cực giàu và nghèo đã tăng lên hay đã giảm xuống so với thời trước. *Nhưng nếu chúng ta sẽ xét tình hình trung bình của công nhân Anh*, dù đó là nông dân hay thợ mỏ, công nhân không được đào tạo hay được đào tạo, ***thì chúng ta sẽ thấy qua vô vàn bằng cứ hiển nhiên rằng trong hai mươi năm vừa qua phương tiện sinh sống của họ đã có sự tăng lên mà chúng ta có cơ sở coi là hầu như chưa từng thấy trong lịch sử tất cả các nước và tất cả mọi thời đại***".

Thế thì quan hệ giữa nội dung bài nói này và đoạn trích dẫn của Mác như thế nào ? Glát-xtơn trước tiên xác nhận rằng thu nhập của đất nước rõ ràng tăng lên rất nhiều. Theo ý ông ta, thuế thu nhập chứng minh điều đó. Nhưng thuế thu nhập chỉ thu từ thu nhập 150 p.xt.trở lên. Những người ở Anh có thu nhập ít hơn thì không nộp thuế thu nhập. Lợi dụng việc Glát-xtơn viện dẫn điều đó đơn thuần để đánh giá đúng quy mô của mình, Mác gán cho ông ta câu sau đây: "*Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản*". Nhưng câu đó không có bất cứ ở đâu trong diễn văn của Glát-xtơn. Trong diễn văn đó nói điều ngược hẳn. ***Về hình thức và về thực chất Mác đã bịa thêm câu đó !***

SỐ 4. BÀI TRẢ LỜI CỦA MÁC [170]

"Volksstaat" số 44, thứ bảy, ngày 1 tháng Sáu 1872

Một người bạn ở Đức gửi đến cho tôi tờ "Tạp chí về vấn đề

công nhân", "Concordia" số 10, ngày 7 tháng Ba, trong đó "cơ quan ngôn luận của hội chủ xưởng Đức" này đã đăng bài xã luận nhan đề "*Các Mác trích dẫn như thế nào*".

Nhân thể xin nói, trong Tuyên ngôn thành lập của Hội liên hiệp công nhân quốc tế, tôi có dẫn một chỗ trong bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 mà không có trong ấn phẩm nửa chính thức "Những cuộc tranh luận ở nghị viện của Han-xác-đơ". Từ đó, với sự chất phác của lô-gích chủ xưởng, "Concordia" kết luận thẳng: "Câu này không có ở bất cứ đâu trong bài nói của Glát-xtơn", và hý hửng độc địa bày tỏ sự hân hoan của mình, in đậm nét bằng tiếng Đức của chủ xưởng:

"Về hình thức và về thực chất Mác đã bịa thêm câu này!"

Thật vậy, sẽ là hết sức lạ lùng, trong Tuyên ngôn thành lập lúc đầu in bằng tiếng Anh ở Luân Đôn trước mắt Glát-xtơn, lại gán cho ông ta một câu bảo là do tôi chêm vào và câu ấy đàng hoàng đi khắp toàn bộ giới báo chí Luân Đôn trong bảy năm rưỡi, mãi bây giờ – cuối cùng – mới bị "các hảo hán uyên bác" trong hội chủ xưởng Đức ở Béc-lin vạch trần.

Câu trong Tuyên ngôn thành lập vừa đề cập đến có nói:

"This intoxicating augmentation of wealth and power is entirely confined to classes of property" (p. 6, Inaugural Address etc.). (Dịch nguyên văn ra tiếng Đức: "*Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản*".)

Trong một bài ở "Fortnightly Review" (tháng Mười một 1879) đã gây ấn tượng mạnh và đã được toàn bộ báo chí Luân Đôn

bàn luận, ông Bi-đơ-li, giáo sư sử học tại trường đại học tổng hợp ở đây, trích dẫn ở tr. 518:

"An intoxicating augmentation of wealth and power, as Mr. Gladstone observed, entirely confined to classes of property". (Dịch sang tiếng Đức: "*Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt mà, như ông Glát-xtơn nhận xét, hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản*".)

Nhưng bài của giáo sư Bi-đơ-li xuất hiện sau Tuyên ngôn thành lập sáu năm! Nào, thế đã sao! Chúng ta hãy xem một ấn phẩm chuyên môn chỉ dành cho Xi-ti Luân Đôn, xuất hiện không chỉ *trước Tuyên ngôn thành lập*, mà còn *trước khi Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập*, dưới nhan đề "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu. Luật ngân hàng năm 1844". Luân Đôn, 1864, nhà xuất bản T. Cốt-li, Niu-bi, Oen-bếch, 30. Diễn văn về ngân sách của Glát-xtơn bị bài ấy phê phán cặn kẽ, và ở tr. 134 đã dẫn câu sau đây trong diễn văn đó:

"This intoxicating augmentation of wealth and power is entirely confined to classes of property". (Dịch sang tiếng Đức: "Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"), nghĩa là đúng nguyên văn như tôi trích.

Điều đó chứng minh không thể bác bỏ được rằng hội chủ xưởng Đức "*Về hình thức và về thực chất đã nói láo*" khi ca ngợi "câu" ấy, coi đó là chế phẩm "của tôi!"

Nhân tiện chúng tôi xin nhận xét: tờ "Concordia" đúng đắn in lại đậm nét một chỗ khác, trong đó Glát-xtơn nói ấp úng cái gì đó về sự cải thiện tình hình "phi thường và chưa từng có đối với tất cả mọi nước và mọi thời đại" của giai cấp công nhân Anh trong 20 năm vừa qua. Chữ đậm phải chứng minh rằng tôi đã giấu câu ấy. Trái lại! Trong Tuyên ngôn thành lập, đúng là tôi

đặc biệt nhấn mạnh sự tương phản quá quắt của câu vô sỉ đó với "tài liệu thống kê gây kinh hãi" ("appalling statistics"), như giáo sư Bi-đơ-li nhận xét đúng tài liệu thống kê ấy, được dẫn ra trong các báo cáo chính thức của Anh về thời kỳ này[1].

Giống như tôi, tác giả "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" trích dẫn không phải theo "Han-xác-đơ", mà theo một tờ báo Luân Đôn đã in bài nói về ngân sách ngày 16 tháng Tư trong số ra ngày 17 tháng Tư. Tôi cố gắng tìm trong sưu tập trích dẫn năm 1863 của tôi câu trích ấy, cũng như tên gọi của tờ báo mà tôi đã trích nhưng không tìm thấy. Nhưng điều đó không làm thay đổi vấn đề. Tuy các bản tường thuật những phiên họp nghị viện của các báo Luân Đôn luôn luôn khác nhau, nhưng tôi vẫn tin chắc rằng không một báo nào có thể hoàn toàn bỏ sót lời tuyên bố rất đáng kinh ngạc ấy của Glát-xtơn. Và thế là tôi giở tờ báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863 – lúc đó là cơ quan ngôn luận của Glát-xtơn như bây giờ vậy – và tôi tìm thấy ở đấy, trên trang 7, cột 5, trong bài tường thuật diễn văn về ngân sách.

"That is the state of the case as regards *the wealth of this country*. I must say for one, I should look almost with apprehension and with pain upon *this intoxicating augmentation of wealth and power*, if it were my belief that it was confined to *classes who are in easy circumstances*. This take no cognizance at all of the condition of the labouring population. *The augmentation I have described* and which is founded, I think, upon accurate return, *is an augmentation entirely confined to classes of property*".

Dịch ra tiếng Đức:

1) Đối với một điều biện hộ vô lý khác lấy cũng trong bài diễn văn đó, tôi đã thanh toán nó trong tác phẩm "Tư bản" của tôi (tr. 638 – 639[171]).

"Tình hình *nước ta* xét trên góc độ sự giầu có là như vậy. Tôi phải thú nhận rằng tôi sẽ hầu như lo lắng và đau đớn nhìn *sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy*, nếu tôi tin chắc rằng nó chỉ đóng khung ở các giai cấp giầu có[2]. Ở đây hoàn toàn không chú ý tình hình của dân cư lao động. *Sự tăng lên mà tôi đã mô tả*" (mà ông ta vừa mới nhận xét là *"sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy"*) *"hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"*.

Vậy, theo bài tường thuật của cơ quan ngôn luận của chính ông ta - báo "*Times*" số ra ngày 17 tháng Tư 1863, ông Glát-xtơn *"về hình thức và về thực chất"* đã tuyên bố vào ngày 16 tháng Tư 1863 tại hạ nghị viện rằng *"sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"* và đến một mức độ nào đó ông ta đã khiếp sợ khi nghĩ rằng sự tăng giầu có ấy chỉ có một bộ phận của những giai cấp đó lợi dụng, đó là bộ phận được hưởng phúc lợi thực tế.

"Italiam, Italiam!" [1*] Cuối cùng, chúng ta cũng đã tới được "*Han-xác-đơ*". Ông Glát-xtơn khôn đến mức đã viết khống bản viết bài diễn văn của mình được xào xáo lại sau này, một đoạn chắc chắn làm mất uy tín ông ta với tư cách là bộ trưởng tài chính Anh; và lại đó là truyền thống nghị viện thông thường ở Anh, chứ tuyệt nhiên không phải là phát minh của La-xke-rơ người một mẩu nhằm contra Bê-ben [173]. Việc đối chiếu chính xác bài diễn văn do Glát-xtơn đọc thực sự, như nó được thể hiện trên báo "Times" với văn bản của nó đã bị chính Glát-xtơn bóp méo về

2) Những từ "easy classes", "classes in easy circumstances" lần đầu tiên được *Ây-co-phin* dùng để chỉ bộ phận giầu có đích thực của giai cấp hữu sản [172].

1* – "I-ta-li-a, I-ta-li-a!" (Viếc-gi-lô. "E-nê-i-đa", quyển thứ ba).

sau, sẽ cung cấp không ít tài liệu ngộ nghĩnh để nhận xét vị anh hùng tư sản khoa trương ngọt ngào, thông thái rởm, rất mực ngoan đạo ấy, dè dặt phơi bày lòng sùng đạo của mình và các "attitudes of mind" [1*] tự do chủ nghĩa của mình.

Quyển sách "Tư bản" của tôi gây nên sự bực tức đặc biệt do chỗ để nhận định chế độ tư bản chủ nghĩa, sách đã dẫn ra vô vàn số liệu chính thức trong đó từ trước đến nay không một học giả nào có thể tìm ra sai lầm. Điều này ngay cả các ngài trong hội chủ xưởng Đức cũng đã nghe nói. Nhưng họ nghĩ:

"Điều gì đầu óc không hiểu được,

thì chỉ đem lại cho một mình tình cảm trẻ con thôi" [2*].

Đã nói là làm. Để tra cứu câu trích dẫn trong Tuyên ngôn thành lập mà họ cảm thấy khả nghi, họ bèn tìm đến bạn đồng nghiệp ở Luân Đôn, đến ông Mun-đen-la tình cờ gặp đầu tiên, bản thân ông này là chủ xưởng, ông ta vội vã gửi qua eo biển La-Măng-sơ đoạn trích viết bằng giấy trắng mực đen rút từ "Những cuộc tranh luận tại nghị viện của Han-xác-đơ". Giờ đây họ đã nhận biết bí quyết sản xuất của tôi. Tôi không chỉ chế tạo chính văn, mà còn nặn ra những câu trích dẫn cho nó. Và say sưa với thắng lợi, họ đã hét lên trước bàn dân thiên hạ: "*Các Mác trích dẫn thế đấy!*" Như vậy, người ta làm cho hàng hóa của tôi vĩnh viễn mất uy tín, và chẳng theo lời các chủ xưởng, cần bằng con đường làm ăn thông thường, không cơ bất kỳ chi phí nào cho việc nghiên cứu vấn đề một cách khoa học.

Cớ thể, phần kết đáng bực mình sẽ cho các hội viên hội chủ xưởng thấy rằng dù họ cơ am hiểu việc làm giả hàng hóa thế nào đi nữa, họ cũng ít cơ khả năng xét đoán hàng hóa văn chương, như con lừa ít cơ khả năng chơi đàn vậy.

Luân Đôn, ngày 23 tháng Năm 1872

Các Mác

1* — tâm trạng

2* Si-lơ. "Lời tin tưởng".

SỐ 5. BÀI PHẢN BÁC CỦA TÁC GIẢ NẶC DANH

"Concordia" số 27, ngày 4 tháng bảy 1872

Các Mác tự bảo vệ như thế nào

I

Bạn đọc của chúng tôi chắc còn nhớ bài "Các Mác trích dẫn như thế nào" trong số 10 tạp chí này ra ngày 7 tháng Ba năm nay. Chúng tôi xét ở đấy một chỗ trích trong Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế do Mác viết, chỗ đã phần nào nổi tiếng và thường được trích dẫn, đặc biệt là đảng dân chủ — xã hội, với tư cách là bằng cứ rõ ràng chứng tỏ tình cảnh của giai cấp công nhân sut kém một cách vô vọng trong điều kiện duy trì chế độ nhà nước và chế độ xã hội ngày nay. Ở chỗ này Mác trích dẫn bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863. Trong bài nói này, Glát-xtơn trước hết xác nhận rằng thu nhập của đất nước đã "tăng lên phi thường và đáng sửng sốt", và ông chứng minh điều đó bằng sự tăng lên của thuế thu nhập. Nhưng những con số mà ông dẫn ra để làm việc đó, "chú ý rất ít hoặc hoàn toàn không chú ý tình hình của những người không đóng thuế thu nhập"; chúng "không chú ý thu nhập của dân cư lao động và sự gia tăng thu nhập của họ". Vấn đề là ở Anh, những người có thu nhập dưới 150 p.xt. không đóng thuế thu nhập. Mác lợi dụng việc ông Glát-xtơn viện dẫn điều đó để đánh giá đúng tầm cỡ của mình, nhằm gán cho Glát-xtơn câu: "Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản". Song câu ấy không có ở bất cứ đâu trong bài nói của Glát-xtơn. Glát-xtơn nói đúng là trái lại, rằng ông ta *không* nghĩ rằng sự tăng lên ấy "đóng khung ở giai cấp những người có thể xác định là đang ở trong những điều kiện thuận lợi". Và phẫn nộ trước sự lão xược của Mác trong việc trích dẫn xuyên tạc, chúng tôi tuyên bố: "Về hình thức và về thực chất, Mác đã bịa thêm câu ấy".

Lời buộc tội ấy nặng, mà được bồi thêm một bằng cứ tư liệu không thể bác bỏ được, nó thật chí tử đối với niềm tin đang ngự trị trong đảng dân chủ — xã hội

chúng ta và sự uyên bác vững chãi vô song, sự ngay thật và không có lỗi lầm của nhà tiên tri Luân Đôn. Vì vậy nó không thể để mặc không bác bỏ hoặc ít ra là không có cái gì đó giống như sự bác bỏ. Trên báo "Volksstaat" số 44 ra ngày 1 tháng Sáu [1] Mác đã cố bác bỏ. Song đối thủ của chúng ta hoàn toàn không thanh minh được trước lời chỉ trích là mala fides [1*] khi trích dẫn. Cách thức thanh minh của ông ta đúng ra lại chứng minh sự mala fides ấy, nếu ta nói chung có thể chứng minh điều gì đó. Sự trắng trợn trong khi ông ta lại lợi dụng việc bạn đọc báo "Volksstaat" không có khả năng thẩm tra độ chính xác của những điều ông ta đưa ra vượt qua sự bất nhã của cách trích dẫn của ông ta .

Lẽ dĩ nhiên Mác không đi xa tới mức bác bỏ tính chính xác của đoạn chúng tôi trích trong báo cáo tốc ký của nghị viện. Trước hết ông ta cần chứng minh bona fides [2*] của mình khi trích dẫn, và muốn thế ông ta viện dẫn việc những người khác cũng trích dẫn như ông ta. Ông ta viết :

"Trong bài đăng ở "Fortnightly Review" (số tháng Mười một 1870) đã gây ấn tượng mạnh và được toàn bộ báo chí Luân Đôn bàn luận, ông Bi-đơ-li, giáo sư sử học tại trường đại học tổng hợp ở đây đã trích ở tr.518: "Sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt mà, như ông Glát-xtơn đã nhận xét, hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản". — Nhưng bài của giáo sư Bi-đơ-li xuất hiện sáu năm sau Tuyên ngôn thành lập !"

1) Như vậy, có nghĩa là gần ba tháng sau khi xuất hiện bài trong "Concordia". Thế nhưng báo "Volksstaat" đã trắng trợn, hai tuần sau khi nó đăng bài trả lời của Mác, chỉ trích chúng tôi là "phớt lờ một cách anh hùng" bài trả lời ấy. Chúng tôi nghĩ rằng báo đó không có căn cứ nào để mong muốn nồng nhiệt như vậy một bài thứ hai bác bỏ sắc bén hơn ông chủ và người thầy của nó. Nguyên nhân khiến chúng tôi chậm trả lời một phần là ở đây không kiếm được một trong những nguồn Mác trích dẫn và phải đặt mua ở Anh, còn một phần là để làm rõ chính những đoạn trích ấy cần phải có những đoạn trích dài từ những nguồn kể trên, do đó bài đó dài khác thường, và do thiếu chỗ nên chúng tôi buộc phải mấy lần hoãn đăng nó. (*Ban biên tập báo "Concordia"*).

1* — thiếu lương tâm

2* — có lương tâm

Hoàn toàn đúng. Nhưng ở đây người ta đã quên thêm một chữ "nhưng" nữa. Bài đó của giáo sư Bi-đơ-li đề cập đến lịch sử của quốc tế và, như chính tác giả lớn tiếng nói cho mọi người nghe, được viết trên cơ sở những tài liệu mà chính Mác cung cấp cho ông ta. Hơn thế nữa ! Ở chỗ ấy, Bi-đơ-li tuyệt nhiên không trích dẫn Glát-xtơn, mà chỉ nêu rằng Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế có đoạn trích dẫn ấy. "Từ tài liệu thống kê gây khủng khiếp ấy", Bi-đơ-li viết, "*Tuyên ngôn* chuyển sang những số liệu chính thức về thuế thu nhập, qua đó thấy rằng thu nhập chịu thuế của đất nước trong tám năm đã tăng 20%; "sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt", mà như ông Glát-xtơn nhận xét, hoàn toàn đóng khung" v.v.— Thực ra, một cách chứng minh tuyệt diệu ! Người ta lén lút đưa cho con người không hiểu biết sự gian dối của chúng tôi những tư liệu giả, người đó cả tin thông báo tiếp những tư liệu ấy, rồi viện dẫn thông báo ấy, cũng như viện dẫn sự thực thà của người truyền đạt nó để bằng cách đó chứng minh sự chính xác của những tư liệu ấy và sự thực thà của bản thân mình !— Trong việc tự vệ, Mác nói tiếp:

"Chúng ta hãy xem xét một ấn phẩm đặc biệt chỉ dành cho Xi-ti Luân Đôn xuất hiện chẳng những trước Tuyên ngôn thành lập, mà còn trước khi Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập với nhan đề: "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu. Luật ngân hàng năm 1844". Luân Đôn, 1864, nhà xuất bản T. Cốt-li Niu-bi, Oen-bếch, 30. Bài nói về ngân sách của Glát-xtơn bị cuốn sách đó phê phán cặn kẽ, và ở tr.134 đã dẫn đoạn sau đây lấy từ bài nói đó: "Sự tăng lên đáng sửng sốt ấy" v.v., nghĩa là đúng từng chữ y như tôi trích. Điều đó đã chứng minh không thể bác bỏ được rằng hội chủ xưởng Đức "về hình thức đã nói láo "khi bêu riếu "câu" ấy là sản phẩm "của tôi"!... Tác giả "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", — sau đó Mác viết tiếp, — giống như tôi, đã trích dẫn không phải theo " Han-xác-đơ", mà theo một tờ báo ở Luân Đôn đã đăng bài diễn văn về ngân sách ngày 16 tháng Tư trong số ra ngày 17 tháng Tư".

Thực ra tác giả quyển sách này — nhân tiện xin nói, nó là quyển sách phi bàng thông thường — cũng không trích dẫn theo "Han-xắc-đơ", như Mác vậy. Nhưng như bây giờ chúng tôi sẽ trình bày, Mác thậm chí không trích dẫn theo một tờ báo Luân Đôn. Song trước hết chúng tôi phải nhận xét ở đây rằng khi nói Mác bịa thêm câu đó vào bài nói của Glát-xtơn, chúng tôi "cả về hình thức lẫn về thực chất" không khẳng định rằng ông ta cũng tự mình nặn ra câu ấy. Điều đó sẽ chỉ như vậy trong trường hợp nếu chính Mác là tác giả của quyển sách cho đến nay vẫn rất bí ẩn ấy, như có lẽ có thể nghĩ, xét theo văn phong kinh khủng mà nó được viết ra. Nguồn tư liệu mà Mác trích dẫn câu ấy chính là quyển sách đó, và đấy chính là nguyên nhân khiến ông ta, như ông ta đã chỉ ra, "cố gắng tìm trong sưu tập trích dẫn của

mình năm 1863 đoạn trích dẫn ấy, cũng như tên của tờ báo có đoạn đó". Nguồn gốc ấy của câu Mác trích dẫn bộc lộ rõ qua việc so sánh chỗ Mác nhắc đến bài diễn văn của Glát-xtơn trong sách "Tư bản" của ông ta với "Lý luận về thị giá kỳ phiếu". Trong "Tư bản", ở tr. 639, và đặc biệt là ở chú thích 103, có trích bài nói ấy với cách trình bày hoàn toàn vô nghĩa mà trong quyển sách nói trên nó được dẫn nguyên văn ở tr. 134. Và những lời bình luận của Mác về mâu thuẫn chứa đựng trong sự trình bày đó đã có trong quyển sách đó, cũng như đoạn trích dẫn Mô-li-e dẫn ra trong chú thích 105 ở tr. 640 quyển "Tư bản"; giống như ở tr. 135 của sách này chúng ta tìm thấy những số liệu Mác trích dẫn của viên cố nhì Luân Đôn về tình trạng giá tư liệu sinh hoạt đắt lên, mà tính chất xác thực của chúng được Mác khẳng định không phải bằng cách viện dẫn quyển sách này, mà bằng cách viện dẫn các nguồn tư liệu của nó (xem "Tư bản", tr. 640, chú thích 104).

Bây giờ chúng tôi xin hỏi: một người có nói láo chỉ trong trường hợp, khi chính người đó bịa ra điều không đúng sự thật, hay là người đó cũng nói láo cả khi lặp đi lặp lại điều sai sự thật, trong lúc đó anh ta biết hoặc phải biết sự thật? Chúng tôi nghĩ rằng câu trả lời tự nó nảy ra. Và thứ hai, chẳng lẽ Mác, khi lặp đi lặp lại điều sai sự thật chứa đựng trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", ông ta không làm điều đó khi đã biết sự thật, hay chẳng lẽ ông ta không có nhiệm vụ ít ra là biết sự thật? Lời giải đáp câu hỏi này cũng rất đơn giản. Quy tắc thứ nhất của mọi sự lý giải, mà chắc chắn ông Mác biết rõ, là những chỗ mà thoạt nhìn chứa đựng mâu thuẫn và vì thế mà mất ý nghĩa thì phải lý giải thế nào để không còn mâu thuẫn nữa hoặc, nếu không làm được thế đối với văn bản, thì chuyển sang phê phán văn bản lại tốt hơn là tin vào sự có mặt của mâu thuẫn. Đặc biệt cần làm như thế đối với bài nói gây nên sự chú ý và sự thán phục của toàn bộ giới có học thức, nhất là do biết đối tượng và do đối tượng rõ ràng. Và, cuối cùng, khước từ một sự chính xác như vậy là nông nổi, gần với tội ác, nếu tác giả có ý lôi từ văn cảnh ra một chỗ chiếm một nửa mâu thuẫn chứa đựng trong sự trình bày đó, và dưới dạng cáo giác những người hữu sản mà đem vứt chỗ đó cho những người vô sản trên toàn địa cầu. Vậy, nếu do yêu cầu văn hóa chung, yêu cầu tinh khoa học và lương tâm mà Các Mác phải bỏ sử dụng phương án nói trên, thì sự nông nổi tội lỗi khi ông cho phép mình dẫn câu trích rồm ấy là đặc biệt không đáng tha thứ về phía ông ta, vì văn bản bài nói của Glát-xtơn ông ta hoàn toàn có thể kiểm được. Thứ nhất, các bản tiếng Anh đã dẫn bài nói ấy vào ngày hôm sau, sau khi nó được phát biểu, đã dẫn nếu không đúng từng chữ thì dù sao cũng đúng về ý tứ. Rồi ngay lập tức sau khi được phát biểu, bài ấy được Glát-xtơn công bố nguyên văn trong quyển sách của ông ta, quyển sách rất được chú ý: "Diễn văn về các vấn đề tài chính", Luân Đôn, 1863,

và ở tr.403 quyển sách này, bài nói được truyền đạt đúng như chúng tôi trích dẫn nó. Cuối cùng, Mác có thể tìm được bản tường thuật tốc ký bài nói đó trong "Những cuộc tranh luận ở nghị viện của Han-xác-đơ". Hơn nữa tục lệ là cần phải trích dẫn các bài diễn văn ở nghị viện theo các báo cáo tốc ký, nếu ngay cả trong các bài tường thuật không khỏi kém cỏi trên báo, những bài diễn văn ấy không có mâu thuẫn cũng vậy.

Nhưng ở đây chúng ta chuyển sang thủ đoạn bảo vệ thứ ba của Mác, và xét về sự giả dối láo xược, thủ đoạn đó vượt tất cả những điều đã dẫn ra từ trước đến nay. Thí dụ, Mác không ngần ngại viện dẫn báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863 để chứng minh đoạn trích dẫn của mình là đúng. Nhưng báo "Times" ngày 17 tháng Tư 1863, tr. 7, trang 5, dòng 17 và tiếp theo, truyền đạt bài nói đó như sau:

"Tình hình nước ta xét trên góc độ sự giàu có là như vậy. ***Về phía tôi, tôi sẽ lo lắng và đau đớn nhìn sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy, nếu tôi nghĩ rằng sự tăng lên ấy đóng khung ở những giai cấp ở vào điều kiện thuận lợi.*** Ở đây hoàn toàn không chú ý tình hình của dân cư lao động. Sự tăng lên mà tôi đã mô tả ***dựa trên những số liệu, mà theo tôi, là hoàn toàn chính xác*** [1], ***hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp có tài sản***". (Mác trích dẫn báo "Times" đến đây, chúng tôi trích dẫn tiếp). "Nhưng sự tăng lên của tư bản là một mối lợi gián tiếp đối với công nhân, vì nó làm cho giá thù hàng cạnh tranh trực tiếp với lao động trong quá trình sản xuất giảm xuống. (H ã y n g h e ! H ã y n g h e !) Nhưng chúng tôi cảm thấy một sự an ủi lớn và, tôi phải nói, một sự an ủi vô giá là trong khi người giàu trở nên giàu hơn, thì người nghèo trở nên đỡ nghèo đi. Tôi không dám khẳng định rằng các cực của sự nghèo khổ đã giảm, *nhưng chúng tôi sung sướng biết rằng tình hình của công nhân Anh trung bình trong 20 năm vừa qua đã được cải thiện với mức độ phi*

---

1) Trong đoạn trích dẫn bằng tiếng Đức của mình trên báo "Volksstaat", Mác bỏ đi mệnh đề phụ cuối cùng nhưng lại chêm vào điều sau đây: "mà ông ta (Glát-xtơn) vừa mới xác định là "sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy". Chỗ bỏ qua và chỗ chêm vào đó cũng xuất phát từ ý định làm cho bạn đọc nhầm lẫn về ý tứ lời nói của Glát-xtơn. Như mệnh đề phụ bị bỏ đi và, ngoài ra, toàn bộ văn cảnh chứng minh, ý tứ của bài nói như sau: sự tăng giàu có toát lên từ những số liệu về thuế thu nhập chỉ đóng khung ở các giai cấp hữu sản (vì chỉ có những người có thu nhập 150 p.xt. trở lên mới nộp thuế này), còn về giai cấp công nhân, thì chúng ta biết v.v." *(Chú thích của Bren-ta-nô).*

thường mà chúng ta có thể tuyên bố là chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại. (Tán thành.)"

Việc so sánh bài tường thuật này của báo "Times" với bài tường thuật của "Han-xác-đơ" trong "Concordia" số ra ngày 7 tháng Ba cho thấy rằng hai bài tường thuật về thực chất hoàn toàn trùng khớp nhau. Có điều bài tường thuật của "Times" truyền đạt cô đọng hơn những điều mà bài tường thuật tốc ký của "Han-xác-đơ" dẫn ra nguyên văn. Nhưng, mặc dù cả trong bài tường thuật của báo "Times" có điều gì đó trái ngược hẳn với chỗ trú danh đó trong tuyên ngôn thành lập, mặc dù cả theo bài tường thuật của báo "Times" Glát-xtôn nói rằng theo ý ông ta, sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy không đóng khung ở các giai cấp giầu có, Mác còn láo xược viết trên báo "Volksstaat" ngày 1 tháng Sáu:

"Như vậy, ông Glát-xtơn về hình thức và về thực chất đã tuyên bố ngày 16 tháng Tư 1863 rằng "sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"".

Thậm chí hơn thế nữa! Vì chúng tôi đã thông báo cho công chúng văn bản chính xác bài nói theo "Han-xác-đơ", mà văn bản ấy hoàn toàn loại trừ mọi khả năng xuyên tạc, nên người ta cố gắng gạt bỏ tình huống vô cùng nguy hại đó bằng câu nói rằng "ông Glát-xtơn khôn đến mức đã vứt khỏi bản viết bài diễn văn của mình được xào xáo lại sau này trong "Han-xác-đơ", một đoạn chắc chắn làm mất thanh danh ông ta với tư cách là bộ trưởng tài chính Anh". Chỉ còn thiếu một điều chỉ ra rằng ông Glát-xtơn chắc hẳn đã làm điều đó, chú ý đến bài nhục mạ mãi đến năm 1864 mới xuất hiện:"Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu".

Vậy thì có thể nói gì về những thủ thuật như vậy! Trước tiên chúng tôi được cung cấp trên cơ sở bài nhục mạ bất nhã một đoạn trích dẫn hoàn toàn được làm giả, tính chất mâu thuẫn của nội dung đoạn trích dẫn ấy chứng minh sự làm giả ấy ngay cả không đối chiếu với bản gốc. Sau đó buộc phải trả lời, Mác tuyên bố rằng những người khác cũng trích dẫn như ông ta, và để xác nhận ông ta viện dẫn những người mà trước kia chính ông ta đã ấp đặt sự dối trá ấy. Tiếp nữa, ông ta muốn lợi dụng việc nguồn tư liệu mập mờ phù hợp với ông ta, làm lý lẽ để tự thanh minh và để chứng minh rằng đoạn trích dẫn của ông ta là chính xác, như thế cả hai đều lấy từ một nguồn thứ ba chung không thể chê vào đâu được, trong khi đó thì người này chỉ chép lại của người kia. Và cuối cùng, ông ta còn đủ thói láo xược để viện dẫn những bài tường thuật trên báo mâu thuẫn trực tiếp với ông ta. Thực ra, để nhận định một "hành vi" như vậy, có thể chỉ dùng một từ mà chính Mác biết rất rõ (xem "Tư bản", tr. 257): hành vi đó quả là "không trung thực".

"Có thể, phần kết đáng bực mình sẽ cho các hội viên hội chủ xưởng". — Mác nói trong đoạn cuối bài bảo vệ của mình. — "thấy rằng dù họ có am hiểu việc làm giả hàng hóa thế nào đi nữa, họ cũng ít có khả năng xét đoán hàng hóa văn chương, như con lừa ít có khả năng chơi đàn vậy".

Chúng tôi nhường cho bạn đọc bình tĩnh quyết định xem bên nào làm giả và ai bực tức về phần kết. Trong một bài khác, chúng tôi sẽ trình bầy cho ông Mác thấy chúng tôi coi trọng nội dung lời của Glát-xtơn như thế nào.

Bài thứ hai, "Concordia" số 28, ngày 11 tháng Bảy 1872 hoàn toàn không liên quan gì tới vấn đề và vì thế không đưa ra ở đây.

SỐ 6. BÀI TRẢ LỜI THỨ HAI CỦA MÁC [174]

"Volksstaat" số 63, ngày 7 tháng Tám 1872

Trong "Concordia" số ra ngày 4 tháng Bảy, hội chủ xưởng Đức cố gắng chứng minh cho tôi rằng các "hảo hán uyên bác" của ông ta cũng am hiểu tuyệt diệu hàng hóa văn chương, như chính ông ta am hiểu việc làm giả hàng hóa.

Về đoạn trích bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 dẫn ra trong Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế, cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng (số 10) tuyên bố:

"*Về hình thức và về thực chất Mác đã bịa thêm câu này*".

Như vậy, ông ta tuyên bố rằng về hình thức và về nội dung, câu này là chế phẩm do tôi nặn ra. Hơn nữa, ông ta biết hoàn toàn chính xác tôi đã nặn ra nó như thế nào.

"*Mác lợi dụng* một sự thực", – "Concordia" nói, – "là Glát-xtơn khẳng định v.v., *để gán cho Glát-xtơn* v.v.". Sau khi trích dẫn cũng câu ấy từ tác phẩm "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" xuất

hiện *trước* Tuyên ngôn thành lập, tôi đã vạch trần cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng về sự dối trá thô bạo. Sau đó, như chính ông ta kể, ông ta đã trích một quyển sách trước đây ông ta không hay biết từ Luân Đôn và đã thấy rõ sự thực đó. Giờ đây ông ta gỡ bí nhờ sự dối trá nào ? Chúng ta hãy nghe:

"Khi nói Mác bịa thêm câu đó vào bài nói của Glát-xtơn, thì cả về hình thức lẫn về thực chất, chúng tôi không khẳng định *rằng ông ta cũng tự mình nặn ra nó*".

Rõ ràng là ở đây có sự lẫn lộn khái niệm, một sự lẫn lộn vốn có của lý trí chủ xưởng. Nếu một chủ xưởng bịp bợm, chẳng hạn, thỏa thuận với bạn làm ăn của mình rải những cuộn băng nói là chứa ba tá thước, mà thực ra chỉ có hai tá, thì ông ta thực *sự bịa thêm* một tá chính vì ông ta "*không nặn ra nó*". Vậy thì tại sao đối với những câu bịa thêm lại không được xảy ra điều xảy ra với những thước dải băng bịa thêm ? "Trí óc của tuyệt đại đa số người", – A-đam Xmít nói,-"tất yếu phát triển trên công việc hàng ngày của họ và xuất phát từ những công việc đó" [175], do đó – cả trí óc của các chủ xưởng cũng vậy.

Nhờ báo "Volksstaat" mà tôi đã làm phong phú thêm hành trang khoa học của cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng chẳng những bằng một đoạn trích từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", mà còn bằng những trang của quyển sách "Tư bản" của tôi có đề cập đến bài nói về ngân sách của Glát-xtơn. Và giờ đây cơ quan đó có chứng minh bằng tài liệu mà chính tôi đã cung cấp cho nó rằng tôi trích dẫn chỗ tranh cãi không phải từ một "tờ báo Luân Đôn", mà là từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu". Các thức chứng minh là một ví dụ mới về lô-gích của chủ xưởng.

Tôi đã kể cho tạp chí của các chủ xưởng rằng "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" ở tr. 134 trích dẫn hệt như tôi trích dẫn, còn tạp chí thì phát hiện ra rằng tôi trích dẫn hệt như "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" trích dẫn ở tr.134.

Lại nữa !

"Và những lời bình luận của Mác về mâu thuẫn chứa đựng trong sự trình bày này đã có trong quyển sách đó".

Đó quả là dối láo. Ở tr.639 quyển "Tư bản", tôi gắn những lời bình luận của tôi với lời trong bài nói của Glát-xtơn: "Trong khi người giầu trở nên giầu hơn, thì người nghèo dù sao cũng đỡ nghèo hơn. Song tôi không dám khẳng định rằng các cực của sự nghèo khổ đã giảm xuống". Về điểm này tôi nhận xét: "Những lời nói lấp lửng thảm hại làm sao ! Nếu giai cấp công nhân vẫn "nghèo", có điều "đỡ nghèo" trong chừng mực nó tạo nên "sự tăng giầu cố và sức mạnh đáng sửng sốt" cho giai cấp những người sở hữu, thì điều đó có nghĩa là xét về mặt tương đối nó vẫn nghèo như trước. Nếu các cực của sự nghèo nàn không giảm xuống, thì chúng tăng lên, vì cực giầu đã tăng lên" [176]... Những lời bình luận ấy không đâu có trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu".

"Và những lời bình luận... đã có trong quyển sách đó, cũng như cả đoạn trích dẫn Mô-li-e đã dẫn ở chú thích 105, tr. 640 quyển "Tư bản"".

Như vậy, "cũng như" tôi trích dẫn cả Mô-li-e và đem lại cho các "hảo hán uyên bác" của "Concordia" khả năng theo dõi và thông báo cho công chúng rằng đoạn trích dẫn ấy lấy từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu!" Thực ra ở chú thích 105, tr. 640 quyển "Tư bản" tôi nói thẳng rằng tác giả "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" "*bằng câu trích dẫn sau đây từ tác phẩm của Mô-li-e*, thể hiện" "những mâu thuẫn quá quắt thường xuyên trong các bài nói về ngân sách của Glát-xtơn".

Cuối cùng:

"Cũng như ở tr. 135 của quyển sách này, chúng tôi tìm thấy những số liệu của viện cô nhi Luân Đôn được Mác trích dẫn về tình trạng tư liệu sinh hoạt đất đỏ lên, song tính chất xác thực của những số liệu đó được Mác củng cố bằng cách viện

dẫn không phải cuốn sách đó, mà các nguồn tư liệu của nó (xem "Tư bản", tr. 640, chú thích 104)".

"Concordia" đã khôn ngoan quên nói với bạn đọc của mình rằng "quyển sách đó" không cung cấp *bất cứ nguồn tư liệu nào*. Nó muốn chứng minh cái gì? Rằng tôi vay mượn từ" quyển sách đó" một chỗ lấy trong bài nói của Glát-xtơn, trong khi không biết nguồn gốc của nó; vậy thì nó chứng minh điều đó bằng cái gì? Bằng việc tôi thẩm tra câu trích thực tế từ quyển sách ấy độc lập với nó theo các nguồn tư liệu gốc!

Về đoạn trích dẫn của tôi lấy từ bài của giáo sư Bi-đơ-li trong "Fortnightly Review" (tháng Mười một 1870), "Concordia" nhận xét:

"Bài này của giáo sư Bi-đơ-li đề cập đến chính lịch sử của Quốc tế và được viet, như chính tác giả lớn tiếng tuyên bố, trên cơ sở tài liệu mà chính Mác cung cấp cho ông ta".

Giáo sư Bi-đơ-li nói:

"Hội liên hiệp thành công được ngần ấy chẳng nhờ ai khác ngoài tiến sĩ Các Mác, người mà như tôi quan niệm, không có ai sánh được về mặt hiểu biết lịch sử và thống kê sự vận động của công nghiệp ở tất cả các nước châu Âu. Tôi có được những tư liệu chứa đựng trong bài ấy, phần đáng kể (largely) là nhờ Mác" [177]

Toàn bộ tài liệu tôi cung cấp cho giáo sư Bi-đơ-li đều chỉ liên quan đến lịch sử của Quốc tế và không đề cập một lời nào đến nội dung của Tuyên ngôn thành lập mà ông đã biết từ thời nó được xuất bản. Nhận xét của ông dẫn ra ở trên ít gây ra nghi ngờ về mặt này, đến nỗi "Saturday Review" khi phê phán bài của ông[178], nhiều lắm cũng chỉ ám chỉ rằng chính ông là tác giả của Tuyên ngôn thành lập [1].

"Concordia" khẳng định rằng giáo sư Bi-đơ-li không trích dẫn chỗ đó trong bài nói của Glát-xtơn, mà chỉ nêu "*rằng Tuyên ngôn thành lập chứa đựng câu trích dẫn ấy*". Chúng ta hãy phân tích sự thế.

1) Giáo sư Bi-đơ-li có giấy viết nhắc tôi chú ý đến quid pro quo [sự hiểu lầm] ấy.

Giáo sư Bi-đơ-li nói:

"Tuyên ngôn chắc hẳn là sự bảo vệ mạnh nhất và tuyệt vời nhất lợi ích của công nhân chống giai cấp tư sản, đã có bao giờ được trình bày trên vên vẹn mười hai trang nhỏ. Tôi muốn trích nhiều chỗ trong Tuyên ngôn".

Sau khi nhắc đến "tài liệu thống kê khủng khiếp của Sách xanh", mà Tuyên ngôn viện dẫn, ông nói tiếp:

"Từ tài liệu thống kê khủng khiếp ấy Tuyên ngôn chuyển sang những số liệu chính thức về thuế thu nhập, qua đó thấy rằng thu nhập chịu thuế của đất nước trong tám năm đã tăng 20%; "sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt", mà *như ông Glát-xtơn nhận xét*, "hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"".

Giáo sư Bi-đơ-li đặt những từ: "như ông Glát-xtơn đã nhận xét "ngoài ngoặc kép, nhân danh mình nói lên những từ ấy, và chính điều đó là bằng cứ cho "Concordia" chứng minh có sức thuyết phục rằng ông biết bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ...chỉ qua đoạn trích dẫn của Tuyên ngôn thành lập ! Chỉ một mình ông bạn kinh doanh Luân Đôn của hội chủ xưởng Đức là biết những bài nói về ngân sách của Glát-xtơn, hệt như chỉ một mình ông biết rằng "những người có thu nhập dưới 150 p.xt. ở Anh không đóng thuế thu nhập"(xem số 10 và 27 "Concordia"). Mà những người Anh đi thu thuế thì luôn luôn bị ám ảnh bởi ý tưởng rằng thuế chỉ không đánh vào thu nhập dưới *100* p.xt. mà thôi.

Về chỗ tranh cãi trong Tuyên ngôn thành lập, tạp chí của các chủ xưởng viết:

"*Câu này không đâu có trong bài nói của Glát-xtơn*". Tôi đã chứng minh điều ngược lại bằng cách dẫn đoạn trích lấy từ bài tường thuật của báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863. Tôi đã dẫn câu trích ấy trên báo "Volksstaat" bằng tiếng Anh và bằng

tiếng Đức, vì lời Glát-xtơn khẳng định rằng "hầu như sẽ lo lắng và đau đớn nhìn *sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy*, nếu tin chắc rằng sự tăng lên ấy đóng khung ở "*classes who are in easy circumstances*" cần được bình luận. Viện dẫn Uây-cơ-phin, tôi nhận xét rằng "classes who are in easy circumstances" – một cụm từ mà trong tiếng Đức không có từ tương đương chính xác – có nghĩa là "những người giàu thực thụ", "bộ phận giàu có thực sự" của các giai cấp hữu sản. Uây-cơ-phin thậm chí nêu trực tiếp giai cấp trung lưu thực thụ – "*the uneasy classs*", gần với thành ngữ Đức "giai cấp không thật giàu có [die ungemächliche Klasse"[2]).

Cơ quan ngôn luận đứng đắn của các chủ xưởng không chỉ phớt lờ cách giải thích của tôi. Kèm theo chỗ tôi trích dẫn bằng những lời của mình: "Từ trước đến nay Mác trích dẫn báo "Times"", cơ quan đó cho độc giả của mình biết rằng nó trích dẫn theo cách dịch của tôi, thực ra thì nó dịch "classes who are in easy circumstances" khác với tôi, không phải bằng những từ "các giai cấp giàu có", mà bằng những từ "những giai cấp *ở vào điều kiện thuận lợi*". Nó còn để cho độc giả của nó hiểu đủ để thấy rằng không phải tất thảy mọi bộ phận hợp thành của giai cấp hữu sản đều là những bộ phận "*giàu có*" cả, tuy việc có tài sản tất nhiên bao giờ cũng được coi là "điều kiện thuận lợi". Nhưng cả trong cách dịch đoạn trích của tôi mà "Concordia" đưa ra, ông Glát-xtơn cũng nhận định sự tiến bộ của cảnh giàu có tư bản chủ nghĩa mà ông ta mô tả là "*sự tăng giàu có về sức mạnh đáng sửng sốt ấy*" và nhận xét rằng đồng thời sự tiến bộ đó "hoàn toàn không chú ý đến tình cảnh của dân cư lao động"; để

2) "The middle or uneasy class" ["giai cấp trung lưu hoặc giai cấp không thật giàu có"] ("Anh và Mỹ", Luân Đôn, 1833, t.I, tr.185[179]).

kết luận ông ta nói rằng "*sự tăng lên ấy hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp có tài sản*". Sau khi gán cho ông Glát-xtơn trong bài tường thuật của báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863 "về hình thức và về thực chất" cùng một điều mà tôi đã gán cho ông ta trong Tuyên ngôn thành lập, vị "hảo hán uyên bác" trong hội chủ xưởng Đức đấm cái ngực cao thượng của mình và gào lên:

"Nhưng, *mặc dù vậy, Mác còn lão xược* viết trong "Volksstaat" ngày 1 tháng Sáu: "Vậy, theo bài tường thuật của cơ quan ngôn luận của chính ông ta là báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863, ông Glát-xtơn *về hình thức và về thực chất* đã tuyên bố vào ngày 16 tháng Tư 1863 tại hạ nghị viện rằng *sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản* "".

Vị "hảo hán uyên bác" của hội chủ xưởng Đức hiển nhiên là biết rõ ông ta phải đem lại cái gì cho công chúng bạn đọc !

Trên báo "Volksstæat" số ra ngày 1 tháng Sáu, tôi đã nêu lên rằng "Concordia" cố thuyết phục bạn đọc của mình rằng trong Tuyên ngôn thành lập tôi không dẫn câu của Glát-xtơn rằng mức sống của giai cấp công nhân Anh đã được nâng cao, trong khi ở đấy, đúng là trái lại, tôi đặc biệt nhấn mạnh mâu thuẫn quá quắt của lời nói huênh hoang ấy với những sự thực đã được xác định chính thức. Trong bài trả lời ngày 4 tháng Bảy của mình, cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng lặp lại chính cung cách ấy. "Mác", – nó nói, – "trích dẫn báo "Times" đến đây, chúng tôi trích dẫn tiếp". Để phản bác cơ quan ngôn luận ấy, tôi đã phải trích dẫn về thực chất chỉ một chỗ tranh cãi mà thôi. Song chúng tôi xin trình bầy một lát xem điều gì "tiếp theo".

Sau khi hát bài của mình ca ngợi sự tăng thêm cảnh giàu có tư bản chủ nghĩa, Glát-xtơn chuyển sang giai cấp công nhân. Ông ta tuyệt nhiên không nói rằng giai cấp công nhân đã nhận

được phần của mình trong "*sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sừng sốt*". Trái lại, theo bài tường thuật của báo "Times", những lời tiếp theo mà Glát-xtơn đã phát biểu là như thế này:

"Những *sự tăng lên của tư bản* là mối lợi gián tiếp cho công nhân v.v.." Tiếp theo ông ta tự an ủi mình "rằng trong khi người giầu đã trở nên *giầu hơn*, thì người nghèo trở nên *đỡ nghèo hơn*". Cuối cùng, ông ta quả quyết rằng ông ta và những bạn bè đã phất lên của ông ta trong nghị viện "*rất sung sướng được biết*" những điều mà các cuộc điều tra của nghị viện và các số liệu thống kê thông báo điều ngược lại, cụ thể là:

"tình hình của người công nhân Anh trung bình trong 20 năm vừa qua đã được cải thiện, như chúng ta biết, với một mức độ phi thường mà chúng tôi có thể tuyên bố là hầu như chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại".

Trước ông Glát-xtơn, tất cả những người tiền nhiệm của ông ta trong các bài nói về ngân sách của mình thường "rất sung sướng" bổ sung việc mô tả tình hình tăng sự giầu có tư bản chủ nghĩa bằng những bài nói tự mãn về sự cải thiện tình hình của giai cấp công nhân. Mặc dù vậy, ông ta buộc tội tất cả họ là dối trá, vì giang sơn nghìn năm chỉ đến từ thời ban hành các đạo luật về tự do buôn bán. Song ở đây vấn đề không phải là sự đúng đắn hay không đúng đắn của những căn cứ hiện có ở Glát-xtơn để an ủi mình hoặc chúc mừng mình. Ở đây vấn đề chỉ là dường như sự cải thiện "phi thường" tình hình của giai cấp công nhân tuyệt nhiên không mâu thuẫn, theo quan điểm của ông ta, với "sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sừng sốt hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản". Trái lại, học thuyết chính thống của những kẻ bào chữa cho tư bản – mà một trong những kẻ bào chữa được trả lương hậu hĩnh nhất là ông Glát-xtơn – chính là ở chỗ phương tiện chắc chắn nhất để công nhân *cải thiện tình hình của mình là làm giầu* cho những kẻ bóc lột mình.

Sự hèn hạ vô sỉ hay sự vô sỉ hèn hạ của cơ quan ngôn luận của các chủ xưởng lên tới tột đỉnh trong lời khẳng định rằng "bài tường thuật của báo "Times" truyền đạt chỉ dưới hình thức cô đọng hơn những điều mà bài tường thuật tốc ký của "Han-xác-đơ" *đăng nguyên văn*[3]. Chúng ta hãy đối chiếu những tường thuật đó :

I

Trích bài nói của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 đăng trên báo "Times" ngày 17 tháng Tư 1863

"Tình hình nước ta xét trên góc độ sự giầu có là như vậy. Về phần tôi, tôi phải nói rằng tôi hầu như lo lắng và đau đớn nhìn *sự tăng giầu có và sức mạnh đáng sừng sốt ấy*, nếu tôi tin chắc rằng nó chỉ đóng khung ở các giai cấp giầu có (classes who are in easy circumstances). Ở đây hoàn toàn không chú ý đến tình hình của dân cư lao động. *Sự tăng lên mà tôi vừa mô tả... là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản*. Nhưng sự tăng lên của tư bản là một mối lợi gián tiếp đối với công nhân v.v.".

II

Trích bài nói của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 in ở "Han-xác-đơ", t.170, tranh luận ở nghị viện từ ngày 27 tháng Ba đến ngày 28 tháng Năm 1863

"Tình hình nước ta xét trên góc độ sự tiến bộ chung của tích lũy, nhưng về phần tôi, tôi phải nói rằng tôi *sẽ phẫn nào đau đớn* và lo lắng đáng kể nhìn *sự tăng trưởng phi thường và hầu như đáng sừng sốt ấy*, nếu nghĩ rằng nó đóng khung ở loại người có thể coi là giầu có (the class of persons who may be described as in easy circumstances).

Những con số mà tôi đã dẫn ra ít chú ý hoặc hoàn toàn không chú ý tình hình những người không đóng thuế thu nhập, *hoặc*, nói cách khác, chúng đủ chính xác để xác định *chân lý nói chung* (!), nhưng hoàn toàn không chú ý *tài sản* (!) của dân cư lao động hoặc (!) sự tăng *thu nhập* của họ. Còn xét về mặt gián tiếp thì sự tăng lên đơn thuần của

3) Dường như tờ báo của các chủ xưởng thực ra nghĩ rằng những tờ báo lớn ở Luân Đôn không dùng các bản tốc ký cho những bài tường thuật của mình về các phiên họp của nghị viện.

tư bản thực ra *cực kỳ* có lợi cho giai cấp công nhân v.v.."

Tôi xin để chính bạn đọc so sánh văn phong bay bướm, rối rắm, kèm theo một khối lời rào trước đón sau kiểu Circumlocution Office [1*] trong ấn phẩm của "Han-xác-đơ" với bài tường thuật của báo "Times".

Ở đây chỉ cần xác định một sự thực là lời của bài tường thuật trên báo "Times": "*Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy ...sự tăng lên mà tôi vừa mô tả ... hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản*" thì ở "Han-xác-đơ" một phần bị bóp méo, một phần bị bỏ đi, như vậy cũng đủ rồi. "Ý tứ nguyên văn" bay bướm của hai bài tường thuật ấy không qua mắt bất cứ ngươi nào trong số những người đã nghe chính bài nói. Thí dụ:

"Morning Star", ngày 17 tháng Tư 1863 (bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863).

"Về phần tôi, tôi phải nói rằng tôi sẽ lo lắng và đau đớn nhìn *sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy* nếu nghĩ rằng nó đóng khung ở những giai cấp giàu có thực sự (classes who are in easy circumstances). *Sự tăng lên to lớn ấy của cảnh giàu có*(this great increase of wealth) hoàn toàn không chú ý tình hình của dân cư lao động. Sự tăng lên ấy là sự tăng lên (The augmentation is an augmentation) *hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp hữu sản*(entirely confined to the classes possessed of property). Nhưng *sự tăng lên ấy* (But that augmentation) phải gián tiếp có lợi cho dân cư lao động v.v.".

"Morning Advertiser", 17 tháng Tư 1863 (bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863).

Về phần tôi, tôi phải nói rằng tôi sẽ hầu như lo lắng và sợ hãi (alarm) nhìn *sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy* nếu tôi nghĩ rằng nó đóng khung ở những giai cấp giàu có thực sự (classes who are in easy circumstances). *Sự tăng thêm to lớn ấy của cảnh giàu có* hoàn toàn không chú ý tình hình dân cư lao động. *Sự tăng lên đã nhắc đến*(The augmentation stated)*là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp hữu sản* (classes possessed of property). Sự tăng *lên ấy* (This augmentation) phải gián tiếp có lợi cho giai cấp công nhân v.v.".

1* — bộ quanh co (thành ngữ của Dích ken xơ trong tiểu thuyết "Do-rit người một mẫu ").

Như vậy, trong một ấn phẩm nửa chính thức của"Han-xác-đơ" in bài nói của ông ta, Glát-xtơn đã lùi thời gian giấu đi lời ông ta đã nói ở hạ nghị viện ngày 16 tháng Tư 1863: "*Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy ... là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản* ". Vì vậy "Concordia" không tìm thấy lời đó trong đoạn trích mà người bạn làm ăn Luân Đôn đã gửi tới và làm rùm beng lên:

"Nhưng câu này không đâu có trong bài nói của Glát-xtơn. ***Mác, về hình thức và về thực chất, đã bịa thêm câu này***".

Không phải ngạc nhiên nếu giờ đây nó dạy tôi rằng trích dẫn các bài nói tại nghị viện như người ta chính thức làm giả chúng, chứ không phải như chúng được thực tế phát biểu là "đúng tục lệ" phê phán. Trên thực tế, "tục lệ" như vậy phù hợp với "văn hóa" Béc-lin "phổ biến" và với lý trí thần dân trung thành Phổ hạn hẹp của hội chủ xưởng Đức. Việc thiếu thời gian bắt tôi phải vĩnh viễn chấm dứt sự giao tiếp dễ chịu với nó, song để vĩnh biệt tôi phải đề nghị các vị "hảo hán uyên bác" của nó giải đáp câu hỏi hóc búa như thế này. Trong bài nào và cụ thể là ai đã nói với đối thủ – ít ra là với "Concordia" ngang hàng về địa vị lời nặng cân sau đây: "Asinus manebis in secula seculorum" [4)]?

Luân Đôn, 28 tháng Bảy 1872

Các Mác

4) Mày vẫn là con lừa mãi mãi.

SỐ 7. BÀI PHẢN BÁC THỨ HAI CỦA TÁC GIẢ NẶC DANH

"Concordia" số 34, ngày 22 tháng Tám 1872

Lại góp ý thêm vào việc nhận xét Các Mác

Trên báo "Volksstaat" số ra ngày 7 tháng Tám ông Mác trả lời bài "Các Mác tự bảo vệ như thế đấy" đăng trong số 27 "Concordia". Sự đối trá ngoan cố của ông ta bám lấy đoạn trích dẫn bị bóp méo lấy từ bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 là đáng ngạc nhiên ngay cả đối với một con người không từ thủ đoạn nào để thực hiện ý đồ của mình lật đổ chế độ đang tồn tại. Về thực chất, chỉ có thể cắt nghĩa bằng nỗi lo sợ của tác giả rằng việc thừa nhận tính chất giả dối của đoạn trích dẫn ấy, chỗ có lợi nhất trong Tuyên ngôn thành lập trong khi Tuyên ngôn lưu hành rộng rãi sẽ có những hậu quả khó chịu cho tác giả của nó.

Như chúng ta biết, trong bài bảo vệ thứ nhất của mình, Mác đã đồng ý rằng bài tường thuật tốc ký diễn văn của Glát-xtơn đăng trong "Han-xác-đơ" không có đoạn trích dẫn ấy. Song nguyên nhân là ở chỗ ông Glát-xtơn đã vứt bỏ chỗ làm ông ta mất uy tín! Bằng chứng thứ nhất: giáo sư Bi-đơ-li đã trích dẫn diễn văn ấy trong bài đăng ở "Fortnightly Review" dưới dạng y như trong Tuyên ngôn thành lập.

Điều đó e có thể gợi cho bạn đọc ý nghĩ rằng giáo sư Bi-đơ-li trích dẫn bài nói này của ông Glát-xtơn trong một bài viết về đề tài lịch sử khác nào đó ngoài đề tài Quốc tế. Vì vậy chúng tôi đã nhận xét, thứ nhất, rằng bài đó nói về lịch sử của Quốc tế và được viết trên cơ sở tài liệu mà chính Mác cung cấp cho tác giả. Và Mác thậm chí cũng không bác điều này. Nhưng ông ta quả quyết rằng tài liệu mà ông ta cung cấp không đề cập đến một chỗ nào nội dung của Tuyên ngôn thành lập mà giáo sư Bi-đơ-li đã biết từ khi văn kiện này ra mắt. Nhưng chúng tôi không nói và thậm chí không ám chỉ điều này. Và chúng tôi tin lời khẳng định của ông Mác trên lời nói. Nếu ông ta dẫn ra cho giáo sư Bi-đơ-li "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" làm bằng cứ chứng minh cho đoạn trích dẫn của mình, thì chắc là ông này sẽ không in lại quyển sách đó. Thứ hai, chúng tôi đã trả lời, và đấy là cách phản bác chủ yếu nhất: Bi-đơ-li không trích dẫn chỗ đó trong bài nói của Glát-xtơn, mà chỉ đưa nó ra khi phân tích Tuyên ngôn thành lập. Chúng tôi đã dẫn ra nguyên văn câu ấy từ bài của Bi-đơ-li, như có thể thấy ở số 27 "Concordia". Việc Bi-đơ-li khi phân tích đã chêm thêm những từ *"như ông Glát-xtơn đã nhận xét"*

không có ngoặc kép [1] giờ đây được Mác sử dụng để gợi cho bạn đọc rằng Bi-đơ-li đột nhiên ngắt sự phân tích của mình, nói lời này nhân danh chính mình!!

Bằng cứ thứ hai chúng minh rằng về sau Glát-xtơn vứt những từ ấy khỏi bài nói của mình, Mác muốn tìm thấy ở chỗ cuốn sách "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" xuất hiện còn sớm hơn Tuyên ngôn thành lập đã trích dẫn bài nói của Glát-xtơn đúng từng chữ như Tuyên ngôn vậy. Chúng tôi đã xem cuốn sách và thấy đúng như vậy và tất cả đều nói lên rằng chính Mác lúc đầu đã vay mượn đoạn trích dẫn của mình từ quyển sách này. Chứng tỏ điều đó trước hết là việc trong "Tư bản" ở tr. 639, đặc biệt là ở chú thích số 103, bài nói được dẫn nguyên văn cùng với cách trình bày *hoàn toàn vô nghĩa* như "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" dẫn nó ở tr. 134. Việc nêu "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" như là nguồn gốc đoạn trích dẫn của Mác còn được xác nhận bởi việc sau đây: ở chỗ trong bộ "Tư bản" của mình mà Mác trích dẫn bài nói của Glát-xtơn với cách viết như "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" ở tr. 134, Mác còn dẫn ra những đoạn trích khác cũng ở chỗ ấy của quyển sách đó, và kèm theo những đoạn trích dẫn ấy ông viết cũng những lời bình luận y như vậy. Thế thì ông Mác phản bác gì đối với điều đó? Thứ nhất, ông ta còn thêm những lời bình luận mà trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" không có. Nhưng cả nhận xét của chúng tôi cũng không loại trừ điều đó. Rồi ông ta dứt khoát gọi tác giả của "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" là tác giả của đoạn trích dẫn Mô-li-e. Nhưng chúng tôi không nói điều ngược lại. Cuối cùng, còn về những số liệu của viên cố nhi Luân Đôn mà C.Mác trích dẫn ở tr.640 quyển sách của ông ta, cũng như "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" ở tr.135, thì chính Mác thừa nhận rằng ông ta trích dẫn nguyên văn từ quyển sách đó, rồi ông ta kiểm tra độ chính xác của chúng theo tài liệu gốc. Bằng cách đó Mác tự mình chứng minh rằng một bộ phận những lời bình luận mà ông ta viết kèm theo các đoạn trích dẫn bài nói của Glát-xtơn được lấy từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu". Bằng cách đó ông ta tự mình chứng minh sự đúng đắn của những điểm mà chúng tôi dùng để nhấn mạnh lý lẽ chủ yếu của chúng tôi về việc cả đoạn trích dẫn bài nói của Glát-xtơn ông ta cũng mượn từ quyển sách này. Nhưng ông ta không dẫn ra điều gì chống lại lý lẽ đó, cụ thể là chống lời nhận xét rằng ông ta trích dẫn lời

1) — Chú thích bổ sung khi tái bản: Giáo sư Bi-đơ-li chêm nguyên văn mà ông ta trích từ Tuyên ngôn thành lập, như nó được in trong Tuyên ngôn. Nhưng trong Tuyên ngôn, mệnh đề chêm thêm lẽ dĩ nhiên được in không có ngoặc kép. *(Chú thích của Bren-ta-nô).*

của Glát-xtơn *với cách trình bày hoàn toàn vô nghĩa* như "Lý thuyết về thị giả kỳ phiếu" vậy.

Cuối cùng, thứ ba, Mác cố gắng chứng minh lời khẳng định của mình rằng Glát-xtơn đã lùi ngày làm giả bài nói của chính mình về ngân sách trong bài tường thuật tốc ký của "Han-xác-đơ" bằng cách viện dẫn bài tường thuật về diễn văn này đăng trên báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863. Nhưng bài tường thuật ấy chứng minh điều ngược hẳn lại, vì "Times" và "Han-xác-đơ" về thực chất hoàn toàn trùng khớp nhau. Để làm tối nghĩa điều này trước bạn đọc của mình, Mác bèn vận dụng nhiều thủ đoạn. *Thủ đoạn thứ nhất*, đồng thời cũng để dắt dẫn bạn đọc báo "Volksstaat" đến chỗ lại khâm phục thêm sự uyên bác của nhà tiên tri của họ, là nói ngoài đề về mặt ngữ văn học. Và theo bài tường thuật của báo "Times", vì Mác trích dẫn bài đó, Glát-xtơn nói dứt khoát là ông này cho rằng sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt mà ông này nói, *không* đóng khung "to the classes who are in easy circumstances", nghĩa là ở những giai cấp ở vào điều kiện thuận lợi. Viện dẫn Uây-cơ-phin, người đã viết quyển sách "Giai cấp trung lưu hoặc giai cấp không hoàn toàn giầu có", Mác xoay ra khẳng định rằng theo lời Glát-xtôn, ông này không nghĩ là sự tăng lên ấy chỉ đóng khung ở "người giầu thực thụ", ở "bộ phận giầu có thực sự" của các giai cấp hữu sản, và vì chúng tôi không chú ý tất cả những suy luận ấy, nên bây giờ ông ta buộc tội chúng tôi là che giấu. Nhưng nếu chúng tôi không nói gì về mưu toan làm giả mới này thì chỉ vì trên thực tế nó quá hiển nhiên. Vì dù Uây-cơ-phin có ý nói gì khi gọi giai cấp trung lưu là the uneasy class chăng nữa, thì ý tứ chung của bài diễn văn của Glát-xtơn, ngay cả dưới dạng như bài tường thuật của báo "Times" truyền đạt, cũng vẫn cho thấy rằng ở chỗ này, Glát-xtơn *hiểu ngầm* "classes who are in easy circumstances" *là những giai cấp không thuộc dân cư lao động, vì ông ta đặt những giai cấp này đối diện với dân cư lao động.*

Thủ đoạn thứ hai làm tối bài tường thuật của báo "Times" là ở chỗ trong bản dịch của mình ra tiếng Đức bài tường thuật đó, Mác đã vứt phăng mệnh đề phụ cho thấy Glát-xtơn chỉ nói rằng sự gia tăng giầu có có thể xét đoán theo số liệu về thuế thu nhập, đóng khung ở các giai cấp hữu sản, vì giai cấp công nhân không bị đánh thuế thu nhập và vì thế từ các số liệu về thuế thu nhập không thể rút ra được gì liên quan đến sự nâng cao phúc lợi của giai cấp công nhân; nhưng Glát-xtơn không nói rằng giai cấp công nhân thực sự bị loại trừ khỏi quá trình tăng phi thường của tài sản quốc gia. Mác, người mà như chúng ta vừa thấy, hoàn toàn vô cớ chỉ trích "Concordia" là giấu giếm, lại bình thản vứt bỏ mệnh đề phụ đã nhắc đến, tuy chúng tôi đã chỉ cho ông ta thấy việc bóp méo mệnh đề đó. Nhưng như thế còn ít. Vì

chúng tôi, phù hợp với chân lý, chúng tôi đã nói rằng bài thường thuật của báo "Times" truyền đạt, có điều là cô đọng hơn, cũng chính cái mà bản tường thuật tốc ký của "Han-xác-đơ" dẫn ra nguyên văn, nên ông ta phủ nhận điều đó và cả gan in lại cạnh nhau bài tường thuật theo "Times" và bài tường thuật theo "Han-xác-đơ", *vứt lại ông ta* tất nhiên *lại bỏ mệnh đề phụ ấy đi*. Nhưng tai vạ quái gì? Độc giả báo "Volksstaat"[a] mà ông ta có quan hệ không thể kiểm soát ông ta cơ mà !

Thứ ba, cuối cùng, Mác cố gắng giấu sự trùng khớp của bài tường thuật trên báo "Times" với bài tường thuật của "Han-xác-đơ" bằng cách không trích dẫn những câu trong đó, ngay cả theo bài tường thuật của báo "Times", Glát-xtơn xác nhận trực tiếp và dứt khoát là tình hình của giai cấp công nhân Anh đã được cải thiện. Chúng tôi đã nhận xét về vấn đề này và đã trích dẫn toàn bộ chỗ đang tranh cãi trong bài tường thuật của báo "Times". Mặc dù thế, Mác nói dối độc giả của mình bằng cách khẳng định rằng chúng tôi muốn cho biết là chúng tôi đã trích dẫn báo "Times" theo bản dịch của ông ta !! Mặt khác, lẽ dĩ nhiên ông ta giấu việc chúng tôi chỉ ra (trong số 28) rằng mâu thuẫn quá quắt, theo ý kiến Mác, giữa lời Glát-xtơn khẳng định là tình hình của giai cấp công nhân Anh đã được cải thiện với những sự thực đã được xác định chính thức, thực ra hoàn toàn không có; trái lại, ông ta lại nhắc lại lời chỉ trích ấy.

Ngoài ra, trong bài trả lời của mình trên báo "Volksstaat" ra ngày 7 tháng Tám, Mác còn đưa thêm hai nhân chứng mới xác nhận mình hiểu đúng bài nói của Glát-xtơn về ngân sách — đó là "Morning Star" và "Morning Advertiser" ngày 17 tháng Tư 1863. Nhưng chúng tôi tuyệt nhiên không cần thẩm tra xem Mác trích dẫn hai bài đó mà không có những sự bóp méo mới hay không [1]. Vì những tờ báo này, ngay cả trong cách truyền đạt của ông ta, cũng nói có lợi cho chúng tôi. Sau khi nói, theo cả hai báo ấy, rằng mình không nghĩ là sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt *ấy* đóng khung ở những giai cấp ở vào điều kiện thuận lợi, Glát-xtơn nói tiếp:"Sự gia tăng giầu có to lớn *ấy hoàn toàn không chú ý* đến tình hình của dân cư lao động. Sự gia tăng đã được *nhắc tới* là sự gia tăng hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp hữu sản". Ý nghĩa và việc dùng các từ *"chú ý"* chỉ rõ rằng sự gia tăng *ấy* và

1) — Chú thích bổ sung khi tái bản: Và ở đây Mác cũng đã vứt đi chính những câu mà ông ta đã viết khi truyền đạt bài tường thuật của báo "Times". Xin xem phần đầu của cả hai bài tường thuật.*(Chú thích của Bren-ta-nô.)*

sự tăng lên đã được nhắc đến ngụ ý tăng thêm và việc nhắc tới có thể xét đoán trên cơ sở các số liệu về thuế thu nhập.

Nhưng việc viện dẫn hai nhân chứng hờ ấy chẳng qua là việc khoác lác về sự uyên bác của mình cốt để duy trì niềm tin của độc giả báo "Volksstaat" vào nhà tiên tri của mình. Bài viết của Mác trên báo "Volksstaat" số ra ngày 7 tháng Tám là một kiểu mẫu nhỏ nhoi về sự khoác lác ấy và đáng được bạn đọc của chúng tôi tự mình tìm hiểu. Chúng tôi phải dẫn ra thêm chỉ một ví dụ về sự khoác lác như vậy để làm cho ông Mác mất khả năng trách cứ chúng tôi là chúng tôi muốn giấu bạn đọc của chúng tôi việc ông ta, trong một điểm thứ yếu, đã uốn nắn chúng tôi. Chúng tôi đã nói rằng ở Anh những người có thu nhập hàng năm dưới 150 p.xt. không phải nộp thuế thu nhập. Ông Mác chế giễu chúng tôi về việc chúng tôi không biết rằng thứ thuế đó chỉ không đánh vào thu nhập dưới 100.p.xt.. Thực ra theo đạo luật năm 1842 tất cả những khoản thu nhập dưới 150 p.xt. đều được miễn thuế, trong khi đó thì vào năm 1843 thuế đánh vào tất thảy mọi thu nhập trên 100 p.xt., song hơn nữa, thu nhập mới bị đánh thuế được hưởng ưu đãi và chịu thuế với tỷ lệ thấp hơn thuế 150 p.xt.trở lên. Rồi vào năm 1863, giai cấp hưởng ưu đãi đã được mở rộng đến thu nhập 200 p.xt., và việc giảm thuế đã được duy trì dưới dạng với mọi thu nhập thấp hơn con số này và dưới 100 p.xt. đều luôn luôn phải trừ đi 60 p.xt., coi là số không bị đánh thuế.

Cuối bài ông Mác nói rằng do thiếu thì giờ mà ông phải chấm dứt vĩnh viễn những quan hệ dễ chịu của ông ta với chúng tôi. Chúng tôi hiểu rằng ông Mác vui lòng sử dụng khả năng đúng xa những người có thể chỉ cho ông ta thấy sự lầm giả của ông ta. Nếu lúc sắp hết ông Mác còn chửi vung lên, thì chúng tôi có thể cam đoan với ông ta rằng đối với đối thủ của ông ta không gì có thể thích thú hơn là việc qua đó thừa nhận rằng ông ta đã bị vạch mặt. Chửi rủa là vũ khí của người không còn phương tiện bảo vệ nào khác.

III
XÉT-LI TAY-LO VÀ Ê-LÊ-Ô-NO-RA MÁC

SỐ 8. SỰ CÔNG KÍCH CỦA X.TAY LO "TIMES",29 THÁNG MƯỜI MỘT 1883

Gửi ông chủ bút báo "Times"

Xin cho phép tôi chỉ ra trên báo "Times" rằng đoạn trích dẫn gây nhầm lẫn lấy từ diễn văn về ngân sách của ông Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 mà một nhà chính luận xuất sắc như giáo sư Ê-min Đơ La-ve-lê đã nhắc lại đưa vào nguồn tư liệu bằng tiếng Đức và được ông ta đăng bài giải thích trong số báo "Times" hôm nay, là thuộc năm 1864 và có trong bản Tuyên ngôn mà Hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế nổi tiếng đã công bố.

Điều đặc biệt đáng kinh ngạc là *giáo sư Bren-ta-nô*(lúc đó làm chủ nhiệm một bộ môn ở Brê-xláp, nay ở Xtơ-ra-xbua) sau tám năm đã vạch trần được trong một tạp chí tiếng Đức sự mala fides[1*] chắc chắn đã thúc đẩy người ta trích dẫn một đoạn của bài diễn văn của Glát-xtơn trong Tuyên ngôn của Quốc tế.

Ông Các Mác, người đã cố bảo vệ cho đoạn trích dẫn với tư cách là tác giả được thừa nhận của Tuyên ngôn, đã bị đánh bại nhanh chóng bằng những đòn tài ba của Bren-ta-nô và ngay trong những cơn giãy giụa đã cả gan khẳng định rằng ông Glát-xtơn đã xào xáo bài tường thuật cho "Han-xác-đơ" sau khi bài nói của ông ta dưới dạng dịch thực xuất hiện trên báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863 và

1* — thiếu lương tâm

ông ta đã vứt bỏ một đoạn làm tổn hại đến thanh danh của ông ta, với tư cách là bộ trưởng tài chính Anh. Khi Bren-ta-nô đã chứng minh bằng cách đối chiếu tỉ mỉ các văn bản rằng hai bài tường thuật của "Times" và của "Han-xác-đơ" trùng khớp nhau, hoàn toàn loại trừ ý tứ mà một số đoạn trích dẫn được chộp lấy một cách khéo léo đem thêm vào lời của Glát-xtơn, thì lúc đó Mác khước từ việc tiếp tục bút chiến lấy cớ là "thiếu thời gian!"

Toàn bộ thư từ qua lại giữa Bren-ta-nô và Mác hết sức đáng được rút ra từ các sưu tập báo chí và xuất bản lại bằng tiếng Anh, vì nó đọi ánh sáng chói lọi lên mức độ đúng đắn trên văn đàn của người thứ hai trong hai người nói trên tham gia cuộc tranh cãi; điều đó đặc biệt cần thiết khi tác phẩm chủ yếu của ông đem lại cho chúng ta, không hơn không kém, với tư cách là kinh phúc âm mới của sự phục hưng xã hội.

Thưa ngài, tôi vẫn là đầy tớ ngoan ngoãn của Ngài.

Xét-li Tay-lo

Trường đại học Tơ-ri-ni-ti,

Căm-brit-giơ, ngày 26 tháng Mười một (1883)

Bài này xuất hiện trên báo "Times" ngày 29 tháng Mười một 1883. Ngày 30 tháng Mười một, con gái út của Mác, Ê-lê-ô-no-ra, đã gửi bài trả lời của mình cho báo "Times". Bài trả lời không được đăng. Bức thư thứ hai – gửi chủ bút – cũng chịu số phận như vậy. Lúc đó Ê.Mác tìm đến "Daily News", lại hoài công. Bà bèn công bố cả bài chỉ trích Xét-li Tay-lo lẫn bài trả lời của mình trong nguyệt san xã hội chủ nghĩa "To-Day" số tháng Hai 1884. Chúng tôi xin dẫn ra ở đây bài trả lời của bà [180].

SỐ 9. BÀI TRẢ LỜI CỦA Ê-LÊ-Ô-NO-RA MÁC

"To-day", tháng Hai 1884

Gửi ông chủ bút báo "Times"

Trên báo "Times" số ra ngày 29 tháng Mười một, Xét-li Tay-lo nhắc đến một đoạn trích dẫn nào đó lấy từ bài nói của Glát-xtơn

"thuộc năm 1864 và có trong bản Tuyên ngôn do Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế nổi tiếng công bố".

Rồi ông tiếp tục (tiếp theo tôi trích dẫn thư của Tay-lo từ "Điều đặc biệt đáng kinh ngạc" đến "thiếu thời gian").

Mặt thực tế của vấn đề nói vắn tắt như thế này. Đoạn trích dẫn được nhắc tới gồm mấy câu lấy từ bài nói về ngân sách của ông Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863. Sau khi ông Glát-xtơn mô tả sự gia tăng giàu có phi thường diễn ra ở nước này giữa năm 1853 và 1861, ông ta bị gán câu sau đây:

"Sự gia tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản".

Tác giả nặc danh mà giờ đây hóa ra là giáo sư Bren-ta-nô đã in trong tạp chí tiếng Đức "Concordia" số ra ngày 7 tháng Ba 1872 bài trả lời trong đó có nói:

"Câu này không tìm đâu ra trong bài nói của Glát-xtơn. Mác, về hình thức và về thực chất, đã bịa thêm câu này".

Đó là điểm duy nhất của cuộc tranh cãi giữa cha tôi và đối thủ nặc danh.

Trong những bài trả lời của mình trên báo Lai-pxích "Volksstaat" số ra ngày 1 tháng Sáu và 7 tháng Tám 1872, Mác trích dẫn những bài tường thuật sau đây về bài nói của Glát-xtơn.

"Times", ngày 7 tháng Tư:

"Sự gia tăng mà tôi vừa mô tả dựa trên những số liệu mà theo tôi là hoàn toàn chính xác, là sự gia tăng hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản".

"Morning Star", ngày 17 tháng Tư:

"Sự gia tăng đó là sự tăng lên hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp nắm giữ tài sản".

"Morning Advertiser", ngày 17 tháng Tư:

"sự gia tăng hoàn toàn đóng khung ở những giai cấp có tài sản".

Bren-ta-nô nặc danh "trong lúc giấy chết" "nhanh chóng bị giết

chết" bởi "những đòn tài ba" của ông ta, đã cố gắng tìm sự bảo vệ trong lời khẳng định ở những tình huống tương tự như vậy rằng, nếu ngay cả đoạn trích dẫn không bị làm giả, nó vẫn "gây nhầm lẫn", "bị chi phối bởi mala fides","được chộp lấy một cách khéo léo" v.v..Tôi e rằng "Ngài không dành chỗ cho tôi để đáp lại sự chỉ trích ấy của ông Bren-ta-nô, giờ đây, 11 năm sau, được ông Tay-lo lập lại. Và lại, có thể, điều đó sẽ không cần thiết vì ông Tay-lo nói:

"Toàn bộ thư từ qua lại giữa Bren-ta-nô và Mác hết sức đáng được rút ra từ các sưu tập báo và tái bản bằng tiếng Anh".

Tôi rất hoan nghênh việc đó. Qua việc đó ký ức về cha tôi chỉ có lợi mà thôi. Còn về việc các bài tường thuật trên báo về bài nói có khác với bài tường thuật của "Han-xác-đơ" thì tôi xin dành việc giải quyết vấn đề ấy cho những người quan tâm hơn cả đến điều này.

Trong số hàng ngàn, hàng vạn đoạn trích dẫn trong các tác phẩm của cha tôi, đó là đoạn trích dẫn duy nhất mà độ chính xác của nó có hồi bị tranh cãi. Khá tiêu biểu là việc các giáo sư kinh tế học thường xuyên quay lại trường hợp đơn lẻ và không hoàn toàn thành công này. Diễn đạt bằng lời của ông Tay-lo,

"nó rọi ánh sáng chói lọi lên mức độ đúng đắn về mặt văn chương của người cuối cùng trong số những người tham gia tranh cãi ấy" (của Mác); "điều đó đặc biệt cần thiết khi tác phẩm chủ yếu của ông đem lại cho chúng ta, không hơn không kém, với tư cách là kinh phúc âm mới của sự phục hưng xã hội".

Thưa ngài, tôi vẫn là đầy tớ ngoan ngoãn của Ngài.

Ê-lê-ô-no-ra Mác.

Luân Đôn, ngày 30 tháng Mười một 1883

SỐ 10.LỜI PHẢN BÁC CỦA X.TAY-LO

"To-Day", tháng Ba 1884

Gửi ban biên tập báo "To-Day"

Thưa các ngài ! Không ai có thể lấy làm tiếc hơn tôi về việc bà Mác bị từ chối công bố bài trả lời của bà, điều mà bà có quyền hiển nhiên như vậy. Song tôi hoàn toàn không tán thành ý kiến của bà cho rằng "điểm tranh cãi duy nhất" giữa tiến sĩ Mác và giáo sư Bren-ta-nô là có hay không một câu nào đó trong bài nói của ông Glát-xtơn. Theo quan điểm của tôi, vấn đề này đóng vai trò hoàn toàn thứ yếu so với vấn đề: đoạn trích dẫn được nhắc tới đưa ra với ý định truyền đạt ý tứ lời ông Glát-xtơn hay là xuyên tạc nó.

Lẽ dĩ nhiên, trong thư này hoàn toàn không thể thảo luận nội dung cuộc tranh cãi rộng lớn giữa Bren-ta-nô và Mác mà không choán nhiều chỗ không được phép trong tạp chí của các Ngài. Nhưng vì bà Mác viết trên báo của các Ngài đã công khai gọi quan điểm mà tôi phát biểu là "sự vu khống" và "bài nhục mạ" [1] nên tôi buộc phải xin các Ngài in thành hai cột song song hai đoạn trích dẫn sau đây, căn cứ vào đó độc giả của các Ngài tự mình sẽ có khả năng xét đoán xem trong tác phẩm lớn "Tư bản" của mình, tiến sĩ Mác trích dẫn trung thực hay không trung thực bài nói về ngân sách năm 1863. Những người đọc các bức thư trong số thư của ông với ông Bren-ta-nô sẽ hiểu vì sao tôi sử dụng bài tường thuật của báo "Times" chứ không dùng bài tường thuật của "Han-xác-đơ".

"Times", 17 tháng Tư 1863	*"Tư bản",xb lần thứ 2, tr.678, chú thích 103.*

1) Trong bức thư kèm theo gửi ban biên tập báo "To-Day" không đăng ở đây.*(Chú thích của Ăng-ghen).*

"Trong mười năm, từ năm 1842 đến hết năm 1852, thu nhập chịu thuế của đất nước, theo như chúng tôi có thể xác định chính xác, đã tăng 6%; nhưng trong tám năm, từ năm 1853 đến hết năm 1861, thu nhập của đất nước đã tăng 20%, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc. Đó là một sự thực đáng kinh ngạc đến mức hầu như khó tin...

"Từ năm 1842 đến hết năm 1852, thu nhập chịu thuế của nước này tăng 6% ...

...Trong 8 năm, từ năm 1853 đến hết năm 1861 nó tăng 20%, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc. Sự thực đáng kinh ngạc đến mức hầu như khó tin ...

"...Về phần tôi, tôi phải nói rằng tôi hầu như lo lắng và đau đớn nhìn sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy, nếu tôi cho rằng sự gia tăng ấy chỉ đóng khung ở các giai cấp khá giả. Ở đây hoàn toàn không liên quan gì đến tình cảnh của dân cư lao động. Sự gia tăng mà tôi vừa mô tả dựa trên những số liệu mà theo tôi là hoàn toàn chính xác, chỉ hoàn toàn giới hạn ở các giai cấp hữu sản. Nhưng sự tăng lên của tư bản là một mối lợi gián tiếp đối với công nhân, vì nó làm hạ giá thứ hàng hóa, mà trong quá trình sản xuất nó cạnh tranh trực tiếp với lao động. Song chúng tôi có một sự an ủi sâu sắc và tôi phải nói, đó là vô giá vì trong lúc người giầu trở nên giầu hơn thì người nghèo trở nên đỡ nghèo hơn. Song tôi không dám khẳng định rằng các cực nghèo ít quá đáng hơn trước, *nhưng tình hình người công nhân Anh trung bình — chúng tôi sung sướng được biết điều này — trong 20 năm qua đã được cải thiện, như chúng tôi biết, với mức phi thường mà chúng tôi có thể tuyên bố là hầu như chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại".*

... Sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy ...

... hoàn toàn giới hạn ở các giai cấp hữu sản, nhưng ... nhưng nó ắt phải mang lại mối lợi gián tiếp cả cho dân cư lao động, vì nó làm hạ giá các vật phẩm thông dụng ...

... trong lúc người giầu trở nên giầu hơn thì người nghèo dù sao cũng đỡ nghèo hơn. Song tôi không dám khẳng định rằng các cực nghèo đã giảm".-Bài nói của Glát-xtơn tại hạ nghị viện ngày 16 tháng Tư 1863.

Tôi xin lưu ý đặc biệt nếu ý từ những chỗ tôi nhấn mạnh trong bài tường thuật của báo "Times". Câu *"Về phần tôi, tôi...các giai cấp giầu có"* truyền đạt cho chúng ta biết quan điểm của diễn giả rằng sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng

sốt được mô tả không giới hạn ở những người giầu có. Ở đây quả thật có mâu thuẫn về từ ngữ so với câu tiếp theo: "Sự gia tăng ...các giai cấp hữu sản", nhưng những từ đứng giữa hai câu ấy" ở đây hoàn toàn không liên quan gì đến ... dân cư lao động" cho thấy rằng không thể còn sự nghi ngờ nào về việc ông Glát-xtơn có ý nói gì, cụ thể là những con số mà ông ta dẫn ra dựa trên số liệu về thuế thu nhập, chỉ bao hàm những thu nhập không được miễn thu nhập [1]. Vì vậy chúng hoàn toàn không cho thấy tổng số thu nhập của dân cư lao động đã tăng lên mức nào trong thời kỳ được khảo sát. Câu cuối, từ "những tình hình trung bình" đến hết, giải thích hết sức rõ ràng rằng trên cơ sở những bằng chứng không phụ thuộc vào các số liệu về thuế thu nhập, ông Glát-xtơn thừa nhận sự cải thiện phi thường, hầu như chưa từng có của tình hình trung bình của công nhân Anh là không thể nghi ngờ.

Nhằm mục đích gì mà tiến sĩ Mác xóa hầu như hoàn toàn những chỗ quan trọng ấy, do đó bài tường thuật trên báo đã bị hạ xuống một hình thức đáng ngạc nhiên như được in trong quyển sách của ông ta ? Theo tôi, rõ ràng là nhằm mục đích làm cho bức tranh ghép được tạo ra một cách tùy tiện gồm những từ còn lại của ông Glát-xtơn có thể hiểu theo lối ông này khẳng định rằng tiền kiếm được của dân cư lao động chỉ tăng không đáng kể trong khi thu nhập của các giai cấp hữu sản thì „tăng lên đồ sộ — một cách nhìn bị những chỗ bỏ đi bác bỏ một cách dứt khoát để ủng hộ một điều khẳng định hoàn toàn khác.

Tôi cũng không thể bỏ qua một sự thực là đằng sau cách dịch đoạn trích dẫn bị làm quc quặt này ra tiếng Đức trong văn bản quyển "Tư bản" trực tiếp toát lên, biểu hiện sự ngạc nhiên khinh khi của Mác về những "lời nói lấp lửng thâm hại" chứa đựng trong những từ thể hiện ở cuối câu nói của Glát-xtơn so với sự mô tả trước đó về sự gia tăng giầu có của các giai cấp hữu sản.

Thưa các ngài, tôi vẫn chân thành với các ngài

Xét-li Tay-lo

Trường đại học Tơ-ri-ni-ti,

Cam-brít-giơ, ngày 8 tháng Hai 1884

---

1) Được miễn thuế thu nhập trong những năm 1842-1853 là những thu nhập dưới 150 p.xt., từ năm 1853 là dưới 100 p.xt. *(Chú thích của Bre-ta-nô).*

SỐ 11.BÀI TRẢ LỜI THỨ HAI CỦA Ê-LÊ-Ô-NO-RA MÁC [181]

"To-Day", tháng Ba 1884

Gửi tòa soạn "To-Day"

Thưa các ngài ! Ông Xét-li Tay-lo bác lời khẳng định của tôi rằng khi kẻ vu khống nặc danh tấn công tiến sĩ Mác, điểm tranh cãi duy nhất là ông Glát-xtơn có dùng những từ nào đó hay không. Theo ý ông ta, vấn đề thực ra là

"đoạn trích dẫn được nhắc tới đưa ra với ý định truyền đạt ý tứ lời ông Glát-xtơn hay là xuyên tạc nó".

Trước mặt tôi là bài trong "Concordia" (số 10, ngày 7 tháng Ba 1872): "Các Mác trích dẫn như thế đấy". Trong bài đó, tác giả nặc danh trước tiên trích dẫn Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế, rồi một đoạn trong bài nói của ông Glát-xtơn, toàn văn bài nói đó theo "Han-xác-đơ"; sau đó ông ta tóm tắt chỗ đó theo cách của ông ta và để bản thân ông ta hài lòng; cuối cùng ông ta nói:

"Lợi dụng sự thực là Glát-xtơn viện dẫn điều ấy cốt để đánh giá đúng tầm cỡ của mình, Mác bèn gán cho ông ta lời sau đây: *"Sự gia tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"*. Nhưng câu đó không đâu có trong bài nói của Glát-xtơn. Trong bài đó đã nói điều ngược hẳn lại.172 *hình thức và về thực chất, Mác đã bịa thêm câu đó"*.

Đó là lời chỉ trích, và là lời chỉ trích duy nhất đưa ra để chống Mác. Về thực chất, Người bị chỉ trích là đã xuyên tạc ý tứ của lời ông Glát-xtơn, "bịa thêm" hẳn trọn một câu. Trong bài chỉ trích không có lời nào về những đoạn trích dẫn "gây nhầm lẫn" hoặc "được chộp lấy một cách khéo léo". Vấn đề đơn thuần là ở chỗ "có hay không có một câu nào đó trong bài nói của ông Glát-xtơn".

Một trong hai. Hoặc giả ông Tay-lo đã đọc những bài công kích của ông Bren-ta-nô và những bài trả lời của cha tôi, và trong trường hợp như vậy lời khẳng định của ông Tay-lo hoàn toàn mâu thuẫn với sự thật mà ông ta không thể không biết. Hoặc giả ông ta không đọc những bài đó. Vậy trong trường hợp như vậy thì sao ? Trong trường hợp như vậy, con người ấy, con người gửi những bức thư của mình với ghi chú : Trường đại học Tơ-ri-ni-ti, Cam-brít-giơ, với cớ gánh lấy một công việc độc đáo là phủ nhận sự đứng đắn trên văn đàn của cha tôi đã quá cố bằng một phương thức không khỏi bị quy là "vu khống" nếu ông ta không chứng minh được những lời chỉ trích của mình; ông ta đưa ra lời chỉ trích của mình trên cơ sở cuộc tranh cãi văn chương năm 1872 giữa tác giả nặc danh (mà theo Tay-lo, đó là giáo sư Bren-ta-nô) và cha tôi; bằng những lối nói cháy bỏng, ông ta mô tả "những đòn tài ba" của Ghê-oóc-ghi Chiến thắng – Bren-ta-nô và "những cơn giẫy chết" mà ông ta đã nhanh chóng dẫn con rồng Mác đến đó; với tất cả mọi chi tiết, ông ta có thể thông báo cho chúng tôi về những thắng lợi tiêu diệt, mà Ghê-oóc-ghi Chiến thắng được nhắc tới đạt được "bằng cách đối chiếu tỉ mỉ các văn bản" – và bằng cách đó ông ta đặt tôi vào một tình thế khó xử khiến tôi, do tình nhân ái, đành phải giả định trước rằng ông ta chưa bao giờ đọc lấy một dòng trong số những điều mà ông ta nói đến.

Nếu ông Tay-lo đã đọc nnững bài "tài nghệ" của ông bạn giấu tên của ông ta thì ông ta sẽ tìm thấy trong đó một chỗ như sau:

"Bây giờ chúng ta hỏi: con người có nói dối chỉ trong trường hợp khi người đó nặn ra một điều sai sự thật, hay là anh ta nói dối cả khi nhắc lại điều sai sự thật ấy và khi anh ta biết hoặc phải biết sự thật".

Bren-ta-nô "tài nghệ" và nặc danh bao nhiêu thì đức hạnh cũng nghiêm ngặt bấy nhiêu khi nói như vậy trong bài ông ta phản bác bài trả lời thứ nhất của cha tôi ("Concordia" số 27,

ngày 24 tháng Bảy 1872, tr. 210). Và cũng ở trang ấy, ông ta vẫn khẳng định trước mặt toàn thế giới rằng

"Và theo bài tường thuật của báo "Times", Glát-xtơn đã nói rằng theo ý ông ta, sự gia tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy không đóng khung ở các giai cấp giàu có".

Như vậy, nếu cả Bren-ta-nô dường như hoàn toàn không biết đối tượng tranh cãi thực tế là gì, thì chẳng lẽ ông Xét-li Tay-lo am hiểu điều đó tốt hơn? Trong bức thư của ông ta gửi báo "Times", vấn đề là một đoạn trích dẫn lấy từ Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế. Trong bức thư của ông ta gửi tạp chí "To-Day", vấn đề là đoạn trích dẫn lấy từ quyển "Tư bản". Ở đây vấn đề được chuyển sang một bình diện khác, nhưng tôi không kêu ca về chuyện này. Ông Tay-lo giờ đây dẫn ra một chỗ lấy trong bài của Glát-xtơn như nó đã được trích dẫn ở tr. 678 và 679 quyển "Tư bản", song song với chính chỗ ấy theo bài tường thuật của "Times", chứ không phải của "Han-xác-đơ".

"Bạn đọc các thư của Mác trong số thư từ qua lại với Bren-ta-nô sẽ dễ hiểu vì sao tôi sử dụng bài tường thuật của báo "Times" chứ không dùng bài tường thuật của "Han-xác-đơ".

Nhưng chúng ta đã thấy rằng ông Tay-lo không thuộc số những "bạn đọc" ấy. Vì sao ông ta làm như vậy, điều này có thể dễ hiểu đối với những người khác, chứ chưa chắc đối với chính ông ta, nếu tin vào lập luận của bản thân ông ta.

Dù sao, chúng ta giờ đây đã chuyển từ "Han-xác-đơ" không thể sai lầm đến chính bài tường thuật mà về việc sử dụng nó Bren-ta-nô nặc danh ("Concordia", cũng trang 210 ấy) chỉ trích cha tôi về việc Người sử dụng "những bài tường thuật không tránh khỏi xấu xa trên báo". Một điều không thể nghi ngờ cái "vì sao" của ông Tay-lo ắt phải "dễ hiểu" đối với ông bạn Bren-ta-nô của ông ta.

Đối với tôi, cái "vì sao" ấy thực sự rất dễ hiểu. Những từ mà cha tôi bị chỉ trích là đã bịa thêm ("sự gia tăng hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản") — những từ ấy có trong bài tường thuật của báo "Times", cũng như của những báo hàng ngày khác, trong khi đó thì trong "Han-xác-đơ" chúng chẳng những "được vội và uốn nắn", mà còn "bị vứt đi" hoàn toàn. Sự thực đó đã được Mác xác định. Ông Tay-lo, người mà trong bức thư của mình gửi báo "Times" đã phẫn nộ càng khủng khiếp hơn nữa trước "sự táo tợn" không thể tha thứ như vậy, giờ đây tự mình buộc phải từ bỏ "Han-xác-đơ" không thể lầm lỗi và tìm kiếm sự bảo vệ trong bài tường thuật "không tránh khỏi xấu xa", theo lời Bren-ta-nô, của báo "Times".

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang bản thân đoạn trích dẫn. Ông Tay-lo nhắc chúng ta chú ý đặc biệt đến hai chỗ ông ta nhấn mạnh. Trong đoạn thứ nhất, ông ta đồng ý:

"Ở đây, *đúng là có mâu thuẫn về mặt từ* so với câu sau đây: "Sự gia tăng... ở các giai cấp hữu sản", nhưng những từ "ở đây hoàn toàn không liên quan gì đến ... của dân cư lao động" đứng giữa chúng cho thấy rằng không thể còn một chút nghi ngờ nào về điều ông Glát-xtơn có ý nói" v.v..

Ở đây rõ ràng là chúng ta rơi vào lĩnh vực mục đích luận. Đó là phong cách khá quen biết về cách lý giải chính thống đối với kinh thánh. Chỗ đó thực tế có mâu thuẫn, nhưng nên lý giải nó theo niềm tin chân thực của tín đồ đạo Cơ Đốc thì có thể thấy rõ ràng ý tứ của nó không mâu thuẫn với niềm tin chân thực. Nếu ông Tay-lo lý giải ông Glát-xtơn cũng theo cách như Glát-xtơn lý giải kinh thánh, thì ông ta không thể trông cậy bất cứ người ủng hộ nào, trừ phái chính thống.

Nhưng dù sao ông Glát-xtơn ở trường hợp riêng này hoặc nói bằng tiếng Anh hoặc không. Nếu không thì chẳng có việc trích dẫn nào và việc lý giải nào giúp ích chúng ta cả. Nếu có, thì trong trường hợp như vậy ông ta đã nói rằng ông ta sẽ rất tiếc,

nếu sự gia tăng sức mạnh và giàu có ấy đóng khung ở các giai cấp giàu có, nhưng nó hoàn toàn bị các giai cấp hữu sản hạn chế. Mác đã trích dẫn chính điều đó.

Chỗ thứ hai tiêu biểu cho một trong những câu quá nhảm được lập đi lập lại có thay đổi chút ít trong mỗi bài nói về ngân sách Anh, trừ những thời buổi tồi tệ. Mác đã nghĩ gì về điều này và về toàn bộ bài nói, đoạn trích sau đây rút ra từ bài thứ hai. Người trả lời kẻ vu khống nặc danh cho thấy rõ:

"Sau khi hát bài ca ngợi sự tăng cảnh giàu có tư bản chủ nghĩa, Glát-xtơn chuyển sang giai cấp công nhân. Ông ta tuyệt nhiên không nói rằng giai cấp công nhân đã nhận được phần mình trong "sự gia tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt". Trái lại, theo bài tường thuật của báo "Times", lời tiếp theo mà Glát-xtơn phát biểu là thế này: "Nhưng sự tăng lên của tư bản là một mối lợi gián tiếp đối với công nhân v.v.". Tiếp đến ông ta tự an ủi mình "trong khi người giàu trở nên giàu hơn, thì người nghèo trở nên đỡ nghèo hơn". Cuối cùng, ông ta cam đoan rằng ông ta và bạn bè trong nghị viện đã phát lên của ông ta "rất sung sướng được biết" những điều mà các cuộc điều tra của nghị viện và số liệu thống kê thông báo điều ngược lại, cụ thể là

"tình hình người công nhân Anh trung bình trong 20 năm qua đã được cải thiện, như chúng ta biết, với mức độ phi thường mà chúng tôi có thể tuyên bố là hầu như chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại".

Trước ông Glát-xtơn, tất cả những người tiền nhiệm của ông ta trong các bài nói về ngân sách của mình thường "rất sung sướng" bổ sung việc mô tả sự tăng cảnh giàu có tư bản chủ nghĩa những bài nói tự mãn về sự cải thiện tình hình của giai cấp công nhân. Mặc dù vậy, ông ta vẫn chỉ trích tất cả họ là nói láo, vì giang sơn nghìn năm chỉ đến từ thời ban hành các đạo luật về tự do buôn bán. Song ở đây vấn đề không phải ở tính

chất đúng đắn hay không đúng đắn của những căn cứ Glát-xtơn có để tự an ủi hoặc tự chúc mừng. Vấn đề ở đây đơn thuần là cái gọi là sự cải thiện "phi thường" tình hình của giai cấp công nhân quyết không mâu thuẫn theo ý ông ta, với "sự gia tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản". Trái lại, học thuyết chính thống của những kẻ bào chữa cho tư bản – mà một trong những kẻ bào chữa cho nó được trả công hậu hĩnh nhất là ông Glát-xtơn – chính là ở chỗ phương tiện chắc chắn nhất để công nhân cải thiện tình cảnh của mình là làm giàu cho những kẻ bóc lột mình" ("Volksstaat" số 63, ngày 7 tháng Tám 1872).

Để làm vui lòng ông Tay-lo, chúng tôi xin nói thêm rằng chỗ được nhắc tới lấy từ bài diễn văn của Glát-xtơn được diễn ra toàn bộ trong Tuyên ngôn thành lập ở tr. 5, ngay trước đoạn trích dẫn tranh cãi. Mà chẳng lẽ lúc đầu ông Tay-lo buộc tội Tuyên ngôn không phải về điều đó ? Lẽ nào không thể đòi ông ta chỉ ra tài liệu gốc như không thể nhận được một căn cứ hợp tình hợp lý đó từ Đô-gơ-be ?

"Những mâu thuẫn quá quắt thường xuyên có trong các bài nói về ngân sách của Glát-xtơn" là đối tượng của chú thích 105 ở cùng trang (679) trong quyển "Tư bản" mà ông Tay-lo báo chúng tôi xem. Quả thật, rất giống là theo sự mala fides của mình Mác đặc biệt cố gắng trừ bỏ một trong những mâu thuẫn ấy ! Và trên thực tế Mác không bỏ đi bất cứ điều gì đáng nhắc tới và hoàn toàn không "bịa thêm" điều gì cả. Nhưng Người khôi phục và cứu khỏi quên một câu trong bài nói của Glát-xtơn chắc chắn đã được nói ra nhưng bằng cách nào đó đã có thể biến khỏi bài tường thuật của "Han-xắc-đơ".

Ê-lê-ô-no-ra Mác

IV
ĂNG-GHEN VÀ BREN-TA-NÔ

SỐ 12. TRÍCH LỜI TỰA CỦA ĂNG-GHEN VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ TƯ TẬP I BỘ "TƯ BẢN" CỦA MÁC [182]

Rất nhiều đoạn trích dẫn đòi hỏi phải được xem lại hoàn toàn cho bản tiếng Anh xuất bản gần đây. Chính Ê-lê-ô-no-ra, người con gái út của Mác, đã nhận lấy phần việc đem đối chiếu tất cả các đoạn trích dẫn với nguyên bản, để cho các đoạn trích dẫn bằng tiếng Anh – những đoạn trích dẫn này chiếm phần lớn nhất – sẽ không phải được dịch lại từ tiếng Đức, mà là được lấy trực tiếp từ nguyên bản tiếng Anh. Vậy là tôi đã phải tham khảo đến nguyên bản ấy khi chuẩn bị in lần thứ tư này. Tôi đã tìm thấy một số điểm không chính xác nhỏ: những chỗ chỉ nhầm số trang, một phần là do viết nhầm khi chép lại từ các quyển vở, một phần là do những lỗi ấn loát qua ba lần xuất bản tích lũy lại; những dấu ngoặc kép hay những dấu chấm lửng không đúng chỗ – đó là những lỗi hoàn toàn không thể tránh khỏi khi mà một khối lượng trích dẫn rất lớn đều được chép từ các quyển vở ghi các trích dẫn ra; đây đó có những chỗ chọn không được đạt lắm khi dịch những đoạn trích dẫn. Một số đoạn đã được trích dẫn theo các cuốn vở cũ mà Mác đã ghi chép trong thời gian lưu trú ở Pa-ri 1843 – 1845, khi Mác còn chưa biết tiếng Anh và đọc tác phẩm của các nhà kinh tế học Anh qua những

bản dịch tiếng Pháp, ở những nơi nào mà do hai lần dịch như vậy, ý nghĩa của những đoạn trích có phần nào bị thay đổi – ví dụ như những đoạn trích dẫn Xtiu-ác, I-u-rơ v.v. – thì bây giờ phải sử dụng nguyên bản tiếng Anh. Những điểm không chính xác và sơ suất nhỏ khác thì cũng thế. So sánh bản in lần thứ tư này với các bản trước, bạn đọc sẽ thấy rằng tất cả công việc đối chiếu khó nhọc ấy cũng không mang lại cho quyển sách một sự thay đổi nhỏ nào đáng được nêu lên cả. Chỉ có một đoạn trích dẫn là hoàn toàn không thể tìm lại được, đó là đoạn trích dẫn của Ri-sớt Giôn-xơ (tr. 562 bản in lần thứ tư, chú thích 47); chắc rằng Mác đã viết nhầm tên sách [183]. Tất cả những đoạn trích dẫn khác đều vẫn giữ nguyên vẹn sức mạnh chứng minh, hay thậm chí còn tăng lên nữa dưới hình thức chính xác hơn hiện nay.

Nhưng ở đây, tôi bắt buộc phải quay trở lại một câu chuyện cũ.

Tôi chỉ biết có một trường hợp mà người ta đã ngờ vực tính chất chính xác của một đoạn do Mác trích dẫn. Nhưng vì người ta vẫn nêu câu chuyện trích dẫn ấy ngay cả sau khi Mác mất nên tôi thấy không thể bỏ qua được.

Trong tạp chí "Concordia" ở Béc-lin, cơ quan của Liên đoàn những chủ xưởng Đức, ngày 7 tháng Ba 1872 có đăng một bài không ký tên, lấy nhan đề là "Các Mác trích dẫn như thế nào". Tác giả bài đó, bằng một giọng đầy phẫn nộ đạo đức và nhiều danh từ khiếm nhã, đã tuyên bố rằng tuồng như Mác đã xuyên tạc đoạn trích dẫn rút trong bài diễn văn của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 nói về ngân sách (đoạn này được dẫn trong bản Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế năm 1864 và được nhắc lại trong "Tư bản", t.I, tr. 617 bản in lần thứ tư, tr. 671 bản in là thứ ba). Tác giả bài đó nói rằng trong bản tường thuật tốc ký (nửa chính thức) của tập "Han-xác-đơ", không

hề thấy có câu mà Mác đã dẫn: "sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy... chỉ hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản". "Nhưng trong bài diễn văn của Glát-xtơn hoàn toàn không có câu đó. Trong bài diễn văn đó đã nói điều ngược lại" (và tiếp đó, bằng chữ đậm nét): *"Mác đã bịa thêm câu ấy vào, cả về hình thức lẫn thực chất"*.

Mác đã nhận được số báo "Concordia" ấy trong tháng Năm và đã trả lời tác giả vô danh trên tờ "Volksstaat" số ngày 1 tháng Sáu. Vì ông không nhớ rõ là mình đã trích dẫn theo bài tường thuật của báo nào, cho nên thoạt tiên ông chỉ giới hạn trong việc chỉ ra một lời trích dẫn tương tự như thế ở trong hai xuất bản phẩm tiếng Anh, rồi sau đó ông trích dẫn bài tường thuật của tờ "Times", theo đó thì Glát-xtơn đã nói:

"Xét về của cải của đất nước này thì tình hình là như vậy. Về phần tôi, tôi phải thừa nhận rằng tôi hầu như lo lắng và đau đớn thấy sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy, nếu như tôi tin rằng điều đó chỉ đóng khung ở các giai cấp khá giả. Ở đây hoàn toàn không liên quan gì đến tình cảnh của dân cư lao động. Sự gia tăng mà tôi vừa mô tả dựa trên những số liệu mà theo tôi là hoàn toàn chính xác, chỉ hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản".

Như thế là ở đây Glát-xtơn nói rằng ông ta sẽ lấy làm đau lòng nếu như sự việc sẽ như thế, nhưng sự việc chính là như thế: sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy chỉ hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp có của. Còn về tập "Han-xác-đơ" bán chính thức thì Mác đã nói ở đoạn sau đó: "Ở đây, trong bản in loạt bài diễn văn đã xào xáo lại sau đó của ông ta, ông Glát-xtơn đã khôn khéo vứt bỏ một đoạn hiển nhiên sẽ làm tổn hại đến ông ta với tư cách là bộ trưởng tài chính Anh. Vả lại, đó là một tục lệ cổ truyền của nghị viện Anh, chứ tuyệt nhiên

không phải là một sự bịa đặt của chú bé La-xke-rơ nhằm chống lại Bê-ben".

Nhưng tác giả nặc danh lại ngày càng tức giận thêm. Trong bài trả lời ("Concordia", ngày 4 tháng Bảy), khi bác bỏ tất cả những nguồn tài liệu không phải là tài liệu gốc, tác giả ấy nhấn mạnh một cách trong trắng rằng theo "tập quán" thì, người ta chỉ căn cứ vào bản tường thuật tốc ký để trích dẫn những bài diễn văn ở nghị viện; nhưng anh chàng ấy lại quả quyết rằng bài tường thuật của "Times" (trong đó có câu "bịa thêm" ấy) và bài tường thuật của "Han-xác-đơ" (trong đó không có câu ấy) "là hoàn toàn nhất trí với nhau về nội dung", rằng bài tường thuật của tờ "Times" cũng có một lời tuyên bố "hoàn toàn trái ngược với đoạn nổi tiếng của bản Tuyên ngôn thành lập", hơn nữa ngài tác giả ấy lại cẩn thận ỉm đi một sự việc là: bên cạnh lời tuyên bố tuồng như "hoàn toàn trái ngược" ấy, thì lại có đúng "cái đoạn nổi tiếng" ấy. Tuy vậy, gã nặc danh cảm thấy mình bị dồn vào góc tường và chỉ có một thủ đoạn khác mới có thể giải nguy cho hắn được. Trong khi bài báo của hắn, đầy rẫy một sự 'đối trá láo xược" như chúng tôi vừa mới chứng minh, được hắn tô điểm bằng những lời chửi bới dạy đời như loại "mala fides [1*]", "không thành thật", "trích dẫn gian dối", "lời trích giả dối", "một sự đối trá láo xược", "đoạn trích dẫn hoàn toàn bị xuyên tạc", "sự xuyên tạc đó", "thật là vô sỉ" v.v., thì hắn lại khéo léo tìm cách đưa vấn đề tranh luận sang địa hạt khác và hứa hẹn rằng "trong một bài báo thứ hai, sẽ trình bày ý nghĩa những lời nói của Glát-xtơn theo cách hiểu của chúng tôi" (tức là của gã nặc danh "không gian dối"). Làm như thế là cái ý kiến vô nghĩa của hắn có một chút ý nghĩa nào đó đối với sự việc! Bài báo thứ hai đã được đăng trên tờ "Concordia" ngày 11 tháng Bảy.

1* - không có lương tâm

Mác lại trả lời một lần thứ hai trên tờ "Volksstaat" ngày 7 tháng Tám; lần này ông lại dẫn đoạn nói trên theo các báo "Morning Star" và "Morning Advertiser" số ngày 17 tháng Tư 1863. Theo cả hai nguồn này thì Gát-xtơn đã nói rằng ông ta sẽ nhìn tình trạng tăng thêm sự giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy với một niềm lo lắng v.v., nếu như ông ta tin rằng nó thật sự chỉ *đóng khung* trong các giai cấp khá giả (classer in easy circumstances), nhưng sự tăng thêm ấy chỉ hoàn toàn giới hạn trong các giai cấp có của (entirely confined to classes possessed of property). Như vậy là cả hai bài tường thuật này cũng đều lập lại từng chữ cái câu mà dường như Mác đã "bịa thêm" vào. Sau đó, bằng cách đối chiếu các bài của tờ "Times" và "Han-xác-đơ" Mác lại xác định một lần nữa rằng câu nói ấy được nhắc lại trong những bài tường thuật giống nhau của ba tờ báo xuất bản sáng ngày hôm sau và độc lập đối với nhau là có thật; câu nói ấy không có trong bài tường thuật của "Han-xác-đơ" là bài diễn giả duyệt lại theo cái "tập quán" mà ta đã biết, và nói theo lời của Mác thì đã bị Glát-xtơn "sau đó đánh cắp mất"; để kết thúc, Mác tuyên bố rằng ông không có thì giờ luận chiến với gã nặc danh ấy nữa. Còn về phía gã nặc danh thì hình như hắn cũng cảm thấy thế cũng đủ cho hắn rồi, và ít ra thì Mác cũng không nhận thêm một số "Concordia" nào nữa.

Vụ này như thế tưởng là xong và đã đi vào dĩ vãng . Dành rằng, có một hay hai lần chúng tôi được nghe những lời xầm xì bí mật, do những người có quan hệ với trường đại học tổng hợp Cam-brít-giơ truyền đi , về một tội văn chương tầy đình mà hình như Mác đã phạm phải trong bộ "Tư bản"; nhưng mặc dầu tất cả những sự tìm tòi của chúng tôi, chúng tôi vẫn tuyệt nhiên

không biết được điều gì cụ thể hơn cả. Nhưng đến ngày 29 tháng Mười một 1883, tám tháng sau khi Mác mất, tờ "Times" đăng một bức thư gửi từ Học viện Chúa ba ngôi ở Cam-brít-giơ và ký tên Xét-li Tay-lo. Trong bức thư ấy, cái con người làm công tác tuyên truyền cho một phong trào hợp tác xã hiền lành nhất này, cuối cùng bỗng nhiên đã cho chúng tôi biết rõ không những về những lời gièm pha của trường Cam-brít-giơ, mà cả về gã giấu tên trên tờ "Concordia" nữa.

Anh chàng ở trường đại học Tô-ri-ni-la viết: "Điều đặc biệt đáng kinh ngạc là giáo sư Bren-ta-nô (lúc đó làm chủ nhiệm một bộ môn ở Brê-xláp, nay ở Xtơ-ra-xbua) đã ...vạch trần được sự mala fides chắc chắn đã thúc đẩy người ta trích dẫn một đoạn của bài diễn văn của Glát-xtơn trong "Bản Tuyên ngôn" (thành lập) của Quốc tế. Ông Các Mác, người ...cố bảo vệ cho đoạn trích dẫn ấy đã bị đánh bại nhaãn chóng bằng những đòn tài ba của Bren-ta-nô và ngay trong những cơn giãy chết (deadly shifts) đã cả gan khẳng định rằng ông Glát-xtơn đã xào xáo bài tường thuật cho "Han-xác-đơ" sau khi bài nói của ông ta dưới dạng đích thực xuất hiện trên báo "Times" số ra ngày 17 tháng Tư 1863, và ông ta đã vứt bỏ một đoạn làm tổn hại đến ông ta với tư cách là bộ trưởng tài chính Anh. Khi Bren-ta-nô đã chứng minh — bằng cách đối chiếu tỉ mỉ các văn bản — rằng hai bài tường thuật của "Times" và của "Han-xác-đơ" trùng khớp nhau, hoàn toàn loại trừ ý tứ mà một số đoạn trích dẫn được chộp lấy một cách khéo léo đem thêm vào lời của Glát-xtơn, thì lúc đó Mác khước từ việc tiếp tục bút chiến, lấy cớ là thiếu thời gian !"

"Té ra sự việc như thế đó !"[1*] Trong trí tưởng tượng theo chủ nghĩa hợp tác xã sản xuất của trường Cam-brít-giơ, cuộc luận chiến giấu tên của ông Bren-ta-nô trên tờ "Concordia" đã mang một vẻ đẹp tuyệt vời như thế đấy. Đấy, ngài đang đứng như thế đó, ngài Ghê-oóc-ghi chiến thắng ấy của Liên đoàn những

1* Gơ-tơ "Phau-xtơ", phần I, màn ba ("Phòng làm việc của Phau-xtơ").

chủ xướng Đức, rồi ngài vung kiếm lên[1*], giáng "những ngọn đòn tài ba", còn Mác, con rồng âm ty ấy, thì đang hấp hối "một cách nhanh chóng trong cơn giẫy chết" ở dưới chân ngài như thế đấy!

Tuy nhiên, tất cả sự mô tả trận đấu theo kiểu A-ri-ô-xtô ấy chẳng qua chỉ dùng để che đậy con đường tẩu thoát của ngài Ghê-oóc-ghi chiến thắng của chúng ta thôi. Ở đây, người ta không còn nói đến "đoạn bịa thêm vào một cách gian dối", đến "sự xuyên tạc", mà chỉ nói đến "đoạn trích dẫn bị tách ra một cách khôn khéo" (craftily isolated quotation) thôi. Người ta đã chuyển toàn bộ vấn đề sang một bình diện khác và ngài Ghê-oóc-ghi chiến thắng cùng chú bộ hạ của ông ta ở trường Cam-brít-giơ cũng đã thừa hiểu vì sao.

Ê-lê-ô-no-ra Mác đã trả lời Tay-lo trong tờ nguyệt san "To-Day" số tháng Hai 1884, vì tờ "Times" không nhận đăng bài này. Trước hết, Ê-lê-ô-no-ra kéo cuộc tranh luận vào vấn đề duy nhất đang tranh cãi: có thật là Mác đã "bịa thêm" câu nói trên đây hay không? Về điểm này, ông Xét-li Tay-lo trả lời rằng theo ông ta thì trong cuộc tranh cãi giữa Mác và Bren-ta-nô

"vấn đề xét xem câu đó có hay không có trong bài diễn văn của ông Glát-xtơn chỉ có một ý nghĩa hoàn toàn thứ yếu so với vấn đề xét xem đoạn được trích với ý đồ nào: truyền đạt ý tứ lời ông Glát-xtơn hay là xuyên tạc nó".

Tiếp đó Xét-đi Tay-lo đồng ý rằng bài tường thuật của tờ "Times" "quả là có mâu thuẫn trong lời văn", nhưng nếu người ta giải thích toàn bộ bài văn một cách đúng đắn, nghĩa là giải thích theo nghĩa của phái Glát-xtơn, tức là của phái tự do,thì

1* Lấy lại lời của Phan-xtáp lấy từ kỳ sự kịch của Sếch-xpia "Vua Hen-ri IV" (phần I, hồi II, màn thứ tư).

cũng sẽ nêu rõ được cái ý mà ông Glát-xtơn muốn nói ("To- Day", tháng Ba 1884). Điều khôi hài nhất ở đây là anh chàng ở trường Cam-brít-giơ ấy bây giờ lại cố tình trích dẫn bài văn không phải theo tập "Han-xác-đơ"- điều mà gã giấu tên Bren-ta-nô coi là một "tập quán" – mà lại trích dẫn theo bài tường thuật của tờ "Times", bài tường thuật đã bị chính anh chàng Bren-ta-nô ấy coi là "nhất định có sự sơ suất". Tất nhiên là hắn không thể nào làm khác đi được, vì câu nói chết người ấy *không* có trong tập "Han-xác-đơ" !

Cũng trong số "To-Day" đó Ê-lê-ô-no-ra Mác đã đập tan luận điệu ấy một cách dễ dàng. Một trong hai. Hoặc giả là ông Tay-lo đã đọc bài luận chiến năm 1872, như thế thì bây giờ ông ta đã "nói dối", không những bằng cách "bịa thêm" một điều trước kia không có, mà còn bằng cách "phủ nhận" một điều trước kia đã có. Hoặc giả là ông ta hoàn toàn không đọc bài đó. Như thế thì ông ta có trách nhiệm cầm mồm đi. Dù sao thì rõ ràng ông ta cũng không dám ủng hộ lời buộc tội của ông bạn Bren-ta-nô của ông ta nữa, lời buộc tội cho rằng Mác đã "bịa thêm" đoạn trích dẫn. trái lại, bây giờ người ta buộc tội không phải vì Mác "bịa thêm" mà là đã bỏ đi một câu quan trọng. Nhưng chính câu ấy đã được dẫn ra ở trang 5 của bản Tuyên ngôn thành lập, ở mấy dòng trước câu bị coi là "bịa thêm" ấy. Còn về "mâu thuẫn" trong bài diễn văn của Glát-xtơn thì phải chăng chính Mác chứ chẳng phải ai khác (ở tr.618 bộ "Tư bản", chú thích 105, tr.672 bản in lần thứ ba) đã nói đến những "mâu thuẫn trắng trợn thường xuyên trong các bài diễn văn của Glát-xtơn về ngân sách đọc trong những năm 1863 và 1864"! Chỉ có điều là Mác không muốn giải quyết những mâu thuẫn ấy à la Xét-li Tay-lo, bằng một sự thỏa hiệp theo kiểu phái tự do nhằm làm thỏa mãn tất cả mọi người. Và đây là câu kết luận tóm tắt bài trả lời của Ê-lê-ô-no-ra Mác:"Thực tế, Mác đã không bỏ qua bất cứ cái gì đáng được nhắc tới, cũng quyết không "bịa thêm" bất cứ cái gì cả. Ông chỉ khôi

phục lại một câu trong bài diễn văn của Glát-xtơn và cứu nó khỏi sự quên lãng ... mà không còn nghi ngờ gì nữa, câu đó đã được nói ra, nhưng bằng một cách nào đó nó đã biến khỏi bài tường thuật của tập "Han-xác-đơ"".

Sau vụ này, cả ông Xét-li Tay-lo cũng im bặt nốt, và kết quả của tất cả những âm mưu giáo sư ấy, kéo dài trong hai mươi năm trời, qua hai nước lớn, là làm cho không ai còn dám đụng đến tính chân thực trong các tác phẩm của Mác nữa. Có lẽ từ nay về sau, ông Xét-li Tay-lo cũng không còn tin vào những bản tin chiến sự trên mặt trận văn chương của ông Bren-ta-nô nữa, còn ông Bren-ta-nô thì cũng không còn tin như vậy vào sự thần thánh không thể sai lầm của tập "Han-xác-đơ" nữa.

Ph.Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 25 tháng Sáu 1890

SỐ 13. BÀI TRẢ LỜI CỦA BREN-TA-NÔ

"Cuộc bút chiến của tôi với Các Mác", Béc-lin, 1890, tr. 3-5

Ngày 28 tháng Chín 1864, ở Luân Đôn, tại Hội trường Xanh-Mác-tin, Long-Ay-cro đã diễn ra cuộc họp công khai, có người Anh, người Đức, người Pháp, người Ba Lan và người I-ta-li-a dự. Các Mác đã đưa ra hội nghị này bản Điều lệ tạm thời của tổ chức công nhân quốc tế sắp thành lập, cũng như bản Tuyên ngôn thành lập của tổ chức này do ông ta soạn thảo. Cả hai văn kiện đều được nhất trí thông qua, và Tuyên ngôn thành lập đã tỏa khắp thế giới. Trong Tuyên ngôn có một đoạn trích dẫn lấy từ bài nói về ngân sách của Glát-xtơn ngày 16 tháng Tư 1863 đã gây nên sự chú ý nhiều hơn tất cả những số liệu chứa đựng trong đó:

"Lóa mắt trước sự nhảy múa của các con số thống kê trong các bài tường thuật về "sự tiến bộ của dân tộc", bộ trưởng tài chính thốt lên trong sự hân hoan man rợ:"Từ năm 1842 đến hết năm 1852, thu nhập chịu thuế của đất nước tăng 6%, trong tám năm, từ năm 1853 đến hết năm 1861, nếu lấy thu nhập năm 1853 làm gốc, nó

đã tăng 20%! Sự thực đáng kinh ngạc đến mức hầu như khó tin!.. Sự gia tăng giầu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy", — ông Glát-xtơn nói thêm, — "hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp hữu sản"".

Mùa đông 1871/72 bận chuẩn bị tập thứ hai tác phẩm "Các hàng hội công nhân hiện đại"[184] của tôi, tôi đã phải nghiên cứu (so sánh sđd, t. II.tr. 241) xem lý lẽ được nhắc đi nhắc lại thường xuyên rằng việc tiền lương được nâng cao làm cho cầu về lao động sau này giảm đi, phù hợp với thực tế đến mức nào. Trong mấy chục năm trước đó, lý lẽ ông luôn luôn đưa ra để chống các công đoàn Anh khi họ đòi tăng lương. Lúc bấy giờ tôi nhớ lại đoạn trích dẫn lấy từ bài nói về ngân sách của Glát-xtơn. Nhưng tôi thấy không thể viện dẫn Tuyên ngôn của Quốc tế và một chỗ tương ứng trong bộ "Tư bản" của Mác, t. I, 1867, tr. 639, như nhiều người khác đã làm. Tôi lấy bài tường thuật tốc ký về bài nói của Glát-xtơn về ngân sách và thấy rằng trong bài tường thuật này có trình bày việc tiền lương tăng trong thời kỳ 1842 — 1861 không hề kìm hãm sự gia tăng thu nhập của những người hữu sản và không mảy may giảm cầu của họ về lao động, song ngược hẳn với lời khẳng định của Các Mác. Glát-xtơn đã nói: "Những con số mà tôi đưa ra, ít chú ý hoặc hoàn toàn không chú ý tình hình của những người không đóng thuế thu nhập... tài sản của dân cư lao động và sự gia tăng thu nhập của họ... Nhưng nếu chúng ta xét trung bình tình hình của người công nhân Anh, dù là nông dân hay công nhân khai khoáng, được đào tạo hay không được đào tạo, thì chúng ta đều sẽ thấy qua vô vàn bằng cứ không thể nghi ngờ rằng trong hai mươi năm qua tư liệu sinh hoạt của họ đã tăng lên với mức chúng ta có căn cứ coi nó là sự tăng lên hầu như chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và tất cả các thời đại".

Do ý nghĩa to lớn của câu trích dẫn từ bài nói của Glát-xtơn đối với lời khẳng định của những người dân chủ — xã hội rằng trong khuôn khổ chế độ nhà nước và chế độ xã hội đang tồn tại, người giầu nhất định ngày càng giầu hơn, còn người nghèo thì nhất định ngày càng nghèo hơn, nên tôi xin tòa soạn báo "Concordia" xuất bản ở Béc-lin "Tạp chí về vấn đề công nhân" lưu ý đến sự giả mạo ở đây. Tòa soạn đã đề nghị tôi viết bài về điều này, bài viết xuất hiện trên báo "Concordia" ngày 7 tháng Ba 1872. Bài không phải do tôi viết; làm như vậy, một mặt, theo ý của tòa soạn muốn giữ danh giá cho tờ báo của nó, mặt khác, tôi càng ít có thể phản bác điều đó, vì sau cuộc bút chiến văn chương mà Mác đã tiến hành trước kia, có thể lường trước rằng cả lần này nữa Mác sẽ tới tấp đổ lên đầu đối thủ của mình những lời xúc phạm cá nhân và vì thế sẽ thú vị nếu để ông ta không biết về bản thân đối thủ của mình.

Sau một phần tư năm, Mác trả lời trên báo "Volksstaat". Qua sự tiếp diễn của

cuộc bút chiến chúng ta thấy rằng Mác không tự mình giả mạo, mà vay mượn đoạn trích dẫn giả mạo từ bài nhục mạ xuất hiện nặc danh vào năm 1864 với nhan đề "Lý thuyết về thị giá ký phiếu. Luật ngân hàng năm 1844. Việc lạm dụng nguyên tắc trao đổi bằng tiền kim loại nhân sự giảm giá. Nghị viện được phản ánh trong các cuộc thảo luận, phụ lục cho cuốn "Sổ giao dịch và việc hủy bỏ đạo luật của huân tước Gi. Béc-na-đơ"", Luân Đôn, T. Cốt-li Niu-bi, 30, Uên-bếch-xtơ-rít, 1864. Tác phẩm này của Téc-xi-tơ bướng bỉnh phần khá lớn gồm những đoạn trích dẫn đã bị xuyên tạc lấy từ các tác phẩm kinh tế chính trị học và bài nói chêm những bài thơ và những lời bình luận khác bằng tiếng La-tinh, tiếng Anh và tiếng Pháp dùng để chế giễu. Với tính chất như vậy, đi nhiên là quyển sách vẫn hoàn toàn không ai biết.

Nếu bây giờ Mác quả là đã thừa nhận rằng ông bị quyển sách ấy lừa và sau việc đó ông sẽ dẫn ra một đoạn trích dẫn đúng, thì đúng là sẽ có thể ngạc nhiên về việc ông ta dựa vào những nguồn tư liệu như vậy, nhưng sai lầm ít ra sẽ được sửa chữa. Song ở ông ta không hề có chuyện ấy. Hơn nữa, một khi Tuyên ngôn thành lập đã được phổ biến rộng rãi, việc gạt bỏ một điểm sáng ngời đó do phải sửa một đoạn trích dẫn e sẽ gây tổn thất lớn cho tuyên truyền. Vì rằng một trong những phương tiện tuyên truyền chủ yếu của đảng dân chủ — xã hội là việc các đại biểu của nó coi mình là những người duy nhất nắm bắt chân lý khoa học và, như đại hội ở Ha-lơ đã cho thấy, họ sẵn sàng buộc tội mình là tuy ý thức được tính chất sai lầm của quy luật sắt của tiền lương nhưng vẫn sử dụng nó chỉ làm phương tiện tuyên truyền hơn là thừa nhận sai lầm của mình. Vì thế lẽ ra phải bỏ đoạn trích dẫn của mình, Mác lại cố gắng chứng minh rằng Glát-xtơn xào xáo lũi ngày bài tường thuật tốc ký bài diễn văn của mình về ngân sách; ông ta giờ đây chữa những lời thô bạo của cuộc bút chiến khôi hài của mình vào công kích một chủ xưởng giả định, mà với sự giúp đỡ của một ông bạn làm ăn người Anh muốn trêu chọc ông ta chút ít, và khi đã chứng minh rằng cả báo "Times" trong số ra sáng mai, sau cái buổi tối mà Glát-xtơn đọc bài diễn văn của mình, đã đăng bài tường thuật về diễn văn này, về ý tứ trùng khớp với bài tường thuật tốc ký, ông ta hành động, như tòa soạn báo "Concordia" đã viết, giống con mực phun dịch đen vào nước để làm đục nước và làm cho đối thủ của mình khó truy đuổi, nghĩa là ông ta ra sức cố gắng làm tối đối tượng tranh cãi, moi móc những điều vô vẫn không có ý nghĩa gì, và cuối cùng, ông ta lẻn đi, tuyên bố rằng vì "thiếu thời gian" nên "ông ta không thể tiếp tục cuộc bút chiến này". Và lúc còn sống, ông ta không trả lời bài của tôi đăng trên báo "Concordia" số ra ngày 22 tháng Tám 1872 phê phán bài trả lời thứ hai của ông ta.

Việc tôi là tác giả những bài trên báo "Concordia" số ra ngày 7 tháng Ba, 4 và 11 tháng Bảy và 22 tháng Tám 1872 thì nhiều người đã biết, và trong lần xuất bản

thứ hai lịch sử đảng dân chủ — xã hội của Me-rinh[185], ra mắt lúc Mác còn sống, tôi đã chính thức được gọi là tác giả của những bài ấy. Xét-li Tay-lo ở Trường đại học Tơ-ri-ni-ti, Căm-brit-giơ, người đã chú ý đến vấn đề này, đã nghiên cứu cuộc bút chiến này và đã viết một bức thư về vấn đề này cho báo "Times". Điều đó đã buộc Ê-lê-ô-no-ra Mác, con gái của Mác lúc đó đã qua đời, phát biểu trong nguyệt san xã hội chủ nghĩa "To-Day" số tháng Ba 1884, bà không chỉ bảo vệ lòng trung thực của cha mình, mà cuối cùng còn nhận xét rằng cha bà đã khôi phục và cứu khỏi quên lãng một câu trong bài diễn văn của Glát-xtơn mà theo bà chắc chắn Glát-xtơn đã nói, nhưng không biết bằng cách nào đó nó đã biến khỏi bài tường thuật tốc ký của "Han-xác-đơ".

Ngay hồi ấy tôi đã có ý đập lại việc khăng khăng bảo vệ đoạn trích dẫn không đúng bằng cách in lại nguyên văn toàn bộ tài liệu bút chiến. Song tòa soạn luôn luôn có quan điểm riêng của mình, một chuyện sau mà tôi cho là thích hợp nhất để làm việc đó so với những tạp chí khác, đã từ chối in lại với lý do là cuộc tranh cãi ấy không được mọi người chú ý. Ăng-ghen thì rõ ràng là có quan điểm khác. Trong lời tựa, do ông chuẩn bị, viết cho bản in xuất bản lần thứ tư tập thứ nhất bộ "Tư bản", ông ta quay trở lại cuộc bút chiến ấy, nhưng thông báo về nó dưới một hình thức mà hiển nhiên là không bộc lộ sự thiếu lương tâm của Mác đã thể hiện trong cuộc bút chiến ấy. Ngoài ra, ông ta vẫn giữ nguyên xi đoạn trong bộ "Tư bản" (t. I, xuất bản lần thứ tư, tr. 617) mà Mác gán cho Glát-xtơn điều ngược lại với điều Glát-xtơn đã nói thực sự; hơn nữa, trong khi ở lần xuất bản thứ nhất Mác chú thích xuất xứ đoạn trích dẫn của mình đơn giản là "Glát-xtơn tại hạ nghị viện ngày 16 tháng Tư 1863", thì lần xuất bản thứ tư lại thêm vào chú thích ấy: "Morning Star", ngày 17 tháng Tư 1863", như thể bài tường thuật của báo đó có đoạn trích dẫn ấy với cách diễn đạt ý như Mác truyền đạt nó! Nhưng cả bài tường thuật của "Morning Star" cũng chứa đựng tất cả những câu mà cuốn sách "Lý thuyết về thị giá ký phiếu" rồi cả Mác đều bỏ đi, những câu cho thấy rằng ở chỗ trong bài diễn văn về ngân sách Glát-xtơn nói đến các số liệu về thuế thu nhập, ông này chỉ nói đến thu nhập của những người đóng thuế, đặt họ đối diện với những người có thu nhập ít hơn mà không phải đóng thuế ấy; rằng trên cơ sở các danh sách thuế thu nhập ông này xác nhận có sự gia tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt và đồng thời nhận xét rằng sự tăng thêm thu nhập được xác nhận trên cơ sở những danh sách ấy chỉ thuộc số những người khá giả, điều đó hoàn toàn tự nhiên vì thu nhập của số người con lại không được đưa vào những danh sách ấy; nhưng ông này không nghĩ rằng sự tăng thêm đó đóng khung ở những giai cấp ấy. Vì qua những nguồn tư liệu khác chúng ta biết rằng đồng thời tình cảnh của người

công nhân Anh đã được cải thiện với mức không đạt được ở bất cứ nước nào và ở bất cứ thời đại nào ...

(Những điều còn lại không liên quan gì đến những lời chỉ trích và đơn thuần là "Phụ lục cho vấn đề" v.v.. - *Ph.Ăng-ghen.*)

SỐ 14. TRÍCH PHỤ LỤC CHO BÀI TRẢ LỜI CỦA BREN-TA-NÔ

a) Trích "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", Luân Đôn, 1864,tr.134.

"Từ năm 1842 đến hết năm 1852 thu nhập chịu thuế của đất nước tăng 6 phần trăm ... Trong tám năm, từ năm 1853 đến hết năm 1861, nếu lấy năm 1853 làm gốc, nó tăng 20 phần trăm ! Người bạn kính mến của tôi nói rằng được như vậy là nhờ vàng của Ô-xtơ-rây-li-a. Tôi rất tiếc là ông ta đã sa vào điều hết sức nhảm nhí về vàng. Sự tăng giàu có và sức mạnh đáng sửng sốt ấy hoàn toàn đóng khung ở các giai cấp có của, nhưng nó ắt đem lại mối lợi gián tiếp cả cho dân cư lao động nữa, vì nó làm giảm giá các vật phẩm tiêu dùng phổ biến — khi người giàu trở nên giàu hơn thì người nghèo dù sao cũng trở nên đỡ nghèo hơn ! Song tôi không dám khẳng định rằng số người cực nghèo đã giảm xuống".

"Voilà l'homme en effet. Il va du blanc au noir,

Il condamne au matin ses sentiments du soir.

Importun à tout autre, à lui même icommode,

Il change à tous moments d' esprit comme de mode" [1*].

"Tình hình của người công nhân Anh trung bình trong 20 năm qua đã được cải thiện như chúng tôi thừa nhận là phi thường và chưa từng có trong lịch sử tất cả các nước và các thời đại, đó là đối tượng của sự thỏa mãn cực kỳ lớn, vì v.v. chưa chắc tiền kiếm được đã đem lại đủ số vật phẩm thiết yếu"...

Để xác định mối liên hệ giữa "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" và những kết luận đã xem xét trong bộ "Tư bản" của Mác (t. I, xuất bản lần thứ 1, tr. 639), cần chú ý điều sau đây. Ở vế đối diện với câu của Glát-xtơn: "Song tôi không dám khẳng định rằng

1* Bản dịch bài thơ, xin xem chú thích 167.

số người cực nghèo đã giảm xuống", Mác đưa ra những số liệu của viện cô nhi Luân Đôn được dẫn ra ở chỗ này lấy từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", để đập lại bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtơn ngày 7 tháng Tư 1864; "Lý luận về thị giá kỳ phiếu" có hai phụ lục trong đó ngân sách năm 1864 cũng được bình luận dưới dạng bổ sung cho những trang được in lại. Ở đây cũng dùng thủ văn phong đã được biết khá rõ qua những điều trước đây. Trong lời bàn ra ngoài đề này chúng tôi tìm thấy một đoạn như sau (tr. 234):

"Nhưng vì bộ trưởng nói hùng hồn về "cảnh nghèo khổ"... "Hãy nghĩ đến những người đang ở bên bờ vực này... Tiền lương ở những ngành khác đúng là không tăng lên... Cứ mười trường hợp thì có chín trường hợp đời sống con người chỉ là cuộc đấu tranh cho sự sống còn"".

Bây giờ chúng ta so sánh Mác (t. I, xuất bản lần thứ 1, tr. 640; xuất bản lần thứ 4, tr. 618) với điều này. Ở đây lại không phải là truyền đạt bản thân bài diễn văn về ngân sách mà cũng vẫn chính là bức tranh ghép bằng những câu được rút ra khỏi mạch văn chung như trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" vậy. Ở đây ông ta vẫn lại không viện dẫn tác phẩm này làm nguồn tư liệu, mà trực tiếp viện dẫn bài diễn văn của Glát-xtơn tại hạ nghị viện ngày 7 tháng Tư 1864. Rồi nói tiếp: "Những mâu thuẫn quá quắt thường xuyên trong các bài diễn văn của Glát-xtơn về ngân sách năm 1863 và 1864 được một nhà văn Anh nhận xét bằng đoạn trích dẫn Mô-li-e sau đây" (tiếp theo là bài thơ bốn câu đã dẫn ra trên đây của Mô-li-e).

Rõ ràng là Mác vay mượn từ quyển sách này không chỉ một đoạn trích dẫn lấy của Mô-li-e, mà cả "những mâu thuẫn quá quắt thường xuyên trong các bài diễn văn về quyển sách của Glát-xtơn" mà tác giả của "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" bịa ra.

---

b) Như đã nói trong lời mở đầu viết cho bản in lại này, trong lần xuất bản thứ tư quyển thứ nhất bộ "Tư bản" của Mác, ở tr. 617, thêm vào câu trích dẫn không đúng như trước lấy từ bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtơn, Ăng-ghen còn viện dẫn tờ "Morning Star" số ra ngày 17 tháng Tư năm 1863. Đoạn tranh cãi trong bài diễn văn này đã được truyền đạt bên trên ở tr.8 — 9 theo bài tường thuật tốc ký của tập "Han-xác-đơ". Tuy ở tr. 13 đã đối chiếu với "Han-xác-đơ" hoàn toàn trùng khớp về ý nghĩa và với bài tường thuật của tờ "Times" có điều cô đọng hơn đối với tờ báo, ở đây chúng tôi vẫn một lần nữa đối chiếu bài tường thuật của báo "Times" và

bài tường thuật của báo "Morning Star" đã được Ăng-ghen nhắc tới với nguyên văn đoạn trích dẫn của Mác[1*]

The Times, April 17, 1863

"In ten years, from 1842 to 1852 inclusive, the taxable income of the country, as nearly as we can make out, increased by 6 per cent; but in eight years, from 1853 to 1861, the income of the country again increased form the basis taken by 20 per cent. That is a fact so strange as to be almost incredible... *I must say for one, I should look almost with apprehension and with pain upon this intoxicating augmentation of wealth and po-wer, if it were my belief that it was confined to the classes who are in easy circumstances.* This takes no cognizance at all of the condition of the labouring population. The augmentation I have described, and which is founded, I think upon

The Morning Star, April 17, 1863

increased by 6 per cent. In the eight years from 1853 to 1861, it had increased from the ba-sis taken in 1853, 20 per cent! The fact is so astonishing as to be almost incredible...

"I must say, for one, I should look with apprehension and with pain upon this intoxicating augmentation of wealth and power, if it were my belief that it was confined to the classes who are in easy circumstances. This Great in-crease of wealth takes no cognizance at all of the condition of the labouring population. The augmentation is an augmentation entirely confined to classes of property. But that

Das Kapital, 1. Aufl., S. 639, Note 103

"Form 1842 to 1852 the taxable income of the country,

This intoxicating augmentation of wealth and power

is entirely confined to classes of property, but must be of indirect benefit to the labouring

1* Bản dịch các đoạn trích dẫn từ báo "Times" và từ "Tư bản" xin xem ở tr.243-245 và 206-207 tập này. Đoạn trích từ tờ "Morning Star" tương tự với văn bản của báo "Times".

accurate returns, is an augmentation entirely confined to classes of property. Now, the augmentation of capital is of indirect benefit to the labourer, because it cheapens the commodity which in the business of production comes into direct competition with labour. (Hear, hear.) But we have this profound, and, I must say, inestimable consolation, that while the rich have been growing richer the poor have been growing less poor. Whether the extremes of poverty, are less extreme than they were I do not presume to say, *but the average condition of the British labourer, we have the happiness to know, has improved during the last twenty years in a degree which we know to be extraordinary, and which we may almost pronounce to be un-exampled in the history of any country and of any age.* (Cheers.)

augmentation must be of indirect benefit to the labouring population, because it cheapens the commodities which go to the general consumption. So that we have this profound, and I almost say, inesti-mable consolation while the rich have been growing richer, the poor have been growing less poor. (Hear, hear.) At any rate, whether the extremes are less than they were I do not presume to say, *but the average conditions of the British labourer, we have the happiness to know to be extraordina-ry, and that we may almost pronounce it to be unexampled in the history of any country or any age.* (Cheers.)

population, because it cheapens the commodi ties of general consumption -

while the rich have been growing richer, the poor have been grow-ing less poor! At any rate, whether the extremes of poverty are less, I do not presume to say".

Tại đây, ở giữa câu, như đoạn in lại đã dẫn ra ở trên đây cho thấy, "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu" ngắt đoạn trích dẫn để thêm đoạn trích dẫn lấy của Mô-li-e; Mác, người mà như việc đối chiếu cho thấy, quyết không thể lấy đoạn trích dẫn từ "Morning Star" mà sau khi biểu thị đoạn ông ta bỏ qua bằng các dấu chấm, ông đã dẫn lại đoạn ấy nguyên văn từ "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu", bắt Glát-xtôn phải kết thúc ở giữa câu...

Qua việc đối chiếu này chúng ta thấy rõ rằng bản lắp ghép không gò ép những câu rút khỏi mạch văn chung mà Mác đưa ra coi là bài diễn văn về ngân sách của Glát-xtơn không có cả trong tờ "Morning Star", cả trong báo "Times" lẫn trong tập "Han-xác-đơ" mà chỉ có thể thấy nó trong "Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu". Những câu dẫn ra trên đây in chữ ngả chính là những câu mà Hen-ri Rốt và — hãy so sánh câu cuối cùng — nhất là Các Mác đã bỏ đi để quy cho Glát-xtơn cái trái ngược với điều ông này đã nói.

SỐ 15. TRÍCH CÁC BÀI TƯỜNG THUẬT CỦA BÁO CHÍ LUÂN ĐÔN NGÀY 17 THÁNG TƯ 1863 VỀ CÁC PHIÊN HỌP NGHỊ VIỆN [1*]

"*Morning Herald*". I may say that I for one would look with fear and apprehension at this intoxicating increase of wealth if I were of opinion that it is confined to the classes in easy circumstances. This great increase of wealth which I have described, and which is founded on accurate returns is confined entirely to the augmentation of capital, and takes no account of the poorer classes.

"*Morning Post*". I may say, I for one, would look with fear and apprehension when I consider this great increase of wealth if I believed that its benefits were confined to the classes in easy circumstances. This augmentation fo wealth which I have described, and which is founded on accurate returns is confined entirely to the augmentation of capital, and takes no account of the augmentation of wealth of the poorer classes.

"*Daily Telegraph*". I may say for one, that I should look almost with apprehension and alarm on this intoxicating augmentation of wealth and power if it were my belief that it was confined to the masses who are in easy circumstances. This question to wealth takes no cognizance at all of the condition of the labouring population. The augmentation stated is an augmentation entirely confined to the classes possessed of property.

1* Phần dịch những đoạn trích dẫn ở đây xin xem ở tr.159, tập này.

"*Daily News*". I may say that I for one would look with fear and appre-hension when I consider this great increase of wealth if I belived that its benefits were confined to the classes in easy circumstances. This augmen-tation fo wealth which I have described, and which is founded upon accu-rate returns, is confined entirely to the augmentation of Capital, and takes no account of the augmentation of wealth of the poorer classes.

"*Standard*". I may say that I for one would look with fear and appre-hension at this intoxicating increase of wealth if I were of the opinion that it was confined to the classes in easy, circumstances. This great increase of wealth which I have described, and which is founded on the accurate returns is confined entirely to the augmentation of Capital, and takes no account of the poorer classes.

SỐ 16. GLÁT-XTƠN — BREN-TA-NÔ

"Deutsches Wochenblatt" [186] số 49, ngày 4 tháng Chạp 1890

Thông báo

Trong số 45 báo "Deutsches Wochenblatt", giáo sư Lu-i-ô Bren-ta-nô công bố bài "Cuộc bút chiến của tôi với Các Mác", đồng thời là mở đầu cho bản in lại tài liệu của cuộc chiến ấy dưới dạng một cuốn sách lẻ. Đóng vai trò chủ yếu trong cuộc bút chiến này là một bài diễn văn tại nghị viện, do Glát-xtơn đọc vào năm 1863 và được Mác truyền đạt lại dưới một hình thức bị bóp méo trong bản Tuyên ngôn thành lập của ông ta, khi thành lập tổ chức công nhân quốc tế.

Rõ ràng là nhân vật có thẩm quyền nhất trong việc giải quyết cuộc tranh cãi về văn bản bài diễn văn của Glát-xtơn là chính ông Glát-xtơn. Vì vậy điều đặc biệt quan trọng là nhân viên in lại tài liệu cuộc bút chiến của Bren-ta-nô với Mác, Glát-xtơn gửi cho Bren-ta-nô hai bức thư. Ngày 22 tháng Mười một, Glát-xtơn viết cho Bren-ta-nô: "Ông hoàn toàn đúng, còn Mác thì hoàn toàn sai", còn ngày 28 tháng Mười một, Glát-xtơn viết: "Tôi không hề đưa vào một sự thay đổi nào cả". Nhờ thế, sự việc đọi ánh sáng tiêu biểu lên phương thức chứng minh của đảng dân chủ — xã hội, có thể coi là đã được giải quyết dứt khoát không có lợi cho quan điểm dân chủ — xã hội.

Việc vạch rõ sự lừa bịp là công lao của Bre-ta-nô, và chính bây giờ nhắc lại cuộc tranh cãi đó là rất hợp thời.

O.A.

SỐ 17. BÀI ĂNG-GHEN TRẢ LỜI SỐ 16

"Neue Zeit" số 13, 1891, tr. 425
Về vấn đề Bren-ta-nô contra Mác [187]

Trong lời tựa của tôi viết cho lần xuất bản thứ tư quyển I bộ "Tư bản" của Mác, tôi đã buộc phải thông báo về chiến dịch nặc danh mà ông Lu-i-ô Bren-ta-nô từng tiến hành chống Mác, buộc tội Mác là xuyên tạc đoạn trích dẫn lấy từ một bài diễn văn của Glát-xtơn.

Về điều này Bren-ta-nô đã trả lời trong cuốn sách "Cuộc bút chiến của tôi với Các Mác", Lu-i-ô Bren-ta-nô, Béc-lin, Van-te và A-pô-lan-tơ, 1890. Tôi lập tức trả lời ông ta điều này.

Trong khi đó tờ "Deutsch Wochenblatt" số 49, ngày 4 tháng Chạp 1890 đã đăng một bài báo nữa về vấn đề này, trong đó có nói:

"Rõ ràng là nhân vật có thẩm quyền nhất trong việc giải quyết cuộc tranh cãi về văn bản hai diễn văn của Glát-xtơn là chính ông Glát-xtơn. Vì vậy điều đặc biệt quan trọng là nhân vật in lại tài liệu cuộc bút chiến của Bren-ta-nô với Mác, Glát-xtơn gửi cho Bren-ta-nô hai bức thư. Ngày 22 tháng Mười một, Glát-xtơn viết cho Bren-ta-nô: "Ông hoàn toàn đúng, còn Mác thì hoàn toàn sai", còn ngày 28 tháng Mười một, Glát-xtơn viết: "Tôi không hề đưa vào một sự thay đổi nào cả"".

Điều đó phải biểu thị cái gì? "Ông hoàn toàn đúng" *ở chỗ nào* và "Mác hoàn toàn sai" *ở chỗ nào*? "Tôi không hề thay đổi" *cái gì*? Dưới dạng đưa ra ở đây, điều đó có thể biểu thị vừa là tất cả, vừa chẳng có gì. Vì sao thông báo của ông Bren-ta-nô gói gọn ở hai câu ngắn ngủi ấy?

Hoặc giả ông Glát-xtơn không cho phép ông ta in toàn bộ các bức thư. Nếu vậy thì đó là bằng chứng minh đầy đủ rằng hai bức thư ấy chẳng chứng minh gì cả.

Hoặc giả ông Glát-xtơn ngay từ đầu viết những bức thư ấy để công bố chúng và cho phép ông Bren-ta-nô sử dụng chúng theo chủ trương của mình. Trong trường hợp đó việc công bố chỉ những câu trích chẳng nói lên điều gì cả đó chính là chứng minh rằng lời của Glát-xtơn nói chung chẳng có ích cho ông Bren-ta-nô, chính vì vậy mà được ông ta "xào xáo" dưới dạng nói trên.

Để biết được hai câu dẫn ra ở trên đây có ý nghĩa gì, chúng ta chẳng những phải thấy cả hai bức thư của ông Glát-xtơn, mà còn phải thấy những bức thư hữu quan của ông Bren-ta-nô nữa. Chừng nào chưa công bố toàn bộ thư từ qua lại của họ về vấn đề này bằng tiếng nguyên bản, thì những đoạn dẫn ra trên đây hoàn toàn không có ý nghĩa gì đối với việc giải quyết cuộc tranh cãi và không đáng tốn giấy để in chúng.

Ph. Ăng-ghen

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 20 CÔNG XÃ PA-RI

Luân Đôn, ngày 17 tháng Ba

Thưa các bà các ông!

Cách đây đúng hai mươi năm về trước, công nhân Pa-ri đã vùng lên triệu người như một chống sự mưu hại tội lỗi của tư sản và địa chủ do Chi-e lãnh đạo. Những kẻ thù ấy của giai cấp vô sản đã run sợ khi thấy công nhân Pa-ri được vũ trang và được tổ chức để bảo vệ quyền lợi của mình. Chi-e định tước vũ khí của họ mà họ đã sử dụng một cách vẻ vang như vậy chống sự xâm lược của ngoại bang và sau này họ đã sử dụng càng vẻ vang hơn nữa để đánh lui những cuộc tấn công của bọn đánh thuê cho Véc-xay. Để bẻ gẫy Pa-ri đã nổi dậy, bọn địa chủ và tư sản đã cầu viện người Phổ và đã nhận được sự cứu viện ấy. Sau cuộc đấu tranh anh hùng, Pa-ri đã bị lực lượng trội hơn của đối phương đè bẹp và đã bị tước mất vũ khí.

Thế là đã hai mươi năm công nhân Pa-ri không có vũ khí, và đâu đâu tình hình cũng đều như vậy; ở tất cả các nước văn minh khác, giai cấp vô sản đều mất phương tiện vật chất để bảo vệ. Khắp nơi kẻ thù và bọn bóc lột giai cấp công nhân đều nắm lực lượng vũ trang.

Nhưng điều đó đã dẫn tới cái gì?

Đến chỗ giờ đây, mỗi người đàn ông khỏe mạnh đều kinh qua hàng ngũ quân đội, quân đội ngày càng phản ánh tâm tư và ý nghĩ của nhân dân; quân đội đó, công cụ đàn áp chủ yếu đang trở nên ngày càng ít đáng tin cậy. Những người lãnh đạo tất thảy các quốc gia lớn đã khiếp sợ dự kiến cái ngày những người lính cầm súng sẽ từ chối giết anh em và cha mẹ mình. Chúng tôi đã quan sát thấy điều đó ở Pa-ri, khi gã tông-ki-net-xơ [1*] cả gan đòi giữ cương vị tổng thống nước Cộng hòa Pháp, chúng tôi đang tai nghe mắt thấy điều đó bây giờ ở Béc-lin, nơi người kế vị của Bi-xmác [2*] đòi quốc hội chi tiền để củng cố tinh thần phục tùng trong quân đội nhờ những hạ sĩ quan được mua bằng tiền, và lại người ta nêu lý do là trong số hạ sĩ quan – như người ta nói, – đã xuất hiện quá nhiều người xã hội chủ nghĩa! [188].

Nếu có xảy ra điều như vậy, nếu cả trong quân đội đã hửng lên một bình minh mới thì có nghĩa là thế giới cũ đã sắp kết liễu rồi.

Mong cho điều không tránh khỏi sẽ xảy ra! Mặc cho giai cấp tư sản đã suy đồi sẽ từ bỏ quyền lực hoặc sẽ tiêu vong, và Giai cấp vô sản muôn năm! Cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế muôn năm!

Ph. Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Le Socialiste" số 27, ngày 25 tháng Ba 1891

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Pháp

1* – Giuy-lơ Phe-ri

2* – Ca-pri-vi

LỜI NÓI ĐẦU VIẾT CHO TÁC PHẨM CỦA C.MÁC "NỘI CHIẾN Ở PHÁP"[189]

Tôi đã đột ngột được đề nghị cho tái bản một lần nữa Lời kêu gọi của Tổng hội đồng Quốc tế về cuộc "Nội chiến ở Pháp" và viết lời nói đầu cho Lời kêu gọi đó. Bởi vậy ở đây, tôi chỉ có thể ghi lại tóm tắt những điểm căn bản nhất.

Trước tài liệu dài này, tôi đã cho in hai Lời kêu gọi ngắn hơn của Tổng hội đồng và cuộc chiến tranh Pháp – Phổ. Trước hết, vì quyển "Nội chiến" hay viện dẫn Lời kêu gọi thứ hai mà chính Lời kêu gọi này cũng lại khó có thể hiểu được đầy đủ, nếu không có bản thứ nhất. Sau nữa, vì cả hai Lời kêu gọi do Mác thảo ra đó, cũng như quyển "Nội chiến", đều là những mẩu mực xuất sắc về thiên tài kỳ diệu của tác giả, thiên tài mà lần đầu tiên tác giả đã biểu lộ ra trong quyển "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"[190], thiên tài đã khiến cho Mác có thể hiểu rõ được tính chất, ý nghĩa và những hậu quả tất nhiên của các sự biến lịch sử lớn, ngay trong lúc mà những sự biến đó còn đang diễn ra trước mắt chúng ta, hoặc vừa mới chấm dứt xong. Và cuối cùng, vì ở Đức, chúng ta vẫn đang còn phải chịu đựng những hậu quả của những sự biến đó, những hậu quả mà Mác đã tiên đoán.

Lời kêu gọi thứ nhất tiên đoán rằng nếu chiến tranh phòng ngự của Đức chống Lu-i Bô-na-pác-tơ biến thành chiến tranh xâm lược chống nhân dân Pháp thì tất cả những tai họa đã từng

xảy đến cho Đức sau những cuộc chiến tranh gọi là giải phóng, sẽ lại giáng xuống nước đó một cách còn khốc liệt hơn nữa – điều đó há chẳng đã được chứng minh là đúng đó sao [191]. Sau đó, chúng ta há chẳng đã trải qua cả một thời kỳ hai mươi năm thống trị của Bi-xmác đó sao và thay cho những cuộc đàn áp chống đám người mị dân [192], chúng ta há chẳng đã trải qua đạo luật đặc biệt và cuộc truy lùng những người xã hội chủ nghĩa, với cũng cái lối độc đoán cảnh sát như thế, với cũng cái lối giải thích pháp luật một cách đáng ghét như thế đó sao?

Và lời tiên đoán rằng việc thôn tính hai tỉnh An-da-xơ, Lo-ren-nơ sẽ "ném Pháp vào vòng tay của Nga" và sau cuộc thôn tính đó, Đức hoặc sẽ phải biến thành tên đầy tớ được công nhận của Nga, hoặc sẽ buộc phải, sau một thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, chuẩn bị tiến hành một cuộc chiến tranh mới, và nói cho đúng ra là "một cuộc chiến tranh chủng tộc chống các chủng tộc la-tinh và xla-vơ liên minh với nhau" [193] – lời tiên đoán đó há chẳng đã trở thành hiện thực đúng hệt như thế đó sao? Việc thôn tính các tỉnh của Pháp, há chẳng đã đẩy Pháp vào tay Nga đó sao? Trong suốt hai chục năm tròn, Bi-xmác há chẳng đã hoài công cầu cạnh ân huệ của Nga hoàng, hạ mình đi phục vụ Nga hoàng một cách còn nô lệ hơn nước Phổ nhỏ vẫn thường làm, khi nước này quỳ lạy dưới chân nước "Nga thần thánh", trước lúc trở thành "cường quốc thứ nhất ở châu Âu", đó sao? Và hàng ngày người ta há chẳng đã thấy treo lủng lẳng trên đầu chúng ta, như lưỡi gươm Đê-mô-clét mối đe dọa của một cuộc chiến tranh mà ngay trong ngày đầu tiên của nó, tất cả những hiệp ước liên minh chặt chẽ của bọn vua chúa sẽ tan thành mây khói, hay sao? – mối đe dọa của một cuộc chiến tranh mà người ta không hề thấy có cái gì chắc chắn cả, ngoài cái kết cục hoàn toàn không chắc chắn của nó; - của một cuộc chiến tranh chủng tộc sẽ làm cho toàn châu Âu phải không ngừng chịu sự tàn phá

của mười lăm, hai chục triệu binh lính vũ trang; và nếu cuộc chiến tranh đó chưa bùng nổ dữ dội thì chỉ là vì ngay cả đến cái quốc gia mạnh nhất trong những quốc gia quân sự lớn cùng đang lo sợ vì hoàn toàn không thể dự đoán được kết quả cuối cùng của cuộc chiến tranh ấy.

Cho nên ngày nay, chúng ta lại càng cần phải đưa ra một lần nữa cho công nhân Đức, hai bằng chứng sáng tỏ và hầu như bị lãng quên đó, về tầm mắt nhìn xa thấy rộng của chính sách công nhân quốc tế năm 1870.

Những điều tôi đã nói về hai Lời kêu gọi đó thì cũng đúng với Lời kêu gọi "Nội chiến ở Pháp". Ngày 28 tháng Năm, những chiến sĩ cuối cùng của Công xã đã hy sinh trên dốc Ben-vin trong cuộc chiến đấu với những lực lượng địch đông hơn, và hai hôm sau, ngày 30 tháng Năm, Mác đã đọc trước Tổng hội đồng tác phẩm của mình, trong đó ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri được nêu bật lên bằng vài nét ngắn gọn, mạnh mẽ, nhưng chính xác và nhất là rất trung thực đến nỗi toàn bộ sách báo phong phú sau này viết về vấn đề đó đều không tài nào theo kịp.

Sự phát triển kinh tế và chính trị của nước Pháp từ năm 1789 đã khiến cho năm mươi năm sau đó, mỗi cuộc cách mạng nổ ra ở Pa-ri đều không thể không mang một tính chất vô sản, thành thử sau thắng lợi mà giai cấp vô sản đã tốn xương máu mới giành được thì đương nhiên giai cấp này bèn đưa ra những yêu sách riêng của mình. Những yêu sách ấy đều ít hay nhiều lờ mờ và thậm chí còn mơ hồ nữa, tùy theo trình độ phát triển của công nhân Pa-ri, nhưng chung quy lại, tất cả những yêu sách ấy đều nhằm xóa bỏ sự đối lập giai cấp giữa tư bản và công nhân. Thật ra người ta chưa biết nên làm thế nào để đạt được điều đó. Nhưng bản thân yêu sách ấy, dù là chưa được rõ ràng, cũng vẫn chứa đựng một mối nguy cho trật tự xã hội đang tồn tại; những công nhân đề ra yêu sách đó, vẫn còn nắm vũ khí trong tay; vậy, đối với bọn tư sản đang nắm chính quyền, lời răn thứ nhất là tước vũ khí của công nhân. Cho nên sau mỗi cuộc cách mạng, do công nhân giành được, lại nổ ra một cuộc đấu tranh mới, kết thúc bằng sự thất bại của công nhân.

Tình hình đó đã xảy ra lần đầu tiên vào năm 1848. Bọn tư sản tự do chủ nghĩa thuộc phái đối lập trong nghị viện mở những bữa tiệc lớn để đòi phải thực hiện cải cách tuyển cử nhằm đảm bảo sự thống trị của đảng họ. Cuộc đấu tranh của họ chống chính phủ ngày càng buộc họ phải nhờ đến nhân dân, nên họ cũng buộc phải dần dần nhường địa vị thứ nhất cho những tầng lớp cấp tiến và cộng hòa trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản. Nhưng đằng sau các tầng lớp này, là công nhân cách mạng, và những công nhân này, từ năm 1830, đã có được nhiều tính độc lập chính trị hơn chứ không phải như bọn tư sản và ngay cả những người cộng hòa vẫn tưởng. Khi khủng hoảng nổ ra trong mối quan hệ giữa chính phủ và phái đối lập, công nhân liền tiến hành chiến đấu ngoài đường phố. Lu-i – Phi-líp không còn nữa, và cải cách tuyển cử cũng đi theo hắn; thay thế hắn là chế độ Cộng hòa, mà bản thân công nhân chiến thắng còn gọi là chế độ Cộng hòa "xã hội" nữa. Cần phải hiểu Cộng hòa xã hội là thế nào, đó là điều chưa ai biết đích xác cả, ngay công nhân cũng vậy. Nhưng giờ đây, công nhân đã có vũ khí trong tay và họ đã là một lực lượng trong nhà nước. Bởi vậy, khi bọn tư sản cộng hòa cầm quyền, cảm thấy chỗ đứng của mình có phần được củng cố rồi thì công việc đầu tiên của chúng là tước vũ khí công nhân. Việc đó đã được tiến hành trong thời gian cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu 1848, cuộc khởi nghĩa mà công nhân buộc phải thực hiện vì người ta đã trực tiếp phản lại lời đã hứa với họ, đã công nhiên khinh miệt họ và mưu toan đẩy những người thất nghiệp đi một tỉnh hẻo lánh. Chính phủ đã đảm bảo cho mình có một lực lượng áp đảo từ trước nên công nhân, sau năm ngày đấu tranh dũng cảm, đã bị đánh bại. Lúc đó, người ta liền tàn sát những người bị

của mười lăm, hai chục triệu binh lính vũ trang; và nếu cuộc chiến tranh đó chưa bùng nổ dữ dội thì chỉ là vì ngay cả đến cái quốc gia mạnh nhất trong những quốc gia quân sự lớn cũng đang lo sợ vì hoàn toàn không thể dự đoán được kết quả cuối cùng của cuộc chiến tranh ấy.

Cho nên ngày nay, chúng ta lại càng cần phải đưa ra một lần nữa cho công nhân Đức, hai bằng chứng sáng tỏ và hầu như bị lãng quên đó, về tầm mắt nhìn xa thấy rộng của chính sách công nhân quốc tế năm 1870.

Những điều tôi đã nói về hai Lời kêu gọi đó thì cũng đúng với Lời kêu gọi "Nội chiến ở Pháp". Ngày 28 tháng Năm, những chiến sĩ cuối cùng của Công xã đã hy sinh trên dốc Ben-vin trong cuộc chiến đấu với những lực lượng địch đông hơn, và hai hôm sau, ngày 30 tháng Năm, Mác đã đọc trước Tổng hội đồng tác phẩm của mình, trong đó ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri được nêu bật lên bằng vài nét ngắn gọn, mạnh mẽ, nhưng chính xác và nhất là rất trung thực đến nỗi toàn bộ sách báo phong phú sau này viết về vấn đề đó đều không tài nào theo kịp.

Sự phát triển kinh tế và chính trị của nước Pháp từ năm 1789 đã khiến cho năm mươi năm sau đó, mỗi cuộc cách mạng nổ ra ở Pa-ri đều không thể không mang một tính chất vô sản, thành thử sau thắng lợi mà giai cấp vô sản đã tốn xương máu mới giành được thì đương nhiên giai cấp này bèn đưa ra những yêu sách riêng của mình. Những yêu sách ấy đều ít hay nhiều lờ mờ và thậm chí còn mơ hồ nữa, tùy theo trình độ phát triển của công nhân Pa-ri, nhưng chung quy lại, tất cả những yêu sách ấy đều nhằm xóa bỏ sự đối lập giai cấp giữa tư bản và công nhân. Thật ra người ta chưa biết nên làm thế nào để đạt được điều đó. Nhưng bản thân yêu sách ấy, dù là chưa được rõ ràng, cũng vẫn chứa đựng một mối nguy cho trật tự xã hội đang tồn tại; những công nhân đề ra yêu sách đó, vẫn còn nắm vũ khí trong tay; vậy, đối với bọn tư sản đang nắm chính quyền, lời răn thứ nhất là tước vũ khí của công nhân. Cho nên sau mỗi cuộc cách mạng, do công nhân giành được, lại nổ ra một cuộc đấu tranh mới, kết thúc bằng sự thất bại của công nhân.

Tình hình đó đã xảy ra lần đầu tiên vào năm 1848. Bọn tư sản tự do chủ nghĩa thuộc phái đối lập trong nghị viện mở những bữa tiệc lớn để đòi phải thực hiện cải cách tuyển cử nhằm đảm bảo sự thống trị của đảng họ. Cuộc đấu tranh của họ chống chính phủ ngày càng buộc họ phải nhờ đến nhân dân, nên họ cũng buộc phải dần dần nhường địa vị thứ nhất cho những tầng lớp cấp tiến và cộng hòa trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản. Nhưng đằng sau các tầng lớp này, là công nhân cách mạng, và những công nhân này, từ năm 1830, đã có được nhiều tính độc lập chính trị hơn chứ không phải như bọn tư sản và ngay cả những người cộng hòa vẫn tưởng. Khi khủng hoảng nổ ra trong mối quan hệ giữa chính phủ và phái đối lập, công nhân liền tiến hành chiến đấu ngoài đường phố. Lu-i – Phi-líp không còn nữa, và cải cách tuyển cử cũng đi theo hắn; thay thế hắn là chế độ Cộng hòa, mà bản thân công nhân chiến thắng còn gọi là chế độ Cộng hòa "xã hội" nữa. Cần phải hiểu Cộng hòa xã hội là thế nào, đó là điều chưa ai biết dích xác cả, ngay công nhân cũng vậy. Nhưng giờ đây, công nhân đã có vũ khí trong tay và họ đã là một lực lượng trong nhà nước. Bởi vậy, khi bọn tư sản cộng hòa cầm quyền, cảm thấy chỗ đứng của mình có phần được củng cố rồi thì công việc đầu tiên của chúng là tước vũ khí công nhân. Việc đó đã được tiến hành trong thời gian cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu 1848, cuộc khởi nghĩa mà công nhân buộc phải thực hiện vì người ta đã trực tiếp phản lại lời đã hứa với họ, đã công nhiên khinh miệt họ và mưu toan đẩy những người thất nghiệp đi một tỉnh hẻo lánh. Chính phủ đã đảm bảo cho mình có một lực lượng áp đảo từ trước nên công nhân, sau năm ngày đấu tranh dũng cảm, đã bị đánh bại. Lúc đó, người ta liền tàn sát những người bị

vì hồi ấy, để bảo đảm việc phòng ngự, tất cả những người dân Pa-ri có khả năng cầm vũ khí đều đã gia nhập Đội cận vệ quốc gia và đã được vũ trang, thành thử lúc bấy giờ, công nhân chiếm đại đa số trong Đội cận vệ quốc gia ấy. Nhưng chẳng bao lâu, mâu thuẫn giữa một chính phủ gần như chỉ gồm toàn là tư sản, với giai cấp vô sản vũ trang, đã bùng nổ. Ngày 31 tháng Mười, mấy tiểu đoàn công nhân đã đánh chiếm tòa thị chính và bắt giam một bộ phận ủy viên chính phủ. Do cớ người làm phản, do chính phủ trực tiếp bội ước và do sự can thiệp của một vài tiểu đoàn tiểu tư sản nên những người bị bắt được giải thoát, và để tránh gây ra nội chiến trong một thành phố còn bị địch vây hãm, người ta vẫn để cho chính phủ đó tiếp tục cầm quyền.

Cuối cùng, ngày 28 tháng Giêng 1871, Pa-ri lâm vào nạn đói, phải đầu hàng. Nhưng đầu hàng với những điều kiện danh dự chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh. Pháo đài bị giao nạp, các thành quách kiên cố bị tước vũ khí, các trung đoàn chiến đấu và đội biệt động đều phải nộp vũ khí, chính họ cũng bị coi là tù binh. Nhưng Đội cận vệ quốc gia vẫn giữ vũ khí và đại bác của mình và chỉ ký đình chiến với kẻ chiến thắng thôi. Chính ngay bọn chiến thắng cũng không dám tiến bước khải hoàn vào Pa-ri; chúng chỉ dám chiếm đóng một góc nhỏ của thành Pa-ri, mà lại là một góc gồm toàn những công viên, và chỉ chiếm đóng trong vài ngày thôi! Và trong thời gian ấy, chính bọn người chiến thắng đã bao vây Pa-ri trong 131 ngày, lại bị bao vây bởi công nhân vũ trang của Pa-ri, họ cảnh giác theo dõi không để cho một "tên Phổ" nào đi qua biên giới chật hẹp của cái góc thành phố đã bỏ cho bọn xâm lược ngoại bang chiếm đóng. Công nhân Pa-ri đã làm cho đạo quân đã từng chiến thắng tất cả quân đội của Đế chế phải kính nể biết bao. Bọn gioong-ke Phổ định tới đây để trả thù cái trung tâm cách mạng, đã phải kính cẩn dừng lại và cúi chào chính ngay cuộc cách mạng vũ trang đó!

Trong chiến tranh, công nhân Pa-ri chỉ hạn chế ở chỗ đòi hỏi phải kiên quyết tiếp tục đấu tranh. Nhưng giờ đây, sau khi Pa-ri đầu hàng, hòa ước đã được ký kết [195] thì Chi-e, thủ tướng mới của chính phủ, buộc phải nhận thấy rằng sự thống trị của các giai cấp hữu sản – địa chủ và tư bản – sẽ luôn luôn bị đe dọa, một khi công nhân Pa-ri vẫn còn có vũ trang. Công việc đầu tiên của hắn là mưu toan tước vũ khí của công nhân. Ngày 18 tháng Ba, hắn phái trung đoàn chiến đấu xuất trận với mệnh lệnh cướp đoạt những khẩu pháo của Đội cận vệ quốc gia được chế tạo trong thời kỳ Pa-ri bị vây hãm, nhờ tiền quyên góp của công chúng. Mưu toan đó đã thất bại, cả Pa-ri đã nhất tề đứng dậy cầm vũ khí để tự vệ, và chiến tranh giữa Pa-ri và Chính phủ Pháp đóng ở Vec-xây được tuyên bố. Ngày 26 tháng Ba, Công xã Pa-ri được bầu lên và ngày 28 tháng Ba thì được tuyên bố thành lập. Ủy ban trung ương Đội cận vệ quốc gia vẫn nắm chính quyền cho đến lúc đó, liền trao toàn quyền cho Công xã, sau khi đã ra sắc lệnh bãi bỏ đội "cảnh sát đạo đức" bỉ ổi của Pa-ri. Ngày 30 tháng Ba, Công xã bãi bỏ chế độ bắt lính và quân đội thường trực, đồng thời tuyên bố quân đội vệ binh quốc gia gồm tất cả những công dân có khả năng cầm súng là lực lượng vũ trang duy nhất. Công xã xóa bỏ tất cả các khoản tiền thuê nhà từ tháng Mười 1870 cho đến tháng Tư 1871, coi những khoản trả rồi là tiền thuê nhà trả cho những tháng sắp tới, và đình chỉ bán các đồ cầm cố tại sở cầm đồ thành phố. Cũng vào ngày đó, chức vụ của các người ngoại quốc được bầu vào Công xã đều được chính thức thừa nhận, vì "lá cờ của Công xã là lá cờ của nền Cộng hòa toàn thế giới" [196]. – Ngày 1 tháng Tư, Công xã quyết định mức lương của các nhân viên Công xã, và cả của các ủy viên Công xã cũng vậy, sẽ không được vượt quá 6000 phrăng (4800 mác). Ngày hôm sau thì công bố sắc lệnh tách nhà thờ ra khỏi nhà nước, hủy bỏ những khoản chi tiêu của nhà nước nhằm mục đích tôn giáo, cũng như biến tất cả các tài sản của giáo hội

thành tài sản quốc gia; ngày 8 tháng Tư, công bố lệnh loại bỏ khỏi nhà trường tất cả những dấu hiệu tượng trưng, thần tượng, giáo lý, kinh cầu nguyện– tóm lại là "tất cả những cái gì thuộc về sự tín ngưỡng cá nhân của mỗi người" [197], lệnh này đã được thực hiện dần dần. – Ngày 5 tháng Tư, trước những vụ quân đội chính phủ Véc-xây hàng ngày đem xử bắn các chiến sĩ Công xã bị bắt, sắc lệnh bắt người làm con tin đã được ban bố, nhưng sắc lệnh đó không bao giờ được thi hành triệt để. – Ngày 6 tháng Tư, tiểu đoàn 137 của Đội cận vệ quốc gia đã tìm được chiếc máy chém và đem thiêu hủy công khai trước sự reo mừng của toàn thể nhân dân. – Ngày 12 tháng Tư, Công xã quyết định phá đổ cột kỷ niệm chiến thắng ở quảng trường Văng-đôm do Na-pô-lê-ông lấy đại bác cướp được của quân địch đúc thành sau chiến tranh năm 1809. Vì nó là tượng trưng của chủ nghĩa sô-vanh và của sự thù hằn giữa các dân tộc. Quyết định ấy đã được thi hành ngày 16 tháng Năm. – Ngày 16 tháng Tư, Công xã ra lệnh tiến hành kiểm kê các công xưởng mà bọn chủ đã đình chỉ sản xuất, và thảo ra những kế hoạch giao việc quản lý các công xưởng đó cho những công nhân trước nay vẫn làm việc tại đấy và phải được tập hợp thành tổ chức hợp tác xã; Công xã cũng đã thảo ra những kế hoạch thống nhất các tổ chức đó thành một liên đoàn lớn duy nhất. – Ngày 20 tháng Tư, Công xã hủy bỏ chế độ lao động ban đêm của các thợ làm bánh mì, giải tán các sở tìm việc do những kẻ được sở cảnh sát lựa chọn và là những kẻ bóc lột công nhân thậm tệ nhất, nắm giữ độc quyền từ thời Đế chế II; các sở tìm việc này đã được giao lại cho cơ quan thị chính của hai mươi quận ở Pa-ri quản lý. – Ngày 30 tháng Tư, Công xã ra lệnh hủy bỏ các hiệu cầm đồ, tức là phương tiện mà tư nhân dùng để bóc lột công nhân và đi ngược lại quyền của công nhân được cung cấp công cụ lao động và được vay mượn tiền bạc. – Ngày 5 tháng Năm, Công xã quyết định cho san

bằng cái nhà thờ nhỏ được dựng lên để sám hối việc xử tử vua Lu-i XVI.

Như vậy là từ ngày 18 tháng Ba, bắt đầu biểu hiện một cách rõ ràng và dứt khoát tính chất thuần túy giai cấp của phong trào ở Pa-ri mà từ trước đến nay cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đã đẩy lùi xuống hàng thứ yếu. Cho nên Công xã gần như chỉ gồm toàn là công nhân hoặc đại biểu được thừa nhận của công nhân, và các quyết định của nó cũng mang một tính chất vô sản rõ rệt. Hoặc giả những quyết định đó ban bố những cải cách mà phái tư sản cộng hòa chỉ vì hèn nhát một cách đê tiện đã từ chối không tiến hành, nhưng lại là những cải cách làm cơ sở không thể thiếu được đối với hoạt động tự do của giai cấp công nhân, chẳng hạn như việc thực hiện nguyên tắc: *đối với nhà nước*, tôn giáo chỉ đơn thuần là một việc tư. Hoặc giả Công xã đã ban hành những quyết định trực tiếp phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và một phần nào đó chém sâu vào trật tự xã hội cũ. Nhưng tất cả những biện pháp đó, trong một thành phố bị vây hãm, thì nhiều nhất cũng chỉ có thể bắt đầu được thực hiện mà thôi. Và ngay từ những ngày đầu tháng Năm, cuộc đấu tranh chống quân đội ngày càng tăng thêm của chính phủ Véc-xây đã thu hút hết mọi lực lượng.

Ngày 7 tháng Tư, quân Véc-xây đã chiếm được bến sông Xen ở Nơi-i, thuộc mặt trận phía tây Pa-ri; trái lại, ngày 11 tháng Tư, cuộc tấn công của chúng ở mặt trận phía nam bị tướng Ô-đơ đẩy lùi với những tổn thất rất nặng nề. Chính những kẻ trước đây đã công kích việc quân Phổ bán phá Pa-ri, coi đó là xúc phạm đến chỗ thiêng liêng, thì nay lại không ngừng bắn phá thành phố này. Bây giờ cũng chính những kẻ ấy lại cầu xin Chính phủ Phổ cho hồi hương gấp rút các binh lính Pháp bị bắt làm tù binh ở Xê-đăng và Mét-xơ để dùng họ cướp lại Pa-ri. Từ đầu tháng Năm trở đi, do những binh lính đó được tha về dần dần

nên chính phủ Véc-xây có được một ưu thế quyết định. Ưu thế ấy đã biểu lộ rõ từ ngày 23 tháng Tư, khi Chi-e cắt đứt các cuộc thương thuyết do Công xã đề nghị nhằm trao trả vị tổng giám mục Pa-ri [1*] và rất nhiều linh mục khác bị giữ ở Pa-ri làm con tin, để đổi lấy một mình Blăng-ki là người hai lần được bầu vào Công xã nhưng còn bị cầm tù ở Clê-rơ-vô. Và còn biểu lộ rõ hơn nữa trong việc Chi-e đối giọng; từ trước đến nay vốn ăn nói lần chần và mập mờ thì đột nhiên hắn trở thành láo xược, dọa dẫm, thô bạo. Tại mặt trận phía Nam, ngày 3 tháng Năm, quân Véc-xây hạ đồn Mu-lanh-Xa-kê; ngày 9, hạ pháo đài Ít-xi đã bị đại bác bắn phá tan tành; ngày 14, hạ pháo đài Van-vơ. Tại mặt trận phía Tây, chúng tiến dần đến tận thành lũy chính, chiếm nhiều làng và nhà cửa ở sát cạnh tường thành phố; ngày 21 tháng Năm, chúng xâm nhập được vào thành phố vì có kẻ phản bội và vì sự sợ hở của Đội cận vệ quốc gia đồn trú ở đây. Quân Phổ đóng ở các pháo đài phía Bắc và phía Đông đã để cho quân Véc-xây tiến qua khu đất ở phía Bắc thành phố là nơi mà hiệp định đình chiến đã cấm không được đi qua, do đó đã cho phép quân Véc-xây tấn công trên một tuyến rộng lớn mà quân đội Pa-ri căn cứ vào những điều kiện của hiệp định đình chiến cho là đã được đảm bảo không bị tấn công từ tuyến đó nên chỉ bố trí rất ít quân phòng bị. Bởi vậy chỉ có rất ít sức kháng cự ở phần nửa phía Tây Pa-ri, tức là trong cái khu vực xa hoa thực sự của bọn giàu có; nhưng quân địch càng tiến gần vào nửa phía Đông của thủ đô, tức là vào khu phố thực sự công nhân, thì sức kháng cự càng kịch liệt và ngoan cường. Chỉ sau một cuộc chiến đấu tám ngày liền, những người bảo vệ cuối cùng của Công xã mới chịu ngã gục trên các khu đồi Ben-vin và Mê-nin-mông-tăng,

1* — Dác-boa

và lúc đó cuộc thảm sát đàn ông, đàn bà, và trẻ con tay không vũ khí, cuộc thảm sát đã diễn ra điên cuồng suốt một tuần và ngày càng tăng thêm, đã đạt đến tột đỉnh của nó. Súng trường nạp đạn từng viên lúc đó không giết được nhanh chóng nên người ta đã dùng súng máy để tàn sát hàng trăm người một lúc. "Bức tường của các chiến sĩ Công xã" ở nghĩa địa Pe-rơ-La-se-dơ nơi mà cuối cùng người ta đã giết hại hàng loạt người, ngày nay vẫn còn đứng đó như một nhân chứng im lặng nhưng hùng hồn về sự cuồng bạo mà giai cấp thống trị dám tiến hành khi giai cấp vô sản dám nổi dậy bảo vệ quyền lợi của mình. Rồi sau đó, khi thấy rõ là không thể giết hết được mọi người thì chúng quay ra bắt bớ hàng loạt, xử tử những người chọn ra một cách tùy tiện trong hàng ngũ những người bị bắt; lùa số còn lại vào các trại giam lớn để chờ đem ra xử trước các tòa án quân sự. Quân đội Phổ bao vây Pa-ri mặt Đông – Bắc đã nhận được lệnh không để cho một ai chạy thoát nhưng thường thường các sĩ quan đều làm ngơ khi binh sĩ nghe theo tiếng gọi của lòng nhân đạo hơn là tuân theo mệnh lệnh của thượng cấp; và đặc biệt nổi tiếng về thái độ nhân đạo thì có quân đoàn Dắc-den là quân đoàn đã để cho khá nhiều người rõ ràng là chiến sĩ Công xã, chạy thoát.

Nếu ngày nay, sau hai mươi năm, chúng ta nhìn lại hoạt động và ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri năm 1871, thì thấy cần phải bổ sung thêm một vài điểm vào bức họa mà tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" đã cung cấp cho chúng ta.

Các thành viên Công xã phân thành một đa số thuộc phái Blăng-ki, đã từng chiếm ưu thế trong Ban chấp hành trung ương Đội cận vệ quốc gia và một thiểu số gồm các hội viên Hội liên hiệp công nhân quốc tế mà phần lớn là những môn đồ thuộc trường phái xã hội chủ nghĩa của Pru-đông. Nói chung, những

người theo phái Blăng-ki hồi đó chỉ là những người xã hội chủ nghĩa do bản năng cách mạng, vô sản mà thôi; chỉ có một số nhỏ trong bọn họ, nhờ thông qua Vai-ăng là người đã từng hiểu biết chủ nghĩa xã hội khoa học Đức, mà có được một nhận thức rõ ràng hơn về những nguyên lý có tính nguyên tắc. Vì thế mà trên phương diện kinh tế, Công xã đã không làm khá nhiều việc mà theo quan niệm của chúng ta ngày nay, đáng lẽ nó phải thực hiện. Điều khó hiểu hơn hết, dĩ nhiên là thái độ cung kính của Công xã không dám bước vào ngưỡng cửa Ngân hàng Pháp. Đó cũng còn là một sai lầm nghiêm trọng về chính trị. Ngân hàng vào tay Công xã, điều đó có ý nghĩa lớn hơn là một vạn con tin. Điều đó sẽ khiến cho toàn bộ giai cấp tư sản Pháp buộc phải gây áp lực buộc chính phủ Vec-xây thương lượng hòa bình với Công xã. Nhưng điều kỳ diệu hơn nữa là tuy Công xã gồm những người thuộc phái Blăng-ki và Pru-đông nhưng vẫn thực hiện được rất nhiều việc đúng đắn. Dĩ nhiên là chịu trách nhiệm về những sắc lệnh kinh tế của Công xã, - về những ưu điểm và khuyết điểm của những sắc lệnh đó, – thì trước tiên là phái Pru-đông, cũng như chịu trách nhiệm về những hành vi và thiếu sót có tính chất chính trị của Công xã, là phái Blăng-ki. Và trong cả hai trường hợp thì lịch sử trớ trêu lại muốn rằng cả hai phái, đều làm ngược lại những tín hiệu mà học phái của họ đã từng dạy họ, như thường hay xảy ra khi những người tín điều chủ nghĩa lên nắm chính quyền.

Pru-đông, nhà xã hội chủ nghĩa của tầng lớp tiểu nông và thợ thủ công, vốn rất ghét tổ chức liên hiệp. Ông đã từng nói rằng tổ chức liên hiệp thì xấu nhiều hơn là tốt, rằng do bản chất của nó nên nó là vô ích, thậm chí còn có hại nữa là khác, vì nó cản trở sự tự do của công nhân; tổ chức liên hiệp chỉ là một tín điều đơn thuần, vô dụng và kềnh càng, vừa trái với tự do của công nhân, lại vừa trái với nguyên tắc tiết kiệm lao động; mặt xấu

của nó phát triển nhanh hơn là mặt tốt của nó; ngược lại với nó, cạnh tranh, phân công lao động, quyền tư hữu vẫn là những lực lượng kinh tế có ích. Tổ chức liên hiệp lao động có lẽ chỉ thích dụng trong những trường hợp ngoại lệ, – Pru-đông đã từng nói những trường hợp ngoại lệ đó là công nghiệp lớn và các xí nghiệp lớn, như đường sắt chẳng hạn (xem "Quan niệm chung về cách mạng", thiên III)[198].

Nhưng năm 1871, ngay cả ở Pa-ri là trung tâm của nền thủ công mỹ nghệ phẩm thì như vậy đại công nghiệp cũng không còn là một trường hợp ngoại lệ nữa, cho nên Công xã đã ra một sắc lệnh hết sức quan trọng nhằm thiết lập một tổ chức của đại công nghiệp và ngay cả của công trường thủ công, một tổ chức không những phải dựa vào các hội liên hiệp công nhân được thành lập trong từng xưởng, mà còn phải liên kết tất cả các hội liên hiệp đó lại thành một hội liên hiệp lớn; tóm lại, một tổ chức, như Mác đã nói rất đúng trong tác phẩm "Nội chiến" cuối cùng phải dẫn đến chủ nghĩa cộng sản, nghĩa là dẫn đến cái đối lập trực tiếp với học thuyết của Pru-đông. Và cũng vì thế mà hồi ấy Công xã là mồ chôn học phái xã hội chủ nghĩa của Pru-đông. Ngày nay, học phái đó không còn tồn tại trong các giới công nhân Pháp nữa; bây giờ, học thuyết của Mác hoàn toàn thống trị cả trong phái "khả năng" cũng như trong phái "mác-xít". Chỉ ở trong phái tư sản "cấp tiến", người ta mới còn thấy có những người theo phái Pru-đông.

Đối với phái Blăng-ki, tình hình cũng không hơn gì. Được rèn luyện trong trường học của phái âm mưu, liên hệ chặt chẽ với nhau bằng kỷ luật nghiêm ngặt riêng của môn phái đó, phái Blăng-ki cho rằng một số tương đối nhỏ những người kiên quyết và có tổ chức tốt, có thể, khi thời cơ đến, không những đoạt lấy chính quyền, mà bằng cách phát huy một nghị lực to lớn, không có gì ngăn cản nổi, còn giữ vững được chính quyền cho đến khi

lôi cuốn được quần chúng nhân dân tham gia cách mạng và tập hợp họ lại xung quanh bộ phận lãnh đạo nhỏ bé. Muốn thế, trước hết cần phải có một sự tập trung chuyên chính hết sức chặt chẽ toàn bộ quyền lực vào tay chính phủ cách mạng mới. Và Công xã mà đa số chính là gồm toàn những người thuộc phái Blăng-ki, đã làm những gì? Trong tất cả những lời tuyên bố của mình với nhân dân Pháp ở các địa phương, Công xã đều kêu gọi họ tiến tới liên kết tất cả các công xã ở Pháp với Pa-ri thành một liên bang tự do, thành một tổ chức quốc gia, lần đầu tiên do chính dân tộc thực sự tạo nên. Còn về quyền lực áp bức của chính phủ từ trước tới nay vẫn theo chế độ tập quyền, – tức là quân đội, cảnh sát chính trị, bộ máy quan liêu do Na-pô-lê-ông tạo ra năm 1798, và từ đó đều được mỗi chính phủ mới lên cầm quyền tiếp nhận coi đó là một công cụ mong muốn và dùng để chống lại kẻ thù của nó, – chính quyền lực ấy phải bị lật đổ khắp mọi nơi ở nước Pháp như nó đã bị lật đổ ở Pa-ri.

Công xã phải thừa nhận ngay từ đầu rằng giai cấp công nhân một khi nắm quyền thống trị thì không thể cứ tiếp tục quản lý bằng bộ máy nhà nước cũ được, muốn không để mất một lần nữa quyền thống trị mà chính mình vừa mới giành được, giai cấp công nhân đó, một mặt phải gạt bỏ toàn bộ bộ máy áp bức cũ từ trước đến nay vẫn được dùng để chống lại mình, nhưng mặt khác lại phải đề phòng những đại biểu và viên chức của chính mình bằng cách tuyên bố tất cả những người này không trừ một ai, đều có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào. Đặc điểm của nhà nước trước đây là gì? Lúc đầu xã hội, bằng sự phân công đơn giản trong lao động, thiết lập ra những cơ quan đặc thù để bảo vệ những lợi ích chung của mình. Nhưng với thời gian, các cơ quan ấy, mà cơ quan chủ chốt là chính quyền nhà nước, do phục vụ lợi ích riêng của mình, đã từ chỗ là tôi tớ của xã hội biến thành chủ nhân của xã hội. Có thể thấy được điều đó, chẳng hạn, không những trong chế độ quân chủ thế tập, mà cả trong

chế độ cộng hòa dân chủ nữa. Không ở đâu mà "những nhà chính trị" lại là một nhóm người cách biệt hơn và có quyền thế hơn trong dân tộc, như chính ở nước Mỹ. Tại đấy, bản thân mỗi một đảng trong hai đảng lớn thay nhau lên cầm quyền, đều được lãnh đạo bởi những người coi chính trị là một việc kinh doanh, đầu cơ những ghế đại biểu tại các hội nghị lập pháp của liên bang cũng như tại các hội nghị lập pháp của các bang, hoặc sinh sống về công tác cổ động cho đảng của họ và được thưởng bằng những chức vị một khi đảng họ thắng. Người ta biết khá rõ ràng từ ba mươi năm nay, người Mỹ đã tốn biết bao công sức để tìm cách cởi bỏ cái ách đã trở nên không thể chịu đựng được ấy và mặc dù như thế, họ vẫn càng ngày càng bị lún sâu hơn như thế nào vào cái vũng bùn đồi trụy đó. Chính nước Mỹ là nơi ở đó người ta mới có thể thấy rõ được hơn cả rằng chính quyền nhà nước vốn lúc đầu chỉ là một công cụ của xã hội, sau đã đi đến chỗ trở thành độc lập đối với xã hội như thế nào. Tại đấy, không có vua chúa, không có quý tộc, không có quân đội thường trực, trừ một nhóm binh lính được trả công để giám sát những người In-đi-an, cũng không có bộ máy quan liêu với những chức vụ cố định và quyền nhận lương hưu trí. Thế mà chúng ta lại thấy ở đấy, có hai băng nhóm lớn những tên đầu cơ chính trị, chúng thay nhau nắm giữ chính quyền nhà nước và lợi dụng chính quyền đó bằng những thủ đoạn hết sức hủ bại, nhằm những mục đích hết sức vô liêm sỉ, và cả nước đều bất lực trước hai tập đoàn lớn những chính khách tự xưng là phục vụ đất nước nhưng thực ra, lại thống trị và cướp bóc đất nước.

Để tránh cái tình trạng không thể tránh khỏi được ấy trong tất cả các nhà nước tồn tại từ trước đến nay, – tức là tình trạng nhà nước nguyên là tôi tớ của xã hội, sau biến thành chủ nhân của xã hội, – Công xã đã dùng hai biện pháp hết sức công hiệu. Thứ nhất là Công xã đã đưa tất cả những chức vị hành chính, tư pháp, giáo dục quốc dân ra để thông qua đầu phiếu phổ thông

mà chọn người đảm nhiệm, và đồng thời đã thi hành quyền bãi miễn những người được bầu ấy bất cứ lúc nào, căn cứ vào quyết nghị của những cử tri đã bầu ra họ. Và thứ hai là nó trả cho tất cả các công chức, từ việc thấp nhất đến việc cao nhất, một số tiền lương bằng lương của các công nhân khác. Nói chung, số lương cao nhất mà Công xã đã trả là 6000 phrăng. Như vậy là đã tạo ra được một trở ngại chắc chắn để phòng ngừa tình trạng chạy chọt chức vị và chủ nghĩa thăng quan phát tài, và ngoài ra Công xã còn thi hành thêm chế độ ủy nhiệm thư mà các đại biểu được bầu vào các cơ quan đại diện tuyệt đối phải tuân theo.

Việc phá hủy chính quyền nhà nước cũ và thay thế nó bằng một chính quyền nhà nước mới, thật sự dân chủ, đã được mô tả tỉ mỉ trong phần thứ ba của tác phẩm "Nội chiến". Nhưng ở đây, cần phải nhắc lại tóm tắt một số nét của sự thay thế đó, vì chính ở Đức, sự mê tín nhà nước đã chuyển từ địa hạt triết học vào ý thức chung của giai cấp tư sản và ngay cả vào ý thức của nhiều công nhân nữa. Theo học thuyết của các nhà triết học, nhà nước là "sự thực hiện ý niệm" hay diễn đạt bằng ngôn ngữ triết học là sự ngự trị thượng đế trên trái đất; nhà nước là lĩnh vực ở đó chân lý và chính nghĩa vĩnh cửu được thực hiện hoặc phải được thực hiện. Do đó sinh ra tôn sùng một cách mê tín nhà nước và tất cả những cái gì có quan hệ với nó, lòng tôn sùng mê tín đó lại càng ăn sâu dễ dàng, vì ngay từ thời thơ ấu, người ta đã quen với cái lối nghĩ cho rằng tựa hồ như tất cả mọi công việc và lợi ích công cộng của toàn thể xã hội chỉ có thể thực hiện và bảo vệ bằng thủ đoạn cũ, nghĩa là thông qua nhà nước và những quan lại lương cao bổng hậu của nó. Người ta tưởng tượng là đã tiến được một bước táo bạo phi thường, nếu họ tự giải thoát khỏi lòng tôn sùng chế độ quân chủ thế tập và trở thành những người theo chế độ cộng hòa dân chủ. Nhưng thực ra, nhà nước chẳng qua chỉ là một bộ máy của một giai cấp này

dùng để trấn áp một giai cấp khác, điều đó, trong chế độ cộng hòa dân chủ cũng hoàn toàn giống như trong chế độ quân chủ. Và trong trường hợp tốt nhất, người ta cũng có thể nói được rằng nhà nước cũng chỉ là một tai họa mà giai cấp vô sản chiến thắng trong cuộc đấu tranh giành quyền thống trị giai cấp đã thừa hưởng; cũng giống như Công xã trước kia, giai cấp vô sản chiến thắng sẽ không thể không tức khắc tước bỏ những mặt nguy hại nhất của tai họa đó, cho đến khi một thế hệ lớn lên trong những điều kiện xã hội mới và tự do, có đủ sức vứt bỏ được tất cả cái thứ đồ cũ là nhà nước kia đi.

Gần đây, người phi-li-xtanh dân chủ – xã hội khi nghe nói đến những từ chuyên chính vô sản, đã đâm ra hoảng sợ chí chết. Này các ngài, các ngài có muốn biết chuyên chính vô sản là gì không? Xin các ngài hãy nhìn vào Công xã Pa-ri. Chuyên chính vô sản là thế đấy.

Viết ở Luân Đôn để kỷ niệm lần thứ hai mươi Công xã Pa-ri, ngày 18 tháng Ba 1891.

Ph.Ăng-ghen

Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" Bd.2, số 28, 1890 – 1891 và trong cuốn sách: Marx. "Der Bürgerkrieg in Frankreich". Berlin, 1891

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

mà chọn người đảm nhiệm, và đồng thời đã thi hành quyền bãi miễn những người được bầu ấy bất cứ lúc nào, căn cứ vào quyết nghị của những cử tri đã bầu ra họ. Và thứ hai là nó trả cho tất cả các công chức, từ việc thấp nhất đến việc cao nhất, một số tiền lương bằng lương của các công nhân khác. Nói chung, số lương cao nhất mà Công xã đã trả là 6000 phrăng. Như vậy là đã tạo ra được một trở ngại chắc chắn để phòng ngừa tình trạng chạy chọt chức vị và chủ nghĩa thăng quan phát tài, và ngoài ra Công xã còn thi hành thêm chế độ ủy nhiệm thư mà các đại biểu được bầu vào các cơ quan đại diện tuyệt đối phải tuân theo.

Việc phá hủy chính quyền nhà nước cũ và thay thế nó bằng một chính quyền nhà nước mới, thật sự dân chủ, đã được mô tả tỉ mỉ trong phần thứ ba của tác phẩm "Nội chiến". Nhưng ở đây, cần phải nhắc lại tóm tắt một số nét của sự thay thế đó, vì chính ở Đức, sự mê tín nhà nước đã chuyển từ địa hạt triết học vào ý thức chung của giai cấp tư sản và ngay cả vào ý thức của nhiều công nhân nữa. Theo học thuyết của các nhà triết học, nhà nước là "sự thực hiện ý niệm" hay diễn đạt bằng ngôn ngữ triết học là sự ngự trị thượng đế trên trái đất; nhà nước là lĩnh vực ở đó chân lý và chính nghĩa vĩnh cửu được thực hiện hoặc phải được thực hiện. Do đó sinh ra tôn sùng một cách mê tín nhà nước và tất cả những cái gì có quan hệ với nó, lòng tôn sùng mê tín đó lại càng ăn sâu dễ dàng, vì ngay từ thời thơ ấu, người ta đã quen với cái lối nghĩ cho rằng tựa hồ như tất cả mọi công việc và lợi ích công cộng của toàn thể xã hội chỉ có thể thực hiện và bảo vệ bằng thủ đoạn cũ, nghĩa là thông qua nhà nước và những quan lại lương cao bổng hậu của nó. Người ta tưởng tượng là đã tiến được một bước táo bạo phi thường, nếu họ tự giải thoát khỏi lòng tôn sùng chế độ quân chủ thế tập và trở thành những người theo chế độ cộng hòa dân chủ. Nhưng thực ra, nhà nước chẳng qua chỉ là một bộ máy của một giai cấp này

dùng để trấn áp một giai cấp khác, điều đó, trong chế độ cộng hòa dân chủ cũng hoàn toàn giống như trong chế độ quân chủ. Và trong trường hợp tốt nhất, người ta cũng có thể nói được rằng nhà nước cũng chỉ là một tai họa mà giai cấp vô sản chiến thắng trong cuộc đấu tranh giành quyền thống trị giai cấp đã thừa hưởng; cũng giống như Công xã trước kia, giai cấp vô sản chiến thắng sẽ không thể không tức khắc tước bỏ những mặt nguy hại nhất của tai họa đó, cho đến khi một thế hệ lớn lên trong những điều kiện xã hội mới và tự do, có đủ sức vứt bỏ được tất cả cái thứ đồ cũ là nhà nước kia đi.

Gần đây, người phi-li-xtanh dân chủ – xã hội khi nghe nói đến những từ chuyên chính vô sản, đã đâm ra hoảng sợ chí chết. Này các ngài, các ngài có muốn biết chuyên chính vô sản là gì không? Xin các ngài hãy nhìn vào Công xã Pa-ri. Chuyên chính vô sản là thế đấy.

Viết ở Luân Đôn để kỷ niệm lần thứ hai mươi Công xã Pa-ri, ngày 18 tháng Ba 1891.

Ph.Ăng-ghen

Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" Bd.2, số 28, 1890 – 1891 và trong cuốn sách: Marx. "Der Bürgerkrieg in Frankreich". Berlin, 1891

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI BAN TỔ CHỨC CUỘC MÍT-TINH QUỐC TẾ Ở MI-LA-NÔ ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN LAO ĐỘNG[200]

Các ông thân mến!

Tôi vô cùng lấy làm tiếc là tôi không thể nhận lời mời rất chân tình và rất vinh dự đối với tôi của các ông mời đến dự cuộc mít-tinh ngày 12 tháng Tư của các ông. Tôi càng lấy làm tiếc về điều này vì tôi cảm thấy mình đặc biệt gắn bó với đất nước các ông, bởi cách đây hai mươi năm về trước tôi đã giữ cương vị bí thư phụ trách liên lạc với I-ta-li-a trong Tổng hội đồng của Hội liên hiệp công nhân quốc tế [201]. Từ ấy Quốc tế này không còn tồn tại chính thức nữa; nhưng trong tình đoàn kết của giai cấp công nhân tất cả các nước thì nó sống mãi; và giờ đây nó đã trở nên đầy sức sống hơn và mạnh hơn bất cứ lúc nào, mạnh đến mức hình thức cũ chính thức những năm 1864 – 1875 sẽ quá chật hẹp đối với hàng triệu công nhân Âu, Mỹ đã tập hợp dưới ngọn cờ đỏ của giai cấp vô sản chiến đấu. Tôi hy vọng cùng các ông rằng cuộc mít-tinh ngày 12 tháng Tư của các ông sẽ dẫn thêm nhiều đội ngũ chiến sĩ vào đạo quân vĩ đại của giai cấp vô sản quốc tế; rằng nó sẽ thúc đẩy mạnh mẽ việc củng cố những quan hệ đoàn kết đang gắn bó công nhân I-ta-li-a với những người anh em của họ ở phía bên kia dẫy An-pơ – với người Pháp, người Đức, người Xla-vơ; và cuối cùng, rằng nó sẽ

mở ra một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng của giai cấp vô sản I-ta-li-a.

Trong hai mươi năm chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn; nhưng còn phải làm nhiều nữa thì chúng ta mới giành được thắng lợi mau lẹ và chắc chắn. Dunque, avanti, sempre avanti! [1*]

Luân Đôn, ngày 9 tháng Tư 1891

Ph.Ă.

Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t. XVI, ph. II, 1936

In theo bản sơ thảo Nguyên văn là tiếng Pháp

1* – Vậy, tiến lên, luôn luôn tiến lên!

LỜI NÓI ĐẦU VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN LẺ TÁC PHẨM CỦA C.MÁC "LAO ĐỘNG LÀM THUÊ VÀ TƯ BẢN" NĂM 1891 [202]

Tác phẩm này được công bố lần đầu tiên vào năm 1849, dưới dạng những bài xã luận đăng trên một loạt số báo "Neue Rheinische Zeitung", bắt đầu từ ngày 5 tháng Tư năm đó. Làm cơ sở cho cuốn sách này, là những bài giảng của *Mác* đọc tại Hội công nhân Đức ở Bruy-xen năm 1847 [203]. Tác phẩm chưa được in hết; mặc dầu trong số báo 269, ở cuối bài vẫn ghi "còn nữa", nhưng việc công bố tác phẩm ấy đã bị ngừng lại do những sự kiện xảy ra dồn dập hồi bấy giờ, như việc quân đội Nga xâm lược Hung-ga-ri, những cuộc khởi nghĩa ở Đre-xđen, I-đơ-lôn, En-bơ-phen-đơ, ở miền Pphan-txơ và miền Ba-đen [204], khiến cho chính ngay tờ báo đó cũng bị đình bản (19 tháng Năm 1849). Trong những di cảo của Mác, người ta cũng không hề tìm thấy bản thảo của phần tiếp theo [205].

Quyển "Lao động làm thuê và tư bản" đã mấy lần được xuất bản thành sách riêng dưới dạng một cuốn sách nhỏ; lần xuất bản gần đây là do Hội ấn loát Thụy Sĩ xuất bản ở Hốt-tinh-hen – Xuy-rích vào năm 1884. Cho đến nay, các lần xuất bản đó vẫn theo đúng nguyên văn bản chính. Nhưng vì lần tái bản này là một cuốn sách mỏng có tính chất tuyên truyền, với số lượng

in không dưới 10000 bản, nên tôi tự hỏi rằng trong những điều kiện như vậy, liệu Mác có tán thành in lại mà không sửa đổi gì nguyên bản hay không.

Vào những năm 40, Mác còn chưa hoàn thành sự phê phán của mình đối với môn kinh tế chính trị. Mãi đến cuối những năm 50, ông mới làm xong việc đó. Bởi vậy, những trước tác của ông xuất bản trước tập thứ nhất cuốn "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" (năm 1859) có một số điểm cá biệt khác với những tác phẩm mà ông viết sau năm 1859. Những trước tác đó có những từ ngữ và trọn những câu, mà nếu đem so với những tác phẩm sau này, thì thấy là không đạt và thậm chí còn sai nữa. Dĩ nhiên là trong những lần xuất bản thường, nhằm phục vụ công chúng độc giả nói chung, thì quan điểm hồi trước ấy của tác giả – quan điểm cấu thành một trong những giai đoạn phát triển tri thức của ông – cũng phải có địa vị nhất định của nó, và cả tác giả lẫn công chúng đều có quyền không thể chối cãi được là cho in lại những tác phẩm hồi trước đó mà không sửa đổi gì cả. Với một bản in như vậy, tôi chưa hề có ý nghĩ thay đổi lấy một chữ trong những tác phẩm đó.

Nhưng khi tái bản, có thể nói là gần như hoàn toàn chỉ nhằm để tuyên truyền trong công nhân thì lại khác. Trong trường hợp ấy, chắc chắn là Mác cũng sẽ sửa lại bản trình bày cũ năm 1849 cho hợp với quan điểm sau này của mình. Và tôi tin chắc rằng *trong lần xuất bản này*, sửa lại một đôi chỗ và thêm vào một đôi chỗ cần thiết để đạt được mục đích đó trên tất cả mọi điểm căn bản thì như thế là tôi cũng làm hoàn toàn theo tinh thần của Mác mà thôi. Vậy tôi xin nói trước với các bạn đọc: cuốn sách nhỏ này không giống hệt như quyển Mác đã viết năm 1849, mà lại gần giống với quyển sách mà Mác sẽ có thể viết năm 1891. Hơn nữa nguyên bản đã được phổ biến với một số lượng lớn đến mức hoàn toàn đủ dùng cho đến khi tôi có thể tái bản

nguyên bản ấy trong toàn tập sau này của Mác mà không sửa chữa gì.

Tất cả những điều tôi sửa đổi đều xoay quanh độc một điểm. Theo nguyên bản thì người công nhân bán *lao động* của mình cho nhà tư bản để lấy tiền công, theo bản mới này thì người công nhân bán *sức lao động* của mình. Tôi cần phải giải thích điểm sửa đổi ấy. Giải thích cho công nhân, là để cho họ nhận thấy rằng ở đây, không phải chỉ là vấn đề cãi vã trống rỗng về danh từ, mà trái lại, đó là một trong những quan điểm quan trọng nhất của toàn bộ khoa kinh tế chính trị. Giải thích cho những nhà tư sản, là để cho họ có thể thấy rõ rằng những công nhân vô học, mà, đối với họ, người ta có thể làm cho những kết luận phức tạp nhất về kinh tế trở nên dễ hiểu, là hơn hẳn bọn người "có văn hóa" và kiêu căng của chúng ta biết chừng nào, bọn người suốt đời không sao hiểu nổi những vấn đề phức tạp như thế cả.

Khoa kinh tế chính trị cổ điển mượn trong thực tiễn công nghiệp, cái quan niệm thông thường của người chủ xưởng cho rằng anh ta mua và trả công *lao động* của công nhân làm cho anh ta. Để kinh doanh, kế toán và tính toán giá cả thì đối với người chủ xưởng, quan niệm đó là hoàn toàn đầy đủ rồi. Nhưng nếu đem bê một cách ngây thơ quan niệm đó vào trong khoa kinh tế chính trị thì nó sẽ gây ra trong đó những điều mơ hồ và hỗn độn lạ thường.

Khoa kinh tế chính trị đứng trước sự thật này là giá cả của tất cả mọi thứ hàng hóa, trong đó có cả giá cả của thứ hàng hóa mà nó gọi là "lao động" nữa, đều thay đổi không ngừng; những giá cả đó lên và xuống do ảnh hưởng của rất nhiều hoàn cảnh khác nhau, mà những hoàn cảnh này thì thường thường lại không có quan hệ gì với việc sản xuất ra chính ngay bản thân hàng hóa cả, thành thử, hình như là nói chung, giá cả là do sự

ngẫu nhiên thuần túy quyết định. Nhưng khi khoa kinh tế chính trị trở thành một khoa học thì một trong những nhiệm vụ đầu tiên của nó là tìm ra cái quy luật ẩn đằng sau sự thống trị bề ngoài đó của ngẫu nhiên đối với giá cả hàng hóa và thực sự chi phối chính ngay ngẫu nhiên đó. Trong khuôn khổ những sự thay đổi không ngừng của giá cả hàng hóa và những biến động khi lên khi xuống của chúng, khoa học đã tìm ra cái trung tâm cố định mà những sự thay đổi và dao động ấy xoay chung quanh. Tóm lại, khoa kinh tế chính trị đã xuất phát từ *giá cả* của hàng hóa để tìm ra giá trị của hàng hóa, coi đó là quy luật điều tiết giá cả hàng hóa; xuất phát từ *giá trị*, sẽ có thể giải thích được tất cả mọi biến động của giá cả, và rốt cục lại, sẽ có thể quy tất cả những giá cả ấy vào giá trị đó.

Và khoa kinh tế chính trị cổ điển đã tìm ra rằng giá trị của một hàng hóa là do lao động đã nhập vào hàng hóa đó, cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó, quyết định. Nó lấy làm mãn nguyện với cách giải thích ấy. Tạm thời, chúng ta cũng có thể dừng lại ở đây một chút. Và chỉ để tránh những sự hiểu lầm, tôi thấy cần phải nhắc lại rằng hiện nay, lối giải thích như thế là hoàn toàn không đủ nữa rồi. Mác, lần đầu tiên, đã nghiên cứu một cách cặn kẽ cái đặc tính của lao động là tạo ra giá trị, đồng thời ông đã tìm ra rằng không phải bất cứ lao động nào, dù hình như hay thực sự cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa, lúc nào cũng đem lại cho hàng hóa ấy một số lượng giá trị tương đương với số lượng lao động đã bỏ ra. Do đó, nếu giờ đây, cùng với những nhà kinh tế học như Ri-các-đô, chúng tôi nói một cách giản đơn rằng giá trị của một hàng hóa là do lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó quyết định thì như thế có nghĩa là bao giờ, chúng tôi cũng hiểu theo những điều sửa đổi do Mác đã đưa ra. Ở đây, nói như thế là đủ rồi; bạn nào muốn biết thêm, xin xem cuốn "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", 1859, và quyển I, bộ "Tư bản" của Mác [206].

Nhưng một khi các nhà kinh tế học đem áp dụng cái quy luật giá trị là do lao động quyết định, vào thử hàng hóa "lao động" thì họ liền rơi vào hết mâu thuẫn này đến mâu thuẫn khác. Cái gì quyết định giá trị của "lao động"? Lao động cần thiết bao hàm ở trong đó. Nhưng trong lao động của một công nhân trong một ngày, một tuần, một tháng, một năm thì có bao nhiêu lao động? Có lao động của một ngày, một tuần, một tháng, một năm. Nếu lao động là thước đo cho tất cả mọi giá trị thì chúng ta chỉ có thể biểu hiện "giá trị của lao động" bằng lao động mà thôi. Nhưng khi chúng ta chỉ biết rằng giá trị của một giờ lao động là bằng một giờ lao động thì tuyệt nhiên chúng ta chẳng biết gì về giá trị của một giờ lao động cả. Như thế, chúng ta chẳng nhích thêm được một tý nào tới mục đích của chúng ta cả; chúng ta vẫn tiếp tục loay hoay trong một vòng luẩn quẩn mà thôi.

Bởi vậy, khoa kinh tế chính trị cổ điển đã mưu toan đi theo một hướng khác; nó nói rằng giá trị của một hàng hóa bằng những chi phí để sản xuất ra hàng hóa đó. Nhưng chi phí sản xuất ra lao động là cái gì? Để trả lời câu hỏi đó, các nhà kinh tế học buộc phải cưỡng ép lô-gích một chút. Họ không nghiên cứu những chi phí sản xuất ra bản thân lao động, những chi phí này tiếc thay không thể nào xác định được, mà họ lại đi tìm xem những chi phí sản xuất ra *người công nhân* là gì; những chi phí này có thể xác định được. Những chi phí này thay đổi tùy theo thời gian và hoàn cảnh; nhưng trong một trạng thái xã hội nhất định, một địa phương nhất định, một ngành sản xuất nhất định thì những chi phí này cũng là một đại lượng xác định, ít ra cũng là xác định trong những giới hạn khá chật hẹp. Hiện nay, chúng ta sống trong điều kiện thống trị của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong đó một giai cấp lớn và ngày càng đông đảo trong dân cư chỉ có thể sống được trong trường hợp giai cấp đó lao động cho những kẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất – công cụ, máy móc, nguyên liệu và tư liệu sinh hoạt – để lấy tiền

công. Trong những điều kiện của phương thức sản xuất đó, những chi phí sản xuất ra người công nhân là tổng số những tư liệu sinh hoạt – hay là tổng số giá cả bằng tiền của những tư liệu sinh hoạt đó – trung bình cần thiết để làm cho người công nhân có khả năng lao động, để duy trì khả năng lao động ấy, và khi người công nhân bị bệnh hoạn, tuổi tác hay cái chết loại ra ngoài sản xuất thì thay người công nhân đó bằng một người công nhân khác, nghĩa là để bảo đảm duy trì và tăng thêm giai cấp công nhân theo một quy mô cần thiết. Chúng ta hãy giả định rằng giá cả bằng tiền của những tư liệu sinh hoạt đó, trung bình là ba mác một ngày.

Như thế là người công nhân của chúng ta nhận của nhà tư bản thuê mình, một số tiền công là 3 mác một ngày. Với số tiền công đó, nhà tư bản bắt người công nhân đó lao động 12 giờ một ngày chẳng hạn. Trong việc này, nhà tư bản tính toán đại thể như sau:

Giả sử người công nhân của ta – một người thợ nguội – phải làm một bộ phận máy mà anh ta làm xong trong một ngày. Nguyên liệu – sắt và đồng thau dưới hình thức cần thiết, đã được chế biến trước – trị giá là 20 mác. Cứ cho rằng việc tiêu dùng than cho máy hơi nước, sự hao mòn của máy hơi nước đó, của máy tiện và của các dụng cụ khác mà người công nhân sử dụng, tính trong một ngày và cho một công nhân, trị giá là 1 mác. Theo giả định của chúng ta thì tiền công trong một ngày là 3 mác. Tổng cộng lại, người ta đã chi phí vào bộ phận máy đó là 24 mác. Nhưng nhà tư bản hy vọng bán cho khách hàng của y với một giá cả trung bình là 27 mác, nghĩa là 3 mác nhiều hơn số chi phí y đã bỏ ra.

3 mác mà nhà tư bản bỏ túi đó, ở đâu mà ra? Khoa kinh tế chính trị cổ điển cho rằng những hàng hóa được bán trung bình theo giá trị của chúng, nghĩa là theo những giá cả phù hợp với

số lượng lao động cần thiết chứa đựng trong những hàng hóa đó. Như thế là giá cả trung bình của bộ phận máy nói trên – 27 mác – sẽ ngang với giá trị của nó, ngang với lao động đã nhập vào nó. Nhưng trong số 27 mác đó thì 21 mác là giá trị có trước khi người thợ nguội của chúng ta bắt tay vào việc. 20 mác là nguyên liệu, 1 mác là than đốt trong khi làm việc hay là những máy móc và dụng cụ đã được tiêu dùng trong thời gian đó, và khả năng hoạt động của những máy móc và dụng cụ này cũng giảm đi một cách tương ứng. Còn lại 6 mác là số đã được thêm vào giá trị của nguyên liệu. Nhưng 6 mác đó, theo giả định của bản thân các nhà kinh tế học của chúng ta, chúng chỉ có thể nảy sinh từ lao động mà người công nhân của chúng ta đã bỏ thêm vào nguyên liệu mà thôi. Vậy là mười hai giờ lao động của người công nhân đó đã sáng tạo ra một giá trị mới là 6 mác. Do đó, giá trị của lao động 12 giờ của anh ta bằng 6 mác. Như vậy là rốt cuộc chúng ta đã tìm ra "giá trị của lao động" là cái gì rồi.

Hãy khoan! – người thợ nguội của chúng ta sẽ kêu lên. – Sáu mác ư? Nhưng tôi chỉ lĩnh có 3 mác kia mà! Nhà tư bản của tôi thề sống thề chết rằng giá trị 12 giờ lao động của tôi chỉ bằng 3 mác thôi, và hắn sẽ chế giễu tôi nếu tôi đòi 6 mác. Thế là nghĩa làm sao?

Nếu trước kia, với giá trị của lao động của chúng ta, chúng ta rơi vào một vòng luẩn quẩn thì bây giờ, chúng ta lại hoàn toàn sa vào một mâu thuẫn không sao giải quyết được. Chúng ta đã tìm giá trị của lao động và đã tìm được nhiều hơn cái chúng ta cần đến. Đối với người công nhân thì giá trị 12 giờ lao động là 3 mác; còn đối với nhà tư bản, lại là 6 mác, trong số này, nhà tư bản trả công cho công nhân 3 mác, còn 3 mác thì hắn bỏ túi. Như thế là lao động sẽ có hai giá trị, chứ không phải một giá trị, hơn nữa lại là hai giá trị rất khác nhau.

Mâu thuẫn càng trở thành vô lý hơn, khi chúng ta quy những giá trị biểu hiện bằng tiền, thành thời gian lao động. Trong 12 giờ lao động thì tạo ra được một giá trị mới là 6 mác. Nghĩa là trong 6 giờ lao động, sẽ tạo ra được một giá trị là 3 mác, tức là số tiền mà người công nhân được lĩnh về số lao động 12 giờ. Với một lao động 12 giờ thì người công nhân nhận được sản phẩm của 6 giờ lao động, coi là một vật ngang giá. Vậy thì, hoặc giả lao động có hai giá trị trong đó một giá trị gấp đôi giá trị kia, hoặc giả 12 bằng 6! Trong cả hai trường hợp người ta đều đi đến một sự vô lý hoàn toàn.

Chừng nào chúng ta còn nói đến việc mua và bán lao động và đến giá trị lao động thì dù chúng ta có loay hoay đến mấy chăng nữa, chúng ta cũng vẫn không thoát khỏi được mâu thuẫn đó. Các nhà kinh tế học của chúng ta cũng lâm vào tình trạng như vậy. Đại biểu cuối cùng của khoa kinh tế chính trị cổ điển, trường phái Ri-các-đô, đã thất bại, phần lớn cũng vì trường phái đó không thể giải quyết được mâu thuẫn ấy. Khoa kinh tế chính trị cổ điển đã sa vào con đường bế tắc. Người tìm ra lối thoát khỏi con đường bế tắc đó, đó chính là Các Mác.

Cái mà những nhà kinh tế học trước kia coi là chi phí sản xuất ra "lao động" thì lại là chi phí sản xuất ra chính ngay người công nhân đang sống, chứ không phải chi phí sản xuất ra lao động. Và cái người công nhân đó bán cho nhà tư bản thì không phải là lao động của người công nhân. Mác nói: "Một khi lao động của anh ta thực sự bắt đầu thì nó không còn thuộc về anh ta, do đó anh ta không còn có thể bán lao động đó được" [207]. Vậy thì nhiều lắm, anh ta chỉ có thể bán được lao động sau này của anh ta thôi, nghĩa là anh ta có thể cam kết sẽ làm một công việc nhất định vào một thời gian nhất định. Nhưng như thế thì không phải anh ta đem bán lao động (lao động đó còn phải được anh ta thực hiện đã) mà là đem sức lao động của mình cho nhà

tư bản sử dụng trong một thời gian nhất định (trong chế độ trả công nhật) hay sử dụng để hoàn thành một việc nhất định (trong chế độ trả công khoán), để đổi lấy một số tiền công nhất định; anh ta cho thuê sức lao động của mình, hay nói cách khác, bán sức lao động đó. Nhưng sức lao động ấy lại gắn liền với con người của anh ta và không thể tách rời khỏi con người của anh ta được. Vì vậy, chi phí sản xuất ra sức lao động ăn khớp với chi phí sản xuất ra bản thân người công nhân; cái mà những nhà kinh tế học gọi là chi phí sản xuất ra lao động thì chính đó là những chi phí sản xuất ra người công nhân, và do đó, là chi phí sản xuất ra sức lao động. Và như vậy là chúng ta có thể đi từ chi phí sản xuất ra sức lao động đến giá trị của sức lao động, và xác định được số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra sức lao động có một phẩm chất nhất định, – điều mà Mác đã làm trong phần nói về việc mua và bán sức lao động ("Tư bản", t. I, ch, IV, tiết 3) [208].

Thế thì cái gì đã xảy ra, sau khi người công nhân bán sức lao động của mình cho nhà tư bản, nghĩa là đã đem sức lao động của mình cho nhà tư bản sử dụng, để lấy một số tiền công được thỏa thuận từ trước – tiền công nhật hay tiền công làm khoán? Nhà tư bản dẫn người công nhân vào xưởng hay vào nhà máy của y, trong đó đã có sẵn tất cả những vật dụng cần thiết cho lao động: nguyên liệu, vật liệu phụ (than, thuốc nhuộm, v.v.), công cụ, máy móc. Tại đó, người công nhân bắt tay vào công việc. Cứ cho rằng tiền công hàng ngày của anh ta là 3 mác, như chúng ta đã giả thiết trên kia, – hơn nữa dù anh ta làm công nhật hay làm khoán, thì điều đó cũng không quan trọng. Ở đây, chúng ta cũng giả định đúng như thế rằng với lao động của mình trong 12 giờ, người công nhân kết hợp vào số nguyên liệu đã sử dụng, một giá trị mới là 6 mác, giá trị mới này được nhà tư bản thực hiện khi bán sản phẩm đã làm xong. Trong số tiền bán được, y trả cho người công nhân 3 mác, nhưng còn 3 mác kia

thì hắn ta giữ lấy cho mình. Nhưng nếu trong 12 giờ, người công nhân tạo ra được một giá trị là 6 mác thì trong 6 giờ, sẽ tạo ra được một giá trị là 3 mác. Như vậy, khi người công nhân lao động cho nhà tư bản 6 giờ thì anh ta đã cung cấp cho nhà tư bản một vật ngang giá là 3 mác mà anh ta đã lĩnh dưới dạng tiền công. Sau 6 giờ lao động, cả hai bên đều không nợ nần gì nhau cả, chẳng ai thiếu ai một đồng xu.

Khoan đã – bây giờ nhà tư bản lại kêu lên.– Tôi đã thuê người công nhân trọn cả ngày, mười hai giờ. Mà 6 giờ mới chỉ là một nửa ngày thôi. Vậy anh hãy cứ làm riết cho kỳ hết cả sáu giờ kia đi, – chỉ đến lúc đó, chúng ta mới không nợ nần gì nhau cả! Và quả vậy, người công nhân phải thực hiện giao kèo mà anh ta đã "tự nguyện" ký kết, theo giao kèo này thì anh ta cam đoan lao động cả 12 giờ để nhận một sản phẩm trị giá 6 giờ lao động.

Trong trường hợp trả công theo sản phẩm, tình hình cũng giống hệt như vậy. Giả sử trong mười hai giờ, người công nhân của chúng ta chế tạo được 12 đơn vị hàng hóa. Mỗi một đơn vị đó tốn mất 2 mác tiền nguyên liệu và hao mòn, và bán được 2 1/2 mác. Như vậy, với những điều kiện như đã giả thiết trên đây, nhà tư bản sẽ trả cho công nhân 25 phen-ni mỗi đơn vị; tính cho 12 đơn vị thì số tiền đó sẽ là 3 mác, mà người công nhân phải lao động 12 giờ mới nhận được. Nhà tư bản bán 12 đơn vị đó được 30 mác; trừ đi 24 mác là nguyên liệu và hao mòn thì còn lại 6 mác, trong đó nhà tư bản trả cho người công nhân 3 mác dưới dạng tiền công, còn bỏ túi 3 mác. Tất cả đều diễn ra giống như trên kia. Ở đây cũng thế, người công nhân lao động 6 giờ cho mình, nghĩa là lao động để hoàn lại tiền công của mình (cứ mỗi một giờ trong 12 giờ đó thì làm nửa giờ) và 6 giờ cho nhà tư bản.

Cái khó khăn đã phá vỡ những nỗ lực của các nhà kinh tế

học ưu tú nhất, chừng nào họ còn xuất phát từ giá trị của "lao động", sẽ không còn nữa khi chúng ta xuất phát từ giá trị của "*sức lao động*", chứ không xuất phát từ giá trị của "lao động". Trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay của chúng ta, sức lao động là một hàng hóa như tất cả mọi hàng hóa khác, tuy nhiên nó vẫn là một thứ hàng hóa hoàn toàn đặc biệt. Sở dĩ như vậy là vì hàng hóa này có một thuộc tính đặc biệt; nó là một lực lượng sáng tạo ra giá trị, là một nguồn giá trị, hơn nữa, khi được tiêu dùng một cách thỏa đáng thì nó lại là một nguồn sản xuất ra nhiều giá trị hơn giá trị mà bản thân nó có. Trong tình trạng sản xuất hiện nay, sức lao động của con người trong một ngày không những sản xuất ra một giá trị lớn hơn là giá trị mà bản thân sức lao động đó có và trị giá; mỗi một lần có một phát minh khoa học mới, mỗi lần có một sáng chế kỹ thuật mới thì phần dư ra đó trong sản phẩm hàng ngày của sức lao động lại tăng lên so với những chi phí hàng ngày cho sức lao động đó; do đó, phần ngày lao động trong đó người công nhân sản xuất cái để hoàn lại số tiền công hàng ngày của mình, giảm xuống, còn mặt khác, phần ngày lao động, trong đó người công nhân phải *cung cấp không công lao động* của mình cho nhà tư bản, lại tăng lên.

Cơ cấu kinh tế của toàn xã hội chúng ta ngày nay là như vậy, giai cấp công nhân chính là giai cấp duy nhất sản xuất ra tất cả mọi giá trị. Vì giá trị chỉ là một biểu hiện khác của lao động, biểu hiện mà trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay của chúng ta, người ta dùng để chỉ số lượng lao động xã hội cần thiết chứa đựng trong một hàng hóa nhất định. Nhưng những giá trị do công nhân sản xuất ra đó, lại không thuộc về công nhân. Chúng thuộc về những kẻ chiếm hữu nguyên liệu, máy móc, công cụ và những món tiền ứng trước, là những thứ khiến cho những kẻ chiếm hữu ấy có thể mua được sức lao động của giai cấp công nhân. Do vậy, trong toàn bộ cái khối những sản phẩm do giai

cấp công nhân tạo ra, giai cấp công nhân chỉ nhận được trở lại có một phần thôi. Còn phần khác, mà giai cấp các nhà tư bản giữ lấy cho mình hay quá lắm thì cũng chỉ phải chia với giai cấp địa chủ thôi, thì như chúng ta vừa mới thấy, lại tăng lên mỗi lần có một phát minh hay sáng chế mới; trong lúc đó, phần mà giai cấp công nhân được hưởng (tính theo đầu người) thì hoặc là chỉ tăng lên rất chậm và rất ít, hoặc là hoàn toàn không tăng lên, và trong những điều kiện nhất định, thậm chí còn giảm xuống nữa.

Nhưng những phát minh và những sáng chế loại trừ lẫn nhau với một tốc độ ngày càng nhanh hơn ấy, năng suất lao động của con người ngày càng tăng lên với những quy mô từ trước tới nay chưa từng thấy ấy, cuối cùng, sẽ tạo ra một sự xung đột khiến cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện nay phải sụp đổ. Một bên là những của cải nhiều vô kể và một số sản phẩm thừa mà những người mua không thể nào tiêu thụ hết được. Bên khác là quần chúng đông đảo của xã hội, bị vô sản hóa, bị biến thành những công nhân làm thuê và chính vì thế mà bị lâm vào tình cảnh không có khả năng mua được số sản phẩm thừa đó. Tình trạng xã hội phân liệt thành một giai cấp gồm một số ít người giàu có vô cùng và một giai cấp đông đảo gồm những người làm thuê không có của, làm cho xã hội đó nghẹt thở ngay trong sự thừa thãi của mình, trong khi đó thì đại đa số thành viên của xã hội lại hầu như không được bảo vệ hay tuyệt nhiên không được bảo vệ khỏi sự khốn cùng đến tột độ. Một trạng thái xã hội như thế ngày càng trở nên vô lý và không cần thiết. Nó phải được xóa bỏ, và có thể bị xóa bỏ. Có thể có một chế độ xã hội mới trong đó sẽ không còn có những sự phân biệt giai cấp hiện nay nữa, và trong đó – chắc chắn là sau một thời kỳ quá độ ngắn, gán với một số thiếu thốn nào đó, nhưng dù sao cũng rất có ích về mặt đạo đức – những phương tiện để sinh sống, để hưởng thụ những niềm vui của cuộc đời, để có được học vấn, và để

biểu hiện tất cả mọi năng lực thể chất và tinh thần của mình, sẽ được giao cho tất cả mọi thành viên trong xã hội sử dụng ngày càng đầy đủ, nhờ sử dụng có kế hoạch và phát triển hơn nữa những lực lượng sản xuất to lớn hiện đã có sẵn, bằng chế độ lao động bắt buộc như nhau đối với mọi người. Còn bằng chứng nói lên rằng công nhân ngày càng quyết tâm giành lấy chế độ xã hội mới đó, thì ngày mai mồng 1 tháng Năm, ngày chủ nhật, sắp tới, ngày 3 tháng Năm [209], hai bên bờ đại dương sẽ cho ta thấy rõ.

Luân Đôn, ngày 30 tháng Tư 1891

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã in trong phụ trương của báo "Vorwärts" số 109, ngày 13 tháng Năm 1891 và trong cuốn: Karl Marx "Lohnarbeit und Kapital" Berlin, 1891

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ TƯ BẰNG TIẾNG ĐỨC TÁC PHẨM "SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ KHÔNG TƯỞNG ĐẾN KHOA HỌC" [210]

Tôi phỏng đoán rằng nội dung tác phẩm này sẽ không khó hiểu lắm đối với công nhân Đức chúng ta đã được chứng thực. Ít ra, từ tháng Ba 1883, khi lần xuất bản thứ nhất ra mắt, đến nay đã bán hết sách của ba lần xuất bản với tổng số in 10000 bản, đấy là trong điều kiện đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa đang ngự trị. Đồng thời, đó là một ví dụ mới nói lên rằng sự cấm đoán của cảnh sát bất lực biết dường nào trước một phong trào như phong trào của giai cấp vô sản hiện đại.

Từ khi lần xuất bản thứ nhất ra mắt đến nay còn có một số bản dịch ra tiếng nước ngoài; bản tiếng I-ta-li-a do Pa-xcu-an Mác-ti-nhét-ti dịch: "Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học", Bê-nê-ven-tô, 1883; bản dịch tiếng Nga: "Sự

phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học" [1*], Giơ-ne-vơ, 1884, bản dịch tiếng Đan Mạch; "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", trong "Socialistisk Bibliothek", tập I, Cô-pen-ha-ghen, 1885; bản dịch tiếng Tây Ban Nha: "Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học", Ma-đrít, 1886; và bản dịch tiếng Hà Lan: "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", La Hay, 1886 [211].

Lần xuất bản này có một ít thay đổi không đáng kể; chỉ ở hai chỗ có những điều bổ sung quan trọng hơn: ở chương thứ nhất về Xanh - Xi-mông trước kia viết quá ít so với Phu-ri-ê và Ô-oen, và ở cuối chương thứ ba, về "tơ-rớt", một hình thức sản xuất mới lúc ấy đã có ý nghĩa quan trọng [212].

Luân Đôn, ngày 12 tháng Năm 1891

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã in trong cuốn sách: Friedrich Engels. "Die Entwicklung des Sozialismus von der Utopie zu Wissenschaft". Berlin, 1891

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Trong nguyên bản, tên quyển sách là tiếng Nga được viết bằng các chữ cái la-tinh.

VỀ LỊCH SỬ GIA ĐÌNH NGUYÊN THỦY (BẮC-HÔ-PHEN, MẮC- LEN-NAN, MOÓC - GAN)

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ TƯ BẰNG TIẾNG ĐỨC CUỐN "NGUỒN GỐC GIA ĐÌNH, CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ NHÀ NƯỚC" [213]

Những lần xuất bản trước đây của cuốn sách này với số lượng lớn đã được tiêu thụ hết từ gần nửa năm nay, và từ lâu nhà xuất bản [1*] đã yêu cầu tôi chuẩn bị lần xuất bản mới. Cho tới nay, nhiều công tác cấp bách hơn không cho phép tôi làm việc đó. Từ lần xuất bản đầu tiên đến nay, bảy năm đã trôi qua; trong thời gian đó, việc nghiên cứu các hình thức gia đình nguyên thủy đã đạt được những thành tựu lớn. Do vậy, ở đây cần phải có những sửa đổi và bổ sung tỉ mỉ, hơn nữa, đặc biệt là vì việc dự định in cuốn sách này bằng khuôn chữ đúc sẽ khiến tôi không thể sửa đổi gì được nữa trong một thời gian [2*].

1* — I. Đi-xơ.

2* Trong bản đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit", đoạn cuối của câu này, sau những chữ "đặc biệt là vì" được viết như sau: "lần xuất bản này phải in với số lượng lớn, một số lượng giờ đây là bình thường trong sách báo xã hội chủ nghĩa Đức, nhưng vẫn còn vô cùng hạn hữu đối với các nhà xuất bản Đức".

Như vậy, tôi đã xem lại rất kỹ toàn bộ văn bản và đã thêm vào đó một loạt điểm bổ sung; tôi hy vọng rằng với những điểm bổ sung đó, tôi đã chiếu cố thích đáng hiện trạng của khoa học. Tiếp nữa, dưới đây, trong lời tựa này, tôi sẽ trình bày vắn tắt sự phát triển của các quan điểm về lịch sử gia đình từ Bác-hô-phen đến Moóc-gan; sở dĩ tôi làm như thế, chủ yếu là vì trường phái Anh nghiên cứu lịch sử nguyên thủy, vốn có xu hướng sô-vanh chủ nghĩa, vẫn tiếp tục làm tất cả những gì có thể làm được để im đi không nói tới cuộc cách mạng mà những phát hiện của Moóc-gan đã gây ra trong quan điểm về lịch sử nguyên thủy, mặc dầu trường phái đó vẫn không chút ngần ngại đoạt lấy những thành quả mà Moóc-gan đã đạt được. Ở những nước khác cũng thế, đây đó tấm gương của Anh đã được noi theo một cách thật quá nhiệt tâm.

Sách này của tôi đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Trước hết là ra tiếng I-ta-li-a: "Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước", bản dịch của Pa-xen-a-lơ Mác-ti-nhét-ti đã được tác giả kiểm tra, Bê-nê-ven-tô, 1885. Rồi ra tiếng Ru-ma-ni: "Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước"; bản dịch của I-ô-na Nê-đê-giơ-đê, đăng trong tạp chí "Comtemporanul" ở I-a-xư, từ tháng Chín 1885 đến tháng Năm 1886. Tiếp nữa là ra tiếng Đan Mạch: "Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước", Bản in do Héc-xôn Tơ-ria chuẩn bị, Cô-pen-ha-ghen, 1888. Một bản dịch ra tiếng Pháp của An-ri Ra-vé, dựa trên bản tiếng Đức này đang được đưa in [214].

* * *

Cho đến đầu những năm 60, chưa có thể nói gì về lịch sử của gia đình được. Trong lĩnh vực này, khoa học lịch sử hồi đó vẫn còn hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Bộ sách năm tập của Mô-i-dơ. Hình thức gia trưởng của gia đình, được miêu tả trong

đó tỉ mỉ hơn bất cứ chỗ nào khác, không những được coi một cách vô điều kiện là hình thức cổ nhất, mà – trừ chế độ nhiều vợ – còn được đem đồng nhất với gia đình tư sản ngày nay, thành thử là nói chung, gia đình thực ra không trải qua một quá trình phát triển lịch sử nào cả; nhiều lắm, người ta chỉ thừa nhận rằng trong thời đại nguyên thủy, có thể tồn tại một thời kỳ có những quan hệ tính giao hỗn tạp. – Dành rằng, ngoài chế độ một vợ một chồng ra, người ta cũng đã biết đến chế độ nhiều vợ của phương Đông và chế độ nhiều chồng của Ấn Độ – Tây Tạng; nhưng ba hình thức đó không thể đem xếp theo trình tự nối tiếp nhau trong lịch sử được, và chúng tồn tại bên cạnh nhau mà không có một mối liên hệ nào với nhau cả. Ở một số dân cá biệt trong thời cổ, cũng như ở một số người mông muội hiện còn tồn tại, người ta không căn cứ vào cha mà chỉ căn cứ vào mẹ để tính dòng máu, do đó chỉ có nữ hệ là duy nhất có ý nghĩa; ở nhiều dân tộc hiện nay, vẫn còn có tục cấm kết hôn lẫn nhau trong nội bộ một số tập đoàn tương đối lớn nhất định, mà hồi bấy giờ người ta chưa nghiên cứu được tường tận, và tục đó còn thấy ở tất cả các vùng trên thế giới, – tất cả những sự thật đó, thật ra người ta đều biết cả, và những ví dụ về sự thật đó đã được thu thập ngày càng nhiều. Nhưng không ai biết sử dụng các sự thật đó như thế nào và thậm chí trong cuốn sách của E. B. Tây-lo: "Nghiên cứu tiền sử của loài người v.v." (1865) [215], những sự thật đó còn bị coi là những "tục kỳ quái" và được đem xếp bên cạnh các tục hiện còn đang lưu hành ở một số dân mông muội là cấm dùng đồ sắt dí vào củi đang cháy và những điều vớ vẩn có tính chất tôn giáo tương tự như thế.

Việc nghiên cứu lịch sử gia đình bắt đầu từ năm 1861, tức là từ khi cuốn "Mẫu quyền" [216] của Bác-hô-phen ra đời. Trong tác phẩm đó, tác giả nêu những luận điểm sau đây: 1) loài người thoạt tiên sống trong những quan hệ tính giao hỗn tạp mà tác

giả gọi bằng một từ không thỏa đáng là chế độ Hê-ta-ia; 2) những quan hệ như thế làm cho không thể nào biết được chắc chắn ai là cha đẻ, nên dòng máu chỉ có thể tính theo nữ hệ, – theo mẫu quyền, – và ở tất cả các dân thời cổ thì lúc đầu, tình hình đều như thế; 3) vì vậy, những người đàn bà, với tư cách là những người mẹ, tức là những người duy nhất chắc chắn đã sinh ra thế hệ trẻ, đã được tôn kính và kính trọng đến cao độ; theo quan niệm của Bắc-hô-phen, sự tôn kính và kính trọng đó đạt đến mức trở thành sự thống trị hoàn toàn của nữ giới; 4) bước chuyển sang chế độ hôn nhân cá thể, – tức là chế độ trong đó người đàn bà chỉ thuộc về một người đàn ông, – đã bao hàm sự vi phạm một điều răn tôn giáo của thời cổ (tức là sự vi phạm, trên thực tế, quyền cổ truyền của những người đàn ông khác đối với người đàn bà này), một sự vi phạm đòi hỏi phải chuộc lỗi hoặc nếu muốn được tha thứ thì người đàn bà phải chuộc tội bằng cách hiến thân cho nhiều người khác trong một thời gian nhất định.

Bắc-hô-phen đã tìm ra bằng chứng cho những luận điểm đó trong vô số đoạn trong văn học cổ điển thời cổ mà ông đã tập hợp lại một cách hết sức công phu. Theo ông, sự phát triển từ "chế độ Hê-ta-ia" sang chế độ một vợ một chồng và từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền, đã xảy ra, – cụ thể là ở người Hy Lạp, – do sự phát triển hơn nữa của các quan niệm tôn giáo, do việc đưa những thần mới, hiện thân của những quan điểm mới, vào trong cái nhóm thần cổ truyền đại biểu cho những quan điểm cũ, khiến cho những quan điểm cũ ngày càng bị các quan điểm mới đẩy lùi về phía sau. Như vậy, theo Bắc-hô-phen, không phải là sự phát triển của những điều kiện sinh hoạt thực tế của con người, mà chính là sự phản ánh có tính chất tôn giáo của những điều kiện sinh hoạt ấy vào trong đầu óc của chính những con người đó, đã gây ra những biến đổi lịch sử trong địa vị xã hội của đàn ông và của đàn bà đối với nhau. Vì vậy,

Bắc-hô-phen cho rằng vở kịch "Ô-re-xtơ" của E-sin là sự diễn tả bằng kịch cuộc đấu tranh giữa chế độ mẫu quyền đang suy vong với chế độ phụ quyền vừa mới phát sinh và chiến thắng trong thời đại anh hùng. Vì gã tình lang Ê-ghi-xtơ mà Cli-tem-ne-xtơ-rơ đã giết chồng là A-ga-mơ-nông vừa từ cuộc chiến tranh Tơ-roa trở về; nhưng Ô-re-xtơ, con trai của A-ga-mơ-nông và của Cli-tem-ne-xtơ-rơ đã giết mẹ để phục thù cho cha. Vì vậy Ô-re-xtơ đã bị các nữ thần E-ri-ni tức là những nữ thần hung dữ bảo hộ chế độ mẫu quyền, truy tố, vì theo chế độ này, tội giết mẹ là tội nặng nhất, không thể nào chuộc được. Nhưng A-pô-lông, vị thần đã dùng lời sấm của mình để xúi giục A-tê-na làm việc đó, và nữ thần E-ri-ni được giao cho trách nhiệm xét xử – ở đây hai vị thần này đại biểu cho trật tự mới, dựa trên chế độ phụ quyền – thì lại bênh vực Ô-re-xtơ và A-tê-na lắng nghe cả hai bên. Toàn bộ điểm tranh chấp đã được tóm lại vắn tắt trong cuộc tranh cãi xảy ra giữa Ô-re-xtơ và các nữ thần E-ri-ni. Ô-re-xtơ nói rằng Cli-tem-ne-xtơ-rơ đã phạm hai tội là giết chồng *của mình* và đồng thời lại giết cha của y nữa. Vậy thì tại sao các nữ thần E-ri-ni lại truy tố y, mà không truy tố Cli-tem-ne-xtơ-rơ là người phạm tội nặng hơn nhiều? Câu trả lời thật là xác đáng:

"Với người chồng mà nàng đã giết, nàng không có quan hệ dòng máu gì"[217].

Giết một người không cùng quan hệ dòng máu, dù người đó là chồng kẻ giết người đi nữa, thì tội đó là có thể chuộc được, tội đó không can hệ gì đến các nữ thần E-ri-ni cả; nhiệm vụ của các nữ thần này chỉ là truy tố việc giết người cùng dòng máu, và theo chế độ mẫu quyền thì tội sát nhân nặng nhất, không thể nào chuộc được, là tội giết mẹ. Lúc đó A-pô-lông đứng lên bào chữa cho Ô-re-xtơ. A-tê-na đưa vấn đề ra lấy biểu quyết của pháp viện tối cao, tức là của các thần thẩm phán thành A-ten; số phiếu tha bổng và kết tội đều ngang nhau; lấy tư cách là chánh án, A-tê-na biểu

quyết bênh vực Ô-re-xtơ và tha bổng y. Chế độ phụ quyền đã thắng chế độ mẫu quyền, các "thần của thế hệ trẻ" – như bản thân các nữ thần E-ri-ni đã gọi như thế – đã thắng các nữ thần E-ri-ni và những nữ thần này cuối cùng đã đồng ý đảm nhiệm một chức vụ mới để phục vụ trật tự mới.

Lời giải thích mới nhưng hoàn toàn đúng này về vở kịch "Ô-re-xtơ" là một trong những đoạn văn đẹp nhất và hay nhất trong cả cuốn sách của Bắc-hô-phen, nhưng đồng thời nó cũng chứng tỏ rằng Bắc-hô-phen ít ra cũng tin vào các thần E-ri-ni, A-pô-lông và A-tê-na, không kém gì E-sin đã tin lúc sinh thời; cụ thể là ông đã tin rằng trong thời đại anh hùng của Hy Lạp, các thần đó đã làm được một kỳ công là lật đổ chế độ mẫu quyền và thay thế nó bằng chế độ phụ quyền. Rõ ràng là một quan niệm như thế, một quan niệm coi tôn giáo là đòn bẩy quyết định của lịch sử thế giới, cuối cùng ắt phải đi đến chủ nghĩa thần bí thuần túy. Vì vậy đọc hết được cuốn sách khổ rộng dày cộp của Bắc-hô-phen là một việc khó khăn và hoàn toàn không phải bao giờ cũng bổ ích. Nhưng tất cả những điều đó tuyệt nhiên không làm giảm bớt công lao của ông, với tư cách là một nhà nghiên cứu đã mở ra con đường mới; chính Bắc-hô-phen là người đầu tiên đã thay thế câu nói suông về một trạng thái tính giao hỗn tạp thời nguyên thủy không ai biết rõ, bằng một bằng chứng là văn học cổ điển thời cổ có rất nhiều dấu tích chứng tỏ rằng ở người Hy Lạp và dân châu Á, trước khi có chế độ hôn nhân cá thể, đã thật sự có tình trạng là không những một người đàn ông có quan hệ tính giao với nhiều người đàn bà, mà một người đàn bà cũng có quan hệ tính giao với nhiều người đàn ông và như thế vẫn không trái gì với phong tục cả; rằng tập tục đó mất đi nhưng không phải không để lại dấu tích là việc người đàn bà buộc phải hiến thân trong một thời gian hạn chế cho những người đàn ông khác để chuộc lại quyền được kết hôn cá thể; rằng vì

vậy mà lúc ban đầu, dòng máu chỉ có thể tính theo nữ hệ, tức là từ người mẹ này đến người mẹ khác; rằng tầm quan trọng đặc biệt đó của nữ hệ vẫn còn được duy trì rất lâu cả trong thời chế độ hôn nhân cá thể, khi mà phụ hệ đã được xác lập hay ít ra cũng được thừa nhận; rằng rốt cuộc, địa vị ban đầu đó của các bà mẹ, với tư cách là những người thân sinh duy nhất xác thực của con cái họ, đã đảm bảo cho họ và đồng thời đảm bảo cho phụ nữ nói chung, có một địa vị xã hội cao nhất mà từ đó trở đi họ không bao giờ lại có được nữa. Thật ra, Bắc-hô-phen đã không nêu lên được các luận điểm đó một cách rõ ràng như thế – thế giới quan thần bí của ông đã cản trở ông. Nhưng ông đã chứng minh được những luận điểm đó, và vào năm 1861 thì điều đó quả là cả một cuộc cách mạng.

Quyển sách dày của Bắc-hô-phen được viết bằng tiếng Đức, nghĩa là bằng thứ tiếng của một dân tộc mà vào lúc đó ít quan tâm nhất đến tiền sử của gia đình hiện đại. Vì thế, sách đó không được ai biết đến. Người kế tục trực tiếp của Bắc-hô-phen trên lĩnh vực đó đã xuất hiện năm 1865, mà chưa bao giờ nghe nói đến Bắc-hô-phen cả.

Người kế tục đó là Gi. Ph. Mắc – Len-nan, ông này hoàn toàn trái ngược với vị tiền bối của ông. Ở đây, đứng trước chúng ta không phải là một nhà thần bí thiên tài nữa mà là một nhà luật học khô khan; không phải là ảo tưởng cuồng nhiệt của một thi nhân nữa, mà là những lập luận có thể thừa nhận được của một thầy cãi trước tòa. Mắc – Len-nan phát hiện ra rằng ở nhiều dân mông muội, dã man và ngay cả văn minh nữa, trong thời cổ và thời cận đại, có một hình thức kết hôn, trong đó chú rể, một mình hay cùng với bạn bè, phải giả vờ dùng bạo lực để cướp đoạt cô dâu trong tay những người thân thích của cô ta. Tục đó có lẽ là tàn dư của một tục cổ sơm hơn, khi người đàn ông của một bộ lạc này đã thực tế phải dùng bạo lực để cướp

đoạt đàn bà ở các bộ lạc khác về làm vợ. Vậy thì thứ "hôn nhân cướp đoạt" đó đã nảy sinh ra như thế nào? Chừng nào mà những người đàn ông có thể có đủ vợ trong bộ lạc của mình thì hôn nhân cướp đoạt không có lý do gì để xuất hiện cả. Nhưng chúng ta cũng thường thấy rằng ở các dân chưa phát triển, có một số tập đoàn (mà hồi năm 1865, người ta vẫn còn thường đồng nhất với bản thân các bộ lạc) cấm kết hôn với nhau trong nội bộ tập đoàn, thành thử đàn ông và đàn bà buộc phải lấy vợ lấy chồng ở ngoài tập đoàn; trong khi đó, ở nhiều tập đoàn khác, lại có tục lệ buộc đàn ông thuộc một tập đoàn nào đó chỉ được lấy vợ trong nội bộ tập đoàn mà thôi. Mác – Len-nan gọi loại tập đoàn thứ nhất là tập đoàn ngoại tộc hôn và loại tập đoàn thứ hai là tập đoàn nội tộc hôn và ngay ở đây, ông ta đã không ngần ngại nêu lên sự đối lập gay gắt giữa những "bộ lạc" ngoại tộc hôn và "bộ lạc" nội tộc hôn. Và mặc dù công trình nghiên cứu của bản thân ông ta về ngoại tộc hôn đã đẩy ông ta tới chỗ trực tiếp chạm trán với một sự thật là trong nhiều trường hợp, nếu không phải trong phần lớn hoặc thậm chí trong tất cả mọi trường hợp, sự đối lập đó chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ông mà thôi, nhưng ông vẫn cứ lấy sự đối lập đó làm cơ sở cho toàn bộ lý luận của ông. Theo lý luận đó, các bộ lạc ngoại tộc hôn chỉ có thể lấy vợ ở các bộ lạc khác mà thôi; và trong tình trạng chiến tranh xảy ra liên miên giữa các bộ lạc, một tình trạng thích hợp với thời kỳ mông muội thì việc đó chỉ có thể tiến hành bằng cách cướp đoạt mà thôi.

Sau đó, Mác – Len-nan đặt câu hỏi: tục ngoại tộc hôn đó do đâu mà ra? Theo ông, điều này không có quan hệ gì với quan niệm về dòng máu và về sự loạn luân cả, vì đó là những hiện tượng mãi sau này mới phát triển. Còn tục giết những em bé gái ngay lúc mới lọt lòng là tục rất phổ biến trong những người mông muội thì lại là một vấn đề khác. Đây là lý do khiến cho trong mỗi bộ lạc, đều có tình trạng thừa đàn ông, và hậu quả

tất yếu, trực tiếp của điều đó là nhiều người đàn ông phải lấy chung nhau một vợ – đó là chế độ nhiều chồng. Vì vậy, theo ý ông, người ta biết ai là mẹ đẻ đứa bé chứ không biết ai là cha nó; do đó mà quan hệ họ hàng chỉ tính theo bên nữ, chứ không tính theo bên nam được. Đó là chế độ mẫu quyền. Một hậu quả thứ hai của tình trạng thiếu phụ nữ trong nội bộ bộ lạc – tình trạng này nhờ chế độ nhiều chồng mà có giảm bớt đi, chứ không bị xóa bỏ – chính là việc cướp đoạt phụ nữ ở các bộ lạc khác một cách có hệ thống và bằng bạo lực.

"Vì chế độ ngoại tộc hôn và chế độ nhiều chồng đều do cùng một nguyên nhân là sự chênh lệch về số lượng giữa nam và nữ mà ra, cho nên chúng ta buộc phải thừa nhận rằng tất cả các chủng tộc ngoại tộc hôn, hồi khởi thủy, đều có chế độ nhiều chồng... Và vì vậy, chúng ta phải thừa nhận một điều không thể tranh cãi được là ở các chủng tộc ngoại tộc hôn hệ thống họ hàng đầu tiên là hệ thống chỉ biết có quan hệ dòng máu về đằng mẹ" (Mác – Len-nan. "Khái luận về lịch sử cổ đại", 1886. "Hôn nhân nguyên thủy", tr. 124) [218].

Công lao của Mác – Len-nan là ở chỗ đã vạch ra tính chất phổ biến chung và ý nghĩa to lớn của cái mà ông gọi là chế độ ngoại tộc hôn. Nhưng ông hoàn toàn không phát hiện ra được cái sự thật là những tập đoàn ngoại tộc hôn có tồn tại và ít ra thì ông cũng không hiểu được sự thật đó. Không kể những nhận xét cá biệt đã có trước kia của nhiều nhà quan sát, – mà Mác – Len-nan dùng làm tài liệu – Lát-tan ("Dân tộc học miêu tả", 1859) đã mô tả rất đúng và chính xác chế độ đó ở người Ma-ga[219] ở Ấn Độ, và ông nói rằng chế độ đó đã được lưu hành rất phổ biến và tồn tại ở khắp nơi trên thế giới, – đó là đoạn văn và chính Mác – Len-nan đã dẫn ra. Chính Moóc-gan của chúng ta, ngay từ năm 1847, trong những bức thư nói về người I-rô-qua (đăng trong "American Review") và năm 1851, trong tác phẩm "Liên minh I-rô-qua" [220], cũng đã chỉ ra rằng chế độ ấy tồn tại ở bộ lạc đó và đã mô tả nó chính xác, còn đầu óc luật sư của Mác – Len-nan thì, như sau này chúng ta sẽ thấy, đã gây ra

trong vấn đề này một sự lẫn lộn hơn sự lẫn lộn mà ảo tưởng thần bí của Bắc-hô-phen đã gây ra trong lĩnh vực mẫu quyền. Một công lao nữa của Mác – Len-nan là đã thừa nhận quan hệ dòng máu theo mẫu quyền là chế độ đầu tiên, tuy rằng về điểm này, như sau này chính ông đã thú nhận, Bắc-hô-phen đã đi trước ông. Nhưng cả ở đây nữa, Mác – Len-nan cũng còn mơ hồ; ông luôn luôn nói đến "quan hệ họ hàng chỉ tính theo bên nữ" (kinship through females only) và lúc nào cũng đem từ ngữ đó – đúng đối với giai đoạn sớm hơn – áp dụng cả cho những giai đoạn phát triển sau này, là những giai đoạn trong đó đành rằng sự xuất thân và quyền thừa kế vẫn còn được tính theo bên nữ, nhưng quan hệ họ hàng về phía bên nam cũng đã được thừa nhận và xác định. Đó là tầm mắt hạn chế của nhà luật học: một khi tạo ra cho mình được một thuật ngữ luật học cố định thì tiếp tục đem áp dụng thuật ngữ đó một cách không thay đổi cho cả những hoàn cảnh đã làm cho thuật ngữ đó không thể ứng dụng được.

Tuy có vẻ là hợp lý, nhưng lý luận của Mác – Len-nan cũng hình như không có căn cứ gì vững vàng cho lắm đối với chính ngay bản thân tác giả. Ít ra, bản thân ông cũng không thể không thấy

"một điều đáng chú ý là hình thức" (không có thật) "cướp đoạt đàn bà lại biểu hiện một cách nổi bật nhất và rõ ràng nhất ở chính ngay những dân trong đó quan hệ họ hàng nam tính" (tức là sự xuất thân tính theo phía bên nam) "chiếm địa vị thống trị" (tr. 140).

Rồi, ông ta lại nhận xét:

"Một điều kỳ lạ là cứ theo chỗ chúng tôi biết được, thì không hề có tục giết trẻ con một cách có hệ thống ở nơi nào mà chế độ ngoại tộc hôn và quan hệ họ hàng cổ nhất cũng tồn tại" (tr. 146)

Hai sự kiện đó mâu thuẫn rõ rệt với cách giải thích của ông

và ông chỉ có thể đem những giả thuyết mới, còn rắc rối hơn nữa, để đối lại.

Tuy thế, lý luận của ông vẫn được hoan nghênh nhiệt liệt và có nhiều tiếng vang ở Anh; nơi đây, Mác – Len-nan thường thường được coi là người sáng lập ra lịch sử của gia đình và là một người có uy tín bậc nhất trong lĩnh vực đó. Mặc dù người ta đã xác định được một số ngoại lệ và biến hình cá biệt, nhưng học thuyết của ông về sự đối lập giữa các "bộ lạc" ngoại tộc hôn và bộ lạc nội tộc hôn vẫn là cái cơ sở được công nhận của các quan điểm đang thịnh hành và trở thành cặp lá chắn che mắt, làm cho người ta không thể nào tự do bao quát lĩnh vực đang nghiên cứu, và do đó cản trở mọi bước tiến quyết định. Để cân bằng với sự đánh giá quá cao công lao của Mác – Len-nan, một sự đánh giá thịnh hành phổ biến ở Anh và ở nhiều nước khác noi theo gương nước Anh, chúng ta phải nhấn mạnh rằng bằng việc đem những "bộ lạc" ngoại tộc hôn đối lập với những "bộ lạc" nội tộc hôn – một sự đối lập dựa trên một sự lầm lẫn hoàn toàn, – ông ta đã gây ra nhiều tác hại hơn là những ích lợi do các công trình nghiên cứu của ông ta đưa lại.

Nhưng không bao lâu, người ta đã thấy xuất hiện ngày càng nhiều những sự thật không sao nhét được vào trong cái khung đẹp đẽ của lý luận của ông ta. Mác – Len-nan chỉ biết có ba hình thức hôn nhân: chế độ nhiều vợ, chế độ nhiều chồng và chế độ hôn nhân cá thể. Nhưng một khi chú ý hướng vào điểm đó, người ta bắt đầu tìm ra được ngày càng nhiều bằng chứng nói lên rằng ở những dân tộc chưa phát triển, có những hình thức hôn nhân, trong đó một nhóm đàn ông cùng lấy chung nhau một nhóm đàn bà; và *Lớp-bốc* ("Nguồn gốc của nền văn minh", 1870[221]) đã công nhận chế độ quần hôn đó (Communal marriage) là một sự thật lịch sử.

Ít lâu sau đó, năm 1871, *Moóc-gan* đưa ra một tài liệu mới,

có tính chất quyết định về nhiều mặt. Ông tin chắc rằng hệ thống họ hàng đặc thù, hiện đang lưu hành trong số người I-rô-qua, là hệ thống vốn có cho tất cả những thổ dân ở Hợp chúng quốc, do đó, hệ thống ấy là phổ biến trên toàn bộ lục địa, mặc dù chế độ đó trực tiếp mâu thuẫn với những mức độ họ hàng thực tế nảy sinh ra từ chế độ hôn nhân đang thịnh hành ở đó. Ông đã thúc đẩy chính phủ liên bang Mỹ căn cứ vào những câu hỏi và biểu mục do chính ông thảo ra mà thu thập các tài liệu về hệ thống họ hàng của các dân tộc khác, và căn cứ vào những câu trả lời, ông đã phát hiện ra rằng: 1) Hệ thống họ hàng của những người In-đi-an tại châu Mỹ cũng lưu hành ở nhiều bộ lạc ở châu Á, và lưu hành dưới một hình thức hơi khác ở nhiều bộ lạc tại châu Phi và Ô-xtơ-rây-li-a; 2) Hệ thống họ hàng đó có thể hoàn toàn giải thích được bằng hình thức chế độ quần hôn hiện đang sắp tiêu vong, ở đảo Ha-oai và các đảo khác tại Ô-xtơ-rây-li-a; 3) Nhưng cũng trên các đảo ấy, bên cạnh hình thức hôn nhân đó, còn tồn tại một hệ thống họ hàng khác mà người ta chỉ có thể giải thích được bằng một hình thức chế độ quần hôn còn cổ hơn nữa và hiện đã tiêu vong. Trong cuốn "Hệ thống họ hàng và những đặc tính", 1871 [222], Moóc-gan đã công bố những tài liệu ông đã sưu tập được và những kết luận ông đã rút ra được từ những tài liệu đó và do đó, đã đưa cuộc tranh luận vào một lĩnh vực vô cùng rộng lớn hơn. Xuất phát từ những hệ thống họ hàng để khôi phục lại những hình thức gia đình phù hợp với những hệ thống đó, Moóc-gan đã mở ra một con đường nghiên cứu mới và đem lại cái khả năng nhìn ngược trở lại xa hơn nữa vào thời kỳ tiền sử của nhân loại. Nếu phương pháp đó được thừa nhận lại có giá trị thì những cấu trúc xinh xắn của Mác – Len-nan sẽ tan thành mây khói.

Mác – Len-nan đã bênh vực lý thuyết của mình trong lần xuất bản mới của cuốn "Primitive Hôn nhân nguyên thủy" ("Khái luận về lịch sử cổ đại", 1876). Trong khi bản thân ông ta cấu tạo nên một lịch sử gia đình một cách hết sức giả tạo và chỉ hoàn toàn dựa vào những giả thuyết, ông ta lại đòi Lớp-bốc và Moóc-gan không những phải đưa ra những bằng chứng cho mỗi luận điểm của họ, mà còn đòi hỏi phải đưa ra những bằng chứng không thể tranh cãi được, giống như những bằng chứng mà chỉ có tòa án Xcốt-len mới thừa nhận. Và chính cũng con người đó đã căn cứ vào mối quan hệ mật thiết giữa người cậu và con trai của người chị em gái ở những người Đức (Tacius: "Nước Đức", ch. 20), căn cứ vào câu chuyện mà Xê-da đã kể lại rằng người Brơ-tông, từng nhóm từ mười hay mười hai người đàn ông, đã lấy chung nhau vợ, và căn cứ vào tất cả những câu chuyện khác do các nhà văn thời cổ kể lại về tình trạng chung nhau vợ của những người dã man, để kết luận một cách không do dự rằng chế độ nhiều chồng đã thịnh hành trong tất cả các dân đó! Thật giống hệt như một viên chưởng lý, khi buộc tội thì tự cho phép mình muốn trình bày sự việc như thế nào cũng được, nhưng lại đòi người bào chữa khi nói ra một lời, là phải có bằng chứng chính xác nhất và có hiệu lực nhất về mặt pháp luật.

Ông ta khẳng định rằng chế độ quần hôn chỉ là một sự bịa đặt thuần túy mà thôi, do đó ông ta đã lạc hậu hơn Bắc-hô-phen rất nhiều. Còn những hệ thống họ hàng của Moóc-gan – theo ý kiến của ông ta – thì chỉ đơn thuần là những quy tắc xã giao của xã hội mà thôi, và bằng chứng là những người In-đi-an, ngay cả khi nói với một người nước ngoài, một người da trắng, đều gọi người đó bằng anh hay cha. Như thế thì cũng hoàn toàn giống như khẳng định rằng những từ cha, mẹ, anh em, chị em – chỉ là những tên gọi suông không có nghĩa gì cả, vì cả các linh mục và các bà trưởng tu viện nữ cũng được gọi là cha, là mẹ, và vì các thầy tu, các ni cô, thậm chí cả các hội viên của

hội tam điểm và của các phường hội ở Anh cũng đều gọi nhau là anh em, chị em trong các cuộc họp long trọng của họ. Tóm lại, lời biện hộ của Mác – Len-nan thật là hết sức yếu ớt.

Nhưng còn một điểm mà ông ta vẫn chưa bị đánh bại hẳn. Sự đối lập giữa những "bộ lạc" ngoại tộc hôn và nội tộc hôn mà ông dùng làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống của ông, thì chẳng những không bị lung lay mà còn được thừa nhận một cách phổ biến là viên đá tảng của toàn bộ lịch sử của gia đình. Người ta cho rằng lời giải thích, mà Mác – Len-nan cố công đưa ra, về sự đối lập, vẫn chưa được đầy đủ và mâu thuẫn với những sự kiện mà chính ông ta đã liệt kê ra. Tuy vậy, chính sự đối lập đó, – tức là sự tồn tại hai loại bộ lạc đối lập và không phụ thuộc vào nhau, không dung hợp được với nhau, loại này thì lấy vợ ở ngay trong nội bộ bộ lạc, còn loại kia lại hoàn toàn cấm tục lệ đó, – sự đối lập đó được coi là một tín điều không thể nào bác bỏ được. Cứ xem, chẳng hạn cuốn "Nguồn gốc của gia đình" (1874) của Gi-rô – Tơ-lông, và ngay cả cuốn "Nguồn gốc của nền văn minh" của Lớp-bốc (xuất bản lần thứ tư, 1882) thì rõ [223].

Chính điểm đó là điểm mà tác phẩm chủ yếu của Moóc-gan "Xã hội cổ đại" (1877) [224], tác phẩm được dùng làm cơ sở cho cuốn sách này, nhằm bác lại. Điều mà năm 1871, Moóc-gan chỉ phỏng đoán một cách lờ mờ, lại được phát triển trong tác phẩm này một cách thấu đáo. Chế độ ngoại tộc hôn và nội tộc hôn hoàn toàn không đối lập với nhau; cho đến nay, những "bộ lạc" ngoại tộc hôn chưa được chứng minh là đã tồn tại ở bất cứ đâu. Nhưng trong thời kỳ chế độ quần hôn còn thịnh hành – và chắc chắn là trong một lúc nào đó, chế độ đó đã thịnh hành ở khắp mọi nơi – bộ lạc đã phân ra thành một số tập đoàn cùng dòng máu tính theo mẫu hệ, tức là thành thị tộc trong đó người ta

tuyệt đối cấm kết hôn trong nội bộ, khiến cho đàn ông của một thị tộc, tuy có thể lấy vợ trong nội bộ bộ lạc và thường thường, thì họ đã lấy vợ như thế, nhưng lại phải lấy vợ ở ngoài thị tộc của họ. Như vậy, nếu thị tộc theo chế độ ngoại tộc hôn rất nghiêm ngặt, thì bộ lạc, bao gồm toàn bộ các thị tộc, lại theo chế độ nội tộc hôn một cách không kém phần nghiêm ngặt. Vậy là cái tàn dư cuối cùng của những cấu trúc giả tạo của Mác – Len-nan đã bị đánh đổ.

Nhưng Moóc-gan không cho thế là đủ. Thị tộc người In-đi-an châu Mỹ đã tạo cơ sở cho ông tiến một bước quyết định thứ hai trong lĩnh vực ông nghiên cứu. Trong thị tộc tổ chức theo chế độ mẫu quyền đó, ông phát hiện ra hình thức nguyên thủy từ đó đã nảy sinh ra thị tộc sau này, thị tộc được tổ chức theo chế độ phụ quyền, tức là thị tộc mà chúng ta thấy trong các dân văn minh thuộc thời cổ. Thị tộc Hy Lạp và Rô Ma, cho đến lúc đó, vẫn còn là một điều bí ẩn đối với tất cả các nhà sử học, thì nhờ thị tộc In-đi-an mà đã được giải thích, và cũng do đó mà toàn bộ tiền sử có được một cơ sở mới.

Đối với lịch sử nguyên thủy, sự phát hiện mới đó – tức là sự phát hiện ra rằng thị tộc nguyên thủy tổ chức theo chế độ mẫu quyền là giai đoạn đi trước thị tộc theo chế độ phụ quyền ở các dân tộc văn minh – cũng có ý nghĩa như học thuyết tiến hóa của Đác-uyn đối với sinh vật học, và như lý luận của Mác về giá trị thặng dư đối với khoa kinh tế chính trị. Sự phát hiện đó đã giúp cho Moóc-gan, lần đầu tiên, có thể phác ra lịch sử của gia đình, trong đó các giai đoạn phát triển – ít ra là các giai đoạn điển hình – cũng đã được xác định về đại thể, trong chừng mực mà những tài liệu hiện có cho phép. Rõ ràng là điều đó đã mở ra một thời đại mới trong việc nghiên cứu lịch sử nguyên thủy. Thị tộc mẫu quyền đã trở thành cái trục mà toàn bộ khoa học

ấy xoay quanh; từ ngày có sự phát hiện đó, người ta đã bắt đầu hiểu phải nghiên cứu theo hướng nào, nghiên cứu cái gì và sắp xếp những kết quả thu lượm được như thế nào. Cho nên trên lĩnh vực đó, giờ đây người ta đang đạt được những kết quả nhanh hơn rất nhiều so với trước khi có tác phẩm của Moóc-gan.

Hiện nay, ngay cả ở Anh nữa, các phát hiện của Moóc-gan đều được tất cả các nhà sử học về xã hội nguyên thủy thừa nhận, hay nói cho đúng hơn, bị họ chiếm làm của họ. Nhưng trong bọn họ, hầu như không một ai công khai thừa nhận rằng chính là nhờ Moóc-gan mà chúng ta mới có được cuộc cách mạng ấy trong các quan điểm. Ở Anh, người ta đã cố hết sức im đi không nói đến tác phẩm của Moóc-gan; còn bản thân Moóc-gan thì người ta gạt ra một bên bằng cách hạ cố khen ngợi những công trình nghiên cứu *trước kia* của ông; người ta nhiệt tình bới lông tìm vết những chi tiết vụn vặt trong sự trình bày của ông, còn những phát hiện thực sự lớn lao của ông thì người ta ngoan cố lờ đi. Lần xuất bản đầu tiên của cuốn "Xã hội cổ đại" đã được bán hết; ở Mỹ, một tác phẩm loại đó không tìm ra được thị trường tiêu thụ có lời; ở Anh, hình như sách đó đã bị loại ra một cách có hệ thống và bản in duy nhất, còn được bán trên thị trường của tác phẩm vạch thời đại đó, lại là bản dịch ra tiếng Đức.

Sự lãnh đạm đó, – sự lãnh đạm mà người ta khó có thể không cho là một âm mưu lờ đi, nhất là vì các trước tác của những người am hiểu lịch sử nguyên thủy nổi tiếng của chúng ta lại đầy rẫy vô số những câu trích dẫn đưa ra cho đúng phép tắc xã giao và những bằng chứng khác về sự đồng tình đối với đồng nghiệp, – do đâu mà có? Phải chăng đó là do Moóc-gan là người Mỹ, và là do chỗ những người Anh nghiên cứu lịch sử nguyên thủy, với tất cả nhiệt tình của họ trong việc sưu tập tài liệu đáng được thừa nhận, rất lấy làm khó chịu, khi đụng đến

những luận điểm xuất phát chung cần thiết cho việc tập hợp và phân loại những tài liệu đó, tóm lại là khi đụng đến những tư tưởng cần thiết cho họ, thì vẫn cứ phải dựa vào hai thiên tài nước ngoài là Bắc-hô-phen và Moóc-gan? Người Đức thì họ còn có thể chịu được, nhưng người Mỹ thì sao? Đứng trước người Mỹ, người Anh nào cũng trở thành người yêu nước, và về mặt đó, ở Mỹ, tôi đã thấy có những thí dụ thật buồn cười[225]. Nhưng thêm vào đó, lại còn có sự thật này nữa là có thể nói rằng Mác – Len-nan là người sáng lập và lãnh tụ được chính thức thừa nhận của trường phái Anh trong môn lịch sử nguyên thủy; và chỉ người nào nói một cách hết sức kính cẩn đến cấu trúc lịch sử giả tạo của Mác – Len-nan, cấu trúc dẫn người ta từ việc giết trẻ con, qua chế độ nhiều chồng và chế độ kết hôn bằng cách cướp đoạt, đến gia đình mẫu quyền, thì mới được coi là người có phong thái của nhà nghiên cứu lịch sử nguyên thủy; ai mà hơi nghi ngờ sự tồn tại của các "bộ lạc" ngoại tộc hôn và nội tộc hôn, tức là những cái bài trừ lẫn nhau một cách tuyệt đối, thì đều phải coi là phạm một trọng tội dị giáo; thành thử khi Moóc-gan đánh tan tất cả các giáo lý thần thánh đó thành mây khói, thì như thế là ông đã phạm một loại tội phạm thánh. Hơn nữa, ông đánh tan những giáo lý đó bằng những lý lẽ mà chỉ cần nói ra là cũng đủ làm cho mọi người thấy ngay rằng đó là những lý lẽ có sức thuyết phục, đến mức là những người sùng bái Mác – Len-nan, cho đến lúc đó vẫn còn ngả nghiêng bất lực giữa chế độ ngoại tộc hôn và nội tộc hôn, thì suýt nữa cũng phải vò đầu bứt tai mà la lên rằng: sao mình lại có thể ngu đến nỗi từ bao lâu nay vẫn không phát hiện ra điều đó!

Và, nếu như ngay cả những trọng tội đó chưa đủ để khiến cho trường phái quan phương không thể đối xử với Moóc-gan một cách nào khác hơn là lạnh lùng gạt bỏ ông, thì Moóc-gan

lại còn đi xa hơn, bằng cách không những chỉ phê phán nền văn minh – xã hội của nền sản xuất hàng hóa, hình thức cơ bản của xã hội hiện nay của chúng ta – một cách làm cho người ta nhớ tới Phu-ri-ê, mà lại còn nói đến một sự cải tạo sau này đối với xã hội đó, với những lời lẽ giống như là của Các Mác. Cho nên ông ta đã được đãi ngộ xứng đáng khi Mác – Len-nan công phẫn trách cứ ông ta rằng "ông ta hoàn toàn không có thiện cảm với phương pháp lịch sử" [226] và khi ngài giáo sư Gi-rô – Tơ-lông ở Giơ-ne-vơ khẳng định lại lời đó trong năm 1884. Ấy thế mà cũng chính ngài Gi-rô – Tơ-lông đó, hồi năm 1874 ("Nguồn gốc của gia đình"), vẫn còn lang thang bất lực trong cái mê cung chế độ ngoại tộc hôn của Mác – Len-nan và chỉ nhờ có Moóc-gan ông ta mới thoát ra được!

Tôi không cần phải nói nhiều ở đây về những tiến bộ khác mà khoa lịch sử nguyên thủy đã phải chịu ơn Moóc-gan; tất cả những điều cần thiết về điểm này, đều được nói đến trong các tác phẩm thích ứng của tôi. Mười bốn năm sau khi tác phẩm chủ yếu của Moóc-gan ra đời, đã làm cho tài liệu về lịch sử các xã hội nguyên thủy của loài người phong phú thêm rất nhiều. Ngoài các nhà nhân loại học, các nhà du hành, các nhà chuyên môn nghiên cứu về lịch sử nguyên thủy, lại còn thêm các nhà chuyên môn về luật pháp so sánh, họ đã đưa lại hoặc những tài liệu mới, hoặc những quan điểm mới. Một số giả thuyết cá biệt nào đó của Moóc-gan, do đó, đã bị lung lay hoặc thậm chí bị đánh đổ. Nhưng không có một chỗ nào mà tài liệu mới sưu tập được lại dẫn đến chỗ xóa bỏ những quan điểm chủ yếu, lớn lao, của ông. Trên những nét chủ yếu, hệ thống mà ông đã xác lập trong lịch sử nguyên thủy, đến ngày nay, vẫn còn có giá trị. Có thể nói rằng người ta càng dấu không cho biết ai là tác giả của bước tiến lớn đó bao nhiêu thì hệ

thống của ông lại ngày càng được thừa nhận một cách phổ biến hơn bấy nhiêu [1*].

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, 16 tháng Sáu 1891

Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd. 2, số 41, năm 1890 – 1891 và trong cuốn: Friedrich Engels. "Der Ursprung der Familie, des Privateigenthums und des Staats" Stuttgart, 1891

In theo bản in trong cuốn sách, có đối chiếu với bản in trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

1* Tháng Chín 1888, khi từ Niu-Oóc trở về tôi được gặp một cựu đại biểu quốc hội ở tuyển khu Rô-se-xtơ, ông này vốn quen biết Lê-vi Moóc-gan. Tiếc thay, ông ta không thể kể cho tôi nghe được mấy về Moóc-gan. Ông ta nói: Moóc-gan đã sống ở Rô-se-xtơ như một người thường, chỉ làm công việc nghiên cứu khoa học của mình mà thôi. Anh của Moóc-gan là một đại tá, làm việc ở Bộ chiến tranh tại Oa-sinh-tơn; nhờ anh giới thiệu, nên Moóc-gan đã làm cho chính phủ chú ý đến công trình nghiên cứu của mình và được nhà nước bỏ tiền xuất bản vài cuốn sách của mình. Vị cựu đại biểu Quốc hội nói rằng ông ta cũng đã có nhiều lần góp phần vào việc đó khi ông còn ở trong quốc hội.

LỜI CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG ÁO [227]

Luân Đôn, ngày 26 tháng Sáu 1891

Các đồng chí kính mến!

Xin các đồng chí nhận lời cảm ơn chân thành nhất của tôi về lời mời chân tình mời tôi đến dự đại hội lần thứ hai Đảng dân chủ – xã hội Áo, cũng như lời bày tỏ của tôi lấy làm tiếc không thể đích thân đến dự được; đồng thời tôi xin gửi đến các đồng chí những lời chúc tốt đẹp nhất của tôi chúc đại hội thành công.

Từ thời Hai-nơ-phen[228], khi Đảng công nhân Áo lại dứng vững chân, các đồng chí đã đạt được những thành tựu to lớn. Đó là nhân tố tốt đẹp đảm bảo để đại hội lần này của các đồng chí sẽ là điểm xuất phát của những thắng lợi mới, càng to lớn hơn.

Đảng của chúng ta có sức mạnh nội tại không gì lay chuyển được như thế nào, đảng đang chứng minh không chỉ bằng những thành tựu nhanh chóng kế tiếp nhau, hết thành tựu này đến thành tựu khác, không chỉ ở chỗ trong năm nay tại Áo, đảng đã chấm dứt tình hình đặc biệt như năm ngoái ở Đức [229]. Đảng của chúng ta càng chứng minh sức mạnh của mình qua sự thật là ở tất cả các nước đảng đều vượt lên trên những trở ngại và tiến hành những công việc mà gặp chúng, tất cả những đảng khác có lấy người của các giai cấp có của vào bổ sung cho hàng ngũ

của mình, đều bó tay, lùi bước. Trong khi các giai cấp có của ở Pháp và Đức ấp ủ lòng căm thù nhau và giữa chúng tồn tại nỗi cừu hận không thể điều hòa, thì vô sản Pháp và Đức sát cánh nhau hành động. Và trong khi ở nước Áo của các đồng chí, các giai cấp có của ở các tỉnh do hận thù dân tộc mù quáng mà mất đi những khả năng thống trị còn lại cuối cùng của mình thì đại hội đảng lần thứ hai của các đồng chí sẽ cho họ thấy diện mạo của một nước Áo xa lạ với bất cứ sự hiềm khích dân tộc nào, bộ mặt nước Áo của công nhân.

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" số 27, ngày 3 tháng Bảy 1891 và trong cuốn sách: "Verhandlungen des zweiten österreichischen Parteitags, abgehalten zu Wien am 28, 29 und 30 Juni 1891". Wien, 1891

In theo bản đăng trên báo "Arbeiter-Zeitung", có đối chiếu với bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

GÓP PHẦN PHÊ PHÁN DỰ THẢO CƯƠNG LĨNH NĂM 1891[230] CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI

Viết vào khoảng giữa ngày 18 và ngày 29 tháng Sáu 1891
Công bố lần đầu tiên (không có phụ lục) trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd.1, N° 1, 1901 — 1902 và in toàn văn bằng tiếng Nga trong Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghen xuất bản lần thứ nhất, t.XVI, ph.II, 1936

Theo đúng bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

Bản dự thảo hiện nay[231] khác bản cương lĩnh cũ một cách có lợi hơn nhiều[232]. Những tàn tích rất nhiều của một tập quán lỗi thời – đặc biệt của phái Lát-xan hoặc của phái xã hội chủ nghĩa tầm thường – phần lớn đều bị loại bỏ; về mặt lý luận thì nói chung bản dự thảo được thảo ra dựa trên cơ sở của khoa học ngày nay và có thể thảo luận bản ấy từ cơ sở đó.

Bản dự thảo chia làm ba phần: I. Trình bày lý do; II. Những yêu sách chính trị; III. Những yêu sách thuộc về việc bảo vệ quyền của công nhân.

I. TRÌNH BÀY NHỮNG LÝ DO THÀNH MƯỜI ĐIỀU

Nói chung thì phần trình bày những lý do ấy đã không suôn sẻ vì người ta muốn kết hợp hai điều không thể dung hòa với nhau được: những lý do ấy vừa được dùng làm cương lĩnh, vừa làm những lời *bình luận* bản cương lĩnh đó. Người ta sợ rằng nếu cứ trình bày cô đọng và rõ ràng thì không được dễ hiểu chăng; cho nên người ta đã thêm những lời giải thích, làm cho vấn đề dài dòng ra. Theo tôi thì cương lĩnh phải hết sức ngắn gọn và chính xác được chừng nào hay chừng ấy. Nếu ngẫu nhiên có một danh từ ngoại quốc hay một câu nào mới nhìn qua không thể hiểu nổi được tất cả ý nghĩa thì việc đó cũng không sao cả. Những bài thuyết trình trong các buổi họp và những bài giải

thích trên báo chí sẽ làm tất cả những điều cần thiết, và lúc đó, câu văn ngắn và rõ, một khi đã được hiểu thì nó khắc sâu vào trí não và trở thành một khẩu hiệu, đó là điều mà việc tranh luận dài dòng không bao giờ đạt được. Không nên châm chước quá nhiều để đại chúng hóa; không nên đánh giá thấp những năng lực trí tuệ và trình độ văn hóa của công nhân chúng ta. Họ đã từng hiểu được những điều còn khó hơn nhiều so với những điều mà một bản cương lĩnh ngắn nhất, cô đọng nhất có thể trình bày với họ; và mặc dầu thời kỳ Đạo luật đặc biệt đã làm khó khăn thêm và thậm chí có nơi đã ngăn cản việc truyền bá những kiến thức toàn diện trong đông đảo quần chúng vừa tham gia phong trào; nhưng dưới sự lãnh đạo của những người cũ thì cũng dễ bù lại được điều đó vì ngày nay, có thể tự do cất giữ và đọc những sách báo tuyên truyền của chúng ta.

Tôi muốn thử viết lại tất cả phần này cho ngắn gọn hơn, và nếu làm được điều đó, tôi sẽ gửi kèm theo thư của tôi hoặc sẽ gửi sau. Bây giờ tôi nói đến từng điều một, những điều đánh số từ 1 đến 10.

Điều 1. – "*Việc tách*", v.v. "xí nghiệp khai thác mỏ, giếng mỏ, mỏ" là ba từ để chỉ cùng một điều; nên bỏ bớt đi hai từ. Theo ý tôi, tôi để lại từ *xí nghiệp khai thác mỏ* [Bergwerke], vì ở nước ta, ngay ở miền đồng bằng phẳng phiu nhất, người ta vẫn thường dùng từ đó, và tôi sẽ gọi tất cả bằng một từ thông dụng nhất. Trái lại, tôi sẽ thêm: "*đường sắt và* những phương tiện giao thông *khác*."

Điều 2. – Ở đây, tôi sẽ viết: "Những tư liệu lao động *của xã hội*, trong tay *bọn chiếm đoạt những tư liệu đó* (hay *bọn sở hữu những tư liệu đó*); và ở đoạn sau cũng thế, "sự lệ thuộc... vào *những kẻ sở hữu* (hoặc bọn chiếm đoạt) các tư liệu lao động", v.v..

Lời khẳng định rằng các ngài ấy đã chiếm đoạt tất cả những

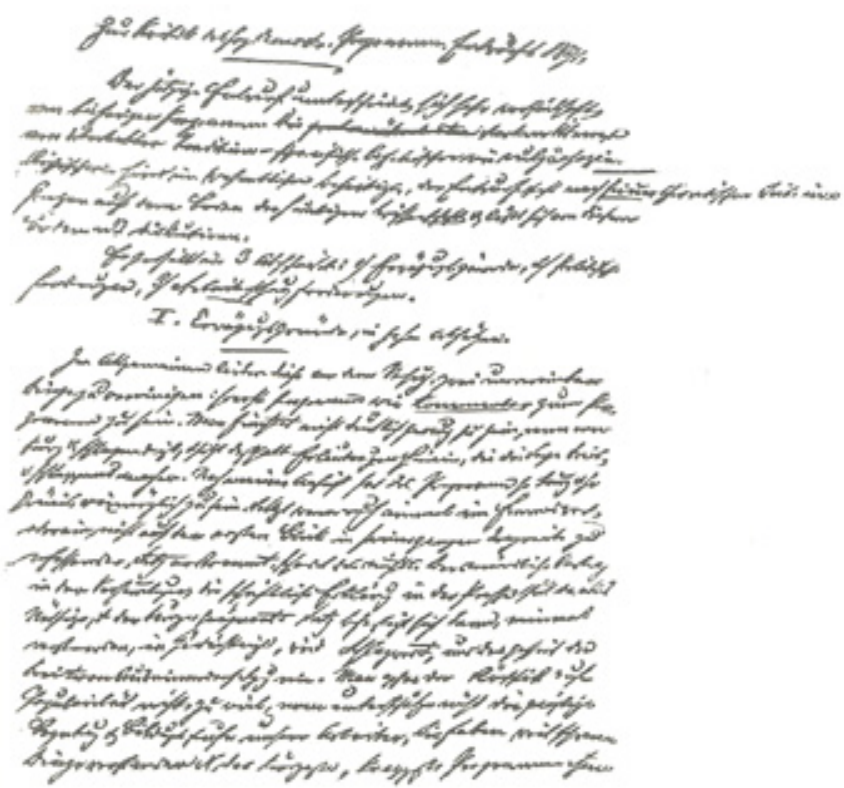

Trang đầu bản thảo của Ph. Ăng-ghen "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh năm 1891 của Đảng dân chủ – xã hội"

tư liệu đó làm "sở hữu độc chiếm", đã nằm trong đoạn thứ nhất, và ở đây, nó được lặp lại chỉ vì người ta tuyệt đối muốn đưa từ "độc quyền" vào đó. Nhưng cả hai từ nói trên, chẳng có từ nào có thể làm cho vấn đề được rõ nghĩa thêm một chút nào cả. Mà trong một cương lĩnh, cái gì thừa chỉ có thể làm cho nó yếu đi mà thôi.

"Những tư liệu lao động *cần thiết* cho *sự tồn tại* của xã hội".

- thì trong mỗi thời kỳ, đều là những tư liệu tồn tại trong thời kỳ ấy. Trước khi phát minh ra máy hơi nước, người ta có thể không cần đến máy đó; ngày nay thì không thể như thế được. Ngày nay, vì tất cả những tư liệu lao động, -hoặc do sự cấu tạo của nó, hoặc do sự phân công lao động xã hội - đều trực tiếp hay gián tiếp là *những tư liệu lao động xã hội*, nên những từ này nói lên một cách khá đầy đủ và không mập mờ: những tư liệu lao động tồn tại ở mỗi thời đại.

Nếu đoạn cuối đã rút ra từ đoạn trình bày những lý do của Điều lệ Quốc tế thì tôi thích giữ *nguyên vẹn* như thế: "sự khốn cùng xã hội (là điều số 1), sự suy nhược tinh thần và sự *lệ thuộc* chính trị"[233]. Sự suy thoái về thể chất nằm trong khái niệm sự khốn cùng xã hội và sự lệ thuộc chính trị là một sự thật, còn *tình trạng bị tước đoạt quyền lợi chính trị* thì đó chỉ là một câu khoa trương, có một giá trị hoàn toàn *tương đối*, không nên đưa vào trong một cương lĩnh.

Điều 3. – Theo ý kiến tôi, câu thứ nhất cần được chữa lại.

"Dưới *sự thống trị của những kẻ sở hữu độc chiếm*"

Một là, tiếp theo đó là một sự kiện kinh tế nên phải giải thích về mặt kinh tế. Nhưng từ ngữ "*sự thống trị* của những kẻ sở hữu độc chiếm"lại làm cho người ta tưởng lầm rằng đó là kết qủa sự thống trị *chính trị* của lũ kẻ cướp ấy. Hai là, bọn sở hữu độc chiếm không phải chỉ gồm có "tư bản và đại địa chủ" (đằng sau khái niệm "tư sản" ấy là cái gì? Bọn chúng có thành một

phạm trù sở hữu độc chiếm thứ ba không? Phải chăng bọn đại địa chủ cũng là bọn "tư sản"? Vậy khi nói đến bọn đại địa chủ thì có nên im lặng không nhắc đến những tàn tích khốn lỏ của phong kiến, những tàn tích đem lại cho tất cả tình hình chính trị rối ren của chúng ta ở Đức một tính chất đặc biệt phản động, không?). Những *nông dân* và *những người tiểu tư sản*, ít ra ngày nay, cũng đang còn là "những kẻ sở hữu độc chiếm"; nhưng trong toàn bộ cương lĩnh thì không thấy nói đến họ và bởi vậy phải diễn đạt bằng cách nào để họ khỏi bị liệt vào loại những bọn sở hữu độc chiếm mà người ta nói đến.

"Sự tích lũy những tư liệu tạo đông và của cải do những người bị bóc lột sản xuất ra".

"Của cải" gồm có: 1) – tư liệu sản xuất; 2) – tư liệu tiêu dùng. Trước hết nói đến *một bộ phận* của của cải và tiếp đó, không phải nói đến bộ phận kia của của cải mà nói của cải nói chung, rồi nối hai cái đó lại với nhau bằng chữ và – như vậy là trái với ngữ pháp và không lô – gích.

"trong tay *bọn tư bản tăng*lên với một tốc độ ngày càng nhanh".

Còn bọn "đại địa chủ" và bọn "tư sản" vừa nói ở trên thì đâu rồi? Nếu ở chỗ này chỉ nói đến bọn tư bản là đủ thì trên kia nói như vậy chắc cũng đủ. Song nếu người ta muốn nói rõ, nói tỉ mỉ thì như vậy lại không đủ chút nào.

"Số lượng những người vô sản và *sự khốn cùng* của họ ngày càng tăng thêm".

Điều này, nếu khẳng định tuyệt đối như thế, là không đúng. Có thể rằng tổ chức của công nhân, sự phản kháng ngày càng tăng của họ, tạo thành một chướng ngại nào đó đối với *sự tăng thêm cảnh khốn cùng*. Nhưng điều *chắc chắn* tăng thêm, chính là *tình trạng bấp bênh trong cuộc sống*. Đấy là điều mà tôi muốn thêm vào.

Điều 4. Câu

– "Sự thiếu kế hoạch nằm trong chính ngay tính chất của sản xuất tư bản tư nhân".

Câu này phải sửa lại rất nhiều. Tôi biết một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, coi như là hình thức của xã hội, như là giai đoạn kinh tế, và một nền sản xuất tư bản *tư nhân*, coi như là một *hiện tượng* xảy ra theo cách này hay cách khác, trong suốt giai đoạn đó. Vậy sản xuất tư bản tư nhân nghĩa là gì? – Là sản xuất của người kinh doanh *riêng biệt*; và nền sản xuất ấy há chẳng ngày càng trở thành một ngoại lệ đó sao? Sản xuất tư bản chủ nghĩa của *những công ty cổ phần* đã không còn là một nền sản xuất tư nhân nữa, mà là một nền sản xuất vì lợi ích của nhiều cổ đông. Và nếu chúng ta đi từ những công ty cổ phần đến các tơ-rốt đang khống chế và độc quyền những ngành trọn vẹn trong công nghiệp, thì lúc đó, chẳng những *nền sản xuất tư nhân* mà cả *sự thiếu kế hoạch* nữa cũng không còn. Bỏ chữ "*tư nhân*" đi và câu đó sẽ tạm có thể cho qua được.

"Sự phá sản của những tầng lớp nhân dân rộng rãi".

Thay cho câu nói khoa trương ấy, nó có vẻ như chúng ta còn tiếc rẻ sự phá sản của bọn tư sản và tiểu tư sản, tôi sẽ kể lại sự việc một cách đơn giản như sau: "nó, do sự phá sản của những tầng lớp trung gian ở thành thị và nông thôn, của những người tiểu tư sản và tiểu nông, đã mở rộng thêm (hay làm sâu thêm) cái vực thẳm tồn tại giữa những người có của và những người không có của".

Hai câu cuối nói cùng một ý như nhau. Trong phụ lục cho phần I, tôi sẽ đưa ra một đề nghị thay đổi[1*]

Điều 5. – Thay cho "những nguyên nhân", nên để là "của

1* Xem tập này, tr. 352.

những nguyên nhân *của tình trạng đó*"; chắc đó chỉ là sai sót vì sơ ý.

Điều 6. – " Xí nghiệp khai thác mỏ, giếng mỏ, mỏ", xem chú thích cho số 1. -"Sản xuất *tư nhân*": xem trên kia ở số 4. Tôi sẽ viết như sau: "Việc cải tạo nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay, sản xuất vì lợi ích của những tư nhân hay công ty cổ phần, thành nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, sản xuất vì lợi ích của toàn thể xã hội và theo một kế hoạch đã định từ trước, một sự cải tạo...mà chỉ nhờ có nó mới thực hiện được việc giải phóng giai cấp công nhân và, do đó, thực hiện được việc giải phóng tất cả những thành viên trong xã hội, không trừ một ai."

Điều 7. – Tôi sẽ viết như tôi đã viết trong bản phụ lục cho phần 1.[1*]

Điều 8. – Thay cho "có ý thức giai cấp", đây là một cách nói tắt mà dĩ nhiên là dễ hiểu đối với giới chúng ta, nhưng để cho mọi người đều có thể hiểu được và dễ dịch ra tiếng nước ngoài, tôi sẽ nói "với những công nhân đã có ý thức về hoàn cảnh giai cấp của mình", hoặc một câu tương tự.

Điều 9. – Câu cuối cùng: "thay cho...và do đó, tập hợp vào trong độc một bàn tay có thế lực của ách áp bức chính trị".

Điều 10. – Sau "sự thống trị giai cấp" thiếu "và chính bản thân các giai cấp". Xóa bỏ các giai cấp là yêu sách cơ bản của chúng ta, không có yêu sách đó thì việc xóa bỏ sự thống trị giai cấp là vô nghĩa về phương diện kinh tế! Thay cho "cho quyền lợi ngang nhau của mọi người", tôi đề nghị: "cho những quyền lợi ngang nhau, và *nghĩa vụ ngang nhau* của mọi người".v.v.. Đối với chúng ta, *những nghĩa vụ ngang nhau* là một điều bổ sung đặc biệt quan trọng cho những *quyền lợi* dân chủ tư sản

1* Xem tập này, tr. 353-354.

ngang nhau và tước bỏ ý nghĩa đặc biệt tư sản của những quyền lợi ấy.

Còn về câu cuối cùng: "Trong cuộc đấu tranh của mình..." có khả năng thì tôi sẵn sàng tước bỏ đi. Theo nội dung mơ hồ của câu ấy: "có khả năng cải thiện tình cảnh của *nhân dân* nói chung (người ta muốn nói ai đây?) và...", – thì câu đó có thể bao gồm tất cả: thuế quan bảo hộ mậu dịch và tự do mậu dịch, phường hội và tự do hoạt động công nghiệp, địa ốc ngân hàng, ngân hàng trao đổi, tiêm chủng bắt buộc và cấm tiêm chủng, bệnh nghiện rượu và bài trừ nạn nghiện rượu, v.v.. Điều mà câu đó *cần phải* nói thì đã nằm ở câu trên kia rồi; thế thì không cần thiết phải nói rõ ràng rằng khi đòi hỏi tất cả thì chúng ta cũng muốn nói đến từng phần; theo ý tôi thì điều đó làm giảm tác dụng. Nếu muốn dùng câu đó làm câu chuyển ý sang những yêu sách riêng biệt, có thể nói đại thể như sau: "Đảng dân chủ – xã hội đấu tranh cho tất cả những yêu sách *có thể đưa đảng đến gần mục đích ấy* ("những biện pháp và thiết chế" cần được bỏ đi vì như thế là lắp lại.) Hoặc tốt hơn nữa là, chỉ việc nói thẳng vấn đề ra, tức là: phải kéo lại thời gian mà bọn tư sản đã làm phí mất. Trong bản phụ lục I, tôi đã thêm một câu cuối theo tinh thần đó[1*]. Tôi cho điều đó là quan trọng vì những nhận xét mà tôi nêu trong phần tiếp theo và để luận chứng cho những đề nghị mà tôi đưa ra trong đó.

II. NHỮNG YÊU SÁCH CHÍNH TRỊ

Những yêu sách chính trị của bản dự thảo có một khuyết

1* Xem tập này, tr.353-354.

điểm lớn. Điều đúng ra cần phải nói *thì lại không có ở trong đó*. Ví phỏng 10 yêu sách ấy đều được chấp nhận tất cả thì tuy rằng chúng ta sẽ có thêm những phương tiện để thực hiện yêu sách chính trị chủ yếu, nhưng tuyệt nhiên chúng ta sẽ không đạt được chính ngay yêu sách chính trị chủ yếu đó. Xét về mặt những quyền đã công nhận cho nhân dân và cho các đại biểu của họ thì hiến pháp của Đế chế Đức chỉ đơn thuần sao lại bản Hiến pháp Phổ năm 1850, – cái hiến pháp trong đó tính chất cực kỳ phản động đã được thảo ra thành mục,theo đó chính phủ có mọi quyền hành thật sự, còn các nghị viện thì không có đến ngay cả quyền bác bỏ thuế má; cái hiến pháp, như giai đoạn tranh chấp về hiến pháp đã chỉ rõ, hay[234], đã chứng tỏ rằng chính phủ có thể làm bất cứ điều gì mà nó muốn. Những quyền hành của Quốc hội Đức cũng đúng hệt như những quyền hành của Nghị viện Phổ, và vì thế Líp-nếch đã gọi Quốc hội ấy là cái lá nho che cho chế độ chuyên chế. Trên cơ sở hiến pháp ấy và sự phân chia ra các quốc gia nhỏ, do hiến pháp đó chuẩn y, trên cơ sở một sự "liên minh" giữa nước Phổ và Rây-xơ – Grây-xơ – Slây-xơ – Lô-ben-tanh[235], khi mà một đồng minh này có bao nhiêu dặm vuông thì đồng minh kia cũng rộng bấy nhiêu tấc vuông, trên cơ sở như thế mà muốn thực hiện việc "biến tất cả các tư liệu lao động thành tài sản chung" thì là một điều vô lý hiển nhiên.

Dụng đến vấn đề ấy là nguy hiểm. Tuy nhiên phải đề cập đến vấn đề bằng cách này hay cách khác. Điều ấy là cần thiết như thế nào thì chính chủ nghĩa cơ hội hiện trần lan trên một phần lớn sách báo dân chủ – xã hội, đang chứng minh. Vì sợ việc phục hồi lại đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, hoặc vì nhớ lại một số lời tuyên bố đưa ra một cách vội vã trong suốt thời kỳ mà đạo luật ấy đang có hiệu lực, nên hiện nay người ta muốn đảng thừa nhận rằng trật tự hợp pháp hiện thời ở Đức là có thể đủ để thực hiện mọi yêu sách của Đảng bằng con đường

hòa bình. Người ta tự lừa dối mình và lừa dối đảng rằng "xã hội hiện nay đang dần dần phát triển thành chủ nghĩa xã hội" mà không tự hỏi xem như vậy thì xã hội đó có buộc phải thoát ra khỏi trật tự xã hội cũ của nó không; và liệu có phải cưỡng bức làm nổ tung cái vỏ cũ ấy như con tôm làm vỡ cái vỏ của nó không; và liệu ở Đức, xã hội đó, ngoài ra, không cần phải bẻ gẫy những xiềng xích của trật tự chính trị còn có tính chất nửa chuyên chế và hơn nữa, còn rắc rối không thể tả xiết. Ta có thể quan niệm được rằng xã hội cũ sẽ có thể tiến lên xã hội mới một cách hòa bình, trong những nước ở đó cơ quan đại diện nhân dân tập trung tất cả quyền hành trong tay, và có thể làm bất cứ việc gì bằng con đường hiến pháp, khi được đa số nhân dân làm hậu thuẫn: trong những cộng hòa dân chủ như Pháp và Mỹ, trong những nước quân chủ như Anh, là những nước, ở đó ngày nào việc sắp chuộc lại triều vua cũng được đưa ra bàn cãi trên báo chí, ở đó triều đại ấy bất lực không chống lại được ý chí của nhân dân. Nhưng ở Đức, nơi mà chính phủ hầu như nắm toàn bộ quyền lực, nơi mà Quốc hội cùng các cơ quan đại diện khác đều không có thực quyền, ở Đức mà công bố một điều gì giống như vậy, và hơn nữa là không cần thiết, thì tức là lột chiếc lá nho che cho chế độ chuyên chế và đem thân thể của chính mình để che sự trần truồng của chế độ chuyên chế.

Rút cuộc một chính sách như thế chỉ có thể đưa đảng vào con đường lầm lạc. Người ta đưa những vấn đề chính trị chung, trừu tượng lên hàng đầu và như vậy là người ta che lấp mất những vấn đề cụ thể, bức thiết nhất, những vấn đề sẽ được đặt ra trong chương trình nghị sự, mỗi khi xảy ra những biến cố lớn đầu tiên, mỗi khi có khủng hoảng chính trị đầu tiên. Kết qủa có thể là như thế nào, nếu không phải là bất thình lình, trong giờ phút quyết định, đảng bị bối rối;là về những vấn đề hết sức quyết định, trong đảng có tình trạng mơ hồ và thiếu nhất trí, vì những

vấn đề ấy chưa hề được bàn tới? Liệu có lập lại điều đã xảy ra trước đây, về vấn đề thuế quan bảo hộ, vấn đề mà lúc đó, người ta tuyên bố là chỉ liên quan đến giai cấp tư sản và tuyệt nhiên không đụng đến công nhân, và do đó, trong vấn đề ấy, mỗi người có thể bỏ phiếu theo ý muốn của mình, còn như ngày nay thì nhiều người lại rơi vào tình trạng đối lập cực đoan và đối lập với bọn tư sản đánh vào chủ trương thuế quan bảo hộ của giai cấp tư sản, họ lại ca ngợi những điều vô lý về kinh tế của Cốp-đen và Brai-tơ và tuyên truyền dưới dạng chủ nghĩa xã hội thuần túy nhất – chủ nghĩa Man-se-xtơ[236] thuần túy nhất chăng? Vì những lợi ích nhất thời hàng ngày mà quên đi những quan điểm chủ yếu lớn; chạy theo những thành công chốc lát và đấu tranh cho những thành công chốc lát mà không tính đến hậu quả về sau, hy sinh tương lai của phong trào vì hiện tại, tất cả những việc ấy có thể xuất phát từ những động cơ "thành thật". Nhưng đó là và sẽ vẫn là chủ nghĩa cơ hội, mà chủ nghĩa cơ hội "thành thật" có lẽ lại là thứ chủ nghĩa cơ hội nguy hiểm hơn hết cả.

Hiện nay, những điểm tế nhị nhưng rất cơ bản đó là gì?

Thứ nhất. Nếu có một điều gì chắc chắn thì đó là đảng ta và giai cấp công nhân chỉ có thể đi đến nắm quyền thống trị dưới một hình thức chính trị, như nền cộng hòa dân chủ. Nền cộng hòa này cũng chính là hình thức đặc thù của chuyên chính vô sản, như Đại cách mạng Pháp đã chứng minh. Thật ra hoàn toàn không thể tưởng tượng ra được rằng những người ưu tú của chúng ta phải trở thành bộ trưởng, dưới triều một hoàng đế, chẳng hạn như Mi-ken. Dành rằng, hình như xét về mặt pháp luật, không thể trực tiếp ghi vào cương lĩnh, yêu sách đòi thành lập nước Cộng hòa, -mặc dầu điều đó đã có thể thực hiện được ngay dưới thời Lu-i -Phi-líp ở Pháp, cũng như ở I-ta-li-a hiện nay. Nhưng việc không thể xây dựng ở Đức một cương lĩnh đảng

công khai mang tính chất cộng hòa cũng chứng tỏ rằng ảo tưởng cho rằng có thể tổ chức nền Cộng hòa ở đó bằng con đường hòa bình thật sự, và không những chỉ tổ chức nền Cộng hòa mà còn tổ chức xã hội cộng sản, là một ảo tưởng lớn biết bao.

Tuy nhiên, cùng lắm, người ta còn có thể lẩn tránh vấn đề nước Cộng hòa. Nhưng theo ý tôi, cái cần và có thể đưa vào cương lĩnh, chính là yêu sách *đòi tập trung tất cả quyền lực chính trị vào trong tay cơ quan đại diện của nhân dân*. Và nếu người ta không thể đi xa hơn, thì như thế là cũng đủ rồi.

Thứ hai. Việc xây dựng lại chế độ Nhà nước Đức. Một mặt, phải xóa bỏ tình trạng chia ra từng quốc gia nhỏ; – chừng nào còncó những quyền lợi riêng biệt của Ba-vi-e và của Vuyếc-tem-béc[237], chừng nào bản đồ Thuy-rinh-ghen hiện nay chẳng hạn, còn là một cảnh tượng thảm hại, thì hãy cứ cách mạng hóa xã hội đi xem! Mặt khác,nước Phổ không được tồn tại nữa, nó phải phân thành những tỉnh tự trị, để cho tinh thần đặc thù Phổ không còn đè nặng lên nước Đức nữa. Phân thành những nhà nước nhỏ và tinh thần đặc thù Phổ,đó là hai mặt của mâu thuẫn trong đó nước Đức ngày nay đang bị giam hãm, và mặt này thường được dùng làm cớ để bào chữa và làm lý do tồn tại của mặt kia.

Lấy cái gì để thay thế nước Đức hiện nay? Theo ý tôi, giai cấp vô sản chỉ có thể dùng hình thức kiểu Cộng hòa thống nhất và không thể phân chia. Nói chung thì trên lãnh thổ mênh mông của nước Mỹ, chế độ Cộng hòa liên bang, giờ đây, vẫn còn là tất yếu, mặc dầu ngay từ giờ, nó cũng đã bắt đầu trở thành một chướng ngại ở miền Đông. Chế độ ấy, nếu được thành lập ở Anh, sẽ là một bước tiến, vì trên hai đảo của nước Anh, có đến bốn dân tộc cư trú và tuy có Quốc hội thống nhất, nhưng lại có đến ba pháp chế khác nhau cùng tồn tại. Ở nước Thụy Sĩ bé nhỏ,

chế độ Cộng hòa liên bang, từ lâu, đã biến thành một chướng ngại vật, sở dĩ còn có thể được chấp nhận, chỉ là vì nước Thụy Sĩ cam chịu đóng vai một thành viên hoàn toàn thụ động trong hệ thống các nước ở châu Âu. Đối với nước Đức, một tổ chức liên bang kiểu Thụy Sĩ là một bước lùi lớn. Hai điểm phân biệt một nước liên bang với một nước thống nhất: trước hết, mỗi quốc gia nằm trong liên bang, mỗi khu đều có dân luật và hình luật riêng của mình, có tổ chức tư pháp riêng của mình; thứ nữa là bên cạnh Nghị viện đại biểu nhân dân, có một Nghị viện đại biểu các quốc gia, trong đó mỗi khu bầu cử lớn hay nhỏ đều biểu quyết với tư cách là một khu. Về điểm thứ nhất, chúng ta may lắm đã vượt qua và chúng ta không đến nỗi khờ dại để đem áp dụng điểm đó một lần nữa. Điểm thứ hai, chúng ta đã có dưới hình thức Hội đồng liên bang và chúng ta rất có thể không cần đến nó – hơn nữa là vì "Nước liên bang" nói chung của chúng ta đã là bước qúa độ chuyển sang nước thống nhất. Và nhiệm vụ của chúng ta không phải là ở chỗ kéo cuộc "cách mạng từ trên xuống" trở lùi lại cuộc cách mạng mà chúng ta đã thực hiện năm 1866 và 1870; trái lại, chúng ta cần bổ sung cho nó và cải tiến nó bằng một phong trào từ dưới lên.

Vậy là nước Cộng hòa thống nhất. Nhưng không phải theo kiểu nước Cộng hòa Pháp hiện nay, đó chẳng qua chỉ là đế chế không có hoàng đế[238], được thành lập hồi năm 1798. Từ 1792 đến 1798, mỗi tỉnh trong nước Pháp, mỗi thôn xã đều có quyền tự trị hoàn toàn, theo kiểu Mỹ, và đó cũng là cái mà chúng ta cần phải có. Làm thế nào để tổ chức nền tự trị ấy, và làm thế nào để tránh được chế độ quan liêu mà vẫn đạt được như vậy, đó là điều mà nước Mỹ và Cộng hòa thứ nhất ở Pháp đã chỉ cho chúng ta thấy; đó cũng là điều mà hiện nay Ô-xtơ-rây-li-a, Ca-na-đa và các thuộc địa khác của Anh đang chỉ cho chúng ta thấy. Và một nền tự trị của tỉnh và của xã như vậy – là những

thiết chế tự do hơn nhiều so với chế độ liên bang Thụy Sĩ chẳng hạn, ở đó đành rằng mỗi khu rất độc lập đối với nhà nước liên bang, nhưng cũng lại độc lập đối với huyện và xã. Chính phủ các khu bổ nhiệm các huyện trưởng và các quận trưởng, đó là điều mà trong các nước nói tiếng Anh người ta không hề biết đến và là điều mà sau này,chúng ta kiên quyết phải loại trừ, cũng như loại trừ những ông hội đồng hàng tỉnh và những ủy viên hội đồng chính phủ, người Phổ.

Từ tất cả những điều nói trên, người ta không thể đưa được gì nhiều vào cương lĩnh. Sở dĩ tôi nói đến những điều đó thì chủ yếu là để nói rõ tính chất của tình hình ở Đức, là nơi không được phép nói công khai những điều như thế, và đồng thời cũng để nhấn mạnh rằng những kẻ nào đang muốn theo con đường hợp pháp để cải tạo những trật tự như thế thành xã hội cộng sản, là đã tự lừa dối mình. Và thứ nữa là để nhắc cho Ban lãnh đạo đảng biết rằng còn có những vấn đề chính trị quan trọng khác, ngoài việc lập pháp do nhân dân trực tiếp đảm nhiệm và việc xử án không mất tiền, mà không có những vấn đề đó thì rút cục lại chúng ta cũng vẫn cứ tiến lên được. Vì tình hình không ổn định chung nên những vấn đề ấy có thể nay mai trở nên nóng hổi và nếu chúng ta không bàn luận, không nhất trí với nhau từ trước về các vấn đề đó thì sẽ ra sao?

Tuy nhiên, một điều có thể đưa vào cương lĩnh và có thể dùng, ít ra là một cách gián tiếp, để chỉ cái mà người ta không thể nói thẳng ra được, đó là yêu sách sau đây:

"Việc tự quản hoàn toàn ở các tỉnh, huyện và xã, do các viên chức được phổ thông đầu phiếu bầu ra đảm nhiệm. Bỏ tất cả những nhà chức trách ở địa phương và ở tỉnh do nhà nước bổ nhiệm".

Ngoài việc đó, có thể nào nêu lên trong cương lĩnh những yêu sách khác liên quan đến những điểm mà tôi vừa bàn tới không,

đó là điều mà ở đây, tôi sẽ khó nhận xét hơn, so với các anh, những người đang ở tại chỗ. Nhưng mong rằng những vấn đề đó phải được tranh luận trong nội bộ đảng, chừng nào chưa muộn.

1) Tôi không hiểu được sự khác nhau giữa "quyền bầu cử và quyền bỏ phiếu" cũng như "giữa bầu cử và bỏ phiếu". Nếu cần có sự phân biệt thì dù sao cũng phải diễn đạt sự phân biệt đó một cách rõ ràng hơn hoặc giải thích trong một đoạn chú giải kèm theo dự thảo cương lĩnh.

2) – "Quyền đề nghị và phủ quyết của nhân dân đối với các dự luật", *điều đó có liên quan đến cái gì?* có liên quan đến tất cả những đạo luật hay quyết nghị của cơ quan đại diện quốc dân ư? Điều đó cần bổ sung thêm.

5) – Tách hẳn nhà thờ ra khỏi nhà nước. Tất cả những đoàn thể tôn giáo, không trừ một đoàn thể nào, đều sẽ được nhà nước coi là những hội tư nhân. Những đoàn thể ấy không còn được trợ cấp bằng qũy công nữa và mất hết mọi ảnh hưởng đối với các trường công. (Tuy nhiên người ta không thể nào cấm những đoàn thể ấy thành lập những nhà trường riêng của họ bằng những phương tiện riêng của họ và dạy ở đó những điều ngu xuẩn của họ!)

6) – Như vậy, không cần nói đến "tính chất phi tôn giáo của nhà trường" nữa, nó thuộc về một đoạn trên kia.

8) và 9) – Ở đây, tôi muốn người ta chú ý đến chỗ này: Những điểm này yêu cầu phải chuyển: 1) – *luật sư;* 2) *-bác sĩ* 3) – *dược sĩ, nha sĩ, bà đỡ, y tá, v.v.* thành người ăn lương của nhà nước. Ngoài ra, phải đưa thêm một yêu sách là, phải biến việc bảo hiểm cho công nhân hoàn toàn thành việc của nhà nước. Tất cả những điều đó liệu có thể giao cho ngài Ca-pri-vi được không? Và tất cả những điều đó có thật phù hợp với lời tuyên bố trên đây, khi người ta khước từ mọi thứ chủ nghĩa xã hội nhà nước?

10) – Ở đây, tôi sẽ nói như thế này: "Thuế... lũy tiến để trang trải mọi chi tiêu trong nhà nước, trong các huyện và xã, trong chừng mực mà thuế khóa sẽ là cần thiết. Thủ tiêu mọi thứ thuế gián thu của nhà nước và của địa phương, thủ tiêu thuế quan, v.v.". Phần còn lại là thừa và chỉ là một đoạn giải hay một đoạn trình bày những lý do; cái đó chỉ làm yếu cương lĩnh đi thôi.

III. NHỮNG YÊU SÁCH KINH TẾ

Điều 2. Không ở đâu, quyền liên hiệp lại cần đến một sự đảm bảo của *nhà nước*, hơn là ở Đức.

Câu cuối cùng, "để quy định"v.v., lẽ ra nên thêm vào *làm điều 4* và viết sao cho thích hợp. Ở đây, cần chú ý rằng với những nghị viện lao động gồm một nửa là công nhân và một nửa là các chủ doanh nghiệp thì như thế là chúng ta sẽ bị lừa gạt. Với chế độ ấy, năm này qua năm khác đa số sẽ luôn luôn thuộc phía bọn chủ, vậy sự có mặt của một "con cừu đen" trong công nhân thì có ích chi. Nếu người ta không quy định rằng trong trường hợp có sự tranh chấp, *hai bên* sẽ đưa ra lời kết luận *riêng*, thì tốt hơn là nên có một viện của bọn chủ và *bên cạnh đó, một viện độc lập của công nhân*.

Trước khi kết thúc, tôi đề nghị hãy so sánh một lần nữa với bản cương lĩnh Pháp[239], trong đó phần III có lẽ trình bày tốt hơn. Còn về cương lĩnh Tây Ban Nha[240] thì tiếc rằng tôi không có thì giờ nên không thể tìm được; về nhiều mặt, bản ấy cũng rất tốt.

PHỤ LỤC CHO PHẦN I

1) Tôi sẽ bỏ "giếng mỏ, mỏ". – và thêm: "Đường sắt và những phương tiện giao thông khác".

2) Những tư liệu lao động của xã hội, trong tay bọn chiếm đoạt những tư liệu đó (hoặc là bọn chủ những tư liệu đó) đều trở thành những phương tiện để bóc lột. Sự lệ thuộc về mặt kinh tế, do điều đó đẻ ra, của công nhân vào những kẻ sở hữu tư liệu lao động, nghĩa là các nguồn sinh sống, là cơ sở của chế độ nô lệ dưới mọi hình thức: sự khốn cùng xã hội, sự sa sút tinh thần, sự phụ thuộc chính trị.

3) Dưới sự thống trị của chế độ bóc lột ấy, sự tích lũy của cải do những người bị bóc lột sản xuất ra, vào tay bọn bóc lột – những tên tư bản và đại địa chủ – tăng lên với một tốc độ ngày càng nhanh. Sự phân phối sản phẩm lao động giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột ngày càng trở nên bất bình đẳng hơn, số lượng những người vô sản ngày càng tăng thêm và điều kiện sinh sống của họ ngày càng bấp bênh hơn,v.v..

4) Bỏ chữ "tư nhân" (sản xuất) đi,... nó càng làm trầm trọng thêm... nó, do sự phá sản của những tầng lớp trung gian ở thành thị và nông thôn, của những người tiểu tư sản và tiểu nông, đã mở rộng thêm (hay làm sâu thêm) cái vực thẳm tồn tại giữa những người có của và những người không có của; nó đưa sự

bấp bênh chung lên thành một tình trạng bình thường của xã hội và chứng tỏ rằng giai cấp những kẻ chiếm đoạt tư liệu lao động xã hội đã mất sứ mạng của chúng đồng thời cũng mất luôn cả khả năng nắm được ưu thế kinh tế và chính trị nữa.

5) của những nguyên nhân "của tình trạng đó".

6) ...việc cải tạo nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, sản xuất vì lợi ích của những tư nhân hay của công ty cổ phần, thành nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, sản xuất vì lợi ích của toàn thể xã hội và theo một kế hoạch đã định từ trước; một sự cải tạo cả những điều kiện vật chất và tinh thần của nó đã được bản thân xã hội tư bản chủ nghĩa tạo ra, mà chỉ nhờ có nó mới thực hiện được việc giải phóng giai cấp công nhân, và cùng với nó, thực hiện được việc giải phóng tất cả những thành viên xã hội, không trừ một ai.

7) Sự giải phóng giai cấp công nhân chỉ có thể là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân. Tất nhiên là giai cấp công nhân không thể trao sự nghiệp giải phóng mình vào tay bọn tư bản và đại địa chủ, kẻ thù của họ và kẻ bóc lột họ, cũng như vào tay những người tiểu tư sản và tiểu nông, tức là những người cùng bị sự cạnh tranh của những tên bóc lột lớn chèn ép và bị đặt trước một sự lựa chọn: hoặc đứng vào hàng ngũ những tên bóc lột lớn, hoặc đứng vào hàng ngũ công nhân.

8) ... với những công nhân đã có ý thức về hoàn cảnh giai cấp của mình,v.v..

9) Thay cho... và do đó tập hợp vào trong độc một bàn tay cả thế lực của ách bóc lột kinh tế lẫn thế lực của ách áp bức chính trị đối với công nhân

10) ... sự thống trị giai cấp và chính bản thân giai cấp, cho quyền lợi ngang nhau và nghĩa vụ ngang nhau của mọi người, không phân biệt v.v.. nguồn gốc (bỏ đoạn cuối câu) Tuy nhiên trong cuộc đấu tranh của mình... vì loài người, họ bị kìm hãm

bởi trật tự chính trị lỗi thời đang chi phối nước Đức. Trước hết, họ phải giành lấy một vũ đài trên đó họ có thể hoạt động tự do, xóa bỏ vô số những tàn tích của chế độ phong kiến và chế độ chuyên chế, tóm lại, đảm nhiệm cái công việc mà các đảng tư sản Đức không thể hoàn thành được vì quá ươn hèn và vẫn còn ươn hèn. Như vậy, ít nhất là ngày nay, họ phải đưa vào cương lĩnh của họ, những yêu sách mà chính giai cấp tư sản đã thực hiện được ở các nước văn minh khác.

VỀ ĐẠI HỘI BRUY-XEN VÀ VỀ TÌNH HÌNH Ở CHÂU ÂU

(trích thư gửi P. La-phác-gơ)[241]

Luân Đôn, ngày 2 tháng Chín 1891

ĐẠI HỘI BRUY-XEN

Chúng tôi có tất cả mọi căn cứ để hài lòng về Đại hội Bruy-xen.

Đại hội đã làm một việc tốt là biểu quyết khai trừ bọn vô chính phủ: Quốc tế cũ như thế đã kết thúc, Quốc tế mới bắt đầu từ đây. Bằng cách đó nghị quyết của Đại hội La Hay[242] qủa là đã được chứng thực sau mười chín năm.

Điều không kém quan trọng là đã mở rộng cửa cho các hội công liên Anh. Bước đi này chứng tỏ hoàn cảnh đã được hiểu đúng đến mức nào. Còn kết qủa biểu quyết gắn các hội công liên với "đấu tranh giai cấp và xóa bỏ lao động làm thuê" thì cho thấy rằng phía chúng ta không có bất kỳ sự nhân nhượng nào.

Vụ rắc rối với Dô-me-la Niu-ven-hây đã cho thấy rằng công nhân châu Âu đã dứt khoát để lại đằng sau thời kỳ ngự trị của câu chữ đao to búa lớn và họ nhận thức được trách nhiệm đặt lên vai họ: họ là giai cấp được tổ chức thành đảng "đấu tranh",

thành đáng quan tâm đến các "sự kiện". Mà sự kiện thì nói lên rằng sự tình ngày càng xoay chuyển theo hướng cách mạng.

TÌNH HÌNH Ở CHÂU ÂU

Ở Nga đã bắt đầu xảy ra nạn đói; ở Đức nạn đói mấy tháng nữa sẽ xảy tới; những nước khác bị đói ít hơn, đó là vì: mức thất thu năm 1891 tính ra là 11 1/2 triệu héc-tô-lít lúa mì và 87 hoặc 100 triệu héc-tô-lít mạch đen, mà mức thất thu nói sau cùng chủ yếu đụng chạm đến hai nước tiêu dùng mạch đen là Nga và Đức.

Điều đó bảo đảm cho chúng ta hòa bình đến mùa xuân năm 1892. Trước thời gian đó, nước Nga sẽ không động đậy; do đó, nếu ở Pa-ri hoặc Béc-lin người ta không làm những điều ngu ngốc khó tin thì sẽ không có chiến tranh.

Nhưng chế độ Nga hoàng có qua được cuộc khủng hoảng này không? Tôi không tin vào điều này. Ở những thành phố lớn, đặc biệt là ở Pê-téc-bua, có qúa nhiều yếu tố nổi loạn, chúng có thể sử dụng những tình huống thuận lợi đó để lật đổ gã nát rượu A-lếch-xan-đrơ III hoặc ít ra là để đặt ông ta dưới sự kiểm soát của quốc hội; có thể là chính ông ta sẽ chủ động triệu tập một quốc hội như vậy. Nước Nga – nghĩa là chính phủ và giai cấp tư sản trẻ tuổi – đã làm rất nhiều để xây dựng nền công nghiệp lớn trong nước (xem bài của Plê-kha-nốp trong "Neue Zeit"[243]). Sự phát triển của nền công nghiệp này sẽ lập tức chững lại, vì nạn đói sẽ làm cho nó mất thị trường tiêu thụ duy nhất – thị trường nội địa. Nga hoàng sẽ thấy việc biến nước nga trở thành một nước tự cung tự cấp, độc lập với nước ngoài đưa tới đâu: ông ta sẽ đối mặt với cuộc khủng hoảng nông nghiệp, bị cuộc khủng hoảng công nghiệp khoét sâu thêm.

Ở Đức, chính phủ sẽ dám, cũng như trước đây, quá chậm, xóa

bỏ hoặc tạm thời hủy thuế lúa mì. Điều đó sẽ gây chia rẽ trong đa số ở quốc hội chủ trương thi hành chính sách thuế quan bảo hộ. Các đại địa chủ "ruraux"[1*], sẽ không muốn ủng hộ thuế quan đánh vào hàng công nghiệp nữa, họ sẽ muốn mua chúng càng rẻ càng tốt. Như vậy, chắc là sẽ lập lại tình hình đã xảy ra như khi biểu quyết đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa: đa số chủ trương thi hành chính sách thuế quan bảo hộ tự nó sẽ phân liệt do sự đối lập về lợi ích đã nảy sinh trong điều kiện mới, không thể đi đến thỏa thuận về một số điểm của hệ thống thuế quan bảo hộ. Mọi đề nghị đều sẽ chỉ thu được thiểu số phiếu; ắt sẽ có chuyện hoặc giả quay trở lại chế độ buôn bán tự do, điều này thực tế cũng sẽ không thể có được, hoặc giả sẽ xảy ra việc giải tán quốc hội, điều này sẽ kéo theo hiện tượng những đảng cũ cùng đa số cũ mất đi các vị trí của mình và hình thành một đa số mới chủ trương tự do buôn bán đối lập với chính phủ hiện nay. Điều đó sẽ có nghĩa là thời kỳ Bi-xmác và sự trì trệ về chính trị trong nước thực sự và hoàn toàn chấm dứt – ở đây tôi không nói về đảng chúng ta, mà nói về những đảng cầm quyền có thể có; sẽ nổ ra cuộc đấu tranh giữa qúy tộc – địa chủ và giai cấp tư sản, cũng như giữa giai cấp tư sản công nghiệp mang tư tưởng chủ trương thi hành chính sách thuế quan bảo hộ và thương nhân, cũng như bộ phận giai cấp tư sản công nghiệp ủng hộ tự do buôn bán; tính chất vững chắc của chính phủ và của chính sách đối nội sẽ bị phá vỡ, cuối cùng, sẽ bắt đầu sự vận động, đấu tranh, cuộc sống, và tất cả mọi thành qủa sẽ do đảng chúng ta gặt hái;

1* – nghị sĩ là địa chủ, "lũ nhà quê" (tên lóng khinh miệt để gọi đa số trong Quốc hội phản động năm 1871 ở Pháp, được Ăng-ghen dùng để chỉ địa chủ Đức).

nếu tình hình xoay chuyển như vậy, thì khoảng năm 1898 đảng ta đã có thể lên nắm chính quyền.

Tình hình là như vậy. Tôi không nói đến những nước khác, vì cuộc khủng hoảng nông nghiệp không đụng chạm đến họ mạnh lắm. Và nếu cuộc khủng hoảng nông nghiệp đó gây nên cuộc khủng hoảng công nghiệp ở Anh mà chúng ta chờ đợi đã 25 năm... thì lúc đó.

Ph. Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Le Socialiste" số 51, ngày 12 tháng Chín 1891

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Pháp

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở ĐỨC[244]

Phần chủ yếu viết vào tháng Mười 1891 Lời nói đầu và kết luận viết cho bản dịch tiếng Đức viết vào tháng Giêng 1892 Đã in trong cuốn "Almanach du Parti Ouvrier pour 1892",Lille, 1892(không có lời nói đầu và kết luận) và trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd. 1, số 19, 1891 - 1892 Ký tên: P h . Ă n g - g h e n

Phần chủ yếu in theo bản in trong cuốn "Almanach du Parti Ouvrier pour 1892", có đối chiếu với bản dịch tiếng Đức trong tạp chí "Die Neue Zeit", lời nói đầu và kết luận in theo bản đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" Nguyên văn là tiếng Pháp và tiếng Đức

Tác phẩm sau đây là bản dịch một bài báo mà tôi đã viết bằng tiếng Pháp đăng trong "Almanach du Parti Ouvrier pour 1892", theo yêu cầu của các bạn Pa-ri. Đối với các nhà xã hội chủ nghĩa Pháp cũng như Đức, tôi thấy có trách nhiệm phải công bố bài báo đó bằng tiếng Đức. Đối với người Pháp – bởi vì ở nước Đức, cần phải biết rằng người ta có thể tranh luận với họ thẳng thắn đến mức độ nào về vấn đề này, khi mà các nhà xã hội chủ nghĩa Đức nhất thiết phải tham gia vào một cuộc chiến tranh, kể cả là chiến tranh chống nước Pháp; và những người Pháp ấy thoát khỏi đến mức nào cái chủ nghĩa sô-vanh và sự khao khát trả thù, là những cái mà các đảng tư sản, từ phái quân chủ cho đến phái cấp tiến, đều ra sức khoe khoang. Đối với người Đức – vì họ có cái quyền được chính tôi phải cho họ biết rằng tôi kể với người Pháp những gì về họ.

Lẽ dĩ nhiên – tôi tuyên bố thẳng thắn một lần nữa – là trong bài báo này, tôi viết chỉ nhân danh cá nhân tôi, chứ hoàn toàn không phải nhân danh đảng Đức. Chỉ có các nhà chức trách, các đại biểu và những cơ quan đã lựa chọn của đảng đó mới được quyền làm việc đó mà thôi. Và hơn nữa, vị trí của tôi trong phong trào quốc tế mà tôi đã giành được trong suốt năm mươi năm hoạt động không cho phép tôi được lấy tư cách là đại biểu của một đảng xã hội chủ nghĩa của dân tộc này hay dân tộc kia

để đối lập lại các đảng khác; nhưng vị trí đó không cần trở tôi nhớ tới rằng tôi là một người Đức và tự hào về vị trí mà công nhân Đức của chúng ta đã giành được sớm hơn tất cả các công nhân khác.

I

Chủ nghĩa xã hội ở Đức ra đời từ trước năm 1849 rất lâu. Lúc đầu nó mang trong lòng hai trào lưu độc lập với nhau. Một mặt là, một phong trào công nhân thuần túy, một nhánh của chủ nghĩa xã hội của giai cấp vô sản Pháp, từ đây nảy sinh chủ nghĩa cộng sản không tưởng của Vaitling, như một trong những bước phát triển của phong trào đó. Mặt khác là phong trào lý luận, ra đời từ sự tan rã của nền triết học Hê-ghen. Ngay từ đầu, tên tuổi của Mác đã bao trùm khuynh hướng này. Tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" công bố vào tháng Giêng 1848 đã đánh dấu sự hòa hợp giữa hai trào lưu này, một sự hòa hợp được hoàn thành và quyện chặt trong lò lửa cách mạng, khi mà tất cả họ, cả công nhân cũng như các nhà triết học trước đây, đều liều thân như nhau vì lợi ích chung[1*].

Sau thất bại của cách mạng châu Âu 1849, chủ nghĩa xã hội ở Đức phải lui vào hoạt động bí mật. Mãi tới năm 1862, Lát-xan, một học trò của Mác, mới gây dựng lại ngọn cờ xã hội chủ nghĩa. Nhưng đó không còn là cái chủ nghĩa xã hội qủa cảm của "Tuyên ngôn" nữa; cái mà Lát-xan đấu tranh đòi vì lợi ích của giai cấp công nhân là sự thiết lập những hợp tác xã sản xuất nhỏ dựa

1* Trong bản dịch tiếng Đức, đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit" thay cho những chữ "liều thân như nhau" là những chữ "đã chứng tỏ tài năng của mình".

vào sự giúp đỡ của tín dụng Nhà nước, -một sự tái bản cương lĩnh của nhóm công nhân Pa-ri trước năm 1848 đã đi theo tờ "National" của Mác-ra-xtơ[1*], một bản cương lĩnh mà những người *cộng hòa thuần túy* đối lập với "Tổ chức lao động" của Lu-i Blăng[245]. Chủ nghĩa xã hội của Lát-xan, như đã thấy, là rất ôn hòa. Tuy nhiên, sự xuất hiện của nó trên vũ đài cũng đánh dấu việc mở đầu bước phát triển thứ hai của chủ nghĩa xã hội ở Đức. Bởi vì với tài năng, nhiệt tình và nghị lực phi thường của mình, Lat-xan đã thành công trong việc khơi dậy phong trào công nhân mà gắn liền với nó – bằng những mối dây tích cực hay tiêu cực, hữu nghị hay thù địch – là tất cả những gì mà giai cấp vô sản Đức quan tâm trong suốt mười năm qua[2*].

Qủa thật, liệu cái chủ nghĩa Lát-xan thuần túy, – như đích thị bản thân nó, – có thể đáp ứng được những yêu cầu xã hội chủ nghĩa của cái dân tộc đã tạo ra "Tuyên ngôn" hay không? Không thể được. Vì vậy, chẳng bao lâu, chủ yếu, nhờ những nỗ lực của Líp-nếch và Bê-ben, một đảng công nhân đã ra đời, công khai tuyên bố những nguyên tắc của "Tuyên ngôn" năm 1848[246]. Rồi năm 1867, ba năm sau khi Lát-xan chết, bộ "Tư bản" của Mác ra đời, và từ đó trở đi bắt đầu sự suy tàn của chủ nghĩa Lát-xan đặc thù. Những quan điểm được trình bày trong bộ "Tư bản" ngày càng trở thành tài sản chung của tất các nhà xã hội chủ nghĩa Đức, – của phái Lát-xan cũng chẳng kém gì của những người khác. Nhiều lần, toàn bộ các nhóm trong phái Lát-xan đã giương cờ

1* Trong bản tiếng Đức có bổ sung thêm mấy chữ "cơ quan ngôn luận của những người cộng hòa thuần túy".

2* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "tất cả những gì mà giai cấp vô sản Đức quan tâm trong suốt mười năm qua", là những chữ: "tất cả những gì mà giai cấp vô sản Đức làm được một cách độc lập trong suốt mười năm qua".

giống trống chạy sang hàng ngũ đảng mới của Bê-ben và Líp-nếch[1*], gọi là đảng Ai-xơ-nách. Đảng này không ngừng tăng lên về số lượng, thành thử chẳng bao lâu đã nảy sinh những mối thù địch công khai giữa họ với phái Lát-xan; và cuộc đấu tranh đã lên tới tột đỉnh – ngay cả bằng dùi cui – vào đúng lúc đã không còn những điểm tranh chấp thật sự giữa các bên tham chiến nữa, vào lúc mà các nguyên tắc, luận điểm và ngay cả phương tiện chiến đấu của bên này cũng như bên kia, -xét về tất cả các điểm căn bản – đều trùng hợp với nhau.

Và đó chính là thời điểm mà các đại biểu của cả hai đảng đoàn xã hội chủ nghĩa đều ngồi bên cạnh nhau trong quốc hội và đều cảm thấy gấp đôi sự cần thiết phải cùng nhau hành động. Trước mắt các nghị sĩ tư sản[2*] thì sự thù địch lẫn nhau muôn thuở giữa những người xã hội chủ nghĩa chỉ là đáng nực cười. Tình thế đã thực sự trở nên không thể để yên được nữa. Và năm 1875 đã diễn ra sự hợp nhất[247]. Từ đó về sau những người anh em trước đây thù hằn nhau đã không ngừng kết thành một gia đình thống nhất, đoàn kết. Và nếu như còn một chút triển vọng nào có thể chia cắt được họ thì Bi-xmác đã lịch thiệp ngăn chặn lại, bằng việc ban hành vào năm 1878 đạo luật đặc biệt khét tiếng đặt chủ nghĩa xã hội Đức ra ngoài vòng pháp luật. Những cuộc truy nã; tựa như những nhát búa đánh vào cả phái này lẫn phái kia, cuối cùng đã rèn đúc cả phái Ai-xơ-nách lẫn phái Lát-xan thành một khối đồng nhất duy nhất. Và ngày nay, một mặt, Đảng dân chủ – xã hội công bố chính thức các tác phẩm của Lát-xan[248], mặt khác, nó đồng thời loại khỏi cương

1* Trong bản tiếng Đức những chữ "của Bê-ben và Líp-nếch" bị xóa bỏ.

2* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "nghị sĩ tư sản" là những chữ "đảng trật tự".

lĩnh của mình – với sự giúp đỡ của các thành viên cũ trong phái Lát-xan – những vết tích cuối cùng của chủ nghĩa Lát-xan đặc thù.

Liệu tôi có cần thiết phải kể lể chi tiết những cuộc thăng trầm, những cuộc chiến đấu, những thất bại và thắng lợi mà đảng chúng ta đã trải qua trên đường hoạt động hay không? Năm 1866, khi mà quyền phổ thông đầu phiếu mở rộng cánh cửa quốc hội cho đảng ta, thì đảng ta đã có hai đại biểu[1*] trong quốc hội và có mười vạn cử tri. Ngày nay, đảng ta đã có 35 đại biểu và một triệu rưỡi cử tri, nhiều cử tri hơn bất kỳ một đảng nào trong các cuộc bầu cử năm 1890. Kết qủa của mười một năm nằm ngoài vòng pháp luật và của tình trạng thiết quân luật, đội ngũ đảng ta đã lớn mạnh lên gấp bốn lần, và đã trở thành đảng mạnh nhất của nước Đức. Năm 1867, các nghị sĩ tư sản[2*] còn có thể coi những đồng nghiệp xã hội chủ nghĩa của họ là những kẻ kỳ quặc từ một hành tinh nào khác rơi xuống; ngày nay, dù họ có bằng lòng hay không cũng vậy, họ buộc phải thừa nhận rằng những đồng nghiệp đó là đội quân tiên phong của một lực lượng mà tương lai thuộc về nó. Đảng dân chủ – xã hội, đảng đã lật đổ Bi-xmác, đảng sau mười một năm đấu tranh đã đập tan đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, một đảng, như đợt sóng trào đã cuốn đi mọi trở ngại, chảy tràn về thành phố và nông thôn, cho đến tận những vùng Văng-đê[3*] phản động nhất, – đảng đó giờ đây đang đứng trên một vị trí mà từ đó

1* = A. Bê-ben và V. Líp-nếch.

2* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "các nghị sĩ tư sản", là những chữ "đại biểu của đảng trật tự".

3* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "những vùng Văng-đê", là những chữ " những vùng nông nghiệp".

nó hầu như có thể tính toán chính xác thời điểm nó sẽ nắm chính quyền.

Con số phiếu bầu cho các nhà xã hội chủ nghĩa như sau:

1871... 101927	1884... 549990
1874...351670	1887... 763128
1877... 493447	1890... 1427289

Kể từ những cuộc bầu cử gần đây, chính phủ đã làm tất cả những gì có thể được để đẩy quần chúng nhân dân vào tay chủ nghĩa xã hội: chính phủ đã truy nã các nghiệp đoàn và các cuộc bãi công và ngay cả trong tình hình đất đỏ hiện nay, chính phủ đã duy trì thuế, làm cho giá bánh mì và thịt đắt lên đối với người nghèo, thu lợi cho các địa chủ lớn. Trong các cuộc bầu cử năm 1895, số phiếu bầu cho chúng ta đã lên tới ít nhất là hai triệu rưỡi, nhưng tới năm 1900, số phiếu đó có thể tăng lên 3 ½ đến 4 triệu trong số 10 triệu cử tri có tên trong danh sách[1*]. Thật là một sự "chấm dứt thế kỷ" dễ chịu cho các nhà tư sản của chúng ta!

Đối lập với khối đoàn kết chặt chẽ và không ngừng lớn mạnh này của các nhà dân chủ xã hội thì chúng ta chỉ thấy các phe phái tư sản phân liệt. Năm 1890, phái bảo thủ (kể cả hai nhóm) có được 1377417 phiếu; phái tự do dân tộc – 1177807 phiếu; phái tiến bộ (cấp tiến)[2*] – 1159915 phiếu; phái Thiên Chúa giáo[3*]

1* Trong bản tiếng Đức những chữ "trong số 10 triệu cử tri có tên trong danh sách" bị xóa bỏ.

2* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "phái tiến bộ (cấp tiến)" là những chữ "phái tự do tư tưởng Đức".

3* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "phái Thiên Chúa giáo" là những chữ "phái trung tâm".

– 1342113 phiếu. Và điều đó có nghĩa là: một đảng vững vàng, có được trên 2 1/2 triệu phiếu bầu, thì có thể bắt phải đầu hàng bất kỳ một chính phủ nào.

Nhưng sức mạnh chủ yếu của chủ nghĩa xã hội Đức tuyệt nhiên không phải ở chỗ con số các cử tri của nó. Ở nước ta, phải đến 25 tuổi người ta mới được quyền bầu cử, nhưng 20 tuổi đã phải đi lính rồi. Và chính là vì thế hệ trẻ cung cấp cho đảng chúng ta nguồn bổ sung đông đảo nhất, cho nên quân đội Đức ngày càng chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, cứ năm người ở phía chúng ta thì có một người lính, nhưng một vài năm nữa thì cứ ba người là có một người lính, và đến năm 1900 thì quân đội, – trước đây ở Đức là phần tử đặc biệt mang nặng tinh thần Phổ – sẽ đa số là những người xã hội chủ nghĩa. Tình hình đó đang tiến tới gần, tựa như một số mệnh tất yếu không gì kìm hãm nổi. Cũng như chúng ta, chính phủ Béc-lin thấy rõ điều đó, nhưng nó bất lực. Quân đội đang tuột khỏi tay nó.

Biết bao nhiêu lần, giai cấp tư sản đã yêu cầu chúng ta trong mọi trường hợp hãy từ bỏ những biện pháp cách mạng và chỉ hoạt động trong phạm vi hợp pháp thôi, nhất là trong lúc này, khi đạo luật đặc biệt đã bị xóa bỏ, và quyền phổ thông cho tất cả mọi người đã được khôi phục lại, kể cả cho những người xã hội chủ nghĩa! Tiếc rằng chúng ta không thể làm vừa lòng các ngài tư sản việc ấy được. Nhưng điều chắc chắn là trong lúc này, không phải chúng ta là người "phá hoại tính hợp pháp"[249]. Ngược lại, tính hợp pháp tạo điều kiện rất tốt cho chúng ta, thành thử chúng ta sẽ là những kẻ ngu xuẩn nếu như chúng ta vi phạm nó, trong chừng mực nó vẫn tiến triển như vậy. Vấn đề cấp bách hơn nhiều là: chẳng phải chính giai cấp tư sản và chính phủ của nó sẽ là những kẻ vi phạm tính hợp pháp đó, để

đè bẹp chúng ta bằng bạo lực hay sao? Chúng ta hãy chờ xem. Còn bây giờ thì: "Hãy nổ súng trước đi, hỡi các ngài "tư sản"[250].

Không nghi ngờ gì nữa, bọn họ sẽ nổ súng trước. Tới một ngày nào đó, các ngài tư sản Đức và chính phủ của họ sẽ chán ngấy cái cảnh cứ bó tay mà nhìn dòng thác lũ ngày càng cuộn dâng của chủ nghĩa xã hội; họ sẽ viện đến sự bất hợp pháp, sẽ có hành động bạo lực. Việc đó sẽ đem lại cái gì? Bạo lực có thể đè bẹp một phe phái nhỏ ở một vùng hạn chế; nhưng chưa có một lực lượng nào có khả năng hủy diệt cả một đảng gồm hai triệu người[1*], một đảng đã trải rộng ra trên khắp đế chế rộng lớn. Bạo lực của phe phản cách mạng[2*] có thể sẽ làm chậm lại chiến thắng của chủ nghĩa xã hội một vài năm, nhưng như vậy cũng chỉ để cho về sau chiến thắng đó toàn diện hơn và triệt để hơn mà thôi.

1* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "hai triệu" là những chữ "hai – ba triệu".

2* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ : " Bạo lực của phe phản cách mạng" là những chữ "Ưu thế tạm thời của các lực lượng phản cách mạng".

II

Những điều đã nói ở trên chỉ có hiệu lực với điều kiện nước Đức sẽ phát triển kinh tế và chính trị trong những điều kiện hòa bình. Một cuộc chiến tranh sẽ làm thay đổi tất cả. Và chiến tranh thì luôn luôn có thể xảy ra hoặc hôm nay, hoặc ngày mai.

Và ngày nay, chiến tranh có nghĩa là gì thì ai cũng biết. Điều đó có nghĩa là: Pháp và Nga một bên, còn bên kia là Đức, Áo, và có thể có cả I-ta-li-a. Những người xã hội chủ nghĩa ở tất cả những nước này bị gọi vào quân đội trái với ý muốn của mình và đánh lẫn nhau. Trong trường hợp như vậy thì Đảng dân chủ – xã hội Đức sẽ làm gì? [1*]

Đế chế Đức là một nước quân chủ với những trật tự nửa phong kiến, song, rút cục lại, ở đây, đóng vai trò quyết định vẫn là những lợi ích kinh tế của giai cấp tư sản. Nền quân chủ này – do Bi-xmác – đã phạm phải những sai lầm rất lớn. Chính sách đối nội mang tính chất cảnh sát, nhỏ nhặt và hay bắt bẻ, không xứng đáng, của chính phủ một dân tộc lớn, đã làm cho tất cả các nước tự do – tư sản khinh bỉ nó; chính sách đối ngoại của nó đã làm cho các nước láng giềng nghi ngờ, thậm chí căm thù. Với việc dùng bạo lực để chiếm đóng An-da-xơ – Lo-ren-nơ,

1* Trong bản tiếng Đức có thêm mấy chữ: "Đảng ấy sẽ ra sao?"

chính phủ Đức đã làm mất mọi khả năng hòa giải với Pháp suốt hàng mấy năm trời, và đã biến nước Nga thành trọng tài của châu Âu mà không đem lại cho bản thân mình một lợi ích thực sự nào cả. Điều hết sức rõ ràng là ngày hôm sau trận Xê-đăng[251], Tổng hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế đã có thể dự đoán trước tình thế hiện nay ở châu Âu. Trong lời kêu gọi của Tổng hội đồng ngày 9 tháng chín 1870 có đoạn viết: "Phải chăng những người yêu nước Đức đã thật sự nghĩ rằng tự do và hòa bình của Đức sẽ được đảm bảo nếu họ buộc được Pháp ngả vào vòng tay của Nga? Nếu vận may về quân sự, sự say sưa về thắng lợi và những âm mưu triều đại đang đẩy nước Đức đến chỗ cướp đoạt lãnh thổ Pháp, thì nó chỉ còn có hai con đường: hoặc giả nó phải bằng bất cứ giá nào, trở thành công cụ công khai của chính sách xâm chiếm của Nga, hoặc giả sau một cuộc đình chiến ngắn nó phải chuẩn bị một trong những cuộc chiến tranh "phòng thủ" mới – không phải là một trong những cuộc chiến tranh "hạn chế" mới sáng chế ra, mà là một cuộc chiến tranh chủng tộc chống lại các chủng tộc liên minh Xla-vơ và Rô-man" [252].

Không nghi ngờ gì nữa, so với đế chế Đức ấy, nước Cộng hòa Pháp ngày nay cũng làm cách mạng – tuy chỉ là cách mạng tư sản, những vẫn cứ là cách mạng. Nhưng chỉ ngay sau khi nước cộng hòa này chịu sự thống trị của Nga hoàng thì sự việc thay đổi hẳn, chế độ Nga hoàng, đó là kẻ thù của tất cả các dân tộc phương Tây, thậm chí của giai cấp tư sản trong các dân tộc ấy. Nếu như bọn Nga hoàng đột nhập nước Đức, thì chúng không đem đến tự do, mà sự nô dịch, không đem đến sự phát triển, mà là tàn phá, không đem đến sự tiến bộ, mà là suy đồi. Liên minh với Nga hoàng, nước Pháp không thể đem lại cho người Đức một tí chút tư tưởng tự do nào; nếu như viên tướng Pháp nói về nước Cộng hòa Đức, thì cả châu Âu và châu Mỹ sẽ cười

nhạo hắn ta. Nước Pháp sẽ phải từ bỏ vai trò cách mạng của mình [1*] và sẽ mở đường cho vương quốc của Bi-xmác đóng vai làm đại biểu cho sự tiến bộ của phương Tây đối lập với sự dã man của phương Đông.

Nhưng bây giờ đằng sau nước Đức chính thức là Đảng dân chủ – xã hội Đức, là đảng mà tương lai, tương lai sắp tới của đất nước, sẽ thuộc về nó. Khi đảng đó lên nắm chính quyền thì đảng không thể sử dụng cũng như giữ vững được chính quyền nếu như không sửa đổi lại những cái bất hợp lý mà các bậc tiền bối của mình đã phạm phải đối với các dân tộc khác. Đảng đó sẽ chuẩn bị khôi phục lại nước Ba Lan đã bị giai cấp tư sản Pháp hiện nay phản bội một cách hèn hạ, đảng sẽ tạo điều kiện cho miền Bắc – Slê-đơ-vích và An-da-xơ – Lo-ren-nơ được tự do quyết định lấy tương lai chính trị của mình. Tất cả những vấn đề này sẽ được giải quyết một cách dễ dàng và trong một tương lai sắp tới đây, chỉ cần là nước Đức vẫn được quyền tự quyết định lấy công việc của mình. Giữa nước Pháp xã hội chủ nghĩa và nước Đức xã hội chủ nghĩa không thể nảy sinh bất cứ vấn đề nào về An-da-xơ – Lo-ren-nơ, trường hợp đó sẽ được giải quyết trong nháy mắt. Vấn đề chỉ còn là phải chờ đợi khoảng chừng mười năm nữa. Ở Pháp, ở Anh, ở Đức, toàn bộ giai cấp vô sản còn chờ đợi được giải phóng; vậy những người yêu nước An-da-xơ – Lo-ren-nơ lại không chờ đợi một thời gian nữa hay sao? Hay vì sự thiếu kiên nhẫn của họ mà lại để cho cả lục địa bị tàn phá và cuối cùng rơi vào vòng nô dịch của Nga hoàng? Làm như vậy chẳng phải hoài công hay sao?

1* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "từ bỏ vai trò cách mạng của mình" là những chữ "từ bỏ toàn bộ vai trò cách mạng của mình trong lịch sử".

Nếu xảy ra chiến tranh, thì trước hết là nước Đức, rồi sau đó cả nước Pháp nữa sẽ trở thành bãi chiến trường chính, hai nước này sẽ là những nước đầu tiên phải gánh chịu những phí tổn chiến tranh và sự tàn phá. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh này ngay từ đầu sẽ được đánh dấu bởi hàng loạt những sự phản bội trong hàng ngũ các đồng minh, những sự phản bội mà ngay cả kẻ phản bội đầu sỏ, – tức là nền ngoại giao – từ trước đến giờ cũng chưa thể làm được; và những nạn nhân chủ yếu của những sự phản bội đó sẽ lại là chính nước Pháp hay nước Đức; hoặc là cả hai. Với những triển vọng mạo hiểm như vậy thì có thể, nói gần như chắc chắn rằng không một nước nào trong hai nước dám gây ra cuộc chiến tranh công khai. Ngược lại, nước Nga, được bảo vệ nhờ vào hoàn cảnh địa lý và kinh tế của mình trước những hậu quả hủy diệt hết sức tai hại của một loạt những thất bại, nước Nga, chỉ riêng một nước Nga chính thức là thấy mình có lợi trong một cuộc chiến tranh khủng khiếp như vậy và chỉ có mình nó trực tiếp xắn tay lao vào. Nhưng, trong bất kỳ trường hợp nào, xét theo tình hình chính trị ngày nay thì có thể cam chắc rằng quân đội Pháp sẽ tiến vào Ranh khi phát súng đầu tiên nổ ở Vi-xla.

Và lúc đó nước Đức sẽ chỉ chiến đấu cho sự tồn tại của nó. Nếu thắng, thì nó cũng chẳng tìm được vùng đất nào mà xâm chiếm nữa; ở miền tây cũng như miền đông, nó chỉ gặp phải những tỉnh khác ngôn ngữ, mà những tỉnh như thế thì nó đã có quá nhiều. Nếu bị thua, bị nghiền nát giữa cái búa Pháp và đe Nga, thì nó sẽ mất cho Nga miền Phổ cũ và các tỉnh Ba Lan, sẽ mất cho Đan Mạch vùng Slê-đơ-vích và cho Pháp – toàn bộ miền tả ngạn sông Ranh. Ngay cả khi Pháp từ chối việc xâm chiếm vùng đó thì Nga cũng sẽ buộc nó phải làm. *Bởi vì Nga*

trước hết cần đến nguồn gây nên sự thù địch liên tục[1*] *giữa Pháp và Đức*. Nếu hai nước lớn này hòa giải với nhau, thì ưu thế của Nga ở châu Âu sẽ đi tong. Nhưng một nước Đức bị chia xẻ như thế sẽ không thể tham dự vào cái sứ mệnh mà châu Âu đang thực hiện trong tiến trình phát triển nền văn minh [2*]. Bị hạ thấp xuống vị trí mà Na-pô-lê-ông đã áp đặt cho nó từ sau hòa ước Tin-dít nước Đức chỉ có thể tồn tại được bằng cách chuẩn bị một cuộc chiến tranh mới để thiết lập lại những điều kiện sống cho dân tộc mình. Nhưng trong khi đó nó vẫn là công cụ ngoan ngoãn của Nga hoàng, kẻ nhất định sẽ dùng nó để chống lại nước Pháp.

Trong những hoàn cảnh như vậy thì Đảng dân chủ – xã hội Đức ra sao? Điều chắc chắn sẽ là: cả Nga hoàng lẫn phái cộng hòa tư sản Pháp cũng như bản thân chính phủ Đức sẽ không bỏ qua một dịp tốt như vậy để đàn áp một đảng duy nhất là "kẻ thù" đồng thời của cả ba. Chúng ta đã thấy Chi-e và Bi-xmác đã bắt chặt tay nhau như thế nào trên bãi hoang tàn của Công xã Pa-ri; chúng ta cũng đã thấy Nga hoàng, Công-xtăng và Ca-pri-vi – hoặc những kẻ kế tục bất kỳ nào của chúng – đã ôm choàng lấy nhau như thế nào trên xác chết của chủ nghĩa xã hội Đức.

Nhưng giờ đây, nhờ những nỗ lực và hy sinh không ngừng trong suốt ba mươi năm [3*], Đảng dân chủ – xã hội Đức đã giành

1* . Trong bản tiếng Đức còn có thêm mấy chữ "sự bất hòa đời đời kiếp kiếp".

2* Trong bản tiếng Đức, cuối câu này, sau những chữ "sẽ không thể", được viết như sau: "thực hiện được vai trò xứng đáng với nó trong tiến trình phát triển lịch sử châu Âu".

3* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "nỗ lực" là những chữ: "đấu tranh".

được một vị trí mà không một đảng xã hội chủ nghĩa nào trên thế giới có được, vị trí đã đảm bảo cho nó giành được chính quyền trong thời gian ngắn. Trong phong trào công nhân quốc tế, nước Đức xã hội chủ nghĩa giữ vị trí tiền đồn, vị trí vinh dự nhất, có trách nhiệm lớn lao nhất; nó có nghĩa vụ phải giữ vững vị trí đó[1*] trước mọi cuộc tiến công.

Nhưng nếu như chiến thắng của người Nga đối với nước Đức có nghĩa là sự đàn áp chủ nghĩa xã hội Đức, thì trước một triển vọng như vậy, nghĩa vụ của những người xã hội chủ nghĩa Đức sẽ là gì? Phải chăng họ bó tay để mặc cho các sự kiện diễn biến, những sự kiện đang đe dọa tiêu diệt họ, phải chăng họ sẽ vứt bỏ một cách ngoan ngoãn cái vị trí mà họ đã nhận trách nhiệm bảo vệ trước giai cấp vô sản toàn thế giới?

Hoàn toàn không. Vì lợi ích của cách mạng châu Âu họ có trách nhiệm giữ vững tất cả những vị trí đã chiếm được, không đầu hàng trước kẻ thù trong nước cũng như ngoài nước. Và họ chỉ có thể làm được điều đó bằng cách chiến đấu quyết liệt chống nước Nga và tất cả các đồng minh của nó, dù đó là ai đi nữa. Nếu như nước Cộng hòa Pháp đem mình phục vụ cho đấng tối cao của nó là Nga hoàng, cho vị chúa tể của nước Nga, thì các nhà xã hội chủ nghĩa Đức sẽ đấu tranh chống lại nó với lòng luyến tiếc, nhưng họ sẽ đấu tranh chống lại nó. Đối lập với đế chế Đức, nền cộng hòa Pháp có thể tiêu biểu cho cuộc cách mạng tư sản. Nhưng đối lập với nền cộng hòa của một Công-xtăng, một Ru-vi-ê và ngay cả của một Clê-măng-xô nào đó và đặc biệt là đối lập với một nền cộng hòa phục vụ cho Nga hoàng thì chủ

1* . Trong bản tiếng Đức có thêm mấy chữ "cho đến người cuối cùng".

nghĩa xã hội Đức nhất định phải tiến hành một cuộc cách mạng vô sản.

Một cuộc chiến tranh, mà trong quá trình của nó, người Nga và người Pháp sẽ đột nhập vào nước Đức, thì đó sẽ là một cuộc chiến tranh sinh tử, trong đó, nước Đức chỉ có thể bảo vệ được sự tồn tại cho dân tộc mình bằng cách vận dụng những biện pháp cách mạng nhất. Chính phủ hiện thời, nếu không bị bắt buộc, chắc chắn sẽ không mở đường cho cách mạng nổ ra. Nhưng chúng ta có một đảng mạnh, sẽ buộc chính phủ phải làm việc đó hay, cùng lắm, sẽ có thể thay thế nó, – đó là Đảng dân chủ – xã hội.

Và chúng ta không quên tấm gương tuyệt vời mà nước Pháp đã nêu cho chúng ta năm 1793[253]. Lần kỷ niệm lần thứ một trăm của năm 1793 đang đến gần. Nếu khát vọng chinh phục của Nga hoàng và sự hấp tấp có tính chất sô-vanh của giai cấp tư sản Pháp kìm hãm cuộc tiến công đầy thắng lợi nhưng mang tính chất hòa bình của những người xã hội chủ nghĩa Đức, thì họ – các bạn hãy tin tưởng như vậy – sẵn sàng chứng minh cho toàn thế giới thấy rằng giai cấp vô sản Đức ngày nay cũng xứng danh với phái xăng-quy-lốt Pháp cách đây một trăm năm, và năm 1893 cũng xứng đáng được coi trọng như năm 1793. Và nếu như quân đội của ngài Công-xtăng đặt chân lên đất Đức, thì chúng sẽ được đón chào bằng lời của bài Mác-xây-e:

> Thế nào, bọn quân ngoại bang
> lại có thể làm mưa làm gió ở trong nhà chúng ta hay sao!

Nói tóm lại: hòa bình đang đảm bảo chiến thắng cho Đảng dân chủ – xã hội Đức sau khoảng mười năm nữa. Cuộc chiến tranh sẽ đem lại cho đảng ấy hoặc là chiến thắng sau hai ba năm, hoặc thất bại hoàn toàn, mà từ đó nó không thể đứng dậy được trong ít nhất mười lăm – hai mươi năm. Trong hoàn cảnh như vậy thì những người xã hội chủ nghĩa Đức trước hết cần gạt bỏ suy nghĩ ưa thích chiến tranh, một cuộc chiến tranh mà họ phải liều một trận may rủi, hơn là thắng lợi chắc chắn được đảm bảo cho họ, khi hòa bình được duy trì. Còn hơn thế nữa. Không một nhà xã hội chủ nghĩa nào, – dù là thuộc dân tộc nào đi nữa – lại có thể mong muốn một chiến thắng quân sự của chính phủ Đức hiện thời hay của nền cộng hòa tư sản Pháp, lại càng không thể mong muốn chiến thắng của Nga hoàng, kẻ hiện thân cho sự nô dịch châu Âu. Và chính vì vậy mà các nhà xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước đều đấu tranh cho hòa bình. Nhưng nếu chiến tranh vẫn xảy ra, thì một điều chắc chắn là: cuộc chiến tranh này, – trong đó mười làm đến hai mươi triệu người vũ trang đánh lẫn nhau và toàn châu Âu sẽ bị tàn phá khốc liệt chưa từng thấy, – một cuộc chiến tranh như thế sẽ hoặc là đem lại chiến thắng ngay lập tức cho chủ nghĩa xã hội, hoặc là làm lung lay toàn bộ trật tự cũ và để lại một đống đổ nát đến mức là xã hội tư bản cũ càng trở nên không thể duy trì được nữa và cuộc cách mạng xã hội mặc dù bị đẩy lùi lại từ mười đến mười lăm năm, nhưng rồi cũng sẽ thắng lợi một cách nhanh chóng hơn và cơ bản hơn.

* * *

Bài báo của tôi viết cho tờ Lịch công nhân Pháp đến đây là kết thúc. Bài báo được viết vào cuối mùa hè, khi mà men rượu sâm-panh ở Crôn-xtát[254] còn làm cho giai cấp tư sản pháp say túy lúy, còn các chiến dịch lớn tại các chiến trường giữa sông Xen và sông Mác-na vào năm 1814 đang đẩy nhiệt tình yêu nước lên đến tột đỉnh. Lúc bấy giờ nước Pháp – nước Pháp mà các loa của nó là các báo chí lớn và số đông trong nghị viện – quả là đã làm những việc khá ngu ngốc có lợi cho nước Nga, và khả năng xấy

ra chiến tranh đang đến gần. Và nếu khả năng đó xảy ra, thì để không này sinh sự hiểu nhầm trong giây phút cuối cùng giữa những người xã hội chủ nghĩa Đức và Pháp, tôi thấy cần thiết phải giải thích cho các bạn Pháp rõ ràng theo ý kiến của tôi, các nhà xã hội chủ nghĩa Đức cần thiết phải có thái độ như thế nào đối với một cuộc chiến tranh như vậy.

Nhưng rồi lòng hiếu chiến của người Nga đã nguội lạnh đi nhiều. Trước hết, họ được tin mất mùa ở trong nước, theo sau đó sẽ là nạn đói. Tiếp đến là thất bại trong khoản vay ở Pa-ri[255], có nghĩa là sự suy sụp hoàn toàn của tín dụng nhà nước Nga. Bốn trăm triệu mác được trang trải, như người ta thông báo, bằng cách bán các chứng phiếu tăng lên gấp nhiều lần; nhưng khi các chủ ngân hàng Pa-ri tìm cách gán các công trái cho công chúng thì tất cả những mưu toan đó đều thất bại; những người mua đã phải bán sạch những chứng phiếu đầy đủ giá trị của mình với giá thấp hơn để có thể trả tiền những chứng phiếu rẻ, đến nỗi là do bán ra hàng loạt như thế, giá cả ở các Sở giao dịch lớn khác ở châu Âu cũng hạ xuống; các chứng phiếu "Nga" mới đã hạ xuống nhiều phần trăm so với giá quy định, – nói tóm lại, đã xảy ra một cuộc khủng hoảng đến mức là chính phủ Nga đã phải thu hồi lại các chứng phiếu đến 160 triệu, và chỉ trang trải được có 240 triệu chứ không phải là 400 triệu. Từ đó, việc công bố rùm beng khắp thế giới về một khoản vay mới của Nga – lần này là đúng 800 triệu mác cũng đã thất bại thảm hại. Qua đó cũng thấy rõ ràng tư bản Pháp hoàn toàn chẳng có "lòng yêu nước", nhưng lại có nỗi sợ hãi cực độ trước chiến tranh – mặc dù trên báo chí nó vẫn nói thánh nói tướng.

Đúng lúc đó vụ mất mùa qủa thực đã biến thành nạn đói, hơn thế nữa với một quy mô từ lâu chưa từng có ở Tây Âu, ngay cả ở Ấn Độ, một đất nước đặc trưng cho những thảm họa đó, cũng không thể có đến như vậy; và chính ngay cả ở nước Nga thần thánh

trong những thời kỳ trước đây, khi mà chưa có đường sắt, nạn đói cũng không lên đến mức như vậy. Vậy thì tại sao? Giải thích thế nào đây?

Rất đơn giản. Nạn đói ở Nga không chỉ là kết qủa của mất mùa, nó là một bộ phận của cuộc cách mạng xã hội sâu sắc diễn ra ở nước Nga từ cuộc chiến tranh Crưm; nó chỉ là một sự biến dạng, do vụ mất mùa gây ra, của những tai họa kinh niên gắn liền với cuộc cách mạng đó.

Vào ngày mà Nga hoàng Ni-cô-lai uống thuốc độc tự tử vì tuyệt vọng và mất tin tưởng vào nước Nga già cỗi thì nước Nga cũ đã đi xuống mồ không gì cứu vãn nổi. Trên đống tro tàn của nó, nước Nga của giai cấp tư sản đã được dựng lên.

Lúc bấy giờ đã có những mầm mống của giai cấp tư sản. Một phần là các chủ ngân hàng và các thương nhân nhập khẩu – phần lớn là người Đức đã Nga hóa, hoặc là con cháu của họ, – một phần là những người Nga giàu lên nhờ buôn bán nội địa, chủ yếu là những người thu thuế rượu và thầu khoán cho quân đội làm giầu nhờ vào phí tổn của nhà nước và của nhân dân; bên cạnh đó cũng đã có một vài chủ xưởng. Từ lúc này trở đi, giai cấp tư sản, nhất là tư sản công nghiệp, được nuôi dưỡng chu đáo bằng một loạt những viện trợ của nhà nước, bằng những khoản phụ cấp, tiền thưởng và thuế quan bảo hộ ngày càng tăng lên đến cùng cực. Đế chế Nga rộng lớn cần phải trở thành một đất nước tự cung cấp lấy mọi sản phẩm, để hoàn toàn không hoặc hầu như không cần đến hàng nhập khẩu từ nước ngoài. Và để cho không chỉ thị trường nội địa không ngừng phát triển, mà cả các sản phẩm của các miền nóng hơn cũng được sản xuất ở ngay trong nước, nên không ngừng có những tham vọng xâm chiếm bán đảo Ban-căng và châu Á; ở bán đảo Ban-căng, thì nhằm vào Công-xtăng-ti-nô-plơ, còn ở châu Á thì nhằm vào Ấn Độ thuộc Anh. Đó là điều bí mật, là cơ sở kinh

tế của cái tham vọng bành trướng đang bao trùm mạnh mẽ lên giai cấp tư sản Nga, cái tham vọng bành trướng mà khi nó hướng về phía Tây Nam, người ta gọi là chủ nghĩa đại Xla-vơ.

Nhưng chế độ nông nô đối với nông dân tuyệt đối không phù hợp với những kế hoạch công nghiệp như vậy. Nó tan rã năm 1861. Nhưng tan rã như thế nào! Lấy phương pháp xóa bỏ chế độ phụ thộc và tạp dịch ở Phổ, được tiến hành chậm chạp từ năm 1810 đến năm 1851[256], làm mẫu; nhưng ở Nga thì tất cả phải được giải quyết trong cơ một vài năm. Do đó, để bẻ gẫy sự chống đối của đại địa chủ và những người cai quản "phần hồn", người ta đã phải nhượng bộ chúng nhiều hơn là những nhượng bộ nhà nước Phổ và các viên chức ăn hối lộ của nó lúc bấy giờ đối với các ngài địa chủ. Còn nói về chuyện hối lộ, thì giới quan liêu Phổ chỉ mới là một đứa trẻ vô tội so với các quan chức 1* Nga. Vì vậy, khi chia đất đai thì quý tộc được nhận phần lớn nhất, và thông thường thì đó là những vùng đất đã được lao động của nhiều thế hệ nông dân làm cho phì nhiêu màu mỡ; còn nông dân thì chỉ được nhận phần đất hết sức nhỏ bé và phần lớn là những vùng cằn cỗi bỏ hoang. Rừng và bãi chăn nuôi của công xã rơi vào tay các chúa đất; nếu nông dân muốn sử dụng chúng – mà không có chúng thì nông dân không thể tồn tại được – thì phải trả tiền cho chúa đất.

Nhưng để cho cả hai, quý tộc ruộng đất cũng như nông dân, nhanh chóng bị phá sản, chính phủ trao ngay một lần cho quý tộc khoản tiền chuộc đã tư bản hóa dưới hình thức những phiếu công trái, còn nông dân thì phải trả khoản tiền đó trong nhiều năm. Tất nhiên là quý tộc ngay lập tức tiêu xài phung phí phần lớn số tiền đã nhận được, còn nông dân thì bỗng nhiên bị ném

1* Trong nguyên bản, từ này là tiếng Nga và được viết bằng chữ Gô-tích.

từ lĩnh vực kinh tế tự nhiên sang lĩnh vực kinh tế tiền tệ do phải trả một khoản tiền tăng lên ghê gớm như vậy.

Nông dân Nga, – trước đây hầu như không phải trả khoản tiền nào ngoài những khoản thuế tương đối thấp, – thì giờ đây không chỉ phải sống, phải nuôi gia súc kéo và cải tạo mảnh đất của mình bằng phần đất được chia nhỏ bé và cằn cỗi, sau khi đã xóa bỏ việc sử dụng rừng và các cánh đồng chăn nuôi trên đất công xã một cách tự do, mà còn phải trả các khoản thuế đã tăng lên và thêm vào đó là khoản tiền chuộc hàng năm, bằng tiền mặt. Như vậy, nông dân đã bị ở vào tình trạng không sống nổi mà cũng không thể chết đi được. Thêm vào đó còn có sự cạnh tranh của đại công nghiệp mới ra đời, cướp mất của nông dân thị trường tiêu thụ hàng thủ công nghiệp của họ, – mà thủ công nghiệp là nguồn thu nhập chủ yếu của rất đông nông dân Nga, – hoặc là, ở những nơi mà tình hình chưa đến mức như vậy thì nền thủ công nghiệp đó phụ thuộc vào lòng tốt của các thương nhân, có nghĩa là những người trung gian, của các Verleger người Dác-den hoặc những Sweater người Anh, như vậy là người nông dân thủ công nghiệp biến thành nô lệ trực tiếp của tư bản. Nói tóm lại, ai muốn biết nông dân Nga sống như thế nào trong ba mươi năm qua thì chỉ cần đọc phần "sự hình thành thị trường nội địa" (chương 24, phần 5 [257]) trong tập đầu của bộ "Tư bản" của Mác.

Sự phá sản của nông dân do bước chuyển từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế tiền tệ, – phương tiện chủ yếu để tạo thành thị trường trong nước cho tư bản công nghiệp, – đã được Boa-ghin-be và Vô-băng mô tả với bút pháp kinh điển trong các tác phẩm viết về nước Pháp dưới thời Lu-i XIV [258]. Nhưng những cái xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ chỉ là trò chơi trẻ con so với những cái xảy ra ở nước Nga hiện nay. Lần thứ nhất, bản thân quy mô đã lớn gấp ba, bốn lần, lần thứ hai, bước chuyển đó sâu sắc không thể so sánh được trong những điều kiện sản xuất, mà vì nó người

ta đã buộc nông dân phải chuyển từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế tiền tệ. Người nông dân Pháp bị lôi cuốn dần dần vào sản xuất thủ công nghiệp, người nông dân Nga thì bị rơi ngay vào cơn bão lốc của đại công nghiệp. Nếu như sản xuất thủ công nghiệp tấn công vào nông dân bằng súng bắn đá thì nền đại công nghiệp làm việc đó bằng khẩu súng máy.

Đó chính là tình hình đất nước vào lúc mà vụ mất mùa năm 1891 đã lật toang toàn bộ sự đảo lộn và tất cả những hậu quả của nó, sự đảo lộn đã lặng lẽ diễn ra từ lâu, nhưng bọn người phi-li-xtanh châu Âu không nhận thấy. Đó chính là tình thế mà vụ mất mùa đầu tiên phải kéo theo nó một cuộc khủng hoảng toàn quốc. Một cuộc khủng hoảng mà bao nhiêu năm sau cũng không khắc phục được. Trước một nạn đói như vậy, bất cứ chính phủ nào cũng đều bất lực, nhất là chính phủ Nga, kẻ đã đặc biệt làm cho các viên chức của mình quen với thói ăn cắp. Những tập quán cộng sản chủ nghĩa và nề nếp cũ của nông dân Nga bị phá bỏ một phần từ sau năm 1861 bởi tiến trình phát triển kinh tế, một phần do tự chính phủ loại bỏ một cách có hệ thống. Công xã cộng sản chủ nghĩa trước đây đã tan rã hoặc là đang tan rã, vào đúng lúc mà người nông dân cá thể đã có thể tự đứng vững được, – chính vào lúc đó, - thì người ta rút mất cái nền tảng dưới chân họ. Việc vào mùa thu trước, vụ gieo mùa thu chỉ được gieo ở một số rất ít các huyện, thì có gì đáng ngạc nhiên? Và ở những nơi đã gieo vụ thì phần lớn đều bị thời tiết phá hoại. Có gì đáng ngạc nhiên khi công cụ chủ yếu của người nông dân, gia súc kéo, trước hết là bản thân chúng chẳng có gì ăn và rồi bởi cái lý do nghiệt ngã ấy mà lại bị chính nông dân ăn thịt? Có gì đáng ngạc nhiên khi người nông dân phải rời bỏ quê hương xứ sở để trốn ra thành phố, nơi họ hoài công tìm kiếm công ăn việc làm, để rồi lại mang nạn đói đến đó một cách chắc chắn hơn nữa?

Nói tóm lại : ở đây, chúng ta không phải chỉ có nạn đói một thời, mà là một cuộc khủng hoảng sâu sắc được chuẩn bị bởi một cuộc cách mạng kinh tế đã diễn ra thầm lặng suốt bao nhiêu năm, một cuộc khủng hoảng trở nên càng gay gắt bởi nạn mất mùa. Còn cuộc khủng hoảng trầm trọng này thì lại mang hình thức kinh niên và đe dọa còn kéo dài nhiều năm. Về mặt kinh tế, cuộc khủng hoảng đẩy nhanh sự tan rã của các công xã nông dân cộng sản chủ nghĩa trước đây, đẩy nhanh sự làm giàu của bọn cho vay nặng lãi ở nông thôn (kulaki) và biến chúng thành những đại địa chủ, nói chung là đẩy nhanh việc chuyển những ruộng đất từ tay quý tộc và nông dân vào tay giai cấp tư sản mới.

Đối với châu Âu thì cuộc khủng hoảng đó có nghĩa là hòa bình tạm thời. Cuồng nhiệt chiến tranh của người Nga bị tê liệt hàng bao nhiêu năm. Thay cho hàng triệu quân lính ngã xuống trên các chiến trường là hàng triệu nông dân Nga chết đói. Còn việc đó sẽ đem lại gì cho chế độ chuyên chế Nga thì chúng ta hãy chờ xem đã.

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "VOLKSFREUND" [259]

Luân Đôn, ngày 13 tháng Mười một 1891

Các đồng chí thân mến!

Xin các đồng chí nhận lời cảm ơn chân thành nhất của tôi về lời mời thân ái của các đồng chí mời tôi đến dự lễ kỷ niệm lần thứ mười báo "Volksfreund". Tiếc rằng tôi không thể đích thân đến dự được, ở đây tôi đang bận việc chuẩn bị tập thứ ba bộ "Tư bản" của Mác, tập mà rốt cuộc sẽ ra mắt. Thành thử mong những dòng này sẽ thay tôi.

Song tôi xin sử dụng khả năng này để mừng các đồng chí nhân ngày kỷ niệm vẻ vang của các đồng chí. Tôi biết trong vòng mười năm duy trì sự tồn tại của một cơ quan dân chủ – xã hội có tính chiến đấu như báo "Volksfreund", trong điều kiện các đạo luật của Áo về báo chí và những luật lệ cảnh sát khác, đã phải trả giá như thế nào, và tôi cũng hình dung, ít ra là trên những nét tổng quát, về những hy sinh đã phải gánh chịu trong mười năm đó để làm việc này. Và *việc* các đồng chí, bất chấp tất cả, đã duy trì được tờ báo, lại càng làm vẻ vang cho các đồng chí; vì rằng luật báo chí của Áo xuất phát từ chỗ các cơ quan của các giai cấp *có của* nói chung không có gì nguy hiểm, rõ ràng là nó nhằm chính là vào chỗ thông qua sức ép lên *tiền nong* của các báo công nhân để hoặc làm cho những báo này

phải phá sản, hoặc làm cho chúng trở nên dễ bảo. Và nếu công nhân ở Bruyn, mặc dù bị sức ép tài chính ấy, vẫn ra được báo của mình trong suốt mười năm, đồng thời hoàn toàn không từ bỏ ngọn cờ của mình, thì đó là một bằng cứ nữa chứng minh cho ý chí kiên quyết và tinh thần hy sinh mà giờ đây chỉ có thể gặp trong công nhân.

Tôi không thể kết thúc những dòng này mà không bày tỏ một lần nữa niềm vui to lớn trước việc trong khi những người tư sản Séc trẻ[260] và những người tư sản Đức cũ đâu đâu cũng thù hằn nhau thì công nhân Séc và Đức đồng tâm nhất trí, kề vai sát cánh tiến hành cuộc đấu tranh để giải phóng toàn thể giai cấp vô sản.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn và chúc mừng các đồng chí.

Người ban giả của các đồng chí.

Ph.Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Volksfreund" số 22, ngày 25 tháng Mười một 1891

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

THƯ KÈM THEO LỜI TUYÊN BỐ GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "DAILY CHRONICLE"

Thưa ông!

Để khôi phục sự thật lịch sử, tôi đề nghị ông in bài trả lời kèm theo đây [1*] để dập lại một trong những luận điệu vu khống đê tiện nhất chưa từng có[261].

Tôi lấy làm tiếc rằng báo "Daily Chronicle", tờ báo đã từng giúp đỡ nhiều như vậy cho giai cấp công nhân Anh, lại cho phép các phóng viên nước ngoài của mình lan truyền những luận điệu vu khống về phong trào công nhân ở lục địa và về các lãnh tụ của nó.

Kính thư

Viết ngày 17 tháng Mười một 1891
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất t. XXVIII, 1940

In theo bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

1* Xem tập này, tr. 387-388.

VỀ BÀ MÁC ĐÃ QUÁ CỐ

Gửi chủ bút báo "Daily Chronicle"

Thưa ông!

Hôm nay trên báo của ông, bản ra buổi sáng, phóng viên của ông ở Pa-ri,bên cạnh những thông báo sai khác liên quan đến gia đình của người bạn đã quá cố của tôi, Các Mác, còn khẳng định rằng sau khi Công xã thất thủ, bộ trưởng tư pháp Pháp đã ra lệnh bắt ông Pôn La-phác-gơ vừa được bầu làm nghị sĩ ở Li-lơ. Rồi phóng viên viết tiếp:

"Như người ta nói, lúc đó bà Mác đã chỉ cho các nhà đương cục địa điểm một kho vũ khí với điều kiện là để cho con rể của bà được yên. Sau đó ông La-phác-gơ vượt qua biên giới Tây Ban Nha".

Vì bà Ê-vơ-linh, con gái của bà Mác, lúc này không có mặt tại Luân Đôn, nên tôi nhận lãnh trách nhiệm bác bỏ lời buộc tội nói trên vu khống mẹ của bà. Sự thật là như thế này. Khi ông La-phác-gơ cùng vợ [1*] và hai chị em vợ [2*] đang ở Ba-ni-e đơ Luy-sông, một quan chức cảnh sát cộng hòa có cảm tình bè bạn với ông đã nhắc ông đề phòng nguy cơ bị bắt. Cũng hôm ấy, La-phác-gơ trốn sang Tây Ban Nha, cưỡi ngựa vượt qua dãy Pi-rê-nê [262]. Bà Mác lúc đó ở Luân Đôn, vì vậy bà không thể

1* — Lau-ra La-phác-gơ

2* — Gien-ni và Ê-lê-ô-no-ra Mác

can thiệp có lợi cho La-phác-gơ và không thể tiết lộ cho chính phủ Pháp bất cứ điều gì để được điều đó, ngay dù có ý định như thế. Toàn bộ câu chuyện cái gọi là kho vũ khí tưởng tượng ra đó quả là chuyện bịa đặt nặn ra để bôi đen ký ức về người phụ nữ vốn có tấm lòng cao thượng và đức tính quên mình hoàn toàn không thể có hành động thấp hèn.

Kính thư.

Phri-đrích Ăng-ghen

122, Ri-gen-pác-tốt,

Nước U-e-xtơ,

ngày 17 tháng Mười một

Đã đăng trên báo "Daily Chronicle" số 9269, ngày 26 tháng Mười một 1891

In theo bản đăng trên báo có đối chiếu với bản sơ thảo

Nguyên văn là tiếng Anh

GỬI NHÓM CA SĨ CỦA HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN [263] PHỐ TỐT-TEN-HEM

122, Ri-gen-pác-tốt

Nước U-e-xtơ, ngày 28 tháng Mười một 1891

Các đồng chí thân mến!

Bà Cau-xki vừa báo cho tôi biết rằng bạn của tôi là Le-xnơ thông báo cho bà về việc các đồng chí định tổ chức cho tôi tối hôm nay một buổi ca nhạc nhân dịp kỷ niệm lần bảy mươi mốt ngày sinh của tôi. Nhưng trước đây tôi đã thỏa thuận với một trong số các bạn tôi là sẽ tổ chức tối vui đó ở nhà anh ấy, và vì ở đấy cũng đã mời những người khác nữa, nên bây giờ mà hủy bỏ tối vui đó thì hoàn toàn không thể được nữa rồi. Vì thế, dù có tiếc mấy đi nữa, nhưng tối hôm nay tôi không thể ở nhà được.

Như vậy, các đồng chí kính mến, tôi dành phải dùng giấy mực bày tỏ lòng biết ơn chân thành của tôi về ý định rất hữu ái và vinh dự đối với tôi như vậy và đồng thời bày tỏ niềm luyến tiếc về việc tôi không được báo trước về ý định của các đồng chí. Cả Mác lẫn tôi đều luôn luôn phản đối những cuộc biểu dương đông đảo dành cho những cá nhân riêng biệt; điều đó họa chăng có thể làm trong trường hợp, bằng cách ấy có thể đạt được một

mục đích có tầm quan trọng nào đó mà thôi; nhưng điều chúng tôi không muốn hơn cả là những cuộc biểu dương liên quan đến bản thân chúng tôi lúc chúng tôi còn sống. Do đó, nếu tôi có khái niệm dù là cực nhỏ về việc chuẩn bị cho tôi buổi mừng thọ như vậy, thì tôi sẽ vội sớm đề nghị hết sức ngoan ngoãn nhưng hết sức khẩn khoản để các đồng chí ca sĩ thôi thực hiện ý định đó. Tiếc thay, tôi biết chuyện này mới hôm nay thôi, và nếu, trái với ý muốn của tôi, tôi bị đặt vào tình thế cản ngăn việc thực hiện ý định hết sức hữu ái và vinh hạnh đối với tôi như vậy, thì tôi chỉ có thể, nếu được, sửa chữa điều đó bằng cách cam đoan rằng những năm tháng ít ỏi mà tôi còn có thể hy vọng và tất thảy mọi sức lực mà tôi còn có, sẽ hoàn toàn cống hiến như trước cho sự nghiệp vĩ đại mà tôi phụng sự đã gần năm mươi năm – sự nghiệp của giai cấp vô sản quốc tế.

Người bạn chân thành của các bạn

Phri-đrích Ăng-ghen

Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t. XXVIII, 1940

In theo bản thảo Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ANH CUỐN "TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH" NĂM 1892[264]

Quyển sách, mà bản dịch tiếng Anh giờ đây mới ra mắt, đã được xuất bản ở Đức 1845. Tác giả lúc ấy còn trẻ, mới hai mươi bốn tuổi, và tác phẩm của ông mang dấu ấn thời trẻ của ông với những nét tốt và xấu của nó, nhưng cả loại này lẫn loại kia ông không có gì phải xấu hổ cả. Tác phẩm này do bà Ph. Ken-li-Vi-sne-vét-xcai-a, người Mỹ dịch ra tiếng Anh năm 1886 và được công bố vào năm sau ở Niu-Óóc. Vì lần xuất bản ở Mỹ đã thực tế bán hết, và lại chưa bao giờ được phát hành rộng rãi ở bên này Đại Tây Dương, nên lần xuất bản, in bản đúc, bằng tiếng Anh lần này được xuất bản với sự đồng ý hoàn toàn của tất cả các bên hữu quan.

Đối với lần xuất bản ở Mỹ, tác giả đã viết bằng tiếng Anh một lời tựa mới [265], cũng như một phụ lục. Lời tựa ít liên quan với bản thân quyển sách; lời tựa ấy đề cập đến phong trào công nhân Mỹ hiện đại, và vì thế ở đây nó được bỏ đi, coi là không liên quan với vấn đề; còn phụ lục – lúc đầu được viết làm lời tựa – thì được sử dụng rộng rãi trong những nhận xét mở đầu lần này.

Tình hình được mô tả trong sách này, trong chừng mực nó

liên quan đến nước Anh, hiện nay về nhiều mặt, đã thuộc về quá khứ rồi. Một trong những quy luật của kinh tế chính trị học hiện đại, tuy trong các sách giáo khoa thông dụng của chúng ta điều đó chưa được trình bày rành mạch, là: nền sản xuất tư bản chủ nghĩa càng phát triển, nó càng ít có thể dùng đến những thủ thuật lường gạt và bịp bợm vụn vặt tiêu biểu cho những giai đoạn đầu của nó. Những thủ đoạn vặt vãnh của người Do Thái Ba Lan, đại biểu của nền thương mại châu Âu ở nấc thang phát triển thấp nhất của nó, chính những thủ đoạn phục vụ tốt như vậy cho họ ở quê hương họ và được thực hành rộng rãi ở đó, lại hóa ra đã lỗi thời và không thích hợp một khi họ rơi vào Hăm-buốc hoặc Béc-lin. Giống hệt như một nhà đại lý nào đó ở Béc-lin hoặc Hăm-buốc, người Do Thái hoặc người Cơ Đốc giáo, sau khi rơi vào cơ sở giao dịch Man-se-xtơ mấy tháng, đã phát hiện rằng muốn mua sợi bông hoặc vải bông được rẻ, họ phải nhanh chóng bỏ những mưu mẹo và mánh khóe tuy không thật thô bạo nhưng vẫn hết sức nghèo nàn mà tại quê hương họ được coi là cực kỳ sáng suốt. Và quả thật, những thủ đoạn ấy đã tỏ ra không hợp lý trên thị trường lớn nơi mà thì giờ là vàng bạc và nơi mà một mức độ thật thà nào đó trong thương mại nhất định phát triển cốt để tiết kiệm thời gian và lao động. Và tình hình quan hệ giữa chủ xưởng và công nhân của họ cũng y như vậy.

Việc đời sống kinh doanh khởi sắc sau cuộc khủng hoảng 1847 là bước khởi đầu của thời đại công nghiệp mới. Việc hủy bỏ các đạo luật ngũ cốc [266] và những cuộc cải cách tài chính do nó tạo ra đã đem lại cho công thương nghiệp Anh một địa bàn cần thiết để chúng phát triển. Sau đó ít lâu đã phát hiện các mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xtơ-rây-li-a. Khả năng của các thị trường thuộc địa tiêu thụ hàng công nghiệp Anh đã phát triển với mức độ ngày càng lớn. Ở Ấn Độ, hàng triệu thợ dệt thủ công đã bị các máy dệt cơ khí Lan-kê-sia tiêu diệt hoàn toàn. Trung Quốc ngày càng trở nên dễ tiếp cận. Và, điều chủ yếu nhất, nước Mỹ – lúc đó, xét trên góc độ thương mại, đơn thuần là một thị trường thuộc địa, tuy vượt xa tất cả những thị trường còn lại – đã phát triển nền kinh tế của mình với nhịp độ đáng kinh ngạc ngay cả đối với đất nước tiến bộ nhanh chóng này. Và , cuối cùng, những phương tiện giao thông mới xuất hiện vào cuối thời kỳ trước đó – đường sắt và tầu thủy vượt đại dương – giờ đây đã được áp dụng trên quy mô quốc tế; chúng đã thực sự tạo nên thị trường thế giới mà trước đó chỉ tồn tại trong tiềm năng mà thôi. Thị trường thế giới đó lúc đầu gồm một số ít nước, chủ yếu là hoặc chỉ là nước công nghiệp tập hợp xung quanh một trung tâm công nghiệp – nước Anh, nước đã tiêu dùng phần lớn nguyên liệu thừa của họ và đổi lấy nó, đã thỏa mãn phần lớn nhu cầu của họ về hàng công nghiệp. Không lấy gì làm lạ khi thấy rằng sự tiến bộ công nghiệp của nước Anh thật to lớn, chưa từng thấy và trạng thái của nó hồi năm 1844 nay chúng ta cảm thấy tương đối thô lậu và không đáng kể. Và trong công nghiệp công xưởng có lẽ đã thiết lập những quy tắc đạo đức nào đó với mức độ y như mức độ diễn ra sự tăng trưởng ấy. Việc ăn cắp vặt của công nhân được thực thi trong cuộc cạnh tranh của các chủ xưởng với nhau không còn lý do tồn tại nữa. Quy mô kinh doanh đã phát triển vượt qúa những thủ đoạn kiếm tiền thảm hại ấy; dùng những thủ đoạn ấy chẳng có ý nghĩa đối với chủ xưởng triệu phú, chúng chỉ thích hợp để duy trì sự cạnh tranh giữa những nhà kinh doanh nhỏ hơn, họ vui mừng cóp nhặt từng xu ở những nơi họ có thể kiếm được. Chế độ trả công bằng hàng hóa [truck-system] đã bị xóa bỏ như vậy; đã ban hành luật ngày làm việc mười giờ [267] và đã tiến hành một loạt cải cách khác, thứ yếu – hoàn toàn không phải theo tinh thần thương mại tự do và cạnh tranh vô hạn, nhưng hoàn toàn có lợi cho nhà tư bản lớn đang cạnh tranh với những người anh em ở trong

điều kiện kém thuận lợi hơn. Ngoài ra, xí nghiệp càng lớn và số công nhân làm việc trong xí nghiệp càng nhiều thì mọi sự xung đột giữa chủ và thợ càng gây nên những tổn thất và khó khăn lớn. Và như vậy giới chủ, đặc biệt là những chủ lớn, tràn đầy tinh thần mới. Họ đã học được cách tránh những tranh chấp không cần thiết, họ mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại và sức mạnh của các hội công liên và, rốt cuộc, thấy các cuộc bãi công, nếu chúng xảy ra trong thời điểm thích hợp, là phương tiện hùng hậu để thực hiện những mục đích của bản thân mình. Những chủ xưởng lớn nhất trước kia cầm chịch trong cuộc đấu tranh với giai cấp công nhân, giờ đây đã trở thành những người đầu tiên cổ xúy sự êm thấm và hòa hợp. Và họ có những căn cứ hết sức nặng cân về điều đó. Tất cả những nhượng bộ ấy đối với lẽ công bằng và nhân ái, thực ra chỉ là phương tiện để đẩy nhanh sự tích tụ tư bản trong tay một số ít người mà đối với họ những cách đục khoét thảm hại những năm trước đã mất hết mọi ý nghĩa và đã trở thành chướng ngại thật sự, trở thành phương tiện để tiêu diệt nhanh nhất và chắc chắn nhất những đối thủ cạnh tranh nhỏ của mình mà do không có những thu nhập phụ như vậy nên không thể đắp đổi qua ngày. Vậy, ít ra là trong những ngành công nghiệp chủ yếu, vì trong những ngành kém quan trọng thì hoàn toàn không phải thế, – bản thân việc phát triển sản xuất trên cơ sở tư bản chủ nghĩa đã đủ để trừ bỏ tất cả những sự o ép nhỏ nhặt đã làm cho số phận của người thợ ở những giai đoạn sớm hơn của sự phát triển đó trở nên nặng nề dường nào. Như vậy, ngày càng hiển nhiên cái sự thật cơ bản vì đại là nguyên nhân của tình cảnh khốn khổ của giai cấp công nhân không phải tìm trong sự ức hiếp lặt vặt ấy, mà cần phải tìm *trong bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa*. Người công nhân làm thuê bán cho nhà tư bản sức lao động của mình để lấy một số tiền công nào đó mỗi ngày. Trong mấy giờ làm việc, anh ta tái tạo giá trị của khoản tiền công ấy. Nhưng theo thực chất hợp đồng của mình, anh ta phải làm việc thêm một số giờ nữa cho đầy ngày lao động; giá trị

mà anh ta tạo ra trong những giờ lao động thặng dư làm thêm ấy là giá trị thặng dư mà nhà tư bản chẳng tốn gì cả nhưng lại đi vào túi anh ta. Đó là cơ sở ngày càng dẫn đến chỗ phân chia xã hội văn minh thành hai bộ phận: một bên là nhúm gia đình Rốt-sin và Van-đơ-bin-tơ chủ sở hữu tất cả mọi tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, một bên là khối rất đông công nhân làm thuê không có gì ngoài sức lao động của mình. Kết quả đó sinh ra không phải do những sự o ép không đáng kể này nọ đối với công nhân, mà do bản thân chế độ – sự thực này phơi bày hết sức rõ rệt trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh từ năm 1847.

Tiếp nữa. Những trận dịch tả, thương hàn, đậu mùa và những bệnh dịch khác cứ lặp đi lặp lại đã cho người tư sản Anh thấy sự cần thiết bức bách phải cải thiện tình hình vệ sinh các thành phố của họ, nếu họ muốn cứu mình và gia đình mình khỏi nguy cơ trở thành nạn nhân của những bệnh đó mà toi mạng. Vì vậy những sự hà lạm quá quắt nhất đã được mô tả trong sách này, hiện nay hoặc đã bị trừ bỏ, hoặc trở nên ít rõ rệt hơn. Việc thoát nước đã được tiến hành hoặc được cải thiện; qua nhiều trong số những "nhà ổ chuột" tồi tệ nhất mà tôi đã có dịp mô tả đã xây những đường phố thoáng đãng; khu "Tiểu Ai-rơ-len" đã biến mất, đến lượt khu "Bảy mũi tên" [268] sẽ không còn nữa. Nhưng điều đó có ý nghĩa gì? Trọn những vùng mà năm 1844 tôi có thể miêu tả là những vùng điền viên thơ mộng thì giờ đây cùng với sự phát triển của thành thị, đã rơi vào trạng thái suy thoái, hoang vắng, cùng khổ như vậy. Ta không còn gặp rất những con lợn và những đống phế thải nữa. Giai cấp tư sản tiếp tục đạt được thành công trong nghệ thuật che đậy tai họa của giai cấp công nhân. Nhưng về mặt nhà ở của công nhân thì chẳng có sự cải thiện đáng kể nào, và báo cáo của ủy ban hoàng gia năm 1885 "về điều kiện nhà ở của người nghèo" [269] hoàn toàn chứng minh điều đó. Và về tất cả những mặt khác cũng đều như thế cả. Lệnh cảnh sát

tung ra rõm rả, nhưng chúng chỉ có thể hạn chế sự cùng khổ của công nhân, chứ không trừ bỏ được nó.

Nhưng nếu nước Anh giờ đây đã lớn lên từ tuổi thanh xuân mà tôi đã mô tả ấy của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, thì những nước khác bây giờ mới đạt tới độ tuổi ấy. Pháp, Đức và đặc biệt Mỹ là những đối thủ cạnh tranh đáng gờm, mà như tôi đã dự kiến vào năm 1844, ngày càng phá vỡ sự độc quyền công nghiệp của Anh. Công nghiệp của những nước đó còn trẻ so với công nghiệp Anh, nhưng nó tăng trưởng với nhịp độ nhanh hơn rất nhiều, và hiện nay – đây là điều hết sức đáng chú ý – nó đã đạt tới suýt soát nấc thang phát triển như công nghiệp Anh vào năm 1844. Đối với Mỹ, sự so sánh đặc biệt đáng kinh ngạc. Tất nhiên, điều kiện bên ngoài của đời sống giai cấp công nhân ở Mỹ rất khác những điều kiện ấy ở Anh, nhưng ở cả hai nơi đều có cùng những quy luật kinh tế tác động, thành thử kết quả, tuy không đồng nhất về tất cả mọi mặt, nhưng đều phải cùng một tính chất. Chính vì thế mà ở Mỹ chúng ta thấy cùng cuộc đấu tranh đòi ngày làm việc ngắn hơn, đòi hạn chế thời gian lao động bằng pháp luật, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em ở các công xưởng; chúng ta thấy nở rộ chế độ trả công bằng hàng hóa và chế độ nhà nhỏ ngoại ô ở các vùng nông thôn [270], – những hệ thống được các "ông chủ" sử dụng làm phương tiện thống trị công nhân. Vào năm 1886 khi tôi nhận được những tờ báo Mỹ đưa tin một cuộc bãi công lớn của 12 000 thợ mỏ Pen-xin-va-ni ở khu Côn-nê -xvin, tôi cảm thấy rằng tôi đang đọc cảnh bán thân tôi mô tả cuộc bãi công của thợ mỏ than ở Bắc Anh hồi năm 1844 [271]. Cùng cách lường gạt công nhân bằng những thước và cân giả ấy; cùng chế độ trả công bằng hàng hóa ấy, cùng mưu toan bẻ gãy sự chống đối của thợ mỏ bằng phương tiện cuối cùng, nhưng chỉ tử của các nhà tư bản – đuổi công nhân khỏi nhà họ ở, khỏi nhà của công ty.

Đối với bản dịch này, tôi không định đưa sự trình bày của quyển sách đến thời hiện tại hoặc kể tỉ mỉ tất cả những thay đổi đã xảy ra từ năm 1844. Tôi không làm việc ấy vì hai lẽ: thứ nhất, muốn làm việc đó một cách thỏa đáng, cần phải tăng khối lượng quyển sách lên gấp đôi, thứ hai, tập thứ nhất bộ "Tư bản" của Các Mác đã có bản dịch tiếng Anh [272] đã mô tả hết sức tỉ mỉ tình cảnh của giai cấp công nhân khoảng năm 1865, nghĩa là vào lúc sự phồn thịnh công nghiệp của nước Anh đã lên tới điểm đỉnh. Nếu làm thế thì tôi sẽ phải lặp lại những điều đã được nghiên cứu trong tác phẩm xuất sắc của Mác.

Hà tất phải nêu lên rằng quan điểm lý luận của quyển sách này về các mặt triết học, kinh tế và chính trị không hoàn toàn khớp với quan điểm hiện nay của tôi. Năm 1844 chưa có chủ nghĩa xã hội quốc tế hiện đại mà từ bấy giờ, trước hết và hầu như chỉ nhờ công sức của Mác, đã phát triển hoàn toàn thành một khoa học. Quyển sách của tôi chỉ là một trong những giai đoạn phát triển phôi thai của nó mà thôi. Và giống như phôi người trong những nấc thang phát triển đầu tiên của nó còn lặp lại những cung mang của tổ tiên chúng ta là cá, trong quyển sách này cũng vậy, đâu đâu cũng đều thấy dấu vết nguồn gốc của chủ nghĩa xã hội hiện đại bắt nguồn từ một trong những tổ tiên của nó là triết học Đức. Thí dụ, quyển sách đặc biệt coi trọng luận điểm nói rằng chủ nghĩa cộng sản không chỉ là học thuyết mang tính đảng của giai cấp công nhân, mà còn là lý luận vươn tới giải phóng toàn xã hội, kể cả giai cấp các nhà tư bản, khỏi khuôn khổ chật hẹp của các quan hệ đương thời. Với ý nghĩa trừu tượng, lời khẳng định đó là đúng, nhưng trong thực tiễn thì nó hoàn toàn vô bổ và đôi khi thậm chí tệ hơn thế nữa. Vì các giai cấp có của chẳng những tự mình hoàn toàn không cảm thấy nhu cầu giải phóng mà còn ra sức chống lại sự tự giải phóng của giai cấp công nhân, nên cuộc cách mạng xã hội phải

do một mình giai cấp công nhân chuẩn bị và tiến hành. Những người tư sản Pháp năm 1789 cũng tuyên bố giải phóng giai cấp tư sản là giải phóng toàn thể loài người; nhưng giai cấp quý tộc và giới tăng lữ không muốn đồng ý với điều đó, và lời khẳng định ấy – tuy lúc đó đối với chế độ phong kiến nó là một chân lý lịch sử trừu tượng, – chẳng bao lâu đã trở thành một câu nói tình cảm thuần tuý và đã hoàn toàn biến mất trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng. Và bây giờ có những người đứng trên quan điểm cao nhất "vô tư" của mình mà rao giảng cho công nhân thứ chủ nghĩa xã hội bay liệng cao trên lợi ích giai cấp của họ và trên cuộc đấu tranh giai cấp và tìm cách điều hòa trong tính nhân đạo cao cả lợi ích của hai giai cấp đang đấu tranh với nhau. Nhưng đó hoặc là những tay mới cần phải học nhiều cái nữa, hoặc là những kẻ thù độc ác nhất của công nhân, những con sói khoác da cừu.

Chu kỳ những cuộc khủng hoảng công nghiệp lớn được tính trong quyển sách của tôi là năm năm. Kết luận như vậy về độ dài của chu kỳ có lẽ bắt nguồn từ diễn biến của tình hình từ năm 1825 đến năm 1842. Nhưng lịch sử của công nghiệp từ năm 1842 đến năm 1868 đã cho thấy rằng trong thực tế, thời kỳ đó tiếp diễn mười năm, rằng những chấn động trung gian mang tính chất thứ yếu và bắt đầu ngày càng biến mất. Từ năm 1868 tình hình lại thay đổi, nhưng điều này xin nói sau.

Tôi cố ý không xóa đi trong văn bản nhiều điều dự đoán, trong đó có lời dự đoán là cuộc cách mạng xã hội ở Anh sắp nổ ra mà tôi đã đánh bạo đề xuất dưới ảnh hưởng của lòng nôn nóng thời trẻ của tôi. Điều đáng ngạc nhiên không phải là việc khá nhiều dự đoán trong số đó đã tỏ ra không đúng, mà là việc rất nhiều dự đoán đã trở thành sự thực và tình hình nguy ngập của công nghiệp Anh mà sự cạnh tranh của lục địa và đặc biệt là sự cạnh tranh của Mỹ ắt đã gây ra, chính là điều tôi dự kiến

lúc ấy – đúng là tôi có ý nói thời hạn qúa ngắn – nay thực tế đã xảy ra. Về mặt này tôi có thể và phải làm cho quyển sách phù hợp với tình hình ngày nay. Với mục đích ấy, tôi in lại ở đây bài viết của tôi đăng trong tạp chí Luân Đôn "Commonweal"[273] ngày 1 tháng Ba 1885 với nhan đề "Nước Anh năm 1845 và năm 1885". Bài ấy đồng thời cung cấp lược sử giai cấp công nhân Anh trong bốn mươi năm ấy. Chính vân của nó thế này.

"Cách đây bốn mươi năm, nước Anh đứng trước một cuộc khủng hoảng mà hình như chỉ có thể giải quyết bằng bạo lực. Sự phát triển khổng lồ và nhanh chóng của công nghiệp đã vượt xa sự mở rộng của các thị trường bên ngoài và sự tăng lên của nhu cầu. Cứ mười năm, tiến trình sản xuất lại bị cuộc khủng hoảng thương mại chung ngắt quãng một cách cưỡng bức, tiếp theo đó sau một thời kỳ dài đình trệ triền miên là nhiều năm phồn thịnh mỗi lần kết thúc bằng cơn sốt sản xuất thừa và cuối cùng bằng sự phá sản mới. Giai cấp các nhà tư bản lớn tiếng đòi tự do buôn bán lúa mì và đe dọa làm được việc đó bằng cách đưa dân đói ăn của các đô thị trở lại những vùng nông thôn nơi họ đã ra đi, và lại, như Giôn Brai-tơ nói, không phải với tư cách những người nghèo trồng lúa mì, mà với tư cách đạo quân bố trí trên địa phận kẻ thù. Quần chúng công nhân thành thị đòi để mình tham gia quyền lực chính trị – Hiến chương nhân dân [274]; họ được đa số trong giai cấp tiểu tư sản ủng hộ, và bất đồng duy nhất giữa họ và giai cấp tiểu tư sản chỉ là cần phải thực hiện Hiến chương bằng sức mạnh thể chất hay sức mạnh tinh thần. Trong khi đó đã nổ ra cuộc khủng hoảng thương mại năm 1847 và nạn đói ở Ai-rơ-len, và cùng với chúng là triển vọng cách mạng.

Cuộc cách mạng Pháp năm 1848 đã cứu giai cấp tư sản Anh. Các khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa của công nhân Pháp chiến thắng đã làm cho giai cấp tiểu tư sản Anh khiếp sợ và làm rối loạn tổ chức trong phong trào của giai cấp công nhân Anh diễn ra trong

khuôn khổ chật hẹp hơn, nhưng có tính chất thực tiễn trực tiếp với mức độ lớn hơn. Đúng vào lúc phong trào Hiến chương phải triển khai hết sức thì nó lại bị suy yếu từ bên trong ngay trước khi xảy ra thất bại bên ngoài ngày 10 tháng Tư 1848[275]. Hoạt động của giai cấp công nhân bị đẩy xuống hàng sau. Giai cấp các nhà tư bản đã giành được thắng lợi trên toàn tuyến.

Cuộc cải cách nghị viện năm 1831 [276] là thắng lợi của toàn bộ giai cấp các nhà tư bản đối với giai cấp quý tộc chiếm hữu ruộng đất. Việc bãi bỏ thuế lúa mì là thắng lợi của các nhà tư bản công nghiệp không chỉ đối với chế độ đại chiếm hữu ruộng đất, mà cả đối với những tập đoàn nhà tư bản có lợi ích gắn tương đối chặt với lợi ích của chế độ chiếm hữu ruộng đất, nghĩa là của các chủ ngân hàng, của những người kinh doanh ở sở giao dịch, của lớp người thực lợi v.v.. Tự do thương mại có nghĩa là cải biến toàn bộ chính sách đối nội, chính sách ngoại thương và chính sách tài chính của nước Anh phù hợp với lợi ích của các nhà tư bản công nghiệp, giai cấp giờ đây đã đại biểu cho dân tộc. Và giai cấp đó đã kiên quyết bắt tay vào việc. Mối trở ngại đối với sản xuất công nghiệp đã bị trừ bỏ không thương xót. Đã tiến hành một cuộc cách mạng toàn diện trong thuế quan và trong toàn bộ hệ thống thuế khóa. Tất cả đều phục tùng một mục tiêu duy nhất, nhưng là mục tiêu hết sức quan trọng đối với các nhà tư bản công nghiệp: hạ giá tất cả các loại nguyên liệu và đặc biệt là tư liệu sinh hoạt cho giai cấp công nhân, giảm chi tiêu cho nguyên liệu và giữ tiền lương ở mức như trước – nếu không phải là *hạ xuống*. Nước Anh phải trở thành "công xưởng của thế giới"; đối với nước Anh, tất cả những nước khác phải trở thành như Ai-rơ-len trước kia – thị trường tiêu thụ hàng công nghiệp của Anh, ngược lại, cung cấp nhiên liệu và lương thực thực phẩm cho Anh. Nước Anh là đại trung tâm công nghiệp của thế giới nông nghiệp, là mặt trời công nghiệp mà xung quanh

nó là số ngày càng lớn những Ai-len sản xuất ngũ cốc và bông. Viễn cảnh kỳ vĩ dường nào!

Các nhà tư bản công nghiệp đã bắt tay thực hiện mục tiêu vĩ đại đó của mình với một lương tri cứng cáp và một sự khinh miệt các nguyên tắc truyền thống mà với chúng, họ luôn luôn khác với các đối thủ cạnh tranh hạn chế hơn của họ trên lục địa. Phong trào Hiến chương đã hấp hối. Thời kỳ phồn thịnh mới bắt đầu của công nghiệp, một thời kỳ tự nhiên sau khi cuộc đổ vỡ năm 1847 đã bị trừ bỏ, được người ta gán cho chỉ là nhờ ảnh hưởng của tự do thương mại. Do hai nguyên nhân ấy, giai cấp công nhân Anh hóa ra về mặt chính trị theo đuôi "đảng tự do vĩ đại" – đảng do các chủ xưởng lãnh đạo. Tình hình có lợi đó một khi đạt được thì cần phải duy trì lâu dài. Mà phái Hiến chương đối lập thì không chống lại bản thân tự do thương mại, mà chống việc biến tự do thương mại thành vấn đề sống còn duy nhất của dân tộc, đã cho các chủ xưởng thấy và ngày càng cho họ thấy rằng không có sự giúp đỡ của giai cấp công nhân thì giai cấp tư sản không bao giờ có thể hoàn toàn thống trị dân tộc về mặt xã hội và chính trị.

Quan hệ qua lại giữa hai giai cấp đã thay đổi dần dần như vậy. Các đạo luật công xưởng có hồi là con ngoáo ộp đối với tất thảy mọi chủ xưởng, giờ đây không chỉ được họ tuân thủ một cách tự nguyện, mà thậm chí còn ít nhiều được áp dụng cho hầu hết các ngành công nghiệp. Các hội công liên cách đây không lâu còn bị coi là con quỷ, giờ đây đã bắt đầu được các chủ xưởng chú ý và bảo hộ, coi là những thiết chế hoàn toàn hợp pháp và là phương tiện hữu ích để truyền bá những quan điểm kinh tế lành mạnh trong công nhân. Ngay cả những cuộc bãi công mà từ năm 1848 về trước bị coi là điều đê tiện nhất thì giờ đây có khi cũng được thừa nhận là hết sức hữu ích, đặc biệt là khi các ông chủ xưởng tự mình gây ra chúng vào thời điểm thích hợp.

Trong số những đạo luật đã tước của công nhân sự ngang quyền với người cung cấp việc làm cũng đã bỏ ít ra là những đạo luật đáng công phẫn nhất, còn "Hiến chương nhân dân" có hồi rất đáng sợ thì đã trở thành về thực chất là cương lĩnh chính trị của chính những chủ xưởng mà gần đây về trước đã chống lại nó. Việc bãi bỏ "tư cách tư sản" và chế độ "bỏ phiếu kín" đã được thực thi bằng con đường lập pháp. Những cuộc cải cách nghị viện năm 1867 và năm 1884[277] đã tiến rất gần "chế độ bầu cử phổ thông" ít ra là dưới dạng như nó tồn tại bây giờ ở Đức; dự luật mới về việc phân phối lại số ghế ở các khu bầu cử giờ đây đang được thảo luận ở nghị viện, tạo nên "những khu vực bầu cử ngang nhau", dù sao nói chung không kém bình đẳng so với ở Pháp hoặc ở Đức. Dã đẻ ra, coi như những thành tựu chắc chắn trong tương lai sắp tới, "việc thù lao cho các nghị sĩ" và việc rút ngắn nhiệm kỳ tuy thực ra, chưa đến mức "nghị viện bầu lại hàng năm"; mặc dù vậy, vẫn có những người nói ràng phong trào Hiến chương đã chết.

Cách mạng năm 1848, cũng như nhiều cuộc cách mạng trước nó, đều có những người đồng hành và người thừa kế độc đáo. Cũng những người từng trấn áp nó, nay đã trở thành – như Các Mác thích nói – những người ra lệnh về tinh thần của nó[278]. Lu-i – Na-pô-lê-ông đã buộc phải xây dựng nước I-ta-li-a thống nhất và độc lập. Bi-xmác đã buộc phải tiến hành một loạt cách mạng ở Đức và trả lại độc lập cho Hung-ga-ri, còn các chủ xưởng Anh thì buộc phải làm cho Hiến chương nhân dân có hiệu lực như một đạo luật.

Đối với nước Anh, hậu qủa của sự thống trị ấy của các nhà tư bản công nghiệp lúc đầu thật đáng kinh ngạc. Công nghiệp lại khởi sắc và bắt đầu phát triển với tốc độ chưa từng có ngay cả đối với cái nôi ấy của công nghiệp hiện đại. Tất cả những thành công tuyệt diệu trước kia đạt được nhờ ứng dụng hơi nước

và máy móc, đã hoàn toàn mờ nhạt so với sự hưng thịnh hùng hậu của sản xuất trong hai mươi năm, từ năm 1850 đến năm 1870, với những con số khổng lồ về xuất khẩu và nhập khẩu, với vô số của cải đã tích lũy trong tay các nhà tư bản và sức lao động con người tập trung ở những thành phố khổng lồ. Sự hưng thịnh ấy quả đã bị đứt quãng như trước kia bởi những cuộc khủng hoảng cứ mười năm lập lại một lần: năm 1857, cũng như năm 1866; nhưng những sự tái phát ấy giờ đây được coi là những hiện tượng tự nhiên không tránh khỏi cần phải trải qua, nhưng sau đó rốt cuộc mọi cái đều quay trở về quỹ đạo cũ.

Vậy tình hình của giai cấp công nhân trong thời kỳ này như thế nào? Đôi khi đã có cải thiện, thậm chí đối với quần chúng đông đảo. Nhưng sự cải thiện ấy lần nào cũng lại bị triệt tiêu do số đông người trong đạo quân thất nghiệp ùn ùn kéo tới, do những máy móc mới không ngừng lấn gạt công nhân và do dân cư nông thôn chảy vào, giờ đây họ cũng ngày càng bị máy móc gạt ra.

Chỉ có hai loại người "có đặc quyền" trong giai cấp công nhân là được cải thiện tình hình lâu dài. Loại thứ nhất là công nhân công xưởng. Việc quy định bằng pháp luật giới hạn tương đối hợp lý của ngày lao động của họ đã khôi phục trạng thái thể chất của họ và đem lại cho họ ưu thế tinh thần, càng được sự tập trung của họ ở những địa điểm nhất định tăng cường thêm. Tình hình của họ chắc chắn tốt hơn trước năm 1848. Điều đó được xác nhận nhiều hơn cả bằng sự thực là trong số mười cuộc bãi công mà họ tiến hành có chín cuộc do chính các chủ xưởng gây ra vì lợi ích của bản thân họ, coi đó là phương tiện duy nhất đảm bảo thu hẹp sản xuất. Các bạn không bao giờ thuyết phục được các chủ xưởng đồng ý rút ngắn ngày lao động, tuy hàng hóa của họ tuyệt nhiên không tiêu thụ được; nhưng các bạn hãy

bất công nhân tuyên bố bãi công, thế là tất cả các nhà tư bản không trừ người nào sẽ đóng cửa công xưởng của họ.

Loại thứ hai là những hội công liên lớn. Đó là tổ chức của những ngành sản xuất trong đó chỉ dùng lao động của *đàn ông lớn tuổi* hoặc ít ra là lao động của họ chiếm đa số. Từ trước đến nay, sự cạnh tranh của lao động phụ nữ và trẻ em lấn sự cạnh tranh của máy móc đều không thể đập vỡ sức mạnh có tổ chức của họ. Từng tổ chức thợ máy, thợ mộc, thợ nề đều là một lực lượng khiến ngay cả thợ nề và thợ phụ việc của họ cũng có thể đối phó thành công với việc ứng dụng máy móc. Chắc chắn tình hình của họ từ năm 1848 đã được cải thiện đáng kể; bằng cứ tốt nhất chứng minh điều đó là việc trong hơn mười lăm năm, không chỉ các ông chủ đặc biệt hài lòng về họ, mà cả họ cũng đặc biệt hài lòng về các ông chủ. Họ tạo thành tầng lớp quý tộc trong giai cấp công nhân; họ đạt được một địa vị tương đối bảo đảm và họ cho như thế là không thay đổi nữa. Đó là những công nhân kiểu mẫu của các ông Lê-ôn Lê-vi và Giu-phen, và trong thực tế họ là những con người rất dễ mến, dễ dãi đối với mọi nhà tư bản không ngốc nghếch nói riêng và đối với giai cấp các nhà tư bản nói chung.

Nhưng đối với khối đông công nhân, thì mức độ khốn cùng và sống bấp bênh của họ hiện nay cũng lớn như bất cứ lúc nào, nếu không phải là lớn hơn. Khu I-xtơ-En-đơ Luân Đôn là đầm lầy ngày càng mở rộng của cảnh nghèo khổ và thất vọng, không có lối thoát, nạn đói trong thời kỳ thất nghiệp, suy thoái thể chất và tinh thần khi có việc làm. Tình hình y như vậy, nếu không kể thiểu số công nhân có đặc quyền, cũng diễn ra ở tất cả những thành phố lớn khác, tình hình ở những thành phố nhỏ hơn và ở các vùng nông thôn cũng thế. Quy luật quy giá trị sức lao động về giá trị những tư liệu sinh hoạt thiết yếu và một quy luật khác thường quy giá cả trung bình của nó về mức tối thiểu những tư liệu sinh hoạt ấy – cả hai quy luật đó tác động đến công nhân với sức mạnh không gì ngăn cản nổi của một cỗ máy tự động đè bẹp họ giữa những ...?

Do đó, tình hình mà chính sách tự do thương mại thi hành từ năm 1847 và hai mươi năm thống trị của nhà nước tư bản công nghiệp đã tạo ra là như vậy. Nhưng sau đó đã có một bước ngoặt. Quả thật, tiếp sau cuộc khủng hoảng 1866, vào khoảng năm 1873 đã có sự hồi phục yếu ớt và ngắn ngủi, nhưng nó không tiếp diễn được lâu. Đúng là cuộc khủng hoảng triệt để đã không xảy ra khi phải trông đợi nó, vào năm 1877 hoặc 1878, nhưng từ năm 1876 tất cả những ngành công nghiệp chủ yếu đều ở trong trạng thái đình trệ triền miên. Không xảy ra sự phá sản triệt để lẫn thời kỳ phồn vinh mong đợi từ lâu mà người ta có thể hy vọng trước cũng như sau sự phá sản. Sự đình trệ làm tê liệt, tình trạng tất cả các thị trường ở tất cả các ngành đều đầy ứ hàng liên miên – đó là trạng thái mà chúng ta đã sống gần mười năm. Vậy cái gì đã gây ra tình hình đó?

Thuyết tự do thương mại dựa trên một giả định: nước Anh phải trở thành trung tâm công nghiệp lớn duy nhất của thế giới nông nghiệp. Các sự thực đã cho thấy rằng giả định đó là một sự nhầm lẫn trăm phần trăm. Điều kiện tồn tại của nền công nghiệp hiện đại – sức hơi nước và máy móc – có thể được tạo ra ở mọi nơi có nhiên liệu, đặc biệt là than, mà than thì, ngoài nước Anh ra, có cả những nước khác: ở Pháp, Bỉ, Đức, Mỹ, thậm chí ở Nga. Và dân những nước này không thấy lợi ích nào ở chỗ trở thành những tá điền Ai-rơ-len cơ cực chỉ vì vinh quang hết sức và sự phất lên của các nhà tư bản Anh. Họ tự mình bắt đầu sản xuất, và lại chẳng những cho mình, mà còn cho thế giới còn lại; và kết quả là độc quyền công nghiệp mà nước Anh từng có gần trọn một thế kỷ, bây giờ đã mất đi không bao giờ quay trở lại.

Nhưng sự độc quyền công nghiệp của nước Anh là hòn đá tảng của chế độ xã hội tồn tại ở Anh. Ngay cả trong thời gian sự độc quyền này giữ địa vị thống trị, các thị trường cũng không theo kịp năng suất ngày càng tăng của công nghiệp Anh; kết quả là những cuộc khủng hoảng qua mười năm một. Còn bây giờ thì những thị trường mới ngày càng trở nên hiếm, thành thử người da đen ở Công-gô cũng bị áp đặt nền văn minh dưới dạng vải bông từ Man-se-xtơ, bát đĩa đất sét từ Xtáp-phớt-sia và hàng kim loại từ Bớc-minh-hêm. Vậy điều gì sẽ xảy ra khi hàng hóa lục địa và đặc biệt là hàng hóa Mỹ tới tấp vào với số lượng ngày càng nhiều, khi tỷ lệ rất lớn trong việc cung cấp cho toàn thế giới vẫn còn thuộc các công xưởng Anh, sẽ giảm xuống từ năm này qua năm khác? Cứ để cho tự do thương mại, các phương tiện phổ quát này, trả lời câu hỏi đó!

Không phải tôi là người đầu tiên chỉ ra điều này. Ngay hồi năm 1883, tại cuộc họp của Hiệp hội Anh ở Xao-tơ-poóc-tơ, chủ tịch ban kinh tế của hội này, ông In-glít Pan-grây-vơ đã tuyên bố rằng

"đối với nước Anh những ngày thu lãi lớn đã qua rồi, và sự tiếp tục phát triển của các ngành công nghiệp lớn đã ngừng lại. Hầu như có thể khẳng định rằng đất nước đang chuyển sang trạng thái đình trệ"[279].

Nhưng vậy thì kết quả sẽ ra sao? Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa không thể giậm chân tại chỗ; nó phải phát triển và mở rộng hay là tiêu vong. Ngay bây giờ chỉ riêng việc hạn chế tỷ lệ to lớn của Anh trong việc cung cấp hàng hóa cho thị trường thế giới có nghĩa là, một mặt, là sự trì trệ và cùng khổ, thừa tư bản, và mặt khác, là tình trạng thừa sức lao động không có việc làm. Thế thì sẽ thế nào khi hàng năm sản xuất hoàn toàn không tăng thêm?

Đấy là chỗ yếu, gót chân A-sin của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mở rộng thường xuyên là điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của nó, mà việc mở rộng thường xuyên ấy giờ đây không thể có được nữa. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đi vào ngõ cụt. Nước Anh đứng trước một vấn đề mỗi năm một cấp thiết: hoặc là đất nước phải diệt vong, hoặc là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ắt diệt vong; trong hai cái, cái nào nhất định rơi vào cảnh ngộ đó?

Còn giai cấp công nhân thì sao? Nếu ngay cả trong thời gian công thương nghiệp hưng thịnh chưa từng có từ năm 1848 đến năm 1868, họ cũng phải sống trong cảnh cùng khổ như vậy, nếu ngay cả lúc ấy khối đông công nhân may ra chỉ được cải thiện tình hình một cách ngắn ngủi, và chỉ thiểu số không đáng kể, có đặc quyền, "được bảo vệ" có những lợi lộc lâu dài. Vậy thì điều gì sẽ xảy ra khi thời kỳ huy hoàng đó sẽ hoàn toàn chấm dứt, khi sự đình trệ nặng nề hiện nay không chỉ tăng thêm, mà khi trạng thái nặng nề làm tê liệt đã tăng mạnh lên đó sẽ trở thành trạng thái kinh niên, bình thường của nền công nghiệp nước Anh?

Chân lý là thế này: chừng nào còn sự độc quyền công nghiệp của nước Anh thì giai cấp công nhân Anh đã phần nào dự phần trong những lợi lộc do sự độc quyền ấy đem lại. Những lợi lộc đó phân phối trong công nhân hết sức không đều: phần lớn nhất thì thiểu số có đặc quyền giành lấy, mà cả quần chúng đông đảo thỉnh thoảng cũng được đôi chút. Chính vì thế mà từ khi chủ nghĩa Ô-oen chết đi rồi thì ở Anh không còn chủ nghĩa xã hội nữa. Sự độc quyền công nghiệp của Anh sụp đổ thì giai cấp công nhân Anh sẽ mất địa vị đặc quyền, toàn bộ giai cấp công nhân Anh, kể cả thiểu số có đặc quyền và lãnh đạo, sẽ ở vào trình độ như đồng nghiệp công nhân của họ của những nước khác. Và chính vì vậy mà chủ nghĩa xã hội lại sẽ xuất hiện ở Anh.

Đối với phần nhận định tình hình như tôi hình dung vào năm 1885, tôi còn phải thêm một ít nữa thôi. Hà tất cần phải nói

ràng hiện nay quả thật "chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện trở lại ở Anh", hơn nữa với quy mô rộng lớn, chủ nghĩa xã hội tất cả mọi sắc thái: chủ nghĩa xã hội có ý thức và chủ nghĩa xã hội vô thức, chủ nghĩa xã hội bằng văn xuôi và chủ nghĩa xã hội bằng thơ, chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và chủ nghĩa xã hội của giai cấp tư sản. Và quả thật, đó là một quái vật trong số các quái vật, chủ nghĩa xã hội đó chẳng những đã trở nên hoàn toàn đáng kính, mà nó đã khoác áo đuôi tôm nằm xoài bừa bãi trên đi-văng ở các phòng khách. Điều đó cho thấy sự thất thường bất trị của tên độc tài khủng khiếp của "xã hội tốt" – dư luận xã hội tư sản, và thêm một lần nữa biện minh cho sự khinh bỉ mà chúng ta, những người xã hội chủ nghĩa thế hệ trước, luôn luôn đối xử với nó. Nhưng, và chẳng, chúng ta không có cơ sở để không bằng lòng với chính triệu chứng đó.

Nhưng điều tôi cảm thấy quan trọng hơn rất nhiều so với cái mốt chống tàn trong giới tư sản trưng diện thứ chủ nghĩa xã hội pha loãng nước và thậm chí quan trọng hơn những thắng lợi thực tế mà nói chung chủ nghĩa xã hội ở Anh đã dành được là sự thức tỉnh của khu I-xtơ-En-đơ Luân Đôn. Nỗi tích tụ to lớn sự khốn cùng đó không còn là đầm lầy nước đọng như cách đây sáu năm nữa. Khu I-xtơ-En-đơ đã trút bỏ sự dửng dưng tuyệt vọng; nó đã hồi sinh và đã trở thành quê hương của cái gọi là "chủ nghĩa công liên mới", nghĩa là tổ chức của đông đảo công nhân "không được đào tạo". Tuy tổ chức ấy đã mang đáng kể dáng dấp các hội công liên cũ của công nhân "được đào tạo", nhưng xét về tính chất, nó vẫn khác nhiều những hội công liên đó. Các hội công liên cũ duy trì truyền thống của thời đại khi chúng ra đời; chúng coi chế độ lao động làm thuê là một trật tự vĩnh viễn dĩ thành bất biến mà may lắm chúng chỉ có thể làm dịu đi một ít vì lợi ích của các hội viên của mình. Còn những hội công liên mới thì được lập lên vào lúc mà niềm tin vào tính chất vĩnh cửu

của chế độ lao động làm thuê đã bị lung lay mạnh. Những người thành lập và lãnh đạo chúng hoặc là những người xã hội chủ nghĩa tự giác hoặc là những người xã hội chủ nghĩa theo bản năng; quần chúng gia nhập chúng và tạo nên sức mạnh của chúng thì thô lỗ, bị tầng lớp quý tộc công nhân ở ép và khinh miệt. Nhưng họ có một ưu điểm rất lớn: *tâm lý của họ là mảnh đất còn trinh nguyên*, hoàn toàn không bị ràng buộc bởi những định kiến tư sản truyền kiếp, "đáng kính", làm rối trí đầu óc những hội viên công liên "cũ" giữ địa vị khá hơn. Và giờ đây chúng ta thấy những hội công liên mới ấy đang dành quyền lãnh đạo phong trào công nhân và ngày càng giúp đỡ những hội công liên "cũ" giàu có và ngạo mạn.

Không nghi ngờ gì nữa, các nhà hoạt động của khu I-xtơ-En-đơ Luân Đôn đã mắc một loạt sai sót to lớn; nhưng cả những tiền bối của họ cũng đã làm y như vậy, nay những người xã hội chủ nghĩa lý thuyết suông đang vênh mặt trước họ cũng mắc phải những điều hệt như thế. Giai cấp vĩ đại, cũng như dân tộc vĩ đại học tập không ở đâu nhanh như học qua hậu quả những sai lầm của chính mình. Mặc dù phạm đủ loại sai lầm trong quá khứ, hiện tại và mai sau, sự thức tỉnh của khu I-xtơ-En-đơ Luân Đôn vẫn là một trong những sự kiện vô cùng lớn lao và có tác dụng vô cùng tốt của fin de siècle[1*], và tôi vui mừng và tự hào là tôi đã có cơ may sống được tới đó.

Ph. Ăng-ghen

11 tháng Giêng 1892

Đã in trong cuốn sách: F. Engels "The Condition of the Working Class in England in 1844". London, 1892

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Anh

1* – cuối thế kỷ

CRITICA SOCIALE

RIVISTA QUINDICINALE

di studi sociali, politici, filosofici e letterari

Nel Regno: Anno L. 8 - Semestre L. 4 - All'Estero: Anno L. 10 - Semestre L. 5,50

Lettere, vaglia, cartoline-vaglia all'Ufficio di CRITICA SOCIALE: MILANO: Portici Galleria V. E., 23 (1° piano sinistro)

PER MILANO gli abbonamenti si ricevono anche presso la Libreria Fratelli Dumolard: Corso V. E., 21

Anno II - N. 4 | La Rivista non si vende e viene spedita | Milano, 16 febbraio 1892

TRẢ LỜI ÔNG GIÔ-VAN-NI BÔ-VI-Ô ĐÁNG KÍNH[280]

Trong bài đăng trên báo "Tribuna" số ra ngày 2 tháng Hai v.v., ông Giô-van-ni Bô-vi-ô, một người không phải không có tiếng tăm, chỉ trích những nghị sĩ I-ta-li-a thuộc phái cộng hòa gần đây đã chuyển sang phe bảo hoàng rằng họ quá coi nhẹ vấn đề hình thức cai trị. Điều đó không đụng chạm đến tôi lắm; nhưng điều đụng chạm đến tôi là việc ông ta sử dụng bài viết của tôi về chủ nghĩa xã hội Đức ("Critica Sociale" 16 tháng Giêng 1892)[1*] để chỉ trích y như vậy những người xã hội chủ nghĩa Đức nói chung và tôi nói riêng. Đây là điều ông ta nói về vấn đề này:

1* Xem tập này, tr. 363-369.

"Từ đó cũng thấy rõ những người xã hội chủ nghĩa cùng với Phri-đrích Ăng-ghen nói về việc những người xã hội chủ nghĩa lên nắm chính quyền trong một tương lai rất gần, nhưng họ không xác định là chính quyền nào, đã sai lầm như thế nào và vì sao. Ăng-ghen đi đến chỗ với những con số trong tay (mà tôi thì cho rằng trong lịch sử, các con số luôn luôn là bằng chứng tốt) ông xác định một năm không xa đảng xã hội chủ nghĩa sẽ giành được đa số trong nghị viện Đức. Tuyệt: rồi sau đó thế nào?

- Nó sẽ giành chính quyền.

- Tuyệt diệu: nhưng chính quyền nào? Đó sẽ là chính quyền nhà vua, chính quyền cộng hòa, hay là đảng sẽ quay trở lại cái không tưởng của Vai-tlinh đã bị "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bỏ lại đằng sau ngay hồi tháng Giêng 1848?

- Hình thức đối với chúng ta thế nào cũng được.

- Thực tế thế nào?... Nhưng chỉ có thể nói đến chính quyền khi nó có một hình thức cụ thể. Có thể cho rằng thực thể mới, tư tưởng mới tự nó sẽ tạo ra hình thức và sẽ tạo ra nó từ chính mình, nhưng không thể trừu tượng hóa hình thức".

Để trả lời điều này tôi xin tuyên bố tôi hoàn toàn bác bỏ cách lý giải của Bô-vi-ô đáng kính.

Trước hết tôi tuyệt nhiên không nói rằng "đảng xã hội chủ nghĩa sẽ giành được đa số và sau đó sẽ nắm lấy chính quyền? Trái lại, tôi nhấn mạnh rằng cứ một cơ hội thì có mười cơ hội những kẻ thống trị chúng ta còn lâm trước lúc ấy sẽ sử dụng bạo lực chống lại chúng ta; và điều đó sẽ chuyển chúng ta từ vũ đài đấu tranh nghị trường sang vũ đài cách mạng. Nhưng chúng ta hãy đi tiếp.

"Nó sẽ nắm lấy chính quyền — nhưng chính quyền nào. Đó sẽ là chính quyền nhà vua, chính quyền cộng hòa, hay là đảng sẽ trở lại điều không tưởng của Vai-tlinh đã bị "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bỏ lại đằng sau hồi tháng Giêng 1848?".

Ở đây tôi xin phép sử dụng một lối nói của Bô-vi-ô đáng kính. Quả thật cần phải là "nhà ẩn sĩ tách biệt với thế giới" mới có thể ấp ủ một sự nghi ngờ cực nhỏ về tính chất của chính quyền ấy.

Toàn bộ nước Đức của giới cầm quyền, của quý tộc, của giai cấp tư sản đều buộc tội bạn bè của chúng tôi trong quốc hội về việc họ là những người thuộc phái cộng hòa và những nhà cách mạng.

Trong suốt bốn mươi năm, Mác và tôi nhắc đi nhắc lại một cách vô cùng tận rằng đối với chúng tôi, nền cộng hòa dân chủ là hình thức chính trị duy nhất trong đó cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp các nhà tư bản có thể lúc đầu mang tính chất phổ biến và sau đó sẽ hoàn thành bằng thắng lợi quyết định của giai cấp vô sản.

Dĩ nhiên Bô-vi-ô đáng kính không ngây thơ đến mức tưởng tượng rằng, một vị hoàng đế Đức nào đó sẽ bổ nhiệm các bộ trưởng của mình trong số đảng viên đảng xã hội chủ nghĩa và ông ta nếu muốn sẽ chấp nhận những điều kiện giả định việc ông ta từ bỏ ngai vàng, nếu không thì những bộ trưởng ấy không thể trông mong được đảng mình ủng hộ. Và lại, nói thực ra, việc ông ta lo sợ chúng ta có thể "lùi trở lại không tưởng của Vai-tlinh, bắt tôi phải suy nghĩ rằng, con người tham gia đối thoại với tôi quả thật rất ngây thơ.

Hoặc, có thể, Bô-vi-ô đáng kính nhắc đến Vai-tlinh là muốn nói rằng những người xã hội chủ nghĩa Đức coi trọng hình thức *xã hội* không nhiều hơn họ, theo ý ông ta, coi trọng hình thức *chính trị* chăng? Cả trong trường hợp này ông ta lại sai. Lẽ ra ông ta phải có khái niệm đầy đủ về chủ nghĩa xã hội Đức để biết rằng chủ nghĩa xã hội Đức đề ra yêu cầu xã hội hóa tất thảy mọi tư liệu sản xuất. Cuộc cách mạng kinh tế ấy sẽ diễn ra bằng cách nào? Điều đó sẽ phụ thuộc vào những tình huống trong đó đảng chúng ta sẽ giành chính quyền, vào thời điểm sẽ xảy ra điều đó và phương thức thực hiện điều đó. Như chính Bô-vi-ô tuyên bố, "thực thể mới, tư tưởng mới tự nó sẽ tạo ra

hình thức và tạo ra nó từ chính mình". Và nếu, giả sử ngày mai do sự xoay chuyển tình hình bất ngờ mà đảng chúng ta sẽ phải nắm chính quyền thì tôi biết rất rõ tôi sẽ đưa ra cái gì làm cương lĩnh hành động.

"Đối với chúng tôi, hình thức như thế nào cũng được" ư?

Tôi cho là cần phải tuyên bố rằng cả tôi lẫn bất cứ ai trong số những người xã hội chủ nghĩa Đức đều không bao giờ nói điều đó, cũng không bao giờ nói điều gì tương tự như vậy; điều đó chỉ có Bô-vi-ô nói ra. Và tôi muốn biết ông ta có quyền gì mà gán cho chúng tôi cái "sciocchezza"[1*] như vậy.

Vả chăng, nếu Bô-vi-ô đáng kính sẽ đợi đến nửa thứ hai bài viết của tôi ("Critica Sociale", ngày 1 tháng Hai)[2*] và đọc qua nó, thì ông ta, có thể, sẽ không phải vất vả lẫn lộn những người xã hội chủ nghĩa cách mạng Đức với các phần tử cộng hòa bảo hoàng I-ta-li-a.

Ngày 6 tháng Hai 1892

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã in trong tạp chí "Critica Sociale" số 4, ngày 16 tháng Hai 1892

In theo bản thảo, có đối chiếu với bản in trong tạp chí I-ta-li-a
Nguyên văn là tiếng Pháp

1* — "điều ngu ngốc"

2* Xem tập này, tr.370 - 378.

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG BA LAN "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN NĂM 1892[281]

Sự cần thiết phải xuất bản một bản "Tuyên ngôn cộng sản" mới bằng tiếng Ba Lan cho phép đề ra cả một loạt kết luận.

Trước hết, cần phải nhận thấy rằng trong thời gian gần đây, "Tuyên ngôn" đã trở thành một chỉ số nói lên sự phát triển của đại công nghiệp trên lục địa châu Âu. Đại công nghiệp càng tiến triển trong một nước nào đó thì công nhân nước đó càng có xu hướng muốn thấy rõ địa vị của mình với tính cách là giai cấp công nhân, so với các giai cấp hữu sản; phong trào xã hội chủ nghĩa càng lan rộng trong công nhân thì "Tuyên ngôn" càng được người ta đòi hỏi nhiều thêm. Vì thế, căn cứ trên số bản được phát hành theo tiếng của từng nước, người ta có thể đánh giá được khá chính xác không những tình trạng của phong trào công nhân mà cả trình độ phát triển của đại công nghiệp trong nước đó nữa.

Vì vậy, bản in mới của "Tuyên ngôn" bằng tiếng Ba Lan là một bằng chứng tỏ rõ bước tiến quyết định của công nghiệp Ba

Przedmowa do 2go wydania polskiego

EN fakt, że nowe wydanie „Manifestu Komunistycznego" stało się potrzebnem, pobudza do różnych uwag.

Najpierw godnem jest zaznaczenia, że Manifest w ostatnich czasach stał się do pewnego stopnia probierzem rozwoju wielkiego przemysłu na lądzie europejskim. W miarę, jak w pewnym kraju wzrasta wielki przemysł, wpośród robotników tego kraju wzmaga się pragnienie wyjaśnienia swego stanowiska, jako klasy robotniczej w obec klas posiadających, rozszerza cię wśród nich ruch socyjalistyczny, i rośnie popyt na Manifest. W ten sposób ilością egzemplarzy Manifestu, w języku krajowym rozszerzonych, można z dostateczną ścisłością mierzyć nie

Hai trang của bản tiếng Ba Lan
"tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1892
có lời tựa của Ph. Ăng-ghen

tylko stan ruchu robotniczego, lecz również stopień rozwoju wielkiego przemysłu w każdym kraju.

Tak więc nowe wydanie polskie oznacza stanowczy postęp polskiego przemysłu. A że ten postęp w ciągu dziesięciu lat od ukazania się ostatniego wydania miał miejsce w rzeczywistości, o tem wątpić nie można. Królestwo Polskie, Kongresówka, stała się wielkim okręgiem przemysłowym państwa rossyjskiego.

Gdy wielki przemysł rossyjski rozsiany jest sporadycznie — część nad zatoką fińską, część w guberniach środkowych (Moskwa i Władimir), to znowu nad Czarnem i Azowskiem morzem, — polski przemysł skupił się na stosunkowo małej przestrzeni i korzysta zarówno z wygód, jak i niedogodności takiego ześrodkowania. Wygody uznali konkurujący fabrykanci rossyjscy, żądając przeciwko Polsce ceł ochronnych, bez względu na swe gorące chęci przerobienia Polaków na Rossyjan. Niedogodności — dla polskich fabrykantów i rossyjskiego rządu — ujawniają się w szybkim rozroście idej socyjalistycznych wśród polskich robotników i w coraz większym popycie na Manifest.

Lecz szybki rozwój polskiego przemysłu, przerastającego o głowę przemysł rossyjski, jest swoją drogą nowym dowodem niespożytej siły żywotnej polskiego ludu i nową gwarancyją przyszłego odrodzenia narodowego. Odrodzenie zaś niezależnej, silnej Polski jest sprawą, która nietylko Polaków, lecz wszystkich nas obchodzi. Szczere współdziałanie międzynarodowe ludów europejskich jest możliwem tylko wtedy, gdy każdy

Hai trang của bản tiếng Ba Lan
"tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1892
có lời tựa của Ph. Ăng-ghen

Lan. Bước tiến đó đã thực sự diễn ra trong mười năm qua kể từ lần xuất bản gần đây nhất, đó là điều mà không ai có thể nghi ngờ gì được. Vương quốc Ba Lan, nước Ba Lan của Đại hội[282], đã biến thành một vùng công nghiệp rộng lớn của đế chế Nga. Trong khi đại công nghiệp Nga ở tản mạn nhiều nơi, một bộ phận ở gần sát vịnh Phần Lan, một bộ phận khác ở vùng trung tâm (Mát-xcơ-va, Vla-đi-mia), bộ phận thứ ba lại ở trên bờ Hắc Hải và biển A-đốp, v.v., thì công nghiệp Ba Lan lại tập trung trên một diện tích tương đối nhỏ và đã từng trải qua cả cái lợi lẫn cái hại của tình trạng tập trung đó. Cái lợi đã được các chủ xưởng Nga cạnh tranh công nhận khi họ đòi thiết lập thuế quan bảo hộ chống lại Ba Lan, mặc dầu họ thiết tha muốn Nga hóa tất cả mọi người Ba Lan. Còn cái hại – đối với các chủ xưởng Ba Lan, cũng như đối với chính phủ Nga, – thì đã thể hiện ra bằng sự phổ biến nhanh chóng các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong công nhân Ba Lan và bằng yêu cầu ngày càng tăng về bản "Tuyên ngôn".

Nhưng sự phát triển nhanh chóng đó của công nghiệp Ba Lan đã vượt công nghiệp Nga, tự nó lại là một bằng chứng mới nói lên sức sống bền bỉ của nhân dân Ba Lan và là một đảm bảo mới cho sự phục hồi dân tộc sau này của họ Nhưng sự phục hồi nước Ba Lan tự trị hùng mạnh là điều mà tất cả chúng ta đều mong muốn chứ không phải riêng gì nước Ba Lan. Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình. Cuộc Cách mạng 1848 – trong đó các chiến sĩ vô sản, đứng trước ngọn cờ của giai cấp vô sản, rút cuộc đã phải thi hành công việc của giai cấp tư sản, – đã đồng thời thực hiện được, thông qua những kẻ thừa hành của giai cấp tư sản là Lu-i Bô-na-pác-tơ và Bi-xmác, nền độc lập của I-ta-li-a, Đức, Hung-ga-ri. Còn nước Ba Lan là nước từ năm 1792 đã đóng góp

cho cách mạng được nhiều hơn ba nước kia gộp lại thì đến năm 1863, khi nó ngã quỵ dưới sự tấn công của các lực lượng Nga đông hơn gấp mười lần, nó đã bị bỏ rơi. Giai cấp quý tộc đã bất lực không bảo vệ được và không giành lại được nền độc lập của Ba Lan; giai cấp tư sản thì hiện nay ít ra cũng không thiết tha đến nền độc lập đó. Tuy thế, đối với sự hợp tác nhịp nhàng giữa các dân tộc châu Âu, nền độc lập đó vẫn là cần thiết.[1*] Chỉ có giai cấp vô sản Ba Lan trẻ tuổi mới có thể giành được nền độc lập đó, và nằm trong tay họ, nền độc lập đó sẽ được bảo vệ chắc chắn. Vì đối với công nhân các nước khác ở châu Âu, nền độc lập của Ba Lan cũng cần thiết như đối với bản thân công nhân Ba Lan.

Luân Đôn, ngày 10 tháng Hai 1892.

Ph. Ăng-ghen

Đã đăng trong tạp chí "Przedświt" số 35, ngày 27 tháng Hai và trong cuốn sách: K. Marx i F. Engels. "Manifest Komunistyczny". London, 1892

In theo bản thảo có đối chiếu với bản in của lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan năm 1892
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Trong lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan, câu này bị xóa bỏ.

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 21 CÔNG XÃ PA-RI

Luân Đôn, ngày 17 tháng Ba 1892

Thưa các bà và các ông!

Hôm nay tròn 21 năm kể từ ngày nhân dân Pa-ri cắm lên lá cờ đỏ, đồng thời thách thức với lá cờ tam tài Pháp đang tung bay ở Véc-xây, cũng như lá cờ ba màu Đức đang phấp phới trên các đồn bốt mà quân Phổ chiếm.

Lá cờ đỏ tượng trưng cho giai cấp vô sản Pa-ri đã đứng lên một cao điểm mà từ đó cả người chiến thắng lẫn người chiến bại đều trở nên không thể trông thấy được.

Tính chất quốc tế cao độ của Công xã đã làm cho nó mang tầm cỡ lịch sử. Đó là sự thách thức dũng cảm đối với mọi biểu hiện của chủ nghĩa sô vanh tư bản. Và giai cấp vô sản tất cả các nước đã hiểu đúng điều ấy. Mặc cho các nhà tư sản ăn mừng ngày 14 tháng Bảy hoặc ngày 22 tháng Chín của họ[283]. Ngày lễ của giai cấp vô sản bao giờ và đâu đâu cũng sẽ là ngày 18 tháng Ba.

Chính vì vậy mà giai cấp tư sản hèn hạ chất hàng núi lời nói xấu để tiện lên mộ Công xã. Và chính vì vậy mà chỉ một mình Hội liên hiệp công nhân quốc tế là dám từ ngày đầu đến ngày cuối đồng nhất mình với những người khởi nghĩa ở Pa-ri, rồi với

những người vô sản bại trận. Đúng là khi Công xã sụp đổ, cả Quốc tế cũng không thể tiếp tục tồn tại. Dưới tiếng thét "bắt lấy quân Công xã!", Quốc tế đã bị đập tan trên toàn châu Âu.

Thế là hôm nay đã tròn hai mươi mốt năm kể từ khi những cổ đại bác trên các cao điểm Mông-mác-tơ-rơ bị đẩy lùi[1*]. Những trẻ em sinh năm 1871, nay đã đến độ thành niên, và nhờ sự ngu ngốc của các giai cấp cầm quyền mà họ là *những người lính*, họ được huấn luyện kỹ năng làm chủ vũ khí, học nghệ thuật tự tổ chức và tự vệ với khẩu súng trường trong tay. Công xã mà người ta cho là đã bị giết chết, Quốc tế mà người ta coi là đã bị tiêu diệt vĩnh viễn thì luôn luôn ở giữa chúng ta, sống mạnh gấp hai mươi lần so với năm 1871. Hàng trăm trở thành hàng nghìn; thay vì hàng nghìn, giờ đây hàng triệu người hưởng ứng lời kêu gọi của chúng ta. Khối liên minh của giai cấp vô sản quốc tế mà Quốc tế thứ nhất chỉ có thể dự kiến và chuẩn bị, ngày nay đã trở thành thực tế. Hơn thế nữa, hàng triệu người con của chính những người lính Pháp năm 1871 giữ các đồn bốt xung quanh Công xã Pa-ri, hiện nay tay nắm tay cùng với những người con của các chiến sĩ Công xã đang chiến đấu trong hàng ngũ tiên phong cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn và triệt để giai cấp công nhân.

Công xã muôn năm!

Cách mạng xã hội quốc tế muôn năm!

Phri-đr. Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Le Socialiste" số 12, ngày 26 tháng Ba 1892

In theo bản đăng trên báo có đối chiếu với bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Pháp

1* Xem tập này, tr.281.

NHẬN XÉT MỞ ĐẦU VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI BẰNG TIẾNG ĐỨC TÁC PHẨM CỦA C. MÁC "SỰ KHỐN CÙNG CỦA TRIẾT HỌC"[284]

Về việc xuất bản lần thứ hai, tôi chỉ phải nói rằng tên Hốp-kin-xơ nêu sai trong bản tiếng Pháp (ở tr. 45) được thay bằng tên đúng: Hốt-xkin, và cũng ở đấy đã sửa năm xuất bản quyển sách của Uy-li-am Tôm-xơn là năm 1824[285]. Bây giờ chúng tôi hy vọng rằng lương tâm thư mục học của ngài giáo sư An-tôn Men-gơ sẽ thanh thản.

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, 29 tháng Ba 1892

Đã in trong cuốn: Karl Marx. "Das Elend der Philosophie". Stuttgart, 1892

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ANH TÁC PHẨM "SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ KHÔNG TƯỞNG ĐẾN KHOA HỌC"[286]

Tập sách mỏng này, lúc đầu là một phần của một cuốn sách lớn hơn. Vào khoảng năm 1875, tiến sĩ Ô-Duy-rinh, phó giáo sư Trường đại học Béc-lin, tuyên bố một cách đột ngột và khá ầm ĩ rằng ông ta đã đi theo chủ nghĩa xã hội và đã đem lại cho công chúng Đức không những một lý luận xã hội chủ nghĩa được xây dựng tỉ mỉ mà cả một kế hoạch thực tiễn hoàn bị nhằm cải tổ xã hội. Tất nhiên ông ta đã công kích kịch liệt những tiền bối của mình; trước hết ông ta dành sự chú ý của ông ta cho Mác bằng cách là trút tất cả sự phẫn nộ của mình lên đầu Mác.

Việc này xảy ra vào khoảng thời gian mà hai phái của Đảng xã hội chủ nghĩa ở Đức – phái Ai-dơ-nác và phái Lát-xan – hợp nhất với nhau[287], và do đó, không những đảng đã tăng lên rất nhiều về mặt lực lượng, mà điều còn quan trọng hơn là đảng có khả năng dùng toàn bộ sức mạnh đó để chống kẻ thù chung. Lúc ấy, Đảng xã hội chủ nghĩa ở Đức đã nhanh chóng trở thành một lực lượng. Nhưng muốn trở thành một lực lượng thì trước hết phải giữ cho sự thống nhất vừa mới đạt được không bị đe dọa. Thế mà tiến sĩ Duy-rinh lại công khai có ý định tập hợp xung quanh mình một nhóm phái, hạt nhân của một đảng riêng

SOCIALISM

UTOPIAN AND SCIENTIFIC

BY

FREDERICK ENGELS

TRANSLATED BY EDWARD AVELING

D.Sc., Fellow of University College, London

WITH A SPECIAL INTRODUCTION BY THE AUTHOR

LONDON:
SWAN SONNENSCHEIN & CO.
NEW YORK: CHARLES SCRIBNER'S SONS
1892

Bìa phụ bản in bằng tiếng Anh tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" năm 1892 có lời tựa của Ph. Ăng-ghen

rẽ sau này. Bởi vậy, chúng tôi buộc phải nhận lời thách thức và dù muốn hay không chúng tôi cũng phải giao chiến.

Tuy nhiên, mặc dầu điều đó không phải là một công việc quá khó khăn, nhưng rõ ràng là một công việc khá tỉ mỉ. Như mọi người đều biết, chúng ta, những người Đức, đều có một tính chất Gründlichkeit[1*] kinh khủng, một sự sâu sắc cơ bản, hay một tính chất cơ bản sâu sắc, ai muốn gọi như thế nào cũng được. Cứ mỗi lần một người trong chúng ta trình bày một cái gì đó mà người ấy coi là một học thuyết mới thì trước tiên, người đó phải xây dựng học thuyết ấy thành một hệ thống bao trùm tất cả. Người đó phải chứng minh rằng những nguyên lý đầu tiên của lô-gích, cũng như những quy luật cơ bản của hệ thống thế giới, sở dĩ tồn tại từ ngàn xưa rốt cuộc chỉ là nhằm mục đích dẫn tới chính cái lý luận vừa mới tìm ra và hoàn thành tất cả ấy. Về mặt đó, tiến sĩ Đuy-rinh đã hoàn toàn đạt tới tiêu chuẩn dân tộc ấy. Đúng là một "Hệ thống triết học" đầy đủ không hơn không kém – triết học tinh thần, đạo đức, tự nhiên và lịch sử, một "Hệ thống kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội" đầy đủ, và sau cùng là một "Lịch sử phê phán khoa kinh tế chính trị"[288], – ba tập sách dày, khổ giấy gấp tám, nặng nề về mặt trọng lượng cũng như về mặt nội dung, ba binh đoàn lý lẽ, được đưa ra chiến trường để chống lại tất cả những nhà triết học và kinh tế học trước kia nói chung và để chống lại Mác nói riêng – trên thực tế đó là một mưu toan để hoàn toàn "đảo lộn khoa học" – đó là cái mà tôi đã phải chống lại. Tôi đã buộc phải bàn đến tất cả các môn học có thể có được; từ những khái niệm thời gian và không gian đến chế độ song bản vị[289]; từ tính vĩnh cửu của vật chất, của vận động đến bản chất nhất thời của các tư tưởng và đạo đức; từ thuyết đào thải tự nhiên của Đác-uyn đến việc

1* – triệt để

giáo dục thanh niên trong một xã hội tương lai. Tuy nhiên, hệ thống bao trùm của đối thủ của tôi đã đem lại cho tôi cái cơ hội trình bày, đối lập với ông ta và dưới một hình thức có mạch lạc hơn trước đây, những quan điểm của Mác và của tôi về những môn học rất nhiều vẻ ấy. Đó là lý do chính khiến tôi bắt tay vào nhiệm vụ ấy, một nhiệm vụ rất bạc bẽo về những mặt khác.

Bản trả lời của tôi thoạt tiên được đăng thành một loạt bài trong báo "Vorwärts" ở Lai-pxích, cơ quan trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa, rồi sau đó in thành sách dưới đầu đề là "Herrn Eugen Dühring's Umwälzung der Wissenschaft" ("Ông Oi-ghen Duy-rinh đảo lộn khoa học"[290] mà bản in lần thứ hai đã ra đời ở Xuy-rích năm 1886.

Theo yêu cầu của bạn tôi là Pôn La-phác-gơ, hiện là đại biểu của tỉnh Li-lơ ở Quốc hội Pháp, tôi trích ba chương trong quyển sách đó làm thành một tập sách mỏng mà bạn tôi dịch ra và xuất bản năm 1880 dưới đầu đề là "*Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học*"[291]. Những bản in bằng tiếng Ba Lan và tiếng Tây Ban Nha[292] đều dịch theo bản tiếng Pháp này. Năm 1883, các bạn Đức của tôi lại xuất bản tập sách này bằng nguyên văn tiếng Đức. Từ đó, trên cơ sở bản tiếng Đức, các bản tiếng I-ta-li-a, Nga, Đan Mạch, Hà Lan và Ru-ma-ni[293] đã được xuất bản. Cùng với bản dịch tiếng Anh này thì tập sách nhỏ ấy đã được dịch ra mười thứ tiếng rồi. Tôi chưa từng thấy một tác phẩm xã hội chủ nghĩa nào, ngay cả đến bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1848 của chúng tôi và bộ "Tư bản" của Mác nữa, lại được dịch nhiều lần đến như thế. Ở Đức, đã có đến bốn lần xuất bản, tổng cộng trên dưới 20000 bản.

Bản phụ lục "Mác-cơ" của quyển sách nhỏ này được viết với

mục đích phổ biến trong Đảng xã hội chủ nghĩa Đức một số tri thức cơ bản về lịch sử phát sinh và phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất ở Đức. Điều này lại đặc biệt cần thiết vào lúc mà ảnh hưởng của Đảng xã hội chủ nghĩa Đức đã lan rộng đến hầu hết toàn thể công nhân ở thành thị và cần phải tranh thủ công nhân nông nghiệp và nông dân. Bản phụ lục đó được đưa vào bản dịch này bởi vì về những hình thức của chế độ sở hữu ruộng đất nguyên thủy, chung cho tất cả những bộ lạc giéc-manh, và về lịch sử suy vong của chúng thì ở Anh, người ta biết ít hơn ở Đức nhiều. Tôi vấn đề nguyên văn như cũ mà không đề cập tới những giả thuyết mà Mác-xim Cô-va-lép-xki vừa đề ra gần đây cho rằng trước khi những thành viên của mác-cơ phân chia đất đai canh tác và đất đai chăn nuôi, thì đã có công xã đại gia tộc bao gồm nhiều thế hệ (công xã Da-đrúc của người Xla-vơ ở phía Nam hiện đang tồn tại là một ví dụ) cùng canh tác những đất đai ấy; về sau, khi công xã đã trở nên quá lớn khiến cho việc kinh doanh chung trở nên quá cồng kềnh thì đã xảy ra việc phân chia đất đai của công xã[294]. Cô-va-lép-xki chắc hẳn là hoàn toàn có lý, song vấn đề còn sub judice[1*].

Những thuật ngữ kinh tế dùng trong cuốn sách này, trong chừng mực đó là những thuật ngữ mới, thì đều nhất trí với những thuật ngữ trong bản in bằng tiếng Anh của bộ "Tư bản" của Mác[295]. Chúng tôi dùng "sản xuất hàng hóa" để chỉ giai đoạn phát triển kinh tế trong đó những vật phẩm được sản xuất ra không phải chỉ để thỏa mãn những nhu cầu của người sản xuất mà còn để trao đổi, nghĩa là được sản xuất ra *với tính cách là*

1* — đang thảo luận

những hàng hóa chứ không phải là những giá trị sử dụng. Giai đoạn ấy kéo dài từ thời kỳ bắt đầu sản xuất để trao đổi cho đến ngày nay; nó chỉ đạt tới sự phát triển đầy đủ của nó trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nghĩa là trong những điều kiện mà nhà tư bản, kẻ sở hữu các tư liệu sản xuất, dùng tiền công thuê công nhân – những người không có tư liệu sản xuất nào ngoài sức lao động của chính họ, – và bỏ túi số dư trong giá bán các sản phẩm so với những chi phí sản xuất ra chúng. Chúng tôi chia lịch sử sản xuất công nghiệp, kể từ thời trung cổ, thành ba thời kỳ: 1) thủ công nghiệp, những người thợ cả nhỏ thủ công có vài thợ bạn và thợ học nghề giúp việc, hơn nữa mỗi người thợ làm trọn cả một vật phẩm; 2) công trường thủ công, trong đó một số công nhân đông hơn được tập hợp lại trong một xưởng lớn, làm trọn cả một vật phẩm theo nguyên tắc phân công lao động, nghĩa là mỗi người công nhân chỉ làm một công việc bộ phận, vì thế sản phẩm chỉ làm xong sau khi lần lượt qua tay mọi công nhân; 3) công nghiệp hiện đại, trong đó sản phẩm do máy móc chạy bằng một lực nào đó sản xuất ra, và hoạt động của người công nhân chỉ giới hạn trong việc trông coi và điều chỉnh những động tác của máy móc[1*].

Tôi biết rất rõ ràng nội dung quyển sách nhỏ này sẽ không được phần lớn công chúng độc giả Anh hoan nghênh. Nhưng nếu chúng tôi, những người sống trên lục địa, chú ý đầu chỉ là một chút thôi đến những định kiến của "giới đáng kính"[2*] ở

1* Trong bản tiếng Đức đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" đoạn đầu của lời tựa cho đến những chữ "điều chỉnh những động tác của máy móc" bị xóa bỏ.

2* Trong bản tiếng Đức, sau những chữ "giới đáng kính" còn có thêm mấy chữ: "nghĩa là của giới phi-li-xtanh Anh"

Anh, thì tình hình sẽ còn xấu hơn hiện nay nữa. Tập sách này bảo vệ cái mà chúng tôi gọi là "chủ nghĩa duy vật lịch sử", và tiếng "chủ nghĩa duy vật" làm chướng tai tuyệt đại đa số bạn đọc người Anh. "Thuyết bất khả tri" thì còn có thể được, chứ chủ nghĩa duy vật thì tuyệt đối không chấp nhận được.

Thế mà nơi chôn rau cắt rốn của tất cả mọi chủ nghĩa duy vật hiện đại, bắt đầu từ thế kỷ XVII, lại chính là nước Anh.

"Chủ nghĩa duy vật là đứa con chính thức của nước Anh. Nhà triết học kinh viện Anh là Đun-xơ Xcốt đã tự hỏi xem liệu vật chất có thể tư duy được không?

Để cho kỳ tích đó có thể thực hiện được, ông nhờ đến tính vạn năng của thượng đế; nghĩa là ông buộc bản thân thần học phải tuyên truyền chủ nghĩa duy vật. Và lại ông còn là người duy danh chủ nghĩa[296]. Duy danh luận là một trong những yếu tố chính của các nhà duy vật Anh và nói chung là biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật.

Ông tổ thật sự của chủ nghĩa duy vật Anh là Bê-cơn. Theo ông, khoa học dựa trên thực nghiệm tự nhiên là khoa học chân chính và vật lý học lấy kinh nghiệm cảm tính làm cơ sở là bộ phận quan trọng nhất của khoa học dựa trên thực nghiệm tự nhiên. Ông thường dẫn chứng A-na-xa-go và những vật chất nguyên thủy vô cùng tận của ông ta[297], và Đê-mô-crít với những nguyên tử của ông ta. Theo học thuyết của ông, cảm giác là hoàn toàn đáng tin cậy và là nguồn gốc của mọi tri thức. Khoa học là khoa học thực nghiệm, và là ở chỗ áp dụng một phương pháp duy lý vào tài liệu cảm giác được. Quy nạp, phân tích, so sánh, quan sát, thực nghiệm, đấy là những điều kiện chủ yếu của phương pháp duy lý. Trong những đặc tính vốn có của vật chất, vận động là đặc tính thứ nhất và cao nhất, không những với tính cách là vận động máy móc và toán học mà hơn nữa với

tính cách là bản năng, sinh khí, sức mạnh bành trướng, hoặc nói theo cách nói của I-a-cốp Buê-mơ "sự dằn vặt" ["Qual"][1*] của vật chất[2*].

Ở Bê-cơn, người sáng lập ra nó, chủ nghĩa duy vật còn ấn náu một cách ngây thơ dưới hình thức những mầm mống của một sự phát triển nhiều mặt. Trong sự chói lọi của tính cảm giác nên thơ của nó, vật chất mỉm cười với con người toàn bộ; trái lại bản thân học thuyết được cách ngôn hóa thì còn đầy rẫy tính không triệt để của thần học.

Trong giai đoạn sau của sự tiến triển của nó, chủ nghĩa duy vật trở thành phiến diện. Hốp-xơ đã hệ thống hóa chủ nghĩa duy vật của Bê-cơn. Thế giới cảm giác được đã mất cái duyên dáng ban đầu của nó và trở thành tính cảm giác trừu tượng của nhà hình học[3*]. Hình học được tuyên bố là khoa học chủ yếu. Chủ

1* "Qual" — đây là một lối chơi chữ trong triết học. "Qual" nghĩa đen là sự dằn vặt, nỗi đau đớn, đẩy người ta đến một hành động nào đó; đồng thời nhà thần bí Buê-mơ còn đem vào danh từ Đức đó một cái gì đó có ý nghĩa như từ la-tinh qualitas [tính chất]; đối lập với nỗi đau đớn do bên ngoài gây ra, từ Qual của ông ta là cái nguyên tố năng động, sản sinh ra từ sự phát triển tự phát của một sự vật, một quan hệ hay một người bị cái "Qual" đó, và đến lượt mình lại làm phát sinh sự phát triển đó ... Trong bản tiếng Đức, Ăng-ghen không chua chú thích này.

2* Trong bản tiếng Đức, sau chữ "vật chất", tác giả đã nhắc lại câu tiếp theo trong tác phẩm "Gia đình thần thánh" mà lần xuất bản bằng tiếng Anh đã bỏ: "Những hình thức nguyên thủy của vật chất là những lực lượng cơ bản sống, có tính chất tạo cá tính vốn có của vật chất và làm cho vật chất tạo ra những sự khác nhau riêng biệt".

3* Trong bản tiếng Đức, tiếp đó tác giả đã nhắc lại câu tiếp theo mà lần xuất bản bằng tiếng Anh đã bỏ: "Vận động vật lý bị hy sinh cho vận động máy móc hoặc vận động toán học".

nghĩa duy vật đâm ra thù ghét con người. Để khắc phục tinh thần thù ghét con người và không có thể xác trên miếng đất của chính mình, chủ nghĩa duy vật buộc phải tự mình kiềm chế xác thịt của mình và trở thành nhà khổ hạnh. Nó xuất hiện ra là một thực thể có lý trí nhưng đồng thời cũng phát triển cái lô-gích không lay chuyển được của lý trí.

Xuất phát từ Bê-cơn, Hốp-xơ lập luận như sau: nếu những cảm giác của chúng ta là nguồn gốc của toàn bộ tri thức của chúng ta thì trực giác, tư tưởng, biểu tượng, v.v., chẳng phải là gì khác hơn là những bóng ma của thế giới có thể xác đã ít nhiều mất đi hình thức cảm giác được của nó. Tất cả những gì mà khoa học có thể làm được, là đặt tên cho những bóng ma đó. Cùng một tên gọi có thể dùng để gọi nhiều bóng ma. Thậm chí có thể có những tên gọi của tên gọi. Nhưng thật là mâu thuẫn nếu một mặt khẳng định rằng tất cả mọi tư tưởng đều bắt nguồn từ thế giới cảm giác được và mặt khác lại cho rằng một từ không chỉ là một từ mà ngoài những bản chất được biểu tượng, vĩnh viễn đơn nhất ra, lại còn có những bản chất phổ biến nữa. Một thực thể không có thể xác cũng mâu thuẫn như một vật thể không có thể xác. Vật thể, tồn tại, thực thể, tất cả những cái đó đều là cùng một ý niệm thực tại duy nhất. *Người ta không thể tách rời tư duy khỏi vật chất đang tư duy*. Vật chất là chủ thể của mọi sự biến hóa. Từ vô hạn không có ý nghĩa gì cả, trừ phi nó nói lên cái khả năng của tinh thần của chúng ta là có thể cộng một cách vô hạn. Vì chỉ có cái vật chất mới có thể là đối tượng của tri giác và của nhận biết, nên chúng ta không biết gì cả về sự tồn tại của thượng đế. Chỉ có sự tồn tại của chính tôi mới là xác thực. Mọi sự ham muốn của con người đều là một sự vận động máy móc đang kết thúc hoặc đang bắt đầu. Những đối tượng của bản năng, đó là cái chúng ta gọi là hạnh phúc. Con người, cũng như giới tự nhiên, đều phải phục

tùng cũng những quy luật như nhau. Quyền lực và tự do là đồng nhất.

Hốp-xơ đã hệ thống hóa học thuyết của Bê-cơn nhưng không mang lại một cơ sở chính xác hơn cho nguyên lý cơ bản của Bê-cơn, nguyên lý cho rằng những tri thức và tư tưởng đều bắt nguồn từ thế giới cảm giác được. Trong tác phẩm về nguồn gốc của lý tính con người, Lốc-cơ đã mang lại cơ sở cho nguyên tắc của Bê-cơn và Hốp-xơ[298].

Hốp-xơ đã đập tan những thiên kiến hữu thần của chủ nghĩa duy vật của Bê-cơn thì Côn-lin-xơ, Đốt-oen, Câu-ốt, Hát-ly, Pri-xtơ-li, v.v, cũng đã thủ tiêu những giới hạn thần học cuối cùng đang che giữ cho cảm giác luận của Lốc-cơ. Ít ra là đối với nhà duy vật, tự nhiên thần luận[299] chẳng qua chỉ là phương pháp thuận tiện và ít tốn công sức để trút bỏ tôn giáo"[1].

Các Mác đã nói như thế về nguồn gốc Anh của nghĩa duy vật hiện đại. Và nếu hiện nay, người Anh không lấy làm đặc biệt vui mừng về việc thừa nhận công lao của tổ tiên của họ thì điều đó chỉ đáng tiếc mà thôi. Mặc dầu thế vẫn không thể chối cãi được rằng Bê-cơn, Hốp-xơ và Lốc-cơ là cha đẻ ra trường phái rực rỡ những nhà duy vật Pháp là những người đã làm cho thế kỷ XVIII trở thành chủ yếu là thế kỷ của nước Pháp, bất chấp tất cả những chiến thắng mà người Anh và người Đức đã thu được đối với nước Pháp trên đất và trên biển; và điều đó đã diễn ra rất lâu trước khi cuộc cách mạng Pháp kết thúc thế kỷ này, cuộc cách mạng mà kết quả được chúng ta, những người đứng ở ngoài, ở Anh cũng như ở Đức, vẫn còn đang cố làm cho thích nghi với khí hậu ở nước chúng ta.

1) Mác và Ăng-ghen. "Gia đình thần thánh", Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, 1845 tr.201 – 204[300].

Điều đó không thể chối cãi được. Khi một người ngoại quốc có học thức đến cư trú ở nước Anh vào giữa thế kỷ này, thì điều làm cho người đó ngạc nhiên nhất – nếu không thì người đó không thể hiểu được điều ấy – là sự đạo đức giả về mặt tôn giáo và sự ngu ngốc của giai cấp trung đẳng đáng kính ở nước Anh. Hồi đó, tất cả chúng tôi đều là những người duy vật hay ít nhất cũng là những nhà tư tưởng tự do rất cấp tiến; chúng tôi không thể hiểu nổi cái sự kiện là hầu hết mọi người có học thức ở Anh đều tin vào mọi thứ phép màu không thể cơ được, và ngay cả những nhà địa chất học như Bắc-cơ-len và Man-ten-lơ cũng đã xuyên tạc những dữ kiện khoa học của họ để cho những dữ kiện đó không đập quá mạnh vào mặt những câu chuyện hoang đường của cuốn Sáng thế ký; không thể hiểu nổi cái sự kiện là muốn gặp được những người dám dùng đến trí tuệ của mình trong những vấn đề tôn giáo thì phải đi vào đám người không có học thức, "những đám đông chưa được rửa ráy" như hồi bấy giờ người ta vẫn gọi, đặc biệt là đi vào công nhân, đặc biệt là những người xã hội chủ nghĩa theo phái Ô-oen.

Nhưng từ đó, người Anh đã "văn minh hóa". Cuộc triển lãm năm 1851[301] là tiếng chuông báo tử đối với tính chất đóng cửa của nước Anh trên mấy hòn đảo của mình; nước Anh đã dần dần quốc tế hóa, trong thức ăn và thức uống, trong phong tục, trong quan niệm, đến mức khiến tôi ngày càng mong rằng một số phong tục của Anh sẽ được thừa nhận một cách phổ biến ở lục địa, giống như một số phong tục của lục địa đã được thừa nhận ở Anh. Có một điều chắc chắn là: cùng với việc truyền bá thứ dầu trộn rau xa-lát (mà trước năm 1851, chỉ có bọn quý tộc mới được biết mùi vị) thì tính hoài nghi của lục địa trong các vấn đề tôn giáo cũng được truyền bá theo một cách tai hại; tình hình đã đi đến chỗ là chủ nghĩa bất khả tri, tuy chưa được người ta coi là "thuộc loại một" như quốc giáo Anh, nhưng về tính chất

đáng kính thì cũng được đặt ngang hàng với giáo phái Báp-tít và rõ ràng được đặt lên trên "Đạo quân cứu thế".[302] Và tôi không thể không nghĩ rằng những kẻ hết lòng phiền muộn về những tiến bộ của tư tưởng vô thần và nguyền rủa nó, sẽ yên lòng khi biết rằng những tư tưởng mới ra lò đó không phải có một nguồn gốc ở nước ngoài, không phải mang theo cái nhãn hiệu: made in Germany,[1*], như nhiều vật dụng hàng ngày khác, rằng ngược lại, chúng có một nguồn gốc Anh cổ xưa và những tổ tiên Anh của chúng 200 năm trước đây đã đi xa hơn nhiều so với con cháu họ ngày nay.

Thật thế, chủ nghĩa bất khả tri không phải là chủ nghĩa duy vật "thẹn thò", – đây là ta dùng một từ đầy sức biểu cảm của vùng Lan-kê-sia, – thì là cái gì?[2*] Quan niệm của người bất khả tri về tự nhiên là hoàn toàn duy vật. Toàn bộ thế giới tự nhiên bị những quy luật chi phối và tuyệt đối loại trừ mọi tác động từ bên ngoài vào. Nhưng, người bất khả tri nói thêm một cách thận trọng, chúng ta không thể chứng minh sự tồn tại hay sự không tồn tại của một chúa tể tối cao nào đó ở bên kia cái thế giới mà chúng ta đã biết. Lời nói thêm đó có thể có giá trị trong thời kỳ mà La-pla-xơ tự hào trả lời Na-pô-lê-ông rằng: "Je n'avais pas besoin de cette hypothèse"[3*], khi Na-pô-lê-ông hỏi tại sao trong cuốn "Cơ học thiên thể"[303] của nhà thiên văn học vĩ đại, đã không một lần nào nhắc đến tên đấng tạo hóa. Nhưng hiện nay, với quan niệm của chúng ta về sự phát triển của vũ trụ thì tuyệt đối không còn chỗ cho một đấng tạo hóa hay cho một đấng cai

1* – chế tạo tại Đức

2* Trong bản tiếng Đức, những chữ "đây là ta dùng một từ đầy sức biểu cảm của vùng Lan-kê-sia" bị xóa đi.

3* "Tôi đã không cần đến giả thuyết đó"

quản vạn năng; nếu muốn thừa nhận có một chúa tể tối cao bị gạt ra ngoài toàn bộ thế giới hiện đang tồn tại, thì đó sẽ là một mâu thuẫn trong bản thân nó, và hơn nữa, tôi thấy đó còn là một sự xúc phạm không đáng có đối với tình cảm của những người tín đạo.

Người bất khả tri của chúng ta cũng công nhận rằng tất cả những hiểu biết của chúng ta đều dựa trên những thông tin mà chúng ta nhận được thông qua các giác quan. Nhưng, người đó lại bổ sung thêm: làm sao chúng ta biết được rằng các giác quan của chúng ta đem lại cho chúng ta những hình ảnh đúng đắn về những sự vật mà chúng đã thu nhận được? Và người đó tiếp tục báo cho chúng ta biết: khi người đó nói về những sự vật hay về những thuộc tính của những sự vật đó, thì thật ra người đó không nói đến bản thân những sự vật ấy và những thuộc tính của chúng mà người đó không thể biết gì chắc chắn cả; người đó chỉ nói đến những ấn tượng do những sự vật ấy và những thuộc tính của những sự vật ấy gây ra cho giác quan của người đó mà thôi. Thật vậy, đó là một quan niệm mà hình như chúng ta khó lòng dánh đổ được chỉ bằng các lý lẽ. Nhưng trước khi con người ta lập luận thì họ đã hành động. "In Anfang war die That"[1*]. Và hành động của con người đã giải quyết xong khó khăn đó từ lâu rồi, trước khi sự triết lý hão của con người tìm ra khó khăn ấy. Có ăn chiếc bánh pu-đinh mới biết nó ngon hay dở[2*]. Khi chúng ta căn cứ vào những thuộc tính của những vật đó mà

1* "Lúc đầu là hành động" (Gơ-tơ. "Phau-xtơ", phần I, cảnh III ("Phòng làm việc của Phau-xtơ").

2* Trong bản tiếng Đức, câu cách ngôn này được viết bằng tiếng Anh: The proof of the pudding is in the eating. Câu này có nghĩa là: có qua thử thách mới biết đó hay.

chúng ta cảm thấy được, để sử dụng chúng cho bản thân chúng ta thì khi đó chúng ta thử thách một cách không thể sai lầm tính chất đúng đắn hay không đúng đắn của những cảm giác của chúng ta. Nếu những cảm giác ấy sai thì phán đoán của chúng ta về khả năng sử dụng vật đó cũng sai nốt, và mưu toan của chúng ta được sử dụng vật ấy tất nhiên phải thất bại. Nhưng nếu chúng ta đạt được mục đích của chúng ta, nếu chúng ta nhận thấy rằng vật ấy phù hợp với quan niệm của chúng ta về nó, rằng nó đem lại cái kết quả mà chúng ta mong muốn khi sử dụng nó, thì đó là bằng chứng xác thực chỉ ra *rằng trong phạm vi đó*, cảm giác của chúng ta về vật ấy và về thuộc tính của nó là ăn khớp với hiện thực ở bên ngoài chúng ta. Ngược lại, nếu chúng ta thấy rằng chúng ta đã thất bại, thì thường thường chẳng bao lâu chúng ta cũng tìm được nguyên nhân không thành công của chúng ta; chúng ta thấy rằng cảm giác dùng làm cơ sở cho mưu toan của chúng ta thì hoặc giả bản thân không đầy đủ hay nông cạn, hoặc giả bị gắn với những kết quả của những cảm giác khác một cách không được tình hình sự vật chứng minh; chúng ta gọi đó là suy lý ảo[1*]. Chừng nào chúng ta hình thành và sử dụng giác quan của chúng ta một cách đúng đắn và giữ hoạt động của chúng ta trong những giới hạn do những cảm giác đã nhận được một cách đúng đắn và sử dụng một cách đúng đắn đặt ra, thì chừng đó chúng ta sẽ thấy rằng thành công của những hành động của chúng ta là một bằng chứng nói lên sự ăn khớp giữa những cảm giác của chúng ta với bản tính khách quan của các sự vật đã cảm giác được. Cho đến nay chưa có một trường hợp nào buộc chúng ta phải kết luận rằng những tri giác cảm tính của chúng ta, được kiểm tra một cách khoa học, lại gây ra trong trí óc chúng ta những biểu tượng

1* Trong bản tiếng Đức, những chữ "chúng ta gọi đó là suy lý ảo" bị xóa bỏ.

về thế giới bên ngoài, mà xét về bản tính lại không đúng với hiện thực, hay giữa thế giới bên ngoài và những tri giác của chúng ta về thế giới ấy, lại có một sự không ăn khớp có tính chất bẩm sinh.

Nhưng người bất khả tri thuộc phái Can-tơ mới lại xuất hiện và nói: phải, chúng ta có thể nhận thức được một cách đúng đắn những thuộc tính của một vật, nhưng chúng ta không thể biết được bản thân vật đó nhờ bất kỳ một quá trình cảm giác hay tư duy nào. "Vật tự nó" đó nằm ở ngoài phạm vi nhận thức của chúng ta. Đối với ý kiến này, từ lâu Hê-ghen đã trả lời: nếu anh biết tất cả mọi thuộc tính của một sự vật thì anh cũng biết được bản thân sự vật đó; khi đó chẳng còn lại gì ngoài cái sự thật là sự vật nói đó tồn tại bên ngoài chúng ta, và khi giác quan của anh đã cho anh biết sự thật đó thì anh sẽ nắm được chẳng sót một tí gì toàn bộ cái "vật tự nó" đó tức là cái "Ding an sich" không thể biết nổi tiếng của Can-tơ. Ngày nay, về điểm đó, chúng ta chỉ có thể nói thêm rằng vào thời Can-tơ, sự hiểu biết của chúng ta về những sự vật tự nhiên hãy còn khá vụn vặt, đến nỗi ở đằng sau mỗi sự vật ấy người ta còn có thể cho rằng còn có một "vật tự nó" bí ẩn đặc biệt nữa. Nhưng từ đó đến nay, nhờ sự tiến bộ khổng lồ của khoa học, những sự vật không thể hiểu biết được ấy đã lần lượt được nhận thức, được phân tích, và hơn thế nữa, *được tái tạo ra*. Cái mà chúng ta có thể chế tạo ra được, thì dĩ nhiên là chúng ta không thể coi là không biết được. Đối với hóa học trong nửa đầu thế kỷ này thì những chất hữu cơ còn là những vật bí ẩn như thế; ngày nay, chúng ta đang lần lượt chế tạo được hết chất này đến chất khác, từ những nguyên tố hóa học mà không cần dùng đến một quá trình hữu cơ nào. Hóa học hiện đại khẳng định rằng khi đã biết thành phần hóa học của bất cứ một vật thể nào thì có thể chế tạo ra vật thể ấy từ những nguyên tố cấu thành của nó. Chúng ta còn lâu mới biết được

một cách chính xác thành phần của những chất hữu cơ cao cấp, những chất gọi là an-bu-min; nhưng hoàn toàn không có lý do nào để cho rằng, ngay cả sau hàng thế kỷ, chúng ta cũng sẽ không thể đạt tới sự hiểu biết đó và nhờ nó mà có được an-bu-min nhân tạo. Nếu chúng ta sẽ đạt tới điều đó thì chúng ta đồng thời cũng sẽ chế tạo ra được đời sống hữu cơ, vì đời sống, từ những hình thức thấp nhất đến những hình thức cao nhất của nó, chẳng qua chỉ là phương thức tồn tại bình thường của các vật thể an-bu-min.

Nhưng sau khi người bất khả tri của chúng ta đã đưa ra những lời rào đón có tính chất hình thức đó rồi thì người đó nói và hành động như là một nhà duy vật thâm căn cố đế – và về thực chất thì người đó chính là một nhà duy vật như vậy. Người đó sẽ có thể nói: theo *chúng ta* biết thì vật chất và vận động – hay như bây giờ người ta nói, thì năng lượng – không có thể được tạo ra hay bị tiêu diệt đi, nhưng chúng ta không có bằng chứng gì để nói rằng những cái ấy đã không được tạo ra vào một lúc nào đó mà chúng ta chưa biết. Nhưng nếu anh định dùng lời thừa nhận ấy để đập lại người đó trong một trường hợp nhất định nào đó, thì người đó sẽ buộc anh phải im tiếng ngay lập tức. Nếu người đó cho rằng có khả năng thừa nhận chủ nghĩa duy linh in abstracto[1*] thì người đó lại không muốn nghe nói đến chủ nghĩa đó in concreto[2*]. Người đó sẽ nói với anh rằng: chừng nào mà chúng ta biết và có thể biết được thì chừng đó không có đấng tạo hóa hay đấng cai quản vũ trụ; chừng nào mà chúng ta biết được, thì vật chất và năng lượng là không thể tạo ra được, cũng không thể bị tiêu diệt đi; đối với chúng ta, tư tưởng là một hình thức của năng lượng, một chức năng của óc;

1* – một cách trừu tượng

2* – một cách cụ thể, trên thực tiễn

tất cả những gì mà chúng ta biết, quy lại là: thế giới vật chất bị những quy luật bất di bất dịch chi phối, v.v. và v.v., như vậy, chừng nào mà người đó là một nhà khoa học, chừng nào người đó biết một cái gì đó, thì chừng đó người đó là duy vật; nhưng ngoài khoa học của mình ra, trong những lĩnh vực mà người đó không biết tí gì, thì người đó lại chuyển cái dốt của mình sang tiếng Hy Lạp và gọi nó là thuyết bất khả tri.

Dù sao, một điều cũng đã rõ là: ngay cả khi tôi là một người bất khả tri đi nữa, thì dĩ nhiên tôi cũng sẽ không thể gọi quan điểm lịch sử phác ra trong cuốn sách nhỏ này là "thuyết bất khả tri lịch sử" được. Những người tin đạo sẽ chế giễu tôi, và những người bất khả tri sẽ nổi giận hỏi tôi rằng có phải là tôi muốn chế nhạo họ không. Và tôi hy vọng rằng "giới đáng kính"[1*] ở nước Anh, cũng sẽ đừng quá giận dữ, nếu như trong tiếng Anh, cũng như trong nhiều thứ tiếng khác, tôi dùng chữ "chủ nghĩa duy vật lịch sử" để chỉ một quan điểm về tiến trình lịch sử thế giới coi sự phát triển kinh tế của xã hội, sự thay đổi của phương thức sản xuất và trao đổi, sự phân chia xã hội thành giai cấp bắt nguồn từ đó, và những cuộc đấu tranh giữa những giai cấp đó, là nguyên nhân cuối cùng và động lực quyết định của mọi sự biến lịch sử quan trọng.

Có lẽ người ta sẽ rộng lượng đối với tôi hơn, nếu tôi chứng minh rằng chủ nghĩa duy vật lịch sử có thể có ích ngay cả cho tính chất đáng kính của người Anh[2*]. Tôi đã chỉ ra cái sự thật là cách đây khoảng độ 40 hay 50 năm, mỗi người nước ngoài có

1* Trong bản tiếng Đức, sau những chữ "giới đáng kính" có thêm mấy chữ "mà tiếng Đức gọi là giới phi-li-xtanh".

2* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "tính chất đáng kính của người Anh" là những chữ: "tính chất đáng kính của kẻ phi-li-xtanh Anh".

học thức đến cư trú ở nước Anh đều ngạc nhiên một cách khó chịu về cái thể hiện ra đối với họ như là sự giả nhân giả nghĩa về tôn giáo và sự ngu xuẩn của giai cấp trung đẳng đáng kính ở nước Anh. Giờ đây tôi sẽ chỉ ra rằng giai cấp trung đẳng đáng kính ở Anh hồi đó không đến nỗi ngu xuẩn như người ngoại quốc có học thức vẫn tưởng. Những khuynh hướng tôn giáo của giai cấp ấy là có thể giải thích được.

Khi châu Âu thoát khỏi thời trung cổ thì giai cấp trung đẳng thành thị[1*] đang lớn lên là nhân tố cách mạng của châu Âu. Địa vị đã được công nhận mà giai cấp tư sản đó giành được trong chế độ phong kiến thời trung cổ đã trở thành quá chật hẹp đối với sức mở rộng của nó. Sự phát triển tự do của giai cấp trung đẳng, *giai cấp tư sản*, không còn dung hợp được nữa với chế độ phong kiến, chế độ phong kiến phải bị sụp đổ.

Nhưng trung tâm quốc tế lớn của chế độ phong kiến là Giáo hội thiên chúa Rô-ma. Nó đã thống nhất toàn Tây Âu phong kiến – bất chấp tất cả những cuộc chiến tranh nội bộ – thành một chỉnh thể chính trị lớn đối lập với thế giới Hy Lạp thuộc giáo phái ly khai, cũng như đối lập với thế giới Hồi giáo. Nó khoác cho chế độ phong kiến một vòng hào quang thần thánh. Nó đã xây dựng hệ thống cấp bậc của bản thân nó theo mẫu mực của chế độ phong kiến và rút cục nó đã trở thành một chúa phong kiến lớn nhất, bởi vì ít ra một phần ba đất đai của thế giới theo đạo Thiên chúa là thuộc về nó. Trước khi có thể tấn

1* Trong bản tiếng Đức, bắt đầu từ chỗ này cho đến đoạn bắt đầu bằng những chữ "Điểm xuất phát mới là một sự thỏa hiệp" (tr. 443 tập này) những từ "middle class","bourgeoisie" mà Ăng-ghen dùng được dịch bằng thuật ngữ "tầng lớp thị dân" ("Bürgerthum"); từ chỗ đó trở đi, những từ đó lại được Ăng-ghen dịch bằng thuật ngữ "giai cấp tư sản" ("Bourgeoisie").

công riêng từng chế độ phong kiến thế tục trong mỗi nước thì tổ chức trung tâm thiêng liêng đó phải bị phá hủy đã.

Cùng với sự lớn lên của giai cấp trung đẳng thì từng bước một cũng diễn ra sự phát triển khổng lồ của khoa học. Thiên văn học, cơ học, vật lý học, giải phẫu học và sinh lý học lại được nghiên cứu. Để phát triển sản xuất công nghiệp của mình, giai cấp tư sản cần đến một khoa học nghiên cứu những thuộc tính của các vật thể tự nhiên và những phương thức biểu hiện của các lực lượng tự nhiên. Nhưng cho đến lúc đó, khoa học chỉ là những dầy tớ gái ngoan ngoãn của giáo hội, và giáo hội không cho phép nó vượt qua những giới hạn do tín ngưỡng ấn định – nói tóm lại, nó là cái gì cũng được, nhưng hoàn toàn không phải là khoa học. Giờ đây khoa học đã nổi dậy chống giáo hội; giai cấp trung đẳng cần đến khoa học và đã tham gia vào cuộc nổi dậy đó.

Như vậy là tôi chỉ đề cập đến hai điểm nói về việc giai cấp trung đẳng đang lên tất nhiên phải xung đột với giáo hội đang tồn tại; nhưng như thế cũng đủ để chứng minh rằng, một là, trong cuộc đấu tranh chống lại những tham vọng của giáo hội Thiên chúa, giai cấp tham gia nhiều nhất chính là giai cấp trung đẳng; và hai là, mọi cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến hồi bấy giờ đều mang một chiếc áo tôn giáo và trước hết phải hướng về phía chống giáo hội. Nhưng nếu khẩu hiệu chiến đấu đã xuất phát từ các trường đại học và các thương nhân ở thành phố thì nhất định là nó sẽ có được một tiếng vang mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân ở nông thôn, trong nông dân, tức là những người dân ở đâu đâu cũng tiến hành một cuộc đấu tranh khốc liệt chống bọn chúa phong kiến, tôn giáo cũng như thế tục, hơn nữa là đấu tranh cho bản thân sự sống còn của họ.

Cuộc đấu tranh lâu dài[1*] của giai cấp tư sản châu Âu chống chế độ phong kiến đã đạt tới đỉnh cao nhất của nó trong ba trận chiến đấu lớn có tính chất quyết định.

Trận chiến đấu thứ nhất là cái mà ở Đức chúng ta gọi là cuộc cải cách tôn giáo. Đáp lại lời kêu gọi nổi dậy của Lu-the chống lại giáo hội, hai cuộc khởi nghĩa chính trị đã nổ ra: thoạt đầu là cuộc khởi nghĩa của quý tộc nhỏ do Phran-txơ phôn Dích-kinh-ghen lãnh đạo (1523) và sau đó là cuộc Chiến tranh nông dân vĩ đại năm 1525[304]. Cả hai đều bị đè bẹp, chủ yếu là do sự thiếu kiên quyết của phái quan tâm đến nhiều nhất tức là của phái thị dân – một sự thiếu kiên quyết mà ở đây chúng ta không thể nói đến nguyên nhân được. Từ đó trở đi, cuộc đấu tranh đã thoái hóa thành một cuộc xâu xé lẫn nhau giữa bọn vương công địa phương và chính quyền trung ương[2*], và cuối cùng đã dẫn đến kết quả là nước Đức, trong hai thế kỷ, bị gạt ra khỏi hàng ngũ các dân tộc tích cực về chính trị ở châu Âu. Tuy nhiên cuộc Cải cách tôn giáo của Lu-the cũng đẻ ra một tín ngưỡng mới, – một tôn giáo mà chính chế độ quân chủ chuyên chế đang cần đến. Nông dân phía Đông Bắc nước Đức chưa kịp đi theo đạo Lu-the thì họ đã từ những người tự do biến thành những nông nô.

Nhưng ở chỗ nào mà Lu-the thất bại thì Can-vanh lại thắng lợi. Giáo lý của Can-vanh đã đáp ứng được nhu cầu của bộ phận dũng cảm nhất của giai cấp tư sản hồi đó. Học thuyết về định mệnh của ông là biểu hiện tôn giáo của một sự thật là trong

1* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "lâu dài" là những chữ "vĩ đại".

2* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "chính quyền trung ương" là những chữ "chính quyền trung ương của hoàng đế".

thế giới buôn bán và cạnh tranh thì quyết định sự thành công hay sự phá sản không phải là hoạt động hay sự khéo léo của những cá nhân riêng biệt, mà là những hoàn cảnh không phụ thuộc vào họ. Quyết định không phải là ý chí hay hành động của một người nào đó, mà là lòng nhân từ của những lực lượng kinh tế hùng mạnh nhưng không quen biết. Và điều đó đặc biệt đúng trong thời kỳ đảo lộn kinh tế, khi mà tất cả những con đường buôn bán cũ và những trung tâm buôn bán cũ đều được thay thế bằng những con đường mới và những trung tâm mới, khi mà Ấn Độ và châu Mỹ được mở ra cho thế giới, khi mà ngay cả những tín điều kinh tế thiêng liêng nhất – giá trị của vàng và của bạc – cũng lung lay và sụp đổ. Thêm nữa, giáo hội của Can-vanh hoàn toàn có tính chất dân chủ và cộng hòa; nhưng ở nơi nào mà vương quốc của Chúa đã cộng hòa hóa thì ở đó liệu những vương quốc trên thế gian này có thể trung thành mãi với các vua chúa, cố đạo và bọn lãnh chúa hay không? Nếu đạo Lu-the ở Đức đã trở thành một công cụ ngoan ngoãn trong tay bọn vương công[1*] thì đạo Can-vanh lại thành lập một nước cộng hòa ở Hà Lan và những đảng cộng hòa mạnh ở Anh và nhất là ở Xcốt-len.

Cuộc nổi dậy vĩ đại lần thứ hai của giai cấp tư sản đã tìm được ở đạo Can-vanh một học thuyết chiến đấu đã có sẵn. Cuộc nổi dậy đó đã nổ ra ở Anh. Giai cấp trung đẳng ở thành thị đã mở đầu phong trào đó, và giô-men-ri[2*] ở các vùng nông thôn đã làm cho phong trào đó thắng lợi. Có một điều khá độc đáo là:

1* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "vương công" là những chữ "vương công nhỏ ở Đức".

2* Trong bản tiếng Đức thay cho những chữ "giô-men-ri" là những chữ "tầng lớp trung nông" (yeomenry).

trong cả ba cuộc khởi nghĩa vĩ đại của giai cấp tư sản[1*], nông dân là đội quân chiến đấu, và nông dân chính là giai cấp mà sau thắng lợi giành được, lại không tránh khỏi bị phá sản do những kết quả kinh tế của thắng lợi ấy. Một thế kỷ sau Crôm-oen, tầng lớp giô-men-ri của nước Anh hầu như biến mất. Nhưng chỉ có sự can thiệp của tầng lớp giô-men-ri đó và của thành phần *bình dân* ở thành thị thì cuộc đấu tranh mới được đẩy tới kết cục cuối cùng và Sác-lơ I mới bị đưa lên đoạn đầu đài, còn chỉ một mình giai cấp tư sản thì không khi nào có thể làm được điều đó[2*]. Muốn cho giai cấp tư sản hái được những quả hồi bấy giờ đã chín muồi rồi, thì phải đẩy cách mạng vượt qua mục đích của nó khá xa – giống như ở Pháp năm 1793 và ở Đức năm 1848. Hình như điều đó quả thật là một trong những quy luật phát triển của xã hội tư sản.

Tiếp sau hoạt động cách mạng quá mức ấy tất nhiên là sự phản ứng không thể tránh khỏi, sự phản ứng này đến lượt nó lại đã vượt xa cái điểm mà vượt ra ngoài nó bản thân sự phản ứng ấy không thể đứng vững được nữa[3*]. Sau một loạt dao động, trọng tâm mới đã được xác lập và đã trở thành một điểm xuất phát mới cho sự phát triển tiếp tục. Đó là thời kỳ tuyệt diệu của lịch sử nước Anh mà giới đáng kính[4*] gọi là "cuộc nổi loạn

1* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "cuộc khởi nghĩa của giai cấp tư sản" là những chữ "cuộc cách mạng tư sản".

2* Trong bản tiếng Đức, những chữ "chỉ một mình giai cấp tư sản thì không khi nào có thể làm được điều đó" bị xóa bỏ.

3* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "cái điểm mà vượt ra ngoài nó, bản thân sự phản ứng ấy không thể đứng vững được nữa" là những chữ "mục đích của nó".

4* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "giới đáng kính" là những chữ "bọn phi-li-xtanh".

lớn", và những cuộc chiến đấu tiếp theo sau nó được kết thúc bằng một sự biến tương đối nhỏ năm 1689, mà những nhà viết sử phái tự do gọi là "cuộc cách mạng vẻ vang"[305].

Điểm xuất phát mới là một sự thỏa hiệp giữa giai cấp trung đẳng[1*] đang lớn lên và những địa chủ phong kiến lớn trước kia. Bọn địa chủ phong kiến lớn này, mặc dầu hồi bấy giờ cũng được gọi là quý tộc như hiện nay, đã từ lâu đi theo con đường để trở thành một loại người mà Lu-i Phi-lip ở Pháp mãi sau này mới trở thành: "người tư sản thứ nhất trong vương quốc". May mắn cho nước Anh là các nam tước phong kiến cũ đã chém giết lẫn nhau trong trận chiến tranh Hai đóa hoa hồng[306]. Những kẻ nối nghiệp bọn này, mặc dầu phần lớn cũng đều xuất thân từ những dòng họ cũ ấy, nhưng lại thuộc những bàng hệ quá xa đến nỗi họ hợp thành một tầng lớp hoàn toàn mới; những tập quán và những xu hướng của họ có tính chất tư sản hơn là có tính phong kiến; họ hoàn toàn biết rõ giá trị của tiền và bắt tay ngay lập tức vào việc tăng địa tô của họ bằng cách đuổi hàng trăm tá điền nhỏ đi để thay vào đó bằng những con cừu. Bằng cách phóng tay ban tặng và phung phí đất đai của giáo hội, Hen-ri VIII đã tạo ra hàng loạt những quý tộc địa chủ xuất thân từ giai cấp tư sản; những cuộc tịch thu những trang trại lớn diễn ra một cách liên tục cho đến cuối thế kỷ XVII, những trang trại này sau đó lại bán lại cho những kẻ mới phất theo nghĩa đen cũng như theo nghĩa bóng, cũng dẫn đến kết quả như trên. Do đó, từ Hen-ri VII trở đi, bọn "quý tộc" Anh không những không ngăn cản sự phát triển của sản xuất công nghiệp, mà trái lại, còn tìm cách lợi dụng sự phát triển ấy. Và bao giờ cũng có một

1* Trong bản tiếng Đức, chỗ này và từ đây trở đi, từ "middle class" cũng như từ "bourgeoisie" đều được dịch là "giai cấp tư sản".

bộ phận địa chủ lớn vì những động cơ kinh tế hay chính trị mà sẵn sàng hợp tác với bọn lãnh tụ của giai cấp tư sản công nghiệp và tài chính. Như vậy là sự thỏa hiệp năm 1869 đã có thể thực hiện được một cách dễ dàng. Những chiến lợi phẩm chính trị – những cương vị có lợi lộc và béo bở[1*] vẫn nằm lại trong tay các gia đình quý tộc địa chủ lớn, với điều kiện là họ phải tôn trọng đầy đủ những lợi ích kinh tế của giai cấp trung đẳng tài chính, công nghiệp và thương nghiệp. Và những lợi ích kinh tế ấy hồi bấy giờ đã khá mạnh; cuối cùng chúng đã chi phối chính sách chung của cả nước. Về một số vấn đề cá biệt người ta có thể cãi cọ nhau, nhưng bọn trùm quý tộc hiểu quá rõ rằng sự thịnh vượng kinh tế của bản thân chúng gắn chặt với sự thịnh vượng của giai cấp tư sản công nghiệp và thương nghiệp.

Bắt đầu từ đó, giai cấp tư sản trở thành một bộ phận khiêm tốn, nhưng được thừa nhận của các giai cấp thống trị ở Anh. Cùng với tất cả các giai cấp đó, nó có chung một lợi ích là đàn áp quần chúng nhân dân lao động đông đảo. Đối với người chào hàng của mình, công nhân của mình, tôi tớ của mình thì người thương nhân hay ngay cả chủ xưởng đều chiếm địa vị người chủ, hay chiếm địa vị "cấp trên tự nhiên" như mới gần đây ở Anh người ta còn gọi là như vậy. Hắn phải bòn rút được càng nhiều lao động của họ với một chất lượng càng cao thì càng tốt; muốn thế hắn phải giáo dục cho họ một thái độ ngoan ngoãn thích đáng. Bản thân hắn tin đạo, tôn giáo đã cung cấp cho hắn ngọn cờ mà hắn đã dùng để chiến thắng bọn vua chúa và quý tộc, chẳng bao lâu hắn cũng phát hiện ra cái phương tiện mà tôn giáo ấy đã cung cấp cho hắn để tác động đến đầu óc của bề dưới tự nhiên của hắn

1* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "những cương vị có lợi lộc và béo bở" là những chữ "những chức vụ, những chiếc vị ngồi mát ăn bát vàng và lương cao".

và làm cho họ ngoan ngoãn tuân theo lệnh của bọn chủ mà ý muốn không thể hiểu nổi của thượng đế đã đặt lên trên họ. Nói tóm lại, người tư sản Anh lúc đó đã là kẻ tham gia đàn áp "những tầng lớp dưới" – quần chúng nhân dân sản xuất đông đảo, – và một trong những phương tiện được sử dụng trong việc này là ảnh hưởng của tôn giáo.

Nhưng thêm vào đó còn có một tình hình khác làm tăng thêm khuynh hướng tôn giáo của giai cấp tư sản: đó là sự hưng thịnh của chủ nghĩa duy vật ở Anh. Học thuyết mới đó[1*] không những làm cho giai cấp trung đẳng sùng đạo khiếp sợ, nó còn tự cho mình là một triết học duy nhất thích hợp với những nhà bác học và những người trong giới thượng lưu có học thức, đối lập với tôn giáo là một thứ cũng khá tốt cho quần chúng đông đảo không có học thức, kể cả giai cấp tư sản. Với Hốp-xơ học thuyết mới này đã đấu tranh để bảo vệ đặc quyền của triều đình và chế độ chuyên chế và kêu gọi chế độ quân chủ chuyên chế áp chế puer robustus sed malitiosus [2*] ấy, tức là nhân dân[307]. Và cả ở những môn đồ của Hốp-xơ – Bô-linh-brốc, Sốp-xbe-ri, v.v.. – thì cũng vậy, hình thức mới tự nhiên thần luận của chủ nghĩa duy vật vẫn là một học thuyết có tính chất quý tộc bí truyền như trước, và vì vậy giai cấp tư sản căm ghét nó không những vì tính chất tà đạo của nó về mặt tôn giáo mà còn vì những mối liên hệ chính trị chống tư sản của nó nữa. Chính vì vậy mà đối lập với chủ nghĩa duy vật và tự nhiên thần giáo của phái quý tộc, những giáo phái Tin lành, trước kia đã cung cấp ngọn cờ và chiến sĩ cho trận chiến đấu chống dòng họ Xtiu-ác, cũng đưa ra những lực lượng chiến đấu chủ yếu của giai cấp trung đẳng tiến bộ và

1* Trong bản tiếng Đức, sau chữ "mới" còn có thêm hai chữ "vô thần".

2* — chàng trai cường tráng và tinh ranh

hiện nay vẫn còn cấu thành cái cột sống của "đảng tự do chủ nghĩa vĩ đại".

Trong lúc đó, chủ nghĩa duy vật đã từ nước Anh nhảy sang nước Pháp, ở đây nó tìm thấy một trường phái triết học duy vật thứ hai, – nhánh phái triết học Đê-các-tơ[308] – và nó đã hòa làm một với triết học này. Cả ở Pháp, lúc đầu nó cũng vẫn là một học thuyết hoàn toàn quý tộc.

Nhưng chẳng bao lâu tính chất cách mạng của nó đã biểu lộ rõ rệt. Những nhà duy vật Pháp tuyệt nhiên không giới hạn sự phê phán của mình trong các vấn đề tôn giáo; họ đã phê phán mọi truyền thống khoa học và mọi thiết chế chính trị trong thời họ; và để chứng minh rằng học thuyết của họ có thể áp dụng một cách phổ biến, họ đã chọn con đường ngắn nhất: họ đã dũng cảm đem nó áp dụng vào mọi đối tượng của khoa học, trong một tác phẩm khổng lồ đã làm cho họ nổi tiếng – trong cuốn "Bách khoa toàn thư". Như vậy là dưới hình thức này hay hình thức khác – với tư cách là chủ nghĩa duy vật công nhiên hay tự nhiên thần luận – chủ nghĩa duy vật đã trở thành thế giới quan của toàn bộ thanh niên có học thức ở Pháp. Và nó đã có ảnh hưởng lớn tới mức độ là trong thời gian cuộc đại cách mạng, cái học thuyết do bọn bảo hoàng đẻ ra lại cung cấp cho những người cộng hòa và phái khủng bố Pháp một ngọn cờ lý luận và văn bản cho bản "Tuyên ngôn nhân quyền"[309].

Cuộc Đại cách mạng Pháp là cuộc nổi dậy thứ ba của giai cấp tư sản, nhưng nó là cuộc nổi dậy đầu tiên đã hoàn toàn vứt bỏ chiếc áo khoác tôn giáo và tiến hành chiến đấu trên miếng đất chính trị không che đậy. Nhưng nó cũng là cuộc nổi dậy đầu tiên đã thực sự chiến đấu cho đến khi tiêu diệt một bên tham chiến, tức là bọn quí tộc, và đến thắng lợi hoàn toàn của bên kia, tức là của giai cấp tư sản. Ở nước Anh, mối liên hệ có tính chất kế thừa giữa những thiết chế trước cách mạng và sau cách mạng và sự thỏa hiệp giữa bọn đại địa chủ và bọn tư bản

biểu hiện ra trong tính chất liên tục của những trình tự tố tụng, cũng như trong việc bảo tồn một cách thành kính những hình thức pháp chế phong kiến. Ở Pháp, cách mạng đã đoạn tuyệt hoàn toàn với những truyền thống của quá khứ, đã quét sạch những dấu vết cuối cùng của chế độ phong kiến và trong Code civil[310], đã làm cho luật Rô-ma cũ – một biểu hiện gần như hoàn bị của những quan hệ pháp lý bắt nguồn từ cái trình độ phát triển kinh tế mà Mác gọi là sản xuất hàng hóa – thích ứng một cách tài tình với những quan hệ tư bản chủ nghĩa hiện đại; tài tình đến nỗi ngay cả hiện nay bộ luật đó của nước Pháp cách mạng vẫn còn được dùng làm kiểu mẫu trong những cuộc cải cách quyền sở hữu ở mọi nước, kể cả nước Anh. Nhưng đồng thời chúng ta không nên quên một điều. Nếu như luật pháp nước Anh vẫn tiếp tục biểu hiện những quan hệ kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa bằng thứ ngôn ngữ phong kiến dã man, thứ ngôn ngữ phù hợp với cái mà nó phải diễn đạt giống hệt như chính tả của Anh phù hợp với cách phát âm của Anh, như một người Pháp đã nói: vous écrivez Londres et vous prononcez Constantinople[1*], – thì chính cái luật pháp Anh đó lại là luật pháp duy nhất đã bảo tồn được một cách nguyên vẹn và đã chuyển cho nước Mỹ và cho các thuộc địa phần ưu tú nhất của quyền tự do cá nhân, của chế độ tự trị địa phương và của sự bảo đảm khỏi sự can thiệp bên ngoài, trừ sự can thiệp của các tòa án, nói tóm lại, của những quyền tự do Giéc-manh thời cổ, những quyền tự do mà dưới chế độ quân chủ chuyên chế ở trên lục địa đã hoàn toàn biến mất và cho đến nay vẫn không một nơi nào giành lại được một cách toàn vẹn.

1* – Các anh viết Luân Đôn nhưng các anh lại phát âm là Công-xtăng-ti-nô-plơ.

Song chúng ta hãy trở lại với nhà tư sản Anh của chúng ta. Cách mạng Pháp đã đem lại cho nhà tư sản Anh một cơ hội tuyệt vời để nhờ các chế độ quân chủ chuyên chế trên lục địa làm phá sản công việc buôn bán bằng đường biển của Pháp, thôn tính những thuộc địa của Pháp và đè bẹp những tham vọng cuối cùng của người Pháp định tranh giành quyền làm chủ mặt biển. Đó là một trong những lý do khiến giai cấp tư sản Anh đấu tranh chống cuộc cách mạng Pháp. Lý do thứ hai là phương pháp của cách mạng Pháp không làm vừa lòng giai cấp tư sản Anh, – không phải chỉ sự khủng bố "đáng nguyền rủa" của nó mà cả mưu toan của nó nhằm mở rộng sự thống trị của giai cấp tư sản đến cực độ nữa. Nhà tư sản Anh sẽ ra sao nếu không có bọn quý tộc của hắn, bọn quý tộc đã dạy dỗ cho hắn những kiểu cách đài các (những kiểu cách này thật xứng đáng với người thầy) và sáng chế ra cho hắn những thời trang, đã cung cấp sĩ quan cho quân đội là kẻ duy trì trật tự trong nước và cho hải quân là kẻ đi chinh phục những thuộc địa mới và những thị trường mới ở bên ngoài? Lẽ dĩ nhiên là trong giai cấp tư sản cũng có một thiểu số tiến bộ – những người mà sự thỏa hiệp ấy không đem lại những lợi ích gì đặc biệt lắm; thiểu số đó, chủ yếu gồm những tầng lớp ít giàu có hơn trong giai cấp trung đẳng, đã có cảm tình với cách mạng[311] nhưng lại bất lực trong quốc hội.

Như vậy là chủ nghĩa duy vật càng trở thành tín điều của cách mạng Pháp thì nhà tư sản Anh kính Chúa lại càng bám chặt hơn nữa vào tôn giáo của mình. Thời kỳ khủng bố ở Pa-ri đã chẳng chứng minh rằng cái gì sẽ xảy ra nếu nhân dân bỏ mất tôn giáo, hay sao? Chủ nghĩa duy vật càng lan tràn từ Pháp sang các nước lân cận và được củng cố thêm bằng những trào lưu lý luận có họ hàng với nó, chủ yếu là bằng triết học Đức, chủ nghĩa duy vật và tự do tư tưởng càng thực sự trở thành một dấu hiệu

cần thiết của một con người có học thức ở lục địa, thì giai cấp trung đẳng ở nước Anh lại càng bám lấy những tín ngưỡng tôn giáo nhiều vẻ của nó một cách ngoan cố hơn. Dẫu cho những tín ngưỡng đó có khác nhau đến mấy chăng nữa, nhưng tất cả chúng đều có tính chất tôn giáo và Cơ Đốc một cách hết sức rõ ràng.

Trong khi ở Pháp, cách mạng bảo đảm cho giai cấp tư sản thắng lợi về chính trị thì ở Anh, Oát, Ác-crai-tơ, Các-rai-tơ và những người khác lại mở đầu cho một cuộc cách mạng công nghiệp làm di chuyển hoàn toàn trọng tâm của thế lực kinh tế. Giờ đây của cải của giai cấp tư sản lớn lên với một tốc độ vô cùng nhanh chóng hơn của cải của bọn quý tộc địa chủ. Trong chính ngay giai cấp tư sản, thì bọn quí tộc tài chính, bọn chủ ngân hàng, v.v., cũng đều bị bọn chủ xưởng gạt xuống hàng thứ yếu. Thỏa hiệp năm 1689, ngay cả sau những lần sửa đổi dần dần có lợi cho giai cấp tư sản, cũng không còn phù hợp với lực lượng so sánh giữa những bên đã ký kết nữa. Tính chất của những bên ấy cũng đã thay đổi, giai cấp tư sản năm 1830 đã khác nhiều với giai cấp tư sản thế kỷ trước. Quyền lực chính trị vẫn còn nằm trong tay bọn quý tộc và được dùng để chống lại những tham vọng của giai cấp tư sản công nghiệp mới, nay đã không thể dung hợp với những lợi ích kinh tế mới nữa. Một cuộc đấu tranh mới chống bọn quý tộc là cần thiết; cuộc đấu tranh này chỉ có thể kết thúc bằng thắng lợi của thế lực kinh tế mới. Trước hết, do sự thúc đẩy của cuộc cách mạng Pháp năm 1830, cuộc cải cách quốc hội[312] đã được thực hiện bất chấp mọi sự chống đối. Nó đem lại cho giai cấp tư sản một địa vị được thừa nhận và mạnh mẽ trong quốc hội. Rồi đến việc bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc, việc này vĩnh viễn xác lập ưu thế của giai cấp tư sản, tức là của bọn chủ xưởng, đối với bọn quý tộc ruộng đất. Đó là thắng lợi lớn nhất của giai cấp tư sản, nhưng đó cũng là

thắng lợi cuối cùng mà giai cấp này giành được hoàn toàn cho những lợi ích riêng của nó. Tất cả những thắng lợi khác sau này, nó đều phải san sẻ với một thế lực xã hội mới, lúc đầu là đồng minh của nó nhưng chẳng bao lâu đã trở thành kẻ kình địch với nó.

Cuộc cách mạng công nghiệp đã đẻ ra giai cấp các nhà tư bản chủ xưởng lớn, nhưng cũng đẻ ra một giai cấp công nhân công xưởng đông đảo hơn nhiều. Cuộc cách mạng công nghiệp chiếm lĩnh hết ngành sản xuất này đến ngành sản xuất khác thì giai cấp này cũng càng lớn lên không ngừng. Nhưng cùng với số lượng của nó thì thế lực của giai cấp này cũng lớn lên và ngay trong năm 1824 thế lực ấy cũng đã biểu lộ ra khi nó bắt buộc một quốc hội ngoan cố phải bãi bỏ đạo luật cấm các liên minh công nhân[313]. Trong cuộc cổ động cải cách quốc hội, công nhân họp thành cánh cấp tiến của đảng cải cách; khi đạo luật năm 1832 đã tước quyền đầu phiếu của họ, thì họ đã trình bày những yêu sách của mình trong bản Hiến chương nhân dân và đối lập với Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc[314] của bọn đại tư sản, họ đã tự tổ chức thành một đảng độc lập, đảng Hiến chương, đó là đảng công nhân đầu tiên trong thời đại chúng ta.

Sau đó là những cuộc cách mạng tháng Hai – tháng Ba năm 1848 ở lục địa, trong đó công nhân đóng một vai trò rất quan trọng và đưa ra, ít nhất là ở Pa-ri, những yêu sách hoàn toàn không thể chấp nhận được xét theo quan điểm của xã hội tư bản chủ nghĩa. Tiếp theo sau đó là thời kỳ phản động phổ biến. Trước hết là thất bại của phái Hiến chương ngày 10 tháng Tư 1848, rồi đến cuộc khởi nghĩa của công nhân Pa-ri cùng tháng Sáu năm ấy bị đè bẹp, tiếp đó là những thất bại năm 184[illegible] ở I-ta-li-a, ở Hung-ga-ri, ở miền Nam nước Đức, và cuối cùng l

Lu-i Bô-na-pác-tơ chiến thắng Pa-ri ngày 2 tháng Chạp 1851. Như vậy là những yêu sách của công nhân – con ngoáo ộp ấy – đã bị tránh né đi dù chỉ là trong một thời gian, nhưng với một giá đắt làm sao! Nếu như trước kia, nhà tư sản Anh tin chắc là phải duy trì người dân thường trong vòng cương tỏa của tôn giáo thì sau tất cả những kinh nghiệm ấy, nó lại càng phải cảm thấy sự cần thiết đó lớn biết bao! Không thèm để ý đến những lời chế nhạo của các ông bạn đồng nghiệp trên lục địa, từ năm này qua năm khác bọn tư sản Anh vẫn tiếp tục bỏ ra hàng ngàn hàng vạn để tuyên truyền kinh Phúc âm cho những đẳng cấp bên dưới. Chưa vừa lòng với bộ máy tôn giáo của chính mình, hắn còn cầu cứu đến người "anh em Giô-na-tan", người tổ chức vĩ đại của các hội tôn giáo hồi bấy giờ, và hắn đã nhập khẩu từ nước Mỹ phong trào phục hưng đạo Cơ Đốc[315] của Mu-đi và Xan-ky v.v.; cuối cùng, hắn nhận sự giúp đỡ nguy hiểm của "Đạo quân cứu thế" là đạo quân làm sống lại phương pháp tuyên truyền của đạo Cơ Đốc sơ kỳ, hướng về những người nghèo với tư cách là những người được Chúa chọn, đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản theo cách thức tôn giáo của nó và như vậy là phát triển một vài yếu tố của cuộc đấu tranh giai cấp Cơ Đốc giáo sơ kỳ, những yếu tố này một ngày kia có thể trở nên rất tai hại cho bọn người giàu có hiện đang bỏ tiền mặt ra cho việc đó.

Hình như một quy luật của sự phát triển lịch sử là không có một nước nào ở châu Âu mà giai cấp tư sản lại có thể đạt được quyền lực chính trị – ít nhất là trong một thời gian khá dài – một cách độc tôn như bọn quý tộc phong kiến trong thời trung cổ. Ngay cả ở Pháp, nơi mà chế độ phong kiến đã hoàn toàn bị trốc tận rễ, giai cấp tư sản với tư cách là toàn thể một giai cấp, cũng chỉ nắm giữ được quyền thống trị trong những khoảng thời

gian ngắn. Trong triều đại Lu-i Phi-líp từ năm 1830 đến năm 1848, chỉ một bộ phận rất nhỏ của giai cấp tư sản là nắm quyền thống trị, còn bộ phận đông hơn nhiều thì bị tước mất quyền dầu phiếu vì điều kiện bầu cử cao. Dưới nền Cộng hòa thứ hai, 1848 – 1851, toàn thể giai cấp tư sản đã nắm quyền thống trị nhưng chỉ trong ba năm thôi; sự bất lực của nó đã mở đường cho Đế chế thứ hai. Chỉ giờ đây, dưới nền Cộng hòa thứ ba, thì giai cấp tư sản với tư cách là một toàn bộ mới giữ được quyền hành trong suốt 20 năm tròn, nhưng ngay hiện nay nó cũng đã bộc lộ những dấu hiệu đáng mừng là đang suy sụp. Cho đến nay một sự thống trị lâu dài của giai cấp tư sản chỉ có thể có được trong những nước như nước Mỹ, ở đó chưa bao giờ có chế độ phong kiến và ngay từ đầu xã hội đã được thiết lập trên cơ sở tư sản. Nhưng ngay cả ở Pháp và ở Mỹ những người thừa kế giai cấp tư sản, tức là công nhân, cũng đang gõ cửa ầm lên rồi.

Ở Anh, giai cấp tư sản chưa bao giờ thống trị một cách độc tôn cả. Ngay cả thắng lợi năm 1832 cũng để cho bọn quý tộc nắm hầu hết mọi chức vụ cao trong chính phủ. Tôi đã không hiểu được sự ngoan ngoãn của giai cấp trung đẳng giàu có trước tình hình ấy, cho đến một ngày kia, một chủ xưởng lớn thuộc phái tự do, ông U.E. Pho-xtơ, đọc một bài diễn văn trong đó ông ta khẩn khoản yêu cầu những thanh niên ở Brát-phoóc học tiếng Pháp để tiến thân và đồng thời kể lại rằng sau khi làm bộ trưởng, ông ta đã có lần tỏ ra ngốc nghếch như thế nào khi bị đặt vào trong một xã hội mà tiếng Pháp ít nhất cũng cần như tiếng Anh! Thật vậy, những nhà tư sản Anh hồi đó thường là những bọn mới phất hoàn toàn không có học thức, họ muốn hay không muốn cũng đều phải trao cho bọn quý tộc những địa vị cao trong chính phủ, ở những địa vị này người ta cần có những đức tính khác,

ngoài tính hẹp hòi và tính kiêu căng của kẻ ở ngoài đảo cộng thêm tính xảo quyệt của con buôn[1]. Ngay cả hiện nay nữa, những cuộc cãi vã không dứt của báo chí về một nền giáo dục của giai cấp tư sản [middle - class education] cũng chứng tỏ rằng giai cấp trung đẳng Anh vẫn tự coi mình chưa được chuẩn bị đầy đủ để tiếp thu một nền giáo dục tốt hơn và đang tìm kiếm cho mình một cái gì khiêm tốn hơn. Do đó, dĩ nhiên là cả sau khi đã xóa bỏ những đạo luật về ngũ cốc, những kẻ đã chiến thắng – những

---

1) Và ngay cả trong công việc buôn bán, tính kiêu căng của chủ nghĩa sô-vanh dân tộc cũng là một cố vấn rất tồi. Cho đến tận gần đây, gã chủ xưởng tầm thường người Anh cho rằng nói một ngôn ngữ khác ngôn ngữ của mình là sỉ nhục đối với một người Anh, và trên một mức độ nào đó hắn lấy làm tự hào rằng những người ngoại quốc "đáng thương" đã đến cư trú ở Anh và đã giải thoát cho hắn khỏi phải lo toan đưa những sản phẩm của hắn ra nước ngoài. Hắn không hề chú ý rằng những người ngoại quốc ấy, phần đông là người Đức, nhờ thế mà nắm được phần lớn ngoại thương của nước Anh, – nhập khẩu cũng như xuất khẩu, – rằng ngoại thương trực tiếp của người Anh dần dần đã bị giới hạn trong phạm vi các thuộc địa, Trung Quốc, nước Mỹ và Nam Mỹ. Hắn càng không nhận thấy rằng những người Đức đó buôn bán với các người Đức khác ở ngoại quốc, những người này đang dần dần tổ chức cả một mạng lưới của đàn thương nghiệp trên khắp thế giới. Nhưng cách đây khoảng 40 năm, khi nước Đức bắt đầu sản xuất thực sự để xuất khẩu thì mạng lưới đó là một công cụ phục vụ tuyệt vời cho nước này trong sự chuyển hóa của nó, trong một thời gian rất ngắn như thế, từ một nước xuất khẩu ngũ cốc thành một nước công nghiệp hạng nhất. Và cuối cùng, cách đây khoảng 10 năm, người chủ xưởng Anh sinh ra sợ hãi và hỏi đại sứ và lãnh sự của mình rằng làm thế nào mà anh ta lại không thể giữ được khách hàng của mình được nữa. Câu trả lời nhất trí là như sau: 1) anh không học tiếng của họ, trái lại anh đòi họ phải học tiếng của anh và 2) anh không hề cố thỏa mãn nhu cầu, tập quán và khẩu vị của khách hàng của anh mà anh lại đòi hỏi họ phải thừa nhận nhu cầu, tập quán và khẩu vị của người Anh.

Cốp-đen, Brai-tơ, những Pho-xtơ v.v.. – vẫn hoàn toàn bị gạt ra ngoài mọi sự tham gia vào việc chính thức quản lý đất nước, cho đến khi, 20 năm sau, một đạo luật mới về cải cách quốc hội[316] cuối cùng đã mở cửa cho họ vào nội các. Thật vậy, cho đến nay giai cấp tư sản Anh cũng vẫn cảm thấy hết sức sâu sắc sự thấp kém của mình về mặt xã hội, đến nỗi họ bỏ tiền túi và tiền của nhân dân ra nuôi dưỡng một đẳng cấp làm trang trí gồm bọn ăn không ngồi rồi để đại diện một cách xứng đáng cho dân tộc trong mọi trường hợp long trọng, và họ tự coi mình có một vinh dự hết sức lớn khi có một người nào đó trong bọn họ được thừa nhận là xứng đáng được gia nhập vào cái đoàn thể đặc biệt, cuối cùng là do giai cấp tư sản tạo ra ấy.

Như vậy là giai cấp trung đẳng công nghiệp và thương nghiệp vẫn chưa kịp loại hẳn bọn quý tộc địa chủ ra khỏi chính quyền thì một địch thủ mới, giai cấp công nhân, đã xuất hiện trên vũ đài. Thời kỳ phản động sau phong trào Hiến chương và những cuộc cách mạng trên lục địa, cũng như sự phát triển chưa từng thấy của công nghiệp Anh từ năm 1848 đến năm 1866 (sự phát triển này người ta thường gán cho tự do mậu dịch, nhưng thật ra trên một mức độ lớn hơn nhiều là nhờ có sự phát triển đồ sộ của đường sắt, của các tàu thủy vượt đại dương chạy bằng hơi nước và nói chung là của các phương tiện giao thông) một lần nữa lại bắt công nhân phải phụ thuộc vào phái tự do mà trong đó, trong những thời kỳ trước phong trào Hiến chương, công nhân đã hình thành cánh cấp tiến của phái đó. Nhưng dần dần những yêu sách của công nhân về quyền bầu cử đã trở nên không thể bác bỏ được. Trong khi những lãnh tụ của phái tự do thuộc đảng Vích vẫn còn hoảng sợ, thì Đi-xra-e-li đã tỏ rõ ưu thế của mình; hối thúc đảng To-ri lợi dụng thời cơ thuận lợi, ông ta đã áp dụng quyền đầu phiếu của những người thuê nhà

ở [household suffrage][1*] trong các khu bầu cử ở thành thị và đồng thời sửa lại các khu bầu cử. Rồi ít lâu sau đó đến việc bỏ phiếu kín; và năm 1884, quyền đầu phiếu của những người thuê nhà được mở rộng ra tất cả các khu bầu cử kể cả các khu bầu cử của quận, và việc phân chia lại các khu bầu cử khiến cho trên một mức độ nào đó chúng đều suýt soát bằng nhau[317]. Tất cả những biện pháp đó làm tăng rất nhiều thế lực của giai cấp công nhân trong các cuộc bầu cử, tới mức là hiện nay trong từ 150 đến 200 khu bầu cử, công nhân hợp thành đa số cử tri. Nhưng không một trường học nào dạy tôn trọng truyền thống tốt hơn là chế độ đại nghị! Nếu giai cấp trung đẳng nhìn một cách sùng kính và tôn trọng cái nhóm mà huân tước Giôn Man-nốc-xơ gọi đùa là "tầng lớp quý tộc cũ của chúng ta" thì quần chúng công nhân hồi bấy giờ cũng nhìn một cách kính cẩn và nể vì cái hồi bấy giờ gọi là "giai cấp ưu tú", tức giai cấp tư sản. Và quả vậy, khoảng 15 năm trước đây, người công nhân Anh là người công nhân kiểu mẫu, thái độ đầy kính trọng của họ đối với địa vị của người chủ của họ, sự tự kiềm chế và ngoan ngoãn của họ trong việc đòi hỏi những quyền lợi cho mình, đã làm giảm nhẹ vết thương mà những khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa và cách mạng không thể cứu chữa được của những công nhân ở nước Đức đã gây ra cho những nhà kinh tế học Đức của chúng ta thuộc trường phái *chủ nghĩa xã hội giảng đàn*[318].

Nhưng giai cấp trung đẳng Anh là những nhà kinh doanh giỏi và nhìn xa hơn những giáo sư Đức. Họ chỉ miễn cưỡng chia sẻ quyền hành với giai cấp công nhân thôi. Trong thời kỳ phong trào Hiến chương, họ đã hiểu ràng đứa puer robustus sed

1* Trong bản tiếng Đức, sau những chữ "những người thuê nhà ở" còn có thêm những chữ: "(mà từng người thuê một chỗ ở riêng biệt đều được hưởng)".

malitiosus đó, tức là nhân dân, có thể làm được những gì rồi. Từ đó trở đi, họ bắt buộc phải nhận phần lớn những yêu cầu trong Hiến chương của nhân dân và biến chúng thành luật pháp của đất nước. Bây giờ, hơn bao giờ hết, phải kiềm chế nhân dân bằng phương tiện tinh thần. Nhưng phương tiện tinh thần trước tiên và quan trọng nhất mà người ta dùng để tác động đến quần chúng vẫn là tôn giáo. Vì vậy, đa số những mục sư đều có chân trong các ban quản trị nhà trường, vì vậy giai cấp tư sản ngày càng tăng cường đóng góp cho tất cả mọi loại phong trào phục hưng đạo Cơ Đốc[1*] từ phong trào nghi thức[319] đến "Đạo quân cứu thế".

Và giờ đây giới đáng kính ở Anh[2*] đã thấy sự tự do tư tưởng và thái độ bàng quan về mặt tôn giáo của nhà tư sản ở lục địa. Công nhân Pháp và Đức đã trở thành những người nổi loạn. Họ đã hoàn toàn nhiễm phải chủ nghĩa xã hội và đồng thời, vì nhiều lý do rất chính đáng, họ hoàn toàn không quan tâm lắm đến tính chất hợp pháp của thủ đoạn dùng để giành lấy chính quyền. Puer robustus quả thật ngày càng trở nên malitiosus hơn. Đối với những nhà tư sản Pháp và Đức, còn lại cái gì ngoài thủ đoạn cuối cùng là ngắm vứt bỏ sự tự do tư tưởng của họ, hoàn toàn giống như một cậu bé cảm thấy mình bị say sóng ngày càng nhiều, liền quẳng xuống biển điếu xì-gà đang cháy dở mà trước đó hắn vênh vang hút trên boong. Kẻ nọ nối tiếp người kia, những kẻ báng bổ thần thánh bắt đầu khoác vẻ ngoan đạo, nói một cách kính cẩn đến giáo hội, đến giáo lý và nghi lễ của giáo

1* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "cho tất cả mọi loại phong trào phục hưng đạo Cơ Đốc" là những chữ "để sử dụng mọi phương sách mị dân sùng đạo".

2* Trong bản tiếng Đức, thay cho những chữ "giới đáng kính ở Anh" là những chữ "bọn phi-li-xtanh đáng kính ở Anh".

hội, và thậm chí còn bắt đầu tuân theo những nghi lễ đó vì không thể nào bỏ qua chúng được. Nhà tư sản Pháp maigre[1*] ngày thứ sáu và nhà tư sản Đức thì ngày chủ nhật kiên nhẫn ngồi ghế nhà thờ để nghe những lời giảng đạo dài vô tận của giáo sĩ Tin lành. Họ gặp tai họa với chủ nghĩa duy vật của họ. "Die Religion muss dem Volk erhalten werden" – "Phải duy trì tôn giáo cho nhân dân", – đó là phương tiện cuối cùng và duy nhất để cứu xã hội khỏi nạn diệt vong hoàn toàn. Khốn thay cho bản thân họ, họ chỉ mới phát hiện ra điều đó sau khi đã cố gắng hết sức để vĩnh viễn hủy diệt tôn giáo. Và bây giờ là lúc mà nhà tư sản Anh, đến lượt mình, có thể chế giễu họ và thét vào mặt họ: "Đồ ngu, điều đó, tôi đã có thể bảo các anh cách đây hai thế kỷ rồi kia!"

Tuy vậy, tôi e rằng cả sự ngu ngốc về mặt tôn giáo của nhà tư sản Anh, lẫn việc nhà tư sản lục địa post festum[2*] quay trở về với tôn giáo, cũng không thể ngăn chặn được con nước thủy triều vô sản đang dâng lên. Truyền thống là một lực lượng kìm hãm to lớn, nó là vis inertiae[3*] của lịch sử; nhưng nó chỉ thuần túy có tính chất thụ động và vì vậy mà chắc chắn sẽ bị đánh tan. Ngay cả tôn giáo cũng hoàn toàn không phải là một thành trì bảo vệ lâu dài cho xã hội tư bản chủ nghĩa. Nếu những quan niệm của chúng ta về pháp luật, triết học và tôn giáo là những con cháu gần hoặc xa của những quan hệ kinh tế đang thống trị trong một xã hội nhất định, thì những quan niệm đó cũng không thể đứng vững lâu dài được một khi mà những quan hệ kinh tế đã thay đổi một cách căn bản. Hoặc giả là chúng ta phải tin tưởng vào một sự mặc khải siêu nhiên, hoặc giả là chúng ta

1* – ăn chay

2* – nghĩa đen: sau ngày hội; tức là muộn màng, chậm trễ.

3* – sức ỳ

phải đồng ý rằng không có một giáo lý nào lại có thể đủ sức cứu vãn được một xã hội đang diệt vong.

Và thật vậy, ngay cả ở Anh giai cấp công nhân Anh cũng bắt đầu chuyển động. Chắc chắn là nó bị đủ các loại truyền thống trói buộc. Những truyền thống tư sản – ví dụ như điều mê tín được truyền bá hết sức rộng rãi cho rằng dường như chỉ có thể có hai đảng, Đảng bảo thủ và Đảng tự do và dường như giai cấp công nhân phải nhờ có Đảng tự do lớn thì mới tự giải phóng được. Những truyền thống công nhân thừa hưởng của thời kỳ có những mưu toan mò mẫm đầu tiên của họ muốn hành động độc lập của giai cấp công nhân – như việc đuổi tất cả những công nhân không qua một thời gian học nghề đều đẩn ra khỏi rất nhiều tổ chức công liên cũ; điều đó chỉ có nghĩa là mỗi một tổ chức công liên ấy đều tạo ra cho mình những kẻ phá đình công của chính mình. Nhưng bất chấp tất cả những điều đó, giai cấp công nhân Anh vẫn tiến lên như bản thân ngài giáo sư Bren-ta-nô[329] đã buộc phải buồn rầu báo cáo lại việc đó cho các đồng bạn theo chủ nghĩa xã hội hội giảng đàn của ông ta. Giai cấp công nhân tiến lên – như tất cả mọi việc ở Anh – bằng những bước chậm chạp khoan thai, lúc thì do dự, lúc thì có những mưu toan mò mẫm đôi khi không thành công; ở một số nơi, nó tiến lên với một sự nghi ngờ quá thận trọng đối với cái tên gọi "chủ nghĩa xã hội", trong khi vẫn dần dần hấp thụ thực chất của chủ nghĩa đó; nó tiến lên và sự vận động lan ra hết tầng lớp công nhân này đến tầng lớp công nhân khác. Giờ đây sự vận động đó đã thức tỉnh những công nhân không chuyên nghiệp ở khu I-xtơ – En-đơ Luân Đôn khỏi tình trạng hôn mê, và tất cả chúng ta đã thấy rằng những lực lượng mới ấy đến lượt nó đã thúc đẩy giai cấp công nhân một cách tuyệt vời như thế nào. Và nếu tiến trình của sự vận động ấy không đi kịp với sự thiếu kiên nhẫn của một số người thì họ cũng không nên quên rằng chính giai cấp công nhân đang gìn giữ những mặt tốt đẹp nhất của tính dân tộc Anh và mỗi một bước tiến lên đã giành được ở Anh sẽ không bao giờ mất trở lại nữa. Nếu vì những lý do nói trên mà những người con của phái Hiến chương cũ không phải hoàn toàn là những người mà chúng ta có thể trông đợi, thì rõ ràng là những người cháu sẽ xứng đáng với những người ông của chúng.

Nhưng thắng lợi của giai cấp công nhân châu Âu không phải chỉ phụ thuộc vào riêng nước Anh. Nó sẽ chỉ có thể được đảm bảo nhờ sự hiệp đồng ít nhất là của Anh, Pháp và Đức. Trong hai nước nói sau, phong trào công nhân đã vượt phong trào ở Anh rất nhiều. Ở Đức, thậm chí còn có thể tính được thời gian phong trào công nhân sẽ thắng lợi. Sự tiến bộ mà nó đã đạt được trong 25 năm gần đây ở nước này là có một không hai. Nó tiến lên với một tốc độ ngày càng nhanh hơn. Nếu giai cấp tư sản Đức đã tỏ ra thiếu một cách thảm hại về năng lực chính trị, kỷ luật, can đảm, nghị lực, thì giai cấp công nhân Đức lại tỏ ra có tất cả những đức tính ấy với một mức khá phong phú. Cách đây gần bốn trăm năm, nước Đức là điểm xuất phát của cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên của giai cấp trung đẳng châu Âu; xét theo tình hình hiện nay của sự vật, lẽ nào nước Đức lại không còn có thể là vũ đài của thắng lợi vĩ đại đầu tiên của giai cấp vô sản châu Âu nữa hay sao?

Ngày 20 tháng Tư 1892

Ph. Ăng-ghen

Đã in trong cuốn: Frederick Engels. "Socialism Utopian and Scientific". London. 1892, và bản dịch của tác giả ra tiếng Đức có rút gọn một đôi chỗ đã được đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit". Bd. 1, số 1 và số 2. 1892 – 1893

In theo bản in trong cuốn sách, có đối chiếu với bản dịch tiếng Đức
Nguyên văn là tiếng Anh

GỬI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA ĐẢNG ÁO

Luân Đôn, ngày 31 tháng Năm 1892

Các đồng chí kính mến!

Tôi xin cảm ơn các đồng chí đã có nhã ý mời tôi đến dự đại hội đảng đã hai lần bị cấm mà bây giờ tôi hy vọng sẽ họp được[321]. Và tuy tôi không có khả năng đến dự các phiên họp của các đồng chí với tư cách khách mời, nhưng tôi vui mừng nhân cơ hội này chuyển đến các đồng chí Áo dự đại hội lời chào của tôi và bầy tỏ mối thiện cảm hết sức nồng nhiệt của tôi. Chúng ta ở đây được hưởng sự tự do tổ chức phong trào mà trên lục địa không đâu có, dĩ nhiên chúng ta có thể đánh giá một cách xứng đáng một sự thực là công nhân Áo, mặc dù có vô vàn trở ngại gây khó khăn cho phong trào của họ, đã giành được cho mình một địa vị vẻ vang mà bây giờ họ đang nắm giữ. Và tôi có thể cam đoan với các đồng chí rằng cả ở đây, trên quê hương của nền công nghiệp lớn, sự nghiệp của công nhân đang tiến tới, và lại nói chung hiện tượng tuyệt vời nhất và đáng mừng nhất trong thời buổi chúng ta là dù chúng ta nhìn vào đâu đi nữa,

thì đâu đâu phong trào công nhân đều phát triển không gì ngăn cản nổi.

Người bạn già của các đồng chí

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" số 24, ngày 10 tháng Sáu 1892

In theo bản đăng trên báo có đối chiếu với bản thảo Nguyên văn là tiếng Đức

Nr. 138. 9. Jahrg.

Vorwärts

Berliner Volksblatt.

Zentralorgan der sozialdemokratischen Partei Deutschlands.

Redaktion: SW. 19, Beuth-Straße 2. | Sonntag, den 3. Juli 1892. | Expedition: SW. 19, Beuth-Straße 3.

CÁC SOÓC-LEM-MƠ[322]

Không chỉ người làm khoa học tất cả các nước, mà cả giới dân chủ - xã hội Đức đều đau buồn trước ngôi mộ đắp hôm nay tại nghĩa trang phía nam thành phố ở Man-se-xtơ. Nhà hóa học cỡ lớn yên nghỉ ở đây là một người cộng sản ngay từ trước khi Lát-xan hoạt động ở Đức; không hề giấu giếm chính kiến của mình, cho đến tận lúc từ trần, ông là đảng viên tích cực của Đảng dân chủ – xã hội Đức và đóng đảng phí đều đặn.

Các Soóc-lem-mơ sinh ngày 30 tháng Chín 1834 ở Đác-mơ-stát; ông học ở trường trung học tại thành phố quê hương rồi học hóa học ở Hít-xen và Hai-đen-béc. Học xong, năm 1858 ông sang Anh, nơi mà lúc bấy giờ các nhà hóa học tài năng thuộc trường phái Li-bích có khả năng rộng lớn để thăng tiến. Trong khi đa số đồng nghiệp trẻ của ông hướng vào lĩnh vực công nghiệp thì ông vẫn chung thủy với khoa học; lúc đầu ông làm trợ lý cho nhà hóa học tư nhân An-guýt Xmít, rồi cho Rô-xcô, người mà trước đó không lâu được bổ nhiệm làm giáo sư hóa học trường đại học Ô-oen-xơ vừa mới lập[323]. Năm 1861 Soóc-lem-mơ – trước

đó là trợ lý riêng của Rô-xcô – nhận được chức vụ trợ lý trong biên chế ở phòng thí nghiệm của trường đại học Ô-oen-xơ.

Trong những năm sáu mươi, ông có những phát minh trong lĩnh vực hóa học đánh dấu thời đại trong ngành khoa học này. Rốt cuộc, hóa học hữu cơ đã phát triển lên đến mức từ chỗ là một sự tích góp những tư liệu rời rạc, ít nhiều không hoàn thiện về thành phần các thể hữu cơ, nó đã có thể trở thành một môn khoa học thực sự. Soóc-lem-mơ đã chọn đối tượng nghiên cứu của mình là những thể hữu cơ đơn giản nhất, ông tin chắc rằng chính ở đây là nơi cần phải gây dựng cơ sở cho một môn khoa học mới, cụ thể là nghiên cứu những vật thể lúc đầu chỉ gồm các-bon và hy-đrô, nhưng nếu thay một phần hy-đrô của chúng bằng những chất khác, đơn giản hoặc phức tạp, thì chúng chuyển hóa thành những vật thể hoàn toàn khác với những đặc tính hết sức nhiều hình nhiều vẻ; đó là những pa-ra-phin, trong số đó những pa-ra-phin được biết nhiều hơn chứa đựng trong dầu mỏ và từ chúng người ta chế ra cồn, a-xít béo, ê-te v.v.. Bây giờ chúng ta biết được những pa-ra-phin ấy chủ yếu là nhờ Soóc-lem-mơ. Ông đã nghiên cứu những chất liệu hiện hữu thuộc dãy pa-ra-phin, đã tách những pa-ra-phin này khỏi những pa-ra-phin khác và lần đầu tiên từ những pa-ra-phin này ông chế ra được nhiều chất dưới dạng nguyên chất; những chất khác mà theo lý thuyết thì ắt phải có nhưng trong thực tế thì chưa biết tới, cũng đã được ông phát hiện và chế ra. Và như vậy, ông đã trở thành một trong những nhà sáng lập môn hóa học hữu cơ khoa học hiện đại.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu chuyên môn ấy của mình, ông cũng nghiên cứu rất nhiều cái gọi là hóa học lý thuyết, nghĩa là những quy luật cơ bản của khoa học này, và mối liên hệ tồn tại giữa nó với các khoa học kế cận, tức là vật lý học và sinh lý học. Và trong lĩnh vực này, ông đã tỏ rõ năng khiếu đặc biệt. Có lẽ ông là nhà khoa học tự nhiên nổi tiếng duy nhất đương thời không bỏ qua việc nghiên cứu Hê-ghen lúc đó bị nhiều

người khinh bỉ nhưng được ông đánh giá cao. Và hoàn toàn chính đáng. Người nào muốn đạt được cái gì đó trong lĩnh vực khoa học tự nhiên lý thuyết, khoa học tự nhiên đại cương thì người đó phải coi các hiện tượng của giới tự nhiên không phải là những đại lượng bất biến, như đa số nhà nghiên cứu quan niệm, mà là những đại lượng khả biến, không cố định. Mà điều này ngay cả bây giờ cũng dễ dàng học tập được ở Hê-ghen.

Khi tôi làm quen với Soóc-lem-mơ vào đầu những năm sáu mươi – Mác và tôi trong một thời gian ngắn đã kết thân với ông – ông thường đến nhà tôi với những vết bầm máu và sẹo trên mặt. Vì rằng với pa-ra-phin thì không đùa được đâu; những chất ấy, phần lớn chưa được biết đến, lần nào cũng nổ trên tay ông, và như vậy ông nhận được không ít thương tích vẻ vang. Chỉ có nhờ đôi kính của mình mà ông không bị mù.

Lúc bấy giờ ông đã là một người cộng sản thực thụ, chỉ còn có việc tiếp nhận từ chúng tôi sự luận chứng kinh tế cho những niềm tin mà ông đã lĩnh hội từ lâu... Sau đó, khi đã tìm hiểu qua chúng tôi những thành tựu của phong trào công nhân ở nhiều nước, ông luôn luôn và rất quan tâm theo dõi phong trào đó, đặc biệt là phong trào ở Đức, từ khi nó đã vượt qua được giai đoạn đầu, thuần túy theo khuynh hướng Lát-xan. Vào cuối năm 1860 khi tôi sang Luân Đôn, việc trao đổi thư từ sôi nổi giữa chúng tôi vẫn như trước phần lớn xoay quanh khoa học tự nhiên và công việc của đảng.

Trước đó, mặc dù đã nổi tiếng trên thế giới được mọi người thừa nhận, Soóc-lem-mơ vẫn ở Man-se-xtơ, giữ một vị trí rất khiêm tốn. Nhưng sau đó công việc đi theo cách khác. Năm 1871, ông được đề cử làm thành viên Hội hoàng gia, viện sĩ viện hàn lâm khoa học Anh; và ông – điều này dăm thì mười họa mới có-đã được bầu ngay lập tức; năm 1874, trường đại học Ô-oen-xơ rốt cuộc đã lập riêng cho ông một chức danh giáo sư mới là giáo sư hóa học hữu cơ, và tiếp theo đó trường đại học tổng hợp ở Gla-xgô đã bầu ông làm tiến sĩ danh dự của trường. Nhưng những vinh dự bề ngoài đó không làm ông thay đổi chút nào. Đó là con người khiêm tốn nhất trên thế giới chính vì sự khiêm tốn của ông dựa trên việc ông hiểu đúng ý nghĩa của bản thân mình. Và chính vì lẽ đó mà ông tiếp nhận những biểu hiện tôn kính ấy là điều dương nhiên và vì thế ông tiếp nhận chúng một cách khá lạnh nhạt.

Ông thường xuyên nghỉ phép ở Luân Đôn, ở nhà Mác và ở chỗ tôi, trừ lúc ông đi phép ở Đức. Mới cách đây bốn năm, ông đi cùng tôi trong thời gian "tham quan" ở Mỹ[324]. Nhưng ngay hồi ấy ông cũng không được khỏe. Năm 1890 chúng tôi còn có thể đến Na Uy, đến Noóc-cáp, nhưng năm 1891, ngay buổi đầu cuộc du lịch chung của chúng tôi[325], sức khỏe của ông đã suy sụp, và đó là lần cuối cùng ông đến Luân Đôn. Từ tháng Hai 1892, ông hầu như không ra khỏi nhà được nữa, và từ tháng Năm ông nằm liệt giường; ông mất ngày 27 tháng Sáu vì ung thư phổi.

Con người của khoa học này cũng chịu tác động của đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa. Cách đây sáu hoặc bảy năm ông đi từ Thuy Sĩ sang Đác-mơ-stát. Lúc ấy ở đâu đó cảnh sát vớ được chiếc hòm đựng báo "Sozialdemokrat" xuất bản ở Xuy-rích. Vậy ai có thể vận chuyển món hàng lậu ấy nếu không phải là ông giáo sư dân chủ–xã hội? Vì rằng theo khái niệm cảnh sát thì nhà hóa học nói chung là kẻ buôn lậu được giáo dục một cách khoa học. Nói ngắn gọn, cảnh sát đã lục soát nhà mẹ ông, nhà anh em ông; nhưng giáo sư thì ở Huê-xtơ. Cảnh sát lập tức gửi điện tín đi; đã sục sạo cả ở đấy, nhưng đồng thời đã tìm được cái hoàn toàn bất ngờ, đó là hộ chiếu Anh. Vấn đề là sau khi ở Đức ban hành đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, Soóc-lem-mơ nhập quốc tịch Anh. Trước hộ chiếu Anh ấy, cảnh sát đành chịu thua: dù sao cũng phải tránh những sự rắc rối ngoại giao với nước Anh. Toàn bộ sự việc kết thúc bằng một

vụ rắc rối lớn ở Đác-mơ-stát, kết quả là trong cuộc bầu cử tới chúng ta đã giành được ít ra là 500 phiếu nữa.

Thay mặt Ban chấp hành đảng, tôi đã đặt lên mộ người bạn chung thủy và người đồng chí trong đảng một vòng hoa với băng đỏ và dòng chữ: "From the Executive of the Social-Democratic Party of Germany"[1*].

Luân Đôn, ngày 1 tháng Bảy 1892

Đã đăng trong phụ trương báo "Vorwärts" số 153, ngày 3 tháng Bảy 1892
Ký tên: P h r i - đ r i c h Ă n g - g h e n

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* - "Ban chấp hành Đảng dân chủ — xã hội Đức kính viếng"

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI BẰNG TIẾNG ĐỨC NĂM 1892 TÁC PHẨM "TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH"[326]

Cuốn sách mà lần xuất bản này lại giới thiệu với độc giả người Đức, đã được xuất bản lần đầu vào mùa hè nam 1845. Cả về mặt ưu điểm, lẫn về mặt khuyết điểm, nó đều mang dấu vết của thời niên thiếu của tác giả. Lúc ấy tôi mới hai mươi bốn tuổi; ngày nay, tuổi tôi đã gấp ba, song khi đọc lại tác phẩm thời niên thiếu của mình, tôi thấy mình không có gì đáng hổ thẹn. Vì vậy, tôi không hề nghĩ đến xóa bỏ những dấu ấn ấy của tác phẩm thời niên thiếu. Tôi lại đưa ra cho độc giả tác phẩm ấy, y nguyên như trước, không sửa chữa gì. Tôi chỉ trình bày lại, cho chính xác hơn, một vài đoạn chưa thật rõ nghĩa và đây đó, có thêm vào cuối trang một vài lời chú thích nhỏ có ghi năm chú thích là năm nay (1892).

Về số phận của cuốn sách này, tôi sẽ chỉ nói rằng năm 1887 ở Niu-Oóc đã xuất bản bản dịch ra tiếng Anh (của bà Phlo-ren-xơ

thiết mà phải bỏ ngỏ trong hai tập đầu của tác phẩm, thì ở đây được giải quyết.

Viết khoảng ngày 9 tháng Giêng 1894
Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd. I, số 16, 1893-1894 và báo "Arbeiter - Zeitung" số 8, ngày 26 tháng Giêng 1894
Ký tên: Ph.Ă.

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

CUỘC CÁCH MẠNG TƯƠNG LAI Ở I-TA-LI-A VÀ ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA[458]

Theo quan điểm của tôi thì tình hình ở I-ta-li-a là như sau:

Giai cấp tư sản lên nắm chính quyền trong và sau cuộc giải phóng dân tộc đã không biết và cũng không muốn hoàn thiện chiến thắng của mình. Giai cấp tư sản đã không xóa bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến, bằng cách cải tổ nền sản xuất quốc dân theo mẫu mực tư sản hiện đại. Không có khả năng đem lại cho đất nước những ưu thế tương đối và tạm thời của chế độ tư bản, giai cấp tư sản đã chồng chất lên đất nước tất cả mọi gánh nặng và mọi nhược điểm của chế độ đó. Như thế vẫn chưa đủ, với những vụ gian lận bẩn thỉu về tài chính, nó đã để mất vĩnh viễn những tàn dư cuối cùng của lòng kính trọng và tin tưởng.

Nhân dân lao động, tức là nông dân, thợ thủ công, công nhân nông nghiệp và công nghiệp, bị đè nén nặng nề, một mặt bởi những hình thức áp bức từ xưa, di sản không chỉ của thời phong kiến, mà còn là của thời cổ (mezzadria[1*], những điền trang lớn ở miền Nam, nơi mà gia súc lấn át cả con người); mặt khác

1*- chế độ cấy rẽ

thị trường thế giới. Thị trường thế giới này bấy giờ bao gồm một số nước chủ yếu là nông nghiệp hoặc hoàn toàn là nông nghiệp, tập hợp chung quanh một trung tâm công nghiệp lớn là nước Anh. Nước Anh tiêu thụ phần lớn nguyên liệu thừa của các nước ấy và cung cấp cho họ phần lớn những sản phẩm công nghiệp mà họ cần đến. Vì vậy, không có gì là lạ khi thấy công nghiệp Anh có bước tiến bộ to lớn và phi thường đến nỗi trạng thái của nó năm 1844 đem so với ngày nay đã trở thành không đáng kể và hầu như cổ lỗ rồi.

Và bước tiến diễn ra chừng nào thì hình như trong nền công nghiệp công xưởng cũng xác định được chừng ấy những tiêu chuẩn đạo đức nào đấy. Cái lối chủ xưởng này cạnh tranh với chủ xưởng kia, bằng cách ăn cắp vặt của công nhân đã trở nên không còn ăn thua gì nữa. Thương nghiệp lớn đã vượt qua những thủ đoạn kiếm tiền nhỏ mọn ấy: người chủ xưởng triệu phú có nhiều việc đáng làm hơn là mất thì giờ vào những mánh khóe tủn mủn ấy. Những mánh khóe này chỉ thích hợp đối với những kẻ hám tiền phải nhặt nhạnh từng đồng xu, để khỏi phải chết vì cạnh tranh. Chính vì vậy mà ở các khu công nghiệp, chế độ trả công lao động bằng hàng hóa đã bị hủy bỏ; dự luật về ngày lao động mười giờ, cùng một loạt những cải cách nhỏ khác được thông qua – tất cả những biện pháp đó đều trực tiếp mâu thuẫn với tinh thần mậu dịch tự do và cạnh tranh điên cuồng, nhưng đồng thời hoàn toàn vì lợi ích của nhà tư bản kếch sù đang cạnh tranh với các bạn đồng nghiệp ít có thuận lợi hơn trong kinh doanh.

Không phải chỉ có thế. Quy mô của xí nghiệp càng lớn, số công nhân của nó càng đông thì mỗi cuộc xung đột với công nhân càng gây ra những thiệt hại và những trở ngại lớn hơn. Vì thế mà đã nảy sinh ra một tâm trạng mới trong các chủ xưởng, nhất là trong những chủ xưởng lớn nhất. Họ học cách tránh những cuộc xung đột không cần thiết, lặng lẽ thừa nhận sự tồn tại và sức mạnh của các hội công liên, rốt cuộc thậm chí còn phát hiện ra rằng các cuộc bãi công – nếu nổ ra đúng lúc – là một biện pháp có hiệu quả để thực hiện những ý định riêng của họ. Những chủ xưởng lớn nhất, trước kia đi tiên phong trong việc chống lại giai cấp công nhân, thì giờ đây lại là những người đầu tiên tuyên truyền hòa bình và hòa hợp. Và như vậy, là vì những lý do hết sức xác đáng.

Đó là vì thực ra, tất cả những sự nhượng bộ ấy đối với công lý và nhân ái chỉ là thủ đoạn để đẩy nhanh sự tập trung tư bản vào tay một vài người và để bóp chết những kẻ cạnh tranh nhỏ hơn, những kẻ không thể sống được nếu không có những món thu nhập thêm thắt như thế. Đối với một số người ấy, những hành vi cưỡng đoạt vụn vặt trước đây không những đã mất hết ý nghĩa mà còn trở thành trở ngại cho công việc kinh doanh quy mô lớn. Và như vậy là chỉ riêng sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, – ít ra là trong những ngành công nghiệp chủ đạo, vì đối với những ngành kém quan trọng thì điều này không hẳn là như vậy, – cũng đã đủ để loại trừ tất cả những tai họa vụn vặt trước đây đã làm cho thân phận người công nhân thêm khổ cực. Như vậy là ngày càng nổi bật lên điều cơ bản này là: phải tìm nguyên nhân nghèo khổ của giai cấp công nhân, không phải ở những sự ngược đãi nhỏ nhặt mà là *ở chính ngay bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa*. Người công nhân bán sức lao động của mình cho nhà tư bản để hàng ngày lấy một số tiền nào đó. Sau vài giờ làm việc, anh ta đã tái sản xuất ra giá trị của số tiền đó. Nhưng theo hợp đồng làm việc thì anh ta còn phải làm thêm một số giờ nữa mới hết ngày lao động. Cái giá trị mà anh ta sản xuất ra được trong những giờ lao động làm thêm đó là giá trị thặng dư, cái mà nhà tư bản không phải trả tiền, nhưng không phải vì thế mà hắn không bỏ túi. Đó là cơ sở của chế độ

đã làm cho xã hội văn minh càng ngày càng phân hóa: một phía là một vài tên Rốt-sin và Van-đơ-bin-tơ sở hữu tất cả mọi tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, và một phía khác là một khối đông đảo gồm những công nhân làm thuê không có gì, ngoài sức lao động của mình. Kết quả ấy không thể quy cho những sự ngược đãi thứ yếu này mà chỉ có thể quy cho bản thân chế độ mà thôi – ngày nay, thực tế đó đã được chính ngay sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh làm sáng tỏ rất rõ rệt.

Chưa phải là đã hết. Sự hoành hành của những bệnh dịch tả, bệnh thương hàn, bệnh đậu mùa và nhiều bệnh dịch khác đã khiến người tư sản Anh thấy là cần phải cấp bách cải thiện tình trạng vệ sinh ở những thành phố của họ, nếu họ không muốn cho bản thân và gia đình họ trở thành nạn nhân của những bệnh dịch ấy. Chính vì thế mà những tình trạng khác thường quá quắt nhất được miêu tả trong sách này, ngày nay hoặc đã được xóa bỏ hẳn, hoặc cũng đã được làm cho đỡ chướng mắt hơn. Hệ thống cống rãnh đã được xây dựng hoặc cải tiến; những đường phố rộng rãi đã được mở qua nhiều khu "nhà ổ chuột" tồi tệ nhất: khu "Tiểu Ai-rơ-len"đã biến mất, rồi đến lượt khu "Bảy mũi tên". Song như thế nghĩa là gì? Những khu phố trọn vẹn mà năm 1844 tôi còn có thể miêu tả một cách nên thơ, thì ngày nay, cùng với sự mở rộng của các thành phố, cũng đã rơi vào tình trạng đổ nát, không thể ở được và nghèo nàn như vậy. Thực ra thì chỉ không có lợn thả rông và những đống rác thôi. Giai cấp tư sản đã có thêm những tiến bộ trong nghệ thuật che giấu sự bất hạnh của giai cấp công nhân. Nhưng về vấn đề nhà ở của công nhân thì chưa có một tiến bộ đáng kể nào cả, như bản báo cáo của tiểu ban hoàng gia năm 1885, "Về nhà ở của những người nghèo", đã xác nhận đầy đủ. Về tất cả các mặt khác thì cũng vậy. Các mệnh lệnh của cảnh sát tung ra nhiều như cỏ dại, nhưng chỉ có thể hạn chế chứ không thể nào trừ bỏ được nỗi nghèo khổ của người lao động.

Nhưng nếu như nước Anh đã vượt qua thời niên thiếu của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa mà tôi đã miêu tả thì các nước khác lại chỉ mới bước vào thời ấy. Nước Pháp, nước Đức và nhất là nước Mỹ là những đối thủ đáng sợ, như tôi đã dự đoán từ năm 1844, càng ngày càng phá vỡ độc quyền công nghiệp của nước Anh. Nền công nghiệp của các nước ấy so với công nghiệp Anh thì còn non trẻ, nhưng nó lại phát triển nhanh chóng hơn nhiều và ngày nay đã suýt soát đạt tới mức độ phát triển của công nghiệp Anh năm 1844. Đối với Mỹ thì sự so sánh như vậy lại đặc biệt rõ rệt. Dương nhiên là khung cảnh bề ngoài của giai cấp công nhân Mỹ rất khác, nhưng vô luận ở đâu thì cũng vẫn những quy luật kinh tế như nhau đang chi phối, và những kết quả tuy không giống hệt nhau về tất cả các mặt, nhưng vẫn tất yếu thuộc cùng một loại. Chính vì thế mà ở Mỹ chúng ta cũng thấy có những cuộc đấu tranh như vậy để đòi thi hành ngày lao động ngắn hơn, đòi pháp luật quy định giờ lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em làm việc trong các xưởng máy; chúng ta cũng thấy rất thịnh hành chế độ trả công lao động bằng hàng hóa và chế độ cốt-ta-giơ ở các vùng nông thôn, là những chế độ được bọn "đốc công", – bọn tư bản và đại diện của chúng – sử dụng làm một phương tiện để thống trị công nhân. Năm 1886, khi tôi nhận được những báo chí Mỹ đăng tin về cuộc đình công lớn của công nhân mỏ Pen-xin-van, trong khu Côn-nen-xvin, tôi tưởng như đọc lại chính bài tôi mô tả cuộc nổi dậy của công nhân các mỏ than ở miền Bắc nước Anh năm 1844. Cũng vẫn thói ăn cắp của công nhân bằng cách cân sai, đo gian; cũng vẫn chế độ trả công lao động bằng hàng hóa, cũng vẫn âm mưu đập tan sự chống cự của thợ mỏ bằng thủ đoạn tột bực và áp đảo của nhà tư bản: đuổi công nhân ra khỏi những nhà ở thuộc về ban quản lý mỏ.

Trong bản in lần này cũng như trong những bản tiếng Anh,

tôi đều không có ý định làm cho quyển sách này phù hợp với tình hình hiện nay, nghĩa là kể ra tỉ mỉ những sự thay đổi đã diễn ra từ năm 1844. Và như thế là vì hai lý do: một là, làm như vậy thì cuốn sách sẽ phải dày gấp đôi; hai là, trong tập thứ nhất của bộ "Tư bản", Mác đã trình bày tỉ mỉ tình cảnh của giai cấp công nhân Anh vào khoảng năm 1865, tức là vào thời kỳ mà sự phồn vinh của công nghiệp Anh đã đạt đến điểm cao nhất của nó. Làm như vậy thì tôi phải nhắc lại những điều Mác đã nói rồi.

Cũng chẳng cần phải nhận xét rằng quan điểm lý luận chung của cuốn sách này – về mặt triết học, kinh tế và chính trị học – không phải là hoàn toàn phù hợp với quan điểm của tôi hiện nay. Vào năm 1844, còn chưa có chủ nghĩa xã hội quốc tế hiện đại, mà từ đó về sau, trước hết và hầu như chỉ có những nỗ lực của Mác mới làm cho phát triển đầy đủ thành một khoa học. Cuốn sách của tôi chỉ là một trong những giai đoạn của sự phát triển phôi thai của nó. Và cũng hệt như phôi thai của con người, trong giai đoạn phát triển đầu tiên, vẫn còn luôn luôn giữ lại bộ mang của tổ tiên mình là loài cá, quyển sách này luôn luôn bộc lộ rõ một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa xã hội hiện đại từ một trong những tổ tiên của nó: triết học cổ điển Đức. Vì thế cho nên trong sách, nhất là ở cuối sách, tôi đã nhấn mạnh nhiều vào ý kiến khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản không phải chỉ là một học thuyết của đảng của giai cấp công nhân, mà là một lý luận mà mục đích cuối cùng là giải phóng toàn thể xã hội, kể cả chính ngay các nhà tư bản, khỏi khuôn khổ chật hẹp của những quan hệ hiện nay. Theo ý nghĩa trừu tượng thì điều khẳng định đó là đúng, nhưng trong thực tiễn nhiều khi không những vô ích mà thậm chí còn xấu hơn thế nữa. Chừng nào mà các giai cấp có của không những còn chưa thấy được sự cần thiết phải được giải phóng, mà lại còn đem hết sức mình ra để chống lại việc giai cấp công nhân tự giải phóng mình thì chừng ấy giai cấp công

nhân còn buộc phải một mình chuẩn bị và thực hiện cuộc cách mạng xã hội. Các nhà tư sản Pháp năm 1789 cũng tuyên bố rằng giải phóng giai cấp tư sản là giải phóng toàn thể nhân loại; nhưng cả quý tộc lẫn giới tu hành đều không chịu thừa nhận điều đó, và sự khẳng định đó – dù rằng hồi đó đối với chủ nghĩa phong kiến, là một chân lý lịch sử trừu tượng không ai chối cãi được, – chẳng bao lâu đã thoái hóa thành một lời nói thuần túy tình cảm và hoàn toàn tan thành mây khói trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng. Ngay bây giờ đây, cũng còn có không ít người đứng trên quan điểm vô tư cao độ của họ mà tuyên truyền cho người lao động một thứ chủ nghĩa xã hội vượt lên trên mọi đối lập giai cấp và đấu tranh giai cấp. Những người ấy nếu không phải là những kẻ tập việc còn phải học tập nhiều thì là những kẻ thù độc ác nhất của công nhân, những con chó sói đội lốt cừu.

Trong sách này, chu kỳ của những cuộc khủng hoảng công nghiệp lớn được tính là năm năm. Kết luận đó về chu kỳ của nó hình như xuất phát từ tiến trình của các sự biến từ năm 1825 đến năm 1842. Song lịch sử công nghiệp từ năm 1842 đến năm 1868 đã chứng minh rằng thật ra chu kỳ đó là mười năm, rằng những cuộc khủng hoảng giữa thời gian đó chỉ có tính chất thứ yếu, và từ năm 1842, đã dần dần biến mất. Từ năm 1868, tình hình còn thay đổi nữa; dưới đây chúng ta sẽ bàn trở lại vấn đề này.

Tôi cũng không có ý định xóa bỏ nhiều lời tiên đoán trong sách này, nhất là lời tiên đoán về một cuộc cách mạng xã hội sắp xảy ra ở Anh, một lời tiên đoán mà tôi đưa ra do nhiệt tình của tuổi trẻ hồi đó. Tôi hoàn toàn không có ý tô điểm cho tác phẩm của tôi cũng như cho bản thân tôi, bằng những phẩm chất mà chúng tôi đều không có. Điều lạ lùng không phải là ở chỗ có nhiều điều tiên đoán đã không đúng, mà là ở chỗ có nhiều điều tiên đoán đã đúng và tình hình nguy kịch của nền công

nghiệp Anh, – do sự cạnh tranh của các nước lục địa, nhất là của nước Mỹ, – mà hồi đó tôi đã tiên đoán là sẽ xảy ra gần hơn nhiều, thì bây giờ thực tế đã xảy ra. Về điểm này tôi có nhiệm vụ làm cho cuốn sách phù hợp với tình hình hiện tại ở nước Anh, nhằm mục đích đó, tôi sao lại ở đây một bài báo của tôi viết bằng tiếng Anh, đăng trên tờ tạp chí Luân Đôn "Commonweal", ngày 1 tháng Ba 1885 và bằng tiếng Đức trên tờ "Neue Zeit" tháng Sáu cùng năm (số 6).

"Cách đây 40 năm, nước Anh đứng trước một cuộc khủng hoảng mà rõ ràng là chỉ có bạo lực mới có thể giải quyết được. Sự phát triển to lớn và nhanh chóng của công nghiệp đã vượt quá sự bành trướng của những thị trường nước ngoài và sự tăng thêm yêu cầu. Cứ mười năm một, tiến trình sản xuất lại bị gián đoạn một cách dữ dội bằng một cuộc tổng khủng hoảng thương nghiệp, tiếp đó thì sau một thời kỳ tiêu điều dài, có tính chất kinh niên, là đến một vài năm phồn vinh ngắn ngủi để rồi luôn luôn kết thúc bằng một thời kỳ sản xuất thừa khẩn trương và sau cùng bằng một cuộc phá sản mới. Giai cấp các nhà tư bản lớn tiếng đòi buôn bán tự do ngũ cốc, và để đạt yêu cầu ấy, chúng dọa sẽ trả những dân cư đang đói ở thành phố về nông thôn là nơi chôn rau cắt rốn của họ, nhưng như lời Giôn Brai-tơ nói, "không phải như những người cùng khổ đi ăn xin bánh mì, mà như một đội quân đóng trên đất địch". Quần chúng công nhân ở thành phố đòi tham dự chính quyền, – "Hiến chương nhân dân"; họ được đại đa số giai cấp tiểu tư sản ủng hộ, và sự khác biệt duy nhất giữa quần chúng công nhân và giai cấp tiểu tư sản là ở chỗ nên thực hiện Hiến chương bằng bạo lực hay là bằng con đường hợp pháp. Chính lúc ấy xảy ra cuộc khủng hoảng thương nghiệp năm 1847 và nạn đói ở Ai-rơ-len, đồng thời xuất hiện triển vọng cách mạng.

Cách mạng Pháp năm 1848 đã cứu giai cấp tư sản Anh. Những

khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa của công nhân Pháp chiến thắng làm cho giai cấp tiểu tư sản Anh khiếp vía và làm tan rã phong trào công nhân Anh đang phát triển trong một phạm vi tương đối nhỏ, nhưng có tính chất thực tiễn trực tiếp hơn. Chính giữa lúc đáng lẽ phong trào Hiến chương phải phát huy toàn lực của mình, thì nó lại tan vỡ ở bên trong, trước khi sụp đổ ở bên ngoài ngày 10 tháng Tư 1848. Hoạt động chính trị của giai cấp công nhân bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu. Giai cấp tư sản đã thắng trên toàn tuyến.

Cải cách nghị viện năm 1831 là thắng lợi của toàn bộ giai cấp tư bản đối với quý tộc địa chủ. Việc bãi bỏ thuế quan về ngũ cốc là thắng lợi của các nhà tư bản *công nghiệp* không những đối với bọn địa chủ, mà còn là đối với cả các nhóm tư bản có quyền lợi đồng nhất hoặc gắn bó chặt chẽ với quyền lợi của địa chủ, tức là bọn chủ ngân hàng, bọn giao dịch chứng khoán, bọn thực lợi, v.v.. Mậu dịch tự do có nghĩa là đảo lộn toàn bộ chính sách tài chính và thương nghiệp – đối nội cũng như đối ngoại – của Anh cho phù hợp với quyền lợi của bọn tư bản công nghiệp, tức là của giai cấp hiện đang đại diện cho dân tộc. Và giai cấp ấy đã thực sự bắt tay vào việc. Mọi trở ngại đối với sản xuất công nghiệp đều bị gạt bỏ một cách không thương tiếc. Biểu thuế quan và toàn bộ chế độ thuế má bị đảo lộn hoàn toàn. Tất cả đều phục tùng một mục đích duy nhất, nhưng cực kỳ quan trọng đối với các nhà tư bản công nghiệp: hạ giá tất cả mọi loại nguyên liệu và đặc biệt là mọi tư liệu sinh hoạt của giai cấp công nhân; sản xuất ra nguyên liệu rẻ tiền và giữ tiền lương ở mức như trước nếu không phải là *giảm* tiền lương xuống. Nước Anh phải trở thành một "công xưởng của thế giới"; đối với nước Anh, tất cả các nước khác phải trở thành như Ai-rơ-len: những thị trường tiêu thụ công nghiệp phẩm của Anh, mặt khác, phải cung cấp nguyên liệu và lương thực cho nước Anh. Nước Anh - trung tâm công nghiệp lớn của một thế giới nông nghiệp, với một số ngày

càng nhiều những vệ tinh chuyên sản xuất ngũ cốc và bông xoay quanh vừng mặt trời công nghiệp! Viễn cảnh ấy đẹp biết bao!

Bọn tư bản công nghiệp bắt tay vào thực hiện mục tiêu vĩ đại ấy của mình với một đầu óc phán đoán mạnh mẽ, và với sự khinh thường những nguyên tắc truyền thống, tức là những phẩm chất đã luôn luôn phân biệt họ với những đối thủ cạnh tranh phi-li-xtanh của họ ở lục địa. Phong trào Hiến chương đã hấp hối. Một khi những hậu quả của cuộc khủng hoảng 1847 đã chấm dứt, lại bắt đầu một thời kỳ kinh tế phồn vinh - một sự kiện tự nhiên và hầu như tất nhiên, – thời kỳ mà người ta cho là nhờ có chế độ tự do mậu dịch mới có. Hai hoàn cảnh ấy đã khiến cho giai cấp công nhân Anh, về mặt chính trị, trở thành cái đuôi của "đảng tự do chủ nghĩa vĩ đại", một đảng do bọn chủ xưởng cầm đầu. Vấn đề là phải giữ vững vĩnh viễn ưu thế đã giành được đó. Nhưng sự phản kháng mãnh liệt của phái Hiến chương – không phải chống chế độ mậu dịch tự do mà là chống việc biến mậu dịch tự do thành vấn đề sinh tử duy nhất đối với dân tộc – đã làm cho bọn chủ xưởng hiểu và ngày càng hiểu rõ thêm rằng nếu không có sự ủng hộ của giai cấp công nhân thì giai cấp tư sản không bao giờ hoàn toàn thống trị được dân tộc về mặt xã hội và về mặt chính trị. Vì vậy thái độ đối xử của hai giai cấp ấy với nhau dần dần thay đổi. Pháp chế về công xưởng, trước kia, là con ngoáo ộp đối với tất cả các chủ xưởng thì giờ đây, không những được các chủ xưởng vui lòng tôn trọng mà còn được họ mở rộng ra ít nhiều trong khắp các ngành công nghiệp. Các công liên mới đây còn bị coi là công trình của ma quỷ, bây giờ lại được các chủ xưởng ve vãn và bảo vệ, coi đó là tổ chức hết sức hợp pháp và là phương tiện có ích để truyền bá những quan điểm kinh tế lành mạnh trong công nhân. Ngay đến cả những cuộc bãi công, hồi trước năm 1848, còn bị coi là xấu xa nhất thì ngày nay, có lúc lại được cho là rất có ích, đặc biệt là khi bản thân các ngài chủ xưởng gây ra vào lúc thích hợp. Những

đạo luật trước kia đã tước quyền bình đẳng của thợ đối với chủ, ít ra là những đạo luật quá quắt nhất, đều bị bãi bỏ. Và ngay chính cái Hiến chương nhân dân ấy, xưa kia đáng ghê sợ là thế, thì ngày nay thực chất đã trở thành cương lĩnh chính trị của ngay những ông chủ xưởng trước kia đã chống đối lại đến cùng. Việc *bãi bỏ những điều kiện về tài sản đối với tư cách cử tri* và việc *bỏ phiếu kín* đã được luật pháp chế định. Những cuộc cải cách nghị viện năm 1867 và 1884 đã rất giống với *quyền phổ thông đầu phiếu*, ít ra là giống với kiểu phổ thông đầu phiếu hiện hành ở Đức; dự luật mới về việc phân chia lại các khu vực bầu cử, hiện đang được nghị viện thảo luận, sẽ tạo ra *những khu vực bầu cử bình đẳng*, nói chung thì ít ra cũng không đến nỗi kém bình đẳng hơn so với những khu vực ở Pháp hoặc ở Đức. *Phụ cấp cho các nghị sĩ* và việc rút ngắn nhiệm kỳ của đại biểu tuy rằng chưa đến mức *nghị viện được bầu lại hàng năm*, được coi là những thành tựu sẽ giành được trong một tương lai gần nhất, vậy mà một vài người đã nói rằng phong trào Hiến chương đã chết.

Cách mạng 1848, cũng như nhiều cuộc cách mạng trước nó, đã có một vận mệnh kỳ lạ. Chính những kẻ đè bẹp nó lại trở thành, như lời Mác thường nói, những người thi hành di chúc của nó. Lu-i - Na-pô-lê-ông đã bắt buộc phải tạo lập một nước I-ta-li-a thống nhất và độc lập; Bi-xmác đã bắt buộc phải thực hiện ở nước Đức một cuộc chính biến theo kiểu của hắn và trả lại độc lập cho Hung-ga-ri; còn các chủ xưởng Anh thì cũng chẳng có cách nào khác là làm cho Hiến chương nhân dân có hiệu lực như một đạo luật.

Đối với nước Anh, những kết quả của sự thống trị ấy của các nhà tư bản công nghiệp, ngay từ đầu, đã thực lạ lùng. Công nghiệp hồi phục lại và phát triển nhanh chóng đến mức không ngờ, ngay cả trong cái nôi ấy của nền công nghiệp hiện đại. Tất

cả những thành tựu thần kỳ đã đạt được trước đây nhờ sử dụng hơi nước và máy móc chẳng còn đáng kể, nếu đem so sánh với sự phát triển mãnh liệt của nền sản xuất trong khoảng hai mươi năm từ 1850 đến 1870, với những con số đáng kinh ngạc về xuất khẩu và nhập khẩu, với số lượng vô kể của những của cải chất đống lại trong tay các nhà tư bản, và sự tập trung sức lao động ở các thành phố khổng lồ. Đành rằng bước tiến ấy, cũng như trước kia, cứ mười năm lại bị một cuộc khủng hoảng lấp đi lấp lại, làm gián đoạn; năm 1857 một lần, năm 1866 lại một lần nữa; nhưng những sự lặp lại đó, ngày nay, đã được coi là những hiện tượng tự nhiên không thể tránh khỏi, bắt buộc phải trải qua, nhưng rồi rốt cuộc cũng được giải quyết.

Còn tình cảnh của giai cấp công nhân trong thời kỳ ấy thì sao? Tạm thời cũng có sự cải thiện, ngay cả đối với quần chúng đông đảo. Nhưng vì có sự bổ sung của đội quân hậu bị đông đảo những người thất nghiệp, vì những máy móc mới luôn luôn đào thải công nhân và vì sự đổ xô đến của những công nhân nông nghiệp, là những người hiện nay cũng bị máy móc gạt ra ngoài ngày càng nhiều, nên sự cải thiện đó lại luôn luôn là con số không.

Chúng ta chỉ thấy có sự cải thiện lâu dài đối với hai loại công nhân có đặc quyền. Loại thứ nhất là các công nhân công xưởng. Việc pháp luật quy định giới hạn ngày lao động bình thường, ít nhất cũng tương đối hợp lý, có lợi cho họ, đã làm cho người công nhân hầu như khôi phục lại thể chất của họ và tạo cho họ một ưu thế về tinh thần, mà sự tập trung họ vào một địa điểm lại làm cho nó càng mạnh thêm. Tình cảnh của họ rõ ràng là tốt hơn trước năm 1848. Bằng chứng là trong mười cuộc đình công mà họ tiến hành thì chín cuộc là do chính các chủ xưởng vì lợi ích của chính bản thân họ mà gây ra, coi đó là phương tiện duy nhất để hạn chế sản xuất. Dù cho sản phẩm của bọn chủ xưởng có ế ẩm thế nào chăng nữa, bạn cũng không bao giờ có thể

thuyết phục được bọn chúng cùng đồng ý rút ngắn thời gian lao động xuống. Nhưng nếu bạn khiến cho công nhân đình công, thì tất cả các nhà tư bản, không trừ một ai, đều sẽ đóng cửa công xưởng của mình.

Loại công nhân thứ hai, là những công nhân tham gia những công liên lớn. Đó là tổ chức của các ngành sản xuất ở đó chỉ có lao động của *nam giới đã trưởng thành* mới được sử dụng hoặc ít ra cũng chiếm ưu thế. Cho đến nay, không có sự cạnh tranh nào của lao động phụ nữ và trẻ em, không có sự cạnh tranh nào của máy móc có thể phá vỡ nổi lực lượng có tổ chức của họ. Những thợ máy, thợ mộc, thợ làm đồ gỗ, thợ xây dựng đều có sức mạnh riêng lớn đến mức thậm chí, chẳng hạn như thợ xây dựng có thể chống lại việc dùng máy móc một cách thắng lợi. Không thể chối cãi được rằng tình cảnh của họ đã được cải thiện rõ rệt từ năm 1848; bằng chứng rõ nhất là từ hơn mười lăm năm nay, không những các ông chủ hài lòng về họ, mà chính họ cũng rất hài lòng về các ông chủ của họ. Họ đã tạo thành tầng lớp quý tộc trong nội bộ giai cấp công nhân; họ đã đạt được một tình cảnh tương đối sung túc mà họ coi là mục đích cuối cùng. Đó là những người thợ mẫu mực của các ngài Lê-vi Li-on và Giu-phen (cũng như của ông Lui-ô Bren-ta-nô đón hậu kia), và thực tế họ là những người rất đáng yêu, dễ chịu với bất cứ một nhà tư bản biết điều nào nói riêng và đối với toàn bộ giai cấp tư bản nói chung.

Nhưng còn đông đảo quần chúng lao động thì mức độ cùng khổ và đời sống bấp bênh của họ ngày nay vẫn nghiêm trọng như trước, nếu không phải là nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Khu I-xtơ-En-đơ của Luân Đôn là một vùng lầy những cảnh nghèo khổ, cảnh tuyệt vọng vô hạn, cảnh đói khát trong thời kỳ thất nghiệp, một vùng lầy những cảnh đồi bại về thể xác và tinh thần trong khi có việc làm, một vùng lầy cứ ngày càng lan rộng mãi

ra. Tình hình ở tất cả các thành phố lớn khác thì cũng vậy, chỉ trừ một số nhỏ công nhân được ưu đãi, ở các thành phố nhỏ hơn và ở các khu vực nông thôn thì cũng thế. Quy luật quy giá trị sức lao động ngang bằng giá cả các tư liệu sinh hoạt cần thiết và quy luật quy giá cả trung bình của sức lao động ngang bằng số lượng tối thiểu của các tư liệu sinh hoạt ấy, – cả hai quy luật ấy tác động đến người công nhân với sức mạnh không gì cưỡng nổi của cỗ máy tự động đang nghiền họ trong guồng bánh xe của nó.

Đó là tình hình do chính sách mậu dịch tự do năm 1847 và do sự thống trị của bọn tư bản công nghiệp trong hai mươi năm tạo nên. Nhưng sau đó đã là một bước ngoặt. Thật vậy, sau cuộc khủng hoảng năm 1866 là tiếp đến một thời kỳ phát triển ngắn ngủi và yếu ớt của công nghiệp vào năm 1873; nhưng thời kỳ này không kéo dài được bao lâu. Dành rằng một cuộc khủng hoảng toàn diện đã không xảy ra đúng lúc phải xảy ra, tức là vào năm 1877 hoặc 1878, nhưng từ năm 1876, tất cả các ngành công nghiệp chủ đạo đều ở tình trạng đình trệ kinh niên. Người ta không thấy xảy ra sự phá sản hoàn toàn, mà cũng không thấy cái thời kỳ phồn vinh mong đợi từ lâu, cái thời kỳ mà người ta có thể dự tính sẽ xảy ra, trước cũng như sau thời kỳ phá sản. Một sự đình trệ chết người, một sự đầy ứ kinh niên trên tất cả các thị trường đối với tất cả các ngành, – đó là tình trạng chúng ta đã trải qua gần chục năm. Tại sao lại như vậy?

Lý luận mậu dịch tự do dựa trên cơ sở một giả thuyết là: nước Anh phải trở thành trung tâm công nghiệp lớn duy nhất của thế giới nông nghiệp. Thực tế đã cho thấy rằng giả thuyết đó hoàn toàn sai. Những điều kiện tồn tại của một nền công nghiệp hiện đại, là năng lượng do hơi nước và máy móc tạo ra, có thể được tạo ra ở bất cứ nơi nào có nhiên liệu, đặc biệt là có than đá, mà than đá thì ngoài nước Anh ra, còn có ở các nước khác như: Pháp, Bỉ, Đức, Mỹ, thậm chí cả ở Nga nữa.

Những người dân ở các nước đó không thấy có lợi gì cho họ khi phải trở thành những anh tá điền đói khổ theo kiểu Ai-rơ-len để chỉ mang lại giàu có và vinh quang ngày càng nhiều cho các nhà tư bản Anh. Họ đã bắt đầu sản xuất những sản phẩm không những cho riêng mình mà còn cho cả những miền khác của thế giới; và kết quả là cái độc quyền công nghiệp mà Anh nắm giữ gần một thế kỷ, ngày nay đã bị dập tan, không gì cứu vãn nổi.

Nhưng độc quyền công nghiệp của Anh lại là cột trụ của chế độ xã hội hiện đang tồn tại ở Anh. Ngay cả trong khi độc quyền ấy còn tồn tại, thị trường cũng đã không theo kịp nâng suất ngày càng tăng của công nghiệp Anh; kết quả là cứ mười năm lại một lần khủng hoảng. Và bây giờ, các thị trường mới lại ngày càng ít đi đến nỗi ngay cả người da đen ở Công-gô cũng bị ép buộc phải tiếp nhận nền văn minh dưới hình thức vải bông của Man-se-xtơ, đồ gốm của Sta-khác-đi và các sản phẩm kim loại của Bốc-minh-hêm. Kết quả sẽ ra sao nếu hàng hóa của lục địa và nhất là của Mỹ ngày càng đổ ra nhiều hơn, nếu cái phần lớn nhất trong số hàng hóa cung cấp cho thế giới vẫn còn do các công xưởng Anh nắm, sẽ mỗi năm một giảm sút đi? Hãy trả lời đi, hỡi cái phương thuốc bách bệnh là mậu dịch tự do!

Tôi không phải là người đầu tiên đã nêu lên tình trạng ấy. Ngay từ năm 1883, trong cuộc họp của Hội liên hiệp Anh ở Sao-pốt, ông In-glích Pan-grây-vơ chủ tịch ban kinh tế, đã tuyên bố thẳng ra rằng:

"đối với nước Anh, những ngày thu được lợi nhuận kếch sù đã qua rồi, và một sự đình đốn đã xảy ra trong sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp lớn khác nhau. *Hầu như có thể khẳng định rằng nước Anh sắp bước vào tình trạng đình trệ*".

Nhưng tất cả sẽ kết thúc như thế nào? Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa *không thể nào* dừng tại chỗ được: nó phải lớn lên và mở rộng ra hoặc sẽ chết. Ngay bây giờ, chỉ đơn giản hạn chế cái phần hàng hóa lớn nhất do Anh cung cấp cho thị trường thế

giới, là đã đi đến đình trệ, đến tình trạng bần cùng, đến một mặt thì thừa tư bản và mặt khác thì thừa công nhân không có việc làm. Nếu sản xuất hàng năm hoàn toàn không thể tăng lên được nữa thì tình hình sẽ ra sao? Đó là cái gót chân của A-sin, nhược điểm của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Điều kiện sống còn của nó là nhất thiết phải không ngừng được mở rộng, nhưng ngày nay sự không ngừng mở rộng đó là không thể thực hiện được. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đi vào một ngõ cụt. Một vấn đề đặt ra cho nước Anh mỗi năm một cấp bách: hoặc là dân tộc, hoặc là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa phải tiêu vong. Cái nào sẽ tiêu vong?

Còn giai cấp công nhân? Nếu ngay trong thời kỳ phát triển phi thường của thương nghiệp và công nghiệp từ năm 1848 đến năm 1868, giai cấp công nhân đã phải sống bần cùng như vậy, nếu ngay hồi ấy, ngoài một số rất ít có đặc quyền và "được che chở" mới được hưởng lợi ích lâu bền, còn tình cảnh của quần chúng đông đảo may lắm cũng chỉ được cải thiện nhất thời, thì một khi thời kỳ rực rỡ ấy chấm dứt hẳn, một khi tình trạng đình đốn nặng nề hiện nay không những trầm trọng thêm, hơn nữa một khi tình trạng nặng nề ấy lại trở thành tình trạng bình thường của nền công nghiệp Anh, thì tình hình sẽ ra sao đây?

Sự thật là thế này: khi nước Anh còn nắm được độc quyền công nghiệp thì giai cấp công nhân Anh còn được tham gia hưởng, đến một mức độ nhất định, những lợi ích do độc quyền đó mang lại. Những lợi ích đó được phân phối rất không đều cho công nhân: một thiểu số có đặc quyền được hưởng phần lớn nhất, nhưng ít ra là đôi lúc và trong một thời gian nhất định quần chúng đông đảo cũng có phần của mình. Đó là lý do tại sao từ khi học thuyết Ô-oen đã mai một thì ở Anh cũng không còn chủ nghĩa xã hội nữa. Cùng với sự phá sản của độc quyền công nghiệp Anh, giai cấp công nhân Anh cũng mất luôn địa vị đặc quyền

của mình. Giai cấp đó, kể cả một thiểu số có đặc quyền và nắm quyền lãnh đạo, sẽ tụt xuống ngang mức sống của công nhân các nước khác. Và chính vì thế mà chủ nghĩa xã hội lại sẽ xuất hiện ở Anh".

Năm 1885 tôi đã viết như thế. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Anh ngày 11 tháng Giêng 1892, tôi đã viết tiếp như sau:

"Tôi chỉ bổ sung chút ít vào đoạn mô tả tình hình mà tôi đã thấy hồi 1885. Chẳng cần phải nói rằng ngày nay thực ra "chủ nghĩa xã hội đã thực sự xuất hiện trở lại ở Anh"; hơn thế nữa, xuất hiện nhiều vô kể: chủ nghĩa xã hội thuộc đủ màu sắc, chủ nghĩa xã hội có ý thức và vô ý thức, chủ nghĩa xã hội bằng văn xuôi và bằng văn vần, chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và của giai cấp tư sản. Vì thực ra, cái quái vật ấy trong số những quái vật, cái chủ nghĩa xã hội ấy không những đã trở thành rất đáng tôn kính mà nó đã khoác bộ áo dạ hội và uể oải ngồi trên những chiếc đi-văng trong các phòng khách. Điều đó một lần nữa lại nói lên tính thất thường không sửa chữa được của dư luận xã hội của giai cấp tư sản, kẻ độc tài ghê gớm ấy của "xã hội thượng lưu"; và điều ấy, một lần nữa, lại chứng minh rằng chúng ta, những người xã hội chủ nghĩa của thế hệ trước, luôn luôn khinh bỉ cái dư luận ấy. Nhưng ngoài ra, chúng ta chẳng có lý do gì để phàn nàn về những triệu chứng mới ấy.

Nhưng cái mà tôi cho là quan trọng hơn cái mốt nhất thời ấy, cái mốt là các giới tư sản thích phô bày một thứ chủ nghĩa xã hội pha loãng, và thậm chí còn quan trọng hơn cả những thành tựu mà nói chung chủ nghĩa xã hội đã giành được ở Anh, – đó là sự thức tỉnh của khu I-xtơ - En-đơ của Luân Đôn. Nơi đồn trú rộng mông mênh đó của cảnh cùng khốn không còn là vũng bùn lầy nước đọng như sáu năm về trước nữa. Khu I-xtơ-En-đơ đã trút bỏ nỗi tuyệt vọng làm tê liệt con người; nó đã

sống lại và đã trở thành quê hương của cái gọi là "chủ nghĩa công liên mới", tức là của tổ chức của quảng đại quần chúng công nhân "không lành nghề". Có nhiên là về nhiều mặt, tổ chức ấy vẫn giữ hình thức của các công liên cũ của công nhân "lành nghề", nhưng tính chất của nó đã khác hẳn. Các công liên cũ vẫn giữ những truyền thống của thời kỳ chúng mới được thành lập; chúng vẫn xem chế độ lao động làm thuê là một sự thật vĩnh viễn, dĩ thành bất biến, mà giỏi lắm họ cũng chỉ có thể làm cho nó bớt nặng nề đi một chút để có lợi cho các đoàn viên của mình; trái lại, các công liên mới lại được thành lập trong lúc mà lòng tin ở tính vĩnh cửu của chế độ lao động làm thuê đã bị lung lay mạnh mẽ. Những người sáng lập và những người lãnh đạo các công liên này là những người xã hội chủ nghĩa có ý thức, hoặc là những người xã hội chủ nghĩa theo cảm tính; số quần chúng gia nhập các công liên này và là lực lượng của công liên, đều thô lỗ, khiếp nhược và bị công nhân quý tộc coi khinh. Nhưng họ có một ưu điểm cực kỳ to lớn: đầu óc của họ hay còn như lớp đất hoang, hoàn toàn chưa nhiễm phải cái "tính đáng tôn trọng" của những thiên kiến tư sản, di truyền, những thiên kiến mê hoặc đầu óc các "đoàn viên công liên cũ" có địa vị khá hơn. Và như vậy là giờ đây, chúng ta đã thấy rằng nói chung, các công liên mới ấy đã giành được quyền lãnh đạo toàn bộ phong trào công nhân và ngày càng lôi kéo các công liên "cũ" giàu có và kiêu ngạo, đi theo mình.

Chắc hẳn các nhà hoạt động ở khu I-xtơ-En-đơ của Luân Đôn đã phạm nhiều sai lầm to lớn: nhưng những kẻ đi trước họ cũng đã làm như vậy và cả ngày nay nữa, những người xã hội chủ nghĩa giáo điều đang vênh mặt lên với họ, cũng mắc phải những sai lầm y như vậy. Một giai cấp vĩ đại, cũng như một dân tộc vĩ đại, không thể nào học hỏi ở đâu được nhanh chóng hơn là học hỏi ngay ở những hậu quả của những sai lầm của chính mình. Và bất chấp những sai lầm có thể mắc phải trong quá

khứ, trong hiện tại và trong tương lai, sự thức tỉnh của khu I-xtơ-En-đơ của Luân Đôn vẫn là một trong những sự kiện lớn nhất và có hiệu quả nhất của fin de siècle[1*] này, và tôi cảm thấy rất sung sướng và hãnh diện đã được sống những ngày đó".

Từ khi tôi viết những dòng trên đây, sáu tháng đã trôi qua và phong trào công nhân Anh lại đã tiến thêm một bước dài. Cuộc bầu cử Nghị viện mới cách đây vài hôm, đã chỉ rõ một cách đầy đủ cho hai đảng quan phương, cả Đảng bảo thủ cũng như Đảng tự do, rằng từ nay, cả hai đều phải tính đến một đảng thứ ba là Đảng công nhân. Đảng này hiện chỉ mới đang hình thành: những thành viên của nó còn phải trút bỏ đủ mọi thứ thiên kiến, – thiên kiến tư sản kế thừa được của chủ nghĩa công liên cũ và ngay cả thiên kiến của chủ nghĩa xã hội giáo điều, – để cuối cùng có thể cùng đứng với nhau trên một cơ sở chung. Và dầu sao thì cái bản năng đoàn kết của họ cũng đã mạnh đến mức là nó đã dẫn đến những kết quả bầu cử chưa từng thấy từ xưa tới nay ở Anh. Tại Luân Đôn, người ta đưa hai công nhân[2*] ra ứng cử, thậm chí với danh nghĩa công khai là người xã hội chủ nghĩa, Đảng tự do không dám đưa người của họ ra đối lại và cả hai người xã hội chủ nghĩa đều đã trúng cử với một đa số rất lớn và bất ngờ. Ở Min-đơn-xbô-rơ, một ứng cử viên công nhân[3*] ra tranh cử với một người của Đảng tự do và một người của Đảng bảo thủ, và đã thắng cả hai; tuy nhiên những ứng cử viên mới của công nhân mà liên minh với người của Đảng tự do đều thất bại thảm

1* – cuối thế kỷ

2* – Gi. C. Hác-đi và Gi. Bớc-xơ

3* – Gi. Kh. Uyn-xơn

hại, chỉ trừ có một người. Trong số những người được mệnh danh là đại biểu công nhân trước kia, tức là những kẻ được người ta tha thứ cho cái tính chất công nhân của chúng, vì chúng tự nguyện sẵn sàng nhận chìm tính chất công nhân của chúng trong cái đại dương chủ nghĩa tự do, một đại biểu lỗi lạc nhất của chủ nghĩa công liên cũ là Hen-ri Brốt-hốc-xtơ đã bị thất bại nhục nhã trong cuộc tuyển cử vì đã phản đối ngày lao động tám giờ. Trong hai khu vực bầu cử ở Gla-xgô, một khu vực ở Xôn-pho-đơ và nhiều khu vực khác nữa, có những ứng cử viên công nhân độc lập ra tranh cử với các ứng cử viên hai đảng cũ; họ đã thất bại, nhưng các ứng cử viên Đảng tự do cũng thế. Tóm lại, trong hàng loạt các khu vực bầu cử ở các thành phố lớn và các trung tâm công nghiệp, công nhân đã cương quyết dứt bỏ mọi liên hệ với hai đảng cũ và vì vậy đã đạt những kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp chưa từng có trong một cuộc tuyển cử nào trước đây. Điều đó đã gây ra trong công nhân một niềm phấn khởi khôn tả. Lần đầu tiên, họ đã trông thấy và đã cảm thấy rằng khi họ sử dụng quyền bầu cử của mình để phục vụ cho quyền lợi của giai cấp mình, thì họ có thể đạt được những gì. Thế là đi đời sự sùng bái mê tín đối với "Đảng tự do vĩ đại", sự sùng bái đã thống trị trong công nhân Anh suốt gần bốn chục năm nay. Những chứng cứ hiển nhiên đã chỉ cho công nhân thấy rằng họ là một lực lượng quyết định ở Anh, một khi họ muốn như vậy và biết mình muốn gì; cuộc tuyển cử năm 1892 đã đánh dấu bước đầu của lòng mong muốn đó và của sự hiểu biết đó. Phong trào công nhân ở lục địa quan tâm đến cái khác; người Đức và người Pháp là những người đã có khá nhiều đại biểu trong nghị viện và các hội đồng thị chính sẽ ủng hộ đầy đủ cuộc thi đua của người Anh bằng những thành công mới của mình. Và nếu trong một tương lai không xa lắm, một khi đã rõ ràng rằng với ông Glát-xtơn nghị viện mới này không thể làm được gì, và với cái nghị viện mới ấy ông Glát-xtơn cũng

chẳng làm được gì, thì lúc đó, Đảng công nhân Anh chắc sẽ được tổ chức đủ để chấm dứt vĩnh viễn cái trò chơi đu của hai đảng cũ thay phiên nhau đứng đầu chính quyền để bằng cách đó, kéo dài vĩnh viễn sự thống trị của giai cấp tư sản.

Luân Đôn, ngày 21 tháng Bảy 1892 ***Ph.Ăng-ghen***

Đã in trong cuốn: F.Engels. "Die Lage der Arbeitenden Klasse in England". Zweite Auflage. Stuttgart, 1892

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

VỀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ NƯỚC ANH[329]

Sự phát triển chính trị thường xuyên, hòa bình như ở nước Anh, bằng những thỏa hiệp vô tận của mình dẫn tới một tình thế đầy mâu thuẫn; trong những phạm vi nhất định, tình hình đó, do những ưu thế đáng kể của mình, thực tế có thể chịu đựng được, nhưng những điều phi lý về lô-gích của nó đem lại cho lý trí biết tư duy một sự đau khổ thực sự. Do đó mà tất cả các đảng "nhà nước" cần có sự nguỵ trang bằng lý luận, thậm chí sự bào chữa, mà điều này dĩ nhiên chỉ có thể làm được bằng những điều nguỵ biện, xuyên tạc, cuối cùng, đơn thuần bằng những lối nói quanh rỗng tuếch. Bằng cách ấy, trong lĩnh vực chính trị người ta đang đẻ ra những sách báo lập đi lập lại toàn bộ sự giả nhân giả nghĩa và sự dối lão thâm hại của lối bào chữa theo quan điểm thần học và bừng những khuyết tật trí tuệ thần học sang cả miếng đất phi tôn giáo. Bằng cách ấy, những người bảo thủ tự mình bón phân, gieo trồng và canh tác mảnh đất giả dối tự do chủ nghĩa đặc thù. Bằng cách ấy đối với việc bào chữa theo quan điểm thần học cũng đang mở một luận cứ lấy từ ý thức của con người bình thường mà ở những nước khác giới bào chữa ấy không có: nếu những sự kiện được thông báo trong các sách Phúc âm và những giáo điều được tuyên truyền trong Kinh Tân ước mâu thuẫn trực tiếp với nhau, thì quan trọng cái nói gì? Như thế có phải là những sự kiện và giáo điều ấy không chân thực hay không? Trong hiến pháp Anh lại càng nhiều mâu thuẫn hơn nữa, nó luôn luôn mâu thuẫn với chính nó, mà nó vẫn tồn tại cơ mà, như thế nó là chân thực!

Từ năm 1868 sở dĩ không có khủng hoảng còn vì thị trường thế giới mở rộng, kết quả là tư bản dư thừa của Anh và tư bản tương ứng của châu Âu được phân bố dưới dạng đầu tư vào phương tiện giao thông v.v. - *khắp toàn thế giới* và giữa nhiều *lĩnh vực* đầu tư.Vì vậy khủng hoảng không thể xảy ra do nạn đầu cơ quá mức trong ngành đường sắt, ngân hàng v.v., trong các lĩnh vực đầu tư riêng biệt của Mỹ, trong thương nghiệp *Ấn Độ*, nhưng đồng thời có thể xảy ra những cuộc khủng hoảng nhỏ như cuộc khủng hoảng Ác-hen-ti-na tiếp diễn đã ba năm rồi[330]. Song tất cả những điều đó chứng minh rằng đang chín muồi *một cuộc khủng hoảng khổng lồ*.

Viết ngày 12 tháng Chín 1892
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XVI, ph. II, 1936

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC ĐẢNG CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TÂY BAN NHA[331]

Các đồng chí thân mến!

Đại hội các hội công liên Anh họp ở Gla-xgô, tại phiên họp ngày 8 tháng Chín, đã thông qua một nghị quyết mà những người xã hội chủ nghĩa của châu Âu lục địa chưa chắc có thể bỏ qua.

Ủy ban Xuy-rích được giao nhiệm vụ chuẩn bị đại hội tiếp theo của Quốc tế vào năm 1893 theo nghị quyết của Đại hội Bruy-xen năm 1891, đã gửi thư mời cho đại hội các hội công liên. Mặc dù thư ký Công đoàn công nhân các xí nghiệp khí đốt là đồng chí Uy-li-am Toóc-nơ nhiều lần yêu cầu, thế mà trong suốt ba ngày họp, bức thư ấy vẫn không được đọc cho đại hội nghe, do đó đại hội không thể phát biểu ý kiến về lời mời của Ủy ban Xuy-rích.

Cuối cùng, Mét-kin đưa ra một nghị quyết giao cho Ủy ban nghị viện của Đại hội các hội công liên[332] triệu tập một đại hội quốc tế để thảo luận và ra quyết định nhất trí về việc ấn định bằng pháp luật trên quy mô quốc tế ngày làm việc tám giờ.

Các đồng chí Pác-nen (đại biểu dự Đại hội Pa-ri năm 1889) và Quen-sơ đã trả lời rằng trong năm 1893 đã chuẩn bị triệu tập hai đại hội công nhân quốc tế: một ở Xuy-rích, một ở

Chi-ca-gô[333]; rằng ủy ban lâm thời Xuy-rích đã mời Đại hội các hội công liên tham dự đại hội này và thay vì triệu tập đại hội thứ ba nên chấp nhận lời mời dự đại hội ở Xuy-rích.

Các đại biểu của những hội công liên bảo thủ cũ đã phản đối, vin cớ rằng đại hội ở Xuy-rích và đại hội ở Chi-ca-gô không phải do các hội công liên Anh triệu tập; rằng công nhân trên lục địa kém tổ chức, yếu và bất lực so với công nhân Anh; rằng người Anh không nên nhận lãnh trách nhiệm về mọi lý thuyết vô lý (wild theories) của chủ nghĩa xã hội trên lục địa v.v. và v.v.. Mãi sau tất cả những điều đó thì thư mời của Ủy ban Xuy-rích chúng ta mới được đem ra đọc.

Cuối cùng lời mời của Ủy ban Xuy-rích đã bị bác với 189 phiếu chống 97 phiếu thuận và đại hội đã thông qua đề nghị triệu tập "ngay lập tức" một đại hội quốc tế để thảo luận và ra quyết định nhất trí về việc ấn định bằng pháp luật trên quy mô quốc tế ngày làm việc tám giờ.

Hai nghị quyết ấy là một sự xúc phạm đối với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa có tổ chức của toàn lục địa châu Âu. Chúng tôi hy vọng rằng những phần tử tiên tiến hơn của giai cấp vô sản Anh mà về *tình cảm* đã là những người xã hội chủ nghĩa, nhưng hiện còn sợ hãi *từ ngữ* đó và cho phép những người bảo thủ cũ lôi kéo mình, rằng những phần tử phát triển hơn và kiên quyết hơn ấy tại đại hội tới sẽ sửa chữa được sai lầm đã mắc phải.

Đồng thời điều cần thiết là công nhân trên lục địa phải bảo vệ phẩm giá của mình khỏi những sự xúc phạm chứa đựng trong những nghị quyết nói trên. Tôi đã thông báo cho các bạn của chúng ta ở Pháp và Đức về những sự kiện ở Gla-xgô với hy vọng

ràng họ sẽ đồng ý với đường lối xử sự cần phải theo; vì các đồng chí Pháp mấy ngày nữa sẽ họp đại hội ở Mác-xây[334], nên ở đấy họ sẽ có thể giáng đòn đánh trả đầu tiên đối với các hội công liên.

Là cựu bí thư phụ trách Tây Ban Nha của Tổng Hội đồng của Quốc tế vẻ vang, tôi coi bổn phận của mình là phải thông báo cho Hội đồng toàn quốc Tây Ban Nha biết về sự kiện liên quan đến các đồng chí Tây Ban Nha không ít hơn so với các đồng chí ở những nước khác.

Gửi lời chào và chúc một cuộc cách mạng xã hội!

Viết ngày 16 tháng Chín 1892
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XXIX, 1946

In theo bản sơ thảo Nguyên văn là tiếng Tây Ban Nha

CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG Ở MỸ[335]

Thế giới cổ đại sống dưới quyền lực của số phận, heimarmene, của vận mệnh không thể đảo ngược, bí ẩn. Người Hy Lạp và người La Mã đã gọi như vậy cái sức mạnh toàn năng không thể hiểu được đã triệt tiêu ý chí và nguyện vọng của con người và đưa mọi hành động của họ đến những kết quả hoàn toàn khác với những điều họ mong đợi, cái sức mạnh không thể khắc phục được mà từ trước đến nay người ta gọi là mệnh trời, là tiền định v.v.. Sức mạnh bí ẩn ấy đã dần dần mang một hình thức dễ hiểu hơn, và sở dĩ như vậy là vì sự thống trị của giai cấp tư sản và của tư bản, sự thống trị giai cấp đầu tiên muốn tìm hiểu những nguyên nhân và điều kiện của sự tồn tại của chính mình và bằng cách đó đã mở cánh cửa đi tới chỗ nhận thức tính chất không thể đảo ngược được của sự diệt vong sắp tới của chính mình. Số phận, thiên mệnh, như bây giờ chúng ta biết, là các điều kiện kinh tế của sản xuất và trao đổi mà trong thời đại chúng ta được liên kết lại bằng khái niệm *thị trường thế giới*.

Ý nghĩa của các cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ chính là: đối với thị trường thế giới, nó là một sự kiện có tầm quan trọng hàng đầu.

Cách đây bốn năm về trước, bài viết của tôi về chính sách

thuế quan bảo hộ và tự do buôn bán[1] đã được in ở Bô-xtơn bằng tiếng Anh và ở Stút-gát bằng tiếng Đức. Ở đây tôi đã chỉ ra rằng sự độc quyền công nghiệp của Anh không tương dung với sự phát triển kinh tế của những nước văn minh khác; rằng chế độ thuế quan bảo hộ thi hành ở Mỹ sau nội chiến chứng tỏ người Mỹ muốn rũ bỏ ách độc quyền ấy; rằng nhờ tài nguyên thiên nhiên to lớn, cũng như nhờ năng lực trí óc và đạo đức của chủng tộc Mỹ mà mục đích ấy bây giờ đã đạt tới rồi, và ở Mỹ, không kém gì ở Đức, chính sách thuế quan bảo hộ đã trở thành xiềng xích trói buộc công nghiệp. Rồi tôi đã nói: nếu Mỹ thi hành tự do buôn bán thì mười năm nữa nó sẽ đánh bại Anh trên thị trường thế giới.

Vậy, cuộc bầu cử tổng thống ngày 8 tháng Mười một 1892 đã mở đường đi tới tự do buôn bán. Chính sách thuế quan bảo hộ dưới hình thức mà Mác- Kin-li đem lại cho nó, đã trở thành những xiềng xích trói buộc không thể chịu được; sự tăng giá một cách vô nghĩa đối với mọi nguyên liệu và lương thực thực phẩm nhập khẩu có ảnh hưởng ngược trở lại cả đến giá của nhiều hàng hóa nội địa khác, đã đóng cửa phần lớn thị trường thế giới đối với công nghiệp Mỹ, trong khi đó thị trường nội địa bị khổ sở vì nạn dư thừa hàng công nghiệp Mỹ. Và trên thực tế, chế độ thuế quan bảo hộ trong những năm gần đây chỉ là phương tiện làm phá sản những người sản xuất nhỏ dưới áp lực của những người sản xuất lớn đã liên hiệp lại thành các-ten và tơ-rốt, và để cho những các-ten và tơ-rốt ấy, nghĩa là cho sự độc quyền có tổ chức, chi phối thị trường và qua đó bóc lột bộ phận tiêu dùng của

1) Ph. Ăng-ghen. "Chính sách thuế quan bảo hộ và tự do buôn bán", "Neue Zeit", tháng Bảy 1888[336].

dân tộc. Cuộc khủng hoảng công nghiệp nội tại thường trực ấy do chế độ thuế quan bảo hộ sinh ra, nước Mỹ chỉ có thể khắc phục bằng cách mở cửa ra thị trường thế giới, muốn thế nó phải thoát khỏi chính sách thuế quan bảo hộ, ít ra là dưới hình thức vô nghĩa hiện nay. Việc nó quyết định làm điều đó cho thấy một bước ngoặt triệt để trong dư luận xã hội đã bộc lộ trong cuộc bầu cử. Một khi nước Mỹ trụ vững trên thị trường thế giới thì nó – *cũng như* nước Anh và *thông qua* nước Anh – sẽ tiếp tục tiến bước không gì kìm nổi trên con đường buôn bán tự do.

Và khi đó chúng ta sẽ là những người chứng kiến một cuộc đấu tranh công nghiệp chưa từng có. Trên tất cả các thị trường, hàng công nghiệp Anh, đặc biệt là hàng công nghiệp dệt và công nghiệp luyện kim, sẽ buộc phải bước vào đấu tranh với hàng công nghiệp Mỹ và cuối cùng sẽ bị thất bại. Ngay bây giờ vải bông và vải lanh Mỹ đã lấn gạt vải Anh. Các bạn muốn biết bằng phép mầu nào mà công nhân các xưởng vải bông Lan-kê-sia trong có một năm đã từ chối là kẻ hung dữ chống việc ấn định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ đã trở thành những người nhiệt liệt ủng hộ việc đó? Các bạn hãy giở tạp chí "Neue Zeit" số 2, tháng Mười năm nay, tr. 56, và ở đấy các bạn sẽ thấy rằng vải bông và vải lanh Mỹ từng bước gạt vải Anh ra khỏi thị trường Trung Quốc, rằng sau năm 1861 kim ngạch nhập khẩu của Anh không bao giờ đạt mức như của Mỹ nữa, còn năm 1891 thì chiếm vén vẹn gần một phần ba kim ngạch nhập khẩu của Mỹ[337]. Còn Trung Quốc thì, cùng với Ấn Độ, là thị trường chủ yếu tiêu thụ vải ấy.

Đó là một bằng cứ nữa chứng minh rằng khi bước vào thế kỷ mới tất cả mọi điều kiện thay đổi như thế nào. Hãy chuyển trọng tâm công nghiệp dệt và công nghiệp luyện kim từ Anh sang Mỹ, thế là nước Anh hoặc sẽ trở thành Hà Lan

thứ hai, thành một nước mà ở đó giai cấp tư sản sống bằng tàn dư của sự vỉ đại thuở trước, còn giai cấp vô sản thì suy vi, hoặc nó sẽ được tổ chức lại theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Điều thứ nhất không thể có được, vì giai cấp vô sản Anh sẽ không để điều ấy xảy ra; giai cấp vô sản Anh đã quá đông và quá phát triển đến mức không cho phép làm thế. Do đó, chỉ còn có lối thoát thứ hai. *Sự sụp đổ của chế độ thuế quan bảo hộ ở Mỹ rốt cuộc có nghĩa là sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Anh.*

Còn nước Đức thì sao? Nước Đức ngay vào năm 1878 đã giành được cho mình một địa vị trên thị trường thế giới mà giờ đây nó đang mất dần do chính sách thuế quan bảo hộ thiếu chín chắn của nó. Liệu nước Đức có khăng khăng đòi dùng việc đánh thuế quan đối với nguyên liệu và lương thực thực phẩm, vẫn như trước ngoan cố bít lối mình đi vào thị trường thế giới, mà lại trước sự cạnh tranh của Mỹ sẽ rõ rệt hơn sự cạnh tranh của Anh, hay không? Giai cấp tư sản Đức có đủ lương tri và dũng cảm để noi gương nước Mỹ, hay là nó vẫn sẽ thụ động chờ đợi cho đến khi nền công nghiệp Mỹ đã trở nên hùng hậu đè bẹp các-ten thuế quan bảo hộ của địa chủ và của chủ xưởng lớn[338]? Và cuối cùng, chính phủ và giai cấp tư sản có hiểu rằng chính trong thời điểm này mà bắt các lực lượng kinh tế Đức chịu thêm gánh nặng chiến tranh quá sức, trong khi vấn đề là phải chạy đua về công nghiệp với một dân tộc trẻ nhất và mạnh nhất trên thế giới mà trong mấy năm chẳng phải gắng sức đặc biệt đã trả xong món nợ chiến tranh khổng lồ và chính phủ của nó không biết dùng tiền thu thuế vào đâu là vô lý đáng kinh ngạc dường nào hay không?

Giai cấp tư sản Đức – có thể lần cuối cùng – có khả năng rốt cuộc hoàn thành một sự nghiệp lớn. Chín mươi chín phần trăm cơ may là: do sự hạn chế và hèn nhát quá đáng của mình, nó sử dụng khả năng đó chỉ để cho thấy rằng thời kỳ thành đạt của nó đã vĩnh viễn qua rồi.

Viết vào khoảng giữa ngày 9 và 15 tháng Mười một 1892
Đã đăng trên báo "Vorwärts" số 269, ngày 16 tháng Mười một 1892
Ký tên: P h r i - đ r i c h Ă n g - g h e n

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

MÁC, HEN RÍCH CÁC[339]

Sinh ngày 5 tháng Năm 1818 ở Tơ-ria, trong gia đình một luật sư, về sau là cố vấn pháp luật, Hen-rích Mác, như chúng ta thấy qua giấy khai sinh con trai ông, năm 1824 ông cùng gia đình đã chuyển từ đạo Do Thái sang đạo Tin lành. Sau khi tốt nghiệp trường trung học Tơ-ria, năm 1835, Các Mác học ở Bon, rồi ở Béc-lin, lúc đầu là luật học, rồi triết học; năm 1841 ở Béc-lin ông được nhận học vị tiến sĩ triết học bằng bản luận án về triết học Ê-pi-quya[340]. Cũng năm ấy ông chuyển đến Bon với ý định giữ chức vụ phó giáo sư; song những trở ngại mà chính phủ gây ra cho người bạn của ông là *Bru-nô Bau-ơ* hoạt động cũng ở đấy với tư cách phó giáo sư thần học và cuối cùng đã dẫn đến chỗ sa thải Bau-ơ ra khỏi trường đại học tổng hợp, chẳng bao lâu đã cho Mác thấy rõ ràng ở trường đại học Phổ không có chỗ cho ông. – Cũng khoảng thời gian ấy một số đại biểu thuộc phái Hê-ghen trẻ trong thế hệ mới của giai cấp tư sản cấp tiến vùng Ranh, theo thỏa thuận với các lãnh tụ phái tự do chủ nghĩa, *Cam-pơ-hau-den* và *Han-đơ-man*, đã quyết định thành lập ở Khuên một tờ báo đối lập lớn: Mác và Bau-ơ cũng được mời làm cộng tác viên thường trực chính. Giấy phép cần thiết lúc đó nhận được theo lối bí mật, bằng đường vòng và, như vậy, từ ngày 1 tháng Giêng 1842 báo "Rheinische Zeitung" bắt đầu ra mắt. Mác đã viết một loạt bài gửi từ Bon về cho tờ báo mới, trong số đó quan trọng nhất là: phê phán các cuộc thảo luận của hội đồng tỉnh Ranh, các bài về tình cảnh của nông dân

trồng nho Mô-den và một bài khác về nạn trộm gỗ và luật lệ hữu quan[341]. Tháng Mười 1842, Mác đảm nhận việc lãnh đạo tờ báo và chuyển đến sống ở Khuên. Từ lúc ấy, tờ báo mang tính chất đối lập rõ rệt. Và đồng thời việc lãnh đạo tờ báo khéo léo đến mức mặc dù báo bị kiểm duyệt hai nấc rồi cả ba nấc (trước tiên là của kiểm duyệt viên thông thường, rồi đến tỉnh trưởng, cuối cùng là của ông Phôn Xanh-Pôn được cử ad hoc[1*] từ Béc-lin tới), nhưng chính phủ vẫn không thể đối phó với loại báo chí như vậy, và vì thế nó đã quyết định cấm từ ngày 1 tháng Giêng 1843 không được tiếp tục ra báo. Bằng cái giá là ngay hôm ấy Mác ra khỏi ban biên tập mà đã kéo dài được thêm ba tháng, nhưng rồi tờ báo vẫn bị cấm hoàn toàn.

Lúc đó Mác quyết định đi sang Pa-ri. Sau khi tạp chí "Deutsche Jahrbücher"[342] bị cấm vào khoảng thời gian ấy, *Ác-nôn Ru-gơ* cũng dự định đến đấy. Nhưng trước đó Mác làm lễ thành hôn ở Croi-xnác với Gien-ni Phôn Ve-xtơ-pha-len, người bạn gái của mình lúc thiếu thời mà ông đã đính hôn ngay từ hồi ông bắt đầu học ở trường đại học tổng hợp. Mùa thu năm 1843 đôi vợ chồng trẻ đến Pa-ri, ở đây Mác và Ru-gơ bắt đầu xuất bản "Deutsch – Französische Jahrbücher", nhưng tạp chí này chỉ ra mắt có một số; phải ngừng xuất bản một phần vì những khó khăn to lớn của việc phát hành bất hợp pháp tạp chí này ở Đức, một phần vì những bất đồng về nguyên tắc rất nhanh chóng bộc lộ giữa hai người biên tập[343]. *Ru-gơ* vẫn chịu ảnh hưởng của triết học Hê-ghen và chủ nghĩa cấp tiến chính trị, Mác hăng hái lao vào nghiên cứu kinh tế chính trị học, các nhà xã hội chủ nghĩa Pháp và lịch sử nước Pháp. Kết quả là ông chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Tháng Chín 1844, Ph. Ăng-ghen ghé thăm Mác

1* – đặc biệt, cho một mục đích nhất định

ở Pa-ri mấy ngày; hai ông trao đổi thư từ với nhau từ hồi cùng làm việc trong tạp chí "Deutsch–Französische Jahrbücher" và từ đó họ bắt đầu hợp tác với nhau mãi tới lúc Mác mất mới thôi. Thành quả đầu tiên của sự hợp tác đó là tác phẩm luận chiến chống *Bru-nô Bau-ơ*, người mà hai ông đã đoạn tuyệt hẳn trong quá trình tan rã của trường phái Hê-ghen, cụ thể là quyển "Gia đình thần thánh. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn". Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, 1845[344].

Mác đã tham gia biên tập một tờ tuần báo nhỏ bằng tiếng Đức xuất bản ở Pa-ri với tên gọi "Vorwärts"[345] và đã chế giễu chua cay tính chất nghèo nàn của chế độ quân chủ chuyên chế Đức thời bấy giờ và chế độ lập hiến giả hiệu. Điều đó đã tạo cớ cho chính phủ Phổ yêu cầu nội các Ghi-dô trục xuất Mác khỏi nước Pháp. Yêu cầu đã được thỏa mãn; đầu năm 1845 Mác sang ở Bruy-xen, tiếp theo ông, Ăng-ghen cũng đến đó. Ở đây Mác đã cho ra mắt: "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông". Bruy-xen và Pa-ri, 1847, cũng như "Diễn văn về tự do buôn bán", Bruy-xen, 1848[347]. Ngoài ra thỉ thoảng Mác viết bài cho báo "Deutsche–Brüsseler–Zeitung"[348]. Tháng Giêng 1848, Mác cùng với Ăng-ghen viết "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" theo sự ủy nhiệm của Ủy ban trung ương Liên đoàn những người cộng sản, một hội tuyên truyền bí mật mà Mác và Ăng-ghen gia nhập vào mùa xuân năm 1847[349]. Từ đó "Tuyên ngôn" đã được xuất bản rất nhiều lần bằng tiếng Đức, được tác giả đồng ý và không thông qua tác giả, và đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng ở châu Âu.

Khi cuộc cách mạng tháng Hai 1848 nổ ra, gây nên tình hình sôi sục trong nhân dân cả ở Bruy-xen, Mác bị bắt và bị trục xuất khỏi Bỉ; trong khi đó chính phủ lâm thời của Cộng hòa Pháp một lần nữa mời Mác sang Pa-ri, thế là ông sang sống ở đó.

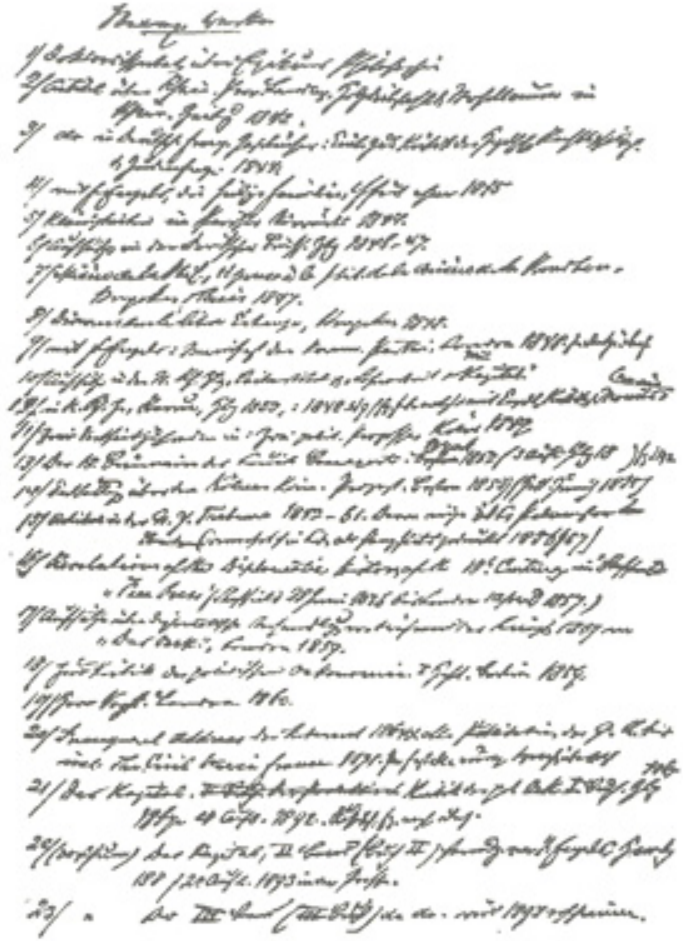

Danh mục các tác phẩm của C.Mác do Ph. Ăng-ghen lập[346]

Ở Pa-ri, Mác cùng với bạn bè đấu tranh trước hết chống cái trò trẻ con lập các đội lê dương, trò này đã đem lại cho đa số trong chính phủ mới một phương tiện thuận tiện thoát khỏi công nhân nước ngoài "đã trở thành vật cản". Như mọi người đều rõ, những đội lê dương Bỉ, Đức v.v. được tổ chức như vậy công khai trước mắt mọi người có thể vượt qua biên giới cốt để rơi vào cái bẫy đã giăng sẵn từ trước, thực tế sau đó đã xảy ra y như thế. Mác và những người lãnh đạo khác của Liên đoàn những người cộng sản đã tìm mọi cách để trợ cấp tiền đi đường cho bốn trăm người Đức không có việc làm, giống như cho đội viên đội lê dương, thành thử họ cũng có thể trở về Đức.

Tháng Tư, Mác chuyển đến Khuên, từ ngày 1 tháng Sáu ở đấy ông bắt đầu xuất bản báo "Neue Rheinische Zeitung"; dưới sự lãnh đạo của ông, số cuối cùng của báo này ra ngày 19 tháng Năm năm sau; các biên tập viên có nguy cơ hoặc bị bắt giam trên cơ sở quyết định của tòa án, hoặc nếu họ không thuộc quốc tịch Phổ thì sẽ bị trục xuất. Mác đã bị trục xuất, vì trong thời kỳ lưu trú ở Bruy-xen ông đã ra khỏi quốc tịch Phổ. Trong thời gian báo còn xuất bản, ông hai lần phải ra trước tòa bồi thẩm: ngày 7 tháng Hai 1849 vì vi phạm luật báo chí và ngày 8 tháng Hai vì kêu gọi chống chính phủ bằng vũ khí (vào lúc khước từ đóng thuế, vào tháng Mười một 1848); cả hai lần ông đều trắng án[350].

Sau khi báo bị cấm, Mác lại trở về Pa-ri, song sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu[351], ông bị đặt trước một sự lựa chọn: hoặc để người ta giam giữ ở Brơ-ta-nhơ, hoặc lại phải rời nước Pháp. Dĩ nhiên, ông chọn điều thứ hai và đáp tàu sang Luân Đôn, từ lúc đó ông sống thường trú ở đây.

Ở Luân Đôn, ông xuất bản tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch – ökonomische Revue", Hăm-buốc, 1850; ra mắt cả thảy

sáu số[352]. Công việc chủ yếu của ông trong cơ quan ngôn luận này: "Từ năm 1848 đến năm 1849" làm rõ nguyên nhân và mối liên hệ nội tại của các sự kiện những năm ấy, đặc biệt là ở Pháp; ngoài ra, ông còn viết (cùng với Ăng-ghen) một loạt bài bình luận và tổng quan chính trị. Tiếp theo tác phẩm thứ nhất, như là sự kế tục của nó, ít hôm sau là "Ngày mười tám tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", Niu-Oóc, 1852; tái bản – Hăm-buốc, 1869 và 1885[353]. Một phiên tòa lớn xử những người cộng sản ở Khuên là nguyên do để xuất bản cuốn sách: "Vụ án những người cộng sản ở Khuên", Bô-xtơn, 1853, xuất bản lần cuối cùng – Xuy-rích, 1885[354]. Từ năm 1852, Mác làm phóng viên ở Luân Đôn và trong một số năm, ở chừng mực nào đó, là chủ bút mục châu Âu trên báo "New-York Tribune"[355]. Các bài viết của ông một phần ký tên ông, một phần in làm xã luận; đó không phải là những bài báo thông thường, mà là những bài tổng quan cặn kẽ tình hình chính trị và kinh tế của một số nước châu Âu dựa trên một sự nghiên cứu kỹ lưỡng và thường gồm cả một loạt bài viết. Trong số đó có những bài có tính chất quân sự – về Chiến tranh Crưm, cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ v.v. – do Ăng-ghen viết. Một số bài của Mác về huân tướcPan-mốc-xtơn được xuất bản lại ở Luân Đôn thành sách lẻ[356]. Sự cộng tác ấy với "Tribune" chỉ chấm dứt khi Nội chiến ở Mỹ bùng nổ.

Năm 1859, một mặt, đã kéo Mác vào cuộc bút chiến với Các Phô-gtơ nhân Chiến tranh I-ta-li-a, cuộc bút chiến này hoàn tất trong quyển sách: Các Mác. "Ông Phô-gtơ", Luân Đôn, 1860[357]. Nhưng mặt khác, cũng năm ấy đã xuất hiện thành quả đầu tiên của công việc nghiên cứu nhiều năm của ông về kinh tế chính trị học ở Viện bảo tàng Anh là tập thứ nhất "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", Béc-lin, 1859[358]. Song tập này vừa mới ra đời thì Mác nhận thấy là ông chưa hoàn toàn rõ tất cả mọi chi tiết phát triển những tư tưởng cơ bản của những tập tiếp theo; bản thảo còn lưu giữ đến bây giờ là bằng cứ tốt nhất chứng minh điều đó[359]. Thế là ông lập tức bắt đầu công việc lại từ đầu và như thế thay vì ra tiếp, mãi đến năm 1867 mới ra mắt "Tư bản. Quyển I: Quá trình sản xuất của tư bản", Hăm-buốc, 1867[360].

Trong khi viết toàn bộ ba tập của bộ "Tư bản" – tập thứ hai và tập thứ ba ít ra là viết nháp, – Mác lại một lần nữa có cả cơ hội để hoạt động thực tiễn trong công nhân nữa. Năm 1864, Hội liên hiệp công nhân quốc tế được thành lập. Nhiều người, đặc biệt là người Pháp, muốn được vinh dự làm người sáng lập Hội ấy. Lẽ dĩ nhiên, một tổ chức như vậy không thể do một người thành lập. Nhưng có một điều chắc chắn là: trong số tất thấy những người tham gia, chỉ có một người hiểu rõ cái gì đang xảy ra và cần thành lập cái gì: đó là con người mà ngay hồi năm 1848 đã tung vào thế giới lời kêu gọi: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!"

Khi thành lập Quốc tế, Giu-dép Mát-di-ni cũng tìm cách kéo các phần tử đã tập hợp trong Quốc tế ngả sang phía dân chủ thần bí, thấm sâu tinh thần âm mưu do ông ta đề xướng với khẩu hiệu "Dio e popolo"[1*] và sử dụng những phần tử ấy vì lợi ích của nó. Nhưng dự thảo Điều lệ và Tuyên ngôn thành lập đưa ra nhân danh ông ta đã bị bác bỏ, và đối lập với dự thảo đó, dự thảo do Mác soạn đã được chấp nhận[361]; từ đó quyền lãnh đạo Quốc tế của Mác đã được đảm bảo. Ông đã viết tất cả những lời kêu gọi của Tổng Hội đồng, trong đó có cả lời kêu gọi "Nội chiến ở Pháp"[362] xuất bản sau khi Công xã Pa-ri sụp đổ và được dịch ra đa số tiếng ở châu Âu.

Đây không phải chỗ để trình bày lịch sử của Quốc tế. Chỉ cần nêu như sau cũng đủ: Mác viết Điều lệ, cũng như phần nêu lý

1*. "Chúa và nhân dân"

do có tính nguyên tắc, đến mức trong khuôn khổ đó phái Pru-đông ở Pháp, những người cộng sản Đức và phái Công liên Anh đều có thể nhất trí hợp tác, và sự hòa hợp trong nội bộ tổ chức ấy chưa một lần bị vi phạm, chừng nào những người ngay từ lúc đó đã cố tình phá hoại tổ chức của mọi phong trào công nhân – phái vô chính phủ do Ba-cu-nin cầm đầu – chưa bước lên vũ đài. Lẽ dĩ nhiên, sức mạnh của Hội liên hiệp chỉ dựa trên một sự thực chưa từng có – trên chí hướng liên hiệp của giai cấp vô sản Âu và Mỹ; Tổng Hội đồng không có phương tiện nào khác ngoài phương tiện tinh thần, ngay cả tiền nong cũng không có; thay vì cái gọi là "hàng triệu bạc của Quốc tế", Hội đồng phần lớn chỉ có các món nợ. Chắc hẳn chưa bao giờ làm được nhiều như thế với số tiền ít ỏi như vậy.

Sau khi Công xã sụp đổ, Quốc tế không thể tồn tại ở châu Âu được nữa. Nếu cứ tiếp tục đấu tranh dưới hình thức như trước, chống chính phủ và giai cấp tư sản đã nổi khùng với mức độ như nhau ở tất cả các nước, thì sẽ phải chịu những hy sinh, tổn thất to lớn. Thêm vào đó, cuộc đấu tranh trong nội bộ Hội liên hiệp chống phái vô chính phủ và các phần tử theo Pru-đông ngả về phía họ. Le jeu ne valait pas la chandelle[1*]. Vì vậy, sau khi tại Đại hội La Hay đã giành được thắng lợi chính thức đối với phái vô chính phủ[363], Mác đề nghị chuyển trụ sở của Tổng Hội đồng sang Niu-Óóc. Điều đó đảm bảo cho Hội liên hiệp tiếp tục tồn tại trong trường hợp nếu hoàn cảnh đã thay đổi đòi hỏi phải khôi phục nó ở châu Âu. Nhưng khi những hoàn cảnh như vậy xảy ra thì hình thức cũ đã lỗi thời rồi; phong trào đã phát triển một cách đáng kể so với Quốc tế cũ.

Từ thời ấy Mác đứng ngoài việc cổ động công khai, song sự

1* – Cuộc chơi không đáng hao phí nến

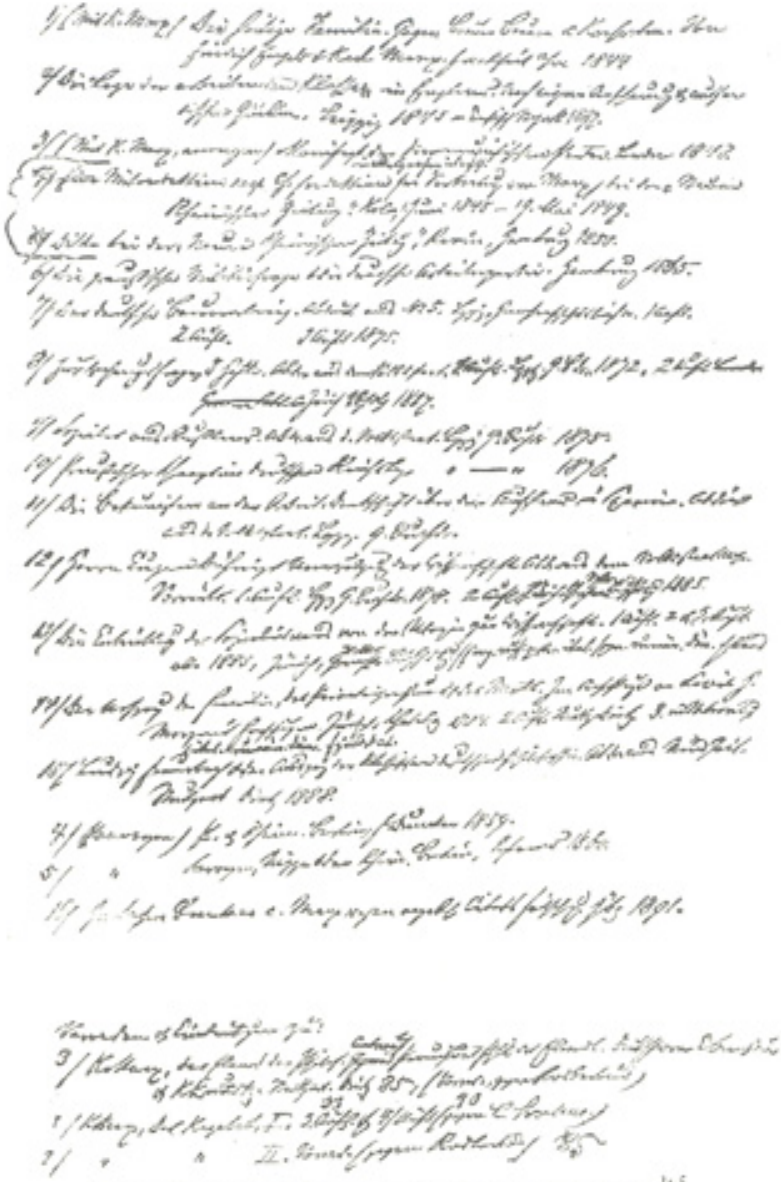

Danh mục các tác phẩm của Ph. Ăng-ghen do chính ông lập[b,5]
(trang 1)

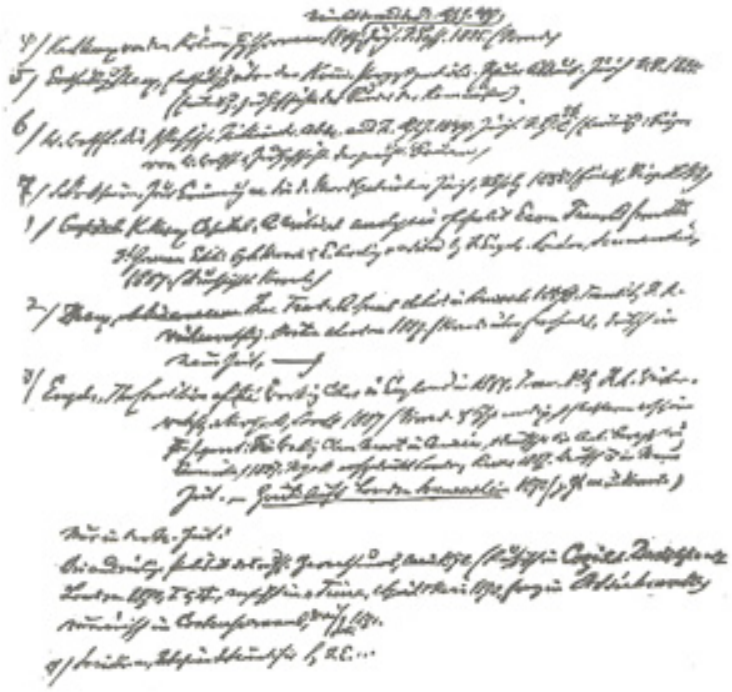

Danh mục các tác phẩm của Ph. Ăng-ghen do chính ông lập
(trang 2)

tham gia của ông vào phong trào công nhân Âu và Mỹ không kém năng nổ. Ông trao đổi thư từ với hầu hết những người lãnh đạo phong trào ở nhiều nước, trong những trường hợp quan trọng họ đích thân thỉnh thị Mác nếu có thể được; ông ngày càng được mọi người thừa nhận và luôn luôn sẵn sàng đóng vai trò cố vấn của giai cấp vô sản đang tranh đấu. Nhưng đồng thời, giờ đây Mác có thể lại quay trở về công tác khoa học của mình, mà phạm vi nghiên cứu của ông lúc đó đã được mở rộng hơn nhiều. Con người này khi nghiên cứu bất kỳ đối tượng nào cũng đều khảo sát nguồn gốc lịch sử của nó và tiền đề của nó, dĩ nhiên mỗi vấn đề đều đẻ ra cả một loạt vấn đề mới. Ông đã nghiên cứu lịch sử nguyên thủy, nông học, quan hệ ruộng đất Nga và Mỹ, địa chất học v.v., chủ yếu là để đưa vào tập thứ ba bộ "Tư bản" phần viết về địa tô với mức độ đầy đủ, mà trước ông chưa ai định làm. Thêm vào tất cả các ngôn ngữ Đức và Rô-manh mà Mác đọc thông thạo, ông còn học tiếng Xla – vơ cổ, tiếng Nga và tiếng Séc-bi. Nhưng tiếc thay, căn bệnh ngày càng nặng đã ngăn cản ông sử dụng những tư liệu thu thập được bằng cách ấy. Ngày 2 tháng Chạp 1881 vợ ông[1*] mất, ngày 11 tháng Giêng 1883, con gái đầu lòng của ông[2*] qua đời, và ngày 14 tháng Ba cũng năm ấy ông lặng lẽ yên giấc ngàn thu trên chiếc ghế bành.

Đa số tiểu sử của Mác đăng trên báo chí đầy rẫy sai lầm. Xác thực chỉ có tiểu sử đăng trên "Volks- Kalender" 1878 do Brác-cơ xuất bản, ra mắt ở Brao-svai-gơ (do Ăng-ghen viết) [364].

1*- Giên-ni Mác

2* - Giên-ni Lông-ghê

Dưới đây kèm theo danh mục tất cả, theo mức độ có thể được, những tác phẩm của Mác đã xuất hiện trên báo chí:

"Rheinische Zeitung", Khuên, 1842: những bài về các cuộc tranh luận của Hội đồng dân biểu tỉnh Ranh, về tình cảnh của nông dân trồng nho Mô-den, về việc ăn trộm gỗ; những bài xã luận từ tháng Mười đến tháng Chạp 1842. "Deutsch-Französische Jahrbücher" do A. Ru-gơ và C. Mác xuất bản, Pari, 1844: "Lời nói đầu phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen"; "Về vấn đề Do Thái". – C. Mác và Ph. Ăng-ghen. "Gia đình thần thánh. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn". Phran-phuốc trên sông M., 1845.- Những bài ngắn (không ký tên) trên báo "Vorwärts" xuất bản ở Pa-ri, 1844.- Nhiều bài, không ký tên và có ký tên, trên báo "Deutsche-Brüsseler-Zeitung", Bruy-xen, 1847 – 1848.– "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông". Bruy-xen và Pa-ri, 1847. Xuất bản bằng tiếng Đức: Stút-gát, xuất bản lần thứ hai, 1892. Xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha: Ma-đrít, 1891.– "Diễn văn về tự do buôn bán", Bruy-xen, 1848. Xuất bản bằng tiếng Anh: Bô-xtơn, 1888. Bằng tiếng Đức: trong lần xuất bản bằng tiếng Đức "Sự khốn cùng của triết học". – Cùng với Ph. Ăng-ghen: "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Luân Đôn, 1848. Xuất bản lần cuối cùng bằng tiếng Đức: Luân Đôn, 1890; được dịch ra hầu hết các thứ tiếng ở châu Âu. – Các bài trên báo "Neue Rheinische Zeitung", các bài xã luận v.v., Khuên, 1848 – 1849. Trong số đó, in riêng nhiều lần: "Lao động làm thuê và tư bản", xuất bản lần cuối cùng: Béc-lin, 1891; đã xuất bản bằng tiếng Nga, tiếng Ba Lan, tiếng I-ta-li-a, tiếng Pháp.– "Hai phiên tòa chính trị", Khuên, 1849 (hai bài nói bào chữa của Mác).–"Neue Rheinische Zeitung. Revue", Hăm-buốc, 1850, sáu số. Trong đó có các bài của Mác: "Từ năm 1848 đến năm 1849". Hợp tác với Ăng-ghen: những bài bình luận và những bài tổng quan hàng tháng.– "Ngày mười tám tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", Niu-Oóc, 1852. Xuất bản lần thứ ba: Hăm-buốc, 1885. Cũng ra mắt bằng tiếng Pháp. – "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên", Ba-lơ, 1853 (bản in bị tịch thu); Bô-xtôn, 1853. Xuất bản lần cuối cùng: Xuy-rích, 1885. – Các bài trên báo "New-York Daily Triune", 1852 – 1861. Trong đó một số bài về Pan-mác-xtơn – xuất bản bổ sung – ra mắt ở Luân Đôn năm 1856 dưới dạng một số bài đả kích. – "Free Press", Sép-phin, tháng Sáu 1856 và Luân Đôn, đến tháng Tư 1857: "Những điều tiết lộ về lịch sử ngoại giao thế kỷ XVIII" (về sự lệ thuộc vụ lợi thường xuyên của các bộ trưởng Anh thuộc đảng Vích vào nước Nga)[366]. – "Das Volk", Luân Đôn, 1859: các bài về lịch sử ngoại giao trong Chiến tranh I-ta-li-a năm 1859[367]. "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", Tập thứ nhất, Béc-lin, 1859. Xuất bản bằng tiếng Ba Lan 1890.- "Ông Phô-gtơ", Luân Đôn, 1860.– "Tuyên ngôn thành lập của Hội liên hiệp công nhân quốc tế", Luân Đôn, 1864; tiếp đến, tất cả mọi tài liệu công bố của Tổng Hội đồng, kể cả "Nội chiến ở Pháp", Luân Đôn, 1871 (lần xuất bản cuối cùng bằng tiếng Đức: Béc-lin, 1891; cũng được xuất bản bằng tiếng Pháp, tiếng I-ta-li-a và tiếng Tây Ban Nha).– "Tư bản, phê phán khoa kinh tế chính trị". Tập thứ nhất, Hăm-buốc, 1867; xuất bản lần cuối cùng, lần thứ tư, 1890. Được xuất bản bằng tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Ba Lan và tiếng Đan Mạch.– Như trên. Tập thứ hai, Hăm-buốc, 1885; lần xuất bản thứ hai đang in. Xuất bản bằng tiếng Nga. Tập thứ ba sẽ mắt vào năm 1893.

Viết vào khoảng giữa ngày 9 và 25 tháng Mười một 1892
Đã in trong cuốn "Handwörterbuch der Staatswissenschaften", Bd.4, 1892
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản in trong cuốn sách "Handwörterbuch der Staatswissenschaften"
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "BERLINER VOLKS - TRIBÜNE"[368]

Loạt bài công bố trên báo "Volks-Tribüne" với nhan đề "Liên đoàn Giuy-ra và Mi-kha-in Ba-cu-nin" buộc tôi phải viết một bài bác bỏ ngắn.

Tuy tác giả[1*] dường như cố gắng trình bày đề tài của mình một cách thiết thực và vô tư, nhưng thực ra ông ta trình bày nó như chính các ông vô chính phủ trình bày nó và như họ muốn nó được trình bày. Thí dụ, ông ta vận dụng rất nhiều tài liệu của Ba-cu-nin; còn những tài liệu công bố của các đối thủ ở Giơ-ne-vơ của phái Ba-cu-nin thì ông ta sử dụng rất ít, mà tài liệu của Tổng Hội đồng ở Luân Đôn thì ông ta hoàn toàn không sử dụng.

Tôi xin dẫn ra những điều bịa đặt nổi bật nhất chỉ từ một bài (X, số ra ngày 12 tháng Mười một).

Nói rằng Tổng Hội đồng đã triệu tập vào năm 1871 một hội nghị "bí mật" ở Luân Đôn[369] mà

"chỉ riêng các phân ban vô chính phủ Thụy Điển không được thông báo, thế nhưng họ vẫn biết được ý định này" v.v.

1* — L. E-ri-ti-ê

là không đúng.

Hội nghị vừa công khai vừa bí mật như bất kỳ phiên họp nào của bất kỳ đảng dân chủ – xã hội nào; về hội nghị đó người ta không tiết lộ trên các báo, và người ta không mời phóng viên vào phòng họp.

Các phân hội Giuy-ra đã công khai chống lại Tổng Hội đồng và không có mối liên hệ chính thức nào với Tổng Hội đồng. Trái lại, trong Tổng Hội đồng *có hai phần tử vô chính phủ thuộc phái Ba-cu-nin*, là những hội viên của hội kín Ba-cu-nin được bầu theo đề xuất của "nhà độc tài" Mác: Rô-bin và Ba-xtê-li-ca. Chính Rô-bin đã liên hệ với các phân hội Giuy-ra; nhân danh họ, ngay hồi tháng Ba 1871 ông ta đã đề nghị triệu tập các hội nghị mà sau này họ đã từ bỏ và cũng đã thông báo cho họ biết việc triệu tập đó. Tất cả những điều khác đều là dối láo theo lối vô chính phủ.

Cuộc hội nghị

"dự định họp ở chỗ Mác ... đã diễn ra .. tại căn hộ của Mác".

Một sự dối láo ngu xuẩn; hội nghị đã họp tại quán rượu "Bluy-pô-xtơ", gần đường Tốt-tem-hem Coóc-tơ, ở cái gọi là khu phố Pháp.

Thành phần hội nghị cũng nêu không đúng; cả điểm tranh cãi cũng chỉ ra không đúng: đó không phải là đoạn trong Điều lệ, mà là đoạn trong lời nói đầu nêu lý do viết cho Điều lệ. Đoạn ấy nói: "Giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế là mục đích vĩ đại mà mọi phong trào chính trị đều phải phục tùng với tư cách là phương tiện", đã bị ủy ban địa phương Pa-ri thứ nhất (theo Pru-đông) xuyên tạc khi dịch sang tiếng Pháp như sau:

"... mục đích vĩ đại... mà trước nó mọi phong trào chính trị đều phải lùi bước"[370].

Khi chuyển chở qua nước Pháp, cảnh sát của Bô-na-pác-tơ đã tịch thu văn kiện của Đại hội Giơ-ne-vơ[371], cuối cùng chúng được trả lại

chỉ nhờ sự can thiệp của Bộ ngoại giao Anh, vào lúc đó thì ở Giơ-ne-vơ lại vội vã in bản dịch cũ của Pa-ri, và sau này các phần tử vô chính phủ dựa trên cơ sở đó có thể khẳng định rằng Đại hội Giơ-ne-vơ đã quyết định như vậy. Dĩ nhiên, rất đáng tiếc cho các phần tử vô chính phủ, việc xuất bản văn bản chính thức của Điều lệ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức do Tổng Hội đồng cho ra mắt năm 1871 theo ủy nhiệm cũng của Đại hội Giơ-ne-vơ ấy[372] đã chấm dứt sự lừa bịp đó. Trước mặt tôi là bản Điều lệ có những điểm sửa đổi do Mác đưa ra và đã được Đại hội Giơ-ne-vơ chấp nhận; những sửa đổi ấy chỉ đóng khung trong bản thân những điều khoản của Điều lệ và hoàn toàn không đụng chạm đến phần mở đầu.

Tiếp đến, điều không đúng nữa là nơi Hội nghị Luân Đôn đã quyết định

"đặt phong trào vô chính phủ của Giuy-ra dưới sự chỉ huy của Ủy ban Giơ-ne-vơ".

Và ở đây tôi nẩy ra một số thắc mắc là ý đồ của tác giả có trung thực hay không. Hoặc là ông ta biết đọc, hoặc là ông ta không biết đọc. Nếu ông ta biết đọc, thì trong nghị quyết của hội nghị ông ta chỉ có thể đọc những điều sau đây: 1) tước của Ủy ban Giuy-ra tên gọi Ủy ban Rô-măng (mà ủy ban Giuy-ra đã chiếm) và đặt tên gọi này cho Ủy ban Giơ-ne-vơ cũ; 2) kêu gọi phái Giuy-ra giải quyết sự tranh chấp của mình với phái Giơ-ne-vơ; 3) còn nếu không làm được thì họ phải lập liên đoàn của chính họ lấy tên là Liên đoàn Giuy-ra[373]. Như vậy, tất cả những gì Hội nghị đã làm chung quy là để cho phái Giơ-ne-vơ lẫn phái Giuy-ra hoàn toàn hành động trong khuôn khổ quyền độc lập của chính họ.

Tóm lại, tác giả là hoặc giả vờ là trẻ con ngây thơ, về mọi mặt tin lời con cừu non vô chính phủ bị vu oan. Về những điều mà các ngài ấy không cho là cần kể ra, thì tác giả rất mực cự phách của chúng ta hoàn toàn không biết gì cả, do đó ông ta cũng chẳng biết gì về những điều tạo nên mặt ngấm ngầm của

toàn bộ cuộc tranh cãi. Đằng sau "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa" *công khai* do Ba-cu-nin thành lập ẩn dấu một Đồng minh *bí mật* mà mục đích là chuyển cho bằng được quyền thống trị toàn bộ Quốc tế vào tay các phần tử vô chính phủ[374]. Đồng minh bí mật ấy lan rộng ra ở Giuy-ra, ở I-ta-li-a và Tây Ban Nha. Tổng Hội đồng nhận được những bằng cứ chứng minh điều đó sớm hơn cả từ Tây Ban Nha, rồi nhận được từ Giơ-ne-vơ bản Điều lệ và nhiều tư liệu khác liên quan đến âm mưu ngây thơ này chống phong trào công nhân châu Âu. Đây chính là những tư liệu mà căn cứ vào đó năm 1872 Đại hội La Hay đã kết án, khai trừ Ba-cu-nin và Ghi-ôm ra khỏi Quốc tế[375]. Để bác bỏ việc xuyên tạc, giờ đây lại nổi lên, của phái vô chính phủ đối với câu chuyện này và nhiều chuyện khác, có thể đọc trong cuốn sách xuất bản theo quyết định của Đại hội La Hay: "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế". Luân Đôn, Hăm-buốc, 1873; Cô-cô-xki dịch ra tiếng Đức:"Âm mưu chống Quốc tế", Brao-svai-gơ, Brắc- cơ, 1874[376].

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 15 tháng Mười một 1892

Đã đăng trong phụ trương báo "Berliner Volks-Tribüne" số 47, ngày 19 tháng Mười một 1892

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

MỘT TRƯỜNG HỢP MỚI PHÁT HIỆN VỀ QUẦN HÔN[377]

Gần đây một số nhà dân tộc học duy lý chủ nghĩa có cái mốt phủ nhận sự tồn tại của quần hôn; do đó đáng chú ý là báo cáo sau đây mà tôi xin trích dẫn từ tờ báo Mát-xcơ-va "Russkija Vjedomosti" ("Tin tức Nga") số ra ngày 14 tháng Mười 1892 lịch cũ. Báo cáo không chỉ xác định dứt khoát là có phong tục quần hôn tác động rất mạnh, nghĩa là một nhóm đàn ông và một nhóm đàn bà có quyền có quan hệ tình dục với nhau, mà còn có hình thức quần hôn rất gần với hôn nhân pu-na-lu-a ở người Ha-oai, nghĩa là gần với giai đoạn cổ điển phát triển nhất của chế độ quần hôn. Trong khi gia đình pu-na-lu-a điển hình gồm một loạt anh em (cùng mẹ khác cha hoặc thuộc những mức độ thân thuộc xa hơn) có quan hệ hôn nhân với một loạt chị em cùng mẹ khác cha hoặc có mức độ thân thuộc xa hơn, – trong trường hợp này, ở đảo Xa-kha-lin chúng ta thấy rằng một người đàn ông có quan hệ hôn nhân với tất cả những người vợ của anh em mình và với tất cả những chị em của vợ mình, nói cách

khác, nếu xét hiện tượng này từ phía nữ, thì vợ của anh ta có quyền quan hệ tình dục với anh em của chồng và với những người chồng của chị em mình. Do đó, sự khác biệt với hình thức hôn nhân pu-na-lu-a điển hình chỉ là ở chỗ anh em của chồng và các chồng của các chị em, không nhất thiết cùng là một.

Tiếp đến cần phải nhận thấy rằng cả ở đây cũng xác nhận điều tôi đã viết trong "Nguồn gốc của gia đình", xuất bản lần thứ 4, tr. 28 – 29, cụ thể là: quần hôn tuyệt nhiên không như ốc tưởng tượng đã quen với nhà thổ của người phi-li-xtanh của chúng ta vẽ ra cho mình; những người trong diện quần hôn tuyệt nhiên không công khai sống cuộc sống trụy lạc, mà người phi-li-xtanh của chúng ta thực hành một cách lén lút; trái lại, hình thức hôn nhân ấy, ít ra như chúng ta thấy qua tất cả những trường hợp giờ đây còn gặp, trong thực tế chỉ khác hôn nhân đối ngẫu không vững bền hoặc chế độ đa thê ở chỗ một loạt trường hợp quan hệ tình dục mà trong những điều kiện khác thì bị trừng trị nghiêm khắc nhưng ở đây lại được phong tục cho phép[378]. Việc sử dụng trên thực tế những quyền ấy dần dần trở thành một hiện tượng đang tiêu vong, điều đó chỉ chứng minh rằng bản thân hình thức hôn nhân ấy đang ở giai đoạn tiêu vong. Và điều đó cũng được xác nhận do chỗ hình thức hôn nhân đó rất ít phổ biến.

Về những mặt khác, toàn bộ sự mô tả đó còn lý thú ở chỗ một lần nữa cho thấy trên những nét cơ bản, những dân tộc nguyên thủy ở một nấc thang phát triển hầu như như nhau có các thiết chế xã hội giống nhau, thậm chí đồng nhất với nhau đường nào. Những điều đã kể về những người Mông-gô-lô-ít ở Xa-kha-lin ấy, phần lớn hoàn toàn có thể áp dụng đối với các bộ lạc Dra-vi-đi của Ấn Độ, đối với cư dân các đảo ở Thái Bình Dương vào thời chúng được phát hiện, đối với dân da đỏ châu Mỹ. Bản báo cáo nói:

"Tại phiên họp của ban nhân chủng học Hội những người yêu khoa học tự nhiên ở Mát-xcơ-va[1*] ngày 10 tháng Mười" (lịch cũ; 22 tháng Mười lịch mới). "N. A. I-an-súc báo cáo một thông báo lý thú của ông Stéc-nơ-béc về người Ghi-li-ắc ở Xa-kha-lin[379], một bộ lạc ít được nghiên cứu và đang ở nấc thang[2*] văn hóa của người đá mạn. Người Ghi-li-ắc không biết nghề trồng trọt và nghề gốm, họ kiếm thức ăn bằng săn thú và bắt cá là chủ yếu, đun nóng nước trong một máng gỗ bằng cách bỏ vào đó những viên đá nung đỏ v.v.. Đặc biệt đáng chú ý là các thiết chế gia đình thị tộc của họ. Người Ghi-li-ắc gọi cha không chỉ người cha đẻ của mình, mà cả tất thảy mọi anh em của cha đẻ, còn các vợ của những người anh em ấy, cũng như các chị em của mẹ đẻ mình thì họ gọi tất cả đều là mẹ, đối với các con của tất thảy mọi "ông bố" và "bà mẹ" ấy[3*], họ đều gọi là anh chị em của mình cả. Như chúng ta biết, cách gọi như vậy[4*] cũng tồn tại ở người I-rô-qua và những bộ lạc In-đi-an khác của Bắc Mỹ, cũng như ở một số bộ lạc ở Ấn Độ, nhưng ở họ cách gọi ấy đã không phù hợp với thực tế, trong khi ở người Ghi-li-ắc nó dùng để biểu thị *trật tự tồn tại từ trước đến nay*. Và giờ đây *mỗi người Ghi-li-ắc đều có quyền làm chồng đối với các bà vợ của anh em mình và đối với các chị em của vợ mình*[5*], ít ra việc thực hiện những quyền ấy không bị coi là điều cấm kỵ[6*]. Những tàn dư ấy của quần hôn dựa trên chế độ thị tộc[7*] giống gia đình pu-na-lu-a nổi tiếng còn tồn tại vào nửa đầu thế kỷ chúng ta ở quần đảo Xan-vích. Hình thức quan

1* Những chữ "ở Mát-xcơ-va" do Ăng-ghen thêm vào.

2* Trong tờ "Tin tức Nga" thay cho những chữ "nấc thang" là những chữ "trình độ".

3* Trong tờ "Tin tức Nga" thay cho những chữ "tất thảy mọi "ông bố" và "bà mẹ" ấy" là những chữ "tất cả những người thân thích kể trên".

4* Trong tờ "Tin tức Nga" thay cho những chữ "cách gọi" là những chữ "các thuật ngữ".

5* Chữ in ngả do Ăng-ghen nhấn mạnh.

6* Trong tờ "Tin tức Nga" thay cho những chữ "điều cấm kỵ" là những chữ "tội lỗi".

7* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "quần hôn dựa trên chế độ thị tộc" là những chữ "hôn nhân thị tộc".

hệ gia đình thị tộc[1*] này là cơ sở của tổ chức xã hội của người Ghi-li-ắc, cơ sở của chế độ thị tộc của họ.

Thị tộc của người Ghi-li-ắc gồm tất thảy các anh em của cha anh ta thuộc mức độ thân thích gần và xa hơn, thực tế và danh nghĩa[2*], bố và mẹ của họ, con của các anh em người Ghi-li-ắc và con của bản thân người Ghi-li-ắc. Để hiểu là một thị tộc hình thành như vậy có thể có rất nhiều thành viên. Đời sống của thị tộc diễn ra trên cơ sở sau đây. Hôn nhân bên trong thị tộc phải tuyệt đối bị cấm. Vợ của người Ghi-li-ắc quá cố thì theo quyết định của thị tộc, chuyển sang một trong số những anh em cùng mẹ khác cha hoặc anh em danh nghĩa[3*] của người quá cố. Thị tộc nuôi dưỡng tất cả mọi thành viên không có khả năng lao động của mình. "Ở chỗ chúng tôi không có người ăn xin, — một người Ghi-li-ắc nói với chuyên viên, — "nếu có người nghèo thì thị tộc nuôi". Các thành viên gắn bó với nhau do có chung việc cúng tế và hội hè, có chung nghĩa địa v.v..

Thị tộc đảm bảo đời sống và an ninh cho mỗi thành viên của mình khỏi bị những người không thuộc thị tộc xâm phạm[4*]. Biện pháp trừng phạt là trả thù bằng máu[5*], nhưng dưới ảnh hưởng của người Nga, tác động của thiết chế này đã giảm đi đáng kể. Phụ nữ hoàn toàn không bị sự trả thù của thị tộc. — Trong một số trường hợp, và lại rất hãn hữu, thị tộc nhận người của thị tộc khác làm con nuôi. Theo thông lệ, tài sản không được ra khỏi thị tộc của người đã chết. Về mặt này ở người Ghi-li-ắc có quy tắc Mười hai bảng nổi tiếng: "Si sous heredes non habet, gentiles familiam habento"" (Nếu không có người thừa kế của mình thì người cùng thị tộc thừa kế)[380].

1* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "gia đình thị tộc" là những chữ "gia đình thân thích".

2* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "mức độ thân thích gần và xa hơn, thực tế và danh nghĩa" là những chữ "(tất thảy mọi mức độ)".

3* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "anh em cùng mẹ khác cha hoặc anh em danh nghĩa" là những chữ "anh em (mọi mức độ)".

4* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho hai chữ "thị tộc" là chữ "khan", thay cho những chữ "những người không thuộc thị tộc" là những chữ "những người của thị tộc khác".

5* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "Biện pháp trừng phạt" là những chữ "Biện pháp"; thay cho những chữ "trả thù bằng máu" là những chữ "trả thù của thị tộc".

"Không một sự kiện đặc biệt nào trong đời sống của người Ghi-li-ắc lại không có sự tham gia của thị tộc. Cách đây tương đối chưa lâu, hai ba đời về trước, người già nhất trong thị tộc là người đứng đầu xã hội, là tộc "trưởng". Nhưng hiện nay vai trò của những người già nhất trong thị tộc chỉ là chủ trì các nghi lễ tôn giáo. Các thị tộc thường phân tán ở những điểm rất xa nhau, nhưng tuy cách biệt, những người cùng thị tộc vẫn nhớ đến nhau, đến thăm nhau, giúp đỡ và che chở nhau v.v.. Và lại, nếu không có nhu cầu đặc biệt thì người Ghi-li-ắc sẽ không rời người cùng thị tộc của mình, nghĩa địa của thị tộc mình. Sinh hoạt thị tộc đặt dấu ấn rõ rệt lên toàn bộ tư chất tinh thần của người Ghi-li-ắc, đến tính cách, phong tục và các thiết chế của họ. Thói quen cái gì cũng bàn bạc chung, việc cần luôn luôn bảo vệ lợi ích của người cùng thị tộc mình, chế độ trách nhiệm liên đới trong các vấn đề trả thù bằng máu[1*], sự cần thiết và nếp quen sống trong những căn lều lớn cùng với hàng chục đồng loại, có thể nói, luôn luôn sống cùng mọi người, đã rèn đúc trong người Ghi-li-ắc tính cách đặc biệt lịch lãm, hay nói. Người Ghi-li-ắc hết sức ân cần niềm nở, họ thích tiếp khách, thích tự mình đến thăm họ. Phong tục mến khách cao quý thể hiện đặc biệt rõ trong những ngày mưa gió xấu trời. Vào năm đen tối, khi người Ghi-li-ắc không đủ thức ăn cho mình lẫn cho chó, họ không chìa tay xin ăn mà: họ vững tin đi làm khách và sống ở đấy đôi khi một thời gian khá dài.

Ở người Ghi-li-ắc Xa-kha-lin hầu như không gặp những tội ác mang tính chất trục lợi. Đồ châu báu của mình người Ghi-li-ắc cất giữ trong các vựa không bao giờ khóa cửa cả. Người Ghi-li-ắc đặc biệt nhạy với nỗi nhục đến mức, nếu bị tố cáo là đã làm điều gì đó đáng xấu hổ thì họ đi vào rừng rậm treo cổ tự vẫn. Ở người Ghi-li-ắc, tội giết người rất hãn hữu và thường xảy ra khi tức giận; nói chung việc giết người không bao giờ có mục đích vụ lợi. Trong quan hệ của mình với người khác[2*], người Ghi-li-ắc tỏ ra chính trực, nói đi đôi với làm và có lương tâm.

Mặc dù bị phụ thuộc lâu dài vào người Mãn Châu đã Trung Quốc hóa, tuy chịu ảnh hưởng tai hại của việc di dân khai khẩn[3*] vùng A-mua, nhưng về mặt đạo đức,

1* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "trả thù bằng máu" là những chữ "trả thù".

2* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "quan hệ của mình với người khác" là những chữ "quan hệ công dân".

3* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "di dân khai khẩn" là những chữ "dân cư vãng lai".

người Ghi-li-ắc vẫn giữ nhiều đức tính vốn có của một bộ lạc nguyên thủy. Nhưng số phận chế độ sinh sống của họ đã được quyết định không thể đảo ngược. Một vài đời nữa, người Ghi-li-ắc trên đất liền sẽ hoàn toàn Nga hóa, và cùng với các mối lợi của nền văn minh họ sẽ hấp thụ cả những khuyết tật của nó. Người Ghi-li-ắc Xa-kha-lin, ít nhiều xa các trung tâm định cư của người Nga, có cơ may giữ thuần khiết không bao lâu nữa. Nhưng dân cư Nga láng giềng đã bắt đầu ảnh hưởng đến họ. Từ tất thảy mọi thôn xóm người ta đến Ni-cô-la-ép-xcơ để mua hàng và làm việc để kiếm tiền, người Ghi-li-ắc đi làm thêm trở về quê hương thì ai ai cũng mang theo bầu không khí, như công nhân mang từ thành thị về nông thôn Nga. Ngoài ra, tiền kiếm được ở các thành thị cùng với diễm phúc luôn luôn thay đổi của chúng ngày càng thủ tiêu sự bình đẳng nguyên thủy vốn là nét chiếm ưu thế của đời sống kinh tế không phức tạp của những dân tộc, như người Ghi-li-ắc.

Bài viết của ông Stéc-nơ-béc trong đó cũng tập hợp những tư liệu về quan điểm tôn giáo của người Ghi-li-ắc, về lễ nghi, các thiết chế pháp luật[1*] của họ, sẽ được in trong *"Bình luận dân tộc học"* ("Etnograficheskoje Obozrenie")[381].

Viết vào cuối tháng Mười một – 4 tháng Chạp 1892
Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd. I, số 12, 1892 – 1895
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Trong tờ "Tin tức Nga", thay cho những chữ "các thiết chế pháp luật" là những chữ "các tập quán pháp lý".

GỬI BAN LÃNH ĐẠO ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI HUNG-GA-RI[382]

Các đồng chí kính mến!

Tôi rất cảm ơn các đồng chí đã có nhã ý mời tôi đến dự đại hội đảng của Đảng dân chủ–xã hội Hung-ga-ri, tiếc rằng tôi không thể dự được.

Gửi các đồng chí những dòng này, tôi không thể không bày tỏ sự nuối tiếc sâu sắc của tôi trước sự bất hòa đã bùng lên trong hàng ngũ các đồng chí. Tôi hoàn toàn không can thiệp vào những công việc mà tôi chẳng những không có nhiệm vụ giải quyết mà còn không có khả năng vì tôi không thật hiểu rõ lắm.

Tôi chỉ có thể phát biểu lời chúc đại hội đảng dàn xếp được các bất đồng và [1*] trừ bỏ được nguy cơ phân liệt.

Chúc đại hội đảng thành công tốt đẹp nhất.

Ph.Ă. của các đồng chí

Viết vào đầu tháng Giêng 1893
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XVI, ph. II, 1936

In theo bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Tiếp theo, trong bản thảo những chữ sau đây đã bị xóa đi : "giữ cho đảng Hung-ga-ri một cán bộ có năng lực, chắc chắn là đồng chí P.En-ghen-man".

VỀ THỦ ĐOẠN VỪA RỒI CỦA CẢNH SÁT PA-RI[383]

Báo chí tư sản Pa-ri loan tin rất rùm beng rằng cảnh sát đã phanh phui một âm mưu hết sức hèn hạ. Một số "người hư vô chủ nghĩa Nga" dường như đã lập mưu nhằm đưa Nga hoàng nhu mì và tên độc tài của toàn bộ đế quốc Nga sang thế giới bên kia; nhưng cảnh sát đã cẩn thận đề phòng; "bọn tội phạm là những người tổ chức vụ mưu sát" đã bị tóm, người cha độ lượng của tổ quốc Nga đã được cứu thoát.

Như chúng ta thấy khi xét kỹ, những "người hư vô chủ nghĩa" xứng đáng với tên gọi như vậy chỉ vì họ không có gì giống với chủ nghĩa hư vô [nihil] Nga. Đấy chỉ là những người Ba Lan không may sinh ra dưới vương trượng của vua cha ở Pê-téc-bua; họ sống rất hiền hòa và khiêm tốn ở Pa-ri và hoàn toàn không ngây thơ đến mức bày ra một âm mưu nhằm mục đích ám sát, – việc đó bây giờ những người khôn ngoan giao cho cảnh sát. Chỉ cần một sự đồn đại bất đắc dĩ về họ Ba Lan của những "người hư vô chủ nghĩa Nga" ấy là đủ để làm cho giả thuyết về mưu sát và âm mưu trở thành không thể chấp nhận được ngay cả đối với cảnh sát. Cảnh sát đã buộc phải cung cấp thông tin cho các nha, sở Ha-vát và Rôi-tơ của mình rằng những người ấy chỉ bị trục xuất khỏi Pháp mà thôi.

Thế thì khắp nơi dấy lên sự ầm ĩ đó nhằm mục đích gì? Rất đơn giản.

Các nhà cầm quyền của nước cộng hòa tư sản cơ hội – cấp tiến – các bộ trưởng, các thượng nghị sĩ, các đại biểu – tất cả không trừ một ai đều dính líu đến vụ bê bối Pa-na-ma[384]: số này là người nhận hối lộ, số kia là người cùng tham dự và che dấu. Song họ đều giữ quan điểm là dư luận xã hội đã chú ý quá lâu đến mặt *này* trong hoạt động không trong sạch của họ. Họ suy luận như thế này: bàn dân thiên hạ đã nhắc đi nhắc lại rằng với những thủ đoạn gian lận của mình chúng ta đã phá hoại niềm tin vào nước cộng hòa; còn giờ đây chúng ta sẽ chỉ ra rằng chúng ta cũng có thể làm mất uy tín nền cộng hòa ấy cả về mặt chính trị, sẽ chỉ ra rằng về mặt quy lụy Nga hoàng, chúng ta có thể hơn đứt Bi-xmác một trăm điểm. Đại sứ quán Nga muốn tìm hiểu giấy tờ của kiều dân Ba Lan, còn chúng ta sẽ chứng minh nguyện vọng nồng nhiệt của chúng ta muốn dâng cho nó tất cả những gì nó muốn, không chỉ giấy tờ, mà cùng với giấy tờ cả bản thân những người Ba Lan, và nếu cần thì cả toàn bộ nước Pháp nữa.

Nếu bằng cách đó nước cộng hòa tư sản tự mình chuẩn bị sự diệt vong của mình thì chỉ tốt cho chúng ta thôi. Những người kế thừa nó đã đứng ở ngưỡng cửa rồi – đó tuyệt nhiên không phải là những người bảo hoàng, tuy lại rất tích cực bắt tay tổ chức các vụ âm mưu, dầu sao cũng không nguy hiểm; những người kế thừa ấy là những người xã hội chủ nghĩa. Song sự ngu ngốc của những người đang cai trị Pháp ấy cũng có thể làm hại chúng ta. Họ cầu xin lòng tử tế và sự ban ơn của nước Nga chính thức, họ liếm giầy nước Nga, họ tự hạ nhục trước bè lũ bịp bợm Nga ấy, họ tâng Nga hoàng lên thành vị chúa tể thực sự của Pháp và người lãnh đạo nền chính trị Pháp, trong khi bản thân Nga hoàng đang ở vào một tình thế bất lực không cho phép ông ta dành bất kỳ sự giúp đỡ thực tế nào cho Pháp. Mùa đông này chứng minh rằng nạn đói ở Nga trong vòng nhiều năm sẽ là một nạn đói liên tục; dự trữ của đất nước cạn kiệt một thời

gian dài, tình hình tài chính quả là vô vọng. Không phải nước Pháp cần nước Nga, trái lại, chính nước Nga mà không có sự ủng hộ về tinh thần của nước Pháp thì sẽ hoàn toàn bị tê liệt. Nếu những người tư sản Pháp ấy có dù chỉ chút ít lương tri, thì họ sẽ có thể bắt người đồng minh Nga của mình làm mọi thứ, nhưng không đòi tiền bạc và chiến tranh. Thay vào đó, họ phủ phục dưới chân người bạn đồng minh ấy và cho phép sử dụng mình cho các mục đích quốc gia của Nga, điều mà ngay cả Phổ cũng đã không cho phép trong những thời kỳ mình bị hạ nhục nhiều nhất. Và đồng thời họ tưởng rằng họ hành động rất tinh khôn; họ cũng không ngờ rằng ở Pê-téc-bua người ta đang chê cười họ, những kẻ ngu ngốc ấy như chê cười họ vậy.

Paris vaut bien une messe – Pa-ri rất đáng được thánh lễ, Hen-ri IV nói như vậy, khi nhờ chuyển sang đạo Thiên chúa mà đánh đổi được sự đầu hàng của Pa-ri. La France vaut bien une Marseillaise - nước Pháp rất đáng được một bài "Mác-xây-e", A-lếch-xan-đrơ III nói như vậy khi đô đốc Giéc-ve đẩy nước Pháp phủ phục dưới chân A-lếch-xan-đrơ III vào thời điểm gay cấn nhất của trạng thái bất lực và không có lối thoát về chính trị mà ông ta đã lâm vào[385]

Viết vào ngày 10 tháng Giêng 1895
Đã đăng trên báo "Vorwärts" số 11, ngày 13 tháng Giêng 1895

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

VỀ VỤ BÊ BỐI Ở I-TA-LI-A[386]

I

"I-ta-li-a, I-ta-li-a, ôi bọn hư hỏng ở đấy ghê gớm làm sao!" – đó là lời một bài ca của sinh viên Đức hát về những con chấy rận I-ta-li-a. Nhưng bên cạnh bọn lưu đãng sáu chân ở đó còn có bọn bịp bợm hai chân nữa, và la bella Italia[1*] ra sức cố gắng chứng tỏ rằng về mặt này nó không thua kém la belle France[2*], nước có vụ bê bối, lẫn nước Đức trong trắng sợ thần thánh, xứ sở của những phong tục lương thiện và của quỹ Ven-phơ[387].

Ở I-ta-li-a, tiền giấy do sáu ngân hàng phát hành – hai ngân hàng ở Tô-xca-na, một ngân hàng ở Na-plơ, một ngân hàng ở Xi-xin và hai ngân hàng ở Rô-ma: Ngân hàng Rô-ma và Ngân hàng quốc gia. Giấy bạc của sáu ngân hàng có đặc quyền ấy lưu thông làm phương tiện thanh toán có đầy đủ giá trị trên cơ sở đạo luật đã không còn hữu hiệu cách đây mấy năm, nhưng rồi được gia hạn từ năm này sang năm khác cho đến ngày 31 tháng

1* – I-ta-li-a tươi đẹp

2* – nước Pháp tươi đẹp

Chạp 1892 và, cuối cùng, được gia hạn thêm ba tháng – đến ngày 31 tháng Ba 1893.

Ngay thời nội các Cri-xpi, năm 1889, do cần khôi phục lại đặc quyền của ngân hàng ấy và do những lời đồn đại lo âu đã lan truyền, chính phủ ra lệnh điều tra tình hình ở những ngân hàng đó. Việc điều tra ở Ngân hàng quốc gia do thượng nghị sĩ Côn-xi-li-ô tiến hành, ở Ngân hàng Rô-ma do nghị sĩ An-vi-di, một con người trung thực tiến hành, có một quan chức năng nổ của bộ tài chính là Bi-a-gi-ni được cử đến làm chuyên viên giúp sức. Về những điều Côn-xi-li-ô đã phát hiện thì đến nay chưa biết được gì cả; còn về bản báo cáo của An-vi-di cùng toàn bộ tư liệu kèm theo thì mới biết sau khi An-vi-di chết theo độc một bản sao, thường bị coi là không có hiệu lực pháp lý, chính do đó đã nảy sinh một vụ bê bối nhỏ – một "pa-na-mi-nô" như người I-ta-li-a gọi.

Lúc đó nội các Cri-xpi đã mặc nhiên xếp xó báo cáo của An-vi-di. An-vi-di đã mấy lần nhắc đến vụ việc này ở thượng nghị viện, dọa dấy lên một vụ bê bối, nhưng lần nào cũng cho phép người ta bịt mồm lại. Ông ta giữ im lặng cả khi bộ trưởng Mi-se-li, người ra lệnh tiến hành điều tra đã trình bầy tại tiểu ban của nghị viện, nhân khi gia hạn thời hiệu của đạo luật về ngân hàng, một bản báo cáo được tô son điểm phấn rất nhiều về Ngân hàng Rô-ma, đồng thời ông khẩn khoản đề nghị ông bạn An-vi-di của mình đừng tiết lộ làm mất uy tín ngân hàng cũng như các cơ quan tín dụng của đất nước. Ít lâu sau Cri-xpi đổ, Ru-đi-ni lên thay; rồi Ru-đi-ni đổ, đã thành lập nội các Giô-lít-ti nay đang cầm quyền. Việc ban hành đạo luật cuối cùng về ngân hàng theo đó các ngân hàng phải được tổ chức lại, còn đặc quyền của chúng thì được gia hạn sáu năm vẫn còn lơ lửng trên không. Không ai muốn đớp miếng mồi nguy hiểm đó. Giống như que đóm leo lét trong trò chơi trẻ con "chưa tắt", đạo luật ấy chuyển

từ tay người này sang tay người khác cho đến khi, rốt cuộc, ngày 21 tháng Chạp tia lửa nhỏ cuối cùng bị chà đạp một cách không thương xót và hết sức phi pháp.

Ngày 6 tháng Chạp 1892, theo đề nghị của Giô-lít-ti đã đưa ra dự luật gia hạn đặc quyền ngân hàng thêm *sáu năm*. Song do những tin đồn đáng lo ngại loan truyền không công khai về những sự lạm dụng thô bạo đã xảy ra trong việc tiến hành các ngân hàng, ngày 21 tháng Chạp, Giô-lít-ti đã đòi chỉ gia hạn thời hiệu của đạo luật thêm ba tháng đến ngày 31 tháng Ba. Trong lúc tranh luận nghị sĩ Cô-la-i-an-ni đã phát biểu ý kiến và đường đột đọc một số đoạn trong báo cáo chung của An-vi-di về Ngân hàng Rô-ma và trong báo cáo chuyên đề của Bi-a-gi-ni về kết quả cuộc thẩm tra sổ sách kế toán và tiền mặt trong quỹ mà ông này đã tiến hành. Và ở đây đã phát hiện những điều đáng kinh ngạc! Số tiền dôi ra 9 triệu phrăng phát hành phi pháp; sự pha trộn kho bạc ngân hàng với dự trữ vàng rất tiện lợi cho giám đốc ngân hàng và cho thủ quỹ, nhưng bộ điều lệ ngân hàng cấm; một chiếc cặp ám ấp kỳ phiếu lưu không để trống không thể hy vọng thanh toán được; khoản nợ 73 triệu lấy trong quỹ ngân hàng cho 179 nhân vật có đặc quyền vay, hơn nữa 33 ½ triệu cho vẻn vẹn 19 nhân vật vay. Trong số các con nợ của ngân hàng có giám đốc Ngân hàng Tan-lon-gô vay trên một triệu và chủ tịch hội đồng giám sát của ngân hàng là công tước Đgiu-li-ô Toóc-lô-ni-a vay 4 triệu v.v và v.v.. Và lại, Cô-la-i-an-ni không nêu tên một ai, nhưng ám chỉ rằng ông biết nhiều hơn những điều ông đã nói và đòi nghị viện điều tra hoạt động của các ngân hàng.

Rồi một nghị sĩ khác, Ga-vát-xi đã đọc một đoạn nữa trong báo cáo của An-vi-di cho biết Ngân hàng Rô-ma đã cho các luật sư, nhà báo và nhà hoạt động chính trị vay những khoản tiền lớn, và những khách hàng đặc biệt này đã nhận một số tiền

khoảng 12 triệu không được ghi trong các bảng quyết toán đã công bố.

Lúc này cựu bộ trưởng Mi-se-li đứng bật dậy. Thời nội các Cri-xpi ông này đã ra lệnh điều tra. Ba người dính líu vào vụ này của thủ tướng là Giô-lít-ti, Cri-xpi, Ru-đi-ni kẻ trước người sau đứng phát dậy và tuyên bố rằng tất cả những điều tố giác ấy là hoàn toàn bịa đặt.

Và họ đã hành động với một sự phẫn nộ đạo đức sôi nổi dường nào! Ngay cả một người chào hàng Đức bị vạch mặt là môn hàng anh ta cung cấp, mà người ta đặt anh ta làm theo những mẫu hàng tốt, hóa ra có chất lượng thấp nhất, cũng không thể hừng hực sự phẫn nộ cao cả hơn.

Cũng hôm đó các nghị sĩ đã đổi ở két bạc nghị viện số giấy bạc của Ngân hàng Rô-ma lấy trên 50000 phrăng, còn cổ phiếu của ngân hàng (với mệnh giá 1000 phr.) đã sụt giá 100 phrăng. Nhưng sau những diễn văn hào hùng của các bộ trưởng, đến tối các nhà kinh doanh trên thị trường chứng khoán đã sảng khoái lên. Người ta cho rằng vụ bê bối đã được ỉm đi và hồ sơ đã được chôn vùi.

II

Trong khi đó mỗi lời Cô-la-i-an-ni nói đều là sự thật đích thực, và ông đã thông báo chưa đến một phần ba nội dung bản báo cáo về cuộc điều tra. Giám đốc ngân hàng Tan-lon-gô, chánh thủ quỹ Lát-xa-rô-ni và chủ tịch hội đồng giám sát Toóc-lô-ni-a đã phân phát theo lối gia đình số tiền vay đến chín triệu. Và nói chung việc điều hành ngân hàng đã được tiến hành "theo lối gia đình" – patriarcalmente, theo cách nói của Tan-lon-gô; theo lối gia đình đến mức tiền quỹ dùng để cho thương nghiệp và công

nghiệp vay với điều kiện ưu đãi lại cho vay với thế chấp không đáng tin cậy, thực tế không được đảm bảo hoặc đơn thuần cho những người hiểu công nghiệp chỉ là hành nghề đủ loại vụ áp-phe, cho vay thế chấp bằng kỳ phiếu luôn luôn gia hạn và thậm chí theo tài khoản vãng lai đã mở. Việc quản lý ngân hàng được tiến hành theo lối gia đình đến mức hầu hết các nhà báo và không dưới *một trăm năm mươi thành viên hạ nghị viện hiện nay*, những người phần lớn rõ ràng là không có khả năng thanh toán hoặc thậm chí chỉ sống bằng tiền đi vay, đã dần dần bắt đầu hiện diện trong sổ sách kế toán của ngân hàng với tư cách là con nợ. Danh sách những khách hàng này cũng được đính kèm theo báo cáo của An-vi- đi; trong danh sách này, bên cạnh độc một đại biểu của phái hữu là Ác-bíp còn có mặt những nghị sĩ tả thuộc hầu hết mọi mầu sắc, hơn nữa số nợ của mỗi người bằng 500 – 600 nghìn phrăng. Trong số họ có cử một nhân vật mang cái họ rất được kính trọng trên toàn thế giới[1*], cũng như *hai bộ trưởng trong chính phủ hiện nay* là Gri-man-đi và Mác-ti- ni ; Gri-man-đi thậm chí là một trong những cố vấn pháp lý của ngân hàng với mức lương cơ bản hàng năm là 25 000 phrăng. Chừng ấy đã hoàn toàn đủ, nhưng tất cả những điều đó đều thuộc năm 1883, đó mới chỉ là bắt đầu và thậm chí chưa phải là một vụ bê bối nhỏ, mà chỉ là một vụ bê bối rất nhỏ, một vụ bê bối hoàn toàn nhỏ, rất nhỏ.

Tin đồn về những vụ việc ấy và những vụ việc khác, – trong đó dĩ nhiên là có phóng đại – hết tin đồn này đến tin đồn khác bắt đầu lan truyền trong công chúng, sau khi diễn văn của Cô-la-i-an-ni thúc đẩy thêm. Công chúng xoay ra rút tiền gửi khỏi Ngân hàng Rô-ma – trong mấy ngày đã rút trên 9 triệu trong tổng số tiền gửi 14 triệu – và tiếp nhận giấy bạc của Ngân hàng này một cách thiếu tin tưởng. Chính phủ cảm thấy rằng

1* – Mê-nốt-ti Ga-ri-ban-đi.

giờ đây đã đến lúc phải ra tay. Những điều mà bấy nhiêu năm nội các này đùn đẩy cho nội các khác – giải quyết vấn đề ngân hàng và tiền giấy – thì nay cần phải giải quyết gấp. Trong những ngày đầu tháng Giêng đã bắt đầu cuộc thương lượng về việc sáp nhập hai ngân hàng ở Rô-ma và hai ngân hàng ở Tô-xca-na thành một cơ quan tín dụng lớn, và đồng thời nội các ra lệnh tiến hành một đợt mới thanh tra các ngân hàng. Ngân hàng quốc gia phải là hạt nhân của cơ quan mới, dĩ nhiên nó không chịu nhận lấy về mình một cách vô điều kiện tất thảy mọi lỗi lầm của Ngân hàng Rô-ma; nó đã gây trở ngại và mặc cả. Tất cả những điều đó công chúng đã biết rõ; sự mất lòng tin đã phát triển thành sự hoang mang. Thành phố Rô-ma rút trên một triệu tiền gửi ở Ngân hàng Rô-ma, quỹ tiết kiệm cũng thu hồi trên 500 000 phrăng tiền gửi. Cổ phiếu của Ngân hàng Rô-ma sụt giá, sau bài phát biểu của Cô-la-i-an-ni, xuống còn 670 phrăng, ngày 15 tháng Giêng được định giá còn 504 phrăng trong khi mệnh giá của chúng là 1000 phrăng. Ở miền Bắc đất nước người ta đã bắt đầu không chịu nhận giấy bạc của ngân hàng này.

Nhưng ở đây trong công chúng có tin đồn về kết quả còn đáng kinh ngạc hơn nữa của cuộc thanh tra mới đối với Ngân hàng Rô-ma. Đúng là công tước Dgiu-li-ô Toóc-lô-ni-a đã trả hết nợ: ngày 13 tháng Giêng ông nộp 4 triệu, ngày 14 tháng Giêng nộp thêm 600 000 phrăng, ngày 15 nộp 2 triệu còn lại. Đúng là giám đốc Tan-lon-gô và thủ quỹ Lát-xa-rô-ni đã chuyển cho ngân hàng toàn bộ gia sản lớn của mình để thanh toán nợ. Đúng là "một nhân vật rất cao cấp" – báo "Corriere di Napoli"[388] đã ám chỉ vua[1*] một cách rõ ràng – đã trả món nợ ngân hàng của bộ

1* — Um-bec-tô I

trưởng Gri-man-đi và của các thành viên gia đình ông ta. Đúng là nghị sĩ lập hiến – cấp tiến Phoóc-tít đã tuyên bố rằng ông được vay với tư cách là tư vấn pháp lý của ngân hàng. Nhưng điều đó có nghĩa gì so với thông báo nói rằng theo số liệu của cuộc *thanh tra* mới. Ngân hàng Rô-ma – ngân hàng này có quyền phát hành 70 triệu tiền giấy – *đã tung vào lưu thông 133 triệu*; rằng để che dấu sự thực này, sổ sách của ngân hàng đã ghi những con nợ ma tuồng như vay đến 49 triệu, và giám đốc Tan-lon-gô đã lấy 25 triệu theo một biên lai thông thường đề ngày 3 tháng Giêng 1893 ("Secolo"[389] số ra ngày 21-22 tháng Giêng). Người ta còn nói rằng dự trữ vàng, mặc dù vẫn ổn thỏa, nhưng chỉ vì nam tước Mi-kê-lê Lát-xa-rô-ni, cháu họ của chánh thủ quỹ, vay nóng cho mục đích này mấy triệu tiền mặt của những người bạn kinh doanh của mình ở Thụy Sĩ, hứa hoàn trả số tiền này innatura[1*] ngay sau cuộc thanh tra; và lại, điều đó sẽ tốn những công sức nhất định, vì lúc ấy chính phủ đã niêm phong tất cả các quỹ của Ngân hàng Rô-ma. Và đâu đâu cũng ồn lên về những điều tố giác, đã nêu tên 150 nghị sĩ một cách tương đối chính xác và rõ ràng, và không thể phủ nhận được nữa rằng ít ra là ba nội các gần đây nhất đã biết toàn bộ vụ việc này, rằng họ thường xuyên trao nhiều tiền của ngân hàng cho những người ủng hộ mình sử dụng cho mục đích bầu cử, rằng họ thường thảo luận những sự biến thủ đó trong hội đồng bộ trưởng và hoàn toàn nhận thức được trách nhiệm nằm trên vai họ về những khoản biến thủ đó, cố ý im chúng đi, do đó đã khuyến khích những sự hà lạm tiếp.

Sau chuyện đó, báo cáo của Bi-a-gi-ni, cuối cùng được công

1* — dưới dạng tự nhiên, bằng hiện vật

bố trên báo "Corriere di Napoli" ngày 19-20 tháng Giêng, trông nhợt nhạt dường nào! Dã có một vụ tai tiếng nhỏ.

III

Cuộc khủng hoảng không thể tránh được nữa rồi. Trong số những người cùng với ngân hàng làm những việc gian lận, đã chi tiêu và phung phí quỹ của nó – dĩ nhiên là bằng tín dụng trung thực – chỉ có một số có quyền lực nhà nước, những người khác thì không có. Hoàn toàn dễ hiểu rằng một khi họ bị gỉ dao vào họng thì người có quyền lực hy sinh người không có quyền lực. Một trong những người cùng tham gia vào tội ác đã có một quyết định cao cả là trở thành đao phủ khử người khác. Hoàn toàn giống như ở Pháp. Ở đây Ru-vi-ê, Phlô-ké, Phrây-xi-nê và đồng bọn cũng đã hy sinh chính những Lét-xép và Phôn-tan đã từng bị họ và tay sai của họ thường xuyên "gỉ dao vào cổ", theo cách nói của Sác-lơ Lét-xép, để từ vụ bê bối nặn ra tiền cho các mục đích chính trị. Hệt như Giô-lít-ti và Gri-man-đi đã thí người bạn chí cốt của mình là Tan-lon-gô mà trước đây họ và những tiền bối của họ đã trấn đế moi tiền ngân hàng cho mục đích tranh cử của mình và chi cho báo chí của mình, tống tiền cho đến khi chỉ còn một lối thoát là phá sản. Còn khi nợ của Gri-man-đi được trả bằng phương thức bí ẩn nói trên, thì chính ông ta liền lớn tiếng hơn ai hết đòi bắt Tan-lon -gô.

Nhưng Tan-lon-gô – một người lõi đời, một người I-ta-li-a già đã dạn thử thách, hoàn toàn không phải là người mới toanh trong công việc gian lận như Sác-lơ Lét-xép-xơ và những tên bù nhìn khác đã phải dựng lên vụ bê bối cho Rây-nác và đồng bọn. Tan-lon -gô là một người ngoan đạo, hàng ngày vào 4 giờ sáng ông ta đến thánh đường, ở đây ông ta dàn xếp công việc với những nhân vật được ủy quyền và những người môi giới mà ông ta không muốn gặp trong văn phòng ngân hàng của mình – "anh, nhóc con, đừng làm tôi bối rối"[1*], Tan-lon-gô có quan hệ rất tốt với Va-ti-căng, lãnh địa mà cảnh sát I-ta-li-a không với tới được, và ông ta đã đưa cho Va-ti-căng lưu giữ một cái tráp đựng những giấy tờ đã bảo đảm cho ông ta khỏi bị những bạn bè có thế lực và những người che chở của ông ta mưu hại và ông ta không muốn trao gửi quá vội vã cho ngành tư pháp. Vì ở I-ta-li-a lúc có vụ bê bối, cũng như ở Pháp lúc có vụ tai tiếng, ngành tư pháp bị hoài nghi mãnh liệt ở chỗ những cuộc sục sạo trong nhà có khi nó tiến hành không phải để pháp hiện giấy tờ này hay giấy tờ khác, mà là để chúng hoàn toàn biến mất. Và Tan-lon-gô đã quyết định rằng một loại giấy tờ nhất định, phải làm vật bảo vệ ông ta và vạch rõ tình hình thực tế sẽ được giữ nguyên vẹn không phải trong tay viên dự thẩm I-ta-li-a, mà chỉ có ở Va-ti-căng mới được cất giữ thích đáng.

Thế rồi, một khi nội các vừa mới thỏa thuận được với Ngân hàng quốc gia để ngân hàng này đảm nhận tất cả mọi khoản có và khoản nợ của Ngân hàng Rô-ma và có trách nhiệm trả cho các cổ đông mỗi cổ phiếu mệnh giá 1000 phrăng là 450 phrăng; một khi nội các vừa cảm thấy rằng thỏa thuận đó là nhân tố đảm bảo khỏi tiết lộ tên của những nhà hoạt động chính trị nợ

1* Hai-nơ. Trích những điểm bổ sung vào chùm thơ "Lạc ở quê hương".

ngân hàng thì Tan-lon -gô hùng dũng liền phải lập tức thấy rõ ràng trong nền chính trị tư sản, cái giá trả cho sự phục vụ là sự vong ơn. Từ tối 16 tháng Giêng tại nhà ông đã bố trí một đội lính gác; ngày 19 tháng Giêng ông ta và chánh thủ quỹ Lát-xa-rô-ni đã bị bắt.

Đó hoàn toàn không phải là điều bất ngờ đối với ông ta. Ngay trước đấy ông ta đã nói với một trong những biên tập viên của báo "Parlamento"[390]:

"Họ có thể dẫu tôi trong nhà tù, nhưng mong họ chú ý rằng họ đầu tiên một trò chơi xấu... nếu họ muốn đổ lỗi của những người khác cho tôi, thì bằng cách đó họ sẽ thúc đẩy tôi xếp đặt một vụ bê bối... Họ có muốn làm cho tôi khánh kiệt hay không? Thế thì tôi sẽ tiết lộ tên những người *đã tống tiền tôi hết triệu này đến triệu khác*. Tôi hay nói rằng tôi không thể cấp tiền, nhưng câu trả lời luôn luôn chỉ có một: tiền là cần thiết (occorrono). Và tôi có những bằng chứng... thường xuyên như thế; tôi giúp họ càng nhiều thì họ nhổ vào mặt tôi càng nhiều; nhưng nếu giờ đây tôi đổ thì tôi sẽ ở trong một nhóm bạn không tồi".

Và khi con người ốm yếu, già cả ấy, lúc đầu bị bắt trong cung điện của ông ta, ngày 25 tháng Giêng bị dẫn vào nhà tù Rê-gi-na Tsê-li, thì ông ta tuyên bố với một quan chức giải ông ta: "Tôi đi, nhưng tôi giữ quyền tố cáo". Với người nhà, ông ta nói: "Họ muốn tôi chết trong tù, nhưng tôi còn đủ sức lực để trả thù cho mình".

Xem ra con người này đã xử sự ngoan ngoãn tại phiên tòa công khai, giống như những vị giám đốc dính líu vào vụ bê bối Pa-ri mà lẽ ra họ phải thắng những người buộc tội mình bằng những chứng cứ nặng gấp chục lần mà họ có trong tay, thì bằng sự im lặng của mình họ đã van xin một bản án khoan hồng. Tuy Tan-lon -gô mắc chứng thống phong, nhưng báo chí mô tả ông ta là một người cao lớn và cứng cáp, "một giáp binh thực thụ bảy mươi tuổi"; toàn bộ quá khứ của ông ta nói lên

ràng ông ta hiểu: chỉ có một cuộc đấu tranh hết sức ác liệt và một sự kháng cự ngoan cường nhất mới có thể cứu ông ta được. Thành thử vào một ngày nào đó, cái cassetta d'oro[1*] nổi tiếng sẽ di chuyển từ Va-ti-căng đến phòng xử án, những thứ chứa trong đó được lôi ra đặt lên bàn chánh án. Chúc thượng lộ bình an!

Trong khi đó cũng ngày hôm ấy, ngày 25 tháng Chạp, lại khai mạc kỳ họp của nghị viện và vụ bê bối đã nổ ra ở đấy. Giô-lít-ti có thể thét lên trước 150 nghị sĩ của mình chỉ cái điều mà Ru-vi-ê đã thét lên trước 104 nghị sĩ của mình: nếu chúng ta không lấy tiền ấy thì các ngài đâu có họp ở đây! Và quả là như vậy. Cri-xpi và Ru-đi-ni chỉ có thể nói y như vậy. Nhưng sự thế không chỉ có thế. Sau đó nhất định có những lời tố cáo tiếp – ở hạ nghị viện lẫn ở tòa án. Vụ bê bối nhỏ, cũng như vụ bê bối lớn, đều chỉ còn ở giai đoạn đầu.

Vậy đạo lý của toàn bộ câu chuyện ấy là gì? – Cả vụ bê bối lớn lẫn vụ bê bối nhỏ, cả quỹ Ven-phơ đều chứng minh rằng toàn bộ chính sách tư sản hiện nay – cả những chuyện cãi vã rất đỗi thân mật của các đảng tư sản với nhau, cũng như việc họ cùng nhau chống lại sự tấn công của giai cấp công nhân – không thể thi hành mà không có những chi phí tiền khổng lồ, rằng những khoản tiền to lớn ấy được chi tiêu vào những mục đích không thể nói công khai được, rằng do sự ngu ngốc của các ngài tư sản mà các chính phủ ngày càng bị buộc phải kiếm tiền cho những mục đích kín đáo bằng những biện pháp kín đáo. Bi-xmác, con người am hiểu việc này, đã nói: "Chúng ta lấy tiền ở nơi

1* – cái tủ bằng vàng

chúng ta tìm được nó". Mà "chúng ta tìm được nó ở đâu", thì điều này chúng ta vừa mới thấy.

Viết khoảng giữa ngày 26 và 29 tháng Giêng 1895
Đã đăng trên báo "Vorwärts" số 27, 28 và 29, ngày 1, 2 và 3 tháng Hai 1895

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

CARLO MARX e FEDERICO ENGELS

IL MANIFESTO

DEL

PARTITO COMUNISTA

CON UN NUOVO PROEMIO AL LETTORE ITALIANO

di

FEDERICO ENGELS

Centesimi 25

MILANO
Uffici della CRITICA SOCIALE
Portici Galleria, N.°23
1893

Bìa phụ bản in bằng tiếng I-ta-li-a "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1893

GỬI ĐỘC GIẢ I-TA-LI-A

LỜI TỰA VIẾT CHO BẢN TIẾNG I-TA-LI-A "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" XUẤT BẢN NĂM 1893[391]

Người ta có thể nói rằng ngày mà "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được xuất bản rơi gần đúng vào ngày 18 tháng Ba 1848, ngày nổ ra những cuộc cách mạng ở Mi-la-nô và Béc-lin, những cuộc khởi nghĩa vũ trang của hai dân tộc, một dân tộc thì ở giữa lục địa châu Âu, còn dân tộc kia thì ở giữa các nước ven Địa Trung Hải, hai dân tộc dân lúc đó đều suy yếu vì sự phân chia và bất hòa nội bộ, do đó mà cả hai dân tộc đều sa vào ách đô hộ của nước ngoài. Nước I-ta-li-a bị lệ thuộc vào hoàng đế Áo, còn nước Đức thì cũng sa vào ách của Nga hoàng, tuy không trực tiếp nhưng cũng khá rõ ràng. Kết quả của các sự biến ngày 18 tháng Ba 1848 đã giải thoát I-ta-li-a và Đức khỏi cái nhục đó; nếu từ năm 1848 đến năm 1871, hai dân tộc lớn đó được phục hồi và có thể thu hồi bằng cách này hoặc cách khác nền độc lập của mình thì theo ý kiến của Mác, đó là do chính ngay những kẻ đàn áp cuộc cách mạng 1848 đã trở thành những người chấp hành di chúng của cuộc cách mạng đó, bất chấp ý muốn của họ là thế nào[392]

Ở khắp các nơi, cuộc cách mạng đó đều là sự nghiệp của giai cấp công nhân: chính giai cấp công nhân đã dựng lên các lũy chướng ngại và hy sinh thân mình. Nhưng chỉ riêng công nhân Pa-ri, khi lật đổ chính phủ, là hoàn toàn quyết tâm lật đổ cả chế độ tư sản. Nhưng tuy họ thấy rõ sự đối kháng không thể tránh khỏi giữa giai cấp họ và giai cấp tư sản, song sự phát triển kinh tế của nước họ, trình độ trí tuệ của quần chúng công nhân Pháp vẫn chưa đạt đến mức có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo xã hội. Vì thế, kết quả của cách mạng chung quy lại đã về tay giai cấp tư bản. Trong các nước khác – I-ta-li-a, Đức, Áo – công nhân, ngay từ đầu, chỉ làm cái việc là giúp cho giai cấp tư sản lên nắm chính quyền. Nhưng không có một nước nào mà giai cấp tư sản có thể nắm quyền thống trị mà lại không có độc lập dân tộc. Cho nên kết cục của Cách mạng 1848 phải là sự thống nhất và độc lập cho những dân tộc nào đến lúc đó vẫn chưa có được sự thống nhất và độc lập như: I-ta-li-a, Đức, Hung-ga-ri. Bây giờ là đến lượt Ba Lan.

Như vậy, nếu Cách mạng 1848 không phải là một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì ít ra nó cũng dọn đường, chuẩn bị địa bàn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chế độ tư sản đã làm cho đại công nghiệp phát triển ở tất cả các nước thì đồng thời cũng tạo ra ở khắp nơi, trong bốn mươi lăm năm gần đây, một giai cấp vô sản đông đảo, đoàn kết chặt chẽ và mạnh; do đó, nó đã sinh ra, như "Tuyên ngôn" đã nói, những người đào huyệt chôn nó. Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung. Các bạn hãy thử hình dung một hành động quốc tế chung của các công nhân I-ta-li-a, Hung-ga-ri, Đức, Ba Lan và Nga trong những điều kiện chính trị trước năm 1848 xem thế nào!

Vậy là những trận chiến đấu năm 1848 không phải là vô ích. Bốn mươi lăm năm qua, kể từ thời kỳ cách mạng đó đến bây giờ, cũng không phải là vô ích. Những quả của nó đang bắt đầu chín, và tôi chỉ mong rằng việc xuất bản bản dịch ra tiếng I-ta-li-a này sẽ là một dấu hiệu tốt, một dấu hiệu báo trước thắng lợi của giai cấp vô sản I-ta-li-a cũng như việc xuất bản nguyên bản đã báo hiệu cuộc cách mạng quốc tế.

"Tuyên ngôn" hoàn toàn thừa nhận vai trò cách mạng mà chủ nghĩa tư bản đã đóng trong quá khứ. Nước I-ta-li-a là nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên. Cuối thời trung cổ phong kiến, đầu kỷ nguyên tư bản hiện đại đã biểu hiện ra ở một nhân vật khổng lồ. Đó là Đan-tơ, người nước I-ta-li-a, nhà thơ cuối cùng của thời trung cổ và đồng thời là nhà thơ đầu tiên của thời đại mới. Hiện nay, cũng như năm 1300, đang mở ra một kỷ nguyên lịch sử mới. Để đời đời truyền tụng sự nảy sinh của kỷ nguyên mới này, kỷ nguyên vô sản, liệu nước I-ta-li-a có cung cấp được cho chúng ta một Đan-tơ mới chăng?

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 1 tháng Hai 1893

Đã in trong cuốn: Karlo Marx e Federico Engels. "Il Manifesto del Partito Comunista". Milano, 1893

In theo bản in trong cuốn sách, có đối chiếu với bản sơ thảo bằng tiếng Pháp
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a

CHÂU ÂU CÓ THỂ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ HAY KHÔNG?[393]

Viết vào tháng Hai 1893
Đã đăng dưới dạng một loạt bài (không có lời tựa) trên báo "Vorwärts" các số 51-56, 58 và 59; ngày 1-5, 7,9 và 10 tháng Ba 1893 và in thành sách lẻ có lời tựa (đề ngày 28 tháng Ba) vào cuối tháng Ba 1893
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI TỰA

Những bài in lại ở đây đã được công bố trên báo "Vorwärts" ở Béc-lin, tháng Ba 1893, trong thời gian tranh luận tại Quốc hội về dự luật quân sự.

Trong những bài này, tôi xuất phát từ tiền đề ngày càng được mọi người thừa nhận sau đây: hệ thống các quân đội thường trực ở toàn châu Âu đã được đưa đến cực đoan là, hoặc các dân tộc sẽ bị nó làm kiệt quệ về kinh tế, không chịu được gánh nặng chi phí chiến tranh, hoặc nó không khỏi sẽ dẫn đến cuộc chiến tranh hủy diệt phổ biến nếu các quân đội thường trực không được kịp thời cải biến thành dân binh dựa trên việc vũ trang rộng khắp đối với nhân dân.

Tôi xin thử chứng minh rằng việc cải biến ấy đã có thể thực hiện ngay bây giờ, thậm chí với các chính phủ hiện nay và trong tình hình chính trị hiện nay. Như vậy, tôi xuất phát từ tình hình đó và tạm thời tôi chỉ xin đề nghị những biện pháp mà mỗi chính phủ hiện nay đều có thể thi hành mà không thiệt hại gì cho nền an ninh của nước nhà. Tôi chỉ muốn xác định rằng đứng trên góc độ thuần túy quân sự mà xét thì hoàn toàn không có trở ngại nào đối với việc dần dần xóa bỏ các quân đội thường trực, nhưng nếu những quân đội ấy vẫn được duy trì, thì đó không phải vì lý do quân sự mà vì lý do chính trị – tóm lại, quân đội dùng để bảo vệ chủ yếu không phải chống giặc ngoại bang mà là chống kẻ thù ở trong nước.

Trái với điều đó, việc giảm dần thời hạn quân dịch thông qua một hiệp định quốc tế, điểm cơ bản trong suy luận của tôi, tôi cho rằng, nói chung, là con đường đơn giản nhất và ngắn nhất để khắp nơi chuyển từ quân đội thường trực sang vũ trang toàn dân một cách có tổ chức dưới dạng dân binh. Các hình thức của một hiệp định như vậy dĩ nhiên có thể thay đổi tùy theo tính chất của những chính phủ ký kết hiệp định, cũng như tùy theo cục diện chính trị hiện tại. Mà hoàn cảnh bây giờ thì hết sức thuận lợi: thành thử, nếu ngay bây giờ đã có thể lấy thời hạn quân dịch *nhiều nhất* là hai năm làm điểm xuất phát, thì mấy năm nữa chắc sẽ có thể ấn định thời hạn ngắn hơn đáng kể. Nếu việc huấn luyện thể dục thể thao và quân sự cho thế hệ trẻ nam giới là một trong những điều kiện quan trọng để chuyển sang hệ thống mới, qua đó tôi nói rõ ràng không nên lẫn lộn chế độ dân binh đề ra ở đây với bất cứ hình thức nào trong số những hình thức dân binh đang tồn tại hiện nay, với dân binh Thụy Sĩ chẳng hạn.

Luân Đôn, ngày 28 tháng Ba 1893 ***Ph. Ăng-ghen***

I

Thế là đã hai mươi lăm năm, toàn bộ châu Âu được vũ trang với quy mô từ trước đến nay chưa từng có. Mỗi đại cường quốc này đều tìm cách vượt đại cường quốc khác về mặt thực lực quân sự và về mặt sẵn sàng tiến hành chiến tranh. Đức, Pháp và Nga dốc hết sức để vượt nhau. Đúng vào thời điểm hiện nay, Chính phủ Đức lại đòi hỏi nhân dân dốc sức đặc biệt đến mức làm cho ngay cả Quốc hội hiền lành hiện nay cũng kinh hoảng. Trong hoàn cảnh như vậy mà nói đến giải trừ quân bị thì có ngu hay không?

Thế mà ở tất cả các nước, những tầng lớp dân cư đông đảo hầu như chỉ mình họ gánh trách nhiệm cung cấp binh lính và nộp đại bộ phận thuế, vẫn kêu gọi giải trừ quân bị. Và ở khắp nơi sự căng thẳng đã lên tới mức độ là lực lượng – ở nơi này là tân binh, ở nơi kia là tiền, ở nơi khác nữa là cả hai thứ – bắt đầu kiệt quệ. Và chẳng lẽ không có lối thoát nào khác ra khỏi bế tắc này, ngoài cuộc chiến tranh hủy diệt chưa từng thấy trên thế giới?

Tôi xin khẳng định: việc giải trừ quân bị, và qua đó cả việc đảm bảo hòa bình, có thể có được; nó thậm chí tương đối dễ thực hiện, và nước Đức, hơn bất kỳ quốc gia văn minh nào khác, vừa có khả năng vừa có sứ mệnh thực hiện nó.

Sau cuộc chiến tranh 1870 – 1871, tính ưu việt của chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập với quân hậu bị và dân binh[394] –

ngay cả dưới hình thức Phổ què quạt lúc ấy của nó – so với chế độ tuyển tân binh với quyền đi thay đã được chứng minh hoàn toàn. Tất cả các nước trên lục địa đều chấp nhận chế độ đó, có thay đổi ít nhiều. Điều đó tự nó sẽ không phải là một tai họa lớn. Quân đội mà dự trữ chủ yếu là đàn ông trung niên đã có vợ, vì bản chất ít hiếu chiến hơn quân đội của Lu-i Na-pô-lê-ông thành lập trên cơ sở tuyển tân binh và có trong thành phần của nó một số lớn người đi thay – lính làm thuê chuyên nghiệp. Nhưng thêm vào đó là việc thôn tính An-da-xơ- Lô-ren-nơ, do đó Hòa ước Phran-phuốc đối với Pháp chỉ là một cuộc đình chiến như Hòa ước Tin-dít đối với Phổ mà thôi[395]. Và thế là giữa Pháp và Đức đã bắt đầu một cuộc tranh đua ráo riết trong việc vũ trang, mà Nga, Áo, I-ta-li-a cũng dần dần bị cuốn hút vào.

Trước hết người ta kéo dài thời hạn phục vụ trong quân dự bị. Ở Pháp, quân đội khu vực lãnh thổ nhận lính dự bị trong số người thuộc tuổi lớp trên; ở Đức đã khôi phục quân dự bị đợt hai và thậm chí cả dân quân nữa[396]. Và đã từng bước tiếp tục cho đến khi đạt tới tuổi tột đỉnh mà chính tạo hóa đã ấn định và thậm chí vượt quá tuổi ấy.

Sau đó đã tăng số người gọi nhập ngũ, và do đó đã đào tạo những cán bộ mới để huấn luyện tân binh; nhưng cả ở đây cũng đã gần đạt hoặc đã hoàn toàn đạt tới độ tuổi tột đỉnh, còn ở Pháp thì thậm chí đã vượt khỏi giới hạn đó. Trong những năm gần đây, quân đội Pháp đã tuyển vào khá nhiều thanh niên chưa thật đủ sức hoặc chưa hoàn toàn đủ sức để gánh những nỗi vất vả của quân dịch. Những sĩ quan Anh vô tư về mặt này từng tham dự những cuộc thao diễn lớn ở Sâm-pa-nhơ năm 1891 và hoàn toàn thừa nhận, đôi khi, thậm chí pha lẫn sự khâm phục, những phẩm chất chiến đấu cao của quân đội Pháp hiện nay, đã nhất trí nhận định rằng số lớn lính trẻ không tương xứng đã bị loại khỏi hàng ngũ trong thời gian di chuyển và huấn luyện chiến

thuật. Dành rằng ở Đức chưa dùng hết số lính thường trong quân dự bị có thể làm quân dịch, nhưng một dự luật quân sự mới đã được đưa ra chính là nhằm mục đích đó. Nói vắn tắt, cả về mặt này chúng ta đến sát giới hạn của cái có thể có.

Mặt hiện đại, *mặt cách mạng* của hệ thống quân sự Phổ chính là ở yêu cầu đặt sức lực của mỗi người con trai có khả năng cầm vũ khí vào phục vụ sự nghiệp quốc phòng trong suốt thời gian mà xét về mặt tuổi tác anh ta có thể làm quân dịch. Và nét cách mạng độc nhất và có thể nêu trong toàn bộ sự phát triển của các quân đội từ năm 1870 chính là ở chỗ yêu cầu đó, trước kia chỉ được thực hiện trong ốc tưởng tượng của những người theo chủ nghĩa sô-vanh, thì các chính phủ đã buộc phải – thường là trái ý muốn – thực hiện ngày càng nhiều trong thực tế. Cả độ dài thời gian, trong đó người ta còn phải làm nghĩa vụ quân sự, cũng như việc đăng ký tất cả mọi người trẻ tuổi có khả năng làm nghĩa vụ quân sự vào phục vụ trong quân đội nay là điều bất di bất dịch, ít ra là ở Đức, và ít nhất, điều đó có thể gặp sự chống đối của đảng dân chủ – xã hội, là đảng mà trái lại, ở Đức chỉ mình nó là đủ sức thực hiện hoàn toàn cả yêu cầu này trong thực tiễn.

Do đó, chỉ còn một điểm nữa mà xuất phát từ đó có thể thỏa mãn nhu cầu giải trừ quân bị: đó là thời hạn thực tế làm quân dịch. Chính đây là điểm tựa có nhược điểm: theo thỏa thuận giữa các đại cường quốc trên lục *địa, quy định quốc tế về thời hạn làm quân dịch thực tế tối đa* đối với tất cả mọi binh chủng, dù lúc đầu là hai năm, với điều kiện là sau này thời hạn đó sẽ lập tức được rút ngắn, một khi người ta thừa nhận có thể làm thế, và tuyên bố *hệ thống dân binh là mục đích cuối cùng*. Và tôi xin khẳng định rằng trước hết chính nước Đức phải đưa đề nghị đó ra và trước hết chính nó sẽ nhận được mối lợi do chỗ nó đưa ra đề nghị ngay cả khi nó sẽ không được chấp nhận

II

Quy định quốc tế về thời hạn quân dịch thực tế tối đa sẽ đụng chạm với mức độ ngang nhau nếu quân đội của tất cả mọi cường quốc. Điều được mọi người thừa nhận là đối với những quân đội mà lính thường của chúng chưa từng ngửi mùi thuốc súng, thời hạn làm quân dịch thực tế – trong những phạm vi nào đó – vào thời gian đầu của cuộc vận động là thước đo tốt nhất để xác định xem chúng có thích dụng để hành động trong mọi hoàn cảnh chiến tranh, đặc biệt là trong cuộc tiến công chiến lược hoặc chiến thuật, hay không. Năm 1870, các chiến binh của chúng ta đã làm quen với furia francese[1*] trong trận đánh giáp lá cà của bộ binh hoàng đế đã qua một thời gian dài phục vụ trong quân ngũ và với sức mạnh của những trận tấn công bằng kỵ binh ở gần Vuốc-thơ và Xê-đăng; nhưng đồng thời ở gần Spi-khéc-nơ, ngay lúc chiến tranh mới bắt đầu, họ đã chứng minh rằng ngay cả với quân số ít hơn, họ vẫn đủ sức đánh bật cũng bộ binh ấy ra khỏi vị trí có công sự mạnh[397]. Như vậy, nói chung cần phải thừa nhận: trong những giới hạn nhất định, luôn thay đổi tùy theo các đặc điểm dân tộc, thời hạn quân dịch thực tế quyết định mức độ chuẩn bị chiến đấu chung của những đội quân chưa được thử thách trong trận mạc và đặc biệt là mức độ thích dụng của họ với hoạt động tấn công.

Nếu xác định được trên phạm vi quốc tế thời hạn quân dịch

1* – cơn thịnh nộ của Pháp

thực tế tối đa, thì tương quan về khả năng chiến đấu giữa các quân đội vẫn sẽ xấp xỉ như hiện nay. Cái mà một trong các quân đội mất đi về mặt thích dụng trực tiếp với hoạt động chiến đấu thì những quân đội khác cũng mất. Giờ đây khả năng tấn công bất ngờ của một quốc gia này đối với một quốc gia khác bị loại trừ với mức độ nào thì lúc ấy, điều đó cũng sẽ loại trừ với mức độ như thế. Sự khác nhau về thời hạn quân dịch thực tế ở Pháp và ở Đức chẳng hạn, từ trước đến nay là không đáng kể đến nỗi nó không có ý nghĩa gì cả; và với thời hạn phục vụ trong quân ngũ được rút ngắn hết như hiện nay, toàn bộ sẽ phụ thuộc vào chỗ ở mỗi quân đội trong hai quân đội ấy, sẽ sử dụng như thế nào thời hạn phục vụ do hiệp định đặt ra. Và lại quân số tương đối của hai quân đội sẽ hoàn toàn phù hợp với tỷ lệ dân số của hai nước; và khi chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập rốt cuộc sẽ được thực sự thi hành thì ở những nước có trình độ phát triển kinh tế na ná như nhau (quy định tỷ lệ người không dùng được để làm quân dịch), số lượng dân cư bao giờ cũng là thước đo quân số. Lúc đó sẽ không còn chỗ cho những trò hề như Phổ đã làm vào năm 1813 nữa; váng mỡ *ấy* đã bị hớt đi rồi.

Song rất nhiều cái phụ thuộc vào chỗ thời hạn làm nghĩa vụ quân sự đã quy định được sử dụng như thế nào. Và ở hầu hết các quân đội đều có những người có chuyện để kể về vấn đề này nếu họ được phép; vì việc thường xuyên thiếu tiền ở mọi nơi đã buộc phải huấn luyện một bộ phận lính quân dịch "một cách vội vã" mà thôi, trong vòng có mấy tháng. Và ở đây dành phải dừng lại ở những cái chủ yếu nhất, vứt bỏ trọn một đống những điều nhảm nhí quen thuộc xưa nay, và lúc ấy người ta phát hiện, thật là đáng ngạc nhiên đối với bản thân, rằng để làm cho một người trẻ tuổi có thể lực đầy đủ thành người lính cần ít thời gian đến thế. Điều đó làm cho những sĩ quan huấn luyện quân dự bị Đức ngạc nhiên như thế nào, đã được Bê-ben trình

bầy ở Quốc hội[398]. Trong quân đội Áo, nhiều sĩ quan khẳng định thấy rằng dân binh có thời hạn làm quân dịch gần như quân hậu bị – thay thế Đức, về chất lượng vượt trội hơn quân chủ lực. Ở đây chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Trong dân binh, thời gian không có đủ chính là thời gian mà trong quân chủ lực dùng vô ích cho những điều ngu ngốc truyền từ đời này sang đời khác và do đó mà có tính chất thiêng liêng, và chính vì vậy mà ở đấy người ta không lãng phí thời gian.

Điều lệnh quân ngũ bộ binh Đức năm 1888 chỉ gói gọn việc sắp xếp đội hình chiến thuật để chiến đấu ở những điều cần thiết nhất. Trong điều lệnh ấy chẳng có gì mới cả. Ngay từ năm 1859, người Áo đã biết duy trì sức chiến đấu dù đội hình chiến đấu có thay đổi thế nào đi nữa; cũng vào thời điểm ấy, người Hét-xen - Dác-mơ-stát đã thực hành việc biên chế các đội hình hàng dọc đủ loại cấp tiểu đoàn bằng cách ghép đơn giản bốn đội hình hàng dọc cấp đại đội, nhưng sau năm 1866 họ đã buộc phải bỏ cách xếp đội hình hợp lý ấy theo yêu cầu của Phổ[399]. Về những điều còn lại, điều lệnh mới gạt bỏ một loạt nghi thức cổ lỗ sĩ rất được tập tục làm cho thiêng liêng; và tôi đúng là hoàn toàn không có lý do nào để mọi mốc chuyện này. Sau cuộc chiến tranh năm 1870 tôi đã phóng tay phác họa sơ đồ xếp đội hình và di chuyển khép kín của đại đội và tiểu đoàn khá dễ phù hợp với phương thức tiến hành chiến tranh hiện đại và trong việc này tôi đã ngạc nhiên không ít khi phát hiện ra rằng yếu tố ấy của "nhà nước trong tương lai" hầu như đã hoàn toàn thể hiện trong những tiết tương ứng của điều lệnh mới.

Nhưng điều lệnh là một chuyện, còn thực hiện nó lại là một chuyện khác. Tinh thần của việc huấn luyện đi đều bước thịnh hành trong quân đội Phổ trong tất cả mọi thời bình đều dẫn tới chỗ việc chi dùng thời gian vô bổ từng bị bãi bỏ bằng mệnh lệnh lại được đưa vào qua cổng sau của các cuộc diễu binh. Bỗng

nhiên thấy rằng lối huấn luyện khắt khe kiểu duyệt binh trên thao trường hoàn toàn cần thiết làm đối trọng với ảnh hưởng làm giảm độ siết chặt hàng ngũ của đội hình chiến đấu phân tán, coi đó là biện pháp duy nhất để thiết lập kỷ luật thật sự v.v. và v.v.. Thì ra, trật tự và kỷ luật chỉ có thể được thiết lập bằng cách bắt buộc binh lính làm những công việc hoàn toàn vô ích. Do bãi bỏ riêng một điều là "đi đều bước theo lối duyệt binh" sẽ dôi ra được không ít tuần lễ để học những môn hợp lý, chưa nói gì đến việc lúc đó các sĩ quan nước ngoài sẽ không phải nhịn cười khi xem những cuộc diễu binh của người Đức.

Việc canh gác mà, theo quan niệm cổ xưa, dường như cũng góp phần phát triển binh sĩ về mặt trí tuệ, đặc biệt là phát huy năng lực tư duy độc lập của họ bằng cách huấn luyện cho họ – nếu trước đây họ chưa làm được – nghệ thuật đứng tại bốt gác hai giờ mà hoàn toàn không suy nghĩ gì cả, là một chế độ đã lỗi thời y như vậy. Với quy tắc được mọi người chấp nhận như hiện nay về huấn luyện canh gác trong điều kiện dã chiến thì việc canh gác ở thành thị, nơi có cảnh sát đủ loại làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, đã mất hết ý nghĩa. Các ngài hãy bỏ nhiệm vụ canh gác đi, thế là các ngài sẽ được lợi ít ra là 20% thời hạn quân dịch để dùng vào việc huấn luyện quân sự và sẽ đảm bảo được an ninh cho dân cư trên đường phố.

Ngoài ra, đâu đâu cũng có một số lớn binh lính được miễn làm nhiệm vụ phục dịch, trong chừng mực có thể, với nhiều cớ – đó là nhân viên quản trị không ở trong đội ngũ chiến đấu của đại đội, lính cần vụ của sĩ quan v.v.. Ở đây cũng có thể thay đổi nhiều điều.

Đúng, – nhưng trong trường hợp như vậy, đối với kỵ binh thì sao? Vì rằng đối với nó cần có thời hạn phục vụ dài hơn? – Trong thực tế nên như vậy, nhất là đối với những người làm quân dịch chưa biết cưỡi ngựa, cũng chưa biết chăm sóc ngựa. Song về mặt này cũng có thể làm nhiều việc. Nếu khẩu phần

cho ngựa không đến nỗi ít ỏi – vì rằng trước khi tập trận, phải vỗ ngựa một cách đặc biệt để chúng làm việc bình thường! – và nếu ở mỗi đại đội kỵ binh đều có một số lượng ngựa ngoài định ngạch nào đó để binh lính có thể luyện tập cưỡi ngựa thường xuyên hơn và lâu hơn; nói vắn tắt, nếu, rốt cuộc, nếu người ta thực sự cố gắng rút ngắn thời hạn quân dịch bằng việc huấn luyện khẩn trương hơn những điều quan trọng và bằng cách trừ bỏ những điều không cần thiết, thì chẳng mấy chốc sẽ phát hiện ra rằng cả ở đây nữa công việc có thể trôi chảy. Còn về việc tập ngựa dự bị mà giờ đây người ta thường viện dẫn và tôi vui lòng thừa nhận sự cần thiết tuyệt đối của nó, thì cả về mặt này cũng có thể tìm được phương tiện và biện pháp. Hơn nữa chẳng có gì ngăn cản – chừng nào người ta cho là cần thiết – duy trì và phổ biến trong kỵ binh chế độ quân dịch ba hoặc bốn năm đối với những người tự nguyện nhập ngũ, cũng như đối với những người tái ngũ, có đền bù thích đáng trong thời gian phục vụ ở quân dự bị và dân binh, nếu không thì không thể thực hiện được điều này.

Nếu lắng nghe ý kiến của những bậc có uy tín trong lĩnh vực quân sự thì tình hình dĩ nhiên có khác. Theo ý kiến của họ, tất cả những điều đó đều không thể thực hiện được, vì không thể thay đổi được gì nếu không phá vỡ toàn bộ hệ thống. Song đã năm mươi năm tôi quan sát thấy rằng nhiều chế độ quân sự, hôm nay được tuyên bố là bất khả xâm phạm và thiêng liêng thì ngày mai bị coi là đồ cũ và bị vứt một cách bất nhã vào đống rác, và lại do chính những bậc có uy tín ấy vứt đi; tôi cũng thường xuyên thấy rằng có những điều ở quân đội này thì được tâng bốc tận mây xanh, ở quân đội khác lại bị coi là hoàn toàn không thích hợp; trong thực tế, tôi nhiều khi có dịp quan sát thấy những quy tắc và chế độ được thử thách nhất và có giá trị cao nhất, nhưng trước kẻ thù lại hóa ra vô lý, cuối cùng, tôi thường xuyên có dịp thấy rõ ràng ở mỗi quân đội đều có một

truyền thống quy ước đặc biệt của nó dùng cho các sĩ quan cấp thấp, lính thường và công chúng, được các sĩ quan cao cấp ủng hộ, nhưng chỉ làm cho các sĩ quan có tư duy độc lập cười mỉm mà thôi và hoàn toàn biến mất ngay trong cuộc tiến quân đầu tiên, – tóm lại, ở đây tôi có kinh nghiệm lịch sử phong phú, cho phép tôi khuyên mỗi người có thái độ hoài nghi lớn nhất đối với "*ý kiến có quyền uy*" quân sự.

III

Một nghịch cảnh đáng ngạc nhiên làm sao: các bậc cự phách quân sự cao cấp của chúng ta phần lớn bảo thủ một cách kinh khủng trong địa hạt của họ, trong khi đó bây giờ chưa chắc có một lĩnh vực nào khác cách mạng như lĩnh vực quân sự. Giữa bức kích pháo nòng trơn sáu pao và bảy pao mà cơ hồi tôi đã tiếp xúc ở Cúp-phéc-gra-ben[400] và đại bác nòng có rãnh hiện nay nạp đạn ở phần khóa nòng, giữa súng trường nòng trơn cỡ lớn lúc bấy giờ và súng trường có ổ đạn năm mi-li-mét lắp đạn ở phần khóa nòng hiện nay dường như có hàng thế kỷ; và đó hoàn toàn chưa phải là giới hạn, hàng ngày kỹ thuật vứt bỏ không thương xót tất cả mọi thứ, coi là không còn thích dụng nữa, và thậm chí cả những cái vừa mới đưa vào sử dụng. Giờ đây nó thậm chí loại trừ cả khói thuốc súng lằng mạn và qua đó làm cho trận đánh mang tính chất hoàn toàn khác và có diễn biến khác, hoàn toàn không thể lường trước được. Và chúng ta sẽ phải đếm xỉa ngày càng nhiều đến những đại lượng không tính toán được như vậy trong điều kiện cơ sở kỹ thuật của việc tiến hành chiến tranh không ngừng được cách mạng hóa.

Cách đây bốn mươi năm, tầm bắn có hiệu lực của bộ binh không vượt quá 300 bước; ở khoảng cách này mỗi chiến binh sẽ có thể an toàn chịu loạt đạn của cả một tiểu đoàn, nếu thậm chí giả định rằng tất cả các xạ thủ đều thực sự nhằm vào chiến binh ấy. Hỏa lực của pháo binh đã chiến ngay ở cự ly 1500 – 1800 bước đã thực tế không có hiệu quả. Trong thời gian chiến

tranh Pháp – Phổ tầm bắn có hiệu lực của súng trường là 600 – 1000 bước, của đại bác – tối đa là 3000 – 4000 bước. Còn súng trường mới cỡ nhỏ chưa được thử thách trong chiến đấu có bán kính hoạt động xấp xỉ bán kính hoạt động của đại bác, sức xuyên thủng của đạn do súng này phóng ra tăng bốn – sáu lần; nhờ vậy mà một trung đội được trang bị súng trường có ổ đạn, có hỏa lực bằng một đại đội trước kia; đúng là pháo binh không thể khoe sự tăng tầm bắn có hiệu lực như vậy, nhưng đạn nổ của nó bây giờ được nhồi chất nổ hoàn toàn mới có tính năng chưa từng có; đúng là hiện chưa thể nói dứt khoát ai phải chịu tác động ấy – người bắn hay người là đối tượng bắn.

Với cuộc cách mạng không ngừng, ngày càng được đẩy nhanh trong toàn bộ ngành quân sự, trước mắt chúng ta nổi lên những bậc có uy tín về quân sự mà cách đây năm năm còn nhồi nhét cho quân đội mình đủ loại quy tắc nghi thức truyền thống và những thủ thuật gượng gạo của chiến thuật tuyến ngang – đã: mất hút từ lâu khỏi chiến địa – của lão già Phrít-xơ[1*] và thành kính bám lấy cái điều lệnh từng dạy rằng chỉ có thể thất bại vì quân đội đã triển khai ở sườn phải, còn ở sườn trái thì không có chỗ để triển khai! Chính những bậc có quyền uy mà từ trước đến nay chưa dám xâm phạm đến những chiếc cúc sáng loáng và những đồ trang trí bằng kim loại trên phục trang của binh lính – những thanh nam châm này hút đạn phóng từ những khẩu súng trường năm ly; những bậc có quyền uy từng đưa thương kỵ binh có những vật trang trí rộng đỏ chói trên ngực và giáp binh, thực ra không có áo giáp – cơ thể chứ! – nhưng mặc trang phục màu trắng đến dưới hỏa lực của súng trường, và từng chật vật lắm mới quyết định rằng hy sinh cho tổ quốc

1* – Phri-đrích II

những ngù vai tuy vô vị kinh khủng nhưng được thành kính tôn trọng vẫn tốt hơn là hy sinh chính những người mang ngù vai ấy.

Tôi nghĩ rằng cả nhân dân Đức và thậm chí cả quân đội Đức đều không muốn trong quân đội Đức thịnh hành những định kiến bảo thủ ấy khi mà xung quanh đang cuồn cuộn làn sóng cách mạng kỹ thuật. Chúng ta cần có những đầu óc tươi mới hơn, mạnh bạo hơn, và tôi sẽ lầm to nếu tôi xoay ra khẳng định rằng trong số những sĩ quan có năng lực nhất của chúng ta còn thiếu những người như vậy, rằng thiếu những người tìm cách thoát khỏi thói thủ cựu và tinh thần huấn luyện hình thức đi đều bước lại một lần nữa nở rộ trong hai mươi năm thời bình. Nhưng chừng nào những con người ấy lấy lại được lòng dũng cảm và tìm được cơ hội thuận tiện để bảo vệ niềm tin của mình thì chúng tôi, những người ngoài cuộc, phải nhúng tay vào công việc ấy và làm tất cả những gì có thể làm được để chứng minh rằng chúng tôi cũng đã học được đôi điều trong binh nghiệp.

Trên đây tôi đã cố gắng trình bầy rằng ngay bây giờ đã có thể ấn định thời hạn làm quân dịch hai năm đối với tất cả mọi binh chủng, nếu chỉ huấn luyện cho binh sĩ những cái họ có thể sử dụng trong chiến tranh và làm cho họ khỏi lãng phí thời gian vào mọi cái cũ quen thuộc xưa nay. Nhưng tôi đã lập tức đoán trước rằng không nên yên tâm với hai năm. Hơn nữa, đề nghị ấn định thời hạn quân dịch hai năm trên phạm vi quốc tế sẽ chỉ là bước đầu đi tới giảm dần thời hạn phục vụ – chẳng hạn, trước tiên xuống còn mười tám tháng – hai mùa hè và một mùa đông, – rồi xuống còn một năm, còn sau nữa...? Ở đây quả là đã bắt đầu nhà nước của tương lai, thiết lập chế độ dân binh thật sự, nhưng điều này chúng tôi sẽ nói tỉ mỉ hơn khi việc này thực hiện sự bắt đầu.

Điều chủ yếu là khởi đầu việc này. Chỉ cần nhìn thẳng vào

sự thật là có thể xác nhận ràng rút ngắn thời hạn làm quân dịch là cần thiết cho sự phát triển kinh tế của tất cả các nước và cho việc gìn giữ hòa bình ở châu Âu, như một kết luận sát sườn toát lên từ nhận thức là cần phải *chuyển trọng tâm huấn luyện quân sự sang giáo dục thanh niên.*

Sau mười năm sống lưu vong tôi lại về vùng Ranh[401], tôi ngạc nhiên thú vị khi thấy khắp nơi ở các sân trường nông thôn đều có xà kép và xà đơn. Thế là tuyệt vời, nhưng tiếc rằng tình hình dừng lại ở đó. Các dụng cụ thể thao được mua sắm căn cứ vào mệnh lệnh theo tinh thần Phổ đích thực, nhưng việc sử dụng chúng chưa đâu vào đâu. Chúng không được dùng một cách thích đáng, hoặc đúng ra là trong đa số trường hợp nói chung bị bỏ không. Chẳng lẽ để làm việc ấy một cách nghiêm túc lại đòi hỏi nhiều thế ư? Dạy một cách có hệ thống và kỹ lưỡng thể dục tự do và luyện tập bằng dụng cụ thể thao cho học sinh tất cả các lớp khi tay chân của họ chưa mất tính đàn hồi và tính mềm dẻo thì có tốt hơn là hì hục, như hiện nay vẫn làm, với những chàng trai hai mươi tuổi làm mặt họ và mặt bản thân mình nhễ nhại mồ hôi – hoài công trả lại tính linh hoạt và mềm dẻo trước kia cho xương cốt, bắp thịt và gân đã bị công việc làm cho thô cứng của họ – thì có tốt hơn không? Bất kỳ thầy thuốc nào cũng sẽ nói với các bạn rằng sự phân công lao động làm què quặt mỗi người chịu tác động của nó bằng cách phát triển ở họ cả một loại cơ bắp này làm ảnh hưởng đến những cơ bắp khác, và điều đó thể hiện ở mỗi ngành lao động mỗi khác, mỗi dạng lao động làm què quặt theo cách riêng của nó. Chẳng lẽ cho phép thoạt tiên làm què quặt con người, rồi về sau trong lúc làm quân dịch cố gắng làm cho họ cân đối và linh hoạt trở lại, không phải là vô lý hay sao? Hay cái sự thật là binh sĩ sẽ tốt gấp ba, nếu việc làm què quặt ấy được nhắc nhở kịp thời trong các trường sơ học và trung học, là thuộc mức độ nhận thức không thể với tới được đối với tầm mắt quan phương?

Nhưng đấy chỉ mới là khởi đầu. Ở trường học sinh có thể dễ dàng lĩnh hội các quy tắc xếp đội hình quân sự và di chuyển theo đội hình khép kín. Học sinh vốn dĩ đứng thẳng và đi thẳng, đặc biệt là nếu họ tập thể dục; còn tân binh chúng ta đứng như thế nào trong đội ngũ và huấn luyện cho họ giữ tư thế, khi đứng tại chỗ hoặc khi đi khó khăn như thế nào, điều đó chúng ta ai ai cũng thấy khi chúng ta làm nghĩa vụ quân sự. Có thể huấn luyện việc di chuyển trong đội hình trung đội và đại đội ở mỗi trường học, và lại huấn luyện một cách dễ dàng mà trong quân đội không thể hình dung được. Cái mà đối với tân binh là việc đáng ghét, thường là khó khăn hầu như không thể vượt qua được, thì đối với học sinh là trò chơi và trò giải trí. Kỹ năng giữ cự ly và tiến thẳng hàng khi vận động theo đội hình tản khai, cũng như khi quay vòng – điều khó đạt được với tân binh lớn tuổi – thì học sinh lĩnh hội dễ như chơi, chỉ cần cho họ tập luyện một cách có hệ thống. Nếu dùng một phần khá lớn thời gian mùa hè vào những cuộc đi cắm trại và luyện tập tại địa phương, thì điều đó sẽ có ích cho sự phát triển thể chất và tinh thần của học sinh, cũng như cho ngân khố quân sự nhờ thế mà sẽ tiết kiệm được mấy tháng quân dịch. Có thể sử dụng tốt những cuộc đi chơi mang tính chất quân sự như vậy để dạy cho học sinh cách giải quyết những nhiệm vụ liên quan tới việc phục dịch dã chiến và những cuộc đi chơi ấy góp phần đáng kể cho việc phát triển trí tuệ của học sinh và cho phép họ trong một thời hạn tương đối ngắn hoàn thành việc huấn luyện quân sự chuyên ngành – điều này được người bạn cũ của tôi là Boi-xtơ, trước kia là một sĩ quan Phổ, chứng minh trong thực tiễn ở trường Xuy-rích của ông. Với tính chất phức tạp của binh nghiệp hiện đại, chẳng có gì để nghĩ về việc chuyển sang chế độ dân binh nếu không đào tạo sơ bộ về quân sự cho thanh thiếu niên, và chính về mặt này kinh nghiệm thành công của Boi-xtơ có ý nghĩa to lớn.

Bây giờ tôi xin đề cập đến dây đàn đặc thù Phổ. Rất quan trọng đối với nhà nước Phổ là vấn đề dùng hạ sĩ quan đã mãn hạn quân dịch vào đâu. Từ trước đến nay họ được sử dụng làm hiến binh, lính biên phòng, gác cửa, văn thư, quan chức dân sự các loại; trong hệ thống quan chức Phổ không có khe hở thảm hại nào mà người ta không nhét vào đó những hạ sĩ quan có quyền được bảo trợ dân sự. Như vậy, các ngài đã kiệt sức để sắp xếp các hạ sĩ quan vào đâu đó; các ngài đã kiên trì đặt họ vào những chức vụ mà họ không làm được, đã giao cho họ công việc mà họ không biết gì hết; cuối cùng, có phải đã đến lúc sử dụng họ vào lĩnh vực mà họ biết đôi điều và có thể mang lại ích lợi nào đó hay không? Mong họ sẽ trở thành những thầy giáo ở trường học, nhưng mong họ sẽ dạy không phải là tập đọc, tập viết và toán học, mà là thể dục và huấn luyện tập đội hình, – điều đó sẽ có lợi cho họ lẫn cho học sinh. Và một khi các hạ sĩ quan rời bầu không khí sinh hoạt trong phạm vi hẹp ở doanh trại, sẽ đứng trên sân trường, trước mắt mọi người, và sẽ thuộc thẩm quyền xét xử không phải của tòa án quân sự mà là của tòa án hình sự dân sự – lúc đó, tôi xin đánh cuộc, thanh niên học đường hiếu động của chúng ta sẽ dạy cách xử sự tốt cả cho hạ sĩ quan, người trước đây là kẻ hành hạ lính một cách hết sức độc ác.

IV

Dưới đây chúng tôi sẽ còn trở lại vấn đề có thể hy vọng vào việc chấp nhận một đề nghị tương tự như thế về việc rút ngắn rộng khắp, đồng đều và dần dần thời hạn làm quân dịch bằng một hiệp định quốc tế hay không. Còn bây giờ chúng tôi xuất phát từ giả thiết rằng nó được chấp nhận. Trong trường hợp như vậy, nó có được thực hiện không hay vẫn nằm trên giấy, nó có được tất cả các bên thực hiện một cách trung thực hay không?

Nói chung, chắc chắn sẽ được thực hiện. Thứ nhất, cách lẩn tránh này hay cách lẩn tránh khác đối với hiệp định sẽ đòi hỏi không ít nỗ lực, và không thể nào che dấu được. Thứ hai, dân cư mỗi nước đã tự mình theo dõi việc tuân thủ nó. Không một người nào sẽ tự nguyện ở lại doanh trại, nếu người ta tìm cách giữ anh ta ở đấy quá thời hạn quy định.

Về từng nước thì Áo và I-ta-li-a, cũng như những quốc gia loại hai và loại ba đã thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập, sẽ hoan nghênh một hiệp định như vậy, coi đó là văn bản giải thoát và sẽ vui lòng tuân thủ từng câu từng chữ của nó. Về nước Nga sẽ nói ở mục sau. Nhưng tình hình nước Pháp thế nào? Về mặt này Pháp là nước chắc chắn có tính chất quyết định cơ đấy.

Nếu Pháp ký hiệp định và phê chuẩn nó thì chắc chắn nói chung nó sẽ phải tuân thủ nó. Nhưng giả sử ý muốn phục thù ấy tồn tại ở các giai cấp cổ của và ở bộ phận chưa phải xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân, tạm thời chiếm ưu thế và sẽ

có thể dẫn đến những sự vi phạm trực tiếp hoặc dựa trên những cớ biện giải vụn vặt đối với các điều khoản của hiệp định. Những sự vi phạm như vậy không bao giờ có thể đáng kể, nếu không thì ở Pa-ri người ta sẽ thích từ bỏ hiệp định. Còn Đức thì ở trong một tình thế may mắn khiến nó không thể rộng lượng bỏ qua những mánh khóe vụn vặt như vậy. Mặc dù tất cả mọi nỗ lực rất nghiêm túc của Pháp để không lập lại thất bại năm 1870, so với Pháp, Đức vẫn còn có ưu thế hơn rất nhiều so với cái người ta cảm thấy khi thoạt nhìn. Thứ nhất, sự vượt trội mỗi năm một tăng của Đức về số dân, bây giờ đã hơn mười hai triệu người. Thứ hai, việc hệ thống quân sự hiện nay tồn tại ở Phổ đã hơn bảy mươi năm, việc dân cư đã quen với hệ thống đó, việc nó được kiểm nghiệm trên tất cả mọi chi tiết trong cả một loạt cuộc động viên, việc tất cả mọi khó khăn nảy sinh trong vấn đề này và các phương thức khắc phục chúng đã được thử thách trong thực tiễn và được người ta biết rõ – những ưu thế mà tất cả những quân đội Đức còn lại cũng có. Trái lại, ở Pháp chỉ còn cần phải thử nghiệm cuộc tổng động viên đầu tiên, hơn nữa với cách tổ chức tương ứng rối rắm hơn rất nhiều. Thứ ba, ở Pháp việc thực hành một thiết chế phi dân chủ là chế độ phục vụ một năm của những người nhập ngũ tự nguyện đã vấp phải những trở ngại không thể vượt qua được; những người lính với thời hạn quân dịch ba năm đã đơn giản gạt lính quân dịch một năm có đặc quyền ra khỏi quân đội. Điều đó chứng tỏ ở Đức trình độ ý thức chính trị – xã hội và trình độ các thiết chế chính trị mà nó cho phép thấp hơn so với Pháp đến mức nào. Nhưng cái mà xét trên góc độ chính trị là một khuyết điểm thì về mặt quân sự, trong trường hợp này hóa ra là một ưu điểm. Điều hoàn toàn không thể chối cãi là so với dân số, không nước nào có số thanh niên học qua các trường trung học và đại học của mình nhiều như nước Đức, và dù cho chế độ lính nhập ngũ tự nguyện với

thời hạn quân dịch một năm không dân chủ và xét trên góc độ chính trị có đáng chê thế nào đi nữa, song nó cung cấp cho bộ chỉ huy quân sự một phương tiện tuyệt vời đem lại cho đa số những người trẻ tuổi đã có học vấn phổ thông đầy đủ ấy cả kiến thức quân sự để làm nghĩa vụ sĩ quan. Chiến dịch động viên năm 1866 lần đầu tiên chứng tỏ rõ ràng điều đó, và từ bấy giờ, đặc biệt là sau năm 1871, mặt này của thực lực quân sự Đức bắt đầu được chú ý hoàn toàn đặc biệt, hầu như duy nhất được chú ý. Và tuy trong số các sĩ quan Đức của quân dự bị có không ít người gần đây đã dồn hết nỗ lực để làm cho đẳng cấp của mình trở thành trò cười, nhưng điều không thể nghi ngờ là đại bộ phận những sĩ quan ấy, nếu so sánh họ với đồng nghiệp Pháp của họ, trội hơn sĩ quan Pháp về mặt quân sự; và, điều chủ yếu nhất, trong số các quân dự bị và sĩ quan dân binh, nước Đức có một tỷ lệ những người được đào tạo để làm sĩ quan lớn hơn đáng kể so với bất cứ nước nào khác.

Sự dồi dào sĩ quan độc đáo ấy sẽ cho phép Đức vào thời điểm động viên đưa ra một số lượng đơn vị mới đã được đào tạo trong thời bình lớn hơn không thể sánh được so với mức mà bất kỳ nước nào khác có thể đưa ra được. Theo lời khẳng định của Rích-tơ ("Freisinnige Zeitung", ngày 26 tháng Mười một 1892[402] mà như tôi được biết, không bị bác bỏ trong Quốc hội lẫn trong ủy ban quân sự, mỗi trung đoàn bộ binh Đức khi có chiến tranh đều có thể đưa ra một trung đoàn dự trữ cơ động, hai tiểu đoàn dân binh và hai tiểu đoàn dự trữ bổ sung. Như vậy, cứ ba tiểu đoàn thì đưa ra mười tiểu đoàn, nói cách khác 519 tiểu đoàn tạo thành 173 trung đoàn thời bình, trong thời gian chiến tranh trở thành 1730 tiểu đoàn, chưa kể lính sân và lính xạ kích. Và tất cả những việc ấy làm xong trong một thời hạn ngắn mà không một nước nào khác có thể làm được dù chỉ là gần như vậy.

Ở Pháp, số sĩ quan quân dự bị, như một sĩ quan trong số họ xác nhận với tôi, ít hơn đáng kể; nhưng số đó ắt phải đủ để bổ sung cán bộ khung cho những đơn vị mới dự định lập theo những lời tuyên bố chính thức. Cũng người đó thừa nhận rằng một nửa số sĩ quan ấy ít dùng được. Song những đơn vị mới ấy hoàn toàn không phù hợp với cái mà Đức có thể đưa ra, như đã nói ở trên. Và đồng thời tất cả mọi sĩ quan mà Pháp có thể đưa ra đều sẽ có việc làm, trong khi ở Đức thì họ vẫn sẽ còn thừa.

Trong tất thảy những cuộc chiến tranh trước kia, tình trạng thiếu sĩ quan đã bắt đầu cảm thấy qua mấy tháng sau khi chiến dịch bắt đầu. Ở tất cả những nước khác điều đó bây giờ vẫn còn xảy ra. Chỉ một mình nước Đức là có dự trữ sĩ quan vô tận. Trong trường hợp như vậy, lẽ nào không thể làm ngơ trước việc người Pháp đôi khi sẽ huấn luyện binh sĩ của mình trong hai-ba tuần vượt thời hạn mà hiệp định đã quy định?

V

Bây giờ chúng tôi xin nói về nước Nga. Và ở đây cần phải nói thẳng rằng điều khá ít quan trọng không chỉ là nước Nga có tuân thủ hiệp định về việc rút ngắn dần dần và đồng đều thời hạn quân dịch hay không, mà thậm chí còn là, nói chung, nó có tham gia hiệp định ấy hay không. Trên góc độ vấn đề chúng tôi quan tâm, về thực chất chúng tôi có thể hầu như hoàn toàn không chú ý nước Nga, vì những lý do sau đây.

Đúng là đế quốc Nga có trên một trăm triệu dân, gấp hơn hai lần so với đế quốc Đức, song nó còn xa mới sánh được dù chỉ là xấp xỉ với đế quốc Đức về sức tiến công quân sự. Năm chục triệu dân Đức tập trung trên một diện tích 540 000 ki-lô-mét vuông, còn 90 hoặc nhiều nhất là 100 triệu dân Nga có thể làm chúng ta quan tâm xét trên góc độ quân sự thì phân tán – theo tính toán khiêm tốn – trên lãnh thổ 3 ½ triệu ki-lô-mét vuông; ưu thế đó của người Đức, hệ quả của mật độ dân số cao hơn rất nhiều, càng tăng lên nhiều hơn nữa nhờ mạng lưới đường sắt của họ tốt hơn không bì được. Mặc dù vậy, việc một trăm triệu dân có thể dễ dàng đưa ra số lính nhiều hơn năm mươi triệu dân vẫn còn là một sự thực. Với tình hình như hiện nay, sẽ cần phải có rất nhiều thời gian để họ đến được nơi cần đến, nhưng cuối cùng họ vẫn phải đến. Thế thì lúc đó sẽ như thế nào?

Quân đội cần có không chỉ lính gọi nhập ngũ, mà cả sĩ quan nữa. Mà về điều này thì tình hình nước Nga rất xấu. Giới sĩ

quan ở Nga chỉ có thể tuyển mộ từ quý tộc và tầng lớp thị dân; nhưng tầng lớp quý tộc tương đối không đông, mà thành thị thì ít; cứ mười người dân, nhiều nhất có một người sống ở thành thị, và lại trong số những thành thị ấy, chỉ có một ít đáng được gọi là thành thị; số trường trung học và học sinh ở những thành thị ấy rất ít; vậy lấy đâu ra sĩ quan để chỉ huy toàn bộ số lính thường?

Cái tốt đối với người này lại không thích hợp với người khác. Chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập đòi hỏi phải có một trình độ phát triển kinh tế và phát triển tinh thần nhất định; ở nơi nào không có trình độ ấy thì chế độ đó đem lại nhiều hại hơn là lợi. Và có lẽ tình hình ở Nga chính là như vậy.

Thứ nhất, để làm cho một tân binh Nga có năng lực trung bình trở thành người lính đã qua huấn luyện, nói chung, cần phải có khá nhiều thời gian. Lính Nga chắc chắn là rất dũng cảm. Chừng nào nhiệm vụ chiến thuật được giải quyết bằng sự tấn công của cả khối bộ binh chiến đấu với đội hình siết chặt, người lính Nga đã ở trong môi trường quen thuộc của mình. Toàn bộ kinh nghiệm sống của họ đã làm cho họ quen kết hợp chặt chẽ với đồng đội mình. Ở nông thôn còn có công xã nửa cộng sản, ở thành thị có lao động hợp tác hóa của ác-ten, khắp nơi có krugovaja poruka, nghĩa là trách nhiệm liên đới của đồng đội với nhau; tóm lại, bản thân chế độ xã hội chứng tỏ rõ ràng, một mặt, rằng chỉ có đoàn kết mới có thể cứu vãn tất cả, mặt khác, rằng cá nhân tách biệt, hành động dựa vào tinh thần chủ động của chính mình ắt sẽ rơi vào tình trạng hoàn toàn bất lực. Ở người Nga, nét đặc trưng này cũng được duy trì cả trong quân sự; những khối người Nga đã liên kết thành tiểu đoàn thì hầu như không thể xé lẻ ra được; nguy cơ càng nghiêm trọng thì họ cụm lại càng chặt thành một chỉnh thể rắn chắc thống nhất. Nhưng xu hướng đoàn kết theo bản năng đó trong

thời các cuộc chinh chiến của Na-pô-lê-ông còn là một ưu điểm vô giá và trội hơn nhiều phẩm chất khác, kém giá trị hơn của người lính Nga, thì giờ đây đã trở thành mối nguy trực tiếp đối với họ. Hiện nay những khối người trong đội hình siết chặt không còn trên chiến trường nữa ; giờ đây vấn đề là phải duy trì sự tiếp xúc giữa các hàng dọc bộ binh tản mạn, khi quân của những đơn vị quân đội hết sức khác nhau phân tán xen lẫn nhau và việc chỉ huy nhiều khi và rất nhanh chóng chuyển sang những sĩ quan mà đa số lính trơn hoàn toàn không biết mặt, giờ đây mỗi người lính phải biết tự mình làm tất cả những gì mà mỗi thời điểm đòi hỏi mà đồng thời không để mất liên lạc với toàn tiểu đội. Đó là mối liên lạc có thể giữ được không phải nhờ bản năng bầy đàn nguyên sơ của người lính Nga, mà chỉ do sự phát triển trí tuệ của từng người;những tiền đề cho điều ấy chúng ta chỉ gặp ở nấc thang phát triển "cá nhân chủ nghĩa " cao hơn, như ở các dân tộc tư bản chủ nghĩa phương Tây. Cái phẩm chất từ trước đến nay tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn của quân đội Nga, đã bị súng trường cỡ nhỏ có hộp lắp đạn ở bộ phận khóa nòng và thuốc súng không khói biến thành một trong những nhược điểm tày đình của nó. Do vậy, với điều kiện như hiện nay, để làm cho tân binh Nga trở thành người lính có năng lực chiến đấu cần phải có nhiều thời gian hơn trước; lính Nga không còn có thể sánh với lính phương Tây được nữa.

Thứ hai: lấy sĩ quan ở đâu để tổ chức toàn bộ khối người ấy thành những đơn vị mới của thời chiến? Nếu ngay cả Pháp cũng khó tìm được đủ số sĩ quan, thì Nga xử lý điều đó như thế nào? Nước Nga, nơi mà bộ phận dân cư có học thức – chỉ bộ phận này là có thể cung cấp những sĩ quan dùng được – chiếm một tỷ lệ thấp không cân đối như vậy trong tổng số dân và là nơi, hơn nữa, đối với lính, ngay cả lính đã qua huấn luyện, cần phải có một tỷ lệ sĩ quan cao hơn bất kỳ quân đội nào khác?

Cuối cùng, thứ ba: với hệ thống biến thủ công quỹ và trộm cắp rộng khắp, mà như chúng ta biết, rất phổ biến trong giới quan lại Nga, thường thường cả trong sĩ quan nữa, thì việc động viên ở Nga sẽ diễn ra như thế nào? Trong tất cả mọi cuộc chiến tranh trước đây của Nga đều lập tức bộc lộ ra rằng ngay cả một bộ phận quân đội thời bình và một bộ phận quân trang quân dụng của nó chỉ có trên giấy mà thôi. Kết quả sẽ như thế nào khi người ta gọi nhập ngũ những người đã bị thải vào quân hậu bị cũng như dân binh[1*], khi cần đảm bảo quân trang, vũ khí, đạn dược cho họ? Còn nếu khi động viên mà không phải mọi cái đều suôn sẻ, không phải mọi thứ đều được cung cấp đúng thời hạn quy định và đúng chỗ quy định thì sẽ xảy ra tình trạng hoàn toàn hỗn loạn. Và chẳng lẽ nào mọi cái đều suôn sẻ nếu tất cả đều qua tay bọn quan lại Nga tham ô và dễ bị mua chuộc? Động viên ở Nga là một màn trình diễn cho trời xem.

Nói cách khác; ngay cả xuất phát từ lý do thuần túy quân sự, chúng ta có thể cho phép người Nga tuyển đủ số lính và giữ họ làm quân dịch thực tế đủ thời gian mà Nga hoàng thấy cần. Nhưng chưa chắc ông ta có thể tuyển được một số lượng lớn hơn con số đã cầm súng và chưa chắc làm được việc đó một cách kịp thời. Thí nghiệm nghĩa vụ quân sự phổ cập có thể bắt Nga phải trả giá đắt.

Và ngoài ra, trong trường hợp có chiến tranh, quân đội Nga suốt toàn bộ biên giới từ Cốp-no đến Ca-mê-nét-xơ sẽ ở trên lãnh thổ thù địch ngay tại nước mình, ở giữa những người Ba Lan và người Do Thái, vì Chính phủ Nga hoàng đã làm cho cả người Do Thái cũng trở thành kẻ thù không đội trời chung của mình. Chỉ cần nước Nga thua một vài trận, thế là chiến trường sẽ

1* Trong nguyên bản, từ này là tiếng Nga được viết bằng chữ Gô-tích

chuyển từ vùng Vi-xla đến vùng Dvi-na và vùng Đni-e-prơ; ở hậu phương quân đội Đức, dưới sự yểm trợ của nó sẽ hình thành một đội quân gồm những đồng minh Ba Lan của nó; và Phổ sẽ bị trừng trị đích đáng, khi vì nền an ninh của mình mà nó phải khôi phục nước Ba Lan hùng mạnh.

Từ đầu đến giờ chúng tôi chỉ xét về mặt thuần túy quân sự của sự việc, qua đó chúng tôi đã thấy rõ ràng trong vấn đề này có thể không chú ý đến nước Nga. Nhưng điều đó sẽ trở nên rõ ràng hơn nữa một khi chúng ta xét tình hình kinh tế của nước Nga nói chung và đặc biệt là tình hình tài chính của nó.

VI

Tình hình nội bộ nước Nga ở thời điểm hiện nay hầu như tuyệt vọng. Sự giải phóng nông dân năm 1861 và sự phát triển liên quan với nó – một phần là nguyên nhân, một phần là kết quả của sự giải phóng đó – của công nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa đã đẩy nước trì trệ nhất trong số tất thảy các nước này, cái *nước Trung Hoa châu Âu này*, vào cuộc cách mạng kinh tế và xã hội giờ đây đang tiến bước không thể kìm lại được; và quá trình đó hiện mang tính chất phá hủy là chủ yếu.

Khi giải phóng nông dân, giai cấp quý tộc nhận được sự đền bù bằng chứng khoán có giá của nhà nước mà nó phát hành trong một thời hạn hết sức ngắn. Khi việc này kết thúc thì những đường sắt mới đã mở ra cho nó thị trường tiêu thụ gỗ khai thác từ đất rừng của mình; quý tộc lo việc chặt và bán gỗ, và chừng nào tiền thu được còn đủ, họ lại sống hoàn toàn phong lưu. Trong điều kiện mới tạo ra, việc kinh doanh canh tác bằng lao động làm thuê tự do trong các trang trại địa chủ phần lớn tiến hành rất tồi như trước; không lấy gì làm lạ khi thấy quý tộc địa chủ Nga nợ nần chồng chất, nếu như chưa ở trong tình trạng phá sản hoàn toàn và thu nhập của các trang trại của họ giảm xuống hơn là tăng lên.

Người nông dân nhận được ruộng đất ít hơn số họ có trước kia; và trong đa số trường hợp ruộng đất đó có chất lượng kém hơn; quyền sử dụng bãi chăn thả và rừng của họ đã bị tước đoạt,

làm cho họ mất cơ sở để nuôi gia súc; thuế tăng lên đáng kể, và nông dân bây giờ ở khắp nơi đều phải đóng thuế bằng tiền; ngoài ra họ còn phải nộp – cũng bằng tiền – để trả lợi tức và thanh toán tiền chuộc (wykup) mà nhà nước đã ứng trước; nói vắn tắt, bên cạnh tình trạng hoàn cảnh kinh tế chung của nông dân ngày càng tồi tệ, bỗng nhiên lại thêm việc chuyển bất đắc dĩ từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế tiền tệ, điều này tự nó đã đủ để làm phá sản nông dân trong cả nước. Kết quả là người giầu ở nông thôn, nông dân khá giả và chủ quán rượu, mirojedy (nghĩa đen là người gặm nhấm công xã) và kulaki (kẻ cho vay nặng lãi) đã tăng cường quá mức việc bóc lột nông dân. Và dường như tất cả những điều đó còn ít, lại còn xuất hiện công nghiệp lớn mới làm phá sản đến cùng nền kinh tế tự nhiên của nông dân. Bằng sự cạnh tranh của mình, nó không chỉ làm tổn hại đến sản xuất thủ công nghiệp của nông dân nhằm thỏa mãn nhu cầu của chính họ, mà còn hoặc làm cho nông dân mất thị trường tiêu thụ sản phẩm thủ công nghiệp của họ, hoặc may mắn lắm đạt thủ công nghiệp ấy phụ thuộc vào nhà tư bản "bao mua" hoặc, điều này càng tệ hơn, vào người môi giới của họ. Người nông dân Nga với nghề trồng trọt thô sơ của họ và với chế độ công xã cộng sản cổ đại bỗng chốc xung đột với hình thức phát triển nhất của nền công nghiệp lớn hiện đại đã phải dùng sức mạnh tạo ra thị trường nội địa cho mình; với tình hình như vậy, họ không khỏi rơi vào cảnh diệt vong. Mà ở Nga, nông dân chiếm gần chín phần mười tổng dân số, và sự phá sản của nông dân đồng nghĩa – ít ra là trong một thời gian – với sự phá sản của nước Nga[1].

1) Về tất cả những điều này tôi đã viết cách đây một năm trong tạp chí "Neue Zeit", số 19, 1891 – 1892 trong bài "Chủ nghĩa xã hội Đức"[1*].

1* Xem tập này, tr. 377-383.

Hai mươi năm sau, trong thời gian đó tiếp diễn cuộc cách mạng xã hội ấy, cũng đã thấy rõ những kết quả khác của nó. Việc đốn rừng không thương tiếc đã tiêu diệt kho chứa độ ẩm của đất; nước mưa và nước do tuyết tan không kịp ngấm vào đất đã chảy xuống thành khe suối và dòng chảy, gây ngập lụt nghiêm trọng; còn về mùa hạ thì các con sông cạn nước và khô khốc. Ở nhiều vùng phì nhiêu nhất của Nga, mức độ ẩm trong đất đã giảm xuống, như người ta thông báo, hẳn một mét, thành thử cây lúa không đâm rễ tới lớp đất ẩm được nữa và khô héo. Như vậy, không chỉ con người khánh kiệt mà cả bản thân ruộng đất ở nhiều nơi cũng đã kiệt quệ ít ra là trong thời gian trọn một thế hệ.

Nạn đói năm 1891 đã làm cho quá trình phá sản trước đây mang tính chất triền miên ấy có một hình thức gay gắt và qua đó đã phơi bầy nạn đói ấy trước bàn dân thiên hạ. Và vì thế, từ năm 1891 nước Nga chưa ra khỏi nạn đói. Năm khác nghiệt ấy đã hủy diệt đáng kể phương tiện sản xuất cuối cùng và quan trọng nhất của người nông dân là gia súc của họ và đưa nợ nần của nông dân đến mức tình hình đó nhất định đã phá hủy sức sống cuối cùng của họ.

Ở vào tình thế như vậy, bất cứ nước nào họa chăng liều mạng mới có thể phát động chiến tranh. Nhưng cũng không đủ tiền của vào việc ấy. Ở Nga, quý tộc sống bằng nợ nần, bây giờ nông dân cũng sống bằng nợ nần, nhưng trước hết tồn tại được là nhờ những món nợ mà bản thân nhà nước nợ nần. Nhà nước Nga vay nước ngoài bao nhiêu tiền, ai ai cũng biết: trên bốn tỷ mác. Nợ trong nước của nó là bao nhiêu, chẳng ai biết cả; thứ nhất, vì cả số công trái đã phát hành lẫn số tiền giấy nằm trong lưu thông đều không được biết; và thứ hai, vì giá trị của những tiền giấy ấy thay đổi hàng ngày. Nhưng có một điều không thể

nghi ngờ là: tín dụng của Nga ở nước ngoài đã dùng hết. Bốn tỷ mác quốc trái Nga đã đầy ắp thị trường tiền tệ Tây Âu. Nước Anh đã từ lâu, còn nước Đức thì mới đây đã thoát khỏi phần lớn chứng khoán "Nga" của mình. Hà Lan và Pháp đã mua những chứng khoán đó cũng không tiêu hóa nổi chúng, như đã bộc lộ trong lần ký kết vay nợ của Nga gần đây nhất ở Pa-ri; trong tổng số công trái 500 triệu phrăng chỉ có thể phát hành được 300 triệu, còn 200 triệu công trái thì bộ trưởng tài chính Nga đã phải thu hồi trở lại ở những chủ ngân hàng đã ký và đã vượt quá số tiền đã ký[403]. Điều đó chứng minh rằng ngay cả ở Pháp, bất kỳ đợt công trái Nga mới nào trong thời gian tới đều không có cơ may thành công.

Tình hình nước này là như vậy. Đó là nước mà người ta bảo là trực tiếp đe dọa gây chiến tranh với chúng ta, nhưng thực ra không thể phát động chiến tranh ngay cả có liều lĩnh đi nữa, miễn là chúng ta không ngu đến mức ném vào mõm nó những số tiền cần thiết cho việc đó.

Thật khó hiểu sự dốt nát của Chính phủ Pháp và dư luận *tư sản* Pháp chi phối nó. Không phải Pháp cần Nga, – trái lại, đúng ra Nga cần Pháp. Không có Pháp thì Nga hoàng với chính sách của ông ta sẽ bị cô lập ở châu Âu, và bất lực không làm gì được, ông ta sẽ phải cam chịu với tất cả những gì diễn ra ở phương Tây và ở vùng Ban-căng. Nước Pháp mà tỏ ra hiểu biết hơn, nó có thể tranh thủ được ở Nga tất cả những gì nó muốn. Lẽ ra phải thế, nhưng nước Pháp chính thức lại quy lụy Nga hoàng.

Việc xuất khẩu lúa mì của Nga đã bị sự cạnh tranh của lúa mì Mỹ rẻ tiền phá vỡ. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vẫn chỉ là mạch đen, nhưng hầu như chỉ xuất sang Đức mà thôi. *Hễ Đức*

xoay sang ăn bánh mì trắng chứ không ăn bánh mì đen thì nước Nga Sa hoàng đại tư sản chính thức hiện nay sẽ lập tức phá sản.

VII

Chúng tôi đã phê phán đầy đủ những người láng giềng của chúng ta, những kẻ thù yêu hòa bình của chúng ta. Nhưng tình hình ở chính nước chúng ta ra sao?

Và ở đây chúng tôi phải nói thẳng rằng việc dần dần rút ngắn thời hạn làm quân dịch chỉ có ích cho quân đội trong trường hợp nếu vĩnh viễn chấm dứt *việc đối xử dã man* với binh lính mà trong những năm gần đây đã bám chắc rễ và đã thành tập quán trong quân đội với mức độ lớn hơn rất nhiều so với mức người ta muốn thừa nhận.

Sự đối xử dã man ấy với lính là bạn đồng hành trước sau như một của chế độ huấn luyện đi đều bước và chế độ huấn luyện khắc nghiệt kiểu duyệt binh ở quảng trường; cả hai chế độ này đều rất phổ biến trong quân đội Phổ một khi nó trở thành quân đội thời bình trong một thời kỳ nào đó, điều này chuyển từ người Phổ sang người Dác-den, người Ba-vi-e v.v.. Lối đối xử như vậy với lính là di sản của thời "Phổ cổ" tốt lành, khi người lính hoặc là kẻ lang thang được tuyển mộ, hoặc là con của nông nô và vì thế phải lặng lẽ chịu đựng mọi sự phỉ báng và hạ nhục của sĩ quan quý tộc địa chủ của mình. Và chính tầng lớp quý tộc đã bị phá sản, trở nên bần cùng và ăn bám có không ít ở phía đông sông En-bơ và bây giờ còn là tầng lớp cung cấp những kẻ hành hạ vô cùng độc ác đối với binh lính; về mặt này, chỉ có con cái

tư sản ngạo mạn thích làm ra bộ quý tộc địa chủ là có thể sánh được với họ.

Thái độ hoạnh họe nhỏ nhen đó chưa bao giờ mất đi trong quân đội Phổ. Nhưng trước kia thái độ ấy ít thấy hơn và mang tính chất vừa phải hơn, đôi khi mang tính chất hài hước. Nhưng từ khi, một mặt, cần huấn luyện cho lính ngày càng nhiều môn hơn, đồng thời, mặt khác, người ta không nghĩ đến chuyện vứt bỏ toàn bộ đống đồ bỏ đi không cần thiết của những bài tập chiến thuật đã lỗi thời và đã mất hết mọi ý nghĩa, – từ khi người hạ sĩ quan bắt đầu dần dần có được quyền ngày càng không bị hạn chế trong việc áp dụng mọi phương pháp huấn luyện mà họ cảm thấy thích hợp; đồng thời điều gián tiếp bắt buộc người hạ sĩ quan phải sử dụng những biện pháp tác động bằng bạo lực là mệnh lệnh đòi trong một thời hạn ngắn phải nhồi nhét thật kỹ những quy tắc quân sự này khác cho đội mình. Mà vì, hơn thế nữa, quyền của lính được phát đơn kiện là một sự mỉa mai thật sự đối với quy tắc đó, nên không có gì đáng lấy làm lạ khi thấy rằng phương pháp Phổ cổ được ưa chuộng lại nở rộ ở những nơi người lính ngoan ngoãn cam chịu điều ấy. Vì tôi tin chắc rằng ở những trung đoàn được phiên chế ở miền Tây đất nước hoặc ở những trung đoàn có dân các thành phố lớn pha trộn vào đáng kể thì người lính bị xúc phạm ít hơn rất nhiều so với ở những trung đoàn gồm chủ yếu là nông dân phía Đông sông En-bơ.

Trước kia đã có – ít ra là trong thực tiễn – một chất giải độc chống lại điều đó. Trường hợp dùng súng trường nòng trơn nạp đạn từ miệng súng thì trong lúc tập rất dễ bỏ vào nòng một hòn đá lửa, cho nó tụt xuống vỏ đạn rỗng và trong các buổi diễn tập, những viên chỉ huy đáng ghét nhiều khi bị trúng đạn do sơ suất. Đôi khi cũng có sai sót; tôi có biết một thanh niên người Khuên, năm 1849 đã chết như vậy vì một phát đạn dành cho

viên chỉ huy của anh ta. Còn giờ đây, với súng trường nạp đạn ở phần khóa nòng, điều này không thể làm một cách dễ dàng và khó nhận thấy như vậy được nữa, nhưng số liệu thống kê về những vụ tự sát trong quân đội là một bằng chứng khá chính xác cho thấy sự đối xử dã man đối với lính. Nhưng khi " thời điểm nghiêm trọng" xảy tới và đạn thật được sử dụng thì lúc đó tất nhiên sẽ nổi lên vấn đề liệu sẽ lại có những người theo nếp cũ mà, như người ta nói, đã xảy ra trong thời gian những cuộc chiến tranh gần đây nhất hay không; vì điều đó sẽ góp phần rất lớn cho thắng lợi cơ đấy [404].

Trong những báo cáo của mình, các sĩ quan Anh nhất trí khen quan hệ đặc biệt tốt giữa chỉ huy và binh sĩ trong quân đội Pháp trong thời gian tập trận ở Sâm-pa-nhơ năm 1891. Trong quân đội này chắc hoàn toàn không thể có những hiện tượng tương tự như những hiện tượng thường được các doanh trại tiết lộ và xuất hiện trên báo chí nước ta. Ngay trước cuộc đại cách mạng Pháp, ý định đem hình thức phạt đòn áp dụng trong quân đội Pháp theo mẫu của Phổ đã hoàn toàn thất bại. Trong những thời buổi tồi tệ nhất của những cuộc viễn chinh ở An-giê-ri và của Đế chế thứ hai, không một viên chỉ huy nào dám cả gan làm đối với lính Pháp dù chỉ là một phần mười cái mà người ta công khai làm đối với lính Đức. Còn giờ đây, khi đã thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập, tôi muốn được nhìn thấy người hạ sĩ quan Pháp đã dám ra lệnh cho lính tát hoặc nhổ nước bọt vào mặt nhau. Thế thì lính Pháp phải cảm thấy sự khinh bỉ như thế nào đối với đối thủ sau này của mình khi họ nghe được và đọc được về tất cả mọi điều mà những kẻ đó nhẫn nhục cho phép làm đối với mình. Làm cho lính ở mỗi doanh trại Pháp đều đọc và nghe – điều này đã có người phải chăm lo rồi.

Trong quân đội Pháp đang ngự trị thứ tinh thần và những quan hệ giữa sĩ quan, hạ sĩ quan và lính như thứ tinh thần và

những quan hệ từng ngự trị trong quân đội Phổ những năm 1813 -1815 và đã hai lần đưa binh lính chúng ta sang Pa-ri. Ở nước ta thì trái lại, người ta tiến ngày càng gần những trật tự năm 1806, khi người lính thậm chí hầu như không được coi là con người, khi họ bị đánh bằng gậy và hành hạ, giữa họ với sĩ quan có một vực thẳm không thể qua được, – và những trật tự ấy đã đưa quân đội Phổ đến I-ê-na[405], rồi sau đó vào làm tù binh của Pháp.

Người ta nhắc đi nhắc lại nhiều dường nào về ý nghĩa có tính chất quyết định của các nhân tố tinh thần trong thời gian chiến tranh! Mà người ta làm gì trong thời bình, nếu không phải là làm cái việc thủ tiêu hầu như một cách có hệ thống những nhân tố đó!

VIII

Từ trước đến giờ, chúng tôi xuất phát từ một tiền đề là đề nghị về việc rút ngắn dần dần và đồng đều thời hạn quân dịch, đồng thời cuối cùng chuyển sang chế độ dân binh, được tất cả mọi người chấp nhận. Nhưng vấn đề trước hết là đề nghị đó có được chấp nhận hay không.

Giả sử Đức đề nghị như vậy trước hết với Áo, I-ta-li-a và Pháp. Áo sẽ vui lòng chấp nhận việc hạn chế thời hạn quân dịch tối đa là hai năm, mà trong thực tiễn thì chắc nó sẽ rút ngắn thời hạn đó nhiều hơn nữa.Trong quân đội Áo, người ta bày tỏ ý kiến, dường như thẳng thắn hơn rất nhiều so với trong quân đội Đức, về kết quả tốt đẹp của quân dịch ngắn hạn, thực hành đối với một bộ phận quân đội. Nhiều sĩ quan Áo khẳng định thẳng rằng các đơn vị dân binh chỉ phục vụ trong vòng hai – ba tháng, có phẩm chất chiến đấu cao hơn quân chủ lực; dù sao họ cũng đúng về mặt: một tiểu đoàn dân binh, như người ta đoán chắc, có thể đưa vào tư thế sẵn sàng chiến đấu trong vòng 24 giờ, trong khi đó đối với một tiểu đoàn quân chủ lực phải mất mấy ngày. Điều này thật dễ hiểu: trong các đội quân chủ lực, người ta sợ xúc phạm đến những trật tự cổ hủ của Áo thời cổ mang nặng tính chất cầu kỳ, còn trong dân binh, nơi mà toàn bộ tổ chức được xây dựng từ đầu, người ta có dũng khí không áp dụng sự thủ cựu ấy. Dù sao thì ở Áo, dân chúng cũng như chính phủ đều tha thiết muốn giảm nhẹ gánh nặng quân sự mà

như kinh nghiệm bản thân của họ cho thấy, có thể tiến hành chắc chắn nhất bằng cách rút ngắn thời hạn làm quân dịch.

I-ta-li-a cũng chộp lấy đề nghị đó bằng cả hai tay. Nó kiệt sức dưới gánh nặng ngân sách quân sự, kiệt sức đến mức nó cần phải tìm được một lối thoát nào đó, càng nhanh càng tốt. Cả ở đây nữa, việc rút ngắn thời hạn quân dịch tối đa là con đường ngắn nhất và đơn giản nhất. Như vậy, có thể nói rằng Liên minh tay ba[406] hoặc sẽ tan rã, hoặc nó phải áp dụng một biện pháp mà chung quy ít nhiều giống đề nghị của chúng tôi.

Nhưng nếu Đức dựa vào sự đồng ý của Áo và I-ta-li-a mà đề nghị như vậy với Chính phủ Pháp thì Chính phủ Pháp sẽ rơi vào tình thế rất khó khăn. Chấp nhận đề nghị đó, nó sẽ không mảy may làm cho tình hình quân sự của nó xấu đi so với những nước khác. Trái lại, nó sẽ có khả năng cải thiện một cách tương đối tình hình đó. Về nhiều mặt, việc chế độ nghĩa vụ quân sự phổ cập thi hành ở Pháp chỉ cách đây 20 năm, là một khuyết điểm đối với Pháp. Nhưng khuyết điểm này chứa đựng một ưu điểm là tất cả đều còn mới mẻ, rằng chỉ cách đây không lâu đã chấm dứt những trật tự lỗi thời được duy trì từ thời vua Gô-rô-khơ, rằng có thể dễ dàng thi hành những cải tiến tiếp, mà không vấp phải sự chống đối ngoan cố của những định kiến thâm căn cố đế. Tất cả các quân đội đều thể hiện những năng lực phi thường về huấn luyện sau *những thất bại lớn*. Vì vậy ở Pháp sẽ dễ dàng – hơn bất cứ nơi nào khác – sử dụng tốt nhất thời hạn làm quân dịch do hiệp định đặt ra; vì trường học ở Pháp cũng ở trong trạng thái cải tạo cách mạng như trong quân đội, nên ở đấy sẽ có thể tổ chức cả công việc bồi dưỡng thể lực và chuyên môn quân sự phổ thông cho thanh niên một cách nhanh hơn và dễ dàng hơn rất nhiều so với bất cứ nơi nào khác. Nhưng điều đó sẽ có nghĩa là tăng cường thực lực quân sự của Pháp so với Đức. Thế nhưng, có thể và thậm chí rất chắc chắn là trào lưu

sô-vanh chủ nghĩa – mà chủ nghĩa sô-vanh Pháp cũng ngốc nghếch y như chủ nghĩa sô-vanh Đức – sẽ vẫn còn đủ mạnh để lật đổ bất kỳ chính phủ nào chấp nhận đề nghị như vậy, đặc biệt nếu đó là đề nghị của Đức. Vậy, giả sử Pháp bác đề nghị ấy. Lúc đó sẽ thế nào?

Lúc đó Đức sẽ thu được mối lợi to lớn chỉ do một điều là nó đã đưa ra đề nghị đó. Chúng ta không được quên rằng hai mươi bảy năm làm mưa làm gió của Bi-xmác đã chuốc lấy cho Đức – và không phải vô cớ – sự căm ghét của toàn thế giới. Việc thôn tính Bắc Slê-đơ-vích của Đan Mạch, việc không tuân thủ và, xét đến cùng, việc xóa bỏ một cách gian lận điều ước liên quan đến người Đan Mạch trong Hòa ước Pra-ha[407], việc thôn tính An-da-xơ-Lô-ren-nơ, những vụ bức hại vụn vặt đối với người Ba Lan gốc Phổ – tất cả những điều đó hoàn toàn không có gì giống với việc khôi phục "sự thống nhất dân tộc" cả. Bi-xmác đã tạo được tiếng tăm cho Đức là một nước khao khát chinh phục; người tư sản sô-vanh chủ nghĩa Đức đã tống cổ người Đức gốc Áo, nhưng vẫn đặt cao hơn hết ý muốn thống nhất trên tinh thần anh em toàn bộ nước Đức "từ Ét-sơ đến Mê-men[1*]", vui lòng sáp nhập Hà Lan, Phlan-đrơ, Thụy Sĩ và cái gọi là các tỉnh ven Ban-tích "thuộc Đức" của Nga vào Đế quốc Đức, – người Sô-vanh chủ nghĩa Đức ấy đã thành tâm giúp Bi-xmác, và với thành công rực rỡ như vậy khiến giờ đây không ai ở châu Âu tin "những người Đức trung thực". Các bạn dù đến đâu, khắp nơi các bạn đều sẽ gặp thiện cảm đối với Pháp và sự không tin vào Đức, mà người ta cho đó là thủ phạm gây ra nguy cơ chiến tranh

1* Phỏng lời trong "Bài ca của người Đức" của Hốp-man phôn Phan- lô-xlê-bên.

hiện nay. Tất cả những điều đó sẽ chấm dứt, nếu Đức dám đưa ra đề nghị của chúng tôi, Nó sẽ là chiến sĩ đấu tranh cho hòa bình, và lại theo cách khiến điều đó không gây ra bất cứ sự ngờ vực nào. Nó sẽ tỏ ra sẵn sàng làm người khởi xướng trong sự nghiệp giải trừ quân bị, như một nước đã phát tín hiệu vũ trang, được quyền làm như vậy. Sự không tin ắt phải trở thành sự tin tưởng, ác cảm ắt phải trở thành thiện cảm. Không chỉ câu nói chung chung rằng tuồng như Liên minh tay ba là một liên minh hòa bình. Lẽ ra có thể trở thành hiện thực, mà cả chính Liên minh tay ba mà giờ đây chỉ là giả tưởng lẽ ra cũng có thể trở thành hiện thực. Toàn bộ dư luận Âu-Mỹ đều sẽ đứng về phía Đức. Và đó sẽ là một thắng lợi tinh thần nặng cân hơn tất cả những thiếu sót về mặt quân sự còn có thể phát hiện thêm trong đề nghị của chúng tôi, nếu bắt đầu triết lý về các mặt của nó.

Trái lại, Pháp mà bác đề nghị giải trừ quân bị thì sẽ rơi vào tình thế bất lợi của một nước gây nên nỗi nghi ngờ, như tình thế của Đức hiện nay. Giờ đây tất cả chúng ta đều thấy, người phi-li-xtanh châu Âu sẽ nói – mà anh ta là cường quốc lớn nhất trong số các đại cường quốc, – giờ đây tất cả chúng ta đều thấy, ai muốn hòa bình, ai muốn chiến tranh. Và nếu sau chuyện đó, một chính phủ có tư tưởng hiếu chiến thực sự lên nắm chính quyền, thì nó sẽ vấp phải một hoàn cảnh trong đó, với một cách hiểu nhất định đối với tình hình, nó sẽ cho rằng chiến tranh là hoàn toàn không thể có được. Pháp dù giả vờ là người nào đi nữa, trong con mắt của toàn châu Âu nó sẽ là bên gây ra chiến tranh, buộc phải đánh nhau. Bằng cách đó nó sẽ không chỉ làm cho những nước nhỏ, nước Anh chống lại nó, mà thậm chí sẽ không thể duy trì lòng tin vào sự giúp đỡ của Nga, vào sự giúp đỡ truyền thống của Nga, là nước lúc đầu xua các đồng minh của mình vào chiến tranh, rồi sau đó bỏ mặc họ.

Chúng ta sẽ không quên rằng *nước sẽ dịnh đoạt kết cục cuộc chiến tranh tới đây là Anh*. Liên minh tay ba trong trường hợp đánh nhau với Nga và với Pháp, cũng như Pháp, nước bị lãnh thổ của đối phương ngăn cách với Nga, sẽ chỉ có thể nhận được số lượng lớn lúa mì nhập khẩu cần thiết cho họ bằng đường biển mà thôi. Mà trên biển thì Anh làm chủ hoàn toàn. Nếu Anh giao hạm đội của mình cho một trong số những nước tham chiến sử dụng; thì một nước khác quả là sẽ bị kiệt sức, vì đường vận chuyển lương thực sẽ bị cắt đứt, đó sẽ là sự lập lại nạn đói của Pa-ri[408] với quy mô lớn hơn nhiều, và bên thiếu ăn sẽ phải đầu hàng, điều này chắc như hai lần hai là bốn.

Chúng ta sẽ xét tiếp; lúc này ở Anh trào lưu tự do chủ nghĩa đang thắng thế, mà phái tự do Anh thì rất có cảm tình với Pháp. Dã thế, lão Glát-xtôn lại là bạn của nước Nga. Nếu chiến tranh châu Âu nổ ra thì Anh sẽ giữ trung lập càng lâu càng tốt; nhưng ngay cả sự trung lập "thiện chí" của nó cũng có thể do những tình huống nói trên mà có nghĩa là một sự chi viện có tính chất quyết định đối với một trong các bên tham chiến. Nếu Đức nêu đề nghị của chúng tôi và đề nghị đó bị Pháp bác thì Đức không chỉ sẽ khắc phục được tất cả mọi tâm trạng của Anh đối địch với nó và sẽ đảm bảo cho mình có được sự trung lập thiện chí của Anh, mà thêm vào đó nó sẽ làm cho Chính phủ Anh mất hầu hết mọi khả năng câu kết với các địch thủ của Đức nếu chiến tranh nổ ra.

Như vậy, chúng ta đã đi tới những kết luận sau đây:

Hoặc là Pháp sẽ chấp nhận đề nghị. Và khi đó nguy cơ chiến tranh do việc thường xuyên đẩy mạnh vũ trang sinh ra, sẽ thực tế bị trừ bỏ, các dân tộc sẽ được bình yên, còn Đức thì sẽ được tiếng là nước đã mở đầu cho sáng kiến đó.

Hoặc là Pháp sẽ không chấp nhận đề nghị. Thế thì nó sẽ làm

cho tình thế của chính mình ở châu Âu xấu đi và sẽ làm cho tình thế của Đức chuyển biến tốt đến mức nước Đức sẽ hoàn toàn không phải lo sợ chiến tranh nữa, và hơn thế, nó không sợ bất kỳ nguy cơ nào, sẽ có thể cùng với những đồng minh của mình, chỉ lúc ấy mới trở thành đồng minh thực sự của Đức, tự mình chịu hết rủi may và đảm nhận trách nhiệm bắt tay rút ngắn dần thời hạn quân dịch và chuẩn bị thực hành chế độ dân binh.

Liệu có đủ dũng khí để tiến một bước có tác dụng cứu vãn ấy không? Hay là sẽ đợi đến lúc Pháp rốt cuộc thấy rõ tình thế đích thực của Nga mà tiến một bước đầu tiên và tự mình gặt hái toàn bộ niềm vinh quang?

GỬI CÔNG NHÂN ĐỨC NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893

Hôm nay tôi có thể kể cho công nhân Đức điều gì lý thú hơn, nếu không phải là việc kỷ niệm ngày Một tháng Năm đang diễn ra tới đây, ở Anh, mà chính trong năm nay sẽ có ý nghĩa đặc biệt[1*]. Nếu giờ đây Đức không còn là nước Đức "trẻ có đức

1* Trong bản thảo, trước câu này có đoạn sau đây, đoạn này không có trong bản in (hoặc đã bị xóa bỏ khi đánh máy bản thảo hoặc do hoàn cảnh đã thay đổi khi xuất bản): "Vào thời điểm tôi sắp gửi những dòng này cho báo Đức ngày Một tháng Năm, ở Béc-lin sắp nổ ra một cuộc khủng hoảng liên quan với việc thảo luận dự luật quân sự. Điều gì có thể xảy ra? Nếu dự thảo bị bác thì sau đó quốc hội sẽ bị giải tán, và lúc đó chiến dịch tranh cử sẽ áp đảo ngày lễ tháng Năm, làm lu mờ nó, và có đủ mọi lý do cho điều đó. Dùng là giờ đây có thể đánh cuộc với cơ may năm trên một rằng sự thỏa hiệp đáng mong muốn như vậy vẫn sẽ đạt được, và quốc hội tồn tại thêm hai năm nữa. Đồng thời chỉ cần một sự tinh cờ nho nhỏ là đủ để ngăn cản điều đó. Trong trường hợp như vậy tôi có thể nói gì với công nhân Đức nhân ngày Một tháng Năm của họ, nếu không biết họ sẽ kỷ niệm ngày ấy trong những hoàn cảnh như thế nào?".

hạnh", mà Hen-rích Hai-nơ đã nói [1*], thì nước Anh hiện nay cũng không còn là nước kiểu mẫu của những người xã hội chủ nghĩa giảng đàn Đức mềm yếu nữa, không phải là nước mà các hội công liên ra vẻ can đảm và những người ủng hộ phong trào trong khuôn khổ đạo luật đang dốc sức để làm cho các "mơ tưởng hão xã hội chủ nghĩa" không có chỗ đứng. Tất cả những điều đó giờ đây đã vĩnh viễn qua rồi. Cần phải có nhiều thời gian, để giai cấp công nhân Anh, sau những trận chiến đấu vẻ vang thời phong trào Hiến chương kết thúc bằng thất bại, lại bắt đầu hoạt động. Và giờ đây nó chắc chắn đã bắt đầu hoạt động. Còn về các tổ chức xã hội chủ nghĩa ở đây, thì mới vừa rồi chúng chẳng qua là những phe phái đơn giản, bên cạnh chúng, các hội công liên cũ đã thực sự có thể có vẻ là một lực lượng quan trọng. Do đó mà những đứa trẻ ngoan ở trường đại học quá quyết rằng công nhân Anh mong muốn không phải là thủ tiêu chế độ lao động làm thuê, mà chỉ là "cải thiện" nó. Tình hình bây giờ như thế nào? Quần chúng công nhân ngày càng thấm sâu ý thức rằng lối thoát của họ chủ yếu không phải là giành cho được tiền lương cao hơn và ngày làm việc ngắn hơn bằng cách đấu tranh với từng chủ xí nghiệp, mà trước hết là giai cấp công nhân được tổ chức thành đảng độc lập phải giành được quyền chính trị, giành được nghị viện[2*]. Điều đó lần đầu tiên bộc lộ trong cuộc tổng tuyển cử năm 1892. Công nhân đấu tranh chống *cả hai* đảng cũ, đã đưa vào được ba ứng cử viên của mình[3*], ngoài ra ở hơn hai mươi khu vực bầu cử họ đã cho những đảng ấy cảm thấy xác

1* Lấy trong bài thơ "Yên tâm" của Hai-nơ.

2* Trong bản thảo, thay cho những chữ "giành được quyền chính trị, giành được nghị viện" là những chữ " giành được nghị viện, giành được quyền lực chính trị".

3* — Gi. C. Hác-đi, Giôn Bốc-xơ và Gi. Kh.Uyn-xơn

đáng sức mạnh chưa được sử dụng của mình[409]. Điều đó đã cũng có phi thường lòng tự tin của công nhân.

Ở Anh, ngay cả với quyền bầu cử hạn chế như hiện nay, công nhân chiếm đa số tuyệt đối ít ra là ở 150 khu vực bầu cử. Nếu dự án cải cách bầu cử [410] do chính phủ đưa ra được thông qua, họ sẽ chiếm đa số ở 200 khu vực. Ngoài ra, ở đa số khu vực bầu cử, phiếu bầu của công nhân ngay giờ đây đã quyết định kết cục của cuộc bầu cử. Hoàn toàn rõ ràng, trong những điều kiện như thế, sự thức tỉnh ý thức giai cấp ở công nhân có ý nghĩa gì. Chỉ cần công nhân muốn – thế là không thể cai trị nước Anh bất chấp ý chí của họ.

Sự thức tỉnh ý thức giai cấp ấy cũng thể hiện cả ở việc chuẩn bị ngày lễ tháng Năm năm nay. Lần đầu tiên cuộc thương lượng sơ bộ diễn ra suôn sẻ , không có cãi vã và sự cạnh tranh vụn vặt, người tham gia nhất trí và nhiệt tình. Và điều quan trọng hơn nữa là: sự lãnh đạo thuộc về những người xã hội chủ nghĩa, và lần đầu tiên ngày lễ này sẽ mang tính chất dân chủ – xã hội không thể chối cãi.

Phri-đrích Ăng-ghen

Ngày 13 tháng Ba 1893

Đã đăng trong số đặc biệt "Mai-Feier", ngày 1 tháng Năm 1893, do Nhà xuất bản báo "Vorwärts" xuất bản

In theo bản đăng trên số ngày 1 tháng Năm, có đối chiếu với bản sơ thảo Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN ÁO NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893[411]

Luân Đôn. Tôi được đề nghị viết một ít lời cho các đồng chí Áo trên báo ngày Một tháng Năm. Tôi có thể nói gì với các đồng chí? Cần kỷ niệm ngày Một tháng Năm như thế nào, các đồng chí biết rõ hơn tôi. Các đồng chí đã chứng minh điều này ngay từ đầu. Từ năm 1890, công nhân Áo từ năm này qua năm khác đã cho những người anh em ở tất cả các nước thấy ngày Một tháng Năm thực sự với tinh thần vô sản chân chính là gì. Không đâu bì được với các đồng chí hoặc dù chỉ là làm theo gương các đồng chí.

Và quả thật, ở Áo ngày Một tháng Năm có ý nghĩa lớn hơn rất nhiều so với bất cứ ở đâu. Ở Đức , năm 1890 chỉ có thể viện dẫn cuộc bầu cử quốc hội vừa mới kết thúc, vốn là một cuộc biểu dương đồ sộ lực lượng chiến đấu của giai cấp công nhân Đức, đến mức trước tình hình đó mọi lễ hội tháng Năm đều đã mờ nhạt. Ở Pháp, ngày Một tháng Năm 1892 trùng với cuộc bầu cử hội đồng địa phương tiến hành trên cơ sở quyền bầu cử phổ thông và cũng mang lại cho công nhân những thắng lợi to

lớn [412]; vào ngày Một tháng Năm lúc ấy họ đã phải làm việc vì sự nghiệp của giai cấp vô sản, chứ không phải là làm lễ kỷ niệm. Nhưng ở nước Áo của các đồng chí, công nhân chưa có quyền bầu cử, còn tình hình quyền tự do báo chí, quyền lập hội và quyền hội họp như thế nào, điều đó thấy rõ qua lời giải thích trả lời chất vấn tại quốc hội của ngài cố vấn chính phủ, bá tước Phôn Sáp-ca[413]. Và vì thế công nhân Áo đúng, và một lần nữa đúng, khi trong tất cả mọi tình huống họ khẩn khoản yêu cầu nhất quyết tiến hành ngày hội tháng Năm. Đối với công nhân những nước khác, ngày hội này chủ yếu là một công việc quốc tế; vì vậy có thể xảy ra trường hợp do điều kiện đặc thù bên trong, nó sẽ phải lùi xuống hàng thứ hai. Đối với người Áo, nó không chỉ là công việc quốc tế, mà có thể và chủ yếu còn là công việc nội bộ; vì vậy ở họ, nó chắc chắn và luôn luôn đứng ở hàng đầu.

Mong rằng cả trong năm nay nó sẽ diễn ra tuyệt vời như từ trước đến nay.

Viết vào tháng Ba - đầu tháng Tư 1893
Đã đăng trong số đặc biệt "Zum 1 Mai 1893" do Nhà xuất bản "Arbeiter - Zeitung" xuất bản

In theo bản đăng trong số ngày 1 tháng Năm
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ SÉC NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM[414]

HỒI ỨC TỪ THỜI NĂM 1848

Thời gian đó Các Mác gặp ở Viên[415] Bô-rốt, nhà buôn sách ở Pra-ha, thủ lĩnh đảng đoàn Đức-Bô-hêm trong quốc hội Áo. Bô-rốt đã phàn nàn một cách chua chát về xích mích dân tộc ở Bô-hêm và về sự thù địch cuồng tín hình như đã có của người Séc đối với người Đức ở Bô-hêm. Mác hỏi ông này, tình hình công nhân Bô-hêm về mặt này như thế nào. "Chà, – Bô-rốt trả lời, – đó là chuyện hoàn toàn khác ; một khi công nhân bắt đầu hoạt động thì điều đó chấm dứt, và ở đây không còn chuyện người Séc hay người Đức nữa, ở đây mọi người đều đồng tâm nhất trí".

Điều mà công nhân Bô-hêm thuộc cả hai dân tộc lúc ấy chỉ *cảm thấy*, thì giờ đây họ đã biết; họ biết rằng mọi xích mích dân tộc ấy chỉ có thể có dưới sự thống trị của các chúa phong kiến và các nhà tư bản lớn; rằng chúng chỉ được dùng để duy trì mãi mãi sự thống trị đó; rằng công nhân Séc và công nhân Đức cùng có lợi ích chung, rằng một khi giai cấp công nhân giành được sự thống trị chính trị, thì mọi cớ cho sự thù hằn dân tộc sẽ được trút bỏ. Vì về bản chất, giai cấp công nhân có tính chất quốc

tế, và nó một lần nữa sẽ chứng minh điều đó trong ngày 1 tháng Năm sắp tới.

Luân Đôn, ngày 8 tháng Tư 1893

Phri-đích Ăng-ghen

Đã in trong đặc san "První Máj 1893". Praha

In theo bản sơ thảo, có đối chiếu với đặc san tiếng Séc Nguyên văn là tiếng Đức

BẤT CHẤP TẤT CẢ

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893

Có thể là tôi nhầm, nhưng tôi cảm thấy năm nay, ngày 1 tháng Năm sẽ không đóng vai trò nổi trội trong đời sống của giai cấp vô sản quốc tế như ba năm trước.

Trong số những nước lớn ở châu Âu, có lẽ chỉ có ở Áo người ta muốn làm cho cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm có ý nghĩa hàng đầu. Quả thật công nhân Áo không có phương tiện đấu tranh nào khác.

Ở Pháp, không nghi ngờ gì nữa, ở Đức, rất có thể, ở Anh, có thể – ý nghĩa của ngày 1 tháng Năm trong năm nay lùi xuống hàng thứ yếu so với cuộc tổng tuyển cử, trong đó giai cấp vô sản phải giành những vị trí mới và chắc chắn sẽ giành được[1*].

Như vậy, nếu ngày lễ 1 tháng Năm chịu thua thiệt chút ít về

1* Trong bản thảo, tiếp theo là đoạn đã bị xóa bỏ sau đây: "Ở Bỉ, ngay trước ngày 1 tháng Năm chính phủ bất tài và giai cấp tư sản thiển cận chơi với lửa, như thể họ muốn gây ra đám cháy có thể thiêu toàn bộ châu Âu"[416].

những mặt nào đó do cuộc tổng tuyển cử tới gần thì không vì thế mà chúng ta lo lắng. Điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là chúng ta đã trở nên yếu hơn. Trái lại.

Biểu tình là việc rất tốt, nhưng chỉ khi chúng ta chưa có những phương tiện đấu tranh tốt hơn.

Giai cấp tư sản chớ có mừng quá sớm.

Chúng ta sẽ còn gặp nó bên các hòm phiếu, rồi cả ở Điện Buốc-bông![417]

Luân Đôn, ngày 14 tháng Tư

Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Le Socialiste" số 134, ngày 23 tháng Tư 1893

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Pháp

GỬI CÔNG NHÂN TÂY BAN NHA NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893[418]

Cách mạng vô sản, có lẽ, đang lật nhào tất cả, ngay cả trình tự thời gian. Thí dụ, ít ra là ở Tây Ban Nha ngày 1 tháng Năm tiếp sau ngày 2 tháng Năm[419], trái với mọi lịch. Công nhân Tây Ban Nha có hồi ăn mừng ngày 2 tháng Năm, còn giờ đây thì họ kỷ niệm ngày 1 cùng tháng.

Từ ngày 2 tháng Năm đến ngày 1 tháng Năm – chúng ta đã đạt được tiến bộ to lớn dường nào! Thực ra, chuyện gì đã xảy ra ngày 2 tháng Năm 1808? Một mặt – sự xâm nhập của ngoại bang, mặt khác – dân chúng Ma-đrít[1*]. Nhìn bề ngoài điều đó trông có vẻ đơn giản, thực ra tình hình cực kỳ rối rắm. Để chống lại sự xâm nhập của ngoại bang và sự tàn bạo của Na-pô-lê-ông, nhân dân Tây Ban Nha thời ấy phải tiến hành cuộc đấu tranh

1* Trong bản thảo tiếp theo là đoạn đã bị xóa bỏ sau đây: "Đằng sau quân đội nước ngoài là Na-pô-lê-ông, cái gọi là đại biểu của cách mạng tư sản, còn trong thực tế là kẻ bạo ngược trong nội bộ nước mình, kẻ xâm lược đối với nhân dân các nước láng giềng. Đằng sau nhân dân Ma-đrít là vương triều của dòng họ Buốc-bông ngu si, giới quý tộc phong kiến, tăng lớp tăng lữ. Một sự pha trộn đáng kinh ngạc!".

chống lại cuộc cách mạng Pháp [1*], để lại giành nền độc lập của mình, cũng nhân dân Tây Ban Nha ấy đã buộc phải khôi phục chế độ độc tài của tên ngốc cuồng tín Phéc-đi-năng VII được tầng lớp quý tộc và tăng lữ ủng hộ.

Tình hình như vậy cũng đã diễn ra cả ở I-ta-li-a lẫn ở Đức, thậm chí ở chính nước Pháp. I-ta-li-a và Đức đã có thể thoát khỏi ách Na-pô-lê-ông, có điều là phải nộp mình cho thế lực phản động bảo hoàng, phong kiến và giáo quyền.

Chiến tranh giữa các dân tộc làm phức tạp và làm rối ren tình hình thoạt nhìn hết sức đơn giản và hết sức rõ ràng như vậy đó.

Song sự tiến bộ to lớn biết chừng nào: từ 2 tháng Năm đến 1 tháng Năm! Ngày 1 tháng Năm đánh dấu một tình thế rõ ràng và rành rọt – hai phe khác nhau và đối lập nhau rõ rệt: một bên là giai cấp vô sản quốc tế đang đi tới thắng lợi dưới ngọn cờ đỏ giải phóng mọi người, còn một bên là các giai cấp có của và phản động tất cả các nước đã liên kết lại để bảo vệ đặc quyền bóc lột của mình. Cuộc đấu tranh đã bắt đầu, cờ đỏ đã tung bay, thắng lợi đã được đảm bảo. Tiến lên!

Viết vào tháng Tư 1893
Bản thảo được công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XVI, ph. II, 1936

In theo bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Pháp

1* Trong bản thảo, tiếp đó là những chữ đã bị xóa bỏ sau đây: "mà con đẻ là Na-pô-lê-ông".

GỬI BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ BUN-GA-RI "NGƯỜI DÂN CHỦ – XÃ HỘI"[420]

Luân Đôn, ngày 9 tháng Sáu 1893
122, Rit gien-pác-rốt, Nước-Oc-xtơ

Các đồng chí thân mến!

Xin chân thành cảm ơn các đồng chí đã gửi cho tôi số 2 tạp chí "Người dân chủ – xã hội" của các đồng chí; bằng chữ để trên những dòng này tôi muốn để các đồng chí thấy rằng tôi ít ra đã bắt đầu hiểu tiếng của các đồng chí[1*]. Những yêu cầu mà chủ nghĩa quốc tế đề ra mỗi năm một phát triển. Trước năm 1848 có thể thỏa mãn với việc ta biết được phần nào những thứ tiếng chủ yếu của Tây Âu và Trung Âu, còn bây giờ thì sự thể đã đi tới chỗ tôi tuổi đã già mà còn phải học thậm chí tiếng Ru-ma-ni và tiếng Bun-ga-ri để theo dõi bước tiến của chủ nghĩa xã hội sang phía Đông và Đông – Nam. Thế nhưng, chúng tôi ở phương Tây thực lòng vui mừng với các tiền đồn đông -nam của chúng ta trên biên giới châu Á đang mang tới bờ Hắc Hải và biển Ê-gây ngọn cờ của giai cấp vô sản hiện đại do Mác giương lên – ôi, nếu chính Mác sống đến bây giờ! – và họ đáp lại những miếng mồi và những đe dọa của chế độ Nga hoàng bằng cách đem

1* Trong thư của Ăng-ghen lời đề gửi ban biên tập được viết bằng tiếng Bun-ga-ri: "Gửi ban biên tập tạp chí "Người dân chủ – xã hội"".

các tác phẩm xã hội chủ nghĩa của những chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản Nga chọi lại các truyền đơn của Nga hoàng. Tôi rất mừng được thấy bản dịch các tác phẩm của Plê-kha-nốp sang tiếng Bun-ga-ri[421].

Chủ nghĩa xã hội quốc tế muôn năm![1*]

Ph. Ăng-ghen
của các đồng chí

Đã đăng trong tạp chí "Người dân chủ - xã hội" số 3, 1893

In theo bản thảo, có đối chiếu với bản in trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Khẩu hiệu này Ăng-ghen viết bằng tiếng Bun-ga-ri.

DIỄN VĂN TRONG BUỔI BẾ MẠC ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở XUY-RÍCH NGÀY 12 THÁNG TÁM 1893[422]

BIÊN BẢN

Thưa các ông, các bà!

Tôi xin phép dịch những điều tôi nói (diễn giả vừa đọc bài diễn văn của mình bằng tiếng Anh và tiếng Pháp) ra tiếng Đức thân yêu của tôi. Sự đón tiếp tuyệt vời bất ngờ mà các ông, các bà dành cho tôi làm tôi rất cảm động, tôi coi đó không phải là đối với cá nhân tôi, mà tôi tiếp nhận nó chỉ với tư cách là người cộng tác của con người vĩ đại có chân dung treo ở trên kia. (Đây là nói Mác.) Đã qua đúng 50 năm từ khi Mác và tôi bắt đầu hoạt động bằng cách công bố những bài viết xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong "Deutsch -Französische Jahrbücher". Từ ấy chủ nghĩa xã hội từ chỗ là những phái nhỏ đã phát triển thành một đảng hùng mạnh đang làm cho toàn bộ giới quan phương run sợ. Mác đã ra đi, nhưng giá bây giờ mà ông còn sống, thì không một người nào ở Âu Mỹ có thể ngoảnh lại nhìn sự nghiệp của đời mình với niềm tự hào chính đáng như vậy. Còn có một năm tháng đáng ghi nhớ nữa. Năm 1872, Quốc tế họp đại hội cuối

cùng[423]. Tại đại hội đã xảy ra hai sự kiện. Thứ nhất, dứt khoát cắt đứt liên hệ với phái vô chính phủ. Quyết định ấy có thừa hay không? Đại hội Pa-ri, Đại hội Bruy-xen, Đại hội lần này đã buộc phải làm y như vậy[424]. Thứ hai, hoạt động của Quốc tế dưới hình thức cũ đã chấm dứt. Đó là thời buổi cơn điên cuồng của thế lực phản động say máu của Công xã quang vinh đã lên tới tột đỉnh. Tiếp tục hoạt động của Quốc tế cũ chỉ có thể dẫn đến những tổn thất hy sinh không tương xứng với kết quả của nó; Quốc tế đã chuyển trụ sở sang Mỹ, có nghĩa là đã rời khỏi vũ đài. Giai cấp vô sản ở từng nước có khả năng tự tổ chức dưới một hình thức độc lập. Điều này đã được thực hiện, và giờ đây Quốc tế mạnh hơn rất nhiều so với trước. Đó chính là hướng mà chúng ta cần phải tiếp tục những hoạt động của mình trên một cơ sở chung. Để không thoái hóa thành một tông phái, chúng ta phải cho phép tranh luận, nhưng những nguyên tắc chung thì trước sau như một phải được tuân thủ. Liên hiệp tự do, tiếp xúc tự nguyện được duy trì bằng các đại hội – điều đó đủ đảm bảo cho chúng ta thắng lợi mà không một lực lượng nào trên thế giới có thể lôi tuột khỏi tay chúng ta.

Điều làm tôi đặc biệt mừng là ở đây có đông đại biểu Anh, vì rằng người Anh là thầy của chúng tôi trong sự nghiệp tổ chức công nhân; nhưng dù chúng tôi có học được ở họ nhiều đến mấy đi nữa thì họ cũng thấy ở đây đôi điều mới mẻ mà chính họ cũng có thể học.

Khi đi qua Đức, tôi được nghe người ta bày tỏ sự nuối tiếc về việc đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa sụp đổ. Người ta nói trước đây đấu tranh với cảnh sát thú vị hơn nhiều. Với những chiến sĩ như vậy, không cảnh sát nào, không chính phủ nào trên toàn thế giới đương đầu nổi.

Theo ủy nhiệm của Tổng bộ, tôi xin tuyên bố bế mạc đại hội.

Giai cấp vô sản quốc tế muôn năm! (Tiếng hô chào mừng sôi nổi của toàn thể đại hội. Những tràng vỗ tay hoan hô kéo dài. Những người dự đại hội đứng dậy hát bài "Mác-xây-e".)

Đã đăng dưới hình thức tường thuật hoặc biên bản trong một loạt báo xã hội chủ nghĩa và báo công nhân tháng Tám–tháng Chín 1893 và trong cuốn: "Protokoll des Internationalen Sozialistischen Arbeiterkongresses in der Tonhalle. Zürich vom 6. bis 12. August 1893". Zürich, 1894

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ DÂN CHỦ - XÃ HỘI Ở VIÊN NGÀY 14 THÁNG CHÍN 1893[425]

TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO

Các đồng chí thân mến!

Tôi không thể rời hội trường này nếu chưa bày tỏ lòng cảm ơn chân thành sâu sắc của tôi về sự tiếp đãi không đáng được mà tôi lại được ban thưởng tối hôm nay. Tôi chỉ có thể nói rằng tiếc thay, niềm vinh quang của người bạn Mác đã quá cố của tôi thì tôi được hưởng một mình. Và tôi tiếp nhận lời hoan hô của các đồng chí với tinh thần đó . Nếu tôi có thể làm được điều gì đó cho phong trào trong 50 năm mà tôi đã tham gia, thì tôi không đòi hỏi bất kỳ phần thưởng nào về điều đó. Phần thưởng tốt nhất của tôi là các đồng chí! Đồng chí của chúng ta có khắp mọi nơi: trong các nhà tù Xi-bi-ri, trong các mỏ vàng Ca-li-phoóc-ni-a, cho đến tận Ô-xtơ-rây-li-a. Không có nước nào, không có quốc gia lớn nào mà đảng dân chủ - xã hội không phải là một lực lượng mà mọi người phải đếm xỉa tới. Tất cả những gì đang diễn ra trên toàn thế giới đều diễn ra có cân nhắc đến chúng ta. Chúng ta là một đại cường quốc gây ra nỗi sợ hãi, một cường quốc có tác dụng chi phối nhiều hơn những

đại cường quốc khác. Đấy là điều mà tôi tự hào. Chúng ta đã sống không hoài công và chúng ta có thể tự hào và thỏa mãn nhìn lại việc của chúng ta[1*]. Ô Đức, người ta muốn dùng vũ lực đè bẹp phong trào, và mỗi lần như thế đảng dân chủ - xã hội lại đáp lại một cách bất ngờ đối với giai cấp tư sản. Mỗi cuộc bầu cử mới đều là một lần số phiếu bầu cho người dân chủ - xã hội luôn luôn tăng lên không gì kìm giữ được làm cho giai cấp tư sản run rẩy, làm cho Ca-pri-vi run rẩy, làm run rẩy tất cả các đại biểu của quyền lực (vỗ tay vang dội). Diễn giả trước[2*] đã nhận xét rằng ở nước ngoài, phong trào dân chủ -xã hội luôn luôn bị đánh giá thấp. Các đồng chí thân mến, tôi đi trên đường phố Viên, nhìn những tòa nhà kỳ diệu mà giai cấp tư sản có nhã ý xây dựng cho giai cấp vô sản của tương lai (hội trường sôi nổi hẳn lên), và tôi cũng đã để nghị chỉ cho tôi thấy tòa nhà tuyệt diệu của tòa thị chính mà các đồng chí đã làm chủ một cách hết sức xứng đáng. Từ ngày các đồng chí giữ nó, không ai còn đánh giá thấp các đồng chí nữa (vỗ tay vang dội). Ngày ấy là cả một thời đại. Lúc bấy giờ tôi ở Luân Đôn và đã thấy nỗi kinh hoàng bao trùm phóng viên của các báo Anh khi họ loan báo rằng ngày 9 tháng Bảy, vô sản đã chiếm được Viên[426], và chiếm một cách thành thạo hơn họ chiếm nó bất cứ lúc nào trước

1* Trong bài tường thuật đăng trên báo "Neue Freie Presse", thay cho câu này là đoạn sau đây: "Hiện nay các đồng chí đang đấu tranh cho quyền phổ thông đầu phiếu; nó là một trong những công cụ quan trọng nhất trong tay giai cấp vô sản. Quyền phổ thông đầu phiếu là phương tiện duy nhất để kiểm tra ảnh hưởng, kiểm điểm lực lượng của đảng. Lịch sử nước Đức hai mươi năm gần đây dạy chúng ta điều này".

2* — Lây-tơ-ne

đó. (Vỗ tay vang dội, lâu không ngớt. Tiếng hô "Hoan hô Ăng-ghen!" lập đi lập lại nhiều lần).

Đã đăng trên báo "Neue Freie Presse" số 10440, ngày 15 tháng Chín 1893 và trên báo "Arbeiter-Zeitung" số 38, ngày 22 tháng Chín 1893

In theo bản đăng trên báo "Arbeiter-Zeitung" có đối chiếu với bản đăng trên báo "Neue Freie Presse"
Nguyên văn là tiếng Đức

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ DÂN CHỦ – XÃ HỘI Ở BÉC-LIN NGÀY 22 THÁNG CHÍN 1893[427]

TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO

Các đồng chí!

Tôi xin hết sức chân thành cám ơn các đồng chí về cuộc tiếp đãi tuyệt vời và không đáng được mà các đồng chí đã dành cho tôi. Tôi chỉ có thể nhắc lại ở đây những điều tôi đã nói ở Xuy-rích và ở Viên[1*]. Cuộc tiếp đãi này tôi coi là cuộc tiếp đãi dành không phải cho cá nhân tôi, mà cho tôi với tư cách là người cộng sự và bạn chiến đấu của một con người vĩ đại với tư cách là người đồng chí của Các Mác, và với tinh thần đó tôi xin cám ơn được tiếp nhận những gì các đồng chí đã dành cho tôi. Các đồng chí đã biết, tôi không phải là nhà hùng biện và không phải là nhà hoạt động nghị trường, tôi phải làm việc trong một lĩnh vực khác, tôi làm việc phần lớn trong văn phòng của tôi, bằng bút. Thế nhưng tôi vẫn xin nói mấy lời với các đồng chí. Đã 51 năm trôi qua từ khi tôi thấy Béc-lin lần cuối[428]. Từ bấy đến nay Béc-lin đã hoàn toàn đổi khác. Lúc ấy đó là cái gọi là một "vương đô" nhỏ nhoi chưa đầy 350 000 dân và sống bằng cách phục dịch

1* Xem tập này, tr. 603-608.

cho triều đình, cho giới quý tộc, cho quân đồn trú và cho giới quan lại. Bây giờ đó là một thủ đô lớn với gần hai triệu dân sống nhờ công nghiệp; dù cho hôm nay triều đình, giới quý tộc và quan lại có dời sang nơi khác thì Béc-lin vẫn là Béc-lin. Và sự phát triển công nghiệp của Béc-lin còn kéo theo một sự đổi thay nữa. Lúc bấy giờ ở Béc-lin chưa có một người dân chủ -xã hội nào; khi đó người ta thậm chí không biết đảng dân chủ – xã hội là gì; còn giờ đây, cách đây mấy tháng, ở đây đã diễn ra cuộc biểu dương của giới dân chủ – xã hội Béc-lin, và họ đã biểu dương lực lượng của mình bằng gần 160 000 phiếu bầu[429], trong số sáu đại biểu mà Béc-lin bầu có năm nghị sĩ là người dân chủ – xã hội. Về mặt này Béc-lin đi đầu tất cả mọi thành phố lớn của châu Âu, nó thậm chí vượt xa Pa-ri.

Và không chỉ Béc-lin, mà cả toàn bộ phần còn lại của Đức cũng đều tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp ấy. Tôi không có mặt ở Béc-lin trong mười sáu năm[430]. Như các đồng chí biết, – vì rằng các đồng chí đã kiểm nghiệm điều này qua kinh nghiệm bản thân – từ năm 1878 ở đây đã ngự trị đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa mà giờ đây các đồng chí đã chấm dứt một cách thuận lợi. Trong thời gian đạo luật đó còn có hiệu lực, tôi đã tự kiềm chế không đi Đức, tôi muốn cho các nhà đương cục khỏi phải vất vả để trục xuất tôi mà điều đó chắc chắn sẽ xảy ra (hội trường rộn lên vui vẻ, có tiếng hô: "chắc chắn thế!"). Và giờ đây, trong thời gian chuyến đi lần này của tôi, tôi có thể thấy rõ cuộc đảo lộn đã xảy ra trong tình hình kinh tế của Đức to lớn đến mức nào. Sinh thời thế hệ trước, Đức là một nước nông nghiệp với hai phần ba dân số là dân nông thôn; bây giờ đó là một nước công nghiệp hạng nhất, và dọc suốt sông Ranh, từ biên giới Hà Lan đến biên giới Thụy Sĩ, tôi không tìm được một nơi nào khuất bóng ống khói nhà máy. Thoạt nhìn điều đó dường như chỉ liên quan đến riêng các nhà tư bản thôi. Nhưng các nhà tư bản qua việc phát triển công nghiệp, không chỉ tạo ra giá trị thặng dư mà thôi, họ còn tạo ra những người vô sản, họ làm phá sản những tầng lớp trung lưu tiểu tư sản và tiểu nông, họ đưa sự đối kháng giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản đến cực điểm, mà ai tạo ra người vô sản thì người đó cũng tạo ra cả những người dân chủ – xã hội. Giai cấp tư sản kinh ngạc trước việc số phiếu bầu cho những người dân chủ – xã hội cứ mỗi cuộc bầu cử quốc hội mỗi tăng không thể kìm được, nó hỏi: do đâu vậy? Nó mà thông minh hơn thì nó ắt phải hiểu rằng đó là do chính nó tạo ra đấy! Và hóa ra là Đảng dân chủ xã hội Đức là đảng thống nhất nhất, đoàn kết nhất, mạnh nhất trên toàn thế giới, nó đang đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, nhờ sự trầm tĩnh, kỷ luật và tinh thần phấn khởi trong khi nó tiến hành đấu tranh. Thưa các đồng chí dân chủ – xã hội! Tôi tin chắc rằng rồi đây các đồng chí sẽ làm tròn bổn phận của mình. Tôi xin kết thúc bằng khẩu hiệu: *Phong trào dân chủ – xã hội quốc tế muôn năm!*

Đã đăng trong phụ trương báo "Vorwärts" số 228, ngày 26 tháng Chín 1893 và trên báo "Arbeiter-Zeitung" số 40, ngày 6 tháng Mười 1893

In theo bản đăng trên báo "Vorwärts", có đối chiếu với bản đăng trên báo "Arbeiter-Zeitung"
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN

Luân Đôn , ngày 1 tháng Chạp 1893

122, Rít-gien-pắc-rốt, Noóc-Oc-xtơ

Thưa các đồng chí kính mến!

Xin các đồng chí chuyển đến Ban chấp hành và các hội viên Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức lời cảm ơn hết sức chân thành của tôi về lời chào mừng thân ái nhân dịp 73 năm ngày sinh của tôi. Chúc Hội phát triển mạnh mẽ lâu dài nữa và mong Hội luôn luôn giương cao ngọn cờ đỏ năm xưa mà Hội lần đầu tiên phất lên tại đây, ở Anh!

Chào chân thành

Ph. Ăng-ghen

Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XXIX, 1946

In theo bản thảo Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ CÁC SINH VIÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA[431]

Luân Đôn, ngày 19 tháng Chạp 1893

Các công dân thân mến!

Tôi cảm ơn các bạn đã thân ái mời tôi đến dự đại hội các sinh viên xã hội chủ nghĩa, tôi rất tiếc rằng không thể nhận lời mời được, vì nhiều công việc quan trọng và cấp thiết không cho phép tôi tham dự. Vì vậy, tôi chỉ có thể chúc đại hội của các bạn đạt kết quả rực rỡ, xứng đáng với đại hội. Các bạn hãy cố gắng làm cho thanh niên ý thức được rằng giai cấp vô sản lao động trí óc phải được hình thành từ hàng ngũ sinh viên, giai cấp đó có sứ mệnh phải kề vai sát cánh và cùng đứng trong một đội ngũ với những người anh em của họ, những người công nhân lao động chân tay, đóng vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng sắp tới đây.

Các cuộc cách mạng tư sản trước đây đòi hỏi các trường đại học chỉ đào tạo ra các trạng sư làm nguyên liệu tốt nhất để hình thành nên những nhà hoạt động chính trị của chúng; ngoài đòi hỏi đó, sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân còn cần phải có những bác sĩ, kỹ sư, nhà hóa học, nông học và các chuyên gia khác, vì vấn đề là phải nắm lấy việc quản lý không phải chỉ bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội nữa, và

ở đây cần đến những kiến thức vững chắc chứ không phải là những câu xuông xáo oang oang.

Chào thân ái.

Ph. Ăng-ghen

Đã đăng trên tờ "L'Étudiant socialiste" số 8, ngày 25 tháng Ba – 10 tháng Tư 1894

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Pháp

LỜI TỰA VIẾT CHO VĂN TẬP "NHỮNG BÀI VIẾT VỀ CÁC ĐỀ TÀI QUỐC TẾ ĐÃ ĐĂNG TRÊN BÁO "VOLKSSTAAT" (1871-75)"[432]

Ngoài việc là tất cả những bài đưa ra đều được viết cho báo "Volksstaat", chúng còn có chung một điểm nữa là tất cả chúng đều viết về những vấn đề ngoài nước Đức, những vấn đề quốc tế.

Bài thứ nhất, "*Lại bàn về ông Phô-gtơ*", là bài hoàn tất cuộc luận chiến về vấn đề chiến tranh I-ta-li-a tiến hành vào những năm 1859 – 1860 giữa một bên là nhà khoa học tự nhiên và phần tử cộng hòa giả hiệu, nhưng là phần tử Bô-na-pác-tơ tự do chủ nghĩa tầm thường, đích thực và nhà kinh doanh nặn ra sách và một bên là Mác. Trong bài ấy, ông Phô-gtơ nói trên bị vạch mặt hoàn toàn là tay sai làm thuê thuộc phái Bô-na-pác-tơ, để khẳng định điều này, trong bài đả kích "Ông Phô-gtơ" viết năm 1860, dĩ nhiên Mác chỉ có thể đưa ra những bằng cứ gián tiếp[433].

Bài thứ hai, "*Phái Ba-cu-nin trong hành động*" mô tả hoạt động của các phần tử vô chính phủ trong thời gian cuộc khởi nghĩa tháng Bảy 1873 ở Tây Ban Nha, đã xuất hiện trước đây dưới dạng một quyển sách lẻ[434]. Tuy chủ nghĩa vô chính phủ, cái bức tranh biếm họa này đối với phong trào công nhân, từ lâu đã qua khỏi đỉnh điểm phát triển của nó, thế nhưng các

chính phủ Âu Mỹ rất tha thiết muốn nó tiếp tục tồn tại và chi tiền để duy trì nó nhiều đến mức chúng ta không thể không chú ý đến công tích của các phần tử vô chính phủ. Vì vậy chúng tôi in lại bài này ở đây.

"*Tuyên ngôn Ba Lan*"[435] đề cập các quan hệ của Đức với Đông Âu trên phương diện mà giờ đây người ta quá thường xuyên lãng quên, nhưng không nên bỏ qua nếu ta muốn có sự xét đoán đúng đắn về những quan hệ này.

Việc phê phán *cương lĩnh của những người lưu vong thuộc phái Blăng-ki* năm 1874[436] lại có tính chất đặc biệt chính là bây giờ, khi bên cạnh các đại biểu của những nhóm xã hội chủ nghĩa khác, trong viện dân biểu Pháp có cả một số người thuộc phái Blăng-ki, đứng đầu là người bạn Vai-ăng của chúng tôi[437]. Từ khi trở về Pháp vào năm 1880[438], những người thuộc phái Blăng-ki đã một lần có ảnh hưởng quyết định đến diễn biến của tình hình, cụ thể là vào năm 1887, vào ngày bầu cử tổng thống gần đây nhất sau khi Grê-vy từ chức. Đa số trong Quốc hội chủ trương bầu Giuy-lơ Phe-ri, kẻ đạo phủ đê tiện nhất trong những kẻ đạo phủ hèn mạt đã tàn sát các chiến sĩ Công xã, một trong những đại biểu hoàn chỉnh nhất của cái giai cấp tư sản cơ hội chủ nghĩa[439] muốn cai trị nước Pháp cốt để hút nhựa sống của Pháp và các thuộc địa của Pháp. Ở Pa-ri lúc đó đang rục rịch một cuộc khởi nghĩa mà theo thỏa thuận với các đại biểu cấp tiến sẽ do hội đồng thị chính Pa-ri lãnh đạo; nhưng tổ chức quân sự lại nằm trong tay phái Blăng-ki ;khung sĩ quan tuyến trong số họ, còn người lãnh đạo quân sự là tướng Công xã Ô-đơ thì nhận chỉ huy và bố trí bộ tổng tham mưu của mình trong một quán cà phê gần tòa thị chính. Trước nguy cơ nổ ra khởi nghĩa, bọn cơ hội đã nhượng bộ và đã bầu Các-nô làm tổng thống.

Rồi cách đây không lâu khi thủy thủ Nga đến thăm Pa-ri,

tuần báo của phái Blăng-ki "Le Parti socialiste"[440] đã có hành động dũng cảm, đập lại mọi định kiến sô-vanh chủ nghĩa. Lối hành động như vậy bảo đảm cho chúng ta rằng nhóm Blăng-ki trong viện dân biểu dưới sự lãnh đạo của Vai-ăng sẽ dốc mọi nỗ lực để đảm bảo hành động hiệp đồng của *tất cả* mọi nhóm xã hội chủ nghĩa có đại biểu trong viện dân biểu và đảm bảo tập hợp những nhóm này thành một phái xã hội chủ nghĩa mạnh.

Bạn đọc sẽ nhận thấy rằng trong tất cả những bài đó, đặc biệt là trong bài sau cùng, đâu đâu tôi cũng gọi mình là người cộng sản, chứ không phải là người dân chủ – xã hội. Sở dĩ như vậy là vì vào những thời buổi đó ở nhiều nước, những người hoàn toàn không viết lên lá cờ của mình khẩu hiệu chuyển tất cả mọi tư liệu sản xuất vào tay xã hội đã tự xưng là người dân chủ- xã hội. Ở Pháp, người dân chủ – xã hội được người ta hiểu là người dân chủ thuộc phái cộng hòa có thiện cảm ít nhiều vững chắc, nhưng luôn luôn không rõ ràng đối với giai cấp công nhân, nghĩa là những con người của năm 1848 kiểu Lơ-đruy – Rô-lanh và những "người xã hội chủ nghĩa cấp tiến" mang tư tưởng Pru-đông của năm 1874. Ở Đức, những người thuộc phái Lát-xan tự xưng là người dân chủ -xã hội nhưng trong đại bộ phận họ ngày càng ý thức được sự cần thiết của việc xã hội hóa tư liệu sản xuất, song điểm duy nhất được chính thức thừa nhận trong cương lĩnh của họ vẫn là những hiệp hội sản xuất đặc thù kiểu Lát-xan với sự giúp đỡ của nhà nước. Vì vậy, đối với Mác và đối với tôi, tuyệt đối không thể dùng một từ ngữ co giãn như vậy để biểu thị quan điểm riêng của chúng tôi. Hiện nay tình hình đã khác, và từ đó có lẽ có thể dùng được, tuy nó vẫn còn không chính xác đối với một đảng mà cương lĩnh kinh tế không đơn thuần là xã hội chủ nghĩa nói chung, mà là cộng sản chủ

nghĩa trực tiếp, – đối với một đảng mà mục đích chính trị cuối cùng là vượt qua toàn bộ nhà nước, do đó, cũng là vượt qua chế độ dân chủ. Song các tên gọi của những đảng chính trị *thực tế* không bao giờ hoàn toàn phù hợp với những chính đảng ấy, đảng thì phát triển mà tên gọi thì dừng lại.

Bài cuối cùng, "*Về vấn đề xã hội ở Nga*"[441] cũng xuất hiện vào năm 1875 dưới dạng một cuốn sách riêng, giờ đây không thể in lại mà lại không có một lời bạt ít nhiều cận kề [1*]. Vấn đề về tương lai của công xã nông dân Nga làm cho tất cả những người Nga, những người thường suy ngẫm sự phát triển kinh tế của nước mình, quan tâm hơn lúc nào hết. Thư của Mác mà tôi trích dẫn [2*] được những người xã hội chủ nghĩa Nga lý giải hết sức khác nhau. Và gần đây, người Nga sống ở Nga lẫn ở nước ngoài đã nhiều lần đề nghị tôi phát biểu ý kiến về vấn đề này. Một thời gian dài tôi không nhận lời, vì ý thức được quá rõ ràng tôi chưa hiểu biết đầy đủ các đặc điểm của tình hình kinh tế nước Nga. Liệu tôi có thể vừa chuẩn bị in tập thứ ba bộ "Tư bản" vừa nghiên cứu một đống sách báo tài liệu quả thật đồ sộ trong đó nước Nga cũ, mà theo cách nói ưa thích của Mác, là bản kê tài sản của tôi trước khi chết, hay không? Nhưng người ta nằn nì xin tôi tái bản tác phẩm "Về vấn đề xã hội ở Nga", và điều đó bắt tôi phải cố gắng bổ sung vào bài viết cũ ấy một số kết luận bắt nguồn từ việc nghiên cứu tình hình kinh tế hiện nay của nước Nga theo phương pháp so sánh lịch sử.Nếu những kết luận đó hoàn toàn không hứa hẹn cho công xã Nga một tương lai vĩ đại thì mặt khác, chúng sẽ làm cơ sở cho quan điểm nói rằng

1* Xem tập này, tr. 622-643.

2* Xem tập này, tr. 634-637.

sự diệt vong đang tới gần của xã hội tư bản chủ nghĩa ở phương Tây sẽ đem lại cho nước Nga khả năng rút ngắn đáng kể quá trình đi qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa mà giờ đây trở nên không tránh khỏi.

Luân Đôn, ngày 3 tháng Giêng 1894 *Ph. Ăng-ghen*

Đã in trong cuốn: F. Engels. "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 -75).Berlin,1849

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

NHẬN XÉT BƯỚC ĐẦU VỀ BÀI BÁO "PHÁI BA-CU-NIN TRONG HÀNH ĐỘNG"[442]

Để hiểu được một cách dễ dàng hơn bài bút ký dưới đây, chúng tôi xin dẫn một vài số liệu về ngày tháng.

Ngày 9 tháng Hai 1873, vua A-ma-đây đã chán ngấy ngai vàng Tây Ban Nha của ông ta; ông ta, một nhà vua bãi công đầu tiên, đã thoái vị. Ngày 12, chế độ cộng hòa được công bố; ngay sau đó tại các tỉnh người Ba-xcơ đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa mới của phái Các-lốt.

Ngày 10 tháng Tư, Quốc hội lập hiến đã được bầu lên, Quốc hội này khai mạc vào đầu tháng Sáu và đến ngày 8 tháng Sáu thì tuyên bố thành lập nước Cộng hòa liên bang. Ngày 11, nội các mới được thành lập, đứng đầu là Pi-i Mác-gan. Đồng thời, người ta cử một ủy ban dự thảo hiến pháp mới, nhưng hơn nữa, người ta lại không để cho những phần tử cộng hòa cực đoan, những người gọi là phái không điều hòa, vào trong ủy ban đó. Và như vậy, ngày 3 tháng Bảy, khi bản hiến pháp mới đó được công bố thì phái không điều hòa thấy rằng hiến pháp ấy không tiến đủ xa theo con đường xé nhỏ Tây Ban Nha thành "những bang độc lập. Vì vậy, phái không điều hòa liền lập tức nhen lên những cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh: ở Xê-vi-li-a, Coóc-đô-va, Gra-na-đa, Ma-la-ga, Ca-đi-xơ, An-côi, Mu-rơ-xi-a, Cac-ta-hê-na,Va-len-xi-a, và ở những địa phương khác, từ ngày 5 đến ngày 11 tháng Bảy, ở đâu họ cũng thắng

và trong mỗi một thành phố đó họ đã thành lập một chính phủ độc lập của bang. Ngày 18 tháng Bảy, Pi-i Mác-gan từ chức và bị Xan-me-rôn thay thế, ông này lập tức phái quân đội đi chống lại những người khởi nghĩa. Sau một sự chống đối yếu ớt, những người khởi nghĩa đã bị đánh bại trong vài ngày; ngay từ ngày 26 tháng Bảy, do Ca-đi-xơ thất thủ, quyền lực của chính phủ đã được phục hồi lại trên khắp An-đa-lu-đi-a; hầu như cùng một lúc Mu-rơ-xi-a và Va-len-xi-a đã bị thuần phục; chỉ có Va-len-xi-a là thể hiện đôi chút nghị lực trong đấu tranh.

Chỉ một mình Các-ta-hê-na là còn giữ được. Quân cảng lớn nhất đó của Tây Ban Nha bị rơi vào tay những người khởi nghĩa cùng với hạm đội, ngoài bức thành của đồn lũy ra, nó còn được bảo vệ từ phía đất liền bởi 13 pháo đài, và vì vậy mà việc đánh chiếm quân cảng đó không phải là dễ dàng. Và vì chính phủ cố tránh phá hoại bến cảng của hạm đội của mình, nên "bang độc lập Các-ta- hê-na"vẫn tiếp tục tồn tại cho đến tận ngày 11 tháng Giêng 1874, tức là cho đến khi, cuối cùng, nó đầu hàng, vì thật ra thì nó hoàn toàn không có khả năng nào khác nữa.

Trong toàn bộ cuộc khởi nghĩa nhục nhã đó, ở đây chúng tôi chỉ nói đến những hoạt động còn nhục nhã hơn nữa của phái Ba-cu-nin vô chính phủ; chỉ có những hành động ấy là được mô tả ít nhiều chi tiết ở đây, để giáo huấn cho những người cùng thời.

Viết vào đầu tháng Giêng 1894
Đã in trong cuốn F.Engels. "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 -75). Berlin, 1894

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI BẠT VIẾT CHO TÁC PHẨM "VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở NGA"[443]

Trước tiên, tôi cần phải cải chính rằng nói cho đúng ra, ông P.Tca-trép không phải là người theo phái Ba-cu-nin, tức là một phần tử vô chính phủ, mà ông ta tự xưng là một "người theo Blăng-ki". Sự nhầm lẫn đó của tôi là tất nhiên, vì ông Tca-trép nói trên, theo tập quán của những người Nga lưu vong, đã tuyên bố với Tây Âu rằng mình đoàn kết với toàn thể giới lưu vong Nga và trên thực tế, trong cuốn sách mỏng của mình, ông ta cũng đã bênh vực Ba-cu-nin và đồng bọn, chống lại sự phê phán của tôi, làm như thể sự phê phán đó là nhằm vào chính bản thân ông ta vậy [444].

Các quan điểm về công xã nông dân cộng sản ở Nga mà ông ta bảo vệ trong cuộc luận chiến với tôi thực ra là các quan điểm của Ghéc-xen. Qua tác phẩm của Hác-xtơ-hau-đen[445] "Nghiên cứu về nước Nga", nhà văn đó, một kẻ theo chủ nghĩa Đại Xla-vơ và được tâng bốc lên thành nhà cách mạng được biết rằng ở các điền trang của ông ta, nông nô không có quyền tư hữu về ruộng đất, mà thỉnh thoảng họ cùng nhau phân chia lại ruộng đất canh tác và đồng cỏ. Với tư cách là một nhà văn ông ta chẳng cần phải nghiên cứu cái mà chẳng bao lâu mọi người đều biết, cụ thể là chế độ sở hữu công xã về ruộng đất là một hình thức sở hữu thống trị vào thời kỳ nguyên thủy ở người Đức, người Xen-tơ, người Ấn Độ, nói tóm lại là ở mọi dân tộc Ấn – Âu ; chế độ

Lettres de Frédéric Engels sur la Russie.

БИБЛІОТЕКА СОВРЕМЕННАГО СОЦІАЛИЗМА

Серія II. — Выпускъ III.

ФРИДРИХЪ ЭНГЕЛЬСЪ О РОССІИ

1) Отвѣтъ П. Н. Ткачеву (1875 г.)

2) Послѣсловіе къ нему (1894 г.)

ПЕРЕВОДЪ СЪ НѢМЕЦКАГО

В. ЗАСУЛИЧЪ

ЖЕНЕВА

Типографія „СОЦІАЛЬ-ДЕМОКРАТА", Route de Lancy, 6

1894

Bìa phụ của cuốn sách mỏng do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản có lời bạt của Ph. Ăng-ghen viết cho tác phẩm của ông "Về vấn đề xã hội ở Nga"

ấy hiện vẫn còn tồn tại ở Ấn Độ, vừa mới bị thủ tiêu bằng bạo lực ở Ai-rơ-len và Xcốt-len, thậm chí ngày nay vẫn còn tồn tại ở một vài nơi ở Đức; đó là một hình thức sở hữu đang tiêu vong và trên thực tế là một hiện tượng chung cho mọi dân tộc ở vào một thời kỳ phát triển nhất định. Nhưng với tư cách là một người theo chủ nghĩa Dại Xla-vơ, Ghéc-xen, một kẻ cùng lắm cũng chỉ là một nhà xã hội chủ nghĩa trên lời nói, lại thấy công xã là một cái cớ mới để làm cho nước Nga "thiêng liêng" của ông ta và sứ mệnh của nó – là trẻ hóa và phục hưng phương Tây đã mục nát và lỗi thời, nếu cần thì bằng vũ lực – trở nên chói lọi hơn trước cái phương Tây thối nát đó. Cái mà những người Pháp và người Anh già nua mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng vẫn không thể thực hiện được thì người Nga lại đã có sẵn ở nước mình.

"Duy trì công xã nông dân và đem lại quyền tự do cho cá nhân, mở rộng chế độ tự trị ở nông thôn ra các thành phố và khắp cả nước, đồng thời giữ gìn sự thống nhất dân tộc – đó là toàn bộ vấn đề tương lai của nước Nga, tức là vấn đề về sự đối kháng xã hội mà việc giải quyết nó đang làm bận tâm và làm xáo động các nhà tư tưởng phương Tây." (Ghéc-xen. "thư gửi Lin-tơn")[446].

Như vậy, có thể là ở nước Nga vẫn còn tồn tại một vấn đề chính trị; nhưng "vấn đề xã hội" của nước Nga thì đã được giải quyết rồi.

Tca-trép, kẻ nhắm mắt học đòi Ghéc -xen, cũng nhìn vấn đề giản đơn như Ghéc-xen. Mặc dù năm 1875, ông ta không còn có thể khẳng định được rằng "vấn đề xã hội " ở Nga đã được giải quyết nhưng ông ta lại nói rằng nông dân Nga, với tư cách là những người cộng sản bẩm sinh, là vô cùng gần gũi hơn với chủ nghĩa xã hội và hơn nữa, họ sống khá giả hơn rất nhiều so với những người vô sản nghèo khổ ở Tây Âu bị Chúa ruồng bỏ. Nếu như những người cộng hòa Pháp do hoạt động cách mạng một thế kỷ của mình, đã coi dân tộc họ là một dân tộc đã được lựa

chọn về mặt chính trị, thì nhiều người xã hội chủ nghĩa Nga lúc bấy giờ đã tuyên bố rằng nước Nga là một dân tộc đã được lựa chọn về mặt xã hội; theo họ, không phải giai cấp vô sản Tây Âu, bằng cuộc đấu tranh của mình, sẽ đem lại sự phục sinh cho thế giới kinh tế cũ; không, sự phục sinh đó sẽ từ trong lòng nông dân Nga mà đến với thế giới ấy. Chính quan điểm ấu trĩ đó là quan điểm mà tôi đã phê phán.

Nhưng công xã Nga cũng đã được sự chú ý và thừa nhận của những người cao hơn hẳn Ghéc-xen và Tca-trép. Trong số những người đó có Ni-cô-lai Séc-nư-sép-xki, một nhà tư tưởng vĩ đại mà nước Nga phải hàm ơn rất nhiều và về việc giết ông ta chết dần chết mòn bằng một cuộc đi đày kéo dài giữa những người I-a-cút ở Xi-bi-ri sẽ mãi mãi là một vết nhơ trong ký ức của A-lếch-xan-đrơ II, được mệnh danh là "Người giải phóng".

Do bức tường tinh thần ngăn cách nước Nga với Tây Âu, Séc-nư-sép-xki chưa bao giờ biết đến các tác phẩm của Mác, và khi bộ "Tư bản " ra đời thì ông ta đã ở Trung-Vin-nhút từ lâu, giữa những người I-a-cút. Toàn bộ sự phát triển tinh thần của ông đã phải diễn ra trong hoàn cảnh mà bức tường tinh thần đó đã tạo ra. Những gì mà chế độ kiểm duyệt Nga không cho phép thì hầu như hoặc thậm chí hoàn toàn không tồn tại đối với nước Nga. Vì vậy, nếu như trong một số trường hợp cá biệt, chúng ta thấy ông ta có những đoạn văn yếu kém, một tầm hiểu biết hạn chế nào đó thì chúng ta cũng sẽ chỉ lấy làm lạ rằng tại sao những trường hợp như thế lại không xảy ra nhiều hơn.

Cả Séc-nư-sép-xki cũng coi công xã nông dân Nga là một phương tiện để chuyển từ hình thái xã hội hiện tồn sang một giai đoạn phát triển mới, một mặt, cao hơn công xã Nga, và mặt khác, cao hơn xã hội tư bản chủ nghĩa Tây Âu có những mâu thuẫn giai cấp của nó. Séc-nư-sép-xki coi việc nước Nga có được

phương tiện đó trong khi phương Tây không có , là một ưu thế của nước Nga.

"Việc xác lập một chế độ xã hội tốt đẹp hơn ở Tây Âu đã trở nên vô cùng khó khăn do việc mở rộng vô hạn độ các quyền của cá nhân. người ta không dễ dàng từ bỏ dù chỉ là một phần nhỏ cái mà người ta đã quen hưởng: ở Tây Âu, cá nhân đã quen hưởng những quyền cá nhân không hạn chế của mình. Chỉ có kinh nghiệm cay đắng và sự suy nghĩ lâu dài mới cho thấy lợi ích và tính tất yếu của những sự nhượng bộ lẫn nhau. Ở phương Tây, một chế độ quan hệ kinh tế tốt hơn đòi hỏi phải có những sự hy sinh và vì vậy khó mà có thể thiết lập chế độ ấy được. Chế độ ấy là mâu thuẫn với những thói quen của người dân nông thôn Anh và Pháp". Nhưng: "Cái ở nước này là một không tưởng thì ở nước kia, lại tồn tại như là một sự thật... những thói quen mà người Anh và người Pháp thấy hình như hết sức khó đưa vào trong đời sống nhân dân thì lại tồn tại ở người Nga thành một sự thật trong đời sống nhân dân... Chế độ mà hiện nay phương Tây đang cố gắng đạt tới bằng con đường lâu dài và gian khổ đến như vậy thì đã tồn tại ở nước ta trong một tập quán sinh hoạt rất mạnh mẽ của đời sống nông thôn.... Chúng ta thấy rằng sự tiêu vong của chế độ sở hữu công xã về ruộng đất đã gây nên những hậu quả đáng buồn như thế nào ở phương Tây và việc phục hồi lại cái đã mất là khó tới mức nào đối với các dân tộc phương Tây. Chúng ta không được để mất tấm gương của phương Tây" (Séc-nư-sép-xki, Toàn tập, xuất bản ở Giơ-ne-vơ, t.V, tr.16 -19; trích dẫn của Plê-kha-nốp, "Những sự bất đồng trong chúng ta"[1*]. Giơ-ne-vơ, 1885)[447].

Còn về những người Ca-dắc-xtan ở U-ran, là những người đang còn canh tác chung ruộng đất và sau đó phân chia sản phẩm giữa các gia đình với nhau thì ông ta nói rằng :

"Nếu như những người U-ran đó vẫn tiếp tục tồn tại với những thể chế hiện nay của họ cho tới khi máy móc được áp dụng vào việc sản xuất lúa mì thì họ sẽ rất lấy làm sung sướng rằng họ đã duy trì được một chế độ sở hữu cho phép họ sử dụng được cả những máy móc đòi hỏi phải có những đơn vị sản xuất quy mô rất lớn , rộng hàng trăm đê-xi-a-tin". (Ibidem tr.131)[2*].

1* Trong nguyên bản, tên gọi của cuốn sách là tiếng Nga được viết bằng chữ cái la-tinh.

2* — Như trên

Ở đây, chỉ có điều không được quên rằng những người U-ran, với chế độ canh tác chung của họ, một chế độ do những lý do quân sự mà được duy trì cho khỏi bị diệt vong (cả ở nước ta, cũng có chủ nghĩa cộng sản trại lính) là một hiện tượng hoàn toàn cá biệt ở Nga, cũng giống như những công xã nông hộ [Gehöferschaften] trên sông Mô-den ở nước ta, với việc phân chia lại ruộng đất theo từng chu kỳ của họ. Và nếu như họ vẫn duy trì chế độ hiện nay cho tới khi áp dụng máy móc thì người hưởng lợi không phải là bản thân họ, mà là ngân khố quân sự nước Nga, kẻ nô dịch họ.

Dù sao thì vẫn có một sự thật là: trong khi xã hội tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu đang suy sụp và những mâu thuẫn tất yếu trong sự phát triển của bản thân nó đang đe dọa tiêu diệt nó thì ở Nga, khoảng một nửa số ruộng đất canh tác vẫn còn thuộc quyền sở hữu chung của các công xã nông dân. Nếu như ở phương Tây, việc giải quyết các mâu thuẫn bằng một tổ chức xã hội mới đòi hỏi nhất thiết phải chuyển toàn bộ tư liệu sản xuất, do đó cả ruộng đất nữa, thành sở hữu chung của toàn xã hội, thì sở hữu công xã đã tồn tại hoặc, nói cho đúng hơn, vẫn đang tồn tại ở Nga, có quan hệ như thế nào đối với cái sở hữu chung sẽ còn phải tạo ra ở phương Tây đó? Liệu sở hữu công xã có thể dùng làm điểm xuất phát của một hoạt động dân tộc bỏ qua toàn bộ thời kỳ tư bản chủ nghĩa để lập tức biến chủ nghĩa cộng sản nông dân Nga thành chế độ sở hữu công cộng xã hội chủ nghĩa hiện đại về mọi tư liệu sản xuất, bằng cách làm giàu thêm cho chủ nghĩa cộng sản ấy bằng tất cả những thành tựu kỹ thuật của kỷ nguyên tư bản chủ nghĩa, được hay không? Hay, như Mác đã trình bày tư tưởng của Séc-nư-sép-xki trong một bức thư trích dẫn dưới đây[1*]: "Liệu trước hết nước Nga có cần phải phá hủy

1* Xem tập này tr . 634-637.

các công xã nông dân, như các nhà kinh tế theo phái tự do đòi hỏi, để sau đó chuyển sang chế độ tư bản chủ nghĩa, hay ngược lại, nó có thể không cần phải trải qua những đau khổ của chế độ đó mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy bằng cách tiếp tục phát triển những tiền đề lịch sử sẵn có của bản thân mình?"

Ngay bản thân cách đặt vấn đề đã vạch cho thấy hướng giải quyết vấn đề rồi. Công xã Nga đã tồn tại hàng trăm năm nhưng chưa bao giờ có xu hướng phát triển thành một hình thức sở hữu chung cao hơn. Tình hình cũng diễn ra hệt như vậy đối với chế độ mác-cơ ở Đức, đối với các thị tộc người Ken-tơ, đối với các công xã Ấn Độ và các công xã khác với chế độ cộng sản nguyên thủy của chúng. Do ảnh hưởng của nền sản xuất hàng hóa và sự trao đổi giữa các gia đình riêng biệt và các cá nhân riêng biệt, nền sản xuất và sự trao đổi bao quanh chúng hoặc nảy sinh ra trong lòng chúng và dần dần xâm chiếm chúng, mà chúng ngày càng mất tính chất cộng sản chủ nghĩa để biến thành những cộng đồng của các người sở hữu độc lập với nhau. Vì vậy, nếu như nói chung có thể đặt vấn đề rằng liệu công xã Nga có nhận được một số phận khác và tốt hơn hay không thì đó không phải là do bản thân công xã, mà chỉ do cái sự thật là ở một trong các nước châu Âu, công xã vẫn duy trì được một sức sống nào đó cho tới khi ở Tây Âu , không những nền sản xuất hàng hóa nói chung mà ngay cả hình thức cao nhất và cuối cùng của nó, tức là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn với lực lượng sản xuất do chính nó tạo ra, nên không còn có khả năng quản lý những lực lượng đó lâu hơn nữa, và bị những mâu thuẫn bên trong đó và những xung đột giai cấp tương ứng đưa đến chỗ diệt vong. Điều đó cũng chứng tỏ rằng sáng kiến cải biến công xã Nga như thế chỉ có thể là của giai cấp vô sản công nghiệp phương Tây, chứ không phải của bản thân công xã. Thắng lợi

của giai cấp vô sản Tây Âu đối với giai cấp tư sản và gắn liền với điều đó, việc thay thế nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng nền sản xuất do xã hội quản lý, – đó là điều kiện tiên quyết tất yếu để nâng công xã Nga lên cùng một trình độ phát triển như vậy.

Quả thật: chưa ở đâu và chưa bao giờ, chế độ cộng sản ruộng đất, do chế độ thị tộc lưu lại, lại sản sinh ra được từ chính bản thân nó một cái gì khác ngoài sự tan rã của chính nó. Ngay từ năm 1861, bản thân công xã nông dân Nga đã là một hình thức tương đối sa sút của chế độ cộng sản đó, chế độ canh tác chung còn tồn tại ở một số vùng của Ấn Độ và trong công xã gia đình ở Nam Xla-vơ (zadruga), tổ tiên khó chối cãi được của công xã Nga, đã phải nhường chỗ cho nền canh tác của từng gia đình riêng lẻ, chế độ sở hữu chung chỉ còn biểu hiện ra qua việc phân chia lại ruộng đất được lập lại sau những khoảng thời gian hết sức khác nhau, tùy theo từng địa phương. Chỉ cần những sự phân chia lại đó chấm dứt một cách tự phát hay bị xóa bỏ bằng một quyết nghị đặc biệt, thế là chúng ta đã có được một làng tiểu nông.

Nhưng chỉ riêng một việc là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu tuy tồn tại song song với công xã nông dân Nga, vẫn đang tiến gần tới chỗ tiêu vong và chứa đựng mầm mống của một hình thức sản xuất mới trong đó tư liệu sản xuất, với tư cách là sở hữu công cộng, được sử dụng một cách có kế hoạch, – chỉ riêng một việc đó không thôi thì không thể tiếp sức cho công xã Nga sản sinh ra hình thức xã hội mới đó được. Làm thế nào mà nó có thể tiếp thu được những lực lượng sản xuất khổng lồ của xã hội tư bản chủ nghĩa, coi như sở hữu xã hội và công cụ xã hội, trước khi bản thân xã hội tư bản hoàn thành được cuộc cách mạng đó? Làm thế

nào mà công xã Nga có thể chỉ cho thế giới biết cách tiến hành đại công nghiệp theo những nguyên tắc xã hội, khi nó đã quên mất cách canh tác chung ruộng đất của mình?

Thật ra thì ở nước Nga, có nhiều người biết rõ xã hội tư bản phương Tây với tất cả những mâu thuẫn và xung đột không thể hòa giải được của nó và cũng biết rõ lối thoát khỏi cái con đường tưởng như không có lối thoát đó. Nhưng một là, một vài nghìn người hiểu như vậy thì lại không sống trong công xã, còn năm mươi triệu người ở Đại Nga còn sống trong những điều kiện của chế độ sở hữu công xã về ruộng đất thì lại không hiểu biết một tý gì về điều đó. Ít ra họ cũng xa lạ và không thể hiểu nổi vài ba nghìn người đó chẳng khác gì những người vô sản Anh thời kỳ 1800 -1840 đối với các kế hoạch mà Rô-bớc Ô-oen đã nghĩ ra để cứu họ. Và trong số các công nhân làm việc trong xưởng của Ô-oen ở Niu -La-mác-cơ, phần lớn cũng bao gồm những người đã lớn lên trong các chế độ và các tập quán của một chế độ cộng sản thị tộc đang tan rã, trong thị tộc người Ken-tơ-Xcốt-len, nhưng Ô-oen không hề nói rằng những người đó hiểu ông hơn. Hai là xét về mặt lịch sử thì không thể nào một giai đoạn phát triển kinh tế thấp hơn lại sẽ phải giải quyết những nhiệm vụ và những xung đột chỉ nảy sinh và chỉ có thể nảy sinh trong một giai đoạn phát triển cao hơn nhiều. Tất cả các hình thức công xã thị tộc có trước sự xuất hiện của nền sản xuất hàng hóa và sự trao đổi tư nhân đều chỉ giống với xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai ở mỗi một điểm là : một số vật dụng nhất định, những tư liệu sản xuất, là thuộc quyền sở hữu chung và sử dụng chung của một số nhóm nhất định. Nhưng nét giống nhau đó không làm cho hình thức xã hội thấp đó có khả năng tạo ra được từ chính bản thân nó cái xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai, sản phẩm đặc biệt và cuối cùng do chủ nghĩa tư bản sản sinh ra. Mỗi kết cấu kinh tế đều phải giải quyết các vấn đề của chính nó, nảy sinh từ bản

thân nó; nhận giải quyết các vấn đề của một kết cấu hoàn toàn xa lạ thì thật là một điều hoàn toàn vô nghĩa. Điều đó cũng đúng với công xã Nga như với công xã gia đình ở Nam Xla-vơ, như với công xã thị tộc ở Ấn Độ hoặc với mọi kết cấu xã hội khác của thời kỳ mông muội hay dã man mà đặc điểm là sở hữu chung về tư liệu sản xuất.

Tuy vậy, không những có thể mà còn chắc chắn là sau thắng lợi của giai cấp vô sản và sau việc xã hội hóa những tư liệu sản xuất ở các dân tộc Tây Âu thì những nước vừa mới bước vào con đường sản xuất tư bản chủ nghĩa và vẫn còn có các chế độ thị tộc nguyên vẹn hoặc những tàn dư của chế độ thị tộc, có thể sử dụng những tàn dư đó của sở hữu chung và những tập quán nhân dân tương ứng làm công cụ mạnh mẽ để rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và có thể tránh được phần lớn những đau khổ và những cuộc đấu tranh mà ở Tây Âu chúng ta phải trải qua. Nhưng một điều kiện tất yếu để làm được việc đó là tấm gương và sự ủng hộ tích cực của phương Tây cho tới nay vẫn còn là tư bản chủ nghĩa. Chỉ khi nào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã bị đánh bại tại quê hương của nó và ở những nước nó đã phát đạt, chỉ khi nào những nước lạc hậu qua tấm gương ấy mà biết được rằng "việc đó đã được tiến hành như thế nào", những lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại, với tư cách là sở hữu công cộng, đã được sử dụng như thế nào để phục vụ toàn thể xã hội, – thì những nước lạc hậu ấy mới có thể bước vào con đường phát triển rút ngắn như vậy. Như thế thắng lợi của những nước ấy sẽ được đảm bảo. Và điều đó không chỉ đúng với nước Nga, mà với tất cả các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa . Song ở nước Nga, điều đó sẽ là dễ hơn vì ở đấy một bộ phận dân cư của nó tiếp thu được những kết quả tinh thần của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, nhờ đó mà trong

thời kỳ cách mạng ở đây có thể cải tổ được xã hội gần như cùng một lúc với phương Tây.

Mác và tôi đã phát biểu điều đó ngày 21 tháng Giêng 1882 trong lời nói đầu viết cho lần xuất bản bằng tiếng Nga cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản "theo bản dịch của Plê-kha-nốp. Trong đó chúng tôi đã viết:

"Bên cạnh sự hoạt động ráo riết của chủ nghĩa tư bản đang phát triển nhanh chóng và chế độ sở hữu ruộng đất tư sản chỉ vừa mới hình thành, chúng ta thấy ở Nga quá nửa số ruộng đất là thuộc quyền sở hữu chung của nông dân. Bây giờ thử hỏi: công xã Nga, cái hình thức thật ra đã bị hủy hoại nặng đó của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy, có thể chuyển thẳng lên hình thức sở hữu ruộng đất cao hơn, hình thức sở hữu ruộng đất cộng sản chủ nghĩa, được không, hay là trước hết nó cũng phải trải qua cái quá trình tan rã vốn có ấy của sự phát triển lịch sử của phương Tây? – Câu trả lời duy nhất có thể có hiện nay đối với câu hỏi đó là như sau: Nếu như cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây, thành thử cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau, thì chế độ sở hữu ruộng đất ở Nga sẽ có thể trở thành khởi điểm của một sự phát triển cộng sản chủ nghĩa"[448].

Nhưng không được quên rằng kể từ đó, sự tan rã mạnh được nói đến ở đây của chế độ sở hữu công xã Nga đã có được những bước tiến đáng kể. Những thất bại trong thời kỳ chiến tranh Crưm đã cho thấy rõ rằng nước Nga cần phải nhanh chóng phát triển công nghiệp. Trước tiên, cần có những con đường sắt, và không có nền đại công nghiệp quốc gia thì không thể mở rộng đường sắt được. Điều kiện tiên quyết cho sự hình thành nền đại công nghiệp đó là cái gọi là công cuộc giải phóng nông dân; công cuộc này mở ra một kỷ nguyên tư bản chủ nghĩa cho nước Nga, nhưng đồng thời cũng mở ra một kỷ nguyên tan vỡ nhanh chóng

của chế độ sở hữu công xã về ruộng đất. Các khoản tiền chuộc mà nông dân phải nộp cùng với những khoản thuế ngày càng tăng và việc đồng thời giao cho họ những phần đất hẹp hơn và cằn cỗi, đã không tránh khỏi làm cho họ rơi vào tay những kẻ cho vay nặng lãi, phần lớn là những thành viên đã trở nên giàu có của công xã nông dân. Đường sắt đã mở ra cho nhiều vùng xa xôi trước đây một thị trường tiêu thụ lúa mì mà những vùng ấy sản xuất ra, song đồng thời cũng mang tới đó những sản phẩm rẻ tiền của đại công nghiệp thay thế cho công nghiệp gia đình của nông dân là những người cho tới nay vẫn sản xuất ra những sản phẩm tương tự phần thì để tiêu dùng cho bản thân, phần thì để bán. Các quan hệ kinh tế cũ bị rối loạn; những quan hệ luôn luôn đi kèm theo bước chuyển từ kinh tế hiện vật sang kinh tế tiền tệ đều tan vỡ; những sự khác biệt lớn về tài sản xuất hiện giữa các thành viên của công xã – những người nghèo trở thành nô lệ của những kẻ giàu. Nói tóm lại, ở đây, cùng cái quá trình đã làm tan rã các thị tộc A-ten trong thời kỳ trước Xô-lông, tức là quá trình xâm nhập của nền kinh tế tiền tệ [1*], bắt đầu làm tan rã công xã Nga. Quả là Xô-lông có thể giải thoát cho những con nợ bị nô dịch bằng một sự can thiệp cách mạng vào quyền tư hữu lúc bấy giờ vẫn còn khá non trẻ, bằng cách giản đơn xóa các khoản nợ. Nhưng ông ta không thể nào làm sống lại được những thị tộc A-ten cũ, cũng như không một quyền lực nào trên đời này có thể khôi phục lại công xã Nga, một khi quá trình tan rã của nó đã đạt tới một mức độ nhất định. Hơn nữa, chính phủ Nga đã cấm các thành viên công xã chia lại ruộng đất trong vòng 12 năm, nhằm mục đích làm cho

1* Xem Ăng-ghen "Nguồn gốc của gia đình v.v.", xuất bản lần thứ năm. Stút-gát. 1892. tr .109 -113[449].

nông dân ngày càng mất thói quen phân chia lại ruộng đất và bắt đầu tự coi mình là người chủ tư hữu phần đất của mình.

Mác đã phát biểu theo tinh thần đó ngay từ năm 1877 trong một bức thư gửi sang Nga. Một ông Giu-cốp-xki nào đó, chính ông này hiện đang ký chứng thực cho các phiếu tín dụng của Nga với tư cách là thủ quỹ Ngân hàng quốc gia, đã viết một cái gì đó về Mác trên tờ "Truyền tin châu Âu" ("Vestnik Jevropy"), một tác giả khác [1*] đã bác lại ông ta trên tờ "Ký sự nước nhà" ("Otetschestvenyja Zapiski")[450]. Để sửa lại bài báo nói sau, Mác đã viết một bức thư gửi cho biên tập viên tờ "Ký sự"; bức thư này đã được lưu hành ở Nga một thời gian dài dưới dạng những bản sao viết tay từ nguyên bản tiếng Pháp và sau đấy được công bố với bản dịch ra tiếng Nga trên tờ "Truyền tin ý dân" ("Vestnik Narodnoj Voli"), năm 1886, ở Giơ-ne-vơ và sau này ở ngay nước Nga nữa[451]. Bức thư đó, cũng như tất cả những gì do ngòi bút của Mác viết ra, đã thu hút được sự chú ý mạnh mẽ của các giới ở Nga và đã được giải thích một cách hết sức khác nhau; vì vậy, ở đây tôi xin nêu lên nội dung cơ bản của nó.

Trước hết Mác bác bỏ cái quan điểm mà người ta đã gán cho ông trên tờ "Ký sự" , nói rằng hình như ông cũng như phái tự do Nga đều cho là đối với nước Nga, không có vấn đề gì cấp bách hơn là thủ tiêu chế độ sở hữu công xã nông dân để gấp rút chuyển sang chủ nghĩa tư bản. Lời nhận xét ngắn gọn của ông về Ghéc-xen trong phần bổ sung cho lần xuất bản thứ nhất tác phẩm "Tư bản", dường như hoàn toàn không chứng minh được điều gì cả. Lời nhận xét đó nói rằng: "Nếu như ở lục địa châu Âu, ảnh hưởng của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hủy hoại

1* —N.C. Mi-khai-lốp-xki

loài người...vẫn phát triển như từ trước tới nay, song song với sự cạnh tranh trong sự khuếch đại của chủ nghĩa quân phiệt dân tộc, của các khoản công trái, của các khoản thuế, trong cải cách tiến hành chiến tranh một cách tinh vi, v.v. thì cố lẽ rốt cuộc điều trở nên không thể tránh khỏi là phải trẻ hóa châu Âu bằng chiếc roi da và phải tiêm dòng máu Can-mứt, như Ghéc-xen, một người Nga lai nhưng là một người Mốt-xcô-vít chính cống, đã tiên đoán một cách hết sức nghiêm túc (tiện thể xin nói thêm: nhà văn này đã có được những phát hiện của mình về "chủ nghĩa cộng sản Nga" không phải ở Nga, mà là trong tác phẩm của viên cố vấn chính phủ Phổ Hắc-xtơ-hau-den" ("Tư bản",T. I, bản tiếng Đức, xuất bản lần thứ nhất, tr.763[452]. – Sau đó Mác viết tiếp[453]: nhận xét của tôi "dù sao cũng không thể nào dùng làm chiếc chìa khóa để đi tới những điểm của tôi về những cố gắng" (đoạn sau đây, nguyên bản trích dẫn bằng tiếng Nga) "của những người Nga nhằm tìm ra cho tổ quốc mình một con đường phát triển khác với con đường mà Tây Âu đã đi và đang đi",v.v.. – Trong lời bạt viết cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức tác phẩm "Tư bản", tôi nói tôi "một nhà bác học và nhà phê bình vĩ đại người Nga" (Séc-nư-sép-xki) với một niềm kính trọng xứng đáng với ông ta [454]. Trong những bài báo xuất sắc của mình, nhà bác học đó đã nghiên cứu vấn đề: liệu trước hết nước Nga có cần phải phá hủy các công xã nông dân, như các nhà kinh tế theo phái tự do đòi hỏi để sau đó chuyển sang chế độ tư bản chủ nghĩa hay không, hay ngược lại, nó có thể không cần phải trải qua những đau khổ của chế độ đó mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy bằng cách tiếp tục phát triển những tiền đề lịch sử sẵn có của bản thân mình. Ông ta đã phát biểu cho tinh thần của giải pháp sau".

"Nói tóm lại, vì tôi không muốn để "cho người ta phải phỏng đoán điều gì" cho nên tôi xin nói thẳng ra. Để có thể đánh giá được sự phát triển kinh tế của nước Nga một cách am hiểu vấn đề, tôi đã học tiếng Nga và sau đó đã nghiên cứu mấy năm ròng các xuất bản phẩm chính thức và các xuất bản phẩm khác có liên quan đến vấn đề đó. Tôi đã đi tới kết luận sau đây: *Nếu như nước Nga tiếp tục đi theo con đường mà nó đã đi từ năm 1861, nó sẽ bỏ lỡ cơ hội thuận lợi nhất mà lịch sử chưa bao giờ đem lại cho một dân tộc, và sẽ phải trải qua mọi nỗi bất hạnh tai hại của chế độ tư bản chủ nghĩa*"[1]".

Tiếp nữa, Mác còn làm sáng tỏ một số sai lầm nữa mà kẻ phê phán ông đã mắc phải; đoạn duy nhất có liên quan tới vấn đề mà chúng ta đang nghiên cứu là như sau:

" Vậy thì nhà phê phán của tôi có thể rút ra được điều gì từ phác thảo lịch sử đó để áp dụng đối với nước Nga?" (Đây là nói về tích lũy nguyên thủy trong "Tư bản".) "Chỉ có điều như sau: Nếu như nước Nga có khuynh hướng trở thành một quốc gia tư bản chủ nghĩa theo hình mẫu của Tây Âu – và trong những năm gần đây nó đã tốn rất nhiều công sức để đi theo hướng đó – thì nó sẽ không đạt được điều đó nếu như trước đó, nó không biến một bộ phận lớn nông dân của nó thành những người vô sản; và sau đó, một khi đã bị cuốn hút vào cơn lốc của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa , nó sẽ phải tuân theo những quy luật nghiệt ngã của chế độ đó cũng giống như các dân tộc ngoại đạo khác. Tất cả là như vậy."

Mác đã viết như vậy năm 1877. Hồi ấy ở Nga, có hai chính phủ: chính phủ của Nga hoàng và chính phủ của ban chấp hành bí mật (ispolnitel' nyj komitet) của phái âm mưu khủng bố[455]. Quyền lực của chính phủ bí mật ngày một tăng. Chế độ Nga

1* Do Ăng-ghen viết nghiêng

hoàng tưởng như sắp bị lật đổ; cuộc cách mạng ở Nga phải tước bỏ chỗ dựa mạnh mẽ nhất của toàn bộ thế lực phản động châu Âu, đội quân trù bị to lớn của nó, và do đó đem lại cho phong trào chính trị phương Tây một sự thúc đẩy mạnh mẽ, đồng thời tạo ra cho nó những điều kiện đấu tranh vô cùng thuận lợi hơn. Không có gì đáng ngạc nhiên là trong bức thư của mình, Mác khuyên người Nga không nên quá vội vã nhảy sang chủ nghĩa tư bản.

Cuộc cách mạng Nga đã không xảy ra. Chế độ Nga hoàng đã thắng chủ nghĩa khủng bố, cái chủ nghĩa thậm chí đã đẩy mọi giai cấp có của "thích trật tự", vào vòng tay của chế độ Nga hoàng. Và trong suốt 17 năm kể từ khi Mác viết bức thư đó, cả chủ nghĩa tư bản cũng như sự tan rã của công xã nông dân ở Nga đã có những bước tiến rất lớn. Còn tình hình năm 1894 hiện nay ra sao?

Vì sau những thất bại trong cuộc chiến tranh Crưm và sau khi hoàng đế Ni-cô-lai I tự sát, chế độ chuyên chế Nga hoàng già cỗi vẫn tiếp tục tồn tại không hề thay đổi, cho nên chỉ còn có một con đường: hết sức nhanh chóng chuyển sang nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Quân đội đã bị thất bại vì những vùng đất rộng bao la của đế chế, vì những cuộc hành quân kéo dài ra chiến trường; cần phải thủ tiêu tình trạng xa cách đó bằng một mạng lưới đường sắt chiến lược. Mà đường sắt lại có nghĩa là công nghiệp tư bản chủ nghĩa và việc cách mạng hóa nền canh tác thô sơ. Một mặt, sản phẩm nông nghiệp thậm chí của những vùng xa xôi nhất bắt đầu có mối liên hệ trực tiếp với thị trường thế giới; mặt khác, không thể nào xây dựng và sử dụng được một hệ thống đường sắt rộng lớn nếu không có một nền công nghiệp quốc gia cung cấp đường ray, đầu máy và toa xe, v.v.. Song người ta không thể tạo ra được *một* ngành của đại công nghiệp nếu như không đồng thời xây dựng toàn bộ hệ thống;

công nghiệp dệt tương đối hiện đại mà trước đây đã bắt rễ ở vùng Mát-xcơ-va và Vla-đi-mia, cũng như ở các vùng ven biển Ban-tích, đã có được một đà phát triển mới. Đi theo sau việc xây dựng các con đường sắt và các công xưởng, là việc mở rộng những ngân hàng đã có và thành lập các ngân hàng mới; việc giải phóng nông dân thoát khỏi ách nông nô đã tạo ra quyền tự do đi lại, thêm vào đó chẳng bao lâu chắc sẽ diễn ra việc giải phóng một phần lớn những nông dân đó khỏi cả sự chiếm hữu ruộng đất. Như vậy là trong một thời gian ngắn, những cơ sở của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được thiết lập ở Nga. Nhưng đồng thời lưỡi rìu cũng chặt vào gốc rễ của công xã nông dân Nga.

Bây giờ mà phàn nàn về việc đó thì chỉ là vô ích. Nếu như sau chiến tranh Crưm, chế độ chuyên chế Nga hoàng được thay bằng một sự thống trị nghị trường trực tiếp của giới quý tộc và quan liêu thì quá trình đó có lẽ sẽ chậm lại đôi chút; nếu như giai cấp tư sản mới ra đời lên nắm chính quyền thì hẳn là quá trình đó sẽ được đẩy nhanh. Trong tình hình lúc đó thì không có sự lựa chọn nào khác. Trong khi Đế chế II tồn tại ở Pháp, trong khi nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển hết sức rực rỡ ở Anh thì quả thật không thể đòi hỏi nước Nga phải xuất phát từ công xã nông dân mà liều mạng lao vào các cuộc thử nghiệm xã hội chủ nghĩa do chóp bu của nhà nước thực hành. Một cái gì đó nhất định phải xảy ra. Và đã xảy ra cái có thể xảy ra trong hoàn cảnh đó; bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào trong những nước có nền sản xuất hàng hóa, người ta phần lớn chỉ hành động một cách hầu như không có ý thức hoặc hoàn toàn máy móc, không biết mình làm cái gì.

Giữa lúc đó, một thời kỳ mới xuất hiện, do nước Đức mở đầu, một thời kỳ cách mạng từ bên trên, và cùng với nó là thời kỳ phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước

châu Âu. Nước Nga đã tham gia vào phong trào chung. Tất nhiên là ở đây, phong trào đó mang hình thức một cuộc tấn công quyết liệt nhằm lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, nhằm giành quyền tự do phát triển tinh thần và chính trị cho dân tộc. Lòng tin vào sức mạnh kỳ diệu của công xã nông dân, nhờ nó dường như xã hội có thể và hẳn phải được phục hưng, – một lòng tin mà, như chúng ta đã thấy, cả Séc-nư-sép-xki cũng không phải đã hoàn toàn thoát khỏi, – lòng tin đó đã hoàn thành công việc của nó là nâng cao niềm phấn khởi và nghị lực của các chiến sĩ tiền phong Nga anh hùng. Số lượng những người đó chưa đến vài trăm, nhưng với tinh thần hy sinh và lòng dũng cảm của họ, họ đã làm cho chế độ chuyên chế Nga hoàng phải tính đến khả năng đầu hàng và điều kiện đầu hàng, – những người đó chúng ta không bắt họ phải chịu trách nhiệm về việc họ đã coi dân tộc Nga là một dân tộc đã được lựa chọn để làm cách mạng xã hội. Nhưng chúng ta cũng hoàn toàn không cần phải tán thành ảo tưởng của họ. Thời đại của các dân tộc thượng đẳng đã vĩnh viễn qua rồi.

Nhưng trong cuộc đấu tranh này, chủ nghĩa tư bản ở Nga đã tiến bước mau lẹ và ngày càng đạt tới điều mà chủ nghĩa khủng bố chưa đạt được: buộc chế độ Nga hoàng phải đầu hàng.

Chế độ Nga hoàng cần có tiền. Không những để chi tiêu cho sự xa hoa trong cung đình của nó, cho bộ máy quan lại của nó, trước hết là cho quân đội của nó và chính sách đối ngoại của nó dựa trên sự mua chuộc, mà đặc biệt cho nền tài chính thảm hại của nó và cho chính sách đường sắt phi lý phù hợp với nền tài chính đó. Nước ngoài không muốn và không thể bù lại được mọi khoản thiếu hụt trong ngân khố của Nga hoàng; vậy phải tìm sự giúp đỡ ở trong nước. Một phần cổ phiếu đường sắt được phát hành ở ngay trong nước, một phần công trái cũng được phát hành như vậy. Thắng lợi đầu tiên của giai cấp tư sản Nga là việc có

được những hợp đồng tô nhượng đường sắt bảo đảm cho các cổ đông mọi lợi nhuận trong tương lai, nhưng lại trút lên đầu nhà nước mọi thiệt hại trong tương lai. Tiếp đó, là các khoản trợ cấp và tiền thưởng cho việc thành lập các xí nghiệp công nghiệp cùng các khoản thuế bảo hộ có lợi cho công nghiệp nước nhà, những khoản thuế đã khiến cho nhiều mặt hàng hoàn toàn không thể nhập khẩu được. Trong hoàn cảnh bị mắc nợ quá nhiều và hầu như hoàn toàn bị mất tín nhiệm ở nước ngoài, nên vì lợi ích trực tiếp của ngân khố, nhà nước Nga đành phải quan tâm tới việc dùng phương pháp nhân tạo để phát triển công nghiệp quốc gia. Nó luôn luôn cần vàng để trả lợi tức cho các khoản vay của nước ngoài. Nhưng ở Nga, lại không có vàng; ở đó, chỉ lưu thông tiền giấy. Một phần vàng thu được là nhờ các khoản thuế quan được quy định phải nộp bằng vàng, điều này cũng nâng giá trị của các khoản thuế đó lên thêm 50%. Nhưng phần lớn vàng thu được là nhờ số trội của xuất khẩu nguyên liệu Nga so với nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp nước ngoài. Những kỳ phiếu do những người nước ngoài mua hàng phát ra cho khoản trội ra đó được chính phủ Nga mua lại ở trong nước bằng tiền giấy và dùng các kỳ phiếu ấy để đổi lấy vàng. Vì vậy, nếu như chính phủ không muốn trả lợi tức cho các khoản nợ của nước ngoài bằng những khoản vay mới, thì nó phải quan tâm tới việc nhanh chóng củng cố công nghiệp Nga tới mức có thể thỏa mãn được toàn bộ nhu cầu trong nước. Từ đó nảy sinh ra đòi hỏi là nước Nga phải trở thành một nước công nghiệp tự cung tự cấp, không phụ thuộc vào nước ngoài; từ đó nảy sinh ra những cố gắng rào riết của chính phủ nhằm, trong một vài năm, đưa sự phát triển tư bản chủ nghĩa của nước Nga lên tới đỉnh cao. Nếu không thì chẳng còn cách nào khác là phải dụng đến qũy quân sự bằng tiền kim loại được tích lũy trong Ngân hàng nhà nước và trong ngân khố quốc gia, hoặc sẽ bị phá sản. Trong cả hai trường hợp, chính sách đối ngoại của Nga đều sẽ đi đứt.

Có một điều đã rõ ràng: trong tình hình như vậy, giai cấp tư sản non trẻ ở Nga sẽ hoàn toàn nắm chính phủ trong tay. Trong mọi vấn đề kinh tế quan trọng, chính phủ buộc phải phục tùng ý muốn của nó. Nếu như nó còn dung thứ cho chế độ độc tài chuyên chế của Nga hoàng và bọn quan lại của hắn thì cũng chỉ là vì chế độ chuyên chế đó – đã được làm dịu bớt do tính chất có thể mua chuộc được của bọn quan lại – đem lại cho nó nhiều sự đảm bảo hơn là những biến đổi, dù là những bảo đảm và biến đổi này được tiến hành theo tinh thần tự do tư sản đi nữa, vì trong tình hình nội tại hiện nay của nước Nga không một ai có thể thấy trước được những hậu quả của chúng. Và thế là việc biến nước Nga thành một nước công nghiệp tư bản chủ nghĩa, việc vô sản hóa một phần lớn nông dân và sự sụp đổ của công xã cộng sản chủ nghĩa cũ sẽ tiến triển với tốc độ ngày càng nhanh chóng hơn.

Tôi không dám trả lời vấn đề liệu hiện nay công xã đó có còn khá nguyên vẹn tới mức là vào lúc cần thiết như Mác và tôi năm 1882 vẫn còn hy vọng, nó có thể kết hợp với một cuộc chuyển biến lớn ở Tây Âu để trở thành điểm xuất phát của một sự phát triển cộng sản chủ nghĩa được hay không. Nhưng có một điều chắc chắn là: muốn duy trì được một cái gì đó của công xã ấy thì điều kiện trước tiên là phải lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, phải có một cuộc cách mạng ở Nga. Cuộc cách mạng Nga sẽ không chỉ lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân, những người nông dân, ra khỏi sự biệt lập của xóm làng họ, tức là những cái tạo thành thế giới[1*] của họ, thế giới của họ không chỉ đưa họ lên một vũ đài rộng lớn, nơi họ sẽ hiểu thế giới bên ngoài và do đó hiểu cả bản thân họ, hiểu địa vị của họ và những biện

1* Trong nguyên bản, từ này là tiếng Nga được viết bằng chữ cái la-tinh.

pháp để thoát khỏi sự bần cùng hiện tại, cuộc cách mạng đó sẽ còn đem lại cho phong trào công nhân phương Tây một sự thúc đẩy mới và những điều kiện đấu tranh mới tốt hơn và do đó thúc đẩy thắng lợi của giai cấp vô sản công nghiệp hiện đại, thắng lợi mà không có nó thì trên cơ sở của công xã cũng như trên cơ sở của chủ nghĩa tư bản, nước Nga hiện nay cũng không thể nào tiến hành được một công cuộc cải tạo xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Viết vào nửa đầu tháng Giêng 1894
Đã in trong cuốn F. Engels. "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 – 1875). Bé-lin, 1894

Theo đúng bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

BỘ "TƯ BẢN" CỦA MÁC. TẬP THỨ BA[456]

Tập thứ ba bộ "Tư bản" của Mác hiện đang in và, có thể hy vọng, sẽ ra mắt muộn nhất là tháng Chín năm nay. Nội dung của tập thứ ba mong đợi từ lâu này sẽ hoàn tất phần lý luận của toàn bộ công trình, và khi đó sẽ chỉ còn chờ đợi tập cuối cùng, tập thứ tư, chứa đựng việc tổng quan lịch sử – phê phán về các học thuyết giá trị thặng dư[457]. Tập thứ nhất đã cho thấy nhà tư bản bóp nặn giá trị thặng dư từ người công nhân như thế nào, tập thứ hai chỉ ra giá trị thặng dư lúc đầu chứa đựng trong hàng hóa ấy được thực hiện thành tiền như thế nào. Như vậy, hai tập đầu nói đến giá trị thặng dư khi nó nằm trong tay người đầu tiên chiếm hữu nó, tức là trong tay nhà tư bản công nghiệp; nhưng trong tay người chiếm hữu đầu tiên ấy, nó chỉ còn lại có một phần; tiếp theo nó được phân phối giữa những nhân vật hữu quan khác nhau dưới hình thức lợi nhuận thương nghiệp, thu nhập doanh nghiệp, lợi tức, địa tô; các quy luật phân phối giá trị thặng dư được trình bày chính là trong tập thứ ba. Nhưng toàn bộ đường đời của giá trị thặng dư được hoàn tất bằng việc sản xuất, lưu thông và phân phối nó và không còn gì để nói về nó nữa. Ngoài những quy luật chung của tỷ suất lợi nhuận tư bản chủ nghĩa ra, trong tập này còn nghiên cứu: tư bản thương nghiệp, tư bản mang lại lợi tức, tín dụng và ngân

hàng, địa tô và sở hữu ruộng đất – những vấn đề mà cùng với những đề tài đã được nghiên cứu ở hai tập đầu, hoàn thành việc "Phê phán khoa kinh tế chính trị" đã hứa ở nhan đề.

Viết khoảng ngày 9 tháng Giêng 1894
Đã đăng trên báo "Vorwärts" số 9, ngày 12 tháng Giêng 1894

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

*VỀ NỘI DUNG TẬP THỨ BA BỘ "TƯ BẢN"

Tập thứ ba bộ *"Tư bản" của Mác*: "Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa" – như đã chỉ ra trên báo "Vorwärts"[1*] sẽ ra mắt mùa thu năm nay. Như chúng ta biết, tập thứ nhất xem xét "Quá trình sản xuất của tư bản", trong khi đó tập thứ hai nghiên cứu "Quá trình lưu thông của tư bản". Tập thứ ba sẽ nghiên cứu "Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa". Như vậy, ở đây các quá trình sản xuất và lưu thông sẽ được xét không phải riêng từng quá trình tự nó, mà trong mối liên hệ của chúng, coi là tiền đề và những khâu đơn giản của quá trình vận động chung thống nhất của tư bản. Vì mỗi tập trong hai tập ấy chỉ xem xét *một* trong hai mặt chủ yếu của quá trình đó, nên về nội dung chúng cần được bổ sung, còn về hình thức thì chúng phiến diện và trừu tượng. Đặc biệt, điều đó biểu hiện ở chỗ trong cả hai tập, giá trị thặng dư chỉ có thể nghiên cứu trong chừng

1* Xem tập này, tr. 644-645.

mực và trong lúc nó còn nằm trong tay người đầu tiên chiếm hữu nó – trong tay nhà tư bản công nghiệp; chỉ có thể chỉ ra chung chung rằng người chiếm hữu đầu tiên đó tuyệt nhiên không nhất thiết là hoặc thường không phải dù chỉ là người sở hữu dứt khoát của nó. Nhưng rõ ràng nhất và có thể nói, trên bề mặt của xã hội, sự vận động chung của tư bản biểu hiện ra chính là trong sự phân phối giá trị thặng dư giữa những bên hữu quan ở đây, giữa thương nhân, người cho vay tiền, người sở hữu ruộng đất v.v.. Như vậy, sự phân phối giá trị thặng dư sau khi nó đã trải qua những quá trình được phân tích trong hai tập đầu thì chính nó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tập thứ ba. Các quy luật của sự phân phối đó được xem xét riêng từng quy luật một: quan hệ của tỷ suất giá trị thặng dư với tỷ suất lợi nhuận; sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân giống nhau; việc tỷ suất lợi nhuận bình quân đó có xu hướng giảm xuống trong tiến trình phát triển kinh tế; sự tách riêng lợi nhuận thương nghiệp; sự can thiệp của tư bản cho vay và sự phân chia lợi nhuận thành lợi tức và thu nhập doanh nghiệp; hệ thống tín dụng nảy sinh trên cơ sở tư bản cho vay, với những đại biểu chủ yếu của nó, các ngân hàng, và với trung tâm đầu cơ của nó là sở giao dịch, sự nảy sinh lợi nhuận siêu ngạch và sự chuyển hóa lợi nhuận siêu ngạch ấy trong những trường hợp nhất định thành địa tô; chế độ sở hữu ruộng đất mang lại địa tô ấy; với tư cách là kết quả – sự phân phối chung giá trị mới tạo ra giữa ba dạng thu nhập: tiền lương, lợi nhuận (kể cả lợi tức) và địa tô; cuối cùng, những người nhận ba dạng thu nhập đó: công nhân, nhà tư bản, địa chủ – các giai cấp của xã hội hiện đại. Tiếc rằng mục cuối cùng này – các giai cấp – chưa được Mác đi sâu nghiên cứu.

Việc điểm qua nội dung ấy hoàn toàn đủ để chỉ ra rằng tất cả những vấn đề có quan hệ với đối tượng nghiên cứu do cần

thiết mà phải bỏ ngỏ trong hai tập đầu của tác phẩm, thì ở đây được giải quyết.

Viết khoảng ngày 9 tháng Giêng 1894
Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd. I, số 16, 1893-1894 và báo "Arbeiter - Zeitung" số 8, ngày 26 tháng Giêng 1894
Ký tên: Ph.Ă.

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

CUỘC CÁCH MẠNG TƯƠNG LAI Ở I-TA-LI-A VÀ ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA[458]

Theo quan điểm của tôi thì tình hình ở I-ta-li-a là như sau:

Giai cấp tư sản lên nắm chính quyền trong và sau cuộc giải phóng dân tộc đã không biết và cũng không muốn hoàn thiện chiến thắng của mình. Giai cấp tư sản đã không xóa bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến, bằng cách cải tổ nền sản xuất quốc dân theo mẫu mực tư sản hiện đại. Không có khả năng đem lại cho đất nước những ưu thế tương đối và tạm thời của chế độ tư bản, giai cấp tư sản đã chồng chất lên đất nước tất cả mọi gánh nặng và mọi nhược điểm của chế độ đó. Như thế vẫn chưa đủ, với những vụ gian lận bẩn thỉu về tài chính, nó đã để mất vĩnh viễn những tàn dư cuối cùng của lòng kính trọng và tin tưởng.

Nhân dân lao động, tức là nông dân, thợ thủ công, công nhân nông nghiệp và công nghiệp, bị đè nén nặng nề, một mặt bởi những hình thức áp bức từ xưa, di sản không chỉ của thời phong kiến, mà còn là của thời cổ (mezzadria[1*], những điền trang lớn ở miền Nam, nơi mà gia súc lấn át cả con người); mặt khác

1* - chế độ cấy rẽ

bởi chế độ thuế khóa hết sức hà khắc mà giai cấp tư sản có thể nghĩ ra lúc bấy giờ. Ở đây, chúng ta có thể nói cùng với Mác rằng: "cũng giống như các nước khác ở lục địa Tây Âu chúng ta đau khổ không những vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ. Ngoài những tai họa của thời đại hiện nay ra, chúng ta còn phải chịu đựng cả một loạt những tai họa để thừa do chỗ các phương thức sản xuất cổ xưa lỗi thời vẫn tiếp tục sống dai dẳng với những quan hệ xã hội và chính trị *lỗi thời* do chúng đẻ ra. Chúng ta đau khổ không những vì những người đang sống mà còn vì những người đã chết nữa. Người chết nắm lấy người sống!"[459].

Tình hình ấy dẫy đến một cuộc khủng hoảng. Ở khắp nơi hàng ngũ quần chúng sản xuất đã sôi sục; ở một vài nơi, quần chúng đã nổi dậy. Cuộc khủng hoảng sẽ dẫn chúng ta đi đến đâu?

Rõ ràng là Đảng xã hội chủ nghĩa còn quá non trẻ, và do hoàn cảnh kinh tế của mình nên còn quá yếu, nên không thể hy vọng là có được một chiến thắng ngay lập tức của chủ nghĩa xã hội. Ở đất nước này, dân cư nông thôn đông hơn dân thành thị nhiều, ở các thành phố, nền đại công nghiệp phát triển kém, vì vậy, giai cấp vô sản điển hình là thiểu số; phần đông dân cư là thợ thủ công, tiểu chủ và những phần tử mất gốc giai cấp, một khối người ngả nghiêng giữa giai cấp tiểu tư sản và vô sản. Đó là giai cấp thị dân hạng nhỏ và hạng trung thời trung cổ bị suy sụp và tan rã, phần lớn họ hiện chưa phải là những người vô sản nhưng sẽ trở thành những người vô sản. Chỉ có giai cấp này, – giai cấp đã từng ngày từng giờ bị đe dọa bởi nguy cơ phá sản về kinh tế và giờ đây đang bị đẩy vào tình thế tuyệt vọng, – mới có thể cung cấp bộ phận lớn nhất của các chiến sĩ và những người lãnh đạo một phong trào cách mạng. Họ sẽ được nông dân tiếp tay, nông dân, do điều kiện sinh sống phân tán và do mù chữ nên không có

tính chủ động thực sự có hiệu quả của mình, nhưng sẽ là đồng minh mạnh mẽ và cần thiết.

Trong trường hợp giành được thắng lợi bằng biện pháp ít hay nhiều hòa bình thì sẽ có sự thay đổi nội các chóng vánh, và phái cộng hòa[460] "đã đổi đạo", tức là Ca-van-lốt-ti đồng bọn, sẽ lên nắm chính quyền; trong trường hợp có một cuộc cách mạng thì phái cộng hòa tư sản sẽ lên cầm quyền. Với những điều kiện như vậy thì Đảng xã hội chủ nghĩa sẽ đóng vai trò như thế nào?

Kể từ năm 1848, sách lược đã đem lại nhiều thắng lợi nhất cho các nhà xã hội chủ nghĩa là sách lược của *"Tuyên ngôn cộng sản"*: "Trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, những người xã hội chủ nghĩa [1*] luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào ... "Họ" chiến đấu cho những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào"[461]. Vì vậy, họ tham gia tích cực vào tất cả các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh của cả hai giai cấp, nhưng không lúc nào quên rằng những giai đoạn đó chẳng qua chỉ là những bước dẫn tới mục đích lớn thứ nhất: giai cấp vô sản giành lấy chính quyền làm phương tiện để cải tổ lại xã hội. Họ đứng trong hàng ngũ của những chiến sĩ đấu tranh giành bất cứ lợi ích trực tiếp nào nhằm phục vụ giai cấp công nhân; nhưng họ chỉ coi tất cả những lợi ích chính trị lẫn kinh tế đó là những món thanh toán từng phần mà thôi. Vì vậy, họ coi mỗi một phong trào cách mạng và tiến bộ là một bước tiến theo con đường của mình, và nhiệm vụ đặc biệt của họ là thúc đẩy những đảng cách mạng khác tiến lên và nếu như

1* Khi trích dẫn, Ăng-ghen thay những chữ "những người cộng sản" bằng những chữ "những người xã hội chủ nghĩa".

một trong những đảng đó thắng lợi thì họ bảo vệ những lợi ích của giai cấp vô sản. Sách lược đó, – luôn luôn nhằm vào mục đích vĩ đại, – bảo vệ cho những người xã hội chủ nghĩa thoát khỏi những nỗi thất vọng mà những đảng khác ít nhìn xa trông rộng hơn – dù đó là phái cộng hòa thuần túy hay là những nhà xã hội chủ nghĩa đa cảm, – nhất định sẽ mắc phải, vì họ coi chỉ một giai đoạn là mục đích cuối cùng của con đường tiến lên.

Chúng ta hãy vận dụng những điều đó vào nước I-ta-li-a. Chiến thắng của giai cấp tiểu tư sản đang tan rã và của nông dân có thể sẽ dẫn tới việc thành lập một nội các của phái cộng hòa "đa đối đạo". Điều đó sẽ đem lại cho chúng ta quyền phổ thông đầu phiếu và một loạt những quyền tự do đáng kể (tự do xuất bản, tự do hội họp, lập hội, xóa bỏ ammonizione[1*],v.v.) – những vũ khí mới, không thể coi thường được.

Hoặc là nền cộng hòa tư sản, với cùng vẫn những con người đó và một vài phần tử thuộc phái Mát-di-ni. Điều đó sẽ mở rộng rất nhiều quyền tự do và địa bàn hoạt động cho chúng ta, ít nhất là cùng trong giai đoạn trước mắt. Mác đã nói rằng chế độ cộng hòa tư sản là hình thức chính trị mà chỉ có trong đó, cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản mới tìm thấy được giải pháp của nó[462]. Đấy là chưa nói đến tác động của tình hình đó vào châu Âu.

Vậy là chiến thắng của phong trào cách mạng hiện nay chỉ làm cho chúng ta mạnh hơn lên và đem lại cho chúng ta một ambiente[2*] thuận lợi hơn. Chúng ta sẽ phạm sai lầm lớn nếu chúng ta cứ co mình lại và hạn chế quan hệ của chúng ta với

1* – sự giám sát của cảnh sát

2* – tình thế

các đảng "affini"[1*] ở những sự phê phán tiêu cực thuần túy. Có thể sẽ đến một lúc chúng ta phải cộng tác một cách tích cực với họ, và ai mà biết rằng bao giờ thì đến cái lúc ấy?

Dĩ nhiên là chúng ta không có nhiệm vụ trực tiếp chuẩn bị một phong trào không phải là chính phong trào của giai cấp do chúng ta đại biểu. Nếu phái cấp tiến và phái cộng hòa tin rằng đã đến lúc xuống đường đấu tranh thì cứ để cho họ thỏa cơn phấn khích của họ. Nhưng chúng ta đã quá nhiều lần bị những lời hứa hẹn to tát của các ngài đó lừa dối rồi nên không để bị mắc bẫy một lần nữa. Chúng ta không được để cho những lời tuyên bố cũng như thề thốt của họ tác động đến chúng ta. Nếu chúng ta có trách nhiệm ủng hộ mọi phong trào nhân dân *thực sự* thì đồng thời chúng ta cũng có trách nhiệm không được hy sinh một cách vô ích hạt nhân vừa mới hình thành của đảng vô sản của chúng ta và không được để cho giai cấp vô sản bị tàn sát trong những cuộc khởi nghĩa cục bộ và vô hiệu quả.

Nếu ngược lại, phong trào mang tính chất toàn quốc thực sự thì đảng của chúng ta sẽ tham gia không cần phải chờ đợi kêu gọi, và việc chúng ta tham gia vào một phong trào như vậy là tất yếu. Nhưng trong trường hợp như vậy thì cần phải làm sáng tỏ vấn đề, và chúng ta phải công khai tuyên bố rằng chúng ta tham gia với tư cách là một đảng độc lập, liên minh tạm thời với phái cấp tiến và phái cộng hòa, nhưng hoàn toàn khác với họ; rằng nếu thắng lợi, chúng ta cũng sẽ không có những ảo tưởng về kết quả của cuộc đấu tranh, rằng đối với chúng ta, một kết quả như vậy, một kết quả còn xa mới làm cho chúng ta thỏa mãn, chỉ là một giai đoạn đã đi được, một cơ sở hoạt động mới để giành những thắng lợi sau này; rằng ngay khi thắng lợi, đường

1* – "có họ hàng"

đi của chúng ta sẽ tách biệt nhau; và kể từ ngày chiến thắng, chúng ta sẽ thành lập một đảng đối lập mới chống lại chính phủ mới, một đảng đối lập không phải là phản động mà là tiến bộ, một đảng đối lập của phái cực tả, một đảng đối lập sẽ thúc đẩy chúng ta giành lấy những thắng lợi mới vượt khỏi giới hạn của địa bàn của chúng ta đã chiếm lĩnh được.

Sau chiến thắng chung, có thể người ta sẽ giành cho ta một số ghế trong chính phủ mới – nhưng họ sẽ giữ chúng ta luôn luôn ở vào cái thế bị thiểu số. Đó là mối nguy cơ lớn nhất. Sau cách mạng tháng hai 1848, phái dân chủ – xã hội Pháp (nhóm báo "Réforme", Lơ-đruy Rô-lanh, Lu-i Blang, Phlô-công, v.v.) đã phạm sai lầm là nhận những vị trí như vậy[463]. Là thiểu số trong chính phủ của những người cộng hòa thuần túy, họ phải tự nguyện nhận lấy phần trách nhiệm của mình về những hành động ti tiện và phản bội mà phe đa số thi hành đối với công nhân; trong khi đó, sự tham gia của những vị ấy vào chính phủ đã làm tê liệt hoạt động cách mạng của giai cấp công nhân, giai cấp mà bọn họ tự xưng là đại biểu của họ trong chính phủ.

Với tất cả những điều trình bày ở trên, tôi chỉ nói lên ý kiến của riêng cá nhân tôi, vì người ta yêu cầu tôi làm như vậy, và tôi đã làm như vậy một cách hết sức dè dặt. Còn về sách lược chung mà tôi khuyên nên theo thì suốt cả cuộc đời tôi, tôi đã thể nghiệm hiệu lực của nó; chưa bao giờ nó phụ lòng tin của tôi. Nhưng còn việc vận dụng sách lược ấy vào những tình hình hiện nay ở I-ta-li-a thì đó lại là một vấn đề khác, một vấn đề cần phải được quyết định ở ngay tại chỗ và chỉ có thể do những người đứng ở trung tâm các sự kiện, quyết định được mà thôi.

Viết vào ngày 26 tháng Giêng 1894
Bản dịch tiếng I-ta-li-a đã đăng trên tạp chí "Critica Sociale" số 3 ngày 1 tháng Hai 1894
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản thảo có đối chiếu với bản dịch tiếng I-ta-li-a
Nguyên văn là tiếng Pháp

GỬI HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC ĐẢNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 23 CÔNG XÃ PA RI

Luân Đôn, ngày 18 tháng Ba 1894

Cùng với các đồng chí tôi xin nâng cốc chúc ngày quốc tế 18 tháng Ba, nó sẽ mang theo thắng lợi của giai cấp vô sản, sẽ thủ tiêu các đối kháng giai cấp và chiến tranh giữa các dân tộc và sẽ thực hiện hòa bình và hạnh phúc ở các nước văn minh.

Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Le Socialiste" số 183, ngày 25 tháng Ba 1894

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Pháp

GỬI ĐẠI HỘI LẦN THỨ TƯ ĐẢNG ÁO[464]

Luân Đôn, ngày 22 tháng Ba 1894

Tôi xin chân thành cảm ơn về giấy mời thân ái gửi tới mời tôi dự Đại hội Đảng Áo, rất tiếc rằng tôi không thể đến được. Đồng thời tôi xin gửi đến các đại biểu dự Đại hội những lời chúc chân thành nhất và nồng nhiệt nhất chúc Đại hội thành công.

Trong năm nay, Đại hội Đảng sẽ phải thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Ở Áo, vấn đề là phải giành quyền bầu cử phổ thông, thứ vũ khí mà trong tay những công nhân giác ngộ giai cấp nó đánh xa hơn và đánh trúng đích hơn súng trường cỡ ổ đạn cỡ nhỏ trong tay những người lính được huấn luyện khắc nghiệt. Các giai cấp thống trị – giai cấp quý tộc phong kiến cũng như giai cấp tư sản – sẽ ra sức chống lại việc trao vũ khí ấy cho công nhân. Cuộc đấu tranh sẽ lâu dài và ác liệt. Nhưng nếu công nhân tỏ ra sáng suốt về chính trị, kiên trì và nhẫn nại, nhất trí và có kỷ luật, những phẩm chất mà nhờ đó họ thu được nhiều thành công rực rỡ, thì thắng lợi cuối cùng của họ sẽ được đảm bảo. Tính tất yếu lịch sử, tính tất yếu kinh tế lẫn tính tất yếu chính trị, đều tác động hoàn toàn ở phía họ.

Và tuy không thể giành được quyền bầu cử phổ thông về bình đẳng ngay lập tức, nhưng ngay bây giờ chúng ta vẫn có thể hô "hoan hô"! đối với những đại biểu sau này của giai cấp vô sản trong Quốc hội Áo.

Ph.Ăng-ghen

Đã in trong cuốn "Verhandlungen des vierten österreichischen sozialdemokratischen Parteitages". Wien, 1894

In theo bản in trong sách Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI BAN LÃNH ĐẠO ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI HUNG-GA-RI NHÂN DỊP ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ BA[465]

Luân Đôn, ngày 15 tháng Năm 1894

Thưa các đồng chí kính mến!

Giấy mời thân ái mời đến dự Đại hội Đảng tôi đã nhận được ngày 8 tháng Năm. Tiếc rằng do tạm thời khó ở nên tôi không thể trả lời ngay được, vì vậy mãi tới hôm nay tôi mới có thể lùi ngày bày tỏ lòng cảm ơn của tôi và chúc Đại hội của các đồng chí thành công tốt đẹp nhất.

Tôi cũng hết sức chú ý theo dõi phong trào thời gian gần đây ở Hung-ga-ri[1*]. Ở Hung-ga-ri, cũng như ở mọi nơi, tư bản ngày càng chiếm lĩnh toàn bộ nền sản xuất của đất nước. Nó không chỉ tạo ra nền công nghiệp mới, nó chi phối cả nông nghiệp, lật

1* Trong bản thảo, tiếp theo là đoạn sau đây đã bị xóa bỏ: "Nó chứng tỏ sức mạnh không gì ngăn cản mà tư bản ở khắp nơi nắm nền sản xuất của đất nước không chỉ trong lĩnh vực công nghiệp, mà cả trong lĩnh vực nông nghiệp, mà nông nghiệp ở Đông Âu là ngành quan trọng hơn nhiều".

nhào những phương pháp cổ xưa của nó, làm phá sản người nông dân độc lập, phân liệt dân cư nông thôn thành một bên là đại địa chủ và nhà tư bản môi giới và một bên là khối vô sản nông thôn không có của. Cuộc cách mạng do tư bản tiến hành ở Hung-ga-ri ấy đã đạt được những thắng lợi nào, chúng ta đã thấy gần đây ở Hốt-mê-đi-ô-va-sác-khây[466]. Cuộc cách mạng tư bản chủ nghĩa ấy chúng ta lúc nào đó cần phải trải qua. Nó mang theo những đau khổ không thể tả được cho khối đông dân chúng, nhưng chỉ có nó là sinh ra những điều kiện khiến có thể tạo lập chế độ xã hội mới, cũng như sinh ra những con người, đàn ông và đàn bà, mà chỉ có họ mới có đủ sức mạnh và ý chí để xây dựng xã hội mới, tốt đẹp hơn ấy.

Chào chân thành

Ph.Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Arbeiterpresse" số 20, ngày 18 tháng Năm 1894 và (bằng tiếng Hung-ga-ri) trên báo "Népszava" số 20 ngày 18 tháng Năm 1894

In theo bản đăng trên báo "Arbeiterpresse", có đối chiếu với bản sơ thảo Nguyên văn là tiếng Đức

BÀN VỀ LỊCH SỬ ĐẠO CƠ ĐỐC SƠ KỲ[467]

Viết khoảng giữa ngày 19 tháng Sáu và 16 tháng Bảy 1894
Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit", Bd 1, số 1 và số 2, 1894-1895
Ký tên Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

I

Trong lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ có những điểm giống đáng lưu ý với phong trào công nhân hiện đại. Giống như phong trào công nhân hiện đại, đạo Cơ Đốc này sinh như là một phong trào của những người bị áp bức; lúc đầu nó là tôn giáo của những người nô lệ và người nô lệ đã được tha, của người nghèo và người vô quyền, của các dân tộc bị La Mã chinh phục hoặc đuổi đi tản mác. Cả đạo Cơ Đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ; đạo Cơ Đốc tìm sự giải thoát ấy trong cuộc sống trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội thì tìm nó ở thế giới này, ở việc tổ chức lại xã hội. Cả đạo Cơ Đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều bị truy bức và đàn áp, những người theo đạo Cơ Đốc và chủ nghĩa xã hội công nhân đã bị hãm hại, bị áp dụng những đạo luật đặc biệt: bên thì bị coi là kẻ thù của loài người, bên thì bị coi là kẻ thù của nhà nước, của tôn giáo, của gia đình, của trật tự xã hội. Và bất chấp tất cả mọi sự bức hại, mà thường, thậm chí lại chính là trực tiếp nhờ có những sự bức hại ấy, mà cả đạo Cơ Đốc lẫn chủ nghĩa xã hội đã khai phá con đường tiến lên một cách thắng lợi, không thể kìm giữ được. Ba trăm năm sau khi ra đời, đạo Cơ Đốc đã trở thành quốc giáo được thừa nhận của Đế quốc La Mã thế giới, còn chủ nghĩa xã hội thì trong khoảng sáu mươi năm

đã giành được một vị trí đem lại cho nó sự đảm bảo thắng lợi tuyệt đối.

Như vậy, nếu ngài giáo sư An-tôn Men-ghe trong sách "Quyền hưởng thu nhập lao động đầy đủ" của ông bày tỏ sự ngạc nhiên vì sao với mức độ tập trung chiếm hữu ruộng đất lớn vào thời các hoàng đế La Mã và với nỗi đau khổ vô hạn của giai cấp công nhân hồi đó gồm hầu hết là người nô lệ, mà "chủ nghĩa xã hội lại không sụp đổ theo Đế quốc La Mã phương Tây"[468], thì đúng là ông ta không thấy rằng "Chủ nghĩa xã hội" ấy, trong chừng mực lúc đó nó có thể có được, quả thật đã tồn tại và thậm chí đã đạt tới địa vị thống trị – với tư cách là đạo Cơ Đốc. Vấn đề chỉ là ở chỗ đạo Cơ Đốc ấy – mà do các tiền đề lịch sử, nó không thể khác thế được – muốn tiến hành công cuộc cải tạo xã hội không phải trên thế gian này, mà là ở thế giới bên kia, trên trời, trong đời sống vĩnh hằng sau khi chết, ở "vương quốc nghìn năm" sẽ tới trong một tương lai không xa.

Sự tương tự giữa hai hiện tượng lịch sử ấy đã biểu hiện vào thời Trung cổ, trong thời gian những cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nông dân bị áp bức và đặc biệt là của bình dân thành thị. Những cuộc khởi nghĩa ấy, cũng như tất cả mọi phong trào quần chúng trung thế kỷ, không khỏi biểu hiện dưới một cái vỏ tôn giáo, dưới hình thức đấu tranh để khôi phục đạo Cơ Đốc ban đầu đang ngày càng bị thoái hóa[1*]; nhưng mỗi lần đằng sau sự

1* Cái đối lập độc đáo với điều này là những cuộc khởi nghĩa tôn giáo của thế giới Hồi giáo, đặc biệt là ở châu Phi. Đạo Hồi là tôn giáo được thích ứng với dân cư phương Đông, đặc biệt là với người Ả Rập, do đó, một mặt, với người thành thị hành nghề thương mại và thủ công nghiệp, mặt khác, với người Bê-đuyn du cư. Nhưng đó là mầm mống của những cuộc xung đột lặp đi lặp lại qua từng thời kỳ. Người thành thị giàu lên, sống xa hoa, bừa bãi trong việc chấp hành "pháp luật". Người

kích động tôn giáo đều ẩn chứa những lợi ích thế tục hết sức rõ rệt. Điều này bộc lộ rõ ràng hơn cả trong tổ chức của phái Ta-bo Séc dưới sự lãnh đạo của I-an Gi-Giơ-ka vinh quang bất hủ[470]; nhưng đặc điểm này xuyên suốt toàn bộ thời Trung cổ, biến mất dần sau cuộc Chiến tranh nông dân ở Đức để lại phục hồi ở những công nhân cộng sản sau năm 1830. Những người cộng sản cách mạng Pháp cũng như đặc biệt là Vai-tlinh và những người theo ông đã viện dẫn đạo Cơ Đốc sơ kỳ rất lâu trước khi Ec-ne-xtơ Rê-năng nói:

"Nếu các bạn muốn hình dung xem những đoàn thể Cơ Đốc giáo đầu tiên là gì, các bạn hãy xem xét kỹ một phân bộ địa phương nào đó của Hội liên hiệp công nhân quốc tế".

Bê-đuyn sống nghèo nàn và do nghèo mà họ theo những tập tục khắt khe, ghen tỵ và thèm thuồng nhìn những của cải và lạc thú đó. Và rồi họ tập hợp lại dưới sự lãnh đạo của một nhà tiên tri, một giáo thế chúa nào đó để trừng trị những kẻ phản bội tín ngưỡng, khôi phục sự tôn trọng đối với các lễ nghi và đối với tín ngưỡng chân chính và chiếm đoạt cho mình tài sản của bọn bội giáo, coi đó là những phần thưởng. Qua một trăm năm, họ, lẽ tự nhiên, ở vào tình thế hệt như những người bội giáo ấy; một lần nữa cần làm trong sạch tín ngưỡng, xuất hiện một giáo thế chúa mới, cuộc chơi khởi sự từ đầu. Tình hình từ thời các cuộc hành binh xâm lược của dòng họ An-mô-ra-vit và An-mô-hát ở châu Phi sang Tây Ban Nha đến viên giáo thế chúa cuối cùng người Khác-tum đã từng chống lại người Anh thành công như vậy là thế đó[469]. Tình hình các cuộc nổi dậy ở Ba Tư và những nước Hồi giáo khác cũng như vậy hoặc gần như vậy. Tất cả những phong trào diễn ra dưới cái vỏ tôn giáo ấy do các nguyên nhân kinh tế gây ra, nhưng ngay cả trong trường hợp thắng lợi, chúng vẫn để nguyên xi không đụng chạm đến những điều kiện kinh tế trước kia. Như vậy, tất cả đều vẫn như cũ, và các cuộc xung đột trở thành định kỳ. Trái lại, trong các cuộc khởi nghĩa nhân dân của phương Tây Cơ Đốc giáo, cái vỏ tôn giáo chỉ là ngọn cờ và là vật che đậy để tấn công vào chế độ kinh tế đang lỗi thời; chế độ kinh tế đó cuối cùng bị lật đổ, nó được chế độ kinh tế mới thay thế, thế giới tiếp tục phát triển.

Nhà văn Pháp này, đã sáng tác quyển tiểu thuyết lịch sử giáo hội "Nguồn gốc đạo Cơ Đốc"[471] trên cơ sở sử dụng một cách trâng tráo chưa từng có ngay cả trong nghề làm báo hiện đại sự phê phán của Đức đối với Kinh thánh, bản thân không biết trong câu nói trên của mình có bao nhiêu sự thật. Tôi muốn gặp một người nguyên là nhà hoạt động của Quốc tế nào mà khi đọc cái gọi là Thông điệp thứ hai của sứ đồ Pôn gửi người Cô-rin-tơ chẳng hạn lại không nhói lên những vết thương cũ, ít ra là về một mặt. Trong toàn bộ thông điệp, từ chương thứ tám đều vang lên chủ đề ai oán muôn thuở, than ôi, rất quen thuộc: les cotisations ne rentrent pas – tiền nộp chưa đến! Thật nhiều nhà tuyên truyền sốt sắng nhất của những năm sáu mươi sẽ bắt tay tác giả bản thông điệp này với vẻ thông cảm, dù ông ta là ai đi nữa, và nói: "với anh cũng thường như vậy!" Chúng tôi cũng có thể nói đôi điều về đề tài này – và Hội liên hiệp của chúng tôi đầy người Cô-rin-tơ; những khoản tiền đóng góp chập chờn không thể nắm bắt được trước mắt chúng ta ấy, gây nên nỗi đau khổ của Tan-tan – đúng là "tài sản hàng triệu bạc" nổi tiếng của Quốc tế!

Một trong những nguồn tư liệu tốt nhất của chúng ta về những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên là Lu-ki-an xứ Xa-mô-xa-ta, cái ông Vôn-te thời cổ đại cổ điển có thái độ hoài nghi nhất loạt như nhau đối với tất cả mọi dạng mê tín tôn giáo và vì thế không có căn cứ đa thần giáo lẫn căn cứ chính trị để đối xử với tín đồ Cơ Đốc giáo khác với bất cứ tổ chức tôn giáo nào khác. Trái lại, ông chế giễu tất cả họ về sự mê tín – chế giễu những người sùng bái Giuy-pi-te không kém những người sùng bái Ky-tô; theo quan điểm duy lý chủ nghĩa tầm thường của ông ta, cả hai dạng mê tín đều vô lý như nhau. Nhân tiện nói thêm, nhân chứng dù sao cũng không thiên vị ấy kể chuyện cuộc đời của một phần tử phiêu lưu, một ông Pê-rê-grin nào đó tự xưng là Prô-tây, quê quán Pa-ri-i trên Hê-le-xpôn-tơ. Ông Pê-rê-grin

nói trên thời trẻ đã mở đầu đường công danh của mình ở Ác-mê-ni-a, trước hết bằng việc tư thông, bị bắt quả tang tại chỗ gây tội ác và theo phong tục địa phương ông ta phải tự mình xử mình. May mắn thoát chết nhờ chạy trốn, ông ta bớp cổ cha ông đến chết ở Pa-ri-a và buộc phải lẩn trốn.

"Và ở đây đã xảy ra trường hợp" – tôi trích tác phẩm của Sốt-tơ[472] theo bản dịch tiếng Đức – "ông cũng tìm hiểu học thuyết đáng ngạc nhiên của các tín đồ đạo Cơ Đốc khi gặp thầy tế và những người ham thích sách của họ ở Pa-le-xtin. Và chẳng bao lâu ông đạt được những thành tích đến mức các thầy học của ông tưởng chừng là trẻ thơ so với ông. Ông ta trở thành nhà tiên tri, trưởng xã, người chủ trì các buổi cầu kinh – tóm lại, ông là tất cả trong tất cả mọi mặt: ông lý giải các sách thánh của họ và tự mình sáng tác rất nhiều sách thánh, thành thử các tín đồ đạo Cơ Đốc rốt cuộc coi ông là đấng tối cao, tôn ông là nhà lập pháp và tuyên bố ông là thủ lĩnh (giáo chủ) của mình. Vì lẽ đó (nghĩa là với tư cách tín đồ đạo Cơ Đốc) "Prô-tây một lần bị các nhà đương cục bắt bỏ vào tù... Như vậy, chừng nào ông còn bị xiềng gông, những tín đồ đạo Cơ Đốc coi việc ông bị giam là nỗi bất hạnh tầy đình, đã tìm mọi cách có thể có để giải thoát ông, nhưng không thành. Lúc đó bằng mọi cách họ hết sức cố gắng chăm sóc ông. Từ sớm tinh mơ, các bà cụ, các bà vợ góa và trẻ em mồ côi đợi ông ở cổng nhà tù; những tín đồ Cơ Đốc giáo có thế lực hơn, thậm chí còn mua chuộc lính canh ngục và ở lại với ông suốt cả nhiều đêm; họ mang thức ăn đến đó, đọc sách thánh ở chỗ ông. – tóm lại Pê-rê-grin (lúc ấy ông còn mang tên này) yêu quý đối với họ ít ra cũng được coi là Xô-crát mới. Ngay cả đại biểu các giáo khu một số thành thị Tiểu Á cũng đến với ông để tìm cách giúp ông, an ủi ông và đóng vai những người bào chữa cho ông tại tòa án. Thật khó tin là những người ấy ở khắp nơi tỏ ra sẵn sàng một cách nhanh chóng đường nào khi sự thể liên quan đến cộng đồng của họ; lúc đó họ không tiếc công sức lẫn chi phí. Như vậy, lúc đó Pê-rê-grin tới tấp nhận được tiền từ mọi phía, thành thử đối với ông, việc bị giam đã trở thành nguồn thu nhập lớn. Vì rằng những người bất hạnh ấy quả quyết với mình rằng thể xác và linh hồn của họ là bất tử và họ sẽ sống mãi mãi; vì vậy họ coi thường cái chết? Nhiều người trong số họ thậm chí tự nguyện hy sinh thân mình. Hơn thế nữa, chính nhà lập pháp đầu tiên của họ gợi cho họ ý nghĩ rằng tất cả họ sẽ là anh em với nhau, một khi họ tin hướng vào một tín ngưỡng khác, nghĩa là từ bỏ thần thánh Hy Lạp và xoay sang ngưỡng mộ nhà ngụy biện bị đóng đinh câu rút kia và sống theo mệnh lệnh của ông. Vì vậy họ

coi nhẹ tất cả mọi của cải bên ngoài thậm chí họ cùng làm chủ mọi của cải, không cần phân biệt, không cần bất kỳ sự thẩm tra và kiểm chứng nào, theo đúng cái học thuyết mà họ chấp nhận theo niềm tin. Và khi một tên bịp bợm khôn khéo biết lợi dụng hoàn cảnh một cách tinh ranh đến với họ, trong một thời hạn ngắn hắn có thể trở thành con người giàu có, rồi cưới thăm những người thộn này. Tuy vậy, Pê-rê-grin lại được người trị vì Xi-ri lúc ấy thả tự do".

Sau khi mô tả một số chuyện mạo hiểm tiếp theo của ông, tác giả nói tiếp:

"Và thế là tay hảo hán của chúng ta một lần nữa lại" (từ Pa-ri-i) "đi phiêu bạt, và lại thay cho tiền bạc dùng làm lộ phí, ông bằng lòng với thái độ niềm nở của các tín đồ đạo Cơ Đốc đâu đâu cũng bảo vệ ông và nhờ có họ mà ông không thấy thiếu một thứ gì. Một thời gian ông được nuôi dưỡng bằng cách ấy. Nhưng khi ông làm trái luật lệ của các tín đồ đạo Cơ Đốc, — theo tôi, ông đã ăn cái gì đó mà ở chỗ họ bị cấm — thì họ đuổi ông ra khỏi giáo khu của họ" [473].

Khi tôi đọc đoạn này của Lu-xi-an, trước mắt tôi nổi lên biết bao hồi ức về thời trai trẻ! Trước hết là "nhà tiên tri An-brếch" mà khoảng từ năm 1840 trong vòng mấy năm đã thực sự làm cho các công xã cộng sản dưới quyền Vai-tlinh ở Thụy Sĩ xúc động [474]; một người đàn ông to cao, chắc nịch, có râu dài, đi bộ khắp Thụy Sĩ để tìm kiếm người nghe Kinh Phúc âm cứu thế mới bí ẩn của ông; Tuy vậy, đó có lẽ là người lầm cẩm khá vô hại, và chẳng bao lâu sau ông qua đời. Đây là người thừa kế kém vô hại của ông, "t.s" Ghê-oóc Cun-man quê quán Hôn-stê-in, lợi dụng lúc Vai-tlinh ngồi tù để biến các công xã ở vùng Thụy Sĩ nói tiếng Pháp thành Phúc âm *của mình*, và một thời gian ông làm điều này thành công đến mức lôi kéo được ngay cả thành viên có năng lực nhất, tuy phóng đãng nhất trong số các thành viên của công xã là Au-gu-xtơ Bếch-cơ. Ông Cun-man giảng cho họ những bài giảng xuất bản năm 1845 ở Giơ-ne-vơ với nhan đề: "Thế giới mới, tức vương quốc của tinh thần trên trần gian. Tuyên cáo". Và trong lời tựa do các môn đồ của ông (có lẽ do Au-gu-xtơ Bếch-cơ) biên soạn có nói:

"Trước đây chúng ta vẫn thiếu một con người nối lên được tất cả mọi nỗi đau khổ của chúng ta, tất cả mọi nỗi nhọc nhằn và niềm hy vọng của chúng ta — tóm lại, tất cả những gì làm xao xuyến sâu sắc thời đại chúng ta trong tâm sâu thầm kín nhất của nó... Con người mà thời đại chúng ta chờ đợi ấy đã xuất hiện. Đó là tiến sĩ Ghê-oóc Cun-man người Hôn-stê-in. Ông đưa ra học thuyết về thế giới mới, tức là về vương quốc của tinh thần đã thể hiện thành thực tế" [475].

Dĩ nhiên tôi không cần nói thêm rằng học thuyết ấy về thế giới mới chẳng qua là lời mê sảng ủy mị thông thường nhất được bọc trong những câu chữ nửa kinh thánh à la La-men-nê viết với niềm cao ngạo vốn có của các nhà tiên tri. Điều đó không ngăn cản những người chất phác theo Vai-tlinh công kênh kẻ bịp bợm ấy hệt như các tín đồ Cơ Đốc giáo châu Á công kênh Pê-rê-grin. Và chính những con người ấy, những con người với tính chất dân chủ cực đoan và xu hướng bình quân chủ nghĩa đã đi tới cực đoan, tới chỗ thấm sâu niềm hoài nghi không thể vượt qua được đối với mỗi thầy giáo trường phổ thông, mỗi nhà báo, nói chung mỗi người không phải thợ thủ công, coi người đó là "học giả" muốn bóc lột họ — những người ấy đã cho phép con người ông ẹo không tự nhiên Cun-man khêu gợi cho họ rằng trong "thế giới mới", người sáng suốt nhất, idest[1*] Cun-man, sẽ điều tiết sự phân phối của cải, vì vậy ngay bây giờ, trong thế giới cũ, học sinh phải mang lại cho người sáng suốt nhất ấy đầy đủ mọi thứ của cải, còn bản thân họ thì bằng lòng với những mẩu vụn. Và Pê-rê-grin-Cun-man sống tuyệt trần và hết sức hài lòng nhờ vào cộng đồng — chẳng nào điều đó còn tiếp diễn. Dúng là điều đó tiếp diễn không lâu lắm; tiếng kêu ca ngày càng tăng của những người ngờ vực và những người không theo đạo, nguy cơ truy nã của chính phủ bang Va-át

1* — tức là

đã chấm dứt "vương quốc" của tinh thần" ở Lô-đan -và Cun-man biến mất.

Ai đã từng biết thời kỳ đầu của phong trào công nhân châu Âu qua kinh nghiệm bản thân đều sẽ nhớ lại hàng chục trường hợp tương tự như vậy. Hiện nay, những cực đoan như thế, ít ra là ở những trung tâm lớn, không thể có được nữa, nhưng ở những vùng xa xôi, nơi phong trào đang chiếm lĩnh miếng đất mới, một Pê-rê-grin như thế thu nhỏ lại còn có thể trong mong có được thành công tạm thời và hạn hẹp. Và nếu ở tất cả các nước, thâm nhập vào đảng công nhân là những phần tử thuộc đủ mọi loại mà họ không có gì để mong đợi của thế giới chính thức hoặc vận họ đã hết rồi – những người chống chủng đậu, những người chống say rượu, những người ăn chay, những người chống sát sinh, những thầy thuốc dùng cách chữa tự nhiên, những người đã mất đoàn thể của mình nay đi tuyên truyền cho các đoàn thể tự do [476], các tác giả của những lý thuyết mới về nguồn gốc của thế giới, những nhà phát minh không có kết quả hoặc không thành đạt, những nạn nhân của những sự bất công có thực hoặc giả tạo, bị kẻ quan liêu gọi là "bọn vô lại vô tích sự", những người ngu ngốc thật thà và những kẻ lừa bịp bất lương, – thì tình hình những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên cũng y như vậy. Tất cả những phần tử đã bị quá trình tan rã của thế giới cũ gạt bỏ, nghĩa là vứt ra rìa, hết phần tử này đến phần tử khác rơi vào phạm vi thu hút của đạo Cơ Đốc, như là một yếu tố duy nhất chống lại quá trình tan rã ấy – vì bản thân đạo Cơ Đốc là sản phẩm tất yếu của chính nó – và vì thế đã được duy trì và phát triển, trong khi những yếu tố khác chỉ là những con bướm đêm sống được có một ngày. Không có một dạng cuồng tín, ngu ngốc và gian lận nào mà lại không thâm nhập vào những cộng đồng Cơ Đốc giáo trẻ tuổi, mà lại không tìm được, ít ra là ở một số nơi và trong một số thời gian, những người nghe tốt bụng và người hưởng ứng sốt sắng. Và những tổ chức công nhân cộng sản đầu tiên của chúng ta, cũng như những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên, đều cả tin chưa từng thấy đối với tất cả những gì đến với họ, thành thử chúng thậm chí không tin là hiện có đoạn này hay đoạn khác trong "số lớn sách thánh" mà Pê-rê-grin sáng tác cho các tín đồ Cơ Đốc giáo lọt vào Kinh Tân ước của chúng ta hay không.

II

Sự phê phán của người Đức đối với kinh thánh – cơ sở khoa học duy nhất từ trước đến nay của nhận thức chúng ta trong lĩnh vực lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ – đã phát triển theo hai hướng.

Một hướng là *trường phái Tuy-bin-ghen* [477] mà hiểu theo nghĩa rộng, cần phải kể cả Ph. Stơ-rau-xơ. Trong việc nghiên cứu mang tính phê phán, trường phái này đi xa đến mức có thể có đối với trường phái *thần học*. Nó thừa nhận rằng bốn quyển Phúc âm không phải là những chuyện kể của các nhân chứng, mà là những bản chỉnh lý rất lâu về sau của các sách thánh đã bị thất thoát, rằng trong số các sách thánh được cho là do tông đồ Pôn viết ra, sách nguyên bản không quá bốn quyển v.v.. Nó gạt bỏ khỏi sự trần thuật lịch sử tất cả mọi phép màu và tất cả mọi mâu thuẫn, coi đó là điều không thể chấp nhận được; nhưng trong số những điều còn lại, nó tìm cách "cứu những cái còn có thể cứu", và điều này thể hiện rất rõ tính chất của nó với tư cách một trường phái của các nhà thần học. Bằng cách đó, nó đem lại khả năng cho Rê-năng, người dựa phần lớn vào trường phái đó, thông qua cũng phương pháp đó "cứu được" càng nhiều hơn rất nhiều và cố áp đặt cho chúng ta – với tư cách là tư liệu xác thực về mặt lịch sử – ngoài một số lớn chuyện kể rất đáng ngờ của Kinh Tân ước ra, thêm nhiều huyền thoại khác nữa về những người tử vì đạo. Nhưng dù sao thì tất cả những cái trong

kinh Tân ước mà trường phái Tuy-bin-ghen bác bỏ, coi là phi lịch sử hoặc giả tạo, đều có thể coi là hoàn toàn bị gạt bỏ đối với khoa học.

Hướng kia chỉ có một người đại biểu – đó là *Bru-nô Bau-ơ*[478]. Công lớn của ông không chỉ là thẳng tay phê phán các kinh Phúc âm và thông điệp của các tông đồ, mà còn ở chỗ ông là người đầu tiên nghiên cứu nghiêm túc không chỉ các phần tử Do Thái và Hy Lạp – A-lếch-xan-đri, mà cả những phần tử Hy Lạp thuần túy và Hy Lạp – La Mã đã mở đường cho đạo Cơ Đốc trở thành một tôn giáo thế giới. Huyền thoại về đạo Cơ Đốc – mà người ta bảo là ngay lập tức nảy sinh dưới dạng có sẵn từ đạo Do Thái và từ Pa-le-xtin đã chinh phục thế giới bằng giáo lý và đạo đức học được thiết lập vĩnh viễn trên những nét chủ yếu – đã hoàn toàn bị mất uy tín từ thời Bru-nô Bau-ơ; nó chỉ có thể còn sống lay lắt ở các khoa thần học và trong những người muốn "duy trì tôn giáo cho nhân dân", thậm chí có hại cho khoa học. Ảnh hưởng to lớn của trường phái A-lếch-xan-đri của Phi-lông và triết học tầm thường Hy Lạp – La Mã – trường phái Pla-tôn và đặc biệt là trường phái khắc kỷ [479] – đến đạo Cơ Đốc mà dưới thời Công-xtan-tin đã trở thành quốc giáo, hoàn toàn chưa được xác lập trong tất thảy mọi chi tiết, nhưng sự có mặt của ảnh hưởng ấy đã được chứng minh, và đó chủ yếu là công lao của Bru-nô Bau-ơ; ông này đã đặt cơ sở cho việc chứng minh rằng đạo Cơ Đốc không phải được du nhập từ ngoài vào, từ Do Thái, và được áp đặt cho thế giới Hy Lạp – La Mã, mà nó – ít ra là dưới dạng nó trở thành tôn giáo thế giới – là sản phẩm tiêu biểu nhất của thế giới này. Dĩ nhiên, Bau-ơ cũng như tất cả những người đấu tranh với những định kiến thâm căn cố đế, về nhiều mặt đã làm quá đáng. Để trên cơ sở cả các nguồn tư liệu văn học xác định ảnh hưởng của Phi-lông và đặc biệt là của Xê-nê-ca đến đạo Cơ Đốc đang trong quá trình hình thành, để mô tả những

người viết kinh Tân ước là những kẻ trực tiếp đánh cắp văn của những nhà triết học nói trên, Bau-ơ đã phải cho rằng tôn giáo mới ra đời muộn hơn nửa thế kỷ, đã phải vứt bỏ những thông báo của các nhà sử học La Mã không khớp với điều đó và nói chung cho phép mình rất tùy tiện trong việc trình bày lịch sử. Theo ý ông ta, đạo Cơ Đốc như hiện nay thì mãi đến thời các hoàng đế thuộc vương triều Phla-vi mới ra đời, còn sách Tân ước chỉ nảy sinh dưới thời A-đri-an, An-tô-nin và Mác-cơ A-vrê-li. Vì thế ở Bau-ơ không còn bất cứ cơ sở lịch sử nào dành cho các truyền thuyết Kinh Tân ước về Giê-xu và các môn đồ của ông; những truyền thuyết ấy trở thành chuyện thần thoại, trong đó các giai đoạn phát triển bên trong của những giáo khu đầu tiên và cuộc đấu tranh tinh thần bên trong những giáo khu ấy chuyển sang những cá nhân con người ít nhiều được hư cấu. Theo Bau-ơ, nơi sinh của tôn giáo mới không phải là Ga-li-lây và Giê-ru-xa-lem, mà là A-lếch-xan-đrơ và La Mã.

Vậy, nếu trường phái Tuy-bin-ghen, trong phần còn lại của lịch sử Tân ước và tài liệu Tân ước không bị nó bác bỏ, đã đem lại cho chúng ta mức tối đa tột đỉnh những cái mà khoa học hiện nay còn có thể đồng ý thừa nhận là còn tranh cãi, thì Bru-nô Bau-ơ lại cung cấp cho chúng ta mức tối đa những cái mà nó có thể bác bỏ trong lịch sử và tài liệu này. Giữa những giới hạn ấy là chân lý thực sự. Có thể xác định chân lý đó với tư liệu như hiện nay hay không, điều này còn rất nhiều vấn đề. Những cái mới tìm được, đặc biệt là ở La Mã, ở Phương Đông và trước hết là ở Ai Cập sẽ giúp ích trong vấn đề này nhiều hơn rất nhiều so với bất cứ sự phê phán nào.

Song trong Kinh Tân ước có một quyển sách duy nhất có thể xác định thời gian biên soạn của nó với độ chính xác đến mấy tháng nó được viết chắc là vào khoảng giữa tháng Sáu năm 67 và tháng Giêng hoặc tháng Tư năm 68; như vậy, quyển này được viết vào thời gian sớm nhất của đạo Cơ Đốc và phản ánh quan niệm của

các tín đồ Cơ Đốc giáo lúc bấy giờ với một sự chân thật ngây thơ nhất và bằng một đặc ngữ thích hợp; vì vậy để xác định xem đạo Cơ Đốc ban đầu thực tế là gì; theo ý tôi, quyển ấy quan trọng hơn rất nhiều so với tất cả những quyển còn lại của Kinh Tân ước, văn bản những quyển này dưới dạng còn giữ được đến bây giờ được viết muộn hơn rất nhiều. Quyển ấy được gọi là sách Khải thị của thánh I-ô-han, và vì quyển ấy dường như lờ mờ nhất trong toàn bộ Kinh thánh, giờ đây nhờ sự phê phán của người Đức mà trở nên dễ hiểu nhất và rõ ràng nhất, nên tôi muốn thuật lại cho bạn đọc của tôi.

Chỉ cần tìm hiểu sơ qua quyển này là có thể thấy rõ ràng không chỉ tác giả của nó, mà cả "môi trường" tác động của nó đã dễ kích động như thế nào. Quyển "Khải thị" của chúng ta là hiện tượng không phải duy nhất thuộc loại ấy và vào thời ấy. Từ năm 164 trước công nguyên, khi tác phẩm tương tự đầu tiên còn giữ được đến ngày nay, cái gọi là Kinh Da-ni-in, được viết ra đến khoảng năm 250 công nguyên, suýt soát năm ra đời của "Bài ca" Côm-mô-đi-an [480], Ra-nan tính ra ít nhất là mười lăm sách "Khải huyền" kinh điển còn giữ lại được, không kể những bản mô phỏng sau này (Tôi dựa vào Rê-nang vì sách của ông nổi tiếng nhất và dễ tiếp thu hơn cả thậm chí trong giới những người không phải là nhà chuyên môn). Đó là thời mà ngay cả ở La Mã và Hy Lạp, và nhất là ở Tiểu Á, Xi-ri và Ai Cập, mớ pha tạp tuyệt đối không có tính chất phê phán của những tín ngưỡng thô lậu nhất của các dân tộc hết sức khác nhau được tiếp thu vô điều kiện không cần chứng minh và được bổ sung bằng sự lừa bịp, dựa vào lòng ngoan đạo và sự lường gạt; thẳng thừng; thời mà đóng vai trò hàng đầu là phép mầu, sự xuất thần, ảo giác, thần chú, đoán mệnh, thuật luyện đan, pháp thuật [481] và những điều nhảm nhí phù thủy thần bí khác. Bầu không khí lúc đạo Cơ Đốc sơ kỳ ra đời là như vậy, hơn thế nữa, nó nảy sinh giữa những người thuộc giai cấp nhạy cảm hơn bất kỳ giai cấp nào

khác với những điều hão huyền vô lý ấy về các siêu tự nhiên. Như các tài liệu bằng giấy do Lây-đen chứng minh, không phải vô cớ mà những tín đồ Cơ Đốc giáo theo thuyết ngộ đạo[482] ở Ai Cập vào thế kỷ thứ hai công nguyên cần mẫn nghiên cứu phép luyện đan và đưa các quan niệm về thuật luyện đan vào học thuyết của mình. Còn các mathematici[1*] Han-đây và Do Thái mà, theo Ta-xít, đã hai lần – vào thời Clô-đi và, lần thứ hai, vào thời Vi-ten-li – bị đuổi khỏi La Mã về tội làm phù thủy [483], chỉ nghiên cứu môn hình học mà, như chúng ta sẽ thấy, là nội dung cơ bản trong Khải thị của thánh Gioan.

Cần phải thêm vào đó điều sau đây nữa. Tất cả các sách Khải huyền đều cho rằng mình có quyền lừa bịp người đọc. Những sách Khải huyền ấy – như Kinh Đa-ni-in, Kinh E-nốc, các sách Khải huyền của E-đơ-đra, Ba-rúc, Giu-đa v.v., các Kinh Xi-vi-lơ[484] chẳng hạn – thường không chỉ do những người hoàn toàn khác, phần lớn sống muộn hơn rất nhiều so với các tác giả không có thực của chúng viết, mà thêm vào đó trong phần cơ bản của nó chủ yếu tiên đoán về những sự kiện đã xảy ra từ lâu và được tác giả thật biết rất rõ. Thí dụ, vào năm 164, trước khi An-ti-ốc E-pi-phan chết không lâu, tác giả Kinh Đa-ni-in đặt vào miệng Đa-ni-in mà người ta bảo là sống vào thời Na-vu-hô-đô-nô-xo lời tiên đoán về sự hưng thịnh và diệt vong của cường quốc thế giới Ba tư và Ma-xê-đô-ni-a và về sự khởi đầu thống trị thế giới của người La Mã để bằng việc chứng minh sức mạnh tiên tri của mình ấy, làm cho người đọc dễ tiếp thu lời sấm truyền cuối cùng rằng nhân dân I-xra-en sẽ vượt qua tất cả mọi khổ nạn và rốt cuộc sẽ chiến thắng. Như vậy, nếu Kinh Khải thị của Thánh Gioan quả thực là tác phẩm của tác giả phỏng đoán, thì nó sẽ

1* – nhà toán học

là trường hợp ngoại lệ duy nhất trong toàn bộ văn phẩm Khải huyền.

Gioan mà tác giả mạo nhận, dù sao cũng là nhân vật rất được kính trọng trong giới tín đồ Cơ Đốc Tiểu Á. Chứng tỏ điều này là giọng văn trong các thư gửi bảy giáo khu. Do đó, có thể đó là thánh đồ Gioan mà sự tồn tại lịch sử của ông đúng là không xác thực cho lắm, nhưng vẫn rất có thể có. Và nếu tác giả quả thật là thánh đồ ấy, thì điều đó chỉ làm cho quan điểm của chúng tôi vững thêm thôi. Đó sẽ là bằng cứ tốt nhất khẳng định rằng đạo Cơ Đốc trong sách này là đạo Cơ Đốc sơ kỳ đích thực thật sự. Song nhân tiện cần phải nêu lên rằng sách Khải thị dứt khoát không phải của tác giả đã biên soạn Kinh Phúc âm hoặc ba thông điệp mà người ta cũng cho là do Gioan viết.

Khải thị gồm một loạt ứng mộng. Trong ứng mộng thứ nhất xuất hiện Ky-tô mặc áo quần vị linh mục tối cao; Người đi qua bảy cây đèn tiêu biểu cho bảy giáo khu châu Á và đọc cho "Gioan" viết thư cho bảy "thiên sứ" của những giáo khu ấy. Ở đây ngay lúc khởi đầu đã thể hiện rõ nét sự khác nhau *giữa* đạo Cơ Đốc *này* và tôn giáo thế giới của hoàng đế Côn-xtan-tin được giáo đường Ni-cây [485] nêu. Quan niệm Chúa ba ngôi chẳng những chưa được biết đến, ở đây ba ngôi ấy không thể có được. Chúng ta có không phải *một* ngôi thánh như về sau này ta vẫn gặp mà là "bảy vị thần" do người Rô-vin tạo trên cơ sở Kinh I-xai-i, chương XI tiết 2. Ky-tô là con trời, người đầu và cuối, là an-pha và ô-mê-ga, nhưng tuyệt nhiên không phải là bản thân chúa trời hoặc người ngang hàng với chúa trời; trái lại, Người là "khởi đầu của *sự sáng tạo* thần thánh", do đó là sự phát xuất tồn tại vĩnh viễn nhưng có tính chất phụ thuộc của chúa trời, như bảy thần đã nói ở trên. Ở chương XV, tiết 3, những người tử vì đạo hát ở trên trời "bài ca Mô-i-dơ, người nô lệ thần thánh, và bài ca con chiên" để ca ngợi thần thánh. Như vậy, ở đây

Ky-tô không chỉ là thuộc hạ của chúa trời, mà về một mặt nào đó thậm chí là người được đặt ngang cấp bậc với Mô-i-xê. Ky-tô bị đóng đinh câu rút ở Giê-ru-xa-lem (XI, 8) nhưng đã hồi sinh (I, 5, 18); Người là "con chiên" bị hy sinh vì tội lỗi của thế gian và máu của Người chuộc tội trước Chúa cho tín đồ thuộc tất cả mọi dân tộc và mọi ngôn ngữ. Ở đây chúng ta tìm thấy ý tưởng cơ bản nhờ nó mà đạo Cơ Đốc sơ kỳ đã có thể phát triển thành tôn giáo thế giới sau này. Tất cả các tôn giáo thuở ấy của người Xê-nút và người châu Âu đều có cách nhìn nhận chung là có thể dùng vật tế thần làm động lòng những vị thần bị hành vi của con người xúc phạm; ý tưởng cơ bản cách mạng đầu tiên (mượn của trường phái Phi-lông) của đạo Cơ Đốc đối với các tín đồ là một sự hy sinh tự nguyện vĩ đại của một người trung gian đã vĩnh viễn chuộc tội cho tất cả mọi thời đại và mọi người. Vì thế không còn cần bất cứ sự hy sinh tiếp nào, đồng thời cũng sụp đổ cả căn cứ cho nhiều nghi thức tôn giáo; nhưng việc miễn tuân thủ thứ nghi lễ đã gây khó khăn hoặc cấm giao tiếp với những người ngoại đạo, là điều kiện hàng đầu đối với tôn giáo thế giới. Tuy vậy phong tục hiến sinh vật bắt rễ sâu trong phong tục của các dân tộc tới mức đạo Thiên chúa, thứ tôn giáo đã khôi phục nhiều cái thuộc đa thần đến thế, đã cho là cần thích ứng với tình huống này bằng cách thực hành việc dâng lễ vật dù chỉ mang tính chất tượng trưng. Trái lại, đối với giáo lý về tội tổ tông thì trong quyển sách mà chúng tôi phân tích, hoàn toàn không nói một lời nào.

Nhưng điều đáng chú ý nhất trong những thư ấy, cũng như trong toàn bộ quyển sách là: không lúc nào và không chỗ nào tác giả có ý nghĩ gọi mình hoặc những người cùng tín ngưỡng với mình là gì khác ngoài tín đồ đạo Do Thái. Đối với các giáo phái ở Xmiếc-na và Phi-la-đen-phi mà ông công kích dữ dội, ông đưa lời trách mắc như thế này:

"Họ nói về mình rằng họ là tín đồ đạo Do Thái, nhưng họ không phải là như vậy, mà là một nhóm quỷ".

Về các giáo phái Péc-ham, sách đã nói rằng họ theo học thuyết Va-la-am, người đã dạy Va-lác cám dỗ *những người con* của I-xra-en để họ ăn những con vật đã dùng làm đồ tế các thần tượng và ham mê dâm đãng. Vậy, ở đây chúng ta đề cập đến không phải những tín đồ Cơ Đốc giáo giác ngộ, mà đến những người mạo nhận mình là tín đồ đạo Do Thái; quả thật, đạo Do Thái của họ là một nấc thang phát triển mới so với đạo Do Thái trước đây, nhưng chính vì vậy mà nó là duy nhất chân thực. Vì thế khi các thánh xuất hiện trước ngôi chúa thì đi trước tiên là 144 000 người Do Thái mỗi chi phái 12 000 người, sau đó mới đến một khối đông vô số người theo đa thần giáo đã chuyển sang đạo Do Thái đổi mới ấy. Thế mà tác giả của chúng ta vào năm 69 công nguyên ý thức được ít biết mấy rằng ông ta là đại biểu của một giai đoạn phát triển hoàn toàn mới của tôn giáo, giai đoạn sắp trở thành một trong những yếu tố cách mạng nhất trong lịch sử tinh thần của loài người.

Như vậy, chúng ta thấy rằng đạo Cơ Đốc thuở ấy chưa ý thức được chính mình, khác, như trời với đất, với tôn giáo thế giới của giáo đường Ni-cây sau này, được ghi nhận trong các giáo lý; nó không giống đạo Cơ Đốc sau này đến mức độ không thể nhận ra được. Trong nó không có hệ giáo lý lẫn đạo đức học như trong đạo Cơ Đốc về sau; nhưng có cảm giác là đang diễn ra cuộc đấu tranh chống toàn bộ thế giới và cuộc đấu tranh đó đang giành được thắng lợi; có niềm vui tranh đấu và sự vững tin vào thắng lợi mà các tín đồ Cơ Đốc giáo ngày nay đã hoàn toàn mất đi và trong thời đại chúng ta chỉ tồn tại ở cực xã hội khác – ở những người xã hội chủ nghĩa.

Thực ra, cuộc đấu tranh với thế giới có sức mạnh toàn năng ngay từ đầu và đồng thời cuộc đấu tranh giữa những người đối

mới với nhau thì các tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên lẫn những người xã hội chủ nghĩa đều có cả. Cả hai phong trào vĩ đại đều không phải do các lãnh tụ và các nhà tiên tri tạo ra- tuy cả hai đều có đủ nhà tiên tri; cả hai đều là những phong trào quần chúng. Mà các phong trào quần chúng vào buổi đầu thì tất nhiên có tính chất hỗn độn; hỗn độn do chỗ mọi tư duy của quần chúng lúc đầu đều đầy mâu thuẫn, mơ hồ, thiếu gắn bó; song chúng hỗn độn còn vì vai trò mà các nhà tiên tri còn đóng trong những phong trào ấy vào buổi đầu. Tính chất hỗn độn ấy thể hiện ở chỗ hình thành vô vàn giáo phái đấu tranh với nhau ít ra là ác liệt như chiến đấu với kẻ thù ngoại bang chung. Tình hình vào thời đại Cơ Đốc sơ kỳ là như thế, tình hình vào thời kỳ đầu của phong trào xã hội chủ nghĩa là như vậy, dù sao cho điều đó có làm buồn phiền thế nào đi nữa những người tầm thường tốt bụng đã tuyên truyền cho sự thống nhất ở nơi không thể có bất kỳ sự thống nhất nào.

Lẽ nào sự đoàn kết hàng ngũ của Quốc tế đã đạt được nhờ một giáo lý thống nhất nào đó hay sao? Trái lại. Ở đây đã có những người cộng sản theo tinh thần truyền thống Pháp thời kỳ trước năm 1848 và lại cả những sắc thái khác nhau kia; những người cộng sản thuộc trường phái Vai-tlinh và những người cộng sản thuộc loại khác, của Liên đoàn những người cộng sản đã hồi sinh; những người thuộc phái Pru-đông chiếm ưu thế ở Pháp và Bỉ; những người thuộc phái Blăng-ki; Đảng công nhân Đức; cuối cùng, các phần tử vô chính phủ thuộc phái Ba-cu-nin một thời gian ngắn thắng thế ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a – và đó chỉ là những nhóm phái chủ yếu. Từ khi Quốc tế được thành lập cần phải có trọn một phần tư thế kỷ để khắp nơi dứt khoát đoạn tuyệt với các phần tử vô chính phủ và để có thể thiết lập sự thống nhất dù chỉ là về những quan điểm kinh tế chung nhất. Và đấy là với các phương tiện giao thông của chúng ta, trong

điều kiện có đường sắt, điện tín, những thành phố công nghiệp khổng lồ, báo chí định kỳ và mít-tinh quần chúng có tổ chức.

Những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên cũng bị chia xẻ thành rất nhiều giáo phái, điều này chính là phương tiện gây nên các cuộc tranh cãi và bằng cách đó đạt được sự thống nhất sau này. Ngay trong tư liệu của chúng ta, chắc chắn là cổ nhất, của đạo Cơ Đốc, chúng ta đã thấy sự phân chia thành giáo phái ấy, và tác giả của chúng ta chống lại các giáo phái đó một cách không khoan nhượng và kịch liệt như chống lại toàn bộ thế giới tội lỗi bên ngoài. Ở đây trước hết là phái Ni-cô-la – ở Ê-phê-xơ và Péc-ham; tiếp đến là những người nói rằng họ là tín đồ đạo Do Thái, nhưng họ không phải thế, mà là một nhóm quỷ quái – ở Xmiếc-na và Phi-la-đen-phi-a; những người nói họ là sứ đồ nhưng không phải là sứ đồ – ở Ê-phê-xơ; cuối cùng là những người theo nhà nữ tiên tri giả lấy tên là Giê-da-ven – ở Ti-a-ti-ra. Về những giáo phái ấy chúng tôi không biết gì tỉ mỉ hơn, riêng về những môn đồ của Va-la-am và Giê-da-ven thì có nghe nói rằng họ ăn những lễ vật dâng tượng thánh và ham mê sắc dục. Tất cả năm giáo phái ấy đều coi những môn đồ của Pôn là tín đồ Cơ Đốc giáo, coi tất cả những lời kêu gọi đó là những lời kêu gọi nhằm chống Pôn, sứ đồ giả, Va-lam và "Ni-cô-la" hư ảo. Rơ-năng đã tập hợp được những luận cứ tương ứng rất ít tính thuyết phục, "Thánh Pôn", Pa-ri, 1869, tr. 303-305, 367-370[486]. Tất cả những luận cứ ấy chung quy muốn giải thích những lời kêu gọi đó xuất phát từ sự nghiệp của các sứ đồ và từ cái gọi là các thông điệp của Pôn được viết muộn hơn Khải thị ít ra là 60 năm; do vậy những tư liệu thực tế chứa đựng trong chúng không chỉ cực kỳ đáng ngờ, mà hơn thế nữa chúng còn mâu thuẫn với nhau. Song điều có tính chất quyết định là, có ý kiến rằng, tác giả của chúng ta không thể nảy ra ý nghĩ đặt năm tên gọi khác nhau cho cùng một giáo phái, hơn nữa hai tên gọi cho một

Ê-phê-xơ duy nhất (sử đồ giả và người thuộc giáo phái Ni-cô-la), cho Péc-ham cũng hai tên gọi (người thuộc giáo phái Va-la-am và người thuộc giáo phái Ni-cô-la), và trong mỗi trường hợp lại hoàn toàn rõ ràng như cho hai giáo phái khác nhau. Và lại, không nên phủ nhận khả năng có cả những phần tử mà ngay nay có thể gọi là những tín đồ theo Pôn gia nhập những giáo phái ấy.

Trong hai trường hợp có nêu một số chi tiết, sự buộc tội quy vào việc dùng súc vật đã đem tế thần làm thức ăn và việc gian dâm – hai điểm mà người Do Thái – người cổ đại, cũng như tín đồ Cơ Đốc giáo – đã tiến hành tranh cãi mãi mãi với những người đa thần giáo đã hướng về đạo Do Thái. Đối với những người đa thần giáo đó, thịt của những súc vật đã hiến tế không chỉ được đưa ra bàn ăn ngày lễ mà nếu từ chối sự khoản đãi là khiếm nhã, mà còn có thể trở nên nguy hiểm, thịt ấy cũng được bán trên các chợ, nơi không phải lúc nào cũng có thể biết được nó có theo quy tắc tôn giáo hay không. Còn gian dâm thì người Do Thái hiểu không chỉ là quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, mà cả hôn nhân giữa những người họ hàng, mức độ thân thuộc của họ theo luật Do Thái cũng không cho phép họ làm thế, cũng như hôn nhân giữa tín đồ đạo Do Thái và người đa thần giáo; từ này trong chương XV tiết 20 và 29 Sự nghiệp các sứ đồ thường được lý giải chính là với ý tứ ấy. Nhưng ông Gioan của chúng ta có cách nhìn nhận riêng cả về những quan hệ tình dục được phép đối với tín đồ đạo Do Thái chính thống. Ở chương XIV, tiết 4, ông nói về 144 000 người Do Thái sống trên thiên đường:

"Đó là những người không xúc phạm phụ nữ, vì họ là trai tân".

Thực ra, trên trời của ông Gioan của chúng ta không có lấy một phụ nữ. Do đó, ông thuộc khuynh hướng nhiều khi chúng ta gặp cả trong những tác phẩm khác của đạo Cơ Đốc ban đầu, khuynh hướng nói chung coi quan hệ tình dục là tội lỗi. Và nếu chúng ta còn chú ý thêm rằng ông gọi La Mã là nơi đại dâm đãng mà các vua chúa trần gian tạo ra sự gian dâm với nó, say

vì men rượu của sự gian dâm, còn thương nhân trần gian của họ giàu lên nhờ sự đại trụy lạc của nó, thì chúng ta không thể nào hiểu được từ nói trên với nghĩa hẹp mà giới bào chữa thần học muốn đem lại cho nó để qua đó moi ra được lời khẳng định cho việc lý giải những chỗ khác trong kinh Tân ước. Trái lại, những chỗ đó trong các thư chỉ rõ một hiện tượng chung cho tất cả mọi thời đại có những chấn động sâu sắc, cụ thể là chỉ ra rằng bên cạnh tất cả những trở ngại khác, những sự cấm đoán truyền thống về quan hệ tình dục cũng đang lung lay. Và trong những thế kỷ đầu tiên của đạo Cơ Đốc, bên cạnh chủ nghĩa khổ hạnh trừ diệt nhục dục còn thể hiện khá thường xuyên xu hướng đưa vào khái niệm tự do của đạo Cơ Đốc cả những quan hệ ít nhiều vô hạn độ giữa đàn ông và đàn bà. Tình hình trong phong trào xã hội chủ nghĩa hiện nay cũng vậy. Vào những năm ba mươi ở nước Đức lúc bấy giờ, cái nước Đức "ấu trĩ có đức hạnh"[1*] ấy sự "réhabilitation de la chair"[2*] theo Xanh - Xi-mông,– mà trong bản dịch tiếng Đức đã biến thành sự "khôi phục nhục dục" ["Wiedereinsetzung des Fleisches"] đã gây nổi kinh khủng khó tin đường nào ! Và kinh hoàng hơn cả chính là những giai tầng cao thượng thống trị lúc bấy giờ (thời đó ở nước ta chưa có giai cấp) mà ở Béc-lin, cũng như ở trang trại của mình, họ không thể sống nổi một ngày nếu không thường xuyên phục hồi xác thịt của mình ! Những người đáng kính ấy mà còn biết cả Phu-ri-ê, người đã đề ra cho xác thịt không phải những điều quá trớn như vậy, thì sẽ ra sao ! Theo quá trình khắc phục chủ nghĩa không tưởng, những điều lố lăng ấy đã nhường chỗ cho những khái niệm cấp tiến hơn và trong thực tế cấp tiến hơn rất nhiều;

1* Lấy trong bài thơ "Yên tâm" của Hai-nơ

2* – "sự minh oan cho xác thịt"

và từ khi nước Đức từ chỗ là nước Đức "ấu trĩ có đức hạnh" của Hai-nơ phát triển thành trung tâm của phong trào xã hội chủ nghĩa – sự phẫn nộ đạo đức giả của tinh hoa cao cấp mộ đạo chỉ làm trò cười cho thiên hạ mà thôi.

Tất cả những giáo lý chứa đựng trong các bức thư là như vậy. Trong những điều còn lại, đó là lời nồng nhiệt kêu gọi giáo hữu hàng hái tuyên truyền, mạnh dạn và kiêu hãnh tuyên bố mình là người kiên trì tín ngưỡng của mình trước mắt đối thủ, đấu tranh không mệt mỏi chống kẻ thù bên ngoài và bên trong – và, vì đây là nói đến điều ấy, những thư kêu gọi đó có thể được một người nhiệt tình có đầu óc tiên đoán nào đó trong Quốc tế viết cũng thành công y như vậy.

III

Các bức thư kêu gọi chỉ là phần mào đầu cho đề tài cơ bản là ông Gioan của chúng ta thông báo cho bảy giáo khu Tiểu Á và, qua họ, cho đạo Do Thái năm 69 đã được cải cách còn lại mà từ đó sau này đạo Cơ Đốc phát triển lên. Và ở đây chúng ta bước vào đề tài thiêng liêng nhất của đạo Cơ Đốc ban đầu.

Những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên được tuyển trong số những người nào ? Chủ yếu là trong số "những người đau khổ và bất hạnh" thuộc những tầng lớp nhân dân thấp nhất, như yêu cầu đối với một phần tử cách mạng. Thế các tầng lớp nhân dân thấp nhất gồm những ai ? Ở thành thị, đó là những người tự do thuộc đủ mọi loại đã bị phá sản, như những mean whites[1*] của các bang chiếm hữu nô lệ miền Nam hoặc những người lang bạt châu Âu và các phần tử phiêu lưu ở các cảng thuộc địa và cảng Trung Hoa, rồi đến những người được thả tự do và đặc biệt là những người nô lệ; ở các đại điền trang I-ta-li-a, Xi-xin, châu Phi – là những người nô lệ; ở các vùng nông thôn tỉnh lẻ là những tiểu nông ngày càng rơi vào cảnh nô lệ vì nợ nần. Đối với tất cả những phần tử ấy tuyệt đối không có con đường chung nào đi tới giải phóng. Đối với tất cả họ thì thiên đường đã mất, đã nằm

1*. người nghèo da trắng

lại đằng sau; đối với những người tự do đã bị phá sản, đó là thành bang cũ, vừa là thành thị vừa là quốc gia, trong đó tối tiên họ có hồi là công dân tự do; đối với những nô lệ làm tù binh, đó là cuộc sống tự do trước kia, trước khi bị bắt làm tù binh và bị nô dịch; đối với tiểu nông, đó là chế độ thị tộc và chế độ cộng đồng chiếm hữu ruộng đất đã bị thủ tiêu. Tất cả những cái đó đã quét khỏi mặt đất nắm đấm sắt thép cào bằng của người La Mã đi xâm chiếm. Những tập đoàn xã hội lớn nhất mà thời cổ đại đã đạt tới là bộ lạc và liên minh các bộ lạc thân thuộc; ở người dã man, cơ sở tổ chức của họ là các mối liên hệ họ hàng; ở người Hy Lạp và người La Mã đã lập các thành thị, cơ sở tổ chức của họ là thành bang bao quát một hoặc một số bộ lạc. Phi-líp và A-léch-xan-đrơ đã làm cho bán đảo cổ Hy Lạp thống nhất về chính trị, nhưng điều đó chưa tạo dựng được dân tộc Hy Lạp. Dân tộc chỉ có thể có được do sự sụp đổ của nền thống trị thế giới của La Mã. Sự thống trị đó đã chấm dứt vĩnh viễn những liên minh nhỏ; bạo lực quân sự, ngành tư pháp La Mã, bộ máy thu thuế đã phá hủy hoàn toàn tổ chức nội bộ cổ truyền. Đã mất độc lập và tổ chức độc đáo, lại thêm các hành động bạo lực, vơ vét của các nhà chức trách quân sự và dân sự lúc đầu tước của cải của những người bị chinh phục rồi lại cho họ vay với lãi xuất cắt cổ để đem lại cho họ khả năng trả được những khoản thuế má, đóng góp khác. Gánh nặng thuế khóa và nhu cầu về tiền bạc do thuế khóa gây ra ở những địa phương chỉ có kinh tế tự nhiên hoặc kinh tế tự nhiên chiếm ưu thế, đã đẩy nông dân ngày càng sâu vào cảnh lệ thuộc vào những kẻ cho vai nặng lãi, đẻ ra những sự khác biệt lớn về tài sản, làm cho người giàu giàu thêm, đẩy người nghèo đến cảnh cùng khổ hoàn toàn. Mà mọi sự chống đối của một số bộ lạc và thành phố nhỏ đối với đại cường quốc thế giới La Mã đều vô vọng. Vậy đâu là lối thoát, đâu là sự cứu vãn đối với những người bị nô dịch, người bị áp bức và người bị rơi vào cảnh bần cùng – lối thoát

chung cho tất cả những lớp người khác nhau với lợi ích xa lạ hoặc thậm chí đối lập nhau ấy ? Và vẫn cần tìm ra lối thoát như vậy để tất cả họ đều được một phong trào cách mạng vĩ đại thống nhất cuốn hút.

Lối thoát như vậy đã tìm được rồi. Nhưng không phải ở thế gian này. Với tình hình hiện nay, lối thoát chỉ có trong lĩnh vực tôn giáo. Và lúc ấy đã mở ra một thế giới khác. Sự tiếp tục tồn tại của linh hồn sau khi thể xác chết đã dần dần trở thành một yếu tố tín ngưỡng được mọi người thừa nhận ở khắp nơi trong thế giới La Mã. Hệt như vậy, niềm tin vào sự đền đáp hoặc sự trừng phạt đối với linh hồn người chết về những hành vi đã làm trên thế gian cũng ngày càng được nhiều người chấp nhận. Vả lại tình hình việc đền đáp khá khả nghi; thế giới cổ đại có chủ nghĩa duy vật tự phát quá nhiều nên nó đánh giá đời sống trần gian cao hơn vô hạn so với đời sống ở cõi âm. Ở người Hy Lạp, đời sống âm phủ bị coi đúng ra là nỗi bất hạnh. Nhưng rồi đạo Cơ Đốc xuất hiện, nó thực sự chấp nhận sự báo đáp và sự trừng phạt ở thế giới bên kia, đã tạo ra thiên đường và địa ngục, và đã tìm được lối thoát đưa những người đau khổ và người bất hạnh từ đời sống thống khổ trên trần gian lên thiên đường vĩnh cửu. Và trong thực tế, chỉ có bằng hy vọng vào sự đền đáp ở thế giới bên kia mới có thể nâng từ sự từ bỏ thế giới theo thuyết khắc kỷ của Phi-lông và chủ nghĩa cấm dục lên thành một trong những nguyên tắc đạo đức cơ bản của tôn giáo thế giới, mới có khả năng cuốn hút quần chúng nhân dân bị áp bức.

Nhưng thiên đường xa vời ấy tuyệt nhiên không mở ra cho người theo đạo ngay sau khi chết. Chúng ta sẽ thấy rằng vương quốc thần thánh mà thủ đô là Giê-ru-xa-lem mới chỉ được chiếm lĩnh và mở toang sau cuộc đấu tranh ác liệt với các thế lực của địa ngục. Song trong quan niệm của những tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên, cuộc đấu tranh đó sẽ đến trong một tương lai gần. Ông

Gioan của chúng ta ngay từ đầu nhận xét quyển sách của mình là sự phát lộ "cái chẳng bao lâu nữa ắt phải đến"; tiếp theo đó trong câu thơ thứ ba, ông thông báo:

"Sung sướng thay người đọc và nghe những lời tiên tri này, vì *thời gian đã gần rồi*".

Cri-xtơ ra lệnh viết cho giáo khu ở Phi-la-đen-phi: "Hãy xem, tôi đến *ngay*". Còn ở chương cuối, thiên sứ nói rằng ông chỉ ra cho Gioan "cái *chẳng bao lâu nữa* ắt phải đến" và ra lệnh cho ông ta:

"Ngươi đừng niêm phong những lời tiên tri của sách này, vì thời gian *đã gần rồi*".

Còn bản thân Ky-tô thì nói hai lần (câu thơ 12 và 20): "Tôi đến *ngay*". Sự trình bày tiếp theo sẽ cho chúng ta thấy việc đến ấy đã tới nhanh chóng như thế nào.

Những ảo ảnh kinh khủng mà giờ đây tác giả phơi bày trước chúng ta hoàn toàn là vay mượn, phần lớn là lấy nguyên văn, từ những kiểu mẫu sớm hơn. Chúng được vay mượn một phần ở các nhà tiên tri kinh điển của Kinh cựu ước, đặc biệt là ở I-ê-đê-kin, một phần từ các sách Khải huyền Do Thái giáo muộn hơn, được biên soạn theo mẫu Kinh Da-ni-in, đặc biệt là từ Kinh E-nốc lúc đó đã viết rồi, ít ra là một phần. Sự phê phán đã xác định một cách hết sức chi tiết rằng Gioan của chúng ta đã vay mượn từ đâu mỗi bức tranh, mỗi điềm dữ, mỗi tai họa giáng xuống người không theo đạo, – tóm lại, vay mượn từ đâu toàn bộ tài liệu của sách mình: thành thử Gioan không chỉ phát hiện sự nghèo nàn hết sức về mặt tinh thần, mà còn cho thấy rõ ràng ngay cả trong trí tưởng tượng, ông cũng không cảm thấy sự phấn chấn cao độ và ảo ảnh giả của mình như ông mô tả chúng.

Trình tự của những ảo ảnh đó nói vắn tắt như thế này. Lúc đầu Gioan thấy Chúa ngồi trên ngai, tay cầm quyển sách có bảy dấu niêm phong, trước mặt Người là con chiên (Ky-tô) bị giết nhưng đã sống lại, được thừa nhận là xứng đáng bóc niêm phong.

Khi bóc chúng thì diễn ra đủ loại điềm kỳ lạ đáng sợ. Khi bóc dấu niêm phong thứ năm, Gioan thấy dưới bàn thờ Chúa linh hồn của những người tử vì đạo Cơ Đốc bị giết vì lời của Chúa, và họ hô to:

"Lạy Chúa, Chúa không phán xét và không báo thù những người sống trên trần gian về sự đổ máu của chúng tôi đến bao giờ ?"

Sau đó người ta đưa cho họ áo quần trắng và khuyên họ đợi thêm một ít nữa vì cần có thêm nhiều người tử vì đạo nữa bị giết. – Vậy, cả ở đây cũng chưa có chuyện "tôn giáo tình yêu", chuyện hô hào: "Hãy yêu kẻ thù của mình, hãy cầu phúc cho những người thù ghét chúng ta" v.v.; ở đây thuyết giáo sự trả thù, sự trả thù không che đậy, sự trả thù lành mạnh, chính đáng đối với những kẻ bức hại các tín đồ Cơ Đốc giáo. Và cứ thế trong toàn bộ cuốn sách. Khủng khoảng ập đến càng gần, tai nạn và trừng phạt từ trên trời giáng xuống càng thường xuyên, thì Gioan của chúng ta càng vui vẻ báo tin rằng một khối rất đông người chưa muốn sám hối về tội lỗi của mình, rằng thêm nhiều ngọn roi mới của Chúa sẽ giáng xuống họ, rằng Cri-xtơ phải chặn họ bằng gậy sắt và giẫm đạp hòn dái mài chất rượu giận dữ và phẫn nộ của Chúa toàn năng, nhưng những người không mộ đạo vẫn sẽ kiên gan bền lòng. Đó là cảm giác tự nhiên, không có bất kỳ sự giả dối nào về việc đang diễn ra cuộc đấu tranh và à la guerre comme à la guerre[1*]. Khi bóc dấu niêm phong thứ bảy thì xuất hiện bảy thiên thần cầm kèn; mỗi khi một trong số họ thổi kèn đều diễn ra những điềm đáng sợ mới. Sau khi thiên thần thứ bảy thổi kèn xong trên sân khấu xuất hiện thêm bảy thiên thần cầm bảy bát phẫn nộ của Chúa trút xuống trái đất; lại những tai họa và trừng phạt mới, về cơ bản đó phần lớn là sự lặp đi

1* – đành chấp nhận những khó khăn gian khổ do hoàn cảnh đề ra.

lập lại chán ngắt những điều đã nói nhiều lần. Rồi xuất hiện bà vợ – Ba-bi-lon, người đàn bà đại dâm đãng mặc áo quần đỏ rực ngồi trên nước uống say máu các Thánh và những người tuẫn giáo In-xút; đó là một thành phố lớn trên bảy ngọn đồi, ngự trị tất thảy các vua chúa trên trái đất. Bà cưỡi con thú bảy đầu mười sừng. Bảy đầu biểu thị bảy quả đồi, cũng như bảy "vua". Trong số vua ấy, có năm vua đã ngã xuống, một vị còn, vị thứ bảy chưa đến, sau vị này còn một vị trong số năm vị đầu, bị thương nguy kịch nhưng đã chữa khỏi sẽ đến. Vị này sẽ trị vì trên trần gian 42 tháng, tức 3½ năm (một nửa của bảy năm thiêng liêng), sẽ truy bức các tín đồ, giết chết họ, và sẽ ngự trị trạng thái không có thần thánh. Nhưng tiếp theo đó sẽ là một trận đánh quyết liệt lớn; các Thánh và những người tử vì đạo sẽ bị báo thù bằng việc phá hủy nữ dâm đãng Ba-bi-lon và tất cả những người theo bà ta, nghĩa là một khối rất đông người; quỷ sẽ bị đẩy xuống địa ngục và bị giam ở đấy một nghìn năm, ngự trị trong thời gian đó sẽ là Ky-tô cùng với những người đã phục sinh trong số các vị tuẫn giáo chết. Nhưng mãn hạn nghìn năm, quỷ lại được thả ra, và sẽ xảy ra cuộc đại giao tranh mới của các thần linh, trong đó quỷ sẽ bị đánh bại hoàn toàn. Sau đó tiếp diễn sự hồi sinh thứ hai cho người chết, khi ấy cả những người chết còn lại sẽ tỉnh dậy và sẽ đứng trước tòa án của Chúa (xin chú ý: Chúa, chứ *không phải* Ky-tô !), và tín đồ sẽ bước vào những khoảng trời mới, vào một trần thế mới và vào Giê-ru-da-lem mới để sống vĩnh hằng.

Vì tất cả những điều đó được xây dựng chỉ trên tài liệu Do Thái giáo – tiền Cơ Đốc giáo, nên ở đây hầu như chỉ chứa đựng những quan niệm thuần túy Do Thái giáo. Từ khi nhân dân Do Thái ở thế giới này bước vào những thời buổi nặng nề, từ việc bị người Ắt-xi-ri và người Ba-li-lon bắt nộp cống vật, cả hai vương quốc, I-xra-en và Giu-đây, cho đến khi bị dòng họ Xê-lép-ki-đư

dịch, có nghĩa là từ I-xai-a đến Da-ni-en, mỗi lần gặp tai họa đều có tiên đoán sự xuất hiện của vị cứu tinh. Ở Kinh Da-ni-in, chương XII, tiết 1 – 3, thậm chí có lời tiên đoán sự giáng thế của Mi-kha-in, thiên thần hộ mệnh của người Do Thái sẽ cứu họ thoát khỏi đại họa; nhiều người chết sẽ sống lại, sẽ có một cuộc phán xét khủng khiếp thuộc loại đặc biệt, và những vị thầy dạy nhân dân đi vào con đường chính nghĩa, sẽ mãi mãi tỏa sáng như sao. Cái thuộc Cơ Đốc giáo trong Khải thị của Gioan chỉ là sự nhấn mạnh rõ nét việc sắp tới giang sơn của Cri-xtơ và cảnh hoan lạc của những người theo đạo đã hoàn sinh, chủ yếu là những người tử vì đạo.

Chúng tôi có thể giải thích sự tiên đoán đó trong chừng mực nó có quan hệ với những sự kiện thời ấy là nhờ giới phê phán Đức, đặc biệt là E-van-đơ, Luých-cơ và Phéc-đi-năng Bê-na-ri. Nhờ Rê-năng mà sự giải thích đó cũng trở nên dễ hiểu đối với cả giới vô thần. Việc đại dâm phụ Ba-li-lon có nghĩa là La Mã – thành phố trên bảy quả đồi, – điều này chúng ta đã thấy rồi. Về con thú bà ta cưỡi, ở chương XVII, tiết 9 – 11 có nói như sau:

"bảy cái đầu" (của con thú) "là bảy quả núi mà người đàn bà ngồi trên đó và bảy ông vua: trong số họ bảy vị đã ngã xuống, một người còn, một người khác chưa đến và khi ông ta đến thì ông ta ở không lâu. và con thú vừa có vừa không có, là vị thứ tám và là một trong số bảy vị và sẽ đi vào cõi chết".

Ở đây con thú ở nghĩa là sự thống trị thế giới của La Mã lần lượt được bảy hoàng đế đại diện, trong đó một vị bị thương thập tử nhất sinh và không trị vì nữa, nhưng đã được chữa khỏi và sẽ quay trở lại để, với tư cách vị thứ tám, thiết lập vương quốc báng bổ Chúa và phạm Thánh. Vị này sẽ được phép

"tiến hành chiến tranh với các Thánh và chiến thắng họ, và tất cả mọi người sống trên trái đất mà tên tuổi không được viết trong sổ sinh mệnh ở con chiên sẽ tôn thờ vị đó; tất cả mọi người lớn nhỏ, giàu nghèo, tự do và nô lệ đều sẽ phải xăm

con thú trên tay phải họ hoặc trên trán họ, và không ai có thể mua, cũng không ai có thể bán, trừ người có hình xăm ấy, hoặc tên của con thú, hoặc số tên của nó. Ở đây có sự anh minh. Ai có trí tuệ thì hãy đọc số của con thú, vì đó là số của con người. Số của nó là 666" (chương XIII, tiết 7 – 18).

Chúng tôi chỉ xác nhận rằng, như vậy, ở đây nhắc đến sự tẩy chay với tư cách một trong những biện pháp mà cường quốc thế giới La Mã đã sử dụng để chống các tín đồ Cơ Đốc giáo, – do đó, rõ ràng đấy là sự phát minh ra quỷ, – và chúng ta chuyển sang vấn đề: vậy ai là vị hoàng đế La Mã ấy, người đã một lần trị vì, đã bị thương chí tử và biến mất, nhưng sẽ trở lại với tư cách là người thứ tám theo thứ tự và sẽ đóng vai trò người chống Cri-xtơ.

Coi Au-gu-xtơ là vị thứ nhất, vị thứ hai là Ti-bê-ri, vị thứ ba là Ca-li-gu-la,vị thứ tư là Clô-đi, vị thứ năm là Nê-rôn, vị thứ sáu là Gan-ba. "Năm vị đã ngã xuống, một vị còn". Nghĩa là Nê-rôn đã ngã xuống, Gan-ba thì còn. Gan-ba trị vì từ ngày 9 tháng Sáu 68 đến ngày 15 tháng Giêng 69. Nhưng tiếp theo việc ông lên ngôi thì các đội lê dương ở vùng Ranh nổi dậy dưới sự chỉ huy của Vi-ten-li, trong khi ở những tỉnh khác, các cuộc bạo động quân sự do những tướng lĩnh khác chuẩn bị. Ở ngay La Mã, lính cận vệ đã nổi loạn, giết chết Gan-ba và phong Ô-tôn làm hoàng đế.

Từ đó thấy rằng Khải thị của chúng ta được viết vào thời trị vì của Gan-ba. Chắc là vào cuối thời cai trị của Gan-ba hoặc là sau này, vào thời trị vì ba tháng (đến ngày 15 tháng Tư 69) của Ô-tôn – "vị thứ bảy". Nhưng thế thì ai là vị thứ tám vừa có vừa không có ? Điều này số 666 vạch cho chúng ta thấy.

Ở dân tộc Xê-mít – người Han-đây và người Giu-đây – lúc ấy lưu hành ma thuật dựa trên ý nghĩa kép của các chữ cái. Khoảng 300 năm trước công nguyên, các chữ cái cổ Do Thái cũng bắt đầu được dùng làm con số: a = 1, b = 2, g = 3, d = 4, v.v.. Những nhà tiên tri dự đoán nhờ pháp thuật, đã tính tổng số giá trị chữ số của các chữ cái trong một tên nào đó rồi tiên đoán; thí dụ, tạo những từ hoặc cụm từ với cùng một trị số như vậy, họ rút ra cho người mang tên ấy những kết luận về hậu vận của người đó. Họ cũng dùng ngôn ngữ các con số để biểu đạt những lời bí mật v.v.. Người ta gọi nghệ thuật đó bằng từ Hy Lạp gematriah, hình học, kỹ hà học. Những người Han-đây hành nghề đó và được Ta-xít gọi là mathematici, dưới thời Clau-đi và sau này dưới thời Vi-ten-li, đã bị đuổi khỏi La Mã, chắc vì "những việc làm càn quấy thô bỉ".

Chính thông qua toán học như vậy cũng đã nảy sinh con số 666 của chúng ta. Dàng sau con số này ẩn giấu tên của một trong năm hoàng đế đầu tiên của La Mã. Nhưng vào cuối thế kỷ thứ hai, ngoài con số 666 ra, I-ri-nây còn biết một biến thể nữa – số 616, xuất hiện nói chung là vào lúc nhiều người chưa biết bí ẩn của con số đó[487]. Nếu lời giải cần tìm thích hợp như nhau với cả hai con số đó, thì như vậy lời giải đó sẽ được kiểm nghiệm.

Lời giải đó đã được Phéc-đi-năng Bê-na-ri ở Béc-lin đưa ra. Tên đó là Nê-rôn. Con số dựa trên נרונקסר, Nê-rôn hoàng đế, nghĩa là dựa trên cách viết cổ Do Thái của các từ Hy Lạp Nêron Kaisar, hoàng đế Nê-rôn, được xác nhận bằng pháp điển Do Thái và chữ đề Pan-mia, – những từ dưới dạng chữ đề ghi trên tiền Nê-rôn đúc ở nửa phía đông của đế quốc. Cụ thể là: n (nun) = 50; r (resch) = 200; w (waw) là 0 = 6; n (nun) = 50; k (koph) = 100; s (samech) = 60; r (resch) = 200; tổng cộng = 666. Còn nếu chúng ta lấy cách viết la-tinh Nero Caesar làm cơ sở, thì không còn nun thứ hai = 50 nữa, và chúng ta có 666 – 50 = 616, nghĩa là biến thể I-ri-nây.

Quả thật, vào thời Gan-ba, toàn thể Đế quốc La Mã lâm vào một cuộc rối loạn đường đột. Bản thân Gan-ba đứng đầu các đội

lê dương Tây Ban Nha và Gan-lơ tiến về La Mã để lật đổ Nê-rôn; Nê-rôn bỏ chạy và ra lệnh cho một trong những nô lệ được thả tự do giết ông. Nhưng tham gia âm mưu chống Gan-ba không chỉ có cận vệ binh ở La Mã, mà còn có cả những người chỉ huy quân sự ở các tỉnh; khắp nơi đều có những người mới đòi lên ngôi, ráp ranh cùng các đội lê dương của mình tiến về thủ đô. Đế quốc La Mã dường như bị rơi vào ảnh hưởng của cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, sự tan rã của nó dường như đã gần kề. Thêm vào đó lan truyền tin đồn, đặc biệt là ở miền Đông, rằng Nê-rôn không bị giết, mà chỉ bị thương thôi, rằng ông đã chạy đến với người Pác-ti-a và sẽ đem quân từ Ô-phrát trở về để bắt đầu một nền cai trị mới, càng đẫm máu hơn và khủng khiếp hơn. A-khai-a và A-đi-a đặc biệt lo sợ trước những tin tức ấy.Và có lẽ vừa vặn vào khoảng thời gian sách Khải thị đã viết xong thì xuất hiện Nê-rôn giả với số người theo khá đông lập nghiệp ở Pát-mốt và Tiểu Á, trên đảo Kít-nốc trên biển Ê-giê (nay là Téc-mi), khi – vẫn dưới thời Ô-tôn – ông ta chưa bị giết. Có thể ngạc nhiên hay không trước việc trong những tín đồ Cơ đốc giáo mà Nê-rôn đã thi hành việc bức hại nghiêm trọng đầu tiên lan truyền ý kiến rằng ông sẽ trở về với tư cách là người chống Ky-tô và việc ông trở lại cùng mưu toan càng kiên trì hơn nữa – tất yếu liên quan với điều đó – tìm cách hủy diệt đẫm máu giáo phái mới, sẽ là triệu chứng và bước dạo đầu cho sự giáng thế thứ hai của Ky-tô, một trận chiến đấu tất thắng vì đại với các thế lực của địa ngục, cho việc thiết lập "nhanh chóng" vương quốc ngàn năm, mà lòng vững tin là nó sẽ đến đã cho phép những người tử vì đạo vui vẻ chấp nhận cái chết ?

Văn đàn Cơ Đốc giáo và văn đàn chịu ảnh hưởng của đạo Cơ Đốc của hai thế kỷ đầu cung cấp những điều chỉ dẫn đủ để nhiều người lúc bấy giờ biết được bí mật của con số 666. Đúng là I-rê-nây không còn biết được bí mật ấy nữa, nhưng ông, cũng như nhiều người khác sống đến tận cuối thế kỷ thứ ba, đã biết rằng con thú trong sách Khải huyền được hiểu ngầm là Nê-rôn đang trở về. Rồi dấu vết đó cũng mất đi, và tác phẩm mà chúng ta đang xét bị những người chính thống tiên đoán hậu vận lý giải một cách hoang đường. Thuở bé bản thân tôi còn biết có những cụ già theo gót lão I-ô-han An-brếch Ben-ghen chờ đợi sự tận thế và sự phán xét khủng khiếp sẽ đến vào năm 1836. Lời sấm truyền đó đã trở thành sự thực, và đúng vào năm ấy. Nhưng có điều sự phán xét khủng khiếp không phải đối với thế giới tội lỗi, mà đối với chính những người lý giải sách Khải thị một cách thành kính. Vì chính vào năm 1836 Ph. Bê-na-ri đã đem lại chiếc chìa khóa để hiểu số 666 và bằng cách đó đã chấm dứt một cách khủng khiếp mọi thủ đoạn sử dụng con số của các nhà tiên tri, sử dụng gematriah mới đó.

Về giang sơn trên trời chờ đón người theo đạo, Gioan của chúng ta chỉ có thể mô tả hết sức hời hợt. Giê-ru-xa-lem mới khá lớn, ít ra là theo quan niệm thời ấy; nó tạo nên một hình vuông, mỗi cạnh bằng 12 nghìn xtát = 2227 *km*, do đó diện tích gần 5 triệu-ki-lô-mét vuông, hơn một nửa nước Mỹ; nó được xây dựng bằng vàng ròng và đá quý. Ở đây Chúa sống giữa những người trung thành với mình, Chúa thay mặt trời chiếu sáng cho họ, và ở đây không còn cái chết, cũng không còn đau buồn, đau khổ nữa; dòng nước tăng sức sống chảy qua thành phố, hai bờ mọc những cây đời cho mười hai lần quả chín hàng tháng; còn lá thì dùng để chữa bệnh cho những người đa thần giáo (theo ý Rê-nâng, đó là loại chè trị bệnh. "Chống Ky-tô", tr. 542)[488]. Các thánh sống ở đây vĩnh viễn.

Theo chúng tôi được biết , đạo Cơ Đốc ở Tiểu Á, vương đô chủ yếu của nó, vào khoảng năm 68 là như vậy. Cùng không có cả dấu tích của bộ ba vị thánh – trái lại, Giê-hô-va cũ thống nhất và không thể chia cắt của đạo Do Thái sau này, khi ông từ chỗ là một vị thần dân tộc của đạo Do Thái trở thành Đấng tối

cao duy nhất của trời và đất đòi giữ quyền thống trị tất cả các dân tộc, hứa hẹn ân huệ cho những người cải giáo và hủy diệt không thương xót những người không thuận theo, trung thành với quy tắc cổ đại: parcere subjectis ac debellare superbos[1*]. Theo đó vào ngày phán xét khủng khiếp, ngồi ghế quan tòa là chính vị Chúa ấy chứ không phải Ky-tô, như mô tả trong những Kinh phúc âm và thông điệp về sau. Theo học thuyết Ba Tư về xạ khí được đạo Do Thái sau này linh hội, Ky-tô con chiên từ đầu bắt nguồn từ Chúa, và "bảy thần linh" tồn tại được nhờ hiểu không đúng một đoạn thơ của I-xai-a (chương XI, tiết 2), cũng có nguồn gốc như vậy – tuy thuộc cấp thấp hơn. Tất cả họ đều không phải là Chúa và không phải ngang hàng với Chúa, mà phục tùng Chúa. Bản thân con chiên hy sinh để chuộc tội lỗi của thế gian và nhờ vậy mà ở thiên đàng được nâng cấp trên một mức độ nhất định, vì sự hy sinh tự nguyện đó của họ được đánh giá từ đầu đến cuối sách là một công tích đặc biệt, chứ không phải là cái bắt nguồn một cách tất yếu từ chính bản chất nội tại của họ. Lẽ dĩ nhiên cả trong toàn bộ biên chế thiên cung cũng không thiếu tổng thiên thần, thần giữ cổng, thiên thần và thánh. Để trở thành tôn giáo, thuyết độc thần từ xa xưa đã phải nhượng bộ thuyết đa thần, bắt đầu từ Dên-đơ – A-vê-xta[489]. Ở nước Do Thái đã diễn ra triền miên việc quay trở lại các thần cảm tính đa thần giáo cho đến khi việc tạo ra – sau khi bị lưu đày[490] – thiên đình, theo kiểu mẫu Ba Tư, đã làm cho tôn giáo thích nghi hơn một ít với ốc tưởng tưởng dân gian. Và đạo Cơ Đốc, ngay cả sau khi nó đã thay thế chủa Do Thái giáo cũng đờ

1*- tha thứ người chịu khuất phục và thuần hóa người ngạo mạn

vĩnh viễn ngang với mình bằng một vị thần tam vị nhất thể bị chia cắt bên trong, thần bí, tự nó đã có thể lấn át ở quần chúng nhân dân sự sùng bái các thần cũ chỉ thông qua việc sùng bái các vị thánh; thí dụ, theo lời Phan-mê-rai-e, việc sùng bái Giuy-pi-te mãi khoảng thế kỷ IX mới hoàn toàn biến mất ở Pê-lô-pô-ne-dơ, ở Mai-nơ, ở Ác-ca-đi ("Lịch sử bán đảo Mô-rê-i", phần I, tr. 227[491]). Chỉ có thời đại tư sản hiện đại với đạo Tin Lành lại trừ bỏ các thánh và cuối cùng thực sự tiếp thu thuyết độc thần với thần đã phân chia.

Tác phẩm mà chúng ta phân tích cũng rất ít biết đến thuyết về tội tổ tông và về việc rửa tội bằng tín ngưỡng. Tín ngưỡng của những giáo hội đầu tiên chiến đấu ấy hoàn toàn không giống với tín ngưỡng của giáo hội thắng lợi sau này; bên cạnh sự hy sinh để chuộc tội của con chiên, nội dung quan trọng nhất của nó là sự giáng thế thứ hai sắp tới của Ky-tô và vương quốc ngàn năm tương lai trong thời gian tới, và việc tin ấy chỉ được xác lập bằng sự tuyên truyền tích cực, bằng cuộc đấu tranh không mệt mỏi với kẻ thù bên ngoài và bên trong, bằng việc kiêu hãnh tuyên bố quan điểm cách mạng của mình trước các quan tòa đa thần giáo, bằng sự sẵn sàng chết cái chết tuẫn giáo vì thắng lợi mai sau.

Chúng ta đã thấy rằng tác giả hoàn toàn chưa biết rằng ông ta là cái khác tín đồ đạo Do Thái. Do đó trong toàn bộ cuốn sách không đâu có lấy một lời nào về rửa tội, và lại nhiều điều khác làm cho chúng ta tin rằng việc rửa tội là một chế độ của thời kỳ thứ hai của đạo Cơ Đốc. 144 nghìn người Do Thái theo đạo bị "đóng dấu", chứ không phải chịu rửa tội. Về các thánh trên trời và về người có đạo trên trái đất, tác giả nói rằng họ đã trút bỏ tội lỗi và đã giặt áo quần trắng của mình, tẩy trắng

chúng bằng máu của con chiên, về nước thánh thì không được nói tới. Cả hai nhà tiên tri có trước khi xuất hiện người chống Ky-tô (chương XI) cũng không bắt ai phải rửa tội, và theo chương XIV, tiết 10, sự xác nhận của Giê-xu không phải là sự rửa tội, mà là tinh thần tiên tri. Trong tất cả những trường hợp ấy, sẽ là tự nhiên nếu nhắc đến việc rửa tội nếu khi đó việc rửa tội đã có ý nghĩa; vì vậy chúng ta có thể kết luận hầu như tuyệt đối chắc chắn rằng tác giả của chúng ta chưa biết có việc rửa tội, rằng rửa tội chỉ xuất hiện khi các tín đồ Cơ đốc giáo đã hoàn toàn tách hẳn với tín đồ Do Thái giáo.

Tác giả cũng biết rất ít về thánh lễ thứ hai, xuất hiện muộn hơn – Lễ nước thánh thể. Nếu trong văn bản giáo phái Luy-thơ, Ky-tô hứa với mỗi người Ti-a-tia kiên định tín ngưỡng là sẽ đến với họ và rước thánh thể với họ, thì điều đó chỉ làm cho người ta nhầm lẫn. Trong bản bằng tiếng Hy Lạp là deipnêsô – có nghĩa là tôi sẽ ăn cơm chiều (với họ), và kinh thánh bằng tiếng Anh truyền đạt hoàn toàn chính xác điều này: I shall *sup* with him. Về nước thánh thể thậm chí với tư cách một bữa ăn danh nghĩa đơn giản thì ở đây hoàn toàn không nói đến.

Việc quyển sách của chúng ta với niên đại của nó được xác định một cách độc đáo như vậy – năm 68 hoặc 69 – là sách cổ nhất trong toàn bộ sách báo, tài liệu Cơ Đốc giáo, điều đó không thể nghi ngờ. Không có một quyển sách nào khác viết bằng thứ ngôn ngữ dã man như vậy, đầy từ ngữ đặc Hê-brơ, kết cấu khó tin và đầy lỗi ngữ pháp. Thí dụ, ở chương I, tiết 4 nói nguyên văn như sau:

"Phúc âm của Chúa cho đạo hữu yên bình hiện tại và quá khứ và tương lai"

Kinh phúc âm và Sự nghiệp của các sứ đồ là những bản chỉnh lý sau này của những tác phẩm giờ đây đã mất mà cơ sở lịch

sử không vững vàng của chúng hiện nay không còn có thể nhận biết dưới những lớp huyền thoại chồng chất được nữa; ngay cả những cái gọi là thông điệp "gốc" của các sứ đồ, theo Bru-nô Bau-ơ, chỉ là những tác phẩm viết muộn hơn [1*], hoặc may ra là những bản gia công các tác phẩm cũ của những tác giả vô danh bằng những chỗ chêm thêm và bổ sung – điều này hiện nay chỉ có những nhà thần học chuyên nghiệp hoặc những nhà sử học thiên vị khác phủ nhận. Điều càng quan trọng là ở đây chúng ta có một quyển sách mà niên đại viết nó được xác định với độ chính xác đến mấy tháng – một quyển sách mô tả cho chúng ta đạo Cơ Đốc dưới hình thức chưa phát triển của nó, dưới một hình thức mà về đại thể nó có quan hệ với quốc giáo của thế kỷ thứ tư với hệ giáo lý và huyền thoại chưa vững chắc của người Đức thời Ta-xít có quan hệ với các thần thoại đã phát triển dưới ảnh hưởng của các yếu tố Cơ Đốc giáo và cổ đại được trình bày trong "Ét-đơ" [492] vậy. Ở đây đã có mầm mống của một tôn giáo thế giới, những mầm mống đó còn chứa đựng với mức độ như nhau một nghìn khả năng phát triển được thực hiện trong vô số giáo phái sau này. Và di tích cổ nhất ấy của thời kỳ sinh thành đạo Cơ Đốc đặc biệt quan trọng đối với chúng ta chính vì nó đem lại cho chúng ta dưới dạng thuần túy cái mà đạo Do Thái - dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của A-lếch-xan-dri – đã đưa vào đạo Cơ Đốc. Tất cả những cái sau này là một hỗn hợp phương Tây, Hy

1* Trong bản dịch tiếng Pháp được tác giả duyệt, đăng trong tạp chí "Le Devenir social", dấu câu này viết như sau: "ngay cả ba – bốn thông điệp của các sứ đồ vẫn được trường phái Tuy-bin-ghen thừa nhận là nguyên bản, như Bru-nô Bau-ơ đã chỉ ra bằng sự phân tích sâu sắc của mình, là những tác phẩm viết sau này"; tiếp theo giống như ở bản tiếng Đức.

Lạp – La Mã. Chỉ có thông qua tôn giáo Do Thái độc thần thì thuyết độc thần có học thức của triết học tầm thường Hy Lạp sau này mới có thể mang hình thức tôn giáo mà chỉ có dưới hình thức đó nó mới có khả năng cuốn hút quần chúng. Nhưng cả khi đã tìm được khâu trung gian như vậy rồi, thuyết độc thần có thể trở thành tôn giáo thế giới chỉ trong thế giới Hy Lạp – La Mã thôi, bằng cách tiếp tục phát triển loạt tư tưởng mà thế giới đó đã đề xuất và bằng cách hợp nhất với nó.

GỬI CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TỔ CHỨC CÔNG NHÂN ANH [493]

Các đồng chí thân mến![1*]

Theo ủy nhiệm của Hội đồng chấp hành Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, tôi xin báo cho các tổ chức công nhân và tổ chức xã hội chủ nghĩa Anh rằng đại hội hàng năm lần thứ tư của Đảng xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha sẽ họp ở Ma-drít ngày 29 tháng Tám và những ngày tiếp theo và một vài dòng chào mừng nhân dịp này – bằng tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Pháp – mà các bạn Anh gửi theo địa chỉ ở cuối thư này, sẽ được tiếp nhận với lòng cảm ơn.

Vì đại hội các hội công liên họp năm 1893 ở Ben-phát [494] đã thông qua nghị quyết đòi xã hội hóa tất cả mọi tư liệu sản xuất và trao đổi, qua đó đã gia nhập vào phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế, nên tôi coi nghĩa vụ của mình là đưa cả cơ quan của họ – Ủy ban nghị viện – vào danh sách những tổ chức được mời dịp này [2*]

1* Trong bản gửi cho thư ký Hội Pha-biêng thay cho những chữ "Các đồng chí thân mến!" là "Thưa ông".

2* Trong bản thảo, đoạn này được đặt trong dấu ngoặc vuông; còn trong bản gửi cho thư ký Hội Pha-biêng thì không có đoạn này.

Giấy mời này gửi tới:

Đồng minh đấu tranh cho ngày làm việc tám giờ,

Liên đoàn dân chủ – xã hội,

Đảng công nhân độc lập,

Hội Pha-biêng,

Ủy ban nghị viện Đại hội các hội công liên,

Công đoàn công nhân các xí nghiệp khí đốt và lao công [495]

Kính thư ***Ph. Ăng-ghen***

Pa-blô I-glê-xi-át, phố Ec-nan Coóc- tét, 8. Ma-đrít

Viết ngày 6 tháng Tám 1894
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XXIX, 1946

In theo bản sơ thảo, có đối chiếu với bản gửi cho thư ký hội Pha-biêng
Nguyên văn là tiếng Anh

GỬI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG I-TA-LI-A

(Thư gửi C.Đen → a-van-lê) [496]

I-xtơ-boóc-nơ, ngày 6 tháng Chín

Thưa ông ! [1*]

... Nhưng nếu tôi không thể đích thân dự đại hội của ông, thì tôi xin gửi những lời tốt đẹp nhất chúc ông thành công trong hoạt động của ông phụng sự cho chủ nghĩa xã hội quốc tế.

Những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a chịu tác động của đạo luật đặc biệt [497] chưa từng có mà chắc chắn họ sẽ trả giá bằng

1* Trong bản thảo, tiếp sau lời xưng hô là đoạn bị bỏ đi khi công bố: "Thư ông đề ngày 30 tháng Tám đến Luân Đôn khi tôi không có ở đó và được chuyển đến đây cho tôi – đó là lý do vì sao tôi chậm trả lời, làm tôi rất lấy làm tiếc. Tôi xin cảm ơn ông và những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a, mà ông đại diện, về lời mời thân ái gửi cho tôi. Tiếc rằng tôi không thể đáp ứng lời mời ấy được".

một số năm đau khổ khốc liệt. Biết làm sao được! Những người khác cũng phải kinh qua những thử thách tương tự như vậy.

Sau khi Công xã Pa-ri sụp đổ, thế lực phản động tư sản ở Pháp uống say máu những người vô sản, và kết quả là đây: 50 nghị sĩ là người xã hội chủ nghĩa trong nghị viện Pháp.

Ở Đức, trong trọn mười hai năm, Bi-xmác đặt những người xã hội chủ nghĩa ở ngoài vòng pháp luật, nhưng những người xã hội chủ nghĩa đã đạp đổ đạo luật đặc biệt, họ đã gạt Bi-xmác khỏi chính quyền và bây giờ họ là đảng mạnh nhất ở đế quốc.

Những điều công nhân Pháp và công nhân Đức đã làm được thì công nhân I-ta-li-a cũng sẽ làm được. Điều mà Chi-e, Mác-Ma-hông, Bi-xmác không đạt được thì cái ông Cri-xpi nào đó ở đây cũng sẽ không đạt được. Thắng lợi thuộc về các ông![1*]

Chủ nghĩa xã hội cách mạng quốc tế muôn năm!

Chào thân ái

Phri-đrích Ăng-ghen

Bản dịch tiếng I-ta-li-a đã được đăng trên báo "Lotta di classe" số 38, ngày 22-23 tháng Chín 1894

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sơ thảo bằng tiếng Pháp
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a

1* Trong bản thảo thay cho những chữ "thuộc về các ông!" là những chữ "thuộc về chúng ta !".

LỜI CHÀO MỪNG NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XI-XIN [498]

Tôi xin gửi lời chào tờ báo của các đồng chí, cơ quan ngôn luận của công nhân Xi-xin và chúc báo sống lâu, gửi lời chào đảng đang được cải tổ của các đồng chí [1*].

Thiên nhiên đã tạo Xi-xin thành thiên đường trên trái đất. Và điều đó đã đủ để xã hội loài người, bị phân chia thành các giai cấp đối lập, biến nó thành địa ngục.

Để khai thác các trang trại và hầm mỏ lớn, thế giới cổ đại Hy Lạp – La Mã đã tặng thưởng cho Xi-xin chế độ nô lệ.

Thời Trung thế kỷ đã thay chế độ nô lệ bằng chế độ chiếm hữu nông nô và chế độ phong kiến.

Thời đại ngay nay, đòi được thủ tiêu những xiềng xích ấy,

1* Trong bản thảo, câu này được viết như sau: "Tôi xin gửi lời chào cơ quan ngôn luận của công nhân Xi-xin vừa mới được xuất bản trở lại và lời chúc sống lâu.

trong thực tế nó chỉ thay đổi hình thức của chúng mà thôi. Nó không chỉ duy trì những đám phụ cũ; nó còn thêm vào chúng một hình thức bóc lột mới, tàn khốc nhất, nhẫn tâm nhất trong số tất cả mọi hình thức bóc lột – đó là bóc lột tư bản chủ nghĩa.

Các nhà thơ cổ đại [1*] của Xi-xin, Phê-ô-crít và Mô-xkhơ, đã ca ngợi đời sống điền viên thơ mộng của những nô lệ chân thà, những người cùng thời với mình; chắc chắn đó là những ước mơ thơ mộng đẹp đẽ. Nhưng liệu có một nhà thơ hiện đại nào dám ca ngợi đời sống điền viên thơ mộng của những người lao động "tự do" của Xi-xin hiện nay không? Chẳng lẽ nông dân đảo này không sung sướng nếu họ có thể canh tác những khoảnh đất của mình ngay cả trong điều kiện nặng nề của chế độ cấy rẽ La Mã? Chế độ tư bản chủ nghĩa đã dẫn đến chỗ: những người tự do khóc lóc nuối tiếc về sự nô lệ trước kia!

Nhưng mong họ không nản chí. Đối với các giai cấp bị áp bức của tất cả các nước đang hừng lên rạng đông của một xã hội mới, tốt đẹp hơn. Và khắp nơi quần chúng bị áp bức đều xiết chặt hàng ngũ của mình, đâu đâu họ đều thỏa thuận với nhau chẳng quản biên giới, chẳng quản ngôn ngữ bất đồng. Đang hình thành đạo quân giai cấp vô sản quốc tế, – và thế kỷ mới sắp tới sẽ đưa đạo quân ấy đến thắng lợi!

(Luân Đôn) ***Ph. Ăng-ghen***

Viết ngày 26 tháng Chín 1894
Bản dịch tiếng I-ta-li-a đã đăng trên báo "La Riscossa" ngày 30 tháng Sáu 1895 và trong tạp chí "Critica Sociale" số 16, ngày 16 tháng Tám 1895

In theo bản đăng trong tạp chí, có đối chiếu với bản sơ thảo bằng tiếng Pháp
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a

1* Trong bản thảo, thay cho hai chữ "cổ đại", là những chữ "Hy Lạp cổ đại".

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI QUỐC TẾ VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I-TA-LI-A

(Thư gửi ban biên tập tạp chí "Critica sociale") [499]

Vào lúc Đảng xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a trẻ tuổi chịu các đòn của thế lực phản động cầm quyền cực kỳ tàn khốc, bổn phận của chúng ta, bổn phận của những người xã hội chủ nghĩa ở bên này núi An-pơ là tìm cách giúp đỡ đảng ấy. Chúng ta không thể ngăn cản việc giải tán các phân hội và các hội, nhưng có thể, sự chứng kiến của chúng ta trước sự vu khống đê tiện và trâng tráo mà báo chí nửa chính thức và bất lương tung ra, sẽ không phải là vô ích.

Báo chí đó trách những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a là cố ý làm ra vẻ họ tiến hành tuyên truyền mác-xít [1*] để dùng chiêu bài ấy che đậy một đường lối hoàn toàn khác, đường lối đề xướng

1* Trong bản thảo, sau những chữ "tuyên truyền", còn có thêm những chữ "theo mẫu những người xã hội chủ nghĩa Đức".

"đấu tranh giai cấp" ("có thể sẽ đẩy chúng ta lùi về thời trung cổ") và nhằm xây dựng một đảng chính trị, mà mục đích là "giành quyền lực nhà nước"; trong khi đó các đảng xã hội chủ nghĩa những nước khác, đặc biệt là những người xã hội chủ nghĩa Đức, "không làm chính trị, không tấn công hình thức cai trị đang tồn tại"; tóm lại, họ là những người bình phẩm hiền lành hoàn toàn vô hại, có thể bị chê cười!

Nếu ở đây người ta có cười ai đó thì chính là công chúng I-ta-li-a. Người ta sẽ không dám tặng họ những điều ngu xuẩn như vậy, nếu người ta không cho rằng họ hoàn toàn không biết gì về những điều đang xảy ra ở thế giới bên ngoài. Nếu những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a tuyên bố "đấu tranh giai cấp" là nhân tố phổ biến nhất trong xã hội mà chúng ta đang sống, nếu họ được tổ chức "thành đảng chính trị đặt mục đích giành quyền lực nhà nước và lãnh đạo công việc nhà nước", thì họ tiến hành công việc tuyên truyền mác-xít theo nghĩa đích thực của từ này; họ nghiêm chỉnh kiên trì đường lối đề ra trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" mà Mác và tôi đã công bố vào năm 1848; họ hành động như các đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ[1*], Tây Ban Nha và trước hết là Đức đang hành động. Trong số những đảng ấy, không một đảng nào không muốn giành quyền lực chính trị, cũng như những đảng khác, đảng bảo thủ, đảng tự do, đảng cộng hòa v.v. cũng hướng tới đó.

Còn về "đấu tranh giai cấp", thì nó đưa chúng ta không chỉ về "thời Trung cổ", mà còn đến những xung đột nội bộ đã xảy ra ở các nước cộng hòa cổ đại – A-ten, Xpác-tơ, La Mã. Tất thảy những xung đột ấy đều là đấu tranh giai cấp. Từ khi các công xã nguyên thủy tan ra, cuộc đấu tranh giữa những giai cấp

1* Trong bản thảo không có hai chữ "Thụy Sĩ".

cấu thành mỗi xã hội, luôn luôn là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển lịch sử. Cuộc đấu tranh đó chỉ sẽ mất đi khi bản thân các giai cấp không còn nữa, nghĩa là sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Mà từ nay đến đó các giai cấp đối lập nhau, giai cấp vô sản, giai cấp tư sản, tầng lớp quý tộc địa chủ [1*] sẽ còn đấu tranh với nhau như trước, dù cho báo chí I-ta-li-a nửa chính thức có nói gì đi nữa.

Hơn thế, I-ta-li-a hiện đang trải qua những thử thách như nước Đức [2*] đã trải qua trong vòng mười hai năm thi hành luật đặc biệt. Nước Đức đã thắng Bi-xmác. Nước I-ta-li-a xã hội chủ nghĩa sẽ thắng Cri-xpi[3*].

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 27 tháng Mười 1894

Bản dịch tiếng I-ta-li-a đã đăng trong tạp chí "Critica Sociale" số 21, ngày 1 tháng Mười một 1894

In theo bản đăng trong tạp chí, có đối chiếu với bản sơ thảo tiếng Pháp
Nguyên văn là tiếng I-ta-li-a

1* Trong bản thảo không có những chữ "giai cấp vô sản, giai cấp tư sản, tầng lớp quý tộc địa chủ".

2* Trong bản thảo thay cho những chữ "nước Đức" là những chữ "nước Đức xã hội chủ nghĩa".

3* Trong bản thảo, câu cuối cùng được viết như sau: "Người Đức đã thắng Bi-xmác, người I-ta-li-a sẽ thắng Cri-xpi".

THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "VORWÄRTS"

Theo tin trên báo chí của đảng, đồng chí Phôn-ma, khi thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đại hội đảng ở Phran-phuốc ngày 25 tháng Mười có viện dẫn nghị quyết của đại hội những người xã hội chủ nghĩa Pháp ở Năng-tơ [500] "đã được Phri-đrích Ăng-ghen trực tiếp tán thành". Theo tin báo "Vorwärts" ngày 10 tháng Mười một, báo chí của những người chống chúng ta cũng loan truyền lời khẳng định này[501]. Vì vậy tôi buộc phải tuyên bố rằng trong trường hợp này đã có sự lầm lẫn và rõ ràng là Phôn-ma có thông tin hoàn toàn không đúng về tôi.

Theo như tôi nhớ, liên quan với Cương lĩnh Năng-tơ tôi chỉ gửi tin sang Pháp có hai lần. Tin thứ nhất tôi báo trước khi đại hội họp để trả lời câu hỏi của một đồng chí Pháp [1*], quy lại như sau: sự phát triển của chủ nghĩa tư bản không khỏi dẫn đến chỗ xóa bỏ sở hữu ruộng đất tiểu nông. Đảng ta nhận thức điều này rất rõ, nhưng đảng hoàn toàn không có căn cứ nào dùng sự can

1* có lẽ là P.La-phác-gơ

thiệp của chính mình để đẩy nhanh hơn nữa quá trình đó. Vì thế, về nguyên tắc không thể phản bác những biện pháp được đề ra một cách đúng đắn, có mục đích làm cho sự diệt vong không tránh khỏi của tiểu nông đỡ đau khổ đối với họ; nhưng nếu người ta đi tiếp, nếu người ta muốn duy trì mãi mãi người tiểu nông, thì theo ý tôi, người ta muốn cái không thể có được về mặt kinh tế, người ta hy sinh nguyên tắc, rơi vào quan điểm phản động.

Trong thông báo thứ hai, sau đại hội, tôi chỉ phát biểu một điều giả định là trong phạm vi những người xã hội chủ nghĩa, những người bạn Pháp của chúng ta sẽ vẫn đơn độc trong ý đồ duy trì vĩnh viễn không chỉ người tiểu nông – chủ sở hữu, mà cả tá điền nhỏ bóc lột lao động người khác.

Vậy, vì nói chung tôi đã phát biểu ý kiến về vấn đề này, nên tôi khẳng định điều ngược lại với những điều người ta đã báo cho Phôn-ma.

Nhưng vì tôi bị người ta kéo tôi vào việc này, nên tôi chẳng còn việc gì khác ngoài việc bày tỏ dứt khoát hơn quan điểm của mình. Vì vậy tôi dự định cho đăng tạp chí "Neue Zeit" một bài nho nhỏ trình bày và luận chứng quan điểm của tôi[1*].

Ph. Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 12 tháng Mười một 1894

Đã đăng trên báo "Vorwärts" số 268, ngày 16 tháng Mười một 1894 và phụ trương báo "Der Sozialdemokrat" số 43, ngày 22 tháng Mười một 1894

In theo bản đăng trên báo "Vorwärts"
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Xem tập này, tr. 713-746.

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN Ở PHÁP VÀ Ở ĐỨC[502]

Viết vào khoảng giữa ngày 15 và 22 tháng Mười một 1894
Đã đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit", Bd. I, số 10, 1894 -1895
Ký tên: P h r i - d r t c h Ă n g - g h e n

In theo bản in trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

Các đảng tư sản và phản động đều cực kỳ ngạc nhiên khi thấy rằng ngày nay, đột nhiên những người xã hội chủ nghĩa khắp nơi đều đặt vấn đề nông dân vào chương trình nghị sự. Dáng lý họ phải lấy làm ngạc nhiên rằng vì sao vấn đề đó lại không được đặt ra từ lâu. Từ Ai-rơ-len đến Xi-xin, từ An-đa-lu-di-a đến Nga và Bun-ga-ri, người nông dân đều là một nhân tố rất cơ bản của dân cư, của nền sản xuất và của lực lượng chính trị. Duy chỉ có hai miền ở Tây Âu mới là những trường hợp ngoại lệ. Ở chính nước Anh, chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất và nền đại nông nghiệp đã hoàn toàn gạt bỏ người nông dân tự sản xuất cho mình; ở phía Đông sông En-bơ của nước Phổ, cũng quá trình ấy đã diễn ra từ bao thế kỷ nay và cũng ở đó, người nông dân ngày càng hoặc bị "tước đoạt"[1*] ruộng đất, hoặc về phương diện kinh tế và chính trị, bị gạt xuống hàng thứ yếu.

Với tư cách là một nhân tố của lực lượng chính trị cho đến nay, trong phần lớn trường hợp người nông dân chỉ biểu hiện mình bằng thái độ lãnh đạm của họ, một thái độ có gốc rễ trong

---

1* Wird "gelegt". Bauernlegen — đây là một thuật ngữ có tính chất kỹ thuật chỉ hiện tượng làm cho người nông dân buộc phải rời bỏ quê hương, sự tước đoạt nông dân trong lịch sử nước Đức. (*Chú thích của V.I Lê-nin viết cho bản dịch phần đầu tác phẩm này của Ăng-ghen, do ông dịch.*)

cảnh biệt lập của đời sống ở nông thôn. Thái độ lãnh đạm đó của đông đảo quần chúng trong dân cư là chỗ dựa mạnh nhất không những của chế độ đại nghị đồi bại ở Pa-ri và ở Rô-ma, mà của cả chế độ chuyên chế ở Nga nữa. Nhưng thái độ đó không phải là hoàn toàn không thể khắc phục được. Từ khi phong trào công nhân ra đời thì ở Tây Âu, nhất là ở những nơi mà chế độ sở hữu từng mảnh ruộng đất nhỏ còn chiếm ưu thế, bọn tư sản không cần phải mất công làm cho nông dân nghi ngờ và oán ghét những người công nhân có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, bằng cách mô tả họ sao cho nông dân tưởng tượng rằng những công nhân ấy là partageux, những người "chia của", chúng cũng rất dễ mô tả những công nhân ấy là những người thành thị lười biếng và gian tham, đầu cơ tài sản của nông dân. Những hoài bão xã hội chủ nghĩa mơ hồ trong cuộc Cách mạng tháng Hai 1848 đã nhanh chóng bị quét sạch bởi những lá phiếu phản động của nông dân Pháp. Người nông dân lúc đó muốn được yên ổn, đã moi trong trí nhớ của mình ra câu chuyện hoang đường về Na-pô-lê-ông, vị hoàng đế của nông dân, và họ đã lập nên Đế chế II. Tất cả chúng ta đều biết rằng hành động đó của nông dân đã gây tổn thất cho nhân dân Pháp như thế nào; ngày nay, nhân dân Pháp vẫn còn phải chịu những hậu quả đó.

Nhưng từ đó đến nay, tình hình đã biến đổi nhiều. Sự phát triển của hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã giáng một đòn chí tử vào nền tiểu sản xuất nông nghiệp. Nền sản xuất này đang suy tàn và không tránh khỏi tiêu vong. Cuộc cạnh tranh của Bắc Mỹ và Nam Mỹ, cũng như của Ấn Độ, đã làm cho thị trường châu Âu tràn ngập lúa mì giá rẻ, rẻ đến nỗi không có một người sản xuất bản xứ nào có thể cạnh tranh nổi với những địch thủ người nước ngoài . Địa chủ và tiểu nông, cả hai đều thấy cảnh phá sản của họ đang diễn ra trước mắt. Và vì cả hai đều là người có ruộng đất và là người dân nông thôn, nên địa chủ tự cho mình là chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho quyền lợi của tiểu nông, còn tiểu nông – trên đại thể – cũng thừa nhận như vậy.

Trong khi đó thì ở phương Tây, đang phát triển một đảng công nhân xã hội chủ nghĩa hùng mạnh. Những lĩnh cảm và những tình cảm mơ hồ trong thời kỳ Cách mạng tháng Hai thì ngày nay đã được làm sáng tỏ, phát triển rộng rãi và sâu sắc thêm để rồi trở thành một cương lĩnh đáp ứng được tất cả mọi yêu cầu khoa học, với những yêu sách chính xác và cụ thể. Trong các nghị viện Đức, Pháp, Bỉ, những yêu sách đó được sự ủng hộ của số nghị sĩ xã hội chủ nghĩa luôn tăng thêm không ngừng. Việc đảng xã hội chủ nghĩa giành chính quyền đã trở thành một việc không xa nữa. Nhưng muốn giành được chính quyền thì trước hết đảng đó phải chuyển từ thành thị về nông thôn; phải trở thành một thế lực ở nông thôn. Đảng đó có ưu thế hơn tất cả mọi đảng khác là đã thấy được rõ ràng mối liên hệ chặt chẽ giữa những nguyên nhân kinh tế với những hậu quả chính trị, vì thế đảng đó từ lâu đã lột trần được bộ mặt chó sói đội lốt cừu của bọn địa chủ giả danh là bạn của nông dân, – vậy thì đảng đó có nên cứ thản nhiên để cho nông dân lâm vào tình trạng phá sản, rơi vào tay những kẻ giả danh bênh vực họ, cho đến khi bọn này biến họ từ người thù địch tiêu cực thành người thù địch tích cực của công nhân công nghiệp hay không? Thế là chúng ta đang ở vào chính ngay trung tâm của vấn đề nông dân rồi đó.

I

Dân cư nông thôn mà chúng ta có thể nói chuyện với họ thì gồm những thành phần rất khác nhau và, tùy theo địa phương khác nhau, mà họ còn có những loại khác nhau.

Ở Tây Đức, cũng như ở Pháp và Bỉ, chính nền tiểu nông của những nông dân có mảnh ruộng nhỏ đang chiếm ưu thế, trong số đó, đa số là người có ruộng đất và thiểu số là người đi thuê ruộng đất.

Ở Tây Bắc nước Đức, trong vùng Dắc-den Hạ và trong vùng Slê-đơ-vích – Hôn-stai-nơ, phần lớn là phú nông và trung nông, họ không thể không mượn những người ở, nam và nữ, và cả đến những người làm công nhật nữa. Ở một bộ phận miền Ba-vi-e, tình hình cũng như thế.

Bộ phận nước Phổ ở phía Đông sông En-bơ và xứ Mếch-clen-buốc đều là lĩnh vực của chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất và của nền đại nông nghiệp do những người ở canh điền và người làm công nhật tiến hành; ngoài ra còn có những trung nông và tiểu nông mà tỷ lệ tương đối ít hơn và luôn luôn bị giảm xuống.

Ở miền trung nước Đức thì có xen kẽ tất cả những hình thức chiếm hữu và kinh doanh đó, theo những tỷ lệ khác nhau tùy địa phương, chứ không có tình trạng một hình thức nào chiếm ưu thế hơn các hình thức khác trên một diện tích rộng lớn.

Ngoài ra còn có những miền ít nhiều rộng lớn, ở đó ruộng đất sở hữu hoặc lĩnh canh đều không đủ để nuôi gia đình, mà chỉ dùng làm cơ sở để tiến hành một nghề thủ công nào đó, và làm cho người ta có thể thực hiện được đối với nghề thủ công đó những mức tiền công thấp không thế nào thực hiện được nếu không có điều kiện đó, những mức tiền công này đảm bảo cho sản phẩm tiêu thụ được một cách vững chắc, bất kể mọi sự cạnh tranh từ ngoài.

Vậy thì trong các thành phần dân cư nông thôn đó, Đảng dân chủ – xã hội có thể tranh thủ được những bộ phận nào? Dĩ nhiên là chúng ta chỉ nghiên cứu vấn đề đó trên những nét lớn thôi. Chúng ta chỉ nhận xét những hình thức nổi bật nhất; vì phạm vi bài báo này không cho phép, nên chúng ta không thể nói đến những giai đoạn quá độ và những dân cư hỗn hợp ở nông thôn.

Chúng ta hãy bắt đầu từ người tiểu nông. Trong toàn bộ nông dân, tiểu nông là tầng lớp quan trọng nhất, và quan trọng nhất không chỉ đối với Tây Âu nói chung. Không, đối với toàn bộ vấn đề, trọng tâm chính là ở tầng lớp này. Nếu chúng ta xác định được lập trường của chúng ta đối với tiểu nông thì chúng ta sẽ có mọi tiêu điểm để xác định được thái độ của mình đối với những thành phần khác trong dân cư nông thôn.

Tiểu nông mà chúng ta nói ở đây, là người sở hữu hoặc người đi thuê – và nhất là người sở hữu – một mảnh ruộng đất không lớn hơn số ruộng đất mà họ thường có thể cày cấy cùng với gia đình họ, và cũng không bé hơn số ruộng đất cần thiết để nuôi gia đình họ. Cũng như người tiểu thủ công, người tiểu nông này là một người lao động, anh ta khác với người vô sản hiện đại ở chỗ là anh ta còn sở hữu những tư liệu lao động, như vậy anh ta là tàn dư của một phương thức sản xuất đã lỗi thời.

Đối với ông cha của anh ta là nông nô hoặc rất hãn hữu là người nông dân tự do, nhưng vẫn phải nộp thuế và làm lao dịch, thì người tiểu nông có khác về ba phương diện. Một là Cách mạng Pháp đã giải thoát người tiểu nông khỏi gánh nặng thuế khóa và lao dịch phong kiến mà họ phải đóng góp cho tên chúa đất, và trong đa số trường hợp, hay ít ra là ở tả ngạn sông Ranh, Cách mạng Pháp đã đem lại cho người tiểu nông ruộng đất, coi là sở hữu riêng.– Hai là, người tiểu nông mất sự bảo vệ của công xã tự quản mà anh ta là một thành viên và cùng với cái đó, người tiểu nông mất phần mình được quyền sử dụng ruộng đất của công xã cũ. Ruộng đất chung thì một phần bị tên chúa phong kiến xưa kia dùng mưu chiếm mất, một phần thì bị pháp chế quan liêu tự do dựa vào luật La Mã chiếm mất. Thế là người tiểu nông ngày nay bị tước mất khả năng nuôi gia súc cày kéo của mình mà không phải mua cỏ. Nhưng về phương diện kinh tế thì việc mất những quyền sử dụng ruộng đất công xã lại lớn hơn nhiều so với việc xóa bỏ đảm phụ phong kiến. Số nông dân không thể nuôi được gia súc cày kéo, tăng lên không ngừng. – Ba là, đặc điểm của người nông dân hiện nay còn là ở chỗ so với trước thì họ đã mất phần nửa hoạt động sản xuất của mình. Xưa kia, cùng với gia đình mình và bằng những nguyên liệu tự mình sản xuất ra, người tiểu nông đã sản xuất được phần lớn nhất trong số những sản phẩm công nghiệp cần dùng. Phần còn thiếu thì đã có bà con láng giềng trong làng cung cấp, những người này, ngoài nghề nông ra, còn làm một nghề tiểu thủ công, và thường được trả bằng sản phẩm trao đổi hoặc bằng cách đổi công. Gia đình, và ở một mức độ lớn hơn là làng, đã tự cấp tự túc và sản xuất được gần đủ hết các thứ cần thiết cho mình. Lúc bấy giờ, đó hầu như là nền kinh tế hoàn toàn tự nhiên, hầu như người ta không bao giờ dùng đến tiền cả. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã chấm dứt tình trạng đó bằng kinh tế tiền tệ và đại công nghiệp. Nhưng nếu ruộng đất công xã là một điều kiện cơ bản cho sự sống còn của người nông

dân thì việc làm nghề phụ công lại là một điều kiện cơ bản khác nữa. Cho nên, hiện nay người nông dân ngày càng rơi xuống thấp hơn. Thuế má, mất mùa, tài sản đem phân chia, kiện tụng, làm cho người dân ở nông thôn lần lượt kéo nhau đến tên cho vay nặng lãi, tình trạng mắc nợ ngày càng trở thành phổ biến và nợ nần ngày càng chồng chất lên mỗi người; tóm lại, cũng giống như mọi tàn dư của một phương thức sản xuất đã lỗi thời, người tiểu nông của chúng ta nhất định không tránh khỏi bị phá sản. Đó chính là người vô sản tương lai.

Với tư cách như vậy, đáng lẽ người tiểu nông phải lắng nghe sự tuyên truyền xã hội chủ nghĩa. Nhưng cái tư tưởng tư hữu thâm căn cố đế của họ vẫn còn cản trở họ nghe theo sự tuyên truyền ấy. Cuộc đấu tranh để giữ lấy mảnh đất nhỏ của họ càng quyết liệt bao nhiêu, thì nỗi thất vọng càng khiến cho họ bám chắc lấy mảnh đất đó bấy nhiêu, họ càng coi người dân chủ – xã hội, tức là người nói đến việc chuyển chế độ tư hữu ruộng đất thành chế độ sở hữu công cộng, là một kẻ thù cũng nguy hiểm như tên cho vay nặng lãi và tên thầy kiện vậy. Đảng dân chủ – xã hội làm thế nào mà có thể đánh tan được thành kiến đó ? Đảng đó có thể đem lại được cái gì cho người tiểu nông đang chết dần chết mòn mà không tự phản lại mình ?

Ở đây, chúng ta có chỗ dựa thực tiễn trong cương lĩnh ruộng đất của những người xã hội chủ nghĩa Pháp theo khuynh hướng mác-xít, và cương lĩnh này càng đáng được chú ý hơn vì nó xuất phát từ một đất nước cổ điển về kinh tế tiểu nông.

Đại hội ở Mác-xây năm 1892 đã thông qua cương lĩnh ruộng đất đầu tiên của đảng [503]. Cương lĩnh đó đòi hỏi cho *công nhân* nông nghiệp không có ruộng đất (người làm công nhật và người ở cánh điền) những điều như sau: tiền công tối thiểu do các công đoàn công nhân nông nghiệp và các hội đồng hương chính quy định; hội đồng hòa giải ở nông thôn gồm một nửa là công nhân; cấm bán đất công của xã và cho các xã lĩnh canh những ruộng

đất của nhà nước; các xã sẽ đem toàn bộ ruộng đất mình sở hữu hoặc lĩnh canh được cho các gia đình những công nhân nông nghiệp không có ruộng đất cùng chung nhau thuê để canh tác chung, nhưng không được mướn người làm công và phải chịu sự kiểm soát của xã; quỹ hưu cho những người già yếu và người tàn tật, do đánh một thứ thuế đặc biệt vào người chiếm hữu nhiều ruộng đất, mà thành lập nên.

Đối với tiểu nông – trong số này, người ta đặc biệt chú ý đến những người đi thuê ruộng đất – bản cương lĩnh yêu cầu xã phải mua máy móc nông nghiệp rồi cho nông dân thuê theo giá vốn; lập những hợp tác xã nông nghiệp để mua phân bón, ống thoát nước, giống má, v.v., và để bán nông phẩm; hủy bỏ các khoản thuế di chuyển tài sản đối với những tài sản trị giá không quá 5 000 phrăng; lập những ban trọng tài theo kiểu Ai-rơ-len, có nhiệm vụ giảm nhẹ những địa tô quá nặng và quy định những món tiền bồi thường mà những người đi thuê ruộng đất và người làm rẽ (métayers) đã hết hạn thuê hay cấy rẽ, được hưởng về giá trị tăng thêm mà họ đã đem lại cho ruộng đất; hủy bỏ điều 2 102 của Code civil[1*] quy định đặc quyền của chủ đất đối với mùa màng, và hủy bỏ quyền cho chủ nợ được tịch biên mùa màng ngay tại ngoài đồng; dự trữ không thể đem cầm cố được về những nông cụ, phân thu hoạch mùa màng, giống má, phân bón và gia súc cày kéo, cần thiết cho nông dân canh tác; điều chỉnh lại địa bạ chung đã quá cũ từ lâu, và trong khi chờ đợi thì điều chỉnh lại địa bạ địa phương ở mỗi xã; cuối cùng là mở những lớp nông học không mất tiền học và lập những trạm thí nghiệm nông nghiệp.

Chúng ta thấy rằng: những yêu sách đề ra vì lợi ích của nông dân - ở đây, chúng ta tạm thời chưa nói đến những yêu sách vì lợi ích của công nhân - không lấy gì làm cao lắm. Một phần

1* – Dân luật

những yêu sách đó đã được thực hiện ở những nước khác rồi. Những ban trọng tài về việc thuê ruộng thì rõ ràng là đều theo đúng như kiểu Ai-rơ-len. Những hợp tác xã nông nghiệp cũng đã tồn tại ở các xứ Ranh. Điều chỉnh lại địa bạ, việc đó hiện nay là một nguyện vọng chân thành thường xuyên của hết thảy những người thuộc phái tự do và của ngay cả những phần tử quan liêu ở toàn thể Tây Âu. Những điểm khác trong cương lĩnh cũng có thể thực hiện được mà không hề làm tổn thất căn bản đến chế độ tư bản chủ nghĩa. Tôi nêu lên những điểm ấy, chỉ là để nói lên đặc điểm của bản cương lĩnh mà thôi. Khi nói như thế, tôi không chê trách gì cả, mà trái lại.

Với bản cương lĩnh đó, đảng đã làm được rất nhiều việc tốt cho nông dân ở các miền hết sức khác nhau của nước Pháp đến nỗi – cứ ăn đi rồi sẽ thấy ngon miệng – các đồng chí Pháp đều cảm thấy buộc phải làm cho bản cương lĩnh đó thích hợp hơn nữa với khẩu vị của nông dân. Nhưng các đồng chí đó cũng nhận thấy rất rõ ràng như vậy là họ sẽ mạo hiểm đi vào một lĩnh vực nguy hiểm. Làm thế nào để có thể giúp đỡ nông dân, – không phải vì họ là người vô sản tương lai mà vì họ là người nông dân có ruộng đất hiện nay,– mà lại không vi phạm những nguyên tắc cơ bản của cương lĩnh xã hội chủ nghĩa chung. Để tránh bị chê trách như thế, thì trước phần ghi những đề nghị thực tiễn, các đồng chí Pháp đã trình bày những lý do lý luận nhằm chứng minh rằng nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi người ta phải bảo vệ chế độ sở hữu nhỏ thoát khỏi tình trạng bị phá sản mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang đe dọa nó, tuy rằng người ta biết rất rõ rằng tình trạng phá sản đó là không thể nào tránh khỏi. Chúng ta hãy nghiên cứu kỹ càng hơn một chút đoạn trình bày các lý do đó cùng với chính ngay những yêu sách đã được Đại hội ở Năng-tơ thông qua hồi tháng Chín năm nay nữa.

Đây là những lý do đã được nêu ra:

"xét rằng theo lời văn của bản cương lĩnh chung của Đảng, những người sản xuất chỉ có thể được tự do chừng nào họ sở hữu những tư liệu sản xuất;

xét rằng nếu trong lĩnh vực công nghiệp, những tư liệu sản xuất đó đã được tập trung theo lối tư bản chủ nghĩa đến một mức độ khiến những tư liệu sản xuất đó chỉ có thể hoàn lại cho người sản xuất dưới hình thức tập thể hay công cộng, thì hiện nay trên lĩnh vực nông nghiệp hoặc đất đai, ít ra là ở Pháp, tình hình không giống như thế; tư liệu sản xuất, tức là ruộng đất, ở nhiều nơi vẫn còn thuộc quyền sở hữu cá nhân của chính ngay những người sản xuất;

xét rằng nếu tình trạng đó — mà đặc trưng là chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ của nông dân — không tránh khỏi bị tiêu vong (est fatalement apppelé à disparaitre) thì chủ nghĩa xã hội không phải làm cho nó chóng bị tiêu vong nữa, vì nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội không phải là tách rời tài sản khỏi lao động — hai yếu tố này mà bị phân chia ra, thì sẽ gây ra cảnh nô lệ và cảnh cùng khổ của những người lao động đã rơi xuống thành người vô sản, — mà trái lại là kết hợp hai yếu tố đó của mọi nền sản xuất, vào trong tay của một người;

xét rằng nếu một mặt nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội là trao quyền sở hữu những vùng ruộng đất rộng lớn, tịch thu của bọn chiếm đoạt ăn không ngồi rồi, cho những người vô sản nông nghiệp, dưới hình thức tập thể hay công cộng; thì mặt khác, nhiệm vụ cũng không kém khẩn thiết của chủ nghĩa xã hội là phải làm sao cho người nông dân có ruộng đất vốn tự cày cấy lấy, giữ được quyền sở hữu mảnh ruộng của mình khỏi bị cơ quan thuế vụ và kẻ cho vay nặng lãi xâm phạm và khỏi bị bọn chúa đất mới xâm chiếm;

xét rằng nên mở rộng việc bảo vệ đó cho cả những người sản xuất nào, với danh nghĩa là người đi thuê ruộng và người cấy rẽ (métayers), đều cày cấy ruộng đất của người khác, và nếu họ có bóc lột người làm công nhật chăng nữa thì đó cũng là do họ bị chính ngay ách bóc lột, mà bản thân họ cũng phải gánh chịu, bắt buộc phải làm như vậy —

Đảng công nhân — ngược lại với bọn vô chính phủ — không mong chờ có tình trạng cùng khổ lan rộng và tăng lên để có thể cải tạo chế độ xã hội, và nhận thấy rằng chỉ có tổ chức và sự nỗ lực hợp đồng của những người lao động ở nông thôn và ở thành thị giành lấy quyền hành chính và quyền lập pháp mới giải phóng được lao động và xã hội, nên đảng đã thông qua bản cương lĩnh ruộng đất sau đây, nhằm tập hợp tất cả những thành phần của nền sản xuất nông thôn và tất cả mọi hoạt động khai thác,

— dưới các danh hiệu khác nhau, — ruộng đất của toàn quốc vào cùng một cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất."

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu "những lý do" đó kỹ hơn một chút.

Trước hết, trong bản cương lĩnh Pháp có câu nói rằng tiền đề của quyền tự do của những người sản xuất là quyền sở hữu những tư liệu sản xuất, câu đó phải được bổ sung bằng câu tiếp ngay sau: quyền sở hữu những tư liệu sản xuất chỉ có thể tồn tại dưới hai hình thức, hoặc là dưới hình thức sở hữu cá thể, tức là hình thức, không bao giờ và không ở đâu lại tồn tại một cách phổ biến đối với những người sản xuất, hình thức mà sự phát triển của công nghiệp ngày càng loại trừ, hoặc là dưới hình thức sở hữu công cộng, tức là hình thức mà những tiền đề vật chất và tinh thần đã được sự phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa tạo nên rồi; cho nên việc sở hữu *chung* những tư liệu sản xuất phải được tiến hành bằng đủ mọi phương tiện mà giai cấp vô sản sẵn có.

Như vậy, ở đây, việc sở hữu chung những tư liệu sản xuất được xem là mục đích chính duy nhất cần phải đạt tới. Không những trong công nghiệp, ở đó cơ sở đã được chuẩn bị mà do đó, nói chung, cả trong nông nghiệp nữa. Theo cương lĩnh thì không bao giờ và không ở đâu lại có hiện tượng tất cả mọi người sản xuất đều có quyền sở hữu cá thể cả; chính vì lý do ấy, và hơn nữa, vì sự tiến bộ của công nghiệp làm cho chế độ sở hữu cá nhân phải tiêu vong, cho nên chủ nghĩa xã hội không có lợi gì mà duy trì chế độ ấy, mà trái lại có lợi trong việc xóa bỏ nó đi; vì ở đâu mà chế độ sở hữu cá thể còn tồn tại và trong chừng mực nó còn tồn tại thì nó làm cho chế độ sở hữu công cộng không tồn tại được. Nếu chúng ta muốn dẫn bản cương lĩnh thì chúng ta hãy dẫn toàn bộ bản đó, — toàn bộ bản cương lĩnh đã làm thay đổi rất nhiều luận điểm được dẫn ra ở Đại hội

Năng-tơ, – vì nó đặt chân lý lịch sử chung diễn đạt trong luận điểm ấy phụ thuộc vào những điều kiện mà chỉ có trong đó thì ngày nay ở Tây Âu và Bắc Mỹ, chân lý ấy mới có thể vẫn là chân lý.

Hiện nay, việc những người sản xuất lẻ sở hữu những tư liệu sản xuất đã không còn đem lại cho họ một quyền tự do thật sự nữa. Ở các thành thị, thủ công nghiệp đã bị phá sản; ở các thành phố lớn như Luân Đôn, thủ công nghiệp thậm chí còn hoàn toàn biến mất và được thay thế bằng đại công nghiệp, tức là chế độ bóp nặn những người lao động và bọn lừa bịp khốn kiếp sống bằng sự phá sản của người khác. Người tiểu nông tự canh tác lấy đã không có quyền sở hữu được bảo đảm về mảnh ruộng của mình và cũng không còn có quyền tự do nữa. Ngay bản thân anh ta cũng thuộc về tên cho vay nặng lãi, giống như ngôi nhà của anh ta, cái sân và vài thửa ruộng của anh ta vậy; đời sống của anh ta không được bảo đảm bằng đời sống của người vô sản là người ít nhất thỉnh thoảng còn được một vài ngày an nhàn, chứ như người nông dân bị nợ nần trói buộc thì không bao giờ được như thế cả. Hãy hủy bỏ điều 2 102 trong Dân luật đi, hãy dùng luật pháp mà bảo đảm cho nông dân một dự trữ không thể đem cầm cố được về nông cụ, gia súc, v.v. nhưng các đồng chí không thể nào bảo đảm cho anh ta khỏi bị bắt buộc phải "tự nguyện" đem bán gia súc của mình đi, bán cả thể xác lẫn linh hồn của mình cho tên chủ nợ để được sống thêm một khoảnh khắc nữa. Ý định của các đồng chí muốn bảo vệ cho người tiểu nông giữ được tài sản của họ, lại không bảo vệ được quyền tự do cho họ, mà chỉ bảo vệ được cái hình thức đặc biệt của ách nô lệ của họ thôi; ý định đó chỉ kéo dài tình trạng sống dở của họ mà thôi ! Cho nên, ở đây mà dẫn chương một bản cương lĩnh của các đồng chí là không đúng chỗ chút nào cả.

Theo đoạn trình bày lý do thì hiện nay ở Pháp, tư liệu sản xuất, tức là ruộng đất, – ở nhiều nơi, vẫn còn thuộc quyền sở hữu cá nhân của những người sản xuất; song nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội không phải là tách rời tài sản với lao động, mà trái lại là kết hợp hai yếu tố đó của mọi nền sản xuất vào trong tay của một người. Chúng ta đã chỉ ra rằng dưới hình thức chung ấy thì đó không phải là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội mà ngược hẳn lại, nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội là phải đem tư liệu sản xuất giao cho những người sản xuất, coi đó là *sở hữu chung*. Hễ quên mất điều đó thì câu dẫn ra ở trên đây sẽ khiến chúng ta phạm sai lầm, làm cho chúng ta tưởng rằng chủ nghĩa xã hội có nhiệm vụ phải biến quyền sở hữu bề ngoài hiện nay của người tiểu nông thành quyền sở hữu thật sự, do đó phải biến người tiểu nông đi thuê ruộng đất thành người chủ ruộng đất, và biến người chủ ruộng mắc nợ thành người không mắc nợ. Hiển nhiên là chủ nghĩa xã hội quan tâm tìm cách làm cho quyền sở hữu bề ngoài đó của nông dân mất đi, nhưng không phải mất đi theo cách ấy.

Dù sao thì bây giờ chúng ta cũng đi đến cái chỗ mà phần trình bày lý do của bản cương lĩnh có thể tuyên bố thẳng rằng nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội, và hơn nữa nhiệm vụ khẩn thiết của chủ nghĩa xã hội là phải

"làm sao cho người nông dân có ruộng đất vốn tự cày cấy lấy, giữ được quyền sở hữu mảnh ruộng của mình khỏi bị cơ quan thuế vụ và kẻ cho vay nặng lãi xâm phạm và khỏi bị bọn chúa đất mới xâm chiếm".

Như vậy là những lý do đó buộc chủ nghĩa xã hội phải làm một nhiệm vụ khẩn thiết là thực hiện một việc mà những lý do đó đã tuyên bố, ở đoạn trên, là không thể thực hiện được. Những lý do đó giao cho chủ nghĩa xã hội nhiệm vụ phải "giữ được" quyền sở hữu những mảnh ruộng của nông dân, mặc dù chính nó đã nói rằng quyền sở hữu đó "không tránh khỏi bị tiêu vong". Cơ quan thuế vụ, kẻ cho vay nặng lãi, bọn chúa đất lớn mới ra đời là những cái gì nếu không phải là những công cụ mà sản xuất tư bản chủ nghĩa dùng để hoàn thành sự tiêu vong không

tránh khỏi ấy ? Sau đây người ta sẽ thấy "chủ nghĩa xã hội" phải dùng cách gì để bảo vệ cho người nông dân tránh khỏi được ba kẻ thù nói trên.

Nhưng không phải chỉ riêng tài sản của người tiểu nông cần được bảo hộ.

"Nên mở rộng việc bảo vệ đó cho cả những người sản xuất nào, với danh nghĩa là người đi thuê ruộng đất và người cấy rẽ (métayers), đều cày cấy ruộng đất của người khác, và nếu họ có bóc lột người làm công nhật chăng nữa thì đó cũng là do họ bị ngay ách bóc lột mà bản thân họ cũng phải gánh chịu, bắt buộc phải làm như vậy."

Như thế là ở đây, chúng ta đã bước vào một lĩnh vực thật xa lạ. Chủ nghĩa xã hội đặc biệt chống lại sự bóc lột lao động làm thuê. Thế mà ở đây, người ta lại vừa tuyên bố với chúng ta rằng nhiệm vụ khẩn thiết của chủ nghĩa xã hội là bảo vệ người đi thuê ruộng đất ở Pháp, khi họ... "*bóc lột* người làm công nhật", nguyên văn là như thế đấy ! Như vậy là vì những người đi thuê ruộng đất đó đã "bị ngay ách bóc lột mà bản thân họ cũng phải gánh chịu, bắt buộc phải làm như vậy"!

Khi đã đứng trên lập trường sai lầm như thế, mà có bị trượt chân ngã thì cũng thật là nhẹ nhàng và dễ chịu biết bao ! Nếu phú nông và trung nông Đức đến gặp những người xã hội chủ nghĩa Pháp và yêu cầu họ can thiệp với Ban lãnh đạo Đảng dân chủ – xã hội Đức che chở cho họ khi họ bóc lột tôi tớ nam và nữ của họ, bằng cách viện đến "ách bóc lột mà bản thân họ cũng phải gánh chịu" của bọn cho vay nặng lãi, bọn thu thuế, bọn đầu cơ lúa mì và bọn lái buôn gia súc thì những người xã hội chủ nghĩa Pháp sẽ trả lời họ thế nào đây ? Và ai bảo đảm được rằng bọn địa chủ ở nước ta sẽ không cử bá tước Ca-nít-xơ (và chàng ông này cũng đã đưa ra một dự án tương tự như của họ nhằm giao cho nhà nước độc quyền nhập khẩu lúa mì) đến để yêu cầu những người xã hội chủ nghĩa che chở cho chúng trong việc bóc lột công nhân nông nghiệp, bằng cách viện đến "ách bóc lột mà bản thân họ cũng phải gánh chịu" của sở giao dịch, bọn cho vay nặng lãi và bọn đầu cơ lúa mì ?

Chúng ta hãy nói ngay rằng những ý định của người bạn Pháp của chúng ta không phải là xấu như nhiều người tưởng. Đoạn nói trên chỉ nên đem vận dụng vào trường hợp thật đặc biệt này: ở miền bắc nước Pháp, cũng giống như ở những miền trồng củ cải đường của nước ta, nông dân, khi thuê ruộng đất thì bắt buộc phải trồng củ cải đường trong những điều kiện hết sức bất lợi: họ phải bán củ cải đường của mình cho một xưởng nào đó theo giá của xưởng đó quy định, phải mua một số giống má nhất định, phải dùng một số phân bón được quy định trước, và khi giao sản phẩm, lại còn bị lừa gạt một cách trắng trợn nữa. Tất cả những điều đó đều tồn tại ở Đức. Nhưng nếu ta muốn bảo vệ lớp nông dân ấy thì phải nói thẳng điều đó ra. Nếu chỉ xét theo câu văn viết ra như thế, viết ra một cách hết sức chung chung như thế thì đó là một sự vi phạm không những cương lĩnh của Đảng công nhân Pháp, mà còn vi phạm cả nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội nói chung nữa; bởi vậy, những tác giả đoạn văn đó sẽ không có thể phàn nàn, nếu cách biên soạn hết sức cẩu thả như vậy đoạn trình bày lý do, bị khai thác bởi tứ phía, trái với ý định của tác giả.

Đoạn cuối cùng của những lý do cũng có thể gây hiểu lầm được: Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa phải

"tập hợp tất cả những thành phần của nền sản xuất nông thôn và tất cả mọi hoạt động khai thác — dưới các danh hiệu khác nhau — ruộng đất của toàn quốc vào cùng một cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất".

Tôi phủ nhận dứt khoát, ngoài những người vô sản nông nghiệp và tiểu nông ra, rằng đảng công nhân xã hội chủ nghĩa của bất cứ một nước nào đó lại có nhiệm vụ phải thu nhận vào hàng ngũ của mình cả phú nông, hoặc cả trung nông, hoặc cả những

người thuê ruộng có nhiều tài sản, những nhà tư bản chăn nuôi gia súc và những nhà tư bản khác kinh doanh ruộng đất trong toàn quốc nữa. Tất cả những người đó đều coi chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất là kẻ thù chung của họ. Chúng ta có thể hợp tác với họ trong một số vấn đề, trong một thời gian nào đó và chúng ta có thể cùng chiến đấu sát cánh với họ để đạt những mục đích nhất định. Nhưng nếu như chúng ta có thể chấp nhận cho những cá nhân ở bất cứ giai cấp nào trong xã hội được gia nhập đảng ta thì chúng ta lại không thể chấp nhận những nhóm có những lợi ích của nhà tư bản, hoặc của trung nông hoặc của tư sản bậc trung. Ở đây cũng thế, không có gì là xấu như người ta tưởng đâu; dĩ nhiên các tác giả đã không hề nghĩ đến tất cả những điều đó, nhưng đáng tiếc là yêu cầu khái quát vấn đề đã đẩy họ đi quá xa, và họ cũng không nên lấy làm ngạc nhiên nếu người ta nắm lấy từng lời của họ.

Tiếp sau đoạn trình bày lý do, có những điều bổ sung mới cho bản cương lĩnh. Những điều bổ sung này cũng được thảo ra một cách cẩu thả như chính ngay bản trình bày lý do vậy.

Điều khoản nói rằng xã phải mua máy móc nông nghiệp rồi cho nông dân thuê theo giá vốn, được sửa đổi theo cái hướng là trước hết các xã mua những máy móc đó, với sự giúp đỡ của nhà nước, và sau đó, giao cho người tiểu nông sử dụng không phải trả tiền. Sự nhượng bộ mới đó sẽ không làm lợi gì cho tiểu nông vì ruộng đất và lề lối canh tác của họ chỉ cho phép sử dụng máy móc một cách rất hạn chế.

Rồi đến điều:

"Xóa bỏ tất cả mọi thứ thuế gián tiếp và thay thuế trực tiếp bằng thuế lũy tiến đánh vào những khoản thu nhập trên 3 000 phrăng trở lên."

Từ bao năm nay, hầu hết mọi cương lĩnh xã hội chủ nghĩa đều đề ra yêu cầu như thế. Nhưng yêu cầu đó được đưa ra đặc biệt vì lợi ích của tiểu nông là một điều mới mẻ và chỉ chứng tỏ rằng người ta đã ít suy nghĩ đến ý nghĩa của câu nói đó biết

bao ! Hãy chỉ lấy nước Anh làm ví dụ. Ở đây, ngân sách nhà nước là 90 triệu xtéc-linh. Thuế thu nhập cung cấp cho ngân sách đó từ 13½ – 14 triệu, còn 76 triệu nữa thì một phần nhỏ là tiền thuế đánh vào các công việc buôn bán (như bưu chính, điện tín, tem) và phần lớn nhất là thuế đánh vào vật phẩm tiêu dùng thường ngày của quần chúng, là cái thứ thuế cứ mỗi ngày một gặm thêm vào số thu nhập của tất cả mọi người dân nhưng nhất là của những người nghèo, gặm từng mẩu nhỏ không thể thấy được, nhưng dần dần đã lên đến hàng triệu đồng. Và trong xã hội hiện tại, hầu như không thể có cách nào khác để bù đắp lại những khoản chi tiêu của nhà nước. Chúng ta hãy giả định rằng ở Anh, thuế lũy tiến trực tiếp đánh vào những thu nhập từ 120 đồng xtéc-linh (tức 3000 phrăng) trở lên phải bù được 90 triệu. Theo Giu-phen thì từ 1865 – 1875, mức tích lũy trung bình hàng năm, tức là mức tăng hàng năm của toàn bộ tài sản quốc gia là 240 triệu xtéc-linh. Nếu chúng ta giả định rằng hiện nay số tích lũy hàng năm là 300 triệu, thì 90 triệu đồng thuế má ấy đã nuốt mất gần một phần ba toàn bộ số tích lũy rồi. Nói một cách khác, không một chính phủ nào lại có thể làm như đã nói trên kia, nếu không phải là chính phủ xã hội chủ nghĩa; khi người xã hội chủ nghĩa nắm được chính quyền, họ sẽ phải tiến hành những biện pháp khiến cho việc cải cách thuế khóa đó sẽ chỉ là trả tiền dần, nhất thời và hoàn toàn không đáng kể, và khiến cho người tiểu nông sẽ có được những triển vọng khác hẳn.

Hình như những tác giả của cương lĩnh cũng thừa nhận rằng nông dân còn phải chờ đợi lâu nữa mới có cuộc cải cách thuế khóa, vì thế "hiện nay" (en attendant) người ta hứa với họ:

"sẽ hủy bỏ thuế ruộng đất cho những nông dân tự canh tác lấy ruộng đất của mình, và giảm thuế cho những người mà ruộng đất đã phải đem cầm nợ".

Phần thứ hai của yêu cầu đó chỉ có thể áp dụng được cho

những ruộng đất *lớn* quá khả năng canh tác của một gia đình và như vậy lại chỉ làm lợi cho những nông dân "bóc lột người làm công nhật" mà thôi.

Sau nữa là

"tự do săn bắn và đánh cá, không bị sự hạn chế nào ngoài những biện pháp cần thiết để bảo tồn chim muông và cá để bảo vệ mùa màng".

Điều này nghe có vẻ rất hợp lòng dân, nhưng đoạn sau đã xóa bỏ đoạn trước. Thử hỏi trong khắp nông thôn, mỗi gia đình sẽ có được bao nhiêu thỏ, chim đa đa, cá măng, cá chép ? Chỉ vừa đủ cho mỗi người nông dân có thể săn và câu mỗi năm một ngày là hết !

"Giảm tỷ suất lợi tức hợp pháp và theo quy ước" —

nghĩa là những đạo luật mới để chống nạn cho vay nặng lãi, một dự định mới để áp dụng một biện pháp cảnh sát đã thất bại từ hai nghìn năm nay vào bất kỳ lúc nào và bất cứ ở đâu. Nếu những người tiểu nông buộc họ phải cho rằng đến tên cho vay nặng lãi là một tai họa nhỏ hơn thì tên này sẽ luôn luôn có cách để bóc lột người tiểu nông mà tránh được đạo luật chống cho vay nặng lãi. Biện pháp đó chỉ có thể dùng để xoa dịu người tiểu nông chứ không bao giờ làm lợi cho họ cả; trái lại nó làm cho người nông dân khi cần nhất, lại càng khó vay hơn.

"Chữa bệnh không mất tiền và bán thuốc theo giá vốn" —

cố nhiên là biện pháp này không phải chỉ áp dụng riêng cho nông dân mà thôi; cương lĩnh của Đức còn tiến bộ hơn, nó đòi cấp không thuốc men.

"Phụ cấp cho gia đình những người lính trừ bị trong suốt thời gian được gọi đi nghĩa vụ quân sự". —

điều này đã được thi hành ở Đức và ở Áo, dù được thi hành một cách không đầy đủ, và cũng không phải chỉ là đòi riêng cho nông dân.

"Hạ giá vận chuyển phân bón, máy móc và sản phẩm nông nghiệp" —

điều đó cơ bản đã được thi hành ở Đức và đúng là có lợi nhất cho bọn đại địa chủ.

"Nghiên cứu ngay một kế hoạch công trình công cộng nhằm cải tạo ruộng đất và phát triển sản xuất nông nghiệp" —

điều đó là quá viển vông, mơ hồ, đó là những lời hứa tốt đẹp, nhưng một khi đã được thực hiện thì trước hết, là có lợi cho bọn đại địa chủ.

Tóm lại, sau tất cả những nỗ lực lý luận tuyệt diệu trong đoạn trình bày lý do, những đề nghị thực tiễn trong bản cương lĩnh ruộng đất mới không mảy may giải thích cho chúng ta thấy rằng Đảng công nhân Pháp làm thế nào để cho người tiểu nông giữ được quyền sở hữu mảnh ruộng đất nhỏ của họ trong khi mà theo chính những lời nói của đảng thì quyền sở hữu ấy không tránh khỏi bị tiêu vong.

II

Các đồng chí Pháp của chúng ta chắc chắn đã đúng ở một điểm là: ở Pháp, không thể có được một cuộc cách mạng bền vững nào, một khi nó *chống lại nguyện vọng* của tiểu nông. Chỉ có điều là tôi cảm thấy rằng để tranh thủ được nông dân, hình như các đồng chí đó đã đặt đòn bẩy không đúng chỗ.

Hình như các đồng chí đó nhằm mục đích tranh thủ ngay người tiểu nông, có lẽ muốn tranh thủ cho các cuộc tổng tuyển cử sắp tới. Các đồng chí đó chỉ có thể hy vọng đạt tới mục đích ấy, khi đưa ra những lời hứa hẹn chung rất mạo hiểm để rồi muốn bảo vệ những lời hứa hẹn đó lại buộc phải lao vào những lý do lý luận còn mạo hiểm hơn. Khi suy xét kỹ, chúng ta thấy ngay rằng những lời hứa hẹn chung đó lại mâu thuẫn với nhau (hứa hẹn sẽ duy trì một tình trạng mà người ta cho là không thể tránh khỏi bị tiêu vong); rằng những biện pháp đặc biệt hoặc sẽ không có tác dụng thực tế nào cả (như đạo luật chống nạn cho vay nặng lãi), hoặc chỉ là những yêu sách chung của công nhân thôi, hoặc chỉ có lợi cho bọn chiếm hữu nhiều ruộng đất, hoặc cuối cùng chỉ có một tầm quan trọng rất nhỏ đối với lợi ích của người tiểu nông; thành thử bộ phận có tính chất thực tiễn hoàn toàn trong cương lĩnh lại sửa chữa những sai lầm ở phần đầu và làm cho những điều khoa trương có vẻ ghê gớm của đoạn trình bày lý do trở thành những biện pháp hoàn toàn vô thưởng vô phạt.

Chúng ta hãy nói thẳng ra rằng: vì người tiểu nông vốn có những thiên kiến bắt nguồn từ toàn bộ địa vị kinh tế của họ, từ nền giáo dục và cách sống đơn độc của họ, và được báo chí tư sản và bọn địa chủ nuôi dưỡng, nên chúng ta chỉ có thể tranh thủ được quần chúng tiểu nông trong một thời gian ngắn mà thôi nếu chúng ta đưa ra cho họ những lời hứa mà chúng ra biết rõ là chúng ta không thể thực hiện được. Cụ thể là: chúng ta buộc phải hứa với họ là không những bảo vệ sở hữu của họ, trong mọi trường hợp, chống lại tất cả mọi thế lực kinh tế đang tấn công vào sở hữu đó, mà còn phải giải thoát sở hữu này khỏi cái gánh nặng hiện đang đè nặng lên nó: tức là biến người đi thuê ruộng đất thành người sở hữu tự do, và giải phóng người sở hữu đang kiệt sức dưới gánh nặng của cầm cố khỏi nợ nần. Nếu chúng ta có thể làm được như vậy thì chúng ta nhất định sẽ quay trở lại cái trật tự mà trật tự hiện nay tất yếu phải phát triển lên từ đó. Kết quả là chúng ta sẽ không giải phóng được nông dân mà chỉ trì hoãn sự tiêu vong của họ trong một thời gian nào đó mà thôi.

Nhưng chúng ta không có lợi gì mà tranh thủ ngay lập tức người nông dân để rồi họ lại ngay lập tức từ bỏ chúng ta khi chúng ta không thể giữ được lời hứa. Người nông dân đòi hỏi chúng ta phải duy trì vĩnh viễn quyền sở hữu miếng đất manh mún của họ, chẳng khác gì người tiểu chủ cứ muốn vĩnh viễn là tiểu chủ, thì chúng ta không bao giờ biến họ thành một người đồng chí của chúng ta được. Chỗ của những người đó là ở phía những người bài Do Thái. Họ hãy cứ đi với những người bài Do Thái để nghe lời hứa hẹn rằng cơ nghiệp nhỏ bé của họ sẽ được cứu vớt; đến khi họ đã hiểu được rằng những lời nói văn hoa ấy có giá trị như thế nào, và những vì cầm bài Do Thái chơi loại giai điệu gì khi hứa với họ một hạnh phúc thiên đường, thì lúc đó ngày càng có nhiều người trong bọn họ sẽ hiểu rằng chúng ta tuy hứa ít và tìm con đường giải thoát hoàn toàn theo một

hướng khác, nhưng chúng ta lại là những người đáng tin cậy hơn. Nếu người Pháp đã có một hoạt động mị dân bài Do Thái ầm ĩ như ở chúng ta thì vị tất họ đã dễ phạm sai lầm của Đại hội Năng-tơ !

Vậy lập trường của chúng ta đối với tiểu nông như thế nào? Và chúng ta phải hành động ra sao đối với họ, một khi chính quyền đã về tay chúng ta?

Một là, trong cương lĩnh của người Pháp, có luận điểm này là tuyệt đối đúng: chúng ta thấy trước sự tiêu vong tất yếu của tiểu nông, nhưng chúng ta tuyệt nhiên không có nhiệm vụ đẩy nhanh sự tiêu vong đó bằng sự can thiệp của mình.

Hai là, cũng hoàn toàn hiển nhiên rằng khi chúng ta nắm được chính quyền, chúng ta sẽ không thể nghĩ đến dùng bạo lực để tước đoạt tiểu nông (dù có hoặc không có bồi thường cũng vậy), như chúng ta buộc phải tước đoạt bọn địa chủ. Nhiệm vụ của chúng ta đối với tiểu nông, trước hết là phải hướng nền kinh doanh cá thể và sở hữu của họ vào con đường kinh doanh hợp tác, không phải bằng bạo lực mà là bằng những tấm gương và bằng sự giúp đỡ của xã hội. Cố nhiên là ở đây, chúng ta có khá đủ phương tiện để chứng minh cho người tiểu nông thấy rõ những lợi ích ngay hiện nay đã rõ ràng đối với họ.

Gần hai mươi năm nay, những người xã hội chủ nghĩa Dan Mạch chỉ có độc một thành phố thật sự trong đất nước họ, đó là Cô-pen-ha-ghen, cho nên ngoài thành phố này ra, họ chỉ có tuyên truyền trong nông dân và đã vạch ra những kế hoạch như thế. Nông dân trong một làng hay thuộc một xứ đạo – ở Dan Mạch có rất nhiều nông hộ lớn, riêng lẻ – đã phải tập hợp ruộng đất của họ lại thành một trại lớn, cùng cày cấy chung và chia hoa lợi theo tỷ lệ những đóng góp – ruộng đất, tiền bạc– và lao động. Ở Dan Mạch, chế độ sở hữu nhỏ chỉ có tác dụng thứ yếu. Nhưng nếu chúng ta đem vận dụng tư tưởng đó vào một nước có chế độ sở hữu manh mún, chúng ta sẽ thấy rằng trong khi hợp nhất những ruộng đất nhỏ lại và cày cấy theo những phương pháp canh tác quy mô lớn toàn bộ diện tích thì một bộ phận nhân công đã có công ăn việc làm từ trước, nay thành ra thừa; chính sự tiết kiệm lao động đó là một trong những lợi thế quan trọng nhất của chế độ canh tác quy mô lớn. Số nhân công thừa đó có thể được sử dụng theo hai cách: hoặc người ta để cho hợp tác xã nông dân sử dụng những ruộng đất khác lấy ở các sản nghiệp lớn lân cận, hoặc cung cấp cho những nông dân đó những tư liệu và khả năng làm công nghiệp coi là nghề phụ, nhằm chủ yếu phục vụ việc tiêu dùng của cá nhân, được chừng nào hay chừng ấy. Trong cả hai trường hợp, địa vị kinh tế của hợp tác xã đều được cải thiện hơn, đồng thời người ta lại bảo đảm cho cơ quan lãnh đạo chung của hiệp hội có được ảnh hưởng cần thiết để chuyển dần hợp tác xã nông dân lên một hình thức cao hơn và để làm cho quyền lợi và nghĩa vụ vừa của toàn thể hợp tác xã, lẫn của riêng các xã viên, ngang với quyền lợi và nghĩa vụ của các ngành khác trong toàn thể cộng đồng. Những điều kiện của mỗi một trường hợp riêng biệt và những hoàn cảnh trong đó chúng ta nắm chính quyền sẽ quyết định cách chúng ta phải hành động trong trường hợp riêng biệt đó. Như vậy, có lẽ chúng ta có thể đem lại cho các hợp tác xã nói trên nhiều điều lợi khác nữa: giao lại toàn bộ những khoản nợ cầm cố cho ngân hàng quốc gia đồng thời hết sức giảm nhẹ tỷ suất lợi tức; rút trong quỹ công cộng để ứng trước những số vốn nhằm xây dựng chế độ canh tác quy mô lớn (số ứng trước đó không nhất thiết hoặc phải chủ yếu là tiền bạc, mà còn là những sản phẩm cần thiết như: máy móc, phân bón, v.v.) và những cái ưu việt khác nữa.

Dù sao thì điều chủ yếu cũng là phải làm cho nông dân hiểu rằng chúng ta chỉ có thể cứu vãn và bảo tồn được tài sản của họ bằng cách biến tài sản đó thành tài sản hợp tác xã và thành

những doanh nghiệp hợp tác xã. Bởi vì chính nền kinh tế cá thể, kết quả của chế độ sở hữu tư nhân, mới làm cho nông dân bị diệt vong. Nếu họ muốn bảo tồn nền kinh tế cá thể, thì tất yếu họ sẽ bị đuổi ra khỏi cơ nghiệp của họ, còn phương thức sản xuất lỗi thời của họ sẽ nhường chỗ cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa quy mô lớn. Tình hình đã đến như thế và lúc đó, chúng ta tới và đem lại cho nông dân khả năng áp dụng lối kinh doanh lớn, không phải vì lợi ích của bọn tư bản, mà vì lợi ích chung của chính họ, thì há lại không thể làm cho nông dân hiểu rằng đây là vì lợi ích của họ, đây là con đường thoát duy nhất hay sao ?

Chúng ta không thể hứa và không bao giờ có thể hứa với những người nông dân có những mảnh đất nhỏ rằng chúng ta sẽ duy trì quyền sở hữu tài sản cá nhân của họ và nền kinh doanh cá thể của họ, chống lại ưu thế của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chúng ta chỉ có thể hứa với họ rằng chúng ta sẽ không can thiệp vào những quan hệ tài sản của họ, bằng bạo lực, ngược lại ý muốn của họ. Chúng ta cũng có thể cố hết sức làm sao cho ngay từ nay trở đi, cuộc đấu tranh của bọn tư bản và địa chủ chống những người tiểu nông phải được tiến hành bằng những thủ đoạn ít bất lương hơn và làm sao cho việc cướp đoạt trực tiếp và việc lường gạt mà người ta thường tiến hành được ngăn chặn càng nhiều càng tốt. Chỉ có thể thực hiện được như vậy trong trường hợp ngoại lệ mà thôi. Trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển, không ai phân rõ được đến đâu là kết thúc sự thực thà và từ đâu là bắt đầu sự lường gạt. Nhưng tình hình sẽ luôn luôn khắc hẳn, nếu quyền lực nhà nước đứng về phía những kẻ lừa bịp hay đứng về phía những người bị lừa bịp. Chúng ta kiên quyết đứng về phía người tiểu nông; chúng ta sẽ cố tìm đủ mọi cách để làm cho số phận của họ được dễ chịu hơn, để cho họ chuyển sang hợp tác xã được dễ dàng hơn, nếu họ quyết chuyển như thế, và thậm chí để cho họ có thời gian suy nghĩ với tư cách là người sở hữu mảnh đất của họ nếu họ chưa có thể quyết định như thế.

Chúng ta làm như vậy không những vì chúng ta coi người tiểu nông tự cày cấy lấy gần như là người của chúng ta, và sau nữa cũng là vì chính ngay lợi ích của đảng. Số nông dân mà chúng ta làm cho họ tránh khỏi bị rơi xuống thành giai cấp vô sản và chúng ta có thể tranh thủ được khi họ còn là nông dân, mà càng đông bao nhiêu thì việc cải tạo xã hội sẽ hoàn thành càng nhanh chóng và dễ dàng bấy nhiêu. Thật chẳng có ích gì cho chúng ta cả, nếu chúng ta chờ cho tới khi nền sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển, ở khắp nơi, đến những hậu quả cuối cùng của nó, cho tới khi người tiểu thủ công cuối cùng và người tiểu nông cuối cùng trở thành nạn nhân của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, rồi mới thực hiện việc cải biến đó, những hy sinh vật chất mà chúng ta có thể thực hiện được, về mặt ấy, vì lợi ích của nông dân thì theo quan điểm kinh tế tư bản chủ nghĩa, chỉ có thể là tiền vứt qua cửa sổ, nhưng đó lại là một cách sử dụng tiền tốt nhất, vì những hy sinh vật chất đó có thể tiết kiệm được gấp mười lần số tiền phí tổn cho việc cải tổ lại toàn bộ xã hội. Cho nên, theo hướng đó, chúng ta có thể đối xử rất rộng rãi với nông dân. Đây không phải là lúc nói chi tiết, đưa ra những đề nghị chính xác theo hướng đó, mà chỉ có thể nói đến những nguyên tắc chung thôi.

Cho nên, trong những việc mà chúng ta có thể giúp ích cả cho đảng lẫn cho người tiểu nông thì không có việc gì xấu bằng việc đưa ra những lời tuyên bố gợi lên ý nghĩ cho rằng ý định của chúng ta là muốn duy trì lâu dài chế độ sở hữu manh mún. Như vậy sẽ là cản trở con đường giải phóng nông dân, sẽ là hạ thấp đảng xuống ngang chủ nghĩa bài Do Thái lắm mồm lắm miệng. Trái lại, nhiệm vụ của đảng ta là phải không ngừng giải thích cho nông dân thấy rõ rằng chừng nào mà chủ nghĩa tư bản đang còn nắm chính quyền thì tình cảnh của họ vẫn là tuyệt vọng; là phải vạch cho họ thấy rằng tuyệt đối không thể cứ bảo tồn chế độ sở hữu manh mún của họ như cũ được, rằng

tuyệt đối chắc chắn là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa quy mô lớn sẽ đè bẹp nền sản xuất quy mô nhỏ, bất lực và lỗi thời của họ, cũng như tàu hỏa đè bẹp một xe cút kít vậy. Làm như thế, là chúng ta hành động phù hợp với sự phát triển kinh tế tất yếu và sự phát triển đó sẽ chứng tỏ cho tiểu nông thấy rằng chúng ta nói đúng.

Ngoài ra, trước khi thôi bàn về chủ đề này, tôi cần phải nói lên rằng tôi tin tưởng là về căn bản các tác giả của bản cương lĩnh của Đại hội Năng-tơ đều có cùng một quan điểm như tôi. Họ rất sáng suốt nên không thể không biết rằng chế độ sở hữu manh mún của nông dân phải chuyển thành chế độ sở hữu tập thể. Chính họ cũng thừa nhận rằng chế độ sở hữu manh mún tất phải bị diệt vong. Báo cáo của Ủy ban toàn quốc tại Đại hội Năng-tơ do La-phác-gơ thảo ra, là hoàn toàn phù hợp với quan điểm đó. Bản báo cáo đó đã được đăng bằng tiếng Đức trên tờ báo "Sozialdemokrat" ở Béc-lin, ngày 18 tháng Mười năm nay[504]. Nhưng mâu thuẫn trong lời văn của bản cương lĩnh của Đại hội Năng-tơ đã chứng minh rằng các tác giả của cương lĩnh đó không có ý định nói những điều mà trên thực tế họ đã nói ra. Nếu người ta không hiểu những lời họ nói, hoặc nếu người ta lạm dụng – trên thực tế, điều đó đã xảy ra – cách họ diễn đạt thì thật ra đó chỉ là lỗi tại họ thôi. Dù sao, họ cũng sẽ giải thích cương lĩnh của họ rõ hơn và kỳ đại hội sắp tới của đảng Pháp sẽ phải xét lại thật kỹ cương lĩnh ấy.

Bây giờ, chúng ta nói đến những nông dân giàu có hơn. Trong loại này, chúng ta thấy – chủ yếu là do chia gia tài, nhưng cũng còn do nợ nần hoặc phải cưỡng mại ruộng đất – có cả một loạt mẫu khác nhau về những giai đoạn quá độ từ người nông dân có mảnh ruộng đất manh mún đến người phú nông còn giữ được toàn bộ số ruộng đất cũ của mình và thậm chí còn có nhiều hơn nữa. Ở

nơi nào mà người trung nông sống giữa những người tiểu nông, thì những quyền lợi và quan điểm của họ với quyền lợi và quan điểm của người tiểu nông không có gì là khác nhau cả, vì kinh nghiệm bản thân đã cho họ thấy có nhiều người như họ đã rơi xuống cái khối đông đảo những người tiểu nông rồi. Nhưng ở nơi nào mà trung nông và phú nông đông hơn, và việc cày cấy đòi hỏi, nói chung, phải mướn người ở canh điền và đầy tớ gái thì tình hình lại khác. Một đảng công nhân dĩ nhiên là phải bênh vực trước hết những người làm công tức là bênh vực những đầy tớ nam, nữ và những người làm công nhật; do đó, đảng công nhân không được hứa hẹn với nông dân những điều gì có hàm ý rằng chế độ làm công sẽ tồn tại mãi mãi. Chừng nào mà những trung nông và phú nông, với tính cách như thế, vẫn còn tồn tại thì họ không thể làm ăn mà lại không mượn người làm công. Cho nên, về phía chúng ta, nếu duy trì trong những nông dân có mảnh ruộng manh mún niềm hy vọng về sự tồn tại lâu dài của họ với tư cách là tiểu nông, là điên rồ thì hứa như thế với trung nông hay với phú nông, sẽ gần như là phản bội trực tiếp vậy.

Chúng ta lại cũng có thể so sánh với người thủ công ở thành thị. Thật ra, so với nông dân, họ còn ở gần chỗ diệt vong hơn, nhưng vẫn còn có những người không những chỉ muốn thợ học việc, mà cũng thuê cả công nhân nữa, hoặc họ bắt thợ học việc làm công việc của công nhân. Trong số những tiểu chủ, kẻ nào muốn vĩnh viễn là người chủ thì cứ việc đến với phái bài Do Thái là sẽ thấy rằng ở phía đó cũng không có con đường nào giúp được họ cả. Còn những tiểu chủ khác hiểu rằng phương thức sản xuất của họ không thể tránh khỏi bị diệt vong, thì đến với chúng ta và trong tương lai họ sẵn sàng cùng chia sẻ vận mệnh đang chờ đợi tất cả mọi công nhân khác. Đối với phú nông và trung nông thì cũng không khác thế. Dĩ nhiên chúng ta quan tâm đến người ở nam, nữ của họ và người làm công nhật cho

họ, hơn là quan tâm tới họ. Nếu những người nông dân đó muốn chúng ta bảo đảm cho kinh tế của họ tồn tại, chúng ta sẽ không sao làm như thế được. Chỗ đứng của họ là ở phía bọn bài Do Thái, trong Liên minh nông dân và trong các đảng phái khác cùng loại, tức là ở phía những kẻ không có thích thú nào lớn hơn là cứ hứa hẹn bừa đi rồi sau đó chẳng giữ một lời hứa nào cả. Theo quan điểm kinh tế, chúng ta tin chắc rằng trung nông và phú nông cũng sẽ không tránh khỏi bị đè bẹp bởi sự cạnh tranh tư bản chủ nghĩa và việc sản xuất ngũ cốc giá hạ ở hải ngoại; vả lại, bằng chứng về điều đó là nợ nần ngày càng tăng và sự phá sản hiển nhiên của họ. Chúng ta không có cách gì để đối phó với cảnh phá sản ấy, mà chỉ có cách là đề nghị thực hiện tập hợp các tài sản lại thành một cơ sở kinh doanh hợp tác xã, khiến cho có thể xóa bỏ được dần dần tình trạng bóc lột nhân công làm thuê và có thể dần dần tiến hành việc cải tạo thành những ngành có những quyền lợi và nghĩa vụ như nhau trong một hợp tác xã sản xuất toàn quốc quy mô lớn. Nếu những nông dân đó hiểu được rằng phương thức sản xuất hiện nay của họ là không tránh khỏi bị tiêu vong, và do đó mà rút ra được những kết luận cần thiết thì họ sẽ đến với chúng ta, và khi đó nhiệm vụ của chúng ta sẽ là đem hết khả năng ra giúp họ dễ dàng chuyển qua một phương thức sản xuất mới. Nếu không thì phải bỏ mặc họ cho số phận của họ, còn chúng ta thì sẽ phải kêu gọi những người làm công của họ, những người này sẽ hưởng ứng chúng ta. Cả ở đây nữa, rất có thể là chúng ta cũng sẽ không thể nói đến việc tước đoạt bằng bạo lực và chúng ta có thể trông cậy vào sự phát triển kinh tế để mở mang cho những đầu óc có phần khó tiếp thu đó hiểu được lẽ phải.

Chỉ có nói về chế độ sở hữu lớn về ruộng đất thì vấn đề mới thật là giản đơn mà thôi. Ở đây, trước mắt chúng ta là một chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, hoàn toàn không che đậy và do đó chúng ta không phải thận trọng gì cả nữa. Trước mắt chúng ta là đông đảo quần chúng vô sản nông nghiệp, và nhiệm vụ của chúng ta thật là rõ ràng. Ngay khi đảng ta nắm được chính quyền thì chỉ có việc tước đoạt tài sản của bọn địa chủ, cũng như tước đoạt tài sản của những nhà công nghiệp lớn mà thôi. Tước đoạt có bồi thường hay không bồi thường, điều đó không tùy thuộc chủ yếu vào chúng ta mà là tùy thuộc vào những điều kiện trong đó chúng ta nắm được chính quyền và nhất là tùy thuộc cả ở thái độ của bản thân các ngài địa chủ. Chúng ta không mảy may cho rằng bất luận trong trường hợp nào cũng không thể chấp nhận bồi thường được; Mác đã từng nói với tôi không biết bao nhiêu lần rằng theo ý kiến của Người thì chúng ta sẽ giải quyết được vấn đề đó một cách ít tốn kém nhất, nếu chúng ta có thể dùng biện pháp chuộc lại của tất cả bọn đó. Nhưng đó không phải là việc của chúng ta ở đây. Những tài sản lớn được trả lại cho tập thể như vậy sẽ phải được giao lại cho công nhân nông nghiệp, đã được tổ chức thành hợp tác xã cày cấy ngay từ bây giờ, sử dụng dưới sự kiểm soát của tập thể. Việc này sẽ được tiến hành dưới những hình thức nào; ngay từ bây giờ, chưa có thể xác định được. Dù sao, việc cải tạo kinh doanh tư bản chủ nghĩa thành kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ở đây, đã được chuẩn bị đầy đủ và có thể ngày một ngày hai là được thực hiện, như ở trong các công xưởng của Ngài Crúp-pơ hoặc của Ngài Phôn Stum chẳng hạn. Và tấm gương của những hợp tác xã nông nghiệp đó sẽ chứng minh cho ngay cả những người cuối cùng trong đám nông dân có mảnh ruộng đất nhỏ, còn ngoan cố và có thể cho cả một vài phú nông thấy rõ những điều lợi của nền kinh tế lớn hợp tác xã quy mô lớn.

Cho nên trong trường hợp đó, chúng ta có thể làm cho người

vô sản nông nghiệp nhìn thấy trước được một vài triển vọng ít ra cũng sáng sủa như những triển vọng của những người vô sản công nghiệp. Cho nên đối với chúng ta, vấn đề tranh thủ những công nhân nông nghiệp Phổ ở miền Đông sông En-bơ theo cách đó chỉ là vấn đề thời gian, và thời gian ngắn nhất thôi. Nhưng khi những người đó đều đã đứng về phía chúng ta thì cả nước Đức sẽ cảm thấy như có một làn gió mới thổi đến. Chế độ nửa nông nô thực sự của công nhân nông nghiệp Phổ ở miền Đông sông En-bơ là cơ sở chủ yếu của nền thống trị của bọn địa chủ quý tộc Phổ và do đó cũng là cơ sở chủ yếu của nền thống trị đặc biệt Phổ ở toàn nước Đức. Chính bọn địa chủ quý tộc đó – cái bọn cứ mỗi ngày một bị phá sản do mắc nợ, do bị bần cùng hóa, do sống bám vào nhà nước hay bám vào kẻ khác, và chính vì thế mà càng hết sức tìm cách cố bám lấy quyền thống trị của chúng – đã tạo ra và đang duy trì tính chất đặc biệt Phổ của chế độ quan liêu cũng như của giới sĩ quan trong quân đội; tính kiêu căng, đầu óc thiển cận và ngạo mạn của chúng đã gây ra mối căm thù trong nước đối với cái đế chế Đức của dân tộc Phổ ấy, – dù mọi người đều thừa nhận rằng ngay thời ấy thì đây là hình thức duy nhất có thể có được để thực hiện sự thống nhất nước Đức,- và đã không thể tranh thủ được sự kính trọng của người ngoại quốc đối với đất nước đã chiến thắng rực rỡ ấy! Chính quyền của bọn địa chủ qúi tộc ấy dựa trên cơ sở là trong vùng thống nhất gồm bảy tỉnh của Phổ cũ - tức gần một phần ba của toàn bộ đế quốc – nó nắm tài sản ruộng đất là cái đưa lại quyền lực chính trị và quyền lực xã hội ở đây và không những chỉ nắm tài sản ruộng đất mà còn thông qua chẳng hạn các xưởng làm đường củ cải và xưởng làm rượu mùi để nắm cả những ngành công nghiệp quan trọng nhất ở vùng đó. Cả những địa chủ ở các vùng khác thuộc nước Đức, lẫn những nhà công nghiệp

lớn đều không có được một địa vị thuận lợi như vậy; cả hai đều không có được một vương quốc thống nhất như thế. Cả hai đều ở rải rác trong những vùng rộng lớn và tranh giành ưu thế chính trị và kinh tế với những thành phần xã hội ở xung quanh chúng. Nhưng cái địa vị quyền lợi đó của bọn địa chủ quý tộc Phổ lại ngày càng mất cơ sở kinh tế của nó. Tình trạng mắc nợ và bần cùng hóa không ngừng lan rộng mặc dù đã có tất cả mọi sự giúp đỡ của nhà nước (và từ khi Phri-đrích II lên ngôi thì khoản giúp đỡ ấy được bọn địa chủ quý tộc thường xuyên ghi thành một khoản trong ngân sách của chúng); chỉ có tình trạng nửa nông nô của công nhân công nghiệp, một tình trạng đã được tập quán và luật pháp thực tế thừa nhận và đã cho phép bóc lột một cách không giới hạn, mới đem lại cho bọn địa chủ quý tộc khả năng khỏi bị tiêu vong mà thôi. Hãy tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong những công nhân ấy, hãy đem lại cho họ lòng dũng cảm và hãy đoàn kết họ lại trong cuộc đấu tranh cho những quyền lợi của họ và thế là chấm dứt được nền thống trị của bọn địa chủ quý tộc ! Cái quyền lực phản động to lớn, một thành phần đã man và xâm lược đối với nước Đức cũng giống hệt như chế độ Nga hoàng đối với toàn thể châu Âu, sẽ nổ tung như một cái bong bóng bị chọc thủng vậy. Những "binh đoàn ưu tú" của người Phổ sẽ trở thành dân chủ – xã hội và lúc đó sẽ xảy ra một sự thay đổi lực lượng mang trong lòng nó cả một cuộc cách mạng. Đó là lý do vì sao mà việc tranh thủ giai cấp vô sản nông nghiệp Phổ ở miền Đông sông En-bơ lại quan trọng hơn nhiều so với việc tranh thủ những tiểu nông ở miền Tây hoặc những trung nông ở miền Nam. Chính đó, ở miền Đông sông En-bơ ở nước Phổ, là chiến trường quyết định của chúng ta, và vì vậy mà cả chính phủ lẫn bọn địa chủ quý tộc sẽ tìm mọi cách để chặn không cho chúng ta tiến vào đó. Và nếu – như người

ta đã dọa chúng ta – những biện pháp bạo lực sẽ lại được dùng để ngăn cản sự phát triển của đảng ta thì như thế, chủ yếu là để ngăn chặn không cho giai cấp vô sản nông nghiệp Phổ ở miền Đông sông En-bơ tiếp xúc với sự tuyên truyền của chúng ta. Nhưng chẳng hề chi, dù sao chúng ta cũng tranh thủ được giai cấp vô sản nông nghiệp.

VỀ TẬP THỨ TƯ BỘ "TƯ BẢN" CỦA MÁC [505]

Trong thông báo về việc xuất bản tập thứ ba bộ "Tư bản" của Mác do báo "Vorwärts" công bố có nói rằng rõ ràng là phải bỏ việc xuất bản tập thứ tư với nội dung là lịch sử của học thuyết vì

"trừ một số đoạn ghi chú ngắn ra, không tìm thấy bất cứ công trình sơ bộ nào cho tập cuối tác phẩm của ông".

Chúng tôi hy vọng rằng về mặt này báo "Vorwärts" phần nào đã nhầm. Ít ra là trong lời tựa cho tập thứ hai bộ "Tư bản", Ph.Ăng-ghen đã cung cấp cho chúng ta một số tư liệu làm yên lòng hơn. Theo những tư liệu ấy thì có bản thảo thuộc những năm 1861 – 1863: "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" gồm 1472 trang khổ một phần tư tờ giấy; trong bản thảo này, ở các trang 220 – 972 có phần: "Các học thuyết về giá trị thặng dư" mà Ăng-ghen nói: "Phần này chứa đựng *lịch sử phê phán chi tiết* về điểm trung tâm của khoa kinh tế chính trị, học thuyết về giá trị thặng dư... Tôi dành cho mình quyền *công bố* phần phê phán của bản thảo này *dưới dạng quyển IV bộ "Tư bản"*,

hơn nữa trong phần này sẽ bỏ đi rất nhiều chỗ đã trình bày tường tận trong quyển II và quyển III" [506].

Viết ngày 22 tháng Mười một 1894
Đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit"
Bd. I, số 9, 1894-1895

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN

Luân Đôn, ngày 6 tháng Chạp 1894

41, Rít-gien-pắc-rốt, Noóc-Oc-xtđ

Đồng chí kính mến!

Xin Đồng chí chuyển đến Hội lời cảm ơn chân thành của tôi về lời chúc mừng nhân dịp ngày sinh của tôi. Tôi hy vọng rằng Hội mà cách đây bốn năm đã kỷ niệm nửa thế kỷ ngày thành lập của mình, sẽ sống đến 74 tuổi như tôi và lúc đó Hội sẽ càng sung sức và tươi trẻ để kỷ niệm cả một trăm tuổi của mình.

Chào chân thành

Ph. Ăng-ghen của Đồng chí

Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t. XXIX, 1946

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN ÁO NHÂN DỊP BÁO "ARBEITER - ZEITUNG" RA HÀNG NGÀY [507]

Tờ báo hàng ngày đầu tiên bao giờ cũng có nghĩa là một bước tiến lớn trong sinh hoạt của mỗi đảng, đặc biệt là đảng công nhân![1*] Đó là vị trí thứ nhất mà từ đó nó có thể, ít ra là trong lĩnh vực báo chí, tiến hành đấu tranh với đối thủ của mình bằng vũ khí có giá trị ngang nhau. Vị trí đó các đồng chí đã giành được cho mình; giờ đây vấn đề là cần phải giành vị trí thứ hai: quyền bầu cử, nghị viện. Và ở đây các đồng chí cũng sẽ thành công, nếu các đồng chí sử dụng, khôn khéo như trong mười lăm tháng gần đây, tình hình chính trị ngày càng thuận lợi cho các đồng chí, nếu các đồng chí có thể kịp thời chuyển sang hành động kiên quyết, nhưng thật kịp thời – như thường đòi hỏi – chớp thời cơ, nghĩa là bất hoàn cảnh phải phục vụ có lợi cho các đồng chí.

1* Trong thư gửi V.Ăt-le, trước câu này có những chữ sau đây mà trong bản in không có: "Nhờ bạn chuyển đến công nhân Áo lời tôi chúc mừng tờ báo hàng ngày của họ".

Tôi xin chúc báo hàng ngày "Arbeiter – Zeitung" hạnh phúc và thành công.

Phri-đrích Ăng-ghen

Luân Đôn, ngày 27 tháng Chạp 1894

Đã đăng trên báo "Arbeiter - Zeitung" số 1, ngày 1 tháng Giêng 1895

In theo bản đăng trên báo, có đối chiếu với bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

LỜI NÓI ĐẦU VIẾT CHO TÁC PHẨM "ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP TỪ 1848 ĐẾN 1850" CỦA C.MÁC[508]

Trong tác phẩm này của Mác, lần đầu tiên Mác thử giải thích một giai đoạn lịch sử cận đại bằng quan điểm duy vật của mình và xuất phát từ tình hình kinh tế lúc bấy giờ. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", lý luận được vận dụng để phác họa về đại thể toàn bộ lịch sử hiện đại, còn trong những bài của Mác và của tôi đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung", chúng tôi lại vận dụng lý luận đó để giải thích những sự biến chính trị hồi bấy giờ. Nhưng ở đây, trái lại, vấn đề là phải vạch rõ mối liên hệ nhân quả nội tại trong quá trình của một sự phát triển lịch sử nhiều năm, – sự phát triển vừa cấp thiết vừa điển hình đối với toàn bộ châu Âu, – nghĩa là theo tinh thần của tác giả thì phải quy những sự biến chính trị là những kết quả của những nguyên nhân, xét cho đến cùng, đều là những nguyên nhân kinh tế.

Trong khi nhận định về những sự biến và những chuỗi sự biến của lịch sử hiện nay, người ta không bao giờ có thể truy nguyên tới những nguyên nhân kinh tế *cuối cùng* được. Thậm chí ngày nay, báo chí chuyên môn đã cung cấp được những tài liệu rất dồi dào, thế nhưng ngay cả ở Anh nữa, người ta vẫn khó lòng theo dõi được hàng ngày tiến trình của công nghiệp và thương

nghiệp trên thị trường thế giới và những sự thay đổi phương pháp sản xuất, để có thể bất cứ lúc nào, cũng làm được bản tổng kết chung về những nhân tố vô cùng phức tạp và luôn luôn thay đổi ấy, những nhân tố trong đó những nhân tố quan trọng nhất lại thường tác động ngấm ngầm trong một thời gian dài trước khi đột nhiên công khai bộc lộ một cách mãnh liệt. Không thể nào nhìn tổng quát được rõ ràng lịch sử kinh tế của một thời kỳ nhất định ngay trong lúc đang xảy ra các sự biến; chỉ mãi về sau, sau khi đã tập hợp và chọn lọc xong những tài liệu, người ta mới có thể làm được điều đó. Ở đây, thống kê là một phương tiện cần thiết, nhưng nó bao giờ cũng khập khiễng đi sau. Cho nên đối với việc nghiên cứu lịch sử cận đại, rất thường khi người ta buộc lòng phải coi nhân tố ấy, nhân tố quyết định nhất, là một nhân tố bất biến; buộc lòng phải coi tình hình kinh tế trong buổi đầu của thời kỳ đang được nghiên cứu, là một tình hình đã định và bất biến đối với toàn bộ thời kỳ ấy, hoặc chỉ chú ý đến những biến đổi của tình hình đó, những biến đổi này sinh ra từ những sự kiện vốn cũng có tính chất hiển nhiên và do đó những biến đổi ấy đã lộ ra một cách rõ ràng rồi. Cho nên, ở đây, phương pháp duy vật chủ nghĩa rất thường khi chỉ đóng khung ở chỗ đem quy những xung đột chính trị thành những cuộc đấu tranh vì lợi ích giữa các giai cấp xã hội và các bộ phận giai cấp hiện có do sự phát triển kinh tế tạo nên và xem xét các chính đảng khác nhau như là những biểu hiện chính trị ít nhiều đầy đủ của chính những giai cấp và bộ phận giai cấp ấy.

Rất hiển nhiên là việc không thể tránh khỏi bỏ qua như vậy những biến đổi đã đồng thời xảy ra trong tình hình kinh tế, cái nền tảng đích thực ấy của tất cả những quá trình được nghiên cứu, phải là nguồn gốc của những sai lầm. Song tất cả những điều kiện của một sự trình bày tổng quát về những sự biến diễn ra hằng ngày đều không tránh khỏi chứa chất những nguyên nhân

của sai lầm; tuy vậy, điều đó vẫn không cản trở một ai viết về lịch sử của những sự biến hàng ngày.

Lúc Mác viết tác phẩm này thì nguyên nhân những sai lầm ấy lại càng là không thể tránh khỏi. Trong thời kỳ cách mạng 1848 – 1849 mà theo dõi cho được những biến động kinh tế xảy ra trong cùng thời kỳ ấy, hoặc thậm chí nhìn tổng quát được những biến động đó, là điều hoàn toàn không thể thực hiện được. Trong những tháng đầu của thời kỳ Mác lưu vong ở Luân Đôn, – vào mùa thu và mùa đông 1849 – 1850 , – điều đó cũng không thể thực hiện được. Ấy thế mà chính lúc bấy giờ lại là lúc Mác bắt đầu viết tác phẩm này. Mặc dầu những hoàn cảnh không thuận lợi như thế, nhưng do hiểu biết đúng đắn về tình hình kinh tế của nước Pháp trước Cách mạng tháng Hai, cũng như hiểu biết về lịch sử chính trị của nước này từ sau cuộc cách mạng đó, đã cho phép Mác đưa ra một bản trình bày những sự biến, nó vạch rõ mối liên hệ bên trong của những sự biến đó một cách tài tình vô song, và sau này lại trải qua một cách xuất sắc hai cuộc khảo nghiệm do Mác tự mình tiến hành.

Cuộc khảo nghiệm thứ nhất được tiến hành từ mùa xuân 1850, lúc mà Mác lại có dịp bắt tay nghiên cứu kinh tế và trước hết là nghiên cứu lịch sử kinh tế của mười năm vừa qua. Như vậy là từ chính ngay những sự việc, Mác đã rút ra được một nhận thức hoàn toàn rõ ràng về điều mà trước kia Mác chỉ suy luận theo lối nửa tiên nghiệm, từ những tài liệu không đầy đủ; tức là nhận thức cho rằng cuộc khủng hoảng thương nghiệp thế giới năm 1847 là nguồn gốc thật sự của những cuộc cách mạng tháng Hai và tháng Ba, rằng lúc đó, sự phồn vinh công nghiệp, phục hồi dần dần từ giữa năm 1848, rồi đạt đến chỗ toàn thịnh vào năm 1849 và 1850, là một lực mới, bồi bổ cho giới phấn động châu Âu. Đó là một cuộc khảo nghiệm có ý nghĩa quyết định. Trong ba bài đầu (đăng trong "Neue Rheinische Zeitung. Politisch ökonomische Revue" số tháng Giêng, tháng Hai và tháng Ba, xuất bản ở Hăm-buốc 1850) còn để lộ ra mối hy vọng rằng trong tương lai sẽ có một cao trào mới của lực lượng cách mạng, nhưng bài khái luận lịch sử đăng trên số báo kép cuối cùng (từ tháng Năm đến tháng Mười) xuất bản vào mùa thu 1850, do Mác và tôi viết, lại đã từ bỏ hẳn ảo tưởng ấy: "Một cuộc cách mạng mới chỉ có thể nổ ra sau một cuộc khủng hoảng mới. Nhưng cả cuộc cách mạng mới lẫn cuộc khủng hoảng mới đều nhất định phải nổ ra"[509]. Và chẳng đó cũng là điều sửa đổi cơ bản duy nhất. Còn sự giải thích, ở những chương trước, về các sự biến, cũng như những mối liên hệ nhân quả đã được xác định trong những chương đó thì hoàn toàn không có gì phải thay đổi cả, điều đó đã được chứng minh trong đoạn trình bày viết tiếp sau này từ ngày 10 tháng Ba đến mùa thu 1850, cũng ở trong bài khái luận nói trên. Bởi vậy, tôi cho đăng đoạn trình bày đó thành bài thứ tư trong bản in lại lần này.

Cuộc khảo nghiệm thứ hai lại càng gay go hơn. Ngay sau cuộc chính biến của Lu-i Bô-na-pác-tơ ngày 2 tháng Chạp 1851, Mác lại bắt tay viết lịch sử nước Pháp trong thời kỳ từ tháng Hai 1848 đến sự biến này; tức là đến sự biến đã tạm thời đánh dấu sự kết thúc thời kỳ cách mạng. (Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ, bản in lần thứ ba, nhà xuất bản Hăm-buốc, Mai-xnơ, 1885[510]). Trong tác phẩm đó, thời kỳ đã được Mác trình bày trong tác phẩm này lại được đề cập đến một lần nữa, mặc dầu sơ lược hơn. Nếu đem so sánh lần viết tác phẩm này với lần viết thứ hai dưới ánh sáng của sự biến quyết định xảy ra hơn một năm sau, người ta sẽ thấy rằng tác giả chỉ phải sửa đổi rất ít thôi.

Điều làm cho tác phẩm này có một ý nghĩa thật đặc biệt quan trọng là ở chỗ lần đầu tiên nó đã nêu lên, dưới hình thức cô đọng, công thức mà các đảng công nhân tất cả các nước trên

toàn thế giới đều nhất trí sử dụng để nêu một cách vắn tắt yêu cầu cải tổ nền kinh tế, công thức đó là: tư liệu sản xuất phải do xã hội chiếm hữu. Trong chương thứ hai, bàn về "quyền lao động", coi quyền này là "công thức vụng về đầu tiên, trong đó tóm tắt những yêu cầu cách mạng của giai cấp vô sản", người ta thấy có đoạn như sau: "Nhưng thực ra thì đằng sau quyền lao động là quyền đối với tư bản, còn đằng sau quyền đối với tư bản là sự chiếm hữu các tư liệu sản xuất, sự phụ thuộc của các tư liệu sản xuất vào giai cấp công nhân đã liên hiệp lại, nghĩa là việc xóa bỏ lao động làm thuê cũng như xóa bỏ tư bản và những quan hệ qua lại giữa lao động làm thuê và tư bản"[511]. Như vậy là lần đầu tiên một nguyên lý đã được nêu lên trong tác phẩm này, theo đó thì chủ nghĩa xã hội công nhân hiện đại khác hẳn với tất cả các sắc thái khác nhau của chủ nghĩa xã hội phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, v.v., cũng như khác hẳn với cái thuyết mơ hồ của chủ nghĩa xã hội không tưởng và của chủ nghĩa cộng sản công nhân tự phát về cộng đồng của cải. Nếu sau này Mác mở rộng công thức, nêu lên cả việc chiếm hữu những phương tiện trao đổi nữa, thì việc mở rộng như thế cũng chỉ nói lên một kết luận tất nhiên rút ra từ nguyên lý chủ yếu, – và chẳng đó cũng là một điều dĩ nhiên theo "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Thế rồi một vài nhà hiền triết ở Anh lại còn bổ sung rằng người ta cũng phải chuyển cả những "phương tiện phân phối" cho xã hội nữa. Các ngài ấy có lẽ khó lòng mà nói rõ những phương tiện phân phối về kinh tế ấy là những phương tiện gì mà lại khác với những tư liệu sản xuất và những phương tiện trao đổi, trừ phi đó không phải là những phương tiện phân phối về chính trị như thuế má, cứu giúp người nghèo, trong đó kể cả khu Dác-den-van-đơ[512] và những khoản trợ cấp khác nữa ? Nhưng, như thế thì một là những khoản đó hiện nay há lại chẳng phải là những phương tiện phân phối thuộc quyền sở hữu của xã hội, của nhà nước hay của công xã rồi hay sao và hai là chúng ta há lại không muốn trừ bỏ chính những phương tiện đó hay sao?

* * *

Khi cuộc Cách mạng tháng Hai bùng nổ, thì về cách chúng tôi quan niệm những điều kiện và tiến trình của những phong trào cách mạng, tất cả chúng tôi đều chịu ảnh hưởng của kinh nghiệm lịch sử đã qua, và nhất là kinh nghiệm lịch sử của nước Pháp. Phải chăng chính nước Pháp, – nước mà từ 1789 đã chi phối toàn bộ lịch sử châu Âu, – lại một lần nữa tung ra hiệu lệnh về một cuộc cách mạng phổ biến. Bởi vậy, hiển nhiên và không tránh khỏi là những ý kiến của chúng tôi về tính chất và tiến trình của cuộc cách mạng "xã hội" được tuyên bố ở Pa-ri hồi tháng Hai 1848, tức là của cuộc cách mạng của giai cấp vô sản, còn nhiễm nặng những ký ức về những mô hình cách mạng 1789 và 1830 biết bao. Và nhất là khi mà cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri đã được hưởng ứng bằng những cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Viên, Mi-la-nô và Béc-lin; khi mà toàn bộ châu Âu cho đến biên giới nước Nga đều bị lôi cuốn vào phong trào; khi mà tiếp đó là trận chiến đấu vĩ đại đầu tiên diễn ra, vào tháng Sáu ở Pa-ri, giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản để giành quyền thống trị; khi mà ngay cả cuộc chiến thắng của giai cấp tư sản đã làm chấn động giai cấp tư sản trong tất cả các nước đến nỗi giai cấp này một lần nữa ngả vào vòng tay bọn phản động quân chủ – phong kiến chỉ vừa mới bị lật đổ, thì trong tình hình lúc bấy giờ, chúng tôi tuyệt đối không thể nghi ngờ gì nữa rằng trận quyết chiến vĩ đại đã bắt đầu, rằng trận quyết chiến đó phải được tiến hành đến cùng trong một thời kỳ cách mạng lâu dài và đầy những chuyển biến, nhưng trận chiến đấu ấy chỉ có thể kết thúc bằng thắng lợi cuối cùng của giai cấp vô sản mà thôi.

Sau những thất bại của năm 1849, chúng tôi không đồng ý chút nào với những ảo tưởng của phái dân chủ tầm thường tập hợp chung quanh những Chính phủ lâm thời in partibus[1*]. Phái đó hy vọng vào một thắng lợi sắp tới, có tính chất quyết định và triệt để, của "nhân dân" đối với những "kẻ áp bức", còn chúng tôi thì hy vọng vào một cuộc đấu tranh lâu dài, sau khi loại trừ những "kẻ áp bức", giữa những phần tử đối lập nhau đang ẩn nấp chính trong "nhân dân" đó. Phái dân chủ tầm thường mong đợi một cuộc bùng nổ mới sẽ xảy ra trong ngày một ngày hai, còn chúng tôi thì ngay từ mùa thu 1850, chúng tôi đã tuyên bố rằng ít ra là giai đoạn thứ nhất của thời kỳ cách mạng cũng đã kết thúc và khi mà cuộc khủng hoảng mới trong nền kinh tế thế giới chưa bùng nổ thì không nên mong đợi một cái gì xảy ra cả. Vì thế, chúng tôi đã bị bài xích như những người phản bội cách mạng, bởi chính ngay những kẻ, sau này, khi được Bi-xmác chiếu cố đến, thì đều đã cầu hòa với Bi-xmác, hầu như không trừ một tên nào.

Nhưng lịch sử đã chứng minh rằng chúng tôi cũng đã phạm sai lầm, lịch sử đã vạch ra rằng quan điểm của chúng tôi lúc bấy giờ là một ảo tưởng. Lịch sử lại còn đi xa hơn thế nữa: lịch sử không những đã đánh tan sai lầm hồi bấy giờ của chúng tôi mà còn hoàn toàn đảo lộn những điều kiện trong đó giai cấp vô sản đang phải chiến đấu. Ngày nay, phương pháp đấu tranh trong thời kỳ 1848 đã bị lỗi thời về mọi phương diện, và đó là một điểm đáng được nghiên cứu tỉ mỉ hơn nữa trong dịp này.

Tất cả những cuộc cách mạng từ trước đến nay đều đi đến kết cục là sự thống trị của một giai cấp nhất định này thay thế cho sự thống trị của một giai cấp nhất định khác; nhưng từ trước đến nay, tất cả các giai cấp thống trị đều chỉ là những nhóm thiểu số nhỏ bé so với quần chúng nhân dân bị thống trị. Do

1* — in partibus infidelium — ngoài hiện thực, ở nước ngoài (nghĩa đen: "ở nước của những kẻ ngoại đạo" — đây là mấy chữ thêm vào tước hiệu của các giám mục Thiên chúa giáo được bổ nhiệm giữ chức giám mục thuần túy có tính chất danh nghĩa ở những nước không theo đạo Cơ Đốc).

đó, một nhóm thiểu số thống trị này bị lật đổ thì một nhóm thiểu số khác lên thay, nắm lấy chính quyền nhà nước và tùy theo lợi ích của họ mà thay đổi các thiết chế công cộng. Và cứ mỗi lần như vậy thì nhóm thiểu số đó đều là cái nhóm mà tình trạng phát triển kinh tế làm cho có khả năng và có đủ tư cách để nắm quyền thống trị, cho nên chính vì thế và cũng chỉ vì thế mà khi xảy ra cuộc cách mạng thì đa số bị thống trị, hoặc là vì lợi ích của nhóm thiểu số mà tham gia cuộc cách mạng đó, hoặc là ít ra cũng êm thấm thừa nhận cuộc cách mạng đó. Song nếu không kể đến nội dung cụ thể của từng trường hợp một thì ta thấy rằng tất cả những cuộc cách mạng ấy đều có hình thức chung là những cuộc cách mạng của thiểu số. Ngay cả khi phe đa số có tham gia vào đó chăng nữa thì cũng chỉ là để phục vụ, một cách tự giác hay không tự giác, cho một nhóm thiểu số mà thôi, nhưng do đó và cũng do chỗ phe đa số giữ thái độ tiêu cực và không phản kháng nên phe thiểu số đó đã có được cái vẻ như là đại biểu của toàn dân.

Sau lần đại thành công thứ nhất, thì theo lệ thường, phe thiểu số chiến thắng, chia làm hai bộ phận: một bộ phận lấy làm thỏa mãn về kết quả đã thu được, còn bộ phận kia lại muốn đi xa hơn nữa, đưa ra những yêu sách mới, ít ra cũng phù hợp phần nào với lợi ích thật sự hay lợi ích bề ngoài của đông đảo quần chúng nhân dân. Những yêu sách cấp tiến hơn ấy đã được thừa nhận trong một số trường hợp cá biệt, nhưng thường thường chỉ trong chốc lát mà thôi: sau đó, đảng ôn hòa hơn lại chiếm ưu thế và toàn bộ hoặc một phần những thành quả vừa mới thu được lại bị tiêu tan; lúc bấy giờ, những kẻ chiến bại bèn la ó lên là có sự phản bội, hoặc cho rằng thất bại là do ngẫu nhiên. Nhưng trên thực tế, tình hình thường hay xảy ra như thế này: những thành quả thu được trong chiến thắng thứ nhất chỉ có thể đảm bảo được bởi chiến thắng thứ hai, chiến thắng của đảng cấp tiến hơn; một khi điều đó đã đạt, nghĩa là khi sự cần

thiết tạm thời ấy đã đạt được thì những phần tử cấp tiến, cùng với những thành tích của họ, lại biến khỏi vũ đài.

Từ cuộc đại cách mạng Anh hồi thế kỷ XVII trở đi, tất cả những cuộc cách mạng trong thời cận đại đều có những đặc trưng ấy, những đặc trưng hình như không thể tách rời khỏi bất cứ một cuộc đấu tranh cách mạng nào. Hình như cũng có thể áp dụng những đặc trưng ấy cho các cuộc đấu tranh tự giải phóng của giai cấp vô sản: lại càng có thể áp dụng như vậy, chính là vì năm 1848, người ta đã có thể đếm được số người có khả năng hiểu, dù chỉ đôi chút, rằng nên đi theo hướng nào để tìm thấy sự giải phóng đó. Ngay cả ở Pa-ri, chính những quần chúng vô sản, sau thắng lợi, cũng còn tuyệt đối chưa có một ý niệm gì rõ ràng về con đường phải theo. Tuy nhiên, lúc bấy giờ phong trào là một phong trào được tiến hành theo bản năng, tự phát và không thể nào dập tắt được. Vậy phải chăng đó chính là tình hình trong đó một cuộc cách mạng phải nhất định thành công, một cuộc cách mạng tuy là do một thiểu số lãnh đạo, nhưng lần này lại không phải là vì lợi ích của thiểu số mà là vì lợi ích trực tiếp nhất của đa số ? Nếu trong tất cả những thời kỳ cách mạng lâu dài, đông đảo quần chúng nhân dân có thể rất dễ dàng bị mê hoặc bởi những bề ngoài giả dối mà phe thiểu số trong khi xông lên phía trước đã đưa ra sao cho người ta có thể thừa nhận được, thế thì tại sao đông đảo quần chúng nhân dân đó lại khó tiếp thu hơn đối với những tư tưởng phản ánh đúng đắn nhất tình hình kinh tế của họ và đều chỉ là biểu hiện rõ ràng, hợp lý của những yêu cầu của họ, những yêu cầu mà chính họ chưa hiểu được và chỉ mới cảm thấy một cách không rõ rệt thôi? Thật thế, tinh thần cách mạng ấy của quần chúng hầu như luôn luôn và rất thường nhanh chóng nhường chỗ cho sự mệt mỏi hay thậm chí cho sự chuyển sang một hướng trái ngược lại, khi mà ảo tưởng đã bị tiêu tan và niềm thất vọng đã nảy sinh ra. Nhưng vấn đề ở đây không phải là những bề ngoài giả dối mà trái lại

là sự thực hiện những lợi ích đặc biệt nhất của chính đại đa số quần chúng, những lợi ích tuy lúc bấy giờ chưa được đại đa số quần chúng đó nhận rõ, nhưng do mật thuyết phục của tính hiển nhiên của chúng, nên chẳng bao lâu sẽ được quần chúng thấy khá rõ, trong quá trình thực hiện thực tế. Và nếu vào mùa Xuân 1850, như Mác đã chứng minh trong bài luận văn thứ ba của Người, sự phát triển của chế độ Cộng hòa tư sản này sinh ra từ cuộc cách mạng "xã hội" 1848, đã tập trung được từ lúc đó quyền thống trị thực tế vào tay giai cấp đại tư sản, – hơn nữa, giai cấp này lại có tư tưởng quân chủ, – và trái lại đã tập hợp chung quanh giai cấp vô sản, tất cả những giai cấp khác trong xã hội, tức là nông dân và giai cấp tiểu tư sản, khiến cho trong và sau thắng lợi chung thì không phải những giai cấp nói trên, mà chính là giai cấp vô sản đã tiếp thu được những bài học kinh nghiệm và tất nhiên đã trở thành nhân tố quyết định, – vậy thì trong điều kiện đó, há lại không có tất cả mọi triển vọng để biến cuộc cách mạng ấy của phe thiểu số thành cuộc cách mạng của phe đa số hay sao ?

Lịch sử đã chứng minh rằng chúng tôi và tất cả những ai nghĩ giống như chúng tôi đều sai lầm. Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; lịch sử đã chứng minh điều đó bằng cuộc cách mạng kinh tế, là cuộc cách mạng, từ 1848, đã lan ra khắp lục địa và chỉ lúc bấy giờ, mới thật sự đưa đại công nghiệp vào Pháp, vào Áo, vào Hung-ga-ri, vào Ba Lan và cuối cùng là vào Nga và đã thực sự biến nước Đức thành một nước công nghiệp bậc nhất – tất cả đều trên một cơ sở tư bản chủ nghĩa, nghĩa là một cơ sở còn có rất nhiều khả năng mở rộng ra nữa trong năm 1848. Song, chính cuộc cách mạng công nghiệp đó lại là cuộc cách mạng đầu tiên đã làm cho các quan hệ giai cấp khắp nơi được sáng tỏ, đã xóa

bỏ được rất nhiều hình thức quá độ bắt nguồn từ thời kỳ công trường thủ công, và ở Đông Âu thì đã xóa bỏ được ngay cả những hình thức quá độ thoát thai từ những phường hội thủ công và đã sản sinh ra một giai cấp tư sản thực sự và một giai cấp vô sản đại công nghiệp thực sự, rồi đẩy cả hai giai cấp đó lên hàng đầu của sự phát triển xã hội. Song, do đó cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp lớn năm 1848, mà ngoài nước Anh ra chỉ mới xảy ra ở Pa-ri và nhiều nhất là ở vài trung tâm công nghiệp lớn, giờ đây đã mở rộng ra toàn châu Âu và đạt tới một mức độ mạnh mẽ không thể tưởng tượng được vào năm 1848. Lúc đó, còn có rất nhiều những kinh Phúc âm mơ hồ của những nhóm nhỏ cùng với những môn thuốc vạn ứng của họ, nhưng ngày nay thì chỉ có *độc một* học thuyết của Mác mà ai ai cũng thừa nhận, một học thuyết sáng ngời và đưa ra một cách quyết định, những mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh; lúc đó, quần chúng bị tách rời nhau và bị chia ra theo địa phương và dân tộc, chỉ được liên kết với nhau bởi cái cảm giác là cùng có chung những nỗi thống khổ, họ ít phát triển, khi thì hăng hái, khi thì thất vọng, nhưng ngày nay, họ là một đạo quân quốc tế vĩ đại *duy nhất* gồm những người xã hội chủ nghĩa, một đạo quân tiến triển không ngừng, ngày càng lớn lên về số lượng, về tổ chức, về tính kỷ luật, về sự hiểu biết và về lòng tin chắc vào thắng lợi. Nếu như ngay cả đến đạo quân hùng mạnh ấy của giai cấp vô sản cũng không phải bao giờ cũng đạt được mục đích, nếu như nó chưa có thể chỉ đánh một trận lớn *duy nhất* mà đã giành được thắng lợi và vẫn còn phải tiến hành dần từng bước từ vị trí này đến vị trí khác trong một cuộc chiến đấu gay go, ngoan cường thì điều đó chứng minh một cách dứt khoát rằng trong năm 1848 không thể nào cải tạo xã hội chỉ bằng một cuộc đột kích giản đơn mà được.

Một giai cấp tư sản chia thành hai phái quân chủ phò hai giòng vua[513], nhưng lại yêu cầu trước hết sự yên ổn và an ninh

để kinh doanh tài chính; đối lập với giai cấp tư sản là giai cấp vô sản tuy bị thất bại, nhưng vẫn luôn luôn uy hiếp và tập hợp được ngày càng đông đảo chung quanh mình những phần tử tiểu tư sản và tiểu nông – tình trạng đó là một nguy cơ thường xuyên về một sự bùng nổ bằng bạo lực, một cuộc bùng nổ dù sao cũng vẫn chưa đưa lại một triển vọng nào cho một giải pháp triệt để, – đó là tình thế hình như đã được tạo ra cho cuộc đảo chính của tên kẻ cướp thứ ba, của Lu-i Bô-na-pác-tơ kẻ mưu đồ ngôi vua, mạo xưng là dân chủ. Ngày 2 tháng Chạp 1851, nhờ sử dụng quân đội, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã kết thúc tình hình căng thẳng, đảm bảo cho nội bộ châu Âu được yên tĩnh, nhưng trái lại, đem lại cho châu Âu một thời đại chiến tranh mới. Thời kỳ các cuộc cách mạng từ bên dưới đã tạm thời kết thúc và tiếp theo đó, là thời kỳ các cuộc cách mạng từ bên trên.

Sự khôi phục đế chế năm 1851 lại một lần nữa chứng tỏ rằng những nguyện vọng của giai cấp vô sản trong thời kỳ này là chưa chín muồi. Nhưng bản thân sự khôi phục ấy tất phải tạo ra những điều kiện trong đó những nguyện vọng của giai cấp vô sản nhất định sẽ chín muồi. Sự yên tĩnh trong nước đảm bảo sự phát triển đầy đủ cho bước phát triển mới của công nghiệp; sự cần thiết phải làm cho quân đội có công việc và phải làm cho các trào lưu cách mạng hướng ra bên ngoài, đã làm nảy sinh ra những cuộc chiến tranh mà Bô-na-pác-tơ, mượn cớ bảo vệ "nguyên tắc dân tộc"[514], đã tìm cách lợi dụng để thôn tính một vài lãnh thổ cho nước Pháp. Bi-xmác, kẻ đã bắt chước Bô-na-pác-tơ, cũng áp dụng một chính sách như thế cho nước Phổ; năm 1866, Bi-xmác làm đảo chính, tiến hành cuộc cách mạng từ bên trên của y đối với Liên minh Đức và đối với nước Áo,– và cả đối với Nghị viện Phổ đang có những sự xung đột với chính phủ. Nhưng châu Âu thật là quá nhỏ bé đối với hai Bô-na-pác-tơ, và lịch sử trở nên trớ trêu lại muốn rằng Bi-xmác phải lật đổ Bô-na-pác-tơ, và vua

nước Phổ là Vin-hem của Phổ phải thiết lập không những tiểu đế quốc Đức mà cả nước Cộng hòa Pháp nữa. Nhưng kết quả chung là lúc bấy giờ, ở châu Âu, nền độc lập và sự thống nhất trong nội bộ dân tộc lớn, chỉ trừ Ba Lan, đã trở thành sự thật. Tuy là trong phạm vi tương đối nhỏ hẹp, nhưng cũng đủ để làm cho quá trình phát triển của giai cấp công nhân không còn gặp những trở ngại quan trọng, tức là những sự phân tranh về dân tộc nữa. Những kẻ đào huyệt chôn cuộc cách mạng 1848 lại trở thành những người chấp hành di chúc của cuộc cách mạng đó. Và bên cạnh những kẻ đó, đã đứng sừng sững một cách thách thức người thừa kế của cuộc cách mạng 1848 – giai cấp vô sản mà người đại diện là *Quốc tế*.

Sau cuộc chiến tranh 1870 – 1871, Bô-na-pác-tơ biến khỏi vũ đài và sứ mạng của Bi-xmác cũng đã hoàn thành, cho nên ông này lại có thể tụt xuống hàng một tên địa chủ quý tộc tầm thường. Nhưng chính Công xã Pa-ri lại kết thúc thời kỳ này. Mưu đồ nham hiểm của Chi-e định ăn cắp những đại bác của đội vệ binh Pa-ri, đã gây ra một cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Điều đó lại chứng tỏ rằng ở Pa-ri, không thể có cuộc cách mạng nào khác ngoài cuộc cách mạng của giai cấp vô sản. Sau chiến thắng, tự nhiên là quyền thống trị đã hoàn toàn tự nó rơi một cách không thể chối cãi được vào tay giai cấp công nhân. Lại một lần nữa, người ta có thể thấy rằng lúc đó, tức là hai mươi năm sau thời kỳ chúng tôi mô tả trong cuốn sách này, vẫn chưa có thể thực hiện được quyền thống trị ấy của giai cấp công nhân. Một mặt, nước Pháp đã bỏ mặc Pa-ri và tỏ ra thờ ơ trước cảnh Pa-ri mất bao xương máu dưới tên đạn của Mác- Ma-hông; mặt khác, Công xã đã tự hủy mình trong cuộc đấu tranh vô hiệu của hai phái chia rẽ công xã: phái Blăng-ki (đa số) và phái Pru-đông (thiểu số), cả hai đều không biết là nên làm gì. Món quà của

thắng lợi năm 1871 cũng không mang lại nhiều kết quả hơn cuộc đột kích năm 1848.

Với Công xã Pa-ri, người ta tưởng rằng giai cấp vô sản chiến đấu sẽ bị chôn vùi vĩnh viễn. Nhưng ngược hẳn lại, chính Công xã Pa-ri và cuộc chiến tranh Pháp – Đức đã mở đầu sự phát triển mãnh liệt nhất của họ. Một mặt, sự đảo lộn hoàn toàn của những điều kiện chiến tranh do chỗ toàn bộ dân cư có khả năng cầm vũ khí đều tham gia những đạo quân chỉ có thể tính bằng con số hàng triệu, rồi những súng ống, đạn trái phá, bộc lôi có một hiệu lực chưa từng thấy, đã đột ngột chấm dứt thời kỳ những cuộc chiến tranh của Bô-na-pác-tơ và đảm bảo sự phát triển hòa bình của công nghiệp, khiến mọi cuộc chiến tranh đều không thể xảy ra được, trừ một cuộc chiến tranh thế giới vô cùng tàn khốc và dẫn đến một kết cục hoàn toàn không lường được. Mặt khác, do những chi phí chiến tranh ngày càng tăng theo cấp số nhân, thuế má tăng vọt lên không tưởng tượng nổi, khiến cho các tầng lớp nhân dân nghèo khổ nhất đều đi theo chủ nghĩa xã hội. Việc thôn tính An-da-xơ – Lô-ren-nơ, – nguyên nhân trực tiếp của cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng, – rất có thể kích động chủ nghĩa sô-vanh của giai cấp tư sản Pháp và giai cấp tư sản Đức chống lại nhau; nhưng nó lại trở thành một yếu tố mới của sự đoàn kết đối với công nhân của hai nước đó. Và cuộc kỷ niệm Công xã Pa-ri trở thành ngày lễ toàn thế giới đầu tiên của toàn thể giai cấp vô sản.

Như Mác đã dự đoán, cuộc chiến tranh 1870 – 1871 và sự thất bại của Công xã đã làm cho trọng tâm của phong trào công nhân châu Âu tạm thời chuyển từ Pháp sang Đức. Ở Pháp, dĩ nhiên là phải nhiều năm nữa mới có thể hồi phục được, sau vụ đổ máu hồi tháng Năm 1871. Trái lại, ở Đức nơi mà công nghiệp, nhờ có số tiền bồi thường gồm mấy tỷ phrăng[515] đã phát triển thật sự theo một nhịp điệu ngày càng nhanh chóng như ở trong

một nhà kính ấm vậy, thì Đảng dân chủ – xã hội lớn lên còn nhanh chóng hơn và vững vàng hơn. Nhờ sự khôn khéo của công nhân Đức trong việc lợi dụng chế độ đầu phiếu phổ thông được thiết lập năm 1866, nên sự lớn mạnh phi thường của đảng đã lộ rõ ra trước mắt toàn thế giới qua những con số không thể nào chối cãi được. Năm 1871, Đảng dân chủ – xã hội thu được 102 000 phiếu; năm 1874, 352 000 phiếu; năm 1877: 493 000 phiếu. Tiếp đó, là việc những nhà đương cục cấp cao thừa nhận những tiến bộ ấy bằng cách ban bố đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa; đảng tạm thời bị đánh bại; năm 1881, số phiếu giảm xuống chỉ còn 312 000. Nhưng sự tổn thất ấy đã được khắc phục nhanh chóng và từ đó, chính là chỉ dưới áp lực của đạo luật đặc biệt, không có báo chí, không có tổ chức hợp pháp, không có quyền lập hội và hội họp, mà đảng bắt đầu thật sự lớn lên nhanh chóng: năm 1884 – 550 000 phiếu, năm 1887 – 763 000, năm 1890 – 1 427 000 phiếu. Lúc đó bàn tay của nhà nước bị làm tê liệt. Đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa không còn nữa, số phiếu do những người xã hội chủ nghĩa thu được lên tới 1 787 000, nghĩa là chiếm hơn một phần tư tổng số phiếu bầu. Chính phủ và các giai cấp thống trị đã dùng hết mọi thủ đoạn của chúng, nhưng vẫn không có ích lợi gì, không đạt được mục đích gì, không thu được kết quả gì. Những bằng chứng hiển nhiên về sự bất lực mà những người đương quyền kể từ người tuần canh đến viên tể tướng của đế quốc, đều phải cam chịu, – mà điều đó lại do những người công nhân bị khinh bỉ gây ra ! – những bằng chứng như thế kể ra có đến hàng triệu. Nhà nước đã cùng đường rồi, còn công nhân thì chỉ mới bắt đầu con đường của mình thôi.

Nhưng, ngoài cống hiến thứ nhất là mang lại cho bản thân một sự tồn tại với tư cách là một đảng xã hội chủ nghĩa, đảng mạnh nhất, có kỷ luật nghiêm minh nhất và trưởng thành nhanh

chóng nhất, thì giai cấp công nhân Đức còn có một cống hiến lớn thứ hai cho sự nghiệp của họ. Trong khi chỉ ra cho những người đồng chí của mình ở tất cả các nước thấy nên sử dụng quyền đầu phiếu phổ thông như thế nào, công nhân Đức đã cung cấp cho những người đồng chí ấy một vũ khí mới, một trong những vũ khí sắc bén nhất.

Chế độ đầu phiếu phổ thông đã có từ lâu ở Pháp, song chế độ ấy không còn được tín nhiệm vì đã bị chính phủ Bô-na-pác-tơ lạm dụng. Sau Công xã thì lại không có đảng công nhân để sử dụng nó. Ở Tây Ban Nha cũng vậy, quyền đầu phiếu phổ thông đã có từ khi thành lập chế độ Cộng hòa[516], song đã từ lâu, ở Tây Ban Nha, việc từ chối tham gia các cuộc tuyển cử là một thông lệ của tất cả các đảng đối lập quan trọng. Ở Thụy Sĩ, việc thực nghiệm quyền đầu phiếu phổ thông cũng không thể cổ vũ một đảng công nhân được chút nào cả. Những người công nhân cách mạng ở các nước thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh đều quen coi quyền đầu phiếu phổ thông là một thứ cạm bẫy, một công cụ lừa bịp của chính phủ. Ở Đức thì lại khác. "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã công bố rằng một trong những nhiệm vụ đầu tiên, quan trọng nhất của giai cấp vô sản chiến đấu là phải giành cho được quyền đầu phiếu phổ thông, giành cho được quyền dân chủ, và Lát-xan cũng đã nhắc lại điểm này. Khi Bi-xmác thấy cần phải ban hành quyền đầu phiếu ấy làm thủ đoạn duy nhất để làm cho quần chúng nhân dân quan tâm đến những kế hoạch của ông ta thì công nhân Đức đã lập tức coi việc đó là nghiêm túc và đã bầu Au-gu-xtơ Bê-ben vào Quốc hội lập hiến thứ nhất. Thế là bắt đầu từ đó, công nhân Đức đã sử dụng quyền đầu phiếu phổ thông khiến họ đã thu được rất nhiều kết quả khác nhau và đã được lấy làm mẫu mực cho công nhân tất cả các nước. Nói theo bản cương lĩnh mác-xít Pháp thì công nhân Đức đã biến quyền đầu phiếu de moyen de duperie qu'il a été jusqu'ici en

instrument d'émancipation – từ chỗ trước đây là một thủ đoạn lừa bịp nay thành một công cụ giải phóng[517]. Và nếu chế độ đầu phiếu phổ thông không mang lại ích lợi nào khác ngoài việc nó cho phép chúng ta, cứ ba năm một lần, kiểm điểm lại lực lượng của mình; ngoài việc, do số phiếu ngày càng tăng lên đều đặn và cực kỳ nhanh chóng, mà làm tăng thêm lòng tin chắc chắn của công nhân vào thắng lợi, đồng thời cũng làm tăng thêm nỗi khiếp sợ của kẻ địch; và do đó nó đã trở thành phương tiện tuyên truyền tốt nhất của chúng ta; ngoài việc nó làm cho ta thấy được chính xác lực lượng của bản thân chúng ta cũng như lực lượng của tất cả các đảng phái đối địch với chúng ta, và do đó cung cấp cho chúng ta một tiêu chuẩn tốt hơn cả để đánh giá hoạt động của chúng ta, khiến chúng ta tránh được sự nhút nhát không hợp thời cũng như tránh được sự táo bạo điên cuồng cũng không đúng lúc – nếu quyền đầu phiếu phổ thông chỉ đưa lại cho chúng ta ích lợi duy nhất ấy thôi thì như vậy cũng đã là quá đủ lắm rồi. Nhưng nó lại còn có ích nhiều hơn thế nữa. Bằng cổ động tuyển cử, nó cung cấp cho chúng ta một phương tiện vô song để tiếp xúc với quần chúng nhân dân ở những nơi mà họ còn xa chúng ta, để buộc tất cả các đảng phái phải bảo vệ trước toàn dân những ý kiến và hành động của họ bị chúng ta công kích; ngoài ra, quyền đầu phiếu phổ thông còn mở ra cho các đại biểu của chúng ta ở Quốc hội, một diễn đàn từ đó họ có thể nói với đối phương của mình ngay trong Quốc hội, đồng thời lại có thể nói với quần chúng ở ngoài Quốc hội, và nói một cách có uy thế và tự do hơn trên báo chí và trong các cuộc họp. Vậy đạo luật do chính phủ và giai cấp tư sản đưa ra nhằm chống lại những người xã hội chủ nghĩa phỏng còn có hiệu quả gì, nếu việc cổ động tuyển cử và những bài diễn văn của những người xã hội chủ nghĩa đọc ở Quốc hội cứ luôn luôn đã kích đạo luật ấy như thế ?

Nhưng sử dụng chế độ đầu phiếu phổ thông một cách có hiệu quả như vậy, là giai cấp vô sản đã vận dụng một phương thức đấu tranh hoàn toàn mới và phương thức đó ngày càng phát huy tác dụng. Người ta thấy rằng những thiết chế nhà nước, – trong đó được tổ chức sự thống trị của giai cấp tư sản, – còn mang lại những khả năng sử dụng mới, khiến giai cấp công nhân có thể đấu tranh chống lại chính ngay những thiết chế nhà nước ấy. Người ta tham gia bầu cử vào các Quốc hội bang, vào các hội đồng xã và các tòa án phường hội; người ta tranh nhau với giai cấp tư sản từng chức vụ mà một bộ phận giai cấp vô sản có đủ số phiếu để chỉ định người phụ trách. Vì vậy giai cấp tư sản và chính phủ đi đến chỗ sợ hoạt động hợp pháp hơn là hoạt động bất hợp pháp của Đảng công nhân, và sợ những thành tựu của tuyển cử hơn là sợ kết quả của khởi nghĩa.

Vì về mặt khởi nghĩa cũng vậy, những điều kiện đấu tranh đã biến đổi nhiều. Từ 1848 trở về trước thì bất cứ ở đâu khởi nghĩa theo kiểu cũ, chiến đấu trên các lũy chướng ngại, đều cũng có tác dụng quyết định, nhưng ngày nay, đã hết sức lỗi thời rồi.

Về vấn đề này, chúng ta không có ảo tưởng: thắng lợi thật sự của khởi nghĩa đối với quân đội trong chiến đấu ngoài đường phố, một thắng lợi giống như thắng lợi trong cuộc giao chiến giữa hai quân đội, là điều hết sức hãn hữu. Nhưng cũng hiếm khi thấy những người khởi nghĩa trông mong vào một thắng lợi như thế. Đối với họ, vấn đề chỉ là làm cho quân đội trở thành mềm yếu bằng cách tác động tinh thần, mà trong cuộc giao chiến giữa những quân đội của hai nước đang đánh nhau thì việc tác động tinh thần không có một tác dụng nào cả hoặc cũng chỉ có một tác dụng rất nhỏ. Nếu việc đó thành công thì quân đội sẽ không chịu tiến lên, hoặc là bọn chỉ huy đâm ra hoang mang, và cuộc khởi nghĩa sẽ thắng lợi. Nhưng nếu việc đó không thành công thì lúc đó, ngay cả với một số quân ít hơn, chính ưu thế

về trang bị và huấn luyện, về sự chỉ huy thống nhất, về việc sử dụng lực lượng quân đội một cách có kế hoạch và về kỷ luật sẽ thắng thế. Điều cao nhất mà cuộc khởi nghĩa có thể đạt được trong một hành động thật sự có tính chất chiến thuật, cũng chỉ là dựng lên theo đúng quy cách và bảo vệ được một lũy chướng ngại riêng biệt nào đó thôi. Còn sự hỗ trợ nhau, việc thành lập và sử dụng các lực lượng hậu bị, tóm lại là sự hiệp tác và liên lạc giữa các đội quân cần thiết cho việc bảo vệ một khu phố, – chứ đừng nói đến việc bảo vệ cả một thành phố lớn nữa -, đều chỉ có thể thực hiện được rất không đầy đủ và thường thường là hoàn toàn không thể thực hiện được; dĩ nhiên là không có sự tập trung quân lực vào một điểm có tính chất quyết định. Bởi vậy, sự phòng thủ thụ động là hình thức đấu tranh chủ yếu; sự tấn công được tiến hành đây đó, nhưng cũng chỉ là ngoại lệ, để đảm bảo một cuộc tiến quân hoặc một cuộc tập kích vào sườn mà thôi, song thường thường sự tấn công chỉ đóng khung trong việc chiếm lĩnh những vị trí mà quân đội đã bỏ trong khi rút lui. Ngoài ra, quân đội lại có đại bác và những đội công binh trang bị đầy đủ và đã được luyện tập, đó là những phương tiện chiến đấu mà những người khởi nghĩa hầu như không bao giờ có cả. Bởi vậy, không có gì là lạ, ngay cả những cuộc chiến đấu hết sức anh dũng trên các lũy chướng ngại – như ở Pa-ri vào hồi tháng Sáu 1848, ở Viên vào hồi tháng Mười 1848, ở Dre-xden vào hồi tháng Năm 1849, – cuối cùng cũng kết thúc bằng sự thất bại của cuộc khởi nghĩa, khi những người chỉ huy cuộc tấn công, không bị những lý do chính trị cản trở, đã hành động theo những quan điểm thuần túy quân sự và dựa được vào lòng trung thành của binh sĩ dưới quyền họ.

Từ 1848 trở về trước, những thắng lợi, rất nhiều, của những người khởi nghĩa là do những nguyên nhân rất khác nhau. Ở Pa-ri, hồi tháng Bảy 1830 và tháng Hai 1848, cũng như trong

phần lớn những cuộc chiến đấu ngoài đường phố ở Tây Ban Nha, thì giữa những người khởi nghĩa và binh lính, có một đội vệ binh, đội này hoặc là chạy thẳng sang phía quân khởi nghĩa, hoặc là đã do dự thiếu kiên quyết nên cũng đã gây ra một thái độ do dự trong quân đội, và ngoài ra còn cung cấp vũ khí cho cuộc khởi nghĩa nữa. Ở nơi nào mà đội vệ binh đó, ngay từ đầu, đã chống lại cuộc khởi nghĩa, chẳng hạn như hồi tháng Sáu ở Pa-ri, thì cuộc khởi nghĩa cũng thất bại. Ở Béc-lin, năm 1848, nhân dân sở dĩ thu được thắng lợi một phần là do trong đêm 18 và sáng ngày 19 tháng Ba, đã được tăng cường thêm nhiều lực lượng vũ trang mới, một phần nữa là do quân đội đã bị kiệt sức và không được tiếp tế tốt về lương thực, cuối cùng là do sự chỉ huy bị tê liệt. Nhưng trong mọi trường hợp, sở dĩ một cuộc khởi nghĩa thu được những thắng lợi là vì quân đội từ chối nổ súng, vì bọn chỉ huy quân sự thiếu tinh thần kiên quyết, hoặc là vì bọn chỉ huy đó đã bị bó tay.

Như vậy là ngay cả trong thời đại của những cuộc chiến đấu cổ điển ngoài đường phố, lũy chướng ngại cũng có một tác dụng về tinh thần nhiều hơn là về vật chất. Nó là một phương tiện để làm lung lay tinh thần kiên quyết của binh lính. Nếu lũy chướng ngại đứng vững được cho đến khi thực hiện được mục đích đó thì thắng lợi; nếu không thì thất bại. Đó là điểm chủ yếu mà chúng ta cũng cần phải chú ý đến khi nghiên cứu những cơ vận thắng bại của những cuộc chiến đấu ngoài đường phố có thể xảy ra trong tương lai[1*].

Song từ 1849, những cơ vận đều khá xấu. Bất cứ ở đâu, giai cấp tư sản cũng đều chuyển sang phía chính phủ. "Giới có vân

1* Trong bản in trên tạp chí "Die Neue Zeit" và trong bản in cuốn sách "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" xuất bản năm 1895, câu này bị xóa bỏ.

hóa và giới có tài sản" đã chào đón và hậu đãi những binh lính nào đi chống lại những người khởi nghĩa. Lũy chướng ngại đã mất tính hấp dẫn của nó; binh sĩ không còn coi những người đứng sau lũy chướng ngại là "nhân dân" nữa, mà là những kẻ phiến loạn, những kẻ khiêu khích, những kẻ cướp, những kẻ chia của, là cặn bã của xã hội; lâu dần, bọn chỉ huy đã am hiểu những hình thức chiến thuật của cuộc chiến đấu ngoài đường phố, họ không còn tiến thẳng, mà không che giấu bản thân, đến lũy chướng ngại tạm thời được dựng lên, mà họ đi qua vườn, sân và nhà để vòng ra đằng sau lũy chướng ngại. Và hiện nay chỉ cần khéo léo đôi chút là cách đó có thể thành công đến chín phần mười.

Nhưng từ đó đến nay, còn có nhiều sự thay đổi, và tất cả đều có lợi cho binh lính. Nếu những thành thị lớn đã lớn lên rất nhiều thì quân đội lại còn lớn lên nhiều hơn nữa. Từ 1848 đến nay, dân số Pa-ri và Béc-lin tăng thêm chưa tới gấp bốn lần, thế mà quân lính đồn trú của chúng tăng lên hơn như thế. Nhờ có đường sắt, những quân đồn trú đó có thể tăng lên quá gấp đôi trong 24 tiếng đồng hồ và trong 48 tiếng đồng hồ có thể tăng lên thành những đội quân rất lớn. Vũ khí của những đội quân đã được tăng cường ghê gớm, như vậy, lại có hiệu lực hơn rất nhiều. Năm 1848, người ta dùng thứ súng mổ cò; ngày nay người ta dùng súng trường cỡ nhỏ, có ổ đạn, với tầm bắn xa gấp 4 lần, chính xác gấp 10 lần và nhanh cũng gấp 10 lần so với thứ súng nói trên. Xưa kia, pháo binh dùng quả đạn và trái phá, tương đối ít có hiệu quả; ngày nay, người ta dùng thứ đạn trái phá có kim hỏa, bắn một phát là đủ để phá tan một lũy chướng ngại kiên cố nhất. Trước kia, người công binh dùng cuốc chim để phá đường, ngày nay thì dùng mìn.

Trái lại, về phía những người khởi nghĩa thì tất cả mọi điều kiện đều trở nên xấu hơn. Một cuộc khởi nghĩa được tất cả mọi tầng lớp nhân dân đồng tình sẽ khó lòng tái diễn được; trong đấu tranh giai cấp, tất cả những tầng lớp trung gian chắc chắn là sẽ không bao giờ tập hợp toàn bộ không trừ một ai chung quanh giai cấp vô sản khiến cho đảng phản động tụ tập chung quanh giai cấp tư sản hầu như biến mất. Vậy là "nhân dân" sẽ luôn luôn bị chia rẽ, và do đó sẽ không có cái đòn bẩy mạnh mẽ và cực kỳ có hiệu lực hồi 1848. Nếu phía những người khởi nghĩa nhận được thêm nhiều binh sĩ đã từng làm nghĩa vụ quân sự, thì việc vũ trang cho những người này vì vậy mà sẽ khó khăn hơn. Các loại súng săn và súng loại xa xỉ ở các hiệu buôn súng, – dù cho trước đó cảnh sát không lấy bớt một bộ phận nào đó của quy-lát khiến cho những loại súng đó không thể đem sử dụng được.- thì ngay cả trong cuộc giao chiến gần cũng không thể sánh được với loại súng có ổ đạn của binh lính. Từ 1848 trở về trước, người ta vẫn dùng thuốc nổ và chì để tự chế ra đạn dược cần thiết, nhưng ngày nay thì đạn súng là khác nhau đối với từng loại súng và chỉ có một điểm giống nhau ở chỗ nó là một sản phẩm kỹ thuật của nền đại công nghiệp, bởi vậy người ta không thể chế tạo được nó ngay lập tức; do đó phần nhiều súng ống sẽ trở thành vô dụng khi người ta không có những loại đạn riêng thích hợp. Cuối cùng, những khu phố được xây dựng từ sau 1848 trong những thành thị lớn đều có những đường phố dài, thẳng và rộng, hình như làm ra để thích nghi với tác dụng của những loại đạn đại bác và súng trường kiểu mới. Thật là điên cuồng, nếu có nhà cách mạng nào lại đi chọn những khu công nhân mới được xây dựng lên ở phía bắc và phía đông Béc-lin, để tiến hành cuộc đấu tranh trên lũy chướng ngại.

Điều đó phải chăng có nghĩa là trong tương lai, những cuộc chiến đấu ngoài đường phố sẽ không còn có tác dụng nữa hay

sao? Quyết không phải như thế. Điều đó chỉ có nghĩa là từ sau 1848, những điều kiện càng trở nên bất lợi hơn cho những chiến sĩ thường dân, và lại càng thuận lợi hơn cho quân đội. Vậy là trong tương lai, một cuộc chiến đấu ngoài đường phố chỉ có thể thắng lợi nếu tình thế bất lợi trên đây được bù lại bằng những nhân tố khác. Cho nên trong bước đầu của một cuộc đại cách mạng thì những cuộc chiến đấu ngoài đường phố rất ít xảy ra hơn là trong quá trình phát triển của cuộc đại cách mạng đó và cần phải tiến hành những cuộc chiến đấu ngoài đường phố với những lực lượng lớn hơn. Thế nhưng, như trong suốt cả thời kỳ Cách mạng Pháp, ngày mồng 4 tháng Chín và 31 tháng Mười 1870 ở Pa-ri[518], những lực lượng này có lẽ lại thích tấn công công khai hơn là áp dụng chiến thuật thụ động là xây dựng lũy chướng ngại[1*].

Giờ đây bạn đọc có hiểu vì sao các giai cấp cầm quyền lại cứ nhất định muốn nhử chúng ta vào những nơi có súng nổ và gươm vung không? Tại sao ngày nay, người ta lại trách chúng ta là hèn nhát vì chúng ta không chịu lập tức xuống ngay đường phố là nơi mà chúng ta đã cầm chắc là sẽ thất bại ? Tại sao người ta lại hết sức khẩn khoản van lơn chúng ta là một ngày nào đó, cuối cùng, chúng ta sẽ vui lòng làm mồi cho đại bác?

Các ngài ấy dù có van lơn hay khiêu khích thì cũng chỉ uổng công vô ích mà thôi. Chúng ta không ngu ngốc đến thế. Trong cuộc chiến tranh sắp tới, các ngài ấy có thể đòi hỏi kẻ địch của mình hãy vui lòng bố trí hàng ngang như trong thời đại Phrít-xơ[2*] xưa kia, hoặc bố trí từng sư đoàn nguyên vẹn theo hàng dọc như

1* Trong bản in trên tờ "Die Neue Zeit" và trong bản in của cuốn sách "Đấu tranh giai cấp ở Pháp", xuất bản năm 1895, toàn bộ đoạn này bị xóa bỏ.

2* Phri-đrích II

trong thời kỳ của chiến dịch Va-gram và Oa-téc-lô[519] và vũ trang bằng súng kíp. Nếu những điều kiện của chiến tranh giữa các dân tộc đã thay đổi thì những điều kiện của đấu tranh giai cấp cũng thay đổi. Đã qua rồi, thời kỳ những cuộc đột kích, thời kỳ những cuộc cách mạng do những nhóm thiểu số tự giác cầm đầu những quần chúng không tự giác tiến hành. Ở nơi nào mà vấn đề đặt ra là phải cải tạo hoàn toàn chế độ xã hội, thì bản thân quần chúng phải tự mình tham gia vào công cuộc cải tạo ấy, phải tự mình hiểu rõ vì sao mình phải tiến hành đấu tranh, vì sao mình phải đổ máu và hy sinh tính mạng[1*]. Đó là điều mà lịch sử trong 50 năm gần đây đã dạy cho chúng ta. Nhưng muốn cho quần chúng hiểu rõ là phải làm gì thì cần phải tiến hành một công tác lâu dài và kiên nhẫn; hiện nay chúng ta đang tiến hành chính ngay công tác đó, và tiến hành một cách có hiệu quả, khiến cho kẻ địch của chúng ta phải tuyệt vọng.

Trong những nước thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh cũng vậy, càng ngày người ta càng hiểu rõ rằng cần phải xét lại sách lược cũ. Dâu đâu người ta cũng theo gương công nhân Đức là lợi dụng quyền bầu cử, giành lấy tất cả những vị trí mà chúng ta có thể giành được; dâu đâu những cuộc tấn công không chuẩn bị cũng đều lùi xuống hàng thứ yếu[2*]. Ở Pháp, nơi mà từ hơn một trăm năm nay, mặc dầu đất đai đã bị nhiều cuộc cách mạng nối tiếp

1* Trong bản in trên tờ "Die Neue Zeit" và trong bản in của cuốn sách "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" xuất bản năm 1895, thay cho những chữ "vì sao mình phải đổ máu và hy sinh tính mạng" là những chữ "vì sao mình phải hành động".

2* Trong bản in trên tờ "Die Neue Zeit" và trong bản in của cuốn "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" xuất bản năm 1895, những chữ "dâu đâu những cuộc tấn công không chuẩn bị cũng đều lùi xuống hàng thứ yếu" bị xóa bỏ.

nhau cày xới lên, nơi mà không có một chính đảng nào là không từng tiến hành những cuộc âm mưu, những cuộc khởi nghĩa và những hoạt động cách mạng khác đủ các loại; ở Pháp nơi mà do đó, chính phủ không thể tin cậy vào quân đội, nơi mà nói chung, những hoàn cảnh cho phép tiến hành một cuộc khởi nghĩa bất ngờ thì thuận lợi hơn ở Đức rất nhiều, – thế mà ngay cả ở Pháp, những người xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng hiểu rõ rằng họ không có thể thu được thắng lợi lâu dài, nếu trước đó không tranh thủ được đông đảo quần chúng nhân dân, ở đây có nghĩa là phải tranh thủ nông dân. Ở Pháp, công tác tuyên truyền kiên nhẫn và hoạt động nghị trường đều được coi là nhiệm vụ trước mắt của đảng. Kết quả đã có ngay. Không những người ta đã giành được cả một loạt những hội đồng xã; ở nghị viện, những người xã hội chủ nghĩa đã chiếm được 50 ghế và họ đã lật đổ được ba nội các và một tổng thống của nền Cộng hòa. Ở Bỉ, năm ngoái, công nhân đã giành được quyền bầu cử[520] và đã thắng trong một phần tư các khu tuyển cử. Ở Thụy Sĩ, ở I-ta-li-a, ở Đan Mạch, thậm chí cả ở Bun-ga-ri nữa, những người xã hội chủ nghĩa đều có đại biểu của mình ở nghị viện. Ở Áo, tất cả các chính đảng đều nhất trí cho rằng đã đến lúc người ta không còn có thể ngăn cản chúng ta tham gia Quốc hội đế chế được nữa. Chúng ta sẽ vào Quốc hội, đó là một điều chắn chắn; vấn đề hiện nay còn tranh luận chỉ là nên vào bằng cửa nào. Và ngay như ở Nga, nếu cái hội đồng tự trị địa phương[1*] nổi tiếng kia, tức là cái Quốc hội mà Ni-cô-lai trẻ tuổi đang hoài công lồng lên phản đối, mà họp được, thì ngay ở đó, chúng ta cũng có thể tin tưởng chắc chắn rằng chúng ta cũng

1* Trong nguyên bản từ này là tiếng Nga viết bằng chữ cái la-tinh.

sẽ có đại biểu ở đó. Dương nhiên là các đồng chí của chúng ta ở nước ngoài quyết không vì thế mà từ bỏ quyền làm cách mạng của mình. Vì quyền làm cách mạng là cái "quyền lịch sử" *thực sự* duy nhất, mà tất cả các quốc gia hiện đại, không trừ một quốc gia nào, đều được xây dựng trên đó, kể cả Mếch-clen-buốc là nơi mà cuộc cách mạng của tầng lớp quý tộc đã kết thúc vào năm 1755 bằng cái "khế ước về sự thừa kế", một hiến chương quang vinh của chế độ phong kiến mà hiện nay vẫn còn có hiệu lực. Quyền làm cách mạng đã ăn sâu vào ý thức của mọi người một cách không thể chối cãi được, đến nỗi ngay cả tướng Phôn Bô-gu-xláp-xki cũng căn cứ độc vào cái quyền đó của nhân dân mà rút ra cái quyền làm chính biến mà ông đòi hỏi hoàng đế của ông ta phải ban hành.

Nhưng dù ở các nước khác tình hình có xảy ra như thế nào đi nữa, thì Đảng dân chủ – xã hội Đức cũng có một hoàn cảnh đặc biệt, và do đó, ít ra là trước mắt, nó cũng có một nhiệm vụ đặc biệt. Con số hai triệu cử tri mà nó đưa ra tham dự bỏ phiếu, cùng với những thanh niên và phụ nữ không phải là cử tri, ủng hộ họ là một khối đông đảo nhất, chắc nịch nhất, là "đội xung kích" có tính chất quyết định của đạo quân vô sản quốc tế. Ngay hiện nay, khối người đó cũng đã chiếm trên một phần tư tổng số phiếu bầu, và đang không ngừng tăng lên, như các cuộc bầu cử từng phải vào Quốc hội, các cuộc bầu cử vào Hội đồng hiệp bang và Hội đồng xã và các cuộc bầu cử tòa án phường hội đã chứng minh. Quá trình tăng trưởng đó của nó cũng tự phát, cũng không ngừng, cũng không gì cản trở được, đồng thời cũng thầm lặng như một quá trình tự nhiên vậy. Tất cả những sự can thiệp của chính phủ nhằm ngăn cản quá trình đó đều tỏ ra vô hiệu lực. Ngay từ bây giờ, chúng ta đã có thể trông cậy vào 2 triệu 25 vạn cử tri. Nếu tình hình đó cứ tiếp diễn như vậy thì từ nay cho đến cuối thế kỷ, chúng ta sẽ tranh thủ được bộ phận lớn nhất trong các tầng lớp trung gian trong xã hội, tức là những

người tiểu tư sản và những người tiểu nông, và chúng ta sẽ lớn lên cho đến khi trở thành lực lượng quyết định ở trong nước, trước nó tất cả những lực lượng khác, dù muốn hay không, cũng đều phải chịu khuất phục. Không ngừng duy trì sự tăng trưởng đó cho đến khi tự bản thân lực lượng đó vượt ra ngoài phạm vi chi phối của chế độ thống trị hiện nay, không được làm hao mòn lực lượng của đội xung kích đang ngày càng lớn mạnh đó trong những trận chiến đấu tiền tiêu mà phải giữ gìn nó nguyên vẹn cho đến ngày quyết định [1*] – đó là nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta. Và chỉ có một cách làm cho sự phát triển không ngừng của những lực lượng chiến đấu xã hội chủ nghĩa ở Đức tạm thời đình lại và thậm chí còn lùi lại trong một thời gian nào đó,– đó là một cuộc đụng độ đại quy mô với quân đội, một cuộc đổ máu như năm 1871 ở Pa-ri. Về sau, chúng ta sẽ khắc phục được tình hình đó. Không thể xóa một đảng có hàng triệu đảng viên khỏi trái đất, dù có dùng tất cả súng ống đạn ở châu Âu và châu Mỹ cũng vẫn không đủ để làm việc đó. Nhưng nó cản trở sự tiến triển bình thường của sự phát triển, trong lúc đột biến, có lẽ chúng ta không có đội xung kích, trận chiến đấu quyết định[2*] sẽ bị trì hoãn, lùi lại và sẽ phải trả giá bằng những hy sinh nặng nề hơn.

1* Trong bản in trên tờ "Die Neue Zeit" và trong bản in của cuốn "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" xuất bản năm 1895, những chữ "không được làm hao mòn lực lượng của đội xung kích đang ngày càng lớn mạnh đó trong những trận chiến đấu tiền tiêu mà phải giữ gìn nó nguyên vẹn cho đến ngày quyết định" bị xóa bỏ.

2* Trong bản in trên tờ "Die Neue Zeit" và trong bản in của cuốn "Đấu tranh giai cấp ở pháp" xuất bản năm 1895, những chữ "trong lúc đột biến, có lẽ chúng ta không có đội xung kích" bị xóa bỏ, và thay cho những chữ "trận chiến đấu quyết định" là những chữ: "việc giải quyết".

Lịch sử thế giới trớ trêu đã làm đảo lộn tất cả. Chúng ta, những "người cách mạng", những "người lật đổ", chúng ta thành đạt được rất nhiều bằng những biện pháp hợp pháp tốt hơn là bằng những thủ đoạn bất hợp pháp và sự lật đổ. Những đảng tự xưng là đảng của trật tự đều tiêu vong vì trạng thái hợp pháp do bản thân chúng tạo ra. Cùng với Ô-đi-lông Ba-rô, chúng đã la lên một cách tuyệt vọng: la légalité nous tue, sự hợp pháp giết chúng ta[522], còn đối với chúng ta thì sự hợp pháp lại mang lại cho chúng ta những bắp thịt chắc nịch, da dẻ hồng hào và tuổi trẻ vĩnh viễn. Và nếu chúng ta không đến nỗi điên rồ để cho mình bị đẩy vào cuộc chiến đấu ngoài đường phố nhằm làm vui lòng các đảng ấy, thì cuối cùng các đảng ấy sẽ không còn có cách nào khác là tự mình đành phải phá hủy cái trạng thái hợp pháp đã trở thành rất nguy hại ấy đối với chúng.

Trong khi chờ đợi, các đảng ấy đưa ra những đạo luật mới chống lại sự lật đổ. Tất cả mọi cái đều lại bị đảo lộn một lần nữa. Những kẻ hôm nay đang điên cuồng chống lại sự lật đổ, há chẳng phải là ngày hôm qua chính họ cũng là những kẻ lật đổ đó sao? Phải chăng *chúng ta* đã gây ra cuộc nội chiến năm 1866? Phải chăng chính chúng ta đã tống cổ quốc vương xứ Ha-nô-vơ, tuyển đế hầu xứ Ét-xen, công tước xứ Nác-xau ra khỏi lãnh thổ thế tập hợp pháp của họ và thôn tính những xứ đó?[523] thế mà những kẻ lật đổ Hiệp bang Đức và lật đổ ba ngai vàng thừa thiên hưng vận ngày nay lại oán trách sự lật đổ ! Quis tulerit Gracchos de Seditione querentes ?[1*] Ai có thể cho phép bọn sùng bái Bi-xmác chửi rủa sự lật đổ ?

Tuy nhiên, các đảng ấy rất có thể làm cho những dự luật

1* – Có thể tha thứ được chăng, khi Grắc-khơ phẫn nộ về sự nổi loạn ? (Giu-vê-nan, bài trào phúng thứ hai).

chống lật đổ của họ được thông qua, chúng có thể làm cho những đạo luật đó còn hà khắc hơn nữa, và khiến cho tất cả những luật hình đều biến thành cao su, nhưng như vậy các đảng đó chỉ đưa ra một bằng chứng mới về sự bất lực của họ mà thôi. Muốn thực sự đụng chạm vào Đảng dân chủ – xã hội, họ còn phải dùng những biện pháp hoàn toàn khác hẳn. Chống lại sự lật đổ của Đảng dân chủ – xã hội, một sự lật đổ mà hiện nay chính việc tuân thủ luật pháp đang có lợi cho nó, chúng chỉ có thể tiến hành sự lật đổ của đảng trật tự, một sự lật đổ không thể diễn ra được nếu không phá hủy luật pháp. Ngài Ruê-xle, một viên quan lại người Phổ và ngài Bô-gu-xláp-xki, một vị tướng người Phổ, đã chỉ cho họ thấy rõ con đường duy nhất mà có lẽ người ta có thể dùng để chống lại những công nhân không muốn bị đẩy vào cuộc chiến đấu ngoài đường phố. Hủy bỏ hiến pháp, chế độ độc tài, quay trở lại chế độ chuyên chế, regis voluntas suprema lex![1*]. Vậy, hãy dũng cảm lên, các ngài, vấn đề đặt ra ở đây, không phải là những biện pháp nửa vời mà phải làm đến nơi đến chốn.

Nhưng xin chớ quên rằng, cũng như tất cả những nhà nước nhỏ và nói chung cũng như tất cả các nhà nước cận đại, Đế chế Đức là sản phẩm của *một thỏa ước*; trước hết là giữa các vua chúa với nhau, tiếp đến là giữa các vua chúa và nhân dân. Nếu một bên xóa bỏ thỏa ước thì toàn bộ thỏa ước đó sẽ không có giá trị và lúc đó, phía bên kia cũng không còn bị ràng buộc nữa. Bi-xmác đã chứng minh cho ta thấy rất rõ điều đó vào năm 1866. Vậy nếu các ngài hủy bỏ hiến pháp của Đế chế Đức thì Đảng dân chủ – xã hội sẽ được tự do, tự do làm những gì mà nó

1* – ý muốn của nhà vua là pháp luật tối cao!

muốn đối với các ngài. Còn như sau đó, nó sẽ làm gì thì hôm nay nó sẽ không nói cho các ngài biết được[1*].

Cách đây gần đúng một nghìn sáu trăm năm, trong đế quốc Rô-ma, cũng đã từng có một phái lật đổ nguy hiểm. Nó phá hoại tôn giáo và tất cả mọi nền tảng của nhà nước. Nó dứt khoát không chịu thừa nhận rằng ý chí của hoàng đế là pháp luật tối cao, nó không có tổ quốc, nó có tính chất quốc tế, nó lan tràn khắp đế quốc, từ xứ Gô-lơ đến Ađi-a, vượt qua biên giới của đế quốc. Nó đã hoạt động ngấm ngầm, đã tiến hành công tác bí mật trong một thời gian dài, nhưng nó cũng đã cảm thấy khá mạnh để có thể xuất hiện công khai trong một thời gian khá dài. Phái lật đổ ấy lấy tên là Cơ Đốc, nó cũng có nhiều đại diện trong quân đội; có cả từng quân đoàn theo đạo Cơ Đốc. Khi họ được phái đến những cuộc lễ long trọng của nhà thờ dân tộc khác tôn giáo để tôn phần long trọng cho buổi lễ thì binh lính thuộc phái lật đổ liền tỏ thái độ hỗn xược đến mức họ cài lên mũ của họ những huy hiệu đặc biệt – tức là những thánh giá – để biểu thị sự phản kháng. Thậm chí những thủ đoạn trấn áp mà bọn chỉ huy thường hay dùng trong doanh trại, cũng trở thành vô hiệu. Hoàng đế Đi-ô-clê-ti-an không thể nào giữ được bình tĩnh lâu hơn nữa, khi nhìn thấy cảnh người ta phá hoại trật tự, phá hoại chế độ phục tùng cấp trên, phá hủy kỷ luật trong quân đội của mình. Hoàng đế liền áp dụng những biện pháp kiên quyết, vì lúc đó cũng chưa phải là quá muộn. Ông ta ban bố một Đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, tôi muốn nói là chống những tín đồ đạo Cơ Đốc. Những cuộc họp của những người chủ trương lật đổ đều bị cấm, trụ sở của họ bị đóng cửa hoặc thậm

1* Trong bản in trên báo "Die Neue Zeit" và trong bản in của cuốn "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" xuất bản năm 1895, ba câu cuối của đoạn này bị xóa bỏ.

chỉ bị phá hủy, họ không được phép đeo huy hiệu Cơ Đốc,thánh giá v.v., cũng giống như ở Dác-den, người ta cấm không cho mang khăn tay đỏ vậy. Những tín đồ đạo Cơ Đốc bị tuyên bố là không có quyền giữ những chức vụ của nhà nước, thậm chí họ còn không được đóng đến chức cai nữa là khác. Vì lúc bấy giờ chưa có những quan tòa được huấn luyện đầy đủ về "sự tôn trọng cá nhân" như dự luật chống lật đổ của ngài Khuên-léc đòi hỏi phải có, nên người ta cấm hẳn những tín đồ đạo Cơ Đốc kiện cáo trước các tòa án. Chính đạo luật cách ngoại đó cũng không có tác dụng gì cả. Với một thái độ nhạo báng, những tín đồ đạo Cơ Đốc đã bóc những đạo luật dán trên tường đem vứt đi; hơn thế, người ta còn nói ràng ở Ni-cô-mê-đi, họ đã đốt cung điện ngay trước mắt hoàng đế. Cho nên vào năm 303 công lịch, hoàng đế đã trả thù bằng cách sát hại trên một quy mô lớn những tín đồ đạo Cơ Đốc. Đó là cuộc tàn sát cuối cùng thuộc loại đó. Cuộc tàn sát ấy rất có hiệu quả đến nỗi mười bảy năm sau, đại đa số trong quân đội là những tín đồ đạo Cơ Đốc và vị hoàng đế Rô-ma Công-xtăng-tin, kẻ nối ngôi Di-ô-clê-ti-an được các mục sư tôn làm Đại đế, đã tuyên bố đạo Cơ Đốc là một quốc giáo.

Luân Đôn, 6 tháng Ba 1895 ***Ph.Ăng-ghen***

Đã đăng (có lược bớt một số chỗ) trên tạp chí "Die Neue Zeit", Bd.2, số 27 và số 28, năm 1894 - 1895 và trong cuốn: Karl Marx: "Die Klassenkämpfe in Frankreich 1848 bis 1850". Berlin, 1895

In theo bản in thử toàn văn của cuốn sách, có đối chiếu với bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI BAN CHẤP HÀNH HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN

Luân Đôn, ngày 11 tháng Ba 1895
41, công viên Ri-gin, Nooc Oc-xtô

Đồng chí kính mến!

Tôi rất tiếc lần này không thể dự ngày lễ tháng Ba của các đồng chí được. Do bị một trận ốm, tuy không nặng nhưng chỉ có hoàn toàn nằm im mới chữa được, tôi lại phải bị cột chặt ở nhà mấy tuần. Tôi hy vọng và mong rằng sự vắng mặt của tôi không ảnh hưởng đến thành công của ngày lễ của các đồng chí.

Xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất.

Ph.Ăng-ghen của các đồng chí

Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất t. XXIX, 1946

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

GỬI BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỘC LẬP [524]

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban chấp hành đã có nhã ý mời tôi nhưng tôi buộc phải từ chối vì chính vào lúc này bác sĩ điều trị cương quyết không cho phép tôi nhận bất cứ lời mời nào. Vì vé có thể dùng cho người khác nào đó, nên tôi xin phép gửi vé kèm theo đây.

Viết vào nửa sau tháng Tư 1895
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XXIX, 1946

In theo bản sơ thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

PHỤ LỤC

PH.ĂNG-GHEN TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA PHÓNG VIÊN BÁO PHÁP "L' ÉCLAIR" NGÀY 1 THÁNG TƯ 1892[525]

...Ông Ăng-ghen, người không thích trả lời phỏng vấn, đã đồng ý dành cho chúng tôi một ngoại lệ và trao đổi cảm tưởng.

- Ông nghĩ gì — chúng tôi hỏi Ăng-ghen — về những vụ mưu sát gần đây mà các phần tử vô chính phủ tiến hành ở Pa-ri ?

- Tôi coi đó chỉ là việc của những tay sai khiêu khích được trả lương, cố bôi nhọ những đảng trong đó họ đóng một vai trò nào đấy. Chính phủ chắc chắn muốn những vụ nổ ấy nổ ra, vì chúng vừa phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản nói chung, vừa phục vụ âm mưu của những tập đoàn chính trị nhất định nói riêng. Quả thật, mục đích của họ là làm cho dân cư lo lắng, thực hành khủng bố và thiết lập sự thống trị của thế lực phản động.

Một thủ đoạn hệt như vậy cũng đã được thi hành cách đây không lâu ở Đức trong thời gian "các vụ lộn xộn ở Béc-lin" [526]. Và ở đây chúng tôi có lý khi coi đó là việc của bàn tay cảnh sát. Đúng, vào ngày đầu những cuộc biểu tình xã hội chủ nghĩa giả hiệu ấy, có người trong số những người bạn bị lầm lạc của chúng tôi đã tham gia phong trào, nhưng họ đã nhanh chóng biết tỏng tính chất đích thực của cuộc biểu tình, thế là họ lập tức ngãng ra.

Bằng cứ chứng minh điều này có thể là việc cướp bóc một số

cửa hiệu thuộc những người được biết là những người xã hội chủ nghĩa. Vụ xử những người bạo động bị bắt cho thấy kẻ chủ mưu là những phần tử bài Do Thái đã tìm cách lợi dụng sự đói kém của một số người nghèo để bắt họ thét lên: "Đả đảo người Do Thái".

Ở I-ta-li-a cũng một thủ đoạn như vậy nhân phiên tòa xử Si-pri-a-ni và những phần tử vô chính phủ khác. Và ở đây các hành động của bọn tay sai khiêu khích cũng bị vạch trần trước tòa án hội thẩm.

Nhưng không phải bao giờ cũng làm được thế. Ở Pa-ri có hai ba kẻ đều cáng tiếp tay cho cảnh sát, nhưng không ai, trừ chính cảnh sát, dám khẳng định rằng họ thuộc đảng xã hội chủ nghĩa.

NGOẠI GIAO NGA

- Ông có lo tất cả những chấn động nội bộ ấy sẽ dẫn đến chỗ các chính phủ sẽ tìm lối thoát trong cuộc chiến tranh châu Âu ? Thí dụ, hoàng đế Vin-hem của ông... chẳng hạn.

- Không. Tôi muốn hoàng đế Vin-hem sống lâu hơn nữa vì lợi ích lớn nhất của những người xã hội chủ nghĩa Đức,- Ăng-ghen cười nói. – Và lại, tôi không tin là chiến tranh nổ ra ngay.

- Chẳng lẽ sự liên minh giữa Nga và Pháp không làm cho ông lo sợ gì về chuyện đó ?

- Hoàn toàn không. Năm ngoái, có thể, chính nước Nga đã có mưu đồ xâm lược. Những cuộc biểu tình ở Crôn-stát [527] – sự ân cần quá ư lộ liễu của nước Nga đế chế đối với nước Pháp cộng hòa – có thể tỏ ra là đáng ngờ. Dường như sự tập trung quân ở biên giới Ắt cũng đã gây nên sự lo lắng phần nào. Nhưng ngày nay tất cả đều hoàn toàn khác .

Thực ra, nếu Nga có muốn đánh nhau đi nữa, nó cũng không

thể làm thế được. Lúc này nó phải đấu tranh với một kẻ thù đáng sợ hơn tất cả những kẻ thù khác – đó là nạn đói.

Tai họa này không phải là kết quả của nạn thất bát ngẫu nhiên, do một thiên tai nào đó gây ra. Đó là hệ quả của những trật tự xã hội mới ở Nga.

Tình hình Nga đã thay đổi nhiều sau Chiến tranh Crưm, trong thời gian đó có hàng trung đoàn chết trong tuyết. Cuộc chiến tranh này đánh dấu khởi đầu của một bước ngoặt lớn trong lịch sử Nga. Sau thất bại hoàn toàn chứng tỏ sự yếu kém của Nga trước toàn châu Âu, hoàng đế Ni-cô-lai thất vọng vì trạng thái thảm hại của đế quốc mình, không còn việc gì nữa ngoài việc uống thuốc độc tự sát, A-lếch-xan-đrơ II lên ngôi đã phải làm gì đó để uốn nắn tình hình kinh khủng mà nước ông đã lâm vào.

NGUYÊN NHÂN CỦA NẠN ĐÓI Ở NGA

Chính trong thời kỳ này, Nga hoàng đã thực hiện việc giải phóng nông nô, việc giải phóng làm cơ sở để phân phối lại ruộng đất giữa quý tộc và nông dân. Quý tộc được giao ruộng đất tốt hơn, cũng như đất rừng và các thủy vực. Còn nông dân thì được ruộng đất xấu hơn, hơn nữa với số lượng không đủ; đồng thời nông dân phải trả về phần đất chia của mình một số tiền nhất định trong vòng 49 năm, mỗi năm nộp một khoản. Điều đó đã dẫn tới đâu ?

Nông dân không thể nộp được tô cho nhà nước và phải rơi vào cảnh nợ nần; ở họ nguy cơ chết quá nhiều, cơ may sống quá ít. Lũ *cu-lắc* [1*] (kẻ cho vay nặng lãi) xông vào những người lao động này, và họ vay nợ từng ít một đến mức họ mất hết hy vọng

1* Trong nguyên bản từ này là tiếng Nga viết bằng chữ cái la-tinh.

lúc nào đó thanh toán được. Còn khi bọn cho vay nặng lãi không muốn cho vay thì nông dân buộc phải bán mùa màng của mình để lấy tiền, và họ bán không chỉ ngũ cốc cần thiết để chính họ ăn, mà cả ngũ cốc cần thiết để gieo, và như vậy mùa thu hoạch sau cũng bị đe dọa.

Trong những điều kiện ấy, ngay một vụ thu hoạch kém đầu tiên ắt đã dẫn đến nạn đói thực sự. Và nạn đói ấy đã đến, để đến lượt nó giáng một đòn nặng nề vào sản xuất nông nghiệp của nước Nga. Và quả vậy, nông dân chẳng có gì để cho gia súc của họ ăn, thế là họ phải hoặc mổ thịt hoặc đem bán nó đi. Mà không có gia súc cày kéo thì không thể canh tác ruộng đất, cũng không thể bón ruộng. Như vậy, sản xuất nông nghiệp bị đình đốn mất nhiều năm.

Giải phóng nông dân chỉ là một mặt của cuộc cách mạng kinh tế đã xảy ra ở Nga; mặt kia là việc tạo ra một cách gượng ép giai cấp tư sản công nghiệp có sứ mệnh làm giai cấp trung gian. Để đi tới đó nhanh hơn, đã thiết lập một chế độ cấm đoán thực sự đã bảo hộ cho công nghiệp Nga và đã góp phần thúc đẩy nó phát triển nhanh chóng phi thường; nhưng vì nền công nghiệp đó không thể sản xuất để xuất khẩu, nên nó cần đến thị trường trong nước. Còn người nông dân Nga thì hầu như chẳng mua gì cả, họ đã quen tự mình chế tạo ra mọi thứ: nhà ở, dụng cụ, áo quần v.v.; cách đây hoàn toàn chưa lâu, họ còn sản xuất ra nhiều thứ hàng bằng gỗ, sắt, da, mà họ bán ở các hội chợ. Nhưng khi rừng bị tước khỏi tay nông dân, vì đất rừng được giao cho địa chủ thì các ngành nghề thủ công ở nông thôn bị suy thoái. Sự phát triển của sản xuất công xưởng đã đào tận gốc những ngành nghề ấy, thế là nông dân phải mua những sản phẩm do công xưởng sản xuất. Nhưng vào lúc công nghiệp công xưởng chuẩn bị ăn mừng thắng lợi thì nạn đói xảy tới, giáng cho nó một đòn chí tử: nông dân không còn có thể mua bất cứ hàng công xưởng nào nữa; sự phá sản của những người này kéo theo sự phá sản của những người khác.

TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ TÌNH HÌNH QUÂN SỰ

- Vậy, theo ý ông, tình hình kinh tế của nước Nga không cho phép nó nghĩ đến chuyện đánh nhau ư ?

- Vâng. Tôi không phóng đại khi nói rằng bức tranh đời sống của nông dân Pháp thế kỷ XVII mà Vô-băng và Boa-ghin-be [528] vẽ ra cũng có thể đúng với nông dân Nga ngày nay buộc phải ăn cỏ. Và ở Pháp, bước chuyển từ chế độ phong kiến lên chế độ tư sản diễn ra không phải là không có chấn động; còn ở Nga thì bước chuyển đó vừa gây ra một cuộc khủng hoảng có nguy cơ từ chỗ là khủng hoảng gay gắt trở thành cuộc khủng hoảng triền miên. Do tất cả những nguyên nhân đó, người Nga vào lúc này nghĩ đến việc làm thế nào để có ăn hơn là chuyện đánh nhau rất nhiều.

- Khoản vay của Nga gần đây nhất ...

- Tôi vừa vặn có ý định nói đến nó. Đó là một sự đổ vỡ rất to lớn. Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp tư sản Pháp rất thích nói đến phục thù, hóa ra không mạnh đến mức nó có thể dốc túi tiền ra. Chính phủ Nga hoàng xin 20 triệu pao; nó chỉ nhận được mười hai triệu ...

- Nghe nói gia đình Rốt-sin đã có phần làm cho việc vay ấy thất bại, để báo thù cho những người cùng đạo của mình bị chính phủ Nga hoàng truy nã ?

- Tôi đã phát biểu chống gia đình Rốt-sin đủ để giờ đây không bênh vực cho họ, khi tôi khẳng định rằng họ ngu dường nào. Gia đình Rốt-sin chỉ xuất phát từ lợi ích của mình với tư cách là chủ ngân hàng, lợi ích mà chung quy là để thu được tiền hoa hồng càng nhiều càng tốt và bóc lột được càng nhiều số người thộn càng hay, chỉ có thế thôi.

- Vậy, Ông không tin vào sự hùng cường của nước Nga ư ?

- Nước Nga mạnh về phòng thủ, nhưng về mặt tấn công nó không mạnh cả trên bộ lẫn trên biển. Tôi đã trình bày với ông rằng tình hình kinh tế không cho phép nước Nga lao vào những cuộc phiêu lưu nguy hiểm và tốn kém. Nếu chúng ta nhìn vào sự tổ chức của quân đội Nga thì chúng ta sẽ thấy rằng về mặt này nữa nước Nga cũng không đáng sợ.

Trường hợp xảy ra chiến tranh, Nga sẽ không tung lính ra nhiều hơn số hiện nay đang tại ngũ ở nước này. Quân dự bị của nó chỉ tồn tại trên giấy, đúng là nó có thể nhận được hàng nghìn và hàng nghìn lính. Nhưng để bổ sung khung sĩ quan, nó không có sĩ quan dự bị. Trong thực tế, nó lấy đâu ra sĩ quan ? Trong giới nào ?

Ở Đức, chúng ta có số sĩ quan nhiều hơn 50% so với số chúng ta cần. Chẳng lẽ về mặt này Pháp không ở vào tình thế tương đối kém hơn hay sao ? – người đối thoại với chúng tôi nói.

NƯỚC PHÁP MẠNH

- Tuyệt nhiên không, – chúng tôi trả lời. – Ở nước Pháp chúng tôi không có sĩ quan dư thừa, nhưng sĩ quan khung được bổ sung.

- Điều đó hoàn toàn không thể khó chịu đối với tôi, – ông Ăng-ghen trả lời. Tôi không muốn thấy quân đội Đức mạnh đến mức nó có thể chiếm toàn bộ châu Âu. Để đạt được mục đích của chúng tôi, để giải phóng giai cấp công nhân châu Âu, cần có một nước Pháp mạnh, làm chủ chính mình, cũng như một nước Đức có những ưu thế như vậy. Người đồng bào vĩ đại của ông, Xanh - Xi-mông, là người đầu tiên đề xướng sự cần thiết của liên minh Pháp, Anh và Đức coi đó là điều kiện số một cho sự bình yên của châu Âu. Đó là "liên minh tay ba"[529] đích thực.

- Để kết thúc, tôi xin phép nói với Ông rằng Ông đã vẽ một bức tranh hơi ảm đạm về tình hình nước Nga.

- Chẳng may may. Ông muốn tôi kể Ông nghe một trường hợp hay không ? Ông biết rằng để giúp nông dân Nga đang đói, người ta đã quyết định chở ngũ cốc từ Cáp-ca-dơ, nơi dư thừa ngũ cốc. Người ta lần lượt ra những lệnh hữu quan, rất nhiều ngũ cốc được chở đến và toa tàu đã đưa tới để vận chuyển ngũ cốc. Nhưng đã xảy ra tình trạng toa không được đưa tới dồn lại nhiều đến mức làm tắc đường. Ngũ cốc nằm cạnh toa tàu, còn toa tàu thì đứng im. Biết được chuyện này, Nga hoàng [1*] nổi khùng và cử một viên tướng đến nơi xảy ra sự việc; ông nhà binh này làm rùng beng lên, tuyên bố rằng đâu sẽ vào đấy, thế mà chỉ chở đi được vén vẹn mấy đoàn tàu; phần lớn ngũ cốc thối tại chỗ ! Trường hợp có động viên thì sẽ ra sao ? Đường sắt ở Nga không nhiều lắm, nhưng ngay cả các sĩ quan của nó cũng không biết sử dụng chúng .

VẤN ĐỀ AN-DA-XƠ-LỒ-REN-NƠ

- Còn một câu hỏi nữa: còn với An-da-xơ-Lo-ren-nơ, nguyên nhân của tất cả mọi mối bất hòa này, thì sao ? Ông có tin vào việc giải quyết hòa bình vấn đề này, thỏa mãn đồng thời cả Pháp lẫn Đức, hay không ?

- Tôi hy vọng rằng mươi năm nữa đảng xã hội chủ nghĩa của Đức sẽ lên nắm chính quyền. Mối quan tâm đầu tiên của nó sẽ

1* – A-lếch-xan-đrơ III

là đem lại cho cư dân An-đa-xơ-Lô-ren-nơ khả năng định đoạt tương lai chính trị của mình theo sự suy xét của mình. Do đó, vấn đề sẽ được giải quyết hoàn toàn không có sự tham gia của lính Pháp.

Trái lại, chiến tranh giữa Đức và Pháp sẽ là phương tiện duy nhất ngăn cản những người xã hội chủ nghĩa lên nắm chính quyền. Còn nếu Pháp liên minh với Nga tấn công Đức thì Đức sẽ chiến đấu một mất một còn, bảo vệ sự tồn tại dân tộc của mình mà những người xã hội chủ nghĩa Đức tha thiết hơn rất nhiều so với những người tư sản. Vì vậy những người xã hội chủ nghĩa sẽ chiến đấu đến người cuối cùng và không do dự sẽ dùng những biện pháp cách mạng mà Pháp đã áp dụng vào năm 1793.

Đã đăng trên báo "L' Éclair", ngày 6 tháng tư 1892 và đăng có lược bớt trên báo "Le Socialiste" số 82, ngày 16 tháng Tư 1892

In theo bản đăng trên báo "L' Éclair", có đối chiếu với bản đăng trên báo "Le Socialiste".
Nguyên văn là tiếng Pháp, in bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA PHÓNG VIÊN BÁO PHÁP "LE FIGARO" NGÀY 11 THÁNG NĂM 1893[530]

... Biết được mục đích đến thăm của tôi, Ăng-ghen đã tuyên bố với tôi như sau:

- Nước Đức đang bước vào một trong những thời kỳ nghiêm trọng nhất trong lịch sử của mình, nhưng tôi phải nói thêm ngay rằng những người xã hội chủ nghĩa chúng tôi chẳng có gì phải sợ tình hình đã hình thành. Trái lại, chúng tôi sử dụng thành công tình hình đó có lợi cho chúng tôi. Kinh phí chiến tranh không được chuẩn y chủ yếu nhờ sự cổ động của chúng tôi [531]. Cả những đảng nghị trường khác nhau, đặc biệt là cả chính phủ biết rõ ràng chúng tôi là kẻ thù nguy hiểm nhất đối với nó, đều không thể coi thường chúng tôi. Khi ở Đức biết được rằng chính phủ quyết định giành cho được những khoản kinh phí chiến tranh mới thì dân chúng nổi giận, và lập trường của phái giữa và phái cấp tiến trong việc biểu quyết [532], chắc chắn đã chịu sức ép của dư luận.

Ông thấy không, – Ăng-ghen nói thêm, cố ý nhấn mạnh lời tuyên bố của mình,- ở Đức nhân dân nói: *"Chúng tôi cung cấp lính đủ rồi ! Cần chấm dứt điều này !"*

- Còn quốc hội mới, thưa ông Ăng-ghen ?

-*Giờ đây, khi chúng tôi nói chuyện với ông*, tôi cảm thấy quốc hội Đức khóa này ít có ý muốn biến quyết tâm dành kinh phí

chiến tranh hơn quốc hội khóa trước. Và lại, tôi không nhầm mắt làm ngơ cả trước một khả năng là những nghị sĩ mới, mà trước mắt còn năm năm hoạt động lập pháp, sẽ câu kết với chính phủ để nhờ *"bạo lực mềm"* đạt được một giải pháp thỏa hiệp. Song rất chắc chắn là quốc hội sẽ không chuẩn y kinh phí, và trong trường hợp này sẽ phải chịu bị giải tán lần nữa, và theo ý tôi, tình hình đó sẽ dẫn tới việc bầu ra một Quốc hội bướng bỉnh hơn nữa khi xét các dự án của chính phủ. Điều đó sẽ làm cho sự xung đột gay gắt đến cùng, và khi ấy chưa rõ ai sẽ thắng thế – quốc hội hay hoàng đế. Sẽ lập lại sự xung đột năm 1864 giữa Bi-xmác và quốc hội Phổ kết thúc bằng cuộc chiến tranh với Áo [533].

Câu trả lời của Ăng-ghen lại gợi cho tôi một câu hỏi mới – ông nhìn nhận thế nào hai khả năng có thể có trong sự phát triển của những sự kiện đã được bàn luận trên báo chí châu Âu: Vin-hem II tiến hành đảo chính trong nước hay chiến tranh với bên ngoài.

- Tiến hành chính biến vào thời gian này – người đối thoại với tôi trả lời sôi nổi – không dễ như trước kia.

Năm 1864, vào lúc xung đột giữa Bi-xmác và Quốc hội Phổ, nước Phổ là một quốc gia tập quyền, trong khi đó bây giờ Đế quốc Đức là một quốc gia liên bang. Chính phủ trung ương sẽ đánh liều quá nhiều thứ, nếu cố làm chính biến. Để tin chắc vào khả năng tiến hành nó, chính phủ đó cần có sự đồng ý *nhất trí* của tất thảy các chính phủ trong liên bang. Nếu dù chỉ *một* trong số những chính phủ ấy không đồng ý làm chính biến thì chính phủ đó sẽ không bị ràng buộc vào trách nhiệm đối với đế chế, mà như vậy sẽ có nghĩa là Nhà nước liên bang tan vỡ. Nhưng không chỉ có thế. Hiến pháp liên bang là cái duy nhất đảm bảo cho các quốc gia nhỏ khỏi bị Phổ thống trị; vi phạm hiến pháp đó, những quốc gia ấy sẽ để người ta bó tay bó chân chờ ân huệ của chính quyền trung ương. Có thể giả định hay

không rằng Ba-vi-e sẽ chịu từ bỏ quyền của mình như thế ? Không, và để làm rõ ý của tôi, tôi xin nói với ông điều sau đây: để làm chính biến ở Đức, hoàng đế phải có ở phía mình hoặc là nhân dân – mà nhân dân thì không ủng hộ ông ta – hoặc là tất cả các chính phủ của liên bang – mà *tất cả các chính phủ của liên bang sẽ không bao giờ tán thành ông ta*.

Vì lời tuyên bố sau cùng của Ăng-ghen không thuyết phục được tôi, nên tôi khăng khăng là có khả năng nổ ra chính biến trong nội bộ.

- Tôi không quả quyết – ông phản bác lại – rằng cái tôi có thể gọi là *"cuộc cách mạng từ trên xuống"* không phải là mối đe dọa đối với tương lai. Bê-ben và những người bạn khác của chúng tôi đã nói rằng họ thấy trước có sự xâm phạm quyền bầu cử phổ thông.

- Vậy thì trong trường hợp ấy ông sẽ lấy bạo lực đáp lại bạo lực ư?

- Chúng tôi không ngu đến mức sa vào bẫy mà chính phủ đặt sẵn để bẫy chúng tôi; vì rằng chính phủ Đức không muốn cái gì ngoài khởi nghĩa để đè bẹp chúng tôi. Chúng tôi biết quá rõ tương quan lực lượng hiện nay giữa chúng tôi và chính phủ, nên không liều mạng quyết định tiến hành một bước như vậy. Và lại Vin-hem II có dám *hoàn toàn* thủ tiêu quyền bầu cử phổ thông hay không ? Tôi không nghĩ như vậy. Đúng ra, ông ta sẽ tăng tiêu chuẩn tuổi tác của cử tri và trao cho chúng tôi quyền bầu cử phổ thông đã được *xem xét lại và sửa đổi*(lúc nói những từ này Ăng-ghen cười to) mà bây giờ Bi sẽ phải tìm hiểu [534].

- Ông có lo sợ những cuộc bắt bớ quy mô lớn trong số nghị sĩ thuộc phe đối lập hay không ?

- Không,- Ăng-ghen thốt lên, – không ai ở Đức cho là có khả năng như vậy. Một số chính phủ của liên bang, như chính phủ Ba-vi-e chẳng hạn, sẽ không bao giờ đồng ý phê chuẩn sự vi phạm hiến pháp một cách quá quắt như vậy. Xin ông đừng quên

rằng hiến pháp đế chế và Quốc hội Đức là vũ khí duy nhất, nhờ nó mà các quốc gia nhỏ có thể ngăn ngừa việc Phổ thôn tính họ.

Rồi chúng tôi chuyển sang giả thuyết về chiến tranh với bên ngoài. Trong vấn đề này, Ăng-ghen không có chút bi quan nào.

- Dĩ nhiên, – ông tuyên bố với tôi, – chiến tranh có thể nảy sinh. Nhưng trong thời buổi chúng ta ai sẽ gánh trách nhiệm phát động nó ? Họa chăng có Nga, là nước mà do rộng mênh mông nên không thể chiếm được ?... Và lại đó còn là vấn đề!...Trong thời điểm này, nước Nga ở vào một tình thế khiến nó không chịu được chiến tranh tới một tháng, nếu nó không nhận được tiền từ nước ngoài.

* * *

Sau đó người đối thoại với tôi ngừng một lát, rồi tiếp tục với nỗi bực tức hơi nén xuống.

- Quả thật, tôi không hiểu chính phủ Pháp. Vì rằng không phải Pháp cần Nga, mà là Nga cần Pháp. Nước Nga đã bị phá sản, ruộng đất của nó bị kiệt màu. Nếu chính phủ Pháp hiểu tình hình thực tế, thì nó sẽ nhận được của Nga tất cả những cái nó cần, tất cả ...tất cả ...trừ tiền và sự viện trợ quân sự thiết thực. Không có Pháp thì Nga sẽ bị cô lập, hoàn toàn bị cô lập ... Và mong người ta đừng nói với tôi về thực lực quân sự của Nga ! Ông hãy nhớ lại cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ. Không có sự giúp đỡ của người Ru-ma-ni thì người Nga sẽ bất lực ở Plép-na...[535]. Không, càng suy ngẫm, tôi càng ít tin rằng chiến tranh có thể nổ ra. Ở thời buổi chúng ta thật khó mà dự kiến được kết cục của nó ! Các đạo quân được tung vào những điều kiện hoàn toàn mới, tuyệt đối không thể tính đến được. Đã xuất

hiện súng trường bắn được mười phát trong một phút, có tầm bắn xấp xỉ với tầm bắn của đại bác và bắn bằng đạn có sức xuyên thủng chưa từng thấy. Đã xuất hiện đạn đại bác nhồi mê-li-nit, rô-bu-rít v.v.. Chưa bao giờ một phương tiện nào trong số những phương tiện phá hủy đáng sợ ấy được thử nghiệm trong chiến tranh. Như vậy, chúng ta hoàn toàn không thể hình dung được cuộc cách mạng đó trong lĩnh vực vũ trang sẽ ảnh hưởng như thế nào đến chiến thuật và đến tinh thần binh lính.

Nếu Vin-hem II bỗng dưng có ý định gây ra chiến tranh, ông ta sẽ gặp sự chống đối trong bộ tổng tham mưu của chính mình; ông ta sẽ được người ta cho *cảm thấy* toàn bộ sự mạo hiểm to lớn của chiến tranh. Vào thời Na-pô-lê-ông III còn có thể có chiến tranh cục bộ; trong thời đại chúng ta, chiến tranh sẽ là chiến tranh rộng khắp, và *châu Âu sẽ bị Anh khống chế*, vì Anh có thể theo chủ trương của mình giam đói bất kỳ bên nào trong số các bên tham chiến. Cả Đức lẫn Pháp đều không tự mình sản xuất đủ lúa mì, họ buộc phải nhập lúa mì từ nước ngoài. Mà nước cung cấp lúa mì cho họ chính là Nga. Trong trường hợp đánh nhau với Nga, Đức sẽ không thể nhận được một héc-tô-lít ngũ cốc nào. Mặt khác, Pháp sẽ bị Trung Âu chống lại nó trong chiến tranh, cắt đứt với nguồn lúa mì Nga. Do đó, chỉ có đường biển là còn bỏ ngỏ. Trong khi đó vào thời gian chiến tranh, biển bị người Anh khống chế hơn bất cứ lúc nào. Nhờ những cam kết của những công ty đảm bảo đủ loại dịch vụ xuyên Đại Tây Dương mà Anh nắm được trong tay các tàu thủy của những công ty này, những chiếc tàu thủy này được đóng *dưới sự kiểm soát của chính phủ Anh*. Như vậy, trong trường hợp tuyên chiến, ngoài hạm đội hùng mạnh của mình ra, Anh còn có 50-60 tuần dương hạm chuyên dùng để không cho tàu buôn tới một nước hay nhiều nước trong số các nước đánh nhau, mà Anh chống lại. Ngay cả khi còn trung lập, Anh vẫn sẽ làm chủ tình hình. Khi các nước

tham chiến đã kiệt sức trong các cuộc giao tranh, nó sẽ hành động vào lúc thích hợp để áp đặt điều kiện của mình để ký hòa ước. Và lại chẳng có gì để nghĩ rằng Vin-hem II có thể phát động chiến tranh. Máu hiếu thắng trước đây của hoàng đế Đức đã nguội lạnh đi đáng kể .

*
* *

Tôi còn có việc hỏi ông Ăng-ghen về một vấn đề quan trọng nữa – về cơ may của những người xã hội chủ nghĩa Đức trong cuộc bầu cử sắp tới.

- Tôi tin – ông trả lời câu hỏi này – rằng chúng tôi sẽ thu được 700 000, và có thể một triệu phiếu bầu nhiều hơn số chúng tôi thu được vào năm 1890. Như vậy, chúng tôi sẽ thu được tổng cộng hai triệu một phần tư, nếu không phải là hai triệu rưỡi phiếu bầu. Song số ghế nghị sĩ mà chúng tôi sẽ thu được sẽ không tương ứng với con số đó. Nếu số ghế được phân phối đều thì trong Quốc hội khóa này, cuộc bầu cử đã đem lại cho chúng tôi một triệu rưỡi phiếu bầu, chúng tôi sẽ có tám mươi nghị sĩ, chứ không phải là ba mươi sáu. Từ khi thành lập đế chế, khi quy định các khu bầu cử, sự phân bố dân cư theo các khu vực đã thay đổi không có lợi cho chúng tôi. Các khu bầu cử được lập theo nguyên tắc sau đây: cứ 100 000 dân thì bầu một đại biểu.Trong khi đó Béc-lin cho đến bây giờ vẫn bầu vào quốc hội vẻn vẹn sáu đại biểu; tuy dân số hiện nay của nó vượt quá một triệu rưỡi người. Theo quy định, Béc-lin phải được bầu mười sáu đại biểu. Một ví dụ khác: ở Khuên hiện nay có 250 000 dân, thế mà nó chỉ được bầu một đại biểu như trước.

- Có phải ở tất cả các khu bầu cử đều sẽ đưa ứng cử viên của đảng xã hội chủ nghĩa hay không ?

- Có, chúng tôi đưa người ra ứng cử ở tất thảy 400 khu. Điều quan trọng đối với chúng tôi là duyệt lại lực lượng của chúng tôi.

- Thế những người xã hội chủ nghĩa Đức các ông đặt ra mục đích nào là mục đích cối cùng ? Ăng-ghen nhìn tôi, rồi nói:

- Chúng tôi không có mục đích cuối cùng. Chúng tôi chủ trương *phát triển thường xuyên, không ngừng*, và chúng tôi không có ý định áp đặt cho loài người những quy luật dứt khoát nào đó. Những ý kiến có sẵn trước về các chi tiết tổ chức xã hội tương lai ư ? Ông sẽ không tìm thấy chúng tôi nói lời nào về chúng. Chúng tôi mà chuyển được tư liệu sản xuất vào tay toàn thể xã hội là chúng tôi mãn nguyện rồi, nhưng chúng tôi hiểu rõ ràng dưới thời chính phủ bảo hoàng và liên bang như hiện nay thì điều đó không thể có được.

Tôi xin phép nhận xét rằng, theo tôi, thời gian mà những người xã hội chủ nghĩa Đức có thể thực hiện các lý thuyết của mình vào cuộc sống còn rất xa vời.

- Không xa đến mức như ông tưởng, – ông Ăng-ghen phản bác. – Tôi cho rằng đã đến gần thời gian đảng chúng tôi sẽ có sứ mệnh nắm lấy việc quản lý đất nước vào tay mình ... Có thể, đến cuối thế kỷ. Ông sẽ thấy điều đó sẽ diễn ra.

Và đúng thế ! Ông hãy xét số người ủng hộ chúng tôi từ khi chúng tôi bắt đầu cuộc đấu tranh nghị trường. Cứ mỗi lần bầu cử, con số ấy luôn luôn tăng lên. Bản thân tôi tin rằng quốc hội mới bầu, nếu tồn tại hết nhiệm kỳ quy định, nói cách khác, nếu cuộc bầu cử diễn ra vào năm 1895 thôi, thì chúng tôi sẽ thu được ba triệu rưỡi phiếu bầu. Nhưng trong toàn bộ nước Đức có mười triệu cử tri, trong đó trung bình bảy triệu người bỏ phiếu. Nếu trong tổng số 7 triệu cử tri có 3,5 triệu ủng hộ chúng tôi thì Đế chế Đức sẽ không thể tiếp tục tồn tại dưới dạng như hiện nay. Và còn – ông đừng quên điều này, điều này rất quan trọng – số lượng người bầu cho chúng tôi phản ánh số người ủng hộ chúng tôi trong quân đội. Dã có được một triệu rưỡi người bầu trong số mười triệu cử tri, chúng tôi có ở phía chúng tôi xấp xỉ

một phần bảy tổng dân số, và có thể cho rằng cứ sáu người lính thì một là của chúng tôi. Khi chúng tôi được ba triệu rưỡi phiếu bầu – thời gian đó không còn xa – ở phía chúng tôi sẽ có một nửa toàn bộ quân đội.

Còn khi tôi tỏ ra không tin rằng trong trường hợp cách mạng nổ ra, quân đội chịu ảnh hưởng của những người xã hội chủ nghĩa vẫn sẽ trung thành với các nguyên tắc của mình, ông Ăng-ghen tuyên bố với tôi nguyên văn như sau:

- Khi chúng tôi giành được đa số, quân đội của chúng tôi sẽ tự giác làm những gì mà quân đội Pháp làm theo bản năng, họ không chịu bắn vào dân chúng. Vâng, dù cho những tư sản sợ sệt có nói gì đi nữa, chúng tôi có thể xác định được thời gian, khi phần lớn dân cư chuyển sang phía chúng tôi, ý tưởng của chúng tôi đang được truyền bá khắp nơi trong công nhân, cũng như trong các thầy giáo, thầy thuốc, luật sư v.v..Nếu mai đây chúng tôi phải giành chính quyền về tay mình, chúng tôi cần có các kỹ sư, các nhà hóa học, các nhà nông học. Thế thì sao ! Tôi tin chắc rằng nhiều người trong số họ sẽ đi với chúng tôi. Năm hoặc mười năm nữa, số này ở chúng tôi sẽ nhiều hơn số chúng tôi có thể sử dụng.

Sau những lời ấy, dạt dào niềm lạc quan, tôi từ giã ông Ph.Ăng-ghen.

Đã đăng trên báo "Le Figaro" ngày 13 tháng Năm 1893 và báo "Le Socialiste" số 140, ngày 20 tháng Năm 1893

In theo bản đăng trên báo "Le Figaro", có đối chiếu với bản đăng trên báo "Le Socialiste"
Nguyên văn là tiếng Pháp
In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA PHÓNG VIÊN BÁO ANH "DAILY CHRONICLE" CUỐI THÁNG SÁU 1893 [536]

... Tôi đến nhà ông Ăng-ghen trên đường Công viên Rí-giên... và, dĩ nhiên, bắt gặp ông đang rất phấn khởi do kết quả cuộc bầu cử quốc hội Đức.

- Chúng tôi đã giành được mười ghế, – ông nói để trả lời các câu hỏi của tôi. – Cuộc bỏ phiếu thứ nhất đã đem lại cho chúng tôi 24 ghế, trong cuộc bầu cử thứ hai trong số 85 ứng cử viên của chúng tôi, 20 người trúng cử. Chúng tôi được 16 ghế mới và mất sáu ghế, như vậy, số được thuần túy của chúng tôi là 10. Trong số sáu ứng cử viên của Béc-lin, năm người là của chúng tôi.

- Các ông thu được tổng cộng bao nhiêu phiếu bầu ?

- Điều này chúng tôi chỉ biết được khi quốc hội bắt đầu họp; lúc đó sẽ biết con số chính xác, nhưng ngay bây giờ có thể nói rằng chúng tôi đã thu được trên 2 000 000 phiếu bầu. Năm 1890 chúng tôi thu được 1 427 000 phiếu bầu. Và ông đừng quên rằng số phiếu ấy là giành riêng cho những người xã hội chủ nghĩa. Tất cả các đảng đều liên hiệp lại chống chúng tôi, trừ một số ít đại biểu của đảng nhân dân – một đảng cộng hòa cấp tiến thuộc loại đặc biệt [537]. Chúng tôi đưa 391 người ra ứng cử và từ chối thỏa thuận với bất kỳ đảng nào khác. Nếu chúng tôi muốn làm thế thì chúng tôi có thể được thêm hai mươi hoặc ba mươi ghế

nữa, nhưng chúng tôi đã kiên quyết bác bất cứ sự thỏa hiệp nào, và chính vì thế mà vị trí của chúng tôi mạnh như vậy. Trong số các đại biểu của chúng tôi, không một đại biểu nào bị ràng buộc bởi cam kết ủng hộ bất kỳ đảng nào hoặc bất kỳ biện pháp nào, ngoài cương lĩnh của bản thân đảng chúng tôi.

- Nhưng số 2 000 000 phiếu bầu ấy của các ông lẽ ra phải đem lại cho các ông nhiều ghế hơn ?

- Vâng, ở đây tất cả đều do lỗi của chế độ phân phối ghế đại biểu có khiếm khuyết. Khi quốc hội được thành lập, người ta đã dự định rằng tất cả các khu bầu cử đều như nhau, cứ 100 000 dân sẽ bầu một nghị sĩ; nhưng những sự tính sai khi lập các khu, cũng như sự tăng lên và sự di chuyển của dân cư đã dẫn đến chỗ hiện nay số lượng cử tri ở các khu hoàn toàn không giống nhau. Điều đó rất có hại cho chúng tôi. Ông hãy xét dù chỉ là trường hợp Líp-nếch ứng cử ở Béc-lin. Ông thu được 51 000 phiếu bầu trong một khu với số dân gần 500 000 người.

- Mà vì sao các ông mất sáu ghế?

- Trong mỗi trường hợp, sở dĩ có sự mất mát ấy là do những tình huống đặc biệt. Ngay cả năm 1890 chúng tôi coi Brê-men là một sự may mắn bất ngờ. Ở Luy-bếch, như tôi vừa được Bê-ben cho biết, nhiều công nhân đi tản mát, thành thử mỗi cuộc bầu cử được tiến hành vào mùa đông thì chúng tôi cũng có thể nắm được ghế ấy. Sau nữa, không nên quên rằng cuộc khủng hoảng thương nghiệp dụng chạm đến chúng tôi mạnh hơn đến các ông, rằng chúng tôi đã phải đấu tranh với sự thù địch gay gắt của giới các nhà doanh nghiệp. Tuy là bỏ phiếu kín, nhưng những nhân vật hữu quan đã thủ tiêu được sự bí mật đó. Ở nước chúng tôi, khi bầu người ta không đánh dấu vào phiếu như ở nước Anh của ông; mỗi cử tri bỏ vào hòm phiếu một tờ phiếu mà họ mang theo. Ngoài ra, cuộc khủng hoảng thương nghiệp và nạn dịch tả

năm 1892 đã buộc nhiều công nhân nhận trợ cấp của nhà nước, mà điều ấy làm cho họ mất quyền bầu cử trọn một năm.

Nhưng tôi tự hào về những thất bại của chúng tôi hơn là về những thắng lợi của chúng tôi, – ông Ăng-ghen nói tiếp. Ở Dre-xden(tại khu bầu cử nông thôn) chúng tôi thu được cả thảy 100 phiếu, ít hơn ứng cử viên mà tất cả các đảng khác bỏ phiếu bầu, hơn nữa cả thảy có 32 000 người bỏ phiếu. Ở Ót-ten-den, ứng cử viên của chúng tôi thu được trong tổng số 27 000 phiếu, ít hơn đối thủ cũng được tất cả các đảng khác ủng hộ là 500 phiếu. Ở Stút-gát, ứng cử viên của chúng tôi thu được 13 315 phiếu bầu – ít hơn ứng cử viên trúng cử vẻn vẹn 128 phiếu. Ở Luy-bếch, nơi có 19 000 người đi bầu, chúng tôi chỉ thiếu có 154 phiếu. Và như tôi đã nói, tất cả đó là những phiếu bầu cho những người xã hội chủ nghĩa và chống khối liên minh của tất cả những đảng khác.

- Xin ông cho biết cương lĩnh chính trị của các ông thế nào ?

- Cương lĩnh của chúng tôi hầu như hoàn toàn trùng khớp với cương lĩnh của Liên đoàn dân chủ – xã hội Anh [538], nhưng đường lối chính trị của chúng tôi hoàn toàn khác.

- Chắc là nó gần gũi hơn với đường lối chính trị của Hội Pha-biêng.

- Tuyệt nhiên không,- ông Ăng-ghen sốt sắng trả lời,- tôi cho rằng Hội Pha-biêng [539] chẳng qua là một chi nhánh của đảng tự do. Nó hy vọng đạt được sự đổi mới xã hội chỉ bằng những phương tiện, biện pháp mà đảng này đề ra. Chúng tôi đối lập với tất cả những đảng chính trị đang tồn tại và có ý định đấu tranh với họ. Liên đoàn dân chủ – xã hội Anh chỉ là một phái nhỏ và hành động với tư cách như vậy. Đó là một tổ chức đóng kín. Nó không hiểu nên lãnh đạo phong trào công nhân nói chung và đưa phong trào đó lên chủ nghĩa xã hội như thế nào. Nó đã làm cho chủ nghĩa Mác trở thành chính giáo. Thí dụ, nó khăng khăng đòi là

trong thời gian bài công ở các ụ tàu, Giôn Bốc-nơ phải giương cao cờ đỏ, trong khi hành động đó có thể làm hại toàn bộ phong trào thay vì tranh thủ công nhân cảng về phía mình, lại có thể đẩy họ vào vòng tay của các nhà tư bản. Chúng tôi không làm những chuyện như vậy. Thế nhưng cương lĩnh của chúng tôi là cương lĩnh thuần túy xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu số một của chúng tôi là xã hội hóa tất cả mọi tư liệu và công cụ sản xuất. Đúng là chúng tôi chấp nhận tất cả những gì một chính phủ nào đó đề nghị với chúng tôi, nhưng chỉ với tư cách là trả nợ từng phần và hoàn toàn không hề được chúng tôi cám ơn. Chúng tôi luôn luôn bỏ phiếu chống ngân sách và chống mọi kinh phí cho quân đội hoặc việc tăng quân số của nó. Ở những khu mà trong lần bỏ phiếu thứ hai chúng tôi không cơ ứng cử viên của mình, cử tri của chúng tôi nhận được chỉ thị chỉ ủng hộ những ứng cử viên có nhiệm vụ phải bỏ phiếu chống dự luật về quân đội, chống mọi thuế phụ thu và chống mọi sự hạn chế quyền của nhân dân.

- Vậy cuộc bầu cử sẽ ảnh hưởng thế nào đến tình hình chính trị ở Anh ?

- Dự luật về quân đội sẽ được thông qua [540]. Hiển nhiên là sự thất bại hoàn toàn của phe đối lập. Thực ra, phe đối lập thực tế và đoàn kết duy nhất bây giờ là chúng tôi. Phái tự do dân tộc nhập bọn với phái bảo thủ. Đảng tự do tư tưởng bị phân chia thành hai bộ phận, sau cuộc bầu cử, đảng này nói chung hầu như chẳng còn gì cả. Những tín đồ Thiên chúa giáo và những đảng nhỏ sợ việc quốc hội bị giải tán và để tránh việc ấy, họ sẵn sàng nhận mọi nhượng bộ.

- Theo ý Ông , cuộc bầu cử ảnh hưởng thế nào đến tình hình chính trị của châu Âu nói chung ?

- Nếu dự luật về quân đội được thông qua, rõ ràng là Pháp và Nga sẽ thi hành những biện pháp cũng theo hướng ấy. Ngay giờ đây Pháp đã lùa vào quân đội tất cả nam giới, đến cả những người thể lực không thích hợp để làm quân dịch, nhưng chắc

chắn nó sẽ cải tiến quân đội của mình, như một bộ máy chiến đấu. Nước Nga sẽ gặp khó khăn trong việc bổ sung đội ngũ sĩ quan. Dĩ nhiên, Áo và Đức có lẽ sẽ cùng nhau hành động.

- Như vậy, Ông cho rằng ở châu Âu có rất ít cơ may hòa bình ?

- Tất nhiên, mọi vụ rắc rối không đáng kể đều có thể dẫn đến xung đột vũ trang, nhưng tôi không nghĩ rằng các nhà cầm quyền của những nước ấy muốn chiến tranh. Độ chính xác về tầm bắn của vũ khí bắn nhanh mới và việc sử dụng thuốc súng không khói đánh dấu một cuộc cách mạng trong lĩnh vực quân sự đến mức không ai có thể nói chiến thuật chiến đấu có bài bản trong những điều kiện mới ấy phải như thế nào. Đó là một bước nhảy vào chỗ chưa biết. Và những đạo quân gặp nhau trên chiến trường sẽ lớn đến mức so với cuộc chiến tranh tương lai, tất cả mọi cuộc chiến tranh trong quá khứ sẽ là trò chơi trẻ con.

- Theo ý Ông, ảnh hưởng của đảng dân chủ – xã hội đến châu Âu sẽ như thế nào ?

- Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi sẽ đấu tranh cho hòa bình. Chúng tôi đã luôn luôn phản đối việc thôn tính An-da-xơ -Lô-ren-nơ, nhưng sau trận Xê-đăng chúng tôi cùng Mác đã viết lời kêu gọi của Quốc tế, trong đó chúng tôi chỉ ra rằng nhân dân Đức không có lý do để xích mích với Cộng hòa Pháp, đã đòi hỏi ký hòa ước với điều kiện danh dự và đã đoán trước điều đã thực tế xảy ra, cụ thể là việc thôn tính sẽ ném Pháp vào vòng tay của Nga và sẽ tạo nên mối đe dọa thường xuyên đối với hòa bình ở châu Âu [541].Ở quốc hội, đảng chúng tôi luôn luôn đòi phải đem lại cho dân cư An-da-xơ -Lô-ren-nơ khả năng tự mình định đoạt vận mệnh của mình – hoặc là lại sáp nhập vào Pháp, hoặc sáp nhập vào Thụy sĩ, hoặc trở thành một quốc gia độc lập.

- Do đó, Ông cho rằng thời gian thành lập "Liên bang châu Âu" không còn xa nữa ?

- Dĩ nhiên rồi; tất cả đều đi tới đó, vì các tư tưởng của chúng tôi được truyền bá khắp toàn châu Âu. Đây, – ông lấy ra một tập dày, – tạp chí mới của chúng tôi cho Ru-ma-ni[1*]. Chúng tôi cũng có một tạp chí như vậy cho Bun-ga-ri [2*]. Công nhân toàn thế giới sẽ nhanh chóng học được nghệ thuật liên kết lại.

- Ông có thể cho tôi những con số nào đó minh họa sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đức không ?

Ông Ăng-ghen lấy ra một biểu đồ soạn một cách kỹ lưỡng cho thấy số phiếu bầu mà mỗi đảng thu được trong tất cả các cuộc bầu cử đã tiến hành từ lúc thành lập quốc hội Đức dưới dạng như hiện nay.

- Năm 1877, – ông nói, – chúng tôi thu được 500 000 phiếu bầu; năm 1881 do những đạo luật khắc nghiệt chống những người xã hội chủ nghĩa nên chúng tôi chỉ thu được 300 000; năm 1884-550 000 và năm 1890–1427000. Trong cuộc bầu cử gần đây nhất chúng tôi thu được trên 3 000 000 phiếu bầu.

- Theo Ông, vì sao có sự tăng lên nhanh chóng phi thường ấy?

- Chủ yếu là do các nguyên nhân kinh tế. Ở nước Đức chúng tôi, sau năm 1860 cũng đã xảy ra cuộc cách mạng công nghiệp đồ sộ với tất cả mọi hiện tượng tiêu cực đi kèm theo nó, như ở nước Anh của ông – từ năm 1760 đến năm 1810 – vậy. Các nhà công nghiệp nước ông hiểu rất rõ điều đó. Tiếp đến, cuộc khủng hoảng thương nghiệp hiện nay đã ảnh hưởng đến nước chúng tôi với nền công nghiệp non trẻ một cách đau đớn hơn nước ông với nền công nghiệp già dặn. Do đó, cả sức ép đè lên công nhân nước chúng tôi cũng mạnh hơn. Khi tôi nói "công nhân", tôi có ý nói người lao động của tất cả mọi giai cấp. Người

1* – "Contemporanul"

2* – "Người dân chủ – xã hội"

tiểu thương bị các hãng buôn lớn lấn gạt, viên chức văn phòng, thợ thủ công, công nhân thành thị và công nhân nông nghiệp bắt đầu cảm thấy ách áp bức của chế độ tư bản chủ nghĩa hiện nay ở nước chúng tôi. Chúng tôi thì đưa ra cho họ một phương thức đấu tranh khoa học chống cái ách ấy, và vì tất cả họ đều biết đọc và biết suy nghĩ độc lập, nên họ rất nhanh chóng rút ra những kết luận cần thiết và gia nhập hàng ngũ của chúng tôi. Tổ chức ở chúng tôi không chê vào đâu được, đó là đối tượng khâm phục và thất vọng của những kẻ chống chúng tôi. Nó trở nên hoàn hảo nhờ các đạo luật của Bi-xmác chống những người xã hội chủ nghĩa, rất giống các đạo luật trừng phạt của các ông đối với Ai-rơ-len. Ngoài ra, điều có ý nghĩa rất to lớn là sự đào tạo và kỷ luật quân sự của chúng tôi. Tất cả 240 000 cử tri ở Hăm-bua đều kiếm được những lời kêu gọi và sách báo, tài liệu tranh cử của chúng tôi trong vòng một khắc. Năm ngoái, các nhà chức trách của thành phố này thậm chí đề nghị chúng tôi giúp họ phân phát những bản hướng dẫn chống bệnh tả.

- Có nghĩa là Ông hy vọng chóng thấy được cái mà ông rất muốn thấy – chính phủ xã hội chủ nghĩa cầm quyền?

- Sao lại không ? Nếu đảng chúng tôi tiếp tục phát triển với nhịp độ bình thường thì trong khoảng từ năm 1900 đến 1910 chúng tôi sẽ có đa số. Mà lúc đó- ông có thể tin như thế- chúng tôi sẽ không thiếu ý tưởng, cũng không thiếu những người có thể đưa những ý tưởng đó vào cuộc sống. Còn ở nước ông thì đến lúc ấy chắc là sẽ có một chính phủ trong đó ông Xít-nây Vép đến bạc đầu sẽ có hội nhập vào đảng tự do. Chúng tôi không tin vào sự hội nhập vào các đảng tư sản. Chúng tôi đang phát triển sâu vào nhân dân.

Đã đăng trên báo "Daily Chronicle", ngày 1 tháng Bảy 1893

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

CHÚ THÍCH
THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN
CÁC BẢN CHỈ DẪN

CHÚ THÍCH

1 Ăng-ghen viết bài này do tác động trực tiếp của thắng lợi to lớn của Đảng dân chủ — xã hội Đức đạt được trong cuộc tổng tuyển cử vòng đầu vào Quốc hội ngày 20 tháng Hai 1890. Kết quả bầu cử vòng đầu này đảng đã thu được 1 427 323 phiếu và giành được 20 ghế (theo tin tức đầu tiên là 21 ghế) trong Quốc hội. Ngày 1 tháng Ba cuộc bầu cử vòng hai cũng lại có lợi cho những người dân chủ — xã hội (cuộc bỏ phiếu lại trong các khu vực bầu cử mà ở đó không một ứng cử viên nào thu được đa số tuyệt đối trong vòng bầu cử thứ nhất). Khi Ăng-ghen viết xong bài báo này thì ông mới nhận được kết quả của cuộc bầu cử. Kết quả của cả hai vòng bầu cử, các đảng viên đảng dân chủ — xã hội đã thu được 1 427 289 phiếu và giành được 35 ghế trong Quốc hội.

Bài này được đăng trên báo "Newcastle Daily Chronicle" ngày 3 tháng Ba năm 1890 không ký tên tác giả và dưới đề mục: "Những người dân chủ — xã hội Đức", bài báo được mở đầu bằng những lời sau đây của ban biên tập: "Dưới đây chúng tôi xin đăng bài viết của một trong số những đảng viên có uy tín của Đảng xã hội chủ nghĩa Đức. Nhờ có mối liên hệ lâu dài của mình với đảng ấy, lại được trực tiếp gần gũi Các Mác và những người lãnh đạo đảng xã hội chủ nghĩa mà, nói chung, hơn ai hết, tác giả có toàn quyền giải thích những quan điểm của họ".

Sau khi đăng trong "Newcastle Daily Chronicle", bài báo còn được đăng trên tờ "Berliner Volksblatt" số ra ngày 6 tháng Tư 1890 dưới đầu đề "Bài báo của Phri-đrích Ăng-ghen". Trong khi đăng bản dịch tiếng Đức bài báo này, ban biên tập phần nào đã làm dịu bớt đi một số chỗ, mà Ăng-ghen đã trình bày, và trong lời mở đầu, ban biên tập có nói rằng sở dĩ phải làm như vậy là cốt để tránh đạo luật đặc biệt chống lại những người xã hội chủ nghĩa.

"Newcastle Daily Chronicle" ("Tin nhanh hàng ngày Niu-ca-xtơ") - tờ báo ra hàng ngày bằng tiếng Anh xuất bản từ 1858 (từ 1862 mang tên này) đến 1922.

"Berliner Volksblatt" ("Báo nhân dân Bec-lin") — tờ báo của Đảng dân chủ — xã hội Đức thành lập 1884. Từ 1891 theo nghị quyết của Đại hội đảng họp tại Ha-lơ, tờ báo này trở thành cơ quan trung ương của Đảng dân chủ — xã hội Đức và mang tên: "Vorwärts. Berliner Volksblatt" ("Tiến lên. Báo nhân dân Bec-lin"). Lip-nếch được cử làm tổng biên tập. Trong khi cộng tác với tờ báo và chỉnh đốn những sai lầm và dao động của ban biên tập, Ăng-ghen đã giúp ban biên tập tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội. Từ giữa những năm 90 trở đi, sau khi Ăng-ghen qua đời, ban biên tập báo "Voewärts" đo cánh hữu trong đảng nắm. - 9.

2 *Đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa* được áp dụng ở Đức ngày 21 tháng Mười 1878 và được thực thi đến ngày 1 tháng Mười 1890, khi dưới áp lực của phong trào công nhân mạnh mẽ, đạo luật này đã phải hủy bỏ.- 9.

3 *"Der Sozialdemokrat"* ("Người dân chủ - xã hội") — tuần báo Đức, cơ quan trung ương của Đảng dân chủ — xã hội Đức, xuất bản vào thời kỳ có Đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa, từ tháng Chín 1879 đến tháng Chín 1888 tại Xuy-rích và từ tháng Mười 1888 đến 27 tháng Chín 1890 tại Luân Đôn. Trong những năm 1879 — 1880 tờ báo xuất bản dưới sự chỉ đạo biên tập của G. Phôn-mắc, còn từ 1881 đến 1890 dưới sự chỉ đạo biên tập của E. Béc-stanh. Mác, cũng như Ăng-ghen, là người đã cộng tác với tờ báo suốt cả thời kỳ báo xuất bản. Hai ông đã tích cực giúp đỡ ban biên tập báo thực hiện đường lối của một đảng vô sản, phê phán và khắc phục những sai lầm và dao động cá biệt của nó. —9.

4 *Những người theo phái tự do — dân tộc* — một đảng của giai cấp tư sản Đức, trước hết là của giai cấp tư sản Phổ, thành lập vào mùa thu năm 1866 do kết quả của sự phân liệt của đảng tiến bộ, một đảng của giai cấp tư sản. Phái tự do — dân tộc đã khước từ những yêu sách của giai cấp tư sản đối với việc thống trị về mặt chính trị nhằm thỏa mãn những lợi ích kinh tế của giai cấp đó, và đã đặt cho mình mục tiêu cơ bản là thống nhất các quốc gia Đức do Phổ đứng đầu. Chính sách của họ phản ánh thái độ đầu hàng của giai cấp tư sản tự do Đức trước Bi-xmác. Sau khi thống nhất nước Đức, đảng của những

người theo phái tự do — dân tộc trở thành đảng của giai cấp tư sản lớn mà trước hết là bọn trùm công nghiệp. Chính sách đối nội của phái tự do — dân tộc càng ngày càng mang tính chất trung thành với nhà vua và do đó phái tự do — dân tộc, trên thực tế, đã từ bỏ cả những yêu sách về tự do mà trước kia chính nó đã đưa ra.

Phái giữa — đảng chính trị của những người công giáo ở Đức, thành lập trong những năm 1870 - 1871 do sự hợp nhất các giáo phái công giáo trong các nghị viện bang ở Phổ và trong nghị viện Đức (chỗ ngồi của các đại biểu thuộc giáo phái này ở giữa hội trường). Phái giữa, theo thường lệ, giữ lập trường trung gian, luồn lách giữa các đảng phái ủng hộ chính phủ và các phái đối lập cánh tả trong nghị viện. Phái này đã tập hợp dưới ngọn cờ của công giáo các tầng lớp khác nhau về địa vị xã hội của giới tu hành công giáo, địa chủ, tư sản, một bộ phận nông dân, phần lớn của các nước nhỏ và vừa ở Tây và Tây — Nam Đức, đã ủng hộ xu hướng chống Phổ và phân lập của các tầng lớp đó. Phái giữa đối lập với chính phủ Bi-xmác, đồng thời lại tán thành những biện pháp của Bi-xmác trong việc chống lại phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa. Ăng-ghen đã phân tích một cách cặn kẽ đặc điểm của Phái giữa trong tác phẩm "Vai trò của bạo lực trong lịch sử" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 t.21, tr.668-670), và trong bài "Tiếp theo sẽ là gì ?" (xem tập này, tr.16-18).

Phái bảo thủ — đảng của bọn gioong — ke, bọn quân phiệt, bọn quan liêu chóp bu và giới tu sĩ phái Lu-the. Đảng hình thành từ phái quân chủ cực hữu trong Quốc hội Phổ năm 1848. Chính sách của những người thuộc Đảng bảo thủ nhằm duy trì những tàn dư của chế độ phong kiến và chế độ chính trị phản động trong nước, mang nặng tinh thần sô-vanh hiếu chiến và chủ nghĩa quân phiệt. Sau khi thành lập Liên bang Bắc Đức và trong những năm đầu sau khi thiết lập đế quốc Đức, phái này lập thành cánh hữu đối lập với chính phủ Bi-xmác, phòng ngừa chính sách của Bi-xmác đi đến chỗ "hòa tan" Phổ vào Đức. Song từ năm 1866 cũng từ đảng ấy lại tách ra một đảng mang danh là "Đảng bảo thủ tự do" (hay "Đảng đế quốc") đại diện cho lợi ích của bọn đại địa chủ và một bộ phận những tên trùm công nghiệp và đứng trên lập trường ủng hộ Bi-xmác vô điều kiện.- 10.

5 Ăng-ghen muốn nói đến hai sắc lệnh của Vin-hem II công bố vào ngày 4 tháng Hai 1890, ngay trước lúc bầu cử vào nghị viện Đức và nhằm phục vụ cho chương trình chuẩn bị bầu cử của chính phủ.

Trong sắc lệnh thứ nhất gửi thủ tướng Đức, hoàng đế ra lệnh cho thủ tướng kêu gọi các chính phủ một loạt nước ở châu Âu triệu tập một hội nghị quốc tế để thảo luận vấn đề xây dựng bộ luật thống nhất về thợ thuyền. Một hội nghị như vậy đã được tổ chức vào tháng Ba 1890 tại Béc-lin. Trong đó, ngoài Đức ra, có sự tham gia của đại biểu các chính phủ Anh, Pháp, Áo — Hung, I-ta-li-a và các nước khác. Hội nghị đã thông qua một loạt quyết định: về cấm lao động đối với các trẻ em dưới 12 tuổi, về rút ngắn lao động đối với thiếu niên, thiếu nữ và phụ nữ và nhiều vấn đề khác. Tuy nhiên những quyết định ấy không phải là bắt buộc đối với các bên tham gia hội nghị.

Trong sắc lệnh thứ hai gửi các bộ trưởng Bộ xã hội và Bộ thương mại, và Bộ công nghiệp, hoàng đế bày tỏ nguyện vọng muốn xem xét lại luật thợ thuyền hiện hành tuồng như để cải thiện tình cảnh của công nhân đang làm việc trong các xí nghiệp của nhà nước và của tư nhân.

Việc công bố các sắc lệnh đó chứng tỏ sự thất bại của những phương pháp đấu tranh của Bi-xmác chống lại phong trào công nhân dựa chủ yếu vào các biện pháp trừng phạt và nó phản ánh mưu toan của giai cấp cầm quyền ở Đức muốn ngăn chặn sự lớn mạnh của phong trào công nhân bằng cách tăng cường chính sách mị dân xã hội và thi hành mềm dẻo hơn chính sách cổ truyền "cái roi và chiếc bánh ngọt". —11.

6 Bài *"Tiếp theo sẽ là gì ?"* cũng như bài "Cuộc bầu cử năm 1890 ở Đức", Ăng-ghen viết nhân các cuộc bầu cử nghị viện ở Đức, mà vòng đầu của nó tiến hành vào ngày 20 tháng Tư 1890 (xem chú thích 1). Sau khi đăng trên báo "Sozialdemokrat", bài này được đăng lại trong tờ "Arbeiter — Zeitung" số 11, ra ngày 14 tháng Ba 1890. Đoạn cuối của bài báo được đăng lại trên tờ "Berliner Volksblatt" số 61, ngày 13 tháng Ba 1890 dưới hình thức bài báo ngắn lấy đầu đề là "Phri-đrích Ăng-ghen bàn về tình hình hiện nay".

"Arbeiter - Zeitung" ("Báo công nhân") — cơ quan của Đảng dân chủ — xã hội Áo, ra hàng tuần ở Viên từ 1889 đến năm 1893, vào năm 1894 — hai số mỗi tuần từ ngày 1 tháng Giêng 1895 báo ra hàng ngày. Tổng biên tập

là V. Át-lơ. Trong những năm 90, trên báo này Ph.Ăng-ghen đã cho đăng một loạt bài của mình, A. Bê-ben, Ê-lê-ô-no-ra Mác — Ê-vơ-linh và nhiều nhà hoạt động khác của phong trào công nhân cũng đã cộng tác với tờ báo. —15.

7 *Các-ten* — khối ủng hộ chính phủ Bi-xmác gồm hai đảng bảo thủ ("Phái bảo thủ" và "Phái bảo thủ tự do") và tự do — dân tộc. Khối này được hình thành sau khi Bi-xmác giải tán nghị viện vào tháng Giêng 1887. Các-ten đã giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử tháng Hai 1883, chiếm ưu thế trong nghị viện (220 ghế). Dựa vào khối đó, Bi-xmác thi hành một loạt sắc luật phản động nhằm phục vụ lợi ích của bọn địa chủ và đại tư bản (thi hành các loại biểu thuế bảo hộ mậu dịch, tăng hàng loạt thuế má v.v.). Tuy nhiên Bi-xmác, vào những năm 1890, đã không thể đạt được việc gia hạn Đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn gay gắt giữa các đảng tham gia các-ten và sự thất bại trong cuộc bầu cử năm 1890 (chỉ giành được vẻn vẹn có 132 ghế) đã dẫn đến chỗ các-ten tan vỡ. —15.

8 Đây muốn nói đến *Đảng tự do tư tưởng Đức*, được thành lập năm 1884 do kết quả của sự hợp nhất đảng Tiến bộ với phái tả của những người theo phái tự do — dân tộc. Một trong những thủ lĩnh của đảng đã trở thành đại biểu nghị viện là Rích-tơ, đại diện cho quyền lợi của giai cấp tiểu tư sản và tư sản hạng trung, đảng này đối lập với chính phủ Bi-xmác. —16.

9 *Vôn-phơ* — một đảng ở Han-nô-vơ, thành lập năm 1866 sau khi hợp nhất xứ Han-nô-vơ vào Phổ (tên gọi này xuất phát từ tên của một dòng họ quý tộc lâu đời của xứ Han-nô-vơ là dòng họ Vôn-phơ). Đảng đặt mục đích khôi phục lại các quyền của triều đại vua Han-nô-vơ và quyền tự trị của Han-nô-vơ trong đế quốc Đức. Cái chính là vì lý do chống Phổ và chủ nghĩa đặc thù, mà đảng này liên kết với Phái giữa.

Các nhóm dân tộc nhỏ của nghị viện Đức, trong đó có nhóm người An-da-xơ và Ba Lan, đại diện cho thiểu số dân tộc bị áp bức trong đế quốc Đức và không bằng lòng với chính sách áp bức dân tộc mà chính phủ đang thi hành, đã ủng hộ đảng đối lập trong nghị viện và thường đứng về phía Phái giữa. —17.

10 Ăng-ghen chấm biếm kết quả cuối cùng của những biện pháp mà chính phủ Bi-xmác đã áp dụng trong những năm 70 thế kỷ XIX dưới ngọn cờ đấu tranh cho một nền văn hóa không tôn giáo (chính do đó mà những người tự do tư

sản đã gọi là "văn hóa Cam-pơ-phơ") và nhằm chống lại nhà thờ công giáo và Phái giữa, những phe phái ủng hộ khuynh hướng phân lập và chống Phổ. Bi-xmác, người mà lúc bắt đầu sự xung đột với nhà thờ công giáo đã tuyên bố tại nghị viện vào tháng Năm 1872 rằng: "chúng tôi sẽ không đến lâu đài Ca-nốt", thì vào cuối những năm 70, do cần phải tranh thủ sự ủng hộ của đảng công giáo của Phái giữa đã đấu tranh trước hết là chống phong trào công nhân và ảnh hưởng ngày một lớn mạnh của Đảng dân chủ — xã hội Đức, đã phải hủy bỏ gần như toàn bộ những đạo luật chống công giáo ban hành trong thời gian xung đột và buộc những nhân vật chủ chốt ủng hộ chính sách chống công giáo phải từ chức. Những nhượng bộ của Bi-xmác vào những năm 1878 — 1887 đối với các nhóm giáo quyền và giáo hoàng Lép XIII cũng ngang như sự thừa nhận tính chất vô hiệu của "nền văn hóa Cam-pơ-phơ".

Thành ngữ "đi đến lâu đài Ca-nốt" bắt nguồn từ cuộc hành hương nhục nhã của hoàng đế Đức Hen-rích IV vào những năm 1077 tới lâu đài Ca-nốt (miền Bắc I-ta-li-a) với mục đích cầu xin giáo hoàng Gri-gô-ri VII hủy bỏ việc rút phép thông công đối với ông ta. - 18.

11 Bài *"Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng"* Ăng-ghen viết nhân tình hình quốc tế căng thẳng ở châu Âu vào cuối những năm 80 — đầu những năm 90 thế kỷ XIX và sự gia tăng nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới do sự hình thành hai tập đoàn quân sự — chính trị: Liên minh tay ba (Đức, Áo — Hung và I-ta-li-a) và liên minh Nga — Pháp, mà liên minh này thì đúng vào dịp viết bài báo, đang ở vào giai đoạn hình thành hẳn hoi. Điều đó trước hết giải thích khuynh hướng kịch liệt chống chế độ Nga hoàng của bài viết. Bài này của Ăng-ghen là tiếp tục các bài đăng trên báo và các thư từ của ông gửi cho các đảng viên xã hội ở nhiều nước khác nhau để vạch trần chủ nghĩa quân phiệt, việc chạy đua vũ trang và chính sách xâm lược của các cường quốc châu Âu. Nguyên nhân trực tiếp để viết bài này là lời yêu cầu đối với Ăng-ghen của V.Da-xu-lích (thông qua X. Cráp Sin-cô (Xtép-nhi-ác)) thay mặt ban biên tập tạp chí mác-xít Nga, tờ[8]"Người dân chủ - xã hội", lúc bấy giờ đang chuẩn bị xuất bản ở Luân Đôn, yêu cầu Ăng-ghen cộng tác với tạp chí ấy. Trả lời yêu cầu ấy, Ăng-ghen gửi bài viết của mình cho tòa soạn để đăng bằng tiếng Nga (qua bản dịch từ tiếng Đức), đồng thời ông quyết định cho đăng bài ấy trên nhiều cơ quan ngôn luận xã hội chủ nghĩa khác.

Phần thứ nhất của bài viết lúc đầu được đăng trên tạp chí "Người dân chủ — xã hội" số đầu tiên vào tháng Hai 1890 (bài báo đăng dưới nhan đề "Chính sách đối với nước ngoài của vương quốc Nga"). Phần cuối của bài viết được đăng vào số 2 của tạp chí vừa mới xuất bản vào tháng Tám 1890. Cũng trong thời gian ấy hai chương đầu được đăng bằng tiếng nguyên bản trên số tháng Tư tạp chí "Neue Zeit", nhưng trong đó có một số chỗ ban biên tập tạp chí tự sửa chữa không được sự đồng ý của Ăng-ghen. Những sửa đổi ấy được viết theo lối làm giảm nhẹ những nhận xét của Ăng-ghen về các giới cầm quyền của Nga và Phổ, đối với những đại diện của triều đại v.v.. Sự can thiệp đó của tòa soạn, Ăng-ghen đã nhận ra sau khi ông nhận được số tạp chí "Người dân chủ — xã hội" đầu tiên (vào khoảng mồng một tháng Tư 1890) và so sánh bản dịch của bài báo với bản tiếng Đức. Trong các bức thư gửi tổng biên tập tạp chí, Cau-xki và người xuất bản Di-xơ, viết ngày mồng một tháng Tư 1890, Ăng-ghen đã kịch liệt phản đối việc sửa đổi như vậy đối với bài viết của ông và đòi phải đăng lại những chương đầu đúng theo nguyên bản. Trong tạp chí số tháng Năm, những chương ấy được đăng đúng nguyên văn cùng với chương ba. Đồng thời ban biên tập tạp chí cho đăng kèm lời chú thích cuối trang sau đây: "Trong khi đăng chương I và chương II trên tạp chí "Neue Zeit" số tháng Tư, chúng tôi đã sơ ý bỏ sót một vài chỗ so với nguyên bản đã ảnh hưởng rõ ràng đến tính chất bài viết. Có lẽ các độc giả sẽ cảm ơn chúng tôi nếu như thay vào việc đính chính từng chỗ lẻ tẻ, chúng tôi sẽ đăng lại toàn bài theo đúng nguyên văn của nó. Trong số này bài báo sẽ được đăng toàn văn". Cuối bài báo có đăng cả thời gian viết xong tác phẩm — "Luân Đôn cuối tháng Hai 1890".

Bài báo được đăng bằng tiếng Anh trên tạp chí "Time" trong các số tháng Tư và tháng Năm 1890. Trong khi dịch bài báo cho tạp chí tiếng Anh, Ăng-ghen đã đưa vào một loạt những sửa đổi và bổ sung. Bản dịch của chương II và chương III cho tạp chí "Time", căn cứ vào nội dung một vài sửa đổi được đưa vào trong đó, thì Ăng-ghen đã dịch vào thời gian sau tháng Hai 1890, có lẽ là vào tháng Ba năm đó.

Lúc Ăng-ghen còn sống, bài viết này đã được phổ biến khá rộng rãi. Năm 1893 nó được in riêng thành một tập bằng tiếng Ba Lan và được đăng trong tạp chí "Contemporanul" ("Người đương thời") của Ru-ma-ni số 7 năm 1890; trong tạp chí Pháp "Idée nouvelle" ("Tư tưởng mới"), năm 1890 (hai chương

đầu) và trong cơ quan ngôn luận Bun-ga-ri" Ban-can-xka Do-ra" 21 tháng Hai — 3 tháng Ba 1891.

Phần kết luận của bài viết phân tích tình hình ở châu Âu được đăng dưới dạng một bài báo riêng biệt trên các báo: "Nord — Wacht" ("Đội vệ binh phương Bắc") số 28, ra ngày 13 tháng Bảy 1890, trên tờ "Wahler" ("Cử tri") số 113, ngày 1 tháng Bảy 1890.

"*Người dân chủ — xã hội*" — tạp chí văn học — chính trị mác-xít do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản năm 1890 tại Luân Đôn và năm 1892 — tại Giơ-ne-vơ; báo ra không đều kỳ, tất cả chỉ ra có bốn số. Ban biên tập gồm có V. I. Da-xu-lích, G.V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rốt.

"*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức, xuất bản hàng tháng tại Stút-gát từ năm 1883 đến tháng Mười 1890, sau đó cho đến mùa thu năm 1923 thì ra hàng tuần. Tổng biên tập tạp chí này từ năm 1883 đến tháng Mười 1917 là C. Cau-xki, từ tháng Mười 1917 đến mùa thu năm 1923 là G. Cu-nốp. Vào những năm 1885 — 1894 Ph.Ăng-ghen đã cho đăng trên tạp chí một loạt bài viết của mình và thường xuyên góp ý kiến cho tòa soạn tạp chí, nhiều lần ông đã phê phán tòa soạn vì trên tạp chí đã có những quan điểm xa rời chủ nghĩa Mác. Từ cuối những năm 90, sau khi Ăng-ghen mất, tạp chí đã thường xuyên đăng những bài của bọn xét lại. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tạp chí đã giữ lập trường Phái giữa, mà thực chất là ủng hộ bọn xã hội — sô vanh.

"*Time*" ("Thời đại") — tạp chí Anh ra hàng tháng, theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1879 - 1891. —21.

12 Ăng-ghen muốn nói đến việc thi hành ở Nga vào năm 1874 lệnh tổng động viên để thay vào việc tuyển mộ tân binh. Theo Luật nghĩa vụ quan sự thi hành từ ngày 1 tháng Giêng 1841 thì tất cả nam giới nước Nga trong độ tuổi từ 21 đến 43, trừ những người sinh quán tại Trung Á, Cu-dắc-xtan và một số dân tộc ở Xi-bê-ri, dọc sông Vôn-ga và Cực Bắc, bắt buộc phải phục vụ trong quân đội thường trực, trong quân dự bị hay dân quân. Việc gọi nhập ngũ được thực hiện bằng cách rút thăm. Chế độ ấy đáng lẽ phải góp phần biến quân đội Nga thành một đội quân có tính chất quần chúng theo kiểu tư sản. Tuy nhiên, trong những điều kiện của chế độ chuyên chế quý tộc của nước Nga Sa hoàng thì việc thực hiện nguyên tắc tổng động viên, trên thực tế, đã bị cản trở bởi những đặc

quyền đẳng cấp, bởi vô số những ưu đãi chỉ áp dụng cho các giai cấp hữu sản, bởi những điều kiện không đồng đều về thời gian phải phục vụ trong quân đội đối với các tầng lớp nhân dân khác nhau v.v. - 28.

13 Ở đây muốn nói đến cuộc chiến tranh của khối liên minh thứ sáu (1813 — 1814) và khối liên minh thứ bảy (1815) của các nước châu Âu chống lại Pháp dưới triều đại Na-pô-lê-ông. Trong cuộc chiến tranh 1813 — 1814 các đơn vị quân Nga đã chiếm hơn một phần ba quân đội của các đồng minh (Nga, Áo, Phổ và nhiều nước khác) và đóng một vai trò vô cùng lớn lao trong việc giải phóng nước Đức khỏi ách thống trị của Na-pô-lê-ông, và đã đập tan quân đội Na-pô-lê-ông trên đất Pháp, làm cho đế chế thứ nhất sụp đổ.- 29.

14 Khi vạch rõ chính sách của nước Nga Sa hoàng đối với Ba Lan hồi thế kỷ XVIII, Ph.Ăng-ghen dùng một thuật ngữ, mà về sau đã trở thành một từ ngữ nói lên một trong những nguyên tắc của chính sách đối ngoại của giới cầm quyền thuộc phái Bô-na-pác-tơ của Đế chế thứ hai (1852 — 1870). Cái gọi là "nguyên tắc dân tộc" đó đã được các giai cấp thống trị của các nước lớn dùng một cách rộng rãi với mục đích che đậy về mặt tư tưởng những kế hoạch xâm lược của mình. Không có gì giống với sự thừa nhận chính quyền dân tộc tự quyết, "nguyên tắc dân tộc" nhằm nhen lên hằn thù dân tộc, biến phong trào dân tộc, đặc biệt là phong trào của các dân tộc nhỏ, thành công cụ của chính sách phản cách mạng của các quốc gia lớn cạnh tranh với nhau. Xem sự vạch trần "nguyên tắc dân tộc" trong bài văn công kích của C.Mác: "Ngài Phô-gtơ" (C.Mác và Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.14 tr.627-696.) và trong bài viết của Ph. Ăng-ghen nhan đề: "Giai cấp công nhân có liên quan gì tới Ba Lan ?" (C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội 1994, t.16, tr.211-224).- 32.

15 Đây là nói về Đại công quốc Lít-va — một quốc gia phong kiến hình thành vào đầu thế kỷ XIII. Từ giữa thế kỷ XIII đến đầu thế kỷ XV đất đai U-cra-i-na, Bê-lô-ru-xi-a và miền tây nước Nga đã thuộc quyền cai trị của các công tước Lít-va. Trong khi thực hiện việc chiếm cứ các đất đai ấy, các chúa phong kiến Lít-va đã lợi dụng tình trạng suy yếu của các nước đó do sự xâm lược của quân Tác-ta — Mông Cổ, tình trạng cát cứ phong kiến và những cuộc chiến tranh

huynh đệ tương tàn của họ gây nên, cũng như lợi dụng ý nguyện của dân chúng muốn liên kết lại để chống quân xâm lược Mông Cổ.

Mưu toan đầu tiên thống nhất Ba Lan với Lít-va được thực hiện năm 1385, lúc hai quốc gia này ký kết với nhau cái gọi là hiệp ước liên minh Crắp-xcơ chủ yếu là nhằm tiến hành cuộc đấu tranh chung chống cuộc xâm lược đang tăng cường từ phía liên minh Tép-tân-xcơ. Hiệp ước liên minh này quy định việc hợp nhất Đại công quốc Lít-va vào với Ba Lan và cưỡng bức đưa công giáo vào Lít-va. Đến giữa thế kỷ XV liên minh đó đã một vài lần tan rã và rồi khôi phục lại. Dần dần liên minh từ chỗ mang tính chất phòng thủ đã biến thành liên minh giữa phong kiến Ba Lan và phong kiến Lít-va chống lại các dân tộc U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a. Năm 1569 lại ký hiệp ước Luy-blin-xcơ, theo đó Ba Lan và Lít-va hợp thành quốc gia lấy tên là Ba Lan; Lít-va giữ quyền tự trị. – 32.

16 *U-ni-át* là tên gọi những tín đồ Cơ Đốc giáo, thuộc cái gọi là nhà thờ U-ni-át được thành lập do kết quả của việc liên minh (hợp nhất) giữa nhà thờ Chính thống và nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã. Sự liên minh được tuyên bố tại giáo đường ở Brét-xtơ vào năm 1596 theo yêu cầu của phong kiến Ba Lan và giới tu sĩ Thiên chúa giáo (mà trước hết là các tín đồ dòng Tên). Theo hiệp ước liên minh Brết-xtơ thì dân cư theo đạo Chính thống ở Ba Lan phải thừa nhận giáo hoàng La Mã là thủ lĩnh của mình và thừa nhận những tín điều cơ bản của đạo Thiên chúa mặc dầu vẫn giữ những hình thức nghi lễ của nhà thờ Chính thống. Hiệp ước liên minh là một trong những công cụ để củng cố quyền lực của bọn trùm tư bản và quý tộc Ba Lan đối với các dân tộc U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a. Tuy được sự ủng hộ của giới tu sĩ lớp trên và bọn trùm phong kiến U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a, những liên minh đó đã bị quần chúng nhân dân bác bỏ. Đối với họ thì đấu tranh chống phái U-ni-át đã trở thành một trong những khẩu hiệu của phong trào giải phóng của họ. – 32.

17 *Liberum veto* (dùng nguyên văn là: "tự do cấm đoán") nguyên tắc được áp dụng ở nước Ba Lan phong kiến – quý tộc hồi thế kỷ XVI – XVIII, bắt buộc phải nhất trí trong nghị viện khi quyết định vấn đề này hay vấn đề khác. Theo nguyên tắc này thì bất cứ nghị sĩ nào của hai nghị viện cũng có thể cản trở việc thông qua một quyết định nào đó, cho dù tất cả các đại biểu còn lại đều tán thành quyết định đó. Nguyên tắc đó, cùng với việc bổ nhiệm các vua Ba Lan theo lối bầu cử, là một trong những cơ sở của "chính thể lập hiến" của

quý tộc Ba Lan, nhằm củng cố địa vị chính trị của trùm tư sản và quý tộc Ba Lan, làm suy yếu quyền lực nhà vua.

Hiệp ước hòa bình Ve-xtơ-pha-li năm 1648 kết thúc cuộc chiến tranh ba mươi năm (1618 – 1648) là tên gọi hai hiệp ước: hiệp ước giữa hoàng đế Đức, các công tước Đức và Thụy Điển ký kết tại Ôt-xna-bri-u-cơ, và hiệp ước giữa hoàng đế Đức và nước Pháp ký tại Muyn-xtơ-rơ (cả hai thành phố này đều nằm trong vùng Ve-xtơ-pha-li). Theo những điều khoản hòa bình do kết quả sự giao ước của các nước chiến thắng (Thụy Điển và Pháp) với các công tước Đức thì nước Đức phải chịu mất một phần lớn lãnh thổ của mình. Toàn bộ miền Tây Pô-me-ra-ni cùng với đảo Ri-u-ghen, một loạt các địa điểm thuộc Đông Pô-me-ra-ni, một vài lãnh địa thuộc giáo hội v.v. thuộc về Thụy Điển còn Pháp thì lấy các vùng vốn thuộc Háp-buốc tại An-dát, và đồng thời xác nhận quyền sở hữu của mình đối với các đất đai mà trước đó nó chiếm được. Một vài công quốc của Đức cũng bành trướng lãnh thổ của mình. Hiệp ước Ve-xtơ-pha-li đã gây ra sự phân tán nền chính trị ở Đức. Các công tước Đức được quyền thi hành chính sách đối ngoại độc lập liên minh với nhau cũng như liên minh với nước ngoài.- 33.

18 G. Gülich. "Geschichtliche Darstellung des Handels, der Gewerbe und der Ackerbaus der bedeutendsten handeltreibenden Staaten unserer Zeit" Bd 2. S. 201 - 206, Jena. 1830 (G. Guy-lích. "Phác thảo lịch sử thương mại, kỹ nghệ và nông nghiệp của các quốc gia buôn bán quan trọng nhất trong thời đại chúng ta". T.2. tr.201 – 206. I-ê-na 1830).- 33.

19 Ở đây muốn nói đến tài liệu giả mạo được các nhà chính trị và các ký giả Tây Âu sử dụng nhằm tuyên truyền chống lại Nga. Giả thuyết về sự tồn tại một "Bản di chúc của Pi-e Đại đế" đã được tung ra ở phương Tây từ năm 1797. Năm 1812 nội dung của bản di chúc giả mạo ấy được công bố trong cuốn sách của Lê-duya "Bàn về sự phát triển của nước Nga từ khi hình thành đến đầu thế kỷ XIV" (Lésur. "Des progrès de la puissance russe, depuis son origine jusqu'au commencement du XIX–e siècle". Paris 1812), và đến năm 1836 thì cái điều bịa đặt ấy đã mang tính văn bản do Gai-a-đê công bố trong "Hồi ký của Ê-ông" (Gaillardet. "Memoires du chevalier d'Eon"). Vào thế kỷ XIX ở Tây Âu đã lan truyền rộng rãi nguồn tin cho rằng "Bản di chúc" ấy hoặc là một tài liệu xác

thực của Pi-e Đệ nhất, hoặc là do những người kế nhiệm viết ra theo sự ủy quyền của ông. – 34.

20 K.Kautsky. "Thomas More und seine Utopie. Mit einer historischen Einleitung". Stuttgart, 1888 (Các Cau-xki. "Tô-mát Mo-rơ và sự không tưởng của ông ta. Với lời nói đầu lịch sử", Stút-gát, 1888). – 36.

21 *Chiến tranh bảy năm* (1756 -1763) – chiến tranh giữa hai khối liên minh của các nước châu Âu: Anh – Phổ một bên, và một bên là Pháp – Nga – Áo. Chiến tranh xảy ra do sự va chạm về quyền lợi của các cường quốc quân chủ phong kiến (Phổ, Áo, Nga, Pháp) và do sự cạnh tranh giành thuộc địa giữa Pháp và Anh. Cuộc chiến giữa các đối thủ xảy ra ở châu Âu và, ngoài các trận hải chiến ra, còn xảy ra cả trên lãnh thổ của các thuộc địa các nước này ở châu Mỹ và châu Á. Vào những năm 1756 – 1757 quân đội của vua Phổ là Phri-đrích II đã giành được một loạt chiến thắng đối với quân Áo và quân Pháp, tuy thế những chiến thắng của quân đội Nga ở Phổ vào những năm 1757 – 1760 đã xóa sạch những kết quả của những chiến thắng của quân Phổ, và Phổ đã tiến gần đến chỗ bại trận. Thay đổi bất ngờ của đường lối ngoại giao của Nga, do việc nữ hoàng Ê-li-da-bét mất vào ngày 5 tháng Giêng 1762 (25 tháng Chạp 1761) và việc tôn Pi-e III lên ngôi, dẫn đến chỗ ký kết hòa ước với Phổ, đã tạo khả năng cho Phổ chấm dứt chiến tranh với Áo. Chiến tranh bảy năm kết thúc bằng việc ký kết các hiệp định hòa bình Pa-ri và Gubéc-xbuốc. Theo hiệp định Pa-ri thì Pháp phải nhượng cho Anh những thuộc địa lớn của mình (Ca-na-đa, hầu hết các đất thuộc quyền của Pháp ở vùng Đông Ấn v.v..), điều đó củng cố thêm sự hùng mạnh của Anh ở các thuộc địa và trên biển. Hiệp định Gu-béc-xbuốc phục hồi lại cho Phổ và Áo đường biên giới trước chiến tranh.-38.

22 *Hiệp ước Pê-tec-bua* ngày 4 tháng Ba (11 tháng Tư) 1764 hiệp ước về liên minh phòng thủ giữa Nga và Phổ có giá trị trong 8 năm, tham gia ký kết về phía Nga có N. I. Pa-nin và phó đồng lý văn phòng A.M.Gô-li-txưn, còn về phía Phổ có công sứ Phổ tại Pê-tec-bua là V. Xôn-mơ-xơ. Hai bên ký kết bảo đảm cho nhau về sự bất khả xâm phạm lãnh thổ của nhau, tương trợ nhau về quân sự và tài chính trong trường hợp một bên bị tấn công cũng như đảm bảo lợi ích buôn bán của hai bên. Trong những điều khoản mật của hiệp ước, Nga và Phổ đã nhận trách nhiệm không để cho có sự thay đổi hiến pháp ở Ba Lan và Thụy

Điển. Trong một điều khoản tối mật đã quy định trách nhiệm của Phổ là phải ủng hộ người dự bị sẽ lên ngôi vua ở Ba Lan do Nga đề nghị. Hiệp ước phản ánh khát vọng của Nga và Phổ muốn ngăn chặn Áo và Pháp tăng cường ảnh hưởng ở Ba Lan. – 38.

23 Sự chia cắt Ba Lan lần thứ nhất giữa Phổ, Áo và Nga thực hiện năm 1772. Theo hiệp định về sự chia cắt được ký tại Pê-tec-bua ngày 5 tháng Tám (25 tháng Bảy) 1772 thì Áo và Phổ chiếm phần đất miền tây U-cra-i-na và các vùng đất chính yếu của Ba Lan: Áo chiếm Ga-li-xi, Phổ chiếm Vác-mi-a và một phần ven biển Cu-i-a-vi-a và Đại Ba Lan. Nga chiếm Lát-ga-li-a và một phần đông Bê-lô-ru-xi-a.- 39.

24 Cái gọi là "nguyên tắc của chủ nghĩa chính thống" (từ chữ là tính "legitimus" – "hợp pháp") được đại biểu của Pháp là Ta-lây-răng đưa ra tại Đại hội Viên (1814 – 1815). Theo nguyên tắc ấy, người ta đã ước định việc khôi phục các triều đại "hợp pháp" ở châu Âu đã bị lật đổ trong quá trình cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông. – 40.

25 Đây là nói về cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Ba-vi-e (1778 – 1779), xảy ra do tham vọng của các quốc gia ở Đức đối với các phần khác nhau của Ba-vi-e sau khi tuyển đế hầu Mắc-xi-mi-li-an – I-ô-xíp chết mà không để lại những người thừa kế trực tiếp, và nhân cuộc đấu tranh giữa Áo và Phổ để giành vai trò thống trị ở Đức. Chiến tranh kết thúc bằng hiệp định hòa bình Tê-sen ký kết vào tháng Năm 1779 giữa một bên là Áo và bên khác là Phổ và Dắc-den. Theo hiệp ước này thì Phổ và Áo nhận một vài vùng của lãnh thổ Ba-vi-e, còn Dắc-den thì được bồi thường bằng tiền. Ngôi vua ở Ba-vi-e được trao lại cho tuyển đế hầu Pphan-xơ. Hòa ước Tê-sen xác nhận một loạt những hòa ước do các quốc gia ở Đức ký kết trước đó, kể từ hòa ước Ve-xtơ-pha-li 1648 cho đến hòa ước Gu-béc-xtơ-buốc 1763. Lúc đầu đứng ra với tư cách là người trung gian giữa các bên tham chiến, nước Nga trong một điều khoản riêng của hòa ước, đã tuyên bố cùng với Pháp sẽ là cường quốc bảo đảm cho việc thi hành hiệp ước, mà thực tế là có quyền can thiệp vào công việc của các quốc gia ở Đức. – 40.

26 Ăng-ghen muốn nói đến các cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1768-1774 và 1778 – 1792 mà nước Nga đã giành được chiến thắng.- 41.

27 Trong *Tuyên ngôn về sự trung lập về quân sự* do Ê-ca-tê-ri-na II công bố ngày 11 tháng Ba (28 tháng Hai) 1780 tuyên bố quyền của các tàu thuyền trung lập trên biển được dùng vũ khí để tự vệ khi bị các quốc gia tham chiến tấn công, quyền của các quốc gia trung lập được tự do buôn bán với các nước tham chiến, nguyên tắc bất khả xâm phạm đối với tài sản của kẻ thù đang đứng dưới lá cờ trung lập, thừa nhận sự phong tỏa chỉ trong trường hợp nếu như con đường dẫn đến hải cảng bị các lực lượng hải quân chiếm đóng phong tỏa. Bản tuyên ngôn ấy, — nhằm chống lại nước Anh trong thời kỳ có cuộc chiến tranh của Anh chống lại sự nổi dậy của các thuộc địa Bắc Mỹ (1775 — 1783), dùng làm cơ sở cho công ước ký kết giữa nước Nga và một loạt quốc gia khác. Vào những năm 1780 — 1783 các nước Đan Mạch, Thụy Điển, Hà Lan, Phổ, Áo, Bồ Đào Nha và vương quốc Hai xứ Xi-xin đã tán thành tuyên ngôn đó.

Những nguyên tắc trung lập về mặt quân sự đó về sau được dùng làm cơ sở cho bản "Tuyên ngôn về những nguyên tắc của công pháp quốc tế về biển", do đại diện các nước Áo, Pháp, Anh, Phổ, Nga, Xác-đi-ni và Thổ Nhĩ Kỳ ký ngày 16 tháng Tư 1856. Bản tuyên ngôn này được dùng làm phụ lục cho hiệp ước hòa bình Pa-ri do các bên tham gia cuộc chiến tranh Crưm những năm 1853—1856 ký vào ngày 30 tháng Ba 1856. —41.

28 Đây muốn nói về cuộc chia cắt nước Ba Lan lần thứ hai và thứ ba vào những năm 1793 và 1795. Các cuộc chia cắt ấy là kết quả của chính sách xâm lược của Áo, Phổ và nước Nga Sa hoàng đối với Ba Lan và là phương tiện trấn áp phong trào dân tộc ở Ba Lan. Theo sự chia cắt Ba Lan lần thứ hai thì một phần Bê-lô-ru-xi-a và Hữu ngạn U-cra-i-na thuộc về Nga, Phổ thì chiếm miền Gdanh Tô-run và một phần của Đại Ba Lan. Áo không tham dự lần chia cắt thứ hai.

Trong khi chia cắt Ba Lan lần thứ ba, Lít-va, Cuốc-li-an-đi-a, các vùng thuộc phía Tây Bê-lô-ru-xi-a và một phần Vô-lu-nhi thuộc về Nga, Áo chiếm một phần của Tiểu Ba Lan cùng với Li-u-blin và Cra-cốp. Phần chủ yếu những đất đai chính công của Ba Lan cùng với Vác-sa-va do Phổ chiếm. Do cuộc chia cắt lần thứ ba, Ba Lan chấm dứt sự tồn tại của mình với tư cách là một quốc gia độc lập. —42.

29 Đây nói về khối liên minh các quốc gia chuyên chế — phong kiến châu Âu chống lại nước Pháp cách mạng. Trong việc tổ chức khối liên minh phản cách mạng có sự tham gia tích cực của cả nước Anh tư sản — quý tộc. Tháng Hai 1792 với sự ủng hộ của Anh và nước Nga Sa hoàng đã thành lập một liên minh quân sự giữa hai nước Phổ và Áo và hai nước này bắt đầu can thiệp vào Pháp. Năm 1793 sau khi chính thể cộng hòa được tuyên bố ở Pháp vào ngày 10 tháng Tám 1792 và sau khi xử tử vua Lu-i XVI vào tháng Giêng 1793, thì Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha, Na-plơ, Xác-đi-ni và một loạt tiểu vương quốc ở Đức và I-ta-li-a đã công khai tham gia khối liên minh chống Pháp. Cuộc chiến tranh của Pháp chống các thành viên khối liên minh (thứ nhất) này tiếp diễn cho đến năm 1797. —42.

30 Tại Phri-đrích-cgam (Phần Lan) mùa hè 1783, theo sáng kiến của vua Thụy Điển là Gu-xta-vơ III đã có cuộc gặp gỡ giữa ông ta với Ê-ca-tê-ri-na II. Cuộc hành trình của Gu-xta-vơ đến Phri-đrích-cgam là nhằm mục đích tìm hiểu những ý định của Ê-ca-tê-ri-na II về Thổ Nhĩ Kỳ và Crưm, cũng như thái độ của bà về kế hoạch của Thụy Điển chiếm Na Uy. Về phía mình vào thời gian này Ê-ca-tê-ri-na II đang cố gắng xích gần lại với Thụy Điển nhân việc Nga chuẩn bị cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ. —43.

31 *Hiệp ước hòa bình Luy-nê-vin* được ký kết giữa Áo và Pháp ngày 9 tháng Hai 1801 do thất bại của khối liên minh chống Pháp lần thứ hai của các quốc gia châu Âu. Theo những điều khoản của hòa ước thì Áo nhượng cho Pháp phần lớn những lãnh thổ ở Đức và I-ta-li-a, đồng thời phải thừa nhận các nước cộng hòa ở Hà Lan, Thụy Sĩ và Bắc I-ta-li-a lệ thuộc vào Pháp. —44.

32 *Quyết nghị của đoàn đại biểu đế quốc* (ủy ban gồm đại biểu các quốc gia thuộc đế quốc Đức, do nghị viện đế quốc bầu ra vào tháng Mười 1801) ngày 25 tháng Hai 1803 đã xóa bỏ một số lớn các quốc gia nhỏ ở miền Tây nước Đức. Lãnh thổ của các quốc gia ấy sát nhập vào với các quốc gia lớn hơn Đức, coi đó là bồi thường cho những đất đai ở tả ngạn sông Ranh đã cắt cho Pháp theo hiệp ước Luy-nê-vin. Kết quả là xóa bỏ đi 112 quốc gia nhỏ của Đức (hầu hết đất đai nhà thờ và các thành phố của đế quốc) với một dân số ba triệu người, quyền sở hữu chúng phần lớn chuyển vào các vùng hoàn toàn thuộc nước Pháp của Na-pô-lê-ông như Ba-va-ri, Vuyếc-tem-bec và Ba-đen, cũng như các vùng thuộc Phổ. Quyết nghị của đoàn đại biểu đế quốc chỉ là một sự trình bày chính thức các quy tắc của công ước mật được ký kết hồi tháng Mười 1801 giữa Pháp

và Nga, có dự tính việc điều chỉnh những vấn đề lãnh thổ ven sông Ranh thuộc Đức có lợi cho nước Pháp của Na-pô-lê-ông. —45.

33 *Trận Ô-xtéc-lit*(Mô-ra-vi) ngày 2 tháng Chạp (20 tháng Mười một) 1805 giữa quân đội Nga — Áo và quân đội Pháp kết thúc với chiến thắng của Na-pô-lê-ông I. Sau thất bại ấy, Áo rút ra khỏi khối liên minh thứ ba và ký kết với Na-pô-lê-ông hòa ước Prê-xbuốc. Nga và Anh tiếp tục chiến đấu, vào năm 1806 đã thành lập ra liên minh mới, liên minh thứ tư, chống lại nước Pháp của Na-pô-lê-ông.

Liên bang sông Ranh — khối liên hợp các quốc gia ở miền Nam và ở miền Tây nước Đức, được thành lập vào tháng Bảy 1806 trên cơ sở sự bảo hộ của Na-pô-lê-ông I. Na-pô-lê-ông xây dựng được một thành trì quân sự — chính trị như vậy ở Đức là nhờ kết quả của việc đánh bại Áo vào năm 1805. Sau khi thành lập Liên bang sông Ranh thì Đế chế La Mã thần thánh thời Trung cổ của dân tộc Đức đã chấm dứt sự tồn tại của nó. Lúc đầu thành phần của Liên bang sông Ranh bao gồm 16 nước (Ba-vi-e, Vuyếc-tem-béc, Ba-đen và các nước khác), về sau còn thêm 5 quốc gia nữa (Dắc-đen, Ve -xtơ-pha-li v.v.), trên thực tế các nước này đã trở thành chư hầu của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông. Quân đội các quốc gia này đã tham gia vào các cuộc hành quân xâm chiếm của Na-pô-lê-ông trong đó có cả cuộc hành binh vào nước Nga năm 1812. Liên bang tan rã năm 1813 do thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông. —46.

34 Dưới đây là một loạt các trận đánh trong những năm 1806 — 1807 trong cuộc chiến tranh của liên minh thứ tư (Anh, Nga, Phổ, nước đã lập liên minh bí mật với Nga vào tháng Bảy 1806 để chống lại Na-pô-lê-ông, và Thụy Điển) chống lại nước Pháp dưới thời Na-pô-lê-ông:

Trận *I-ê-na* (Tiu-rin-gi-a) giữa quân đội Phổ và quân đội Pháp diễn ra ngày 14 tháng Mười 1806 và kết thúc với sự thất bại của quân đội Phổ.

Trong trận chiến đấu gần *Prơi-xít — Ây-lau* (Đông Phổ) ngày 7 — 8 tháng Hai (tức 26 -27 tháng Giêng) 1807 giữa quân đội Pháp với quân đội Nga, mặc dầu quân đội Pháp bị thiệt hại rất lớn, Na-pô-lê-ông vẫn không thể giành được thắng lợi có tính chất quyết định.

Trận *Phrít-lan-đơ* (Đông Phổ) ngày 14 (2) tháng Sáu 1807 giữa quân đội Pháp và quân đội Nga kết thúc với thắng lợi của quân đội Na-pô-lê-ông.

Hòa ước Tin-dít — hòa ước ký kết ngày 7 và 9 tháng Bảy 1807 giữa nước Pháp thời Na-pô-lê-ông và những thành viên của liên minh thứ tư chống Pháp, Nga và Phổ đã bị thua trong chiến tranh. Những điều khoản của hòa ước là hết sức nặng nề đối với Phổ, nước đã bị mất một phần lớn lãnh thổ của mình (trong đó có tất cả đất đai từ sông En-bơ đến phía Tây). Nước Nga không hề bị mất lãnh thổ, thậm chí còn được thêm khu vực Bê-lô-xtốc của Phổ (về sau, sau khi Na-pô-lê-ông chiến thắng Áo trong cuộc chiến tranh 1809, cả khu vực Tác-nô-pôn ở Đông Ga-li-xi được sát nhập vào Nga). Tuy nhiên A-lếch-xan-đrơ I buộc phải thừa nhận những cuộc xâm chiếm của Pháp vào nước Đức và những thay đổi về lãnh thổ do Na-pô-lê-ông gây ra ở đó cũng như phải tán thành việc thành lập công quốc Vác-sa-va, một căn cứ quân sự của Pháp ở biên giới nước Nga, và tham gia sự phong tỏa nước Anh (cái gọi là cuộc phong tỏa của lục địa). Giữa nước Nga và nước Pháp Na-pô-lê-ông đã lập ra một liên minh phòng thủ và tấn công nhằm chống lại Anh. Thay vào đó, Na-pô-lê-ông hứa hẹn cho Nga quyền tự do hành động đối với Thổ Nhĩ Kỳ và Thụy Điển. —47.

35 Dãy muốn nói đến cuộc hành binh của quân đội Nga dưới sự chỉ huy của Bác-cơ-lai-a-đơ Tôn-li vượt qua vịnh Bốt-nhi-tsét-ski mùa đông năm 1809, trong thời gian chiến tranh Nga — Thụy Điển những năm 1808 — 1809. Sự tiến quân của các đơn vị quân Nga vào lãnh thổ Thụy Điển chống lại vua Gu-xta-vơ IV nhằm mục đích hạn chế quyền lực của nhà vua vì lợi ích của tập đoàn thống trị của giới quý tộc. Tháng Ba 1809 vua Ga-xta-vơ VI bị lật đổ, liền sau đó chú của ông là công tước Du-đéc-man-lan lên ngôi vua lấy biệt hiệu là Sác-lơ XIII. Tháng Chín năm đó Thụy Điển phải ký với nước Nga Sa hoàng hòa ước Phri-đrích-cgam, nhường Phần Lan cho Nga. 47.

36 Tại A-bô (Tia-rơ-ku) vào tháng Tám 1812 đã có cuộc gặp gỡ giữa A-lếch-xan-đrơ I và người thừa kế ngôi vua Thụy Điển là Các-Giô-han (Bác-na-đốt-tơ). Kết quả của cuộc gặp gỡ ấy là hiệp ước đo Nga và Thụy Điển ký vào ngày 30 (18) tháng Tám 1812 và, trên thực tế, đã hình thành liên minh quân sự giữa hai nước nhằm chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông. Hiệp ước cũng ghi nhận trách nhiệm của Nga phải giúp đỡ về quân sự cho Thụy Điển để chống lại Đan Mạch trong trường hợp Đan Mạch từ chối việc nhường Na Uy cho vua Thụy Điển. Đến lượt mình, Thụy Điển có trách nhiệm ủng hộ những

tham vọng của chính phủ Nga hoàng về lãnh thổ, đặc biệt là lãnh thổ do Na-pô-lê-ông chiếm của công quốc Vác-sa-va.-47.

37 Dây muốn nói đến cuộc gặp gỡ của Na-pô-lê-ông I và A-lếch-xan-đrơ I tại Ếc-phuốc từ 27 (15) tháng Chín đến 14 (2) Tháng Mười 1808. Na-pô-lê-ông lo sợ trước sự lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc trong các nước do mình chinh phục, đặc biệt là ở Tây Ban Nha, và lo lắng nước Áo đứng lên chống lại mình, đã trông đợi vào sự giúp đỡ của A-lếch-xan-đrơ I trong trường hợp chiến tranh với Áo, đến lượt mình Na-pô-lê-ông đã hứa với A-lếch-xan-đrơ ủng hộ những kỳ vọng của Nga về Môn-đa-vi và Va-la-khi. Mặc dầu các cuộc hội đàm kết thúc bằng một hiệp ước dự kiến khôi phục lại về mặt hình thức khối liên minh Nga — Pháp đã ký vào năm 1807 tại Tin-dit, vậy mà A-lếch-xan-đrơ vẫn từ chối việc tích cực ủng hộ Na-pô-lê-ông trong cuộc đấu tranh của ông ta với Áo. Trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Áo năm 1809 nước Nga chỉ giới hạn ở việc chiếm đóng Ga-li-xi-a mà không có bất cứ hành động quân sự nào chống lại Áo.- 47.

38 Chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ bắt đầu năm 1806 và kéo dài (có thời gian tạm ngừng năm 1807 — 1809) đến năm 1812. Nó là kết quả sự căng thẳng trong những quan hệ giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ, và những âm mưu của giới ngoại giao Na-pô-lê-ông đã góp phần tạo nên. Trong quá trình chiến tranh, quân đội Nga đã giáng cho quân đội Thổ Nhĩ Kỳ một loạt những thất bại nặng nề trên chiến trường châu Âu và Cáp-ca-dơ. Cuộc chiến kết thúc bằng hòa ước Bu-ca-rét, ký ngày 28 (16) tháng Năm 1812. Theo hòa ước, nước Nga nhận vùng Bét-xa-ra-bi-a cho đến sông Pơ-rút và có quyền cho thương thuyền đi lại trên sông Đa-nuýp cũng như một loạt vùng ở Da-cáp-ca-dơ. Hòa ước xác nhận những hiệp định trước đây giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ về việc thừa nhận cho Môn-đa-vi và Va-la-khi một số quyền tự trị.

Thắng lợi của Nga trong chiến tranh về khách quan đã góp phần giải phóng các dân tộc ở bán đảo Ban-căng khỏi ách thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ. Những trận đánh thắng lợi của quân đội Nga ở Ban-căng thực chất đã ủng hộ cuộc nổi dậy của nhân dân ở Xéc-bi những năm 1804 -1813, nó là một cái mốc hết sức quan trọng trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc nhiều thế kỷ của nhân dân Xéc-bi chống lại ách thống trị của phong kiến Thổ Nhĩ Kỳ. Trong quá trình khởi nghĩa, những người Xéc-bi đã đuổi được quân xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi biên giới, tạo lập chính quyền quốc gia của mình năm 1805 — 1811. Theo hòa ước Bu-ca-rét năm 1812 Thổ Nhĩ Kỳ phải để cho Xéc-bi được quyền tự quyết trong các công việc nội bộ. Tuy nhiên, lợi dụng sự đột nhập của quân đội Na-pô-lê-ông vào nước Nga, hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, vi phạm hiệp định, đã tổ chức cuộc hành quân trừng phạt vào Xéc-bi và trong một thời gian lập quyền thống trị của mình ở đấy. Do kết quả của cuộc khởi nghĩa mới của những người Xéc-bi giành được thắng lợi năm 1815, cũng như do sự giúp đỡ về ngoại giao của Nga, ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ đã bị lật đổ, và sau chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828 — 1829, Thổ Nhĩ Kỳ, theo một sắc lệnh đặc biệt của hoàng đế, năm 1830 phải thừa nhận quyền tự trị (thực tế là nền độc lập) của Xéc-bi. —48.

39 *Hệ thống lục địa*, hay là sự phong tỏa của lục địa, do Na-pô-lê-ông tuyên bố năm 1806 cấm các nước thuộc lục địa châu Âu tiến hành buôn bán với Anh. Việc Đức đưa nước Nga vào hệ thống lục địa đã được quy định trong hòa ước Tin-dit năm 1807. —48.

40 Trận *Lai-pxích* ngày 16 -19 (4 -7) tháng Mười 1813 — trận tổng công kích giữa quân đội của các thành viên thuộc khối liên minh chống Pháp lần thứ sáu của các cường quốc châu Âu (Nga, Áo, Phổ, Thụy Điển) với nước Pháp Na-pô-lê-ông. Chiến thắng của quân đồng minh trong trận ấy đã đi vào lịch sử dưới tên gọi "Chiến trận của nhân dân", nó quyết định kết cục của chiến dịch có lợi cho phe đồng minh, dẫn đến sự tan rã của Liên bang sông Ranh và giải phóng nước Đức khỏi ách thống trị của Na-pô-lê-ông. —49.

41 *Hòa ước Bu-ca-rét* năm 1812 — xem chú thích 38.

Theo quyết nghị Đại hội Viên của các nước quân chủ và các bộ trưởng của họ họp không liên tục trong những năm 1814 — 1815 thì, sau khi đánh bại nước Pháp Na-pô-lê-ông, bản đồ châu Âu phải làm lại hoàn toàn, với mục đích phục hồi lại các nước quân chủ chính thống, bất chấp những lợi ích của sự thống nhất dân tộc và nền độc lập của các dân tộc. Ba Lan một lần nữa lại bị chia cắt giữa Áo, Phổ và Nga. Thêm vào đó, một phần lớn đất đai của công quốc Vác-sa-va do Na-pô-lê-ông lập ra năm 1807 theo hòa ước Tin-dit thì bị nhập vào nước Nga dưới tên gọi Vương quốc Ba Lan.- 50.

42 *Ba Lan Côn-grét-xô-vai-a* - người ta đã gọi như vậy phần đất của Ba Lan, mang

cái tên chính thức là Vương quốc Ba Lan, bị cắt cho Nga theo quyết định của Đại hội Viên những năm 1814 – 1815. - 50.

43 *Liên minh thần thánh* – liên minh phản động của các nước quân chủ châu Âu được nước Nga Sa hoàng, Áo và Phổ thành lập năm 1815 nhằm đàn áp các phong trào cách mạng ở các nước và duy trì ở đó những thể chế quân chủ – phong kiến. –52.

44 Ở đây Ăng-ghen muốn nói đến cuộc nổi dậy của người Hy Lạp bắt đầu vào mùa Xuân năm 1821 và chẳng bao lâu đã mang tính chất quần chúng rộng rãi. Tháng Giêng năm 1822 Hội nghị Quốc dân được triệu tập ở E-pi-đa-vrơ đã tuyên bố Thổ Nhĩ Kỳ độc lập và thông qua hiến pháp. Vua Thổ Nhĩ Kỳ do không đủ sức đàn áp những người khởi nghĩa Hy Lạp đã phải kêu cứu sự chi viện của chư hầu của mình, người trị vì Ai Cập là Mô-ha-mét A-li, mà vào năm 1825 đem quân đội nhập vào Mo-re-a (Pê-lô-pô-ne-đơ) gây ra những cuộc tàn sát hung bạo khắp nơi đối với dân chúng Hy Lạp. Lúc đầu thái độ của các cường quốc trong Liên minh thần thánh, đặc biệt là nước Nga, hết sức không đồng tình với cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên sự thông cảm lớn lao mà cuộc đấu tranh của người Hy Lạp đã khơi dậy khắp nơi, và cái chính là có thể sử dụng cuộc đấu tranh ấy vào việc củng cố ảnh hưởng của mình ở miền Nam bán đảo Ban-căng đã thôi thúc nước Anh, nước Nga Sa hoàng và Pháp thừa nhận Hy Lạp là một bên tham chiến và viện trợ quân sự cho nước đó. Ý nghĩa quyết định để Hy Lạp giành được độc lập, đó là chiến thắng của Nga trong cuộc chiến tranh Nga – Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1823 – 1829, kết quả là Thổ Nhĩ Kỳ phải thừa nhận Hy Lạp là một quốc gia độc lập. Tuy nhiên theo quyết định của các giới cầm quyền của các cường quốc châu Âu, vào năm 1832 người ta vẫn áp đặt thể chế quân chủ phản động cho nhân dân Hy Lạp. –54.

45 Đây muốn nói đến những cuộc cách mạng tư sản ở Tây Ban Nha (1820 – 1823), ở vương quốc Na-plơ (1820 -1821) và ở Pi-ê-mông (1821). Phong trào cách mạng ở các nước này bị dập tắt do sự can thiệp của Liên minh thần thánh đã đưa quân đội Pháp vào Tây Ban Nha và quân đội Áo vào I-ta-li-a. –54.

46 Các đại hội được kể ra của Liên minh thần thánh tiến hành tại *A-khơn* năm 1818, tại *Tơ-rốp-pau* (Ô-pa-va) năm 1820, ở *Lai-bác-khơ* (Li-úp-li-an-na) năm 1821 và ở *Ve-rôn* năm 1822. Nghị quyết của tất cả các đại hội này đều nhằm đàn áp các cuộc cách mạng tư sản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Âu. –55.

47 Có lẽ Ăng-ghen trích dẫn từ cuốn "Recueil des documents relatifs à la Russie pour la plupart secrets et inédits utiles à consulter dans la crise actuelle". Paris, 1854, p. 52 – 53 ("Tuyển tập các tư liệu về nước Nga, phần lớn là mật và không được công bố, mà việc tìm hiểu nó sẽ bổ ích trong cuộc khủng hoảng hiện nay". Pa-ri, 1854, tr. 52 – 53). –56.

48 Trận *Na-va-rin* (tức Pi-lốt ngày nay – một thành phố cảng ở Hy Lạp) diễn ra ngày 20 tháng Mười 1827 giữa hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ – Ai Cập với các hạm đội liên quân Anh, Pháp và Nga dưới quyền chỉ huy của thủy sư đô đốc Anh E. Cô-đrinh-tôn do các cường quốc châu Âu phái đến các vùng biển Hy Lạp với mục đích làm trung gian về quân sự trong cuộc chiến tranh giữa Thổ Nhĩ Kỳ và nghĩa quân Hy Lạp. Cuộc giao chiến bắt đầu do bộ chỉ huy Thổ Nhĩ Kỳ từ chối không chịu chấm dứt đàn áp dân chúng Hy Lạp dẫn đến chỗ làm cho hạm đội liên quân Thổ Nhĩ Kỳ – Ai Cập bị đánh bại hoàn toàn và thúc đẩy sự bùng nổ cuộc chiến tranh Nga – Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 – 1829 đem lại thắng lợi cho Nga.- 58.

49 Moltke "Der russisch – türkische Feldzug in der europäische Türkei 1828 und 1829" Berlin, 1845, S. 390 (Môn-tkê. "Chiến dịch Nga – Thổ Nhĩ Kỳ tại phần nước Thổ Nhĩ Kỳ thuộc châu Âu năm 1828 và 1829". Béc-lin, 1845, tr.390).-59.

50 Ở đây muốn nói đến hòa ước A-đri-a-nô-pôn ký kết tháng Chín 1829 giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Nga do Nga giành được thắng lợi trong chiến tranh những năm 1828– 1829. Theo hòa ước, thì cửa sông Đa-nuýp cùng các đảo và phần lớn bờ phía Đông của Hắc Hải từ cửa sông Cu-ban về phía Nam, thuộc về nước Nga. Thổ Nhĩ Kỳ phải thừa nhận quyền tự trị của Môn-đa-vi-a và Va-la-khi, trao cho các nước đó quyền tự mình lựa chọn thủ lĩnh. Việc bảo đảm quyền tự trị ấy được ủy thác cho Nga, điều đó cũng tương tự như thiết lập quyền bảo hộ của Nga hoàng đối với các vương quốc. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ còn phải thừa nhận Hy Lạp là một quốc gia độc lập chỉ còn gắn bó với Thổ Nhĩ Kỳ vì hàng năm phải nộp cống vật cho vua Thổ Nhĩ Kỳ, và thi hành tất cả các hiệp định đã ký kết trước đó về vấn đề tự trị của Xéc-bi, hợp pháp hóa quyền tự trị đó bằng một pháp lệnh đặc biệt. - 59.

51 Cách mạng tư sản tháng Bảy 1830 ở Pháp. – 59.

52 Ở đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1830 – 1831 bùng nổ do ách áp bức dân tộc và sự đàn áp của cảnh sát Nga hoàng. Khởi nghĩa bắt đầu ngày 29 (17) tháng Mười Một 1830 tại Vác-sa-va như một cuộc đảo chính quân sự, nó mang tính chất một cuộc khởi nghĩa nhân dân và dẫn đến chỗ trục xuất các đơn vị quân Nga. Tuy nhiên các nhà lãnh đạo quý tộc vương hầu trong chính phủ và quân đội Ba Lan đã theo đuổi chính sách đầu hàng và ngăn trở việc thu hút quần chúng nhân dân tham gia phong trào giải phóng dân tộc, đồng thời bộc lộ những tham vọng muốn xâm chiếm đất đai U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a. Các đại biểu của phái dân chủ – tư sản đã không thể đạt được việc thủ tiêu sự lệ thuộc có tính chất nông nô, do đó cuộc khởi nghĩa không thu hút được sự ủng hộ cần thiết của nông dân. Những hành động quân sự khởi đầu tháng Hai 1831 rút cuộc đã dẫn đến chỗ chính phủ Ba Lan đầu hàng vào ngày 8 tháng Chín (26 tháng Tám) 1831 và chuyển giao thành phố Vác-sa-va cho quân đội Nga hoàng. Bị thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa Ba Lan đã đóng một vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Ba Lan và có một ý nghĩa quốc tế quan trọng. –52.

53 *Hiệp ước Un-ki-a-I-xkê-lê-xi* giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ được ký ngày 8 tháng Bảy (26 tháng Sáu) 1833. Hiệp ước được ký sau khi các đơn vị quân Nga được phái đến Thổ Nhĩ Kỳ đổ bộ lên vùng Bốt-xpho, tại khu vực Un-ki-a – I-xkê-lê-xi chi viện cho quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ chống lại sự uy hiếp đối với thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ của quân đội I-bra-him-pa-sa, con trai của thủ lĩnh Ai Cập Mô-ha-mét – A-li đang đứng lên chống lại quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ. Tháng Năm 1833, nhờ sự trung gian của Anh và Pháp, triều đình Thổ Nhĩ Kỳ đã ký hòa ước với Mô-ha-mét – A-li, nhượng cho ông ta xứ Xi-ri và Pa-le-xtin. Mặc dầu nguy cơ trực tiếp đối với quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ đã qua, nhưng giới ngoại giao Nga đã biết lợi dụng tính chất căng thẳng của tình hình và sự lưu lại của quân đội Nga ở Thổ Nhĩ Kỳ để buộc triều đình Thổ Nhĩ Kỳ phải lập liên minh phòng thủ với Nga và đã đòi đưa được vào hiệp ước Un-ki-a – I-xkê-lê-xi, là hiệp ước xúc tiến việc thành lập liên minh ấy, một điều khoản mật, theo đó, theo yêu cầu của Nga, Thổ Nhĩ Kỳ không được cho phép các chiến thuyền ngoại quốc đi ngang qua các eo biển. Điều khoản thứ hai khẳng định lại hiệp ước A-đri-a-nô-pôn và các hiệp định khác đã được ký kết giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Thời gian có hiệu lực của hiệp ước được quy định là tám năm. –60.

54 Đây muốn nói đến sự căng thẳng của vấn đề phương Đông do cuộc chiến tranh

mới giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Ai Cập (1839 – 1841) và do sự tăng cường những mâu thuẫn giữa Anh và Pháp, là nước bí mật ủng hộ thủ lĩnh Ai Cập Mô-ha-mét–A-li. Lo sợ nước Nga đứng về phía quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ đơn phương can thiệp vào cuộc xung đột, nước Anh đòi phải gửi một bức thư chung của các cường quốc phương Tây cho triều đình Thổ Nhĩ Kỳ kèm theo đề nghị sẽ chi viện về quân sự. Ngày 15 tháng Bảy 1840 Anh, Nga, Phổ, Áo và Thổ Nhĩ Kỳ, không có sự tham gia của Pháp, đã ký tại Luân Đôn một công ước về chi viện cho quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ. Nguy cơ chiến tranh đã nảy sinh giữa Pháp với khối liên minh các cường quốc châu Âu, tuy nhiên nước Pháp chưa có ý định tiến hành một cuộc chiến tranh như vậy và từ chối giúp đỡ Mô-ha-mét-A-li. Do kết quả của sự can thiệp quân sự của Anh và Áo, Mô-ha-mét-A-li phải bỏ từ những đất đai của mình bên ngoài Ai Cập và chịu phục tùng quyền lực tối cao của quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ.- 60.

55 *"Règlement organique"* ("Quy chế tổ chức") – hiến pháp đầu tiên của các công quốc vùng Đa-nuýp (Môn-đa-vi-a và Va-la-khi) do P.D. Ki-xe-lép, người đứng đầu cơ quan hành chính Nga ở các công quốc ấy thi hành năm 1831. Các công quốc này bị quân đội Nga chiếm đóng sau cuộc chiến tranh Nga – Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828 – 1829. Theo Quy chế tổ chức, quyền lập pháp trong mỗi công quốc được trao cho đại hội đại biểu do các điền chủ bầu ra, còn quyền hành pháp thì thuộc về những người cầm quyền do đại biểu các đại điền chủ, giới tăng lữ và các thành phố bầu ra suốt đời. Quy chế đó củng cố địa vị thống trị của tầng lớp đại quý tộc và giới tăng lữ lớp trên, duy trì những tôn ti trật tự phong kiến trước đây, trong đó có chế độ tạp dịch. Nông dân đã đáp lại bản "hiến pháp" ấy bằng một loạt cuộc khởi nghĩa. Đồng thời quy chế tổ chức ấy tiến hành những cải cách tư sản như: thủ tiêu những hàng rào thuế quan nội địa, tự do buôn bán, tách tòa án ra khỏi cơ quan hành chính v.v., (xem đánh giá của Mác về Quy chế tổ chức trong C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23 tr. 351-353).-60.

56 Trong lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Anh tập I bộ "Tư bản" (Luân Đôn, năm 1887) mà Ăng-ghen đã trích dẫn ra đây thì sự phân chia các chương không ăn khớp với sự phân chia các chương trong các lần xuất bản bằng tiếng Đức. –60.

57 *"Portfolio"* – tên gọi tắt tuyển tập các văn kiện và tài liệu ngoại giao do D.Uốc-các-tơ xuất bản ở Luân Đôn. Loạt bài "The Portfolio; or a Collection of

State Papers" ("Tập hồ sơ, hay là Tuyển tập các văn kiện của nhà nước"), xuất bản trong những năm 1835 - 1837; loạt bài mới xuất bản những năm 1843 — 1845 dưới đầu đề "The Portfolio. Diplomatic Review" ("Tập hồ sơ. Bình luận ngoại giao".- 61.

58 Dây muốn nói về cuộc cách mạng tư sản 1848 — Môn-đa-vi-a và Va-la-khi, mà trong quá trình của nó dấy lên phong trào rộng rãi của quần chúng nhân dân các công quốc đó nhằm xóa bỏ hoàn toàn sự lệ thuộc vào đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, xóa bỏ chế độ nông nô và những trở lực khác trên con đường phát triển chủ nghĩa tư bản. Cuộc cách mạng bị đàn áp bởi những lực lượng liên hợp của bọn phản động trong nước và sự can thiệp vũ trang của nước Thổ Nhĩ Kỳ quân chủ và nước Nga Sa hoàng. — 61.

59 Dây muốn nói đến cuộc đàm phán giữa đại biểu Phổ và Áo diễn ra vào tháng Mười 1850 tại Vác-sa-va, do Ni-cô-lai I làm trung gian, với mục đích điều hòa mối quan hệ giữa các nước, mà cuộc đấu tranh của hai nước này làm cho bá quyền lãnh đạo ở Đức đã trở nên gay gắt từ sau cách mạng những năm 1848 — 1849. Áo chủ trương phục hồi lại Hiệp hang Đức — liên hợp các quốc gia Đức, do Đại hội Viên đề xướng, mà thực tế đã bị tan rã trong thời kỳ cách mạng. Phổ hy vọng củng cố quyền lãnh đạo của mình bằng cách lập ra liên hang các quốc gia Đức dưới quyền bảo hộ của mình. Còn hoàng đế Ni-cô-lai I không muốn cho nước Phổ mạnh lên tìm cách duy trì tình trạng cát cứ phong kiến ở Đức, đã đóng vai trò trọng tài tại Vác-sa-va trong cuộc tranh chấp giữa Áo và Phổ và đã tỏ rõ thái độ kiên quyết ủng hộ Áo.-62.

60 Ăng-ghen có ý muốn nói đến hiệp ước Luân Đôn về sự toàn vẹn của chế độ quân chủ ở Đan Mạch, do Nga, Áo, Anh, Pháp, Phổ và Thụy Điển ký ngày 8 tháng Năm 1852 cùng với các đại biểu của Đan Mạch. Dùng làm cơ sở cho văn kiện này có nghị định thư do đại biểu các quốc gia nói trên ký ngày 4 tháng Bảy 1850 tại Luân Đôn. Nghị định thư này quy định nguyên tắc không phân chia đất đai của quốc vương Đan Mạch, kể cả các quốc vương Slê-đơ-vích và Hôn stai-nơ, bằng cách đó cản trở nguyện vọng của nhân dân Đức thuộc các vương quốc ấy muốn tách ra khỏi Đan Mạch để sát nhập vào nước Đức. Hiệp định năm 1825, mặc dù thừa nhận cho các vương quốc có quyền tự trị, nhưng vẫn giữ nguyên chính quyền tối cao của vua Đan Mạch. Người kế vị vua Đan Mạch, Phrê-đê-rích VII, một ông vua không có con, là Cri-xti-an Gluých-xbuốc (sau này là vua Cri-xti-an IX).- 62.

61 Dây muốn nói đến bản hòa ước Pa-ri ký kết ngày 30 tháng Ba 1856 khi kết thúc cuộc chiến tranh Crưm những năm 1853 — 1856 giữa, một bên, là Pháp, Anh, Áo, Xác-đi-ni, Phổ, Thổ Nhĩ Kỳ và một bên, là Nga. Nước Nga thua trận, phải nhượng lại cửa sông Đa-nuýp và phần phía nam của Bét-xa-ra-bi-a, từ bỏ chế độ bảo hộ với các công quốc Đa-nuýp và từ bỏ sự bảo hộ đối với những người dân Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo Thiên chúa, chấp thuận việc trung lập hóa Hắc Hải, có nghĩa là đóng cửa các eo biển không cho tàu thuyền quân sự nước ngoài qua lại và cấm nước Nga và Thổ Nhĩ Kỳ không được để các kho vũ khí hải quân và hạm đội ở Hắc Hải; để đổi lấy thành phố Xê-va-xtô-pôn và các thành phố khác bị quân đồng minh chiếm ở Crưm, nước Nga phải trả lại Cu-rơ-xô cho Thổ Nhĩ Kỳ. Trong thời gian đàm phán tại hội nghị Pa-ri, Anh và Áo đã không thành đạt trong việc thực hiện đầy đủ những âm mưu xâm lược của mình đối với Nga. Cuộc chiến đấu phòng thủ anh hùng của thành phố Xê-va-xtô-pôn, những thất bại của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ tại chiến trường Cáp-ca-dơ, thất bại của quân đồng minh trên biển Ban-tích, cũng như việc giới ngoại giao Nga khéo léo lợi dụng những mâu thuẫn giữa Anh và Pháp đã ảnh hưởng đến kết cục các cuộc hội đàm phán. —65.

62 Lời phát biểu trích từ thông báo ngoại giao của A.M.Goóc-tsa-cốp ngày 21 tháng Tám 1856 gửi các đại diện ngoại giao Nga ở nước ngoài, trong đó ông nói rõ xu hướng chính sách đối ngoại của Nga nhân dịp ông nhận chức bộ trưởng Bộ ngoại giao năm 1856. —67.

63 Ăng-ghen có ý nói đến bản phụ lục của hòa ước Pa-ri "Tuyên ngôn về những nguyên tắc của công pháp quốc tế về biển" (xem chú thích 27).

Một thỏa thuận giữa nước Pháp Bô-na-pác-tơ và nước Nga Sa hoàng tại hội nghị Pa-ri đã dẫn đến việc ký kết ngày 3 tháng Ba 1859, theo sáng kiến của Na-pô-lê-ông III, một hiệp ước mật. Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II phải giúp đỡ Na-pô-lê-ông III về mặt ngoại giao trong việc Na-pô-lê-ông chuẩn bị chiến tranh đánh Áo, còn trong trường hợp chiến tranh thì các đơn vị quân Nga phải tiến đến biên giới Áo để giam chân các đơn vị quân Áo ở phía Đông. Đến lượt mình Na-pô-lê-ông chiếu theo tinh thần của hiệp ước, tiếp tục ủng hộ chính sách của Nga ở vùng bán đảo Ban-căng. —68.

64 Năm 1859, dựa vào lời hứa hẹn ủng hộ của A-lếch-xan-đrơ II, Na-pô-lê-ông III đã gây ra cuộc chiến tranh của Pháp và Pi-ê-mông (vương quốc Xác-đi-ni) chống Áo. Thêm vào đó, Na-pô-lê-ông III nấp dưới ngọn cờ "giải phóng" I-ta-li-a để chiếm những lãnh thổ mới và củng cố chính thể Bô-na-pác-tơ ở Pháp bằng một chiến dịch chiến tranh "cục bộ" thắng lợi. Những mưu toan thật sự của Na-pô-lê-ông III đã bị G.Mát-đi-ni vạch trần trong thời kỳ đó, trong tuyên ngôn "Chiến tranh" của ông ta, mà Mác đã trích dẫn tỉ mỉ trong bài "Tuyên ngôn của Mát-đi-ni" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.476-483).

Giai cấp tư sản lớn và bọn quý tộc tự do I-ta-li-a hy vọng vào kết quả của cuộc chiến tranh để thực hiện thống nhất I-ta-li-a dưới chính thể của triều đại Xa-voa đang trị vì ở Pi-ê-mông. Sau thất bại của quân đội Áo gần Mắt-gien-tơ và Xôn-phê-ri-nô, Na-pô-lê-ông III, lo sợ trước phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển ở I-ta-li-a và không muốn góp phần vào việc thống nhất nước này, đã ký kết riêng rẽ với Áo hòa ước sơ bộ Vin-la-phran-ca vào ngày 11 tháng Bảy 1859. Nhờ kết quả của cuộc chiến tranh, Pháp đã nhận được Xa-voa và Ni-xơ. Lôm-bác-đi thì sát nhập vào với Pi-ê-mông.

Tuy nhiên bất chấp chính sách triều đình của lớp thượng lưu đang cầm quyền ở Pi-ê-mông và những âm mưu của những người Pháp Bô-na-pác-tơ, ở I-ta-li-a vào năm 1860, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của quần chúng nhằm thống nhất đất nước đã phát triển rộng rãi. Do những hành động quân sự anh hùng của các tình nguyện quân Ga-ri-ban-đi được quần chúng nhân dân ủng hộ, triều đại Buốc-bông đã bị lật đổ ở Xi-xin và Na-plơ, và miền nam I-ta-li-a sát nhập với Pi-ê-mông làm thành một vương quốc I-ta-li-a thống nhất. Tỉnh Vơ-ni-đơ thì cho đến năm 1866 vẫn còn nằm dưới quyền của người Áo. Sự thống nhất hoàn toàn I-ta-li-a được thực hiện vào năm 1870, khi các đơn vị quân nước này chiếm được Rô-ma và vùng đất Tòa thánh.-69.

65 Trong thời gian khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ba Lan những năm 1863 — 1864, chính phủ Phổ của Bi-xmác cố ngăn cản sự lan tràn của cuộc khởi nghĩa đến các vùng đất của Ba Lan do Phổ chiếm đóng, cũng như muốn có được sự hứa hẹn ủng hộ của Nga đối với việc thống nhất nước Đức dưới bá quyền của Phổ, nên đã đề nghị chính phủ Nga hoàng viện trợ quân sự để đàn áp khởi nghĩa. Tháng Hai 1863, theo sáng kiến của Bi-xmác đã ký công ước giữa Nga và Phổ về việc phối hợp hành động chống những người khởi nghĩa. —69.

66 Năm 1864, do kết quả của cuộc chiến tranh Áo và Phổ chống lại Đan Mạch kết thúc với sự thất bại của Đan Mạch, các vương quốc Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ bị tuyên bố là đất thuộc quyền sở hữu chung của Áo và Phổ, và sau chiến tranh Áo — Phổ năm 1866 thì các vùng đó bị sát nhập vào Phổ. —69.

67 C.Mác "Lời kêu gọi thứ hai của Tổng hội đồng Hội Liên hiệp lao động quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp — Phổ" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17 tr.362-374).70

68 An-dát và miền Đông Lo-ta-rin-gi-a đã bị nước Pháp tuyên bố nhường lại cho đế quốc Đức ngày 18 tháng Giêng 1871 theo hòa ước sơ bộ ký ngày 26 tháng Hai 1871 ở Vec-xây do Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp — Phổ những năm 1870 — 1871. Những điều kiện trong hiệp ước này đã được khẳng định lại một lần cuối trong hòa ước ký ngày 10 tháng Năm1871 tại Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. —71.

69 Hiệp định hòa bình sơ bộ *Xan-Xtê-phan-nô* giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ được ký kết ngày 3 tháng Ba (tức 19 tháng Hai) 1878 ở Xan-Xtê-pha-nô (gần thành phố Côn-xtăng-ti-nô-plơ) do sự chấm dứt chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ năm 1877— 1878. Bản hiệp ước này có nghĩa là sự tăng cường ảnh hưởng của Nga tại Ban-căng và gây nên sự phản đối kịch liệt của Anh và Áo — Hung, với sự ủng hộ bí mật của Đức. Dưới áp lực của những mối đe dọa về quân sự và ngoại giao, chính phủ Nga buộc phải đem ra xem xét lại bản hòa ước tại hội nghị quốc tế họp ở Béc-lin từ 13 tháng Sáu đến 13 tháng Bảy 1878, tham gia hội nghị có các đại biểu của Nga, Đức, Áo — Hung, Pháp, Anh, I-ta-li-a và Thổ Nhĩ Kỳ, kết qủa làm việc của hội nghị đã đi đến ký kết điều ước Béc-lin mà theo điều ước này thì những điều kiện của hiệp ước Xan - Xtê-pha-nô bị sửa đổi hẳn có hại cho Nga và các dân tộc Xla-vơ ở bán đảo Ban-căng. Phần lãnh thổ của nước Bun-ga-ri tự trị được ước định bởi hiệp ước Xan-Xtê-pha-nô, bị cắt bớt đi hơn hai lần; từ những vùng đất Bun-ga-ri ở phía Nam bán đảo Ban-căng người ta đã lập ra một tỉnh tự trị gọi là "Đông Ru-mê-li-a", vẫn nằm dưới quyền của vua Thổ Nhĩ Kỳ, lãnh thổ Tséc-nô-gô-ri-a bị cắt đi nhiều nhất. Điều ước Béc-lin xác nhận điều mà Hiệp ước Xan-Xtê-pha-nô đã ước định, là trả lại cho Nga phần đất Bet-xa-ra-bi đã cắt đi của Nga vào năm 1856, đồng thời phê chuẩn việc Áo — Hung chiếm đóng Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na. Ngay trước lúc hội nghị, nước Anh đã xâm chiếm đảo Sip.

Nghị quyết của hội nghị Bec-lin góp phần tạo nên lò lửa của những mâu thuẫn quốc tế mới, mầm mống những cuộc chiến tranh mới ở Ban-căng.- 71.

70 Ăng-ghen có ý nói đến cái hình tứ giác của những pháo đài trên lãnh thổ Bun-ga-ri: Xi-li-xtơ-ri-a, Ru-súc, Sum-la và Vác-na. Trong vùng này hồi đầu cuộc chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1877 — 1878, là nơi tập trung các lực lượng chính yếu của quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. — 72

71 Vào những năm 1857 - 1859 tại Ấn Độ đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa nhân dân chống lại ách thống trị của Anh. Khởi nghĩa bùng nổ vào mùa Xuân năm 1857 trong cái gọi là các đơn vị Xi-pai của quân đội Ben-gan được tuyển mộ trong dân chúng địa phương, và đã chiếm được những vùng rộng lớn ở miền Bắc và Trung tâm Ấn Độ. Động lực chính của khởi nghĩa là nông dân và thợ thủ công nghèo ở thành thị. Cuộc khởi nghĩa do các lãnh chúa phong kiến địa phương lãnh đạo đã bị dập tắt vì tính chất cát cứ phong kiến của Ấn Độ, vì sự phân biệt về mặt tôn giáo và đẳng cấp, cũng như vì ưu thế về mặt kỹ thuật quân sự của quân xâm lược. — 74.

72 Tháng Mười một 1839 với một đội quân viễn chinh dưới sự chỉ huy của thống tướng quân khu Ô-ren-buốc V.A.Pê-rốp-xki đã tiến hành một cuộc hành quân với mục đích chinh phục vương quốc Khi-vin. Đội quân gồm 5 000 người với một ít vũ khí và một đoàn xe thồ thực phẩm chưa được chuẩn bị để đối phó với những điều kiện khắc nghiệt chuyển qua mùa đông khi đi qua thảo nguyên hoang vu. Một nửa số quân bị chết vì các bệnh truyền nhiễm, nên Pê-rốp-xki đã không tiến được đến Khi-vin và đến năm 1840 phải quay trở về Ô-ren-buốc. — 74.

73 Ăng-ghen có nói đến phong trào sô-vanh ở Pháp những năm 1886 - 1889 gắn liền với tên tuổi tướng Bu-lăng-giê. Phái Bu-lăng-giê đã lợi dụng sự bất tình của quần chúng nhân dân đối với chính sách của phái cộng hòa tư sản để tuyên truyền cho chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa phục thù với mục đích chuẩn bị cho một cuộc chính biến và khôi phục chế độ quân chủ ở Pháp. Ăng-ghen đánh giá chủ nghĩa Bu-lăng-giê như một biến dạng của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, vạch ra tính chất nguy hiểm của nó và yêu cầu những người xã hội chủ nghĩa Pháp phải kiên quyết lột trần những khẩu hiệu có tính chất mị dân và phục thù của Bu-lăng-giê và bè lũ theo ông ta. — 75.

74 *Plép-na* (ngày nay gọi là Plê-ven — một thành phố ở miền Bắc Bun-ga-ri) đã bị

liên quân Nga — Ru-ma-ni chiếm ngày 10 tháng Chạp (28 tháng Mười một) năm 1877 do kết quả của những trận chiến đấu kiên trì với quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trong thời gian chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ vào những năm 1877 — 1878.- 76.

75 Do kết quả sự cải tổ vào năm 1867 của đế quốc Áo thành một nước quân chủ thống nhất gồm hai nước Áo — Hung-ga-ri con sông Lây-ta được thừa nhận là biên giới giữa hai phần của nước quân chủ Xi-slây-ta-ni-a (Áo, Séc, Mô-ra-vi-a, Xi-lê-i-a, Sti-ri-a, Ca-rin-ti-a, Ti-rôn và các đất đai khác) và phần Tơ-răng-xlây-ta-ni-a (Hung-ga-ri, Xlô-va-ki-a, Crô-a-xi.Tơ-răng-xin-va-ni-a và một số đất đai khác). — 76.

76 Dây muốn nói đến loạt bài của nhà báo Mỹ Giooc Ken-nan "Xi-bi-ri và hệ thống nhà tù" viết sau chuyến đi Xi-bi-ri những năm 1885 — 1886 và được đăng trong một tạp chí xuất bản tại Niu Oóc, tờ "The Century Illustrated Monthly Magazine" ("Hoa báo nguyệt san của thế kỷ chúng ta") vào những năm 1888 — 1889. — 76.

77 Ăng-ghen có ý muốn nói đến việc thi hành ở nước Nga vào năm 1864 quyền tự trị hạn chế của địa phương — các hội đồng tự trị địa phương. Tuy nhiên, từ năm 1866 chính phủ Nga hoàng đã bắt đầu truy nã một cách có hệ thống các hội đồng tự trị địa phương, việc này được tăng cường một cách đặc biệt gắt gao vào những năm 80 trong thời kỳ phản động và đàn áp đẫm máu chống phong trào cách mạng.- 78.

78 Trong bài diễn văn đọc tại Quốc hội Đức ngày 16 tháng Hai 1874, mà ở đây muốn nói tới, Môn-tke đã phải thừa nhận là người Đức từ thời thắng lợi trong chiến tranh của mình "ở khắp mọi nơi đều được kính trọng, nhưng không một nơi nào yêu mến họ cả".- 80.

79 Bức thư này là của Ăng-ghen trả lời một viên chức nhà băng Áo tên là E-ren-phơ-rây-in-đơ. Trong thư gửi Ăng-ghen ngày 21 tháng Ba 1890 ông này báo tin rằng trong số hội viên câu lạc bộ các viên chức nhà băng và các cơ quan tín dụng ở Viên, trong đó có ông ta, cũng như trong một bộ phận dân chúng ở Viên, chủ nghĩa bài Do Thái đã được lan truyền rộng rãi dưới hình thức tuyên truyền cho cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư bản Do Thái. Bài trả lời của Ăng-ghen gửi ông E-en-phơ-rây-in-đơ đã được đăng trên tờ "Arbeiter

– Zeitung" số 19, ngày 9 tháng Năm 1890. Dưới đầu đề "Phri-đrích Ăng-ghen bàn về chủ nghĩa bài Do Thái". Bài đăng cùng với chú dẫn sau đây của tòa soạn: "Khỏi phải nói rằng chúng tôi đăng bức thư này với sự thỏa thuận chung của tác giả cũng như của người nhận thư". Tên họ của người nhận thư không được công bố lúc đăng bức thư.

Bức thư của Ăng-ghen được đăng lại với chính đầu đề ấy trên báo "Berliner Volksblatt" số 109, ngày 13 tháng Năm 1890 và trong tuần báo xã hội - chính trị Đức "Das Recht auf Arbeit" ("Quyền lao động") số 315, ngày 28 tháng Năm 1890.- 86.

80 Ăng-ghen muốn nói đến các cuộc bãi công sau đây của thợ thuyền Do Thái tại Luân Đôn: bãi công của thợ may và công nhân thuộc da vào tháng Tám – tháng Chín 1889, cuộc bãi công của thợ làm bánh mì vào tháng Mười một 1889 và của thợ đóng giầy vào tháng Ba – tháng Tư 1890. Các cuộc bãi công đó được kết thúc với sự thỏa mãn của bọn chủ đối với những yêu cầu của thợ thuyền. Thợ may, thợ thuộc da và công nhân làm bánh đã đạt đến chỗ xác định ngày làm việc mười giờ thay vào ngày lao động mười bốn giờ đến mười sáu giờ trước đó, còn thợ đóng giầy thì đòi được thay thế công việc lao động ở nhà bằng lao động ở xưởng và chủ xưởng phải đồng ý thi hành chế độ trọng tài trong lao động.- 88.

81 *"Die Garconlaube"* ("Luận đàm") – tạp chí văn học và tranh ảnh Đức ra hàng tuần có khuynh hướng tiểu tư sản, xuất bản tại Lai-pzích từ năm 1853.- 89.

82 Lời tựa này Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức, đã được tác giả đồng ý."Tuyên ngôn của Đảng cộng sản ("xin xem tác phẩm này trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4,tr.591-646) xuất bản ở Luân Đôn tháng Năm 1890 trong loạt "Tủ sách dân chủ - xã hội". Trong sách còn in lời tựa của Mác và Ăng-ghen viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức năm 1872 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 t.18, tr.127-129) và lời tựa của Ăng-ghen cho lần xuất bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức năm 1883 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội,1995, t.21, tr. 1-2). Một phần của lời tựa mới của Ăng-ghen cũng được in lại trong bài xã luận báo "Sozialdemokrat" số 33, ngày

16 tháng Tám 1890 dưới nhan đề "Lần xuất bản mới" "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", cùng như trên báo "Arbeiter – Zeitung" số 48, ngày 28 tháng Mười một 1890 trong bài xã luận kỷ niệm 75 năm ngày sinh Ăng-ghen. Lần xuất bản thứ tư "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" là lần xuất bản cuối cùng được tác giả đồng ý. Những lần xuất bản "Tuyên ngôn" tiếp theo thường là in lại theo lần xuất bản này.- 90.

83 Ăng-ghen có ý nói về lời tựa của mình viết cho "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản bằng tiếng Đức năm 1883 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.11-12).- 90.

84 Trong lời bài viết cho bài "Về vấn đề xã hội ở Nga" (xem tập này, tr. 632), Ăng-ghen gọi bản dịch được nhắc đến ở đây là bản dịch của Plê-kha-nốp; trong lần xuất bản "Tuyên ngôn" năm 1900, bản thân Plê-kha-nốp cũng nói bản dịch do ông thực hiện.

Bản gốc bằng tiếng Đức mà Ăng-ghen nhắc đến của lời tựa do Mác và Ăng-ghen viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn" bằng tiếng Nga bị thất lạc, nay đã tìm được và lưu giữ ở Cục lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin. Nó được dùng làm cơ sở để công bố lời tựa đó trong lần xuất bản này (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản chính sách trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t 19, tr.304-305). Đối với tập này, văn bản được Ăng-ghen trích dẫn của lời tựa này dịch ngược từ tiếng Nga sang tiếng Đức được đối chiếu với bản viết tay đã nhắc tới của bản gốc tiếng Đức; những sửa đổi nho nhỏ của Ăng-ghen khi dịch từ lần xuất bản bằng tiếng Nga so với bản viết tay này được phản ánh trong chính văn và trong các chú thích cuối trang; những dị biệt do sự không chính xác của bản in tiếng Nga tạo ra đã được khắc phục căn cứ vào bản viết tay.-90

85 *"Cái chuông"* – tờ báo dân chủ cách mạng Nga do A.I.Ghéc-xen và N.P.Ô-ga-rép xuất bản trong thời kỳ những năm 1857-1867 bằng tiếng Nga tại nhà xuất bản "Nhà in Nga tự do" do Ghéc-xen lập ra và trong những năm 1868-1869 bằng tiếng Pháp với phụ trương tiếng Nga; xuất bản trước năm 1865 ở Luân Đôn, sau đó ở Giơ-ne-vơ.

Bản dịch tiếng Nga "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được nhắc đến do nhà xuất bản "Nhà in Nga tự do" xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1869.-90.

86 Ý nói đến tình hình sau khi những người thuộc Đảng "Dân ý" ám sát hoàng đế A-lếch-xan-đrơ II ngày 1 tháng Ba 1881, khi A-lếch-xan-đrơ III mới lên ngôi ẩn nấp ở Gát-xi-na do hoảng sợ cuộc đấu tranh cách mạng và những hành động khủng bố mới có thể xảy ra của Ban chấp hành đảng "Dân ý".-92.

87 K.Marx Fr. Engels. "Manifest Komunistyczny 1847 r.". Genewa. 1883.-95.

88 K. Marx og F. Engels. "Det.Kommunistiske Manifest" Kobenhavn. 1885.-95.

89 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bằng tiếng Pháp do Lô-ra La-phác-gơ dịch được đăng trên báo "Socialiste" ngày 29 tháng Tám — 7 tháng Mười một 1885 và được in lại làm phụ lục trong cuốn Mermeix. "La France socialiste". Paris, 1886 (Mếc-me. "Nước Pháp xã hội chủ nghĩa". Pa-ri, 1886).

"Le Socialiste"("Người xã hội chủ nghĩa") — tuần báo Pháp, do Gi. Ghê-đơ sáng lập ở Pa-ri năm 1885, trước năm 1902 là cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân, từ năm 1902 đến năm 1905 là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa của Pháp, từ năm 1905 trở đi là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp; trong những năm 80-90, Ph.Ăng-ghen cộng tác với báo này.-95.

90 "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được đăng bằng tiếng Tây Ban Nha trên báo "Socialista" vào tháng Bảy — tháng Tám 1886, và xuất bản thành sách lẻ — "Manificsto del Partido Comunista". Escrito por C.Marx y F.Engels. Madrid. Administracion de "EL Socialista", 1886.

"El Socialista" ("Người xã hội chủ nghĩa") — tuần báo, cơ quan trung ương Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, xuất bản ở Ma-đrit từ năm 1885.-95.

91 "Manifesto of the Communist Party". By Karl Marx, and Frederick Engels. Authorized English Translation. Edited and Annotated by Frederick Engels. London, 1888.

Lời tựa Ăng-ghen viết cho lần xuất bản này (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.517-525) về nội dung nhiều điểm trùng khớp với lời tựa này viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bằng tiếng Đức năm 1890.-96.

92 C.Mác và Ph.Ăng-ghen. "Lời tựa viết cho bản bằng tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1872" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.127-129).-96.

93 *Vụ án những người cộng sản ở Khuên* (4 tháng Mười-12 tháng Mười một 1852)— vụ xét xử mang tính chất khiêu khích do chính phủ Phổ tổ chức. 11 thành viên Đồng minh những người cộng sản — tổ chức cộng sản quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản (1847-1852) do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo và lấy "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" làm cương lĩnh — bị đưa ra xét xử về tội "có âm mưu mang tính chất phản quốc". Tài liệu để buộc tội là "sổ biên bản thật" các phiên họp của Ban chấp hành trung ương do mật vụ cảnh sát Phổ bịa ra và những tài liệu bịa đặt khác, cũng như những giấy tờ mà cảnh sát đánh cắp được của phái phiêu lưu chủ nghĩa Vi-lích -Sáp-pơ đã bị khai trừ khỏi Đồng minh những người cộng sản. Trên cơ sở giấy tờ giả mạo và nhân chứng giả, bảy bị cáo bị kết án giam trong pháo đài và thời hạn từ ba đến sáu năm. Các hành động động khiêu khích của những kẻ tổ chức vụ xử án và những phương pháp đê hèn mà chính phủ cảnh sát Phổ dùng để chống lại phong trào công nhân quốc tế đã bị Mác và Ăng-ghen bóc trần toàn bộ (xem bài viết của Ăng-ghen "Vụ án mới đây ở Khuên" và bài đả kích của Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên". C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập.tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.8,tr.529-537, 539-625).-96.

94 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t16, tr.24-28).- 97.

95 Ăng-ghen đọc lời trong bài phát biểu của chủ tịch hội đồng công liên thành phố Xu-ôn-xi Bi-ven tại đại hội công liên hàng năm năm 1887 họp ở thành phố này; bài tường thuật về bài phát biểu này đăng trên báo "Commonweal" ("Phúc lợi chung") ngày 17 tháng Chín 1887.-97.

96 Luận điểm này Mác và Ăng-ghen đã phát biểu trong một loạt tác phẩm của hai ông từ những năm 40 thế kỷ XIX; với cách diễn đạt này, nó được nêu trong Điều lệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.24 và t.17, tr. 583.- 96.

97 *Đại hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế I* họp trong những ngày 3-8 tháng Chín 1866. Dự đại hội có 60 đại biểu của Tổng Hội đồng, các phân bộ và các hội công nhân

Anh, Pháp, Đức, và Thụy Sĩ. Chủ tọa đại hội là G.Hi-ung. Báo cáo chính thức của Tổng Hội đồng đọc tại đại hội là "Những chỉ thị cho các đại biểu của Hội đồng trung ương lâm thời về một số vấn đề" do Mác viết (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.257-270). Những người thuộc phái Pru-đông chiếm một phần ba số phiếu tại đại hội, đã đem cương lĩnh mô rộng của mình về tất cả các điểm của chương trình nghị sự để chống lại "Chỉ thị". Song về đa số vấn đề thảo luận, thắng lợi vẫn thuộc về những người ủng hộ Tổng Hội đồng; trong số chín điểm của "Chỉ thị" thì có sáu điểm (về thống nhất hành động trên quy mô quốc tế, về hạn chế ngày lao động trong 8 giờ bằng pháp luật, về lao động của trẻ em và phụ nữ, về lao động hợp tác, về công đoàn, về quân đội thường trực) đã được thông qua làm nghị quyết của đại hội. Đại hội Giơ-ne-vơ cũng đã chuẩn y Điều lệ và Quy chế của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế, thực tế là Đại hội thành lập Quốc tế II đã họp ở Pa-ri, từ 14 đến 20 tháng Bảy 1889. Trước khi đại hội họp đã diễn ra một cuộc đấu tranh kiên trì của những người mác-xít dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ăng-ghen chống những kẻ cơ hội chủ nghĩa Pháp (phái khả năng)và những người ủng hộ trong Liên đoàn dân chủ — xã hội Anh. Những người cơ hội chủ nghĩa tìm cách nắm lấy việc chuẩn bị đại hội nhằm chiếm vị trí lãnh đạo trong đại hội và qua đó ngăn cản việc xây dựng một tổ chức liên hiệp mới của các tổ chức xã hội chủ nghĩa và tổ chức công nhân trên cơ sở mác-xít. Song đại hội được triệu tập dưới ảnh hưởng ưu thế của các đảng mác-xít. Đại hội khai mạc ngày 14 tháng Bảy 1889 — vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày chiếm ngục Ba-xti-lơ. Dự Đại hội có 393 đại biểu từ 20 nước châu Âu và châu Mỹ. Âm mưu của phái khả năng bị thất bại; họ triệu tập cũng vào ngày 14 tháng Bảy 1889 ở Pa-ri một đại hội song song đối lập với đại hội mác-xít. Đại hội của phái khả năng chỉ có một số không đáng kể đại biểu nước ngoài, và lại tư cách đại biểu của phần lớn trong số họ là hoàn toàn giả mạo.

Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế đã nghe báo cáo của đại biểu các đảng xã hội chủ nghĩa về phong trào công nhân ở nước họ, đề ra những nguyên tắc cơ bản của pháp luật công nhân quốc tế, chấp nhận yêu cầu đòi quy định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ, nêu những biện pháp thực hiện

các yêu cầu của công nhân. Đại hội nhấn mạnh sự cần thiết của tổ chức chính trị của giai cấp vô sản và của cuộc đấu tranh để thực hiện các yêu cầu chính trị của công nhân; chủ trương thủ tiêu các quân đội thường trực và thay chúng bằng việc vũ trang toàn dân. Quyết định quan trọng của đại hội là ấn định ngày lễ vô sản quốc tế Một tháng Năm. Về tất cả các vấn đề đã xem xét lại, đại hội đã thông qua những nghị quyết về cơ bản là mác-xít đúng đắn, giáng một đòn vào phái vô chính phủ tìm cách áp đặt quan điểm của mình cho đại hội.-99.

98 Bài *"Ngày 4 tháng Năm ở Luân Đôn"* Ăng-ghen viết vào khoảng từ 5 đến 21 tháng Năm 1890 và nhân kỷ niệm lần đầu tiên ngày 1 tháng Năm của nhân dân lao động toàn thế giới, do các đảng xã hội chủ nghĩa và các tổ chức công nhân tiến hành theo quyết định của Đại hội công nhân chủ nghĩa xã hội họp tại Pa-ri năm 1889 (về cuộc hội nghị này, xin xem chú thích 97). Các cuộc mít tinh và biểu tình của quần chúng có tính tổ chức cao ở Âu được tiến hành theo nghị quyết của đại hội dưới khẩu hiệu đấu tranh cho việc hợp pháp hóa chế độ ngày làm việc tám giờ.

Cuộc họp mặt bí mật đầu tiên có tổ chức của công nhân Luân Đôn tiến hành vào chủ nhật đầu tiên của tháng Năm, ngày 4 tháng Năm 1890 — là nguyên nhân thúc đẩy tác giả viết bài báo này. Bất chấp những mưu toan của các thủ lĩnh cải lương của các hội công liên và nhà xã hội chủ nghĩa cơ hội Anh Hai-nơ-man muốn giành quyền điều khiển cuộc biểu tình vào tay mình và tiến hành biểu tình dưới những khẩu hiệu có tính chất thỏa hiệp, cuộc biểu tình vẫn chứng tỏ sự chuẩn bị sẵn sàng của quần chúng đông đảo công nhân Luân Đôn tiến hành một cuộc đấu tranh cho những yêu sách cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ có một phần nhỏ công nhân xuất thân từ cái gọi là công nhân quý tộc mới nghe theo bọn cải lương. Đại bộ phận những người tham gia biểu tình — gần 200 ngàn người — đã xuống đường dưới khẩu hiệu do những người mác-xít Anh đề xướng. Đóng vai trò chính trong cuộc biểu tình là thợ không lành nghề của các xí nghiệp hơi đốt và đóng tàu Luân Đôn, những người đầu tiên, từ những năm 80, đã khởi xướng cuộc đấu tranh nhằm thành lập công liên mới của quần chúng đông đảo và đấu tranh đòi thực hiện ngày lao động tám giờ. Ăng-ghen đã có mặt tại cuộc mít tinh ở công viên Hây-đơ, sau đó biến thành cuộc biểu tình; tại đây các nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công

nhân quốc tế E.Mác — E-vơ-linh, E. E-vơ-linh, P.La-phác-gơ, cũng như đại diện của những người cách mạng Nga lưu vong S. Cráp -trin-xki(Xtép-nhi-ác) và nhiều người khác đã lên diễn thuyết.

Bài "Ngày 4 tháng Năm ở Luân Đôn", ngoài tờ "Arbeiter- Zetung", còn được đăng trên tờ "Wähler" số 85 ngày 29 tháng Năm 1890. Trừ phần đầu nói đến ngày lễ 1 tháng Năm ở Áo, bài này còn được đăng trên tờ "Berliner Volksblatt" số 123, ra ngày 30 tháng Năm 1890.-100.

99 *Liên đoàn công nhân các xí nghiệp hơi đốt và thợ phụ* — tổ chức công liên của công nhân không lành nghề đầu tiên trong lịch sử phong phong trào công nhân Anh, xuất hiện vào cuối tháng Ba — đầu tháng Tư 1889 trong điều kiện phong trào bãi công lớn mạnh vào những năm 80 và 90. E. Mác—E-vơ-linh và E.E-vơ-linh đã đóng vai trò to lớn trong việc tổ chức và lãnh đạo Liên đoàn này. Liên đoàn đề ra yêu sách phải quy định ngày làm việc tám giờ. Chỉ trong một thời gian ngắn Liên đoàn đã gây được ảnh hưởng lớn trong các tầng lớp công nhân. Trong vòng một năm đã có đến 100 000 công nhân các xí nghiệp hơi đốt gia nhập Liên đoàn. Liên đoàn đã tham gia tích cực vào việc tổ chức cuộc bãi công của các công nhân bốc vác bến tàu Luân Đôn năm 1889.

Cuộc bãi công của công nhân bốc vác bến tàu Luân Đôn diễn ra từ ngày 12 tháng Tám đến ngày 14 tháng Chín 1889, là một trong những sự kiện lớn nhất của phong trào công nhân Anh cuối thế kỷ XIX. Trong cuộc đình công này có 30 000 công nhân bốc vác bến tàu và hơn 30 000 công nhân thuộc các nghề nghiệp khác tham gia; đa số họ là những công nhân không lành nghề và không tham gia vào bất cứ một công liên nào. Do tinh thần kiên trì và tính tổ chức của mình, những người tham gia bãi công đã đạt được những yêu sách đề ra như nâng cao tiền lương và cải thiện điều kiện lao động. Cuộc bãi công của công nhân bốc vác bến tàu đã góp phần củng cố tình đoàn kết của giai cấp vô sản (qũy bãi công đã lên tới gần 50 000 đồng bảng Anh), cũng như tăng cường hơn nữa tính tổ chức của giai cấp công nhân: đã tổ chức được liên đoàn công nhân bốc vác bến tàu và các liên đoàn khác, liên kết một số lượng lớn công nhân không lành nghề; trong năm sau tổng số các công liên đã tăng lên hơn gấp hai lần.-101

100 *Các câu lạc bộ cấp tiến* ở Anh hồi nửa sau thế kỷ XIX là những tổ chức, bao gồm phần lớn là công nhân, và theo lệ thường, do đại diện của giai cấp tư sản tự do lãnh đạo. Các câu lạc bộ này đã gây được nhiều ảnh hưởng trong giai

cấp vô sản Anh. Vào cuối những năm thứ 80 thế kỷ XIX, cùng với cao trào của phong trào công nhân ở trong nước, số lượng các câu lạc bộ ấy có tăng lên, và trong số các hội viên của các câu lạc bộ ấy những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội đã được truyền bá rộng rãi.-102.

101 Lời ám chỉ về tư cách của Hai-nơ-man trong thời gian cuộc biểu tình do những người theo chủ nghĩa xã hội ở Anh tổ chức ngày 13 tháng Mười một 1887 tại công viên Tơ-ra-phan-ga ở Luân Đôn. Cuộc mít tinh kết thúc với sự đụng độ giữa những người tham gia và cảnh sát, kết quả là có đến vài trăm người bị thương (ba người chết), một số người tổ chức cuộc mít tinh bị bắt. Trong thời gian xảy ra những sự kiện ấy, những sự kiện đi vào lịch sử phong trào công nhân Anh dưới tên gọi "ngày chủ nhật đẫm máu", thì Hai-nơ-man đã lẩn tránh một cách hèn nhát.-102.

102 *Cuộc bãi công ở Xin-véc-tau-nơ*(vùng I-xtơ-En-đơ)—đây là cuộc bãi công của thợ sản xuất dây cáp ngầm dưới nước và các sản phẩm bằng cao su, diễn ra từ tháng Chín đến tháng Chạp 1889. Những người tham gia bãi công, mà số lượng có đến gần 3000 người, đã đòi tăng tiền công cho mỗi giờ làm và tăng tiền công khoán, đòi tăng tiền công cho các công việc làm ngoài giờ và làm trong dịp lễ, tăng tiền công cho phụ nữ và trẻ em. Ê-lê-ô-no-ra Mác-E-vơ-linh đã tích cực tham gia vào việc tổ chức bãi công; trong quá trình bãi công đã tổ chức ra liên đoàn nữ công nhân trẻ. Cuộc bãi công kéo dài gần ba tháng và cuối cùng công nhân Xin-véc-tau-nơ đã thất bại vì không được sự ủng hộ của các công liên khác.-102.

103 Ăng-ghen muốn nói đến cuộc bãi công của công nhân Công ty hơi đốt khu Nam Luân Đôn, nổ ra tháng Chạp 1890. Nguyên nhân dẫn đến bãi công là do bọn chủ công ty không thi hành giao ước đã thông qua trước đó về áp dụng chế độ ngày làm việc tám giờ, tăng lương và về việc họ chỉ nhận vào làm việc các hội viên của Liên đoàn công nhân xí nghiệp hơi đốt v.v.. Cuộc bãi công của công nhân đã bị thất bại do thiếu sự giúp đỡ tích cực và đầy đủ của các công liên khác, đặc biệt là của liên đoàn những công nhân bốc vác bến tàu, đồng thời cũng do từ năm 1890 đã bắt đầu sự thoái trào của phong trào đình công. Trong các xí nghiệp của công ty luật làm việc ngày tám giờ đã bị bãi bỏ.-103.

104 *Liên đoàn dân chủ xã hội*—một tổ chức xã hội chủ nghĩa ở Anh, thành lập tháng Tám 1884, nhằm liên kết các phần tử xã hội chủ nghĩa khác nhau lại.

đặc biệt là từ trong giới trí thức. Trong suốt một thời gian dài làm việc lãnh đạo liên đoàn nằm trong tay bọn theo chủ nghĩa cải lương, đứng đầu là Hai-nđ-man, người theo đuổi chính sách cơ hội và bè phái. Trong liên đoàn có một nhóm người mác-xít cách mạng (E.Mác-E-vơ-linh, E. E-vơ-linh, T.Man và những người khác), trái với Hai-nđ-man, đã tiến hành đấu tranh nhằm thiết lập mối liên hệ mật thiết với phong trào quần chúng công nhân. Sau sự phân liệt xảy ra vào mùa thu năm 1884 và sau khi các đại biểu cánh tả thành lập một tổ chức độc lập — Liên đoàn xã hội chủ nghĩa — thì ảnh hưởng của bọn cơ hội càng được tăng cường trong liên đoàn. Tuy nhiên do tác động của khí thế cách mạng của quần chúng, trong nội bộ liên đoàn đã tiếp tục xuất hiện những phần tử cách mạng, không bằng lòng với ban lãnh đạo theo chủ nghĩa cơ hội.

Phái khả năng — trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp, đứng đầu là Bru-xơ, Ma-lông và những người khác; năm 1882 những người này đã gây ra sự phân liệt trong Đảng công nhân Pháp. Là những người chống đối sách lược cách mạng, lãnh tụ của trào lưu này đã tuyên bố nguyên tắc đạt được "khả năng" (possible), do đó mà có tên gọi "phái khả năng" (Possibilities).-104.

105 *Phái Man-se-xtơ, trường phái Man-se-xtơ* — trào lưu trong kinh tế chính trị học đầu thế kỷ XIX, phản ánh quyền lợi của giai cấp tư sản công nghiệp. Phái tự do mậu dịch, những người ủng hộ trào lưu này, bảo vệ tự do buôn bán và đòi không có sự can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế. Trung tâm cổ động của phái tự do mậu dịch đóng ở Man-se-xtơ, đứng đầu phong trào này là hai chủ nghành dệt — Cốp-đen và Brai-tơ. Trong những năm 60 phái tự do mậu dịch là cánh tả trong đảng tự do. Bàn về trường phái Man-se-xtơ của các công liên cũ, Ăng-ghen muốn nói tới tính chất cải lương tư sản của những hoạt động của chúng. Tìm cách giới hạn nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong đấu tranh kinh tế nhằm rút ngắn ngày công lao động, tăng tiền lương, đòi có một vài thay đổi bộ luật công nhân có lợi cho công nhân, các thủ lĩnh của các công liên này đã đánh lạc hướng giai cấp vô sản khỏi những mục tiêu có tính chất giai cấp của phong trào công nhân, lên tiếng chống lại cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân, tuyên truyền sự thỏa hiệp và hòa bình giai cấp với giai cấp tư sản.-106.

106 Ở đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa Ba-đen — Pphan-xơ nhằm bảo vệ hiến pháp đế chế vào tháng Năm — tháng Bảy 1849 mà Ăng-ghen đã tham gia. Về cuộc khởi nghĩa này xem tác phẩm của ông: "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức". (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 156 — 276).- 108.

107 *Phác thảo thư trả lời ban biên tập báo "Sächsische Arbeiter-Zeitung"* Ăng-ghen viết nhân tòa soạn báo này, gồm đại biểu của nhóm đối lập "phái trẻ", đính tuyên bố ông đồng tình với hoạt động của tòa soạn chống đường lối của ban lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức. Hoạt động của báo đã dẫn đến chỗ vào cuối tháng Tám 1890 ban biên tập của tờ báo này bị cách chức. Trong bài từ biệt, ban biên tập này có mô tả theo lối giường dông kích tây rằng việc mình bị tổ chức là kết qủa của sự tăng cường "chủ nghĩa xã hội nghị viện tiểu tư sản" trong đảng và đã trắng trợn lợi dụng uy tín của Ăng-ghen vào mục đích của mình. Ăng-ghen phẫn nộ đã quyết định công khai đập lại "phái trẻ".

Thư trả lời này gửi tòa soạn báo "Sächsische Arbeiter-Zeitung" Ăng-ghen chưa viết xong và được giữ lại dưới dạng phác thảo. Thư trả lời cuối cùng do Ăng-ghen viết (xem tập này, tr.112-115) được công bố trên báo "Sozialdemokrat" và báo "Berliner Volksblatt"; thư trả lời này đã đóng vai trò to lớn trong việc vạch trần lập trường của "phái trẻ". Thư trả lời của Ăng-ghen cũng được đăng trên báo "Arbeiter-Zeitung" số 38, ngày 19 tháng Chín 1890.

"Phái trẻ" nhóm đối lập nửa vô chính phủ tiểu tư sản trong Đảng dân chủ — xã hội Đức thành hình hẳn hoi vào năm 1890. Hạt nhân cơ bản của nó là sinh viên và những nhà văn mới vào nghề (chính vì thế mà phái đối lập có tên gọi nói trên) đóng vai những nhà lý luận và người lãnh đạo của Đảng. Những thủ lĩnh chính của "phái trẻ" là P. Éc-nơ-xtơ, P. Com-pơ-phơ-mây-e, G.Muy-lơ, B.Vin-lơ v.v.. Coi thường điều kiện hoạt động của đảng đã thay đổi sau khi bãi bỏ Đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa, "phái trẻ" đã phủ nhận sự cần thiết phải sử dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, đã chống sự tham gia của đảng dân chủ — xã hội vào các cuộc bầu cử nghị viện và chống việc sử dụng diễn đàn nghị viện, đã xúc xiểm, buộc tội đảng và Ban chấp hành của đảng là bảo vệ lợi ích của giai cấp tiểu tư sản, là cơ hội, vi phạm chế độ dân chủ trong đảng. Tháng Mười 1891, Đại hội Éc-phuốc của Đảng dân chủ — xã hội Đức đã khai trừ một số người lãnh đạo phe đối lập ra khỏi đảng.

"Sächsische Arbeiter-Zeitung" ("Báo công nhân Dắc-den") — nhật báo dân chủ — xã hội Đức, vào đầu những năm 90 — cơ quan ngôn luận của nhóm đối lập "phái trẻ"; xuất bản ở Dre-xden từ năm 1890 đến năm 1908.-109.

108 Ăng-ghen có ý nói đến lời kêu gọi của đảng đoàn dân chủ — xã hội gửi công nhân Đức về việc kỷ niệm ngày lễ 1 tháng Năm 1890, công bố trên báo "Berliner Volksblatt" ngày 15 tháng Tư 1890. Lời kêu gọi chứa đựng lời đáp của ban lãnh đạo đảng đối với yêu cầu của phe đối lập "phái trẻ" về việc tiến hành tổng bãi công vào ngày 1 tháng Năm. Lời kêu gọi đã nêu tính chất nguy hiểm của việc chấp nhận một yêu cầu như vậy trong điều kiện Đạo luật chống những người xã hội — chủ nghĩa còn có hiệu lực và trong hoàn cảnh sau cuộc bầu cử ngày 20 tháng Hai 1890, khi có nguy cơ khiêu khích từ phía giới cầm quyền đã bị thất bại trong cuộc bầu cử, lâm le sử dụng mọi cớ để đập tan đảng dân-chủ xã hội. Lời kêu gọi hô hào công nhân Đức không tạo cớ cho việc khiêu khích và kỷ niệm ngày 1 tháng Năm bằng một cuộc biểu tình hòa bình.

Ở Hăm-buốc vào tháng Năm — tháng Bảy 1890 đã diễn ra cuộc bãi công của công nhân xây dựng đòi thiết lập chế độ ngày làm việc chín giờ và tăng tiền lương. Cuộc bãi công được công nhân phát động trong một thời điểm không thuận lợi, đã thất bại, nhưng ngay cả chủ xí nghiệp cũng phải bỏ yêu cầu của mình đòi công nhân không được tham gia các tổ chức công đoàn.-110.

109 *Hội nghị Luân Đôn* của Quốc tế I họp trong những ngày 17 — 23 tháng Chín năm 1871. Hội nghị được triệu tập trong hoàn cảnh các thành viên của Quốc tế bị đàn áp khốc liệt sau khi Công xã Pa-ri thất bại, thành phần tham dự tương đối hẹp: dự hội nghị có 22 đại biểu chính thức và 10 đại biểu tư vấn. Những nước không thể cử đại biểu đến hội nghị thì có các thư ký thông tấn đại diện. Tại hội nghị, Mác đại diện cho Đức, Ăng-ghen đại diện cho I-ta-li-a. Hội nghị họp cả thảy 9 phiên mang tính chất phiên họp làm việc kín. Các bài tường thuật hội nghị không được công bố. Nghị quyết của hội nghị được công bố vào tháng Mười một — tháng Chạp 1871.

Hội nghị Luân Đôn đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong cuộc đấu tranh của Mác và Ăng-ghen để xây dựng một đảng vô sản. Hội nghị đã thông qua nghị quyết "về hành động chính trị của giai cấp công nhân" trong đó việc cần phải xây dựng đảng vô sản độc lập được nêu thành một trong những nguyên tắc cơ bản của phong trào công nhân quốc tế. Bằng quyết định của Đại hội La Hay của Quốc tế (1872), phần lớn nghị quyết này được đưa vào Điều lệ chung của Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Trong một loạt nghị quyết của hội nghị đã nêu những nguyên tắc sách lược và tổ chức quan trọng nhất của đảng vô sản, đã giáng đòn chủ yếu vào chủ nghĩa bè phái và chủ nghĩa cải lương. Hội nghị Luân Đôn đã diễn ra dưới khẩu hiệu đấu tranh không khoan nhượng của Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông chống chủ nghĩa Ba-cu-nin và đã đóng một vai trò to lớn trong sự nghiệp làm cho các nguyên tắc tính đảng vô sản chiến thắng chủ nghĩa cơ hội vô chính phủ.-110.

110 Cuối năm 1884, nhằm đẩy mạnh chính sách thuộc địa của Đức, Bi-xmác yêu cầu Quốc hội phê chuẩn khoản trợ cấp hàng năm cho các công ty tàu thủy để tổ chức các chuyến tàu thường kỳ đi Đông Á, Ô-xtơ-rây-li-a và châu Phi. Yêu cầu đó của chính phủ đã gây nên sự bất đồng trong đảng đoàn dân chủ — xã hội ở Quốc hội. Cánh tả do A.Bê-ben và V.Líp-nếch đứng đầu tuân thủ ý kiến của Ăng-ghen đã phát biểu chống lại việc ủng hộ yêu cầu của chính phủ. Đa số có tư tưởng cơ hội chủ nghĩa trong đảng đoàn (Đi-txơ, Phrô-me, Gri-len-béc-gơ v.v..) có ý định biểu quyết tán thành trợ cấp với cái cớ giả tạo là để phát triển các mối liên hệ quốc tế. Dưới sức ép của đa số, đảng đoàn dân chủ — xã hội đã thông qua quyết định trong đó vấn đề trợ cấp được coi là không có tính nguyên tắc và mỗi thành viên của đảng đoàn đều có quyền tham gia biểu quyết theo sự suy xét của mình; trong quyết định có chỉ rõ ý định của đa số nghị sĩ dân chủ — xã hội biểu quyết tán thành trợ cấp.

Lập trường cơ hội chủ nghĩa của cánh hữu trong đảng đoàn bị đảng viên, cơ quan trung ương của đảng là báo "Sozialdemokrat" kịch liệt lên án; cuộc đấu tranh của báo này chống bọn cơ hội được Ăng-ghen hoàn toàn ủng hộ và chỉ đạo. Trong quá trình tranh luận, các thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa đã bao phen cố đổ lỗi cho tòa soạn báo "Sozialdemokrat" là đã gây ra cuộc tranh luận ấy và buộc báo này thôi phê phán lập trường của họ. Dưới ảnh hưởng của sự phê phán kịch liệt, đa số trong đảng đoàn đã buộc phải thay đổi chút ít thái độ của mình đối với dự án của chính phủ lúc thảo luận nó ở Quốc hội vào tháng Ba 1885, ra điều kiện là muốn biểu quyết tán thành dự án thì Quốc hội phải chấp nhận một số đề nghị của đảng đoàn. Chỉ sau khi những đề nghị ấy bị

Quốc hội bác thì tất cả mọi thành viên của đảng đoàn dân chủ – xã hội mới biểu quyết chống dự án.-111.

111 *Tránh con muỗi mắt để đâm vào con lạc đà*– thành ngữ Anh rút từ Kinh thánh: có ý nói: chú ý đến thiếu sót nhỏ mà để phạm những sai lầm lớn.-114.

112 Tác phẩm *"Đại hội công nhân quốc tế năm 1891"* trong đó Ăng-ghen nêu đường lối sách lược của những người mác-xít nhân việc chuẩn bị Đại hội Bruy-xen của Quốc tế II, là để trả lời thư của nhà xã hội chủ nghĩa Pháp S. Bô-nhê đề ngày 9 tháng Chín 1890 gửi cho ông. Bô-nhê báo cho Ăng-ghen biết những sự việc chứng tỏ sự chao đảo cơ hội chủ nghĩa của các nhà xã hội chủ nghĩa Bỉ tạo nên tình huống là ảnh hưởng chi phối trong phong trào công nhân quốc tế có nguy cơ rơi vào tay phái khả năng Pháp và những phần tử cơ hội chủ nghĩa khác. Lợi dụng việc các đại biểu Đảng công nhân Bỉ giữ lập trường không nhất quán ngay trong thời kỳ chuẩn bị Đại hội Pa-ri năm 1889 (về đại hội này xin xem chú thích 97), nhận được quyền triệu tập đại hội tiếp theo từ đại hội mác-xít đã giao cho họ làm việc này cùng với các nhà xã hội chủ nghĩa Thụy Sĩ, lần từ đại hội song hành của phái khả năng (về đại hội này xin xem chú thích 97); phái khả năng hành động thông qua người Bỉ, lại cố chộp lấy quyền chủ động trong việc triệu tập các đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế.

Những ý cơ bản trong bài của mình trả lời Bô-nhê cũng được Ăng-ghen trình bày trong thư đề ngày 15 tháng Chín 1890 gửi La-phác-gơ và trong thư đề ngày 27 tháng Chín 1890 gửi Doóc-gơ; qua hai thư này chúng ta thấy bài trả lời đó là viết cho những nhà hoạt động lãnh đạo của các đảng mác-xít và không nên công bố. Ý kiến của Ăng-ghen đã giúp các nhà mác-xít Pháp và các nước khác phá vỡ âm mưu của các phần tử cơ hội chủ nghĩa, giúp họ giành được việc triệu tập và tiến hành Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1891 tại Bruy-xen trên cơ sở mác-xít.-116.

113 Đại hội các hội công liên Anh ở Li-vớc-pun họp từ ngày 1 đến ngày 6 tháng Chín 1890. Dự đại hội có gần 460 đại biểu thay mặt cho hơn 1,4 triệu công nhân được tổ chức vào công đoàn. Một số khá lớn đại biểu những hội công liên mới, chịu ảnh hưởng phần nào của những người xã hội chủ nghĩa Anh, lần đầu tiên dự đại hội.

Bất chấp sự chống đối của những người lãnh đạo các hội công liên cũ, đại hội đã thông qua nghị quyết đòi quy định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ, cũng như đã thừa nhận rằng các hội công liên nên tham gia vào hoạt động của các tổ chức công nhân quốc tế. Đại hội đã thông qua quyết định về việc cử đại biểu dự Đại hội công nhân quốc tế sẽ triệu tập ở Bruy-xen.-116.

114 Đây là nói hai bài văn đả kích" "Đại hội công nhân quốc tế năm 1889. Trả lời báo "Justice"" được công bố ở Luân Đôn dưới dạng sách lẻ bằng tiếng Anh vào tháng Ba 1889 và bằng tiếng Đức trên báo "Sozialdemokrat" số 13 và 14, ngày 30 tháng Ba và 6 tháng Tư 1889 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập,tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t.21, tr . 726-741) và "Đại hội công nhân quốc tế năm 1889. II. Trả lời "Tuyên ngôn của Liên đoàn dân chủ – xã hội"" xuất bản dưới dạng sách mỏng bằng tiếng Anh ở Luân Đôn vào tháng Sáu 1889 (Xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.749-774),Một đoạn rút từ bài này được đăng trên báo "Sozialdemokrat" số 24, ngày 15 tháng Sáu 1889. Những bài đả kích ấy, do chủ bút báo "Sozialdemokrat" Béc-stanh viết theo sáng kiến của Ăng-ghen và được Ăng-ghen biên tập, đã vạch trần âm mưu của phái khả năng và của những người lãnh đạo Liên đoàn dân chủ – xã hội nhân việc triệu tập Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Pa-ri.-116.

115 Hội nghị quốc tế của những người xã hội chủ nghĩa ở La Hay với sự tham gia của đại biểu phong trào xã hội chủ nghĩa Đức, Pháp, Bỉ, Hà Lan và Thụy Sĩ, họp ngày 28 tháng Hai 1889. Hội nghị do đại biểu đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Quốc hội Đức triệu tập theo đề nghị của Ăng-ghen nhằm đề xuất điều kiện triệu tập Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Pa-ri. Phái khả năng không chịu tham gia hội nghị mặc dù đã nhận được giấy mời và sau đó không thừa nhận các quyết định của hội nghị. Hội nghị đã xác định quyền, thời hạn triệu tập và chương trình nghị sự cho đại hội (về các quyết định của hội nghị, xin xem chi tiết hơn ở C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21.tr .733-737).-117.

116 *Phái tập thể chủ nghĩa* trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp những năm 70 – 80 thế kỷ XIX, tên gọi những người theo chủ nghĩa Mác chủ trương xã hội hóa tư liệu sản xuất và giai cấp công nhân nên tham gia tích cực vào đấu tranh chính trị. Đứng đầu phái tập thể chủ nghĩa là G.Ghết và P.La-phác-gơ (do đó mà có phái Ghết – một tên gọi khác và phổ biến hơn của những người mác-xít

Pháp). Từ khi Đảng công nhân được thành lập vào năm 1879, trong hàng ngũ đảng đã diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt dẫn tới chỗ đảng bị phân liệt vào năm 1882 thành phái mác-xít (phái Ghết) và phái khả năng (xem chú thích 104). Phái mác-xít vẫn giữ tên gọi Đảng công nhân.-119.

117 *"Phái cách mạng" Đan Mạch* — thiểu số cách mạng trong Đảng dân chủ — xã hội Đan Mạch đứng đầu là Tơ-ria và Pê-téc-xen, tập hợp xung quanh báo "Arbeideren" ("Công nhân"). "Phái cách mạng" chống chính sách cải lương chủ nghĩa của cánh cơ hội chủ nghĩa trong đảng, đấu tranh để làm cho đảng trở thành đảng vô sản mang tính giai cấp. Bị phe đa số cải lương chủ nghĩa khai trừ khỏi đảng, vào năm 1889 họ thành lập tổ chức của mình, song vì sai lầm biệt phái chủ nghĩa của những người lãnh đạo nên tổ chức này không phát triển thành đảng vô sản đông đảo. -119.

118 *Thư từ giả bạn đọc báo "Sozialdemokrat"* Ăng-ghen viết nhân khi báo này đình bản. Tiếp theo việc công bố trên báo "Sozialdemolkrat", thư của Ăng-ghen được in trên tạp chí Áo "Sozialdemokratische Monatsschrift" ("Nguyệt san dân chủ — xã hội") số 9, ngày 30 tháng Chín 1890. Tháng Mười 1890 thư được dịch ra tiếng I-ta-li-a đăng trên báo "Giustizia" ("Chính nghĩa"). Thư được công bố trên báo "Berliner Volksblatt" số 230, ngày 3 tháng Mười 1890, bỏ hai đoạn đầu.

Thư của Ăng-ghen lần đầu tiên được in bằng tiếng Nga vào năm 1913 trong tạp chí "Giáo dục" số 9, tháng Chín. —120

119 *"Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie"* ("Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") — xuất bản hàng ngày ở Khuên do Mác làm chủ bút từ 1 tháng Sáu 1884 đến 19 tháng Năm 1894. Ban biên tập có Ăng-ghen, cũng như V. Vôn-phơ, G.Vê-éc-tơ, Ph.Vôn-phơ, E.Drôn-kê, Ph.Phrai-li-grát và G. Buyếc-ghét-xơ. Là cơ quan chiến đấu của cánh vô sản trong phái dân chủ, "Neue Rheinische Zeitung" đã đóng vai người giáo dục quần chúng nhân dân, động viên họ đấu tranh chống thế lực phản cách mạng. Những bài xã luận xác định lập trường của báo về các vấn đề quan trọng nhất của cách mạng Đức và cách mạng châu Âu thường do Mác và Ăng-ghen viết.

Mặc dầu bị truy bức và bị cảnh sát gây khó dễ nhưng "Neue Rheinische Zeitung" đã đứng cảm báo vệ lợi ích của phong trào dân chủ cách mạng, lợi ích của giai cấp vô sản. Tháng Năm 1849 trong hoàn cảnh thế lực phản cách

mạng tấn công ở khắp nơi, chính phủ Phổ lợi dụng việc Mác chưa nhận được quốc tịch Phổ, đã ra lệnh trục xuất Mác ra khỏi Phổ. Việc trục xuất Mác và việc đàn áp các biên tập viên khác của "Neue Rheinische Zeitung" là nguyên nhân khiến báo đình bản. Số báo "Neue Rheinische Zeitung" cuối cùng, số 301, in mầu đỏ, ra ngày 19 tháng Năm 1849. Trong thư từ biệt công nhân, các biên tập viên của báo tuyên bố rằng "Lời nói cuối cùng của họ luôn luôn và khắp nơi sẽ giải phóng giai cấp công nhân". —123.

120 Đại hội Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức ở Vi-đen (Thụy Sĩ) họp từ ngày 20 đến 23 tháng Tám 1880. Tham dự đại hội có 56 đại biểu. Đó là trong hoàn cảnh thi hành luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa ban hành năm 1878. Việc triệu tập đại hội đánh dấu việc khắc phục sự hoang mang và chao đảo phần nào trong những người lãnh đạo đảng do sự thay đổi đột ngột điều kiện hoạt động của nó, đánh dấu việc đường lối cách mạng dưới ảnh hưởng của đông đảo đảng viên đã thắng các xu hướng cơ hội hữu khuynh và vô chính phủ.

Đại hội đã thảo luận các vấn đề: về tình hình trong đảng, về lập trường của các nghị sĩ dân chủ — xã hội trong quốc hội, về cương lĩnh và tổ chức đảng, về báo chí của đảng, về việc tham gia bầu cử, về thái độ của Đảng dân chủ — xã hội đối với các đảng công nhân ở những nước khác v.v.

Các nghị quyết được đại hội thông qua có ý nghĩa to lớn đối với việc tiếp tục phát triển và củng cố đảng. Đại hội đã lên án hoạt động của các phần tử vô chính phủ do Mô-xtơ và Hát-xen-man cầm đầu không thừa nhận việc cần phải sử dụng các khả năng hợp pháp, nghị viện v.v. và đã bước vào con đường đoạn tuyệt công khai với đảng.Mô-xtơ và Hát-xen-man đã bị khai trừ khỏi đảng. Đồng thời, bất chấp lập trường của phái hữu, đại hội đã xóa bỏ từ "hợp luật" trong phần II của cương lĩnh thông qua năm 1875 tại Gô-ta, ở chỗ nói rằng đảng phấn đấu đạt mục đích của mình "bằng tất cả mọi biện pháp hợp luật", qua đó đại hội thừa nhận cần kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp". Đại hội đã khẳng định báo "Sozialdemokrat" là cơ quan chính thức của Đảng.

Sự phê phán có tính nguyên tắc của Mác và Ăng-ghen đối với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội trong Đảng dân chủ — xã hội Đức cũng như của thái độ

nề nang của một số người lãnh đạo đảng đối với chủ nghĩa cơ hội đã có ảnh hưởng tích cực đến công việc của đại hội. —123.

121 Ăng-ghen có ý nói đến tuyên bố của đảng đoàn dân chủ — xã hội trong quốc hội Đức nhân có sự bất đồng giữa đa số thành viên đảng đoàn và ban biên tập báo về vấn đề thái độ đối với dự luận của chính phủ về trợ cấp cho các công ty tàu thủy, công bố trên báo "Sozialdemokrat" số 14, ngày 2 tháng Tư 1885 (xem chú thích 110). Trong lời tuyên bố này, đảng đoàn bác bỏ quyền của cơ quan đảng phê phán hoạt động của đảng đoàn trên các trang báo, đánh giá sự phê bình có tính nguyên tắc đối với lập trường cơ hội chủ nghĩa của đa số nghị sĩ dân chủ — xã hội trong vấn đề trợ cấp tàu thủy là công kích vô căn cứ. Song sau khi công bố lời tuyên bố đó, tòa soạn báo "Sozialdemokrat" nhận được rất nhiều thư của đảng viên từ nước Đức cũng như từ giới lưu vong, và nghị quyết của hội nghị các tổ chức dân chủ — xã hội sở tại kiên quyết chống lập trường cơ hội chủ nghĩa của đa số nghị sĩ trong đảng đoàn dân chủ — xã hội và chống lại sự công kích của họ đối với tờ báo. Đa số trong đảng đoàn đã buộc phải lùi bước. Trong tuyên bố tập thể của tòa soạn báo "Sozialdemokrat" và của đảng đoàn dân chủ - xã hội công bố trên báo số ra ngày 23 tháng Tư năm 1885 có chỉ ra rằng mọi mưu toan hạn chế việc phê bình đều có ý nghĩa là vi phạm các nguyên tắc của đảng và làm lung lay cơ sở của đảng. Bằng cách đó, đa số trong đảng đoàn dân chủ — xã hội đã từ bỏ tuyên bố trước đây của mình - 124.

122 Theo yêu cầu của các nhà đương cục Đức, tháng Chín 1888 Hội đồng liên bang Thụy Sĩ đã trục xuất khỏi Thụy Sĩ một loạt thành viên và cộng tác viên của tòa soạn báo "Sozialdemokrat": Bec-stanh, Mốt-tê-lê v.v.. Việc xuất bản báo được chuyển sang Luân Đôn, ở đây báo tiếp tục ra từ ngày 1 tháng Mười 1888. —124.

123 "*Volksstimme*" ("Tiếng nói nhân dân") — báo dân chủ — xã hội ra hàng ngày ở Mác-đơ-buốc từ 1890 đến 1933. —128.

124 Ý nói bài báo của H.Ba-ra "Những hậu bối của chủ nghĩa Mác" công bố trên tạp chí "Freie Bühne" số 17, ngày 28 tháng Năm 1890 nhằm chống lại bài của P.Ec-nơ-xtô "Vấn đề phụ nữ và vấn đề xã hội" đăng trên cùng tạp chí đó (số 15, ngày 14 tháng Năm 1890).

"*Freie Bühne*" ("Sân khấu tự do") — tạp chí văn học xuất bản ở Bec-lin với tên gọi này từ năm 1890 đến 1893, lúc đầu mỗi tuần một số, từ 1892 ra hàng tháng. Từ tháng Giêng 1894 tạp chí được xuất bản với tên gọi "Neue Deutsche Rundschau" ("Bình luận nước Đức mới". —129.

125 Bài của P. Ec-nơ-xtô mà Ăng-ghen phê phán được đăng trên báo "Berliner Volks-Tribune" ngày 9 tháng Tám 1890.

"*Berliner Volks-Tribune*" ("Diễn đàn nhân dân Bec-lin") — tuần báo chính trị — xã hội của những người dân chủ — xã hội Đức, gần gũi với nhóm "phái trẻ" nửa vô chính phủ; xuất bản từ năm 1887 đến năm 1892. —133.

126 Ở đây Ăng-ghen nói mỉa mai phỏng theo cụm từ "cuộc chiến tranh tươi tỉnh, vui vẻ" ("ein frischer fröhlicher Krieg"). Lần đầu tiên được nhà sử học và nhà chính luận phản động Đức Lê-ô dùng vào những năm 50 thế kỷ XIX và được dùng rộng rãi trong giới sô-vanh và quân phiệt.-135.

127 Thư này Ăng-ghen viết để trả lời thư của Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân Pháp gửi tới mừng thọ ông bảy mươi tuổi. Trong lời mừng ký tên P.La-phác-gơ công bố trên báo "Socialiste" số 14, ngày 25 tháng Chạp 1890 có nói:

"Ông thân mến !

Chúng tôi xin chúc ông — con người cùng với Mác là nhà lý luận của phong trào xã hội quốc tế chẳng bao lâu nữa sẽ đạt được mục đích của mình, con người đã giữ tấm lòng nồng nàn và bầu nhiệt huyết tuổi thanh xuân — sống lâu để ông giống như Mô-i-đơ mới, có thể thấy giai cấp vô sản bước vào miền đất hứa của chủ nghĩa cộng sản".

Bên cạnh báo "Socialiste", thư của Ăng-ghen còn được đăng bằng tiếng Đức trên báo "Berliner Volksblatt" số 303, ngày 30 tháng Chạp 1890.-136.

128 Ăng-ghen có ý nói hai tác phẩm do Xanh Xi-mông viết cùng với học trò của ông là O. Chi-e-ri: "De la réorganisation de la société européenne, ou De la nécessité et des moyens de rassembler les peuples de l'Europe en un seul corps politique, en conservant à chacun son indépendance nationale" ("Về việc tổ chức lại xã hội châu Âu, hoặc về sự cần thiết và biện pháp liên kết các dân tộc châu Âu thành một cơ thể thống nhất về chính trị, đồng thời vẫn duy trì nền độc lập dân tộc cho mỗi dân tộc") và "Opinion sur les mesures à prendre contre la coalition de 1815" ("Ý kiến về những biện pháp cần thi hành chống khối liên

minh năm 1815"); cả hai cuốn sách đều được xuất bản ở Pa-ri, quyển thứ nhất — vào tháng Mười 1814, quyển thứ hai — vào năm 1815. —139.

129 Bức thư này Ăng-ghen viết để trả lời thư chúc mừng của tòa soạn báo "Arbeiter — Wochen — Chronik" và "Népszava" gửi ông ngày 26 tháng Mười một 1890 nhân dịp sinh nhật lần thứ bảy mươi và đồng thời trả lời giấy mời tham gia công việc của đại hội Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri dự định họp ngày 7 và 8 tháng Chạp năm 1890. Thư chào mừng của Ăng-ghen được đọc trong phiên khai mạc đại hội, được in trong các báo nói trên và trong sách: "Protokoll des Parteitages der Sozialdemokratie Ungarns in Budapest vom 7 und 8. Dezember". Budapest, 1891 ("Biên bản đại hội Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri họp ở Bu-đa-pét ngày 7 và 8 tháng Chạp 1890". Bu-đa-pét, 1891), cũng như trên báo "Berliner Volksblatt" số 292, ngày 14 tháng Chạp 1890.

"Arbeiter — Wochen — Chronik" ("Thời sự công nhân hàng tuần") — báo xã hội chủ nghĩa ra hàng tuần; xuất bản với tên gọi này trong những năm 1873 — 1890 ở Bu-đa-pét, cơ quan ngôn luận của những người dân chủ — xã hội Hung-ga-ri; từ tháng Giêng 1891 đến 1894 xuất bản với tên gọi "Arbeiter presse" ("Báo chí công nhân")

"Népszava" ("Tiếng nói nhân dân") — báo xã hội chủ nghĩa ra hàng tuần, thành lập ở Bu-đa-pét năm 1873, từ năm 1890 là cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri. —140.

130 Ngày 7 và 8 tháng Chạp 1890 ở Bu-đa-pét đã họp đại hội đại biểu các tổ chức công nhân Hung-ga-ri đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong lịch sử phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri. Dự đại hội có 121 đại biểu (87 của Bu-đa-pét và 34 của các tổ chức tỉnh). Đại hội đã thảo luận vấn đề về tình hình phong trào công nhân ở Hung-ga-ri, về tình hình chính trị và quyền của công nhân, về thái độ của công nhân đối với các cải cách xã hội, về tình hình của công nhân nông nghiệp, về công đoàn và những vấn đề khác. Đại hội đã thông qua tuyên ngôn về các nguyên tắc (cương lĩnh của đảng) mà cơ sở là những điểm cơ bản trong cương lĩnh Hai-nđ-phen của Đảng dân chủ - xã hội Áo (xem chú thích 228). Theo quyết định của đại hội, đảng công nhân mới thành lập ở Hung-ga-ri lấy tên là Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri. —140.

131 Lời tựa này Ăng-ghen viết nhân việc ông công bố tác phẩm của C.Mác "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập. tiếng Nga. Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va. 1961.t.19. tr.9-32) Bằng việc công bố văn kiện có tính chất cương lĩnh này của chủ nghĩa cộng sản khoa học, lúc bấy giờ là mẫu mực về đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội, Ăng-ghen muốn giáng một đòn vào các phần tử cơ hội chủ nghĩa hoạt động rất rõ rệt trong Đảng dân chủ — xã hội Đức, điều này đặc biệt quan trọng vào thời điểm đảng sắp thảo luận và thông qua tại Đại hội Ét-phuốc một cương lĩnh mới thay cho Cương lĩnh Gô-ta. Khi công bố "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta" Ăng-ghen đã phải khắc phục sự chống đối phần nào của những người lãnh đạo của Đảng dân chủ — xã hội Đức. Việc ông cắt bỏ những đoạn ngắn và thay những cách biểu đạt gay gắt nhất bằng cách diễn đạt khác, trên một mức độ đáng kể là do lập trường của người xuất bản tạp chí "Neue Zeit" Đi-xơ và chủ bút Cau-xki. Sau khi tác phẩm được công bố, nó không được đảng đoàn dân chủ — xã hội trong Quốc hội Đức và ban biên tập báo "Vorwärts" tán thành. Trong lúc đó, như Ăng-ghen đã dự kiến, tác phẩm của Mác được tiếp nhận một cách hài lòng ở trong bản thân đảng Đức, cũng như những người xã hội chủ nghĩa các nước khác, họ coi tác phẩm đó là văn kiện có tính chất cương lĩnh đối với toàn bộ phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế.

Lúc Ăng-ghen còn sống, tác phẩm "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta" và lời tựa của ông viết cho tác phẩm này chưa được tái bản. Toàn văn "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta" lần đầu tiên được công bố năm 1932 ở Liên Xô qua bản dịch từ bản do L. Cau-xki sao. Ở tập 19 của bộ Toàn tập này, tác phẩm này lần đầu tiên được công bố theo bản viết tay của chính Mác mà Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác -Lê-nin nhận được.- 140.

132 Tại đại hội ở Gô-ta họp trong những ngày 22-27 tháng Năm 1875, hai trào lưu trong phong trào công nhân Đức — Đảng công nhân dân chủ — xã hội (Đảng Ai-đơ-nắc) do A.Bê-ben và V. Líp-nếch lãnh đạo và Tổng hội đồng liên minh công nhân Đức của Lát-xan — đã hợp nhất lại. Đảng hợp nhất lấy tên là Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức. Bằng cách đó đã khắc phục sự chia rẽ trong hàng ngũ của giai cấp công nhân Đức. Song dự thảo cương lĩnh của đảng hợp nhất (người biên soạn chủ yếu là V.Líp-nếch, người giữ lập trường thỏa hiệp

vấn đề này) trình Đại hội Gô-ta có những sai lầm nghiêm trọng và những sự nhượng bộ có tính nguyên tắc đối với phái Lát-xan. Mác và Ăng-ghen tán thành việc xây dựng Đảng xã hội chủ nghĩa Đức thống nhất, đồng thời chống sự thỏa hiệp về tư tưởng với phái Lát-xan, đã kịch liệt phê phán những luận điểm sai lầm trong cương lĩnh, song dự thảo đã được đại hội thông qua với những sửa đổi không đáng kể.- 140.

133 Đại hội của Đảng dân chủ — xã hội Đức ở Ha-lơ từ 12 đến 18 tháng Mười là đại hội đầu tiên sau khi đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa được hủy bỏ. Theo đề nghị của V.Líp-nếch, đại hội đã quyết định chuẩn bị cho đại hội đảng tiếp theo ở Ec-phuốc một dự thảo cương lĩnh mới và công bố dự thảo đó ba tháng trước khi đại hội họp để thảo luận ở các tổ chức đảng địa phương và trên báo chí. — 140.

134 *Đại hội La Hay* của Hội liên hiệp công nhân quốc tế họp trong những ngày 2-7 tháng Chín 1872. Xét về thành phần tham dự, đây là đại hội tiêu biểu nhất so với các đại hội trước. Dự đại hội có 65 đại biểu từ 15 tổ chức dân tộc. Mác và Ăng-ghen đích thân lãnh đạo công việc của đại hội. Tại đại hội, cuộc đấu tranh nhiều năm của Mác và Ăng-ghen và các bạn chiến đấu của hai ông chống tất cả mọi hình thức biệt phái tiểu tư sản trong phong trào công nhân đã hoàn tất. Hoạt động chia rẽ của các phần tử vô chính phủ đã bị lên án và các thủ lĩnh của họ đã bị khai trừ ra khỏi Quốc tế. Các nghị quyết của Đại hội La Hay đã đặt nền móng để sau này xây dựng những đảng chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở các nước. — 143.

135 Tác phẩm của Ăng-ghen *"Bren-ta-nô contra Mác"* được viết ngay khi quyển sách mỏng của một trong những đại biểu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội giảng đường L. Bren-ta-nô "Cuộc bút chiến của tôi với Các Mác" vừa xuất bản. Đồng thời với việc xuất bản cuốn sách, Bren-ta-nô công bố phần mở đầu cuốn sách trong tạp chí tư sản "Deutsches Wochenblatt" ("Tuần san Đức"), trong tạp chí này tiếp sau đó đã xuất hiện một bài ngắn với ý đồ luận chứng "sự đúng đắn" của Bren-ta-nô bằng những đoạn trích thư Glát-xtơn gửi ông ta về câu trích bài nói của ông ta ngày 16 tháng Tư 1863, nói là bị Mác xuyên tạc.

Những hoạt động đó của Bren-ta-nô có mục đích tiếp tục chiến dịch nói xấu Mác mà ông ta đã bắt đầu theo lối nặc danh ngay hồi năm 1872 và sau này

được nhà kinh tế học tư sản Anh X. Tay-lo ủng hộ. Để hoàn toàn vạch trần sự công kích vu không của những nhà tư tưởng này của giai cấp tư sản đang có gieo rắc sự nghi ngờ đối với Mác với tư cách một nhà bác học và phá hoại sự tin tưởng đối với lý luận của chủ nghĩa Mác, Ăng-ghen quyết định một lần nữa dùng sách-báo đập lại Bren-ta-nô cùng những người đồng tư tưởng với ông ta và đồng thời giáng một đòn vào các giáo điều của chủ nghĩa xã hội giảng đường.

Ngay sau khi trên báo "Deutsches Wochenblatt" xuất hiện bài có những đoạn trích thư Glát-xtơn gửi Bren-ta-nô (xem tập này, tr.267-268), Ăng-ghen đã công bố vào tháng Chạp 1890 một bài trả lời trên tạp chí "Neue Zeit" (được đưa vào dưới dạng Phụ lục của cuốn sách của Ăng-ghen và in trong tập này, tr.267-271), rồi vào tháng Tư 1891 công bố toàn bộ tác phẩm.

Trong mục "Tư liệu", Ăng-ghen công bố tất cả những tài liệu có quan hệ với cuộc luận chiến của Mác với Bren-ta-nô, của E-lê-ô-no Mác với Tay-lo và những bài phát biểu của chính mình về vấn đề này. Một số tư liệu công bố trong mục này đã được in trong những tập phù hợp của lần xuất bản này. Trong tập này, những tư liệu đó được in lại theo dàn bài và cách sắp xếp tài liệu trong cuốn sách của Ăng-ghen.

Chủ nghĩa xã hội giảng đàn — một trong những khuynh hướng trong hệ tư tưởng tư sản trong những năm 70 -90 thế kỷ XIX mà đại biểu của nó — trước hết là giáo sư các trường đại học tổng hợp ở Đức — đã rao giảng chủ nghĩa cải lương tư sản giả danh chủ nghĩa xã hội từ các bục giảng của trường đại học (tiếng Đức là Katheder). Chủ nghĩa xã hội giảng đàn này sinh do các giai cấp bóc lột lo sợ trước sự lan rộng của chủ nghĩa Mác và sự lớn mạnh của phong trào công nhân, cũng như do các nhà tư tưởng tư sản muốn tìm ra những phương tiện và biện pháp mới để tiếp tục chi phối quần chúng lao động. Các đại biểu của chủ nghĩa xã hội giảng đàn (A. Vác-ne-rơ, G. Smôn-lơ, L. Bren-ta-nô, V.Dôm-bác-tơ, v.v.) đã khẳng định rằng nhà nước là một thiết chế siêu giai cấp có khả năng điều hòa những giai cấp đối địch và dần dần thực hành "chủ nghĩa xã hội" mà không đụng chạm đến lợi ích của các nhà tư bản. Cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội giảng đàn quy lại là tổ chức bảo hiểm bệnh tật và tai nạn cho công nhân, thi hành một số biện pháp trong lĩnh vực luật công xưởng v.v. và có mục đích làm cho công nhân sao nhãng đấu tranh giai

cấp. Chủ nghĩa xã hội giảng đàn là một trong những nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa xét lại. —145.

136 Lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức tập thứ nhất bộ "Tư bản" của Mác do Ăng-ghen chuẩn bị, đã ra mắt năm 1890; lời tựa của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản này, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.51-58.- 147.

137 *Concordia. Zeitschrift für die Arbeiterfrage*". ("Hòa hiệp. Tạp chí về vấn đề công nhân") — cơ quan ngôn luận của nhà công nghiệp và những người xã hội chủ nghĩa giảng đàn Đức, thành lập năm 1871, xuất bản ở Béc-lin đến năm 1876.—147.

138 L. Brentano. "Meine Polemik mit Karl Mark. Zugleich ein Beitrag zur Frage des Fortschritts des Arbeiterklasse und seiner Ursachen" Berlin,1890. —147.

139 Xem Ph.Ăng-ghen. "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2 tr.317-698); C.Mác: "Sự khốn cùng của triết học" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.97-258); C.Mác, "Tư bản", tập thứ nhất (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23); cũng như các bài của Ăng-ghen "Tiền lương công bằng cho ngày lao động công bằng", "Chế độ lao động làm thuê", "Các hội công liên" v.v. ông viết trong tháng Năm 1881 cho "Labour Standard" ("Ngọn cờ lao động"), tuần báo của các hội công liên xuất bản ở Luân Đôn (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.255-268). —148.

140 Chính văn Tuyên ngôn thành lập, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.16, tr.11-23.-150.

141 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội,1994, t.18, tr.205-212, cũng như tập này, tr.119-124.

"Der Volksstaat" ("Nhà nước nhân dân") — cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ — xã hội (Đảng Ai-đơ-nắc), được xuất bản ở Lai-pxích từ ngày 2 tháng Mười 1869 đến ngày 29 tháng Chín 1876 (Lúc đầu hai số một tuần, từ tháng Bảy 1873 ba số một tuần). Báo này biểu hiện các

quan điểm của trào lưu cách mạng trong phong trào công nhân Đức. Do giọng văn mạnh bạo, cách mạng mà tờ báo thường xuyên bị chính phủ và cảnh sát truy bức. Ban biên tập luôn luôn thay đổi do các biên tập viên bị bắt, nhưng sự lãnh đạo chung đối với tờ báo vẫn nằm trong tay V.Líp-nếch, A.Bê-ben, quản lý xuất bản "Volksstaat" đóng vai trò đáng kể trong báo này.

Mác và Ăng-ghen có quan hệ chặt chẽ với tòa soạn báo, báo thường xuyên đăng bài của hai ông. Rất coi trọng hoạt động của "Volksstaat", Mác và Ăng-ghen chăm chú theo dõi công việc của tòa báo, phê bình một số sai sót và sai lầm của nó, chỉ đạo đường lối của báo, nhờ thế mà nó là một trong những tờ báo công nhân tốt nhất trong những năm 70 thế kỷ XIX. —151.

142 Ý nói bài viết của E.X. Bi-đơ-li "Hội liên hiệp công nhân quốc tế" được đăng trong "Fortnightly Review" số 47, ngày 1 tháng Mười một 1870.

"The Forthnightly Review" ("Bình luận bán nguyệt san") — tạp chí Anh về các vấn đề sử học, triết học, văn học, do nhóm phần tử cấp tiến tư sản thành lập năm 1865; về sau có khuynh hướng tự do chủ nghĩa; xuất bản với tên gọi này ở Luân Đôn đến năm 1934.-151.

143 Tên đầy đủ của sách: "The Theory of Exchanges. The Bank Charter Act of 1844. The Abuse of the metallic Principle to Depreciation. Parliament mirrored in Debate, supplemental to "The stock Exchange and the Repeal of sir J.Barnard's Act"". London, 1864 ("Lý thuyết về thị giá kỳ phiếu. Luật ngân hàng 1844. Sự lạm dụng nguyên tắc trao đổi dựa vào bản vị kim loại nhân sự mất giá. Nghị viện, được phản ánh trong các cuộc tranh luận, phụ lục cho sách "Thị trường chứng khoán và việc hủy bỏ đạo luật của tước sĩ Gi. Béc-na"". Luân Đôn, 1864). Sách xuất bản khuyết danh, tác giả của nó là Hen-rí Roi. —151.

144 Bài nói của Glát-xtơn về ngân sách tại hạ nghị viện ngày 16 tháng Tư 1863 được công bố trên báo "Times" số 24535, ngày 17 tháng Tư 1863.- 151.

145 Xem "Hansard's Parliamentary Debates". Third Series. CLXX. p. 244 ("Những cuộc tranh luận trong nghị viện của Han-xa". Loạt thứ ba, t. CLXX, tr. 244).-151.

146 *"The Morning Star"* ("Sao mai") — tờ báo Anh ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận của phái mậu dịch tự do, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1856 đến năm 1869.—156.

147 *"The morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") — tờ báo Anh ra hàng ngày, thành lập ở Luân Đôn năm 1794; trong những năm 60 thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận cấp tiến tư sản. —156.

148 Xem tr. 21 — 23 sách đã dẫn của Bren-ta-nô.- 157.

149 *"Daily Telegraph"* ("Tin điện hàng ngày") — tờ báo tự do chủ nghĩa Anh, từ những năm 80 của thế kỷ XIX là tờ báo bảo thủ; với tên gọi này báo được xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1885 đến năm 1937; từ năm 1937, sau khi hợp nhất với báo "Morning Post" ("Bưu điện buổi sáng"), xuất bản với tên gọi "Daily Telegraph and Morning Post".- 159.

150 *"The Morning Herald"* ("Truyền tin buổi sáng") — báo bảo thủ Anh ra hàng ngày thuộc khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1780 — 1869.- 159.

151 *"The Morning Post"* ("Bưu điện buổi sáng") — báo bảo thủ ra hàng ngày; xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1772 — 1937. Vào giữa thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của các phần tử hữu khuynh trong đảng Viễn tập hợp xung quanh Pan-mớc-xtơn.- 159.

152 *"The Daily News"* ("Tin tức hàng ngày") — tờ báo tự do chủ nghĩa ở Anh, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản công nghiệp; xuất bản với tên gọi này ở Luân Đôn từ năm 1846 đến năm 1930. —159.

153 *"The Standard"* ("Ngọn cờ") — tờ báo hàng ngày ở Anh thuộc khuynh hướng bảo thủ, được thành lập ở Luân Đôn năm 1827.-159.

154 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr. 15 — 16.- 179.

155 Xem chú thích 133. —179.

156 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr. 917 -918.- 182.

157 "Children's Employment Commission (1862). Report (I — VI) of the Commissioners" ("Ủy ban điều tra điều kiện lao động của trẻ em. Báo cáo (I-VI) của các ủy viên ủy ban"). 196.

158 Đây là nói đến "Public Health. Seventh Report of the Medical Officer of the Privy Council. With Appendix. 1864" London. 1865 ("Sức khỏe của dân cư. Báo

ra thứ bảy của thanh tra y tế thuộc Viện cơ mật. Có phụ lục. 1864". Luân Đôn. 1865).-196.

159 J.E.Th. Rogers. "A History of Agriculture and Prices in England from the Year after the Oxford Parliament (1259) to the Commencement of the Continental War (1793)". Vol. I Oxford, 1866 (G. E. T. Rô-giơ-xơ. "Lịch sử nông nghiệp và giá cả ở Anh từ thời triệu tập nghị viện Ốc-xphớt (1259) đến khi bùng nổ ra cuộc chiến tranh lục địa (1793)" Tập I. Ốc-xphớt, 1866). —197.

160 Ý nói "Report from the Select Committee on Mines; together with the Proceedings of the Committee, Minutes of Evidence, and Appendix. Ordered by the House of Commons, to be printed. 23 July 1866" ("Báo cáo của Ủy ban đặc biệt về mỏ; các công trình của ủy ban, biên bản lời khai và phụ lục. Công bố theo chỉ thị của hạ nghị viện ngày 25 tháng Bảy 1866").- 197.

161 J.Watts. "The Facts of Cotton Famine". London. 1866, p.211. —198.

162 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994 t.16, tr.11-23; những đoạn Ăng-ghen trích sau đây — xem ở tr.19, và tr.12. Tuyên ngôn thành lập lần đầu tiên được công bố trên báo "Bee-Hive Newspaper" số 160, ngày 5 tháng Mười một 1864, rồi cũng tháng ấy nó được in cùng với Điều lệ trong cuốn sách: "Address and Provisional Rules of the Working Men's International Association, Established September 28, 1864, at a Public Meeting held at St. Martin's Hall, Long Acre, London". Price one penny. Printed at the "Bee-Hive" Newspaper Office, 10, Bolt Court, Fleet Street, 1864.-203.

163 Văn bản đoạn này trùng khớp với văn bản lần xuất bản thứ tư tập thứ nhất bộ "Tư bản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr. 917 — 919), trừ một số chú thích do Ăng-ghen đưa ra dưới dạng có thay đổi chút ít trong lần xuất bản thứ tư so với lần xuất bản thứ ba. Tập thứ nhất bộ "Tư bản" xuất bản lần thứ tư ra mắt ở Hăm-bua năm 1883. —205.

164 *Tổng đăng lục* — chức danh ở Anh để gọi quan chức đứng đầu Cục hộ tịch trung ương. Bên cạnh những chức năng thông thường của mình, cục này còn tiến hành điều tra dân số 10 năm một lần. —205.

165 "Census of England and Wales for the year 1861. London. 1863. V. III, p. 11

("Điều tra dân số ở Anh và xứ Oen-xơ năm 1861". Luân Đôn, 1863. Tập III, tr. 11).- 205.

166 "Tài liệu thống kê của Vương quốc liên hợp", phần VI, Luân Đôn, 1866, tr. 260- 273. — 207.

167 Đoạn trích dẫn này và được nhắc đến bên dưới (tập này, tr. 219, 225, 235, 264) không phải là của Mô-li-e mà là người đồng thời với Mô-li-e là M. Boa-lô ("Văn trào phúng", bài trào phúng số VIII). Bản dịch phổ biến của đoạn như sau:

"Con người ấy, lúc đen lúc trắng;

Điều cảm thấy hôm qua, qua một đêm đã lại quên;

Tự anh ta là người khó chịu và không chiều người khác,

Anh ta thay đổi ý kiến của mình như thay mốt thời trang". — 207.

168 Xem chú thích 143. — 208.

169 H.Fawcett. "The Economist Position of the British Labourer". Cambridge and London, 1865, p. 67, 82 (Pho-xét. "Tình hình kinh tế của công nhân Anh Căm-brit-giơ và Luân Đôn, 1865, tr. 67, 82).- 208.

170 Trên báo "Volkstaat", bài trả lời này của Mác được đăng với nhan đề: "Gửi ban biên tập báo "Volkstaat" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 18, tr.119-124.- 212.

171 Ở đây Mác dẫn các trang của tập thứ nhất bộ "Tư bản" xuất bản bằng tiếng Đức lần thứ nhất, 1867 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr. 917 — 919).- 214.

172 "England and America. A Comparison of the social and political State of both Nations". Vol.I — II. London, 1833 ("Anh và Mỹ. So sánh tình hình xã hội và chính trị của hai quốc gia". T.I — II. Luân Đôn, 1833). Cuốn sách của Uây-cơ-phin xuất bản không đề tên tác giả. — 215.

173 Nói đến "phát minh của La-xke-rơ người một mẩu" Mác có ý nói trường hợp xảy ra tại phiên họp của Quốc hội Đức ngày 8 tháng Mười một 1871. Nghị sĩ tư sản, phần tử dân tộc — tự do chủ nghĩa La-xkê-rơ trong cuộc luận chiến chống Bê-ben đã tuyên bố rằng nếu các công nhân dân chủ — xã hội Đức tỉnh chuyện theo gương các chiến sĩ Công xã Pa-ri, thì "những công dân đứng đắn và có tài sản sẽ kết liễu họ bằng côn". Song diễn giả không giám công bố điều đó với cách diễn đạt như vậy, và trong báo cáo tốc ký thay cho những từ "kết liễu họ bằng côn" lại nói "bắt họ khuất phục". Sự xuyên tạc này đã bị Bê-ben vạch trần. La-xke-rơ trở thành đối tượng chế giễu trong giới công nhân. Do thấp bé nên ông ta mang tên lóng là "La-xke-rơ một người mẫu".- 215.

174 Trên báo "Volksstaat", bài trả lời này của Mác được công bố dưới nhan đề: "Gửi tòa soạn báo "Volksstaat" (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr. 145-156.- 223.

175 A.Smith. "An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations". V.III. Dublin, 1776, p. 136 (A.Xmit. "Nghiên cứu bản chất và nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc". T.III. Du-blin, 1776, tr. 136). — 224.

176 Ở đây và bên dưới, Mác trích dẫn tập thứ nhất bộ "Tư bản" xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr. 917-919).- 225.

177 Ở đây và bên dưới, Mác trích dẫn bài viết của Bi-đơ-li theo "Fortnightly Review" số 47, 1 tháng Mười một 1860.- 226.

178 Ý nói bài viết "Ông Bi-đơ-li và Hội liên hiệp quốc tế" công bố không ký tên trong "Saturday Review" số 785, 12 tháng Mười một 1870.

"Saturday Review" — tên tắt của tạp chí báo thủ Anh ra hàng tuần "The Saturday Review of Politics, Literature, Science, and Art" ("Tạp chí ra ngày thứ bảy về các vấn đề chính trị, văn học, khoa học và nghệ thuật") xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1855 đến năm 1938. — 226.

179 Xem chú thích 172.- 228.

180 Bài trả lời của E-lê-ô-no-ra Mác công bố ở mục "Thông báo về phong trào quốc tế của quần chúng lao động" với nhan đề "Nước Anh", kèm theo là một bài ngắn trong đó là thông báo về việc X. Tay-lo phát động trở lại chiến dịch vu khống Mác và về việc các báo tư sản "Times" và "Daily News" không chịu công bố bài của bà trả lời X. Tay-lo:

"Số vấn đề liên quan đến phong trào xã hội chủ nghĩa ở Anh nhiều đến mức tôi vẫn ngập ngừng trước khi viết những dòng này để bàn luận về một đề tài riêng tư. Song vì tôi không có khả năng khác để bác bỏ lời chỉ trích rất nặng nề chống cha tôi, tôi hy vọng rằng bạn đọc của "To-Day" sẽ thể tất cho tôi về điều đó. Ngày 29 tháng Mười một năm ngoái trên báo "Times" xuất hiện bức

thư của ông Xét-li Tay-lo trong đó lập lại sự vu không cũ rằng cha tôi cố ý bóp méo vì lợi ích của chính mình, đoạn lấy ở một trong những bài nói của Glát-xtôn mà Người đã dẫn ra.

Chưa bao giờ có một người vu khống cha tôi nhiều đến như thế, nhưng những kẻ vu khống ấy thông thường rất đáng khinh đến mức không đáng được trả lời. Còn trong trường hợp riêng này, cha tôi đã trả lời kẻ chỉ trích nặc danh, vì sự bóp méo gán cho Người đã xuất hiện trong Tuyên ngôn thành lập của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Sau khi đọc bức thư của ông Tay-lo chỉ hãm lại câu chuyện cũ, tôi lập tức viết thư gửi báo "Times". Tôi nhiều lần đọc trên các báo Anh về "sự công bằng" của báo chí Anh nên tôi không mảy may nghi ngờ việc bài trả lời của tôi sẽ được đăng tải như bài chỉ trích của ông Tay-lo vậy. Ngày tháng trôi qua, thế mà bức thư của tôi mãi không được công bố. Vẫn còn có cảm tưởng rằng ngay cả báo "Times" cũng có thể trung thực trong các công việc có tính chất riêng tư, tôi lại viết thư cho chủ bút. Lại không có kết quả. Lúc đó tôi tìm đến "Daily News" mà trước đây tôi cho là tờ báo rất công bằng. Nhưng rõ ràng là các giáo sư sống được phép đạp con sư tử chết mà không bị trừng trị, và báo "Daily News" tự do chủ nghĩa không thể mở rộng chủ nghĩa tự do của mình ra xa để công bố bức thư của tôi. Vì vậy mà tôi công bố cả bức thư của ông Tay-lo, cũng như cả bài trả lời của bản thân tôi: — "(xem: "To-Day" N°2, Vol. I, 1884, p. 150 -153).

"To-Day" ("Ngày nay") — tạp chí Anh ra hàng tháng thuộc xu hướng xã hội chủ nghĩa, xuất bản ở Luân Đôn từ tháng Tư 1883 đến tháng Sáu 1889; trước tháng Bảy 1884 khi chủ bút tạp chí là Hai-đơ-man. Ê.lê-ô-nor-ra Mác phụ trách mục "Thông báo về phong trào quốc tế của quần chúng lao động" trong tạp chí này. —240.

181 Bài trả lời thứ hai của Ê.lê-ô-nor-ra Mác và cả "Sự phản bác của X. Tay-lo", được công bố trong tạp chí "To-Day" ở Mục "Thông tấn" với nhan đề: "Tiến sĩ Mác và diễn văn về ngân sách của ông Glát-xtôn năm 1863" (Xem "To-Day" N°3, Vol. I, 1884, p.228 -235).- 246.

182 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr. 51-57.- 252.

183 Đây là nói quyển sách: R.Jones. "Text-book of Lectures on the Political Economy of Nations". Hertford, 1852 (R. Giôn-xơ. "Bài giảng về kinh tế chính trị học của các dân tộc". Héc-pho, 1852), được Mác trích dẫn ở chương XXII tập thứ nhất bộ "Tư bản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.842-844). Đoạn trích dẫn và chú thích xuất xứ nêu chính xác.- 253.

184 L.Brentano. "Die Arbeitergilden der Gegenwart". Zweiter Band. "Zur Kritik der englische Gewerkvereine". Leipzig, 1872 (L.Bren-ta-nô. "Hằng hội công nhân hiện đại". Tập thứ hai. "Góp phần phê phán các công đoàn Anh". Lai-pxích, 1872). —261.

185 Đây là nói quyển sách: F.Mehring. "Die Deutsche Socialdemokratie: Ihre Geschichte und ihre Lehre". Bremen, 1878 (Ph. Mê-rinh. "Đảng dân chủ — xã hội Đức. Lịch sử của nó và học thuyết của nó". Brê-men, 1878).- 263.

186 *"Deutsches Wochenblatt"* ("Tuần báo Đức") tạp chí tư sản xuất bản ở Béc-lin từ tháng Ba 1888 đến tháng Chín 1900. —269.

187 Bài này Ăng-ghen viết khoảng giữa 4 và 13 tháng Chạp 1890 ít lâu sau khi ông nhận được từ Lip-nếch số tương ứng của tạp chí "Deutschen Wochenblatt". Ngày 13 tháng Chạp, Ăng-ghen chuyển bài này cho Cau-xki để nghị công bố nó trong số sắp tới của tạp chí "Neue Zeit". —270.

188 Trong thời gian bầu cử tổng thống ở Pháp đầu tháng Chạp 1887, ở Pa-ri đã diễn ra những cuộc biểu tình và mít tinh rầm rộ của công nhân và các lực lượng dân chủ chống việc tiến cử của thủ tướng Giuyn Phe-ri (tên lóng là "Phe-ri-tông Ki-noa" vì ông ta tổ chức trong những năm 80 thế kỷ XIX những cuộc viễn chinh chiếm Tuy-ni-di, Ma-đa-gát-xca, Tông-canh (Bắc bộ Việt Nam, — ND) làm thuộc địa mà phái cộng hòa tư sản ôn hòa, cái gọi là phái cơ hội đưa lên cương vị tổng thống và được phái bảo hoàng ủng hộ. Trong vòng bầu thứ nhất, Phe-ri thu được số phiếu không đáng kể; trước vòng bầu cử thứ hai, dưới sức ép của quần chúng nhân dân, ông ta buộc phải thôi ứng cử. Trong thư gửi La-phác-gơ đề ngày 5 tháng Chạp 1887, Ăng-ghen đánh giá thất bại của ứng cử viên Phe-ri là thắng lợi của nhân dân đối với phái liên hiệp bảo hoàng và cơ hội.

Ngày 27 và 28 tháng Hai 1891, Quốc hội Đức thảo luận điều khoản của ngân sách quân sự về cái gọi là tiền thưởng cho các hạ sĩ quan. Thủ tướng Ca-pri-vi giải thích phải cấp kinh phí cho những mục đích đó vì cần củng cố

đội ngũ hạ sĩ quan của quân đội do chỗ sau khi hủy bỏ đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng của đảng dân chủ – xã hội đã tăng cường trong quân đội. Bằng phiếu của phái giữa, phái bảo thủ và phái tự do dân tộc, quốc hội đã chuẩn y kinh phí đó với mức 80% số mà chính phủ yêu cầu.- 273.

189 Lời nói đầu này Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ ba bằng tiếng Đức tác phẩm của Mác "Nội chiến ở Pháp" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t. 17, tr.417-487) do nhà xuất bản "Vorwärts" ở Béc-lin cho ra mắt năm 1891 nhân dịp kỷ niệm lần thứ hai mươi Công xã Pa-ri. Sau khi nêu ý nghĩa lịch sử của kinh nghiệm Công xã Pa-ri và của việc Mác tổng kết kinh nghiệm đó về mặt lý luận trong "Nội chiến ở Pháp", trong lời nói đầu của mình Ăng-ghen cũng bổ sung một loạt điểm có liên quan đến lịch sử của Công xã Pa-ri, đặc biệt là đến hoạt động của những người thuộc phái Blăng-ki và phái Pru-đông đã tham gia Công xã. Ăng-ghen còn đưa vào ấn phẩm kỷ niệm lời kêu gọi thứ nhất và lời kêu gọi thứ hai của Tổng hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế do Mác viết về cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (xem t.17, tr.9-16 và tr.362-374). Những lần xuất bản "Nội chiến ở Pháp" tiếp theo thành sách lẻ bằng những thứ tiếng khác nhau thường in cùng với lời nói đầu của Ăng-ghen.

Lúc đầu lời nói đầu của Ăng-ghen được đăng với sự đồng ý của ông trong tạp chí "Neue Zeit", Bd. 2, N° 29, 1890 – 1891 với nhan đề "Về cuộc nội chiến ở Pháp". Khi đăng ban biên tập đã có sự can thiệp vào chính văn: ở đoạn cuối, cụm từ "người phi-li-xtanh dân chủ – xã hội" trong bản thảo đã bị thay bằng cụm từ "người phi-li-xtanh Đức". Như chúng ta thấy qua thư của Phi-se gửi Ăng-ghen đề ngày 17 tháng Ba 1891, Ăng-ghen đã tỏ ý không tán thành việc thay thế tùy tiện này, và có lẽ do không muốn để có những sự khác biệt trong những tác phẩm của mình, xuất bản cùng một lúc, ông đã giữ lại trong sách lẻ những từ đã thay thế. Lần xuất bản này phục hồi lại văn bản ban đầu.

Lời nói đầu của Ăng-ghen cùng với "Nội chiến ở Pháp" của Mác lần đầu tiên được in bằng tiếng Nga ở Giơ-ne-vơ vào năm 1893. "Nội chiến ở Pháp" cùng với lời nói đầu dịch từ lần xuất bản lần thứ ba bằng tiếng Đức năm 1891 do V. I. Lê-nin hiệu đính ra mắt vào năm 1905 tại nhà xuất bản "Chim báo bão" (Ô-đét-xa). Khi hiệu đính bản dịch, Lê-nin đã bỏ rất nhiều chỗ lệch lạc và không chính xác của lần xuất bản trước đó trong năm 1905 cũng do nhà

xuất bản này xuất bản, và ông cũng đã lấy lại những chỗ trong văn bản "Nội chiến ở Pháp" và lời nói đầu mà trước đây cơ quan kiểm duyệt của Nga hoàng đã bỏ đi. Sau này Lê-nin đã dịch lại một số chỗ trong lời nói đầu mà ông trích dẫn trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng" và trong những tác phẩm khác của ông. Những bản dịch mà Lê-nin đã hiệu đính và thực hiện được tính đến khi chuẩn bị lần xuất bản này. –274.

190 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.141-277.- 274.

191 Ý nói cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đức chống ách thống trị của Na-pô-lê-ông trong những năm 1813-1814. –275.

192 Kẻ mị dân là từ mà giới phản động ở Đức dùng để gọi những người tham gia phong trào đối lập đã hoạt động trong thời kỳ tiếp sau các cuộc chiến tranh với Pháp thời Na-pô-lê-ông, chống chế độ phản động ở các quốc gia Đức và đã tổ chức những cuộc biểu tình chính trị đòi thống nhất Đức. Phong trào lan rộng trong giới trí thức và sinh viên, đặc biệt là trong các hội thể dục của sinh viên. Chính quyền phản động đã truy bức những "kẻ mị dân". –275.

193 C.Mác. "Lời kêu gọi thứ hai của Tổng hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về chiến tranh Pháp – Phổ" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.369-370).- 275.

194 Ngày 1-2 tháng Chín 1870, ở Xê-đăng đã xảy ra một trong những trận đánh có tính chất quyết định của cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, kết quả là quân Pháp bị đánh tan. Theo biên bản đầu hàng do bộ chỉ huy Pháp ký ngày 2 tháng Chín 1970, trên 80 nghìn lính, sĩ quan và tướng lĩnh đứng đầu là Na-pô-lê-ông III đầu hàng làm tù binh. Na-pô-lê-ông III bị giam giữ ở Vin-hem-huê-ơ (gần Cát-xen) – lâu đài của các vua Phổ–từ ngày 5 tháng Chín 1870 đến ngày 19 tháng Ba 1871. Thảm họa Xê-đăng đã đẩy mạnh sự phá sản của đế chế thứ hai và dẫn đến việc tuyên bố thành lập nước cộng hòa vào ngày 4 tháng Chín 1870.-279.

195 Đây là nói hòa ước sơ bộ giữa Pháp và Đức do một bên là Chi-e và Gi.Pha-vrơ và một bên là Bi-xmắc ký ở Véc-xây ngày 26 tháng Hai 1871. Theo điều kiện của hiệp ước này, Pháp nhường cho Đức vùng An-da-xơ và miền Nam Lo-ren-nơ và trả 5 tỷ phrăng tiền bồi thường chiến tranh, trước khi trả xong tiền bồi thường, quân đội Đức tiếp tục chiếm đóng một phần lãnh thổ Pháp. Hòa ước

cuối cùng được ký ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ ngày 10 tháng Năm 1871.-281.

196 Trích dẫn báo cáo của ủy ban bầu cử Công xã công bố trên cơ quan ngôn luận của Công xã "Journal Officiel de la République Francaise" ("Báo chính thức của nước Cộng hòa Pháp") số 90, ngày 31 tháng Ba 1871.-281.

197 Có lẽ Ăng-ghen trình bày nội dung lệnh của đại biểu giáo dục Công xã Pa-ri E. Vai-ăng ngày 11 tháng Năm 1871 công bố trên "Journal Officiel de la République Francaise" số 132, ngày 12 tháng Năm 1871.-282.

198 Ý nói quyển sách của Pru-đông "Idée générale de la Révolution au XIX siècle", Paris, 1851 ("Tư tưởng chung của cách mạng trong thế kỷ XIX", Pa-ri, 1851). Trong thư của Mác gửi Ăng-ghen đề ngày 8 tháng Tám 1851 và trong tác phẩm của Ăng-ghen" Phân tích phê phán cuốn sách của Pru-đông "Tư tưởng chung của cách mạng trong thế kỷ XIX"" ("Văn khố của Mác và Ăng-ghen", t. X, tr.13-17) có phê phán các quan điểm của Pru-đông trình bày trong sách này.-287.

199 Thư này Ăng-ghen viết để trả lời đề nghị (trong thư đề ngày 2 tháng Ba 1891) của một trong những người lãnh đạo Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha Hô-sê Mê-xa xin cho phép Hội đồng toàn quốc của đảng xuất bản bản dịch tiếng Tây Ban Nha quyển sách của Mác "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 t.4, tr.97-258) do ông dịch. Mê-xa bắt đầu dịch quyển sách này ngay hồi năm 1872. Những phần trích cuốn sách này lần đầu tiên được công bố bằng tiếng Tây Ban Nha trên cơ quan ngôn luận của các phân bộ Ma-đrít của Quốc tế I, báo "Emancipacion" ("Giải phóng") số 44, ngày 13 tháng Tư và các số 68, 69, ngày 5,13 tháng Mười 1872. Về sau Mê-xa tiếp tục dịch trong những năm 70-80, nhưng mãi tới đầu những năm 90 mới thực sự có khả năng xuất bản quyển sách đó ở Tây Ban Nha.

Trong thư gửi Ăng-ghen đề ngày 8 tháng Tư 1891 Mê-xa báo tin đã nhận được thư của Ăng-ghen về việc xuất bản "Sự khốn cùng của triết học" bằng tiếng Tây Ban Nha và nhấn mạnh tác phẩm của Mác có tầm quan trọng đặc biệt đối với cuộc đấu tranh chống các tư tưởng của Pru-đông được các đảng tư sản lợi dụng nhằm lừa bịp công nhân bằng lời lẽ xã hội chủ nghĩa giả hiệu, cũng như để khắc phục ảnh hưởng của chủ nghĩa vô chính phủ. Bức thư của Ăng-ghen được in làm lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha quyển sách của Mác, ra mắt ở Ma-đrít mùa hè năm 1891.

Trong phần phụ lục cuốn sách đã in cương lĩnh của đảng được thông qua tại đại hội lần thứ nhất ở Bác-xê-lô-na vào năm 1888.-292.

200 Đây là thư Ăng-ghen trả lời thư của ban tổ chức cuộc mít-tinh quốc tế bảo vệ quyền lợi của lao động dự định triệu tập ở Mi-la-nô ngày 12 tháng Tư 1891. Ban tổ chức này do các tổ chức dân chủ Mi-la-nô thành lập gồm những nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a. Để làm cho cuộc mít-tinh dự định tổ chức có tính chất quốc tế rộng rãi, ban tổ chức đã gửi giấy mời tham dự cuộc mít-tinh hoặc viết thư bày tỏ sự đồng tình với nó đến các tổ chức công nhân và tổ chức xã hội chủ nghĩa của nhiều nước, trong đó có Đảng dân chủ – xã hội Đức, Đảng công nhân Pháp v.v., cũng như đến nhiều nhà xã hội chủ nghĩa nổi tiếng. Ban tổ chức gửi giấy mời chính thức đó cho Ăng-ghen, đồng thời ngày 2 tháng Tư 1891 gửi cho ông một bức thư riêng trong đó có nói: "Ông là một trong những chiến sĩ nổi tiếng nhất trong cuộc đấu tranh này giữa tự do và áp bức. Ông là một trong những nhà hoạt động kiệt xuất nhất – trong địa hạt chủ nghĩa xã hội – ở Đức cũng như ở Anh, và bức thư của ông bày tỏ sự đồng tình với cuộc mít-tinh của chúng tôi, sẽ có ảnh hưởng to lớn đến toàn thể nhân dân lao động. Nhưng sự có mặt của ông ở Mi-la-nô ngày 12 tháng Tư và, như chúng tôi hy vọng, bài phát biểu của ông để bảo vệ tự do và độc lập của công nhân, sẽ có ảnh hưởng càng lớn hơn nữa đến đồng bào của ông, cũng như đến các đồng chí của chúng ta ở những nước khác".-294.

201 Ăng-ghen giữ cương vị bí thư thông tấn của Tổng hội đồng Quốc tế I đối với I-ta-li-a trong những năm 1871-1872 và phái viên của Tổng Hội đồng vào năm 1873.-294.

202 Lời nói đầu này Ăng-ghen viết cho lần tái bản thành sách lẻ tác phẩm của C.Mác "Lao động làm thuê và tư bản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.6 tr.537-576) xuất bản ở Béc-lin năm 1891 do ông biên tập. Ở đầu lời nói đầu, Ăng-ghen chép lại toàn bộ nhận xét nhập đề do ông viết cho lần xuất bản tác phẩm này năm

1884 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.266). Cuốn sách với lời nói đầu của Ăng-ghen được xuất bản với số in ấn nhằm tuyên truyền học thuyết của Mác trong công nhân.

Lời nói đầu được phổ biến rộng rãi trên báo chí công nhân và xã hội chủ nghĩa, được in dưới dạng một bài độc lập. Trước khi xuất bản thành sách, nó được công bố trong phụ trương của báo "Vorwärts", số 109, ngày 13 tháng Năm 1891 dưới nhan đề "Lao động làm thuê và tư bản". Nó được đăng, có lược bớt một ít, trên báo "Freiheit" số 22, ngày 30 tháng Năm 1891, trong tạp chí I-ta-li-a "Critica Sociale" ("Phê bình xã hội") số 10, ngày 10 tháng Bảy 1891, trên báo "Socialiste" số 44, ngày 22 tháng Bảy 1891 và vào năm 1892 trong sách lịch của tạp chí xã hội chủ nghĩa Pháp "Question Sociale" ("Vấn đề xã hội") cũng như trong những cơ quan ngôn luận khác.

Lời nói đầu được đưa vào tất cả những lần xuất bản tiếp theo tác phẩm của Mác xuất bản bằng nhiều thứ tiếng dịch từ lần xuất bản năm 1891. Lời nói đầu được công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong lần tái bản tác phẩm của Mác xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1894.-296.

203 *Hội công nhân Đức* ở Bruy-xen do Mác và Ăng-ghen lập vào cuối tháng Tám 1847 nhằm giáo dục chính trị cho công nhân Đức sống ở Bỉ và tuyên truyền các tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học cho họ. Dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghen cùng các bạn chiến đấu của hai ông, hội đã trở thành trung tâm hợp pháp để tập hợp những người vô sản cách mạng Đức và Bỉ và đã liên hệ trực tiếp với các câu lạc bộ Phla-măng và Van-lông. Những phần tử ưu tú của hội gia nhập phân bộ Bruy-xen của Đồng minh những người cộng sản. Hoạt động của Hội công nhân Đức ở Bruy-xen chấm dứt ít lâu sau cách mạng tư sản tháng Hai 1848 ở Pháp do các hội viên của nó bị cảnh sát Bỉ bắt và trục xuất.-296.

204 Ý nói sự can thiệp của quân đội Nga hoàng vào Hung-ga-ri năm 1849 nhằm dẹp cuộc cách mạng tư sản Hung-ga-ri và khôi phục quyền lực của vương triều Háp-xbuốc Áo, cũng như ý nói cuộc nổi dậy bảo vệ hiến pháp để chế (do Quốc hội Phran-phuốc thông qua ngày 28 tháng Ba 1849) vốn là giai đoạn cuối của cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1848 — 1849 ở Đức. Hiến pháp đã bị đa số các chính phủ Đức bác bỏ.-296.

205 Về sau trong di cảo của Mác đã phát hiện bản phác thảo chuẩn bị cho bài giảng cuối cùng hoặc một loại bài giảng cuối cùng về đề tài lao động làm thuê và tư bản dưới dạng bản thảo viết tay lấy nhan đề "Tiền công" và có ghi ở bìa: "Bruy-xen, tháng Chạp 1847" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.6, tr.719-749). Về nội dung, bản thảo này một phần bổ sung cho tác phẩm dở dang của Mác "Lao động làm thuê và tư bản". Lần đầu tiên nó được công bố vào năm 1924 bằng tiếng Nga trong tạp chí "Kinh tế xã hội chủ nghĩa", năm 1925 bằng tiếng nguyên bản trong tạp chí "Unter dem Banner des Marxismus" ("Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác"). Song những phần hoàn tất đã chuẩn bị để in của tác phẩm "Lao động làm thuê và tư bản" thì không phát hiện được trong bản thảo của Mác.-296.

206 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.21-53 và t.23, tr.61-113.- 299.

207 Ăng-ghen trích dẫn tập thứ nhất bộ "Tư bản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.757).-303.

208 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.250-263.- 304.

209 Ăng-ghen có ý nói việc kỷ niệm ngày 1 tháng Năm 1891. Ở một số nước (Anh, Đức), ngày 1 tháng Năm được kỷ niệm vào ngày chủ nhật sát sau ngày 1 tháng Năm mà vào năm 1891 là ngày 3 tháng Năm. Trong ngày kỷ niệm 1 tháng Năm 1891 đã có mít-tinh và biểu tình của công nhân ở nhiều thành phố của Anh, Áo, Đức, Pháp, I-ta-li-a và những nước khác. Năm 1891, ngày lễ đoàn kết vô sản quốc tế lần đầu tiên được kỷ niệm ở nước Nga mặc dầu các nhà đương cục Nga hoàng khủng bố dữ dội những người tham gia các hoạt động kỷ niệm ngày 1 tháng Năm.-308.

210 Lời tựa này Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức tác phẩm của ông "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.185-230) do nhà xuất bản báo "Vorwärts" xuất bản ở Bec-lin vào năm 1891. Lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức của tác phẩm này, lúc đầu tác phẩm được công bố bằng tiếng Pháp trong tạp chí "Revue socialiste" ("Bình luận xã hội chủ nghĩa") vào năm 1880, — ra mắt ở

Hôt-tin-ghen — Xuy-rich tại nhà xuất bản báo "Sozialdemokrat" tháng Ba năm 1883 (trên trang phụ bìa ghi: năm 1882). Trong lời tựa, Ăng-ghen biểu lộ niềm tin rằng nội dung tác phẩm sẽ không khó hiểu lắm đối với độc giả công nhân Đức (xem t.19, tr.322). Lần xuất bản thứ hai và thứ ba bằng tiếng Đức tác phẩm của Ăng-ghen cũng ra đời tại nhà xuất bản ấy vào năm 1883. Lần xuất bản thứ tư là lần xuất bản cuối cùng tác phẩm của Ăng-ghen bằng tiếng Đức lúc Ăng-ghen còn sống. Trong phần phụ lục của lần xuất bản này, cũng như của những lần xuất bản trước bằng tiếng Đức đều có in tác phẩm của Ăng-ghen "Mác" (xem t.19, tr.327-345).-309.

211 Dưới đây là những cuốn sách được liệt kê: "Il socialismo utopico e il socialismo scientifico", Benevento, 1883; "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học", Giơ-ne-vơ, 1884; "Socialismens Udvikling fra Utopi til Videnskab", Kφbenhavn, 1885; "Socialismo utópico y socialismo científico", Madrid, 1886; "De ontwikkeling van het socialisme van utopie tot wetenschap", Gravenhage, 1886.— 310.

212 Những đoạn bổ sung mà Ăng-ghen nhắc đến ở đây là những đoạn bổ sung vào văn bản ban đầu cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", cơ sở cuốn này là những chương tương ứng của cuốn "Chống Duy-rinh". Trong bộ Toàn tập này những đoạn bổ sung được in bổ sung ở tập 20, mục "Tài liệu dùng cho "Chống Duy-rinh"". Phần bổ sung về Xanh Xi-mông, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.20, tr.883-885; phần bổ sung về các tơ-rốt, xin xem t.20, tr.-887-889.- 310.

213 Tác phẩm này là lời tựa Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ tư cuốn "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" xem C.Mác và Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.41-265); trước khi sách ra mắt, với sự đồng ý của tác giả, lời tựa được công bố trong tạp chí "Neue Zeit" số 41, năm 1891, dưới nhan đề "Về lịch sử gia đình nguyên thủy (Bắc-hô-phen, Mắc-Len-nan, Moóc-gan)".

Quyển sách của Ăng-ghen xuất bản lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung ra mắt ở Stút-gát vào cuối năm 1891 và về sau không thay đổi nữa. Lời tựa này được in trong tất cả các lần xuất bản sau này cuốn sách của Ăng-ghen, bằng tiếng Đức, cũng như bằng những thứ tiếng khác. Lời tựa được in lần đầu tiên bằng tiếng Nga trong lần xuất bản thứ nhất quyển sách của Ăng-ghen ra mắt ở Pê-tec-bua năm 1894.-311.

214 Ý nói những lần xuất bản sau đây quyển sách của Ăng-ghen: "L' origine della famiglia, della proprietà privata e dello Stato". Versione riveduta dell' autore, di Pasquale Martignetti. Benevento, 1885; "Origina familiei, proprietatei private si a statului", tradusa de Joan Nadejde, in "Contemporanul" N^0N^0 17,18,19, 20-21, 1885, N^0N^0 22,23 — 24, 1886; "Familjens, Privatejendommens og Statens Oprindelse". Dansk, af Forfatteren gennemgaaet Udgave, besoerget af Gerson Trier. Kφbenhavn, 1888; L' Origine de la Famille, de la Propriété privée et de l' Etat". Paris, 1893.-312.

215 E. B. Taylor. "Ressarches into the Early History of Mankind and the Development of Civilisation". London, 1865 (E.B. Tay-lo. "Nghiên cứu lịch sử nguyên thủy của loài người và sự phát triển của nền văn minh". Luân Đôn, 1865).-313.

216 J.J. Bachofen "Das Mutterrecht. Eine Untersuchung über die Gynaikokratie der alten Welt nach ihrer religiösen und rechtliche Natur". Stuttgart, 1861. (I. I-a. Bắc-hô-phen. "Chế độ mẫu quyền. Nghiên cứu chế độ mẫu quyền của thế giới cổ đại trên cơ sở bản chất tôn giáo và pháp luật của nó". Stút-gát, 1861).- 313.

217 Ê-sin. "O-re-xtê-i-a. Ê-mê-nit".-315.

218 Ăng-ghen trích dẫn quyển sách của Mắc- Len-nan "Studies in Ancient History comprising a Reprint of "Primitive Marriage, An Inquiry into the Origin of the Form of Capture in Marriage Ceremonies"". London and New-York, 1886, p.124-125 ("Khảo luận lịch sử cổ đại, bao gồm việc in lại quyển sách "Hôn nhân nguyên thủy. Nghiên cứu về nguồn gốc của nghi thức bắt cóc trong nghi lễ đám cưới". Luân Đôn và Niu Óóc, 1886, tr.124 — 125). Tác phẩm của Mắc-Len-nan "Hôn nhân nguyên thủy" lần đầu tiên được công bố thành sách lẻ ở E-đin-bua năm 1865, còn lần xuất bản thứ nhất cuốn "Khảo luận lịch sử cổ đại" (bao gồm việc in lại tác phẩm "Hôn nhân nguyên thủy") ra mắt ở Luân Đôn năm 1876. Bên dưới Ăng-ghen cũng nhắc đến cả lần xuất bản này. —319.

219 R. G. Latham. "Descriptive Ethnology". Vol. I — II. London, 1859.-

Người Ma-gia — một bộ lạc, nay là bộ tộc, sống ở các vùng phía tây Nê-pan.- 312.

220 Ý nói mười bốn "Thư về người I-rô-qua" do M. H. Moóc-gan công bố trong tạp trí "American Review ("Quan sát Mỹ"), Niu Oóc, số II — XII tháng Hai — tháng Chạp 1847, cũng như ý nói quyển sách của ông "League of the Ho-dé-no-sau-nee or Iroquois". Rochester, 1851 ("Đồng minh Ho-dé-no-sau-nee hoặc của người I-rô-qua". Rô-se-xtơ, 1851).-319.

221 J. Lubbock. "The Origin of Civilisation and the Primitive Condition of Man. Mental and Social Condition of Savages". London, 1870 (Gi. Lép-bốc. "Nguồn gốc của nền văn minh và trạng thái nguyên thủy của con người. Trạng thái tinh thần và xã hội của các dân tộc dã man". Luân Đôn, 1870).-321.

222 L. H. Morgan. "Systems of Consanguinity and Affinity of the Human Family". Washington, 1871, (L.H.Moóc-gan. "Các hệ thống huyết thống và các thuộc tính của gia đình con người". Oa-sinh-tơn, 1871).-322.

223 A. Giraud—Teulon. "Les origines de la famille". Genève, Paris, 1874 (A. Gi-rô-Tơ-lông. "Nguồn gốc của gia đình". Giơ-ne-vơ, Pa-ri , 1874).

J.Lubbock,. "The Origin of Civilisation and the Primitive Condition of Man, Mental and Social Condition of Savages". Fourth Ed. London, 1882.-324.

224 L. H. Morgan. "Ancient Society, or Researches in the Lines of Human Progress from Savagery through Barbarism to Civilzation". London, 1877 (L. H. Moóc-gan. "Xã hội cổ đại, hay nghiên cứu các tuyến tiến bộ của loài người từ mông muội qua dã man đến văn minh". Luân Đôn, 1877).-324.

225 Ăng-ghen đi du lịch ở Mỹ và Ca-na-đa cùng với Ê-đu-a Ê-vơ-linh, E-lê-ô-nô-ra Mác-E-vơ-linh và K. Soóc-lem-mơ vào tháng Tám-tháng Chín 1888. Những ấn tượng đi đường của Ăng-ghen về chuyến đi này, xin xem, C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr. 677-680.- 327.

226 J. F. McLennan. "Studies in Ancient History". London, 1876, p.333.- 328.

227 Lời chào mừng Ăng-ghen viết để phúc đáp lời mời tham gia Đại hội lần thứ hai Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo do Vích-to Át-le chuyển cho ông trong thư đề ngày 22 tháng Sáu 1891.

Đại hội II Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo họp ở Viên từ ngày 28

đến ngày 30 tháng Sáu 1891. đại hội có 193 đại biểu tham dự. Đại hội đã thảo luận các vấn đề về tình hình và hoạt động của đảng, về phong trào đòi quyền bầu cử phổ thông, bình đẳng và trực tiếp, về kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, về việc đảng tham gia Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1891 ở Bruy-xen, về công đoàn, về cải cách xã hội ở Áo và những vấn đề khác. Tổng kết kết quả công việc của đại hội, cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, báo "Arbeiter-Zeitung", ngày 3 tháng Bảy 1891 trong bài xã luận "Đại hội đảng của chúng ta ở Viên", đã nhận xét rằng, Đảng dân chủ — xã hội Áo có thể hài lòng về đại hội của mình, trong đó đã thể hiện rõ rệt tính chất quốc tế của đảng, sự rõ ràng và sự thống nhất trong các vấn đề sách lược. Việc thảo luận trong đại hội đã diễn ra theo những điều cơ bản trong cương lĩnh thông qua tại đại hội lần thứ nhất ở Ha-in-phen năm 1888.-330.

228 Ở Ha-in-phen (Hạ Áo) từ ngày 30 tháng Chạp 1888 đến ngày 1 tháng Giêng 1889 đã diễn ra đại hội thống nhất có 73 người đại biểu cho những người xã hội chủ nghĩa hầu hết các tỉnh của Áo. Đại hội đã đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển phong trào xã hội chủ nghĩa ở Áo. Đại hội đã thành lập Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo và thông qua "Tuyên bố về các nguyên tắc" coi như là cương lĩnh, về cơ bản dựa trên các điểm trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Bản Tuyên bố đề ra các nhiệm vụ của đảng là tổ chức giai cấp vô sản về mặt chính trị và phát triển ý thức giai cấp của nó, đấu tranh để biến tư liệu sản xuất thành tài sản công hữu, giải phóng toàn thể nhân dân lao động khỏi sự phụ thuộc về kinh tế, thủ tiêu tình trạng không có quyền chính trị của họ và nâng cao trình độ tinh thần của họ v.v.. Bản Tuyên bố đã đề xướng nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản làm một trong những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đồng thời bản Tuyên bố còn có một loạt thiếu sót nghiêm trọng. Bản Tuyên bố đã bỏ qua vấn đề chuyên chính vô sản, không có yêu cầu đòi xóa bỏ chế độ quân chủ và thiết lập nền cộng hòa, về thực chất không đề cập đến vấn đề ruộng đất mà việc giải quyết nó đã có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển phong trào công nhân ở Áo.-330.

229 Ăng-ghen có ý nói việc hủy bỏ những đạo luật đặc biệt do các chính phủ phản động ở Đức và Áo — Hung ban hành để chống phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào công nhân.

Về đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa ở Đức, xin xem chú thích 2.

Các đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa lấy tên là "đạo luật chống các phần tử vô chính phủ" được ban hành ở Áo vào năm 1884. Trên cơ sở những đạo luật ấy, các tổ chức xã hội chủ nghĩa và tổ chức công đoàn của công nhân và các cơ quan báo chí của họ đã bị cảnh sát bức hại và bị cấm, những người lãnh đạo họ bị trục xuất. Song vào tháng Sáu 1891, chính phủ Ta-áp-phê dưới ảnh hưởng của sự phát triển phong trào bãi công và đấu tranh quy mô lớn của công nhân Áo ngày 1 tháng Năm 1890, đã buộc phải hủy bỏ những đạo luật ấy.- 330.

230 Tác phẩm *"Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh năm 1891 của Đảng dân chủ - xã hội"* là một tư liệu vô cùng quan trọng của chủ nghĩa Mác, là mẫu mực về việc Ăng-ghen đấu tranh không nhân nhượng chống chủ nghĩa cơ hội, cho một cương lĩnh mác-xít cách mạng của Đảng dân chủ — xã hội Đức, được Ăng-ghen viết khoảng từ ngày 18 đến ngày 29 tháng Sáu 1891. Lý do trực tiếp khiến Ăng-ghen viết tác phẩm này là dự thảo cương lĩnh của Đảng dân chủ — xã hội Đức do R. Phi-se nhân danh Ban chấp hành đảng gửi đến Ăng-ghen cùng với bức thư đề ngày 18 tháng Sáu 1891. Qua thư thấy rằng dự thảo ấy về cơ bản do Bê-ben và Lip-nếch soạn thảo, đã được thảo luận ở một loạt phiên họp của Ban chấp hành, trong một phiên họp đã quyết định gửi nó cho Ăng-ghen và những nhà hoạt động khác của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa.

Như thư của Ăng-ghen gửi Cau-xki đề ngày 29 tháng Sáu 1891 cho thấy, sau khi đọc dự thảo, Ăng-ghen đã phân tích phê phán nó một cách chi tiết. Ông định viết lại có đọng hơn phần trình bày lý do, song vì thời hạn đưa ý kiến nhận xét co hẹp nên ông chỉ phác thảo một số điểm (xem phụ lục phần I, tập này, tr.351-354). Ăng-ghen phê phán kịch liệt hơn phần dự thảo nói về các yêu sách chính trị. Chính phần này, theo lời ông, đã đem lại cho ông lý do giáng một đòn "vào chủ nghĩa cơ hội yêu hòa bình" tuyên truyền cho "sự hội nhập" tươi tỉnh — khiêm tốn — vui vẻ của sự nhơ nhuốc cũ vào "xã hội xã hội chủ nghĩa". Những nhận xét phê phán của Ăng-ghen, cũng như tác phẩm của C.Mác "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta" (xem chú thích 131) công bố lúc bấy giờ theo yêu

cầu khẩn khoản của Ăng-ghen đã có ảnh hưởng to lớn đến tiến trình tiếp tục thảo luận và chỉnh lý dự thảo cương lĩnh.

Những nhận xét của Ăng-ghen được tính đến với mức độ nào, điều này có thể xét đoán qua dự thảo cương lĩnh do Ban chấp hành đảng công bố trên báo "Vorwärts" ngày 4 tháng Bảy 1891, ít lâu sau khi nhận được ý kiến nhận xét. Bản văn cho thấy rằng những thay đổi trong dự thảo dưới ảnh hưởng sự phê phán của Ăng-ghen, chủ yếu dụng đến các phần trình bày lý do, cũng như phần các yêu sách kinh tế. Mặc dù bị Ăng-ghen phê phán, nhưng phần nói về các yêu sách chính trị không được thay đổi bao lăm. Trong phần này không có những điểm nói về việc giai cấp vô sản giành chính quyền, về chế độ cộng hòa dân chủ, về cải tạo chế độ của nhà nước Đức và về việc cần phải đấu tranh chống các tàn dư của chế độ phong kiến và chế độ quân chủ chuyên chế cùng những điểm khác.

Sau khi dự thảo chính thức của cương lĩnh được công bố, nó bắt đầu được thảo luận ở các tổ chức Đảng, trên báo "Vorwärts" và trong tạp chí "Neue Zeit"; đồng thời Ban chấp hành đảng nhận được không chỉ những đề nghị và sửa đổi riêng biệt, mà cả những dự thảo cương lĩnh mới. Tòa soạn tạp chí "Neue Zeit" cũng đưa ra dự thảo cương lĩnh của mình do Cau-xki soạn. Qua thư Ăng-ghen gửi Cau-xki đề ngày 28 tháng Chín 1891 ta thấy Ăng-ghen phát biểu một loạt ý kiến nhận xét phê phán đối với dự thảo của tòa soạn tạp chí "Neue Zeit", nhưng nhìn chung ông cho rằng dự thảo này khá hơn dự thảo chính trị và tán thành ý Bê-ben định ủng hộ dự thảo này tại Đại hội Éc-phuốc.

Để xem xét những dự án và đề nghị đã nêu, Ban chấp hành đã lập tiểu ban cương lĩnh do V.Lip-nếch làm trưởng ban; tiểu ban đã đề xuất dự thảo cuối cùng, lấy dự thảo do tòa soạn tạp chí "Neue Zeit" biên soạn làm cơ sở; cũng đã tính đến một số nhận xét của Ăng-ghen đối với dự thảo cương lĩnh ban đầu của Ban chấp hành đảng.

Dự thảo cương lĩnh do tiểu ban biên soạn đã được đưa ra thảo luận tại Đại hội Éc-phuốc của Đảng dân chủ — xã hội Đức họp từ ngày 14 đến ngày 21 tháng Mười 1891. V.Lip-nếch đã đọc báo cáo về vấn đề này. Đề cập đến kết quả của Đại hội Éc-phuốc, đại hội đã thông qua cương lĩnh về cơ bản là

mác-xít. Ăng-ghen viết trong thư gửi Doóc-ghê đề ngày 24 tháng Mười 1891: "Chúng ta hài lòng là sự phê phán của Mác đã thắng lợi hoàn toàn".

Cương lĩnh Ec-phuốc là một bước tiến lớn so với Cương lĩnh Gô-ta; cương lĩnh đảng đã gạt bỏ được những giáo điều cải lương chủ nghĩa của Lát-xan, đã diễn đạt chính xác hơn các yêu sách chính trị và kinh tế. Cương lĩnh đã luận chứng một cách khoa học sự diệt vong không tránh khỏi của chế độ tư bản chủ nghĩa và sự thay thế nó bằng chế độ xã hội chủ nghĩa, đã chỉ rõ ràng để cải tạo xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền.

Đồng thời Cương lĩnh Ec-phuốc cũng có những thiếu sót nghiêm trọng, chủ yếu nhất là không có điểm về chuyên chính vô sản với tư cách là công cụ để cải tạo xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa. Nó cũng không đề ra yêu cầu lật đổ chế độ quân chủ và thiết lập nền cộng hòa dân chủ, cải tạo chế độ nhà nước Đức và những yêu cầu khác. Về mặt này, những nhận xét phê phán của Ăng-ghen đối với dự thảo ban đầu cũng đúng đối với cương lĩnh được thông qua tại Đại hội Ec-phuốc.

Tác phẩm của Ăng-ghen "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh năm 1891 của Đảng dân chủ — xã hội" một thời gian dài không được ban lãnh đạo đảng dân chủ — xã hội Đức công bố; mãi đến năm 1901 nó mới được in trong tạp chí "Neue Zeit". Trong chú thích của ban biên tập viết cho lần công bố này có chỉ ra rằng bản viết tay của Ăng-ghen đã tìm được trong di sản sách báo, tài liệu của V.Líp-nếch.

Một số chỗ trong tác phẩm của Ăng-ghen "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh năm 1891 của Đảng dân chủ — xã hội" lần đầu tiên được V. I.Lê-nin dịch ra tiếng Nga và trích dẫn trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng" của Người. Những đoạn dịch ấy của Lê-nin được tính đến khi chuẩn bị tác phẩm của Ăng-ghen trong lần xuất bản này. Tác phẩm được công bố lần đầu tiên trong cuốn sách "Mác và Ăng-ghen bàn về cương lĩnh và sách lược của đảng dân chủ — xã hội", Nhà xuất bản "Sóng vỗ bờ" ("Pri-bôi"), năm 1930.-333.

231 Bản viết tay dự thảo cương lĩnh được Ban chấp hành Đảng dân chủ — xã hội Đức gửi cho Ăng-ghen và được ông phân tích phê phán, nay chưa tìm ra. Dưới đây xin dẫn ra bản được Ban chấp hành công bố ("Vorwärts", số 153, 4 tháng Bảy 1891) trong đó có tính đến một số nhận xét và đề nghị của Ăng-ghen. Để tiện đối chiếu với những nhận xét phê phán của Ăng-ghen trong phần trình bày lý do, chúng tôi xin ghi số đoạn trong ngoặc vuông.

CƯƠNG LĨNH NĂM 1891 CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ – XÃ HỘI

Dự thảo của Ban lãnh đạo Đảng

[Đoạn 1] Việc công nhân bị tách khỏi tư liệu lao động — ruộng đất, hầm mỏ, máy móc và công cụ, phương tiện giao thông — và việc tư liệu lao động bị một bộ phận thành viên xã hội chiếm hữu riêng đã dẫn đến chỗ chia xã hội thành hai giai cấp — giai cấp lao động và giai cấp có của.

[Đoạn 2] Trong tay những kẻ chiếm hữu chúng, các tư liệu lao động đã trở thành những phương tiện bóc lột. Tình trạng công nhân bị những kẻ chiếm hữu các tư liệu lao động, nghĩa là các nguồn sống, chi phối về kinh tế do điều đó tạo nên, là cơ sở của cảnh nô lệ dưới tất cả mọi hình thức của nó, của tình trạng khốn quẫn về mặt xã hội, của sự thấp kém về trí tuệ, của sự phụ thuộc về chính trị.

[Đoạn 3] Với sự thống trị của nạn bóc lột ấy, sự tích lũy của cải do những người bị bóc lột tạo ra tăng lên với tốc độ ngày càng nhanh trong tay những kẻ bóc lột — các nhà tư bản và đại địa chủ. Sự phân phối sản phẩm lao động giữa những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột trở nên ngày càng bất công, số lượng giai cấp vô sản và tình trạng đời sống bấp bênh của họ ngày càng tăng, đạo quân công nhân dôi thừa ngày càng đông đảo, đối kháng giai cấp ngày càng gay gắt, đấu tranh giai cấp ngày càng ác liệt, nó chia xã hội hiện đại thành hai phe quân sự đối địch và là đặc trưng nổi bật chung của tất cả các nước công nghiệp.

[Đoạn 4] Tình trạng không có tính kế hoạch bắt rễ ngay trong bản thân thực chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra những cuộc khủng hoảng và gián đoạn trong sản xuất ngày càng kéo dài làm cho tình cảnh của công nhân càng thêm tồi tệ, và do việc làm phá sản các tầng lớp trung lưu của dân cư thành thị và nông thôn - những người tư sản nhỏ và tiểu nông — càng mở rộng thêm vực thẳm giữa người có của và người không có của, nâng tình hình

không ổn định phổ biến thành trạng thái bình thường của xã hội và là bằng cứ chứng minh rằng giai cấp những người chủ sở hữu các tư liệu lao động xã hội đã mất sứ mệnh và năng lực lãnh đạo về kinh tế và chính trị.

[Đoạn 5] Chấm dứt tình trạng ngày càng không thể chịu được đó bằng cách trừ bỏ các nguyên nhân của nó và giải phóng bằng được giai cấp công nhân — đó là mục đích và nhiệm vụ của đảng dân chủ — xã hội.

[Đoạn 6] Do đó Đảng dân chủ — xã hội Đức mong muốn thực hiện việc biến các tư liệu lao động — ruộng đất, hầm mỏ, máy móc và công cụ, phương tiện giao thông — thành tài sản công cộng và biến sản xuất tư bản chủ nghĩa thành nền sản xuất xã hội chủ nghĩa — một sự chuyển hóa mà những điều kiện vật chất và tinh thần đã được và tiếp tục được chính xã hội tư bản chủ nghĩa tạo ra để thực hiện nó và chỉ có thông qua nó mới có thể thực hiện được việc giải phóng giai cấp công nhân, và cùng với họ, giải phóng tất cả mọi thành viên của xã hội không trừ một ai.

[Đoạn 7; trong phần chính văn mà Ăng-ghen đã sử dụng là đoạn 9] Đảng dân chủ — xã hội hoàn toàn không có gì chung với cái gọi là chủ nghĩa xã hội nhà nước, với chế độ nhà nước hoa nhằm mục đích tài chính đang đặt nhà nước thay chỗ cho xí nghiệp tư nhân và bằng cách đó tập hợp vào một tay sức mạnh của sự bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với công nhân.

[Đoạn 8; trong phần chính văn mà Ăng-ghen đã sử dụng là đoạn 7] Việc giải phóng giai cấp công nhân chỉ có thể là sự nghiệp của chính giai cấp công nhân, vì tất cả những giai cấp và đảng phái còn lại đều đứng trên mảnh đất chủ nghĩa tư bản và mặc dù lợi ích của họ xung đột nhau, họ đều có mục đích chung là duy trì và củng cố cơ sở của xã hội hiện đại.

[Đoạn 9; trong phần chính văn mà Ăng-ghen sử dụng là đoạn 8] Giai cấp công nhân ở tất cả các nước với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có những lợi ích giống nhau; các mối liên hệ quốc tế và việc sản xuất cho thị trường thế giới càng mở rộng thì tình hình của công nhân mỗi nước ngày càng phụ thuộc vào tình hình của công nhân ở những nước khác, vì vậy việc giải phóng giai cấp công nhân tất cả các nước có văn hóa tham gia đồng đều và việc giải quyết nó. Ý thức được điều đó, Đảng dân chủ — xã hội Đức cảm nhận thấy và tuyên bố mình đồng tình với công nhân có ý thức giai cấp của tất cả những nước còn lại.

[Đoạn 10] Đảng dân chủ — xã hội đấu tranh không phải cho đặc quyền và ưu thế giai cấp mới mà là thủ tiêu ách thống trị giai cấp và chính các giai cấp và vì quyền ngang nhau cùng nghĩa vụ ngang nhau của tất cả mọi người không phân biệt nam nữ và nguồn gốc. Trong cuộc đấu tranh giải phóng này, Đảng dân chủ — xã hội, với tư cách người đại diện không chỉ cho công nhân làm thuê, mà còn cho tất cả mọi yêu cầu, biện pháp và quy định có khả năng cải thiện tình hình của nhân dân nói chung và của giai cấp công nhân nói riêng. Vì vậy Đảng dân chủ — xã hội Đức hiện nay đề ra những yêu cầu sau đây:

1) Quyền bầu cử phổ thông ngang nhau và trực tiếp và quyền bỏ phiếu với điều kiện bỏ phiếu kín đối với tất cả mọi công dân của đế quốc trên 20 tuổi không phân biệt nam nữ ở tất cả mọi giai đoạn bầu cử và bỏ phiếu.

Thi hành chế độ bầu cử theo tỷ lệ. Quy định bầu cử và bỏ phiếu vào những ngày chủ nhật và ngày lễ. Thù lao cho những đại biểu được bầu.

2) Nhân dân tham gia trực tiếp vào công việc lập pháp trên cơ sở quyền đưa ra và bác bỏ các dự án luật. Nhân dân tự quản trong đế quốc, quốc gia, tỉnh và xã. Hàng năm biểu quyết thuế khóa, quyền từ chối đóng thuế.

3) Các vấn đề chiến tranh và hòa bình phải do các đại biểu được bầu giải quyết. Lập tòa án hòa giải quốc tế.

4) Hủy bỏ tất cả mọi đạo luật hạn chế hoặc triệt tiêu sự tự do bày tỏ ý kiến và quyền lập hội và hội họp.

5) Hủy bỏ tất cả việc chi tiền của nhà nước cho các mục đích giáo hội và tôn giáo. Cần phải coi các giáo hội và hội tôn giáo là những tổ chức tư nhân.

6) Trường học phải mang tính chất phi tôn giáo. Việc đi học trường nhân dân quốc lập là có tính chất bắt buộc. Giáo dục miễn phí và đảm bảo sách giáo khoa không phải trả tiền ở tất cả các trường quốc lập.

7) Giáo dục toàn thể công dân tinh thần sẵn sàng bảo vệ tổ quốc. Thay quân đội thường trực bằng dân binh.

8) Xét xử miễn phí và dịch vụ pháp lý không mất tiền.

9) Khám chữa bệnh miễn phí.

10) Đánh thuế lũy tiến có phân biệt đối với thu nhập, tư bản và tài sản thừa kế để trang trải các khoản chi tiêu của nhà nước và những khoản chi tiêu ấy phải trang trải bằng thuế. Hủy bỏ tất cả mọi thuế gián thu, thuế quan và

những biện pháp kinh tế — chính trị khác làm cho lợi ích toàn xã hội phục tùng lợi ích của thiểu số có đặc quyền.

Để bảo vệ quyền của giai cấp công nhân, Đảng dân chủ — xã hội Đức đề ra những yêu cầu sau đây:

1) Xây dựng pháp luật quốc gia và quốc tế có hiệu lực về bảo hộ lao động trên cơ sở sau đây:

a) Quy định ngày làm việc bình thường tối đa là tám giờ.

b) Cấm làm việc ban đêm, trừ những ngành công nghiệp cần có lao động ban đêm do đặc thù của chúng, do các nguyên nhân kỹ thuật hoặc vì lợi ích xã hội.

c) Để mỗi công nhân có thời gian nghỉ liên tục ít nhất là 36 giờ mỗi tuần.

d) Cấm trả công bằng hàng hóa.

2) Cơ quan chủ quản lao động toàn quốc, các cục, sở lao động khu giám sát tất cả mọi xí nghiệp công nghiệp và điều tiết các quan hệ lao động ở thành thị và nông thôn.

3) Công nhân nông nghiệp và gia bộc ngang quyền với công nhân công nghiệp. Hủy bỏ điều lệ về nô bộc.

4) [Trong văn bản Ăng-ghen sử dụng, có lẽ là điểm 2]

Bảo vệ quyền của các hội.

5) Chuyển toàn bộ hệ thống bảo hiểm công nhân cho đế chế quản, với sự tham gia có tính chất quyết định của công nhân trong việc quản lý các cơ quan bảo hiểm.-335.

232 Đây là nói cương lĩnh của Đảng dân chủ — xã hội Đức thông qua tại đại hội hợp nhất ở Gô-ta năm 1875. Việc phân tích phê phán dự thảo của cương lĩnh này — dự thảo được thông qua tại đại hội với những sửa đổi nho nhỏ — Mác tiến hành trong tác phẩm "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta" và Ăng-ghen tiến hành trong thư gửi Bê-ben ngày 18-28 tháng Ba 1875 (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.1-8 và tr.9-32).- 335.

233 Ăng-ghen trích dẫn Điều lệ chung của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (xem

C.Mác và Ph.Ăng-ghen Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.583).- 339.

234 Hiến pháp năm 1850 được thông qua ở Phổ do kết quả việc sửa lại bản hiến pháp do vua Phri-đrích — Vin-hem IV ban hành ngày 5 tháng Chạp 1848 sau khi thực hiện cuộc đảo chính phản cách mạng và giải tán Quốc hội. Để thủ tiêu những thành quả dân chủ còn lại còn được duy trì trong hiến pháp nói chung là hết sức phản dân chủ này, tháng Tư 1849 vua giải tán việc đại biểu, ngày 30 tháng Năm 1849 ban hành luật bầu cử mới quy định chế độ bầu cử ba cấp dựa trên tiêu chuẩn cao về tài sản và quyền đại diện không ngang nhau của các tầng lớp dân cư. Đa số bọ đỏ trong viện mới được bầu trên cơ sở đạo luật ấy, theo đề nghị của vua, đã thông qua hiến pháp mới càng tăng cường thêm các nguyên tắc phản động của hiến pháp vua ban năm 1848. Ở Phổ vẫn duy trì thượng nghị viện gồm chủ yếu là đại biểu của giới quý tộc phong kiến ("viện các ngài"), quyền hạn của quốc hội cực kỳ hạn chế, quốc hội không có quyền chủ động làm luật. Các bộ trưởng do vua bổ nhiệm và chỉ chịu trách nhiệm trước vua. Hiến pháp trao cho chính phủ quyền thành lập những toà án đặc biệt để xét xử các vụ án phản quốc. Hiến pháp 1850 vẫn còn hiệu lực ở Phổ cả sau khi thành lập Đế quốc Đức vào năm 1871.

Cái gọi là xung đột hiến pháp nảy sinh ở Phổ vào đầu những năm 60 giữa chính phủ Phổ và đa số theo khuynh hướng tự do tư sản trong quốc hội. Tháng Hai 1860, đa số này từ chối chuẩn y dề án cải tổ quân đội do bộ trưởng quốc phòng Phôn Rô-ôn đưa ra. Song chẳng bao lâu sau chính phủ được giai cấp tư sản chuẩn y kinh phí "duy trì tư thế sẵn sàng chiến đấu của quân đội", thực tế có nghĩa là bắt đầu tiến hành việc cải tổ đã dự định. Tháng Ba 1862, khi đa số tự do chủ nghĩa trong nghị viện không chỉ chuẩn y ngân sách quân sự và đòi nội các phải chịu trách nhiệm trước quốc hội thì chính phủ bèn giải tán quốc hội và ấn định tiến hành cuộc bầu cử mới. Cuối tháng Chín 1862 đã lập nội các phản cách mạng của Bi-xmác, tháng Mười năm ấy nội các này lại giải tán quốc hội và bắt đầu tiến hành cải cách quân sự, chi tiền làm việc đó không qua quốc hội chuẩn y. Mãi đến năm 1866, sau khi Phổ thắng Áo, giai cấp tư sản đầu hàng Bi-xmác thì xung đột mới được giải quyết xong.

Cơ sở của hiến pháp Đế quốc Đức thông qua ngày 16 tháng Tư 1871 là hiến pháp Liên bang Bắc Đức chuẩn y ngày 17 tháng Tư 1867 với những thay đổi

đó các hiệp ước về việc các quốc gia Nam Đức (Ba-đen, Hét-xen, Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc) gia nhập Liên bang đưa vào tháng Mười một 1870. Hiến pháp 1871 ghi nhận sự thống trị của Phổ và Đức và những cơ sở phản động của chế độ nhà nước Đế quốc Đức. Quyền hạn lập pháp của quốc hội bị hạn chế nhiều, các đạo luật mà quốc hội thông qua chỉ có hiệu lực sau khi được Hội đồng Liên bang về thành phần là phản động tán thành và được hoàng đế chuẩn y. Hoàng đế và thủ tướng (độc lập với Quốc hội) có quyền hạn cực kỳ rộng. Hiến pháp duy trì các tấn tích của chế độ phân lập, các đặc quyền của từng tiểu quốc Đức.- 344.

235 Ở đây Ăng-ghen hài hước ghép dưới một tên gọi hai quốc gia "tự chủ" tí hon năm 1871 gia nhập Đế quốc Đức — Rây-xơ — Grây-txơ và Rây-xơ — Ghê-ra — Slây-xơ — Lô-ben-stê-in — E-béc-xđoóc-phơ của các quận vương Rây-xơ đông cả và đông thủ.- 344.

236 Ăng-ghen có ý nói đến bài phát biểu của nghị sĩ dân chủ — xã hội Cai-de với sự đồng ý của toàn bộ đảng đoàn dân chủ — xã hội trong quốc hội để bênh vực đề án của chính phủ về thuế quan bảo hộ năm 1879. Mác và Ăng-ghen kịch liệt lên án hành động của Cai-de, người đã phát biểu tại quốc hội bênh vực đề nghị có lợi cho các nhà công nghiệp lớn và đại địa chủ, thiệt cho quần chúng nhân dân, lên án sự dung túng của một số người lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức đối với Cai-de.-

Trường phái Man-se-xtơ — xem chú thích 105.- 346.

237 Ý nói những quyền đặc biệt của các quốc gia Nam Đức, chủ yếu là Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc, được ghi nhận trong các hiệp ước về việc những nước này gia nhập Liên bang Đức (tháng Mười một 1870) và trong hiến pháp của Đế quốc Đức (tháng Tư 1871). Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc đã duy trì thuế rượu và bia, độc lập quản lý bưu điện. Ba-vi-e ngoài ra còn duy trì quyền tự chủ trong việc quản lý quân đội của mình và trong việc quản lý đường sắt. Trong Hội đồng liên bang đã thành lập một ủy ban đặc biệt về các vấn đề chính sách đối ngoại có quyền phủ quyết, gồm các đại biểu của Ba-vi-e, Vuyếc-tem-béc, cũng như của Dắc-den.- 347.

238 Đây là nói nền chuyên chính của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ, người tự xưng là công sứ đầu tiên do cuộc chính biến ngày 18 tháng Sương mù (9 tháng Chín) 1799, đã hoàn tất quá trình phản cách mạng tư sản ở Pháp. Chế độ đó nối tiếp chế độ cộng hòa được thiết lập để chế. Na-pô-lê-ông được tôn là hoàng đế của người Pháp. Nhiều thiết chế quan liêu của Đế chế thứ nhất được tiếp tục duy trì ở Pháp, mặc dù các chế độ nối tiếp nhau, cả dưới thời Cộng hòa thứ ba được thiết lập vào tháng Chín 1870.- 348.

239 Ăng-ghen muốn nói tới cương lĩnh của Đảng công nhân Pháp thông qua tại đại hội ở Ha-vrơ tháng Mười một 1880. Tháng Năm 1880, một trong những người lãnh đạo những người xã hội chủ nghĩa Pháp là Gi. Ghe-đơ đến Luân Đôn, ở đây ông cùng với Mác, Ăng-ghen và La-phác-gơ xây dựng dự thảo cương lĩnh. Trong thư gửi Béc-stanh ngày 25 tháng Mười 1881, Ăng-ghen đã chỉ ra rằng phần lý luận mở đầu cương lĩnh do Mác đọc cho Ghe-đơ chép. "Sau đó, — Ăng-ghen viết, — chúng tôi thảo luận nội dung tiếp theo của cương lĩnh: một số điểm chúng tôi thêm vào, một số điểm chúng tôi bỏ đi".

Phần mở đầu do Mác soạn cho cương lĩnh của Đảng công nhân Pháp, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga. Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va, 1961, t. 19, tr.246, phần thực tiễn của cương lĩnh (cương lĩnh tối thiểu) xin xem cũng ở tập ấy, tr.574-575.- 351.

240 Cương lĩnh của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, mà Ăng-ghen có ý nói ở đây, được thông qua tại đại hội ở Bác-xê-lô-na năm 1888. — 351.

241 Bài "*Đại hội Bruy-xen và tổ chức kinh tế châu Âu*" là bức thư của Ăng-ghen gửi La-phác-gơ đề ngày 2 tháng Chín 1891, công bố trên báo "Socialiste" số 51, ngày 12 tháng Chín 1891, bị lược đi một ít và có những thay đổi của tòa soạn. Bài này được dịch ra tiếng Đức đăng trên báo "Vorwärts" số 216, ngày 16 tháng Chín 1891 ở mục "Bình luận chính trị". Trong thư gửi Bê-ben đề ngày 1 tháng Mười 1891, Ăng-ghen bày tỏ việc không hài lòng về chất lượng bản dịch ra tiếng Đức.

Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp ở Bruy-xen vào những ngày 16-22 tháng Tám 1891. Trước đại hội đã có cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người mác-xít và các phần tử cơ hội chủ nghĩa lại tìm cách giành lấy việc chuẩn bị đại hội (xem chú thích 112). Nhờ hoạt động kiên nghị của Ăng-ghen, người lãnh đạo cuộc đấu tranh của những người mác-xít, nên cả lần này nữa phái khả năng cùng không chia rẽ được khối đoàn kết quốc tế của

công nhân. Đại hội Bruy-xen với 337 đại biểu của nhiều nước châu Âu và của Mỹ tham dự, xét theo thành phần, về cơ bản, là một đại hội mác-xít. Khi thảo luận kết quả thẩm tra tư cách đại biểu, với đa số phiếu, đại hội đã thông qua quyết định không cho các phần tử vô chính phủ đến tham gia công việc của đại hội. Dự đại hội có đại biểu các hội công liên Anh, điều này được Ăng-ghen coi là một nhân tố rất tích cực.

Chương trình nghị sự của đại hội có các vấn đề về luật công nhân, về bãi công và tẩy chay, về chủ nghĩa quân phiệt.

Trong số các nghị quyết được đại hội thông qua, Ăng-ghen qua bức thư của mình đánh giá nghị quyết về Luật công nhân (những từ ông dẫn ra là ông lấy từ phần mở đầu và phần kết thúc của nghị quyết này), cũng như nghị quyết về bãi công và tẩy chay. Trong nghị quyết về luật công nhân có lời kêu gọi công nhân toàn thế giới liên hiệp tất cả mọi lực lượng của mình để đấu tranh chống ách thống trị của các nhà tư bản, còn ở những nơi mà công nhân có quyền chính trị, sử dụng những quyền ấy để tự giải phóng mình khỏi chế độ nô lệ làm thuê. Trong nghị quyết về bãi công tẩy chay, đại hội kiến nghị công nhân sử dụng những phương tiện đấu tranh ấy. Nghị quyết nhấn mạnh tuyệt đối cần có các tổ chức nghề nghiệp cho công nhân.

Vấn đề trung tâm tại đại hội là vấn đề thái độ của giai cấp công nhân đối với chủ nghĩa quân phiệt. Trong các báo cáo của Líp-nếch và Va-i-ăng về vấn đề này, cũng như trong nghị quyết mà Líp-nếch đưa ra có điểm nói rằng chủ nghĩa quân phiệt là con đẻ không tránh khỏi của chế độ tư bản chủ nghĩa, rằng chỉ có việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mới có thể chấm dứt chủ nghĩa quân phiệt và dẫn tới nền hòa bình giữa các dân tộc, rằng đảng chân chính đem lại hòa bình là những người xã hội chủ nghĩa. Đồng thời nghị quyết không xác định những nhiệm vụ và phương tiện, biện pháp đấu tranh cụ thể chống nguy cơ chiến tranh. Nghị quyết kết thúc bằng lời hô hào khá mập mờ kêu gọi công nhân tất cả các nước kiên quyết phản đối việc chuẩn bị chiến tranh và các liên minh quân sự, làm cho chủ nghĩa xã hội nhanh chóng toàn thắng bằng cách hoàn thiện tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản.

Đại biểu Hà Lan, người cầm đầu các phần tử nửa vô chính phủ chủ nghĩa trong Quốc tế II là D. Niu-ven-hây đã chống lại nghị quyết của Líp-nếch. Niu-ven-hây đã đưa ra một nghị quyết, theo đó trong trường hợp chiến tranh nổ ra thì những người xã hội chủ nghĩa tất cả các nước phải kêu gọi nhân dân nước mình tổng bãi công. Lời lẽ vô chính phủ chủ nghĩa của Niu-ven-hây không được đại hội ủng hộ. Đa số áp đảo đại biểu biểu quyết tán thành nghị quyết do V. Líp-nếch đưa ra.

Các quyết định của Đại hội Bruy-xen có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào công nhân quốc tế. Ăng-ghen đánh giá kết quả của đại hội "là thắng lợi về nguyên tắc và về sách lược của những người mác-xít". —355.

242 *Đại hội La Hay của Quốc tế I*— xem chú thích 134. —355.

243 Ăng-ghen có ý nói đến bài của G. V. Plê-kha-nốp "Tình hình chính trị — xã hội ở Nga năm 1890" in trong tạp chí "Neue Zeit" các số 47 — 52, năm 1851. Một phần bài này của Plê-kha-nốp cũng được đăng trong tạp chí "Người dân chủ — xã hội", quyển thứ ba, tháng Chạp 1890. —356.

244 Bài *"Chủ nghĩa xã hội ở Đức"* do Ăng-ghen viết trong khoảng giữa ngày 13 và ngày 22 tháng Mười 1891 và để in dưới dạng ban đầu trong cuốn "Almanach du Parti Ouvrier pour 1892". Theo thông báo về việc xuất bản cuốn niên giám này, đăng trên báo "Socialiste" ngày 26 tháng Chín 1891, người ta dự định trong cuốn niên giám đó sẽ điểm qua tình hình phong trào xã hội chủ nghĩa năm 1891 ở một loạt nước: Áo, Anh, Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Ru-ma-ni. Thông báo ghi rõ tác giả bài về phong trào xã hội chủ nghĩa ở Đức là Ăng-ghen. Ngày 23 tháng Chín 1891 Lau-ra La-phác-gơ, theo ủy nhiệm của ban lãnh đạo Đảng công nhân, đề nghị Ăng-ghen viết bài cho cuốn niên giám, đồng thời cho biết rằng đề tài của bài viết do Gi. Ghe-đơ và P.La-phác-gơ nêu. Như chính Ăng-ghen chỉ ra, đề nghị đó là dịp để ông phát biểu về vấn đề lập trường của những người xã hội chủ nghĩa Pháp và Đức nhân có nguy cơ nổ ra chiến tranh. Gửi bài cho Lau-ra La-phác-gơ, Ăng-ghen trong thư đề ngày 22 tháng Mười 1891 đề nghị chuyển bài cho ban lãnh đạo của đảng và báo cho ông biết ý kiến của ban lãnh đạo về bài viết. Như có thể thấy qua thư của P. La-phác-gơ gửi cho Ăng-ghen đề ngày 24 tháng Mười 1891, bài viết được tán thành và được đưa vào cuốn niên giám ra mắt vào đầu tháng Chạp 1891.

Sau lần xuất bản ấy, Ăng-ghen dịch tác phẩm ấy ra tiếng Đức cho tạp chí "Neue Zeit", đồng thời ông viết thêm một lời nói đầu ngắn và phần kết.

Bài của Ăng-ghen được phổ biến rộng rãi trong báo chí công nhân và xã

hội chủ nghĩa. Bản dịch từ tiếng Pháp của hai phần đầu đã được đăng trong tạp chí "Critica Sociale", số 2 và số 3, ngày 16 tháng Giêng và 1 tháng Hai 1892, hơn nữa phần thứ nhất in với nhan đề do tòa soạn đặt "Thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Đức", phần thứ hai in dưới nhan đề: "Đảng dân chủ — xã hội Đức và thế giới". Phần kết của tác phẩm được in lại trong tạp chí này (dịch từ tiếng Đức có lược bớt một ít) số 7, ngày 1 tháng Tư 1892 dưới nhan đề: "Nạn đói ở Nga, nguyên nhân và ý nghĩa của nó". Cũng năm ấy tác phẩm được xuất bản riêng bằng tiếng I-ta-li-a do Mác-ti-nhét-ti dịch.

Bản dịch từ tiếng Đức của bài "Chủ nghĩa xã hội ở Đức" đã được đăng trong tạp chí Ba Lan "Przedswit" ("Bình minh") xuất bản ở Luân Đôn số 33 và số 34, ngày 13 và 20 tháng Hai 1892, cũng như bằng tiếng Ru-ma-ni, không có lời nói đầu, trong tạp chí "Critica Sociala" ("Phê bình xã hội") xuất bản ở I-a-xơ, số 2 và số 3, tháng Giêng và tháng Hai 1892. Cùng năm đó, tác phẩm cũng được xuất bản bằng tiếng Anh ở Mỹ.

Những bản dịch tiếng Nga đầu tiên của tác phẩm này của Ăng-ghen đã được in vào những năm 1892 — 1893 bằng lối in thạch; năm 1906 bản dịch tác phẩm từ tiếng Đức được xuất bản thành sách lẻ ở Pê-tec-bua và Ki-ép.

"Almanach du Parti Ouvrier" ("Niên giám của Đảng công nhân") — niên giám xã hội chủ nghĩa Pháp, xuất bản ở Li-lơ những năm 1892 - 1894 và 1896 do Gi. Ghê-đơ và B.La-phác-gơ biên tập. —359.

245 Cái gọi là những người cộng hòa "thuần túy" (hoặc tam tài) — đảng của những người cộng hòa tư sản ôn hòa dựa vào giai cấp tư sản công nghiệp và vào bộ phận trí thức tự do chủ nghĩa gần với nó ở Pháp. Cơ quan ngôn luận của đảng này là báo "Le National" ("Báo Dân tộc") xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến năm 1851. Tổng biên tập của báo là Ác-măng Mác-ra-xtơ.

"Tổ chức lao động" ("Organisation du travail") — tên gọi cuốn sách của Lu-i Blăng trong đó ông trình bày cương lĩnh xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản; sách xuất bản lần thứ nhất ở Pa-ri năm 1840. —364.

246 Ý nói Đảng công nhân dân chủ — xã hội Đức (Đảng Ai-dơ-nắc) thành lập tại đại hội toàn Đức của những người dân chủ — xã hội Đức, Áo và Thụy Sĩ trong những ngày 7 — 9 tháng Tám 1869 ở Ai-dơ-nắc và về sau cũng được gọi là "đảng Ai-dơ-nắc". Cương lĩnh thông qua tại đại hội, tuy có một số điểm chưa

chín chắn và sai lầm, về cơ bản xuất phát từ các nguyên lý của chủ nghĩa Mác. —364.

247 Về việc hợp nhất tại đại hội ở Gô-ta, xin xem chú thích 132. —365.

248 Ăng-ghen có ý nói nghị quyết ra năm 1891 của Ban chấp hành Đảng dân chủ — xã hội Đức về việc xuất bản toàn tập các tác phẩm của Ph.Lát-xan. —365.

249 Ăng-ghen sử dụng lời của nhà hoạt động chính trị bảo thủ thời Cộng hòa thứ hai ở Pháp O. Ba-rô "tính hợp pháp giết chết chúng ta" phản ánh ý định của các đại biểu thế lực phản động Pháp cuối năm 1848 — đầu năm 1849 khiêu khích đẩy lên một cuộc khởi nghĩa nhân dân và, sau khi đè bẹp nó, khôi phục chế độ quân chủ. —368.

250 Ở đây Ăng-ghen phỏng lại lời của một trong những sĩ quan đội vệ binh Pháp trên chiến trường Phông-tê-nua (11 tháng Năm 1745) bị quân Pháp đánh bại trong thời gian chiến tranh giành kế vị ngôi vua Áo (1740 — 1746). Khi quân đội Anh — Hà Lan — Han-nô-vơ thù địch với quân đội Pháp đến gần, viên sĩ quan này hô: "các ngài Anh, bắn trước đi!". —369.

251 Về trận đánh ở Xê-đăng, xin xem chú thích 194. - 371.

252 Ăng-ghen trích dẫn "Lời kêu gọi thứ hai của Tổng hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về chiến tranh Pháp — Phổ" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.367-370).-371.

253 Đây là nói việc quân đội nước cộng hòa Pháp đánh lui sự xâm lược của quân đội khối liên minh của các cường quốc châu Âu (Áo, Phổ, Anh v.v.) vào năm 1793 trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp thế kỷ XVIII. —376.

254 Ý nói buổi tiếp đón trọng thể đội tàu chiến Pháp ở Crôn-stát tháng Bảy 1891 đã trở thành một cuộc công khai biểu dương sự xích gần lại nhau của nước Nga Sa hoàng và nước Pháp. Đồng thời với việc đó đã diễn ra cuộc đàm phán ngoại giao kết thúc vào tháng Tám 1892 bằng việc ký kết hiệp định Pháp — Nga theo đó Pháp và Nga phải tham khảo ý kiến của nhau về các vấn đề chính sách quốc tế và cùng nhau hành động trong trường hợp một trong hai bên có nguy cơ bị tấn công. Hiệp định đó là một mốc quan trọng trên con đường định hình hắn Liên minh Pháp — Nga vào năm 1893. —377.

255 Đây là nói khoản vay 125 triệu rúp vàng (tức 500 triệu phrăng) lãi suất ba phần trăm mà Nga ký kết ở Pháp tháng Chín 1891. Việc vay lúc đầu đã thành công lớn, số tiền 125 triệu lúc ký đã vượt $7\frac{1}{2}$ lần. Song do thị giá tiền Nga sụt mạnh trên thị trường chứng khoán châu Âu, do tình hình kinh tế của Nga trở nên gay gắt vì nạn đói năm 1891, nên hai bên ký kết bèn khước từ nhận trái khoán. Để ngăn ngừa sự sụp đổ hoàn toàn của khoản vay, chính phủ Nga đã buộc phải mua một phần trái khoán. Vì vậy khoản vay chỉ được thực hiện với số tiền gần 96 triệu rúp. —378.

256 Về cuộc cải cách ruộng đất ở Phổ thế kỷ XIX và việc xóa bỏ chế độ nông nô được tiến hành "từ trên xuống" trong cuộc cải cách ấy, đi đôi với nó là việc vơ vét nông dân làm lợi cho địa chủ quý tộc, xin xem tác phẩm của Ph. Ăng-ghen "Về lịch sử giai cấp nông dân Phổ" (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.356-371).- 380.

257 Xem phần thứ 5 chương thứ tư tập thứ nhất bộ "Tư bản" (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.1035-1041).- 381.

258 Ăng-ghen có ý nói đến những tác phẩm của các nhà kinh tế học Pháp cuối thế kỷ XVII — đầu thế kỷ XVIII — X. Vô-băng "Projet d'une Dixme Royale" (Đề án thuế thập phân của nhà vua), 1707, và P. Boa-ghin-be "Le Detail de la France" ("Thương nghiệp bán lẻ của Pháp") (một loạt lần xuất bản ra mắt vào những năm 1695 — 1707). —381.

259 Giấy mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ mười hai của tờ báo "Volksfreund" dự định tổ chức ở Bruyn (tên gọi bằng tiếng Séc là Brd-nô) vào ngày 22 tháng Mười một 1891, Ăng-ghen nhận được trong thư của tòa soạn báo gửi cho ông vào đầu tháng Mười một 1891. Song ngày lễ ấy, mà những người tổ chức định làm cho nó có tính chất là một cuộc biểu dương chính trị chống các đạo luật phản động của Áo về báo chí, đã bị các nhà chức trách cảnh sát cấm.

"Volksfreund" ("Bạn dân") — báo xã hội chủ nghĩa, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ — xã hội Áo, thành lập ở Bruyn vào năm 1881. —384.

260 *Phái Séc trẻ* — đảng tự do tư sản Séc biểu hiện lợi ích chủ yếu là của giai cấp tư sản công nghiệp; lúc đầu phái này ở trong Đảng quốc gia, tạo thành cánh

tự do chủ nghĩa trong đảng đó; năm 1874, phái Séc trẻ tách ra thành "đảng của những người có tư tưởng tự do" riêng biệt, trong những năm 90 trở thành một đảng tư sản chủ chốt của Séc. Phái Séc trẻ đề ra yêu sách đổi cải tạo Áo - Hung thành nền quân chủ Áo — Hung — Séc gồm ba bộ phận thống nhất làm một, cố giành địa vị thống trị trong đó cho giai cấp tư sản Séc, củng cố vị trí kinh tế và chính trị của nó bằng cách làm suy yếu vị trí của giai cấp tư sản Đức. Đảng Séc trẻ có thái độ thù địch với hoạt động của đảng dân chủ — xã hội, tìm cách phá hoại ảnh hưởng của đảng này trong quần chúng lao động. —385.

261 Ý nói bài đăng trên báo "Daily Chronicle" ngày 17 tháng Mười một 1891 dưới nhan đề "Vụ ông La-phác-gơ".

"Daily Chronicle" ("Tin nhanh hàng ngày") — tờ báo tự do chủ nghĩa Anh xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1885 (với tên gọi này từ năm 1877) đến năm 1930; cuối thập kỷ 80 — đầu thập kỷ 90 đã đăng các tài liệu về phong trào công nhân Anh. —386.

262 Về việc các nhà đương cục Pháp truy bức La-phác-gơ và các con gái của Mác vào tháng Tám 1871 khi họ lưu trú tại thị trấn an dưỡng ở miền núi Va-nhe-đơ Luy-sông (Pi-rê-nê), xin xem thư Mác gửi ông Đan tổng biên tập tờ báo Mỹ "Sun" ngày 25 tháng Tám 1871 và thư của con gái Mác Gien-ni gửi ông tổng biên tập tuần báo Mỹ "Woodhull and Claflin's Weekly" tháng Chín 1871 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.530-534 và 859-873).-387.

263 *Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức ở Luân Đôn* do R. Sáp-pê, I. Môn-lơ và những nhà hoạt động khác của Đồng minh những người chính nghĩa thành lập vào năm 1840. Sau khi Đồng minh những người cộng sản được tổ chức, vai trò lãnh đạo trong Hội thuộc các phân bộ sở tại của Đồng minh. Mác và Ăng-ghen đã tham gia tích cực vào hoạt động của Hội trong những năm 1847 và 1849 — 1850. Ngày 17 tháng Chín 1850 Mác, Ăng-ghen và một loạt người đứng về phía hai ông đã ra khỏi Hội nhân khi trong cuộc đấu tranh giữa đa số do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo trong Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản với thiểu số bè phái phiêu lưu chủ nghĩa (phái Vi-lích-Sáp-pơ), phần lớn hội viên đứng về phái thiểu số. Từ cuối những

năm 50, Mác và Ăng-ghen lại tham gia hoạt động của Hội. Với việc thành lập Quốc tế I, Hội – mà một trong những người lãnh đạo của nó là Ph. Lét-xne – đã gia nhập Hội liên hiệp công nhân quốc tế. Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức ở Luân Đôn tiếp tục tồn tại đến năm 1918 khi bị chính phủ Anh đóng cửa. Trong thế kỷ XX, nhiều người lưu vong chính trị Nga lui tới Hội.- 389.

264 Lời tựa này Ăng-ghen viết cho lần xuất bản bằng tiếng Anh quyển sách của ông "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.317-698) xuất bản ở Luân Đôn năm 1892. Lần xuất bản này là lần xuất bản thứ hai bản dịch tiếng Anh đã được tác giả đồng ý, lần đầu tiên in ở Niu Oóc năm 1887. Phần cơ bản của lời tựa – có những thay đổi nhỏ của ban biên tập và một số đoạn cắt – là phụ lục Ăng-ghen viết năm 1866 cho lần xuất bản cuốn sách ở Mỹ (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.375-383) và bài của Ăng-ghen "Nước Anh vào những năm 1845 và 1885" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.291-301) đã được đưa vào phụ lục này. Phần kết của lời tựa là do Ăng-ghen viết riêng cho lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1892. – 391.

265 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr. 491-504. – 391.

266 *Các đạo luật về ngũ cốc* quy định thuế nhập khẩu ngũ cốc cao ở Anh và nhằm hạn chế hoặc cấm nhập ngũ cốc từ nước ngoài vào, được ban hành vì lợi ích của đại địa chủ. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư bản công nghiệp và tầng lớp quý tộc địa chủ vì các đạo luật về ngũ cốc kết thúc bằng việc ban hành vào năm 1846 luật về hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc. Biện pháp ấy và việc giá ngũ cốc hạ xuống liên quan với nó, làm cho giá sinh hoạt rẻ đi một ít, rốt cuộc làm cho tiền lương của công nhân giảm xuống và lợi nhuận của giai cấp tư sản tăng lên. Việc hủy bỏ các đạo luật về ngũ cốc là một đòn mạnh đánh vào tầng lớp quý tộc địa chủ và góp phần đẩy nhanh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh. – 392.

267 Ăng-ghen trình bày chế độ trả công bằng hàng hóa trong tác phẩm "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng

Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.554-556). Đạo luật cấm sử dụng chế độ này được ban hành năm 1831; song nhiều chủ xưởng đã vi phạm đạo luật.

Đạo luật về ngày làm việc mười giờ chỉ áp dụng đối với thiếu niên và nữ công nhân, được nghị viện Anh thông qua ngày 8 tháng Sáu 1847. – 393.

268 *"Tiểu Ai-len"* ("Little Ireland") – khu phố lao động chủ yếu là người Ai-rơ-len ở ngoại vi phía nam của Man-se-xtơ. Ăng-ghen mô tả tỉ mỉ khu phố này trong tác phẩm "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.401-404).

"Bảy mũi tên" ("Seven Dials") – khu phố lao động ở trung tâm Luân Đôn. – 395.

269 Ý nói "Report of the Royal Commission on the Housing of the Working Classes. England and Wales". 1885 ("Báo cáo của Ủy ban hoàng gia về điều kiện nhà ở của các giai cấp lao động. Nước Anh và xứ Ơn-xơ". 1885). - 395.

270 *Chế độ nhà ở ở ngoại thành* – chế độ chủ xưởng cấp nhà ở cho công nhân ở với điều kiện nó định khấu trừ tiền thuê nhà vào tiền lương của công nhân (điều này xin xem chi tiết ở C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr. 555-557). - 396.

271 Đây là nói cuộc bãi công của trên 10.000 thợ mỏ ở mỏ than Pen-xin-va-ni-a (Mỹ) diễn ra từ ngày 22 tháng Giêng đến ngày 26 tháng Hai 1866. Trong quá trình bãi công, công nhân các lò cao và lò than cốc đòi tăng lương và cải thiện điều kiện lao động, đã thỏa mãn một phần các yêu sách của mình.

Về việc bãi công của công nhân mỏ than ở Bắc Anh năm 1844, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr. 642-651.- 396.

272 Bản dịch tiếng Anh đầu tiên tập I bộ "Tư bản" do X.Mu-rơ dịch và Ăng-ghen hiệu đính, ra mắt năm 1887. - 397.

273 *"The Commonweal"* ("Phúc lợi chung") – tạp chí hàng tuần bằng tiếng Anh xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1885 – 1891 và 1893 – 1894; cơ quan ngôn luận của Đồng minh xã hội chủ nghĩa; trong những năm 1885 – 1886, Ăng-ghen có một số bài đăng trong tạp chí này. -399.

274 Hiến chương nhân dân chứa đựng những yêu sách của những người tham gia phong trào Hiến chương, được công bố ngày 8 tháng Năm 1838 với tư cách một dự luật dùng để đưa ra nghị viện: hiến chương gồm sáu điểm: quyền bầu cử phổ thông (đối với nam giới đạt 21 tuổi), hàng năm bầu nghị viện, bỏ phiếu kín, làm cho các khu bầu cử ngang bằng nhau, hủy bỏ tiêu chuẩn tài sản đối với người ứng cử nghị sĩ, thù lao cho các nghị sĩ. Ba đơn yêu cầu của phái Hiến chương yêu cầu thông qua Hiến chương nhân dân gửi nghị viện đã bị nghị viện bác trong những năm 1839, 1842 và 1849. — 399.

275 *Ngày 10 tháng Tư 1848* là ngày phái Hiến chương định tổ chức ở Luân Đôn một cuộc biểu tình lớn kéo về trụ sở nghị viện nhằm đưa đơn yêu cầu thứ ba đòi thông qua Hiến chương nhân dân. Chính phủ cấm biểu tình, quân đội và cảnh sát được tập trung về Luân Đôn để ngăn cản tiến hành biểu tình. Ban lãnh đạo phái Hiến chương, trong đó có nhiều người tỏ ra dao động, đã quyết định thôi tiến hành biểu tình và thuyết phục những đám đông người biểu tình giải tán. Thất bại của cuộc biểu tình đã được thế lực phản động lợi dụng để tấn công công nhân và đàn áp phái Hiến chương. -400.

276 Đây là nói việc cải cách luật bầu cử, luật cải cách đã được hạ nghị viện Anh thông qua năm 1831 và thượng nghị viện chuẩn y vào tháng Sáu 1832. Cuộc cải cách nhằm chống sự độc quyền chính trị của giới quý tộc địa chủ và tài chính và mở đường cho các đại biểu của giai cấp tư sản công nghiệp đi vào nghị viện. Giai cấp vô sản và giai cấp tiểu tư sản là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh cho cải cách đã bị giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa lừa dối và không có được quyền bầu cử.- 400.

277 Năm 1867 ở Anh dưới sức ép của phong trào công nhân rộng lớn đã tiến hành cuộc cải cách nghị viện thứ hai. Tổng hội đồng Quốc tế I đã tích cực tham gia phong trào đòi cải cách. Theo luật mới, tiêu chuẩn tài sản đối với cử tri ở các tỉnh được hạ xuống còn 12 pao địa tô một năm đối với tá điền, ở thành thị quyền bỏ phiếu được trao cho tất cả những người chủ nhà và người thuê nhà, cũng như cho những người thuê căn hộ đã sống ở nơi ấy ít nhất một năm và đã nộp tiền thuê căn hộ với mức không dưới 10 pao. Do cuộc cải cách năm 1867, số cử tri ở Anh tăng lên hơn gấp đôi, một bộ phận nào đó công nhân lành nghề cũng được quyền bầu cử.

Năm *1884* ở Anh dưới sức ép của phong trào quy mô lớn ở các vùng nông thôn đã tiến hành cuộc cải cách nghị viện thứ ba, kết quả là các khu vực nông thôn cũng áp dụng những điều kiện có được phiếu bầu như quy định năm 1867 cho dân cư các khu vực thành thị. Sau cuộc cải cách bầu cử thứ ba, những tầng lớp dân cư khá lớn: giai cấp vô sản nông thôn và dân nghèo thành thị, cũng như tất cả phụ nữ ở Anh, vẫn chưa có quyền bầu cử. Chế độ bỏ phiếu kín được ban hành năm 1872. — 402.

278 Ý kiến nói rằng cả sau năm 1848 thế lực phản động đóng vai trò người ra lệnh tinh thần độc đáo của cách mạng, thực hiện một cách tất yếu các yêu cầu của cách mạng, tuy dưới một dạng méo mó theo lối biếm họa, do Mác phát biểu trong một loạt tác phẩm, đặc biệt là trong bài "Tinh thần Ec-phuốc năm 1859" (C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.337-540).- 402.

279 Xem "Report of the Fifty — Third Meeting of the British Association for the Advancement of Science; held at Southport in September 1883" London, 1884, p.608-609 ("Báo cáo về cuộc hội nghị thứ năm mươi ba của Hội xúc tiến phát triển khoa học Anh họp ở Xao-po tháng Chín 1883". Luân Đôn, 1884, tr. 608 — 609).

Hội xúc tiến phát triển khoa học Anh được thành lập năm 1831 và tồn tại ở Anh đến nay; tài liệu các hội nghị hàng năm của Hội được công bố dưới dạng các bản tường thuật. — 406.

280 Bài này là bài đập lại sự phê phán của nhà triết học và nhà hoạt động chính trị tư sản I-ta-li-a G. Bô-vi-ô đối với phần thứ nhất bài viết của Ăng-ghen "Chủ nghĩa xã hội ở Đức", đo tạp chí "Critica Sociale" số 2, ngày 16 tháng Giêng 1892 đăng bản tiếng I-ta-li-a dịch từ bản in trong "Almanach du Parti Ouvrier pour 1892". Tổng biên tập tạp chí "Critica Sociale" Ph. Tu-ra-ti ngày 2 tháng Hai 1892 gửi cho Ăng-ghen bài của Bô-vi-ô đăng trên báo "Tribuna" với đề nghị trả lời bài đó. Ăng-ghen viết bài trả lời bằng tiếng Pháp và chuyển đi cùng với thư đề ngày 6 tháng Hai 1892 gửi Tu-ra-ti. Bản dịch tiếng I-ta-li-a do Tu-ra-ti thực hiện và được Ăng-ghen tán thành được đăng trong tạp chí "Critica Sociale" số 4, ngày 16 tháng Hai 1892 với nhan đề "Phri-đrích Ăng-ghen — Giô-van-ni Bô-vi-ô" và được một loạt báo I-ta-li-a đăng lại.

"Critica Sociale" ("Phê bình xã hội"). — tạp chí I-ta-li-a ra hai tuần một số, cơ quan lý luận của đảng xã hội chủ nghĩa, xuất bản với tên gọi này từ năm 1891 đến năm 1924 tại Mi-lan; tổng biên tập của tạp chí là Ph. Tu-ra-ti. Trong

những năm 90 thế kỷ XIX, tạp chí đã công bố các tác phẩm của Mác và Ăng-ghen và đã đóng vai trò rõ rệt trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở I-ta-li-a.

"La Tribuna" ("Diễn đàn") — báo tự do chủ nghĩa tư sản ra hàng ngày ở I-ta-li-a, xuất bản ở Rô-ma từ năm 1883. — 410.

281 Lời tựa này Ăng-ghen viết bằng tiếng Đức cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (văn bản "Tuyên ngôn", xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.591-646) ra mắt ở Luân Đôn năm 1892. Việc xuất bản do những người lưu vong Ba Lan tiến hành và nhà xuất bản tạp chí "Przed'swit" xuất bản. Lần xuất bản này được ghi là lần xuất bản thứ hai, vì lần xuất bản trước (do nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan Pê-các-xki dịch) cũng do nhà xuất bản ấy thực hiện ở Giơ-nơ-vơ năm 1883. Song, như chính Mác và Ăng-ghen đã nêu trong lời tựa viết cho lần xuất bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" bằng tiếng Đức năm 1872, bản dịch tiếng Ba Lan đầu tiên được công bố ở Luân Đôn ngay hồi năm 1848 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr. 127). Sau khi gửi lời tựa cho nhà xuất bản "Przed'swit", ngày 11 tháng Hai 1892 Ăng-ghen đã viết cho Xta-ni-xláp Men-đen-xơn rằng ông hy vọng sau này nắm được tiếng Ba Lan để nghiên cứu kỹ sự phát triển của phong trào công nhân ở Ba Lan; lúc đó ông sẽ có thể viết cho lần xuất bản sau bằng tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" một lời tựa dài hơn.

"Przed'swit" ("Bình minh") — tạp chí xã hội chủ nghĩa Ba Lan xuất bản từ năm 1880 đến năm 1914. Từ năm 1891 ra ở Luân Đôn mỗi tuần một số. — 414.

282 *Ba Lan theo quyết định của đại hội* — xem chú thích 42. — 415.

283 *Ngày 14 tháng Bảy 1789* — ngày quần chúng nhân dân Pa-ri chiếm ngục Ba-xti và ngày nổ ra cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.

Ngày 22 tháng Chín 1792 — ngày tồn tại đầu tiên của Cộng hòa Pháp do Hội nghị quốc ước ngày 21 tháng Chín 1792 tuyên bố thành lập. Ngày này được coi là ngày thứ nhất của lịch cách mạng được Hội nghị quốc ước chuẩn y vào năm 1793. — 417.

284 Lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức năm 1892 tác phẩm của Mác "Sự khốn

cùng của triết học. Trả lời "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.97-258) là in lại bản xuất bản lần thứ nhất bằng tiếng Đức (1885) với những sửa chữa mà Ăng-ghen đã nói trong nhận xét mở đầu này. Trong lần xuất bản năm 1892 đã in lại lời tựa của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr. 267-286), cũng như (ở phần phụ lục) tác phẩm của Mác "Diễn văn về mậu dịch tự do" và bài viết của ông "Bàn về Pru-đông" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.569-590 và t.16, tr.39-50).

Chỗ được nhắc đến trong lời nhận xét mở đầu, xin xem ở t. 4, tr. 569-589 và t. 16, tr. 39-50. Một số điểm không chính xác để sót ở đây trong bản in bằng tiếng Pháp năm 1847 và lặp lại trong bản in bằng tiếng Đức năm 1885 đã bị nhà xã hội học và luật học tư sản Áo A.Men-gơ sử dụng trong sách của ông ta" Quyền thu nhập đầy đủ về lao động được soi sáng qua lịch sử" (1886) để nói xấu Mác và Ăng-ghen. Trong tác phẩm luận chiến "Chủ nghĩa xã hội pháp lý" nhằm chống Men-gơ cũng đã vạch trần những điều bịa đặt ấy (về điểm này, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.715-716). — 419.

285 W. Thompson, "An Inquiry into the Principles of the Distribution of Wealth Most Conducive to Human Happiness", London, 1824 (U. Tôm-xơn, "Nghiên cứu các nguyên tắc phân phối của cải góp phần nhiều nhất cho hạnh phúc của con người", Luân Đôn, 1824). — 419.

286 Lời nói đầu này Ăng-ghen viết cho lần xuất bản bằng tiếng Anh tác phẩm của ông "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.185-230) xuất bản ở Luân Đôn năm 1892 do E. E-vơ-linh dịch, lấy nhan đề là "Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học". Ăng-ghen cũng đưa vào phụ lục của cuốn sách này bài khảo luận "Mác-cơ" do ông viết năm 1882 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.327-345).

Tháng Sáu 1892, Ăng-ghen dịch lời nói đầu ra tiếng Đức và tháng Bảy gửi

cho tạp chí "Neue Zeit" in vào số 1 và số 2, 1892 dưới nhan đề "Về chủ nghĩa duy vật lịch sử". Khi in lời nói đầu, ban biên tập tạp chí bỏ đi bảy đoạn đầu, và nói trong chú thích cuối trang rằng nội dung bảy đoạn ấy ở Đức đã biết và không quan trọng đối với bạn đọc Đức.

Một số phần của lời tựa được in bằng tiếng Pháp dưới nhan đề "Ba trận đánh của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến" và "Đảng công nhân" trên báo "Socialiste" các số 115, 116 và 118 ngày 4, 11 và 25 tháng Chạp 1892 và số 119 và 120, ngày 1 và 9 tháng Giêng 1893. Lời nói đầu — không có tám đoạn đầu — cũng được in bằng tiếng Bun-ga-ri trong tạp chí "Người dân chủ — xã hội" số 3, năm 1893.

Lời nói đầu được Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin in bằng tiếng Nga lần đầu tiên năm 1926 trong cuốn: Ph. Ăng-ghen. "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học". —420.

287 Về việc hợp nhất phái Ai-đô-nắc và phái Lát-xan, xin xem chú thích 132. —420.

288 Ý nói những sách sau đây: E. Dühring. "Cursus der Philosophie als streng wissenschaftlicher Weltanschauung und Lebensgestaltung", Leipzig, 1875 (O. Duy-rinh. "Giáo trình triết học với tư cách là thế giới quan và nhân sinh quan khoa học nghiêm túc", Lai-pxích, 1875). E. Dühring. "Cursus der National-und Socialökonomie einschliesslich der Hauptpunkte der Finanzpolitik", 2. Aufl., Leipzig, 1876 (O. Duy-rinh. "Giáo trình kinh tế chính trị và kinh tế xã hội, bao hàm những vấn đề cơ bản của chính sách tài chính". Xuất bản lần thứ hai, Lai-pxích, 1876). E. Dühring. "Kritische Geschichte der Nationalökonomie und der Socialismus", 2. Aufl., Berlin, 1875 (O. Duy-rinh. "Lịch sử phê phán của kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội". Xuất bản lần thứ hai, Béc-lin, 1875). —423.

289 *Chế độ song bản vị* — hệ thống tiền tệ trong đó hai kim loại tiền tệ — vàng và bạc — đồng thời thực hiện các chức năng của tiền tệ. -423.

290 Tác phẩm của Ăng-ghen "Chống Duy-rinh" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.20, tr.9-450) được công bố dưới dạng một loạt bài trên báo "Vorwärts" sau đó trong phụ trương báo này trong thời gian tháng Giêng — tháng Năm và tháng Bảy —

tháng Chạp 1877 và tháng Năm — tháng Bảy 1878. Tác phẩm được xuất bản riêng thành sách lần đầu tiên ở Lai-pxích năm 1878.

"*Vorwärts*" ("Tiến lên") — cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức. Báo xuất bản ở Lai-pxích từ ngày 1 tháng Mười 1876 theo quyết định của Đại hội Gô-ta của Đảng thay cho báo "Volksstaat" — cơ quan ngôn luận của phái Ai-đô-nắc và báo "Neuer Sozialdemokrat" ("Người dân chủ — xã hội mới") — cơ quan ngôn luận của phái Lát-xan; bị đóng cửa ngày 27 tháng Mười 1878 sau khi đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa được ban hành. -424.

291 F.Engels. "Socialisme utopique et socialisme scientifique". Paris, 1880. Ăng-ghen biên soạn cuốn sách này gồm chương I của "Phần mở đầu" cuốn "Chống Duy-rinh" và chương I, chương II phần thứ ba tác phẩm này, viết thêm một số đoạn và sửa một số chỗ. Nhan đề "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" được đặt cho lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức năm 1883. —424.

292 F. Engels. "Socyjalizm utopijny a naukowy". Genève. Redakcyi "Przed świtu", 1882. Về lần xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha, xin xem chú thích 211. —424.

293 F. Engels. "Socialism utopic şi socialism ştiinţific". Bucureşti, 1891. Về các lần xuất bản tác phẩm của Ăng-ghen bằng tiếng Đức, I-ta-li-a, Nga, Đan Mạch và Hà Lan, xin xem chú thích 210 và 211. —424.

294 Ăng-ghen có ý nói đến tác phẩm của M. M. Cô-va-lép-xki "Tableau des origines et de l'évolution de la famille et de la propriété". Stockholm, 1890 ("Khảo luận về nguồn gốc và sự phát triển của gia đình và của chế độ sở hữu". Xtốc-khôn, 1890) và "Pháp quyền nguyên thủy", tập I. Thị tộc" Mát-xcơ-va, 1886. —425.

295 Về lần xuất bản bằng tiếng Anh bộ "Tư bản" xin xem chú thích 272. —425.

296 *Phái duy danh* — những người theo một trường phái trong triết học trung cổ thừa nhận những khái niệm loài chung là những tên, sản phẩm của tư duy con người và của ngôn ngữ — chỉ thích dụng để chỉ những sự vật đơn lẻ tồn tại thực tế. Trái với phái duy thực thời trung cổ, phái duy danh phủ nhận sự tồn tại của các khái niệm như là những nguyên mẫu và nguồn gốc sáng tạo của các sự vật. Như vậy, họ thừa nhận tính thứ nhất của sự vật và tính thứ hai của

khái niệm. Với ý nghĩa đó, chủ nghĩa duy danh là biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật thời trung cổ. —427.

297 *Chủng tử* — theo học thuyết của nhà triết học cổ Hy Lạp A-na-xa-go, là những phần tử vật chất xác định về chất cực nhỏ có thể phân chia vô tận. A-na-xa-go cho rằng các chủng tử là cơ sở đầu tiên của tất cả mọi cái đang tồn tại và kết hợp chúng lại thì có được những sự vật muôn hình muôn vẻ.- 427.

298 J. Locke. "An Essay concerning Human Understanding" (Gi. Lốc-cơ. "Khảo luận về lý trí con người"). Xuất bản lần đầu ở Luân Đôn năm 1690. —430.

299 *Tự nhiên thần luận* — học thuyết triết học tôn giáo thừa nhận thượng đế là nguyên nhân đầu tiên hợp lý không có cá tính của thế giới, nhưng phủ nhận sự can thiệp của thượng đế vào đời sống của giới tự nhiên và của xã hội. Trong điều kiện thế giới quan phong kiến— giáo hội giữ địa vị thống trị, tự nhiên thần luận nhiều khi hành động trên lập trường duy lý chủ nghĩa, phê phán thế giới quan thần học trung cổ, vạch trần tính chất ăn bám và thói bịp bợm của giới thầy tu. —430.

300 C.Mác và Ph. Ăng-ghen. "Gia đình thần thánh, hay là phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn" (đoạn trích dẫn ở đây, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t.2, tr.194-198). —430

301 Ý nói cuộc triển lãm công thương nghiệp toàn thế giới đầu tiên ở Luân Đôn tháng Năm — tháng Mười 1851. —431.

302 *"Quân đội cứu tinh"* — tổ chức tôn giáo tư thiện phản động do nhà truyền giáo U. Bu-xơ thành lập ở Anh năm 1865 và tiếp tục mở rộng hoạt động sang những nước khác (lấy tên gọi này năm 1880 sau khi được tổ chức lại theo kiểu mẫu quân sự). Được giai cấp tư sản nâng đỡ đáng kể, tổ chức này đã đẩy mạnh công việc tuyên truyền tôn giáo rộng lớn, xây dựng cả một mạng lưới những cơ sở từ thiện nhằm đánh lạc hướng quần chúng lao động khỏi cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột. Một số nhà truyền giáo của nó đã sử dụng đến lối mị dân xã hội, lên án giả vờ thói ích kỷ của người giàu. —432

303 Đây là nói tác phẩm của P. X. La-pla-xơ "Traité de mecanique céleste" "(Khảo luận về cơ học thiên thể"). Sách này gồm năm tập xuất bản lần thứ nhất ở Pa-ri trong những năm 1799 — 1825. —432.

304 Cuộc khởi nghĩa của giới quý tộc Đức trong những năm 1522 — 1523 và cuộc chiến tranh nông dân 1524 — 1525 ở Đức được Ăng-ghen trình bày trong tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993, t.7, tr.455-575). —440.

305 "Cuộc cách mạng vẻ vang" là tên gọi mà ngành sử học tư sản Anh đặt cho cuộc chính biến năm 1688 mà kết quả là ở Anh đã lật đổ vương triều Xtiu-ớt và thiết lập chế độ quân chủ lập hiến đứng đầu là Uy-li-am O-răng-giơ (từ năm 1689) dựa trên sự thỏa hiệp giữa giới quý tộc địa chủ và giai cấp đại tư sản.—443.

306 *Cuộc chiến tranh Hoa hồng đỏ và Hoa hồng trắng* (1455 — 1485) — cuộc chiến tranh giành ngôi vua giữa người của hai dòng họ phong kiến Anh: dòng họ Lăn-cát-xtơ mang hoa hồng đỏ thắm trên lộc huy. Tập hợp xung quanh dòng họ Lăn-cát-xtơ là bộ phận những chúa phong kiến miền nam phát triển hơn về mặt kinh tế, giới hiệp sĩ và dân thành thị; ủng hộ dòng họ Lan-ca-xtơ là giới quý tộc phong kiến các tỉnh miền Bắc. Cuộc chiến tranh đã dẫn đến chỗ hầu như hoàn toàn tuyệt diệt các dòng họ phong kiến cổ và kết thúc bằng việc một vương triều mới, dòng họ Tuy-đo lên nắm chính quyền, thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế ở Anh. —443.

307 Cách nói lấy trong lời tựa của Hốp-xơ viết cho quyển sách "De Cive" ("Về người công dân") ông viết ở Pa-ri năm 1642 lúc đầu phổ biến dưới dạng viết tay và công bố ở Am-xtéc-đam năm 1647.- 445.

308 *Triết học Đê-các-tơ* — học thuyết của các môn đồ của nhà triết học Pháp thế kỷ XVII Đê-các-tơ; từ triết học của ông, họ rút ra những kết luận duy vật.—446.

309 Ăng-ghen có ý nói đến "Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân" do Quốc hội lập hiến thông qua năm 1789, trong đó trình bày các nguyên tắc chính trị của chế độ tư sản mới. Tuyên ngôn được đưa vào Hiến pháp năm 1791 của nước Pháp; "Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân" năm 1793 của phái Gia-cô-banh đã được thảo ra dựa trên cơ sở tuyên ngôn này và được viết ở trước bản hiến pháp cộng hòa đầu tiên của nước Pháp do Hội nghị quốc ước thông qua năm 1793. -446.

310 *Code civil* (Bộ luật dân sự) — một trong năm bộ luật được biên soạn ở Pháp

trong những năm 1804 – 1810 dưới thời Na-pô-lê-ông I (do đó mà có cách nói thông dụng gọi Bộ luật dân sự là Bộ luật Na-pô-lê-ông) và là sự hệ thống hóa toàn bộ pháp luật tư sản. Ăng-ghen gọi Bộ luật dân sự thông qua năm 1804 là bộ luật điển hình của xã hội tư sản (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.442-443).- 447.

311 Ăng-ghen có ý nói đến thái độ đồng tình của các tầng lớp cấp tiến của giai cấp tiểu tư sản và trí thức tư sản Anh đối với cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. Những người ủng hộ cách mạng Pháp tập hợp trong Hội cách mạng Luân Đôn và chủ yếu là trong Hội thông tin Luân Đôn và các hội thông tin của những thành phố lớn nhất khác của nước Anh – trong số những người tổ chức và tham gia các hội này có cả đại biểu của giai cấp công nhân – đã tuyên truyền các tư tưởng cách mạng và nêu yêu cầu đòi thi hành chế độ bầu cử phổ thông và tiến hành những cuộc cải cách dân chủ khác. Các hội thông tin đã bị giới đầu sỏ cầm quyền ở Anh đàn áp.- 448.

312 Xem chú thích 276. –449.

313 Năm 1824, nghị viện Anh, dưới sức ép của phong trào công nhân rộng lớn, đã buộc phải thông qua đạo luật hủy bỏ việc cấm các hội công nhân (công liên). Song năm 1825 nghị viện đã thông qua đạo luật về lập hội, tức là đạo luật về các khối liên hiệp công nhân, khẳng định hủy bỏ việc cấm các hội công liên, nhưng đồng thời cực kỳ hạn chế hoạt động của chúng. Đặc biệt, chỉ có đồng công nhân gia nhập hội và tham gia các cuộc bãi công cũng đã bị coi là "sự cưỡng bức" và "bạo lực" và bị trừng trị như một tội hình sự. –450.

314 *Hiến chương nhân dân* – xem chú thích 274.

Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc – tổ chức của giai cấp tư sản công nghiệp Anh, do các chủ xưởng ở Man-se-xtơ là Cốp-den và Brai-tơ thành lập năm 1838. Đưa ra yêu cầu đòi hoàn toàn tự do buôn bán, Đồng minh đã đấu tranh đòi hủy bỏ được các đạo luật về ngũ cốc (xem chú thích 266) nhằm mục đích hạ tiền lương của công nhân và làm suy yếu vị trí kinh tế và chính trị của tầng lớp quý tộc địa chủ. Trong cuộc đấu tranh chống địa chủ, Đồng minh đã tìm cách sử dụng quần chúng công nhân. Song vào lúc đó công nhân tiên tiến nước Anh đã bước lên con đường tiến hành phong trào công nhân

độc lập, định hình về chính trị (phong trào Hiến chương). Sau khi các đạo luật về ngũ cốc bị hủy bỏ, Đồng minh không còn tồn tại nữa. –450.

315 *Anh Giô-na-can* – biệt danh hài hước người Anh đặt cho người Bắc Mỹ trong thời gian chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ (1775– 1783).

Phong trào phục hưng đạo Cơ Đốc – trào lưu trong giáo hội Tin lành nảy sinh ở Anh vào nửa đầu thế kỷ XVIII và phổ biến ở Bắc Mỹ; những người theo trào lưu này tìm cách củng cố và mở rộng ảnh hưởng của đạo Cơ Đốc thông qua việc giảng đạo và tổ chức các giáo khu mới. –451.

316 Ý nói cuộc cải cách nghị viện năm 1867 do chính phủ bảo thủ của Đớc-bi – Di-xra-ê-li tiến hành (xem chú thích 277). –454.

317 Về việc ban hành chế độ bỏ phiếu kín ở Anh và về cải cách nghị viện năm 1884, xin xem chú thích 277. –455.

318 Xem chú thích 135. –455.

319 *Phái nghi thức* (tên gọi phổ biến hơn – giáo phái Piu-di) - một trào lưu bên trong giáo hội Anh ra đời vào những năm 30 thế kỷ XIX; những người theo phái này kêu gọi phục hồi trong giáo hội Anh nghi thức Cơ Đốc giáo (tên gọi của nó chính là bắt nguồn từ đó) và một số tín điều của đạo Thiên chúa.–456.

320 Ăng-ghen có ý nói đến các tác phẩm và bài phát biểu của L. Bren-ta-nô nói về các hội công liên Anh (xem chú thích 184). Trong những tác phẩm và bài phát biểu ấy, ông ta hết sức ca ngợi các hội công liên Anh là mẫu mực tổ chức của giai cấp công nhân mà ông ta cho là trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chúng có thể cải thiện căn bản tình hình của công nhân và thoát khỏi nạn bóc lột tư bản chủ nghĩa. Theo những lời khẳng định của Bren-ta-nô và những người xã hội chủ nghĩa giảng đàn khác, công đoàn mà tổ chức được tốt thì đấu tranh chính trị và đảng chính trị của giai cấp công nhân hóa thành thừa. Trong tác phẩm "Bren-ta-nô contra Mác", Ăng-ghen bóc trần tính chất giả dối và ý nghĩa giai cấp của những lời khẳng định như vậy. –456.

321 Đại hội III Đảng công nhân dân chủ – xã hội Áo dự định khai mạc ngày 17 tháng Tư 1892 ở Lin-xơ. Song ngày 2 tháng Tư các nhà đương cục đã cấm tiến hành đại hội ở thành phố này. Do đó việc triệu tập đại hội được chuyển sang ngày 5 tháng Sáu 1892 ở Viên. Và tuy cuối tháng Năm chính phủ Áo đã hủy

bố lệnh cấm, nhưng đại hội vẫn họp ở Viên từ ngày 5 đến ngày 9 tháng Sáu 1892. Đại hội đã xem xét các vấn đề sách lược và tổ chức của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Áo, đã thông qua điều lệ và bổ sung cương lĩnh của đảng. — 460.

322 Bài tưởng niệm "Các Soóc-lem-mơ" Ăng-ghen viết cho báo "Vorwärts" và được đăng trên báo này ngày 3 tháng Bảy 1892, ngoài ra còn được đăng trên báo "Arbeiter — Zeitung" số 29, ngày 15 tháng Bảy 1892 và trong tạp chí Bun-ga-ri "Ngày" số 7, 1892. - 462.

323 *Trường đại học Ô-oen-xơ* — trường đại học ở Man-se-xtơ, thành lập năm 1851 bằng tiền do thương nhân Man-se-xtơ Giôn Ô-oen-xơ viết di chúc để lại để dùng vào mục đích này. - 462.

324 Về chuyến đi của Ăng-ghen sang Mỹ và Ca-na-đa, xin xem chú thích 225. — 465.

325 Chuyến du lịch Na Uy đến mũi Nooc-cáp Ăng-ghen cùng đi với Soóc-lem-mơ từ ngày 1 đến ngày 26 tháng Bảy 1890. Ăng-ghen cùng với ông đã ở thăm đảo Oai-tơ vào cuối tháng Bảy — tháng Tám 1891, từ đó họ định đi Xcốt-len và Ai-len. Nhưng do tình hình sức khỏe, Soóc-lem-mơ không thể tham gia chuyến đi, Ăng-ghen ben đi cùng cô cháu họ vợ mình là M. E.Rô-se với thư ký của mình là ba L. Cau-xki vào tháng Chín 1891. -465.

326 Lời tựa này Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức quyển sách "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" của ông (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.317-698) xuất bản ở Stút-gát năm 1892. Đại bộ phận lời tựa là bản tác giả dịch có sửa đổi chút về biên tập lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Anh tác phẩm này năm 1892 (xem tập này, tr. 391-410). Bài "Nước Anh năm 1845 và năm 1885" được đưa vào lời tựa cho lần xuất bản tiếng Anh cũng được Ăng-ghen đưa vào lần xuất bản này theo bản tiếng Đức in năm 1885 trong tạp chí "Neue Zeit" số 6. Phần kết của lời tựa Ăng-ghen viết riêng cho lần xuất bản bằng tiếng Đức. — 467.

327 Ăng-ghen có ý nói đến phụ lục của cuốn sách "Tình cảnh của giai cấp lao động" xuất bản ở Mỹ, lúc đầu định dùng làm lời tựa cho lần xuất bản này (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.375-383), nhưng rồi Ăng-ghen thay nó bằng một phụ lục khác phản ánh tình hình của phong trào công nhân ở Mỹ (xem như trên, tr.491-504). -468.

328 Ngày 10 tháng Năm 1876, nhân 100 năm ngày thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, ở Phi-la-đen-phi đã khai mạc cuộc triển lãm công nghiệp toàn thế giới lần thứ sáu. Trong số bốn mươi nước có hàng triển lãm, có cả nước Đức. Nhưng giám đốc học viện công nghiệp Béc-lin, giáo sư Ph. Ruê-lô, được chính phủ Đức cử làm chủ tịch ban giám khảo Đức, đã buộc phải thừa nhận rằng công nghiệp Đức kém khá xa công nghiệp những nước khác và nó theo nguyên tắc "rẻ và thối". Lời tuyên bố đó đã gây nên vô vàn lời nhận xét trên báo chí. Đặc biệt, báo "Volksstaat" trong tháng Bảy — tháng Chín đã in một loạt bài nói về việc bê bối đó. Gọi vụ đó là trận I-ê-na công nghiệp, Ăng-ghen ám chỉ việc quân đội Phổ bị đánh tan trong trận đánh ở I-ê-na tháng Mười 1806 trong cuộc chiến tranh với nước Pháp thời Na-pô-lê-ông. -469.

329 Hai đoạn ngắn này có lẽ Ăng-ghen viết nhân dịp chuẩn bị xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Đức quyển sách của mình "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh". — 490.

330 Ăng-ghen có ý nói đến cuộc khủng hoảng tài chính nổ ra ở Ác-hen-ti-na những năm 1899 — 1890 đã dẫn đến sự kinh hoàng trên thị trường tiền tệ, đến nạn lạm phát trầm trọng, phá sản hàng loạt và ngừng thanh toán công trái. Cuộc khủng hoảng này, một trong những biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1890, đã thúc đẩy phát triển cuộc khủng hoảng này ở những nước khác, đặc biệt là ở Anh, nước có vốn đầu tư lớn ở Ác-hen-ti-na. Cuộc khủng hoảng 1889 — 1890 đã tăng cường việc tư bản tài chính châu Âu nô dịch Ác-hen-ti-na về mặt kinh tế. -491.

331 Bức thư gửi Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha Ăng-ghen viết nhân khi đại hội các hội công liên Anh khai mạc ở Gla-xgô ngày 5 tháng Chín 1892 quyết định bác lời mời dự Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa lần thứ ba ở Xuy-rích do ban tổ chức triệu tập đại hội gửi và quyết định triệu tập thay cho đại hội đó một đại hội quốc tế bàn về vấn đề ngày làm việc tám giờ. Bằng những quyết định ấy, lần này ban lãnh đạo cải lương của các hội công liên Anh hòng thủ lại mưu toan phá hoại đại hội lần

thứ ba của Quốc tế II do những người mác-xít chuẩn bị, chia rẽ phong trào công nhân quốc tế. Ăng-ghen kiên quyết chống hành động chia rẽ của những người lãnh đạo các hội công liên Anh; ông gửi đi Đức, Áo, Pháp những bức thư tương tự như vậy, trong đó ông kiến nghị các đảng xã hội chủ nghĩa lên án công khai thủ đoạn của các hội công liên Anh.

Trong thư trả lời Ăng-ghen đề ngày 2 tháng Mười 1892 Hội đồng toàn quốc Đảng xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha đã thông báo rằng Hội đồng sẽ phản đối hành động của các hội công liên Anh, và đã khẳng định việc mình tán thành nghị quyết của Đại hội Pa-ri và Đại hội Bruy-xen của Quốc tế II. —492.

332 *Ủy ban nghị viện* — cơ quan chấp hành của liên hiệp công đoàn Anh xuất hiện vào cuối những năm 60 với tên gọi Đại hội các hội công liên Anh; từ năm 1871, ủy ban được bầu hàng năm tại đại hội các hội công liên và trong thời kỳ giữa hai đại hội, ủy ban được coi là trung tâm lãnh đạo của các hội công liên. Chức năng của ủy ban là đưa người của hội công liên ra ứng cử vào nghị viện, ủng hộ những dự luật đưa ra vì lợi ích của các hội công liên, chuẩn bị các đại hội thường kỳ. Chiếm đa số trong ủy ban là những phần tử cải lương chủ nghĩa thi hành đường lối theo tinh thần chủ nghĩa công liên cũ, bảo thủ và dựa vào giới công nhân quý tộc. Năm 1921, Ủy ban nghị viện được thay bằng Tổng hội đồng Đại hội công liên Anh.-492.

333 Đây là nói đại hội đã được chuẩn bị của Liên đoàn lao động Mỹ họp ở Chi-ca-gô vào tháng Chạp 1893. Quyết định cơ bản của đại hội này là thừa nhận sự cần thiết của hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và thông qua cương lĩnh bao gồm yêu sách đòi ấn định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ. Việc thông qua quyết định này chứng tỏ ảnh hưởng ngày càng tăng của những lực lượng tiến bộ phản ánh hoài bão của quần chúng lao động đông đảo trong các công đoàn Mỹ. —493.

334 Đại hội của Liên hiệp công đoàn toàn quốc đã họp ở Mác-xây trong những ngày 19 — 23 tháng Chín 1892. Bên cạnh những vấn đề khác (về việc kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, về lao động của phụ nữ và trẻ em v.v.), đại hội còn thảo luận quyết định của đại hội các hội công liên Anh ở Gla-xgô. Đại hội đã quyết định không tham gia đại hội quốc tế do các hội công liên triệu tập về vấn đề ngày làm việc tám giờ, mà mời đại biểu các hội công liên đến dự Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xuy-rich.

Trong những ngày 24-28 cùng năm, đại hội Đảng công nhân Pháp đã họp ở Mác-xây (về đại hội này, xin xem chú thích 503), đại hội đã thông qua một quyết định tương tự. —494.

335 Bài *"Cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ"* Ăng-ghen viết khoảng giữa ngày 9 và ngày 15 tháng Mười một 1892 nhân đảng dân chủ lên cầm quyền ở Mỹ, đại biểu của đảng này là Clip-len ngày 8 tháng Mười một năm 1892 được bầu làm tổng thống, thắng đại biểu đảng cộng hòa Ha-ri-xôn. Ăng-ghen hy vọng biểu thuế quan bảo hộ Mắc-kin-li ban hành năm 1890 sẽ bị hủy bỏ khi chính quyền ở Mỹ thay đổi. Biểu thuế ấy được thi hành nhằm đảm bảo lợi nhuận cao cho các nhà tư bản, trước hết là các tổ chức độc quyền, nâng cao đáng kể thuế quan đánh vào hàng công nghiệp nhập khẩu vào Mỹ, điều này lại có tác dụng làm tăng giá vật phẩm tiêu dùng rộng rãi và làm cho tình cảnh của giai cấp công nhân thêm tồi tệ. Những người dân chủ trong chiến dịch tranh cử đã chống biểu thuế Mắc-kin-li, đã thi hành vào năm 1894 một biểu thuế mới tuy có hạ thấp thuế suất năm 1890, nhưng cũng mang tính chất bảo hộ rõ rệt.

Bài "Cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ" được đăng trên báo "Vorwärts", ngoài ra còn được in lại trên báo "Wähler" số 270, ngày 21 tháng Mười một 1892 và trên báo "Arbeiter-Zeitung" số 46, ngày 25 tháng Mười một 1892. - 495.

336 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.529-552).- 496.

337 Ăng-ghen có ý nói bài: "Công nghiệp dệt Mỹ trên thị trường Trung Quốc" đăng trong tạp chí "Neue Zeit" số 2, năm 1892.-497.

338 Về các-ten, xin xem chú thích 7. —498.

339 Tiểu sử này của Các Mác Ăng-ghen viết cho "Handwörterbuch der Staatswissenschaften" ("Cẩm nang khoa học chính trị — xã hội") xuất bản ở I-ê-na theo đề nghị của một trong số những người xuất bản sách này là L. En-xte. Nhân ngày giỗ thứ mười của Mác, tiểu sử này cũng được đăng trên báo "Arbeiter — Zeitung" số 11, ngày 17 tháng Ba 1893 với nhan đề "Đường đời của Các Mác" và trong tạp chí Bun-ga-ri" Người dân chủ — xã hội" số 3, năm 1893. — 500.

340 C.Mác. "Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đê-mô-crit và triết học tự nhiên của Ê-pi-quya" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen. "Những tác phẩm đầu tay"

tiếng Nga. Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1956, tr. 17 – 98). –500.

341 Đây là nói các bài của C.Mác: "Những cuộc tranh luận của hội nghị đại biểu khóa 6 của tỉnh Ranh (bài thứ nhất). Những cuộc tranh luận về tự do báo chí và về việc công bố các biên bản của Hội nghị các đẳng cấp", "Những cuộc tranh luận của hội nghị đại biểu khóa 6 của tỉnh Ranh (bài thứ ba). Những cuộc tranh luận về luật cấm trộm củi rừng" và "Lời báo chữa của phóng viên ở Mô-den" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.49-126, 174-230 và 265-305).

"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe" ("Nhật báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") – tờ báo hàng ngày xuất bản ở Kuên từ ngày 1 tháng Giêng 1842 đến ngày 31 tháng Ba 1843. Từ tháng Tư 1842, Mác trở thành cộng tác viên của báo "Rheinische Zeitung" và từ tháng Mười năm đó, ông trở thành một trong những biên tập viên của báo này. Báo cũng đã công bố một loạt bài của Ph. Ăng-ghen. Với sự biên tập của Mác, tờ báo bắt đầu mang tính chất dân chủ cách mạng ngày càng rõ rệt. Chính phủ Phổ thi hành sự kiểm duyệt đặc biệt gắt gao đối với báo "Rheinische Zeitung" rồi đóng cửa nó. –501.

342 *"Deutsche Jahrbücher"* – tên gọi tắt của tạp chí văn học – triết học của phái Hê-ghen trẻ "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật"); tạp chí được xuất bản với tên gọi này, ở Lai-pxích do Ru-gơ làm chủ bút từ tháng Bảy 1841. Trước đó (1838-1841) tạp chí xuất bản ở Ha-le (Phổ) với tên gọi "Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Ha-le về các vấn đề khoa học và nghệ thuật Đức"). Tháng Giêng 1843, tạp chí "Deutsche Jahrbücher" bị chính phủ Dắc-den đóng cửa và bị Quốc hội liên bang quyết định cấm trên toàn bộ lãnh thổ nước Đức. –501.

343 *"Deutsch – Französische Jahrbücher"* ("Niên giám Đức – Pháp") xuất bản ở Pa-ri bằng tiếng Đức do C.Mác và A. Ru-gơ làm chủ bút. Chỉ ra có số đầu, số kép vào tháng Hai 1844. Trong số này đã công bố các tác phẩm của C.Mác "Về vấn đề Do Thái" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu", cũng như các tác phẩm của Ph. Ăng-ghen "Lược thảo phê phán khoa kinh tế chính trị" và "Tình cảnh nước Anh. Tô-mát Các-lai-lơ "Quá khứ và hiện tại"" (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.525-568, 569-590, 747-786, 787-825). Những tác phẩm này đánh dấu việc Mác và Ăng-ghen đã chuyển hẳn sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. –501.

344 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.9 – 316. –502.

345 *"Vorwärts!"* ("Tiến lên!") – báo tiếng Đức xuất bản mỗi tuần hai lần ở Pa-ri từ tháng Giêng đến tháng Chạp năm 1844. Báo đã đăng những bài viết của Mác và Ăng-ghen. Dưới ảnh hưởng của Mác - từ mùa hè năm 1844 Mác bắt đầu tham gia trực tiếp vào việc biên tập, - tờ báo bắt đầu mang tính chất cộng sản; tờ báo đã đẩy mạnh việc phê phán kịch liệt các trật tự phản động ở Phổ. Theo yêu cầu của chính phủ Phổ, nội các Ghi-dô tháng Giêng 1845 đã ra lệnh trục xuất Mác và một số cộng tác viên khác của tờ báo ra khỏi Pháp; việc xuất bản báo "Vorwärts!" bị đình chỉ. –502.

346 Dưới đây là bản dịch danh mục những tác phẩm của Mác do Ăng-ghen lập khi viết bài "Các Mác" (lỗi in sai năm đã được sửa chữa):

CÁC TÁC PHẨM CỦA MÁC

1) Luận án tiến sĩ về triết học Ê-pi-quya.

2) Các bài viết về những cuộc tranh luận của hội đồng dân biểu tỉnh Ranh về luật cấm trộm củi rừng và về nông dân Mô-den trên báo "Rheinische Zeitung", 1842.

3) Như trên trong tạp chí "Deutsch Französische Jahrbücher": "Lời nói đầu góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen" và "Về vấn đề Do Thái", 1844.

4) Cùng với Ph. Ăng-ghen. "Gia đình thần thánh". Phrăng-phuốc trên sông Mai-nơ, 1845.

5) Những bài ngắn trên báo "Vorwärts!" xuất bản ở Pa-ri, 1844.

6) Những bài trên báo "Deutsche – Brüsseler – Zeitung", 1846 – 1847 [in sai, lẽ ra là 1847 – 1848].

7) "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông". Bruy-xen và Pa-ri, 1847.

8) "Diễn văn về tự do buôn bán". Bruy-xen, 1848.

9) Cùng với Ph. Ăng-ghen. "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Luân Đôn, 1848. Được dịch ra tất cả các thứ tiếng.

10). Những bài trên báo "Neue Rheinische Zeitung", những bài xã luận v.v., "Lao động làm thuê và tư bản".

11) Những bài biện hộ trong cuốn "Hai vụ án chính trị". Khuên, 1849.

12) Trên báo "Neue Rheinische Zeitung. Revue", Hăm-bước, 1850: "Từ 1848 đến 1849" (về cuộc cách mạng tháng Hai ở Pháp) và cùng với Ăng-ghen những bài phê phán và những bài tổng quan hàng tháng.

13) "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". Niu Oóc, 1852 (xuất bản lần thứ ba, Hăm-bước, 18 [85], bản dịch tiếng Pháp 1891.

14) "Vụ án những người cộng sản ở Khuên". Bô-xtơn, 1853 (Hốt-tin-ghen – Xuy-rich, 1885).

15) Những bài trong tờ "New - York Tribune", 1852 – 1861. Một số trong đó nói về Pan-mác-xtôn (được in và phát hành ở Luân Đôn dưới dạng những bài châm biếm trong những năm 1856 – 1857).

16) "Những điều tiết lộ về lịch sử ngoại giao thế kỷ XVIII" trên báo "Free Press" (Sen-phin, 28 tháng Sáu 1856 – Luân Đôn, 1 tháng Tư 1857).

17) Những bài về đàm phán ngoại giao trước và trong thời gian chiến tranh 1859 trên báo "Volk", Luân Đôn, 1859.

18) "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị". Tập I. Béc-lin, 1859.

19) "Ngài Phô-gtơ". Luân Đôn, 1860.

20) Tuyên ngôn thành lập của Quốc tế năm 1864 và tất cả những tài liệu công bố của Tổng hội đồng, kể cả "Nội chiến ở Pháp" 1871. Đã dịch ra hầu hết các thứ tiếng châu Âu.

21) "Tư bản. Phê phán khoa kinh tế chính trị". Quyển I. Hăm-bước, 1867. Xuất bản lần thứ tư, 1890. Đã dịch ra tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh.

22) (sau khi mất) "Tư bản". Tập II (quyển II). Do Ph. Ăng-ghen xuất bản. Hăm-bước. 1885, xuất bản lần thứ hai. 1893, đang in.

23) (sau khi mất) "Tư bản". Tập III (quyển III), như trên, sẽ ra mắt vào năm 1893. –503.

347 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.97-258.- 502.

348 *"Deutsche – Brüsseler – Zeitung"* ("Báo Bruy-xen – Đức") do những người Đức lưu vong chính trị thành lập ở Bruy-xen, xuất bản từ tháng Giêng 1847 đến tháng Hai 1848. Lúc đầu phương hướng của báo do ý nguyện của chủ bút, nhà dân chủ tiểu tư sản Boóc-nơ-stết, muốn điều hòa những trào lưu khác nhau của phe cấp tiến và dân chủ, quyết định. Song ngay từ mùa hè 1847, nhờ những bài phát biểu của Mác và Ăng-ghen cùng các bạn chiến đấu của hai ông trên các trang báo mà báo này ngày càng trở thành cơ quan phát đi các tư tưởng dân chủ cách mạng và cộng sản chủ nghĩa. Từ tháng Chín 1847, Mác và Ăng-ghen trở thành cộng tác viên thường xuyên của báo và bắt đầu có ảnh hưởng trực tiếp đến phương hướng của báo; trong những tháng cuối năm 1847, thực tế hai ông nắm công việc biên tập của báo. Dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghen, tờ báo đã trở thành cơ quan ngôn luận của đảng cách mạng đã hình thành của giai cấp vô sản – Liên đoàn những người cộng sản. Mác đã công bố trên báo này những bài viết của mình: "Chủ nghĩa cộng sản của báo "Rheinischer Beobachter"", "Sự phê phán có tính đạy đạo đức và đạo đức có tính phê phán. Bàn về lịch sử văn hóa Đức. Chống Các Hai-nơ-txen (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.270-290 và 411-455) và những bài khác. Báo "Deutsche – Brüsseler – Zeitung" cũng đã công bố những bài viết của Ăng-ghen: "Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi", "Những người cộng sản và Các Hai-nơ-txen", "Các phong trào năm 1847", "Bước đầu của sự cáo chung của nước Áo" (xem như trên, tr.291-351 và tr.379-403, 647-660, 661-671) và những bài khác. 502.

349 *"Liên đoàn những người cộng sản"* – tổ chức cộng sản quốc tế đầu tiên được thành lập dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghen vào đầu tháng Sáu 1847 ở Luân Đôn do tổ chức lại Liên đoàn những người chính nghĩa – một hội kín ra đời trong những năm 30 của công nhân và thợ thủ công. Cuối tháng Giêng

1847, những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa đề nghị Mác và Ăng-ghen gia nhập Liên đoàn và tham gia cải tổ nó trên cơ sở những nguyên tắc mà hai ông đã đề xướng và các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã đồng ý. Những nguyên tắc có tính chất cương lĩnh và những nguyên tắc tổ chức của Liên đoàn những người cộng sản đã được Mác và Ăng-ghen đề xuất và được phê chuẩn tại đại hội lần thứ nhất và đại hội lần thứ hai của Liên đoàn (đầu tháng Sáu 1847 và 29 tháng Mười một – 8 tháng Chạp 1847). Theo ủy nhiệm của đại hội lần thứ hai của Liên đoàn, Mác và Ăng-ghen đã viết "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" công bố vào tháng Hai 1848 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội. 1995, t.4, tr.519-646).

Khi cuộc cách mạng ở Pháp nổ ra, Ủy ban trung ương của Liên đoàn ở Luân Đôn vào cuối tháng Hai 1848 đã trao quyền lãnh đạo Liên đoàn cho Ủy ban khu Bruy-xen đứng đầu là Mác. Sau khi Mác bị trục xuất khỏi Bruy-xen, từ đầu tháng Ba trụ sở của Ủy ban trung ương mới là Pa-ri, nơi Mác chuyển sang. Ăng-ghen cũng được bầu vào Ủy ban trung ương.

Vào nửa cuối tháng Ba – đầu tháng Tư 1848, Mác, Ăng-ghen và mấy trăm công nhân Đức, đa số là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, trở về nước để tham gia cuộc cách mạng Đức vừa nổ ra. Chương trình hành động chính trị của Liên đoàn những người cộng sản trong cuộc cách mạng này là bản "Những yêu sách của Đảng cộng sản ở Đức" do Mác và Ăng-ghen nêu lên vào cuối tháng Ba (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội. 1993, t.5, tr.11-13). Trung tâm lãnh đạo và chỉ đạo các thành viên của Liên đoàn những người cộng sản lúc đó là báo "Neue Rheinische Zeitung" do Mác làm chủ bút.

Tuy sự thất bại của cách mạng đã đánh vào Liên đoàn những người cộng sản, nhưng trong những năm 1849 – 1850, Liên đoàn đã được cải tổ và tiếp tục hoạt động. Trong "Lời kêu gọi của Ủy ban trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản" do Mác và Ăng-ghen viết vào tháng Ba 1850 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội. 1993, t.7, tr. 341 – 355) đã tổng kết cuộc cách mạng 1848 – 1849 và nêu lên nhiệm vụ xây dựng một đảng độc lập của giai cấp vô sản. Mùa hè năm 1850, trong Ủy ban trung ương Liên đoàn những người cộng sản đã có những bất đồng có tính nguyên tắc gay gắt về vấn đề sách lược. Đa số ủy viên Ủy ban trung ương đứng đầu là Mác và Ăng-ghen đã kiên quyết chống sách lược biệt phái, phiêu lưu do phái Vi-lích – Sáp-pơ đưa ra là lập tức phát động cách mạng mà không tính đến các quy luật khách quan và hoàn cảnh chính trị thực tế ở Đức và ở những nước khác của châu Âu. Hoạt động chia rẽ của phái Vi-lích – Sáp-pơ đã dẫn tới sự cắt đứt quan hệ với phái này vào giữa tháng Chín 1850. Việc truy nã của cảnh sát và việc bắt bớ các thành viên của Liên đoàn đã khiến cho vào tháng Năm năm 1851 Liên đoàn những người cộng sản thực tế chấm dứt hoạt động ở Đức. Ngày 17 tháng Mười một 1852, ít lâu sau vụ án những người cộng sản ở Khuên, theo đề nghị của Mác, Liên đoàn tuyên bố giải tán, nhưng các thành viên của Liên đoàn vẫn tiếp tục công tác rèn luyện nhân tài cho những cuộc chiến đấu cách mạng sau này.

Liên đoàn những người cộng sản đã đóng vai trò lịch sử to lớn là trường học đào tạo những nhà cách mạng vô sản, là mầm mống của đảng vô sản, tiền thân của Hội liên hiệp công nhân quốc tế.- 502.

350 Tại phiên tòa xử báo "Neue Rheinische Zeitung" ngày 7 tháng Hai 1849, Mác với tư cách chánh chủ bút tờ báo, Ăng-ghen với tư cách đồng chủ bút và G. Cốc-phơ với tư cách người chịu trách nhiệm xuất bản bị buộc tội là trong bài "Những vụ bắt bớ" đăng trên báo ngày 5 tháng Bảy 1848 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội. 1993, t.5, tr.206-209) có lời xúc phạm và nói xấu đại diện của các nhà đương cục Phổ và hiến binh. Bài nói của Mác và Ăng-ghen tại phiên tòa này, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội. 1993, t.6, tr.301-317, 318-325.

Tại phiên tòa ngày 8 tháng Hai 1849, Mác bị buộc tội với tư cách ủy viên Ủy ban khu Ranh của những người dân chủ ông đã khiêu khích dấy lên cuộc bạo loạn do việc ông cùng với C. Sáp-pơ và luật sư Snai-đơ II ký tên vào lời kêu gọi của Ủy ban này đề ngày 18 tháng Mười một 1848 về việc khước từ đóng thuế (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nha xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993, t.6, tr.49). Bài biện hộ của Mác tại phiên tòa này, xin xem cùng tập, tr.326-349).- 505.

351 *Ngày 13 tháng Sáu* 1849. – phái Nui$_{1}$ một phái tiểu tư sản, đã tổ chức ở Pa-ri

một cuộc biểu tình hòa bình chống việc cử quân đội Pháp đến đàn áp cuộc cách mạng ở I-ta-li-a, một việc làm vi phạm hiến pháp của nước Cộng hòa Pháp cấm sử dụng quân đội Pháp để chống nền tự do của nhân dân nước khác. Cuộc biểu tình này đã bị quân đội giải tán. Sự thất bại của nó tác nhận sự phá sản của giới dân chủ tiểu tư sản ở Pháp. Sau ngày 13 tháng Sáu đã bắt đầu những hành động đàn áp những người dân chủ, kể cả người nước ngoài. –505.

352 *"Neue Rheinische Zeitung. Politisch – Ökonomische Revue"* ("Báo mới vùng Ranh. Tạp chí kinh tế – chính trị") – tạp chí do Mác và Ăng-ghen sáng lập vào tháng Chạp 1849 và do hai ông xuất bản đến tháng Mười một 1850. Tạp chí là cơ quan lý luận và chính trị của Liên đoàn những người cộng sản, là sự tiếp tục của tờ "Neue Rheinische Zeitung". Từ tháng Ba đến tháng Mười một 1850 đã xuất bản tổng cộng sáu số tạp chí, trong đó có một số đôi (số 5-6). Tạp chí này được biên tập ở Luân Đôn, in ở Hăm-buốc. Phần lớn tài liệu (bài viết, bài tổng quan, bài phê bình giới thiệu) do Mác và Ăng-ghen viết, hai ông cũng mời những người đứng về phía hai ông như V. Vôn-phơ, I. Vây-đơ-mai-ơ, G.Ếch-ca-ri-út cộng tác. Trong số các tác phẩm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, tạp chí đã công bố "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" của Mác, "Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức" và "Chiến tranh nông dân ở Đức" của Ăng-ghen và nhiều tác phẩm khác nữa. Trong các tác phẩm công bố trên tạp chí, các tác giả đã tổng kết cuộc cách mạng 1848 – 1849, tiếp tục xây dựng lý luận và sách lược của đảng vô sản cách mạng. Tạp chí đã ngừng xuất bản vì sự ô ép của cảnh sát ở Đức và thiếu phương tiện vật chất.- 506.

353 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.141-277.- 506.

354 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.539-625.- 506.

355 *"New – York Daily Tribune"* ("Diễn đàn Niu-Óóc hàng ngày") – tờ báo Mỹ, xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Đến giữa những năm 50 thế kỷ XIX, báo này là cơ quan ngôn luận của cánh tả trong đảng Vích ở Mỹ, rồi sau đó là cơ quan ngôn luận của đảng cộng hòa. Trong những năm 40 – 50 thế kỷ XIX, báo đứng trên lập trường tiến bộ và chống lại tình trạng chiếm hữu nô lệ. Mác cộng tác với báo từ tháng Tám 1851 và tiếp tục trên 10 năm, đến tháng Ba 1862; nhiều bài gửi cho "New – York Daily Tribune" do Ăng-ghen viết theo

đề nghị của Mác. Mác thôi cộng tác với báo này khi cuộc Nội chiến ở Mỹ nổ ra. Việc đưa thêm những người chủ trương thỏa hiệp với các bang chiếm hữu nô lệ vào ban biên tập của báo và việc tờ báo xa rời những quan điểm tiến bộ đã có tác dụng quyết định trong việc Mác chấm dứt cộng tác với báo. –506.

356 C.Mác. "Huấn tước Pan-mốc-xtơn" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.9, tr.453-537).-506.

357 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.14, tr.483-890.- 506.

358 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.9-225.- 506.

359 Ăng-ghen có ý nói đến bản thảo kinh tế những năm 1861 – 1863 của Mác. Trong bộ Toàn tập này, tác phẩm đó là t. 26, in thành ba tập.- 507.

360 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23.- 507.

361 Ăng-ghen có ý nói đến cuộc đấu tranh đã diễn ra khi soạn thảo những văn kiện có tính chất cương lĩnh của Hội liên hiệp công nhân quốc tế trong Ủy ban lâm thời được bầu tại hội nghị thành lập tại Hội trường Xanh – Mác-tanh ngày 28 tháng Chín 1864 và trong tiểu ban do Ủy ban này chỉ định để biên soạn các văn kiện có tính chất cương lĩnh. Bằng cách tác động qua người đứng cùng phía với mình là Vôn-phơ có chân trong Ủy ban, ngày 8 tháng Mười 1864, Mát-di-ni cố áp đặt cho tiểu ban điều lệ của các hội công nhân I-ta-li-a được viết theo tinh thần dân chủ tư sản và các nguyên tắc âm mưu làm văn kiện có tính chất cương lĩnh. Tại phiên họp của Ủy ban lâm thời ngày 18 tháng Mười, Mác lần đầu tiên tìm hiểu các văn kiện của Mát-di-ni và phê phán nó; theo yêu cầu của Mác, các văn kiện này thực tế đã bị bác với cớ là cần phải chuyển nó cho tiểu ban để biên tập lần cuối. Ngày 20 tháng Mười, tiểu ban giao công việc này cho Mác, và ngày 27 tháng Mười tiểu ban đã tán thành hai văn kiện hoàn toàn mới do Mác viết: "Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế" và "Điều lệ tạm thời của Hội" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.11-23 và 24-28). Ngày 1 tháng Mười một 1864 Tuyên ngôn và Điều lệ đã được Ủy ban

Hăm thời (sau này gọi là Tổng Hội đồng) – được lập ra làm cơ quan lãnh đạo của Hội – nhất trí chuẩn y. – 507.

362 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.417-487, 507.

363 Xem chú thích 134. – 508.

364 Ph.Ăng-ghen. "Các Mác" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.105-115).

"Volks – Kalender" ("Lịch nhân dân")-niên giám dân chủ – xã hội xuất bản ở Brao-svai-gơ từ năm 1875 đến năm 1879, tổng biên tập và người xuất bản là V. Brắc-cơ. - 511.

365 Dưới đây là bản dịch danh mục các tác phẩm của Ăng-ghen, danh mục do Ăng-ghen lập có lẽ lúc đầu vào năm 1889 và sau này được ông bổ sung, chắc là vào cuối năm 1892 (do đó một số lần xuất bản những tác phẩm được nhắc đến ở phần đầu danh mục xuất bản vào khoảng 1889 – 1892 không được nêu; những chỗ sai về năm tháng đã được sửa chữa).

1) (Cùng với C. Mác). "Gia đình thần thánh. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn". Tác phẩm của Phri-đrích Ăng-ghen và Các Mác. Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, 1845.

2) "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh. Theo những sự quan sát của bản thân và những nguồn đáng tin cậy". Lai-pxích, 1845. Bản dịch tiếng Anh. Niu- Óoc, 1887.

3) (Cùng với C. Mác, không ký tên). "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Luân Đôn, 1848. Được dịch ra tất cả các thứ tiếng.

Làm với tư cách đồng biên tập, tức là tổng biên tập (thay Mác) trong "Neue Rheinische Zeitung". Khuên, 1 tháng Sáu 1848 – 19 tháng Năm 1849.

Như trên, trong "Neue Rheinische Zeitung. Revue", Hăm-buốc, 1850.

6) "Vấn đề quân sự ở Phổ và đảng công nhân Đức", Hăm buốc, 1865.

7) "Chiến tranh nông dân ở Đức". In lại bản đăng trong số 5 – 6 "Neue Rheinische Zeitung. Politisch – Ökonomische Revue". Lai-pxích, Hợp tác xã in, xuất bản lần thứ nhất, [1850], xuất bản lần thứ hai, [1870], xuất bản lần thứ ba, 1875.

8) "Về vấn đề nhà ở", 3 tập mỏng. In lại bản đăng trong tờ "Volksstaat". Xuất bản lần thứ nhất, Lai-pxích, Hợp tác xã in, 1872, xuất bản lần thứ hai, Xuy-rích, Nhà xuất bản Nhân dân, 1887.

9) "Bàn về vấn đề xã hội ở Nga". In lại bản đăng trong tờ "Volksstaat". Lai-pxích, Hợp tác xã in, 1875.

10) "Rượu trắng Phổ trong quốc hội Đức". Lai-pxích, Hợp tác xã in, 1876.

11) "Phái Ba-cu-nin trong hành động. Bút ký về cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha". In lại bản đăng trong tờ "Volksstaat". Lai-pxích, Hợp tác xã in, [1874].

12) "Ông Oi-ghen Duy-rinh đảo lộn khoa học". In lại bản đăng trong tờ "Volksstaat", cũng là bản đăng trong tờ "Vorwärts". Xuất bản lần thứ nhất, Lai-pxích, Hợp tác xã in, 1878, xuất bản lần thứ hai, Xuy-rích, Nhà xuất bản Nhân dân Thụy Sĩ, 1886.

13) "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học". Xuất bản lần thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều vào năm 1883, Xuy-rích, Nhà xuất bản Nhân dân (có các bản dịch tiếng Pháp, Nga, Ba Lan, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Ru-ma-ni, Đan Mạch, Hà Lan).

14) "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước. Nhân các công trình nghiên cứu của Lu-it H. Moóc-gan". Xuy-rích, Sa-bê-lit-xơ, 1884. Xuất bản lần thứ hai, Stút-ga, Đi-tsơ, [1886]. Đang chuẩn bị lần xuất bản thứ ba. (Đang dịch ra các tiếng I-ta-li-a, Ru-ma-ni, Đan Mạch, Pháp).

15) "Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức". In lại bản đăng trong tờ "Neue Zeit", Stút-ga, Đi-tsơ, 1888.

4) "Sông Pô và sông Ranh". Bec-lin, Ph. Dun-ke, 1859.

5) "Xa-voa, Nit-xơ và Ranh". Bec-lin, Bê-ren-xơ, 1860.

16) "Bren-ta-nô contra Mác, về cái gọi là xuyên tạc đoạn trích dẫn". Hăm-buốc, 1891.

Lời tựa và lời nói đầu viết cho:

3) C.Mác. "Sự khốn cùng của triết học. Trả lời "Triết học về sự khốn cùng" của ông Pru-đông". Bản dịch ra tiếng Đức của E. Bec-stanh và C. Cau-xki. Stút-ga, Đi-tsơ, 1885 (Lời tựa, chống I.Rốt-bec-tút).

1) C.Mác. "Tư bản", tập I. Viết cho lần xuất bản thứ ba, 1883 và lần xuất bản thứ tư (chống L.Bren-ta-nô), 1890.

1) C.Mác. "Tư bản", tập II. Lời tựa (chống Rốt-béc-tút). 1885.

4) "Các Mác trước tòa bồi thẩm ở Khuên". 1849. In lại bản đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung". 1849. Xuy-rích. Nhà xuất bản Nhân dân. 1885. (Lời tựa).

5) C.Mác. "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên". In lại mới. Xuy-rích. Nhà xuất bản Nhân dân. 1885 (Lời nói đầu: "Về lịch sử Liên đoàn những người cộng sản").

6) V. Vôn-phơ. "Một tý cho Xi-lê-đi". In lại bản đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung". 1849. Xuy-rích. Nhà xuất bản Nhân dân (Lời nói đầu: Tiểu sử V. Vôn-phơ và "Về lịch sử giai cấp nông dân Phổ"). [1861].

7) X. Boóc-hem. "Tưởng nhớ những người yêu nước cuồng nhiệt những năm 1806 – 1807". Xuy-rích. Nhà xuất bản Nhân dân. 1888 (Lời nói đầu: tiểu sử X.Boóc-hem).

1) C.Mác. "Tư bản. Phê phán khoa kinh tế chính trị". X.Mu-ra và E. E-vơ-linh dịch từ lần xuất bản thứ ba, Ph. Ăng-ghen xuất bản. Luân Đôn. Đôn-nen-sai-nơ. 1887 (Biên tập bản dịch và Lời tựa).

2) C.Mác. "Diễn văn về tự do buôn bán đọc tại Bruy-xen" 1846 [viết nhầm, lẽ ra là 1848]. Ph. C. Vi-sne-vét-xcai-a. dịch. Bô-xtôn và Luân Đôn. 1888 (Lời tựa về tự do buôn bán, bằng tiếng Đức trong "Neue Zeit").

3) Ph. Ăng-ghen. "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh năm 1844". Ph. C. Vi-sne-vét-xcai-a dịch. Niu Oóc, La-ven, 1887 (Phụ lục và lời tựa) (Lời tựa cũng ra thành sách lẻ: "Phong trào công nhân ở Mỹ", bằng tiếng Anh và tiếng Đức. 1887, Niu-Oóc, in lại. Luân Đôn. Rip-xơ. 1887. Bằng tiếng Đức cả trong "Neue Zeit". *Xuất bản lần thứ hai. Luân Đôn, Đôn-nen-sai-nơ.* 1892 (bản văn mới một phần của lời tựa).

Riêng trong tạp chí "Neue Zeit": "Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng", tháng Năm 1890 (Bằng tiếng Nga trong tạp chí "Người dân chủ – xã hội", Luân Đôn. 1890. I và II, bằng tiếng Anh trong tạp chí "Times", tháng Tư và tháng Năm 1890, bằng tiếng Pháp trong tạp chí "Idée nouvelle", bằng tiếng Ru-ma-ni trong tạp chí "Contemporanul", tháng Năm – tháng Bảy 1890).

4) Ph. Ăng-ghen. "Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học". – 509.

366 Ý nói đến lời nói đầu còn dở dang do C.Mác viết cho một tác phẩm dự định viết về lịch sử ngoại giao của Anh và Nga thế kỷ XVIII; lần đầu tiên công bố trên báo "Sheffield Free Press" và báo Luân Đôn "Free Press" tháng Sáu 1856 – tháng Tư 1857 với nhan đề "Revelations of the Diplomatic History of the 18 th Century". Năm 1899, con gái của Mác là E-lê-ô-no-ra Ê-vơ-linh xuất bản thành sách lẻ ở Luân Đôn với nhan đề "Secret Diplomatic History of the Eighteenth Century"" ("Lịch sử ngoại giao bí mật của thế kỷ XVIII").

"The Free Press" ("Báo tự do"; xuất bản ở Luân Đôn những năm 1855 – 1856) và *"The Sheffield Free Press"* ("Báo tự do Sép-phin"; xuất bản ở Sép-phin trong những năm 1851 – 1857) – hai tờ báo tư sản tiếng Anh do Uốc-các-tơ và những người đứng về phía ông xuất bản. – 513.

367 Ăng-ghen có ý nói đến những bài viết của Mác "Sông Sprê và sông Min-xơ", "Tinh thần Ec-phuốc năm 1859", "Quid pro quo" đăng trên báo "Volk" tháng Sáu – tháng Tám 1859 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.508-511, 537-540, 581-603).

"Das Volk" ("Nhân dân") – tuần báo xuất bản bằng tiếng Đức ở Luân Đôn từ ngày 7 tháng Năm đến ngày 20 tháng Tám 1859. Được lập ra với tư cách là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức ở Luân Đôn. Số đầu tiên ra mắt do E-lác-đơ Bi-xcam-pơ, một nhà dân chủ tiểu tư sản, nhà chính luận người Đức, làm chủ biên. Từ số 2, báo được xuất bản với sự tham gia sát sao của Mác. Từ đầu tháng Bảy, Mác thực tế trở thành chủ bút của báo, báo trở thành cơ quan ngôn luận của những người cách mạng vô sản. Các trang báo "Volk" phản ánh quá trình Mác và Ăng-ghen đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận và sách lược cách mạng. Báo đã đứng trên lập trường chủ nghĩa quốc tế vô sản phân tích các sự kiện của Chiến tranh I-ta-li-a năm 1859, các vấn đề thống nhất nước Đức và nước I-ta-li-a, đấu tranh triệt để chống chế độ Bô-na-pác-tơ. Báo ra được cả thảy 16 số, đình bản do thiếu phương tiện tài chính. -513.

368 Lời tuyên bố gửi ban biên tập báo "Berliner Volks – Tribüne" Ăng-ghen viết nhân báo này công bố loạt bài "Liên đoàn Giu-ra và Mi-kha-in Ba-cu-nin".

Những bài này hầu như chỉ dựa vào tư liệu của Ba-cu-nin, đã trình bày xuyên tạc lịch sử các tổ chức của Quốc tế I ở Thụy Sĩ, thanh minh cho hoạt động chia rẽ phá hoại của phái Ba-cu-nin, đặc biệt là của Liên đoàn Giu-ra vô chính phủ thành lập sau sự phân liệt do phái Ba-cu-nin gây ra tại đại hội ở Sô-đô-phông ngày 4-6 tháng Tư 1870 trong các chi bộ của Quốc tế ở vùng Thụy Sĩ thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh. Các bài nêu lại một loạt lời bịa đặt vu khống Tổng Hội đồng, Mác và các bạn chiến đấu của ông, trong đó có Giô-han Phi-lip Béc-ke. Trong bài thứ mười công bố ngày 12 tháng Mười một 1892 đặc biệt có nhiều điều bóp méo các sự thực lịch sử. Ăng-ghen quyết định lên tiếng bác bỏ, không đợi công bố xong tất cả các bài. Khi gửi lời tuyên bố của mình đi Béc-lin cho Bê-ben để chuyển tới tòa soạn báo "Berliner Volks - Tribüne" Ăng-ghen trong thư ngày 15 tháng Mười một 1892 đề nghị Bê-ben quan tâm để lời tuyên bố được đăng trong số báo gần nhất, vì không thể "cho phép tiếp tục đơm đặt sự đối lào ấy".

Lời tuyên bố của Ăng-ghen được công bố trên báo "Berliner Volks — Tribüne" ngày 19 tháng Mười một 1892. Ngày 24 tháng Chạp 1892, bên cạnh bài thứ mười ba, báo đăng bài trả lời của tác giả loạt bài, nhà xã hội chủ nghĩa Thụy Sĩ Lu-i E-ra-chi-ê. Trong bài đáp lại lời tuyên bố, cũng như trong một bức thư riêng gửi Ăng-ghen đề ngày 25 tháng Chạp 1892, E-ri-chi-ê vẫn giọng khá lỗ mãng cố bác lời buộc tội xuyên tạc lịch sử của Quốc tế I. Ngày 20 tháng Giêng 1893, Ăng-ghen viết thư trả lời E-ri-chi-ê, vạch trần lối nói quanh co và mưu toan của ông ta cố trút trách nhiệm về việc bóp méo sự thực và việc trình bày sự thực theo tinh thần Ba-cu-nin cho dụng ý, cho biết rằng ông sẽ không cho phép xuyên tạc lịch sử của Quốc tế I. —514.

369 Hội nghị Luân Đôn của Quốc tế I — xem chú thích 109. —514.

370 Ăng-ghen đối chiếu cách diễn đạt điểm vô cùng quan trọng này trong phần nêu lý do của Điều lệ tạm thời (1864), của Điều lệ chung (1871) của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.24 và t.17, tr.583) với cách diễn đạt đã bị bóp méo trong bản Điều lệ bằng tiếng Pháp do phần tử hữu khuynh phái Pru-đông Tô-lanh dịch và xuất bản năm 1866.-515.

371 *Đại hội Giơ-ne-vơ của Quốc tế I* — xem chú thích 97.-515.

372 Ý nói "Điều lệ chung và Quy chế tổ chức của Hội Liên hiệp công nhân quốc tế" công bố năm 1871 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.583-603).-516.

373 Ăng-ghen trình bày nội dung nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn về sự phân liệt trong vùng thuộc hệ ngôn ngữ la tinh của Thụy Sĩ (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.566-569.-516.

374 *Đồng minh dân chủ — xã hội chủ nghĩa* — một tổ chức do Ba-cu-nin thành lập ở Giơ-ne-vơ năm 1868. Các thành viên của Đồng minh đề xướng cương lĩnh san bằng các giai cấp và thủ tiêu nhà nước. Họ cho rằng giai cấp công nhân không cần đấu tranh chính trị. Cương lĩnh vô chính phủ tiểu tư sản của Đồng minh được các vùng kém phát triển về công nghiệp của I-ta-li-a, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha và những nước khác ủng hộ. Năm 1869, Đồng minh đề nghị Tổng Hội đồng kết nạp tổ chức này vào Quốc tế. Tổng Hội đồng đồng ý kết nạp các phân bộ của Đồng minh với điều kiện giải tán Đồng minh với tư cách là một tổ chức độc lập. Thực ra, khi đã vào Quốc tế rồi, các thành viên của Đồng minh vẫn duy trì tổ chức bí mật của họ trong nội bộ Hội liên hiệp công nhân quốc tế và họ, đứng đầu là Ba-cu-nin, đã chống lại Tổng Hội đồng. Cuộc đấu tranh chống Quốc tế đã mạnh lên sau khi Công xã Pa-ri bị đè bẹp, khi Ba-cu-nin và những người theo ông ta chống đặc biệt quyết liệt tư tưởng về chuyên chính vô sản và về tăng cường chính đảng độc lập của giai cấp công nhân dựa trên các nguyên tắc tập trung dân chủ. Đại hội La Hay của Quốc tế I vào tháng Chín 1872 bằng tuyệt đại đa số phiếu đã thông qua nghị quyết về việc khai trừ hai người cầm đầu Đồng minh là Ba-cu-nin và Ghi-ôm ra khỏi Quốc tế. —517.

375 Xem chú thích 134. —517.

376 Tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghen "Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp công nhân quốc tế" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.447 —634) được xuất bản bằng tiếng Pháp; Ăng-ghen trực tiếp tham gia biên tập bản dịch tiếng Đức xuất bản với nhan đề "Ein Complot gegen die Internationale Arbeiter — Association" ("Âm mưu chống Hội liên hiệp công nhân quốc tế"). —517.

377 Nguồn tư liệu để Ăng-ghen viết bài "Một trường hợp mới phát hiện về quần hôn" là báo cáo kết quả nghiên cứu của nhà dân tộc học Nga L. Ia. Stéc-nơ-béc về sinh hoạt và tổ chức xã hội của người Ghi-li-ắc (Nip-khơ) ở Xa-kha-lin công bố trên báo "Tin tức Nga" số 284 ra ngày 14 tháng Mười 1892. Văn bản báo cáo được Ăng-ghen trích dẫn hầu như toàn bộ trong bài viết của ông do chính ông dịch ra tiếng Đức có thoát ly không đáng kể so với nguyên bản vì muốn làm cho một số chỗ được chính xác và rõ ràng hơn.

"Tin tức Nga" — tờ báo chính trị — xã hội, cơ quan ngôn luận của địa chủ và tư sản thuộc phái tự do; xuất bản ở Mát-xcơ-va từ năm 1863 đến năm 1918, trong những năm 1863 — 1867 ra mỗi tuần 3 lần, từ năm 1868 ra hàng ngày. — 518.

378 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.77-78.- 519.

379 *Ghi-li-ắc* — tên gọi cũ của người Nip-khơ, một bộ tộc sống ở vùng hạ lưu sông A-mua cùng miền Bắc và miền Trung đảo Xa-kha-lin. — 520.

380 *Luật Mười hai bảng* — di tích cổ nhất của luật La Mã. Biên soạn vào giữa thế kỷ V trước công nguyên do cuộc đấu tranh của bình dân chống quý tộc và thay cho luật tập tục thi hành trước kia ở La Mã; những đạo luật ấy phản ánh các quá trình phân hóa về tài sản của xã hội La Mã. Luật được viết trên mười hai chiếc bảng. — 521.

381 *"Bình luận dân tộc học"* — tạp chí Nga do ban dân tộc học của Hội những người yêu khoa học tự nhiên, nhân chủng học và dân tộc học trực thuộc Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va xuất bản từ năm 1889 đến năm 1916, mỗi năm ra 4 lần.

Bài viết của Stéc-nơ-béc "Người Ghi-li-ắc Xa-kha-lin" đăng trong số 2 tạp chí này năm 1893. — 523.

382 Bài này Ăng-ghen viết để phúc đáp lời mời dự Đại hội II Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri do ban lãnh đạo Đảng gửi qua tòa soạn báo "Arbeiterpresse" cuối tháng Chạp 1892.

Đại hội II Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri họp ở Bu-đa-pét ngày 6-8 tháng Giêng 1893. Trước đại hội và trong đại hội đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa cánh cơ hội do ban lãnh đạo Tổng quỹ bảo hiểm bệnh nhân và người tàn tật công nhân cầm đầu và cánh cách mạng đứng đầu là P. En-ghen-man. Lợi dụng ảnh hưởng của mình đối với thợ thủ công và công nhân lành nghề chiếm đa số đảng viên, tại đại hội các phần tử cơ hội đã giành được kết quả là đại hội đã chuẩn y quyết định mà họ đã thông qua trước (vào tháng Chạp 1892) về việc khai trừ En-ghen-man và những người ủng hộ ông ra khỏi đảng, buộc tội gian đối En-ghen-man là lạm dụng tiền của Đảng và vi phạm dân chủ. Để ngụy trang việc chúng trị người thuộc cánh cách mạng trong đảng, các phần tử cơ hội cố ý quy toàn bộ cuộc đấu tranh vào những bất đồng cá nhân, tuyên bố điều này tại đại hội và trong báo cáo của đảng trước Đại hội Xuy-rích của Quốc tế II năm 1893. Đại hội cũng đã thông qua điều lệ tổ chức của đảng.

Ban lãnh đạo cơ hội của Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri đã giấu không cho đại hội biết thư chào mừng của Ăng-ghen, trong đó ông chủ trương giải quyết êm thấm sự bất đồng và họ không công bố thư đó trên báo đảng. — 524.

383 Bài này Ăng-ghen viết nhân vụ bắt bớ kiều dân Ba Lan ở Pháp theo lời buộc tội họ chuẩn bị mưu sát A-lếch-xan-đrơ III. Ăng-ghen nhận được thông báo về vụ bắt bớ này từ nữ đảng viên xã hội chủ nghĩa Ba Lan Ma-ri-a Men-đen-xôn và ông lập tức lên tiếng bảo vệ các nhà cách mạng Ba Lan, vạch trần sự hợp tác của cảnh sát Pháp và cảnh sát Nga hoàng. Bài được công bố trên báo "Vorwärts" số 11, ngày 13 tháng Giêng 1893 trong mục "Bình luận chính trị" không ký tên. Tòa soạn ghi mấy giòng dẫn luận cho bài viết như sau: "Về thủ đoạn vừa rồi của cảnh sát Pa-ri, mà chúng tôi đã thông báo vắn tắt hôm qua, những người thuộc giới thông thạo nhất viết cho chúng tôi:". — 526.

384 *Vụ bê bối Pa-na-ma* — vụ áp phe gian lận liên quan với việc công ty cổ phần Kênh đào Pa-na-ma mua chuộc những nhà hoạt động nhà nước, nhà chức trách và báo chí Pháp. Công ty này được thành lập ở Pháp theo sáng kiến của kỹ sư và nhà kinh doanh Ph. Lét-xép-xơ năm 1879 để đào con kênh đào qua eo đất Pa-na-ma. Cuối năm 1888, công ty này bị đổ vỡ, làm cho những cổ đông nhỏ bị sạt nghiệp hàng loạt và gây ra vô vàn vụ phá sản, sau này, vào năm 1892 đã vỡ lẽ rằng để che đậy tình hình tài chính thực tế của mình và che đậy việc lạm dụng tiền thu gom được, công ty đã áp dụng rộng rãi việc mua chuộc và hối lộ, mà thủ phạm trong việc nhận hối lộ là những cựu chủ tịch hội đồng bộ trưởng Pháp Phrây-xi-nê, Ru-vi-ê, Phlô-kê và những nhân vật cao cấp khác. Vụ công ty Kênh đào Pa-na-ma được ngành tư pháp tư sản ỉm đi, chỉ xử những nhân vật thứ yếu, trong đó có người đứng đầu công ty là Lét-xép-xơ. Từ

"Pa-na-ma" đã trở thành một danh từ chung để chỉ những vụ ập phe gian lận cỡ lớn.

Ăng-ghen gọi Cộng hòa Pháp là "cơ hội — cấp tiến", có ý nói hai đảng cầm quyền tư sản chủ chốt của nước Pháp — đảng của những người cộng hòa tư sản ôn hòa (gọi là "phái cơ hội") biểu hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản, và đảng của những người cấp tiến — một nhóm nghị sĩ tách khỏi "phái cơ hội" và tiếp tục bảo vệ một loạt yêu sách dân chủ tư sản mà họ đã thực tế rút bỏ; năm 1901 phái cấp tiến định hình về tổ chức thành một đảng đại biểu chủ yếu cho lợi ích của giai cấp trung và tiểu tư sản. —527.

385 Ăng-ghen có ý nói đến việc phái đoàn do đô đốc Giéc-vê chỉ huy đến thăm Crôn-stát vào tháng Bảy 1891 (xem chú thích 254). 528.

386 Bài *"Về vụ bê bối ở I-ta-li-a"* Ăng-ghen viết nhân những cuộc tranh luận diễn ra vào tháng Chạp 1892 — tháng Giêng 1893 tại nghị viện I-ta-li-a về sự lạm dụng ở Ngân hàng Rô-ma; nguyên cớ gây nên cuộc tranh luận đó là bài phát biểu của nghị sĩ Cô-la-i-an-ni. Những vụ ập-phe bê bối bị phanh phui trong tiến trình tranh luận, mà một số nhà hoạt động nhà nước, nhiều nghị viên, luật sư, nhà báo và tư nhân đình líu vào, được gọi là panamino (vụ bê bối nhỏ). Khi viết bài này, Ăng-ghen sử dụng những tư liệu (những bài tường thuật các phiên họp nghị viện, báo) do nhà bác học triết gia — nhà xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a An-tô-ni-ô La-bri-ô-la, người mà lúc ấy Ăng-ghen đang có quan hệ trao đổi thư từ, gửi đến cho ông. Tính đến rằng việc trao đổi thư từ của họ bị các nhà đương cục I-ta-li-a theo dõi, nên Ăng-ghen cho đăng bài viết không ký tên, vì chữ ký, như ông viết trong thư gửi Lip-nếch đề ngày 29 tháng Giêng 1893, có thể "đưa đường cho những kẻ đê tiện ở Rô-ma tìm thấy dấu vết người I-ta-li-a báo tin cho tôi". —529.

387 Quỹ *Ven-phơ* — quỹ đặc biệt do Bi-xmác dịch thân quản dùng để mua chuộc báo chí. —529.

388 *"Corriere di Napoli"* ("Người truyền tin Na-plơ") — báo hàng ngày I-ta-li-a thuộc xu hướng tự do ôn hòa; thành lập năm 1888. - 534.

389 *"Il Secolo"* — ("Thế kỷ") — báo hàng ngày I-ta-li-a thuộc xu hướng cấp tiến; xuất bản ở Mi-la-nô từ năm 1866. —535.

390 *"Il Parlamento"* ("Nghị viện") — báo I-ta-li-a thuộc xu hướng tự do ôn hòa; xuất bản ở Tu-ri-nô từ năm 1853. —538.

391 Lời tựa này Ăng-ghen viết bằng tiếng Pháp theo đề nghị của Tu-ra-ti cho lần xuất bản bằng tiếng I-ta-li-a "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" do nhà xuất bản tạp chí "Critica Sociale" xuất bản năm 1893 ở Mi-la-nô theo bản dịch của P. Bét-ti-ni (lời tựa do Tu-ra-ti dịch). Sách còn in lời tựa Ăng-ghen cho lần xuất bản thứ tư "Tuyên ngôn" bằng tiếng Đức năm 1890 được tác giả xem lại, mà Ăng-ghen cũng gửi cho Tu-ra-ti theo đề nghị của ông này tháng Giêng 1893. —543.

392. Xem chú thích 278. —543.

393 Tác phẩm *"Châu Âu có thể giữ trật quân bị hay không?"* Ăng-ghen viết vào tháng Hai 1893, nhân quốc hội Đức thảo luận dự luật quân sự do chính phủ đưa ra. Dự luật đề ra việc tăng đáng kể quân đội và kinh phí quân sự bổ sung với mức chi tiêu quá đáng làm cho các tầng lớp dân cư đông đảo phẫn nộ; điều đó thậm chí đã thúc đẩy một số đảng tư sản chống lại dự luật và vào tháng Năm 1893 dự luật đã bị đa số trong quốc hội bác bỏ. Song vào tháng Bảy 1893, sau việc giải tán quốc hội và sau cuộc bầu cử mới, một dự luật quân sự tương tự đã được quốc hội phê chuẩn.

Nguyên cớ trực tiếp khiến Ăng-ghen viết tác phẩm này là thư của Bê-ben gửi Ăng-ghen đề nghị ông bày tỏ ý kiến của mình về lập trường mà đảng đoàn dân chủ — xã hội tại quốc hội phải giữ trong vấn đề này. Sau khi gửi bản thảo đi Béc-lin để đăng báo "Vorwärts", trong thư gửi Bê-ben đề ngày 24 tháng Hai 1893, Ăng-ghen đề nghị đăng báo dưới dạng một loạt gồm tám bài, và thực tế đã làm như vậy. Cuối tháng Ba 1893, tác phẩm được xuất bản thành sách lẻ. Ăng-ghen viết một lời tựa riêng cho quyển sách này.

Loạt bài của Ăng-ghen cũng được đăng lại trên tờ báo dân chủ — xã hội "Wähler" các số 65, 66, 68 và trong phụ trương của các số 69, 70, 71, 72 và 74 ra ngày 20, 21, 23, 24, 25, 27, 28 và 30 tháng Ba 1893. Trong mấy lời dẫn luận của ban biên tập có nêu rằng tác phẩm của Ăng-ghen được mọi người quan tâm. —597.

394 *Dân binh* — bộ phận hợp thành của lực lượng bộ binh Đức. Dân binh ra đời ở Phổ vào năm 1813 với tư cách là dân quân trong cuộc chiến đấu chống quân của Na-pô-lê-ông, bao gồm những người lớn tuổi thuộc diện nghĩa vụ quân sự đã mãn hạn phục vụ trong quân đội thường trực và trong lực lượng dự bị của

quân đội thường trực. Trong thời bình, các đơn vị dân binh chỉ tập trung một số lần để tập huấn. Trong thời chiến, dân binh được sử dụng để bổ sung cho quân đội tác chiến, cũng như – dân binh cao tuổi – được sử dụng để đồn trú bảo vệ các thành lũy và các thành thị.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, việc tổ chức quân dự bị theo kiểu dân binh Phổ được tiến hành ở nhiều nước, đặc biệt là ở Áo – Hung. –551.

395 *Hòa ước Phran-phuốc* – xem chú thích 195.

Hòa ước Tin-dit – xem chú thích 34. –552.

396 *Quân địa phương* – từ năm 1872 là một bộ phận của lực lượng vũ trang Pháp, được thành lập trong thời gian chiến tranh để làm các công việc ở hậu phương, đồn trú và cảnh vệ. Đối tượng phải vào quân địa phương với thời hạn 6 năm và vào đội dự bị của nó với thời hạn 6 năm là những người lớn tuổi thuộc diện nghĩa vụ quân sự đã mãn hạn phục dịch trong quân đội thường trực và các đơn vị dự bị của nó.

Dân quân – ra đời ở Phổ vào những năm 1813 – 1814. Theo luật năm 1867, dân quân phải được thành lập gồm những người thuộc diện nghĩa vụ quân sự tuổi từ 17 đến 42 chưa phục vụ trong quân đội và hải quân và chỉ gọi nhập ngũ khi có nguy cơ can thiệp của nước ngoài. –552.

397 Trận *Vớc-tơ* (An-da-xơ) – một trong những trận giao chiến lớn đầu tiên của cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, diễn ra ngày 6 tháng Tám 1870, kết thúc bằng thất bại của quân Pháp do Mắc-Ma-hông chỉ huy.

Trận *Xê-đăng* – xem chú thích 194.

Trong trận *Spi-héc-nơ* (Lo-ren-nơ) ngày 6 tháng Tám 1870, quân Phổ đã đánh tan quân đoàn 2 quân đội Pháp do tướng Phrốt-xa chỉ huy. Trong sách báo, tài liệu sử học, trận Spi-héc-nơ cũng được gọi là trận Phoóc-bách. -554.

398 Có ý nói đến bài diễn văn của Bê-ben về các nguyên tắc của nhà nước tương lai, đọc tại quốc hội ngày 3 tháng Hai 1893.

Quân dự bị bổ sung trong quân đội Phổ, và sau này trong quân đội Đức là tên gọi bộ phận quân dự bị gồm những người thuộc tuổi quân dịch mà trong thời bình vì lý do này khác được hoãn làm quân dịch thực tế; thời hạn phục vụ trong quân dự bị bổ sung được ấn định năm 1874 là 12 năm, quân dự bị này được sử dụng để bổ sung quân đội trong thời gian động viên. –556.

399 Đây là nói việc Hét-xen – Dác-mơ-stát chấp nhận hệ thống quân sự Phổ sau khi Liên bang Bắc Đức (gồm một bộ phận lãnh thổ của công quốc này) được thành lập năm 1867 do Phổ đứng đầu. –556.

400 Tháng Chín 1841 – tháng Mười 1842, Ăng-ghen làm nghĩa vụ quân sự với tư cách người nhập ngũ tự nguyện trong lữ đoàn pháo binh cận vệ Phổ.

Cúp-phéc-gra-ben – kênh đào ở Béc-lin, doanh trại của lữ đoàn đóng gần đấy. –560.

401 Ăng-ghen có ý nói đến chuyến đi của ông đến Bác-men cuối tháng Ba – đầu tháng Tư 1860 nhân khi bố ông mất. –563.

402 Ăng-ghen viện dẫn bài xã luận "Mánh khóe cũ" đăng trên báo "Freisinnige Zeitung" ngày 26 tháng Mười một 1892, trong đó có phê phán dự luật quân sự mới.

"Freisinnige Zeitung" ("Báo Tự do tư tưởng") – nhật báo tiếng Đức, cơ quan ngôn luận của Đảng tự do tư tưởng Đức xuất bản ở Béc-lin từ năm 1885 đến năm 1918; người lãnh đạo tờ báo là Rích-te. –568.

403 *Công trái Pa-ri* – xem chú thích 255. –578.

404 Khi đăng tác phẩm của Ăng-ghen trên báo "Vorwärts" (số 58, ngày 9 tháng Ba 1893), đoạn này bị bỏ đi. Thay vào đó, ban biên tập đăng trong ngoặc đơn chú giải sau đây: "Ở đây Ăng-ghen nêu những hậu quả mà thời trước, do sự thất vọng của binh sĩ bị đối xử xấu thường dẫn tới. Chúng tôi không đăng tư liệu này dù chúng có khách quan thế nào đi nữa, vì chúng tôi biết thực tiễn tư pháp rất nhiều khi coi việc trình bày sự thực một cách khách quan nhằm nhắc nhở đề phòng là ý đồ kêu gọi lặp lại những sự thực như vậy".

Đoạn ban biên tập báo "Vorwärts" cắt bỏ trong chính văn, và những lý do thúc đẩy họ làm như thế, chứng tỏ rằng ban biên tập sợ hãi trước sắc thái cách mạng của tác phẩm của Ăng-ghen mà ở đoạn này hàm chứa việc kêu gọi trực tiếp chống lại hành động bạo lực và độc đoán đối với binh lính. Trong sách lẻ, đoạn bỏ đi được in lại, còn lời chú giải của ban biên tập thì bị cắt bỏ.–582.

405 Về thất bại ở I-ê-na, xin xem chú thích 34. –583.

406 *Liên minh tay ba* – khối liên minh quân sự – chính trị xâm lược của Đức, Áo – Hung và I-ta-li-a nhằm chống Pháp và Nga. Thành hình hẳn hoi vào năm

1882 do việc I-ta-li-a gia nhập liên minh quân sự Áo — Đức ký kết năm 1879. Hiệp ước Liên minh tay ba được ký với thời hạn năm năm, được ký lại vào năm 1887 và 1891, sau đó tự động kéo dài vào năm 1902 và 1912. Việc thành lập Liên minh tay ba đã mở đầu sự phân chia châu Âu thành hai phe lớn đối địch nhau, rốt cuộc dẫn tới cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới thứ nhất 1914 — 1918. Khi chiến tranh nổ ra, I-ta-li-a ra khỏi liên minh và năm 1915 nhập hội với các cường quốc tham chiến chống Đức và Áo — Hung.—585.

407 *Hòa ước Pra-ha* ký ngày 23 tháng Tám 1866 đã kết thúc cuộc chiến tranh Áo — Phổ năm 1866. Hiệp ước ghi nhận việc Áo thất trận bị buộc phải thôi đấu tranh với Phổ để giành bá chủ ở Đức và việc nó đồng ý thành lập Liên bang Bắc Đức do Phổ đứng đầu. Theo điều V của hòa ước, Áo nhường cho Phổ tất cả mọi quyền của mình đối với Slê-đơ-vich — Hôn-stai-nơ do Áo và Phổ cùng cai quản từ thời họ chiến thắng Đan Mạch trong cuộc chiến tranh năm 1864, hơn nữa Bắc Slê-đơ-vich phải được tái thống nhất với Đan Mạch, nếu dân cư vùng ấy đồng ý qua cuộc trưng cầu ý dân. Song Phổ không thực hiện điều kiện đó của hòa ước và giữ lại Bắc Slê-đơ-vich. Năm 1878, điều V hòa ước Pra-ha đã bị hủy bỏ. —586.

408 Có ý nói đến tình hình lương thực khó khăn của dân cư Pa-ri trong thời gian quân đội Đức bao vây Pa-ri vào tháng Chín 1870 — tháng Giêng năm 1871 trong thời kỳ chiến tranh Pháp — Phổ. —588.

409 Cuộc bầu cử nghị viện diễn ra ở Anh mùa hè năm 1892 kết thúc bằng thắng lợi của phái tự do. Công nhân và các tổ chức xã hội chủ nghĩa Anh đã tiến hành thành công cuộc vận động bầu cử này, họ đã đưa ra một số khá lớn ứng cử viên. Ba trong số họ — Gi. C. Hác-đi, Gi. Bốc-xơ và Gi. H. Uyn-xơn — đã được bầu vào nghị viện. —592.

410 Ăng-ghen có ý nói đến các dự luật về thù lao cho các nghị sĩ và về việc quy định chế độ bỏ phiếu bình đẳng, mỗi cử tri chỉ bỏ một phiếu bầu, chứ không phải mấy phiếu bầu ở những khu vực khác nhau (nơi cư trú, nơi có tài sản v.v.) theo chế độ tư cách cử tri trước đây. Những dự luật ấy do chính phủ thuộc phái tự do của Glát-xtôn (lên nắm chính quyền qua cuộc bầu cử năm 1892) đưa ra dưới sức ép của quần chúng nhân dân mong muốn chấm dứt đặc quyền của giới chóp bu tư sản và quý tộc. Song thượng nghị viện đã bác cả hai dự luật.—592.

411 Lời chào mừng công nhân Áo Ăng-ghen viết theo đề nghị của tổng biên tập tờ đặc san Áo ra ngày 1 tháng Năm "Zum 1.Mai" M. Sa-hếc-lơ, người đã viết thư cho Ăng-ghen về vấn đề này ngày 14 tháng Giêng.

Lời chào mừng được công bố dưới nhan đề "Thư của Phri-đrích Ăng-ghen". Cùng số đặc san ấy đã đăng những lời chào mừng công nhân Áo nhân ngày 1 tháng Năm và những bài viết về ngày lễ của giai cấp vô sản của hai người con gái của Mác — Lau-ra La-phác-gơ và E-lê-ô-no-ra Mác — E-vơ-linh, cũng như của P.La-phác-gơ, A. Bê-ben, V.Líp-nếch, G. V. Plê-kha-nốp và những nhà hoạt động khác của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa. —593.

412 Trong cuộc bầu cử hội đồng địa phương năm 1892, Đảng công nhân Pháp đã thắng lớn, thu được trên 100 nghìn phiếu bầu. —594.

413 Ăng-ghen có ý nói đến việc viên cố vấn chính phủ Sáp-ca tại phiên họp của quốc hội Áo ngày 17 tháng Giêng 1893 — khi ông trả lời chất vấn của các nghị sĩ dân chủ — xã hội — thừa nhận tính chất phi pháp của hành động của các nhà đương cục địa phương vi phạm quyền lập hội và quyền hội họp ở một loạt vùng nước Áo.- 594.

414 Bài này Ăng-ghen viết sau khi nhận được thư của ban biên tập tờ báo dân chủ — xã hội Séc "Sociálni Demokrat" ("Người dân chủ — xã hội") gửi cho Ăng-ghen vào tháng Ba 1893 đề nghị ông viết một bài cho ấn phẩm chuyên đề 1 tháng Năm mà những người dân chủ — xã hội Séc đang chuẩn bị. Ấn phẩm này cũng in lời chào mừng của P. La-phác-gơ, A.Bê-ben và những nhà hoạt động khác gửi công nhân Séc. —595.

415 Mác đến Viên vào cuối tháng Tám — đầu tháng Chín 1848 nhằm tăng cường liên hệ với các tổ chức dân chủ và tổ chức công nhân Áo và thúc đẩy họ đấu tranh kiên quyết hơn nữa chống thế lực phản cách mạng ở Áo, cũng như với hy vọng nhận được tiền để tiếp tục xuất bản báo "Neue Rheinische Zeitung".—595.

416 Ăng-ghen có ý nói đến cuộc đấu tranh để thực hiện quyền bầu cử phổ thông đã diễn ra ở Bỉ trong những năm 1890 — 1893. Do những cuộc đấu tranh và bãi công quy mô lớn được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng công nhân, ngày 18 tháng Tư 1893 Hạ nghị viện đã thông qua luật quyền bầu cử phổ thông

(được Thượng nghị viện chuẩn y ngày 29 tháng Tư), song có một số hạn chế có lợi cho các giai cấp thống trị. Với luật này, ở Bỉ đã thực hiện quyền bầu cử phổ thông đối với đàn ông, giới hạn ở lứa tuổi đủ 25 và thường trú một năm. Ngoài ra, luật còn quy định chế độ bỏ phiếu nhiều lần — cho phép một số loại cử tri bỏ thêm 1 — 2 phiếu tùy theo tình hình tài sản, học vấn và làm công vụ nhà nước của họ. — 597.

417 *Điện Buốc-bông* ở Pa-ri là nơi đặt trụ sở của Viện dân biểu Pháp. - 598.

418 Lời chào mừng công nhân Tây Ban Nha nhân ngày 1 tháng Năm Ăng-ghen viết theo đề nghị của P. I-glê-xi-át, một nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha. Tháng Tư 1893, I-glê-xi-át gửi thư cho Ăng-ghen đề nghị ông viết bài cho số báo "Socialista" ngày 1 tháng Năm. — 599.

419 Ngày 2 tháng Năm 1808 ở Ma-đrít đã nổ ra cuộc khởi nghĩa nhân dân chống quân đội Na-pô-lê-ông chiếm đóng Tây Ban Nha. Cuộc khởi nghĩa bị quân đội Pháp đàn áp tàn khốc. Song nó đã mở đầu cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc giành độc lập của nhân dân Tây Ban Nha. Ngày 2 tháng Năm hàng năm được nhân dân Tây Ban Nha kỷ niệm tưởng nhớ những người đấu tranh để giải phóng quê hương. — 599.

420 Thư này Ăng-ghen viết để đáp lại việc nhà dân chủ — xã hội Bun-ga-ri Xtô-i-an Nô-cốp đang sống ở Giơ-ne-vơ gửi cho ông tạp chí "Người dân chủ — xã hội" số 2 năm 1892. Qua Nô-cốp Ăng-ghen gửi thư cho tòa soạn, và tòa soạn đã công bố thư này dịch ra tiếng Bun-ga-ri trong số 3 tạp chí "Người dân chủ — xã hội" năm 1893 với nhan đề "Thư của Phri-đrích Ăng-ghen". Kèm theo thư của Ăng-ghen, tòa soạn đăng một lời bạt ngắn trình bày vắn tắt hoạt động của các lãnh tụ của phong trào xã hội chủ nghĩa, trước hết là của Ăng-ghen, nêu một số tác phẩm của Ăng-ghen có ý nghĩa quan trọng đối với Bun-ga-ri.

"Người dân chủ — xã hội" — tạp chí xã hội — văn học Bun-ga-ri xuất bản 1-a tháng một lần tại thành phố Xê-vli-ê-vô trong những năm 1892 — 1893. Chủ bút của tạp chí là những sinh viên Trường đại học tổng hợp Giơ-ne-vơ X. Ba-la-ba-nốp (Khri-xtốp) và K. Ra-cốp-xki, họ chuẩn bị tài liệu ở Thụy Sĩ rồi gửi về Bun-ga-ri cho nhà xuất bản để lên khuôn. Tạp chí đã đăng một số tác phẩm của Mác và Ăng-ghen dịch ra tiếng Bun-ga-ri. Trong số 3, ngoài bức thư nói trên của Ăng-ghen, còn đăng tiểu sử của Mác do Ăng-ghen viết, một phần

tác phẩm của ông "Lời nói đầu cho lần xuất bản bằng tiếng Anh "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học"", cũng như mục 3 chương thứ tư tập thứ nhất bộ "Tư bản" của Mác. Tạp chí còn đăng bài của G. V. Plê-kha-nốp, P.La-phác-gơ và những nhà hoạt động khác của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa.

Ban biên tập tạp chí "Người dân chủ — xã hội" đã cố gắng đưa các tư tưởng và phương pháp của phong trào công nhân Tây Âu vào Bun-ga-ri. Nhưng quan điểm lý luận của các nhà xuất bản tạp chí này không rõ ràng và họ đã lẫn rối rắm nhiều vấn đề của lý luận mác-xít. Khuyết điểm của tòa soạn là đã thoát ly đời sống chính trị — xã hội của Bun-ga-ri. Tạp chí "Người dân chủ — xã hội" đã chống nhóm mác-xít của D. N.Bla-gô-ép, nhóm đã dấy mạnh đấu tranh để xây dựng đảng dân chủ — xã hội cách mạng Bun-ga-ri. — 601.

421 Tạp chí "Người dân chủ — xã hội" số 2 năm 1892 đã đăng hai tác phẩm của G. V. Plê-kha-nốp dịch ra tiếng Bun-ga-ri: "Triết học Hê-ghen về lịch sử" và "Về nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa trong việc chống đói ở Nga". — 602.

422 Diễn văn tại Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ ba ở Xuy-rích Ăng-ghen đọc trong phiên họp cuối cùng ngày 12 tháng Tám 1893. Ăng-ghen đến Xuy-rích trong chuyến đi châu Âu và trước đó đã ghé thăm nước Đức. Tại phiên họp cuối cùng, Ban thường vụ Đại hội giao cho Ăng-ghen nhiệm vụ, với tư cách là chủ tịch danh dự, bế mạc đại hội.

Diễn văn của Ăng-ghen lúc bấy giờ được phổ biến rộng rãi trên báo chí công nhân và báo chí xã hội chủ nghĩa. Bản ghi bài diễn văn này được công bố trong phụ trương báo "Vorwärts" số 190, ngày 15 tháng Tám 1893 và đăng có lược bớt chút ít trên báo "Arbeiter — Zeitung" số 35, ngày 1 tháng Chín 1893, cũng như trên báo "Socialiste" số 155, ngày 2 tháng Chín 1893 và trên những cơ quan ngôn luận khác.

Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ ba ở Xuy-rích họp trong những ngày 6-12 tháng Tám 1893. Dự đại hội có 411 đại biểu từ 18 nước. Đoàn đại biểu Anh đông hơn khá nhiều so với trong hai đại hội trước, chứng tỏ mưu toan của các thủ lĩnh của những hội công liên cũ cố ngăn cản công nhân Anh tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế đã thất bại. Trong thời kỳ chuẩn bị đại hội, cũng như tại đại hội, những người mác-xít đã phải tiến hành đấu

tranh cãng thẳng với các phần tử vô chính phủ. Đến đại hội với số lượng đông, trái với những quyết định đã ra trước đó là chỉ cho những tổ chức thừa nhận sự cần thiết của đấu tranh chính trị đến đại hội, phái vô chính phủ đã buộc đại hội trước hết phải thảo luận vấn đề "hoạt động chính trị" là gì; họ cố áp đặt quan niệm của họ hiểu hoạt động chính trị là những hành động khủng bố. Theo đề nghị của Bê-ben, đại hội đã thông qua phần bổ sung đặc biệt vào những nghị quyết đã thông qua từ trước về vấn đề này, theo đó hoạt động chính trị được hiểu là các đảng công nhân sử dụng các quyền chính trị và các thiết chế lập pháp vì lợi ích của giai cấp vô sản và để nắm quyền lực chính trị. Sau khi điều bổ sung ấy được thông qua, các phần tử vô chính phủ đã buộc phải rời phòng họp.

Đại hội xem xét chủ yếu là những vấn đề liên quan với sách lược của phong trào công nhân: kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, sách lược chính trị của những người dân chủ – xã hội, lập trường của đảng dân chủ – xã hội trong trường hợp có chiến tranh.

Khi thảo luận vấn đề kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, các đại biểu đã phê phán lập trường của các đại biểu Đảng dân chủ - xã hội Đức đã nài ni chuyển lễ kỷ niệm sang ngày chủ nhật đầu tiên của tháng Năm. Đại hội đã khẳng định nghị quyết của Đại hội Bruy-xen về vấn đề này. Về vấn đề thứ hai, đại hội đã thông qua nghị quyết thừa nhận cần phải kết hợp các hình thức đấu tranh nghị trường và các hình thức đấu tranh ngoài nghị trường. Song việc nhấn mạnh quá đáng tầm quan trọng của cuộc đấu tranh cho cải cách chứng tỏ là đã đánh giá quá cao ý nghĩa của hoạt động nghị trường, và chứng tỏ là tư tưởng cải lương chủ nghĩa trong các đảng của Quốc tế II đã phần nào tăng lên.

Giữ một vị trí quan trọng trong công việc của đại hội là vấn đề thái độ của đảng dân chủ – xã hội đối với chiến tranh. Người báo cáo về vấn đề này là G. V.Plê-kha-nốp. Đại hội đã bác đề nghị vô chính phủ của Niu-ven-hây-xơ về việc tuyên bố tổng bãi công trong trường hợp xảy ra chiến tranh và đã khẳng định những điểm cơ bản trong nghị quyết của Đại hội Bruy-xen về vấn đề này, bổ sung một điểm kêu gọi công nhân đấu tranh và giải trừ quân bị và bắt buộc các nghị sĩ xã hội chủ nghĩa trong các nghị viện phải biểu quyết chống kinh phí quân sự. – 603.

423 Ăng-ghen có ý nói đến đại hội La Hay của Quốc tế I (xem chú thích 134). – 604.

424 Xem chú thích 97 và 241. -604.

425 Khi cùng Bê-ben từ Thụy Sĩ trở về (sau Đại hội Xuy-rích), Ăng-ghen dừng lại mấy ngày ở Viên. Nhân dịp này, ngày 11 tháng Chín 1893 những người dân chủ – xã hội Áo đã tổ chức một dạ hội trong thể chào mừng Ăng-ghen và Bê-ben, theo tin của báo "Arbeiter – Zeitung" ngày 15 tháng Chín 1893, có gần 600 người dự. Song số người muốn chào mừng Ăng-ghen thì đông hơn rất nhiều, do vậy ngày 14 tháng Chín có cuộc hội nghị thông báo kết quả của Đại hội Xuy-rích với gần 2000 người có mặt. Những người đã dự đại hội (V. Át-le, A. Bê-ben và những người khác) đã phát biểu tại cuộc họp. Cuối hội nghị, Ăng-ghen đã phát biểu.

Ngoài báo "Arbeiter – Zeitung" và "Neue Freie Presse" ("Báo tự do mới") ra, báo "Vorwärts" số 219 ngày 17 tháng Chín 1893 cũng đăng tường thuật bài nói của Ăng-ghen. – 606.

426 Ăng-ghen có ý nói đến cuộc biểu tình đồ sộ của công nhân Viên đòi quyền bầu cử phổ thông đo những người dân chủ – xã hội Áo tổ chức ngày 9 tháng Bảy 1893. Cuộc biểu tình có trên 40.000 người tham gia. Trong thời gian biểu tình đã có một loạt cuộc mít-tinh, kể cả tại tòa thị chính Viên. – 607.

427 Khi từ Thụy Sĩ trở về, sau khi thăm Viên, Ăng-ghen đến Béc-lin, lưu lại ở đây từ ngày 16 đến hết ngày 28 tháng Chín 1893. Ở đây, cũng như ở Viên, ông được tiếp đãi thân ái, điều này Ăng-ghen đã viết trong thư gửi Giooc-ghê đề ngày 7 tháng Mười 1893. Cùng lúc đó, cảnh sát đã theo dõi sít sao hành trình của Ăng-ghen, chứng tỏ điều này là những báo cáo còn lưu giữ của các mật vụ cảnh sát Viên và Béc-lin.

Ăng-ghen đọc diễn văn tại cuộc mít-tinh trong thể ở Bec-lin, tổ chức ngày 22 tháng Chín 1893 để chào mừng ông. Dù mít-tinh có đến 4.000 người. Ngày 26 tháng Chín, Ăng-ghen dự buổi tiệc thân mật trong đo V.Líp-nếch đọc lời chào mừng, nêu vai trò kiệt xuất của Ăng-ghen trong phong trào công nhân Đức.- 609.

428 Ăng-ghen có ý nói lần ông ở Béc-lin trong tháng Chín 1841 — tháng Mười 1842 khi ông làm nghĩa vụ quân sự với tư cách là người nhập ngũ tự nguyện. —609.

429 Có ý nói đến cuộc bầu cử quốc hội thành công đối với đảng dân chủ — xã hội vào tháng Sáu 1893. Ăng-ghen đánh giá kết quả cuộc bầu cử này trong bài trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Anh "Daily Chronicle" (xem tập này, tr.803-809). —610.

430 Trước khi thăm Đức năm 1893, Ăng-ghen có đến đấy vào nửa cuối tháng Sáu 1876, sau khi đi Hây-đen-béc giải quyết công việc gia đình. —610.

431 Lời chào mừng này Ăng-ghen viết nhân nhận được giấy mời ông tham gia công việc của Đại hội các sinh viên xã hội chủ nghĩa quốc tế và được công bố trên báo "L'Etudiant Socialiste" (cùng với lời chào mừng của G. V. Plê-kha-nốp và của những nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa), cũng như trong tạp chí dân chủ — xã hội Bun-ga-ri "Ngày", quyển 4 — 5 năm 1894.

Đại hội sinh viên xã hội chủ nghĩa quốc tế được triệu tập theo sáng kiến của nhóm sinh viên xã hội chủ nghĩa Giơ-ne-vơ, họp ở Giơ-ne-vơ từ 22 đến 25 tháng Chạp 1893. Dự đại hội có 26 đại biểu của các tổ chức sinh viên Ác-mê-ni, Bỉ, Bun-ga-ri, I-ta-li-a, Đức, Ba Lan, Ru-ma-ni, Nga, Pháp và Thụy Sĩ. Đại hội xem xét các vấn đề về sự tham gia của những người lao động trí óc vào phong trào xã hội chủ nghĩa, về chủ nghĩa bài Do Thái, về chủ nghĩa vô chính phủ, về "chủ nghĩa xã hội nhà nước" v.v.. Các nghị quyết của đại hội được viết theo tinh thần của Đại hội Bruy-xen và Đại hội Xuy-rích của Quốc tế II. Đại hội cũng kiến nghị tiến hành công tác tuyên truyền xã hội chủ nghĩa tích cực trong học sinh và quyết định thành lập Ban thư ký quốc tế ở Giơ-ne-vơ nhằm thiết lập và củng cố liên hệ giữa sinh viên xã hội chủ nghĩa các nước.

"L'Etudiant socialiste" ("Sinh viên xã hội chủ nghĩa") — báo xã hội chủ nghĩa ra hai tuần một số, xuất bản ở Bruy-xen từ năm 1891; lúc đầu là cơ quan ngôn luận của Liên đoàn sinh viên xã hội chủ nghĩa Bỉ, từ cuối năm 1893 là cơ quan ngôn luận của Ban thư ký sinh viên xã hội chủ nghĩa quốc tế. —613.

432 Lời tựa này Ăng-ghen viết nhân việc tái bản vào năm 1894 ở Béc-lin một loạt tác phẩm và bài viết vào những năm 1871 — 1875 thành một văn tập lấy tên gọi là "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 — 75)" ("Những bài viết về đề tài quốc tế đã đăng trên báo "Volksstaat" (1871 — 75)"). Lời tựa này được

in bằng tiếng Nga lần đầu tiên trong ấn phẩm "Tri thức": Ph. Ăng-ghen. "Những bài viết trong thời kỳ 1871 — 75". Xanh Pê-tec-bua, 1906, tr.3-5.- 615.

433 Bài đả kích của C.Mác "Ngài Phô-gtơ", xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.14, tr.483-890; bài của Ph. Ăng-ghen "Lại bàn về Ngài Phô-gtơ" đăng trên báo "Volksstaat", số 38, ngày 10 tháng Năm 1871, xin xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.17, tr.407-416.-615.

434 Bài của Ăng-ghen "Phái Ba-cu-nin trong hành động" đăng trên báo "Volksstaat" các số 105, 106, và 107, ngày 31 tháng Mười, 2 và 5 tháng Mười một 1873 và tiếp theo đó được in thành sách lẻ: "Die Bakunisten an der Arbeit. Denkschrift über den letzten Aufstand in Spanien". Leipzig [1874] ("Phái Ba-cu-nin trong hành động. Bút ký về cuộc khởi nghĩa vừa rồi ở Tây Ban Nha", Lai-pxích, [1874] (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.641-666).-615.

435 Đây là nói bài thứ nhất trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" đăng trên báo "Volksstaat" vào tháng Sáu 1874 — tháng Tư 1875. Bài này được đăng trên báo "Volksstaat" số 69, ngày 17 tháng Sáu 1874. Nhan đề "Tuyên ngôn Ba Lan" là do tác giả đặt cho bài này vào năm 1894 khi in lại nó trong văn tập "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 — 75)" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.703-712).-616.

436 Đây là nói bài thứ hai trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" đăng trên báo "Volksstaat" số 73, ngày 26 tháng Sáu 1874 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.713-723). Nhan đề "Cương lĩnh của những thành viên công xã lưu vong thuộc phái Blăng-ki[8]là do Ăng-ghen đặt vào năm 1894 khi in lại bài đó trong văn tập "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 — 75)". —616.

437 Trong cuộc bầu cử Viện dân biểu Pháp ngày 30 tháng Tám và 3 tháng Chín 1893, 5 người thuộc phái Blăng-ki đã trúng cử, đó là: Vai-i-ăng, Bô-đanh, Sô-vi-ê, M.Xăm-ba, Van-tê. —616.

438 Năm 1880 ở Pháp, dưới ảnh hưởng của phong trào công nhân và phong trào dân chủ, chính phủ đã ban hành luật ân xá cho các chiến sĩ Công xã (công bố

ngày 11 tháng Bảy); nhờ thế nhiều người bị đày và người sống lưu vong từng tham gia Công xã có thể trở về nước. —616.

439 Khi dùng mấy chữ "giai cấp tư sản cơ hội chủ nghĩa" Ăng-ghen có ý nói đến những người thuộc phái công hòa tư sản ôn hòa, cái gọi là "phái cơ hội" (về phái này, xin xem chú thích 384). —616.

440 "*Le Parti socialiste. Organe du Comité Révolutionaire Central*" ("Đảng xã hội chủ nghĩa. Cơ quan của Ban chấp hành cách mạng trung ương") — tuần báo của phái Blăng-ki, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1890 đến năm 1898. —617.

441 Bài "Về vấn đề xã hội ở Nga" — bài thứ năm, bài cuối cùng trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" — đã đăng trên báo "Volksstaat" các số 43, 44 và 45, ngày 16, 18 và 21 tháng Tư 1875 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.751-767) và tiếp theo đó đã xuất bản thành sách lẻ: "Sociales aus Rußland", Leipzig, 1875, với lời nói đầu ngắn do Ăng-ghen viết cho sách này (xem như trên, tr.790-794). Ăng-ghen đã đưa vào văn tập "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 — 75)" cả bài đó lẫn lời nói đầu viết cho nó. —618.

442 *Lời nói trước viết cho bài "Phái Ba-cu-nin trong hành động"* (xem chú thích 434) Ăng-ghen viết vào đầu tháng Giêng năm 1894 nhân tái bản một bài trong văn tập "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 — 75)" (xem chú thích 432). Khi chuẩn bị tái bản bài "Phái Ba-cu-nin trong hành động" Ăng-ghen có sửa một số chỗ về mặt biên tập và đặt cho bài một đề phụ mới: thay cho "Bút ký về cuộc khởi nghĩa vừa rồi ở Tây Ban Nha" là "Bút ký về cuộc khởi nghĩa ở Tây Ban Nha mùa hè năm 1873".

Trong bài "Lời nói trước" có một số điểm không chính xác nhỏ về việc nêu ngày tháng xảy ra sự kiện. Chế độ cộng hòa ở Tây Ban Nha được tuyên bố thành lập ngày 11 tháng Hai 1873, việc bầu cử Quốc hội lập hiến diễn ra ngày tháng 10 Năm 1873. —620.

443 *Lời bạt viết cho tác phẩm "Về vấn đề xã hội ở Nga"* (xem chú thích 441) Ăng-ghen viết nhân dịp tái bản nó trong văn tập "Internationales aus dem "Volksstaat" (1871 — 75)". Trong lời tựa của văn tập (xem tập này tr. 618), Ăng-ghen cho biết những nguyên nhân thúc đẩy ông tái bản tác phẩm này có kèm theo lời bạt cận kề.

Lời bạt được công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga cùng với bản dịch tác phẩm của Ăng-ghen "Bàn về vấn đề xã hội ở Nga" trong cuốn sách "Phri-đrích Ăng-ghen nói về nước Nga" do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản năm 1894 tại nhà in "Người dân chủ — xã hội" ở Giơ-ne-vơ. Bản dịch cuốn sách này do Vê-ra Da-xu-lích thực hiện theo thỏa thuận với Ăng-ghen, lời tựa do G. V.Plê-kha-nốp viết. Về sau lời bạt cùng với chính tác phẩm của Ăng-ghen được tái bản nhiều lần ở Nga với những nhan đề khác nhau. —622.

444 Ăng-ghen có ý nói đến cuốn sách của P. N. Tca-sép "Offener Brief an Herrn Friedrich Engels, Verfasser der Artikel "Flüchtlings-Literatur" in Nr. 117 und 118 des" Volksstaat", Jahrgang 1874. Zürich, Typographie der Tagwacht, 1874 ("Thư ngỏ gửi ông Phri-đrích Ăng-ghen, tác giả các bài "Sách báo của giới lưu vong" trong số 117 và số 118 "Volksstaat", 1874, Xuy-rích, nhà in "Tagwacht", 1874). Bản dịch bức thư này ra tiếng Nga được in trong cuốn: P.Tca-sép. "Tuyển tập về đề tài kinh tế — xã hội", tập III, 1933, tr. 88 — 89.

Ăng-ghen trả lời Tca-sép bằng bài thứ tư và bài thứ năm trong loạt bài "Sách báo của giới lưu vong" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18 tr.737-750, 751-767). —622.

445 Đây là nói quyển sách: A.Haxthausen. "Studien über innern Zustände, das Volksleben und insbesondere die ländlichen Einrichtungen Rußlands", Th. I — III. Hannover — Berlin, 1847 — 1852 (A. Hắc-xtơ-hau-den. "Nghiên cứu các quan hệ nội bộ của đời sống nhân dân và đặc biệt là các thiết chế nông thôn Nga". Phần I — III, Han-nô-vơ-Béc-lin, 1847 — 1852).- 622.

446 Thư của A. I. Ghec-xen gửi tổng biên tập tạp chí "The English Republic" ("Cộng hòa Anh") U. Lin-tơn do ông viết vào tháng Giêng — tháng Hai 1854 và lần đầu tiên được công bố vào năm 1854 trong tập thứ ba tạp chí của Lin-tơn bằng tiếng Anh. Ăng-ghen dẫn một đoạn trong bức thư thứ ba của Ghéc-xen gửi Lin-tơn, trích dẫn nó theo bản in ở Giơ-ne-vơ năm 1885 cuốn sách của G. V. Plê-kha-nốp "Những bất đồng của chúng ta", tr. 9, vì vậy cả trong bộ Toàn tập này, thư của Ghéc-xen cũng in theo sách của Plê-kha-nốp.

Toàn văn các bức thư của Ghéc-xen gửi Lin-tơn, xin xem trong các tập tác phẩm của A.I. Ghéc-xen dưới nhan đề "Thế giới cũ và nước Nga". —625

447 Ở đây trích dẫn bài phê phán của N. G. Séc-nư-sép-xki "Bút ký về các tạp chí"

lần đầu tiên công bố trong số 5 của tạp chí "Người cùng thời" năm 1857. Tiếp theo Ăng-ghen trích dẫn một bài khác của Sec-nư-sép-xki "Nghiên cứu các quan hệ nội bộ của đời sống nhân dân và đặc biệt là các thiết chế nông thôn Nga. Của nam tước A. Hắc-xtơ-hau-den", công bố lần đầu tiên trong số thứ bảy của tạp chí "Người cùng thời" năm 1857. Cả hai bài đó được đưa vào tập thứ năm Toàn tập của N. G. Séc-nư-sép-xki, xuất bản dưới nhan đề chung "Về chế độ sở hữu ruộng đất công xã". Giơ-ne-vơ, 1879. Trong sách của G. V. Plê-kha-nốp "Những bất đồng của chúng ta" (Giơ-ne-vơ, 1879), đoạn trích này được dẫn ra ở tr. 16 — 17; đoạn trích thứ hai, tiếp theo ở bên dưới được dẫn ra ở tr. 15. Rõ ràng là Ăng-ghen đã trích dẫn Sec-nư-sép-xki theo cuốn sách của Plê-kha-nốp, và những đoạn trích dẫn này được dẫn ra theo ấn phẩm đó.-627.

448 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga. Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va, 1961, t.19 tr.305.

Ở đây Ph.Ăng-ghen trích Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Nga "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1882, bản dịch ngược từ bản dịch tiếng Nga của G.V.Plê-kha-nốp, do vậy văn bản của đoạn trích trong nguyên bản có đôi chỗ không hoàn toàn giống với bản thảo của Lời tựa viết bằng tiếng Đức.—633.

449 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 t.21, tr.170-175. —634.

450 Đây là nói về bài báo của I-u-G.Giu-cốp-xki "Các Mác và cuốn sách của ông nói về tư bản" đăng trong tạp chí "Người truyền tin châu Âu" quyển 9 năm 1877, và về sự trả lời đối với bài báo đó của một trong những nhà tư tưởng của phái dân Dân ý Nga, N. C. Mi-khai-lốp-xki với bài "Các Mác trước tòa án của I.u.G Giu-cốp-xki", in trong tạp chí "Kỷ sự nước nhà", số 10 năm 1877.

"Người truyền tin châu Âu" — tạp chí lịch sử — chính trị và văn học ra hàng tháng theo khuynh hướng tự do tư sản; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1866 đến 1918. Tạp chí đã đăng các bài có khuynh hướng chống những người mác-xít cách mạng. M.M.Xta-xi-u-lê-vích là tổng biên tập kiêm chủ xuất bản tạp chí cho đến năm 1908.

"Kỷ sự nước nhà" — tạp chí văn học — chính trị, khởi đầu xuất bản ở Pê-téc-bua vào năm 1820; từ năm 1839 là một trong những tờ tạp chí tiến bộ nhất thời bấy giờ. V.G.Bê-lin-xki đã tham gia biên tập tạp chí, A.I.Héc-txen và

những người khác là cộng tác viên. Từ năm 1846, sau khi Bê-lin-xki rút ra khỏi ban biên tập thì ý nghĩa của tạp chí "Kỷ sự nước nhà" bắt đầu giảm sút. Từ năm 1863, khi tạp chí chuyển sang tay N.A. Nê-cra-xốp và M.E. Xan-tơ-cốp — Sê-đrin, tạp chí lại bước vào một thời kỳ phồn thịnh; trong thời kỳ này tờ "Kỷ sự nước nhà" đã tập hợp được xung quanh mình những người có khuynh hướng dân chủ — cách mạng. Sau khi Nê-cra-xốp chết (1877), ảnh hưởng của phái Dân ý đã chiếm ưu thế trong tạp chí.

"Kỷ sự nước nhà" thường xuyên bị kiểm duyệt và đến tháng Tư 1884 thì bị chính phủ Nga hoàng đình chỉ xuất bản. —635.

451 Thư gửi ban biên tập tạp chí "Kỷ sự nước nhà" (xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.116-121) do Mác viết ngay sau khi xuất hiện trong tạp chí những bài báo của N.C. Mi-khai-lốp-xki. Thư đã không được gửi đi và Ăng-ghen đã tìm thấy trong tập tài liệu của Mác ngay sau khi Mác qua đời. Ăng-ghen đã sao lại bức thư đó và gửi đến Giơ-ne-vơ cho một trong số những thành viên của nhóm "Giải phóng lao động" là V.I. Da-xu-lích, cùng với bức thư đề ngày 6 tháng Ba 1884. Bức thư đã được đăng trong tạp chí "Người truyền tin ý dân" số 5, năm 1886 ở Giơ-ne-vơ. Bức thư của Mác đã được đăng một cách hợp pháp ở Nga vào tháng Mười 1888 trong tạp chí" Người truyền tin pháp luật".—635.

452 K.Marx. "Das Kapital.Kritik der politischen Oekonomie". Bd.I. Hamburg, 1867, S.763. Đoạn bổ sung này Mác đã xóa đi trong lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Đức và những lần xuất bản sau đó của tập I bộ "Tư bản". —636.

453 Tiếp đó là những đoạn trích thư của Mác gửi ban biên tập tạp chí "Kỷ sự nước nhà" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t.19, tr.116, 119 và 120) .-636.

454 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội 1993, t.23, tr. 26-30 .-636.

455 Có lẽ, ở đây muốn nói đến các cơ quan lãnh đạo của các tổ chức Dân túy như: "Ruộng đất và tự do" (từ mùa thu năm 1876 đến mùa thu năm 1879) và "Dân ý" (từ tháng Tám 1879 đến tháng Ba 1881); tổ chức "Dân ý" đã tuyên bố khủng bố là thủ đoạn chủ yếu trong đấu tranh chính trị. —637.

456 Bài ngắn này, cũng như bài "Về nội dung tập thứ ba bộ "Tư bản" "Ăng-ghen viết nhân tập thứ ba bộ "Tư bản" do ông chuẩn bị sắp ra mắt, nhằm mục đích tuyên truyền học thuyết kinh tế của Mác trong công nhân. Tập thứ ba ra đời vào mùa thu năm 1894; lời tựa cho nó Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Mười 1894. Việc sửa bản in thử chiếm của Ăng-ghen số thời gian nhiều hơn một ít so với mức ông dự định. Trong quá trình sửa bản in thử, Ăng-ghen đã gửi một bản cho N.Ph. Da-ni-en-xôn dịch ra tiếng Nga, để sớm xuất bản tập thứ ba bằng tiếng Nga, kết quả là nó đã ra mắt ở Pê-téc-bua vào năm 1894.

Với việc xuất bản tập thứ ba bộ của bộ "Tư bản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.25, phần I và phần II), việc xuất bản tất cả các tập lý luận của tác phẩm thiên tài của Mác đã hoàn thành và, do đó tất cả các phần trong học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác, và cùng với nó toàn bộ lý luận mác-xít đã có được một nền tảng khoa học vững chắc.

Ngoài báo "Vorwärts" ra, bài này còn được đăng trên báo "Sozialpolitisches Centralblatt" ("Báo chính trị — xã hội trung ương") số 16, ngày 14 tháng Giêng 1894. —644.

457 Ăng-ghen không kịp thực hiện ý định xuất bản "Các học thuyết về giá trị thặng dư" của Mác theo bản thảo năm 1861 — 1863 thành tập thứ tư bộ "Tư bản". Vào những năm 1905 — 1910, "Các học thuyết về giá trị thặng dư" được C.Cau-xki xuất bản, song có rất nhiều chỗ tùy tiện đi chệch bản thảo của tác giả, chuyển chỗ và cắt xén. "Các học thuyết về giá trị thặng dư" được Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô xuất bản mới vào những năm 1954 — 1961 phù hợp với đề cương của Mác và với cách sắp xếp tài liệu trong bản thảo của tác giả. Xem C.Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư" ("Tư bản" t. IV), phần I (Mát-xcơ-va, 1954), phần II (Mát-xcơ-va 1957), phần III (Mát-xcơ-va, 1961), cũng như t. 26 của bộ Toàn tập này.- 644.

458 Bài này Ăng-ghen viết để đáp ứng lời đề nghị của những người lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a là Cu-li-sô-va và Tu-ra-ti đề nghị ông phát biểu ý kiến về vấn đề sách lược của đảng nhân cuộc khủng hoảng cách mạng đang chín muồi trong nước. Cu-li-sô-va và Tu-ra-ti đề nghị Ăng-ghen như vậy trong thư đề ngày 19 tháng Giêng 1894. Bài được Tu-ra-ti dịch ra tiếng

I-ta-li-a và được đăng trong tạp chí "Critica Sociale" số 3, ngày 1 tháng Hai 1894 dưới hình thức bức thư của Ăng-ghen gửi Tu-ra-ti với nhan đề "Cách mạng I-ta-li-a tương lai và đảng xã hội chủ nghĩa" do ban biên tập đặt. Khi dịch, có một số điểm Tu-ra-ti đi chệch bản viết tay của Ăng-ghen.

Bài này cũng được in trên báo Đức "Sozialdemokrat" số 24, ngày 12 tháng Bảy 1894 với nhan đề "Phri-đrích Ăng-ghen và tình hình ở I-ta-li-a".

Trong bộ Toàn tập này, thư của Ăng-ghen được in theo bản viết tay bằng tiếng Pháp công bố trong ấn phẩm của Viện Phen-tơ-ri-nen-li ở Mi-lan: "Annali", 1958. Bên cạnh bản viết sạch người ta còn giữ được bản nháp: bản nháp này đã được sử dụng khi chuẩn bị in bài này bằng tiếng Nga lần đầu trong Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, xuất bản lần thứ nhất, t.XVI, ph. II, năm 1936.

"Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ — xã hội") — tuần báo Đức, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ — xã hội Đức, xuất bản ở Béc-lin vào những năm 1894 — 1895. —649.

459 Ăng-ghen trích dẫn lời tựa của Mác viết cho lần xuất bản thứ nhất tập thứ nhất bộ "Tư bản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.9-20).-650.

460 Phái cộng hòa "đã đổi đạo" là tên người ta gọi các phần tử cấp tiến I-ta-li-a mà thủ lĩnh là Ph. Ca-van-lốt-ti. Biểu hiện lợi ích của giai cấp tiểu tư sản và giai cấp trung sản, phái cấp tiến đứng trên lập trường dân chủ, trong một loạt trường hợp họ đi tới thỏa thuận với những người xã hội chủ nghĩa. —651.

461 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.614 và 644-651.

462 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.156. - 652.

463 Đây là nói chính phủ lâm thời của Cộng hòa Pháp thành lập ngày 24 tháng Hai 1848 trong đó đa số ghế thuộc phái cộng hòa tư sản ôn hòa. Ngoài ra, trong chính phủ có ba đại biểu của đảng tập hợp xung quanh báo "Réforme", những người dân chủ tiểu tư sản Lơ-đruy Rô-lanh và Phlô-công và người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Lu-i Blăng, cũng như kỹ sư cơ khí An-be, người tham gia các hội cách mạng bí mật. "Những bộ trưởng xã hội chủ nghĩa", chưa nói gì

đến "những bộ trưởng dân chủ", như chẳng bao lâu sau đã phát hiện, đã đóng vai trò cái đuôi thảm hại của chính phủ tư sản.

"La Réforme" (Cải cách) — nhật báo Pháp, cơ quan ngôn luận của phái dân chủ cộng hòa tiểu tư sản và phái xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1843 đến năm 1850. Từ tháng Mười 1847 đến tháng Giêng 1848, Ăng-ghen đã công bố trên báo này một loạt bài.- 654.

464 *Đại hội VI Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo* họp ở Viên từ ngày 25 đến ngày 31 tháng Ba 1894. Điểm cơ bản trong chương trình nghị sự của Đại hội là vấn đề đấu tranh giành quyền bầu cử phổ thông. Đại hội đã thông qua nghị quyết trong đó có nói rằng công nhân Áo sẽ đấu tranh giành bằng được quyền bầu cử phổ thông bằng tất cả mọi phương tiện, biện pháp có thể có, kể cả tổng bãi công. Đại hội cũng đã thông qua Điều lệ mới của Đảng và quyết định tiếp tục hàng năm kỷ niệm ngày 1 tháng Năm bằng những cuộc biểu tình đòi ngày làm việc tám giờ, quyền bầu cử phổ thông và tình hữu ái quốc tế của nhân dân lao động. —656.

465 Thư này Ăng-ghen viết để phúc đáp lời mời dự Đại hội III Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri. Giấy mời này gửi cho Ăng-ghen trong thư của chủ bút báo "Arbeiterpresse" Ph.Rây-sơ đề ngày 30 tháng Tư 1894. Thư trả lời của Ăng-ghen đến muộn, vì vậy nó được công bố trên báo sau khi Đại hội đã bế mạc.

Đại hội III Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri họp ở Bu-da-pét trong những ngày 13-15 tháng Năm 1894 trong điều kiện phong trào công nhân trong nước dâng cao. Tại Đại hội đã diễn ra việc hợp nhất Đảng dân chủ — xã hội và Đảng công nhân dân chủ — xã hội do cánh cách mạng của Đảng dân chủ — xã hội đã bị khai trừ khỏi Đảng tại Đại hội II vào năm 1893 (xem chú thích 382) thành lập vào tháng Giêng 1894. Việc hợp nhất diễn ra trên cơ sở các nguyên tắc cách mạng; các phần tử cơ hội là những quan chức của Tổng Quỹ bảo hiểm công nhân bệnh nhân và tàn tật trước đây có ảnh hưởng vượt trội trong Ban chấp hành Đảng dân chủ — xã hội, đã bị gạt khỏi ban lãnh đạo. Song một nửa số ghế trong Ban chấp hành đảng thống nhất nằm trong tay những đại biểu của Đảng dân chủ — xã hội cũ, họ tuy không phải là quan chức của Quỹ bảo hiểm, nhưng vẫn giữ lập trường ôn hòa.

Đại hội đã thông qua điều lệ tổ chức của Đảng. Đại hội đề ra nhiệm vụ chính trị trước mắt là đấu tranh giành quyền bầu cử phổ thông, nhấn mạnh vai trò của công đoàn trong việc giáo dục chính trị cho công nhân và tầm quan trọng của công tác đảng trong công nhân, cũng như sự cần thiết của sự liên minh giữa công nhân nông nghiệp và công nhân công nghiệp, song vấn đề liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân lại bị bỏ qua. —658.

466 Ăng-ghen có ý nói đến các sự kiện ở Hốt-mê-đi-ô-va-sác-khây ngày 22 tháng Tư 1894. Những người dân chủ — xã hội Hung-ga-ri đã tiến hành ở thành phố này và vùng lân cận, trong công nhân nông nghiệp đang ở trong những điều kiện cực kỳ khó khăn và bị thất nghiệp triền miên và trong bần nông, một công tác tuyên truyền tích cực để bảo vệ quyền chính trị và kinh tế của người lao động. Trong thành phố đã tổ chức công đoàn công nhân nông nghiệp và bần nông gồm đến 2000 người. Ngày 21 tháng Tư 1894, cảnh sát đã tịch thu sách báo, tài liệu của công đoàn và ngày 22 tháng Tư đã bắt người lãnh đạo công nhân là Xan-tô Cô-vát-sơ. Cùng ngày, cảnh sát và quân đội ở Hốt-mê-đi-ô-va-sắc khâyđã bắn vào đoàn biểu tình của công nhân đòi thả Xan-tô Cô-vát-sơ. Công đoàn công nhân nông nghiệp và bần nông đã bị giải tán, Xan-tô Cô-vát-sơ và những người theo ông đã bị kết án tù giam. —659.

467 Tác phẩm của Ăng-ghen *"Về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ"* là một trong những tác phẩm cơ bản của chủ nghĩa vô thần khoa học. Nó là kết quả của công phu nghiên cứu nhiều năm của Ăng-ghen về các vấn đề nảy sinh và bản chất của đạo Cơ Đốc mà theo lời của chính ông, ông đã chú ý từ năm 1841.

Các quan điểm của Ăng-ghen về những vấn đề này đã được ông trình bày một phần trong các bài: "Bru-nô Bau-ơ và đạo Cơ Đốc sơ kỳ" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961 t.19, tr.306-314) và "Sách khải thị" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.9-27).

Viết cho tạp chí "Neue Zeit" và đăng trong các số 1 và 2 năm 1894, tác phẩm này lúc Ăng-ghen còn sống cũng được đăng bằng tiếng Pháp trong tạp chí "Devenir social" số 1 và 2, tháng Tư và tháng Năm 1895, do con gái của Mác là Lô-ra La-phác-gơ dịch. Tác phẩm của Ăng-ghen được in bằng tiếng Nga lần đầu vào năm 1906.

"Le Devenir social" ("Sự phát triển xã hội") — tạp chí xã hội chủ nghĩa ra hàng tháng bằng tiếng Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1895 đến năm 1898.—661.

468 A.Menger. "Das Recht auf den vollen Arbeitsertrag in geschichtlicher Darstellung". Stuttgart, 1886. S. 108. Ý kiến phê phán cuốn sách này xin xem trong tác phẩm "Chủ nghĩa xã hội pháp lý" (C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t.21 tr.690-720].- 664.

469 Ăng-ghen có ý nói đến cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc của người Nu-bi, người A Rập và những bộ tộc khác ở Xu-đăng đứng đầu là nhà truyền giáo đạo Hồi Mô-ha-mét-Ác-mét tự xưng là "giáo thế chúa", tức là "chúa cứu thế". Cuộc khởi nghĩa nổ ra vào năm 1881 và đã đạt những thắng lợi đặc biệt vào những năm 1883 — 1884 khi hầu hết lãnh thổ Xu-đăng đã được giải phóng khỏi quân đội của bọn thực dân Anh xâm lược nước này từ những năm 70. Trong tiến trình khởi nghĩa, nhà nước trung ương tập quyền độc lập của giáo thế chúa đã được thành lập. Mãi đến năm 1899, nhờ lợi dụng sự suy yếu nội bộ của quốc gia này do chiến tranh liên miên và thù hằn giữa các bộ lạc, cũng như dựa vào ưu thế áp đảo về vũ khí, quân đội của thực dân Anh đã chiếm được Xu-đăng. —665.

470 *Phái Ta-bo* — cánh dân chủ cách mạng trong phong trào giải phóng dân tộc và cải cách tôn giáo Hu-xit ở Séc (nửa đầu thế kỷ XV) chống địa chủ Đức và giáo hội đạo Thiên chúa; họ lấy tên của thành phố Ta-bo - thành phố này thành lập năm 1420 và là trung tâm chính trị của họ. Trong các yêu sách của mình, phái Ta-bo phản ánh nguyện vọng của quần chúng nông dân và các tầng lớp dưới ở thành thị muốn thủ tiêu toàn bộ chế độ phong kiến. Trong phái Ta-bo phổ biến những lời kêu gọi mang hình thức tôn giáo hô hào thiết lập sự bình đẳng về tài sản; họ tìm cách thực hành trong lĩnh vực tiêu dùng nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản bình quân chủ nghĩa. Sau khi đã xây dựng được tổ chức quân sự của mình, phái Ta-bo là hạt nhân của quân đội Hu-xit đã đẩy lùi năm cuộc thập tự chinh do giáo hoàng và hoàng đế Đức tổ chức chống Séc. Chỉ có sự phản bội của các phần tử quý tộc — thị dân nhiều lần chống phái Ta-bo và thỏa hiệp với các lực lượng phong kiến nước ngoài để chống lại họ, mới dẫn đến thất bại của phái Ta-bo vào năm 1437, đồng thời đè bẹp phong trào Hu-xit.—665.

471 E. Renan. "Histoire des origines du christianisme". Vol. 1-8. Paris, 1863 — 1883

(E. Rơ-năng. "Lịch sử nguồn gốc của đạo Cơ Đốc". T. 1 — 8. Pa-ri, 1863 — 1883). —666.

472 Đoạn văn Ăng-ghen trích bài văn trào phúng của Lu-xi-an "Về sự qua đời của Pê-rê-grin" phù hợp với bản dịch tác phẩm này ra tiếng Đức do A.Pau-li thực hiện [xem "Lucian's Werke". Bd. 13. Stuttgart, 1831. S.1618 — 1620 và 1622. ("Toàn tập Lu-xi-an", T. 13, Stút-gát, 1831, tr. 1618 — 1620 và 1622)]. —667.

473 Lu-xi-an. "Về sự qua đời của Pê-rê-grin", chương 11-14 và 16. —668.

474 Ăng-ghen có ý nói các chi hội của một tổ chức bí mật của công nhân và thợ thủ công Đức là Liên đoàn những người chính nghĩa do Vin-hem Vai-tlinh lập vào đầu những năm 40 thế kỷ XIX. Lịch sử của Liên đoàn những người chính nghĩa được trình bày trong tác phẩm của Ăng-ghen "Về lịch sử Liên đoàn những người cộng sản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t. 21, tr.313-338).- 668.

475 G. Kuhlmann. "Die Neue Welt oder das Reich des Geistes auf Erden. Verkündigung". Genf, 1845, S. VIII và IX.

"Những lời tiên tri" của Cun-man đã bị Mác và Ăng-ghen vạch trần trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" của hai ông (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t. 3, tr.779-793).-669.

476 *"Những giáo khu tự do"* — những giáo khu tách ra từ giáo hội Tin lành chính thức vào năm 1846 dưới ảnh hưởng của phong trào "Bạn của ánh sáng" — một trào lưu tôn giáo nhằm chống thuyết kiền thành cực kỳ thần bí và giả dối ngự trị trong giáo hội Tin lành. Vào những năm 40 thế kỷ XIX phe tôn giáo đối lập này là một trong những hình thức thể hiện sự bất bình của giai cấp tư sản Đức đối với các trật tự phản động ở Đức.- 670.

477 *Trường phái thần học Tuy-bin-ghen* — trường phái của những người nghiên cứu và phê phán Kinh thánh, thành lập vào nửa đầu thế kỷ XIX. Những người theo trường phái này đã phê phán những mâu thuẫn và những điều không ăn khớp lịch sử của các quyển kinh Tân ước, nhưng muốn giữ lại một số điểm của Kinh thánh mà họ cho là xác thực về mặt lịch sử. Song bất chấp ý muốn của mình, những nhà nghiên cứu ấy đã góp phần phá vỡ uy tín của Kinh thánh —672.

478 Việc phê phán kinh Tân ước chứa đựng trong những tác phẩm sau đây của B.

Bau-ơ "Kritik der evangelischen Geschichte des Johannes". Bremen, 1840 ("Phê phán lịch sử phúc âm của Gioan". Brê-men, 1840) và "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker". Bd. I – II. Leipzig, 1841 ("Phê phán lịch sử phúc âm của các tác giả phúc âm tương đồng". T. I – II. Lai – pxích, 1841); tập thứ ba sách này với nhan đề "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker und des Johannes" ("Phê phán lịch sử phúc âm của các tác giả phúc âm tương đồng và Gioan") xuất bản ở Brao-svai-gơ năm 1842. Trong tài liệu về lịch sử tôn giáo, tác giả phúc âm tương đồng là tên gọi những người biên soạn ba kinh phúc âm đầu tiên – "Phúc âm Mát-xi-ơ", "Phúc âm Mác-cơ" và "Phúc âm Luy-cơ". –673.

479 *Triết học khắc kỷ* ra đời ở Hy Lạp cổ đại vào cuối thế kỷ IV trước công nguyên và tồn tại đến thế kỷ VI công nguyên; những đại biểu của triết học này chao đảo giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Trong thời đại Đế quốc La Mã, triết học của các nhà khắc kỷ đã trở thành một học thuyết tôn giáo duy tâm phản động. Quan tâm đặc biệt đến các vấn đề đạo đức, những người theo chủ nghĩa khắc kỷ lý giải chúng theo tinh thần chủ nghĩa thần bí và chủ nghĩa định mệnh; họ bảo vệ thuyết linh hồn tồn tại ngoài thể xác, thuyết con người ngoan ngoãn phục tùng số mệnh, không chống lại cái ác, từ bỏ lợi ích cá nhân và chủ nghĩa khổ hạnh v.v.; học thuyết của những người theo chủ nghĩa khắc kỷ đã có ảnh hưởng đáng kể đến sự hình thành đạo Cơ Đốc. –673.

480 Ý nói tác phẩm của Côm-mô-đi-an "Carmen apologeticum adversus Judaeos et gentes" ("Bài ca biện hộ chống các tín đồ đạo Do Thái và tín đồ đa thần giáo"). –675.

481 *Cáp-ba-la* (từ cổ Hy Lạp, có nghĩa là truyền thống, truyền thuyết) – cách lý giải thần bí, gắn với ma thuật, về các văn bản "thiêng liêng" cổ bằng cách gán một ý nghĩa tượng trưng đặc biệt cho từng từ và số; lưu hành trong những người theo đạo Do Thái, từ đó chuyển sang đạo Cơ Đốc và đạo Hồi. – 675.

482 *Phái ngộ đạo* – những người theo thuyết ngộ đạo, một học thuyết tôn giáo – triết học này sinh vào thế kỷ I – II trên cơ sở liên kết một số yếu tố của đạo Cơ Đốc, đạo Do Thái, các tôn giáo đa thần và triết học duy tâm Hy Lạp – La Mã. Cơ sở của thuyết ngộ đạo là học thuyết thần bí về "Gơ-nô-xít" (sự ngộ đạo, từ cổ Hy Lạp, có nghĩa là "tri thức") – tức nhận thức bằng sự khải thị cái khởi đầu thần thánh của thế giới. Đặc điểm của những người theo thuyết

ngộ đạo là nhấn mạnh tính tội lỗi của vật chất, thuyết giáo chủ nghĩa khổ hạnh, phủ nhận tính chất thần thánh của Kinh Cựu ước và bản tính hai mặt, "vừa thần vừa người", của người sáng lập đạo Cơ Đốc – Giê-xu Cri-xtơ. Giới Cơ Đốc giáo chính thống tuyên bố thuyết ngộ đạo là tà giáo, đã đấu tranh quyết liệt chống những người theo thuyết ngộ đạo và đã thủ tiêu hầu hết các tác phẩm của họ. –676.

483 Ta-xit. "Sử biên niên", quyển 12, chương 52 và "Lịch sử", quyển 2, chương 62. –676.

484 Kinh *Xi-vi-lơ* – tập lời sấm truyền mà người ta cho là của một trong những "nhà nữ tiên tri" phiêu du thời cổ đại (Xi-vin-la xứ Cu-ma); kinh này đã đóng vai trò to lớn trong sinh hoạt tôn giáo của La Mã cổ đại. –676.

485 *Hội nghị tôn giáo Ni-cây* – cái gọi là hội nghị tôn giáo toàn cầu lần thứ nhất của các giám mục giáo hội Cơ Đốc giáo đế quốc La Mã do hoàng đế Công-xtăng-tin I triệu tập vào năm 325 tại thành phố Ni-cây ở Tiểu Á. Hội nghị tôn giáo Ni-cây đã thông qua biểu tượng tín ngưỡng (những điểm cơ bản trong học thuyết tín ngưỡng của giáo hội Cơ Đốc chính thống) có tính chất bắt buộc đối với toàn thể tín đồ Cơ Đốc giáo, nếu không thừa nhận thì sẽ bị trừng trị như phạm tội quốc gia. Các quyết định của hội nghị phản ánh sự liên minh chặt chẽ giữa giáo hội và nhà nước và việc biến đạo Cơ Đốc thành quốc giáo của Đế quốc La Mã. –677.

486 E. Renan. "Saint Paul". Paris, 1869. Sách này là tập thứ ba tác phẩm của Rơ-năng về nguồn gốc của đạo Cơ Đốc (xem chú thích 471). –681.

487 I-rê-nây. "Năm quyển sách chống các tà giáo", quyển V, chương 28 – 30. –693.

488 E. Renan. "L' Antechrist". Paris, 1873. Sách này là tập thứ tư tác phẩm của Rơ-năng về nguồn gốc của đạo Cơ Đốc (xem chú thích 471). –695.

489 *Đên-đơ-A-vê-xta* – tên gọi sai được dùng vào thế kỷ XVIII – XIX để chỉ A-vê-xta – kinh thánh của đạo Dô-rô-át truyền bá ở Ba Tư cổ đại, A-déc-bai-gian và Trung Á. Cơ sở của đạo Dô-rô-át là ý tưởng nhị nguyên luận về cuộc đấu tranh giữa thiện và ác. Theo phỏng đoán, A-vê-xta được biên soạn từ thế kỷ IX trước công nguyên cho đến thế kỷ III – IV công nguyên. – 696.

490 Có ý nói đến cái gọi là *"sự xua đuổi đến Ba-bi-lon"* (hoặc "sự bắt làm tù binh Ba-bi-lon") đối với người Do Thái cổ đại vào thế kỷ VI trước công nguyên –

sự di cư cưỡng ép đối với giới quý tộc, quan lại, nhà buôn và thợ thủ công đến Ba-bi-lon sau khi Giê-ru-da-lem thất thủ vào năm 597 trước công nguyên và sau khi vương quốc Do Thái bị vua Ba-bi-lon Na-vu hô-đô-nô-xo đánh tan hoàn toàn vào năm 586 trước công nguyên. Trong những năm 30 thế kỷ VI trước công nguyên, vua Ba Tư Ki-rô chiếm vương quốc Ba-bi-lon, đã cho phép đa số tù binh là người Do Thái trở về tổ quốc. —696.

491 J. Ph. Fallmerayer. "Geschichte der Halbinsel Morea während des Mittelalters". Stuttgart und Tübingen; Erster Theil — 1830. Zweiter Theil — 1836 (la. Ph. Phan-mê-ray-ơ. "Lịch sử bán đảo Mô-rê-a thời trung cổ". Stút-gát và Tuy-bin-ghen; phần thứ nhất — 1830, phần thứ hai — 1836). —697.

492 *Ét-đa* — tập chuyện thần thoại và anh hùng ca của các dân tộc vùng Xcan-đi-na-vơ, còn giữ được dưới dạng bản thảo thế kỷ XIII do giám mục Ai-xơ-len Xvê-in-xôn phát hiện năm 1643 (gọi là "Ét-đa tiền truyện") và dưới dạng luận văn về thơ ca của người Xcan-đơ do nhà thơ và nhà viết sử biên niên Xnô-ri Xtua-lu-xôn biên soạn vào đầu thế kỷ XIII ("Ét-đa tân truyện"). Các bài ca "Ét-đa" về các thần đa thần giáo và anh hùng phản ánh trạng thái của xã hội Xcan-đi-na-vơ thời kỳ chế độ thị tộc tan rã và các dân tộc di cư. Trong những bài ca ấy chung ta gặp các hình tượng và chủ đề lấy từ sáng tác dân gian của người Giéc-manh cổ đại. —699.

493 Thư gửi các tổ chức xã hội chủ nghĩa và tổ chức công nhân Anh Ăng-ghen viết theo đề nghị của một trong những người lãnh đạo Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha Pa-bô I-glê-xi-át trong thư đề ngày 27 tháng Bảy 1894 gửi Ăng-ghen. Ăng-ghen cũng gửi những thư tương tự như vậy cho những người dân chủ — xã hội Áo và Đức.

Tại Ma-đrit, từ ngày 29 tháng Tám đến ngày 1 tháng Chín 1894 Đảng xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha đã họp Đại hội IV, một giai đoạn quan trọng trong việc củng cố đảng này về tổ chức và về tư tưởng. Đại hội đã nghe các báo cáo của Hội đồng toàn quốc của Đảng và của đại biểu dự Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xuy-rích (1893), đã thảo luận vấn đề báo chí của Đảng và thông qua Điều lệ mới của Đảng. Đại hội đã nhận được rất nhiều thư, điện mừng của những người xã hội chủ nghĩa Anh, Áo, Đức và những nước khác, điều này nói lên quan hệ quốc tế của Đảng đã mở rộng. —701.

494 Đại hội hàng năm lần thứ 26 của các hội công liên Anh họp ở Ben-phát từ ngày 4 đến 9 tháng Chín 1893. Quyết định quan trọng nhất của Đại hội là thừa nhận — dưới ảnh hưởng của sự phát triển tinh thần cách mạng trong hội viên thường của các hội công liên — nguyên tắc sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và phân phối, cũng như yêu cầu đòi quy định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ. —701.

495 *Đồng minh đấu tranh cho ngày làm việc tám giờ* do nhóm người xã hội chủ nghĩa Anh thành lập vào năm 1890 với sự tham gia của Ăng-ghen. Cơ sở để thành lập Đồng minh là ủy ban đã tổ chức cuộc biểu tình kỷ niệm ngày Một tháng Năm đầu tiên vào năm 1890 (xem tập này, tr.100-108). Đồng minh đã đặt mục tiêu của mình là đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, thi hành các quyết định của Đại hội Pa-ri của Quốc tế II v.v.. Năm 1893 đại biểu của Đồng minh đã tham gia tổ chức Đảng công nhân độc lập.

Liên đoàn dân chủ — xã hội — xem chú thích 104.

Đảng công nhân độc lập do những người lãnh đạo các hội công liên mới thành lập vào năm 1893 trong điều kiện cuộc đấu tranh bãi công diễn ra sôi nổi và phong trào ngày càng mạnh đòi thi hành đường lối độc lập của giai cấp công nhân ở Anh, đối lập với các đảng tư sản. Thành viên một loạt hội công liên mới và cũ, trí thức và người tiểu tư sản chịu ảnh hưởng của phái Pha-biêng đã gia nhập Đảng công nhân độc lập. Đứng đầu Đảng là Cây Hác-đi, Cương lĩnh của Đảng đề ra việc đấu tranh cho việc chiếm hữu tập thể tất cả các tư liệu sản xuất, phân phối và trao đổi, thiết lập chế độ ngày làm việc tám giờ, cấm sử dụng lao động trẻ em, thực hành bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp và những yêu cầu khác. Ph.Ăng-ghen hoan nghênh việc thành lập Đảng công nhân độc lập, hy vọng rằng Đảng sẽ tránh được sai lầm bè phái như của Liên đoàn dân chủ — xã hội và trở thành một đảng công nhân thực sự rộng lớn. Nhưng ban lãnh đạo Đảng công nhân độc lập ngay từ đầu đã giữ lập trường cải lương tư sản, chủ yếu chú ý đến các hình thức đấu tranh nghị trường và câu kết với đảng tự do. Sau này nhận xét về Đảng công nhân độc lập, Lê-nin viết rằng "thực ra đó là một đảng cơ hội chủ nghĩa luôn luôn phụ thuộc vào giai cấp tư sản", rằng nó "chỉ độc lập với chủ nghĩa xã hội, còn với chủ nghĩa tự do thì nó rất phụ thuộc"(V.I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản

Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 39, tr. 103-104 và t. 22, tr. 154-155) Năm 1900, Đảng công nhân độc lập gia nhập công đảng.

Hội Pha-biêng — tổ chức cải lương chủ nghĩa Anh do đại diện của giới trí thức tư sản thành lập năm 1884; những thủ lĩnh của nó là Xít-nây và Bê-a-tơ-ri-xa Vê-bơ (hội đặt tên gọi theo tên của một thống soái La Mã thế kỷ III trước công nguyên Pha-bi-a Mắc-xim, biệt danh là "Cun-ơ-ta-to"(Người trì hoãn) do sách lược chờ đợi lần tránh những trận đánh quyết liệt trong cuộc chiến tranh với Han-ni-ban). Hội viên của Hội Pha-biêng chủ yếu là các trí thức tư sản; họ chống học thuyết của Mác về đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và họ khẳng định rằng có thể tiến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bằng những cải cách nhỏ nhặt, bằng cải tạo dần xã hội, nhờ cái gọi là "chủ nghĩa xã hội công hữu địa phương". Hội Pha-biêng đã và đang đóng vai một trong những người truyền bá ảnh hưởng tư sản đến giai cấp công nhân, gieo rắc tư tưởng cơ hội chủ nghĩa và cải lương chủ nghĩa trong phong trào công nhân Anh. V.I. Lê-nin định nghĩa Hội Pha-biêng là " biểu hiện hoàn chỉnh nhất của chủ nghĩa cơ hội và của đường lối công nhân tự do chủ nghĩa" (như trên, t. 26, tr. 332 — 334). Năm 1900, Hội Pha-biêng gia nhập Công đảng. "Chủ nghĩa xã hội Pha-biêng" là một trong những nguồn gốc của hệ tư tưởng xét lại và cải lương.

Ủy ban nghị viện của Đại hội các hội công liên — xem chú thích 332.

Công đoàn công nhân các xí nghiệp hơi đốt và lao công — xem chú thích 99. —702.

496 Lời chào mừng này Ăng-ghen viết để đáp lại lời mời tham gia đại hội lần thứ ba của Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a do một trong những nhà hoạt động của Đảng là Các-lô Den L' A-van-lê gửi Ăng-ghen trong thư đề ngày 30 tháng Tám 1894. Đại hội lần thứ ba dự định họp vào ngày 7-9 tháng Chín 1894 ở I-môn, nhưng không họp được vì bị cảnh sát cấm.

Lời chào mừng của Ăng-ghen, cũng như những lời chào mừng mà các nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa (B. La-phác-gơ, I.I-glê-xi-át v.v..) gửi đại hội đã được đọc tại phiên họp của Ban chấp hành trung ương Đảng ngày 10 tháng Chín 1894, rồi đăng báo "Lotta di classe" số 38, ngày 22-23 tháng Chín 1894.

Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a được thành lập vào năm 1892 tại đại hội ở Giê-nơ (tên gọi này Đảng lấy vào năm 1893, từ năm 1895 lấy tên là "Đảng xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a"). Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a đã đoạn tuyệt quyết liệt với các phần tử vô chính phủ và vào những năm 90, mặc dù có một số sai lầm mang tính chất cải lương chủ nghĩa, đã tích cực lãnh đạo phong trào quần chúng của giai cấp công nhân I-ta-li-a.

"Lotta di classe" ("Đấu tranh giai cấp") — tuần báo bằng tiếng I-ta-li-a, cơ quan trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a; xuất bản ở Mi-la-nô từ năm 1892 đến năm 1898. —703.

497 Ăng-ghen có ý nói đến đạo luật về những biện pháp đặc biệt nhằm bảo vệ an ninh xã hội được nghị viện I-ta-li-a thông qua ngày 14 tháng Bảy 1894. Đạo luật này được ban hành với tư cách một biện pháp nói là chỉ nhằm chống các phần tử vô chính phủ, đã được chính phủ phản động Cri-xpi sử dụng để chống phong trào công nhân và chống ảnh hưởng đang lên của những người xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào đạo luật này, chính phủ đã cấm Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a, đóng cửa các tổ chức công nhân, cấm các báo và tạp chí công nhân; các vụ bắt bớ, lục soát, phiên tòa xét xử mang tính chất phổ biến. Mặc dù bị đàn áp khốc liệt, song những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a không ngừng đấu tranh và vào tháng Giêng 1895 đã bí mật họp Đại hội lần thứ ba Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a tại Pác-mơ. —703.

498 Lời chào mừng này Ăng-ghen viết để đáp lại đề nghị của một trong những nhà hoạt động của Đảng xã hội chủ nghĩa Xi-xin Ph.Côn-na-gô trong thư đề ngày 18 tháng Chín 1894. Trong thư này Côn-na-gô báo cho Ăng-ghen rằng mặc dù bị truy nã tàn khốc, Đảng xã hội chủ nghĩa Xi-xin sẽ được cải tổ và vào đầu tháng Chín 1894 sẽ xuất bản lại báo "Giustizia sociale" ("Công bằng xã hội") và viết rằng: "Xin Ngài, người thầy nổi tiếng của chúng tôi, gửi cho chúng tôi mấy lời tán thành và thiện cảm. Xin Ngài gửi cho Đảng xã hội chủ nghĩa Xi-xin lời chào mừng mà chúng tôi sẽ công bố trong số báo đầu tiên của chúng tôi. Sự đồng tình của Ngài sẽ đem lại cho chúng tôi thêm nhiều sức mạnh để chống lại giai cấp tư sản".

Lời chào mừng của Ăng-ghen, có lẽ do điều kiện kiểm duyệt nên mãi đến

ngày 30 tháng Sáu 1895 mới được đăng trên tuần báo "Riscossa" kế tục báo "Giustizia sociale". Nó được dịch từ bản đăng trên báo "Riscossa" ra tiếng Đức và đăng (có lược bớt một ít) trên báo "Arbeiter — Zeitung" số 208, ngày 1 tháng Tám 1895. Sau khi Ăng-ghen qua đời, bức thư của ông được đăng lần thứ hai bằng tiếng I-ta-li-a trên tạp chí "Critica Sociale" số 16 ngày 16 tháng Tám 1895 với đầu đề do ban biên tập đặt "Lời cuối cùng gửi I-ta-li-a" cũng như được đăng bằng tiếng Đức (có lược bớt một ít) trên báo "Sächsisches Volksblatt" ("Báo nhân dân Dắc-den") số 95 ngày 13 tháng Tám 1895 với nhan đề "Lời chào mừng cuối cùng của Ăng-ghen gửi công nhân".

"La Riscossa" ("Giải phóng") — tuần báo, cơ quan của Đảng xã hội chủ nghĩa Xi-xin; xuất bản ở Pa-lec-mô trong những năm 1894 — 1895. - 705.

499 Thư này Ăng-ghen viết nhân khi ban lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a đề nghị (trong thư của Tu-ra-ti đề ngày 24 tháng Mười 1894) Ăng-ghen phát biểu trong tạp chí "Critica Sociale" vạch trần những luận điệu vu khống của báo chí tư sản I-ta-li-a nói xấu hoạt động của những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a nhằm bào chữa cho việc chính phủ đàn áp họ.

Thư của Ăng-ghen đăng trong tạp chí "Critica Sociale" số 21, ngày 1 tháng Mười một 1894 với nhan đề do ban biên tập đặt là "Chủ nghĩa xã hội quốc tế và chủ nghĩa xã hội I-ta-li-a", đồng thời ban biên tập kèm theo chú thích sau đây của ban biên tập: "Bức thư này do vị cao niên của tất cả các đảng xã hội chủ nghĩa gửi đến cho chúng tôi, chúng tôi xin dành để nói về các mánh khóe đốt nát của báo chí I-ta-li-a đã và đang bốc mình". Tiếp sau tạp chí "Critica Sociale", thư của Ăng-ghen được dịch từ tiếng I-ta-li-a và đăng trên báo "Arbeiter Zeitung" số 89, ngày 6 tháng Mười một 1894 trong bài tin với nhan đề "Những mánh khóe thảm hại và sự đối lão" và báo "Vorwärts" số 263, ngày 10 tháng Mười một 1894 trong bài tin "I-ta-li-a". — 707.

500 Đại hội Đảng dân chủ — xã hội Đức đã họp tại Phran-phuốc trên sông Mai-nơ ngày 21-27 tháng Mười 1894. Tại Đại hội, đồng báo cáo viên về điểm cơ bản của chương trình nghị sự — vấn đề ruộng đất — là người lãnh đạo những người dân chủ — xã hội Ba-vi-e Phôn-ma, ông này đòi đưa vào cương lĩnh ruộng đất đang soạn thảo những điểm phản ánh lợi ích không chỉ của nông dân lao động, mà cả của các tầng lớp giàu có ở nông thôn, của giai cấp tư sản nông thôn. Tuy nhiều đại biểu bác Phôn-ma, nhưng nhìn chung lập trường cơ hội chủ nghĩa

của ông ta không bị Đại hội đánh lui một cách thích đáng. Đại hội đã bầu ra một ban chuyên trách biên soạn dự thảo cương lĩnh ruộng đất bổ sung cho cương lĩnh của Đảng. Ngoài vấn đề ruộng đất ra, Đại hội còn nghe các báo cáo của Ban chấp hành của Đảng và đảng đoàn trong quốc hội Đức và xem xét các vấn đề vai trò của các tơ-rớt và những liên hiệp tư bản chủ nghĩa lớn, về việc kỷ niệm ngày 1 tháng Năm 1895 và những vấn đề khác.

Đại hội XII Đảng công nhân Pháp đã họp ở Năng-tơ trong những ngày 14-16 tháng Chín 1894 trong hoàn cảnh phong trào nông dân trong nước lên cao, thế lực phản động tấn công và sự bất đồng trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp trở nên gay gắt. Đại hội nhận định sự tăng cường của cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Pháp chống cái gọi là "những đạo luật tàn ác" hai năm 1893 - 1894 chống những người xã hội chủ nghĩa và đã đoạn tuyệt với các phần tử vô chính phủ đã có những hành động khủng bố khiến nhà cầm quyền có cớ để ra những đạo luật ấy. Quyết định quan trọng nhất của Đại hội là thông qua phần nêu lý do của cương lĩnh ruộng đất của Đảng và đưa vào đó một loạt yêu cầu cụ thể, một số luận điểm nêu trong đó trái ngược với lập trường mác-xít trong vấn đề nông dân. Về ý kiến của Ăng-ghen phê phán cương lĩnh ruộng đất của Đại hội Năng-tơ, xin xem trong tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" in trong tập này. — 710.

501 Ăng-ghen có ý nói đến bài "Lại bàn về đại hội đảng" đăng trên báo "Vorwärts" số 263, ngày 10 tháng Mười một 1894. Bài này đập lại báo "Kölnische Volkszeitung" ("Báo nhân dân Khuên") đã sử dụng những bài phát biểu cơ hội chủ nghĩa của Phôn-ma về vấn đề ruộng đất tại Đại hội ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ để đả kích vu khống Đảng dân chủ — xã hội Đức. — 710.

502 Tác phẩm *"Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức"* là tài liệu quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác về vấn đề ruộng đất. Ăng-ghen viết khoảng giữa ngày 15 và ngày 22 tháng Mười một 1894 cho tạp chí "Neue Zeit". Lý do trực tiếp để viết bài này là những bài phát biểu cơ hội chủ nghĩa của Phôn-ma về vấn đề ruộng đất và trước hết là báo cáo bổ sung của ông này về cương lĩnh ruộng đất tại Đại hội Phrăng-phuốc của Đảng dân chủ — xã hội Đức ngày 25 tháng Mười 1894 (xem chú thích 500). Để luận chứng những biện pháp minh đề nghị, Phôn-ma viện dẫn cương lĩnh ruộng đất của những người xã hội chủ nghĩa Pháp, bảo là

được Ăng-ghen tán thành. Ăng-ghen trước đây đã bác bỏ lời khẳng định như vậy (xem tập này tr.710 - 711) cho rằng cần viết một bài chuyên đề trình bày những nguyên tắc cơ bản của lập trường vô sản cách mạng trong vấn đề nông dân và phê phán các quan điểm cơ hội chủ nghĩa của Phôn-ma, cũng như những điều chệch lý luận chủ nghĩa Mác trong cương lĩnh ruộng đất của những người xã hội chủ nghĩa Pháp thông qua tại Đại hội Mác-xây (tháng Chín 1892) và được bổ sung tại Đại hội Năng-tơ (tháng Chín 1894).

Bài của Ăng-ghen là một đòn không chỉ đánh vào chủ nghĩa cơ hội Đức và Pháp, mà còn đánh vào chủ nghĩa cơ hội quốc tế. Trong Đảng dân chủ — xã hội Đức, dưới ảnh hưởng sự phê phán của Ăng-ghen, lập trường của Phôn-ma, kể cả về vấn đề ruộng đất, đã bị lên án trong cuộc thảo luận trước ngày đại hội họp và tại đại hội tiếp theo họp ở Bre-xlau năm 1895. Song về sau do các xu hướng cơ hội chủ nghĩa trong các đảng của Quốc tế II tăng lên, nên các quan điểm của Ăng-ghen về vấn đề thái độ của giai cấp công nhân đối với giai cấp nông dân chẳng những không được phát triển, mà còn bị thay bằng các quan niệm cơ hội chủ nghĩa và xét lại tầm thường đủ loại về vấn đề ruộng đất. V.I. Lê-nin, người bảo vệ sự trong sáng của học thuyết mác-xít và tiếp tục phát triển nó, đã kiên quyết chống những quan niệm đó.

Khi Ăng-ghen còn sống, bài "Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức" được in lại trong tạp chí Ba Lan "Przedświt" số 12, năm 1894 dưới nhan đề "Vấn đề nông dân".

Tháng Hai 1903, phần đầu bài của Ăng-ghen (xem tập này tr.715-721) được V.I. Lê-nin dịch ra tiếng Nga nhân chuẩn bị những bài giảng của ông về vấn đề ruộng đất ở Trường đại học khoa học xã hội Nga ở Pa-ri (bản thảo bài dịch này còn lưu được ở Cục lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin trực thuộc Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, xin xem Văn tập Lê-nin, t. XIX, tr.295-300). Bản dịch của Lê-nin về phần thứ nhất bài của Ăng-ghen, cũng như một số đoạn trong bài về cơ bản được in lại trong lần xuất bản này. Tác phẩm của Ăng-ghen được in riêng bằng tiếng Nga năm 1904 ở Giô-ne-vơ do G. V. Plê-kha-nốp biên tập và viết lời tựa. — 713.

503 Đảng công nhân Pháp họp đại hội lần thứ X ở Mác-xây từ ngày 24 đến ngày 28 tháng Chín 1892. Đại hội xem xét các vấn đề về tình hình và hoạt động của Đảng, về việc kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, về việc tham gia Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xuy-rich năm 1893, về việc tham gia cuộc bầu cử nghị viện sắp tới và những vấn đề khác.

Điểm quan trọng nhất trong chương trình nghị sự của đại hội là vấn đề công tác ở nông thôn, do phong trào nông dân trong nước dâng cao và có ý muốn tranh thủ sự ủng hộ của nông dân trong cuộc bầu cử nghị viện. Đại hội đã thông qua cương lĩnh ruộng đất trong đó nêu một loạt yêu sách cụ thể vì lợi ích của giai cấp vô sản nông thôn và tiểu nông. Song cương lĩnh cũng có một loạt điểm xa rời các nguyên lý xã hội chủ nghĩa và những nhượng bộ nhất định đối với các ảo tưởng tiểu tư sản và tâm lý tư hữu của nông dân và thậm chí đối với các mưu toan bóc lột của các tầng lớp nông dân khá giả. Những sai lầm đó phản ánh ảnh hưởng của các xu hướng cơ hội chủ nghĩa; trong phần trình bày lý do của cương lĩnh và trong những điểm bổ sung cương lĩnh thông qua tại đại hội đảng ở Năng-tơ những sai lầm đó càng nặng nề hơn. — 721.

504 Báo cáo của La-phác-gơ "Sở hữu của nông dân và sự phát triển kinh tế" mà Ăng-ghen nhắc đến được công bố trong phụ trương báo "Sozialdemokrat" số 38, ngày 18 tháng Mười 1894. — 740.

505 Bài không ký tên "*Về tập thứ tư bộ "Tư bản" của Mác*" Ăng-ghen viết để đáp lại việc ban biên tập báo "Vorwärts" cho đăng trong số 266 của báo này, ngày 14 tháng Mười một 1894 ở thông báo về việc xuất bản tập thứ ba bộ "Tư bản", những thông tin không đúng về tính chất của bản thảo tập thứ tư và lời phỏng đoán vô căn cứ rằng Ăng-ghen bỏ ý định xuất bản nó.

Về số phận của bản thảo tác phẩm của Mác "Các học thuyết về giá trị thặng dư" (tập IV bộ "Tư bản"), xin xem chú thích 457. — 747.

506 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.24, tr.12 và 15. - 748.

507 Lời chào mừng này Ăng-ghen viết nhân dịp báo "Arbeiter - Zeitung" trở thành báo ra hàng ngày từ 1 tháng Giêng 1895 (trước đó báo ra hai lần một tuần). Lời chào mừng của Ăng-ghen được chuyển đi trong thư gửi Át-le và được đăng trên báo "Arbeiter-Zeitung" số 1, ngày 1 tháng Giêng 1895 trong bài tin "Báo "Arbeiter - Zeitung" ra hàng ngày". Trước lời chào mừng có ghi chú sau đây của ban biên tập "Người bạn chung thủy của chúng ta Phri-đrích Ăng-ghen ở Luân

Đôn đề nghị chúng tôi chuyển cho công nhân Áo những lời mừng báo hàng ngày của họ, rồi ông viết tiếp" (tiếp theo là chính văn lời chào mừng). — 750.

508 Lời nói đầu viết cho tác phẩm của Mác *"Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 — 1850"* (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 15 — 150) Ăng-ghen viết khoảng giữa ngày 14 tháng Hai và ngày 6 tháng Ba 1895 cho lần xuất bản riêng tác phẩm này ở Béc-lin năm 1895.

Khi công bố lời nói đầu, Ban lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức, như thấy rõ qua thư của Phi-se gửi Ăng-ghen đề ngày 6 tháng Ba 1895, khẩn khoản đề nghị Ăng-ghen làm dịu giọng văn của tác phẩm mà Ban lãnh đạo cho là quá cách mạng và làm cho nó có hình thức thận trọng hơn, đồng thời Phi-se vin vào bầu không khí căng thẳng trong nước nhân quốc hội thảo luận dự thảo đạo luật mới chống những người xã hội chủ nghĩa (dự thảo của cái gọi là "đạo luật ngăn ngừa chính biến" do chính phủ đưa ra quốc hội vào tháng Chạp 1894 và được thảo luận trong vòng tháng Giêng — tháng Tư 1895; tháng Năm năm ấy, dự luật bị bác bỏ).

Trong thư trả lời Phi-se mà nay chưa tìm thấy (về nội dung bức thư ấy có thể phán đoán qua thư của Phi-se gửi Ăng-ghen đề ngày 14 tháng Ba 1895), Ăng-ghen phê phán lập trường do dự của ban lãnh đạo đảng, xu hướng của họ muốn "chỉ hành động trong khuôn khổ tính hợp pháp". Song, buộc phải tính đến ý kiến của Ban lãnh đạo, Ăng-ghen đã đồng ý bỏ một số chỗ trong bản in thử và sửa một số cách diễn đạt, do đó, theo ý ông, văn bản lúc đầu của lời nói đầu "bị tổn thất một ít". (Trong lần xuất bản này, những thay đổi và những đoạn cắt đó được nêu ở cuối trang. Những bản in thử còn giữ được có những chỗ sửa chữa và bản thảo cho phép phục hồi toàn bộ văn bản ban đầu).

Trong khi đó, căn cứ vào tác phẩm này một số người lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội mưu toan giới thiệu Ăng-ghen là người chủ trương trong tất cả mọi tình huống đều chỉ dùng con đường hòa bình để chuyển chính quyền về tay giai cấp công nhân. Ngày 30 tháng Ba 1895, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ — xã hội Đức, báo "Vorwärts" đã đăng bài xã luận dưới nhan đề "Bây giờ làm cách mạng như thế nào" trong đó đã dẫn ra — mà Ăng-ghen không được biết — một số đoạn trích trong lời nói đầu được cố ý lựa chọn, tách khỏi văn cảnh, tạo nên cảm tưởng Ăng-ghen là người đấu tranh cho "tính hợp pháp với bất cứ giá nào". Ăng-ghen rất phẫn nộ đã kịch liệt phản đối tổng biên tập báo "Vorwärts" Líp-nếch về việc bóp méo như vậy các quan điểm của ông. Trong thư gửi Cau-xki đề ngày 1 tháng Tư 1895, Ăng-ghen nhấn mạnh tầm quan trọng của việc công bố trên tạp chí "Neue Zeit" văn bản lời nói đầu đã chuẩn bị để "xóa đi ấn tượng nhục nhã ấy". Về câu chuyện không đẹp với việc công bố lời nói đầu trên báo "Vorwärts", Ăng-ghen cũng đã báo tin cho P.La-phác-gơ trong thư đề ngày 3 tháng Tư 1895 gửi La-phác-gơ.

Trước khi tác phẩm của Mác được xuất bản thành sách lẻ không lâu, theo yêu cầu của Ăng-ghen, lời nói đầu của ông được in riêng trong tạp chí "Neue Zeit" số 27 và số 28 năm 1895, song cũng cắt những chỗ như tác giả phải làm trong lần xuất bản lẻ đã nhắc tới ở trên. Toàn văn lời nói đầu cũng không được công bố cả sau khi nguy cơ ban hành đạo luật mới chống những người xã hội chủ nghĩa ở Đức đã qua rồi.

Nhưng ngay cả khi công bố có cắt bớt, lời nói đầu vẫn hoàn toàn giữ tính chất cách mạng của nó. Chỉ có xuyên tạc thô bạo các quan điểm của Ăng-ghen thì mới có thể lý giải tài liệu ấy theo tinh thần cải lương, như E. Béc-stanh đã làm sau khi Ăng-ghen mất (trong tác phẩm "Tiền đề của chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ của đảng dân chủ — xã hội") và những nhà tư tưởng khác của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội từng làm. Không cho bạn đọc biết toàn văn lời nói đầu, tuy họ có bản viết tay tác phẩm ấy, không nói đến những tình huống bắt buộc Ăng-ghen lược bớt một ít khi đọc bản in thử, bóp méo nội dung văn bản đã công bố, Béc-stanh và những kẻ xét lại đã khẳng định một cách vu khống rằng trong lời nói đầu của Ăng-ghen mà họ mạo gọi là "di chúc chính trị" của ông, Ăng-ghen đã xét lại các quan điểm trước kia của mình và hầu như đã bước lên lập trường cải lương chủ nghĩa. Bằng cách viện dẫn Ăng-ghen một cách giả dối, bọn xét lại tìm cách che đậy lập trường xa rời chủ nghĩa Mác và hành động của họ công kích các nguyên tắc cách mạng.

Lời nói đầu của Ăng-ghen được lược đăng trong tạp chí "Critica Sociale" số 9, năm 1845 và trong tạp chí Bun-ga-ri "Sự nghiệp", quyển I, năm 1895, theo bản đăng trên tờ "Neue Zeit" .

Toàn văn lời nói đầu của Ăng-ghen được công bố lần đầu tiên ở Liên Xô năm 1930 trong cuốn: C.Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850". — 752.

509 Năm 1895, Ăng-ghen cho xuất bản thành sách lẻ tác phẩm của Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp", ông đưa vào ấn phẩm này những bài trong loạt bài của Mác "Từ 1848 đến 1849" in trong tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch — ökonomische Revue" số 1, 2 và 3 (Ăng-ghen cũng nhắc đến những bài đó trong trường hợp này) làm ba chương đầu, cũng như phần Mác viết về nước Pháp trong "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế" do Mác và Ăng-ghen soạn cho số kép 5 — 6 của tạp chí (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr.586-645) làm bài hoặc chương thứ tư. Đoạn trích Ăng-ghen dẫn ra là lấy ở phần bài điểm tình hình mà ông đưa vào lần xuất bản tác phẩm của Mác làm chương thứ tư (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.7, tr.613). —765.

510 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr.141-277 —755.

511 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr.59 —756.

512 Ý nói Dắc-đen-van-đơ (Rừng Dắc-đen), một trang trại gần Hăm-buốc do hoàng đế Vin-hem I phong cho Bi-xmác vào năm 1871. —756.

513 Đây là nói hai đảng bảo hoàng của giai cấp tư sản nửa đầu thế kỷ XIX — đảng chính thống và đảng Oóc-lê-ăng.

Đảng chính thống — những người ủng hộ nhánh trên của vương triều Buốc-bông bị lật đổ ở Pháp năm 1792, đại biểu cho lợi ích của chế độ đại chiếm hữu ruộng đất thế tập. Năm 1830, sau khi vương triều này bị lật đổ lần thứ hai, những người thuộc phái chính thống tập hợp lại thành một đảng chính trị.

Đảng Oóc-lê-ăng — đảng bảo hoàng của giới quý tộc tài chính và giai cấp đại tư sản, ủng hộ công tước Oóc-lê-ăng, nhánh dưới của vương triều Buốc-bông cầm quyền từ thời kỳ cách mạng tháng Bảy 1830 đến cách mạng năm 1848.

Trong thời kỳ cộng hòa thứ hai (1848 — 1851) hai tập đoàn bảo hoàng này tạo thành hạt nhân của "đảng trật tự" bảo thủ hợp nhất. —762.

514 Về "nguyên tắc dân tộc", xin xem chú thích 14. —763

515 Ý nói tiền bồi thường 5 tỷ phrăng Pháp nộp cho đế quốc Đức theo điều kiện của Hòa ước Phrăng-phuốc năm 1871 (xem chú thích 195) sau thất bại trong chiến tranh Pháp — Phổ năm 1870 — 1871. —765.

516 Quyền bầu cử phổ thông được ban hành ở Tây Ban Nha năm 1868 trong thời kỳ cách mạng tư sản Tây Ban Nha những năm 1868 — 1874 và được hiến pháp năm 1869 khẳng định. Nền cộng hòa ở Tây Ban Nha sau khi tuyên bố thành lập năm 1873 đã tồn tại đến năm 1874 khi nó bị thủ tiêu do cuộc chính biến mang tính chất bảo hoàng. —767.

517 Ăng-ghen trích dẫn lời nói đầu có tính chất lý luận do Mác viết cho bản cương lĩnh của Đảng công nhân Pháp được thông qua tại đại hội ở Ha-vrơ năm 1880 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, t. 19 tr.246).—768.

518 *Ngày 4 tháng Chín* 1870, sau khi được tin quân đội Pháp bị đánh tan ở Xê-đăng (xem chú thích 194), ở Pa-ri đã xảy ra cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân dẫn đến chỗ Đế chế thứ hai sụp đổ và nước cộng hòa được tuyên bố thành lập đứng đầu là chính phủ vệ quốc tư sản.

Ngày 31 tháng Mười 1870 sau khi nhận được tin Mét-xơ đầu hàng, thất bại ở Lơ-buốc-giê và Chi-e theo ủy nhiệm của chính phủ vệ quốc đã bắt đầu đàm phán với quân Phổ, công nhân Pa-ri và bộ phận cách mạng trong đội vệ binh quốc gia đã phát động cuộc khởi nghĩa và, sau khi chiếm được tòa thị chính, đã thành lập cơ quan chính quyền cách mạng — Ủy ban cứu nguy xã hội — do Blăng-ki đứng đầu. Dưới sức ép của công nhân, chính phủ vệ quốc đã buộc phải hủy từ chức và ấn định cuộc bầu cử Công xã vào ngày 1 tháng Mười một. Song lợi dụng sự thiếu tổ chức của các lực lượng cách mạng Pa-ri và sự bất đồng giữa phái Blăng-ki lãnh đạo khởi nghĩa và những người dân chủ tiểu tư sản thuộc phái Gia-cô-banh, chính phủ — với sự giúp đỡ của các tiểu đoàn vệ binh quốc gia còn đứng về phía chính phủ — đã nuốt lời hứa, chiếm tòa thị chính và khôi phục quyền lực của mình.

Phần trình bầy những sự kiện được nhắc tới, xin xem ở tập này, tr.279.- 774.

519 Trong trận *Va-gram* ngày 5-6 tháng Bảy 1809 trong thời gian chiến tranh Áo—

Pháp năm 1809 quân đội Pháp do Na-pô-lê-ông I chỉ huy đã đánh bại quân đội Áo của đại công tước Các-lơ.

Trong trận *Oa-téc-lô* (Bỉ), ngày 18 tháng Sáu 1815, quân đội của Na-pô-lê-ông bị quân Anh — Hà Lan do Oen-linh-tơn chỉ huy và quân đội Phổ do Blüy-khơchỉ huy, đánh bại. Trận Oa-téc-lô đã đóng vai trò quyết định trong chiến dịch năm 1815, quyết định thắng lợi cuối cùng của khối liên minh chống Na-pô-lê-ông của các cường quốc châu Âu và sự sụp đổ của đế chế Na-pô-lê-ông I. —775.

520 Xem chú thích 416. —776.

521 Ăng-ghen có ý nói đến cuộc đấu tranh lâu dài giữa chính quyền công quốc và giới quý tộc ở các công quốc Mê-clen-bua — Svê-rin và Mê-clen-bua — Xtơ-rê-lít-xơ kết thúc bằng việc ký kết vào năm 1755 ở Rô-xtốc một hiệp ước hợp hiến về quyền thừa kế. Theo hiệp ước này, các quyền tự do và đặc quyền trước đây của giới quý tộc Mê-clen-bua được xác nhận, họ được miễn thuế cho một nửa số ruộng đất của mình, cũng như cho việc buôn bán và kinh doanh ngành nghề, được ấn định phần của mình trong các khoản chi tiêu của nhà nước và củng cố địa vị lãnh đạo của mình trong các hội đồng dân biểu địa phương có tính chất đẳng cấp và trong các cơ quan thường trực của chúng. —777.

522 Xem chú thích 249. - 779.

523 Ngụ ý nói việc sáp nhập vương quốc Han-nô-vơ, tuyển đế hầu quốc Hét-xen — Cát-xen và đại công quốc Nát-xau năm 1866 vào Phổ do Phổ thắng trong cuộc chiến tranh chống Áo và chống các quốc gia nhỏ ở Đức năm 1866. —779.

524 Ban lãnh đạo Đảng công nhân độc lập (về đảng này xin xem chú thích 495) trong thư gửi Ăng-ghen đề ngày 16 tháng Tư 1895 đã mời ông đến dự hội hóa trang của những người xã hội chủ nghĩa mừng ngày 1 tháng Năm. - 784.

525 Ăng-ghen trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Pháp "Éclair" E.Mát-xa ngày 1 tháng Tư 1892. Ngày 3 tháng Tư, sau khi xem qua bản ghi của phóng viên, Ăng-ghen đã sửa lại hầu như toàn bộ. Trong thư gửi Lau-ra La-phác-gơ đề ngày 4 tháng Tư 1892, Ăng-ghen đề cập đến cuộc phỏng vấn này, nêu lên rằng nếu tờ báo tự tiện thay đổi bản văn mà ông đã xem qua thì ông sẽ không thừa nhận hành động của phóng viên. Xét đoán qua việc bài trả lời phỏng vấn của

ông được đăng lại ngày 16 tháng Tư trên cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân, báo "Socialiste", thì có lẽ Ăng-ghen đã coi văn bản được công bố khớp với ý mình trả lời phóng viên. Trên báo "Éclair", bài trả lời phỏng vấn được đăng với nhan đề" Chủ nghĩa vô chính phủ. Phỏng vấn nhà xã hội chủ nghĩa Đức Ăng-ghen"; trên báo "Socialiste" — với nhan đề" Hòa bình vì đói" (hai mục sau cùng bị bỏ).

Trong lần xuất bản này, ở bài trả lời phỏng vấn lời bình luận mở đầu và kết thúc của phóng viên đã được cắt bỏ.

"L'Éclair" ("Tia chớp") — tờ báo ra hàng ngày của giai cấp tư sản Pháp xuất bản ở Pa-ri từ năm 1888 đến năm 1939. —787.

526 Ý nói những cuộc đấu tranh của những người thất nghiệp ở Béc-lin những ngày 25-27 tháng Hai 1892. —787.

527 Xem chú thích 254. —788.

528 Xem chú thích 258. —791.

529 Ăng-ghen đem tư tưởng của Xanh Xi-mông về sự hợp tác của nhân dân Anh, Pháp và Đức (xem chú thích 128) đối lập với Liên minh tay ba với tư cách một khối quân sự — chính trị (xem chú thích 406). —793.

530 Cuộc nói chuyện của Ăng-ghen với phóng viên báo Pháp "Figaro" diễn ra ngày 11 tháng Năm 1893. Ngày 17 tháng Năm, Ăng-ghen báo cho Doóc-ghê rằng Doóc-ghê có thể tìm hiểu quan điểm của ông về tình hình ở Đức qua bài trả lời phỏng vấn trên báo "Figaro" mà ông gửi cùng với thư đó, song ông nói thêm là trong bản ghi các câu ông trả lời phóng viên, "cũng như trong bất cứ cuộc trả lời phỏng vấn nào", trong việc truyền đạt một số cách nói có đôi điều bị mờ nhạt, còn trong sự trình bày chung có những lỗ hổng, nhưng về toàn bộ thì ý tứ được truyền đạt đúng.

Trên báo "Figaro", bài trả lời phỏng vấn được công bố dưới đầu đề "Nói chuyện với Phri-đrích Ăng-ghen". Cùng với nhan đề này, nó được công bố trên báo "Socialiste" số 140, ngày 20 tháng Năm 1893.

"Le Figaro" ("Phi-ga-rô") — báo bảo thủ Pháp ra hàng ngày, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1854. — 795 -

531 Đây là nói việc quốc hội Đức ngày 6 tháng Năm 1893 bác dự luật quân sự (về

dự luật này xin xem thêm chú thích 393), dự luật này đề ra việc tăng quân số thời bình trong thời kỳ 1893 — 1899 vượt quá 80 nghìn người và bổ sung kinh phí cho chi phí quân sự. Cũng hôm ấy, chính phủ đã giải tán quốc hội và sau đó ấn định tiến hành cuộc bầu cử mới vào tháng Sáu 1893. —795.

532 Có ý nói đến bộ phận trong Đảng tự do tư tưởng Đức (xem chú thích 8) chống đạo luật quân sự. —795.

533 Ám chỉ cái gọi là cuộc xung đột hiến pháp ở Phổ nảy sinh vào đầu những năm 60 (xem chú thích 234). —796.

534 Xem chú thích 416. —797.

535 Xem chú thích 74. —798.

536 Ăng-ghen trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Anh "Daily Chronicle" nhân cuộc bầu cử quốc hội Đức tiến hành vào tháng Sáu và thắng lợi của Đảng dân chủ — xã hội Đức trong cuộc bầu cử đó. Ngoài báo Anh ra, bài trả lời phỏng vấn có rút ngắn còn được đăng trên báo "Socialiste" số 148, ngày 15 tháng Bảy 1893 và đăng toàn văn trong tạp chí "Critica Sociale" số 14, ngày 16 tháng Bảy 1893.

Trong tờ "Daily Chronicle", bài trả lời phỏng vấn được đăng với nhan đề "Cuộc bầu cử ở Đức. Trả lời phỏng vấn của ông Ăng-ghen", trên báo "Socialiste"— dưới đầu đề "Ph.Ăng-ghen và cuộc bầu cử ở Đức", trong "Critica Sociale" — "Cuộc nói chuyện với Ph.Ăng-ghen về kết quả của cuộc bầu cử quốc hội Đức".—803.

537 Ý nói *Đảng nhân dân tự do tư tưởng* thành lập vào tháng Năm 1893 do sự phân liệt của Đảng tự do tư tưởng Đức.

Sự phân liệt đã xảy ra vào ngày quốc hội bị giải tán, ngày 6 tháng Năm 1893 nhân nội bộ đảng có ý kiến bất đồng trong việc đánh giá dự luật quân sự. Một bộ phận của đảng đoàn đảng này trong nghị viện do Rích-kéc-tơ và Bác-tơ đứng đầu đã bước vào con đường ủng hộ chính phủ, đã lập ra đảng Liên minh tự do tư tưởng; một bộ phận khác đứng đầu là Ri-khơ-te chống việc tăng chi phí cho quân đội và phản ánh tâm trạng của các phần tử cấp tiến trong đảng này, đã lấy tên là Đảng nhân dân tự do tư tưởng. —803.

538 Về Liên đoàn dân chủ — xã hội, xin xem chú thích 104. —805.

539 Về Hội Pha-biêng xin xem chú thích 495. —805.

540 Dự luật quân sự bị bác vào tháng Năm 1893, được chính phủ thay đổi chút ít rồi lại đưa ra quốc hội xét duyệt và được quốc hội mới thông qua ngày 15 tháng Bảy 1893.

Luật quân sự mới đem lại cho chính phủ khả năng tăng kinh phí cho quân đội và qua 5 năm, chứ không phải 7 năm (như các đạo luật thời hiệu bảy năm 1874, 1880, 1887) có thể xét lại ngân sách quân sự theo hướng tăng lên, do đó nó bắt đầu được gọi là luật thời hiệu 5 năm. —806.

541 Ăng-ghen có ý nói đến "Lời kêu gọi thứ hai của Tổng Hội đồng Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp — Phổ"(xem C.Mác Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t 17, tr.362— 374). Lời kêu gọi do Mác viết, nhưng có dùng những tài liệu của Ăng-ghen bác bỏ yêu sách của tầng lớp địa chủ quý tộc Phổ và giai cấp tư sản Đức đòi lấy An-da-xơ-Lo-ren-nơ và cũng có sử dụng những luận cứ chiến lược quân sự được đưa ra về vấn đề này. —807.

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA PH.ĂNG-GHEN
(tháng Giêng 1890 -tháng Tám 1895)

1890

Tháng Giêng – tháng Chạp

Ăng-ghen dành phần lớn thì giờ và sức lực của mình để tiếp tục công việc mà ông bắt đầu từ năm 1885 là chuẩn bị để cho in bản thảo tập III bộ "Tư bản" của Mác; Ăng-ghen bận vào công việc này cho đến mùa xuân năm 1894, trong thời gian này ông hoàn thành nốt một số mục và một số chương cũng như viết lại một số chương khác, đưa vào hàng loạt những bổ sung dựa trên cơ sở nghiên cứu của bản thân ông, duyệt lại toàn bộ bản thảo.

Tháng Giêng-Tháng Ba

Ăng-ghen nghiên cứu tình hình chính trị đối ngoại của châu Âu nhân các mâu thuẫn Pháp -Đức trở nên căng thẳng, do Pháp, Nga xích lại gần nhau và do nguy cơ của một cuộc chiến tranh ở châu Âu đã tăng lên. Ông hoàn thành công trình mà ông bắt đầu từ tháng Chạp 1889 là bài viết "Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng" để xuất bản ở Luân Đôn, và sau đó cho đăng ở Giơ-ne-vơ trên tạp chí "Người dân chủ – xã hội" là cơ quan ngôn luận của nhóm "Giải phóng lao động". Bài viết được dịch ra tiếng Nga dưới đầu đề "Chính sách đối với nước ngoài của Nga hoàng" đăng trong số 1(tháng Hai) và số 2(tháng Tám) của tạp chí đó

trong năm 1890, bản tiếng Đức đăng trong tạp chí lý luận của Đảng dân chủ – xã hội Đức "Die Neue Zeit" ("Thời mới") cũng như bản tiếng Anh do tác giả dịch, và do B. Bắc-xơ – một người xã hội chủ nghĩa – biên tập, đã được in trong một tạp chí ở Luân Đôn, tờ "Time" ("Thời đại"), số tháng Tư và tháng Năm.

Tháng Giêng

Ăng-ghen tiếp tục chăm chú theo dõi cao trào chính trị tích cực của công nhân không lành nghề ở Anh và hoạt động của các hội công liên hỗn hợp mới của họ, giúp đỡ trực tiếp những người lãnh đạo các tổ chức ấy : con gái của Mác là E. Mác-E-vơ-linh, E. E-vơ-linh và những người xã hội chủ nghĩa khác. Trong các thư gửi nhà hoạt động phong trào xã hội chủ nghĩa Đức và Mỹ G.Sliu-te-rơ và gửi cho một trong những người lãnh đạo Đảng dân chủ – xã hội Đức A. Bê-ben, Ăng-ghen nhận xét rằng các hội công liên ấy – đối lập với các hội công liên cũ biểu hiện quyền lợi của công nhân quý tộc – hành động theo tinh thần đoàn kết vô sản và sự phát triển của các công liên ấy trong tương lai có thể dẫn đến gạt bỏ những phần tử cải lương ra khỏi ban lãnh đạo Đại hội các hội công liên.

11 tháng Giêng– 8 tháng Hai

Trong thư gửi G.Sliu-te-rơ và gửi nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế và phong trào công nhân Mỹ Ph. A. Doóc-gơ, cũng như trong thư gửi Bê-ben, Ăng-ghen tán thành việc khai trừ vào mùa thu 1889 ra khỏi đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Bắc Mỹ, một nhóm người là những người lãnh đạo đảng, những người Đức lưu vong thuộc phái Lát-xan, vì họ theo đuổi chính sách bè phái. Ăng-ghen xem sự kiện đó như là một trong những điều kiện quan trọng để thành lập một đảng xã hội chủ nghĩa độc lập của giai cấp vô sản Mỹ.

Khoảng 28 tháng Giêng-khoảng 25 tháng Năm

Ăng-ghen nhận được của một trong những người dịch bộ "Tư bản" ra tiếng Nga, nhà kinh tế học dân túy N. Ph. Đa-ni-en-xôn nhiều thư thông báo về tình hình kinh tế ở Nga.

Cuối tháng Giêng-8 tháng Hai

Ăng-ghen đọc cuốn sách mà ông nhận được của X.Vép-bơ, một trong những người sáng lập hội Pha-biêng Anh, cuốn sách nhan đề "Những công trình nghiên cứu của Hội Pha-biêng về chủ nghĩa xã hội" và coi đó là mưu toan phủ nhận học thuyết của Mác trên cơ sở những lý thuyết về kinh tế tầm thường và chứng minh khả năng thực hiện những tư tưởng xã hội chủ nghĩa bằng con đường cải lương, bằng cách thỏa hiệp với giai cấp tư sản.

Cuối tháng Giêng-giữa tháng Hai

Ăng-ghen nghiên cứu tình hình nội chính của nước Đức trước lúc bầu cử Quốc hội vào ngày 20 tháng Hai, qua báo chí và thư từ của các nhà lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức.

17 tháng Hai

Trong thư gửi Bê-ben, Ăng-ghen phân tích kết quả cuộc bầu cử lại nghị viện ở Pháp tổ chức tại Pa-ri ngày 17 tháng Hai; ông nhận xét rằng việc bầu những người thuộc phái Bu-lan-giơ, có liên quan với các nhóm quân chủ và quân sự, là hậu quả của sự tuyên truyền những tư tưởng sô-vanh trong công nhân Pa-ri. Ăng-ghen coi cuộc đấu tranh chống tâm trạng đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của những người xã hội chủ nghĩa Pháp.

21 tháng Hai-12 tháng Tư

Nhân những người dân chủ -xã hội thu được những kết quả rực rỡ trong các cuộc bầu cử Quốc hội Đức, Ăng-ghen trong các bài gửi các báo và trong thư gửi Doóc-ke, thư gửi P. La-phác-gơ, một trong các nhà lãnh đạo Đảng công nhân Pháp, thư gửi bà Lau-ra La-phác-gơ, nhà hoạt động phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp, con gái của Mác, và thư gửi V.Líp-nếch, một trong các người lãnh đạo Đảng dân chủ -xã hội

Đức đã chỉ rõ rằng cuộc bầu cử đánh dấu bước đầu của sự cáo chung của chính quyền Bi-xmác và sẽ góp phần tăng cường cuộc đấu tranh giải phóng của quần chúng nhân dân. Ăng-ghen đặc biệt nhấn mạnh đến ý nghĩa của những thắng lợi nhất định của Đảng dân chủ — xã hội trong các vùng nông nghiệp ở miền Bắc và Đông — Bắc nước Đức. Các bài báo của Ăng-ghen về kết quả bầu cử được đăng: ngày 3 tháng Ba trong tờ báo tiếng Anh "Newcastle Daily Chronicle"("Tin tức hàng ngày ở Niu-cát-xơn") không ghi tên tác giả, dưới nhan đề do ban biên tập đặt "Những người dân chủ -xã hội Đức và vào ngày 8 tháng Ba trong cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức, tờ "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ — xã hội") dưới nhan đề "Tiếp theo sẽ là gì?".

Giữa 20 và 31 tháng Ba

Ăng-ghen xem lại tiểu sử của mình in trong tập 6 bộ từ điển Bách khoa toàn thư của Brốc-hau-dơ xuất bản lần thứ 13, và đã thêm vào trong đó những bổ sung và sửa chữa cho lần xuất bản thứ 14 bộ từ điển đó.

Cuối tháng Ba-đầu tháng Tư

Ăng-ghen đọc các tập sách nhỏ của nhà triết học -xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a A.La-bri-ô-la "Về chủ nghĩa xã hội" và "Về triết học của lịch sử"do tác giả gửi đến cho ông; trong những bức thư gửi La-bri-ô-la ông đã tỏ ý khen ngợi tác phẩm thứ nhất và đưa ra một loạt nhận xét phê phán tác phẩm thứ hai; Ăng-ghen cũng đã gửi cho La-bri-ô-la cuốn sách của mình: "Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức".

30 tháng Ba

Ăng-ghen viết thư cho nhà xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a P. Mác-ti-nết-ti, người đã dịch một loạt tác phẩm của ông nhận lúc báo chí xã hội chủ nghĩa và cấp tiến I-ta-li-a thảo luận sôi nổi về dự án của chính phủ thành lập ở Ê-ri-tơ-rê, thuộc địa của I-ta-li-a những trang trại lớn theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Ông nhấn mạnh rằng những người xã hội chủ nghĩa cần phải kiên

quyết đấu tranh chống lại sự nô dịch các thuộc địa của bọn trùm tư bản tài chính và của những công ty cổ phần kếch sù. Một đoạn trong bức thư được đăng trên tạp chí xã hội chủ nghĩa "Cuore e critica" (Trái tim và sự phê phán"), ngày 16 tháng Tư.

1 tháng Tư

Biết chắc rằng khi đăng trên tạp chí "Neue Zeit", số tháng Tư, chương thứ nhất bài "Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng " của ông, người xuất bản tờ tạp chí I-Đi-xơ, một đảng viên dân chủ -xã hội Đức và một trong những ủy viên biên tập là tên cơ hội chủ nghĩa Blốc-cơ đã có những xuyên tạc quan trọng, Ăng-ghen đã tuyên bố kịch liệt phản đối Đi-xơ; trong số tạp chí tiếp theo, xuất bản vào tháng Năm, bài báo của Ăng-ghen được đăng lại đúng theo nguyên văn bản thảo.

3 tháng Tư

Trong thư gửi nữ đảng viên xã hội chủ nghĩa Nga, thành viên nhóm "Giải phóng lao động" V. I. Da-xu-lích, Ăng-ghen cảm ơn bà về việc đã gửi cho ông tờ tạp chí "Người dân chủ — xã hội" , trong đó có đăng chương thứ nhất tác phẩm "Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng"; nhân đó ông nhấn mạnh rằng việc vạch trần chính sách ngoại giao của Nga hoàng có một ý nghĩa lớn lao đối với phong trào cách mạng ở Nga.

9 tháng Tư

Nhận được thông báo của nhà xã hội chủ nghĩa Hà Lan Ph.D.Niu-ven-hây về tình hình phong trào công nhân Hà Lan, Ăng-ghen viết thư cho ông ta, trong đó bầy tỏ sự hài lòng về những thắng lợi của những người xã hội chủ nghĩa Hà Lan và báo tin về công việc của mình chuẩn bị cho in bản thảo tập III bộ "Tư bản".

17 tháng Tư

Trả lời bức thư của Da-xu-lích, Ăng-ghen bày tỏ sự bất bình đối với việc đăng trên báo "Sozialdemokrat" ngày 5 tháng Tư các bài báo của một người Nga theo phái dân túy, G. Bếch công kích G. V. Plê-kha-nốp và những người mác-xít Nga khác, và đề nghị Da-xu-lích và những người cùng tư tưởng với bà hãy viết bài trên các trang của báo để chống lại Bếch. Ăng-ghen khuyên Da-xu-lích và những người dân chủ — xã hội Nga khác nên tích cực cộng tác với tờ "Sozialdemokrat" và tờ "Neue Zeit", để củng cố mối liên hệ giữa những người xã hội chủ nghĩa Nga với những người xã hội chủ nghĩa ở các nước khác. Theo lời khuyên của Ăng-ghen, Da-xu-lích đã viết bài trả lời Bếch đăng trên tờ "Sozialdemokrat" ngày 26 tháng Tư.

19 tháng Tư

Đáp lại yêu cầu của I. E-ren-grây một viên chức Áo, đề nghị Ăng-ghen bày tỏ thái độ đối với chủ nghĩa bài Do Thái, Ăng-ghen viết cho ông ta một bức thư, trong đó vạch trần thực chất phản động của chủ nghĩa bài Do Thái. Bức thư đăng trên cơ quan của Đảng dân chủ — xã hội Áo, tờ "Arbeiter — Zeitung" ("Báo công nhân"), ngày 9 tháng Năm.

Cuối tháng Tư- đầu tháng Năm

Ăng-ghen tham gia tích cực vào việc chuẩn bị cuộc biểu tình và mít-tinh ngày 1 tháng Năm ở Luân Đôn, cuộc mít-tinh này sẽ được tiến hành theo nghị quyết của Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1889 dưới khẩu hiệu đấu tranh đòi ấn định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ cho công nhân trên phạm vi toàn thế giới; Ăng-ghen thông báo về việc chuẩn bị ấy cho Doóc-gơ, đồng thời cũng báo cho ông này biết những kết quả của công tác tuyên truyền xã hội chủ nghĩa trong quần chúng công nhân; một phần của bức thư gửi Doóc-gơ, nói về việc chuẩn bị biểu tình ở Luân Đôn, được đăng trên các báo chí xã hội chủ nghĩa Mỹ, tờ "New - Yorker Volkszetung" ("Báo nhân dân Niu Oóc") và tờ "Workemen's advocate" ("Người bảo vệ công nhân").

1 tháng Năm

Ăng-ghen viết lời tựa cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", trong đó

ông tổng kết tóm tắt sự phát triển của phong trào công nhân quốc tế và sự lan truyền chủ nghĩa Mác từ sau năm 1848. Lời tựa được xuất bản thành một cuốn sách mỏng phát hành tại Luân Đôn vào tháng Năm.

1 tháng Năm — Ăng-ghen tham gia cuộc biểu tình và mít-tinh nhân ngày 1 tháng Năm tại Luân Đôn; về sau ông đã kể lại những cảm tưởng của mình trong các thư gửi Bê-ben và L. La-phác-gơ, cũng như trong bài báo "Ngày 1 tháng Năm tại Luân Đôn". Ăng-ghen đánh giá ngày lễ 1 tháng Năm được tiến hành lần đầu tiên đó như là một sự duyệt lại lực lượng chiến đấu của giai cấp công nhân, ông nêu lên kết quả của những cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm ở Áo; cuộc mít-tinh và cuộc biểu tình có hàng nghìn người tham gia ở Luân Đôn được ông đánh giá như là một chiến thắng to lớn của phong trào công nhân Anh. Bài báo đăng trên tờ "Arbeiter — Zeitung"ngày 23 tháng Năm.

Cuối tháng Năm 1890-Đầu tháng Sáu 1891 — Ăng-ghen chuẩn bị (không được liên tục) cho việc xuất bản lần thứ tư tác phẩm của mình "Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước"; nhân dịp này ông đọc các tài liệu mới, đặc biệt là hai cuốn sách của nhà bác học — xã hội học Nga M. M. Cô- va-lép-xki: "Lược khảo về nguồn gốc và sự phát triển của gia đình và chế độ tư hữu" (bằng tiếng Pháp) và "Những tập quán hiện nay và những luật lệ xưa ở nước Nga" (bằng tiếng Anh). Ăng-ghen đã đưa vào những sửa đổi và bổ sung quan trọng, đặc biệt là trong chương nói về gia đình, ông đã sửa lại một số chỗ thiếu chính xác. Bản in lần thứ tư xuất bản vào cuối tháng Mười — đầu tháng Mười một 1891.

5 tháng Sáu — Trong thư trả lời nhà dân chủ — xã hội Đức P.Ếc-nơ-xtơ, một trong những thủ lĩnh của nhóm "phái trẻ", một nhóm nửa vô chính phủ chủ nghĩa, Ăng-ghen kiên quyết chống lại việc ông này tầm thường hóa chủ nghĩa duy vật lịch sử.

10 tháng Sáu — Trong thư gửi Da-ni-en-xôn, Ăng-ghen bày tỏ nỗi đau buồn và tiếc thương vô hạn trước việc nhà bác học Nga vĩ đại, nhà dân chủ — cách mạng G.Trec-nư-sép-xki qua đời.

25 tháng Sáu — Ăng-ghen viết lời tựa cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức tập I bộ "Tư bản".

1-26 tháng Bảy — Ăng-ghen cùng với bạn của ông là nhà bác học lớn về hóa học, một người dân chủ -xã hội Đức, ông K.Soóc-lem-mơ đi du lịch trên đất Na Uy.

Khoảng 9 tháng Bảy — khoảng 22 tháng Chín — Ăng-ghen trao đổi thư từ với cựu ủy viên Tổng hội đồng Quốc tế I, nhà cách mạng Ba Lan, một tướng lĩnh của Công xã Pa-ri, ông V. Vru-blép-xki và giúp đỡ ông này về mặt vật chất.

Tháng Tám-đầu tháng Chín — Ăng-ghen đặc biệt quan tâm đến việc chuẩn bị đại hội thường kỳ của Đảng dân chủ — xã hội Đức dự định họp vào tháng Mười tại Ha-lơ; trong thư gửi Líp-nếch và những nhà lãnh đạo khác của đảng, ông chỉ rõ cần phải đấu tranh chống lại nhóm "phái trẻ" đang phê phán theo lối mỵ dân đối với ban lãnh đạo đảng. Ăng-ghen còn xem bản dự thảo điều lệ đảng và phê phán một số điểm trong đó, đồng thời nhấn mạnh không được để cho đảng đoàn trong nghị viện, trên thực tế, nắm địa vị thống trị đối với ban lãnh đạo đảng.

5 tháng Tám, 21-22 tháng Chín và 27 tháng Mười — Ăng-ghen trong các thư gửi nhà dân chủ — xã hội Đức, nhà triết học và nhà kinh tế học C.Xmit, và gửi sinh viên Đức I. Bốc-khơ, những người đã yêu cầu Ăng-ghen giải thích cho một số luận điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, đã phê phán những kẻ tầm thường hóa học thuyết mác-xít cho rằng tuồng như học thuyết ấy coi nhân tố kinh tế là động lực duy nhất của quá trình lịch sử; Ăng-ghen giải thích rõ rằng cơ sở hạ tầng kinh tế xét đến cùng là nhân tố quyết định của sự phát triển lịch sử nhưng kiến trúc thượng tầng,

đến lượt nó, lại tác động đến tiến trình lịch sử và sự phát triển của bản thân kinh tế.

Khoảng 14 tháng Tám — 12 tháng Chín Đầu tháng Chín

Ăng-ghen nghỉ ở Phôn-cơ-stôn (trên bờ biển miền Nam nước Anh).

Ăng-ghen theo dõi quá trình diễn biến của đại hội thường kỳ các hội công liên Anh tiến hành tại Li-vớc-pun từ 1 đến 6 tháng Chín, trái với ý muốn của các thủ lĩnh các hội công liên, đại hội đã thông qua nghị quyết đòi ấn định bằng pháp luật ngày làm việc tám giờ cho công nhân. Ăng-ghen coi đó là một bằng chứng của sự lớn mạnh đáng kể của ảnh hưởng của các hội công liên mới.

7 tháng Chín

Ăng-ghen viết bài trả lời bài báo của ban biên tập đăng trên tờ "Sächsisch Arbeiter — Zeitung" ("Báo công nhân Dắc-den") cơ quan ngôn luận của nhóm "phái trẻ", bài báo này khẳng định rằng sự đánh giá của nhóm đó về đường lối của ban lãnh đạo đảng là phù hợp với những quan điểm của ông. Ăng-ghen kiên quyết bác bỏ điều khẳng định ấy, coi những quan điểm của "phái trẻ" là sự xuyên tạc thô bạo chủ nghĩa Mác. Bài trả lời của Ăng-ghen đăng trên báo "Sozialdemokrat" số ra ngày 13 tháng Chín.

Khoảng 9 tháng Chín — giữa tháng Mười

Ăng-ghen tham gia tích cực vào việc chuẩn bị Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế dự định triệu tập năm 1891 ở Bruy-xen; tiến hành trao đổi thư từ rộng rãi về vấn đề này với các nhà hoạt động của các đảng xã hội chủ nghĩa một số nước; Ăng-ghen cho rằng có thể tiến hành một đại hội liên tịch với sự tham gia của phái khả năng, bày tỏ niềm tin rằng trong những điều kiện cao trào của phong trào xã hội chủ nghĩa thì những người mác-xít có thể chiếm đa số tại đại hội. Những đề nghị của Ăng-ghen được hoàn toàn chấp nhận tại hội nghị những người xã hội chủ nghĩa nhiều nước, họp theo lời khuyên của Ăng-ghen, vào

thời gian đại hội Đảng dân chủ -xã hội Đức họp tại Ha-lơ vào giữa tháng Mười.

Giữa 12 và 18 tháng Chín

Nhân việc đình bản tờ "Sozialdemokrat" — cơ quan ngôn luận bất hợp pháp của Đảng dân chủ — xã hội Đức trong thời kỳ thi hành đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa, - Ăng-ghen gửi cho độc giả của tờ báo một bức thư từ biệt, trong đó nêu rõ vai trò to lớn của tờ báo trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Bức thư được đăng trên tờ "Sozialdemokrat", số ra ngày 27 tháng Chín.

1 tháng Mười

Ăng-ghen viết bài: "Trả lời ngài Pa-un Éc-nơ-xtơ", trong đó ông kịch liệt phản đối mưu toan mới của thủ lĩnh nhóm "phái trẻ" lợi dụng uy tín của Ăng-ghen để đấu tranh chống lại sự lãnh đạo của đảng. Bài này được đăng trên tờ báo của đảng dân chủ — xã hội "Berlin Volksblatt" ("Báo nhân dân Béc-lin") số ra ngày 5 tháng Mười.

11 — 19 tháng Mười

Ăng-ghen theo dõi quá trình diễn biến của Đại hội đảng công nhân Pháp họp tại Lin-lơ ngày 11 và 12 tháng Mười, cũng như đại hội của phái xanh-đi-ca Pháp (công đoàn), họp tại Ca-le từ 13 đến 18 tháng Mười. Ăng-ghen coi việc những đại hội ấy đã đặc biệt thông qua quyết định về kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, như là tiêu biểu cho sự lớn mạnh của ảnh hưởng của những người mác-xít Pháp đối với giai cấp công nhân; ông thông báo về hai đại hội ấy với Doóc-gơ, ông cũng thông báo cho Doóc-gơ biết về sự chia rẽ trong nội bộ nhóm cơ hội của những người xã hội chủ nghĩa theo phái khả năng, nhận xét rằng cả hai phái -một, do Gi.An-lê-man, và phái khác, do P.Brút-xơ đứng đầu — đang ở vào tình trạng suy đồi.

Giữa 12 và 19 tháng Mười

Ăng-ghen xem xét thư từ của Mác viết từ năm 1838 đến 1864.

Giữa tháng Mười

Ăng-ghen, qua thông báo trên báo chí và thư từ của Líp-nếch, của E.Mác E-vơ-linh cũng như của ủy viên ban lãnh đạo Đảng dân chủ – xã hội Đức R.Phi-sơ và của các nhân vật khác, chăm chú theo dõi quá trình diễn biến của đại hội đảng đó họp ở Ha-lơ từ 12 đến 18 tháng Mười; trong thư gửi Doóc-gơ và L.La-phác-gơ, Ăng-ghen tỏ ý hài lòng về kết quả của đại hội; đại hội này đã thông qua điều lệ mới của đảng cũng như quyết định về việc soạn thảo cương lĩnh mới của đảng cho đại hội thường kỳ của đảng vào năm 1891.

Khoảng 25 tháng Mười

Ăng-ghen nhận của nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan L. Crơ-gi-vi-xtơ-cơ bản dịch tập 1 bộ "Tư bản" ra tiếng Ba Lan.

5 tháng Một

Ăng-ghen báo tin cho Doóc-gơ về cái chết của ông E-lê-na Đê-mút người bạn của Ăng-ghen và là người bạn gần gũi của gia đình Mác.

27 tháng Một- đầu tháng Chạp

Các nhà lãnh đạo Đảng dân chủ – xã hội Đức Bê-ben, Líp-nếch và P.Đin-ghe đến thăm Ăng-ghen, họ thay mặt Đảng dân chủ – xã hội Đức đến Luân Đôn để chúc mừng Ăng-ghen nhân dịp ông bảy mươi tuổi. Theo sáng kiến của Ăng-ghen, họ đã gặp gỡ các các nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh E.Mác E-vơ-linh, Gi.Bơc-xơ, U.Toóc-nơ và R. Can-nin-gen Grê-khem.

28 tháng Một

Các đảng xã hội chủ nghĩa và công nhân và nhiều tổ chức của các nước tổ chức kỷ niệm bảy mươi năm ngày sinh của Ăng-ghen. Ông đã nhận được rất nhiều những lời chúc mừng của các đảng và các tổ chức ấy, cũng như của các nhà hoạt động của phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào công nhân.

Tháng Chạp 1890-tháng Hai 1891

Nhân việc xuất bản cuốn sách mỏng của nhà kinh tế học tư sản người Đức, ông L.Bren-ta-nô, nhan đề "Cuộc bút chiến giữa tôi với Các Mác", Ăng-ghen đã viết tác phẩm "Bren-ta-nô contra Mác", trong đó ông đã kiên quyết vạch trần những ý đồ vu khống của Bren-ta-nô, dường như cho Mác là người không trung thực trong khoa học. Cuốn sách mỏng này đã được xuất bản vào tháng Tư 1891.

Tháng Chạp 1890-6 tháng Giêng 1891

Nhân việc soạn thảo cương lĩnh mới của Đảng dân chủ -xã hội Đức và cuộc tranh luận trên báo chí Đảng về vấn đề này, Ăng-ghen chuẩn bị cho in bản thảo tác phẩm của Mác "Phê phán cương lĩnh Gô-ta", viết năm 1875. Ăng-ghen coi bổn phận của mình là công bố văn kiện cương lĩnh này, trong đó Mác đã đánh một đòn quyết liệt vào chủ nghĩa Lát-xan và trình bầy đầy đủ nhất quan điểm của ông về chuyên chính vô sản và bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, để giúp đỡ đảng trong việc xây dựng một cương lĩnh mác-xít thật sự cách mạng, có căn cứ khoa học và trong cuộc đấu tranh chống các phần tử cơ hội chủ nghĩa đã gia tăng trong đảng. Tác phẩm kèm theo lời tựa của Ăng-ghen được in trong tạp chí "Neue Zeit" vào cuối tháng Giêng 1891.

Nửa đầu tháng Chạp

Đáp lại yêu cầu của nhà xã hội chủ nghĩa Pháp Phoóc-ten người dịch tác phẩm của Mác "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", Ăng-ghen đồng ý cho in tác phẩm đó trên tờ báo Pháp "Le Socialiste" ("Người xã hội chủ nghĩa"); tác phẩm này đã được đăng trên báo vào tháng Giêng – tháng Mười một 1891; đồng thời Ăng-ghen kiên quyết phản đối ý định in lại tác phẩm của Mác "Sự khốn cùng của triết học" trong tạp chí Pháp "Revue Socialiste" ("Bình luận xã hội chủ nghĩa"), do B.Ma-lông một người thuộc phái khả năng làm chủ bút.

2-3 tháng Chạp

Ăng-ghen viết thư cho ban biên tập báo "Berliner Volksblatt", các báo xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri "Arbeiter –Wochen-Chronik" ("Tuần tin tức công nhân") và "Népszava" ("Tiếng dân"), cũng như Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân Pháp và một số nhân

vật, ông cảm ơn những lời chúc mừng nhân dịp ông 70 tuổi, nêu lên vai trò to lớn của Mác trong sự phát triển phong trào công nhân quốc tế. Các bức thư này được đăng trên tờ "Berliner Volksblatt" ngày 5 tháng Chạp, trên tờ "Arbeiter Wochen- Chronik" và "Népszava" ngày 14 tháng Chạp và trên tờ "Socialiste" ngày 25 tháng Chạp.

25 tháng Chạp — Trong thư gửi nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Hung-ga-ri và quốc tế L.Phran-ken, Ăng-ghen giải thích về những nguyên nhân làm nảy sinh cuộc đấu tranh giữa Đảng công nhân Pháp và phái khả năng; ông chỉ ra rằng việc khắc phục sự phân liệt trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp chỉ có thể thực hiện được với điều kiện có lập các thủ lĩnh của phái khả năng; đồng thời ông thông báo với Phran-ken về việc chuẩn bị cho Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1891.

1891

Tháng Giêng — Ăng-ghen nhận được tin của Doóc-gơ và những nguồn tin khác, về cuộc xung đột giữa các thủ lĩnh Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Bắc Mỹ và ban lãnh đạo Liên đoàn lao động Mỹ, ban lãnh đạo này tuyên bố rằng đảng, với tư cách là một tổ chức chính trị không thể tham gia Liên đoàn và đề nghị các đảng viên của Đảng tham gia Liên đoàn với tư cách cá nhân, thông qua các công đoàn; cũng về vấn đề này Ăng-ghen nhận được thư của H. Hôm-péc-xơ, thủ lĩnh Liên đoàn, một người theo chủ nghĩa cải lương. Trong thư gửi Slu-tô, Ăng-ghen đã phê phán lập trường của các thủ lĩnh Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa, ông coi việc họ khước từ đề nghị của Liên đoàn và ý định của họ đối lập đảng với tổ chức quần chúng rộng rãi nhất này của công nhân Mỹ là biểu hiện của tư tưởng bè phái, về khách quan sẽ dẫn đến chỗ tăng cường ảnh hưởng của phái cải lương trong phong trào công nhân.

Khoảng 10 tháng Giêng — 1 tháng Hai — Ăng-ghen nhiều lần gặp gỡ nhà xã hội chủ nghĩa lưu vong Ba Lan bị trục xuất khỏi Pa-ri là Xta-ni-xláp Men-đen-xôn và vợ ông ta là Ma-ri-a. Theo lời khuyên của ông, Men-đen-xôn đã viết thư cho cơ quan ngôn luận của Liên đoàn dân chủ — xã hội Anh, báo "Justice" ("Chính nghĩa"), đề nghị những người xã hội chủ nghĩa Anh hãy đề phòng những sự khiêu khích có thể có của hai nhân viên mật vụ Nga hoàng xuất hiện ở Luân Đôn. Nội dung bức thư đăng trên báo này ngày 24 tháng Giêng đã được Ăng-ghen đọc lại và sửa chữa.

Cuối tháng Giêng — Tháng Tư — Ăng-ghen tham gia tích cực vào việc chuẩn bị kỷ niệm ngày 1 tháng Năm; ông trao đổi thư từ rộng rãi với các nhà hoạt động xã hội chủ nghĩa Pháp, Mỹ, Đức và các nước khác về vấn đề này.

Giữa 31 tháng Giêng và 22 tháng Tư — Ăng-ghen tiếp tục nhận được của La-phác-gơ thông báo chi tiết về tình hình phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp; trong các bức thư gửi La-phác-gơ ông tán thành sách lược của Đảng công nhân đối với phái khả năng là không có bất cứ một nhượng bộ nào về mặt nguyên tắc vì sự thống nhất hình thức, nhưng cũng không từ bỏ sự hợp tác thực tế trong những trường hợp cần thiết.

Tháng Hai — Tháng Mười — Ăng-ghen thường xuyên đọc báo "Vorwärts" ("Tiến lên"); tờ báo này từ ngày 1 tháng Giêng đã trở thành cơ quan trung ương của Đảng dân chủ — xã hội Đức; trong thư gửi Bê-ben và các nhà hoạt động khác ông đã phê phán ban biên tập về những sự do dự và sai lầm có tính chất cơ hội chủ nghĩa.

Tháng Hai — tháng Tư — Ăng-ghen chăm chú theo dõi tình hình phong trào xã hội chủ nghĩa ở Anh, thường xuyên giúp đỡ E.Mác E-vơ-linh, E. E-vơ-linh và những nhà xã hội chủ nghĩa Anh khác trong cuộc đấu tranh của họ nhằm thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân.

5 tháng Hai — 8 tháng Tư Ăng-ghen trao đổi thư từ với tổng biên tập tạp chí "Neue Zeit" Cau-xki, với Doóc-gơ, Slu-tơ, La-phác-gơ và những nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa về cuộc tranh luận trong Đảng dân chủ — xã hội Đức do một số thủ lĩnh của nó và đặc biệt là do đa số đảng đoàn của nó trong Quốc hội không tán thành việc công bố trên tờ "Neue Zeit" tác phẩm "Phê phán cương lĩnh Gô-ta" của Mác. Trong các thư của mình Ăng-ghen giải thích về sự cần thiết phải công bố tác phẩm đó.

20-27 tháng Hai Ăng-ghen trao đổi thư từ với Phi-se-rơ nhân việc ông này đề nghị tái bản cuốn sách của ông "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", cũng như tác phẩm của Mác "Lao động làm thuê và tư bản" và "Nội chiến ở Pháp"; Ăng-ghen cho rằng việc phổ biến các tác phẩm đó có ý nghĩa quan trọng đối với việc truyền bá chủ nghĩa Mác, đã đồng ý cho in các tác phẩm đó.

Giữa 20 tháng Hai và 6 tháng Ba Ăng-ghen đọc bản thảo bài viết của La-phác-gơ về những lý luận tư sản trước Mác về giá trị thặng dư và đưa ra một loạt nhận xét có tính chất phê phán.

Tháng Ba — tháng Mười một Cố gắng giúp đỡ việc phổ biến chủ nghĩa Mác ở I-ta-li-a, nơi đã hình thành đảng xã hội chủ nghĩa, Ăng-ghen trao đổi thư từ với Mác-ti-ni-ti, bàn về vấn đề xuất bản các tác phẩm của ông ở đó.

4 tháng Ba — 2 tháng Mười Ăng-ghen hiệu đính một phần bản dịch cuốn sách của ông " Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước" ra tiếng Pháp, do nhà xã hội chủ nghĩa Pháp A.Ra-vê dịch, cũng như xem lại bản dịch phần còn lại, do L.La-phác-gơ hiệu đính.

7 tháng Ba Trong thư gửi một trong những thủ lĩnh phong trào xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a là Ph. Tu-ra-ti, Ăng-ghen đồng ý cho dịch một số tác phẩm của ông ra tiếng I-ta-li-a và chuyển cho thư viện chủ nghĩa xã hội khoa học để xuất bản; thư đăng trên tạp chí xã hội nghĩa I-ta-li-a "Critica Sociale" ("Phê bình xã hội") ngày 10 tháng Ba.

17 tháng Ba Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi công nhân Pháp nhân kỷ niệm 20 năm Công xã Pa-ri; ông bày tỏ niềm tin vào thắng lợi tương lai của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới; lời chào mừng đăng trên báo "Socialiste" ngày 25 tháng Ba.

18 tháng Ba Ăng-ghen hoàn thành việc viết lời tựa cho lần xuất bản thứ ba bằng tiếng Đức tác phẩm của Mác "Nội chiến ở Pháp" do ông chuẩn bị, đúng vào dịp kỷ niệm 20 năm Công xã Pa-ri; trong lời tựa đó nhằm chống lại các phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ — xã hội Đức, ông vạch trần bản chất giai cấp của nhà nước tư sản, đối lập Công xã Pa-ri với nhà nước đó với tư cách là cố gắng đầu tiên để thiết lập chuyên chính vô sản. Lời tựa được đăng vào tháng Ba trên tạp chí "Neue Zeit" và trong cuốn sách sẽ xuất bản vào tháng Năm.

21 tháng Ba Trong thư gửi Slu-tơ, Ăng-ghen cám ơn ông đã thông báo về tình hình Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Bắc Mỹ; ông phê phán ban lãnh đạo đảng này vẫn tiếp tục thực hiện đường lối bè phái đối với "Đoàn hiệp sĩ lao động" và các tổ chức quần chúng công nhân khác ở Mỹ.

Ăng-ghen gửi Doóc-gơ bản tiếng I-ta-li-a cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản vào cuối tháng Hai — đầu tháng Ba.

24 tháng Ba Trả lời yêu cầu của một trong những người lãnh đạo Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha X. Mê-xa đề nghị cho phép in tác phẩm của Mác "Sự khốn cùng của triết học" ra tiếng Tây Ban Nha, Ăng-ghen viết thư cho Mê-xa đồng ý cho in tác phẩm, đồng thời nêu lên tầm quan trọng và tính chất cấp

thiết của cuộc đấu tranh chống lại ảnh hưởng của những tư tưởng vô chính phủ ở Tây Ban Nha, đang được tuyên truyền cả dưới hình thức chủ nghĩa Pru-đông. Thư được dùng làm lời tựa cho bản tiếng Tây Ban Nha tác phẩm của Mác sẽ xuất bản vào mùa hè.

Giữa 25 tháng Ba và 15 tháng Năm

Ăng-ghen trao đổi thư từ với La-bri-ô-la, người đã thông báo cho ông biết một số tin tức về tình hình phong trào công nhân và việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở I-ta-li-a, đặc biệt là về những sự biến ở Rô-ma nhân kỷ niệm ngày 1 tháng Năm đã kết thúc bằng sự đụng độ đổ máu với cảnh sát.

Đầu tháng Tư

Soóc-lem-mơ đến thăm Ăng-ghen.

9 tháng Tư

Đáp lại lời mời, mà ông nhận được từ I-ta-li-a, về tham dự cuộc mít-tinh quốc tế nhằm bảo vệ quyền của lao động, dự định tổ chức ngày 12 tháng Tư tại Mi-lan, Ăng-ghen viết thư chào mừng, trong đó nêu lên những thắng lợi của phong trào công nhân quốc tế.

Giữa ngày 10 và 15 tháng Tư

Ăng-ghen gửi cuốn sách mỏng của mình "Bren-ta-nô contra Mác" cho Doóc-gơ, Phi-se-rơ, Niu-ven-hâm và các nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế.

30 tháng Tư

Ăng-ghen viết lời tựa cho bản in lẻ, đo ông chuẩn bị, tác phẩm của Mác "Lao động làm thuê và tư bản". Lời tựa in trong phụ trương của báo "Vorwärts" số ra ngày 13 tháng Năm và trong cuốn sách sẽ xuất bản vào cuối tháng Sáu.

Ngày 1 — 2 tháng Năm

Trong thư gửi Bê-ben, Ăng-ghen chỉ rõ lập trường sai lầm của Líp-nếch và một số thành viên khác trong Ban lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức trong vấn đề công bố tác phẩm của Mác "Phê phán cương lĩnh Gô-ta", cũng như những thiếu hiểu biết nhất định của bản thân Bê-ben về tầm quan trọng của lần công bố

này. Ăng-ghen nhấn mạnh ý nghĩa của tác phẩm của Mác đối với việc nâng cao trình độ lý luận — tư tưởng của các đảng viên của đảng và đối với việc khắc phục ảnh hưởng của tệ sùng bái cá nhân Lát-xan ở trong đảng; ông khuyên chú ý nhiều hơn nữa đến việc nắm vững lý luận cách mạng và sự phát triển của nó, mở rộng các cuộc thảo luận khoa học v.v..

3 tháng Năm

Ăng-ghen tham dự cuộc biểu tình và mít-tinh quần chúng ở Luân Đôn, kỷ niệm ngày 1 tháng Năm .

Khoảng ngày 6 tháng Năm

Ăng-ghen nhận được thông báo chi tiết của Phi-se-rơ về việc tiến hành thắng lợi các cuộc biểu tình của quần chúng kỷ niệm ngày 1 tháng Năm ở Béc-lin và các thành phố khác của Đức.

12 tháng Năm

Ăng-ghen viết lời nói đầu vắn tắt cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức có sửa chữa và bổ sung cuốn sách của ông "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học". Lời nói đầu in trong cuốn sách sẽ ra mắt bạn đọc vào 6 tháng cuối năm.

Nửa thứ hai của tháng Năm

Theo yêu cầu của một trong những thủ lĩnh của Đảng công nhân Bỉ là E.An-xen, Ăng-ghen tổ chức sự chi viện của các hội công liên mới của Anh đối với các công nhân bốc vác bến tàu ở Bỉ đang bãi công, nhân việc đó ông đã tiến hành trao đổi thư từ với các thủ lĩnh của các hội công liên đó là Gi. Bốc-xơ và E-Clc-mơ.

Khoảng ngày 20 tháng Năm

Ăng-ghen nhận được thông báo của Slu-tơ về tình hình phong trào công nhân ở Mỹ, cuộc đấu tranh của thợ mỏ đòi ngày làm việc 8 giờ, cũng như về việc phổ biến ở Mỹ bản dịch ra tiếng Anh tập I bộ "Tư bản" xuất bản ở đó.

Khoảng 21 tháng Năm

Theo yêu cầu của nhà kinh tế học — giáo sư Đức L. En-xte-rơ Ăng-ghen thông báo cho ông ta những tư liệu tiểu sử của mình và lịch sử các tác phẩm của mình để phục vụ cho việc biên soạn cuốn "Cẩm nang

về khoa học chính trị — xã hội" xuất bản ở Đức; những tư liệu do Ăng-ghen gửi đến được đưa vào tập 3 bộ sách đó, sẽ xuất bản ở I-ê-na vào năm 1892.

Tháng sáu

Ăng-ghen đọc cuốn sách của nhà xã hội học tư sản Đức P. Bác-tơ "Triết học lịch sử của Hê-ghen và phái Hê-ghen trước Mác và Hác-man"; trong thư gửi C. Xmít, ông phê phán gay gắt những mưu toan của tác giả xuyên tạc và tầm thường hóa lý luận chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác, cũng như việc giải thích sai lầm bản chất triết học của Hê-ghen.

Ngày 16 tháng Sáu

Ăng-ghen viết xong lời tựa cho lần xuất bản thứ tư cuốn sách của mình "Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước", trong đó ông điểm lại một cách khái quát về mặt lịch sử những phương hướng quan trọng nhất trong nghiên cứu lịch sử gia đình và xã hội nguyên thủy, đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa những công trình nghiên cứu của nhà sử học và nhân chủng học nổi tiếng của Mỹ L. G. Moóc-gan. Lời tựa in trong tạp chí "Neue Zeit" vào tháng Sáu dưới nhan đề "Bàn về lịch sử gia đình nguyên thủy (Bắc-hô-phen, Mắc-Len-nan, Moóc-gan) và trong cuốn sách sẽ xuất bản vào cuối năm.

Giữa 18 và 29 tháng Sáu

Ăng-ghen nghiên cứu dự thảo cương lĩnh của Đảng dân chủ — xã hội Đức, chủ yếu do Líp-nếch và Bê-ben soạn thảo theo sự ủy nhiệm của Ban lãnh đạo. Nhận xét rằng trong dự thảo nói chung đã loại bỏ được những sai lầm nghiêm trọng nhất của cương lĩnh Gô-ta, Ăng-ghen đồng thời phê phán một loạt luận điểm của dự thảo. Ông chỉ ra rằng trong dự thảo thiếu những yêu sách về việc giai cấp vô sản nắm quyền lực chính trị, dân chủ hóa chế độ nhà nước và thiết lập nền cộng hòa dân chủ thống nhất và nhấn mạnh rằng những thiếu sót đó mang tính chất là những nhượng bộ đối với chủ nghĩa cơ hội. Ăng-ghen gửi những nhận xét của mình cho Ban lãnh đạo đảng; bản dự thảo có

cân nhắc đến một số nhận xét đó đăng ngày 4 tháng Bảy trên báo "Vorwärts", rồi sau đó trong các cơ quan khác của báo chí đảng để thảo luận trước.

26 tháng Sáu

Ăng-ghen viết thư chào mừng Đại hội II Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo, triệu tập ở Viên từ 28 -30 tháng Sáu; ông nêu lên những thắng lợi to lớn của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Áo và sự lớn mạnh của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Thư đăng ngày 3 tháng Bảy trên báo "Arbeiter Zeitung".

26 tháng Sáu khoảng 24 tháng Tám

Ăng-ghen nghỉ ngơi (có ngắt quãng) tại Rai-đa (đảo U-ai-tơ) tại đó Soóc-lem-mơ và nhà lão thành của phong trào Hiến chương Gi. Hác-ni đã đến thăm Ăng-ghen.

29 tháng Sáu

Trong thư gửi Cau-xki Ăng -ghen kịch liệt phê phán bài diễn văn sô-vanh của G. Phôn-ma thủ lĩnh phái dân chủ — xã hội Ba-vi-e, một người cơ hội chủ nghĩa, đọc tại cuộc hội nghị dân chủ — xã hội ngày 1 tháng Sáu tại Muy-nich. Ăng-ghen đòi đảng phải tước quyền của Phôn-ma được thay mặt đảng phát biểu ý kiến.

Đầu tháng Tám

Ăng-ghen nhận được của Tu-ra-ti cuốn sách tuyên truyền xuất bản ở I-ta-li-a, được soạn thảo trên cơ sở lời tựa của ông viết cho bản in mới tác phẩm của Mác "Lao động làm thuê và tư bản"".

Giữa ngày 3 và 18 tháng Tám

Ăng -ghen nhận được thông tin chi tiết của La-bri-ô-la về tình hình ở I-ta-li-a và tình trạng phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sự trấn áp của tòa án đối với những người tham gia cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm và các vụ án chính trị khác, cũng như về đại hội công nhân ở Mi-lan từ 2 — 5 tháng Tám.

Nửa sau của tháng Tám — đầu tháng Chín

Căn cứ vào thông báo của báo chí, vào thư của E. Mác E-vơ-linh, của nhà lão thành của phong trào công nhân Đức và Anh Ph. Le-xnơ và những người khác

tham dự. Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Bruy-xen từ 16 đến 22 tháng Tám. Ăng-ghen chăm chú theo dõi công việc của đại hội; trong thư gửi Doóc-gơ, La-phác-gơ và các nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa ông đánh giá tốt kết quả công việc của đại hội. Thư gửi La-phác-gơ có lược bớt đi một đôi chỗ đăng trên báo "Socialiste" số ra ngày 12 tháng Chín.

Khoảng 25- khoảng 27 tháng Tám — Bê-ben và một trong những thủ lĩnh Đảng dân chủ-xã hội Áo V.Át-le đến thăm Ăng-ghen; Ăng-ghen tọa đàm với họ về kết quả Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Bruy-xen.

Khoảng ngày 3 tháng Chín — Ăng-ghen thăm các đại biểu Mỹ, nhà xã hội chủ nghĩa Mác Vây và tổng biên tập báo công nhân Do Thái ở Niu Oóc A.Ca-gan, những người tham dự đại hội quốc tế ở Bruy-xen.

Ngày 8 — khoảng 23 tháng Chín — Ăng-ghen cùng cháu gái của vợ ông là M.E.Rô-se và thư ký riêng L.Cau-út-xki sang Ai-len và Xcốt-len.

Ngày 14 và 30 tháng Chín — Ăng-ghen thông báo cho Doóc-gơ về đại hội các hội công liên Anh họp ở Niu-cát-xơn vào đầu tháng Chín, coi các nghị quyết của đại hội là một thắng lợi thật sự của "các hội công liên mới", vì tại đó những mưu toan của các thủ lĩnh cải lương của các hội công liên định thay đổi nghị quyết của đại hội trước về ngày làm việc 8 giờ, đã bị thất bại.

Giữa 24 và 28 tháng Chín — Ăng-ghen đọc dự thảo cương lĩnh của Đảng dân chủ — xã hội Đức do ban biên tập tờ "Neue Zeit" soạn thảo và công bố trên tạp chí đó số ra ngày 14 tháng Chín; ông thông báo những nhận xét của mình cho Cau-xki. Ăng-ghen chỉ ra rằng dự thảo này dễ chấp nhận hơn dự thảo do Ban lãnh đạo Đảng đề nghị.

Khoảng 29 tháng Chín — Sau một thời gian tạm nghỉ, Ăng-ghen trở lại công việc chuẩn bị cho in bản thảo tập III bộ "Tư bản".

Tháng Mười — 14 tháng Mười một — Ăng-ghen chăm chú theo dõi các sự kiện chính trị ở Pháp nhân có các cuộc bầu cử bổ sung vào nghị viện, mà tại đó La-phác-gơ đã được đưa ra làm ứng cử viên; trong thư gửi La-phác-gơ, Bê-ben và Doóc-gơ, Ăng-ghen bày tỏ sự hài lòng về việc bầu La-phác-gơ, coi đó là thắng lợi quan trọng của Đảng công nhân và bằng chứng về sự đúng đắn của sách lược của nó nhằm đoàn kết các lực lượng xã hội chủ nghĩa.

Khoảng 3 tháng Mười — 1 tháng Chạp — Ăng-ghen hội đàm với nhà xuất bản Luân Đôn Xu-ôn Don-nen-sai về việc xuất bản bản dịch tiếng Anh cuốn sách của ông "Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh", nhân đó ông trao đổi thư từ với dịch giả cuốn sách, nữ đảng viên xã hội chủ nghĩa Ph.Ken-li Vi-snê-vét-cai-a.

Giữa 13 và 22 tháng Mười — Ăng-ghen viết bài "Chủ nghĩa xã hội Đức", trong đó nêu lên sách lược của những người xã hội chủ nghĩa nhân có mối đe dọa của một cuộc chiến tranh toàn châu Âu; ông nhấn mạnh rằng những người xã hội chủ nghĩa tất cả các nước cần kiên quyết đấu tranh cho hòa bình. Bài báo bằng tiếng Pháp in vào đầu tháng Chạp trên tờ "Almanach du Parti Ouvrier pour 1892" ("Niên giám của Đảng công nhân năm 1892").

Ngày 14 tháng Mười — Nhân việc in lại trên tờ "Vorwärts " bản dự thảo cương lĩnh của Đảng dân chủ — xã hội Đức do ban biên tập tờ "Neue Zeit" soạn thảo, Ăng-ghen viết thư cho Cau-xki kiên quyết phản đối việc đưa vào văn bản đó luận điểm của Lát-xan mà trước đây không có trong văn bản nói rằng, đối với giai cấp vô sản thì tất cả các giai cấp khác là một khối phản động thống nhất.

Trung tuần tháng Mười — đầu tháng Mười một — Ăng-ghen chăm chú theo dõi công việc của Đại hội Đảng dân chủ- xã hội Đức, họp ở Ec-phuốc từ 14 đến 21 tháng Mười; ông gửi lời chào mừng tới Đại hội; trong thư gửi Doóc-gơ, Bê-ben và các nhà lãnh đạo

khác của phong trào xã hội chủ nghĩa Đức và quốc tế ông đồng tình với các nghị quyết của đại hội, đặc biệt là việc khai trừ các thủ lĩnh của nhóm "phái trẻ" ra khỏi đảng, cũng như việc các đại biểu của đại hội lên án những bài phát biểu cơ hội và sô-vanh của Phôn-ma; Ăng-ghen tỏ ý hài lòng về việc đại hội, về cơ bản, đã thông qua cương lĩnh mác-xít của Đảng.

Ngày 24 tháng Mười — Trong thư gửi Doóc -gơ, người thường xuyên cung cấp tin tức cho ông về tình hình phong trào công nhân ở Mỹ, Ăng-ghen nhận xét rằng một trong những nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ nhất định của phong trào đó so với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản châu Âu là mức sống tương đối cao của công nhân bản địa Mỹ.

Tháng Mười một — tháng Chạp — Ăng-ghen tích cực làm việc để chuẩn bị cho in bản thảo tập III bộ "Tư bản".

Tháng Mười một — Ăng-ghen đọc các bài báo của Plê-kha-nốp "Tiến tới kỷ niệm 60 năm ngày mất của Hê-ghen", đăng trên tạp chí "Neue Zeit"; ông đánh giá rất cao những bài viết đó.

1 tháng Mười một — Đáp lại yêu cầu của Xmit đề nghị giúp đỡ ông ta trong việc nghiên cứu các tác phẩm của Hê-ghen, Ăng-ghen đưa ra nhiều lời khuyên đối với Xmit trong vấn đề này, ông nhấn mạnh, một mặt, là tầm quan trọng của việc hiểu đúng đắn những mặt tích cực của triết học Hê-ghen, và mặt khác là sự khác nhau về nguyên tắc giữa chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác và phép biện chứng duy tâm của Hê-ghen.

Khoảng ngày 12 tháng Mười một — Ăng-ghen nhận được thông báo về sự qua đời của cựu thành viên Liên đoàn những người cộng sản và một trong những tổng biên tập "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo sông Ranh mới") E.Drôn-ke.

13 tháng Mười một — Đáp lại lời mời của ban biên tập tờ báo xã hội chủ nghĩa Áo "Volksfreund" ("Bạn dân") xuất bản ở Bruyn (tên gọi bằng tiếng Séc là Brơ-nô) mời tham dự kỷ niệm ngày tờ báo 10 năm, Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi ban biên tập. Bức thư đăng trên báo đó số ra ngày 25 tháng Mười một.

17 tháng Mười một — Ăng-ghen viết tuyên bố gửi ban biên tập tờ báo tự do chủ nghĩa Anh "Daily Chronicle" ("Tin tức hàng ngày"), vạch trần những tin tức vu khống đối với gia đình của Mác, đăng trên báo đó. Lời tuyên bố dưới nhan đề "Về bà Mác đã quá cố" đăng trên báo đó số ra ngày 26 tháng Mười một.

28 tháng Mười một — Đáp lại lời đề nghị của nhóm ca sĩ Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức ở Luân Đôn về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của ông, Ăng-ghen viết thư nhấn mạnh rằng cả ông lẫn Mác về nguyên tắc đều phản đối những cuộc biểu dương công khai đối với từng cá nhân; ông cho rằng chỉ có thể làm những việc đó khi nó có ý nghĩa xã hội quan trọng.

3 tháng Chạp — Ăng-ghen thông báo cho Cau-xki biết rằng ông bắt tay vào việc chuẩn bị để cho in các chương cuối bản thảo tập III bộ "Tư bản".

Trung tuần tháng Chạp — Ăng-ghen đến Rai-đơ.

1892

Tháng Giêng — tháng Ba — Ăng-ghen nhiều lần thăm Hác -ni ở Rich-môn-đa, trao đổi thư từ và giúp đỡ ông này về mặt vật chất.

Tháng Giêng — Ăng-ghen đọc bài báo của nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức I.u.Vôn -phơ "Bí ẩn của tỷ suất lợi nhuận trung bình ở Mác", in năm 1891 trong tạp chí tiếng Đức "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik" ("Niên giám về các vấn đề kinh tế chính trị và thống kê"); trong lời tựa viết sau này cho tập III bộ "Tư bản" ông phê phán gay gắt bài báo đó.

Ăng-ghen dịch bài báo của ông "Chủ nghĩa xã hội ở

Đức" ra tiếng Đức, viết lời nói đầu và kết luận cho bài báo, trong đó xem xét nội tình của nước Nga nhân nạn đói năm 1891 ở nước này. Bài báo in vào tháng Hai trong tạp chí "Neue Zeit".

6 tháng Giêng — Trong thư gửi Doóc-gơ, khi phân tích tình hình chính trị ở Mỹ nhân có những mưu toan định thành lập đảng Pô-pu-li-xtơ (phéc-mi-ê), Ăng-ghen nêu lên rằng trong những điều kiện chế độ hai đảng tư sản ở Mỹ thì việc thành lập một đảng thứ ba ổn định của những người phéc-mi-ê và tiểu tư sản trong thời gian tới là không có triển vọng thực tế.

11 tháng Giêng — Ăng-ghen viết lời tựa cho bản in bằng tiếng Anh tác phẩm của mình "Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh", lời tựa in trong cuốn sách sẽ xuất bản ở Luân Đôn vào cuối tháng Ba.

6 tháng Hai — Nhân việc xuất hiện bài báo của nhà chính luận và triết học tư sản Gi.Bô-vi-ô trên báo tự do tư sản I-ta-li-a "Tribune" ("Diễn đàn") khẳng định rằng những người xã hội chủ nghĩa Đức không coi trọng hình thức thống trị về chính trị của giai cấp vô sản, Ăng-ghen viết trả lời cho Bô-vi-ô, trong đó ông chỉ rõ tính chất vô căn cứ hoàn toàn của những điều khẳng định của ông ta. Bài trả lời đăng trên tạp chí " Critica Sociale" số ra ngày 16 tháng Hai.

10 tháng Hai — Theo yêu cầu của những người xã hội chủ nghĩa lưu vong Ba Lan ở Luân Đôn, Ăng-ghen viết lời nói đầu cho bản tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"; ông nhận xét rằng chỉ có giai cấp vô sản mới có thể giành được nền độc lập thật sự cho Ba Lan; lời nói đầu in trong cuốn sách sẽ ra mắt bạn đọc ở Luân Đôn, và trong tạp chí xã hội chủ nghĩa Ba Lan "Przedswit " ("Bình minh"), số ra ngày 27 tháng Hai.

Trung tuần tháng Hai — Ăng-ghen hiệu đính bản dịch tiếng Anh tác phẩm của

ông "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", do E-vơ- linh dịch.

19 tháng Hai — Trong thư gửi At-le Ăng-ghen thông báo về quyết định của mình sẽ chuyển toàn bộ nhuận bút mà ông nhận được tại nhà xuất bản Di-xơ cho quỹ đảng của Đảng công nhân dân chủ xã hội Áo.

Khoảng 20 tháng Hai — Theo yêu cầu của đảng đoàn dân chủ — xã hội trong quốc hội Đức, Ăng-ghen viết lời chào mừng Bê-ben nhân 25 năm hoạt động nghị viện của ông ta.

Tháng Ba — tháng Tư — Nhân sắp đến dịp kỷ niệm ngày 1 tháng Năm, Ăng-ghen giúp đỡ E-vơ-linh và E.Mác E- vơ-linh và liên minh đấu tranh cho ngày làm việc 8 giờ do họ cầm đầu, soạn thảo đường lối sách lược nhằm thống nhất hành động với công nhân và các tổ chức xã hội chủ nghĩa khác của Anh; Ăng-ghen thông báo cho các nhà hoạt động xã hội chủ nghĩa các nước khác về quá trình chuẩn bị kỷ niệm ngày 1 tháng Năm ở Luân Đôn.

Đầu tháng Ba — A.Din-ghe, một công nhân mỏ Đức, một người dân chủ — xã hội lưu vong từ Đức sang do sự truy nã của chính phủ, đã đến thăm Ăng-ghen; Ăng-ghen giúp ông có việc làm và giúp đỡ về mặt vật chất.
Ăng-ghen đọc phần đầu bản thảo cuốn sách mỏng của Cau-xki "Cương lĩnh Ec-phuốc" và cho tác giả những nhận xét của mình.

Giữa 5 và 16 tháng Ba — Ăng-ghen nghiên cứu một loạt tác phẩm của nhà chính luận dân chủ - xã hội và nhà sử học Đức Ph.Mê-rinh; trong thư gửi Bê-ben ông đánh giá cao các tác phẩm đó, đặc biệt là tác phẩm của Mê-rinh "Truyền thuyết về Lê-xin-gơ", trong đó soi sáng lịch sử Phổ trên lập trường chủ nghĩa duy vật lịch sử.

5 tháng Ba — 19 tháng Tư — Trong thư gửi La-phác-gơ, Ăng-ghen phê phán hành động của những người mác-xít Pháp trong nghị viện đã liên kết với nhóm Blăng-ki — trước đây là phái

Bu-lan-giơ — do E.Gran-giơ cầm đầu có tư tưởng sô-vanh; lên tiếng phản đối kiểu liên minh như vậy, Ăng-ghen khuyên hãy theo sách lược gần gũi với phái Blăng-ki thuộc cái gọi là trường phái cũ, do E.Vai-ăng cầm đầu.

Khoảng 10 tháng Ba — Ăng-ghen nhận được của La-bri-ô-la bản cương lĩnh của Đảng lao động I-ta-li-a được soạn thảo theo quyết định của Đại hội Mi-lan, cũng như số liệu về phong trào của những người thất nghiệp ở Rô-ma; cả về sau này nữa Ăng-ghen vẫn nhận được của La-bri-ô-la thông tin chi tiết về tình hình chính trị và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân I-ta-li-a.

15 tháng Ba — khoảng 25 tháng Chín — Ăng-ghen trao đổi thư từ với Da-ni-en-xơn, người đã gửi cho ông những tư liệu về tình hình kinh tế Nga, cũng như sách báo và tạp chí kinh tế Nga, đặc biệt là tập I cuốn "Kết quả nghiên cứu thống kê - kinh tế do các hội đồng địa phương thực hiện"; trong thư gửi Da -ni-en-xơn, Ăng-ghen nêu lên rằng sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản ở Nga tất yếu sẽ dẫn đến sự phát triển các quan hệ tư bản chủ nghĩa cả trong nông nghiệp, và, do đó, dẫn đến sự tan giã của công xã nông dân và vô sản hóa phần lớn nông dân.

17 tháng Ba — Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi công nhân Pháp nhân kỷ niệm 21 năm Công xã Pa-ri; lời chào mừng đăng trên báo "Socialiste", số ra ngày 26 tháng Ba.

Khoảng 20 — 26 tháng Ba — Ăng-ghen nghỉ tại Rai-đa.

29 tháng Ba — Ăng-ghen viết nhận xét mở đầu cho bản in lần thứ hai bằng tiếng Đức tác phẩm của Mác "Sự khốn cùng của triết học"; bản in sẽ ra mắt bạn đọc ở Stút-gát vào năm 1892.

30 tháng Ba — Vạch rõ những nguyên nhân cản trở sự phát triển của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Mỹ, trong thư gửi

Xlu-tơ Ăng-ghen nêu lên rằng giai cấp tư sản Mỹ chia rẽ giai cấp công nhân, mua chuộc những công nhân bản xứ Mỹ và đồng thời xúi giục họ chống lại các công nhân — lưu vong thuộc các dân tộc khác, còn các công nhân — lưu vong này thì chống lẫn nhau.

1 tháng Tư — Ăng-ghen trả lời bài phỏng vấn của phóng viên tờ báo tư sản Pháp "Éclair" ("Tia chớp") E.Ma-xa-rơ về vấn đề thái độ của những người xã hội chủ nghĩa đối với những vấn đề quan trọng nhất của chính sách đối ngoại và đối nội của một loạt nước châu Âu; nói về những vụ nổ do bọn vô chính phủ gây ra ở Pa-ri, Ăng-ghen coi đó là những hành động khiêu khích của cảnh sát Pa-ri. Văn bản trả lời phỏng vấn, được Ăng-ghen xem lại và sửa chữa, đăng trên báo số ra ngày 6 tháng Tư.

Trung tuần tháng Tư — Nhà cách mạng dân túy Nga N.x.Ru-xa-nốp đến thăm Ăng-ghen, Ăng- ghen tọa đàm với ông ta về tình hình kinh tế và một số vấn đề của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Nga; Ăng-ghen nêu lên sự tất yếu thất bại của những ảo tưởng của phái dân túy phủ nhận tính quy định lịch sử của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga.

20 tháng Tư — Ăng-ghen viết xong lời nói đầu cho bản in bằng tiếng Anh cuốn sách của ông "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học", trong đó dừng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử để soi sáng những giai đoạn phát triển quan trọng nhất của xã hội tư sản, xem xét trong mối liên hệ đó một số vấn đề về lịch sử và triết học duy vật, đánh giá thuyết bất khả tri và những đặc điểm của hệ tư tưởng tư sản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản bắt đầu suy thoái. Bản in ra mắt bạn đọc ở Luân Đôn năm 1892.

Tháng Năm — Ăng-ghen nhận được của Men-đen-xôn những tờ

truyền đơn bằng tiếng Ba Lan, in ra ở Lvốp và Cra-cốp để kỷ niệm ngày 1 tháng Năm.

1 tháng Năm — Ăng-ghen tham gia cuộc biểu tình và mít-tinh ngày 1 tháng Năm tại Luân Đôn, vào những ngày sau đó, trong các thư gửi L.La-phác-gơ và Bê-ben, Ăng-ghen đánh giá việc kỷ niệm ngày 1 tháng Năm là một thắng lợi lớn của phong trào công nhân.

Giữa 2 và 10 tháng Năm — Ăng-ghen theo dõi quá trình bầu cử các cơ quan thị chính ở Pháp, diễn ra từ 1 — 8 tháng Năm, nhận thấy thắng lợi của những người xã hội chủ nghĩa trong cuộc vận động bầu cử.

Khoảng 5 tháng Năm — Ăng-ghen nhận được thông tin của La-bri-ô-la về các cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm tại nhiều thành phố ở I-ta-li-a.

Khoảng 14 tháng Năm — 1 tháng Sáu — Bê-ben cùng với Đin-ghe, người mà nhiều lần ông đã gặp gỡ và vào thời gian đó cũng đang ở Luân Đôn, đến thăm Ăng-ghen; họ thảo luận các vấn đề về phong trào xã hội chủ nghĩa ở Đức.

17 tháng Năm — tháng Sáu — Nhân Soóc-lem-mơ bị ốm nặng, Ăng-ghen trao đổi thư từ với người em trai và các bác sĩ chữa bệnh cho ông, đến thăm Soóc -lem-mơ ở Man-se -xtơ.

31 tháng Năm — Ăng-ghen viết thư chào mừng gửi đại hội lần thứ ba Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo; thư đăng trong tờ "Arbeiter -Zeitung", số ra ngày 10 tháng Sáu.

Khoảng đầu tháng Sáu — Ăng-ghen dịch ra tiếng Đức Lời nói đầu mà ông đã viết cho bản in bằng tiếng Anh cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học". Bản dịch đăng trong tạp chí "Neue Zeit" vào tháng Chín dưới nhan đề "Về chủ nghĩa duy vật lịch sử".

Giữa 9 và 17 tháng Sáu — Đoàn đại biểu thợ mỏ Đức đến Luân Đôn để tham dự đại hội quốc tế của công nhân mỏ, nhiều lần đến thăm Ăng-ghen; Ăng-ghen tọa đàm với các thành viên của đoàn về tình cảnh thợ mỏ Đức và cuộc đấu tranh của họ cho những quyền lợi của mình.

Trung tuần tháng Sáu — 25 tháng Bảy — Ăng-ghen chăm chú theo dõi cuộc vận động bầu cử và quá trình cuộc bầu cử nghị viện ở Anh, diễn ra từ 7 đến 24 tháng Bảy; trong thư gửi Bê-ben, L.La-phác-gơ và các nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa, ông nêu lên thắng lợi to lớn của các ứng cử viên công nhân độc lập Hác-đi, Bốc-xơ v.v... và chỉ ra rằng điều đó sẽ góp phần đẩy mạnh phong trào đòi thành lập một chính đảng công nhân độc lập.

29 tháng Sáu — 2 tháng Bảy — Do Soóc -lem-mơ qua đời, Ăng-ghen đã thực hiện chuyến đi đến Man-sej-xtơ để tham dự vào việc mai táng Soóc-lem-mơ; Ăng-ghen viết điếu văn để tưởng niệm nhà cách mạng — nhà bác học kiệt xuất đó. Bài báo dưới nhan đề "Các Soóc-lem-mơ" đăng trên báo "Vorwärts", số ra ngày 3 tháng Bảy.

21 tháng Bảy — Ăng-ghen viết xong Lời tựa cho bản in lần thứ hai, bằng tiếng Đức cuốn sách của ông "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh", sẽ xuất bản vào trung tuần tháng Tám

23 tháng Bảy — Nhân bài phát biểu mới của Phôn-ma bảo vệ những tư tưởng của "chủ nghĩa xã hội nhà nước" và sự hợp tác của đảng dân chủ — xã hội với các cơ quan chính quyền của Đế quốc Đức, Ăng-ghen viết thư cho Bê-ben, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn tuyệt với phái cơ hội và nêu lên sách lược đấu tranh của họ.

27 tháng Bảy — 6 tháng Chín — Ăng-ghen nghỉ ở Rai-đa.

Tháng Tám — Tiếp tục việc nghiên cứu, mà ông đã bắt đầu những năm 40, lịch sử đạo Thiên chúa nguyên thủy, Ăng-ghen đọc các tác phẩm của nhà triết học và sử học E.Rê-năng.

Khoảng 2 tháng Tám — Ăng-ghen nhận được của nhà dân chủ — xã hội Đan Mạch G.Tơ-ria thông tin về tình hình phong trào công nhân Đan Mạch.

Giữa 4 tháng Tám và 3 tháng Chín — Ăng-ghen nhận được thông báo của La-bri-ô-la về việc chuẩn bị và tiến trình đại hội thành lập Đảng lao động I-ta-li-a, tiến hành tại Ge-xu-e từ 14 — 15 tháng Tám.

12 tháng Tám và 4 tháng Chín — Trong thư gửi Cau-xki, Ăng-ghen bày tỏ nỗi bất bình về việc loại những phần trong bài báo của E-vơ-linh viết về kết quả bầu cử ở Anh, đăng trên tạp chí "Neue Zeit" trong đó phê phán ban lãnh đạo liên đoàn dân chủ — xã hội và Hội Pha-biêng; Ăng-ghen coi Hội đó là bè lũ "những người xã hội chủ nghĩa" tư sản, tập hợp lại do sợ hãi cuộc cách mạng vô sản sắp tới, tìm cách làm cho giai cấp công nhân phải lệ thuộc vào giai cấp tư sản tự do và không được thành lập một đảng công nhân độc lập ở Anh.

19 — 23 tháng Tám — Trong thư gửi Bê-ben, Doóc -gơ và Át-lơ, Ăng-ghen thông báo về những thắng lợi thật sự mà những người xã hội chủ nghĩa Anh đã đạt được trong cuộc đấu tranh đòi ngày làm việc 8 giờ; ông nêu lên sự biến chuyển trong tâm trạng của những người thợ dệt Lan-kê-sia, mà tuyệt đại bộ phận đều tỏ ý tán thành tham gia cuộc đấu tranh đòi ấn định bằng pháp luật ngày làm việc 8 giờ.

Tháng Chín — tháng Mười — Ăng-ghen trao đổi thư từ với cựu thành viên Quốc tế I, bác sĩ Đức L.Cu-ghen-man, nhận được của ông một số tác phẩm của Mác từ lâu đã không tái bản.

5 — 26 tháng Chín — Ăng-ghen theo dõi tiến trình đại hội các hội công liên Anh, họp ở Gla-xgô từ 5 đến 9 tháng Chín, đánh giá về các nghị quyết của đại hội. Ông coi nghị quyết đã được đại hội này thông qua về việc khước từ lời mời dự Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa triệu tập ở Xuy-rích năm 1893 và việc triệu tập thay vào đại hội đó một đại hội quốc tế về vấn đề ngày làm việc 8 giờ là mưu toan ngăn cản các hội công liên mới thắt chặt hơn nữa mối quan hệ với các đảng xã hội chủ nghĩa châu Âu; nhân việc này Ăng-ghen khuyên những người xã hội chủ nghĩa Đức, Pháp và các nước khác hãy công khai bác bỏ kế hoạch đó và đề nghị các hội công liên gửi đại biểu của mình đến Xuy-rích; Ăng-ghen cũng xem bài báo do Bê-ben viết theo lời khuyên của ông về đề tài này cho tạp chí "Neue Zeit" và có một số bổ sung trong đó. Ăng-ghen cũng đã gửi thư cho Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha về vấn đề này; Ăng-ghen kêu gọi những người xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha hãy chống lại mưu toan của các hội công liên.

12 tháng Chín — Nhận được thông báo của Smit về những hành vi chia rẽ mới của các thủ lĩnh "phái trẻ" đã bị khai trừ khỏi Đảng dân chủ- xã hội Đức, trong thư gửi Smit, Ăng-ghen lên án những hành vi đó, ông nêu lên rằng khi đã tách khỏi quần chúng công nhân, họ sẽ không được bất cứ một sự ủng hộ nào ở Đức.

Nửa cuối tháng Chín — Ăng-ghen theo dõi tiến trình các đại hội của các xanh-đi-ca Pháp và Đảng công nhân Pháp, họp ở Mác-xây từ 19 đến 23 và từ 24 — 28 tháng Chín; hai đại hội đã thông qua -phù hợp với đề nghị của Ăng-ghen- quyết định không tham dự đại hội quốc tế do các hội công liên Anh triệu tập, và một lần nữa mời họ tới dự Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa họp ở Xuy-rích; Ăng-ghen đồng tình với bài diễn văn của Líp-nếch đọc tại Đại hội Đảng công nhân đã nhấn mạnh đến chủ nghĩa quốc tế của Đảng dân chủ-xã hội Đức.

Cô-va-lép-xki nhiều lần đến thăm Ăng-ghen.

22 tháng Chín và 17 tháng Mười một — Nhà cách mạng dân túy Nga X.M.Cráp-tsin-xki (Xtép-ni-ác) đến thăm Ăng-ghen.

Tháng Mười – tháng Chạp — Sau hơn nửa năm tạm ngừng, Ăng-ghen bắt đầu lại công việc chuẩn bị cho in tập III bộ "Tư bản" và giành phần lớn thời gian cho công việc này.

Nửa đầu tháng Mười — Ăng-ghen đọc cuốn sách mỏng của một trong những thủ lĩnh nhóm "phái trẻ" G.Muyn-le "Đấu tranh giai cấp trong Đảng dân chủ – xã hội Đức" ; trong thư gửi Bê-ben ông khuyên nên lên tiếng vạch trần những sự công kích mị dân độc ác đối với Đảng bao hàm trong cuốn sách đó, và đồng thời phê phán những sai lầm cơ hội chủ nghĩa mà một số những nhà hoạt động của Đảng dân chủ – xã hội Đức đã mắc phải.

Giữa 6 và 5 tháng Mười — Theo yêu cầu của La-phác-gơ, Ăng-ghen giúp ông chuẩn bị bài diễn văn để phát biểu tại nghị viện nhằm vạch trần phái sô-vanh Pháp và giải thích lập trường quốc tế của Đảng dân chủ – xã hội Đức; ông gửi La-phác-gơ những tài liệu nhận được của Bê-ben nói về cuộc đấu tranh của phái dân chủ – xã hội Đức chống chủ nghĩa sô-vanh của các giai cấp cầm quyền Đức trong thời kỳ chiến tranh Pháp – Phổ.

Trung tuần tháng Mười — Ăng-ghen đọc cuốn sách mỏng của luật gia Pháp theo phái Blăng-ki – Bu-lan-giê E.Prô-tô "Phái sô-vanh và phái phản động" nhằm đặc biệt, chống lại bài báo "chủ nghĩa xã hội ở Đức"; trong thư gửi nhà xã hội chủ nghĩa Pháp S.Bô-nơ ông đánh giá cuốn sách đó là giả dối và vu khống được viết ra theo lệnh của các cơ quan cảnh sát và các giới sô-vanh đang quan tâm đến sự liên kết tiến bộ giữa nước Pháp tư sản và nước Nga Sa hoàng.

6 tháng Mười một — Trong thư gửi Bê-ben, Ăng-ghen chỉ rõ rằng cuộc tranh luận được mở rộng trên báo chí dân chủ – tư sản Đức nhân những bài phát biểu cơ hội của Phôn-ma, đã mang tính chất vu vơ, tản mạn; Ăng-ghen khuyên tại đại hội tới của đảng nên quy trách nhiệm

cho Phôn-ma về thái độ khúm núm trước Vin-hem II và chính phủ Đức.

Giữa 9 và 15 tháng Mười một — Ăng-ghen viết sơ yếu tiểu sử của Mác cho "Tra cứu về các vấn đề chính trị – xã hội". Sơ yếu in trong tập bốn bản in này, sẽ xuất bản ở I-ê-na năm 1892.

14 – 21 tháng Mười một — Ăng-ghen theo dõi tiến trình đại hội Đảng dân chủ – xã hội Đức, họp ở Béc-lin từ 14 đến 21 tháng Mười một; trong thư gửi Bê-ben ông nhận xét rằng đại hội được tiến hành ở mức thấp hơn các đại hội trước; Ăng-ghen chỉ ra rằng việc đại hội khước từ, bất chấp những cam kết tại Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Bruy-xen năm 1891, việc tiến hành biểu tình ngày 1 tháng Năm và chuyển sang ngày chủ nhật, sẽ được các đảng khác coi như là sự từ bỏ các nghị quyết đã được cùng nhau thông qua. Đồng thời Ăng-ghen tán thành những nghị quyết đã được đại hội thông qua về vấn đề "chủ nghĩa xã hội nhà nước" và về chủ nghĩa bài Do Thái

15 tháng Mười một — Ăng-ghen viết tuyên bố gửi ban biên tập báo dân chủ – xã hội Đức "Berliner Volks -Tribune" (" Diễn đàn nhân dân Béc -lin"), một tờ báo gần gũi với nhóm "phái trẻ", trong đó vạch trần sự xuyên tạc theo tinh thần vô chính phủ lịch sử của Quốc tế I trong một loạt bài báo của đảng viên xã hội chủ nghĩa Thụy Sĩ E.-ri-te, công bố trên báo đó không có chữ ký; bức thư đăng trên báo "Beriner Volks – Tribune", số ra ngày 19 tháng Mười một.

19 tháng Mười một – 22 tháng Chạp — Trong thư từ trao đổi với các nhà xã hội chủ nghĩa Đức và Pháp, Ăng-ghen thảo luận vấn đề kỷ niệm ngày 1 tháng Năm vào năm 1893; ông giải thích rằng chỉ trong những trường hợp đặc biệt mới có thể từ bỏ nghị quyết của Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa họp ở Bruy-xen về kỷ niệm cùng một lúc ở trong tất cả các nước.

Cuối tháng Mười một — 4 tháng Chạp — Ăng-ghen viết bài "Một trường hợp mới phát hiện về quần hôn", có sử dụng báo cáo của nhà báo học nhân chủng học Nga L.I-a Sten-béc về sự nghiên cứu của ông đối với chế độ xã hội và tập tục gia đình của dân Ghi-li-ác Xa-kha-lin; bài báo đăng vào tháng Chạp trong tạp chí "Neue Zeit".

Tháng Chạp 1892 — tháng Bảy 1893 — Bên cạnh những hoạt động khác, Ăng-ghen chuẩn bị để đem in bản lần thứ hai bằng tiếng Đức tập II bộ "Tư bản".

Tháng Chạp — Ăng-ghen theo dõi tình hình chính trị ở Pháp, trở nên căng thẳng do khám phá và công bố những sự lạm dụng khi xây dựng kênh đào Pa-na-ma, mà đại biểu các giới cầm quyền Pháp đang lúng túng; trong thư gửi La-phác-gơ ông khuyên những người xã hội chủ nghĩa Pháp hãy sử dụng tình thế mới nẩy sinh để tăng cường cổ động xã hội chủ nghĩa.

5 — 4 tháng Chạp — Nhân có kế hoạch của một số nhà lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức định biến tờ "Neue Zeit" thành tạp chí chính trị và văn học — nghệ thuật phổ thông, trong thư gửi Bê-ben và Cau-xki Ăng-ghen chỉ rõ trong trường hợp đó, bên cạnh một tạp chí như vậy, cần xuất bản một cơ quan lý luận nghiên cứu các vấn đề lý luận mác-xít.

24 tháng Chạp — Ăng-ghen viết thư cho Cau-xki yêu cầu trả lại bản thảo tác phẩm của Mác "Học thuyết về giá trị thặng dư" — tập IV bộ "Tư bản", mà Cau-xki đã đọc dò theo sự ủy nhiệm của Ăng-ghen. Ăng-ghen nhận được bản thảo đó thông qua Bê-ben vào đầu tháng Giêng 1893.

1893

Tháng Giêng — tháng Năm — Ăng-ghen tiếp tục chuẩn bị công việc cho in bản thảo tập III bộ "Tư bản".

Đầu tháng Giêng — Đáp lại lời mời của Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga-ri tham dự Đại hội II của Đảng, Ăng-ghen viết thư cho Ban lãnh đạo đảng đó, trong đó nhờ chuyển lời chào mừng tới đại hội.

Khoảng 3 — 10 tháng Giêng — Bê-ben đến thăm Ăng-ghen.

10 tháng Giêng — Nhận được thông báo của M.Men-đen-xôn về việc cảnh sát Pa-ri bắt giam năm nhà cách mạng lưu vong Ba Lan, nhân việc này Ăng-ghen viết bài nhan đề "Về thủ đoạn vừa rồi của cảnh sát Pa-ri" đăng trên báo "Vorwärts", số ra ngày 13 tháng Giêng.

Trung tuần tháng Giêng — Ăng-ghen theo dõi tiến trình hội nghị đại biểu các tổ chức và các nhóm xã hội chủ nghĩa Anh, họp từ 13 — 14 tháng Giêng ở Brát-phoóc -đơ và thông qua nghị quyết về thành lập Đảng công nhân độc lập; trong thư gửi Doóc-gơ ông đánh giá sự kiện đó là một sự kiện quan trọng trong lịch sử phong trào công nhân Anh và đồng tình với việc Ê-vơ-linh tham gia thành phần Ban chấp hành đảng mới.

23 tháng Giêng — Ăng-ghen tham dự buổi dạ hội kỷ niệm một năm ngày Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản công nhân Đức ở Luân Đôn.

Giữa 26 và 29 tháng Giêng — Ăng-ghen viết bài "Về vụ bê bối ở I-ta-li-a", trong đó trên cơ sở các tư liệu và tài liệu nhận được của La-bri-ô-la, ông vạch trần những thủ đoạn tài chính của các ngân hàng lớn I-ta-li-a có liên quan chặt chẽ với nhiều nhà hoạt động chính trị nổi tiếng. Bài báo

đăng trên tờ "Vorwärts", số ra ngày 1, 2 và 3 tháng Hai.

Tháng Hai — tháng Ba Ăng-ghen chăm chú theo dõi sự phát triển của Đảng công nhân độc lập Anh và thông báo về việc đó cho Bê-ben, La-phác-gơ, Doóc-gơ và các nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa; trong thư gửi tới họ, ông nêu lên một loạt sai lầm chính trị của Hác-đi, thủ lĩnh của đảng đó, có lợi cho phái bảo thủ; đồng thời trong khi nêu lên sự có mặt của những phần tử vô sản lành mạnh trong thành phần đảng mới, Ăng-ghen chỉ ra sự cần thiết phải thi hành một chính sách thật sự độc lập, điều đó sẽ củng cố niềm tin của công nhân vào sức mạnh của mình, và mặt khác, buộc chính phủ của phái tự do phải nhượng bộ.

Tháng Hai Nhân việc thảo luận trong Quốc hội Đức dự thảo luật quân sự mới, theo yêu cầu của Bê-ben, Ăng-ghen viết một loạt bài dưới nhan đề "Châu Âu có thể giải trừ quân bị hay không?" Ăng-ghen nhận xét rằng cuộc chạy đua vũ trang đang là một gánh nặng đối với nhân dân và có nguy cơ dẫn đến một cuộc chiến tranh tổng hủy diệt; ông đề nghị hãy giải trừ quân bị trên cơ sở một hiệp ước quốc tế và thay thế dần quân đội thường trực bằng hệ thống cảnh sát. Các bài đăng trên báo "Vorwärts" từ 1 đến 10 tháng Ba, cũng như xuất bản vào cuối tháng Ba dưới dạng sách lẻ.

1 tháng Hai Ăng-ghen viết lời nói đầu cho bản in bằng tiếng I-ta-li-a cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" sẽ xuất bản ở Mi-lan vào năm 1893.

Khoảng 2 tháng Hai Theo yêu cầu của nhóm xã hội chủ nghĩa Nga — Do Thái "Tiến bộ" lưu vong ở Luân Đôn, Ăng-ghen gửi cho nhóm đó một loạt sách về lý luận và lịch sử chủ nghĩa xã hội.

4 tháng Hai Coi việc thu hút những người tham gia tích cực cuộc đấu tranh giai cấp công nhân vào việc nghiên cứu lịch sử phong trào công nhân có một ý nghĩa lớn, Ăng-ghen đề nghị Hác-ni nhận viết về lịch sử phong trào Hiến chương.

Khoảng 6 tháng Hai Ăng-ghen đọc văn bản bài phát biểu của Bê-ben tại Quốc hội ngày 3 tháng Hai, trong đó đề ra cương lĩnh cải tổ xã hội theo chủ nghĩa xã hội, cũng như những bài phát biểu về đề tài này của các nghị sĩ dân chủ — xã hội khác; ông coi cái sự kiện là quốc hội đã phải giành năm ngày để thảo luận vấn đề này như một thắng lợi thật sự của phong trào công nhân Đức; Ăng-ghen đánh giá cao bài phát biểu của Bê-ben và đồng tình với những biện pháp đã được thông qua nhằm phổ biến rộng rãi bài phát biểu đó.

7 tháng Hai Đáp lại yêu cầu của nhà xã hội chủ nghĩa Nga lưu vong V.Smu-i-lốp giúp ông trong việc viết sơ yếu tiểu sử của Mác để xuất bản ở Nga, Ăng-ghen đưa ra cho ông một loạt lời khuyên và chỉ thị, cũng như gửi những tác phẩm mà Mác cùng Ăng-ghen viết trong thời kỳ hoạt động của quốc tế I: "Cái gọi là sự phân liệt trong quốc tế" và "Liên minh dân chủ — xã hội và Hội liên hiệp công nhân Quốc tế".

24 tháng Hai Trong thư gửi Đa-ni-en-xôn, Ăng-ghen bóc trần tính chất vô căn cứ của những mưu toan của ông này muốn chứng minh rằng sự phát triển của Nga không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa; ông nêu lên rằng công xã nông dân Nga trong một mức độ nhất định có thể trở thành mắt xích của sự phát triển xã hội mới chỉ trong trường hợp nếu trước nó chủ nghĩa tư bản đã thâm nhập vào những nước phát triển hơn, chỉ trong những điều kiện đã hình thành như thế thì con đường tư bản chủ nghĩa sẽ là tất yếu đối với nước Nga.

Cuối tháng Hai — tháng Ba Nhân ở Pháp bắt đầu chuẩn bị các cuộc bầu cử nghị viện, Ăng-ghen chăm chú theo dõi hoạt động của Đảng công nhân và các tổ chức xã hội chủ nghĩa khác;

trong thư gửi La-phác-gơ ông khuyên những người mác xít Pháp khi lập khối bầu cử với các nhóm xã hội chủ nghĩa khác thì nhất thiết phải giữ vững hành động độc lập và thực hiện chính sách độc lập.

Khoảng 1 — 17 tháng Ba Ăng-ghen nghỉ tại I-xtơ-boóc-nơ (bờ biển phía Nam của Anh).

13 tháng Ba Nhân sắp đến lễ kỷ niệm 1 tháng Năm, Ăng-ghen viết bài cho công nhân Đức; trong bài báo đó ông đánh giá vắn tắt tình hình phong trào công nhân ở Anh. Bài báo đăng ngày 1 tháng Năm trong số ra đặc biệt "Mai-Feier" ("ngày lễ tháng Năm"), do báo "Vorwärts" xuất bản.

14 tháng Ba Trả lời nhà xã hội chủ nghĩa Đức lưu vong ở Mỹ Ph.Vi-den về câu hỏi liệu những người xã hội chủ nghĩa có thể tiến cử các ứng cử viên của mình vào các cương vị bầu cử trong nhà nước tư sản không, Ăng-ghen chỉ ra rằng về nguyên tắc có thể cho phép điều đó và cần phải áp dụng mọi phương tiện và hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân để giành quyền lực chính trị.

Ăng-ghen nhận được từ hội nghị những người xã hội chủ nghĩa các nước họp ở Giơ-ne -vơ để kỷ niệm mười năm ngày Mác từ trần, bức điện do Plê- kha-nốp và những người khác ký.

15 tháng Ba Ăng-ghen nhận được của ban lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo bức điện nhân kỷ niệm mười năm ngày Mác từ trần.

Trung tuần tháng Ba Ăng-ghen đọc những hồi ký của Le-xnơ về Mác, đăng trên tờ "Neue Zeit" số ra 1 tháng Ba và nhận xét tốt về những hồi ký đó.

Khoảng 20 tháng Ba Đáp lại lời mời tham gia đại hội công nhân quốc tế triệu tập ở Si-ca-gô vào tháng Chín nhân việc tổ chức triển lãm quốc tế tại đó, Ăng-ghen viết thư cho G.Đ.Lôi-đa thư ký ban tổ chức triệu tập đại hội một

bức thư, trong đó thông báo vì hoàn cảnh, ông không thể đến dự đại hội. Đồng thời Ăng-ghen gửi cho Lôi-đa những bản in tiếng Anh cuốn "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" và "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học".

21 tháng Ba Trong thư gửi đảng viên dân chủ — xã hội Séc A.Ra-đim-xki, người đã thông báo cho Ăng-ghen về việc dịch "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra tiếng Séc, Ăng-ghen bày tỏ sự hài lòng về việc đó.

Khoảng 28 tháng Ba — 4 tháng Tư Bê-ben đến thăm Ăng-ghen; bên cạnh những vấn đề khác, họ thảo luận đề nghị do Din-ghe đưa ra về việc in Toàn tập Mác và Ăng-ghen thành từng tập. Việc xuất bản này đã không thực hiện được.

Vợ chồng La-phác-gơ đến thăm Ăng-ghen, họ cùng Ăng-ghen thảo luận những vấn đề của phong trào công nhân Pháp.

31 tháng Ba Trong nhà của Ăng-ghen diễn ra cuộc gặp gỡ của những người xã hội chủ nghĩa, những nghị sĩ quốc hội Đức, Pháp và Anh- đó là Bê-ben, La-phác-gơ và Bôn-xơ; Ăng-ghen coi bản thân cuộc gặp gỡ này là bằng chứng về những thắng lợi to lớn của phong trào công nhân quốc tế.

Tháng Tư — Đầu tháng Bảy Đảng viên dân chủ — xã hội Nga A.M.Vô-den nhiều lần đến thăm Ăng-ghen; kèm theo thư giới thiệu của Plê-kha-nốp; Ăng-ghen tọa đàm với Vô-den về tình hình kinh tế ở Nga, về cuộc đấu tranh của những người mác-xít chống phái dân túy, cũng như về một loạt vấn đề triết học về kinh tế. Ăng-ghen đặc biệt nêu lên tầm quan trọng của việc những người mác-xít Nga nghiên cứu vấn đề ruộng đất và bày tỏ niềm tin rằng ở chính ngay nước Nga, trong một tương lai không xa, sẽ xuất hiện những lãnh tụ mới tích cực của phong trào công nhân.

Tháng Tư Ăng-ghen viết thư chào mừng gửi công nhân Pháp. Áo

và Tây Ban Nha nhân ngày 1 tháng Năm; ông nhấn mạnh ý nghĩa của việc kỷ niệm đó đối với việc đoàn kết quốc tế giai cấp vô sản; thư đăng trên báo "Socialiste" dưới nhan đề "Bất chấp tất cả", số ra ngày 23 tháng Tư, trong tập san "Zum 1. Mai 1893" ("Tiến tới kỷ niệm 1 tháng Năm 1893") do nhà xuất bản Arbeiter — Zeitung" ấn hành và trên báo "El Socialista" ngày 1 tháng Năm.

Đầu tháng Tư — Ăng-ghen nhận được của một trong những nhà lãnh đạo Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha P.I-gle-xi-át thông báo về tình hình phong trào công nhân trong nước và cuộc đấu tranh của những người xã hội chủ nghĩa chống lại phái vô chính phủ và cộng hòa tư sản; về sau này Ăng-ghen vẫn tiếp tục nhận được của I-gle-xi- át những thông tin tương tự.

8 tháng Tư — Theo yêu cầu của chủ bút tờ báo xã hội chủ nghĩa Séc "Socialni Demokrat" ("Người dân chủ — xã hội") I.Cra-pốc, Ăng-ghen viết bài bút ký ngắn "Gửi các đồng chí Séc nhân ngày 1 tháng Năm. Hồi ký về thời kỳ 1848"; bài báo nhấn mạnh đến sự thống nhất về lợi ích của công nhân các dân tộc khác nhau, đặc biệt là giai cấp vô sản Đức và Séc, đăng ở Pra-ha trong một chuyên san "Prvni Maj 1893" ("Ngày 1 tháng Năm 1893").

24 tháng tư — Ăng-ghen đến Man-se-xtơ để tham gia an táng người bạn của mình, bác sĩ E.Hum-bec-tơ.

Khoảng 5 tháng Năm — Ăng-ghen nhận được thư của I-gle-xi-át, trong đó thông báo về quá trình các cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm ở Tây Ban Nha, cũng như đề nghị Ăng-ghen thay mặt Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha đại diện cho đảng tại cuộc biểu tình sắp tới vào ngày 7 tháng Năm ở Luân Đôn.

Khoảng 6 tháng Năm — Ăng-ghen nhận được của Plê-kha-nốp và Da-xu-lích lời kêu gọi do họ viết cho cuộc mít tinh ngày 1 tháng Năm sắp tới gửi công nhân Anh; đồng thời Plê-kha-nốp thông báo cho Ăng-ghen biết cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm đã diễn ra như thế nào ở Giơ-ne-vơ.

7 tháng Năm — Ăng-ghen tham gia cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm ở Luân Đôn.

11 tháng Năm — Trong cuộc tọa đàm với phóng viên tờ báo bảo thủ Pháp "Le Figro" ("Phi-ga-ro"), Ăng-ghen đánh giá về tình hình quốc tế và Đức; bài trả lời phóng vấn đăng trên báo số ra ngày 13 tháng Năm.

17 tháng Năm — Ăng-ghen thông báo cho Doóc-gơ về công việc của mình đối với các phần kết luận tập III bộ "Tư bản" và về ý định viết lịch sử Hội liên hiệp công nhân quốc tế.

Khoảng 25 tháng Năm — Ăng-ghen nhận được của nhà xã hội chủ nghĩa dân túy Nga P.L.La-vrốp cuốn sách xuất bản ở Giơ-ne-vơ " Những cơ sở của chủ nghĩa xã hội lý luận và việc vận dụng chúng ở Nga", trong đó có đăng bức thư của đại biểu phái dân túy cách mạng Nga G.M. Lô-pa-tin nói về cuộc tọa đàm của ông với Ăng-ghen vào tháng Chín năm 1883.

27 tháng Năm — Đọc cuốn sách nhận được của tác giả người Nga, nhà kinh tế học lưu vong ở Mỹ I.A. Guốc-vích "Tình hình kinh tế của nông thôn Nga", trong thư gửi tác giả Ăng-ghen nhận xét tốt về tác phẩm đó.

9 tháng Sáu — Ăng-ghen viết thư gửi ban biên tập tạp chí Bun-ga-ri "Người dân chủ - xã hội" trong đó cảm ơn về tập tạp chí đã gửi cho ông và bày tỏ sự hài lòng về việc phổ biến chủ nghĩa Mác và sự lớn mạnh của phong trào công nhân trong các nước Đông — Nam châu Âu. Thư đăng trong tạp chí số 3.

Khoảng 12 tháng Sáu — Ăng-ghen nhận được của Tu-ra-ti bản dịch ra tiếng I-ta-li-a tập I bộ "Tư bản".

13 tháng Sáu — Ăng-ghen gửi điện mừng đến La-vrốp nhân sinh nhật ông ta 70 tuổi.

Trung tuần tháng Sáu — Ăng-ghen theo dõi quá trình bầu cử ở Đức; trong thư gửi La-phác-gơ ông nêu lên thắng lợi của Đảng dân chủ — xã hội Đức và nhấn mạnh sự tăng lên không ngừng của ảnh hưởng của Đảng, đặc biệt là trong các khu nông nghiệp.

Khoảng 20 – 27 tháng Sáu — Ăng-ghen đọc lời kêu gọi công bố trên báo "Socialiste" ngày 17 tháng Sáu dưới nhan đề "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa yêu nước" của Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân Pháp gửi lao động Pháp, được viết nhân những tâm trạng sô-vanh tăng lên ở trong nước ; trong thư gửi La-phác-gơ, trong khi đồng tình nói chung với lời kêu gọi, Ăng-ghen nhận xét rằng trong đó đã đề ra quá mức yêu cầu của những người xã hội chủ nghĩa Pháp muốn nắm vai trò lãnh đạo trong phong trào cách mạng quốc tế và như vậy là đã vi phạm nguyên tắc quan hệ quốc tế giữa các đảng vô sản của các nước, ông cũng chỉ ra rằng việc đối lập một cách tuyệt đối — bao hàm trong lời kêu gọi — nền cộng hòa Pháp với chính thể quân chủ các nước khác sẽ dẫn đến chỗ làm lu mờ bản chất giai cấp của nền cộng hòa tư sản.

Cuối tháng Sáu — Ăng-ghen tọa đàm với phóng viên tờ báo tự do Anh "Daily Chronicle" ("Tin tức hàng ngày") về các cuộc bầu cử vào quốc hội Đức. Bài trả lời phỏng vấn đăng trên báo số ra ngày 1 tháng Bảy.

Khoảng 5 tháng Bảy — Ăng-ghen nhận được thông báo của đảng viên dân chủ — xã hội Đan Mạch N.Pe-téc-xen về tình hình kinh tế Đan Mạch.

14 tháng Bảy — Trong thư gửi Mê-rinh bày tỏ sự cảm ơn về việc gửi bản in lẻ cuốn "Truyền thuyết về Le-xin-ga" cho ông. Ăng-ghen khẳng định sự đánh giá cao của mình đối với tác phẩm này và căn cứ vào lịch sử Đức và Pháp để luận chứng một loạt luận điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ông thông báo với Me-rinh về ý định viết lại để cho xuất bản mới cuốn sách của mình "Chiến tranh nông dân ở Đức". Ăng-ghen đã không thể thực hiện được ý định đó.

15 tháng Bảy — Ăng-ghen viết lời tựa vắn tắt cho bản in lần thứ hai bằng tiếng Đức tập II bộ " Tư bản".

19 tháng Bảy — Trả lời thư của nhà kinh tế học tư sản Đức đã phê phán một số luận điểm trong cuốn sách của Bê-ben "Phụ nữ và chủ nghĩa xã hội", Ăng-ghen chỉ rõ tính vô căn cứ của điều khẳng định của ông ta về việc không có khả năng cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, nhấn mạnh rằng điều kiện quan trọng nhất để thủ tiêu sự đối lập giữa thành thị và nông thôn là việc xã hội hóa tư liệu sản xuất công nghiệp cũng như nông nghiệp.

21 — 28 tháng Bảy — Ăng-ghen nghỉ tại I-xtơ-boóc-nơ.

29 tháng Bảy — Ăng-ghen viết di chúc; một phần tài sản của mình và thư viện ông để lại cho Đảng dân chủ xã hội Đức, còn phần lớn tài sản cho các con gái và cháu của Mác.

1 tháng Tám — 29 tháng Chín — Ăng-ghen hành trình sang Đức, Thụy Sĩ và Áo — Hung-ga-ri: thăm Khuên, sau đó cùng Bê-ben đi qua Man-tơ và Xtơ-rát-xbuốc đến Xuy-rích, từ đó đến Grau-bin-đen mấy ngày để gặp gỡ người em trai của mình là Héc-man, sau đó trở lại Xuy-rích và ở lại Thụy Sĩ trong vòng hai tuần, sau đó đi qua Muyn-khen và Da-xơ-buốc đến Viên, từ đó đi qua Pra-ha và Can-bát (Các-lô-va Vu-ra) đến Béc-lin và qua Pốt-téc-đam trở về Luân Đôn.

Trung tuần tháng Tám — Tại Xuy-rích Ăng-ghen nhiều lần đến thăm các thành viên của nhóm "Giải phóng lao động" Da-xu-lích và P.B. Ác-xen-rốt.

12 tháng Tám — Ăng-ghen có mặt tại phiên họp cuối cùng của Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xuy-rích, đọc bài diễn văn ngắn bằng tiếng Anh, Pháp và Đức và theo sự ủy nhiệm của thường vụ đại hội, ông bế mạc phiên họp; trong lời phát biểu của mình ông nêu lên những cống hiến của Mác đối với giai cấp công nhân, đánh giá những thắng lợi của phong trào công nhân quốc tế.

31 tháng Tám — 13 tháng Mười — Nhân các cuộc bầu cử nghị viện Pháp, tiến hành ngày 20 tháng Tám , trong thư gửi La-phác-gơ Ăng-ghen bày tỏ sự lo lắng về việc liệu các đại biểu Đảng công nhân, do Gốt cầm đầu, có thể đoàn kết xung quanh mình đại biểu các nhóm xã hội chủ nghĩa khác; ông khuyên thực hiện sách lược góp phần vào việc đoàn kết đó.

11 tháng Chín — Ăng-ghen tham dự buổi đa hội trọng thể do các đảng viên dân chủ — xã hội Áo tổ chức tại Viên để tỏ lòng kính trọng ông.

14 tháng Chín — Ăng-ghen có mặt tại cuộc họp dân chủ — xã hội ở Viên, nhằm bàn về kết quả Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa họp ở Xuy-rích, tại đó ông phát biểu ý kiến nêu lên ảnh hưởng lớn mạnh của những người xã hội chủ nghĩa Áo, Hung-ga-ri, Đức và các nước khác; bài phát biểu in trong tờ "Arbeiter — Zeitung" số ra ngày 22 tháng Chín.

22 tháng Chín — Ăng-ghen tham dự cuộc họp của những người dân chủ — xã hội ở Béc-lin, được tổ chức nhân dịp ông đến Đức; ông phát biểu ý kiến chỉ rõ vai trò to lớn của Mác trong sự phát triển của phong trào xã hội chủ nghĩa và nêu lên thắng lợi của Đảng dân chủ — xã hội Đức; bài phát biểu in trong phụ lục của báo"Vorwärts", số ra ngày 26 tháng Chín.

Khoảng 11 tháng Mười — Ăng-ghen nhận được thông báo của La-phác-gơ về đại hội XI Đảng công nhân Pháp họp ở Pa-ri từ ngày 7 — 9 tháng Mười.

11 — 21 tháng Mười — Nhân việc chính phủ bảo thủ E.Ta-áp-phe đưa ra dự án cải cách bầu cử ở Áo có xem xét đến việc mở rộng quyền bầu cử do áp lực của quần chúng nhân dân, trong thư gửi Át-le, Bê-ben và L.La-phác-gơ Ăng-ghen phân tích tình hình chính trị ở Áo và khuyên các đảng viên dân chủ — xã hội Áo hãy lợi dụng cuộc khủng hoảng chính trị xuất hiện ở trong nước do đa số các đảng tư sản chống lại dự án cải cách, để tăng cường cổ động xã hội chủ nghĩa.

Trung tuần tháng Mười — Ăng-ghen chăm chú theo dõi cuộc đấu tranh từ cuối tháng Bảy của thợ mỏ miền trung nước Anh chống lại việc sa thải thợ do chủ mỏ công bố; trong thư gửi Bê-ben ông thông báo chi tiết về cuộc đấu tranh đó và việc một bộ phận chủ mỏ buộc phải từ bỏ việc sa thải.

14 — 27 tháng Mười — Nhân việc Phoóc-ten có ý định dịch ra tiếng Pháp để công bố trên tạp chí xã hội chủ nghĩa"L'Ere nouvelle" ("Kỷ nguyên mới") tác phẩm của Mác"Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen" và ba chương trong"Chống Duy-rinh", lấy nhan đề chung là"Lý luận về bạo lực", Ăng-ghen trao đổi thư từ với Phoóc-ten và L.La-phác-gơ về vấn đề này; ông chỉ ra rằng chỉ có chuyên gia triết học mới có thể dịch tác phẩm của Mác và chỉ đồng ý cho dịch"Lý luận về bạo lực".

17 tháng Mười — Sau khi nghiên cứu cuốn sách của Da-ni-en-xôn"Khái luận về nền kinh tế xã hội nước ta sau cải cách" do tác giả gửi cho ông, cũng như bài phê bình của nhà mác-xít Nga hợp pháp P.B.Xtơ-ru-vê về cuốn sách đó, Ăng-ghen viết thư về vấn đề này cho Da-ni-en-xôn. Ông nêu lên tính thiếu xác đáng của những quan điểm dân túy của Da-ni-en-xôn đã phủ nhận sự tiến bộ của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga; đồng thời

Ăng-ghen phê phán Xtơ-ru-vê đã lý tưởng hóa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, ông chứng minh rằng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản tất yếu gắn liền với việc bần cùng hóa đông đảo quần chúng, đặc biệt là trong một nước kinh tế lạc hậu như nước Nga.

Giữa 22 và 31 tháng Mười — Nhà dân túy Nga Kh.Páp-pô-poóc nhiều lần đến thăm Ăng-ghen kèm theo thư giới thiệu của La-vrốp; Ăng-ghen tọa đàm với ông ta về một số vấn đề chủ nghĩa duy vật lịch sử, về tình hình phong trào cách mạng ở Nga và về các vấn đề khác.

Khoảng 24 tháng Mười — khoảng 23 tháng Chạp — Ăng-ghen tiếp tục thường xuyên nhận được thông báo của La-bri-ô-la về tình hình chính trị ở I-ta-li-a và về tình hình phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là phong trào quần chúng lao động ở Xi-xi-li (Phong trào"pha si") đang được những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a ủng hộ.

Giữa 6 và 12 tháng Mười một — Ăng-ghen đọc cuốn sách của Mây-e"chủ nghĩa tư bản cuối thế kỷ".

Khoảng 28 tháng Mười một — Ăng-ghen nhận được lời chúc mừng của các nhà hoạt động của phong trào xã hội chủ nghĩa các nước, của đảng đoàn dân chủ — xã hội trong quốc hội Đức và các tổ chức và nhân vật khác nhân ngày sinh của ông.

Tháng Chạp — Ăng-ghen xem bản dịch ra tiếng Pháp nửa đầu tác phẩm của ông "Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức" do L.La-phác-gơ dịch, và gửi những nhận xét của mình về bản dịch đó.

Nửa đầu tháng Chạp — Nhận được tin về tình trạng sức khỏe xấu đi của Ph. Vôn-phơ, Ăng-ghen đến thăm ông ta tại Ốt-pho.

1 tháng Chạp — Ăng-ghen viết thư gửi Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức ở Luân Đôn cảm ơn về lời chúc mừng nhân ngày sinh của ông.

2 tháng chạp — Trong thư gửi Doóc-gơ, Ăng-ghen phân tích những nguyên nhân cản trở việc thành lập một đảng xã hội chủ nghĩa có tính chất quần chúng ở Mỹ; trong số những nguyên nhân đó ông chỉ ra chế độ hai đảng cho phép các đảng cầm quyền dễ dàng lừa dối quần chúng, tính không đồng nhất của giai cấp công nhân bao gồm dân Mỹ bản địa và dân nhập cư, đến lượt nó đã chia ra thành các nhóm dân tộc khác nhau, sự phân biệt chủng tộc đối với dân da đen, cũng như mức sống tương đối cao của các tầng lớp bên trên của giai cấp vô sản. Trong thư đó Ăng-ghen thông báo rằng ông đã chuẩn bị xong để đưa in phần lớn tập III bộ"Tư bản".

19 tháng Chạp — Đáp lại lời mời tham dự Đại hội quốc tế của sinh viên — đảng viên xã hội chủ nghĩa ở Giơ-ne-vơ, Ăng-ghen viết thư chào mừng gửi đại hội đó; Ăng-ghen nhấn mạnh tầm quan trọng của trí thức trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân và trong quản lý nhà nước sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi. Thư đăng trên báo"L'Etudiant Socialiste" ("Sinh viên - xã hội chủ nghĩa"), số ra ngày 25 tháng Ba — 10 tháng Tư 1894.

1894

Tháng Giêng — 11 tháng Năm — Ăng-ghen tiếp tục công việc chuẩn bị cho in bản thảo tập III bộ "Tư bản".

Tháng Giêng — tháng Ba — Ăng-ghen theo dõi cuộc đấu tranh đang mở rộng ở Áo đòi quyền phổ thông đầu phiếu; trong thư gửi Át-le, Doóc -gơ và những nhà xã hội chủ nghĩa khác, ông nhấn mạnh ý nghĩa của việc mở rộng quyền bầu cử đối với sự phát triển phong trào công nhân Áo.

Tháng Giêng — tháng Hai — Ăng-ghen trao đổi thư từ với Hác-ni, giúp đỡ ông về mặt vật chất.

Nửa đầu tháng Giêng — Ăng-ghen viết lời nói đầu cho tuyển tập các bài báo

của mình viết về đề tài quốc tế trích từ báo"Volksstast" ("Nhà nước nhân dân") trong những năm 1871 — 1875. Trong lời bạt cho cuốn "Về vấn đề xã hội ở Nga" viết riêng cho bản in đó, Ăng-ghen trình bày các quan điểm của ông về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và vận mệnh của công xã nông dân ở Nga. Tuyển tập xuất bản vào cuối tháng Giêng.

Hoàn thành phần lớn công việc chuẩn bị cho in tập III bộ"Tư bản", Ăng-ghen gửi bốn tiết đầu — 20 chương (một phần ba bản thảo) -đến Hăm-buốc cho nhà xuất bản O.Mây-xne-rơ.

3 tháng Giêng — Ăng-ghen đọc dự án về giải trừ quân bị, do Vai-ăng đưa ra để trình nghị viện, đăng trên tờ tuần báo của phái xã hội chủ nghĩa — Blăng-ki Pháp"Le Parti socialiste" ("Đảng xã hội chủ nghĩa"). Trong thư gửi La-phác-gơ, tỏ ý đồng tình với tư tưởng cơ bản của dự án, Ăng-ghen đưa một loạt những nhận xét thực tiễn và khuyên nên dùng làm cơ sở cho dự án những kiến nghị mà ông đã trình bày trong tác phẩm"Châu Âu có thể giải trừ quân bị hay không". Ăng-ghen cũng khuyên những người xã hội chủ nghĩa Pháp nên sơ bộ tham khảo ý kiến của những người xã hội chủ nghĩa Đức và I-ta-li-a về vấn đề triệu tập đại hội quốc tế về giải trừ quân bị mà họ đề nghị.

Giữa 6 và 10 tháng Giêng — Ăng-ghen đọc cuốn sách của nhà văn Anh đầu thế kỷ XVII R.Bốc-tơn "Tường giải sự đa sầu" do người bạn của ông, nhà địa chất học nổi tiếng của Anh Gi.Lem-pli gửi đến cho ông.

Khoảng 9 tháng Giêng — Ăng-ghen viết bài cho báo"Vorwärts" và tạp chí"Neue Zeit", trong đó đánh giá vắn tắt về nội dung tập III bộ"Tư bản". Bài đăng trên tờ"Vorwärts", số ra ngày 12 tháng Giêng và trên"Neue Zeit" tháng Giêng.

25 tháng Giêng — Đáp lại lời yêu cầu của sinh viên V.Boóc -ghi-u-xơ từ Brê-xláp (Vrô-xláp), Ăng-ghen viết thư cho anh ta, trong đó xem xét một số luận điểm về chủ nghĩa duy vật lịch sử, đặc biệt là về tác động trở lại của thượng tầng kiến trúc chính trị và tư tưởng đối với hạ tầng kinh tế — nhân tố quyết định sự phát triển của lịch sử, về mối quan hệ biện chứng giữa tất yếu và ngẫu nhiên trong lịch sử v.v.. Bức thư do cộng tác viên của ông là G.Stác-ken-buốc công bố vào tháng Mười 1895 trong tạp chí" Der Socialistische Akademiker" .

26 tháng Giêng — Đáp lại yêu cầu của Tu-ra-ti và vợ là A.Cu-li-sô-va, một người tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a, cho biết ý kiến về sách lược của những người xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phong trào quần chúng lao động đang mở rộng ở I-ta-li-a, Ăng-ghen viết bài báo, trong đó, khi nhấn mạnh đến tính chất tư sản của cuộc cách mạng đang chín muồi ở I-ta-li-a, đã nêu lên sách lược mà những người xã hội chủ nghĩa cần thực hiện để đảm bảo sự tham gia tích cực của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng đó và duy trì tính độc lập giai cấp của nó. Bài báo lấy nhan đề "Cách mạng I-ta-li-a tương lai và đảng xã hội chủ nghĩa" đăng dưới hình thức một bức thư của Ăng-ghen gửi Tu-ra-ti trong tạp chí "Critica Sociale" ngày 1 tháng Hai.

Cuối tháng Giêng — P.La-phác-gơ đến thăm Ăng-ghen và đã gặp Bóc-xơ tại nhà Ăng-ghen.

Khoảng 9 tháng Hai — 1 tháng Ba — Ăng-ghen nghỉ ở I-xtơ-boóc-nơ.

23 tháng Hai — 21 tháng Năm — Nhân cuộc bầu cử nghị viện Anh sắp đến, trong thư gửi Doóc-gơ, Át-le,Plê-kha-nốp và những người xã hội chủ nghĩa khác, Ăng-ghen phân tích cuộc đấu tranh đang diễn ra rộng khắp giữa phái tự do và phái bảo thủ, ông nêu lên rằng phái tự do tìm cách giữ vững chính quyền, sẽ phải nhượng bộ giai cấp công nhân. Đề cập đến những nguyên nhân của việc thiếu một

đảng công nhân có tính chất quần chúng độc lập ở Anh, Ăng-ghen chỉ rõ rằng đó là do sự chia rẽ của phong trào công nhân và tính chất bè phái của các tổ chức xã hội chủ nghĩa; Ăng-ghen coi nhiệm vụ chủ yếu của giai cấp vô sản Anh là định ra một đường lối chính trị độc lập của mình.

Cuối tháng Hai — tháng Năm Ăng-ghen đọc hai tập số liệu thống kê nhận được của Đa-ni-en-xôn về sự phát triển công nghiệp và nông nghiệp ở Nga.

6 tháng Ba Đọc bài phát biểu của một trong những thủ lĩnh cánh cải lương của phái xã hội chủ nghĩa Pháp G.Giô-re-xơ, người đã đề nghị thiết lập sự độc quyền của nhà nước về nhập khẩu ngũ cốc, trong thư gửi La-phác-gơ Ăng-ghen phê phán đề nghị đó. Ăng-ghen chỉ ra rằng trong những điều kiện của nền cộng hòa tư sản, mọi sự độc quyền của nhà nước đều chỉ có lợi cho giai cấp các nhà tư bản; ông cũng nêu lên rằng không thể tiến hành bất cứ một biện pháp xã hội chủ nghĩa nào chừng nào chính quyền còn nằm trong tay giai cấp tư sản.

18 tháng Ba Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi Hội đồng toàn quốc Đảng công nhân Pháp nhân kỷ niệm 23 năm Công xã Pa-ri. Lời chào mừng đăng trên báo"Socialiste" ngày 25 tháng Ba.

20 tháng Ba Ăng-ghen gửi Đa-ni-en-xôn những trang in thử đầu tiên của tập III bộ"Tư bản" để dịch ra tiếng Nga; sau này khi nhận được các tờ in từ nhà in, Ăng-ghen vẫn tiếp tục gửi cho Đa-ni-en-xôn.

Trong thư gửi nhà xã hội chủ nghĩa Ru-ma-ni P.Mu-xôi, Ăng-ghen cám ơn ông ta đã gửi đến những bản in bằng tiếng Ru-ma-ni cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" và"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".

21 tháng Ba Ăng-ghen thông báo với Doóc-gơ về việc hoàn thành

công việc đối với phần lớn (gần hai phần ba) bản thảo tập III bộ"Tư bản".

22 tháng Ba Nhận được lời mời dự đại hội lần thứ tư Đảng công nhân dân chủ- xã hội Áo, Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi đại hội, ông nêu lên rằng một trong những nhiệm vụ cấp bách của đảng là đấu tranh cho quyền phổ thông đầu phiếu. Lời chào mừng in trong cuốn sách mỏng :"Verhandlungen des vierten Osterreicheschen Sozialdemokratischen Parteitages" ("Biên bản đại hội lần thứ tư Đảng dân chủ — xã hội Áo"), xuất bản vào tháng Tư.

26 tháng Ba Trong thư trả lời I-gle-xi-a-xơ, Ăng-ghen tỏ ý hài lòng về sự lớn mạnh của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Tây Ban Nha.

27 tháng Ba Ăng-ghen nhận được lời chào mừng của đại hội lần thứ tư Đảng công nhân dân chủ — xã hội Áo.

24 tháng Tư Ăng-ghen viết thư gửi Chủ tịch liên minh dân chủ — xã hội ở Bắc- men C.E-béc-lơ, cám ơn tổ chức này đã gửi đến ông cuốn an-bom cùng với những hình ảnh của thành phố quê hương ông.

6 và 7 tháng Năm Nhà hoạt động Đảng công nhân Pháp A.Den-clu-dơ đến thăm Ăng-ghen

11 tháng Năm Ăng-ghen gửi đến nhà xuất bản phần cuối bản thảo tập III bộ "Tư bản".

15 tháng Năm Ăng-ghen viết thư gửi ban lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Hung-ga -ri nhân dịp đại hội lần thứ ba của Đảng, thư đăng trên báo xã hội chủ nghĩa" Arbeiterpresse" ("Báo chí công nhân") và bằng tiếng Hung-ga-ri trên báo"Népszava" ngày 18 tháng Năm.

23 tháng Năm Ăng-ghen viết lời nói đầu cho bản in lần thứ ba bằng tiếng Đức tác phẩm của ông"Chống Duy-rinh" xuất bản vào tháng Bảy.

1 tháng Sáu — Trong thư gửi Da-ni-en-xơn, Ăng-ghen cám ơn ông ta đã gửi đến bản in lần thứ nhất bằng tiếng Nga tác phẩm của mình"Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" và nói chung nhận xét tốt về chất lượng của bản dịch.

Trung tuần tháng Sáu — Ăng-ghen nhận được thông báo của Doóc-gơ về phong trào bãi công của thợ mỏ ở Mỹ.

Khoảng 18 tháng Sáu — Ăng-ghen nhận được thông báo của nhà xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri M.De-ác về việc chuẩn bị dịch"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra tiếng Hung-ga-ri.

Khoảng 19 tháng Sáu — 2 tháng Bảy — Líp-nếch đến Anh, nhiều lần tới thăm Ăng-ghen.

Giữa 19 tháng Sáu và 16 tháng Bảy — Ăng-ghen viết bài"Về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ", là kết quả của những công trình nghiên cứu trước đây của ông về đề tài này; bài báo đăng trong tạp chí"Neue Zeit" cuối tháng Chín — đầu tháng Mười.

27 tháng Sáu — Coi việc phổ biến nội dung tập ba bộ"Tư bản" có một ý nghĩa lớn, Ăng-ghen gửi cho tổng biên tập báo"Neue Zeit" các chương 23 và 24 của tập đó để công bố chúng; các chương đăng trong tạp chí vào tháng Bảy.

19 tháng Bảy — 2 tháng 8 — Nhân cuộc bãi công của thợ mỏ nổ ra ở Xcốt-len và nhân có lời kêu gọi của ủy ban bãi công gửi tới ông, Ăng-ghen trao đổi thư từ với ban lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức và Hội giáo dục chủ nghĩa cộng sản của công nhân Đức ở Luân Đôn về sự giúp đỡ vật chất cho những người bãi công và bản thân đã có sự giúp đỡ đối với họ.

Khoảng 26 tháng Bảy — Ăng-ghen gửi La-bri-ô-la bản in lần thứ ba tác phẩm của ông "Chống Duy-rinh".

Giữa 30 tháng Bảy và 6 tháng Tám — Theo yêu cầu của I-gle-xi-a-xơ, Ăng-ghen thông báo cho ban lãnh đạo Đảng dân chủ -xã hội Đức và Áo, cũng như một loạt các tổ chức công nhân và xã hội chủ nghĩa Anh về Đại hội lần thứ tư Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha sẽ họp vào cuối tháng Tám và khuyên họ nên gửi lời chào mừng tới đại hội.

Khoảng 7 — 22 tháng Tám — Tìm hiểu kết quả của đại hội Liên đoàn dân chủ — xã hội họp từ 5 - 6 tháng Tám, Ăng-ghen phê phán chính sách bè phái của các thủ lĩnh của nó, đặc biệt là nghị quyết của đại hội định triệu tập một đại hội"thuần túy xã hội chủ nghĩa" trước Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa sẽ họp năm 1896 với sự tham gia của các hội công liên, cũng như nghị quyết về việc khước từ sự hợp tác với Đảng công nhân độc lập, với tư cách là một tổ chức"phi xã hội chủ nghĩa". Trong thư gửi những người xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Pháp và Đức ông khuyên họ nên lên tiếng trên báo chí phản đối việc thực hiện ý định đó.

14 tháng Tám — 18 tháng Chín — Ăng-ghen nghỉ tại I-xtơ-boóc-nơ.

Giữa 15 và 30 tháng Tám — Ăng-ghen nhận được thông tin của La-bri-ô-la về tình hình ở I-ta -li-a, cũng như tư liệu về những bài phát biểu trên báo chí của nhà kinh tế học tư sản của I-ta-li-a A.Lo-ri và những người ủng hộ ông ta nhằm phê phán học thuyết kinh tế của Mác; những tháng sau đó Ăng-ghen vẫn tiếp tục nhận được thông báo tương tự.

Tháng chín — tháng Mười một — Ăng-ghen theo dõi quá trình cuộc chiến tranh Nhật — Trung Quốc, trong thư gửi L. La-phác-gơ, Doóc-gơ và những người xã hội chủ nghĩa khác Ăng-ghen nhận định rằng dù kết cục chiến tranh như thế nào chăng nữa thì nó vẫn thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc.

6 tháng Chín — Đáp lại lời mời dự đại hội lần thứ ba Đảng lao động xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a, Ăng-ghen viết lời chào mừng

đại hội, gửi cho một trong những nhà hoạt động của đảng đó là C.Đen A-van-la; lời chào mừng đăng trên báo xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a "Lotta di classe" ("Đấu tranh giai cấp") ngày 22 — 23 tháng Chín.

Khoảng 9 tháng Chín — Ăng-ghen nhận được tin báo của Mác-ti-ne-ti về việc ông ta hoàn thành bản dịch cuốn"Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước" và các tác phẩm khác của Ăng-ghen ra tiếng I-ta-li-a và về những khó khăn trong việc công bố các tác phẩm đó.

26 tháng Chín — Đáp lại yêu cầu của ban biên tập tờ báo Xi-xi-lơ "Giustizia sociale" ("Công bằng xã hội"), mà những người xã hội chủ nghĩa định xuất bản ở Pa-lec-mô, Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi tới những người xã hội chủ nghĩa Xi-xi-lơ; do việc in tờ báo bị cấm, lời chào mừng được đăng ngày 30 tháng Sáu 1895 trên tờ báo xã hội chủ nghĩa Xi-xi-lơ"La Riscossa" ("Giải phóng").

Tháng Mười — tháng Mười một — Plê-kha-nốp bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ, tạm thời đến sống ở Luân Đôn, đã nhiều lần đến thăm Ăng-ghen.

Tháng Mười — Căn cứ vào báo chí và thư của I-gle-xi-a-xơ Ăng-ghen theo dõi quá trình cuộc bãi công của thợ dệt Tây Ban Nha ở Mã-la-gơ; ông ca ngợi sự kiên cường và dũng cảm của họ.

4 tháng Mười — Ăng-ghen viết xong lời tựa cho tập III bộ"Tư bản".

Nửa sau tháng Mười. — Ăng-ghen theo dõi quá trình bầu cử nghị viện ở Bỉ ngày 14 và 21 tháng Mười, và kết quả là những người xã hội chủ nghĩa đã dành được 32 giấy ủy nhiệm; trong thư gửi một trong những thủ lĩnh Đảng công nhân Bỉ E. Van-đéc-ven-đơ, Ăng-ghen nêu lên ý nghĩa to lớn của sự kiện đó đối với giai cấp vô sản Bỉ, cũng như đối với phong trào công nhân các nước khác.

27 tháng Mười — Theo yêu cầu của Tu-ra-ti Ăng-ghen viết thư cho ban biên tập tạp chí"Critica Sociale", trong đó phản đối mưu toan của báo chí tư sản I-ta-li-a đối lập cuộc đấu tranh cách mạng của những người xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a với hoạt động nghị viện của những người dân chủ — xã hội Đức và bằng cách đó gieo rắc sự phân liệt vào trong phong trào công nhân quốc tế. Thư đăng trong tạp chí ngày 1 tháng Mười một.

Cuối tháng Mười — tháng Mười một — Nhân bài phát biểu cơ hội chủ nghĩa của Phôn-ma về vấn đề cương lĩnh ruộng đất tại đại hội Phran-phuốc của Đảng dân chủ — xã hội Đức, họp từ 21 đến 27 tháng Mười, trong thư gửi Doóc-gơ, Cau-xki, Bê-ben, Líp-nếch và những người khác, Ăng-ghen phê phán gay gắt bài phát biểu đó. Ông đánh giá những yêu sách do Phôn-ma đưa ra nhằm bảo vệ lợi ích tư hữu của nông dân, kể cả đại nông, là sự xa rời những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Đầu tháng Mười một — Ăng-ghen đọc bản dịch tiếng Pháp "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", đăng trong tạp chí "L'Ere nouvelle" và đưa ra những nhận xét của mình.

10 tháng Mười một — Trong thư gửi Doóc-gơ Ăng-ghen đánh giá về tình hình phong trào công nhân Anh; ông nêu lên sự cần thiết phải thành lập một đảng công nhân có tính chất quần chúng, đối lập với cả phái tự do lẫn phái bảo thủ; ông chỉ ra rằng các thủ lĩnh của Liên đoàn dân chủ — xã hội vẫn tiếp tục giữ lập trường bè phái, biến học thuyết của Mác thành một giáo điều cứng nhắc, còn ban lãnh đạo Đảng công nhân độc lập đã có những do dự và từ bỏ sách lược độc lập của giai cấp vô sản, thỏa hiệp với các đảng tư sản.

12 tháng Mười một — Ăng-ghen viết thư gửi ban biên tập báo"Vorwärts", trong đó chống trả quyết liệt những mưu toan của Phôn-ma xuyên tạc lập trường của ông về vấn đề

ruộng đất; thư đăng trên báo đó ngày 16 tháng Mười một.

Giữa 15 và 22 tháng Mười một — Đáp lại bài phát biểu của Phôn-ma, cũng như nhân việc đại hội Đảng công nhân Pháp, họp ở Năng-tơ vào tháng Chín, đã thông qua phần trình bày lý do và bổ sung cho cương lĩnh ruộng đất bao hàm những sai lầm có tính chất cơ hội chủ nghĩa, Ăng-ghen viết tác phẩm"Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức" Phê phán bài phát biểu và những sai lầm đó, Ăng-ghen đề ra những nguyên tắc của cương lĩnh mác-xít về vấn đề ruộng đất. Tác phẩm in trong tạp chí "Neue Zeit" cuối tháng Mười một.

Nửa sau tháng Mười một — nửa đầu tháng Chạp — Ăng-ghen chăm chú theo dõi cuộc thảo luận trong Đảng dân chủ — xã hội Đức về vấn đề ruộng đất. Ông đưa ra cho Bê-ben nhiều lời khuyên trong cuộc đấu tranh chống Phôn-ma và phê phán Líp-nếch về lập trường điều hòa; Ăng-ghen chứng minh rằng vì sự thống nhất đảng thật sự, cần phải giáng trả các phần tử cơ hội và chia rẽ; ông đánh giá kết quả của cuộc thảo luận là một thắng lợi đối với chủ nghĩa cơ hội.

22 tháng Mười một — Nhân thông báo trên báo"Vorwärts" nói rằng tập IV bộ "Tư bản" sẽ không được xuất bản, Ăng-ghen viết bài báo ngắn bác bỏ điều khẳng định đó. Bài báo đăng không ký tên trong tạp chí "Neue Zeit" tháng Mười một.

23 tháng Mười một — Ăng-ghen viết thư gửi nhà xã hội chủ nghĩa Ác-mê-ni LA-ta-be-ki-an-xta, cám ơn ông ta về bản dịch ra tiếng Ác-mê-ni cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" và "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", cũng như thông báo về tình hình Ác-mê-ni. Ăng-ghen nêu lên rằng nhân dân Ác-mê-ni chỉ thật sự được giải phóng khi phong trào cách mạng mở rộng ở Nga và khi chế độ Nga hoàng bị lật đổ.

11 tháng Chạp — Ăng-ghen tặng Plê-kha-nốp tập III bộ "Tư bản" vừa in xong, kèm theo chữ ký thân thiện.

12 tháng Chạp — Ăng-ghen gửi Doóc-gơ và Slu-te bản in tập III bộ "Tư bản".

27 tháng Chạp — Nhân tờ "Arbeiter — Zeitung" từ 1 tháng Giêng 1895 chuyển thành tờ báo ra hàng ngày, Ăng-ghen viết lời chào mừng gửi công nhân Áo. Lời chào mừng được đăng trên báo ngày 1 tháng Giêng 1895.

1895

Tháng Giêng — tháng Hai — Ăng-ghen nhận được thông báo của La-bri-ô-la về những bài phát biểu mới của Lô-ri-a và những người ủng hộ ông ta trên báo chí nhằm bác bỏ học thuyết kinh tế của Mác và những luận điểm do Ăng-ghen đưa ra trong lời tựa cho tập III bộ "Tư bản"; ông cũng nhận được của La-bri-ô-la bản dịch lời tựa đó, đăng trong tạp chí xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a "La Rassegna" ("Bình luận")

Tháng Giêng — Ăng-ghen bắt đầu chuẩn bị cho in Toàn tập của Mác và các tác phẩm của ông; ông tìm kiếm những tác phẩm đầu tay của Mác, cũng như những bài báo của ông đăng vào những năm 50 trên báo "New — York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Óóc hàng ngày") trao đổi thư từ với Cu-ghen-man về việc này.

Nửa đầu tháng Giêng — Nhận được tin báo về đời sống vật chất thiếu thốn của Vru-bli-ốp-xki, trong thư gửi Vai-i-ăng và La-phác-gơ Ăng-ghen yêu cầu những người xã hội chủ nghĩa Pháp thường xuyên giúp đỡ ông này về mặt vật chất.

1 tháng Giêng — Ăng-ghen gửi cho La-vrốp và Ấ-lc tập III bộ "Tư bản".

3 tháng Giêng

Ăng-ghen tiếp tục theo dõi cuộc đấu tranh diễn ra trong đội ngũ Đảng dân chủ — xã hội Đức chống lại các phần tử cơ hội; trong thư gửi nhà dân chủ — xã hội Đức P.Stum-pơ-pha ông chỉ rõ rằng một trong những nguyên nhân làm sống lại các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa ở trong đảng đó là việc bổ sung vào đội ngũ nó không chỉ có công nhân mà còn cả các phần tử tiểu tư sản; Ăng-ghen nhấn mạnh sự cần thiết phải đấu tranh với các khuynh hướng đó và bày tỏ niềm tin vào thắng lợi của khuynh hướng cách mạng.

9 – 28 tháng Giêng

Trong thư từ trao đổi với Át-lơ, Ăng-ghen thảo luận vấn đề về ban lãnh đạo "Arbeiter Zeitung" nhân việc biến nó thành tờ báo ra hàng ngày; ông tổ chức sự giúp đỡ về vật chất cho ban biên tập, gửi thư từ v.v..

Cuối tháng Giêng — đầu tháng Hai

Coi việc vạch trần triệt để tệ sùng bái cá nhân Lát-xan trong Đảng dân chủ- xã hội Đức, được bọn cơ hội ủng hộ, cũng như coi việc phục hồi bức tranh thật của quan hệ của Mác với Lát -xan có một ý nghĩa lớn, Ăng-ghen chuẩn bị cho in thư từ trao đổi của Mác với Lát-xan. Việc in đó đã không thể thực hiện được khi Ăng-ghen còn sống.

Tháng Hai

Ăng-ghen đọc cuốn sách của Plê-kha-nốp "Về vấn đề sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử" do tác giả gửi cho ông.

Giữa 1 và 26 tháng Hai

Theo yêu cầu của Plê-kha-nốp Ăng-ghen tổ chức việc chữa bệnh cho Da-xu-lích.

Nửa đầu tháng Hai

Nhân việc nhà xuất bản Vorwärts có ý định xuất bản thành sách lẻ tập bài báo của Mác, trích từ tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch- ökonomische Revue" ("Báo sông Ranh mới. Bình luận kinh tế — chính trị") năm 1850, nhắn nói về cuộc cách mạng năm 1848 ở Pháp và các sự kiện sau đó, Ăng-ghen trao đổi thư từ với Phi-sơ; ông đề nghị đặt tên cho cuốn sách là: "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ năm 1848 đến 1850", xác định kết cấu và tên gọi các chương, cũng như số lượng bản in.

2 tháng Hai

Ăng-ghen trả lời các câu chất vấn của những người xã hội chủ nghĩa Anh và Ba Lan về việc đặt tên cho Đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa thường kỳ, ấn định triệu tập vào 1896 tại Luân Đôn; trong thư gửi một trong những nhà xã hội chủ nghĩa Ba Lan lưu vong V. I-ốt-cô Ăng-ghen tỏ ý tán thành là, do ngoại lệ, đại hội này nên gọi là "Đại hội quốc tế của công nhân và các hội công liên xã hội chủ nghĩa"; ông cho rằng sở dĩ cần phải gọi như vậy là vì ở Anh đa số công nhân có tổ chức đều đi theo các hội công liên.

14 tháng Hai — 6 tháng Ba

Ăng-ghen viết lời nói đầu cho bản in riêng tác phẩm của Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ năm 1848 đến 1850". Trong lời nói đầu này Ăng-ghen đề ra những cơ sở sách lược của phong trào công nhân những điều kiện đấu tranh của giai cấp vô sản đã thay đổi kể từ thời kỳ cách mạng 1848 — 1849, trong đó có cả những thay đổi do sự phát triển của tình hình quân sự đưa đến. Theo yêu cầu khẩn khoản của những người lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức sợ rằng lời nói đầu sẽ tạo thêm cớ để khôi phục đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, trong bản mo-rát Ăng-ghen đã lược bỏ đi một số đoạn, nhưng vẫn giữ nguyên bản chất cách mạng của tác phẩm của ông. Lời nói đầu đăng trong tạp chí Neue Zeit vào cuối tháng Ba — đầu tháng Tư và trong cuốn sách sẽ xuất bản vào trung tuần tháng Tư.

Nửa sau tháng Hai

Ăng-ghen đọc bản thảo bản dịch ra tiếng Pháp bài báo của ông "Về lịch sử đạo thiên chúa nguyên thủy", do L.La-phác-gơ dịch, và đưa vào bản dịch một số điểm bổ sung.

Khoảng 20 tháng Hai

Ăng-ghen nhận được một số tin báo của người cháu họ của người vợ đã quá cố của mình V.Bơn-xơ hiện

đang sống ở Mỹ về phong trào xã hội chủ nghĩa và bãi công ở Mỹ, đặc biệt là về cuộc bãi công của công nhân xe điện ở Brúc-len.

Ăng-ghen nhận được thông tin của Bê-ben về ý định của chính phủ Đức thông qua quốc hội để thi hành đạo luật về ngăn chặn cuộc chính biến, nhằm chống lại những người dân chủ- xã hội, và các dự luật phản động khác.

5 tháng Ba — Tìm hiểu những dự luật nhận được của Vai-i-ăng (về sở hữu của công xã nông nghiệp, về ngày làm việc 8 giờ và về tiền lương tối thiểu của công nhân các xí nghiệp nhà nước, về việc thành lập Bộ lao động v.v.), mà những người xã hội chủ nghĩa dự định trình quốc hội Pháp, Ăng-ghen viết thư cho Vai-i-ăng đưa ra một số nhận xét về nội dung các dự luật đó.

11 tháng Ba và 6 tháng Tư — Nhân việc Xmít và nhà kinh tế học tư sản Đức V.Dôm-bác-tơ công bố bài phê bình nhận xét về tập III bộ "Tư bản", trong đó giải thích sai về quy luật giá trị, tỷ suất lợi nhuận và giá cả sản xuất, trong thư gửi tới họ Ăng-ghen phê phán những quan điểm sai lầm đó và giải thích thực chất của quan niệm của Mác về các phạm trù đó.

Khoảng 12 tháng Ba — Ăng-ghen nhận được thông báo của L.La-phác-gơ về việc ở Pháp chuẩn bị kỷ niệm ngày 1 tháng Năm.

16 tháng Ba — Ăng-ghen viết thư cho Át-le, đưa ra những lời khuyên và chỉ dẫn về việc nghiên cứu tập II và III bộ "Tư bản".

Khoảng 18 tháng Ba — Theo yêu cầu của nhà dân chủ — xã hội Đức C.Ghiếc-sa, Ăng-ghen đọc các bài báo của ông ta về cuộc đấu tranh đòi rút bớt thời gian lao động nhân việc tăng cường độ lao động, đăng trên tờ "Sozialpolitisches Centralblatt" ("Báo trung ương dân chủ — xã hội"), và thông báo với Ghiếc-sa về những nhận xét của mình.

Cuối tháng Ba — đầu tháng Tư — Ăng-ghen đọc cuốn sách của La-phác-gơ "Nguồn gốc và sự phát triển của chế độ sở hữu"; trong thư gửi La-phác-gơ nói chung Ăng-ghen đánh giá tốt về cuốn sách, đồng thời phê phán một số lập luận của tác giả.

Tháng Tư — tháng Năm — Ăng-ghen viết bổ sung cho tập III bộ "Tư bản" gồm hai bài: "Quy luật giá trị và tỷ suất lợi nhuận" và "Sở giao dịch". Trong bài thứ nhất Ăng-ghen làm sáng rõ một loạt những phê bình nhận xét về tập III bộ "Tư bản"; trong bài thứ hai, vẫn còn là bản nháp, Ăng-ghen phân tích vai trò đã thay đổi của Sở giao dịch và sự lan rộng nhanh chóng của các công ty cổ phần, coi đó là những hiện tượng đặc thù mới trong sự phát triển của xã hội tư bản. Khi Ăng-ghen còn sống hai bài báo đó đã không được đem in.

Tháng Tư — Ăng-ghen tiếp tục chuẩn bị để đem in Toàn tập của Mác và các tác phẩm của ông, trao đổi thư từ với Bê-ben, Phi-se-rơ và Me-rinh về vấn đề này.

1 tháng Tư — Trong thư gửi Cau-xki Ăng-ghen kiên quyết phản đối việc công bố trên báo Vorwärts ngày 30 tháng Ba, không báo cho ông biết, những đoạn trích từ lời nói đầu cho tác phẩm của Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ năm 1848 đến 1850", được lựa chọn tùy tiện và tạo ra ấn tượng tưởng như ông là người chỉ ủng hộ sách lược hòa bình.

Đầu tháng Tư — Nhân dự định chuẩn bị cho in tập IV bộ "Tư bản", Ăng-ghen đọc chuyên khảo của nhà kinh tế học tư sản Thụy Sĩ X.Bau-e-ra, do chính tác giả gửi cho ông "Về vấn đề sự xuất hiện của học thuyết phái trọng nông. Trên cơ sở những tác phẩm không công bố của Kê-nê".

Khoảng 15 tháng Tư — Ăng-ghen gửi cuốn sách mỏng của Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ năm 1848 đến 1850" vừa xuất bản dưới sự hiệu đính của ông và kèm theo lời nói đầu của ông cho Lét-xnơ, Da-xu-lich, La-bri-ô-la, Vai-i-ăng

và các nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa các nước.

15 tháng Tư — 29 tháng Năm — Ăng-ghen trao đổi thư từ với Phi-sơ và Mê-rinh về việc xuất bản tuyển tập các bài viết đầu tay của Mác, đăng trên báo "Rheinische Zeitung" ("Báo sông Ranh") năm 1842. Việc xuất bản đã không thể thực hiện được.

Khoảng 19 tháng Tư — Ăng-ghen nhận được thông báo của Mác-ti-ne-ti về việc dịch ra tiếng I-ta-li-a lời nói đầu của ông cho tác phẩm của Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ năm 1848 đến 1850". Bản dịch được lược bớt đăng trong tạp chí "Critica Sociale" ngày 1 tháng Năm.

Tháng Năm — Ăng-ghen đọc cuốn sách của Cau-xki "Các bậc tiền bối của chủ nghĩa xã hội hiện đại"; trong thư gửi Cau-xki ông chỉ ra những thiếu sót của cuốn sách, đặc biệt là việc coi thường vai trò của các phần tử không có quyền nhất của thành phố trung cổ đã cấu thành giai cấp tiền vô sản, cũng như việc nghiên cứu chưa đầy đủ các vấn đề về tình hình kinh tế của Đức và các nhà nước châu Âu khác thế kỉ XV và XVI. Ở Ăng-ghen xuất hiện những triệu chứng đầu tiên có thể cảm thấy được của một căn bệnh trở thành nguyên nhân của sự qua đời của ông — ung thư dạ dày.

Khoảng 18 tháng Năm — Ăng-ghen nhận được của nhà xã hội chủ nghĩa Séc Hen-le bản dịch ra tiếng Séc tác phẩm của Mác "Lao động làm thuê và tư sản", xuất bản ở Viên.

2 Tháng Năm — Nhận được tin Cau-xki và Béc-stanh chuẩn bị đem in tập sách về lịch sử chủ nghĩa xã hội, mà không cho ông biết, trong thư gửi Cau-xki Ăng-ghen tỏ ra phẫn nộ về việc này; ông đánh giá hành động của Cau-xki và Béc-stanh là ý đồ không cho ông tham gia vào việc nghiên cứu lịch sử phong trào công nhân và tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Tháng Sáu — 24 tháng Bảy — Ăng-ghen điều trị tại I-xtơ-boóc-na, tại đó E. Mác-E-ve-linh, L.La-phác-gơ, E.E-ve-linh, Át-le và những người khác đến thăm ông.

Khoảng 17 tháng Sáu — Ăng-ghen nhận được thông báo của Át-le về tình hình chính trị ở Áo.

24 tháng Bảy — Ăng-ghen bị đau nặng từ I-xtơ-boóc-na trở về Luân Đôn.

28 tháng Bảy — Mặc dù bị bệnh nặng Ăng-ghen vẫn tọa đàm với E.Mác-E-vơ-linh về tình hình Đảng công nhân độc lập Anh.

5 tháng Tám (10 giờ 30 phút chiều) — Phri-đrích Ăng-ghen từ trần.

Giữa 6 và 10 tháng Tám — Các đảng xã hội chủ nghĩa và công nhân, cũng như nhiều nhà hoạt động của phong trào xã hội chủ nghĩa các nước trong các bức điện và thư đã tỏ lòng thương tiếc vô hạn về sự qua đời của Ăng-ghen.

Thi hài của Ăng-ghen hỏa táng tại nhà thiêu xác I-ô-kinh-gần Luân Đôn. Bạn bè và những người thân của Ăng-ghen, đại biểu các đảng và tổ chức xã hội chủ nghĩa và công nhân của phần lớn các nước châu Âu có mặt trong buổi lễ tang, tổ chức tại ngôi nhà cạnh ga Oa-téc-lô. Người bạn gần gũi của Mác và Ăng-ghen là X.Mu-rơ, P.La-phác-gơ, Líp-nếch, Bê-ben, E-vơ-linh, An-xen và những nhà hoạt động khác của phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế đã phát biểu ý kiến. Da-xu-lích thay mặt những người dân chủ — xã hội Nga đã đặt vòng hoa trên quan tài của Ăng-ghen.

27 tháng Tám — Theo di chúc của Ăng-ghen, những người bạn gần gũi của ông — E.Mác- E-vơ-linh, Lát-xne và những người khác đã thả hộp tro hài cốt của ông xuống biển cạnh vách đá ở I-xtơ-boóc-na.

Khoảng tháng Chín — tháng Mười một — V.I.Lê-nin, người kế tục vĩ đại sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen viết bài tưởng niệm đánh giá một cách toàn diện hoạt động lý luận và thực tiễn cách mạng của Ăng-ghen. Bài báo đăng trong văn tập "Người lao động" số 1-2 năm 1896.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

Ê-đri-an (Pu-bli E-li A-dri-an) (76-138) — hoàng đế La Mã.- 674.

A-lếch-xan-đrơ Ma-xê-đoan (356-323 trước công nguyên) — tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng của thế giới cổ đại. —686.

A-lếch-xan-đrơ I (1777 — 1825) — hoàng đế Nga (1801-1825).-44-58, 72.

A-lếch-xan-đrơ II (1818-1881) — hoàng đế Nga (1855 -1881).-65, 69-70, 71, 626, 637, 789.

A-lếch-xan-đrơ III(1845-1894) — hoàng đế Nga (1881-1894). —81-82, 83-84, 92, 356, 371, 374-375, 376-377, 526, 528, 587, 793.

A-ma-đây (1845-1890) — con của vua I-ta-li-a Vích-tơ-Em-ma-nu-in II, vua Tây Ban Nha (1870-1873).- 620.

A-na-xa-go ở Cla-đô-men (Tiểu Á) (khoảng 500 -428 trước công nguyên) — nhà triết học duy vật của Hy Lạp cổ đại.- 427.

A-ri-ô-xtô (Ariosto), Lô-đô-vi-cô (1474-1533) — nhà thơ I-ta-li-a lớn nhất thời đại Phục hưng, tác giả trường ca "Rô-lăng cuồng bạo".-258.

Ác-bíp (Arbib), E-đô-ác-đô (1840-1906) — nhà hoạt động chính trị và nhà báo I-ta-li-a, thuộc phái hữu tư sản, nghị sĩ (1879-1895). -523.

Ác-crai-tơ (Arkwright), Rí-sác (1732-1792) — nhà kinh doanh người Anh; đã chiếm một loạt những bằng phát minh của người khác ở Anh. —449.

Ác-xi-mét (khoảng 287-212 trước công nguyên) — nhà toán học và cơ học vĩ đại của Hy Lạp cổ đại. —553.

An-brếch (Albrecht), Các (1781-1844) — thương nhân người Đức, bị kết án 6 năm

tù vì đã tham gia phong trào đối lập của "những người mị dân". Năm 1841 sống ở Thụy Sĩ, nơi đây ông đã tuyên truyền dưới hình thức tôn giáo thần bí những tư tưởng gần với chủ nghĩa cộng sản không tưởng của Vai-tlinh. —668.

An-mô-hát -vương triều phong kiến Béc-bơ, trị vì ở Bắc Phi và Nam Tây Ban Nha thế kỷ XII-XIII.-665.

An-mô-ra-vít — vương triều phong kiến Béc-bơ, trị vì ở Bắc Phi và Nam Tây Ban Nha thế kỷ XI-XII.- 665.

An-ti-ốc IV E-pi-phan — vua Xi-ri (175-164 trước công nguyên) thuộc vương triều Xê-lơ-kit.-676.

An-tô-nin Pi-ê (86-161) — hoàng đế La Mã (138-161).-674.

An-vi-đi (Alvisi) — nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, thượng nghị sĩ; năm 1889 tiến hành thanh tra Ngân hàng Rô Ma. —529-534.

Át-le (Adler), Vích-to (1852-1918) — một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Áo, trong những năm 1889- 1895 trao đổi thư từ với Ăng-ghen, đại biểu dự các Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889, 1891 và 1893; chủ bút báo "Arbeiter - Zeitung"; về sau là một trong những thủ lĩnh của cánh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ — xã hội Áo và trong Quốc tế II. —89, 750.

Au-ơ (Auer), I-gnát (1846 — 1907) nhà dân chủ — xã hội Đức, thợ làm yên ngựa; một trong những người lãnh đạo đảng dân chủ — xã hội, nhiều lần được bầu làm đại biểu Quốc hội; về sau chuyển sang lập trường cải lương. —109, 142.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích (1820-1895) (những tài liệu có tính chất tiểu sử).—23-24, 39, 50, 59, 86-95, 96-101, 109-118, 122, 123, 126-129, 132-143, 147-151, 153, 157, 159, 163-164, 173-174, 177-178, 182, 252, 253, 260, 262, 263, 265, 269, 270-271, 273-276, 291-295, 297-298, 308-312, 327-331, 336, 339-343, 348-351, 357, 358, 361, 365, 377, 384-391, 395-416, 418, 419, 423-430, 436-440, 456, 458, 463-468, 472-483, 489, 493-496, 501, 505, 506, 513, 514-518, 525, 543, 544, 549-551, 553, 555-565, 581, 590-593, 596, 597, 601-620, 622, 632-637, 651, 654-659, 665-669, 695, 702, 703, 708-711, 729, 734, 743, 747-752, 754-758, 767, 782-784, 787, 788, 791-798, 800-808.

B

Ba-cu-nin, Mi-kha-in A-lếch-xan-đrô-vích (1814 -1876) — nhà cách mạng và nhà chính luận Nga, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở Đức; một trong những nhà tư tưởng chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa vô chính phủ; trong Quốc tế I, Ba-cu-nin đã điên cuồng chống lại chủ nghĩa Mác, tại Đại hội La Hay, năm 1872, đã bị khai trừ khỏi Quốc tế I vì những hoạt động chia rẽ. —90, 97, 110, 143, 508, 514, 516, 620-622, 680.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791 -1873) — nhà hoạt động chính trị tư sản người Pháp, trước tháng Hai 1848 đứng đầu phe đối lập thuộc phái tự do của hoàng triều; tháng Chạp 1848 — tháng Mười 1849 đứng đầu các nội các dựa vào khối liên minh phản cách mạng của các phái quân chủ. —368, 779.

Ba-rơ (Bahr), Héc-man (1863-1934) — nhà phê bình tư sản, nhà viết tiểu thuyết và viết kịch người Áo.-129, 133.

Ba-xtê-li-ca (Bastelica), Ăng-đrê (1845-1884) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp và Tây Ban Nha, làm nghề in, thành viên Quốc tế I, người thuộc phái Ba-cu-nin, ủy viên Tổng hội Quốc tế I (1871), đại biểu dự hội nghị Luân Đôn năm 1871. —515.

Bau-ơ (Bauer), Bru-nô (1809-1882) — nhà triết học duy tâm người Đức, một trong những người có tiếng tăm của phái Hê-ghen trẻ, phần tử cấp tiến tư sản; sau năm 1866 là phần tử tự do dân tộc; tác giả một loạt công trình về lịch sử đạo Cơ Đốc.-500, 501, 512, 673, 674, 698.

Bắc-cơ-len (Buckland), Uy-li-am (1784-1856) — nhà địa chất học và linh mục người Anh; trong các tác phẩm của mình, ông tìm cách dung hòa các thành tựu của địa chất học với chuyện thần thoại trong Kinh thánh.- 431.

Bắc-hô-phen (Bachofen), I-ô-han Gia-cốp (1815-1887) — nhà sử học và luật học kiệt xuất người Thụy Sĩ, tác giả tác phẩm "Quyền làm mẹ". —311, 317, 320, 323, 327.

Bê-na-ri (Benary), Phran-xơ Phéc-đi-năng (1805-1880) — nhà ngôn ngữ học người

Đức chuyên nghiên cứu ngôn ngữ phương Đông và là nhà nghiên cứu Kinh thánh, giáo sư ở Béc-lin. –691, 693, 695.

Béc-na-đốt-tơ (Bernadotte), Giăng Ba-ti-xtơ Giuyn-lô (1763-1844) – nguyên soái người Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hòa Pháp và nước Pháp thời Na-pô-lê-ông; năm 1810 được vua Thụy Điển Các XIII nhận làm con nuôi, trở thành người thừa kế ngôi vua và nhiếp chính Thụy Điển; năm 1813 tham gia cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, là vua Thụy Điển và Na Uy dưới vương hiệu Các XIV Gioan (1818-1844).- 47.

Béc-stanh (Bernstein), Ê-đu-ác (1850-1932) – nhà dân chủ xã hội người Đức, nhà chính luận, chủ bút báo "Sozialdemokrat" (1881-1890); đại biểu dự các đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889 và 1893; sau khi Ăng-ghen mất, vào nửa cuối những năm 90, công khai xét lại chủ nghĩa Mác đứng trên lập trường cải lương chủ nghĩa; một trong những thủ lĩnh của cánh cơ hội trong Đảng dân chủ – xã hội Đức và trong Quốc tế II.-89.

Ben-ghen (Bengel), Giô-han An-brếch (1687-1752) – nhà thần học Tin lành người Đức, nhà luận giải và xuất bản các văn bản tôn giáo của đạo Cơ Đốc.-695.

Bê-ben (Bebel), Au-gu-xtơ (1840-1913) – nhà hoạt động kiệt xuất của phong trào công nhân Đức và quốc tế; thợ tiện; từ năm 1867 lãnh đạo Liên minh các hội công nhân Đức, thành viên của Quốc tế I; từ năm 1867 là đại biểu Quốc hội, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của Đảng dân chủ – xã hội Đức, đấu tranh chống phái Lát-xan; trong thời gian chiến tranh Pháp -Phổ ông đứng trên lập trường chủ nghĩa quốc tế vô sản, ủng hộ công xã Pa-ri; đại biểu dự các đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889, 1891 và 1893; bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen; nhà hoạt động của Quốc tế II, trong những năm 90 và đầu thế kỷ XX chống chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại, song lại phạm một loạt sai lầm mang tính chất phái giữa, đặc biệt là trong thời kỳ cuối đời hoạt động của mình.- 109, 142, 179, 215, 255, 364, 365-366, 555, 767, 797, 804.

Bê-con (Bacon), Phran-xít, nam tước Vê-ru-lam (1561-1626), nhà triết học nổi tiếng người Anh, thủy tổ của chủ nghĩa duy vật Anh; nhà tự nhiên học và nhà sử học.-427-430.

Bê-van (Bevan) U. – Chủ tịch hội đồng các hội công liên Thành phố Xuôn-xi, năm 1887 là chủ tọa tại đại hội công liên họp ở thành phố này.-97.

Bếch-co (Becker), Au-gu-xtơ (1814-1871) – nhà chính luận người Đức, thành viên của Đồng minh những người chính nghĩa ở Thụy Sĩ, thuộc phái Vai-tlinh; tham gia cuộc cách mạng 1848-1849 ở Đức; vào đầu những năm 50 sang sống lưu vong ở Mỹ, nơi đây ông cộng tác với các báo dân chủ.-668.

Bi-a-gi-ni (Biagini) – viên quan lại của bộ tài chính I-ta-li-a, năm 1889 tiến hành thanh tra Ngân hàng Rô Ma.-530, 534.

Bi-đơ-li (Beesly), Ét-uốt Xpen-xơ (1831-1915) – nhà sử học và nhà hoạt động chính trị người Anh, phần tử cấp tiến tư sản, nhà thực chứng chủ nghĩa, giáo sư Trường đại học tổng hợp Luân Đôn; trong những năm 1870-1871 bảo vệ Quốc tế I và Công xã Pa-ri trên báo chí Anh.-151, 152, 156, 213, 214, 218-219, 226, 227, 234.

Bi-xmác (Bismarck), Ốt-tô, hoàng tử (1815-1898) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Phổ và Đức, đại biểu của giới địa chủ Phổ; đại sứ ở Pê-tec-bua (1859-1862) và ở Pa-ri (1862); bộ trưởng kiêm thủ tướng Phổ (1862-1872 và 1873 -1890); thủ tướng Liên bang Bắc Đức (1867-1871) và Đế quốc Đức (1871-1890); đã thực hiện việc thống nhất nước Đức bằng con đường phản cách mạng; kẻ thù điên cuồng chống phong trào công nhân, năm 1878 thông qua đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa.-11-15, 17-18, 19-20, 69, 73, 79, 80, 84, 125, 273, 275, 279, 357, 365, 366, 370, 374, 402, 415, 479, 527, 539, 585, 586, 704, 758, 762, 764, 767, 780, 796, 808.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811-1882) – nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, nhà sử học Pháp; năm 1848 là thành viên của chính phủ lâm thời và là chủ tịch Ủy ban Luých-xăm-bua; giữ lập trường thỏa hiệp với giai cấp tư sản, tháng Tám 1848 sang sống ở Anh, một trong những người lãnh đạo giới tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn.-364, 654.

Blăng-ki (Blanqui) Lu-i Ô-guy-xtơ (1805-1881) – nhà cách mạng Pháp, nhà cộng sản không tưởng, người tổ chức ra nhiều hội bí mật và nhiều vụ âm mưu lật đổ (tham gia tích cực hai cuộc cách mạng 1830 và 1848) lãnh đạo Hội bốn mùa bí mật, tổ chức cuộc khởi nghĩa ngày 12 tháng Năm 1839; nhà hoạt động kiệt

xuất của phong trào công nhân Pháp; nhiều lần bị kết án tù.-119, 284-287, 616, 622, 681, 764.

Blum (Blum), Rô-bớc (1807-1848) — nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, nhà báo, đứng đầu cánh tả trong Quốc hội Phran-phuốc; tháng Mười 1848 tham gia bảo vệ Viên, bị bắn sau khi Viên bị quân đội phản cách mạng chiếm.-108.

Boa-ghin-be (Boisguillebert), Pi-e (1646-1714) — nhà kinh tế học Pháp, tiền bối của phái trọng nông, người sáng lập khoa kinh tế chính trị học tư sản cổ điển ở Pháp.-381, 791.

Boi-xtơ (Beust), Phri-đrích (1817-1899) — sĩ quan Phổ từ chức vì chính kiến, tham gia cuộc cách mạng 1848 — 1849 ở Đức; sau khi cách mạng bị đẹp tan, sang sống lưu vong ở Thụy sĩ, giáo sư giáo dục học.- 654.

Bô-gu-xláp-xki (Boguslawski), An-béc (1834-1905) -viên tướng và nhà văn của quân đội Đức, than gia đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan (1863-1864); từ những năm 90 tích cực cộng tác với báo chí dân tộc chủ nghĩa Đức.-777, 780.

Bô-linh-brốc (Bolingbroke), Hen-ri (1678-1751) — nhà triết học tự nhiên thần luận, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những lãnh tụ của Đảng Tu-ri.-445.

Bô-mác-se (Beaumarchais), Pi-e Ô-guy-xtanh (1732-1799) — nhà soạn kịch Pháp kiệt xuất.-177.

Bô-rốt (Borrosch), A-lô-i-đơ (1797-1869) — nhà hoạt động chính trị Đức, phần tử tự do tư sản, nhà buôn sách ở Pra-ha, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 ở Áo.-295.

Bô-vi-ô(Bovio), Giô-van-ni (1841-1903) — nhà triết học duy tâm tư sản và nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, người thuộc đảng cộng hòa — và người chống giáo quyền, từ năm 1876 là nghị sĩ, giáo sư trường đại học tổng hợp ở Na-plơ.-410-412, 413.

Bóc-nơ (Börne), Lút -vích (1786-1837) — nhà chính luận và nhà phê bình Đức, một trong những đại biểu có tiếng tăm của phe đối lập tiểu tư sản cấp tiến; đến cuối đời là người theo chủ nghĩa xã hội có Đức giáo.-89.

Bóc-xơ (Burns), Giôn (1858-1943) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, trong những năm 80 là một trong những người lãnh đạo các hội công liên mới, lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân khuân vác Luân Đôn (1889); trong

những năm 90 chuyển sang lập trường chủ nghĩa công liên tự do, chống phong trào xã hội chủ nghĩa; nghị sĩ (từ năm 1892), bộ trưởng tự quản địa phương (1905-1914) và bộ trưởng thương mại (1914) trong các chính phủ của Phái tự do.-487, 491, 721.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811-1889) — chủ xưởng người Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những người đứng đầu phái chủ trương buôn bán tự do và một trong những người sáng lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc; từ đầu những năm 60 đứng đầu cánh tả của đảng tự do; giữ một loạt cương vị bộ trưởng trong các nội các tự do.- 346, 399, 454, 476.

Brắc-cơ (Bracke), Vin-hem (1842-1880) — nhà dân chủ — xã hội Đức, nhà xuất bản sách báo xã hội chủ nghĩa ở Brao-svai-gơ, một trong những người sáng lập (1869) và lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ — xã hội (Đảng Ai-dơ-nác), gần gũi với Mác và Ăng-ghen; đấu tranh với phái Lát-xan, chống — tuy không thật triệt để — các phần tử cơ hội trong đảng dân chủ — xã hội.- 142, 511, 517.

Bren-ta-nô (Brentano), Lui-ô (1844-1931) — nhà kinh tế học tư sản tầm thường người Đức, một trong những đại biểu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội giảng đường.-145, 147-173, 174-196, 202, 209-213, 217-226, 228-229, 230, 232-243, 246-249, 252-271, 458, 481.

Brê-me (Bremer), I-u-li-út — nhà dân chủ — xã hội Đức, làm nghề sản xuất thuốc xì gà, một trong những người lãnh đạo phong trào công nhân ở Mác-den-buốc.-133.

Brốt-hớc-xtơ (Broadhurst), — Hen-ri (1840-1911) — nhà hoạt động chính trị người Anh, một trong những người lãnh đạo các hội công liên, nhà cải lương, làm nghề thợ nề, sau đó là quan chức công đoàn, thư ký Ủy ban nghị viện của Đại hội công liên (1875-1890), đại biểu của đảng tự do trong nghị viện, thứ trưởng nội vụ (1886).-458.

Bu-lan-giơ ((Boulanger), Giooc-giơ Ec-ne-xtơ Giăng Ma-ri (1837-1891) — tướng Pháp, bộ trưởng quốc phòng (1886-1887); bằng việc tuyên truyền phục thù chống Đức và mị dân chính trị, tìm cách thiết lập nền chuyên chính quân phiệt của mình ở Pháp.-75, 119.

Buê-mơ (Bohme), I-a-cốp (1575-1624) — thợ thủ công người Đức, nhà triết học thần bí.-428.

Buốc-bông — vương triều ở Pháp (1589-1792, 1814-1815 và 1815-1830), và ở Tây Ban Nha (1700-1868 và 1874-1931).-50, 58, 599.

C

Ca-bê (Cabet), E-chiên (1788-1856) — nhà chính luận Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản hòa bình không tưởng, tác giả cuốn sách "Cuộc hành trình tới I-ca-ri".- 98.

Ca-li-gu-la (12-41) — hoàng đế La Mã (37-41).- 692.

Ca-nit-xơ (Kanitz), Han-xơ Vin-hem A-lếch-xan-đrơ, bá tước (1841-1913) — nhà hoạt động chính trị Đức, một trong những người lãnh đạo đảng bảo thủ, đại biểu quốc hội Phổ và quốc hội Đức, bảo vệ lợi ích của đại địa chủ.-728.

Ca-pri-vi (Caprivi), Lê-ô, bá tước (1831-1899) — nhà hoạt động nhà nước và hoạt động quân sự Đức, tướng, thủ tướng Đế quốc Đức (1890-1894).- 273, 350, 374, 607.

Ca-van-lốt-ti (Cavallotti), Phê-li-tsơ (1842-1898) — nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận I-ta-li-a, tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, cầm đầu phái cấp tiến tư sản; từ 1873 là nghị sĩ.- 651.

Các-nô (Carnot), Xa-đi (1837-1894) — nhà hoạt động nhà nước Pháp, người cộng hòa tư sản ôn hòa, nhiều lần giữ cương vị bộ trưởng; tổng thống nước cộng hòa (1887-1894).- 616.

Các-rai-tơ (Cartwright), Ét-mơn (1743-1823). — nhà phát minh người Anh nổi tiếng.- 449.

Cam-pơ-hau-den (Camphausen), Luy-đôn-phơ (1803-1890) — chủ ngân hàng Đức, một trong những người đứng đầu giai cấp tư dân tự do vùng Ranh; từ tháng Ba đến tháng Sáu 1848 là thủ tướng Phổ, thi hành chính sách phản bội thỏa hiệp với lực lượng phản động.- 500.

Can-tơ (Kant), I-ma-nu-en (1724-1804) — người sáng lập triết học Đức cổ điển, nhà duy tâm, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức; còn nổi tiếng do có những công trình trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.-435.

Can-vanh (Calvin), Giăng (1509-1564) — nhà hoạt động nổi tiếng của cải cách tôn giáo, người sáng lập một trong những khuynh hướng của đạo Tin lành — giáo lý Can-vanh, biểu hiện lợi ích của giai cấp tư sản thời đại tích lũy tư bản ban đầu.- 440.

Cau-xki (Kautsky), Các (1854-1938) — nhà dân chủ xã hội Đức, nhà chính luận, chủ bút tạp chí "Neue Zeit" (1883-1917), trong những năm 80 theo chủ nghĩa Mác; đã viết một loạt tác phẩm về các vấn đề của lý luận mác-xít, tuy có phạm sai lầm, song đã đóng vai trò tích cực trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác; về sau hoàn toàn ngả sang lập trường cơ hội và trở thành nhà tư tưởng của phái giữa trong đảng dân chủ — xã hội Đức và trong Quốc tế II; sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, công khai chống lại nền chuyên chính vô sản và Chính quyền xô viết.- 36.

Cau-xki (Kautsky), Lu-i-đa — nhà xã hội chủ nghĩa người Áo, vợ thứ nhất của Các Cau-xki; từ 1890 là thư ký của Ăng-ghen.- 389.

Cau-ơt (Coward), Uy-li-am (khoảng 1656-1725) — thầy thuốc người Anh, nhà triết học duy vật.- 430.

Chi-e (Thiers),A-đôn-phơ (1797-1877) — nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, người thuộc phái Oóc-lê-ăng, thủ tướng (1836, 1840), người đứng đầu quyền hành pháp (chủ tịch hội đồng bộ trưởng) (1871), tổng thống nước cộng hòa (1871-1873), tên đao phủ tàn sát Công xã Pa-ri.- 272, 281, 284, 374.

Clô-đi (10 trước C.N. -54 công nguyên) — hoàng đế La Mã (41-54).-676, 692.

Clê-măng-xô (Clemenceau), Gioóc-giơ Ben-gia-men (1841-1929) — nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận tư sản người Pháp, từ những năm 80 là người lãnh đạo đảng cấp tiến; chủ tịch hội đồng bộ trưởng (1906-1909 và 1917-1920), thi hành chính sách đế quốc chủ nghĩa.- 375.

Cô-cô-xki (Kokosky), Xa-mu-en (1838-1899) — nhà chính luận người Đức, năm 1872 gia nhập đảng dân chủ — xã hội, chủ bút một loạt báo dân chủ — xã hội.- 517.

Cô-la-i-an-ni (Colajanni), Na-pô-lê-ông (1847-1921) — nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận I-ta-li-a, người thuộc phái cộng hòa; tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; trong những năm 80-90 gần gũi với những người xã hội chủ nghĩa; từ 1890 là nghị sĩ.- 531-534.

Cô-va-lép-xki, Mắc-xim Mắc-xi-mô-vích (1851-1916) — nhà xã hội học, sử học, dân

tộc học và luật học Nga; nhà hoạt động chính trị, phần tử tự do tư sản; tác giả một loạt công trình nghiên cứu về lịch sử chế độ công xã nguyên thủy.-425.

Côn-nô-đi-an (nửa đầu thế kỷ III) — nhà thơ la-tinh và nhà hoạt động giáo hội thời kỳ đạo Cơ Đốc ban đầu.-675.

Côn-lin-xơ (Collins), An-tô-ni (1676-1729) — nhà triết học duy vật người Anh.-430.

Côn-xi-li-ô (Consiglio) — tổng giám đốc Ngân hàng Na-plơ, thượng nghị sĩ.-530.

Công-x tan-tin(khoảng 274-337) — hoàng đế La Mã (306-337).-673, 677, 781.

Công-xtăng-tin Pắp-lô-vích (1779-1831) — đại công tước Nga, từ 1841 là tổng tư lệnh quân đội Ba Lan, thực tế là toàn quyền Ba Lan (1814-1831).-60.

Công-xtăng (Constans), Giăng An-tu-an Éc-ne-xtơ (1833-1913) — nhà hoạt động nhà nước Pháp, người cộng hòa tư sản ôn hòa; bộ trưởng nội vụ (1880-1881, 1889-1892), thi hành chính sách đàn áp khốc liệt phong trào công nhân.-374-375, 376.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sớt (1804-1865) — chủ xưởng người Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những người cầm đầu phái chủ trương tự do buôn bán và một trong những người sáng lập Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc; nghị sĩ.- 346, 454.

Crê-dút-xơ — vua nước Li-đi (560-546 trước công nguyên).- 19.

Cri-xpi (Crispi), Phran-sếc-cô (1818-1901) — nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a; vào lúc khởi đầu hoạt động, là người cộng hòa tư sản, tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; từ cuối những năm 60 ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến, một trong những thủ lĩnh của cái gọi là "phái tả" tư sản, thủ tướng (1887-1891 và 1891-1896); thi hành chính sách đàn áp khốc liệt phong trào công nhân và nông dân I-ta-li-a.-529-532, 539, 704, 709.

Cri-xti-an, công tước *Glúc-xbuốc-xki* (1818-1906) — từ 1852 là người thừa kế ngôi vua Đan Mạch, từ 1863 đến 1906 là vua Đan Mạch với vương hiệu Cri-xti-an IX .-62.

Crôm-oen (Cromwell), Ô-li-vơ (1599-1658) — lãnh tụ của giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc tư sản hóa trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII; từ 1653 là quan bảo hộ Anh, Xcốt-len và Ai-len.-442.

Crúp-pơ (Krupp), Phri-đrích An-Phrết (1854-1902) — trùm sỏ kếch xù của công nghiệp đúc thép và công nghiệp quân sự Đức.-743.

Cua-ri-ê (Courier), Pôn Lu-i (1772-1825) — nhà ngôn ngữ học và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tư sản; *Cua-ri-ê* là người chống lực lượng phản động quý tộc và giáo quyền ở Pháp.-177.

Cun-man (Kuhlmann), Ghê-oóc — chỉ điểm bí mật của chính phủ Áo; tự xưng là "nhà tiên tri"; trong những năm 40 tuyên truyền trong thợ thủ công Đức thuộc phái Vai-tlinh ở Thụy Sĩ những tư tưởng "chủ nghĩa xã hội chân chính", sử dụng lời lẽ tôn giáo.-668.

D

Da-môi-xki (Zamojski), Vla-đi-xláp, bá tước- nhân vật lớn Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa 1830 — 1831, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đẹp tan,là một trong những người lãnh đạo giới lưu vong bảo thủ — bảo hoàng Ba Lan ở Pa-ri.-61.

Da-xu-lích, Vê-ra I-va-nốp-na (1851-1919) — nhà hoạt động tích cực của phong trào dân túy, rồi phong trào dân chủ — xã hội Nga, một trong những người sáng lập nhóm "Giải phóng lao động"; về sau bà đứng trên lập trường men-sê-vích.-90.

Dích-kinh-ghen (Sickingen), Phran-txơ phôn (1481-1523) — hiệp sĩ Đức tham gia cuộc cải cách tôn giáo; cầm đầu cuộc khởi nghĩa của Hiệp sĩ 1522 — 1523.-440.

Din-ghe (Singer), Pa-un (1844-1911) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức, từ 1887 là thành viên ban lãnh đạo, từ 1890 là Chủ tịch Ban chấp hành Đảng dân chủ — xã hội Đức; từ 1884 là đại biểu quốc hội, từ 1885 là chủ tịch đảng đoàn dân chủ — xã hội trong quốc hội; tích cực chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại.-89, 109.

Đ

Đác- boa (Darboy), Giooc-giơ (1813-1871) — nhà thần học Pháp, từ 1863 là đại giáo chủ Pa-ri, tháng Năm 1871 bị Công xã bắn với tư cách là con tin.-284.

Đác-uyn (Darwin), Sác-lơ Rô-bớc (1809-1882) — nhà khoa học tự nhiên vĩ đại người Anh, người sáng lập môn sinh học tiến hóa khoa học.-325.

Dan-tơ A-li-ghi-e-ri (Dante Alighieri) (1265-1321) — đại thi hào I-ta-li-a.-545.

Den A-van-Lê (Dell'Avalle). Các-lô — nhà hoạt động của phong trào xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a, năm 1894 là thành viên ban lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động I-ta-li-a.-703.

Đê-mô-crit (khoảng 460- khoảng 370 trước công nguyên) — nhà triết học duy vật cổ Hy Lạp vĩ đại, một trong những nhà sáng lập lý thuyết nguyên tử luận.-427.

Di-bích, I-van I-va-nô-vích, bá tước (1785-1831) — tướng Nga, thống chế, tổng tư lệnh trong chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ 1828 -1829; tổng tư lệnh đội quân đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 -1831.- 58-59.

Di-ô-clê-ti-an (khoảng 245 — 313) — hoàng đế La Mã (284 -305).-781.

Di-xơ (Dietz). Giô-han Hen-rich Vin-hem (1843 — 1922) — nhà dân chủ — xã hội người Đức, người sáng lập nhà xuất bản dân chủ — xã hội, từ 1881 là đại biểu Quốc hội.-311.

Di-xra-e-li (Disraeli). Ben-gia-min, bá tước (*Bi-con-xphin*) (1804 -1881) — nhà hoạt động nhà nước và nhà văn người Anh, một trong những người lãnh đạo đảng To-ri, vào nửa cuối thế kỷ XIX là người lãnh đạo đảng bảo thủ, thủ tướng (1868 và 1874 — 1880).-454.

Đích-ken-xơ (Dickens), Sác-lơ (1812 -1870) — đại văn hào Anh theo chủ nghĩa hiện thực.-232.

Đốt-oen (Dodwell), Hen-ri (chết năm 1784) — nhà triết học duy vật Anh.-430.

Đrơy-môn (Drumont), E-du-a A-đôn-phơ (1844-1917) — nhà chính luận phản động người Pháp, tác giả một loạt sách và bài chống người Xê-mít.- 86-87.

Đun-xơ Xcốt (Duns Scotus), Gioan (khoảng 1265-1308) — nhà triết học trung cổ, nhà kinh viện, người theo chủ nghĩa duy danh mà vào thời trung cổ là biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật; tác giả của công trình đồ sộ "Luận văn Óóc-xpho".-427.

Đuy-rinh (Dühring) Oi-ghen Các (1833-1921) — nhà triết học chiết trung và nhà kinh tế học tầm thường người Đức, đại biểu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản phản động; đã kết hợp chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật tầm thường và chủ nghĩa thực chứng vào trong triết học của mình, nhà siêu hình; trong thời kỳ 1863-1877 là phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Béc-lin.-133, 420, 424.

E-Ê

E-ri-ti-ê (He'ritier), Lu-i (1863-1898) — nhà xã hội chủ nghĩa Thụy sĩ, tác giả một loạt công trình về lịch sử phong trào cách mạng và phong trào xã hội chủ nghĩa.-514 - 517.

E-sin (525-456 trước công nguyên) — nhà viết kịch cổ Hy Lạp kiệt xuất, tác giả của những bi kịch cổ điển.- 315, 316.

Ê-van-đơ (Evald), Ghê-oóc Hen-rích (1803-1875) — nhà Đông phương học người Đức, nhà nghiên cứu và phê bình kinh thánh.-691.

Ec-nơ-xtơ (Ernst), Pa-un (1866-1933) — nhà chính luận, nhà phê bình và nhà viết kịch người Đức; cuối những năm 80 gia nhập đảng dân chủ — xã hội, một trong những thủ lĩnh của "phái trẻ"; năm 1891 bị khai trừ khỏi đảng dân chủ — xã hội; về sau theo chủ nghĩa phát-xít.-128, 129, 132-135.

En-ghen-man (Engelmann), Pan (1854-1916) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Hung-ga-ri, thợ thiếc; chủ bút tuần báo "Arbeiter — Wochen — Chronik"; một trong những người sáng lập (1890) và thành viên ban lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội, trong đó ông đứng đầu cánh tả, năm 1892 bị bọn cơ hội khai trừ ra khỏi đảng; người tổ chức và lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ — xã hội Hung-ga-ri (1892-1894); từ năm 1894 là phóng viên báo "Arbeiter — Zeitung".-525.

Ê-ca-tê-ri-na II (1729-1796) -nữ hoàng Nga (1729-1796).-26, 33, 36, 38-44, 47, 50, 68-69.

Ê-pi-quya (khoảng 341 — khoảng 270 trước công nguyên) — nhà triết học duy vật cổ Hy Lạp kiệt xuất, nhà vô thần.-500.

Ê-ren-phrây (Ehrenfreund), I-xi-đo — viên chức ngân hàng Áo, thành viên câu lạc bộ quan chức các cơ quan ngân hàng và tín dụng ở Viên.-86.

Ê-vơ-linh (Aveling), Ét-uốt (1851-1898) — nhà xã hội chủ nghĩa, nhà văn, nhà chính luận Anh, một trong những người dịch tập I bộ "Tư bản" ra tiếng Anh; từ 1884 là thành viên Liên đoàn dân chủ — xã hội, sau đó là một trong những người sáng lập Đồng minh xã hội chủ nghĩa, cuối những năm 80 — đầu những năm

90 là một trong những người tổ chức phong trào rộng lớn của công nhân không tành nghề; đại biểu dự các đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1889, 1891 và 1893; chồng của Ê-lê-ô-no-ra, con gái Mác.-102, 105.

G

Ga-ri-ban-đi (Garibaldi), Mê-nô-ti (1840 – 1903) – con của Giu-dép-pê Ga-ri-ban-đi, tham gia phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, tham gia cuộc chiến tranh Pháp – Phổ đứng về phái Pháp; từ đầu thập kỷ 70 là nhà kinh doanh, nghị sĩ I-ta-li-a (1876-1900).-533.

Ga-vát-xi (Gavazzi) – nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a; đầu những năm 90 là nghị sĩ.-531.

Gan-ba (Xéc-vi-út Xun-pít-xi-út Gan-ba) (5 trước công nguyên – 69 công nguyên) – nhà hoạt động nhà nước La-mã, trong những năm 60 là sứ tiết (tổng đốc) tỉnh Ta-ra-côn Tây Ban Nha ; sau khi Nê-rôn chết, vào tháng Sáu 68 được phong làm hoàng đế; tháng Giêng 69 bị giết do âm mưu của lính cận vệ do O-tôn tổ chức lúc quân đội và dân chúng nổi lên chống sự cai trị của ông.-692, 693.

Gây-bơ (Geib), Au-gu-xtơ (1842-1879) – nhà dân chủ – xã hội Đức, nhà buôn sách ở Ham-buốc; thành viên Tổng Liên minh công nhân Đức; tham gia Đại hội Ai-đơ-nắc năm 1869 và là một trong những người sáng lập Đảng công nhân dân chủ – xã hội, thủ quỹ của đảng (1872-1878), nghị sĩ Quốc hội (1874-1877).-142.

Ghéc-xen, A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1812-1870) – nhà dân chủ cách mạng Nga vĩ đại, nhà triết học duy vật, nhà chính luận và nhà văn; năm 1874 ra nước ngoài, nơi đây ông tổ chức " Nhà in Nga tự do" và xuất bản văn tập "Sao Bắc cực" và báo "Cái chuông".-622, 625, 635.

Ghi-đô (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787-1874) – nhà sử học tư sản Pháp và nhà hoạt động nhà nước, từ năm 1840 đến cách mạng tháng Hai 1848 đã thực tế chỉ đạo chính sách đối nội và đối ngoại, biểu hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính.-502.

Ghi-ôm (Guillaume), Giêm-xơ (1844-1916) – thầy giáo Thụy sĩ, phần tử vô chính phủ, đứng về phía Ba-cu-nin, thành viên Quốc tế I, một trong những người tổ chức Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa; tại Đại hội La Hay, bị khai trừ khỏi Quốc tế vì hoạt động chia rẽ; trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, là phần tử xã hội – sô vanh.-517.

Ghi-xơ, Ni-cô-lai Các-lô-vích (1820-1895) – nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Tê-ghê-răng (từ 1863) ở Béc-nơ (từ 1869), ở Xtốc-khôm (từ 1872); thủ tướng ngoại giao (1875-1882), bộ trưởng ngoại giao (1882-1895).-26.

Gi-rô - Tơ-lông (Giraud – Teulon), A-lếch-xit (sinh năm 1839) – giáo sư sử học ở Giơ-ne-vơ, tác giả một loạt công trình về lịch sử xã hội nguyên thủy.-324, 328.

Gi-giơ-ca (Zizka), I-an (khoảng 1360-1424) – tướng lĩnh và nhà hoạt động chính trị kiệt xuất Séc, một trong những lãnh tụ của phong trào Gu-xit, chỉ huy quân sự phái Ta-bo, anh hùng dân tộc của nhân dân Séc.-665.

Giéc-ve (Gervais), An-phrét An-be (1837-1921) – đô đốc Pháp, tham gia chiến tranh Crưm và chiến tranh Pháp – Phổ và cuộc viễn chinh chiếm thuộc địa ở Trung Quốc (1860); năm 1891 chỉ huy hải đoàn Pháp đến thăm Crôm-stát.-528.

Giô-dép II (1741-1790) – người đồng trị vì với nữ hoàng Ma-ri Tê-rê-đi (1765-1780), hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1780-1790).-35, 39, 41-42.

Giô-lit-ti (Giolitti), Dgiô-van-ni (1842-1928) – nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, một trong những thủ lĩnh của cái gọi là "phái tả" tư sản; trong những năm 1889-1890 là bộ trưởng quốc khố, 1892-1893 là thủ tướng; đo bóc trần những lạm dụng trong Ngân hàng Rô Ma đã buộc phải từ chức và một thời gian rời khỏi hoạt động chính trị.-531, 532, 536, 539.

Giôn-xơ (Jones), Ri-sớt (1790-1855) – nhà kinh tế học tư sản Anh; các tác phẩm của ông phản ánh sự suy thoái và sự tan rã của trường phái cổ điển trong kinh tế chính trị học, đồng thời trong một loạt vấn đề kinh tế chính trị học ông vượt qua Ri-các-đô.-253.

Giu-cốp-xki, I-u-li Ga-lắc-ti-ô-nô-vích (1822-1907) – nhà kinh tế học tư sản tầm thường và nhà chính luận Nga; thống đốc ngân hàng nhà nước, tác giả bài "Các Mác và quyển sách của ông về tư bản" công kích độc ác chủ nghĩa Mác.-635, 636.

Giu-vê-nan (Dê-xi-mút Giu-ni-út- Giu-vê-na-lít) (sinh vào khoảng những năm 60 — chết sau năm 127)- nhà thơ trào phúng nổi tiếng La Mã.-779.

Giu-phen (Giffen), Rô-bớc (1837-1910) — nhà kinh tế học và thống kê học tư sản Anh, chuyên gia tài chính; cục trưởng cục thống kê trong bộ thương mại (1876-1897).-404, 481, 731.

Glát-xtơn (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809-1898) — nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên Đảng To-ri, rồi theo phái Pin, vào nửa cuối thế kỷ XIX là người lãnh đạo đảng tự do; bộ trưởng tài chính (1852-1855 và 1859-1866) và thủ tướng (1868-1874, 1880 — 1885, 1886, 1892 — 1894.)-39, 76, 149-161, 163-168, 170, 174-179, 182-197, 203-237, 239-251, 253-271, 487, 588.

Goóc-tra-cốp A-léch-xan-drơ Mi-khai-lô-vích, hoàng tử (1798 — 1883) — nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga; đại sứ ở Viên (1854 — 1856), bộ trưởng ngoại giao (1856 -1882).-26, 67.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-Phơ-găng (1749-1832) — nhà văn và nhà tư tưởng Đức vĩ đại.-257, 443.

Grắc-khơ (Gai Xem-prô-ni Grắc) (153-121 trước công nguyên) — quan chấp chính nhân dân (133 trước công nguyên) ở La Mã cổ đại, đấu tranh để thực hiện Luật ruộng đất có lợi cho nông dân.-779.

Grê-vy (Grévy), Giuyn (1807-1891) — nhà hoạt động nhà nước Pháp, người cộng hòa tư sản ôn hòa; tổng thống nước Cộng hòa (1879-1887).-616.

Gri-man-đi (Grimaldi), Béc-nác-đi-nô (1841-1897) — nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, từ 1876 là nghị sĩ, thuộc cái gọi là "phái tả" tư sản, bộ trưởng tài chính (1879, 1888 — 1889, 1890 — 1891), bộ trưởng quốc khố (1892 — 1893).-533-536.

Grô-vơ-nơ (Grosvenor), Miu Lu-pu-xơ, bá tước Ve-xtơ-min-xtơ (1825 -1899) — nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử tự do; địa chủ cỡ lớn nhất.-88.

Gu-xtáp III (1746-1792) — vua Thụy Điển (1771 -1792).-43.

Guy-lích (Gülich), Gu-xtáp (1791-1847) — nhà kinh tế học và sử học người Đức, tác giả một loạt công trình về lịch sử nền kinh tế quốc dân.-33.

H

Hác-đi (Hardie), Giêm Cây-rơ (1856-1915) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, người cải lương chủ nghĩa, thợ mỏ, rồi nhà chính luận, người sáng lập và lãnh đạo Đảng công nhân Xcốt-len (từ 1888) và Đảng công nhân độc lập (từ 1893), nhà hoạt động tích cực của Công đảng.-487, 591.

Hai-nơ (Heine), Hen-rich (1797-1856) — nhà thơ cách mạng vĩ đại người Đức.-89, 537, 591, 683.

Han-nơ-man(Hyndman), Hen-ri Mai-e-xơ (1842-1921) — nhà xã hội chủ nghĩa Anh; người sáng lập (1881) — và lãnh đạo Liên đoàn dân chủ, năm 1884 đổi thành Liên đoàn dân chủ — xã hội , thi hành chính sách cơ hội và bè phái trong phong trào công nhân, về sau là một trong những người lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa Anh, năm 1916 bị khai trừ khỏi đảng này vì tuyên truyền cho chiến tranh đế quốc chủ nghĩa.-102, 104.

Han-đơ-man (Hansemann), Da-vít (1790-1864) — nhà đại tư bản Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; từ tháng Ba đến tháng Chín 1848 là bộ trưởng tài chính Phổ, thi hành chính sách phản bội thỏa hiệp với thế lực phản động.-500.

Hát-ly (Hartley), Đê-vít (1705-1757) — thầy thuốc người Anh, nhà triết học duy vật.-430.

Hắc-xtơ-hau-den (Haxthausen),Au-gu-xtơ (1792 — 1866) — quan lại và nhà văn Phổ, tác giả một công trình mô tả những tàn dư của chế độ công xã trong quan hệ ruộng đất ở Nga, về quan điểm chính trị là kẻ phản động ủng hộ chế độ nông nô.-622, 636.

Hen-ri IV (1553-1610) — vua Pháp (1589 — 1610).-527.

Hen-ri VII (1457-1509) — vua Anh (1485 —"1509).-443.

Hen-ri VIII (1491 — 1547 — vua Anh (1509 — 1547).443.-

Hê-ghen (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrích (1770 — 1831) — đại biểu lớn nhất của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, nghiên cứu toàn diện phép biện chứng duy tâm; nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức.-435, 463.

Hô-me — nhà thơ sử thi nửa thần thoại cổ Hy Lạp, tác giả trường ca "I-li-át" và "Ô-đi-xê".-261-262.

Hốp-kin-xơ (Hopkins), Tô-mát- nhà kinh tế học tư sản Anh đầu thế kỷ XIX. —419.

Hốp-man phôn Phan-lơ-xlê-bên (Hoffmann von Fallersleben) Au-gu-xtơ Hen-rích (1798-1874) — nhà thơ và ngôn ngữ học tư sản Đức.-586.

Hốp-xơ (Hobbes), Tô-mát (1588 — 1679) — nhà triết học Anh kiệt xuất, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc; quan điểm chính trị — xã hội của Hốp-xơ có xu hướng chống dân chủ rõ rệt.-428, 430, 445.

Hốt-xkin (Hodgskin), Tô-mát (1787-1869) — nhà kinh tế học và nhà chính luận Anh; đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội không tưởng để bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản và phê phán chủ nghĩa tư bản, sử dụng lý luận của Ri-các-đô để rút ra những kết luận xã hội chủ nghĩa.-419.

Hon-tơ (Hunter), Hen-ri Giu-li-an — thầy thuốc người Anh, tác giả một loạt báo cáo về điều kiện sống cùng cực của công nhân.-196.

I

I-an-xúc, Ni-cô-lai An-đrê-ê-vích (1859-1921) — nhà dân tộc học Nga, nhà sưu tầm dân ca, trong những năm 80 — 90 là thư ký ban dân tộc học của Hội những người yêu khoa học tự nhiên, nhân học và dân tộc học.-520.

I-glê-xi-át (Iglesias), Pa-blô (1850-1925) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, thợ in, nhà chính luận vô sản, ủy viên Hội đồng liên chi Tây Ban Nha của Quốc tế I (1871 — 1872) của Liên chi Ma-đrít mới (1872 — 1873), đấu tranh chống ảnh hưởng vô chính phủ; một trong những người sáng lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha (1879), về sau là một trong những người cầm đầu cánh cải lương trong đảng; đại biểu dự các đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889, 1891 và 1893.-702.

I-rê-nây (khoảng 130- khoảng 202) -nhà thần học Cơ Đốc giáo, gốc là người Hy Lạp Tiểu Á, từ 177 là giáo chủ Li-ông; trong các tác phẩm của mình, ông chống các tà giáo và đặt cơ sở cho giáo lý đạo Cơ Đốc.-693.

I-u-rơ (Ure), En-đriu (1778-1857) — nhà hóa học Anh, nhà kinh tế học tư sản tầm thường, tác giả một loạt công trình về kinh tế công nghiệp.-253.

Íp-xen (Ibsen), Hen-rích (1828-1906) — nhà soạn kịch lớn nhất Na Uy.-132.

K

Ken-li-Vi-sne-vét-xcai-a (Kelley -Wischnewetzky), Phlo-ren-xơ (1859-1932) phụ nữ Mỹ, nhà xã hội chủ nghĩa, về sau là nhà cải lương tư sản; người dịch cuốn sách của Ăng-ghen "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh" ra tiếng Anh, vợ của nhà xã hội chủ nghĩa Nga lưu vong L. Vi-sne-vét-xki.- 391, 468.

Ken-nan (Kennan), Giooc-giơ (1845-1924) — nhà báo và nhà lữ hành Mỹ, năm 1885 -1886 đi du lịch Xi-bi-ri, ấn tượng về chuyến đi này được ông mô tả trong loạt bài "Xi-bi-ri và chế độ đày ải".-76.

Khuên-léc (Köller), Ếc-xtơ Mát-ti-át (1841-1928) — nhà hoạt động nhà nước phản động người Đức, thuộc đảng bảo thủ, đại biểu Quốc hội (1881-1888), 1894-1895 là bộ trưởng nội vụ Phổ, thi hành chính sách khủng bố đảng dân chủ — xã hội.-782.

L

La-men-nê (Lamennais), Phê-li-xi-tê (1782-1854) — mục sư người Pháp, nhà chính luận, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.-669.

La-phác-gơ (Lafargue), Lau-ra (1845-1911) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Pháp, con gái của Các Mác, từ 1868 là vợ của P. La-phác-gơ.-387.

La-phác-gơ (Lafargue), Pôn (1842-1911) — nhà hoạt động có tiếng tăm của phong trào công nhân Pháp và phong trào công nhân quốc tế, nhà tuyên truyền chủ nghĩa Mác và nhà chính luận kiệt xuất, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế I; một trong những người sáng lập Đảng công nhân Pháp (1879); đại biểu dự các đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế 1889 và 1891, học trò và bạn chiến

đầu của Mác và Ăng-ghen, chồng của Lau-ra, con gái Các Mác.-355, 387, 388, 423, 710, 740.

La-pla-xơ (Laplace), Pi-e Xi-mông (1749-1827) — nhà thiên văn học, toán học và vật lý học Pháp kiệt xuất; giả thuyết của ông về sự sinh ra hệ mặt trời từ tinh vân dạng hơi đã phá vỡ mạnh mẽ ảnh hưởng của các quan niệm tôn giáo về sự hình thành thế giới .-432.

La-ve-lê (Laveleye), Ê-min Lu-i Vích-to Đơ (1822 -1892) nhà sử học tư sản về kinh tế học Bỉ.-170, 239.

La-xke-rơ (Lasker), Ê-du-ác (1829-1884) — nhà hoạt động chính trị người Đức, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của đảng tự do dân tộc, ủng hộ chính sách của Bi-xmác, từ 1867 là đại biểu quốc hội.-215, 255.

Lát-tam (Latham), Rô-bớc Goóc-đơn (1812-1888) — nhà ngôn ngữ học và dân tộc học Anh, giáo sư Trường Đại học tổng hợp Luân Đôn.-319.

Lát-xa-rô-ni (Lazzaroni), Mi-kê-le, nam tước — nhà quý tộc I-ta-li-a, cháu họ của Sê-đa-rê Lát-xa-rô-ni.-535.

Lát-xa-rô-ni (Lazzaroni), Sê-da-rê, nam tước, (sinh năm 1825), - chánh thủ quỹ của Ngân hàng La Mã.-532, 534, 538.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825-1864) — nhà chính luận tiểu tư sản Đức, luật sư, trong những năm 1848-1849 tham gia phong trào dân chủ tỉnh Ranh, đầu những năm 60 tham gia phong trào công nhân và là một trong những người sáng lập Tổng hội đồng minh công nhân Đức (1863); ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" do Phổ nắm bá quyền; mở đầu khuynh hướng cơ hội trong phong trào công nhân Đức.- 89, 97, 109, 112, 142, 179, 261, 262, 335, 363-366, 420, 463, 617, 753.

Lét-xép (Lesseps), phéc-đi-năng Ma-ri, tử tước (1805-1894) — kỹ sư và nhà kinh doanh Pháp, người tổ chức công ty quốc tế xây dựng kênh đào Xuy-ê (1859-1869); người đứng đầu công ty Kênh đào Pa-na-ma; sau khi vụ án phe Pa-na-ma bại lộ, năm 1893 ông bị kết án 5 năm tù.- 536.

Lét-xép (Lesseps), Sác-lơ E-me Ma-ri (1849-1923) — nhà kinh doanh Pháp, con trai của Phéc-đi-năng Lét-xép, một trong những nhà quản lý công ty Kênh đào Pa-na-ma; sau khi vụ áp phe Pa-na-ma bại lộ, năm 1893 bị kết án một năm tù.-536.

Lây-ao-nơ (Leuthner), Các (sinh năm 1869) — nhà dân chủ — xã hội Áo, biên tập viên báo "Arbeiter - Zeitung"; từ 1911 là đại biểu quốc hội.-607.

Lét-xnơ(Lessner), Phri-đrích (1825-1910) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, thợ may; thành viên Đồng minh những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng 1848-1849; tại phiên tòa ở Khuên xử những người cộng sản (1852) ông bị kết án ba năm tù, từ 1856 sống lưu vong ở Luân Đôn, hội viên Hội giáo dục công sản của công nhân Đức ở Luân Đôn, ủy viên Tổng Hội đồng Quốc tế I, một trong những người sáng lập Đảng công nhân độc lập Anh, bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen.-389.

Lê-ô-pôn II(1747-1792) — hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1790-1792).-42.

Lê-vi (Levi), Li-on (1821-1888) — nhà kinh tế học, thống kê học và luật học tư sản Anh.-481.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 — 1873) — nhà bác học Đức lỗi lạc, một trong những người sáng lập ngành nông hóa.-462.

Li-ven, Khơ-ri-xtô-phơ An-đrây-ê-vích, công tước (1774-1839) nhà ngoại giao Nga, công sứ ở Béc-lin (1810-1812), đại sứ ở Luân Đôn (1812-1834).-26, 56.

Lin-ton (Linton), Uy-li-am Dgiêm-xơ (1812-1897) — thợ khắc, nhà thơ và nhà chính luận Anh, người thuộc phái cộng hòa, nhà xuất bản tạp chí "English Republic", trong đó đăng các bài viết của Ghéc-xen; năm 1866 sang sống ở Mỹ.-625.

Líp-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826-1900) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế; tham gia cuộc cách mạng 1848-1849, thành viên Đồng minh những người cộng sản; thành viên Quốc tế I, đấu tranh chống phái Lát-xan, bảo vệ các nguyên tắc của Quốc tế trong phong trào công nhân Đức; từ 1867 là đại biểu quốc hội; một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ — xã hội Đức, chủ bút báo "Volksstaat" (1869-1876) và báo "Vorwärts" (1890-1900); trong thời gian chiến tranh Pháp — Phổ, ông đứng trên lập trường chủ nghĩa quốc tế vô sản, ủng hộ Công xã Pa-ri; trong một số vấn đề, ông giữ lập trường điều hòa đối với chủ nghĩa cơ hội; đại biểu dự đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế 1889, 1891 và 1893; bạn chiến hữu của Mác và Ăng-ghen.- 109, 142, 179, 344, 364-365, 366, 804.

Lốc-cơ (Locke), Giôn (1632-1704) — nhà triết học kiệt xuất, người theo thuyết nhị nguyên, nhà duy cảm, nhà kinh tế học tư sản.-430.

Lơ-đruy Rô-lanh (Ledru-Rollin), A-lếch-xăng-đrơ Ô-guy-xtơ (1807-1874) — nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của những nhà dân chủ tiểu tư sản; chủ bút báo "Réforme"; năm 1848 là ủy viên chính phủ lâm thời, đại biểu Quốc hội lập hiến và lập pháp, nơi ông đứng đầu đảng Núi; sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 sang sống lưu vong ở Anh.-617, 654.

Lớp-bốc (Lubbock), Giôn (1834-1913) — nhà sinh học Anh theo thuyết Đác-uyn, nhà dân tộc học và khảo cổ học, nhà hoạt động tài chính và chính trị, phần tử tự do chủ nghĩa; tác giả một loạt công trình về lịch sử xã hội nguyên thủy.-321, 324.

Lu-i Bô-na-pác - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Na-pô-lê-ông — xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i-Phi-líp (1773 — 1850) — công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830-1848).-443, 452.

Lu-i XIV (1638 — 1715) — vua Pháp (1643 — 1715).-33.

Lu-i XVI (1754 — 1793) — vua Pháp (1774 — 1792), bị hành quyết trong thời gian cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.-283.

Lu-ki-an (khoảng 120 — khoảng 180) — nhà văn trào phúng cổ Hy Lạp kiệt xuất, nhà vô thần.-666.

Lu-thơ (Luther), Mác-tin (1483 — 1546) — nhà hoạt động nổi tiếng của Cải cách tôn giáo, người sáng lập đạo Tin lành (đạo Lu-thơ) ở Đức; nhà tư tưởng của giai cấp thị dân Đức; trong thời gian cuộc chiến tranh nông dân năm 1525, ông đứng về phía vua chúa, chống những nông dân và dân nghèo thành thị nổi dậy.-440.

Lưích-cơ (Lücke), Gốt-phrit Khri-xti-an Phri-đrích (1791 — 1855) — nhà thần học Tin lành Đức, giáo sư ở Bon, rồi ở Gơ-tin-ghen, tác giả của những bài bình luận kinh thánh.-691.

M

Ma-ri Te-rê-đi-a (1717 — 1780) — nữ hoàng của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1745 — 1780). —39.

Mác (Marx), Các (1848 — 1883) — (tư liệu tiểu sử). —23, 59, 60, 70, 89-92, 96-99, 113, 125, 128, 132-133-134, 140, 142-145, 147-142, 174-196, 202-270, 274, 276, 285, 287, 289, 292, 296-299, 303-304, 325, 328, 363, 364, 370-371, 372, 381, 387, 389, 397, 402, 415, 416, 419, 420, 423-430, 447, 463, 465, 474, 480, 500, 501, 502-509, 512, 513, 515, 516, 543, 544, 595, 601, 603, 606, 615-625, 632-638, 642-652, 708, 742, 752-758, 761, 762, 767, 807.

Mác-Ê-vơ-linh (Marx — Aveling), Ê-le-ô-no-ra (1855 — 1898) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Anh và phong trào công nhân quốc tế những năm 80 — 90, nhà chính luận, con gái của Các Mác, từ năm 1884 là vợ của E. Ê-vơ-linh; công tác dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ph. Ăng-ghen, tuyên truyền chủ nghĩa Mác, tham gia tích cực vào việc tổ chức phong trào rộng lớn của công nhân không lành nghề và tổ chức đấu tranh bãi công; tham gia tổ chức Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889, đại biểu dự hai đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1891 và 1893. —102-106, 149, 171-173, 176, 239-243, 246-252, 258, 259, 263, 387.

Mác (Marx), Gien-ni, nguyên họ là Phôn Ve-xtơ-pha-len (1814 — 1881), — vợ Các Mác, người bạn và trợ thủ chung thủy của ông. —387, 388, 501, 511.

Mác (Marx), Gien-ni (1844-1883) — nhà hoạt động của phong trào công nhân quốc tế, con gái đầu của Các Mác, từ 1872 là vợ của S. Lông-ghê.- 387, 511.

Mác (Marx), Hen-rích (1782 -1838) — bố của Các Mác; luật sư, rồi cố vấn pháp luật ở Tơ-ria. —500.

Mác-cơ Ao-rê-li An-tô-nin (121 — 180) — hoàng đế La Mã (161 — 180), nhà triết học khắc kỷ. -674.

Mác-khơ-đi — xem *Mu-ha-mét* — Ác-mét.

Mác-Kin-li (McKinley), Uy-li-am (1843 — 1901) — nhà hoạt động nhà nước Mỹ, một trong những người lãnh đạo đảng cộng hòa; từ 1877 nhiều lần được bầu làm đại biểu quốc hội; năm 1890 thông qua đạo luật nâng cao thuế quan có

lợi cho các nhà độc quyền; tổng thống Mỹ (1897 – 1901), thi hành chính sách đối ngoại xâm lược. –496.

Mác-ra-xto (Marrast), Ác-măng (1801 – 1852) – nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản ôn hòa, chủ bút báo "National"; năm 1848 là ủy viên của chính phủ lâm thời và thị trưởng Pa-ri, chủ tịch quốc hội lập hiến (1848 – 1849). –364.

Mác-ti-nhét-ti (Martignetti), Pa-xcu-a-lơ- nhà xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a, người dịch các tác phẩm của Mác và Ăng-ghen ra tiếng I-ta-lia.-309, 312.

Mác-ti-ni (Martini), Phéc-đi-năng (1841 – 1928) – nhà viết kịch, nhà báo và nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, thuộc cái gọi là "phái tả" tư sản, bộ trưởng giáo dục (1892 – 1993).- 533.

Man-nớc-xơ (Manners), Giôn Giêm-xơ Rô-bớc (1818 – 1906) – nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên Đảng Tu-ri, về sau là đảng viên đảng bảo thủ; trong những năm 40 thuộc nhóm "Nước Anh trẻ", nghị sĩ, nhiều lần giữ các cương vị bộ trưởng trong các chính phủ bảo thủ. –455.

Man-ten-lơ (Mantell), Ghi-đê-ôn On-giéc-nơn (1790 -1852) – nhà địa chất học và cổ sinh học Anh, trong các tác phẩm của mình, ông tìm cách điều hòa các dữ kiện khoa học với các chuyện thần thoại trong Kinh thánh. –431.

Man-toi-phen (Manteuffel), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 – 1882) – nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quan lại quý tộc; bộ trưởng nội vụ (tháng Mười một 1848 – tháng Mười một 1850), thủ tướng (1850 – 1858). –84.

Mát-di-ni (Mazzini), Giu-dép (1805 -1872) – nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa La-Mã; trong những năm 50, chống sự can thiệp của nước Pháp Bô-na-pác-tơ vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a; khi thành lập Quốc tế I vào năm 1864, ông tìm cách bắt tổ chức này phục tùng ảnh hưởng của mình, năm 1871 ông chống Công xã Pa-ri và Quốc tế, ngăn cản sự phát triển phong trào công nhân độc lập ở I-ta-li-a. –68, 507.

Mắc-lơn-nan (McLennan), Giôn Phéc-guy-xơn (1827 – 1881) – nhà luật học và sử học tư sản Xcốt-len, tác giả của các tác phẩm về lịch sử hôn nhân và gia đình.–311, 317-328.

Mắc-Ma-hông (Mác – Mahon), Ma-ri Ếp-mơ Pát-ri-xơ Mô-rit (1808 - 1893) -nhà hoạt động quân sự và chính trị phản động Pháp, nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, tham gia chiến tranh Crưm, chiến tranh I-ta-li-a và chiến tranh Pháp – Phổ; một trong những tên đao phủ tàn sát Công xã Pa-ri, tổng tư lệnh quân đội Vec-xay; tổng thống nền cộng hòa thứ ba (1873 – 1879). –704, 764.

Mây-xne (Meissner), Ốt-tô Các (1819 – 1902) – nhà xuất bản sách ở Hăm-buốc, đã xuất bản bộ "Tư bản" và một loạt tác phẩm khác của Mác và Ăng-ghen.–755.

Me-ring (Mehring), Phran-xơ (1846 -1919) – nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức, nhà sử học và chính luận; trong những năm 80 trở thành nhà mác-xít; đã viết một loạt tác phẩm về lịch sử nước Đức và lịch sử của Đảng dân chủ – xã hội Đức, tiểu sử C.Mác; là một trong những chủ bút của tạp chí "Neue Zeit"; một trong những thủ lĩnh và nhà lý luận của cánh tả trong Đảng dân chủ – xã hội Đức; đóng vai trò nổi bật trong việc thành lập Đảng cộng sản Đức. –263.

Men-gơ (Menger), An-tôn (1841-1906) – nhà luật học tư sản Áo, giáo sư Trường đại học tổng hợp Viên.- 419, 663, 664.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xô, công tước (1773-1859) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, phản tử phản động; bộ trưởng ngoại giao (1809-1821) và thủ tướng (1821-1848), một trong những người tổ chức Liên minh thần thánh.-61.

Mê-xa-i – Lê-ôm-pác-tơ (Mesa y Leompart), Hô-xê (1840-1904) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha, công nhân in, một trong những người tổ chức các phân bộ của Quốc tế I ở Tây Ban Nha, ủy viên Hội đồng Liên đoàn Tây Ban Nha (1871-1872) và ủy viên Liên đoàn Ma-đrit mới (1872-1873), đấu tranh tích cực chống chủ nghĩa vô chính phủ, một trong những người đầu tiên tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở Tây Ban Nha, một trong những người sáng lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha (1879); dịch một loạt tác phẩm của Mác và Ăng-ghen ra tiếng Tây Ban Nha.-292.

Mét-kin (Matkin), Uy-li-am – nhà hoạt động công liên Anh, người lãnh đạo công đoàn thợ mộc; trong những năm 90, chống việc các hội công liên Anh tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế.-492.

Mi-clô-ích (Miklosish). Phran-ti-sếch (1813-1891) — nhà bác học nổi tiếng, nhà ngôn ngữ học Xla-vơ, người sáng lập ngữ pháp so sánh của các ngôn ngữ Xla-vơ, người gốc Xlô-vê-ni.-32.

Mi-ken (Miquel). I-ô-han (1828-1901) — nhà hoạt động chính trị Đức, trong những năm 40 là thành viên Đồng minh những người cộng sản; về sau là phần tử tự do — dân tộc; trong những năm 90 là bộ trưởng tài chính Phổ.-346.

Mi-khai-lốp-xki, Ni-cô-lai Côn-xtăng-ti-nô-vich (1842-1904) — nhà xã hội học Nga, nhà chính luận và nhà phê bình văn học, nhà tư tưởng nổi tiếng của chủ nghĩa dân túy tự do, chống chủ nghĩa Mác, bảo vệ phương pháp chủ quan phần khoa học trong xã hội học; một trong những chủ bút của tạp chí "Kỷ sự nước nhà", và "Sự giầu có của Nga". —635.

Mi-se-li (Miceli). Lu-ít-gi (1824 — 1906) — nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, tham gia cuộc cách mạng 1848 — 1849 và phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; từ năm 1861 là nghị sĩ, thuộc cái gọi là "phái tả" tư sản, bộ trưởng nông nghiệp (1879 — 1881, 1888 — 1891). —531, 532.

Mô-li-e (Molière), Giăng Ba-ti-xtơ (họ thật là *Pô-cơ-lanh* (1622-1673) — nhà viết kịch Pháp vĩ đại.-207, 220, 225, 235, 265, 267.

Mo-ơ (More), Tô-mát (1478-1535) — nhà hoạt động chính trị Anh, thủ tướng, nhà văn theo chủ nghĩa nhân đạo, một trong những đại biểu đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản không tưởng, tác giả cuốn "Không tưởng".-36.

Moóc-gan (Morgan). Luy-xơ Hen-ri (1818-1881) — nhà bác học tối lạc Mỹ, nhà dân tộc học, khảo cổ học và sử học nghiên cứu lịch sử xã hội nguyên thủy, nhà duy vật tự phát.-311-312, 319, 321-328.

Moóc-gan (Morgan) — đại tá Mỹ, anh em với L. H. Moóc-gan.- 328.

Mô-ha-mét A-li (1769-1849) — người cai trị Ai Cập (1805-1849); đã tiến hành một loạt cải cách tiến bộ, trong những năm 1831-1833 và 1839 — 1840 tiến hành chiến tranh chống vua Thổ Nhĩ Kỳ nhằm biến Ai Cập thành nhà nước độc lập đối với Thổ Nhĩ Kỳ.-59.

Mô-ha-mét Ác-mét (1843-1885) — nhà truyền giáo đạo Hồi, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc nổ ra năm 1881 chống thực dân Anh ở Xu-đăng.-664.

Mô-xkhơ — nhà thơ cổ Hy Lạp giữa thế kỷ II trước công nguyên.-706.

Môn-tơ-kê (Moltke). Hen-mút Các-lơ Bec-hác (1800-1891) — tướng Phổ, từ năm 1871 là nguyên soái, nhà hoạt động quân sự và nhà văn phản động, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa sô vanh Phổ; từ 1835 đến 1839 phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ; tổng tham mưu trưởng Phổ (1857-1871) và tổng tham mưu trưởng đế quốc (1871-1888).-12, 18, 59, 80.

Mu-đi (Moody). Đoai-tơ Li-man (1837-1899) — nhà hoạt động tôn giáo và truyền giáo đạo Tin lành Mỹ.- 451.

Mu-ơ (Moore). Xa-mu-en (khoảng 1830-1912) — nhà luật học Anh, thành viên Quốc tế I, (đã cùng với E. Ê-vơ-linh) dịch ra tiếng Anh tập I bộ "Tư bản" và "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", bạn của Mác và Ăng-ghen.-92-93.

Mun-đen-la (Mundella). An-tô-ni Giôn (1825-1897) — nhà hoạt động nhà nước và chủ xưởng Anh, từ 1868 là nghị sĩ, giữ một loạt cương vị Bộ trưởng.-216, 232-233.

N

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769-1821) — hoàng đế Pháp (1804-1814 và 1815).-44-49, 52, 57, 129, 282, 288, 374, 423, 572, 599, 716.

Na-pô-lê-ông III (Lu-i — Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ) (1808-1873) — cháu của Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền cộng hòa thứ hai (1848-1851), hoàng đế Pháp (1852-1870).-64, 68-69, 70, 274, 278, 279, 402, 415, 451, 506, 513, 552, 755, 762, 763, 799.

Na-vu-hô-đô-nô-xo (khoảng 604 — khoảng 562 trước công nguyên) — vua xứ Ba-bi-lon.-676.

Nê-đê-gio-đê (Nadejde). I-on (1854-1928) — nhà chính luận Ru-ma-ni, nhà dân chủ — xã hội, ông là người dịch các tác phẩm của Ăng-ghen ra tiếng Ru-ma-ni; trong những năm 90 chuyển sang lập trường cơ hội chủ nghĩa, năm 1899 theo đảng tự do — dân tộc tư sản và chống phong trào công nhân.-312.

Nê-rôn (37-68) — hoàng đế La Mã (54-68).-692-695.

Nê-xen-rô-đe, Các Va-xi-lê-vích, bá tước (1780-1862) — nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga; thủ tướng, bộ trưởng ngoại giao (1816-1856).-26, 56, 60.

Ni-cô-lai I (1796-1855) — hoàng đế Nga (1825-1855).-57, 62-65, 379, 543, 638, 789.

Ni-cô-lai II (1868-1918) — hoàng đế Nga (1894-1917).-776.

Niu-ven-hây (Nieuwenhuis). Phéc-đi-năng Đô-me-la (1846-1919) nhà hoạt động của phong trào công nhân Hà Lan, một trong những người sáng lập Đảng dân chủ — xã hội Hà Lan, từ 1888 là nghị sĩ; đại biểu dự các đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1899, 1891 và 1893; trong những năm 90 chuyển sang lập trường vô chính phủ.-355.

O

Oa. (Watt), Giêm-xơ (1736-1819) — nhà phát minh Anh kiệt xuất, đã thiết kế động cơ hơi nước vạn năng.-449.

Oát-xơ (Watts), Giôn (1818-1887) — nhà chính luận Anh, lúc đầu là nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, môn đệ của Ô-oen, về sau là phần tử tự do chủ nghĩa tư sản, kẻ bảo chữa cho chủ nghĩa tư bản.-198.

Oen-lin-tơn (Wellington), Ác-tua Oen-xli, công tước (1769-1852) — tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên Đảng To-ri; trong những năm 1808-1814 và 1815 chỉ huy quân đội trong các cuộc chiến tranh chống Pháp thời Na-pô-lê-ông; cục trưởng cục pháo binh (1818-1827), tổng chỉ huy quân đội Anh (1827-1828, 1842-1852), thủ tướng (1828-1830), bộ trưởng ngoại giao (1834-1835).-50.

Ôét-min-xtơ công tước — xem *Grốp-no*.

Ốc-lốp , A-lếch-xây Phê-đô-rô-vich, bá tước, sau 1856 là công tước (1786-1861) — nhà hoạt động quân sự và nhà hoạt động nhà nước, nhà ngoại giao Nga; ký Hiệp ước A-đri-a-nô-pôn (1825) và Hiệp ước Un-ki-a - I-xkê-lê-xi (1833) với Thổ Nhĩ Kỳ, cầm đầu đoàn đại biểu Nga tại Đại hội Pa-ri (1856).-68.

Ốc-lê-ăng — vương triều ở Pháp (1830-1848).-75.

Ô-guy-xtơ (63 trước công nguyên — 14 công nguyên) — hoàng đế La Mã (27 trước công nguyên — 14 công nguyên).- 69 3.

Ô-oen (Owen) Rô-bớc (1771-1858) — nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh vĩ đại.-98, 310, 431, 484, 631.

Ô-oen-xơ (Owens), Giôn (1790-1846) — thương nhân Anh, người sáng lập trường cao đẳng ở Man-se-xtơ.- 462, 464.

Ô-tôn (Mác Xan-vi Ô-tôn) (32-69) — nhà hoạt động nhà nước Rô-ma, tiết sử (tổng đốc)tỉnh Lu-di-ta-ni (miền tây — nam bán đảo Pi-rê-nê); tháng Giêng 69, lợi dụng sự bất bình của quân đội và dân chúng chống sự cai trị của Gan-ba, ông tổ chức một vụ âm mưu của quân cận vệ chống Gan-ba và sau khi giết Gan-ba, ông xưng hoàng đế; tháng Tư 69 bị thất bại trong cuộc nội chiến kéo dài và tự sát.-692, 694.

Ơ-đơ (Eudes), Ê-min Đê-đi-rê Phrăng- xoa (1843-1888) — nhà cách mạng Pháp, người thuộc phái Blăng-ki, tướng của đội cận vệ quốc gia và ủy viên Công xã Pa-ri, sau khi Công xã bị dẹp tan, sang sống ở Thụy Sĩ rồi ở Anh; sau khi trở về Pháp (theo lệnh ân xá năm 1880), là một trong những người tổ chức Ủy ban cách mạng trung ương của phái Blăng-ki.-283, 616.

P

Pa-ven I (1754-1801) — hoàng đế Nga (1796-1801).-26-27, 43, 44, 57-58.

Pác-nen (Parnell), Uy-li-am — nhà hoạt động công đoàn Anh, làm nghề thợ mộc, thủ lĩnh công đoàn thợ gỗ hồng sắc, trong những năm 80 — 90 chủ trương các hội công liên Anh tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế, đại biểu dự Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1891.-492.

Pan-grây-vơ (Palgrave), Rô-bớc Ga-ri In-glích (1827-1919) — chủ ngân hàng và nhà kinh tế học Anh, nhà xuất bản tạp chí "Economist" (1877-1883).-406, 483.

Pan-mớc-xtơn (Palmerston), Hen-ri Giôn Tem-pơn; tử tước (1784-1865) — nhà hoạt động nhà nước Anh; lúc mới bắt đầu hoạt động, là đảng viên đảng To-ri, từ 1830 là một trong những thủ lĩnh của đảng Vích, dựa vào các phần tử hữu trong đảng này; bộ trưởng ngoại giao (1830 — 1834, 1835-1841 và 1846-1851), bộ trưởng nội vụ (1852-1855) — và thủ tướng (1855-1858 và 1859-1865).-60, 64, 506, 513.

Phan-mê-rai-e (Fallmerayer) I-a-cốp Phi-líp (1790-1861) — nhà sử học và nhà lữ hành Đức.-697.

Phao-xét (Fawcett), Hen-ri (1833-1884) — nhà kinh tế học tư sản tầm thường Anh, từ 1865 là nghị sĩ, phần tử tự do chủ nghĩa.-207.

Phe-ri (Ferry), Giuy-lơ Phrăng-xoa Ca-mi-lơ (1832-1893) — luật sư, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản ôn hòa; ủy viên chính phủ phòng thủ quốc gia, thị trưởng Pa-ri (1870-1871), ráo riết đấu tranh với phong trào cách mạng, chủ tịch hội đồng bộ trưởng (1880-1881 và 1883-1885), thi hành chính sách thuộc địa ráo riết.-273, 616.

Phéc-đi-năng VII (1784-1833) — vua Tây Ban Nha (1808 và 1814-1833).-600,

Phê-ô-crit — nhà thơ cổ Hy Lạp thế kỷ III trước công nguyên.-706.

Pho-xtơ (Forster), Uy-li-am Ét-uốt (1818-1886) — chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị người Anh, phần tử tự do chủ nghĩa, nghị sĩ, bộ trưởng phụ trách vấn đề Ai-len (1880-1882); thi hành chính sách đàn áp khốc liệt phong trào giải phóng dân tộc.-452, 454.

Phoóc-tit (Fortis), A-lếch-xan-đrơ (1842-1903), — luật sư và nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, từ 1880 là nghị sĩ, một trong những thủ lĩnh của cái gọi là "phái tả" tư sản.-535.

Phô-gtơ (Fogt), Các (1817-1895) — nhà khoa học tự nhiên Đức, nhà duy vật tầm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848-1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; năm 1849 rời Đức ra nước ngoài; trong những năm 50-60 là gián điệp mật được trả lương của Lu-i Bô-na-pác-tơ, một trong những kẻ ráo riết tham gia săn đuổi vu khống các nhà cách mạng vô sản; bị Mác vạch mặt trong bài đả kích "Ngài Phô-gtơ" (1860).-506, 513, 615.

Phôn-ma (Vollmar), Ghê-oóc Hen-rích (1850-1922) — nhà dân chủ — xã hội Đức, một trong những thủ lĩnh của cánh cơ hội, cải lương trong Đảng dân chủ — xã hội Đức; nhiều lần được bầu làm đại biểu quốc hội Đức và quốc hội Ba-vi-e; trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, là phần tử xã hội -sô-vanh.-710, 711.

Phôn-tan (Fontane), Ma-ri-út (1838-1914) — nhà văn Pháp, một trong những người quản lý công ty Kênh đào Pa-na-ma, sau khi vụ áp phe Pa-na-ma bại lộ, năm 1893 bị kết án hai năm tù, nhưng sau đó được tha.-536.

Phi-líp II Ma-xê-đoan (khoảng 382-336 trước công nguyên) — vua Ma-xê-đoan (359-336 trước công nguyên).-686.

Phi-lông A-lếch-xan-đri (khoảng 20 trước công nguyên — khoảng 54 công nguyên).- đại biểu chủ yếu của triết học tôn giáo Do Thái giáo A-lếch xan-đrơ, có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành môn thần học Cơ Đốc giáo.-673, 678, 687.

Phla-vi — vương triều các hoàng đế La-Mã (69-96).-674.

Phlô-công (Flocon), Phéc-đi-năng (1800-1866) — nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những chủ bút báo "Réforme", năm 1848 là ủy viên của chính phủ lâm thời.-654.

Phlô-cơ (Floquet), Sác Tô-ma (1828-1896) — nhà hoạt động nhà nước Pháp, phần tử cấp tiến tư sản, nghị sĩ hạ nghị viện (1876-1893), nhiều lần được bầu làm chủ tịch hạ nghị viện, chủ tịch hội đồng bộ trưởng (1888-1889); năm 1892 bị vạch mặt là đã tham gia vụ áp phe Pa-na-ma, bị buộc phải thôi hoạt động chính trị tích cực.-537.

Phrây-xi-nê (Freycinet), Sác Lu-i *Đơ Cô-tơ Đơ* (1828-1923) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; nhiều lần giữ các cương vị bộ trưởng; chủ tịch hội đồng bộ trưởng (1879-1880, 1882, 1886, 1890 — 1892); năm 1892 bị mất uy tín do vụ áp phe Pa-na-ma bại lộ, buộc phải từ chức và một thời gian thôi hoạt động chính trị tích cực.-536.

Phri-đrích II (được gọi đùa là "đại đế") (1712-1786) — vua Phổ (1740-1786).-13, 33, 38-42, 561, 745, 774.

Phri-đrích III (1831-1888) — vua Phổ và hoàng đế Đức (9 tháng Ba — 15 tháng Sáu 1888).-16.

Phri-đrích — Vin-hem II (1744-1797) — vua Phổ (1786-1797).- 42.

Phri-đrích — Vin-hem III (1770-1840) — vua Phổ (1797-1840).- 49.

Phri-đrích — Vin-hem IV (1795-1861) — vua Phổ (1840-1861).- 61.

Phu-ri-ê (Fourier), Sác-lơ (1772-1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp vĩ đại.- 98, 310, 328, 683.

Pi-i-Mác-gan (Pi y Margall), Phran-xi-xcô (1824-1901) — nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thủ lĩnh của phái cộng hòa liên bang tả, chịu ảnh hưởng của các tư tưởng chủ nghĩa xã hội không tưởng; luật sư và nhà văn; tham gia hai cuộc cách mạng tư sản (1854-1856 và 1868 — 1874), bộ trưởng nội vụ (19 tháng Hai

— 11 tháng Sáu 1873); tổng thống lâm thời (11 tháng Sáu — 18 tháng Bảy 1873) của chính phủ cộng hòa.- 620.

Pi-ốt I (1672-1725) — Nga hoàng từ năm 1682, hoàng đế toàn Nga từ năm 1721.-31, 33-34, 40.

Pi-ốt III (1728-1762) — hoàng đế Nga (1761-1762).- 38.

Pin-đa-rơ (khoảng 522 — khoảng 442 trước công nguyên) — nhà thơ cổ Hy Lạp, tác giả các tụng ca long trọng.-267.

Pla-tôn (khoảng 427 — khoảng 347 trước công nguyên) — nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của giới quý tộc chủ nô.-673.

Plê-kha-nốp, Ghê-oóc-ghi Va-len-ti-nô-vích (1856-1918) — nhà hoạt động kiệt xuất của phong trào công nhân Nga và phong trào công nhân quốc tế, nhà triết học và người tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở Nga, người sáng lập tổ chức mác-xít Nga đầu tiên — nhóm "Giải phóng lao động"; đại biểu dự hai đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889 và 1893; trong những năm 80 — 90, đấu tranh với chủ nghĩa dân túy, chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân quốc tế, về sau là người men-sê-vích, trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất là người xã hội — sô-vanh.-356, 602, 627, 633.

Pôt-xô-đi — Boóc-gô, Các-lô O-xi-pô-vích, bá tước (1764-1842) - nhà ngoại giao Nga, người Nga gốc Coóc-xơ, từ 1814 đến 1821 là công sứ, từ 1821 đến 1835 là đại sứ ở Pa-ri, rồi ở Luân Đôn (1835-1839).-26, 56.

Pri-xtơ-li (Priestley), Giô-dép (1733-1804) — nhà hóa học Anh nổi tiếng, nhà triết học duy vật và nhà hoạt động xã hội tiến bộ, nhà tư tưởng của bộ phận cấp tiến trong giai cấp tư sản Anh thời kỳ cách mạng công nghiệp.-430.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809-1865) — nhà chính luận, nhà kinh tế học và xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những thủy tổ của chủ nghĩa vô chính phủ.-97, 285-286, 287, 292-293, 502, 512, 515, 681.

Pu-skin, A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích (1799-1837) — đại thi hào Nga.-48.

Q

Quen-sơ (Quelch), Ha-ri (1858-1913) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Anh, một trong những người lãnh đạo của những hội công liên mới và cánh tả những người xã hội chủ nghĩa Anh, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chính sách công nhân tự do chủ nghĩa trong phong trào công nhân Anh, ủng hộ trào lưu tả trong các đảng của Quốc tế II; đại biểu dự các đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1891 và 1893.-492.

R

Ra-vê (Ravé) An-ri- nhà báo Pháp, người dịch các tác phẩm của Ăng-ghen ra tiếng Pháp.-514.

Rây-nắc (Reinach), Giắc, nam tước (mất năm 1892)- chủ ngân hàng Pháp, chỉ đạo công việc tài chính của công ty Kênh đào Pa-na-ma, sau khi vụ áp phe Pa-na-ma bại lộ, ông tự sát.-537.

Ri-các-đô (Ricardo), Đa-vít (1772-1823)- nhà kinh tế học Anh, một trong số những đại biểu lớn nhất của Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển.-303.

Rích-tơ (Richter), Ăng-ghen (1838-1906)- nhà hoạt động chính trị Đức, thủ lĩnh đảng tự do tư tưởng, đại biểu quốc hội.-568.

Roi (Roy), Hen-ri — thầy thuốc và nhà kinh tế học Anh.-151, 152-153, 156-157, 178, 181-184, 188, 208, 213, 214, 219, 220, 222-226, 234, 235, 261-265, 267.

Rô-bin (Robin), Pôn (sinh năm 1837) — nhà giáo Pháp, theo phái Ba-cu-nin, một trong những người lãnh đạo Đồng minh dân chủ xã hội chủ nghĩa, ủy viên Tổng Hội đồng (1870-1871), đại biểu dự Đại hội Ba-lơ (1869) và Hội nghị đại biểu Luân Đôn (1871) của Quốc tế I.-515.

Rô-giơ-xơ (Rogers), Giêm-xơ Ét-uyn Tô-rơn (1823-1890) — nhà kinh tế học tư sản Anh, tác giả một loạt công trình về lịch sử kinh tế quốc dân Anh.-197.

Rô-xcô (Roscoe). Hen-ri En-phin (1833-1915) — nhà hóa học Anh, tác giả một loạt sách chỉ nam về hóa học.-462.

Rốt-sin — triều đại những nhà tài chính có ngân hàng ở nhiều nước châu Âu.-87-88, 395, 472, 791.

Rê-năng (Renan). Éc-ne-xtơ Giô-dép (1823-1892) — nhà sử học Pháp nghiên cứu lịch sử tôn giáo, nhà triết học duy tâm, nổi tiếng vì những công trình nghiên cứu lịch sử đạo Cơ Đốc ban đầu.-665, 672, 675, 691, 695.

Ru-đi-ni (Rudini). An-tô-ni-ô Xtác-ráp-ba, hầu tước (1839-1908) — nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, đại địa chủ, phần tử tự do ôn hòa; thủ tướng (1891-1892 và 1896-1898); thi hành chính sách đàn áp phong trào công nông.-530, 532, 539.

Ru-gơ (Ruge). Ác-nôn (1802-1880) — nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, phần tử cấp tiến tư sản; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; trong những năm 50 là một trong những thủ lĩnh của giới tiểu tư sản Đức sống lưu vong ở Anh; sau 1866 là phần tử tự do dân tộc.-501, 512.

Ru-vi-ê (Rouvier). Mô-rít (1842-1911) — nhà hoạt động nhà nước Pháp, người cộng hòa tư sản ôn hòa; nhiều lần giữ cương vị bộ trưởng và chủ tịch hội đồng bộ trưởng; bị vạch mặt năm 1892 là đã tham gia vụ áp phe Pa-na-ma, buộc phải từ chức và một thời gian thôi hoạt động chính trị tích cực.-375, 536, 539.

Ruê-xle (Rößler). Côn-xtan-tin (1820-1896) — nhà chính luận và quan lại Đức; với tư cách người lãnh đạo vài phòng sách báo bán chính thức ở Béc-lin (1877-1892) đã bảo vệ chính sách của Bi-xmác.-780.

S

Sa-tô-bri-ăng (Chateaubriand). Phrăng-xoa Rê-nê, tử tước Đơ (1768-1848) — nhà văn Pháp nổi tiếng, nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động, bộ trưởng ngoại giao (1822-1824), đại biểu của Pháp tại Đại hội Vê-rôn (1822).-55.

Sác-lơ I (1600-1649) — vua Anh (1625-1649), bị xử tử trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII.-442.

Sác-lơ X (1757-1836) — vua Pháp (1824-1830).-55.

Sác-lơ XII (1682-1718) — vua Thụy Điển (1697-1718).-29.

Sáp-ca (Czapka), nam tước — cố vấn Chính phủ Áo.-594.

Séc-nư-sép-xki, Ni-cô-lai Ga-vri-lô-vích (1828-1889) — nhà dân chủ cách mạng Nga vĩ đại, bác học, nhà văn và nhà phê bình văn học; một trong những tiền bối kiệt xuất của Đảng dân chủ — xã hội Nga.- 626-628, 637, 640.

Sếch-xpia (Shakespeare). Uy-li-am (1564-1616) — đại văn hào Anh.-250-251, 258.

Sếp-xbe-ri (Shaftesbury). An-tô-ni, bá tước (1671-1713) — nhà triết học — đạo đức học Anh, đại biểu nổi tiếng của tự nhiên thần luận, nhà hoạt động chính trị, đảng viên đảng Vích.- 445.

Si-lơ (Schiller). Phri-đrích (1759-1805) — đại văn hào Đức.- 216.

Si-pri-a-ni (Cipriani). A-min-ca-rê (1845-1918) — nhà xã hội chủ nghĩa I-ta-li-a; trong những năm 60 theo Ga-ri-ban-đi, tham gia Công xã Pa-ri, một trong những phó chủ tịch của Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế năm 1889.-788.

Sip-xon (Shipton). Giôóc-giơ — nhà hoạt động của phong trào công liên Anh, phần tử cải lương, thư ký hội công liên thợ sơn và trong những năm 1871-1896 là thư ký Hội đồng công liên Luân Đôn.- 105.

Sóoc-lem-mơ (schorlemmer). Các (1834-1892) — nhà hóa học hữu cơ Đức cỡ lớn, nhà duy vật biện chứng; giáo sư ở Man-se-xtơ, đảng viên đảng dân chủ — xã hội Đức; bạn của Mác và Ăng-ghen.-462-466.

Siếc-nơ-bếc Lép I-a-cốp-lê-vích (1861-1927) — nhà dân tộc học Nga, do tham gia các tổ chức dân túy đã bị đầy đi Xa-kha-lin (1889-1897), ở đây ông nghiên cứu dân cư địa phương trên góc độ dân tộc học; từ năm 1918 là giáo sư trường đại học tổng hợp Lê-nin-grát, từ năm 1924 là viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học Liên Xô.- 520-523.

Stơ-rau-xơ (Strauß). Đa-vít Phri-đrích (1808-1874) — nhà triết học và nhà chính luận Đức, một trong những người nổi tiếng thuộc phái Hê-ghen trẻ, tác giả cuốn "Cuộc đời chúa Giê-su", sau 1866 là phần tử tự do dân tộc.-672.

Stum (Stumm). Các (1836-1901) — nhà công nghiệp Đức cỡ lớn, phần tử bảo thủ, kẻ thù độc ác của phong trào công nhân.-743.

Svác-xen-béc (Schwarzenberg). Phê-lích (1800-1852) — nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động Áo; sau khi cuộc khởi nghĩa ở Viên tháng Mười 1848 bị dẹp tan, là thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao.-63.

T

Ta-lây-răng-Pê-ri-go (Talleyrand — Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754-1838) — nhà ngoại giao Pháp nổi tiếng, bộ trưởng ngoại giao (1797-1799, 1799-1807, 1814-1815), đại biểu của Pháp tại Đại hội Viên (1814-1815); đại sứ ở Luân Đôn (1830-1834).-52.

Ta-xít (Pu-bli-út Cóoc-nê-li-út Ta-xit) (khoảng 55 — khoảng 120) — nhà sử học La Mã lớn nhất, tác giả các tác phẩm "Nước Đức", "Lịch sử", "Sử biên niên".-323, 676, 693, 699.

Tan-lon-gô (Tanlongo), Péc-na-đô (sinh khoảng năm 1820) — nhà kinh doanh I-ta-li-a cỡ lớn, từ năm 1882 là giám đốc Ngân hàng Rô Ma.-531, 532, 535-537.

Tay-lo (Taylor), Xét-li (nửa cuối thế kỷ XIX — đầu thế kỷ XX) — người tham gia phong trào hợp tác xã ở Anh, tuyên truyền chế độ công nhân dự phần trong lợi nhuận của các nhà tư bản.- 147, 149, 170-174, 182, 190, 193, 239-251, 257-260, 263.

Tây-lo (Taylor), E-đu-ác Béc-nét (1832-1917) — nhà dân tộc học Anh nổi tiếng, người xây dựng trường phái tiến hóa trong lịch sử văn hóa và trong dân tộc học.-313.

Tây-xtơ-le (Teistler), Héc-man — nhà dân chủ xã hội Đức, một trong những thủ lĩnh của "phái trẻ", năm 1890 là chủ bút báo "Sächsische Arbeiter- Zeitung" -135

Tca-rếp, Pi-e Ni-ki-ti-chơ (1844-1885) — nhà cách mạng Nga, nhà chính luận, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa dân túy.-622, 626.

Ti-bê-ri (42 trước công nguyên — 37 công nguyên) — hoàng đế La Mã (14-37).-692.

Ti-khô-mi-rốp, Lép A-lếch-xan-đrô-vích (1852-1923) — nhà chính luận Nga, đảng viên nổi tiếng của đảng "Dân ý"; từ cuối những năm 80, phản bội phong trào cách mạng, phần tử bảo hoàng.-27.

Tóoc-lô-ni-a (Torlonia), Đgiu-li-ô, công tước (1847-1914) — quý tộc I-ta-li-a, chủ tịch hội đồng quan sát của Ngân hàng Rô Ma.-531, 534.

Tóoc-nơ (Thorne), Uy-li-am Đgiêm-xơ (1857-1946) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, thành viên Liên đoàn dân chủ-xã hội, cuối những năm 80 — đầu những năm 90, là một trong những người tổ chức phong trào rộng lớn của công nhân không lành nghề, thư ký Công đoàn công nhân các xí nghiệp hơi đốt và lao công; từ 1906 là nghị sĩ; trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất là phần tử xã hội — sô-vanh.- 492.

Tôm-xơn (Thompsons), Uy-li-am (khoảng 1785-1833) — nhà kinh tế học Ai-len, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, môn đồ của R.Ô-oen, sử dụng lý luận của Ri-các-đô để rút ra những kết luận xã hội chủ nghĩa.-419.

To-ria (Trier), Héc-xôn (sinh năm 1851) — nhà dân chủ — xã hội Đan Mạch, một trong những thủ lĩnh của thiểu số cách mạng trong Đảng dân chủ — xã hội Đan Mạch, nhà giáo; chống chính sách cải lương của cánh cơ hội trong đảng; người dịch các tác phẩm của Ăng-ghen ra tiếng Đan Mạch.-312.

U

Uây-cơ-phin (Wakefield), Et-uốt *Híp-bơn* (1796-1862) — nhà hoạt động nhà nước Anh, nhà kinh tế học đã đề ra lý thuyết tư sản về thực dân hóa.-215, 228, 236.

Uốc-các-tơ (Urquhart), Đa-vít (1805-1877) — nhà ngoại giao Anh, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị phản động, kẻ thân Thổ Nhĩ Kỳ; trong những năm 30 đã thi hành nhiệm vụ ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 1847-1852 là nghị sĩ, đảng viên đảng To-ri.-24, 25, 61.

Um-béc-tô I (1844-1900) — vua I-ta-li-a (1878-1900).-534.

Uyn-xơn (Wilson), Giô-dép Khắp-lốc (1858-1929) — nhà hoạt động của phong trào công liên Anh, người tổ chức và chủ tịch (từ năm 1887) Công đoàn thủy thủ và thợ đốt lò toàn quốc; từ năm 1892 nhiều lần được bầu làm nghị sĩ, người chủ trương hợp tác với giai cấp tư sản; trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, là phần tử xã hội — sô-vanh.-487, 591.

V

Vai-đăng (Vaillant), E-đu-a Ma-ri (1840-1915) — nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, theo

Phi Blăng-ki; ủy viên công xã Pa-ri, ủy viên Tổng hội đồng Quốc tế I (1871-1872); đại biểu dự hai đại hội công nhân quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1889 và 1891; một trong những nhà sáng lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp (1901), trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất đứng trên lập trường xã hội sô-vanh.-286, 616.

Vai-tlinh (Weitling), Vin-hem (1808-1871) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ nó mới nảy sinh, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng, làm nghề thợ may.-98, 363, 411, 412, 665, 668, 680.

Van-đo-bin-tơ — triều đại những trùm tài chính và công nghiệp Mỹ lớn nhất.-395, 472.

Ve-xto-pha-len, Gien-ni — xem *Mác*, Gien-ni.

Vép (Webb) (đúng hơn, là *Uê-bơ*) Xit-nây Dgiêm-xơ (1859-1947) — nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những nhà sáng lập Hội Pha-biêng, cùng vợ là Bê-a-tơ-rit Vê-bơ viết một loạt tác phẩm về lịch sử và lý luận về phong trào công nhân Anh, trong đó ông phát biểu ý tưởng rằng có thể giải quyết vấn đề công nhân trong điều kiện chủ nghĩa tư bản.-809.

Vi-ten-li (A-vlô Vi-ten-li) (15-69) — nhà hoạt động nhà nước La Mã, trong những năm 60 là sứ tiết (tổng đốc) ở Đức, tháng Giêng 69 được tuyên bố là hoàng đế, song vào cuối năm bị thất bại trong cuộc nội chiến kéo dài và bị giết.-676, 692.

Vếc-gi-li-ơ (Pu-bli Vec-ghi-li-Ma-rôn) (70-19 trước công nguyên) — thi sĩ La Mã lỗi lạc.-215.

Vin-hem I (1797-1888) — vua Phổ (1861-1888) và hoàng đế Đức (1871-1888).-12-13, 18-19, 69, 764.

Vin-hem II (1859-1941) — vua Phổ và hoàng đế Đức (1888-1918).-11-13, 18, 19, 79, 84, 777, 788, 797-799.

Vin-hem IV (1765-1837) — vua Anh (1830-1837).-61.

Vin-le (Wille), Bru-nô (1860-1928) — nhà văn và nhà hoạt động sân khấu Đức, cuối những năm 80 gia nhập đảng dân chủ — xã hội; một trong những người lãnh đạo nhóm "phái trẻ".-135.

Vô-băng (Vauban), Xê-ba-xchiêng Brét-tơ-rơ (1633-1707) — nguyên soái Pháp, kỹ sư quân sự, phê phán chế độ thuế khóa Pháp.-381, 791.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật là *A-ru-ê*) (1694-1778) — nhà triết học tự nhiên thần luận của Pháp, nhà văn châm biếm, nhà sử học, đại biểu có tiếng tăm của thời đại Ánh sáng tư bản thế kỷ XVIII, chống chế độ quân chủ chuyên chế về đạo Thiên chúa.- 177, 666.

X

Xan-kỳ (Sankey), Ai-ra Da-vit (1840-1908) — nhà truyền giáo đạo Tin lành Mỹ.-451.

Xan-me-rôn-i - A-lôn-xô (Salmerón Y Alonso), Ni-cô-lai (1838-1908) — nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản, giáo sư sử học và triết học Trường đại học tổng hợp Ma-đrit; tổng thống lâm thời Cộng hòa Tây Ban Nha (18 tháng Bảy — 7 tháng Chín 1873).-621.

Xanh-Pôn (Saint-Paul), Vin-hem (khoảng 1815-1852) — quan lại trong bộ nội vụ Phổ, năm 1843 là quan chuyên kiểm duyệt báo "Rheinische Zeitung".-501.

Xanh-Xi-mông (Saint Simon), An-ri (1760-1825) — nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp vĩ đại.-138, 310, 683, 792.

Xê-da (Gai Giu-li Xê-da) (khoảng 100-44 trước công nguyên) — tướng lĩnh La Mã nổi tiếng, nhà hoạt động nhà nước và nhà văn, tác giả "Ký sự chiến tranh La Hay".-323.

Xê-lép-kit-đơ — triều vua trị vì ở một trong những quốc gia lớn nhất thuộc Hy Lạp ở châu Á (312-64 trước công nguyên).-690.

Xê-nê-ca (Zu-i An-nây Xê-nê-ca) (khoảng 4 trước công nguyên - 65 công nguyên) — nhà triết học, nhà văn và nhà hoạt động chính trị La-Mã, một trong những đại biểu cỡ lớn nhất của cái gọi là trường phái khắc kỷ mới, bằng học thuyết duy tâm phản động của mình về đạo đức học ông đã ảnh hưởng đến sự hình thành giáo lý đạo Cơ Đốc.-673.

Xi-ghi-đa (Ma-lắc-xi-a-nô), Na-đê-giơ-đa Côn-xtan-ti-nốp-na (1862-1889) — nhà sử học cách mạng Nga, đảng viên đảng "Dân ý", tự sát do không chịu được nhục hình trong nhà tù.-76.

Xmít (Smith), A-đam (1723-1790) — nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu cơ lớn nhất của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển.-48, 224.

Xmít (Smith), Rô-bớc An-guýt (1817-1884), nhà hóa học Anh.-462.

Xô-crát (khoảng 469 — khoảng 399 trước công nguyên) — nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của giai cấp quý tộc chủ nô.-667.

Xô-lông (khoảng 638 — khoảng 558 trước công nguyên) — nhà lập pháp nổi tiếng của A-ten, do tác động của quần chúng nhân dân đã tiến hành một loạt cải cách nhằm chống lại giới quý tộc huyết thống.-634.

Xtê-phan (Stephan), Hen-rích (1831-1897) — nhà hoạt động nhà nước Đức, người tổ chức và đứng đầu ngành bưu điện Đế quốc Đức.-123.

Xtiu-ác — triều vua trị vì ở Xcốt-len từ 1371 và ở Anh (1603 -1649, 1660-1714).-445.

Xtiu-ác (Steuart), Giêm-xơ (1712-1780) — nhà kinh tế học tư sản Anh, một trong những đại biểu cuối cùng của chủ nghĩa trọng thương.-253.

Y

Y-âng(Young), Ác-tua (1741-1820) — nhà nông học và nhà kinh tế học tư sản Anh, tác giả cuốn sách "Du lịch Ai-len" xuất bản cuối thế kỷ XVIII.-197.

TÊN CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-ga-mơ-nông — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là người chỉ huy quân đội Hy Lạp trong thời kỳ chiến tranh Tơ-roa, bị vợ là Cli-tem-nơ-xtơ-rơ và E-ghi-xtơ giết; nhân vật trong bi kịch cùng tên của E-sin (phần thứ nhất của kịch ba hồi "Ô-rê-xtơ").-315, 316.

A-pô-lông — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là thần mặt trời và ánh sáng, người bảo trợ các ngành nghệ thuật.-315, 316.

A-si-lơ, hoặc A-sin — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là người dũng cảm nhất trong số những anh hùng Hy Lạp vây hãm thành Tơ-roa; một trong những nhân vật chính của trường ca "I-li-át" của Hô-me; theo thần thoại, A-sin bị tử thương vì tên bắn vào gót chân — chỗ yếu duy nhất trên thân thể của chàng.-406.

A-tê-na Pac-tê-nơ — một trong những vị thần chủ yếu trong thần thoại cổ Hy Lạp, là nữ thần chiến tranh và là hiền thần của sự an ninh; được coi là nữ thần bảo hộ Nhà nước A-ten.-315, 316.

Ba-rúc, hoặc *Va-rúc* — tác giả huyền thoại của một trong những cuốn sách của bộ kinh thánh.-676.

Cli-tem-nơ-xtơ-rơ — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là vợ của A-ga-mơ-nông, đã giết chồng sau khi chồng tham gia chiến tranh thành Tơ-roa trở về; nữ nhân vật trong "Ô-rê-xtơ" của E-sin.-315.

Đa-ni-in — nhà tiên tri trong kinh thánh, tác giả thần thoại của một trong những sách của kinh thánh — Kinh Đa-ni-in.-675, 676, 688, 691.

Đô-gơ-bơ-ri (trong các bản dịch tiếng Nga là Nham lê) — nhân vật trong hài kịch

của Sếch-xpia "Ồn ào tử hư không"; thể hiện sự khoác lác, đốt nát và ngu xuẩn của quan lại.-251.

E-đơ-đra, hoặc *E-đơ-ra* — tác giả thần thoại của năm cuốn sách trong bộ kinh thánh.-676.

E-rí-ni — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là các nữ thần báo thù, nữ nhân vật trong các bi kịch của E-sin "Hô-ê-phô-ra" và "Ô-mê-ni-đa" (phần thứ nhất và phần thứ hai của vở kịch ba hồi "Ô-re-xtơ"). -315, 316.

Éc-các-tơ — nhân vật của những truyền thuyết trung cổ Đức, hình tượng con người trung thành, vệ sĩ đáng tin cậy. —135.

Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin — nhân vật chính trong tác phẩm cùng tên của A. X. Pu-skin.—48.

Ê-ghi-xtơ, hoặc *Ê-ghi-phơ* — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là tình nhân của Cli-tem-nc-xtơ-rơ, kẻ đồng mưu giết A-ga-mơ-nông; nhân vật trong các bi kịch của E-sin "A-ga-mơ-nông" và "Hô-ê-phô-ra" (phần thứ nhất và phần thứ hai của vở kịch ba hồi "Ô-re-xtơ". —315.

E-nốc — tác giả thần thoại của cuốn sách còn nghi vấn, cái gọi là sách của E-nốc, không có trong kinh thánh. —676, 688.

Ghê-ốc-ghi — chiến thắng — thánh thần thoại của đạo Cơ Đốc, người chiến thắng rồng. —247, 257, 258.

Gia-vê (Giê-hô-va) — vị thần chủ yếu trong đạo Do Thái. —695.

Giê-đa-ven — theo thần thoại Kinh cựu ước, là nữ hoàng độc tài và tàn nhẫn của Ixra-en, đã tìm cách thay tôn giáo cổ Do Thái bằng việc thờ nữ thần A-xtác-ta (nữ thần phì nhiêu và tình yêu trong thần thoại Phi-ni-xi); tên nàng được dùng trong sách Tân ước Khải thị của thánh Gioan, như là hiện thân của sự trụy lạc và báng bổ thần thánh. —681.

Giê-hô-va — xem Gia-vê.

Gioan — trong thần thoại Cơ Đốc giáo, là một trong những sứ đồ của Ky-tô; theo truyền thống, tác giả Khải thị của Thánh Gioan (Tân thế), một trong những kinh phúc âm giáo luật và một trong ba thông điệp, thực ra do những nhân vật khác nhau viết. —675-683, 685, 688-698.

Giu-đa xứ đô — tác giả huyền thoại của một trong những thông điệp của kinh Tân ước. —676.

Giuy-pi-tơ — trong thần thoại La Mã, là thần sấm tối cao, tương ứng với thần Dớt của Hy Lạp. —666, 697.

I-ê-đê-kin — nhà tiên tri trong kinh thánh. —688.

I-xai-a — tác giả huyền thoại của một trong những sách của bộ kinh thánh. —691, 696.

Ky-tô (Giê-xu Ky-tô) — người sáng lập đạo Cơ Đốc theo thần thoại. —665, 673, 677, 678, 688-690, 694-698.

Mi-kha-in — theo truyền thuyết kinh thánh, là một trong những thiên thần. —691.

Mô-i-đơ — theo truyền thuyết kinh thánh, là nhà tiên tri và nhà lập pháp đã giải phóng người Do Thái cổ khỏi cảnh làm tù binh của Ai-Cập và đem luật lệ lại cho họ. —312, 677.

Ô-re-xtơ — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là con trai của A-ga-mơ-nông và Cli-tem-ne-xtơ-rơ, đã trả thù mẹ mình và E-ghi-xtơ về việc họ giết cha mình; nhân vật trong các bi kịch của E-sin "Hô-ê-phô-ra" và "Ô-mê-ni-đa" (phần thứ hai và thứ ba của vở kịch ba hồi "Ô-re-xtơ"). -315, 316.

Pa-ven — theo truyền thuyết kinh thánh, là một trong những sứ đồ Cơ Đốc giáo. —666, 672, 681.

Pê-rê-grin — nhân vật trong tác phẩm trào phúng của Lu-ki-an "Về cái chết của Pê-rê-grin", là kẻ tinh ma và tên tội phạm lanh lợi, hành nghề với tư cách là nhà truyền giáo.-665-671.

Phan-xáp — nhân vật trong các tác phẩm của Sếch-xpia "Những mụ ngồi lê đôi mách vui tính ở Uyn-đơ" và "Vua Hen-rích IV", là kẻ tán dương khoác lác, hèn nhát và kẻ nghiện rượu.-258.

Tăng-ta-lơ — trong thần thoại cổ Hy Lạp, là vua xứ Li-đi, để trừng trị về tội phỉ báng thần thánh, đã bị kết án chịu khổ ải vĩnh viễn dưới âm phủ: mỗi lần Tăng-ta-lơ muốn ăn uống cho đỡ khát và đói thì nước nơi ông đứng và quả cây treo trên đầu đều biến mất.-666.

Téc-xi-tơ — nhân vật trong "I-li-át" của Hô-me, chiến binh Hy Lạp, tham gia chiến tranh ở thành Tơ-roa được mô tả là người gù thọt chân dũ tợn và miệng lưỡi độc ác.-262.

Va-la-am, hoặc Bi-lê-am theo truyền thuyết kinh thánh, là thuật sĩ Mê-xô-pô-tam, bị Va-lắc bắt phải nguyền rủa người I-xra-en.-679, 681.

Va-lắc, hoặc *Ba-lắc* — theo truyền thuyết kinh thánh, là vua Moa-vit.-679.

Xê-mi-ra-mít — nữ hoàng thần thoại của At-xi-ri nổi tiếng hùng mạnh, có cung điện lộng lẫy và những cuộc phiêu lưu tình ái.-36.

Xi-bi-lơ — một trong những "nữ tiên tri" lang bạt thời cổ, những lời tiên tri mà người ta cho là của bà, được thu thập trong những cái gọi là "Sách Xi-bi-lơ" đã đóng vai trò to lớn trong sinh hoạt tôn giáo của La Mã cổ đại.-676.

BẢN CHỈ DẪN TÊN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"Người truyền tin châu Âu" (Pê-téc-bua).-635.

"Người truyền tin ý dân" (Giơ-ne-vơ).-635.

"Cái chuông" (Luân Đôn, Giơ-ne-vơ).- 90.

"Kỷ sư nước nhà" (Pê-téc-bua).-635.

"Tin tức Nga" (Mát-xcơ-va).-518-522.

"Dân chủ — xã hội" (Xép-li-ê-vô).-601, 808.

"Người dân chủ — xã hội" (Luân Đôn, Giơ-ne-vơ).-21.

"Almanach du Parti Ouvrier" (*"Niên giám* của Đảng công nhân") (Li-lơ).-359, 361.

"American Review" ("Bình luận Mỹ") (Niu-Oóc).-319.

"Arbeiterpresse" ("Báo công nhân") (Bu-đa-pét) xem *"Arbeiter — Wochen — Chronik"*.-

Arbeiter — Wochen — Chronik".- ("Tin tức công nhân hàng tuần") (Bu-đa-pét).-140, 141.

"Arbeiter — Zeitung" ("Báo công nhân") (Viên).-20, 89, 108, 331, 461 594, 608, 611, 648.

"Bee - Hive" ("Bọng ong") (Luân Đôn).- 203.

"Berliner Volksblatt" — xem *"Vorwärts. Berliner Volksblatt"*.

"Berliner Volks — Tribüne" ("Diễn đàn nhân dân Béc-lin").-133, 514, 517.

"The Commonweal" (*"Phúc lợi chung"*) *(Luân Đôn).-599, 476.*

"Concordia. Zeitschrift für die Arbeiterfrage" ("Hòa hiệp. Tạp chí về vấn đề công nhân") (Béc-lin).-147, 150, 151-152, 157, 167, 169, 174-180, 181, 209-213, 217, 218, 234, 236,241, 246, 248, 253-257, 261, 262.

"*Contemporanul*" ("Người đương thời") (I-a-xư).-312, 808.

"*Corriere di Napoli*" ("Người truyền tin Na-pô-li").-536.

"*Critica Sociale*" ("Phê bình xã hội") (Mi-lan).-410, 654, 706-709.

"*Daily Chronicle*" ("Tin nhanh hàng ngày") (Luân Đôn).- 386-388, 803$_i$ 809.

"*The Daily News*" (Tin tức hàng ngày") (Luân Đôn).-159, 160, 189, 240, 269.

"*Daily Telegraph*" ("Tin điện hàng ngày") (Luân Đôn).-159, 160, 189, 268.

"*Deutsche-Brüsseler* – Zeitung" (Báo Bruy-xen-Đức).-502, 512.

"*Deutsch* – *Französische Jahrbücher*" (Niên giám Pháp – Đức) (Pa-ri).-502, 512, 603.

"*Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft and Kunst*" (Niên giám nước Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật" (Lai-pxích).-501.

"*Deutsches Wochenblatt*" ("Tuần báo Đức") (Béc-lin).-269, 270.

"*Le Devenir Social*" ("Phát triển xã hội") (Pa-ri).-699.

"*L'Éclair*" ("Tia chớp") (Pa-ri).- 787, 794.

"*L'Etudiant socialiste* ("Sinh viên – xã hội chủ nghĩa") (Bruy-xen).-613.

"*Le Figaro*" ("Phi-ga-rô") (Pa-ri).-795, 802.

"*The Fortnightly Review*" ("Bình luận bán nguyệt san") (Luân Đôn).-151, 213, 218, 226, 234.

"*The Free Press*" ("Báo tự do") (Luân Đôn).-513.

"*Freie Bühne*" ("Vũ đài tự do") (Béc-lin).-129, 132.

"*Freisinnige Zeitung*" ("Báo tự do tư tưởng") (Béc-lin).-568.

"*Die Gartenlaube*" ("Nhà nghỉ mát") (Lai-pxích).-89.

"*Handwörterbuch der Staatswissenschaften*" ("Sổ tay tra cứu về khoa học – xã hội – chính trị") (I-ê-na).-513.

"*Lotta di classe*" ("Đấu tranh giai cấp") (Mi-lan).-704.

"*The Morning Advertiser*" ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn).-156-160, 171, 189-190, 232, 237, 241, 256.

"*The Morning Herald*" ("Truyền tin buổi sáng") (Luân Đôn).-159, 160, 189, 268.

"The Morning Post" ("Bưu điện buổi sáng") (Luân Đôn).- 159, 160, 189, 268.

"*The Morning Star*" ("Sao mai") (Luân Đôn).-156-160, 171, 181-184, 189-192, 232, 237, 241, 256, 263, 265-266, 267.

"*Le National*" ("Báo Dân tộc") (Pa-ri).- 363.

"*Népszava*" ("Tiếng nói nhân dân") (Bu-đa-pét).-140, 141, 659.

"*Neue Freie Presse*" ("Báo tự do mới") (Viên).-607, 608.

"*Neue Rheinische Zeitung*". Organ der Demokratie" ("Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên).-123, 296, 505, 512.

"*Neue Rheinische Zeitung. Politischökonomische Revue*" ("Báo mới tỉnh Ranh. Tạp chí kinh tế – chính trị") (Luân Đôn, Hăm-buốc).-506, 512, 754.

"*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") (Stút-gát).-21, 144, 270, 291, 329, 333, 356, 476, 495, 496, 523, 576, 648, 661, 711, 713, 782.

"*Newcastle Daily Chronicle*" ("Tin nhanh hàng ngày Niu-ca-xơ") (Luân Đôn).-14.

"*New – York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu-Óoc hàng ngày").-506, 513.

"*Il Parlamento*" ("Nghị viện") (Tu-rin).-538.

"*Le Parti socialiste. Organ du Comité Révolutionaire. Central*" ("Đảng xã hội chủ nghĩa. Cơ quan trung ương của Ủy ban cách mạng")(Pa-ri).- 617.

"*Portfolio*" ("Tập tài liệu") (Luân Đôn).-61.

"*Przedswit*" ("Bình minh") (Luân Đôn).-416.

"*La Réforme*" ("Cải cách") (Pa-ri).-654.

"*Rheinische Zeitung fur Politik, Handel und Gewerbe*" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên).-500, 512.

"*La Riscossa*" ("Giải phóng") (Pa-le-rơ-mô).-706.

"*Sächsische Arbeiter* – Zeitung" ("Báo công nhân Dắc-den") – (Dre-xden).-109, 112, 134.

"*Saturday Reriew of Politics, Literature, Science, and Art*" ("Tạp chí Thứ bảy bàn về những vấn đề chính trị, văn hóa, khoa học và nghệ thuật") (Luân Đôn).-226.

"*Il Secolo*" ("Thế kỷ") (Mi-lan).-535.

"*Sheffield Free Press*" ("Báo chí tự do Sép-phin-đơ") -512.

"*El Socialista*"("Người xã hội chủ nghĩa") (Ma-đrit).-95.

"*Le Socialiste*" ("Người xã hội chủ nghĩa") (Pa-ri).- 95, 139, 273, 358, 418, 598, 655, 802.

"*Der Sozialdemokrat*" ("Người dân chủ-xã hội") (Xuy-rích, Luân Đôn).- 465.

"*Der Sozialdemokrat*" ("Người dân chủ-xã hội") (Béc-lin).- 711, 740.

"*The Standard*" ("Ngọn cờ") (Luân Đôn).-159, 160, 189, 269.

"*Time*"("Thời báo") (Luân Đôn).-21.

"*The Times*" ("Thời báo") (Luân Đôn).-147, 151-166, 170-173, 177, 178, 182, 184, 190, 214, 215, 221-222, 227-232, 236, 237, 239-240, 241, 243, 244, 248, 249-250, 254-258, 262, 263, 265, 266, 268.

"*To Day*" ("Ngày nay") (Luân Đôn).-240-243, 246, 248, 258-259, 263.

"*La Tribuna*" ("Diễn đàn") (Rô-ma).- 410.

"*Das Volk*" ("Nhân dân") (Luân Đôn).-513.

"*Volksfreund*" ("Người bạn dân") (Bruyn-nơ).- 384, 385.

"*Volks-Kalender*" ("Lịch nhân dân") (Brao-svai-gơ).-511.

"*Der Volksstaat*" ("Nhà nước nhân dân") (Lai-pxích).-151, 154, 174, 212, 218, 221-224, 227, 229, 234-238, 241, 251, 254, 256, 261.

"*Volksstimme*" ("Tiếng dân") (Mác-den-buốc).-128, 233.

"*Volks — Tribüne*" — xem "*Berliner Volks — Tribüne*".-

Vorwärts!" ("Tiến lên!") (Pa-ri).-502, 512.

Vorwärts" ("Tiến lên") (Lai-pxích).-424.

"*Vorwärts. Berliner Volksblatt*" ("Tiến lên. Báo nhân dân Béc-lin") (Béc-lin).-14, 115, 136, 137, 308, 466, 499, 528, 540, 547, 592, 611, 645, 710, 711, 747.

BẢN CHỈ DẪN ĐỊA DANH

A

A-bô (điểm dân cư của người Thổ Nhĩ Kỳ)-47.

A-đi-a(tỉnh của La Mã)- 694, 781.

A-đốp, biển-41, 415.

A-đri-a-nô-pôn (E-điếc-nê)-58.

A-đri-a-tích, biển —31.

A-khai-a, tỉnh của La Mã —694.

A-khen-55.

A-lếch-xan-đri -673.

A-mua, điểm dân cư —522.

A-xen - 55.

Ác-ca-đi, tỉnh ở Hy Lạp —697.

Ác-mê-ni-a-72, 76, 667.

Ai Cập-674, 675.

Ai-rơ-len -399, 400, 476, 484, 715, 809.

An-côi -620.

An-đa-xơ, tỉnh —15, 71, 72, 78, 275, 370, 372, 552, 586, 765, 793, 807.

An-đa-lu-đi-a — 621, 715.

An-pơ, núi —707.

Áp-ga-ni-xtan -74.

Ấn Độ -74, 77, 378, 392, 469, 498, 519, 662, 630, 716.

Ay-lau- xem *Proi-xi-xơ-ay-lau* -

B

Ba-đen -296.

Ba Lan -31-34, 39-44, 48-50, 60, 63, 82, 372, 415, 544, 574, 761, 764.

Ba-lơ -513.

Ba-nát -76.

Ba-ni-e-đơ-Luy — sông -387.

Ba Tư (I-ran) —34, 74, 665.

Ba-vi-e -35, 347, 718, 797.

Bắc-xê-lô-na -119.

Bon-căng, bán đảo —30, 31, 58, 61, 71, 75, 578.

Ban-tích, biển —43, 47.

Bảy mũi tên, khu phố ở Luân Đôn —395, 472.

Béc-lin — 61, 72, 83-84,133, 147, 212, 261, 270, 273, 356, 392, 420, 468, 500, 501, 506, 512, 513, 609, 610, 694, 757, 770-774, 801, 803, 804.

Ben-phát -701.

Ben-tơ, eo biển Ben-tơ lớn và Ben-tơ nhỏ —31.

Ben-vin, khu Pa-ri —276, 284.

Bét-xa-ra-bi-a -50, 72, 76.

Bê-lô-ru-xi-a -32, 42.

Bê-nê-ven-tô — 309, 312.

Biển Ca-xpiên — 74.

Biển Ê-gây -81, 601, 694.

Bon -500.

Bô-hêm — xem *Trếc-khi-a*.

Bô-xni-a - 72.

Bô-xpho, eo biển —31, 59, 71-74, 81, 83.

Bô-xtơn -496, 506, 512.

Bốc-minh-hêm -198, 406, 483.

Brao-svai-gơ -511, 517.

Brê-men -804.

Brê-xláp, (Vrốt-xláp)-239.

Brơ-ta-nhơ, tỉnh-505.

Bruy-xen -120, 296, 355, 492, 502, 512.

Bruyn - (Brơ-nô) —385.

Bu-ca-ra, lãnh địa phong kiến —74.

Bu-ca-rét -50.

Bu-đa-pét -140.

Búc, sông —41.

Bun-ga-ri -63, 72, 715, 776, 807.

C

Ca-đi-xơ -620.

Ca-li-phoóc-ni-a -98, 392, 469, 606.

Ca-lít (Cư-đun — Ít-mác), sông — 49.

Ca-mê-nét-xơ (Ca-mê-nét-xơ — Pô-đôn-xki) —573.

Ca-na-đa -348.

Ca-nốt-xa -18.

Ca-xti-li-a -132.

Các-pát -81.

Các-ta-hê-na -621.

Cáp-ca-dơ -26, 30, 60, 793.

Căm-brít-giơ -147, 240, 245, 247,258-259, 263.

Clê-rơ-vô, tinh mới thuộc Pháp- 284.

Coóc-đô-va -620.

Cô-can -74.

Cân-nen-xvin, quận của bang Pen-xin-va-ni ở Mỹ —396, 473.

Cô-pen-ha-ghen -95, 310, 312, 736.

Công-gô -406, 483.

Công quốc vùng Đa-nuýp — xem *Va-la-ki* và *Môn-đô-va*.

Công-xtăng-xi-nô-plơ (Xtam-bun) —24, 30, 43, 47, 52-53, 57-58, 59, 62, 70-81, 83, 379.

Cốp-nơ (Cau-nác) —573.

Cra-cốp -63.

Cre-tơ, đảo —76.

Croi-xnác (Bát — Croi-xnác) —501.

Crôn-stát -377, 788.

Crum -41, 64, 379, 633, 639, 789.

Cúp-phéc-gra-ben, con sông đào —560.

D

Dắc-den -782.

Dắc-den Hạ - 718.

Dem-lin (De-mun), thành phố ở Nam Tư —63.

Dun-đơ (E-rơ-xun), eo biển —31, 75.

Đ

Đa-nuýp, sông —26, 59, 63, 71.

Đác-đa-nen, eo biển —72, 83.

Đác-mơ-stát -462, 465.

Đại Tây Dương -391.

Đảo Xan-đri-ơ-xu — xem quần Đảo Ha-oai.

Đni-ê-pro, sông —26, 49, 574.

Đni-ê-xtơ-rơ, sông —41.

Đông, sông —26.

Đông Phổ, tỉnh —38.

Đông Ru-mê-li, tỉnh —72.

Đre-xđen -112, 296, 770, 805.

Đvi-na (Tây Đvi-na), sông —26, 49, 574.

E

Ê-phê-xơ, một thành phố cổ ở Tiểu Á —681.

Ec-phuốc -47.

En-bơ, sông —581.

En-bơ-phen-đơ (Vúp-pơ-tan) —296.

Ét-sơ (A-đit-giê), sông —586.

G

Ga-li-lây, địa danh lịch sử —674.

Ga-lit (Cu-đun- Ít-mác), sông - 19.

Gát-si-na - 92.

Ghi-xen -462.

Giắc-xác-tơ (Xi-rđ — Da-ri-a), sông —26, 74.

Giê-ru-đa-lem -674, 678, 687, 690, 695.

Giu-đây -690.

Giơ-ne-vơ -90, 95, 99, 310, 515, 516, 627, 635

Giuy-ra, tỉnh —514-517.

Glu-xgô -488, 493, 494.

Gô-lơ, địa danh lịch sử —781.

Gô-ta -142.

Gra-na-đa -620.

H

Ha-lo -142, 262.

Ha-oai, quần đảo —322, 521.

Hai-đen-béc -462.

Hai-nơ-phen - 330.

Hắc Hải -26, 31, 43, 74, 81, 415, 601.

Hăm-buốc -110, 392, 468, 505, 513, 517, 755.

Hê-lc-xpôn-tơ (Dác-đa-nen-la) eo biển —666.

Hê-oóc-Tê-pơ -74.

Hin-đu-cu-sơ, núi —74.

Hôn-xtai-nơ -669.

Hốt-mê-đi-ô-va-xắc-khây, thành phố ở Hung-ga-ri —659.

Huê-rơ-béc-xđoóc -129.

Huê-xtơ -465.

Hung-ga-ri -61-62, 68, 296, 402, 415, 479, 544, 658.

Hy Lạp -675.

I

I-đơ-lôn -296.

I-ê-na -47, 69, 583.

I-xra-en -676, 679.

I-xtơ En-đơ, khu vực phía Đông Luân Đôn —101-102, 103, 106, 404, 408, 458, 481, 486, 487.

I-xtơ-boóc-nơ -703.

Ít-xi pháo đài —284.

K

Khắc-cum -665.

Khi-va, hãn quốc - 74.

Khuên -500, 501, 502, 506, 512, 581.

Kit-nốc (Tếc-mi-a) quần đảo ở biển Ê-giê —694.

L

La Hay -117, 143, 310, 355, 508, 517.

La Mã -533, 634, 673-676, 682, 691-694, 708.

La-Măng-sơ, eo biển —216.

Lai-bắc (Liu-bli-an) —55.

Lai-pxích -49.

Lan-kê-xia, công quốc ở Anh —393, 469, 497.

Li-lơ -387, 424.

Li-vớc-pun -116.

Lô-đan -669.

Lô-ren-nơ, tỉnh —15, 71, 72, 78, 275, 370, 372, 586, 765, 794, 807.

Luân Đôn -56, 89, 95, 99-103, 110, 115, 136-140, 144, 159, 195, 203, 212-213, 216-219, 220, 224, 228, 242, 260, 262, 264, 272, 291-295, 308, 310, 329, 330, 384, 387, 389, 408-409, 416, 417, 419, 460, 463-467, 506, 512-514, 545, 550, 593, 595, 597, 601, 613, 655-658, 708, 711, 749, 750.

Luy-bếch - 804.

Luy-nê-vin -44.

M

Ma-đrít -95, 310, 512, 599, 702.

Ma-la-ga -620.

Mác-na, sông —377.

Mác-xây -494, 721.

Mai-nơ, tỉnh ở Pê-lô-pôn-nét —697.

Man-sc-xtơ -406, 463, 465, 468, 483.

Mát-xcơ-va -30, 49, 414.

Méc-xơ (Ma-ra) —74.

Mét-xơ -279, 283.

Mê-men (Nê-man), sông —586.

Mê-nin-mông-tăng, khu vực ở Pa-ri —284.

Mếch-clen-buốc -718, 777.

Mi-đơn-xbô-rơ -487.

Mi-khai-lốp-xki, tỉnh mỏi ở vùng duyên hải biển Ca-xpiên —74.

Mi-la-nô -294, 543, 757.

Mô-den, sông —500, 512, 628.

Mô-rê-a — xem Pê-lô-pôn-nét.

Môn-đa-vi-a (Môn-đô-va) —47, 56-57, 59, 61, 63.

Măng-mác-tơ-rơ, quận ở Pa-ri —418.

Mu-lanh-Xa-kê, đồn —284.

Mu-rơ-xi-a, tỉnh ở Tây Ban Nha — 620.

N

Na-va-rin (Pi-lốt) —58.

Năng-tơ -710, 723, 740.

Ni-cô-la-ép-xcơ (Ni-cô-la-ép-xcơ trên sông A-mua) —523.

Ni-cô-nê-đi (I-đô-mít) -782.

Niu-La-mác-cơ -631.

Niu-Óóc -329, 391, 506, 508, 512.

Noóc-cáp mũi đất —465.

Noi-ê trên sông Xen (Noi-i) —283.

O

Oa-sinh-tơn -329.

Oa-téc-lô -775.

Oen-xơ -199.

Oóc-tô-va -63.

Ô-xtéc-lit (Xláp-cốp) —46.

Óc-xu-xơ (A-mu-Đa-ri-a), sông —26, 74.

Ót-ten-đen, quận của tỉnh An-tôn (nay là quận của tỉnh Hăm-buốc) — 805.

Ơ-phrát, sông —694.

Ót-xơ-tây-li-a -322, 348, 392, 469, 607, 5-

P

Pa-le-xtin -667, 673.

Pa- ri – 41, 50, 56, 68, 73, 86, 99, 101, 103, 252, 272, 273, 276, 279-288, 291, 356, 374, 417, 418, 448, 449, 502, 506, 526, 528, 578, 583, 604, 611, 681, 715, 761, 766, 770-774.

Pa-ri-i, thành phố cổ ở Tiểu Á —666, 688.

Pát-mốt, đảo ở biển Ê-giê —694.

Péc-ham, vương quốc cổ xưa ở Tiểu Á —682.

Pê-lô-pôn-nét, bán đảo -697.

Pê-téc-bua (Lê-nin-grát) —30, 38, 43, 356.

Phăn Lan -43, 47, 50.

Phi-la-đen-phi-a, thành phố cổ ở Ai Cập — 678, 681, 688.

Phi-la-đen-phi-a, thành phố ở Mỹ —469.

Phlan-đrơ, địa danh lịch sử —586.

Phố -33, 35, 38-42, 45, 49, 50, 62, 64, 69, 70, 73, 86, 275, 344, 347, 373, 527, 552, 555, 567, 574, 715, 718, 744, 745, 762, 764.

Phran-phuốc trên sông Mai-nơ —430, 502, 512, 552, 710.

Phri-đrích-xơ-ham -43.

Phrit-lan-đơ (Pơ-ráp-đin-xcơ) —47.

Pi-rê-nê, dãy núi —387.

Plép-na (Plê-ven) —76, 798.

Pphan-xơ -296.

Pra-ha -586.

Proi-xi-ơ — Ay-lan (Ba-gra-ti-ô-nốp-xcơ) —47.

Prút, sông —26, 58, 63.

R

Ranh, sông —19, 44, 55, 58, 279, 373, 500, 512, 611, 692, 719.

Rô-sc-xtơ -329.

Ru-ma-ni -71.

S

Săm-pa-nhơ, tỉnh —552, 582.

Sép-phin -513.

Si-ca-gô -

Slê-đơ-vích - 372, 373, 586.

Slê-đơ-vích — Hôn-stai-nơ —718.

Spi-khéc-nơ —554.

Stút-gát -496, 512, 634, 805.

T

Ta-gan-rốc -57.

Ta-sken -74.

Téc-mi-a -xem *Kít-nốt*

Tê-sen (Xê-sin) —41, 45, 46.

Thái Bình Dương -519.

Thuy-rinh-ghen -347.

Ti-a-ti-ra, thành phố cổ ở Tiểu Á —681.

Tiểu Á -31, 675, 694, 695.

Tiểu Ai-ro-len -395, 472.

Tiểu Nga – xem *U-cra-i-na*

Tin-đít (Xô-viết-xcơ) –47-49, 374.

Tỉnh Mát-xcơ-va -639.

Tỉnh Vla-đi-mia -639.

Tơ-ria -500.

Tơ-rốp-pan (O-pa-va) –55.

Trác-giui (Trác-giâu) –74.

Tréc-khi-a -545.

Tréc-nô-gộ-rí -71.

Trung Quốc -393, 453, 497.

Trung- Vin-nhút - 626.

Tuốc-kê-xtan -74.

U

U-cra-i-na -32, 42.

Un-ki-đc-I-xkê-lê-xi -59-60.

V

Va-đi-tơ (Bo), tổng ở Thụy Sĩ –669.

Va-gram -775.

Va-la-ki -47, 56, 59, 61, 63.

Va-len-xi-a, tỉnh ở Tây Ban Nha –620,621.

Vác-sa-va -60, 62-63.

Van-vơ, pháo đài –284.

Ve-xtơ-pha-li -33.

Vét-xây -281-282, 417.

Vê-rô-na -55.

Vi-xla, sông –26, 373, 574.

Viên -50, 61, 62, 83, 86, 100, 606-609, 757, 770.

Vin-hem-huê-ơ -279.

Vịnh Phần Lan - 415.

Vla-đi-mia -415.

Vôn-ga, sông –26.

Vuê-thơ -554.

Vùng Pri-ban-tích -639.

Vuyê-xem-bêc -347.

X

Xa-kha-lin, đảo –518, 520, 523.

Xa-mác-căng -74.

Xa-mô-xa-ta (Xam-xát), thành phố ở Xi-ri –666.

Xa-ro-grát – xem *Công-xtăng-ti-nô-plơ*.

Xan-Xtê-pha-nô (E-sin-côi) –71.

Xao-tơ-poóc-tơ -406.

Xcôt-len -441, 622.

Xtec-bi -71.

Xen, sông –283, 377.

Xê-đăng -279, 283, 371, 807.

Xê-mi-grát-đi (Tô-ran-xin-va-ni-a), tỉnh của Ru-ma-ni -76.

Xê-va-xtô-pôn -65.

Xê-vi-li-a - 620.

Xi-bia -98.

Xi-vi -668, 675.

Xi-xin, đảo –685, 706, 715.

Xin-rếc-tao, quận ở khu I xtơ En-đơ Luân Đôn —102.

Xmiếc-na (I-đơ-mia) —678, 681.

Xô-đi-man-nô-vơ (Xu-lây-man-nô-vơ), dãy núi —76.

Xôn-pho-đơ, ngoại ô thành phố Man-se-xtơ —488.

Xpác-tơ -708.

Xtáp-phót-sia, tỉnh ở Anh —406.

Xtốc-khôm -47.

Xtơ-ra-xbua -239.

Xu-ôn-xi -97.

Xuy-rích -296, 465, 492, 493, 506, 512, 603, 609.

MỤC LỤC[1*]

Lời Nhà xuất bản. 7

*NHỮNG CUỘC BẦU CỬ NĂM 1890 Ở ĐỨC 9

TIẾP THEO SẼ LÀ GÌ? 15

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CHẾ ĐỘ NGA HOÀNG 21

I 23

II 38

III 52

BÀN VỀ CHỦ NGHĨA BÀI DO THÁI (Trích thư gửi một cá nhân ở Viên). 86

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ĐỨC "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" NĂM 1890. 90

NGÀY 4 THÁNG NĂM Ở LUÂN ĐÔN. 100

PHÁC THẢO THƯ TRẢ LỜI BAN BIÊN TẬP BÁO "SÄCHSISCHE ARBEITER- ZEITUNG". 109

TRẢ LỜI BAN BIÊN TẬP TỜ "SÄCHSISCHE ARBEITER- ZEITUNG". 112

ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN QUỐC TẾ NĂM 1891. 116

1*. Dấu hoa thị là chỉ những đầu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước kia) đặt ra.

THƯ TỪ BIỆT CÁC ĐỘC GIẢ CỦA TỜ "SOZIALDEMOKRAT" 122

TRẢ LỜI NGÀI PA-UN ÉC-NÔ-XTÔ 128

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "BERLINER VOLKSBLATT" 137

GỬI HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC ĐẢNG CÔNG NHÂN PHÁP 138

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "ARBEITER - WOCHEN - CHRONIK" VÀ BÁO "NÉPSZAVA". Bu-đa-pét 140

LỜI TỰA VIẾT CHO TÁC PHẨM CỦA MÁC "PHÊ PHÁN CƯƠNG LĨNH GÔ-TA" 142

BREN TA-NÔ CONTRA MÁC. Về cái gọi là xuyên tạc đoạn trích dẫn. Lịch sử vấn đề và tư liệu 145

I 150

II 156

III 162

IV 169

V 174

VI 181

VII 188

TƯ LIỆU 203

1. Những câu trích dẫn bị buộc tội 203

Số 1. Tuyên ngôn thành lập 203

Số 2. "Tư bản". Mác. "Tư bản", tập thứ nhất, xuất bản lần thứ ba 205

II. Bren-ta-nô và Mác 209

Số 3. Lời buộc tội. "Concordia", số 10, ngày 7 tháng Ba 1872 209

Số 4. Bài trả lời của Mác. "Volksstaat" số 44, thứ bảy, ngày 1 tháng Sáu 1872 211

Số 5. Bài phản bác của tác giả nặc danh. "Concordia", số 27, ngày 4 tháng Bảy 1872 217

Số 6. Bài trả lời thứ hai của Mác. "Volksstaat", số 63, ngày 7 tháng Tám 1872 223

Số 7. Bài phản bác thứ hai của tác giả nặc danh. "Concordia", số 34, ngày 22 tháng Tám 1872 234

III. Xét-li Tay-lo và Ê-lê-ô-no-ra Mác 239

Số 8. Sự công kích của X.Tay-lo. "Times", ngày 29 tháng Mười một 1883 239

Số 9. Bài trả lời của Ê-lê-ô-no-ra Mác. "To-day", tháng Hai 1884 240

Số 10. Lời phản bác của Tay-lo. "To-Day", tháng Ba 1884 243

Số 11. Bài trả lời thứ hai của Ê-lê-ô-no-ra Mác. "To-Day", tháng Ba 1884 246

IV. Ăng-ghen và Bren-ta-nô 252

Số 12. Trích lời tựa của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản thứ tư tập I bộ "Tư bản" của Mác 252

Số 13. Bài trả lời của Bren-ta-nô "Cuộc bút chiến của tôi với Các Mác" 260

Số 14. Trích phụ lục cho bài trả lời của Bren-ta-nô 264

Số 15. Trích các bài tường thuật của báo chí Luân Đôn ngày 17 tháng Tư 1863 về các phiên họp nghị viện 268

Số 16. Glát-xtơn — Bren-ta-nô "Deutsches Wochenblatt" số 49, ngày 4 tháng Chạp 1890 269

Số 17. Bài Ăng-ghen trả lời số 16. "Neue Zeit", số 13, 1891 270

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 20 CÔNG XÃ PA-RI 272

LỜI NÓI ĐẦU VIẾT CHO TÁC PHẨM CỦA C.MÁC "NỘI CHIẾN Ở PHÁP" 274

VỀ VẤN ĐỀ XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG TÂY BAN NHA QUYỂN SÁCH CỦA C.MÁC "SỰ KHỐN CÙNG CỦA TRIẾT HỌC". (Thư gửi Hô-xê Mê-xa) 292

GỬI BAN TỔ CHỨC CUỘC MÍT-TINH QUỐC TẾ Ở MI-LA-NÔ ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN LAO ĐỘNG 294

LỜI NÓI ĐẦU VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN LẺ TÁC PHẨM CỦA C.MÁC "LAO ĐỘNG LÀM THUÊ VÀ TƯ BẢN" NĂM 1891 296

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ TƯ BẰNG TIẾNG ĐỨC TÁC PHẨM "SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ KHÔNG TƯỞNG ĐẾN KHOA HỌC" 309

VỀ LỊCH SỬ GIA ĐÌNH NGUYÊN THỦY (BẮC-HÔ-PHEN, MÁC-LEN-NẠN, MOÓC-GAN). Lời tựa cho lần xuất bản thứ tư bằng tiếng Đức cuốn "Nguồn gốc [illegible] gia đình, [illegible] chế độ tư hữu và [illegible]. Nhà nước" 311

LỜI CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG ÁO 330

GÓP PHẦN PHÊ PHÁN DỰ THẢO CƯƠNG LĨNH NĂM 1891 CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ – XÃ HỘI 333

I. TRÌNH BÀY NHỮNG LÝ DO THÀNH MƯỜI ĐIỀU 335

II. NHỮNG YÊU SÁCH CHÍNH TRỊ 343

III. NHỮNG YÊU SÁCH KINH TẾ 351

PHỤ LỤC CHO PHẦN I 352

VỀ ĐẠI HỘI BRUY-XEN VÀ VỀ TÌNH HÌNH Ở CHÂU ÂU (trích thư gửi P.La-phác-gơ) 355

Đại hội Bruy-xen 355

Tình hình ở châu Âu 356

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở ĐỨC 359

I 363

II 370

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "VOLKSFREUND" 384

THƯ KÈM THEO LỜI TUYÊN BỐ GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "DAILY CHRONICLE" 386

VỀ BÀ MÁC ĐÃ QUÁ CỐ. Gửi chủ bút báo "Daily Chronicle" 387

GỬI NHÓM CA SĨ CỦA HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN PHỐ TỐT-TEM-HEM 389

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ANH CUỐN "TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH" NĂM 1892 391

TRẢ LỜI ÔNG GIÔ-VAN NI BÔ VI Ô DÁNG KÍNH 410

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG BA LAN "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" NĂM 1892 414

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 21 CÔNG XÃ PA-RI 417

NHẬN XÉT MỞ ĐẦU VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI BẰNG TIẾNG ĐỨC TÁC PHẨM CỦA C. MÁC "SỰ KHỐN CÙNG CỦA TRIẾT HỌC" 419

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG ANH TÁC PHẨM "SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ KHÔNG TƯỞNG ĐẾN KHOA HỌC" 420

GỬI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA ĐẢNG ÁO 460

CÁC SOÓC-LEM-MƠ 462

LỜI TỰA VIẾT CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI BẰNG TIẾNG ĐỨC NĂM 1892 TÁC PHẨM "TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH" 467

*. VỀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ NƯỚC ANH 490

GỬI HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC ĐẢNG CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TÂY BAN NHA 492

CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG Ở MỸ 495

MÁC, HEN-RÍCH CÁC 500

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "BERLINER VOLKS-TRIBUNE" 514

MỘT TRƯỜNG HỢP MỚI PHÁT HIỆN VỀ QUẦN HÔN 518

GỬI BAN LÃNH ĐẠO ĐẢNG DÂN CHỦ – XÃ HỘI HUNG-GA-RI 524

VỀ THỦ ĐOẠN VỪA RỒI CỦA CẢNH SÁT PA-RI 526

VỀ VỤ BÊ BỐI Ở I-TA-LI-A 529

I 529

II 532

III 536

GỬI ĐỘC GIẢ I-TA-LI-A. Lời tựa viết cho bản tiếng I-ta-li-a "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1893 543

CHÂU ÂU CÓ THỂ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ HAY KHÔNG? 547

LỜI TỰA 549

I 551

II 554

III 560

IV 566

V 570

VI 575

VII 580

VIII 584

GỬI CÔNG NHÂN ĐỨC NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893. 590

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN ÁO NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893. 593

GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ SÉC NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM . Hồi ức từ thời năm 1848. 595

BẤT CHẤT TẤT CẢ. Lời chào mừng công nhân Pháp nhân ngày 1 tháng Năm 1893. 597

GỬI CÔNG NHÂN TÂY BAN NHA NHÂN NGÀY 1 THÁNG NĂM 1893. 599

GỬI BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ BUN-GA-RI "NGƯỜI DÂN CHỦ – XÃ HỘI". 601

DIỄN VĂN TRONG BUỔI BẾ MẠC ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở XUY-RÍCH NGÀY 12 THÁNG TÁM 1893. Biên bản 603

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ DÂN CHỦ – XÃ HỘI Ở VIÊN NGÀY 14 THÁNG CHÍN 1893. Tường thuật trên báo. 606

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ DÂN CHỦ – XÃ HỘI Ở BÉC-LIN NGÀY 22 THÁNG CHÍN 1893. Tường thuật trên báo. 609

GỬI HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN. 612

GỬI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ CÁC SINH VIÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. 613

LỜI TỰA VIẾT CHO VĂN TẬP "NHỮNG BÀI VIẾT VỀ CÁC ĐỀ TÀI QUỐC TẾ ĐÃ ĐĂNG TRÊN BÁO "VOLKSSTAAT" (1871-75)". 615

NHẬN XÉT BƯỚC ĐẦU VỀ BÀI BÁO "PHÁI BA-CU-NIN TRONG HÀNH ĐỘNG". 620

LỜI BẠT VIẾT CHO TÁC PHẨM "VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở NGA". 622

BỘ "TƯ BẢN" CỦA MÁC. TẬP THỨ BA. 644

* VỀ NỘI DUNG TẬP THỨ BA BỘ "TƯ BẢN". 646

CUỘC CÁCH MẠNG TƯƠNG LAI Ở I-TA-LI-A VÀ ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. 649

GỬI HỘI ĐỒNG TOÀN QUỐC ĐẢNG CÔNG NHÂN PHÁP NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 23 CÔNG XÃ PA-RI. 655

GỬI ĐẠI HỘI LẦN THỨ TƯ ĐẢNG Ô. 656

GỬI BAN LÃNH ĐẠO ĐẢNG DÂN CHỦ -XÃ HỘI HUNG-GA-RI NHÂN DỊP ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ BA. 658

BÀN VỀ LỊCH SỬ ĐẠO CƠ ĐỐC SƠ KỲ. 661

I 663

II 672

III 685

GỬI CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TỔ CHỨC CÔNG NHÂN ANH. 701

GỬI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG I-TA-LI-A. (Thư gửi C.Đen-ga-van-lê). 703

LỜI CHÀO MỪNG NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XI-XIN. 705

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI QUỐC TẾ VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I-TA-LI-A (Thư gửi ban biên tập tạp chí "Critica Sociale"). 707

THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "VORWÄRTS". 710

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN Ở PHÁP VÀ Ở ĐỨC. 713

I 718

II 734

VỀ TẬP THỨ TƯ BỘ "TƯ BẢN" CỦA MÁC. 747

GỬI HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN. 749

LỜI CHÀO MỪNG CÔNG NHÂN ÁO NHÂN DỊP BÁO "ARBEITER – ZEITUNG" RA HÀNG NGÀY. 750

LỜI NÓI ĐẦU VIẾT CHO TÁC PHẨM "ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP TỪ 1848 ĐẾN 1850" CỦA C. MÁC. 752

GỬI BAN CHẤP HÀNH HỘI GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN CỦA CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN. 783

GỬI BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỘC LẬP. 784

PHỤ LỤC

Ph.Ăng-ghen trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Pháp "L'Eclair" ngày 1 tháng Tư 1892. 787

Ph.Ăng-ghen trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Pháp "Le Figaro" ngày 11 tháng Năm 1893. 795

Ph.Ăng-ghen trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Anh "Daily Chronicle" cuối tháng Sáu 1893. 803

Chú thích 813

Thân thế và sự nghiệp của Ph.Ăng-ghen. 970

Bản chỉ dẫn tên người. 1035

Bản chỉ dẫn tên xuất bản phẩm định kỳ. 1079

Bản chỉ dẫn địa danh. 1083

PHỤ BẢN

Bìa của tờ tạp chí "Người dân chủ-xã hội" trong đó có đăng chương I bài của Ph.Ăng-ghen "Chính sách đối ngoại của chế độ Nga hoàng" ... 26-27

Bìa phụ của bản in bằng tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" năm 1890. 93

Trang đầu bản thảo của Ph.Ăng-ghen "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh năm 1891 của Đảng dân chủ – xã hội". 337

Hai trang của bản tiếng Ba Lan "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản năm 1892 có Lời tựa của Ph.Ăng-ghen. 414-415

Bìa phụ bản in bằng tiếng Anh tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" năm 1892 có Lời tựa của Ph.Ăng-ghen. 421

Danh mục các tác phẩm của C. Mác do Ph.Ăng-ghen lập. 503

Danh mục các tác phẩm của Ph.Ăng-ghen do chính ông lập. 509-510

Bìa phụ bản in bằng tiếng I-ta-li-a "Tuyên ngôn của đảng cộng sản" xuất bản năm 1893. 541

Bìa phụ của cuốn sách mỏng do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản có lời bạt của Ph.Ăng-ghen viết cho tác phẩm của ông "Về vấn đề xã hội ở Nga". 623

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THÚC HUỲNH

Biên tập : LÊ XUÂN TIỀM
HỒ SỸ MINH

Sửa bài : BAN SÁCH KINH ĐIỂN

Trình bày: CAO QUÝ

Bìa: NGHIÊM XUÂN THÀNH